**TUẦN 1**

*Thứ hai ngày 6 tháng 9 năm 2021*

***Tiết 1:* TOÁN**

**ÔN TẬP CÁC SỐ ĐẾN 100 000**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức**

- Đọc, viết được các số đến 100 000.

- Biết phân tích cấu tạo số .

**2. Kĩ năng**

- Rèn kĩ năng đọc và viết số, phân tích cấu tạo số

**3. Phẩm chất**

- HS có Phẩm chất học tập tích cực, cẩn thận.

**4. Góp phần phát triển năng lực:** Năng lực tự học, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL tư duy - lập luận logic, NL quan sát,...

\*Bài tập cần làm: Làm BT 1, 2, 3a (Viết được 2 số), b (dòng 1)

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- GV : Bài giảng pp.

- HS: sách, vở.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC;**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - Chơi trò chơi "Chuyền điện"  + Cách chơi: đọc nối tiếp ngược các số tròn chục từ 90 đến 10. | **1. Khởi động:** *(3p)*  - Tổng kết trò chơi  - Dẫn vào bài mới |
| **2. Hoạt động thực hành***:(30p)*  **\* Mục tiêu:**  - Đọc, viết được các số đến 100 000.  - Biết phân tích cấu tạo số .  **\* Cách tiến hành:** | |
| **Cá nhân – Lớp**  - HS nêu yêu cầu của bài  *+ Ứng với mỗi vạch là các số tròn nghìn*.  - HS tự làm bài vào vở  - Đối chiếu với kết quả trên màn hình để KT  - HS tự tìm quy luật và viết tiếp.  ***\* Đáp án***:  36 000; 37 000; 38 000; 39 000; 40 000; 41 000; 42 000  **Cá nhân – Lớp**  - 2 HS phân tích mẫu.  - HS làm bài cá nhân – Chia sẻ lớp      **Cá nhân – Lớp**  - HS phân tích mẫu.  - HS làm cá nhân – Chia sẻ lớp  a) 9171 = 9000 + 100 + 70 + 1(....)  b) 7000 + 300 + 50 + 1= 7351 (...)  - Ghi nhớ nội dung bài học  **3. Hoạt động vận dụng *(2p)*** | **Bài 1**: Gọi Hs nêu yêu cầu.  a, Hư­ớng dẫn Hs tìm quy luật.  b, Viết số thích hợp vào chỗ chấm :  - Chữa bài, nhận xét.  **Bài 2**: Gv hiển thị lên màn hình  - Chốt cách viết số, đọc số và phân tích cấu tạo số  **Bài 3**:  a, Viết mỗi số sau thành tổng (theo mẫu)  M : 8723 = 8000 + 700 + 20 + 3  - Chữa bài, nhận xét.  b, Viết theo mẫu:  M : 9000 + 200 + 30 + 2 = 9232  - Chữa bài, nhận xét, chốt cách tính chu vi |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

***Tiết 2:* TOÁN**

**ÔN TẬP CÁC SỐ ĐẾN 100 000 (tiếp theo)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức**

- Thực hiện được phép cộng, phép trừ các số có đến 5 chữ số; nhân (chia) số có đến năm chữ số với (cho) số có một chữ số.

- Biết so sánh, xếp thứ tự (đến 4 số) các số đến 100 000.

**2. Kĩ năng**

- Củng cố kĩ năng tính toán, so sánh và sắp thứ tự các số tự nhiên

**3. Phẩm chất**

- Tích cực, tự giác học bài, có tinh thần trách nhiệm

**4. Góp phần phát huy các năng lực**

**-** Năng lực tự học, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL tư duy - lập luận logic, NL quan sát,...

\* BT cần làm: Bài 1 (dòng 1,2), bài 2 (cột b), bài 3 (cột 2).

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- GV: Bài giảng pp.

- HS: VBT, SGK.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của HS** | **Hoạt động của GV** |
| - HS chơi | **1. Khởi động *(5p)***  - Trò chơi: Ai nhanh, ai đúng?  - GV hiển thị các số lên màn hình, yêu cầu HS sắp xếp theo thứ tự từ bé đén lớn (lớn đến bé)  - TK trò chơi, nêu lại cách sắp thứ tự |
| **2. Hoạt động thực hành** (28p)  **\* Mục tiêu**:  - Thực hiện được phép cộng ,phép trừ các số có đến 5 chữ số; nhân (chia) số có đến năm chữ số với (cho) số có một chữ số .  - Biết so sánh, xếp thứ tự (đến 4 số) các số đến 100 000.  **\* Cách tiến hành** | |
| - HS chơi trò chơi Truyền điện  **\* Đáp án:**  7000 + 2000 = 9000;  9000 – 3000 = 6000 ;  8000 x 3 =24000 ;  16000:2 = 8000  **Cá nhân - Lớp**  - HS làm bài cá nhân vào vở  - Chia sẻ kết quả  ***\*Đáp án:***  5916 6471  + 2358 - 518 (...)  8274 5953  ***Cá* nhân - Cả lớp**  - Hs đọc đề bài.  - HS làm cá nhân – Chia sẻ kết quả  VD: 28676 = 28676 vì hai số cùng có các chữ số ở các hàng đều giống nhau  - Nắm lại kiến thức của tiết học  **3. Hoạt động vận dụng** *(2p)* | **Bài 1**: Tính nhẩm.  - Tổng kết trò chơi, chốt cách tính nhẩm  **Bài 2b (*HSNK làm cả bài):***  - GV nhận xét, đánh giá bài làm trong vở của HS  - GV chốt cách đặt tính và thực hiện phép tính cộng, trừ, nhân, chia  **Bài 3 *(cột 2) HSKG làm cả bài***    - Chữa bài, nhận xét, chốt cách so sánh các số nhiều chữ số  **Bài 4 *(HSKG làm cả bài)*** |

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

***Tiết 3:* TẬP ĐỌC**

**DẾ MÈN BÊNH VỰC KẺ YẾU**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức**

- Hiểu được nghĩa một số từ ngữ khó trong bài: *cỏ xước, nhà trò, bự, thâm*,...

- Hiểu ND bài : Ca ngợi Dế Mèn có tấm lòng nghĩa hiệp - bênh vực người yếu.

**2. Kĩ năng**

- Đọc rành mạch, trôi chảy biết đọc phân biệt lời các nhân vật, bước đầu đọc diễn cảm được một đoạn trong bài.

**3. Phẩm chất:** yêu quý các con vật.Giáo dục HS biết bảo vệ lẽ phải, hợp tác tốt.

**4. Góp phần phát triển năng lực**

**-** Năng lực tự học, NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ,...

*\** ***GDKNS:*** *Thể hiện sự cảm thông; xác định giá trị; tự nhận thức về bản thân.*

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- GV: Bài giảng pp.

- HS: SGK, vở,..

**III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của HS** | **Hoạt động của GV** |
| - HS cùng hát  - Quan sát tranh và lắng nghe | **1. Khởi động:** *(3p)*  **-** HS cùng hát: Lớp chúng ta đoàn kết  - GV giới thiệu chủ điểm *Thương người như thể thương thân*  và bài học |
| **2. Khám phá:** *(8-10p)*  **\* Mục tiêu:** HS biết nhận diện đoạn văn, đọc đúng, đọc rành mạch, trôi chảy và giải nghĩa được một số từ ngữ.  \* **Cách tiến hành:** | |
| - 1 HS đọc bài, cả lớp đọc thầm  - HS lắng nghe  - Lớp trưởng nêu cách chia đoạn  - Bài có 4 đoạn:  + Đoạn 1: Hai dòng đầu  + Đoạn 2: Năm dòng tiếp theo.  + Đoạn 3: Năm dòng tiếp theo.  + Đoạn 4: Phần còn lại.  - HS đọc nối tiếp đoạn trong nhóm lần 1 và phát hiện các từ ngữ khó (*cỏ xước, tỉ tê, nhà trò, tảng đá cuội, lột, ngắn chùn chùn, nức nở),...*  - Luyện đọc từ khó: Đọc mẫu (M4)-> Cá nhân (M1)-> Lớp  - Giải nghĩa từ khó (đọc chú giải)  - HS đọc nối tiếp đoạn lần 2 theo điều khiển của GV.  - 1 HS đọc cả bài (M4) | - Gọi 1 HS đọc bài (M3)  - GV lưu ý giọng đọc cho HS: Giọng đọc chậm rãi khi thể hiện sự đáng thương của chị Nhà Trò, giọng dứt khoát, mạnh mẽ khi thể hiện lời nói và hành động của Dế Mèn  - GV chốt vị trí các đoạn:  - Lưu ý sửa lỗi đọc và ngắt nghỉ cho các HS (M1) |
| **3.Thực hành:** *(8-10p)*  **\* Mục tiêu:** HS hiểu được nội dung bài học, nêu được nội dung đoạn, bài.  **\* Cách tiến hành: *Làm việc cá nhân –Chia sẻ trước lớp***  **Hoạt động cá nhân –cả lớp** | |
| - 1 HS đọc các câu hỏi cuối bài  - HS TL  + Dế Mèn đi qua một vùng cỏ xước thì nghe tiếng khóc tỉ tê, lại gần thì thấy chị Nhà Trò gục đầu khóc bên tảng đảng đá cuội.  1. Hoàn cảnh Dế Mèn gặp Nhà Trò  + Thân hình chị bé nhỏ, gầy yếu .  + Cánh chị mỏng ngắn chùn chùn, quá yếu lại chưa quen mở.  + Dế Mèn thể hiện sự ái ngại, thông cảm đối với chị Nhà Trò.  2. Hình dáng yếu ớt, tội nghiệp của chị Nhà Trò  + Trước đây mẹ Nhà Trò có vay lương ăn của bọn Nhện chưa trả được thì đã chết. Nhà Trò ốm yếu kiếm ăn không đủ. Bọn Nhện đã đánh Nhà Trò, hôm nay chăng tơ ngang đường dọa vặt chân, vặt cánh ăn thịt.  + Thấy tình cảnh đáng thương của Nhà Trò khi bị Nhện ức hiếp.  + Trước tình cảnh ấy, Dế Mèn đã xòe càng và nói với Nhà Trò: Em đừng sợ. Hãy trở về cùng với tôi đây. Đứa độc ác không thể cậy khỏe ăn hiếp kẻ  với tôi đây. Đứa độc ác không thể cậy khoẻ ăn hiếp kẻ yếu.  + Cử chỉ: Phản vận mạnh mẽ xoà cả hai càng ra, dắt Nhà Trò đi.  3. Dế Mèn có tấm lòng nghĩa hiệp.  \* Nội dung: Ca ngợi Dế Mèn có tấm lòng nghĩa hiệp ,sẵn sàng bênh vực kẻ yếu, xoá bỏ những bất công  - HS ghi vào vở – nhắc lại ý nghĩa  - 1 HS nêu. 1 HS đọc lại toàn bài  - HS luyện đọc diễn cảm đoạn 2  + Thi đọc trước lớp.  - Lớp nhận xét, bình chọn.  - HS nêu bài học của mình (phải dũng cảm bảo vệ lẽ phải, phải bênh vực người yếu,...) | - Yêu cầu đọc các câu hỏi cuối bài.  - GV hỗ trợ HS trả lời  *+ Dế Mèn gặp Nhà Trò trong hoàn cảnh như thế nào?*  *=>Nội dung đoạn 1?*  *+ Những chi tiết cho thấy chị Nhà Trò rất yếu ớt?*  *+ Dế Mèn đã thể hiên tình cảm gì khi gặp chị Nhà Trò?*  *=> Đoạn 2 nói lên điều gì?*  *+Tại sao Nhà Trò bị Nhện ức hiếp?*  *+ Qua lời kể của Nhà Trò chúng ta thấy được điều gì?*  *+ Trước tình cảnh đáng thương của Nhà Trò, Dế Mèn đã làm gì?*  *+ Những lời nói và cử chỉ nào nói lên tấm lòng nghĩa hiệp của Dế Mèn?*  *=> Lời nói và cử chỉ đó cho thấy Dế Mèn là người như thế nào?*  \* Nêu nội dung bài  - GV tổng kết, nêu nội dung bài  - Yêu cầu HS nêu giọng đọc toàn bài.  - Yêu cầu đọc diễn cảm đoạn 2  - GV nhận xét chung  **4. Hoạt động vận dụng** *(1 phút)*  - Qua bài đọc giúp các em học được điều gì từ nhân vật Dế Mèn? |
|  |  |

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

***Tiết 4:* CHÍNH TẢ**

**DẾ MÈN BÊNH VỰC KẺ YẾU**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức:**

- Nghe - viết và trình bày đúng bài chính tả theo hình thức đoạn văn xuôi; không mắc quá 5 lỗi trong bài.

- Làm đúng bài tập chính tả 2a phân biệt l/n. BT 3a giải câu đố

**2. Kĩ năng:**

**-** Rèn kỹ năng viết đẹp và đúng.

**3. Phẩm chất:**

**-** Giáo dục tính cẩn thận, chính xác, yêu thích chữ viết

**4. Góp phần phát triển năng lực:**

**-** NL tự chủ và tự học, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ,....

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- GV: Bài giảng pp

- HS: SGK, vở

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của HS** | **Hoạt động của GV** |
| - Lớp hát, vận động tại chỗ | **1. Khởi động:** *(3p)*  - GV dẫn vào bài. |
| **2. khám phá:** *(6p)*  **\* Mục tiêu:** HS hiểu được nội dung bài CT, viết được các từ khó, dễ lẫn và các hiện tượng chính tả, cách trình bày đoạn văn  **\* Cách tiến hành:** Hoạt động cả lớp | |
| - 2 học sinh đọc.  - HS thảo luận (2p) và báo cáo trước lớp  *+ Đoạn viết cho biết hoàn cảnh Dế Mèn gặp Nhà Trò, hình dáng yếu ớt, đáng thương của Nhà Trò.*  *- cỏ xước, tỉ tê, tảng đá, bự, chùn chùn,...*  - Hs viết vở nháp từ khó.  - 1 hs đọc lại bài viết. Cả lớp đọc 1 lần  *+ Chữ đầu tiên lùi 1 ô và viết hoa* | a. Trao đổi về nội dung đoạn viết  - Gọi HS đọc bài viết.  - Yêu cầu TL:  *+ Đoạn văn kể về điều gì?*  - Yêu cầu phát hiện những chữ dễ viết sai?  - GV đọc từ khó  *+ Lưu ý gì khi trình bày đoạn văn?* |
| - HS viết bài  - HS lắng nghe, soát lỗi | - GV đọc cho HS viết bài.  - GV đọc cho HS soát lỗi |
| **3. Thực hành:** *(5p)*  **\* Mục tiêu:** Giúp HS phân biệt được an/ang (BT2b), giải được câu đố (BT3b)  **\* Cách tiến hành: Cá nhân-Cặp đôi- Chia sẻ trước lớp** | |
| - Làm bài cá nhân – Lớp  - 1 hs đọc to đoạn văn đã điền hoàn chỉnh.  - Lời giải: hoa ban  - HS tự dò SGK, soát lỗi bài chính tả. | **Bài 2a**: Điền vào chỗ trống an/ang  - Gọi hs đọc các câu văn, câu thơ đã điền hoàn chỉnh.  - Chữa bài, nhận xét.  **Bài 3a:** Viết lời giải đố  **5. Hoạt động vận dụng** *(1p)* |

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

*Thứ Ba ngày 7 tháng 9 năm 2021*

***Tiết 1:* TOÁN**

**ÔN TẬP CÁC SỐ ĐẾN 100 000 (tiếp)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức**

- Tính nhẩm, thực hiện được phép cộng, phép trừ các số có đến năm chữ số; nhân (chia) số có đến năm chữ số với số có một chữ số.

- Tính được giá trị của biểu thức

**2. Kĩ năng**

- Củng cố kĩ năng tính toán

**3. Phẩm chất**

- Tích cực, tự giác học bài.

**4. Góp phần phát triển các kĩ năng**

- Năng lực tự học, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL tư duy - lập luận logic, NL quan sát,...

\* BT cần làm: Bài 1, bài 2 b, bài 3a, b

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- GV: Bài giảng pp

- HS: Bút, SGK, ...

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của HS** | **Hoạt động của GV** |
| - Trò chơi: Truyền điện  + Lớp trưởng điều hành  + Nội dung: Tính nhẩm (BT1-SGK) | **1. HĐ khởi động *(5p)***  - GV chốt cách tính nhẩm |
| **2. Hoạt động thực hành***:(28p)*  **\* Mục tiêu:**  HSthực hiện được phép cộng, phép trừ các số có đến năm chữ số; nhân (chia) số có đến năm chữ số với số có một chữ số.  - Tính được giá trị của biểu thức  **\* Cách tiến hành:** | |
| **Cá nhân- Cả lớp**  - HS làm cá nhân – Chia sẻ nhóm 2 – Thống nhất và chia sẻ lớp  56346 43000  + 2854 - 21308 (...)  59200 21692  **Cá nhân- Cả lớp**  - HS làm cá nhân – Chia sẻ kết quả  a) 3257 + 4659 – 1300 = 7916 – 1300  = 6616  b) 6000 – 1300 x 2 = 6000 – 2600  = 3400  - HS trình bày bài giải vào vở Tự học - Báo cáo kết quả với GV    - Ghi nhớ các KT trong tiết học  - Tìm các bài tập cùng dạng trong sách BT | **Bài 2b: *(HSKG làm cả bài)*** Đặt tính rồi tính  - GV nhận xét, chốt cách thực hiện các phép tính  **Bài 3a,b**: ***(HSKG làm cả bài)*** Tính giá trị BT  - Gv chữa bài, nhận xét, chốt thứ tự thực hiện phép tính trong bài tính giá trị BT  **Bài 4 + Bài 5** *(BT chờ dành cho HS hoàn thành sớm)*  - GV kiểm tra riêng từng HS  **3. HĐ vận dụng *(2p)*** |

**ĐIỀU CHỈNH-BỔ SUNG**

...................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

***Tiết 2:* LUYỆN TỪ VÀ CÂU**

**CẤU TẠO CỦA TIẾNG**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức**

- Nắm được cấu tạo ba phần của tiếng (âm đầu, vần, thanh) – ND ghi nhớ.

- Điền được các bộ phận cấu tạo của từng tiếng trong câu tục ngữ ở BT1 vào bảng mẫu. Giải được câu đố trong SGK

**2. Kĩ năng**

- Rèn KN xác định cấu tạo của tiếng

**3. Phẩm chất**

- Thấy được sự phong phú của Tiếng Việt để thêm yêu TV

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL tự chủ và tự học, NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- GV: Bài giảng pp

- HS: vở BT, bút, ...

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của HS** | | | **Hoạt động của GV** |
| - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ | | | **1. Khởi động (3p)**  - GV kết nối bài học |
| **2. Hình thành kiến thức mới***:(13p)*  **\* Mục tiêu:** Nắm được cấu tạo ba phần của tiếng (âm đầu, vần, thanh) – ND ghi nhớ.  **\* Cách tiến hành: Cá nhân-Cả lớp** | | | |
| - HS nối tiếp đọc các yêu cầu.  - HS làm việc cá nhân với các câu hỏi phần nhận xét – Chia sẻ trước lớp    + *Câu tục ngữ có 14 tiếng*  + *B-âu-bâu-huyền-bầu*  + *Tiếng bầu gồm: âm đầu: b, vần: âu, thanh: huyền*  + HS phân tích theo bảng trong VBT  *+ Các tiếng: thương, lấy, bí, cùng, tuy, rằng, khác, giống, nhưng, chung, một, giàn*  *+ Tiếng: ơi*  - HS trả lời  - 2 hs đọc ghi nhớ.  - HS lấy VD | | **a. Phần nhận xét.**  - Gọi HS nêu yêu cầu  - Yêu cầu HS làm việc với các nhiệm vụ sau:  \* Yêu cầu 1: Câu tục ngữ dưới đây gồm bao nhiêu tiếng?  *Bầu ơi thương lấy bí cùng*  *Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn.*.  \*Yêu cầu 2: Đánh vần tiếng bầu.  \* Yêu cầu 3: Phân tích cấu tạo tiếng bầu.  \* Yêu cầu 4: Phân tích cấu tạo của các tiếng còn lại, rút ra nhận xét.  *+ Tiếng nào có đủ bộ phận như tiếng bầu?*  *+ Tiếng nào không có đủ các bộ phận như tiếng bầu?*  *=> Vậy tiếng có cấu tạo gồm mấy phần?*  *+ Bộ phận nào bắt buộc phải có trong tiếng, bộ phận nào có thế khuyết?*  **\*** GV KL, chốt kiến thức  **b. Ghi nhớ:**  - Yêu cầu HS đọc nội dung Ghi nhớ  - Yêu cầu lấy VD về tiếng và phân tích cấu tạo | | |
| **3. Hoạt động thực hành***:(17p)*  **\* Mục tiêu:** HS thực hành phân tích được cấu tạo của tiếng. Giải được câu đố trong SGK  **\* Cách tiến hành: *Cá nhân - Cả lớp.*** | | | |
| - HS: Nêu yêu cầu bài tập, làm cá nhân – đổi vở kiểm tra chéo -ghi vào phiếu học tập.   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | Tiếng | Âm đầu | Vần | Thanh | | Nhiễu  Điều  Phủ | Nh  ...  ... | iêu  ...  ... | ngã  ...  ... |   - HS trình bày phiếu học tập.  - HS chơi trò chơi giải câu đố bằng cách viết vào bảng con để bí mật kết quả.  *Để nguyên là* ***sao***  *Bớt âm đầu thành* ***ao***  *Đó là chữ* ***sao***  - Ghi nhớ cấu tạo của tiếng  - Tìm các câu đố chữ và viết lời giải đố | **Bài 1**: Phân tích các bộ phận của tiếng.....  \* Nhận xét phiếu học tập của HS, chốt lại cấu tạo của tiếng  **Bài 2: HSKG** Giảỉ câu đố sau:  Để nguyên lấp lánh trên trời  Bỏ đầu, thành chỗ cá bơi hàng ngày  - GV ra hiệu lệnh cho hs đồng loạt giơ bảng kết quả câu đố.  **4. Hoạt động vận dụng** *(2p)* | | |

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

***Tiết 3:* KỂ CHUYỆN**

**SỰ TÍCH HỒ BA BỂ**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức**

- Nghe - kể lại được từng đoạn câu chuyện theo câu hỏi gợi ý (SGK); kể nối tiếp được toàn bộ câu chuyện Sự tích hồ Ba Bể (do GV kể)

- Hiểu được ý nghĩa câu chuyện: Giải thích sự hình thành hồ Ba Bể và ca ngợi những con người giàu lòng nhân ái.

**2. Kĩ năng:**

- Rèn kĩ năng nói, kĩ năng kể chuyện trước đám đông

**3. Phẩm chất**

- Giáo dục HS lòng nhân ái, tình cảm yêu thương con người

**4. Góp phần bồi dưỡng các năng lực**

- NL giao tiếp và hợp tác, NL sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ,...

*\* GD BVMT: Ý thức BVMT, khắc phục hậu quả do thiên nhiên gây ra (lũ lụt)*

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- GV: Bài giảng pp

- HS: SGK.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của HS** | **Hoạt động của GV** |
| - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ | **1. Khởi động***:(3p)*  - GV dẫn vào bài học |
| **2. Hoạt động nghe-kể***:(8p)*  **\* Mục tiêu**: HSnghe kể nhớ được nội dung câu chuyện  **\* Cách tiến hành: Cá nhân - Lớp** | |
| - HS theo dõi  - Hs lắng nghe Gv kể chuyện.  - HS lắng nghe và quan sát tranh | - Hướng dẫn kể chuyện.  - GV kể 2 lần:  + Lần 1: Kể nội dung chuyện.  Sau khi kể lần 1, GV yêu cầu HS giải thích một số từ ngữ khó hiểu trong truyện.  + Lần 2: Kể kèm tranh minh hoạ |
| **3. Thực hành kể chuyện***:(15p)*  **\* Mục tiêu: HS** kể được nội dung câu chuyện theo lời kể của mình.  **\* Cách tiến hành: Cá nhân - Lớp** | |
| - HS làm việc cá nhân sau đó chia sẻ phần kể chuyện của mình trong lớp | - Cả lớp theo dõi  - Nhận xét, bình chọn bạn kể hay  - Yêu cầu HS đọc y/c của từng bài tập.  - Nhắc nhở học sinh trước khi kể:  - HD hs thực hiện.  + Chỉ cần kể đúng cốt truyện, không cần lặp lại nguyên văn từng lời GV.  - GV đánh giá phần chia sẻ của lớp.  \* Nhận xét bình chọn bạn kể hay |
| **4.Tìm hiểu nội dung, ý nghĩa câu chuyện**:(7*p)*  **\* Mục tiêu**: HShiểu được nội dung, ý nghĩa câu chuyện  **\* Cách tiến hành: Cá nhân- Cả lớp** | |
| - HS tìm hiểu về nội dung, ý nghĩa câu chuyện. Chia sẻ nội dung trước lớp  - HS nối tiếp phát biểu  + Giải thích sự hình thành hồ Ba Bể, ca ngợi tấm lòng nhân hậu của con người.  - Kể lại câu chuyện cho người thân nghe  - HS nêu  - Tìm đọc các câu chuyện cùng chủ điểm | - GV hướng dẫn:  *+ Câu chuyện muốn nói với chúng ta điều gì?*  \* Nêu ý nghĩa câu chuyện?  - GV nhận xét, liên hệ giáo dục lòng nhân hậu, yêu thương con người  **4. Hoạt động vận dụng *(2p)***  ***- GD BVMT:*** *Cần có ý thức BVMT, khắc phục hậu quả do thiên nhiên gây ra (lũ lụt) như thế nào?* |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

***Tiết 4:* TẬP ĐỌC**

**MẸ ỐM**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức**

- Hiểu ND: Tình cảm yêu thương sâu sắc, sự hiếu thảo, lòng biết ơn của bạn nhỏ với người mẹ bị ốm. (trả lời được câu hỏi 1, 2, 3; thuộc ít nhất 1 khổ thơ trong bài).

**2. Kĩ năng**

- Đọc rành mạch, trôi chảy: bước đầu biết đọc một đoạn thơ lục bát với giọng tình cảm, nhẹ nhàng.

**3. Phẩm chất**

- Giáo dục tình cảm hiếu thảo với mẹ

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ,...

*\** ***GDKNS :*** *Thể hiện sự cảm thông ; Xác định giá trị ; Tự nhận thức về bản thân.*

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- GV: Bài giảng pp.

- HS: SGK

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của HS** | **Hoạt động của GV** |
| - 2 HS đọc  - HS nêu nội dung  . | 1. Khởi động:(3p)  + Đọc bài Dế Mèn bênh vực kẻ yếu  + Nêu nội dung bài  - GV chuyển ý vào bài mới |
| **2. Hướng dẫn luyện đọc***:(10p)*  **\* Mục tiêu:** HS đọc rành mạch, trôi chảy thể hiện đúng nhịp điệu của câu thơ, đoạn thơ, giọng đọc nhẹ nhàng, tình cảm  **\* Cách tiến hành: Cá nhân- Cả lớp** | |
| - 1 HS đọc bài, cả lớp đọc thầm  - HS chia đoạn bài tập đọc và chia sẻ trước lớp  - Lớp trưởng điều hành đọc nối tiếp đoạn lần 1.  - Luyện đọc từ khó do HS phát hiện: Đọc mẫu (M4) - Cá nhân (M1) - Lớp đọc (cơi trầu, khép lỏng, nóng ran, quản, sắm, nếp nhăn,...).  - Đọc đoạn lần 2 giải nghĩa từ khó: (đọc chú giải)  - Báo cáo việc đọc trong nhóm  - 1 HS đọc toàn bài (M4) | \* Luyện đọc:  - Gọi HS đọc bài (M3)  - GV lưu ý giọng đọc nhẹ nhàng, tình cảm  - GV chốt vị trí các đoạn (7 đoạn như SGK)  - GV kết hợp sửa cách phát âm cho HS, cách ngắt, nghỉ cho HS (M1) |
| **3. Tìm hiểu bài***:(15p)*  **\* Mục tiêu:** Hs hiểu được nội dung bài thơ, từ đó có Phẩm chất, tình cảm hiểu thảo với ông bà, cha mẹ  **\* Cách tiến hành: Cá nhân- Cả lớp** | |
| - 1HS đọc to các câu hỏi  - HS TL  + Bài thơ cho biết chuyện mẹ bạn nhỏ bị ốm. Mọi người rất quan tâm lo lắng cho mẹ, nhất là bạn nhỏ.  - Lắng nghe  + Những câu thơ trên muốn nói rằng: mẹ chú Khoa ốm nên lá trầu để khô không ăn được. Truyện Kiều khép lại vì mẹ mệt không đọc được, ruộng vườn không ai cuốc cày sớm trưa.  - HS lắng nghe  + Lặn trong đời mẹ: những vát vả nơi ruộng đồng qua ngày tháng đã để lại trong mẹ, bây giờ đã làm mẹ ốm.  + Mọi người đến thăm hỏi, người cho trvận, người cho cam, anh y sĩ mang thuốc vào tiêm cho mẹ…  + Những việc làm đó cho biết tình làng nghĩa xóm thật sâu nặng, đậm đà, đầy lòng nhân ái.  + Chi tiết:  Nắng mưa từ những ngày xưa  Lặn trong đời mẹ đến giờ chưa tan.  Bạn nhỏ thương mẹ đã làm lụng vất vả từ những ngày xưa. Những vất vả đó còn in hằn trên khuôn mặt, dáng người của mẹ.  + Bạn nhỏ mong mẹ khoẻ dần dần.  + Bạn không quản ngại làm mọi việc để mẹ vui:  Mẹ vui con có quản gì  Ngâm thơ, kể chuyện rồi thì múa ca  + Bạn nhỏ thấy mẹ là người có ý nghĩa to lớn đối với mình: Mẹ là đất nước tháng ngày của con  \* Nội dung: Bài thơ thể hiện tình cảm yêu thương sâu sắc, lòng hiếu thảo của người con đối với mẹ.  - HS nghe  - HS ghi vào vở – nhắc lại | - HD HS tìm hiểu bài  + Bài thơ cho chúng ta biết điều gì?    - GV: Bạn nhỏ trong bài chính là nhà thơ Trần Đăng Khoa còn nhỏ.  + Em hiểu những câu thơ sau muốn nói điều gì :  Lá trầu khô giữa cơi trầu  Truyện Kiều khép lại trên đầu bấy nay  Cánh màn khép lỏng cả ngày  Ruộng vườn vắng mẹ cuốc cày sớm trưa.  - Giải thích: Truyện Kiều: truyện thơ nổi tiếng của nhà thi hào nổi tiếng Nguyễn Du kể về thân phận một người con gái là Thuý Kiều  + Em hiểu thế nào là : lặn trong đời mẹ ?  + Sự quan tâm chăm sóc của xóm làng đối với mẹ của bạn nhỏ được thể hện như thế nào ?  + Những việc làm đó cho em biết điều gì?  + Những chi tiết nào trong bài thơ bộc lộ tình yêu thương sâu sắc của bạn nhỏ đối với mẹ?  + Bạn nhỏ mong mẹ thế nào?  + Bạn nhỏ đã làm gì để mẹ vui?  +Bạn thấy mẹ có ý nghĩa như thế nào đối với mình?  + Qua bài thơ trên muốn nói với chúng ta điều gì?  \* KL: Giáo dục các em biết tình yêu của mẹ rất cao cả và là người có ý nghĩa rất lớn đối với các em .  - GV hiển thị nội dung lên màn hình. |
| **4. Luyện đọc diễn cảm** *(10p)*  **\* Mục tiêu:** HS biết đọc diễn cảm, nhấn giọng ở các từ ngữ gợi tả, gợi cảm, thể hiện đúng nhịp điệu của thơ. HDHS học thuộc lòng bài thơ ở nhà  **\* Cách tiến hành:** | |
| - 1 HS M4 đọc mẫu toàn bài.  - Nhóm trưởng điều khiển nhóm đọc diễn cảm 2 đoạn bất kì  - Gọi HS đọc trước lớp  - Nhận xét, bình chọn  - VN HTL bài thơ  - Tìm đọc các bài thơ khác của nhà thơ Trần Đăng Khoa | - Yêu cầu nêu lại giọng đọc của bài  - Yêu cầu luyện đọc diễn cảm 2 đoạn của bài  - Nhận xét, đánh giá chung  5. HĐ vận dụng (2p) |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

***Tiết 5:* TẬP LÀM VĂN**

**THẾ NÀO LÀ KỂ CHUYỆN ?**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức**

- Hiểu những đặc điểm cơ bản của văn kể chuyện (ND ghi nhớ).

**2. Kĩ năng**

- Bước đầu biết kể lại một câu chuyện ngắn có đầu có cuối, liên quan đến 1, 2 nhân vật và nói lên một điều có ý nghĩa (mục III).

**3. Phẩm chất**

- Tích cực, tự giác học bài

**4. Góp phần phát triển NL:**

**-** NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL ngôn ngữ,...

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- GV: Bài giảng pp

- HS: Vở BT, SGK.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của HS** | **Hoạt động của GV** |
| **1. Khởi động:(***3p)*  - GV kết nối bài học | - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ |
| **2. Hình thành KT***:(15p)*  **\* Mục tiêu:** HS hiểu đươc cấu tạo của cốt truyện gồm 3 phần cơ bản**.**  **\* Cách tiến hành:** | |
| **Cá nhân - Lớp**  - 1 HS đọc đề bài.  - 1 hs kể chuyện " Sự tích Hồ Ba Bể ".  - HS chia sẻ kết quả.  *+ Các nhân vật: Bà cụ ăn xin, 2 mẹ con người nông dân, những người dự lễ hội*  *+ Các sự việc chính:....*  *+ Ca ngợi những người có lòng nhân ái.*  - Hs đọc đề bài.  *+ Không có nhân vật*  *+ Không. Chỉ có những chi tiết giới thiệu về hồ Ba Bể.*  - HS trả lời  - 2 hs nêu ghi nhớ. | a. Nhận xét  Bài 1:  - Gọi HS kể lại toàn bộ câu chuyện Sự tích Hồ Ba Bể.  + Nêu tên các nhân vật ?  + Các sự việc chính?  + Ý nghĩa của chuyện ?  - GV chốt ý  Bài 2:  + Bài văn có nhân vật không?  + Bài văn có kể những sự việc xảy ra đối với nhân vật không?  Bài 3: Thế nào là văn kể chuyện ?  b. Ghi nhớ: |
| **3. Thực hành***:(20p)*  **\* Mục tiêu:** Bước đầu biết kể lại một câu chuyện ngắn có đầu có cuối, liên quan đến 1, 2 nhân vật và nói lên một điều có ý nghĩa (mục III).  **\* Cách tiến hành:** | |
| Cá nhân - Lớp  - Hs đọc đề bài.  + Em, một phụ nữ có con nhỏ.  - Hs nói trước lớp về nội dung câu chuyện  - Hs viết vào vở  - Hs thi kể trước lớp.  - Hs đọc đề bài.  + Em và 2 mẹ con người phụ nữ.  + Quan tâm giúp đỡ nhau là một nếp sống đẹp.  - Kể lại câu chuyện cho người thân nghe  - Sáng tạo thêm chi tiết cho câu chuyện thêm sinh động | Bài tập 1:  - Gọi HS đọc đề bài  + Xác định các nhân vật trong chuyện?  + Gv HD kể: Truyện cần nói sự giúp đỡ của em đối với người phụ nữ, khi kể xưng tôi hoặc em.  - Gv nhận xét, góp ý, lưu ý giúp đỡ HS M1, M2  Bài tập 2:  + Nêu những nhân vật trong câu chuyện của em ?  + Nêu ý nghĩa của chuyện?  4. HĐ vận dụng (2p) |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

..................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

*Thứ Tư ngày 8 tháng 9 năm 2021*

***Tiết 1:* TOÁN**

**BIỂU THỨC CÓ CHỨA MỘT CHỮ**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức**

- Bước đầu nhận biết được biểu thức có chứa một chữ .

- Biết tính giá trị của biểu thức chứa một chữ khi thay chữ bằng số.

**2. Kĩ năng**

- Tính được giá trị của biểu thức có chứa một chữ.

**3. Phẩm chất**

- Học tập tích cực, làm việc cẩn thận

**4. Góp phần phát triền các NL:**

- NL tự học, NL sáng tạo, NL giải quyết vấn đề

\* Bài tập cần làm: 1, BT 2a, BT 3b

***\* ĐCND: Bài tập 3 ý b: Chỉ cần tính giá trị của biểu thức với hai trường hợp của n.***

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- GV: Bài giảng pp

- HS: Sgk, bảng con, vở

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của HS** | **Hoạt động của GV** | |
| - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ | **1. Khởi động *(5p)***  - GV dẫn vào bài mới | |
| **2. Hình thành kiến thức mới***:(12p)*  **\* Mục tiêu:**  **-** HS nhận biết được biểu thức có chứa 1 chữ  - Biết cách tính giá trị của BT có chứa 1 chữ  \* **Cách tiến hành: Hoạt động cả lớp** | | |
| **-** HS: 2 em đọc bài toán.  *+ Ta thực hiện phép cộng số vở Lan có ban đầu với số vở mẹ cho thêm.*  *+ Lan có 4 quyển vở*  - HS thực hành cá nhân – Chia sẻ lớp  *+ Lan có 3 + a quyển vở*  - HS nhắc lại  *+ 3 + a = 3 + 1 = 4*  - HS nhắc lại  *+ … Ta thay giá trị của a vào biểu thức rồi thực hiện.*  *+ … ta tính được giá trị của biểu thức*  *3 + a.*  - HS lắng nghe, nhắc lại | | **a.** Biểu thức có chứa 1 chữ:  - GV: Gọi HS đọc bài toán.  *+ Muốn biết Lan có tất cả bao nhiêu quyển vở ta làm như thế nào?*  - Treo bảng số như SGK và hỏi:  *+ Nếu mẹ cho Lan 1 quyển vở thì Lan có tất cả bao nhiêu quyển vở?*  - Yêu cầu làm tương tự với các trường hợp thêm 2, 3, 4 quyển vở.  *+ Nếu mẹ cho thêm a quyển thì Lan có tất cả bao nhiêu quyển*  ***- GV giới thiệu: 3 + a là biểu thức có chứa 1 chữ.***  **b.** Giá trị của biểu thức chứa 1 chữ:  *+ Nếu a = 1 thì 3 + a = ?*  Khi đó ta nói 4 là giá trị của biểu thức  3 + a.  *+ Khi biết 1 giá trị cụ thể của a, muốn tính giá trị của biểu thức 3 + a ta làm thế nào*  ? Mỗi lần thay chữ a bằng số ta tính được gì?  - GV chốt lại KT về biểu thức có chứa 1 chữ | |
| **3. Hoạt động thực hành***:(18p)*  **\* Mục tiêu:** HS tính được giá trị của BT có chứa 1 chữ  **\* Cách tiến hành:**. | | |
| Cá nhân - Lớp  - Nêu yêu cầu của bài.  - HS làm cá nhân – Chia sẻ lớp  \* Đáp án:  + Nếu b = 4 thì 6 + b = 6 + 4 = 10.  + Nếu c = 7 thì 115 – c = 115 – 7 = 108  (...)  Cá nhân –Lớp  - HS làm cá nhân  - Thống nhất đáp án:  \* Đáp án:  x 8 30 100  125+x 125+8=133 125+30=155 125+100=225  Cá nhân –Lớp  - HS làm vào vở  - HS chia sẻ bài làm  + Với n = 10 thì 873 – 10 = 863  + Với n = 300 thì 873 – 300 = 573  - VN thực hành tính giá trị BT có chứa 1 chữ | Bài 1: Bài 1: Tính giá trị biểu thức:  - Yêu cầu HS làm cá nhân  - Chữa bài, nhận xét, chốt cách tính giá trị BT có chứa 1 chữ  Bài 2a: (HSKG làm cả bài)  - GV chữa, chốt cách tính  Bài 3b: (HSKG làm cả bài)  - Chỉ y/c tính với 2 giá trị của n: n = 10, n = 300  - Nhận xét, đánh giá bài làm trong vở của HS  - Chữa bài, nhận xét cách trình bày  **4, HĐ vận dụng (2p)** | |

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

:...................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

***Tiết 2:* TOÁN**

**ÔN TẬP**

***Tiết 3:* LUYỆN TỪ VÀ CÂU**

**LUYỆN TẬP VỀ CẤU TẠO CỦA TIẾNG**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức**

- Điền được cấu tạo của tiếng theo ba phần đã học (âm đầu, vần, thanh) theo bảng mẫu ở BT1.

- Nhận biết được các tiếng có vần giống nhau ở BT2, BT3.

- HS NK nhận biết được các cặp tiếng bắt vần với nhau trong thơ (BT4) ; giải được câu đố ở (BT 5).

**2. Kĩ năng**

- Rèn KN xác định cấu tạo của tiếng.

**3. Phẩm chất**

- HS tích cực học tập. Yêu quý tiếng Việt

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL tự học, NL ngôn ngữ, NL sáng tạo, NL giải quyết vấn đề,...

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- GV: Bài giảng pp

- HS: Vở BT, bút, ..

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của HS** | **Hoạt động của GV** |
| - 2 HS nêu | **1. Khởi động (3p)**  + Nêu cấu tạo của tiếng  + Lấy VD phân tích  - GV nhận xét, chốt KT, kết nối bài học |
| **2. Thực hành***:(30p)*  **\* Mục tiêu:** Nhận biết được từ ghép, từ láy trong câu, đoạn văn, xác định được mô hình cấu tạo của từ ghép, từ láy...  **\* Cách tiến hành**: | |
| **Cá nhân - Lớp**  - HS đọc đề bài.  - HS làm cá nhân  - Thống nhất đáp án.   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | Tiếng | Âm đầu | Vần | Thanh | | Khôn  Ngoan  ........ | Kh  .........  .......... | Ôn  .........  ......... | Ngang  .........  ......... |   - Nêu yêu cầu bài tập và vận tại chỗ trả lời: ngoài – hoài (vần giống nhau là oai)  HS: Đọc yêu cầu bài tập và suy nghĩ làm bài đúng, nhanh trên bảng lớp.  + Các cặp tiếng bắt vần với nhau:  **choắt – thoắt**  **xinh – nghênh**  + Cặp có vần giống nhau hoàn toàn:  **choắt – thoắt**  + Cặp có vần giống nhau không hoàn toàn: **xinh – nghênh**  - HS KG nêu ý kiến  *+ Hai tiếng bắt vần với nhau là 2 tiếng có vần giống nhau: giống nhau hoàn toàn hoặc không hoàn toàn.*  - HS suy nghĩ, nêu lời giải đố: út – ú - bút  - Nắm vững cấu tạo của tiếng  - Lấy thêm VD về các câu thơ có tiếng bắt vần với nhau | **Bài 1**: Phân tích cấu tạo tiếng....  Khôn ngoan đối đáp người ngoài  Gà cùng một mẹ chớ hoài đá nhau.  - GV cho NX chung, chốt lại cấu tạo của tiếng.  **Bài 2**: Tìm những tiếng bắt vần với nhau trong câu tục ngữ trên  **Bài 3**: Ghi lại những cặp tiếng bắt vần với nhau .So sánh các cặp tiếng ấy....  *Chú bé loắt choắt*  *Cái xắc xinh xinh*  *Cái chân thoăn thoắt*  *Cái đầu nghênh nghênh*  **Bài 4:** **HSKG** *Vậy thế nào là tiếng bắt vần với nhau?*  \* Lưu ý trong thơ lục bát, tiếng 6 của câu 6 sẽ bắt vần với tiếng 6 của câu 8  **Bài 5: HSKG**  **3. HĐ vận dụng *(2p)*** |

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

***Tiết 4:* TẬP LÀM VĂN**

**NHÂN VẬT TRONG TRUYỆN**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức**

- Bước đầu hiểu thế nào là nhân vật (Nội dung ghi nhớ).

**2. Kĩ năng**

- Nhận biết được tính cách của từng người cháu (qua lời nhận xét của bà) trong câu chuyện Ba anh em (BT1, mục III).

- Bước đầu biết kể tiếp câu chuyện theo tình huống cho trước, đúng tính cách nhân vật (BT2, mục III).

**3. Phẩm chất**

- HS tích cực tham gia các hoạt động học tập

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL tự học, Sử dụng ngôn ngữ, NL sáng tạo, NL giải quyết vấn đề,...

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

-GV: Bài giảng pp

- HS: Vở BT, sgk.

**II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của HS** | **Hoạt động của GV** |
| - 1 HS trả lời | **1. Khởi động *(3p)***  - Thế nào là kể chuyện?  - GV kết nối bài học mới |
| **2. Hình thành KT***:(12p)*  **\* Mục tiêu:** Bước đầu hiểu thế nào là nhân vật (Nội dung ghi nhớ).  **\* Cách tiến hành: Lớp** | |
| - HS chia sẻ kết quả trước lớp  + Các chuyện: Dế Mèn bênh vực kẻ yếu, Sự tích hồ Ba Bể  + Nhân vật là người: Hai mẹ con bà nông dân, Bà cụ ăn xin, Những người dự lễ hội  + Nhân vật là vật: Dế Mèn, Nhà Trò, Bọn nhện, Giao long  + Trong “Dế Mèn bênh vực kẻ yếu”: Nhân vật Dế Mèn khảng khái, có lòng thương người, ghét áp bức bất công, sẵn sàng làm việc nghĩa để bênh vực kẻ yếu.  Căn cứ để nêu nhận xét trên: Lời nói và hành động của Dế Mèn che chở giúp đỡ Nhà Trò.  - Trong “Sự tích hồ Ba Bể”: Mẹ con bà nông dân giàu lòng nhân hậu.  Căn cứ để nêu nhận xét: Cho bà cụ ăn xin ngủ, ăn trong nhà, hỏi bà cụ cách giúp những người bị nạn, chèo thuyền cứu giúp những người bị nạn.  - 2 HS đọc nội dung Ghi nhớ | ***a. Nhận xét***  - Yêu cầu HS làm việc cá nhân với các yêu cầu của phần Nhận xét  **Bài 1**:  *+ Kể tên những truyện các em mới học*  *+ Xếp các nhân vật vào nhóm: nhân vật là người, nhân vật là vật (cây cối, đồ vật, con vật,...)*  **Bài 2**:  *+ Nhận xét tính cách nhân vật.*  *+ Dựa vào đâu em có nhận xét như vậy*      - GV chốt lại nội dung, tuyên dương các nhóm làm việc tốt  ***b. Ghi nhớ*** |
| **3. Thực hành***:(18p)*  **\* Mục tiêu:**  - Nhận biết được tính cách của từng người cháu (qua lời nhận xét của bà) trong câu chuyện Ba anh em (BT1, mục III).  - Bước đầu biết kể tiếp câu chuyện theo tình huống cho trước, đúng tính cách nhân vật (BT2, mục III).  **\* Cách tiến hành:** . | |
| **Cá nhân - Lớp**  - 1 HS đọc  - HS TL – Chia sẻ kết quả  *+ Ba anh em Ni -ki- ta, Gô- sa, Chi -ôm-ca và bà ngoại.*  *+ Ni- ki-ta chỉ nghĩ đến ham thích riêng của mình.*  *+ Gô- sa láu lỉnh*  *+ Chi- ôm-ca nhân hậu, chăm chỉ.*  *+ Có.*  *+ Dựa vào tính cách và hành động của từng nhân vật.*  - Đọc yêu cầu bài tập.  - HS: Trao đổi, tranh luận về các hướng sự việc có thể xảy ra và đi tới kết luận:  + Nếu bạn nhỏ biết quan tâm đến người khác, bạn sẽ chạy lại nâng em bé dậy, phủi quần áo cho em, xin lỗi em, dỗ em nín, …  + Nếu bạn nhỏ không biết quan tâm đến người khác, bạn sẽ bỏ chạy, hoặc tiếp tục chạy nhảy nô đùa, … mặc em khóc.  - Suy nghĩ thi kể trước lớp  - Ghi nhớ nội dung, KT của bài  - VN tiếp tục sáng tạo và hoàn thiện câu chuyện ở BT2 | **Bài 1**  - Gọi HS đọc truyện  - Yêu cầu HS TL  *+ Nhân vật trong truyện là ai?*  *+ Nhận xét của bà về tính cách của từng cháu*  *+ Em có đồng ý với nhận xét của bà về từng cháu không?*  *+ Dựa vào đâu mà bà có nhận xét như vậy?*  - GV nhận xét, chốt nội dung  **Bài 2:**  - Gọi HS nêu yêu cầu  - Yêu cầu HS TL  - Thi kể cá nhân trước lớp  - Nhận xét chung, tuyên dương HS  **4. Hoạt động vận dụng *(2p)*** |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................­

***Thứ Sáu ngày 10 tháng 9 năm 2021***

**Tiết 1: KHOA HỌC**

**CON NGƯỜI CẦN GÌ ĐỂ SỐNG?**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức**

- Biết được con người cần thức ăn, nước uống, không khí, ánh sáng, nhiệt độ để sống.

**2. Kĩ năng**

- Kể ra một số điều kiện vật chất và tinh thần mà chỉ có con người mới cần trong

cuộc sống.

**3. Phẩm chất:** Có ý thức bảo vệ, chăm sóc sức khoẻ.

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL giải quyết vấn đề, hợp tác, NL sáng tạo, NL khoa học,...

*\* GD BVMT: Mối quan hệ giữa con người với môi trường : Con người cần đến không khí, thức ăn, nước uống từ môi trường.*

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Bài giảng pp

- HS: SGK

**II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt đông của HS** | **Hoạt đông của của GV** |
| - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ | **1, Khởi động** (3p)  - GV giới thiệu chương trình khoa học, dẫn vào bài. |
| **2. Khám phá:***(30p)*  **\* Mục tiêu:**  - Biết được con người cần thức ăn, nước uống, không khí, ánh sáng, nhiệt độ để sống.  - Kể ra một số điều kiện vật chất và tinh thần mà chỉ có con người mới cần trong  cuộc sống.  **\* Cách tiến hành** | |
| **Cá nhân – Lớp**  **-** HS thảo luận nhóm 2 – Chia sẻ kết quả:  *+ Con người cần không khí để thở*  *+ Cần thức ăn, nước uống*  **Cá nhân – Lớp**  - HS thảo luận, chia sẻ trước lớp  *+ Con người cần: vui chơi, giải trí, học tập, thuốc, lao động, quần áo, phương tiện giao thông,...*  *+ Cuộc sống của con người sẽ trở nên buồn tẻ, con người sẽ ngu dốt,....*  **Cá nhân– Lớp**  - HS thảo luận, thống nhất ý kiến  - HS nêu đúng và giải thích chính xác được tính 1 điểm  - HS nối tiếp trả lời | **HĐ 1: Các điều kiện cần để con người duy trì sự sống**  - Yêu cầu thảo luận theo nhóm 2, quan sát tranh vẽ và và *cho biết để duy trì sự sống, con người cần gì?*  - GV chốt KT và chuyển HĐ  **HĐ2: Các điều kiện đủ để con người phát triển**  - Yêu cầu HS trả lời câu hỏi:  *+ Hơn hẳn các sinh vật khác, cuộc sống của con người còn cần những gì?*  *+ Nếu thiếu các điều kiện đó, cuộc sống của con người sẽ thế nào?*  - GV kết luận và chuyển HĐ  **3. Hoạt động thực thành:**  **HĐ3: Trò chơi: Cuộc hành trình đến hành tinh khác**  Bước 1: GV hướng dẫn cách chơi.  - HS sẽ tưởng tượng mình được di chuyển tới các hành tinh khác, nêu các thứ mình cần phải mang theo khi đến hành tinh đó và giải thích tại sao  Bước 2: Tổ chức cho HS chơi.  Bước 3: Tổng kết trò chơi  **4. Hoạt động vận dụng (*1p)***  ***- GDBVMT:*** *Con người cần thức ăn, nước uống, không khí từ môi trường. Vậy cần làm gì để bảo vệ môi trường?* |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

:..............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**Tiết 2: KĨ THUẬT**

**VẬT LIỆU, DỤNG CỤ CẮT, KHÂU, THÊU**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức**

- Học sinh biết đặc điểm, tác dụng và cách sử dụng bảo quan những vật liệu, dụng cụ đơn giản thường dùng để cắt, khâu, thêu.

**2. Kĩ năng**

- Biết cách thực hiện được thao tác xâu chỉ vào kim và vê nút chỉ.

**3. Phẩm chất**

- Giáo dục tính cẩn thận, an toàn khi thực hành

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL thẩm mĩ, NL làm việc nhóm, ....

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- GV: Một số sản phẩm cắt, khâu, thêu

- HS: Bộ ĐDHT lớp 4, vở.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của HS** | **Hoạt động của GV** |
| - TBVN điều hành | **1. HĐ khởi động (3p)**  - HS hát bài hát khởi động:  - Kiểm tra sự chuẩn bị đồ dùng của HS |
| **2.khám phá:***(30p)*  **\* Mục tiêu:**  - Học sinh biết đặc điểm, tác dụng và cách sử dụng bảo quan những vật liệu, dụng cụ đơn giản thường dùng để cắt, khâu, thêu.  - Biết cách thực hiện được thao tác xâu chỉ vào kim và vê nút chỉ.  **\* Cách tiến hành:** | |
| **Cá nhân – Lớp**  - HS đọc, quan sát mẫu vải  - HS đưa ra nhận xét về màu sắc, độ dày của các loại vải khác nhau, các loại chỉ khác nhau  - HS lắng nghe  - HS quan sát 2 loại kéo, thảo luận nhóm phát hiện ra điềm giống và khác nhau, chia sẻ trước lớp  - HS quan sát hướng dẫn, thực hành ngay tại lớp  **Cá nhân – Lớp**  - HS nối tiếp nêu  - VN thực hành thao tác cắt vải  - Sưu tầm một số mẫu vải hay dùng trong may mặc | **HĐ 1: Hướng dẫn học sinh quan sát, nhận xét về vật liệu khâu, thêu.**  a) Vải: Cho học sinh đọc nội dung (a) và quan sát màu sắc, độ dày của một số mẫu vải..  b) Chỉ: Cho HS đọc nội dung b, kết hợp quan sát, nêu đặc điểm của chỉ  ***- GV kết luận, lưu ý HS khi khâu chúng ta nên chọn chỉ giống với màu vải để đường khâu không bị lộ***  **HĐ 2: Hướng dẫn HS tìm hiểu đặc điểm và cách sử dụng kéo.**  - Cho học sinh so sánh sự giống và khác nhau của kéo cắt vải và cắt chỉ  - Hướng dẫn cách cầm kéo cắt vải  - GV chốt ý, chuyển hoạt động  **HĐ 3: Hướng dẫn học sinh quan sát, nhận xét một số vật liệu, dụng cụ khác.**  - GV yêu cầu nêu một số dụng cụ khâu, thêu khác  **3. Hoạt động vận dụng *(2p)*** |

**ĐIỀU CHỈNH-BỔ SUNG**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**LỊCH SỬ**

**Môn lỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Biết môn Lịch sử và Địa lí ở lớp 4 giúp HS hiểu biết về thiên nhiên và con người Việt Nam, biết công lao của ông cha ta trong thời kì dựng nước và giữ nước từ thời Hùng Vương đến buổi đầu thời Nguyễn.

- HS nắm được hình dáng, vị trí của đất nước ta. Nắm được trên đất nước ta có nhiều dân tộc sinh sống, có chung một lịch sử, một Tổ quốc. Nắm được một số yêu cầu khi học môn Lịch sử- Địa lí

**2. Kĩ năng**

- Rèn kĩ năng đọc lược đồ, bản đồ.

**3. Phẩm chất**

- Giáo dục HS tình yêu quê hương, đất nước, tự hào truyền thống dân tộc

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL ngôn ngữ, NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Bản đồ VN, tranh ảnh

- HS: SGK, vở ghi, bút,..

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm, chỉ bản đồ, trò chơi học tập

- KT: Kĩ thuật đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của HS** | **Hoạt động của GV** |
| - TBVN cho lớp hát, vận động tại chỗ | **1.Khởi động:***(3p)*    - Giáo viên giới thiệu môn học, dẫn vào bài mới |
| **2.Bài mới:***(30p)*  **\* Mục tiêu:**  - Biết môn Lịch sử và Địa lí ở lớp 4 giúp HS hiểu biết về thiên nhiên và con người Việt Nam, biết công lao của ông cha ta trong thời kì dựng nước và giữ nước từ thời Hùng Vương đến buổi đầu thời Nguyễn.  - Hiểu nội dung chương trình Lịch sử - Địa lí, cách học tập môn học sao cho hiệu quả.  ***\* Cách tiến hành:Cá nhân-Nhóm-Lớp*** | |
| **Cá nhân – Lớp**  - HS chia sẻ các hiểu biết cá nhân của mình  - HS quan sát tranh, lắng nghe  - HS quan sát bản đồ, nhận xét về hình dạng đất nước, chỉ vị trí các đảo và quần đảo  - HS nêu và chỉ trên bản đồ  - HS lắng nghe  **Nhóm 2 – Lớp**  - HS làm việc nhóm 2- Chia sẻ lớp  *+ Môn Địa lí giúp tìm hiểu về con người, đất nước VN*  *+ Môn Lịch sử giúp tìm hiểu quá trình dựng nước và giữ nước của cha ông*  *+ Cần quan sát sự vật, hiện tượng, thu thập thông tin,....*  - HS lắng nghe  - Tiếp tục tìm hiểu về nội dung, chương trình môn học. | **HĐ1: *Khái quát về con người, đất nước Việt Nam***  *-* GV yêu cầu HS nêu những hiểu biết của mình về đất nước  + Con người  + Thiên nhiên  + Lịch sử  - GV khái quát lại, cho HS quan sát tranh ảnh liên quan  - GV đưa bản đồ đất nước VN  *+ Em đang sống ở nơi nào trên đất nước?*  ***- GV kết luận:*** *Đất nước ta vô cùng xinh đẹp với những con người thân thiện, dễ mền. Để có được Tổ quốc đẹp như hôm nay, ông cha ta đã trải quan hàng ngàn năm đấu tranh, lao động và sản xuất.*  ***HĐ 2: Tìm hiểu về nội dung môn học và cách thức học tập***  - Yêu cầu HS đọc thông tin SGK, trao đổi nhóm 2 về chương trình Lịch sử - Địa lí  *+ Để học tốt môn Lịch sử - Địa lí cần làm gì?*  - GV chốt KT, nội dung bài học  **3. Hoạt động vận dụng *(1p)*** |

**ĐIỀU CHỈNH-BỔ SUNG**

..........................................................................................................................................................................................................................................................................

.....................................................................................................................................

**ĐẠO ĐỨC**

**TRUNG THỰC TRONG HỌC TẬP (tiết 1)**

**I.MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Nêu được một số biểu hiện của trung thực trong học tập. Biết được trung thực trong học tập giúp em học tập tiến bộ, được mọi người yêu mến.. Hiểu được trung thực trong học tập là trách nhiệm của học sinh.

**2. Kĩ năng**

- Đồng tình, ủng hộ những hành vi trung thực và phê phán những hành vi thiếu trung thực trong học tập.

**3. Phẩm chất**

- Có thái độ trung thực trong học tập, tinh thần trách nhiệm

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL tự học, NL giải quyết vấn đề, NL hợp tác, sáng tạo

*\* GDKNS: KN tự nhận thức về sự trung thực của bản thân trong học tập*

*KN bình luận, phê phán những hành vi không trung thực trong học tập*

*KN làm chủ bản thân trong học tập*

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Tranh minh hoạ

- HS: thẻ bày tỏ ý kiến

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm,..

- KT: động não, chia sẻ nhóm 2

**III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của HS** | **Hoạt động của GV** |
| - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ | **1.Khởi động:***(3p)*  ***-*** GV giới thiệu môn học, giới thiệu bài |
| **2. Hoạt động thực hành:***(30p)*  **\* Mục tiêu:**  - Nêu được một số biểu hiện của trung thực trong học tập. Biết được trung thực trong học tập giúp em học tập tiến bộ, được mọi người yêu mến.. Hiểu được trung thực trong học tập là trách nhiệm của học sinh.  - Đồng tình, ủng hộ những hành vi trung thực và phê phán những hành vi thiếu trung thực trong học tập.  **\* Cách tiến hành: Cá nhân-Nhóm-Lớp** | |
| **Nhóm 2 – Lớp**  - HS cùng xem tranh và đọc nd tình huống, thảo luận nhóm 2 và đưa ra ý kiến – Chia sẻ lớp về cách giải quyết  *+ Trung thực giúp em mau tiến bộ, được bạn bè quý mến,....*  *+ HS nối tiếp nêu.*  - HS đọc nội dung bài học  **Cá nhân – Lớp**  - HS và lựa chọn ý đúng nhất – Chia sẻ trước lớp và giải thích lí do  **Cá nhân – Lớp**  - HS nêu, tự làm  - HS bày tỏ ý kiến cá nhân bằng cách giơ thẻ tán thành hoặc không tán thành và giải thích tại sao  - Thực hiện trung thực trong học tập  - HS trả lời. | **HĐ 1: Xử lí tình huống (SGK ).**  Bước 1: HS xem tranh, thảo luận cách giải quyết  Bước 2: Gọi HS đặt tình huống là Long để đưa ra ý kiến  *+ Tại sao cần trung thực trong học tập?*  *+ Hãy nêu một vài biểu hiện khác của trung thực trong học tập*  ***Hoạt động 2*: Chọn lựa hành vi đúng**  Bước 1: HS nêu yêu cầu bài tập, tự làm vào VBT. GV bao quát chung  Bước 2: HS báo cáo kết quả đã lựa chọn.  - GV KL và kết thúc hoạt động  ***Hoạt động 3*: Bày tỏ ý kiến**  Bước 1: HS nêu yêu cầu bài tập, tự làm vào VBT. GV bao quát chung, lưu ý HS chỉ chọn *tán thành hoặc không tán thành*  Bước 2: HS báo cáo kết quả đã lựa chọn.  *- GV tổng kết, chốt các hành vi đúng cần bày tỏ sự tán thành*  **3. Hoạt đông ứng dụng *(1p)*** |

**ĐIỀU CHỈNH-BỔ SUNG**

:..............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**KHOA HỌC**

**TRAO ĐỔI CHẤT Ở NGƯỜI**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Nêu được những chất lấy vào và thải ra trong quá trình sống hàng ngày của cơ thể con người.

- Nêu được quá trình trao đổi chất giữa cơ thể người với môi trường

**2. Kĩ năng**

- Hoàn thành sơ đồ sự trao đổi chất giữa cơ thể người với môi trường

**3. Phẩm chất**

- GD HS ý thức bảo vệ và chăm sóc sức khoẻ

**4. Góp phần phát triển các năng lực:**

- NL giải quyết vấn đề, NL hợp tác, NL sáng tạo, NL khoa học

*\* GD BVMT: Mối quan hệ giữa con người với môi trường : Con người cần đến không khí, thức ăn, nước uống từ môi trường.*

**II. CHUẨN BỊ :**

**1. Đồ dùng**

- GV: + Các hình minh hoạ ở trang 6 / SGK (phóng to nếu có điều kiện).

+ Sơ đồ trao đổi chất còn trống

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- Quan sát, hỏi đáp, thực hành thí nghiệm, thảo luận nhóm, trò chơi.

- KT: động não, tia chớp, đặt câu hỏi, chia sẻ nhóm 2

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của HS** | **Hoạt động của GV** |
| Trò chơi: Hộp quà bí mật  *+ Con người cần ô-xi, thức ăn, nước uống, vui chơi,...* | **1. Khởi động** (3p)  *+ Con người cần gì để sống?*  - GV chốt, dẫn vào bài mới |
| **2. Bài mới: *(****30p)*  **\* Mục tiêu:**  - Nêu được những chất lấy vào và thải ra trong quá trình sống hàng ngày của cơ thể con người.  - Nêu được quá trình trao đổi chất giữa cơ thể người với môi trường  - Hoàn thành sơ đồ sự trao đổi chất giữa cơ thể người với môi trường  \* Cách tiến hành | |
| **Nhóm – Lớp**  - HS tham gia trò chơi theo 3 đội (mỗi tổ 1 đội)  ***\* Dự kiến đáp án:***  *+ Con người lấy vào: thức ăn, nước, ô-xi,...*  *+ Thải ra: khí các-bô-nic, chất cặn bã, nước tiểu,...*  - HS lắng nghe  - HS trả lời để ghi nhớ KT  - HS lắng nghe  **Nhóm 4 – Lớp**  - HS làm việc nhóm 4, hoàn thành sơ đồ trao đổi chất và chia sẻ trước lớp  - Ghi nhớ KT của bài  - Trang trí sơ đồ TĐC và trưng bày tại góc học tập | ***HĐ 1: Trong quá trình sống, cơ thể người lấy gì và thải ra những gì?***  - GV tổ chức trò chơi: *Ai nhanh, ai đúng?*  Các tổ sẽ thi đua nối tiếp lên bảng viết các chất cơ thể người lấy thải ra môi trường  - GV tổng kết trò chơi, tuyên dương nhóm thắng cuộc  =>***Kết luận: Quá trình trên là quá trình trao đổi chất***  *+ Quá trình trao đổi chất là gì?*  => GV kết luận và kết thúc hoạt động  ***\* GD BVMT:*** *Con người cần đến không khí, thức ăn, nước uống từ môi trường nên bảo vệ môi trường cũng là bảo vệ cuộc sống của mình*  ***HĐ 2: Hoàn thành sơ đồ trao đổi chất***  - Yêu cầu HS hoàn thành sơ đồ TĐC  - GV nhận xét, tuyên dương các nhóm có sơ đồ đúng và đẹp  **4. Hoạt động ứng dụng *(1p)*** |

**ĐIỀU CHỈNH-BỔ SUNG**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**ĐỊA LÍ**

**LÀM QUEN VỚI BẢN ĐỒ**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- HS nắm được định nghĩa đơn giản về bản đồ, một số yếu tố của bản đồ: tên, phương hướng, tỉ lệ bản đồ

- Nắm được các kí hiệu của một số đối tượng địa lí thể hiện trên bản đồ.

**2. Kĩ năng**

- Bước đầu có kĩ năng sử dụng bản đồ

**3. phẩm chất**

- Trách nhiệm, hợp tác

**4. Góp phần phát triển các năng lực:**

- NL tự chủ, NL giải quyết vấn đề, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ

*\* GDQPAN: Giới thiệu bản đồ hành chính VN và khẳng định 2 quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa là của Việt Nam*

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Bản đồ Địa lí tự nhiên Việt Nam, Bản đồ hành chính

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm.

- KT: đặt câu hỏi, trình bày một phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm 2

I**II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của HS** | **Hoạt động của GV** |
| -TBHT điều hành lớp trả lời, nhận xét | **1.Khởi động:***(3p)*  *+ Môn Lịch sử - Địa lí giới thiệu cho em những gì?*  - GV chốt ý và giới thiệu bài |
| **2. Bài mới:***(30p)*  **\* Mục tiêu:**  - HS nắm được định nghĩa đơn giản về bản đồ, một số yếu tố của bản đồ: tên, phương hướng, tỉ lệ bản đồ  - Nắm được các kí hiệu của một số đối tượng địa lí thể hiện trên bản đồ.  - Bước đầu có kĩ năng sử dụng bản đồ  **\* Cách tiến hành** | |
| **Nhóm 2 – Lớp**  - Quan sát và nêu tên bản đồ  - HS làm việc nhóm 2 – chia sẻ lớp  *+ Bản đồ là hình vẽ thu nhỏ 1 khu vực hay toàn bộ bề mặt trái đất theo một tỉ lệ nhất định.*  *+ Chụp ảnh bằng máy bay hay vệ tinh – Nghiên cứu vị trí các đối tượng cần thể hiện – Tính toán khoảng cách thự tế, thu nhỏ lại chính xác theo tỉ lệ - Lựa chọn kí hiệu và thể hiện trên bản đồ*  - HS quan sát chỉ vị trí Hồ Hoàn Kiếm, đền Ngọc Sơn.  **Nhóm 4 – Lớp**  - HS thực hành và chia sẻ lớp:  + Tên bản đồ  + Phương hướng  + Tỉ lệ  + Kí hiệu  - HS thực hành nêu các yếu tố của bản đồ trên bản đồ này  - HS lắng nghe  - Thực hành xác định các yếu tố của bản đồ  - Tìm hiểu thêm về lược đồ và so sánh xem bản đồ và lược đồ có gì giống và khác nhau | ***HĐ 1: Tìm hiểu về bản đồ****.*  - GV treo một số bản đồ đã chuẩn bị, trong đó có *bản đồ hành chính VN và khẳng định chủ quyền 2 quần đảo HS và TS*  - Yêu cầu đọc thông tin SGK và cho biết:  *+ Bản đồ là gì?*  *+ Các bước vẽ bản đồ?*  🡪 GV kết luận lại nội dung các câu hỏi  - HD quan sát H1 và H2 (SGK).  ***HĐ 2: Một số yếu tố của bản đồ.***  - Yêu cầu làm việc nhóm 4, tìm hiểu về các yếu tố của bản đồ, nêu ý nghĩa của từng yếu tố.  - Yêu cầu thực hành trên bản đồ Địa lí tự nhiên VN  - GV kết luận, chốt kiến thức.  **3. Hoạt động ứng dụng *(1p)*** |

**ĐIỀU CHỈNH-BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TUẦN 2** *Thứ ....... ngày ...... tháng ..... năm .........*

**TẬP ĐỌC**

**DẾ MÈN BÊNH VỰC KẺ YẾU *(tiếp theo)***

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- HS hiểu được ND: Ca ngợi Dế Mèn có tấm lòng nghĩa hiệp, ghét áp bức, bất công, bênh vực chị Nhà Trò yếu đuối.

- Chọn được danh hiệu phù hợp với tính cách của Dế Mèn (trả lời được các câu hỏi trong SGK).

**2. Kĩ năng**

- Đọc rành mạch, trôi chảy; giọng đọc phù hợp tính cách của nhân vật Dế Mèn.

**3. Thái độ**

- GD HS tinh thần dũng cảm bảo vệ lẽ phải, bênh vực kẻ yếu

**4. Góp phần phát triển năng lực**

**-** Năng lực tự học, NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ.

*\* KỸ NĂNG SỐNG ;*

*- Thể hiện sự thông cảm.*

*- Xác định giá trị.*

*- Tự nhận thức về bản thân.*

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: + Tranh minh hoạ bài tập đọc trang 15, SGK (phóng to nếu có điều kiện).

+ Bảng phụ viết sẵn đoạn luyện đọc

- HS: SGK, vở viết

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- Phương pháp: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm.

- Kĩ thuật: Kĩ thuật đặt câu hỏi, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - 2 HS thực hiện | **1. Khởi động:** *(5p)*  + Đọc thuộc lòng bài Mẹ ốm  + Nêu ND bài  - GV nhận xét, dẫn vào bài |
| **2. Luyện đọc:** *(8-10p)*  **\* Mục tiêu:** Đọc với giọng trôi chảy, mạch lạc với giọng kể chậm rãi, phát âm đúng, hiểu nghĩa một số từ ngữ.  \* **Cách tiến hành:** | |
| - 1 HS đọc bài, cả lớp đọc thầm  - Lắng nghe  - Lớp trưởng điều hành cách chia đoạn  - Bài được chia làm 3 đoạn  + Đoạn 1: Từ đầu.......hung dữ  + Đoạn 2: Tiếp theo.......chày giã gạo  + Đoạn 3: Còn lại  - Nhóm trưởng điều hành nhóm đọc nối tiếp đoạn trong nhóm lần 1 và phát hiện các từ ngữ khó (*chung quanh, nhện gộc, lủng củng, chóp bu, chúa trùm, nặc nô, co rúm, dạ ran ,....)*  - Luyện đọc từ khó: Đọc mẫu (M4)-> Cá nhân (M1)-> Lớp  - Giải nghĩa từ khó (đọc chú giải)  - HS đọc nối tiếp đoạn lần 2 theo điều khiển của nhóm trưởng  - Các nhóm báo cáo kết quả đọc  - 1 HS đọc cả bài (M4) | - Gọi 1 HS đọc bài (M3)  - GV lưu ý giọng đọc cho HS: Toàn bài đọc với giọng kể chuyện: rành mạch, rõ ràng, phân biệt lời nhân vật Dế Mèn: dõng dạc, oai phong  \* Nhấn giọng những từ ngữ miêu tả: *sừng sững, lủng củng, chóp bu, co rúm, béo múp béo míp,....*  - GV chốt vị trí các đoạn:  - Lưu ý sửa lỗi đọc và ngắt nghỉ cho các HS (M1) |
| **3.Tìm hiểu bài:** *(8-10p)*  **\* Mục tiêu:** HS hiểu nội dung từng đoạn và nội dung cả bài.  **\* Cách tiến hành: *Làm việc nhóm 4 – Chia sẻ trước lớp*** | |
| - 1 HS đọc 4 câu hỏi  - HS làm việc theo nhóm 4 – Chia sẻ kết quả dưới sự điều hành của TBHT  *+ Bọn Nhện chăng tơ ngang kín đường, sừng sững giữa lối đi trong khe đá......*  *+ Chúng mai phục như vậy để bắt Nhà Trò trả nợ.*  **\* Cảnh mai phục của bọn nhện thật đáng sợ.**  *+ Chủ động hỏi, lời lẽ oai phong…*  *+ Hành động tỏ rõ sức mạnh: Quay phắt lưng, phóng càng đạp phanh phách…*  *+ Phân tích theo cách so sánh và đe doạ chúng.*  *+ Chúng sợ hãi dạ ran , phá dây tơ chăng lối.*  **\* Dế Mèn ra oai với bọn Nhện.**  *+ Chúng sợ hãi dạ ran cuống cuồng chạy, chạy ngang , phá hết các dây tơ chăng lối.*  **\* Dế Mèn giảng giải để bọn nhện nhận ra lẽ phải.**  ***+*** *Dế Mèn xứng đáng nhận danh hiệu hiệp sĩ vì Dế Mèn hành động mạnh mẽ, kiên quyết và hào hiệp ....*  **\* Ca ngợi Dế Mèn có tấm lòng nghĩa hiệp, ghét áp bức, bất công,bênh vực kẻ yếu.**  - HS ghi lại ý nghĩa của bài | - GV yêu cầu đọc các câu hỏi cuối bài  *+ Trận địa mai phục của bạn nhện đáng sợ như thế nào?*  *+ Chúng giăng trận địa như vậy để làm gì?*  *=> Nội dung đoạn 1?*  *+ Dế Mèn đã làm cách nào để bọn nhện phải sợ?*  *+ Dế Mèn đã nói như thế nào để bọn Nhện nhận ra lẽ phải?*  *+ Bọn Nhện sau đó đã hành động như thế nào?*  *=> Đoạn 2 giúp em hình dung ra cảnh gì?*  *+ Sau lời lẽ đanh thép của Dế Mèn, bọn nhện đã hành động như thế nào?*  *=> Nêu nội dung chính của đoạn?*  *+ Em thấy có thể tặng Dế Mèn danh hiệu nào trong số các danh hiệu Sau đây: võ sĩ, tráng sĩ, hiệp sĩ, dũng sĩ, anh hùng?*  + Nêu nội dung bài |
| **4. Luyện đọc diễn cảm***(8-10p)*  **\* Mục tiêu:** HSđọc diễn cảm được đoạn số 2 của bài, thể hiện được giọng điệu oai phong và hành động mạnh mẽ của Dế Mèn  **\* Cách tiến hành: Hoạt động cá nhân – nhóm - cả lớp** | |
| - HS nêu lại giọng đọc cả bài  - 1 HS M4 đọc mẫu toàn bài  - Nhóm trưởng điều hành:  + Luyện đọc theo nhóm  + Vài nhóm thi đọc trước lớp.  - Bình chọn nhóm đọc hay.  - HS nêu  - VN tìm đọc tác phẩm Dế Mèn phiêu lưu kí của Tô Hoài | - Yêu cầu HS nêu giọng đọc toàn bài.  - Yêu cầu đọc diễn cảm đoạn 2  - GV nhận xét, đánh giá chung  **5. Hoạt động ứng dụng** *(1 phút)*  + Em học được điều gì từ Dế Mèn?  - GV giáo dục HS học tập thái độ bảo vệ lẽ phải, bảo vệ kẻ yếu của Dế Mèn  **6. Hoạt động sáng tạo** *(1 phút)* |

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TOÁN**

***Tiết 6:* CÁC SỐ CÓ SÁU CHỮ SỐ**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Biết mối quan hệ giữa các đơn vị các hàng liền kề

- Biết viết, đọc các số có đến sáu chữ số

**2. Kĩ năng**

- Vận dụng kiến thức làm các bài tập liên quan

**3. Thái độ**

- HS có thái độ học tập tích cực.

**4. Góp phần phát triển năng lực:**

**-** Năng lực tự học, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL tư duy - lập luận logic.

\*Bài tập cần làm: Bài 1; bài 2; bài 3; bài 4 (a,b)

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Bảng phụ kẻ sẵn nội dung bài tập 1, 2

- HS: Sách, bút

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- Phương pháp vấn đáp, động não, quan sát, thực hành, đặt và giải quyết vấn đề, hoạt động nhóm.

- Kĩ thuật đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC;**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - HS chơi trò chơi Chuyền điện.  - Cách chơi: Đọc ngược các số tròn trăm từ 900 đến 100. | **1. Khởi động:** *(3p)*    - GV giới thiệu vào bài |
| **2. Hình thành kiến thức***:(12p)*  **\* Mục tiêu:**  - Biết mối quan hệ giữa các đơn vị các hàng liền kề  - Biết viết, đọc các số có đến sáu chữ số  **\* Cách tiến hành: Hoạt động cả lớp** | | |
| - HS viết số: 1  10  100  *+ 10 đơn vị*  - HS viết : 1000 -> Một nghìn  10 000  100 000 -> Một trăm nghìn  - HS lắng nghe  - HS nêu giá trị của các hàng và viết số rồi đọc số | - GV đọc số: 1 đơn vị  1 chục  1 trăm  *+ Bao nhiêu đơn vị hàng bé bằng 1 đơn vị hàng lớn hơn tiếp liền?*  - GV đọc số: 10 trăm  10 nghìn  10 chục nghìn  - GV chốt: ***10 đơn vị hàng bé bằng 1 đơn vị ở hàng lớn hơn tiếp liền***  - Gv gắn các thẻ lên các cột tương ứng.  - Gv ghi kết quả xuống dưới.  - GV chốt lại cách đọc, viết |
| **3. HĐ thực hành (18p)**  **\* Mục tiêu**: HS vận dụng kiến thức làm được các bài tập  **\* Cách tiến hành** | | |
| **Cá nhân – Nhóm 2- Lớp**  - Hs nêu yêu cầu của bài  - HS thực hiện cá nhân – Đổi chéo theo cặp đôi - Chia sẻ trước lớp  - 1 hs đọc đề bài.  **Cá nhân – Lớp**  - HS làm cá nhân và chia sẻ trước lớp  **Cá nhân – Lớp**  - HS làm cá nhân  - Chia sẻ cách đọc:  96 315: Chín mươi sáu nghìn ba trăm mười lăm  796 315: Bảy trăm chín mươi sáu nghìn ba trăm mười lăm.  (......)  **Cá nhân – Nhóm 2 – Lớp**  - HS viết cá nhân – Đổi chéo KT – Thống nhất đáp án:  a) 63 115  b) 723 936 (....)  - Thực hành đọc, viết các số có 6 chữ số  - Tìm cách đọc, viết các số có 7 chữ số | **Bài 1**: Viết theo mẫu  - Gọi HS đọc yêu cầu bài tập.  - GV đính bảng phụ lên và hướng dẫn HS phân tích bảng, HD cách làm.  \* Chú ý hs M1+M2 biết cách thực hiện  - GV chốt đáp án, chốt cách đọc, viết các số có 6 chữ số  **Bài 2:** Viết theo mẫu.  - Tổ chức cho hs làm bài cá nhân  - Chữa bài nhận xét.  **Bài 3**: Đọc các số tương ứng.  - Gv yêu cầu HS làm cá nhân vào vở  - GV nhận xét, đánh giá bài làm trong vở của HS.  - Chữa bài, nhận xét.  **Bài 4a,b *(HSNK làm cả bài):***Viết các số sau.  - GV đọc từng số cho hs viết vào bảng con.  - Củng cố cách viết số  **4. Hoạt động ứng dụng *(1p)***  **5. Hoạt động sáng tạo *(1p)*** |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**KHOA HỌC**

**CƠ THỂ NGƯỜI TRAO ĐỔI CHẤT NHƯ THẾ NÀO?(T2)**

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**KHOA HỌC**

**TRAO ĐỔI CHẤT Ở NGƯỜI (tt)**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

**-** Nêu được những biểu hiện bên ngoài của quá trình trao đổi chất và những cơ quan thực hiện quá trình đó.

-Nêu được vai trò của cơ quan tuần hoàn trong quá trình trao đổi chất xảy ra bên trong cơ thể. Trình bày được sự phối hợp động của cơ quan tiêu hóa, hô hấp, tuần hoàn, bài tiết trong quá trình trong đổi chất bên trong cơ thể và của cơ thể đối với môi trường.

**2. Kĩ năng**

- Hoàn thành và mô tả sơ đồ mối liên hệ giữa một số cơ quan trong quá trình TĐC

**3. Thái độ**

- Có ý thức chăm sóc, bảo vệ sức khoẻ

**4. Góp phần phát triển các năng lực:**

- NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL hợp tác, NL khoa học,...

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: :+ Hình minh hoạ trang 8 / SGK (phóng to nếu có điều kiện).

+ Sơ đồ mối liên hệ một số cơ quan trong quá trình TĐC

- HS: bút dạ

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: quan sát, hỏi đáp, thảo luận, trò chơi học tập, thí nghiệm.

- KT: Động não, chia sẻ nhóm đôi, tia chớp

**II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt đông của của học sinh** | **Hoạt đông của giáo viên** | |
| - HS trả lời dưới sự điều hành của TBHT  *+ HS trả lời* | **1, Khởi động *(3p)***  *+ Trong quá trình sống, con người lấy vào những gì và thải ra những gì?*  - GV nhận xét, khen/ động viên, dẫn vào bài mới. | |
| **2. Bài mới:***(30p)*  **\* Mục tiêu:**  **-** Nêu được những biểu hiện bên ngoài của quá trình trao đổi chất và những cơ quan thực hiện quá trình đó.  -Nêu được vai trò của cơ quan tuần hoàn trong quá trình trao đổi chất xảy ra bên trong cơ thể. Trình bày được sự phối hợp động của cơ quan tiêu hóa, hô hấp, tuần hoàn, bài tiết trong quá trình trong đổi chất bên trong cơ thể và của cơ thể đối với môi trường.  - Hoàn thành và mô tả sơ đồ mối liên hệ giữa một số cơ quan trong quá trình TĐC  **\* Cách tiến hành: Cá nhân-Nhóm –Lớp** | |
| **Nhóm 4- Lớp**    - HS làm việc nhóm 4 – Chia sẻ lớp.  *1) Cơ quan tiêu hoá, hô hấp, tuần hoàn, bài tiết*  *2) + Cơ quan tiêu hoá: tiêu hoá thức ăn thành chất dinh dưỡng nuôi cơ thể và thải ra phân*  *+ Cơ quan hô hấp: lấy vào ô-xi và thải khí các-bô-nic*  *+ Cơ quan tuần hoàn: đưa máu tới các cơ quan của cơ thể*  *+ Cơ quan bài tiết: hấp thụ nước và thải ra nước tiểu, mồ hôi,..*  - HS lắng nghe  **Nhóm 2 – Lớp**  - HS làm việc nhóm, hoàn thiện sơ đồ và chia sẻ lớp  - Nêu MLH dựa vào sơ đồ  *+ Các cơ quan khác cũng ngừng hoạt động và cơ thể sẽ chết*  - HS đọc phần bài học cuối sách    - Ghi nhớ vai trò của các cơ quan  - VN thực hành tìm hiểu quá trình hoạt động của 4 cơ quan trong bài. | **Hoạt động 1: Vai trò của mỗi cơ quan trong quá trình TĐC**  - Yêu cầu HS quan sát hình 8 / SGK và thảo luận trả lời các câu hỏi:  *1) Những cơ quan được vẽ trong hình?*  *2) Nêu vai trò của mỗi cơ quan đó trong quá trình TĐC*    ***- GV nhận xét, chốt lại vai trò của các cơ quan***  **Hoạt động 2: *Tìm hiểu mối quan hệ giữa các cơ quan trong quá trình trao đổi chất ở người:***  - GV phát sơ đồ trống cho các nhóm, yêu cầu hoàn thiện sơ đồ  - Yêu cầu dựa vào sơ đồ nêu MLH giữa các cơ quan  *+ Điều gì sẽ xảy ra nếu một trong các cơ quan trên ngừng hoạt động?*  - GV chốt lại kiến thức, kết luận bài học  **3. HĐ ứng dụng *(1p)***  **4. HĐ sáng tạo *(1p)*** | |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

:..............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**CHÍNH TẢ**

**MƯỜI NĂM CÕNG BẠN ĐI HỌC**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức:**

- Nghe -viết đúng bài CT; trình bày đúng các hình thức đoạn văn

- Làm đúng BT2 phân biệt s/x, ăn/ăng, giải được câu đố BT 3a

**2. Kĩ năng:**

**-** Rèn kĩ năng viết đẹp, viết đúng chính tả.

**3. Thái độ:**

**-** Giáo dục tính cẩn thận, chính xác, yêu thích chữ viết

**4. Góp phần phát triển năng lực:**

**-** NL tự chủ và tự học, NL sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Bảng phụ, phiếu học tập.

- HS: Vở, bút,...

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- Phương pháp vấn đáp, động não, quan sát, thực hành, đặt và giải quyết vấn đề, hoạt động nhóm, trò chơi học tập.

- Kĩ thuật đặt câu hỏi, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBVN điều hành HS cùng hát kết hợp với vận động tại chỗ | **1. Khởi động: (***3p***)**  - GV dẫn vào bài mới |
| **2. Chuẩn bị viết chính tả:** *(5p)*  **\* Mục tiêu:** HS hiểu được nội dung bài CT, viết được các từ khó, dễ lẫn và các hiện tượng chính tả, cách viết đoạn văn.  **\* Cách tiến hành:** | |
| - 1 HS đọc- HS lớp đọc thầm  *+ Đoạn văn viết về bạn Đoàn Trường Sinh 10 năm cõng bạn đi học*  *+ Trong suốt 10 năm, bạn Đoàn Trường Sinh không ngại đường qua đèo, suối, khúc khuỷu, gập ghềnh, ngày nào cũng cõng bạn Hanh tới trường.*  *-* HS nêu từ khó viết*: khúc khuỷu, gập ghềnh, không quản khó khăn, đội tuyển,...*  - Viết từ khó vào vở nháp | a. Trao đổi về nội dung đoạn cần viết  - Gọi HS đọc đoạn văn trong SGK.  *+ Đoạn văn viết về ai?*  *+ Câu chuyện có điều gì cảm động?*  - Hướng dẫn viết từ khó: Gọi HS nêu từ khó, sau đó GV đọc cho HS luyện viết.  - Lưu ý viết hoa các tên riêng có trong bài |
| **3. Viết bài chính tả:** *(15p)*  **\* Mục tiêu:** Hs nghe -viết tốt bài chính tả theo cách viết đoạn văn.  **\* Cách tiến hành:** | |
| - HS nghe - viết bài vào vở | - GV đọc bài cho HS viết  - GV theo dõi và nhắc nhở, giúp đỡ HS viết chưa tốt.  - Nhắc nhở cách cầm bút và tư thế ngồi viết. |
| **4. Đánh giá và nhận xét bài:** *(5p)*  **\* Mục tiêu:** Giúp HS tự đánh giá được bài viết của mình và của bạn. Nhận ra các lỗi sai và sửa sai  **\* Cách tiến hành: Cá nhân- Cặp đôi** | |
| - Học sinh xem lại bài của mình, dùng bút chì gạch chân lỗi viết sai. Sửa lại xuống cuối vở bằng bút mực  - Trao đổi bài (cặp đôi) để soát hộ nhau  - Lắng nghe. | - Cho học sinh tự soát lại bài của mình theo.  - GV nhận xét, đánh giá 5 - 7 bài  - Nhận xét nhanh về bài viết của HS |
| **5. Làm bài tập chính tả:** *(5p)*  **\* Mục tiêu:** Giúp HS phân biệt được s/x, ăn/ăng  **\* Cách tiến hành: Cá nhân-Cặp đôi- Chia sẻ trước lớp** | |
| Lời giải: **sau, rằng, chăng, xin, băn khoăn, xem**  - 1 hs đọc to đoạn văn đã điền hoàn chỉnh.  *+ Đáng cười ở sự đãng trí của vị khách, bà ta hỏi không phải để xin lỗi mà hỏi để xem mình đã tìm đúng ghế ngồi chưa*  - Lời giải: sáo - sao  - Viết 5 tiếng, từ chứa s/x  - Tìm các câu đố chữ tương tự và giải các câu đố đó. | **Bài 2:** Chọn cách viết đúng trong ngoặc đơn  *+ Câu chuyện có gì đáng cười?*  **Bài 3:**  **6. Hoạt động ứng dụng** *(1p)*  **7. Hoạt động sáng tạo** *(1p)* |

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TOÁN**

***Tiết 7:* LUYỆN TẬP**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Viết và đọc được các số có đến sáu chữ số

**2. Kĩ năng**

- Rèn kĩ năng đọc, viết các số có 6 chữ số

**3. Thái độ**

- HS tích cực, chăm chỉ, sáng tạo

**4. Góp phần phát huy các năng lực**

**-** Năng lực tự học, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL tư duy - lập luận logic.

\* BT cần làm: Bài 1, bài 2, bài 3 (a, b, c), bài 4 (a, b)

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Bảng phụ viết sẵn nội dung bài tập 1, trang 10, SGK.

-HS: SGK,...

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm

- Kĩ thuật: đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của HS** | **Hoạt động của GV** |
| **-** Trò chơi Truyền điện  + Nội dung: Đọc viết các số có 6 chữ số  + TBHT điều hành | **1. Khởi động *(3p)***  - GV nhận xét chung, chuyển ý vào bài mới |
| **2. Hoạt động thực hành (30p)**  **\* Mục tiêu**: Viết và đọc được các số có đến sáu chữ số  **\* Cách tiến hành:** | | |
| **Cá nhân – Nhóm 2 – Lớp**  - Hs nêu yêu cầu của bài.  - Hs làm việc cá nhân – Đổi chéo KT  - Thống nhất đáp án:   |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | Viết số | Trăm ngàn | Chục ngàn | Ngàn | Trăm | Chục | Đơn vị | | 653267 | 6 | 5 | 3 | 2 | 6 | 7 | | 425301 | **4** | **2** | **5** | **3** | 0 | 1 | | 728309 | **7** | **2** | **8** | **3** | 0 | 9 | | 425736 | **4** | **2** | **5** | **7** | 3 | 6 |   **Cá nhân – Lớp.**  - Làm cá nhân – Chia sẻ kết quả trước lớp:  a) Thực hiện đọc các số: 2453, 65243, 762543, 53620.  b)+ Chữ số 5 ở số 2453 thuộc hàng chục.  + Chữ số 5 ở số 65243 thuộc hàng chục nghìn  + Chữ số 5 ở số 762543 thuộc hàng trăm.  + Chữ số 5 ở số 53620 thuộc hàng chục nghìn.  **Cá nhân - Nhóm 2 - Lớp**  - 1 hs đọc đề bài  - HS viết số.  - Sau khi làm xong bài 2 hs ngồi cạnh nhau đỏi chéo vở cho nhau để kiểm tra.  - Thống nhất đáp án:  a) 4 300  b) 24 316  c) 24 301 (...)  - Hs chơi trò chơi Tiếp sức  a. 300 000; 400 000; 500 000; 600 000;  700 000; 800 000  b. 350 000; 360 000; 370 000; 380 000; 390 000; 400 000    - VN tiếp tục đọc và viết các số có 6 chữ số  - Tìm hiểu cách đọc, viết các số có 7 chữ số | **Bài 1**: Viết theo mẫu.  - Hs đọc đề bài.  - Yêu cầu hs làm bài vào vở, chia sẻ kết quả.  - Gv nhận xét, chốt cách đọc, viết số  **Bài 2**: Đọc các số sau.  a. Gọi hs nối tiếp đọc các số đã cho.  b. Cho biết chữ số 5 ở mỗi số trên thuộc hàng nào?  - Chữa bài, nhận xét, chốt cách xác định giá trị của từng chữ số  **Bài 3a, b, c *(HSNK hoàn thành cả bài):*** Viết các số sau.  - Gv đọc từng số .  - Gv nhận xét.  **Bài 4a, b**: (***HSNK làm cả bài)*** Viết các số thích hợp vào chỗ trống.  - Tổ chức cho hs chơi trò chơi.  - Gọi 1 số hs lên thi điền tiếp sức.  - Tổng kết trò chơi  **3. Hoạt động ứng dụng** *(1p)*  **4. Hoạt động sáng tạo** *(1p)* |

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**LỊCH SỬ**

**LÀM QUEN VỚI BẢN ĐỒ (tt)**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- HS nắm được các yếu tố của bản đồ, biết cách sử dụng bản đồ, biết khai thác kiến thức từ bản đồ.

**2. Kĩ năng**

- HS thực hành trên lược đồ, bản đồ cụ thể.

**3. Thái độ**

- Hs có thái độ học tập tích cực, tự giacs

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL ngôn ngữ, NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo.

*\*GDQP-AN:Giới thiệu bản đồ hành chính VN và khẳng định 2 quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa là của Việt Nam*

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Bản đồ hành chính, lược đồ

- HS: SGK, ...

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm.

- KT: Kĩ thuật đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBHT điều hành lớp trả lời, nhận xét. | **1.Khởi động:***(3p)*  *+ Nêu các yếu tố của bản đồ*  *+ Thực hành trên bản đồ*  - GV nhận xét, khen/ động viên, dẫn vào bài mới |
| **2.Bài mới:***(30p)*  ***\* Mục tiêu***  - HS nắm được các yếu tố của bản đồ, biết cách sử dụng bản đồ, biết khai thác kiến thức từ bản đồ.  - HS thực hành trên lược đồ, bản đồ cụ thể.  ***\* Cách tiến hành:*** | |
| **Nhóm 2 – Lớp**  - HS thảo luận và chia sẻ  + Bước 1: Nắm rõ tên bản đồ.  *+ Bước 2: Xem chú giải để biết kí hiệu đối tượng lịch sử hoặc địa lí.*  *+ Bước 3: Tìm đối tượng trên bản đồ dựa vào kí hiệu.*  **Cá nhân – Lớp**  - HS quan sát cá nhân.  - 3 HS nối tiếp chỉ hướng Bắc, Nam, Đông, Tây trên lược đồ.  - 2 HS nối tiếp chỉ từng kí hiệu trên lược đồ và gọi tên đối tượng lịch sử  - HS nhận xét, bổ sung  - HS quan sát, làm việc theo 3 bước  - HS nêu tên, tỉ lệ.  - HS nêu các đối tượng địa lí.  - HS chỉ và nêu tên một số con sông  - HS nhận xét, bổ sung  - HS thực hành  - HS nêu cách gìn giữ, bảo vệ chủ quyền biển đảo  - VN tiếp tục thực hành với các loại bản đồ, lược đồ  - Tập thể hiện một vài đối tượng đơn giản trên lược đồ. | **HĐ1: *Hướng dẫn sử dụng bản đồ:***  - Yêu cầu HS đọc tt SGK, thảo luận nhóm 2 và nêu các bước sử dụng bản đồ  - GV nhận xét, chốt ý.  **HĐ2:*****Hướng dẫn thực hành:***  - Yêu cầu quan sát lược đồ trang 8 (SGK).  - Yêu cầu HS chỉ các hướng  - Yêu cầu HS chỉ các đối tượng trên lược đồ.  - GV nhận xét, kết luận.  - Yêu cầu quan sát lược đồ trang 9 (SGK).  - Yêu cầu HS nêu tên, tỉ lệ của bản đồ.  - Yêu cầu HS nêu các đối tượng địa lí được kí hiệu trên bản đồ.  - Yêu cầu HS chỉ và nêu tên một số con sông được thể hiện trên bản đồ.  - GV nhận xét, kết luận.  - Đưa bản đồ hành chính VN, yêu cầu HS thực hành với bản đồ, chỉ vị trí quần đảo HS và TS trên bản đồ  *\* GV khẳng định chủ quyền với 2 quần đảo này*  **3. Hoạt động ứng dụng** *(1p)*.  **4. Hoạt động sáng tạo** *(1p)* |

**ĐIỀU CHỈNH-BỔ SUNG**

..........................................................................................................................................................................................................................................................................

.....................................................................................................................................

*Thứ ....... ngày ...... tháng ..... năm .........*

**LUYỆN TỪ VÀ CÂU**

**MỞ RỘNG VỐN TỪ: NHÂN HẬU - ĐOÀN KẾT**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Biết thêm một số từ ngữ (gồm cả thành ngữ, tục ngữ và từ Hán Việt thông dụng) về chủ điểm Thương người như thể thương thân (BT1, BT4) ; nắm được cách dùng một số từ có tiếng “nhân” theo hai nghĩa khác nhau: người, lòng thương người (BT2, BT3).

**2. Kĩ năng**

- HS biết vận dụng từ ngữ trong đặt câu, viết câu

**3. Thái độ**

- HS có ý thức giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL tự học, NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ.

***\* ĐCND : Không làm BT 4***

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Bảng phụ, từ điển

- HS: vở BT, bút, ...

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Quan sát, hỏi đáp, thảo luận nhóm.

- KT: Kĩ thuật đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của HS** | **Hoạt động của GV** |
| - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ | 1**. Khởi động** (3p)  - GV giới thiệu và dẫn vào bài mới |
| **2. Hoạt động thực hành***:(30p)*  **\* Mục tiêu:**  Biết thêm một số từ ngữ (gồm cả thành ngữ, tục ngữ và từ Hán Việt thông dụng) về chủ điểm Thương người như thể thương thân (BT1, BT4) ; nắm được cách dùng một số từ có tiếng “nhân” theo hai nghĩa khác nhau: người, lòng thương người (BT2, BT3).  **\* Cách tiến hành: Cá nhân-Nhóm-Cả lớp** | |
| **Nhóm 6- Lớp**  - Hs nêu yêu cầu bài.  - Hs thảo luận nhóm để hoàn thành phiếu bài tập – Chia sẻ trước lớp   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | Thể hiện lòng nhân hậu... | Trái nghĩa với Nhân hậu hoặc... | Thể hiện tinh thần đùm bọc... | Trái nghĩa với Đùm bọc hoặc... | | Lòng thương người, nhân ái, nhân đức,... | Độc ác, tàn ác, tàn bạo, hung tàn,... | Cưu mang, che chở, đỡ đần,... | ức hiếp, hiếp đáp, bắt nạt, doạ nạt,... |   **Nhóm 2 – Lớp**  - HS cùng giải nghĩa từ  - Hs làm bài nhóm 2 vào phiếu BT cá nhân.   |  |  | | --- | --- | | **"nhân"** có nghĩa là người. | **"nhân"** có nghĩa là lòng thương người | | Nhân dân, nhân loại, công nhân, nhân tài. | Nhân hậu, nhân đức, nhân ái, nhân từ. |   - HS nối tiếp nêu: *nhân đạo, ân nhân, nhân vô thập toàn, quý nhân, nhân văn*,...  - HS nối tiếp nói câu  - Viết câu vào vở  VD: Nhân dân ta có long nồng nàn yêu nước.  Bố em là công nhân.  Bà em rất nhân hậu.  Người Việt Nam ta giàu lòng nhân ái.  - Ghi nhớ các từ ngữ được mở rộng  - Tìm hiểu ý nghĩa các câu tục ngữ BT 4 | **\* Cách tiến hành:**  **Bài 1**: Tìm các từ ngữ:  - Chữa bài, nhận xét, yêu cầu HS đặt câu hoặc giải nghĩa một trong các từ mà các em tìm được  **Bài 2:** Cho các từ sau: nhân dân, nhân hậu, nhân ái, công nhân, nhân loại,...Hãy cho biết.  + Giải nghĩa từ.  + Sắp xếp các từ vào nhóm cho phù hợp.  - Gv nhận xét, chữa bài.  + Yêu cầu tìm thêm các từ có chứa tiếng "**nhân"** khác và cho biết nghĩa của tiếng trong từ  **Bài 3:** Đặt câu với 1 từ ở BT 2  - Gọi hs nối tiếp đọc câu đặt được.  - Gv nhận xét, chữa bài, lưu ý hình thức và nội dung của câu  **3. Hoạt động ứng dụng** *(1p)*  **4. Hoạt động sáng tạo** *(1p)* |

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TOÁN**

***Tiết 8:* HÀNG VÀ LỚP**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Biết được các hàng trong lớp đơn vị, lớp nghìn

- Biết giá trị của các chữ số theo vị trí của từng số đó trong mỗi số .

- Biết viết số thành tổng theo hàng.

**2. Kĩ năng**

- Vận dụng làm được các bài tập liên quan

**3. Thái độ**

- Tích cực, tự giác học bài, trình bày bài sạch sẽ, khoa học

**4. Góp phần phát triển các kĩ năng**

- Năng lực tự học, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL tư duy - lập luận logic.

\* BT cần làm: Bài 1, bài 2, bài 3

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Bảng phụ

- HS: SGk, bút

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Quan sát, hỏi - đáp, thảo luận nhóm.

- KT: đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của HS** | **Hoạt động của GV** |
| - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ | **1. HĐ khởi động *(3p)***  - GV dẫn vào bài |
| **2. Hình thành kiến thức** *(12p)*  **\* Mục tiêu:** Biết được các hàng trong lớp đơn vị, lớp nghìn  **\* Cách tiến hành** | |
| + Đơn vị, chục, trăm, nghìn, chục nghìn, trăm nghìn.  - Hs nêu lại  - HS đọc số  - 1 hs lên bảng viết từng chữ số trong số 321 vào cột ghi hàng.  - Hs đọc thứ tự các hàng. | **-**  Giới thiệu lớp đơn vị, lớp nghìn.  + Nêu tên các hàng đã học theo thứ tự từ nhỏ đến lớn?  \* Gv giới thiệu:  ***+ Hàng đơn vị, chục, trăm hợp thành lớp đơn vị.***  ***+ Hàng nghìn, chục nghìn, trăm nghìn hợp thành lớp nghìn.***  + Gv viết số 321 vào cột số  - Yêu cầu hs viết từng chữ số vào cột ghi hàng.  +Tiến hành tương tự với các số:  654 000; 654 321.  ***- Chốt lại các hàng và lớp*** |
| **3. Hoạt động Thực hành***:(18p)*  **\* Mục tiêu:**  **-** HS nhận biết vị trí, giá trị của từng chữ số trong các số.  - Tách được số thành tổng  **\* Cách tiến hành:** | |
| **Cá nhân – Lớp.**  - 1 hs đọc đề bài.  - Hs nối tiếp lên bảng viết các chữ số của từng số vào các hàng và đọc kết quả.  **Cá nhân – Lớp**  - Hs đọc đề bài.  - Chơi trò chơi Chuyền điện.  - Hs nối tiếp đọc số và nêu giá trị của chữ số:  ***\* Đáp án:***  46307: Bốn mươi sáu nghìn ba trăm linh bảy. Giá trị của chữ số 3 là: 300  56032: Năm mươi sáu nghìn không trăm ba mươi hai. Giá trị của chữ số 3 là: 30  (.....)  **Cá nhân – Nhóm 2 – Lớp**  - HS làm vào vở - Trao đổi vở thống nhất kết quả  ***\* Đáp án:***  503 060 = 500 000 + 3 000 + 60  83760 = 80000 + 3000 + 700 + 60 (…)  - HS làm cá nhân vào vở Tự học – Báo cáo kết quả  - Ghi nhớ các hàng trong lớp đơn vị, lớp nghìn  - Tìm các bài tập cùng dạng trong sách Toán buổi 2 và giải | **Bài 1**: Viết theo mẫu.  - Gọi hs nối tiếp điền và nêu kết quả.  - Chữa bài, nhận xét, chốt cách đọc viết số theo hàng và lớp  **Bài 2**: Đọc các số nêu giá trị của chữ số 3 và chữ số 7.  - Tổ chức cho hs nêu miệng kết quả.  - Chữa bài, nhận xét.  **Bài 3:** Viết mỗi số sau thành tổng.  - Tổ chức cho hs làm bài cá nhân, chữa bài.  - Gv nhận xét.  - Gv chữa bài, nhận xét.  **Bài 4+ Bài 5** ***(bài tập chờ dành cho HS hoàn thành sớm)***  - GV kiểm tra riêng từng HS  **4. Hoạt động ứng dụng** (1p)  **5. Hoạt động sáng tạo** (1p) |

**ĐIỀU CHỈNH-BỔ SUNG**

...................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**ĐẠO ĐỨC**

**TRUNG THỰC TRONG HỌC TẬP (Tiết 2)**

**I.MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- HS hiểu được tác dụng của trung thực trong học tập cũng như trong cuộc sống

**2. Kĩ năng**

- Đưa ra được các cách xử lí tình huống liên quan đến trung thực trong học tập

- Kể được các câu chuyện về trung thực trong học tập

**3. Thái độ**

- Giáo dục HS trung thực trong học tập và cuộc sống

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL tự học, NL giải quyết vấn đề, NL hợp tác, sáng tạo

*\* KỸ NĂNG SỐNG:*

*- Tự nhận thức về sự trung thực trong học tập.*

*- Bình luận, phê phán những hành vi không trung thực trong học tập.*

*- Làm chủ trong học tập.*

*\* TT HCM: Khiêm tốn học hỏi*

***\*GT:* *Không yêu cầu HS lựa chọn phương án phân vân trong các tình huống bày tỏ thái độ của mình về các ý kiến: tán thành, phân vân hay không tán thành mà chỉ có tán thành hoặc không tán thành.***

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Phiếu học tập

- HS: SGK,

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm, trò chơi, đóng vai.

- KT: động não, tia chớp, chia sẻ nhóm 2

**III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của HS** | **Hoạt động của GV** |
| - TBHT điều hành lớp trả lời, nhận xét | **1.Khởi động:***(3p)*  *+ Nêu các biểu hiên của trung thực trong học tập*  *+ Vì sao cần trung thực trong học tập?*  - GV nhận xét, dẫn vào bài mới |
| **2. Hoạt động thực hành:** *(30p)*  **\*Mục tiêu:**  - Đưa ra được các cách xử lí tình huống liên quan đến trung thực trong học tập  - Kể được các câu chuyện về trung thực trong học tập  **\* Cách tiến hành:** | | |
| **Nhóm 4 – Lớp**  - HS thảo luận nhóm, đưa ra các ứng xử trong từng tình huống và chia sẻ trước lớp:  TH1: Chịu nhận điểm kém và cố gắng học để gỡ điểm lại.  TH 2: Báo cho cô biết để sữa điểm lại cho đúng  TH3: Nói cho bạn biết là làm vậy là không trung thực trong học tập.  - HS có thể phân vai dựng lại một trong các tình huống  **Cá nhân – Lớp**  - HS kể chuyện và nêu bài học rút ra qua câu chuyện của mình  - Lớp nhận xét, bình chọn câu chuyện hay, người kể chuyện hấp dẫn, câu chuyện có ý nghĩa  - HS lắng nghe  **\* Nhóm 6 – Lớp**  - HS trình bày tiểu phẩm đã chuẩn bị  - Các nhóm khác tương tác, đặt câu hỏi cho các bạn  - HS trả lời câu hỏi với từng tình huống  - Bình chọn kịch bản hay, bạn diễn xuất sắc,...  - HS lắng nghe  - Thực hiện trung thực trong học tập và cuộc sống  - VN tìm hiểu về các hành vi thiếu trung thực mà em biết và hậu quả của các hành vi đó | **HĐ 1: Xử lí tình huống** (Bài tập 3):  - GV chia lớp thành nhóm 4  ̣  TH 1: Em sẽ làm gì nếu không làm được bài kiểm tra?  ̣TH2: Em sẽ làm gì nếu bị điểm kém mà cô giáo ghi nhầm là điểm tốt?  ̣TH 3: Em làm gì nếu trong giờ kiểm tra bạn bên cạnh không làm được bài và cầu cứu em?  - GV kết luận về cách ứng xử đúng trong mỗi tình huống:  **HĐ 2: Kể chuyện (**Bài tập 4)  - GV yêu cầu một vài HS sưu tầm được mẫu chuyện, tấm gương và trung thực trong học tập lên trình bày.  - **GV kết luận, giáo dục tư tưởng HCM:** *Xung quanh chúng ta có nhiều tấm gương về trung thực trong học tập. Chúng ta cần học tập các bạn đó..*  **HĐ 3: Trình bày tiểu phẩm** (Bài tập 5)  - GV mời các nhóm lên trình bày tiểu phẩm đã được chuẩn bị  - GV cho cả lớp thảo luận chung:  *+ Em có suy nghĩ về tiểu phẩm vừa xem?*  *+ Nếu em ở vào tình huống đó, em có hành động như vậy không? Vì sao?*  - **GV nhận xét, kết luận**: *Mọi việc làm không trung thực đều là tính xấu, có khi còn có hại cho bản thân mình, và không được mọi người yêu mến, các em cần tránh. Không chỉ trung thực trong học tập mà còn cần trung thực cả trong cuộc sống*  **3. HĐ ứng dụng** (*1p)*  **4. HĐ sáng tạo (***1p)* |

**ĐIỀU CHỈNH-BỔ SUNG**

..............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**KỂ CHUYỆN**

**KỂ CHUYỆN ĐÃ NGHE, ĐÃ ĐỌC**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Hiểu câu chuyện thơ Nàng tiên ốc, kể lại đủ ý bằng lời của mình.

- Hiểu ý nghĩa câu chuyện: Con người cần thương yêu, giúp đỡ lẫn nhau.

**2. Kĩ năng:**

- Dựa vào bài thơ, kể lại được câu chuyện Nàng tiên Ốc bằng lời của mình.

**3. Thái độ**

- GD HS lòng nhân ái, yêu thương con người

**4. Góp phần bồi dưỡng các năng lực**

- NL giao tiếp và hợp tác, NL sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Tranh minh hoạ câu chuyện

- HS: SGK, câu chuyện

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm, đóng vau

- KT: đặt câu hỏi, động não, chia sẻ nhóm.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - HS kể chuyện  *+ Cần có lòng nhân ái, quan tâm, chia sẻ với người khác* | **1. Khởi động***:(5p)*  - Yêu cầu HS tiếp nối nhau kể từng đoạn truyện(M1+M2) hoặc kể toàn chuyện(M3+M4) Sự tích hồ Ba Bể  *+ Câu chuyện muốn nói điều gì?*  - GV nhận xét, khen/ động viên.  - Kết nối bài học |
| **2. Hướng dẫn tìm hiểu đề bài** *(5p)*  **\* Mục tiêu:** HS nắm rõ yêu cầu của bài, nắm được nội dung câu chuyện  **\* Cách tiến hành: Cá nhân - Lớp** | |
| - 2 HS đọc  - HS trả lời các câu hỏi  *+ Con ốc rất xinh, vỏ màu xanh biêng biếc*  *+ Bà thương không bán nên đã thả vào chum nước.*  *+ Bà thấy sân nhà sạch sẽ,...*  *+ Bà đập vỡ vỏ ốc và ôm lấy nàng tiên*. | - Gọi HS đọc đề bài và nội dung bài thơ  - GV đặt các câu hỏi để HS nắm được nội dung câu chuyện:  *+ Bà già nghèo bắt được con ốc như thế nào?*  *+ Bà đã làm gì với con ốc?*  *+ Khi đi làm về, bà lão thấy gì lạ?*  *+ Bà già đã làm gì khi thấy nàng tiên bước ra từ chum nước?* |
| **3 . Thực hành kể chuyện – Tìm hiểu ý nghĩa câu chuyện***:(15- 20p)*  **\* Mục tiêu:** HS ghi nhớ nội dung câu chuyện và kể lại được theo lời kể của mình. Nêu được ý nghĩa câu chuyện  **\* Cách tiến hành: Cá nhân - Nhóm- Lớp** | |
| - 2 HS ngồi cùng bàn kể chuyện, trao đổi về ý nghĩa truyện với nhau.  - 5 đến 7 HS thi kể và trao đổi về ý nghĩa truyện.  - HS đặt câu hỏi cho bạn kể chuyện về nội dung và ý nghĩa của chuyện  *+ Câu chuyện khuyên chúng ta cần biết yêu thương, đùm bọc nhau*  - Kể lại câu chuyện cho người thân nghe.  - Sưu tầm các câu chuyện khác cùng chủ đề | a/. Kể chuyện theo cặp:  ***\* Kể trong nhóm:***  - HS thực hành kể trong nhóm.  GV đi hướng dẫn những HS gặp khó khăn.  Gợi ý: Em cần dùng lời của mình để kể chứ không phải đọc lại nguyên văn các câu thơ  ***\* Kể trước lớp:***  - Tổ chức cho HS thi kể.  - GV khuyến khích HS lắng nghe và hỏi lại bạn kể những tình tiết về nội dung truyện, ý nghĩa truyện.  - Nhận xét, bình chọn bạn có câu chuyện hay nhất, bạn kể hấp dẫn nhất.  *+ Ý nghĩa câu chuyện là gì?*  \* Giúp đỡ hs M1+M2  **4. Hoạt động ứng dụng *(1p)***  **5. Hoạt động sáng tạo *(1p)*** |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**KĨ THUẬT**

**VẬT LIỆU, DỤNG CỤ CẮT, KHÂU, THÊU (tt)**

**I.MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Củng cố và tìm hiểu thêm về một số vật liệu, dụng cụ cắt khâu thêu khác

- Biết cách và thực hiện được thao tác xâu chỉ vào kim và vê nút chỉ

**2. Kĩ năng**

- Thực hành xâu chỉ và vê nút đúng kĩ thuật.

**3. Thái độ**

- Giáo dục tính cẩn thận, khéo léo, an toàn khi thực hành

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL thẩm mĩ, NL công nghệ,...

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Kim, chỉ

- HS: Bộ dụng cụ khâu, thêu

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Quan sát mẫu, hỏi đáp,

- KT: đặt câu hỏi, tia chớp, động não, phòng tranh

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBHT điều hành các bạn trả lời, nhận xét | **1. HĐ khởi động** *(3p)*  *+ Chọn vải thế nào cho phù hợp?*  *+ Khi sử dụng kéo cần chú ý điều gì?*  - GV nhận xét, khen ngợi, dẫn vào bài học |
| **2. HĐ thực hành:***(30p)*  **\* Mục tiêu**:  - Củng cố và tìm hiểu thêm về một số vật liệu, dụng cụ cắt khâu thêu khác  - Biết cách và thực hiện được thao tác xâu chỉ vào kim và vê nút chỉ  - Thực hành xâu chỉ và vê nút đúng kĩ thuật.  **\* Cách tiến hành: Cá nhân- Nhóm- Lớp** | |
| **Cá nhân – Lớp**  - HS quan sát H.4 - SGK kết hợp quan sát mẫu kim khâu để trả lời câu hỏi trong SGK.  ***\* Đáp án:*** *Kim đư­ợc làm bằng kim loại cứng, có nhiều cỡ to, nhỏ khác nhau. Mũi kim nhọn, sắc.Thân kim khâu nhỏ và nhọn dần về phía mũi kim. Đuôi kim khâu hơi dẹt, có lỗ để xâu chỉ.*  - HS lắng nghe  **Cá nhân – Nhóm 4 – Lớp**  - Học sinh quan sát H. 5 - SGK để nêu cách xâu chỉ vào kim và cách vê nút chỉ và nêu tác dụng của cách vê nút chỉ.  - 2-3 HS lênthực hiện thao tác xâu chỉ vào kim và vê nút chỉ.  - HS đọc và trả lời câu hỏi về tác dụng của vê nút chỉ  - HS thực hành theo nhóm 4 ( trao đổi, giúp đỡ lẫn nhau )  - Một số HS thực hiện thao tác xâu chỉ, vê nút chỉ.  - HS khác nhận xét các thao tác của bạn.  **Cá nhân – Lớp**  - HS nêu: thước đo, dây đo, khung thêu, phấn  - Nêu tác dụng của các loại DC đó  - HS đọc phần bài học  - VN thực hành xâu kim, vê nút chỉ  - VN tìm hiểu cách xâu kim trong máy may | **HĐ1**:**Tìm hiểu đặc điểm, cách sử dụng kim:**  - Yêu cầu HS mở bộ đồ dùng kĩ thuật , quan sát kim  *+ Mô tả đặc điểm của kim*  *+ Lưu ý an toàn khi sử dụng kim.*  ***- GV chốt ý, nhắc nhỏ HS khi sử dụng kim cần chú ý không để kim vương vãi, đâm vào tay***  **HĐ2:** **Thực hành:**  - Hướng dẫn học sinh quan sát H. 5 - SGK để nêu cách xâu chỉ vào kim và cách vê nút chỉ.  - GV và các HS khác nhận xét, bổ sung.  - HS thực hành xâu chỉ vào kim, vê nút chỉ.  - GV tổ chức cho HS thực hành theo nhóm 4.  - GV quan sát, chỉ dẫn, giúp đỡ những em còn lúng túng.  - Đánh giá kết quả thực hành.  - Đánh giá kết quả học tập của một số HS..  **HĐ3**: **GT một số vật liệu và dụng cụ khác:**  - Yêu cầu HS nêu một số DC khác cần cho khâu thêu    - GV chốt ý, tổng kết bài  **3. Hoạt động ứng dụng *(1p)***  **4. HĐ sáng tạo *(1p****)* |

**ĐIỀU CHỈNH-BỔ SUNG**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

*Thứ ....... ngày ...... tháng ..... năm .........*

**TẬP ĐỌC**

**TRUYỆN CỔ NƯỚC MÌNH**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Hiểu ND: Ca ngợi truyện cổ của nước ta vừa nhân hậu, thông minh vừa chứa đựng kinh nghiệm quý báu của cha ông. (trả lời được các câu hỏi trong SGK ; thuộc 10 dòng thơ đầu hoặc 12 dòng thơ cuối).

**2. Kĩ năng**

- Đọc rành mạch, trôi chảy; bước đầu biết đọc diễn cảm một đoạn khổ thơ với giọng tự hào, tình cảm.

**3. Thái độ**

- Biết trân trọng, yêu quý và có ý thức giữ gìn các câu chuyện cổ của nước ta.

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Tranh minh hoạ bài tập đọc trang 19 - SGK (phóng to)

- HS: SGK

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- Phương pháp: Quan sát, hỏi - đáp, đóng vai.

- Kĩ thuật: Làm việc nhóm, chia sẻ

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| + 1 HS đọc  *+ HS nêu nội dung . . .* | **1. Khởi động:** *(3p)*  *+* 1 em đọc bài:***“***Dế Mèn bênh vực kẻ yếu  *+ Nêu nội dung đoạn trích*  - GV dẫn vào bài mới |
| **2. Luyện đọc:** *(8-10p)*  **\* Mục tiêu:**  Đọc rành mạch, trôi chảy, ngắt nhịp tốt các câu thơ lục bát  \* **Cách tiến hành:** | |
| - 1 HS đọc bài, cả lớp đọc thầm  - Lớp trưởng điều hành cách chia đoạn  - Bài chia làm 3 đoạn  + Đoạn 1: *6 câu đầu*  *+* Đoạn 2*: 8 câu tiếp*  *+ Đoạn 3: Còn lại*  - Nhóm trưởng điều hành nhóm đọc nối tiếp trong nhóm lần 1 và phát hiện các từ ngữ khó (*sâu xa, độ trì, rặng dừa, độ lượng, đa tình, đa mang,...)*  - Luyện đọc từ khó: Đọc mẫu (M4)-> Cá nhân (M1)-> Lớp  - Giải nghĩa từ khó: (đọc phần chú giải)  - HS đọc nối tiếp lần 2 theo điều khiển của nhóm trưởng  - Các nhóm báo cáo kết quả đọc  - 1 HS đọc cả bài (M4) | - Gọi 1 HS đọc bài (M3)  - GV lưu ý giọng đọc: Toàn bài đọc với giọng nhẹ nhàng, mang cảm hứng ngợi ca, tự hào  - GV chốt vị trí các đoạn  - Lưu ý sửa lỗi đọc và ngắt nghỉ cho các HS (M1) |
| **3.Tìm hiểu bài:** *(8-10p)*  **\* Mục tiêu:** Hiểu nội dung bài thơ (trả lời được các câu hỏi cuối bài)  **\* Cách tiến hành: *Làm việc cá nhân – Chia sẻ nhóm 4 – Chia sẻ trước lớp*** | |
| - HS tự làm việc nhóm 4 trả lời các câu hỏi  - TBHT điều hành hoạt động báo cáo:  *+ Vì truyện cổ nước mình rất nhân hậu và có ý nghĩa rất sâu xa.có những phẩm chất tốt đẹp của ông cha ta…*  *+ Ông cha ta đã trải qua bao mưa nắng, qua thời gian để đúc rút những bài học kinh nghiệm quý báu…*  *- Lắng nghe*  *+ Gợi cho em nhớ tới truyện cổ Tấm Cám, Đẽo cày giữa đường qua chi tiết: Thị thơm thị dấu người thơm. Đẽo cày theo ý người ta…*  + HS tự nêu theo ý mình  + Mỗi HS nói về một truyện và nêu ý nghĩa .  ***+*** *Là lời ông cha răn dạy con cháu dời sau hãy sống nhân hậu, độ lượng và công bằng, chăm chỉ, tự tin.*  ***\* Nội dung: Bài thơ ca ngợi kho tàng truyện cổ của đất nước, đề cao những phẩm chất tốt đẹp của ông cha ta: nhân hậu, độ lượng, công bằng.***  - HS ghi lại nội dung bài | - GV phát phiếu học tập cho từng nhóm  *+ Vì sao tác giải yêu truyện cổ nước nhà ?*    *+ Em hiểu câu thơ : Vàng cơn nắng, trắng cơn mưa” như thế nào?*  ***\* Nhận mặt****: Giúp con cháu nhận ra tuyền thống tốt đẹp, bản sắc dân tộc của ông cha từ bao đời nay*  *+ Bài thơ gợi cho em nhớ tới truyện cổ nào, Chi tiết nào cho em biết điều đó ?*  *+ Em hãy nêu ý nghĩa của câu chuyện đó ?*  *+ Em biết những truyện cổ nào thể hiện lòng nhân hậu của người Việt Nam ta ? Nêu ý nghĩa của truyện đó ?*  *+ Em hiểu hai dòng thơ cuối bài như thế nào ?*  *+ Qua bài thơ trên tác giả muốn nói với chúng ta điều gì?*  \* HS M3+M4 đọc trả lời câu hỏi hoàn chỉnh và các câu nêu nội dung đoạn, bài. |
| - 1 HS nêu lại  - Nhóm trưởng điều khiển nhóm đọc diễn cảm  - Thi đọc diễn cảm trước lớp  - Lớp nhận xét, bình chọn.  - Học thuộc lòng bài thơ  - HS nêu theo ý hiểu  - Sưu tầm và kể lại một vài câu chuyên cổ tích Việt Nam mà em thích | + Yêu cầu HS nêu giọng đọc toàn bài  - Yêu cầu các nhóm tự chọn đoạn đọc diễn cảm  - GV nhận xét chung  **4. Hoạt động ứng dụng** *(1 phút)*  - Em học được điều gì qua các câu chuyện cổ?  **5. Hoạt động sáng tạo** *(1 phút)* |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TOÁN**

***Tiết 9:* SO SÁNH CÁC SỐ CÓ NHIỀU CHỮ SỐ**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- So sánh được các số có nhiều chữ số .

- Biết sắp xếp 4 số tự nhiên có không quá sáu chữ số theo thứ tự từ bé đến lớnchữ số.

**2. Kĩ năng**

- Củng cố kĩ năng so sánh số tự nhiên có nhiều chữ số

**3. Thái độ**

- Học tập tích cực, tính toán chính xác

**4. Góp phần phát triền các NL:**

- NL tự học, NL sáng tạo, NL giải quyết vấn đề

\* Bài tập cần làm: Bài 1, bài 2, bài 3

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Phiếu học tập.

- HS: SGK, vở,...

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Quan sát, hỏi đáp, thảo luận nhóm.

- KT: động não, tia chớp, chia sẻ nhóm 2

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - Trò chơi: Truyền điện  + TBHT điều hành  + Nội dung: hàng và lớp của các số có nhiều chữ số | **1. Khởi động *(3p)***  - GV nhận xét chung  - GV giới thiệu, dẫn vào bài mới |
| **2. Hình thành kiến thức (***12p)*  **\* Mục tiêu: :** Biết cách so sánh các số có nhiều chữ số  **\* Cách tiến hành:** ***Hoạt động cả lớp*** | |
| - Hs theo dõi.  - Hs so sánh : 99 578 < 100 000 và nêu cách so sánh của mình  \**Cách so sánh: Căn cứ vào số các chữ số:* Số nào có số các chữ số ít hơn thì số đó bé hơn và ngược lại  - HS lấy VD và so sánh  - Hs so sánh: 693 251 < 693 500 và nêu cách so sánh:  \**Cách so sánh: Khi so sánh hai số có cùng số chữ số thì so sánh các cặp chữ số cùng hàng theo thứ tự từ hàng cao nhất tới hàng thấp nhất.*  - HS lấy VD và so sánh | VD 1: So sánh 99 578 và 100 000  - Gv viết số lên bảng.  - Yêu cầu hs viết dấu > ; < ; = thích hợp và giải thích tại sao.  - Yêu cầu lấy VD  VD 2: So sánh : 693 251 và 693 500  - Vì sao em điền dấu < ?  - GV chốt lại 2 quy tắc so sánh |
| **3. HĐ thực hành *(18p)***  **\* Mục tiêu*:*** Thực hiện so sánh và sắp thứ tự các số có nhiều chữ số  **\* Cách tiến hành:** | |
| **Cá nhân – Lớp**  - 1 hs đọc đề bài.  - Hs làm bài cá nhân  - Chia sẻ kết quả - Giải thích cách làm  9999 < 10 000 ; 653 211 = 653 211  99 999 < 100 000 ; 43 256 < 432 510  726 585> 557 652; 845 713 < 854 713    **Cá nhân – Lớp**  - 1 hs đọc đề bài.  - Hs nêu cách làm.  - Hs làm bài vào vở  ***\* Đáp án:*** Số lớn nhất trong các số đã cho là số: 902011.  **Nhóm 2 – Lớp**  *+ Cần so sánh các số.*  - HS làm nhóm 2 – Chia sẻ kết quả:  Thứ tự các số theo thứ tự từ bé đến lớn : 2 467 < 28 092 < 932 018 < 943 567  - HS làm cá nhân vào vở Tự học – Báo cáo kết quả với GV  - Ghi nhớ cách so sánh các số có nhiều chữ số  - VN thực hành tìm và giải các bài tập liên quan đến so sánh các số nhiều chữ số | **Bài 1:** Điền dấu > , < , =  - Yêu cầu HS làm bài cá nhân  - Chữa bài, nhận xét, chốt cách so sánh  **Bài 2**: Tìm số lớn nhất trong các số sau.  *+ Nêu cách tìm số lớn nhất?*  - Tổ chức cho hs làm bài cá nhân.  - Chữa bài, nhận xét.  **Bài 3:** Xếp các số theo thứ tự từ bé đến lớn.  *+ Muốn xếp các số theo thứ tự từ bé đến lớn em phải làm ntn?*  - Chữa bài, nhận xét, chốt cách làm    **Bài 4 *(bài tập chờ dành cho HS hoàn thành sớm)***  - GV kiểm tra riêng từng HS  **4. HĐ ứng dụng *(1p)***  **5. HĐ sáng tạo *(1p)*** |

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

:...................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TẬP LÀM VĂN**

**KỂ LẠI HÀNH ĐỘNG CỦA NHÂN VẬT**

**I.MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Hiểu: Hành động của nhân vật thể hiện tính cách của nhân vật, nắm được cách kể hành động của nhân vật (ND ghi nhớ).

**2. Kĩ năng**

- Biết dựa và tính cách để xác định hành động của từng nhân vật (Chim Sẻ, Chim Chích), bước đầu biết sắp xếp các hành động theo thứ tự trước – sau để thành câu chuyện

**3. Thái độ**

- HS tích cực, tự giác làm việc

**4. Góp phần phát triển NL:**

**-** NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL tự học, NL giao tiếp.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Bảng phụ viết sẵn

|  |  |
| --- | --- |
| Hành động của cậu bé | Ýnghĩa của hành động |
| Giờ làm bài: ……… | ………………………… |
| Giờ trả bài: ………… | …………………………. |
| Lúc ra về: ………….. | ......................................... |

- HS: SGK, Sách Truyện đọc 4

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Quan sát, hỏi đáp, thảo luận nhóm

- KT: đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, chia sẻ nhóm 2, động não.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** | |
| - TBHT điều hành lớp trả lời, nhận xét  *+ Thể hiện qua lời nói và hành động của nhân vật đó* | **1. Khởi động:(***5p)*    *+ Tính cách nhân vật trong truyện được thể hiện qua điều gì?*  - GV kết nối - dẫn vào bài mới | |
| **2. Hình thành KT** *(15p)*  **\* Mục tiêu:**  Hiểu: Hành động của nhân vật thể hiện tính cách của nhân vật, nắm được cách kể hành động của nhân vật (ND ghi nhớ).  **\* Cách tiến hành: Cá nhân- Nhóm 4- Lớp** | |
| - 1 hs đọc đề bài.  - Hs đọc bài cá nhân.  - Đọc diễn cảm bài văn.  - Nhóm 4 hs làm bài. Đại diện nhóm nêu kết quả.   |  |  | | --- | --- | | Hành đông của cậu bé | Ý nghĩa của hành đông | | Giờ làm bài: nộp giấy trắng | Cậu bé trung thực... | | Giờ trả bài: làm thinh khi cô hỏi | Cậu rất buồn.... | | Lúc ra về: cúi đầu, khóc | Tâm trạng buồn vì nhớ ba |   *+ Thứ tự kể hành động : hành động xảy ra trước kể trước, hành động xảy ra sau kể sau.*  - 2 HS đọc ghi nhớ | ***a. Nhận xét***  - Đọc chuyện "Bài văn bị điểm không" và yêu cầu 1.  - Tổ chức cho hs đọc bài cá nhân.  **-**  Tổ chức cho hs thảo luận nhóm yêu cầu 2 ; 3.  *+ Ghi vắn tắt hành động và ý nghĩa của hành động*  *+ Các hành động kể theo thứ tự nào?*  ***b. Ghi nhớ:***  - GV chốt lại nội dung | |
| **3. HĐ thực hành (***18p)*  **\* Mục tiêu**: Biết dựa và tính cách để xác định hành động của từng nhân vật (Chim Sẻ, Chim Chích), bước đầu biết sắp xếp các hành động theo thứ tự trước – sau để thành câu chuyện  **\* Cách tiến hành: Cá nhân- Nhóm - Lớp** | |
| - Hs đọc đề bài.  - Hs trao đổi theo cặp, điền tên chim sẻ, chim chích; sắp xếp các hành động phù hợp với từng nhân vật.  - Thứ tự: 1-5-2-4-7-3-6-8-9.  - Hs kể chuyện theo dàn ý.  *+ Cần phải biết quan tâm, chia sẻ với những người bạn*  - Kể lại câu chuyện Sẻ và Chích cho người thân nghe  - Sưu tầm và kể các câu chuyện về tình bạn | - Điền tên Sẻ và Chích vào chỗ trống.  - Sắp xếp các hành động đã cho thành một nhân vật.  - Kể lại câu chuyện theo dàn ý đã được sắp xếp lại theo dàn ý.  *+ Câu chuyện muốn khuyên chúng ta điều gì?*  ***4.* HĐ ứng dụng***(1p)*  **5. HĐ sáng tạo** *(1p)* | |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**KHOA HỌC**

**CÁC CHẤT DINH DƯỠNG CÓ TRONG THỨC ĂN.**

**VAI TRÒ CỦA CHẤT BỘT ĐƯỜNG**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Sắp xếp được các thức ăn hằng ngày vào nhóm thức ăn có nguồn gốc thực vật và động vật.

- Nói tên và vai trò của những thức ăn chứa bột đường. Nhận ra nguồn gốc của những thức ăn chứa chất bột đường.

**2. Kĩ năng**

- Phân loại thức ăn dựa vào những chất dinh dưỡng có nhiều trong thức ăn đó.

**3. Thái độ**

- Có ý thức ăn uống đủ chất dinh dưỡng để cơ thể phát triển cân đối

**4. Góp phần phát triển các năng lực:**

- NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL hợp tác, NL khoa học

*\* GDBVMT: Mối quan hệ giữa con người với môi trường : Con người cần đến không khí, thức ăn, nước uống từ môi trường.*

**II. CHUẨN BỊ :**

**1. Đồ dùng**

- GV: Các hình minh hoạ SGK trang 10, 11 (phóng to nếu có điều kiện).

- HS: Một số thức ăn, đồ uống

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Quan sát, hỏi đáp, thảo luận nhóm, trò chơi, thí nghiệm

- KT: động não, tia chớp, đặt câu hỏi, chia sẻ nhóm 2

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBHT điều hành HS trả lời và nhận xét  - 4 HS nêu | **1. Khởi động** (5p)  *+ Hãy nêu vai trò của các cơ quan trong quá trình trao đổi chất*  - GV nhận xét, khen/ động viên. |
| **2.Bài mới: *(****30p)*  **\* Mục tiêu:**  - Sắp xếp được các thức ăn hằng ngày vào nhóm thức ăn có nguồn gốc thực vật và động vật.  - Nói tên và vai trò của những thức ăn chứa bột đường. Nhận ra nguồn gốc của những thức ăn chứa chất bột đường.  - Phân loại thức ăn dựa vào những chất dinh dưỡng có nhiều trong thức ăn đó.  **\* Cách tiến hành: Cá nhân-Nhóm- Lớp** | |
| **Cá nhân - Nhóm 4 - Lớp**  - HS nối tiếp kể  - HS thảo luận nhóm, phân loại:  *+ Nguồn gốc động vật: thịt, cá, tôm, cua,...*  *+ Nguồn gốc thực vật: rau, đỗ, lạc, quả,...*  - HS đề xuất cách phân loại  - HS lắng nghe  - HS lấy VD ở mỗi nhóm thức ăn  - HS liên hệ  **Cá nhân – Lớp**  - HS nêu: cơm, ngô, khoai, sắn, mì,...  *+ Chất bột đường cung cấp năng lượng cần thiết cho mọi hoạt động và duy trì nhiệt độ của cơ thể.*  - HS liên hệ  - HS nêu nội dung bài học  - *HS nêu các giải pháp BVMT, nguồn thức ăn: Không phun thuốc trừ sâu quá độ, không bón quá nhiều phân hoá học,...*  - Thực hành ăn uống đủ chất dinh dưỡng  - Lên thực đơn cho 1 ngày với các thức ăn đủ các nhóm dinh dưỡng | **HĐ1: Tập phân loại thức ăn:**  *+ Kể tên các thức ăn, đồ uống bạn thường dùng vào các bữa sáng, trưa, tối*  *+ Nói tên các đồ ăn, thức uống có nguồn gốc động vật, thực vật*  *+ Người ta có thể phân loại thức ăn theo cách nào khác?*  ***- GV: Phân loại thức ăn dựa vào tính chất dinh dưỡng có trong thức ăn đó.***  + Nhóm t.ă chứa nhiều chất bột đường  + Nhóm t.ă chứa nhiều chất đạm  + Nhóm t.ă chứa nhiều chất béo  + Nhóm t.ă chứa nhiều vi-ta-min, chất khoáng  \* *Liên hệ:* Bữa ăn của em đã đủ chât dinh dưỡng chưa?  **HĐ2:Tìm hiểu vai trò của chất bột đường:**  - Nói tên của những những thức ăn có chứa nhiều chất bột đường.  *+ Vai trò của chất bột đường là gì?*  - GV nhận xét, kết luận, tổng kết bài  \* ***GDBVMT:*** *Mối quan hệ giữa con người với môi trường : Con người cần đến không khí, thức ăn, nước uống từ môi trường. Con người cần bảo vệ môi trường sống, bảo vệ nguồn thức ăn*  **3. Hoạt động ứng dụng** (1p)  **4. Hoạt động sáng tạo *(****1p)* |

**ĐIỀU CHỈNH-BỔ SUNG**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

*Thứ ....... ngày ...... tháng ..... năm .........*

**LUYỆN TỪ VÀ CÂU**

**DẤU HAI CHẤM**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Hiểu tác dụng của dấu hai chấm trong câu (ND ghi nhớ).

**2. Kĩ năng**

- Nhận biết tác dụng của dấu hai chấm (BT1); bước đầu biết dùng dấu hai chấm khi viết văn (BT2).

**3. Thái độ**

- Tích cực, tự giác học bài..

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL tự học, NL ngôn ngữ, NL sáng tạo

***\* GDĐĐHCM****: Bác Hồ là tấm gương cao đẹp, trọn đời phấn đấu, hi sinh vì tương lai của đất nước, vì hạnh phúc của nhân dân*

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Bảng phụ

- HS: Vở BT, bút, ..

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm,

- KT: động não, đặt câu hỏi, chia sẻ nhóm 2, trình bày 1 phút

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ | **1. Khởi động *(3p)***  - Dẫn vào bài mới |
| **2. Hình thành KT (15p)**  **\* Mục tiêu:** Hiểu tác dụng của dấu hai chấm trong câu (ND ghi nhớ).  **\* Cách tiến hành:** | |
| **Nhóm 2- Lớp**  - 3 HS nối tiếp nhau đọc  - HS lắng nghe  - HS thảo luận nhóm 2 – Chia sẻ trước lớp  a. Dấu ( : ) báo hiệu phần sau là lời nói của Bác Hồ, dùng kết hợp dấu ngoặc kép  b. Báo hiệu câu sau là lời nói của Dế Mèn, kết hợp với dấu gạch ngang.  c. Dấu hai chấm báo hiệu bộ phận đi sau là lời giải thích rõ những dấu hiệu lạ…  - 2 hs đọc ghi nhớ. | ***a. Nhận xét***  - Gọi hs đọc các đoạn văn  \* ***GDĐĐHCM****: Bác Hồ là tấm gương cao đẹp, trọn đời phấn đấu, hi sinh vì tương lai của đất nước, vì hạnh phúc của nhân dân*  - Tổ chức cho hs thảo luận theo nhóm : Tác dụng của dấu hai chấm?  - Gọi HS trình bày kết quả.  - Gv chữa bài, nhận xét, chốt lại tác dụng của dấu hai chấm  ***b. Ghi nhớ:***  - Gọi HS đọc phần ghi nhớ. |
| **3. Hoạt động thực hành (***18p)*  **\* Mục tiêu:** Nhận biết tác dụng của dấu hai chấm (BT1); bước đầu biết dùng dấu hai chấm khi viết văn (BT2).  **\* Cách tiến hành:** | |
| **Cá nhân - Lớp**  - 1 HS đọc đề bài.  - Hs làm bài cá nhân, trình bày kết quả.  a. Dấu hai chấm báo hiệu phần sau là lời nói của tác giả, của cô giáo.  b. Dấu hai chấm báo hiệu phần sau là lời giải thích những cảnh vật dưới tầm bay của chuồn chuồn.  *+ Dùng kết hợp với dấu gạch ngang và dấu ngoặc kép*  - 1 hs đọc đề bài.  - Hs viết bài vào vở.  - 4 - 5 hs đọc đoạn văn vừa viết và chỉ ra vị trí dùng dấu hai chấm  - Ghi nhớ tác dụng của dấu hai chấm  - VN tìm các đoạn văn đã học dấu hai chấm và tác dụng của dấu hai chấm đó | **Bài 1:** Nêu tác dụng của dấu hai chấm.  - Gọi hs đọc từng câu văn.  - Tổ chức cho hs làm bài cá nhân .  - Chữa bài, nhận xét.  *+ Phần a, dấu hai chấm dùng kết hợp với dấu gì?*  - GV chốt lại tác dụng của dấu hai chấm  **Bài 2**:  - Tổ chức cho hs làm bài cá nhân vào vở.  - Gọi hs đọc đoạn văn vừa viết.  - Gv nhận xét.  **4. Hoạt động ứng dụng *(1p)***  **5. Hoạt động sáng tạo *(1p)*** |

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TOÁN**

***Tiết 10:* TRIỆU VÀ LỚP TRIỆU**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- Nhận biết hàng triệu, hàng chục triệu , hàng trăm triệu và lớp triệu .

- Biết viết các số đến lớp triệu .

**2. Kĩ năng**

- Rèn kĩ năng đọc, viết các số đến lớp triệu

**3. Thái độ**

- Tính chính xác, cẩn thận.

**4. Góp phần phát triển các NL**

- NL tự học, làm việc nhóm, NL tính toán

\* BT cần làm: Bài 1, bài 2, bài 3 (cột 2)

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Bảng phụ

- HS: Vở BT, bút

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Quan sát, hỏi đáp, thảo luận nhóm.

- KT: động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| Trò chơi: Truyền điện  + TBHT điều hành.  + Nội dung: So sánh các số nhiều chữ số | **1.Khởi động***:(5p)*  - GV nhận xét chung, dẫn vào bài mới  - GV dẫn vào bài mới |
| **3 . Hoạt động Hình thành KT***:(12p)*  **\* Mục tiêu:** Nhận biết cấu tạo của lớp triệu  **\* Cách tiến hành:** | |
| - Hs đọc số: Sáu trăm năm ba nghìn bảy trăm hai mươi.  *+ Gồm 6 hàng chia thành 2 lớp*  *+ Lớp đơn vị gồm hàng: Trăm, chục, đơn vị*  *+ Lớp nghìn gồm hàng: nghìn, chục nghìn, trăm nghìn.*  - Hs lên bảng viết số: 1000 000  *+ Sáu chữ số 0*  - HS đọc, viết số  - 3 - 4 hs nêu lại cấu tạo của lớp trệu  - HS phân tích cấu tạo | - Gv viết số : 653 720  *+ Hãy đọc số và cho biết số trên có mấy hàng, là những hàng nào? mấy lớp, là những lớp nào?*  *+ Lớp đơn vị gồm những hàng nào?*  *+ Lớp nghìn gồm những hàng nào?*  ***\* Giới thiệu lớp triệu:***  - Lớp triệu gồm hàng triệu, chục triệu, trăm triệu.  - 10 trăm nghìn là một triệu.  *+ Một triệu có tất cả mấy chữ số 0?*  - 10 triệu còn gọi là một chục triệu  - 10 chục triệu còn gọi là một trăm triệu  ***=>Hàng triệu, hàng chục triệu, hàng trăm triệu hợp thành lớp triệu.***  - GV lấy VD về số có đến lớp triệu |
| **2. Hoạt động thực hành***:(18p)*  **\* Mục tiêu:** Đọc, viết được các số đến lớp triệu  **\* Cách tiến hành:** | |
| **Cá nhân- Lớp**  - HS chơi trò chơi Chuyền điện  ***\* Đáp án***:  1 triệu, hai triệu , …, 10 triệu.  **Nhóm – Lớp**  - 1 HS đọc đề bài.  - HS chơi trò chơi Tiếp sức  10 000 000 60 000 000  100 000 000 200 000 000  300 000 000 80 000 000  **Cá nhân – Lớp**  - 1 hs đọc đề bài.  - Hs viết số vào vở – Chia sẻ:  ***\* Đáp án:***  15 000 50 000  350 7 000 000  600 36 000 000  1300 900 000 000  - HS làm cá nhân – Trình bày kết quả  - Ghi nhớ các hàng của lớp triệu  - Tìm các bài tập cùng dạng trong sách buổi 2 và giải | **Bài 1:** Đếm thêm 1 triệu từ 1 triệu đến 10 triệu.  - Tổ chức cho hs chơi trò chơi  - Gv nhận xét, tổng kêt trò chơi  **Bài 2**: Viết số thích hợp vào chỗ trống.  - Tổ chức cho hs thi điền tiếp sức theo 2 nhóm.  - Gv chữa bài, nhận xét.  **Bài 3:** Viết các số sau.  - Gv yêu cầu HS làm vào vở  - Gv nhận xét, chốt cách viết số/ lưu ý viết tách lớp  **Bài 4*(bài tập chờ dành cho HS hoàn thành sớm)***  - GV kiểm tra từng HS  **4. HĐ ứng dụng** (1p)  **5. HĐ sáng tạo** (1p) |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

**TẬP LÀM VĂN**

**TẢ NGOẠI HÌNH CỦA NHÂN VẬT TRONG VĂN KỂ CHUYỆN**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Hiểu: Trong bài văn kể chuyện, việc tả ngoại hình của nhân vật là cần thiết để thể hiện tính cách của nhân vật (ND ghi nhớ).

**2. Kĩ năng**

- Biết dựa vào đặc điểm ngoại hình để xác định tính cách nhân vật (BT1, mục III); kể lại được một đoạn câu chuyện Nàng tiên ốc có kết hợp tả ngoại hình bà lão hoặc nàng tiên (BT2).

\* HS năng khiếu kể được toàn bộ câu chuyện, kết hợp tả ngoại hình của hai nhân vật (BT2).

**3. Thái độ**

- Tích cực, tự giác làm bài.

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL tự học, Sử dụng ngôn ngữ, NL sáng tạo

*\** ***GDKNS :*** *Tìm kiếm và xử lí thông tin ; Tư duy sáng tạo .*

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: bảng phụ

- HS: Vở BT, SGK

**2. Phương pháp, kĩ thuât**

- PP: Hỏi đáp, thảo luận nhóm, quan sát, thực hành.

- KT: đặt câu hỏi, động não, chia sẻ nhóm 2

**II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| *+ Hành động nào xuất hiện trước thì tả trước, hành động nào xuất hiện sau thì tả sau* | **1. Khởi động *(5p)***  *+ Khi tả hành động nhân vật, cần chú ý điều gì?*  - GV kết nối, dẫn vào bài mới |
| **2. Hình thành kiến thức** (15p)  **\* Mục tiêu:** Hiểu: Trong bài văn kể chuyện, việc tả ngoại hình của nhân vật là cần thiết để thể hiện tính cách của nhân vật (ND ghi nhớ).  **\* Cách tiến hành: Cá nhân – Nhóm 2 – Lớp** | | |
| - Hs theo dõi.  - Hs nối tiếp đọc 2 yêu cầu của bài.  - Hs trao đổi cặp, trả lời câu hỏi.  *+ Sức vóc: gầy yếu, bự những phấn như mới lột.*  *+ Cánh: mỏng như cánh bướm non, ngắn chùn chùn, rất yếu.*  *+ Trang phục: mặc áo thâm dài.*  *+ Ngoại hình của chị Nhà Trò thể hiện tính cách yếu đuối, thân phận tội nghiệp, đáng thương, dễ bị bắt nạt.*  - HS lắng nghe  - 2 hs đọc ghi nhớ | ***a. Nhận xét***  - Tổ chức cho hs đọc thầm đoạn văn thảo luận nhóm yêu cầu 2 ; 3.  *+ Chị Nhà Trò có đặc điểm ngoại hình ntn?*  *+ Ngoại hình của chị Nhà Trò nói lên điều gì về tính cách và thân phận của chị?*  ***- GV: Vậy thông qua miêu tả ngoại hình, tác giả đã nói lên được tính cách và thân phận của nhân vật. Vậy miêu tả ngoại hình trong bài văn kể chuyện cũng rất quan trọng.***  ***b. Ghi nhớ*** |
| **3. HĐ thực hành***:(18p)*  **\*Mục tiêu:** Biết dựa vào đặc điểm ngoại hình để xác định tính cách nhân vật (BT1, mục III); kể lại được một đoạn câu chuyện Nàng tiên ốc có kết hợp tả ngoại hình bà lão hoặc nàng tiên (BT2).  \* HS năng khiếu kể được toàn bộ câu chuyện, kết hợp tả ngoại hình của hai nhân vật (BT2).  **\* Cách tiến hành:** | | |
| **Cá nhân – Lớp**  - HS đọc đề bài.  - 1 HS đọc to đoạn văn.  - Hs dùng bút chì gạch vào dưới những chi tiết miêu tả hình dáng chú bé liên lạc.  *+ Gầy, tóc húi ngắn, hai túi áo trễ xuống đùi, quần ngắn tới gối => Chú là con nhà nghèo*  *+ Đôi mắt sáng và xếch, đôi bắp chân nhỏ luôn động đậy => Chú là người rất nhanh nhẹn, hiếu động, thông minh*.  **Cá nhân – Nhóm 2 – Lớp**  - 1 hs đọc đề bài.  - Hs quan sát tranh trong bài tập đọc , tập kể theo nhóm 2.  - Hs thi kể trước lớp.  - Kể lại toàn bộ câu chuyện kết hợp tả ngoại hình nhân vật  - Xem lại các kiến thức liên quan đến phần kể chuyện | **Bài 1:**Tìm chi tiết miêu tả ngoại hình chú bé liên lạc.  *+ Tìm chi tiết miêu tả hình dáng chú bé liên lạc.*  *+ Các chi tiết về ngoại hình nói lên điều gì về chú bé?*  - Chữa bài, nhận xét.  **Bài 2**: Kể chuyện "Nàng tiên ốc" kết hợp tả ngoại hình các nhân vật.  + Gv lưu ý: Chỉ cần tả một đoạn về ngoại hình bà lão hoặc nàng tiên.  - Tổ chức cho hs quan sát tranh minh hoạ , kể chuyện theo cặp.  - Đại diện cặp kể thi trước lớp.  - Gv nhận xét. chung về tinh thần làm bài  **3. HĐ ứng dụng** *(1p)*  **4. HĐ sáng tạo** *(1p)* |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................­

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**ĐỊA LÍ**

**DÃY HOÀNG LIÊN SƠN**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Nắm được một số đặc điểm của dãy núi Hoàng Liên Sơn (vị trí, địa hình, khí hậu).. Biết Phan - xi -păng là đỉnh núi cao nhất nước ta.

**2. Kĩ năng**

- HS chỉ đúng vị trí dãy Hoàng Liên Sơn trên lược đồ và bản đồ địa lí Tự nhiên Việt Nam.

**3. Thái độ**

- HS học tập tự giác, tích cực

**4. Góp phần phát triển các năng lực:**

- NL tự chủ, NL giải quyết vấn đề, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ

*\*GDQP- AN: Nêu ý nghĩa và tầm quan trọng của dãy HLS trong cuộc chiến tranh chống giặc ngoại xâm*

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Bản đồ Địa lí tự nhiên Việt Nam.

- Tranh, ảnh về dãy Hoàng Liên Sơn

- HS: SGK

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm, thuyết trình

- KT: đặt câu hỏi, trình bày một phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm 2

I**II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBVN điêu hành lớp hát, vận động tại chỗ. | **1.Khởi động:***(5p)*    - GV giới thiệu bài mới |
| **2. Bài mới:***(30p)*  **\* Mục tiêu:**  - Nắm được một số đặc điểm của dãy núi Hoàng Liên Sơn (vị trí, địa hình, khí hậu).. Biết Phan - xi -păng là đỉnh núi cao nhất nước ta.  - HS chỉ đúng vị trí dãy Hoàng Liên Sơn trên lược đồ và bản đồ địa lí Tự nhiên Việt Nam.  **\* Cách tiến hành:** | |
| **Nhóm 2-Lớp**  - HS làm việc nhóm 2 – Chia sẻ trước lớp  *+ Dãy Ngân Sơn, Đông Triều,... Dãy HLS cao nhất*  *+ Dãy HLS dài 180 km, trải rộng gần 30 km…*  *+ Đỉnh nhọn, sườn dốc, thung lũng sâu*  - HS lên chỉ vị trí dãy HLSHLS  - HS lắng nghe  **Cá nhân – Lớp**  + Khí hậu mát mẻ quanh năm  - HS quan sát bản đồ, chỉ vị trí dãy HLS, Sa Pa  *+ Vì khí hậu mát mẻ, thiên nhiên đẹp, món ăn ngon,...*  - HS lắng nghe  - HS quan sát  - Ghi nhớ nội dung bài học  - VN tìm hiểu thêm thông tin về thành phố Sa Pa | **HĐ1***:* **Đặc điểm địa hình**  - Yêu cầu HS quan sát lược đồ H1 trả lời câu hỏi:  *+ Kể tên những dãy núi chính ở phía Bắc của nước ta? Trong những dãy núi đó, dãy núi nào cao nhất?*  *+ Dãy núi HLS dài bao nhiêu km? Rộng bao nhiêu?*  *+ Đỉnh núi, sườn và thung lũng ở dãy núi HLS như thế nào?*  - GV đưa bản đồ địa lí Tự nhiên VN, *Nêu ý nghĩa và tầm quan trọng của dãy HLS trong cuộc chiến tranh chống giặc ngoại xâm*  ***- GV nhận xét, kết luận: Dãy Hoàng Liên Sơn chạy dài khoảng 180 km, trải rộng gần 30 km…***  **HĐ2***:* **Đặc điểm khí hậu**  - Ở những nơi cao của HLS khí hậu như thế nào?  - Treo bản đồ địa lí Tự nhiên Việt Nam..  - Yêu cầu HS trả lời tiếp các câu hỏi SGK  *+ Vì sao Sa Pa trở thành trở thành khu du lịch nghỉ mát nổi tiếng ở vùng núi phía Bắc?*  ***- GV nhận xét, kết luận: Sa Pa có khí hậu mát mẻ,dễ chịu thu hút nhiều khách du lịch đến nghỉ mát.***  - Cho HS xem một số tranh ảnh về Sa Pa  **3. Hoạt động ứng dụng *(1p)***  **4. Hoạt động sáng tạo** *(1p)* |

**ĐIỀU CHỈNH-BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**SINH HOẠT**

**ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC TUẦN 2**

**I. MỤC TIÊU:**

- Nắm đ­­ược ưu - khuyết điểm trong tuần 2

- Phát huy ­­ưu điểm, khắc phục nh­­ược điểm.

- Biết đ­­ược phư­ơng h­­ướng tuần 3

- GD HS có tinh thần đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau.

**II. CHUẨN BỊ:**

- GV: Nắm được ưu – khuyết điểm của HS trong tuần

- HS: Chủ tịch Hội đồng tự quản và các Trưởng ban chuẩn bị ND báo cáo.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG CHÍNH:**

***1. Khởi động***

- Lớp tham gia trò chơi: Truyền tin

***2. Lớp báo cáo hoạt động trong tuần:***

- 4 Trưởng ban lên nhận xét các thành viên trong tổ và xếp loai từng thành viên.

- Tổ viên các tổ đóng góp ý kiến.

- Chủ tịch HĐTQ lên nhận xét chung các ban.

- GV nhận xét chung:

+ Nề nếp:

.................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

+ Học tập:

.................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

***3. Ph­ương h­­ướng tuần sau:***

- Tiếp tục thi đua: Học tập tốt, thực hiện tốt nề nếp, vâng lời thầy cô, nói lời hay làm việc tốt.

.................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

***4. Lớp văn nghệ - múa hát tập thể.***

**TUẦN 3** *Thứ ....... ngày ...... tháng ..... năm .........*

**TẬP ĐỌC**

**THƯ THĂM BẠN**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Hiểu tình cảm của người viết thư: thương bạn, muốn chia sẻ đau buồn cùng bạn.(trả lời được các câu hỏi trong SGK; nắm được tác dụng của phần mở đầu, phần kết thúc bức thư).

**2. Kĩ năng**

- Đọc rành mạch, trôi chảy; bước đầu biết đọc diễn cảm một đoạn thư thể hiện sự cảm thông, chia sẻ với nỗi đau của bạn.

**3. Thái độ**

- GD HS biết quan tâm, giúp đỡ, sẻ chia mọi người xung quanh

**4. Góp phần phát triển năng lực**

**-** Năng lực tự học, NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ.

*\* KNS: - Giao tiếp ứng xử lịch sự trong giao tiếp.*

*- Thể hiện sự thông cảm.*

*- Xác định giá trị.*

*- Tư duy sáng tạo*

*\* GD BVMT: Tìm những câu cho thấy bạn Lương rất thông cảm với ban Hồng? Bạn Lương biết cách an ủi bạn Hồng? Liên hệ về ý thức BVMT: Lũ lụt gây ra nhiều thiệt hại lớn cho cuộc sống con người. Để hạn chế lũ lụt, con người cần tích cực trồng cây gây rừng, tránh phá hoại môi trường thiên nhiên*

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: + Tranh minh hoạ bài tập đọc trang 25, SGK (phóng to nếu có điều kiện).

+ Bảng phụ viết sẵn đoạn luyện đọc

- HS: SGK, vở viết

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- Phương pháp: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm.

- Kĩ thuật: Kĩ thuật đặt câu hỏi, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - 2 HS thực hiện | **1. Khởi động:** *(5p)*  + Đọc thuộc lòng bài Truyện cổ nước mình  + Nêu ND bài  - GV nhận xét, dẫn vào bài |
| **2. Luyện đọc:** *(10p)*  **\* Mục tiêu:** Đọc với giọng trôi chảy, rành mạch bài đọc, thể hiện sự cảm thông, chia sẻ  \* **Cách tiến hành:** | |
| - 1 HS đọc bài, cả lớp đọc thầm  - Lắng nghe  - Lớp trưởng điều hành cách chia đoạn  - Bài được chia làm 3 đoạn  + Đoạn 1: Từ đầu.......chia buồn với bạn  + Đoạn 2: Tiếp theo.......như mình  + Đoạn 3: Còn lại  - Nhóm trưởng điều hành nhóm đọc nối tiếp đoạn trong nhóm lần 1 và phát hiện các từ ngữ khó (*Quách Tuấn Lương, quyên góp, khắc phục, bỏ ống,....)*  - Luyện đọc từ khó: Đọc mẫu (M4)-> Cá nhân (M1)-> Lớp  - Giải nghĩa từ khó (đọc chú giải)  - HS đọc nối tiếp đoạn lần 2 theo điều khiển của nhóm trưởng  - Các nhóm báo cáo kết quả đọc  - 1 HS đọc cả bài (M4) | - Gọi 1 HS đọc bài (M3)  - GV lưu ý giọng đọc cho HS: Toàn bài đọc với giọng chậm rãi, thể hiện sự cảm thông, chia sẻ với nỗi đau của nhân vật  - GV chốt vị trí các đoạn:  - Lưu ý sửa lỗi đọc và ngắt nghỉ cho các HS (M1) |
| **3.Tìm hiểu bài:** *(10p)*  **\* Mục tiêu:** HS hiểu nội dung từng đoạn và nội dung cả bài.  **\* Cách tiến hành: *Làm việc nhóm 4 – Chia sẻ trước lớp*** | |
|  | - GV yêu cầu đọc các câu hỏi cuối bài  *+ Bạn Lương viết thư cho bạn Hồng để làm gì?*  *+ Tìm những câu cho thấy bạn Lương rất thông cảm với bạn Hồng?*  *+ Tìm những câu cho thấy bạn Lương rất biết an ủi bạn Hồng?*  **\**GDMT:*** *Qua đó GV kết hợp liên hệ về ý thức BVMT : Lũ lụt gây ra nhiều thiệt hại lớn cho cuộc sống con người. Để hạn chế lũ lụt, con người cần tích cực trồng cây gây rừng, tránh phá hoại môi trường thiên nhiên*  *+ Nêu tác dụng của dòng mở đầu và dòng kết thúc bức thư?*  *+ Nội dung chính của lá thư thể hiên điều gì?*  - GV chốt ý, giáo dục HS biết quan tâm, chia sẻ với mọi người xung quanh. |
| **4. Luyện đọc diễn cảm***(8p)*  **\* Mục tiêu:** HSđọc diễn cảm được đoạn số 2 của bài, thể hiện được sự xúc động và sự cảm thông với nỗi đau của bạn Lương với bạn Hồng  **\* Cách tiến hành: Hoạt động cá nhân – nhóm - cả lớp** | |
| - HS nêu lại giọng đọc cả bài  - 1 HS M4 đọc mẫu toàn bài  - Nhóm trưởng điều hành:  + Luyện đọc theo nhóm  + Vài nhóm thi đọc trước lớp.  - Bình chọn nhóm đọc hay.  - Nắm nội dung của bài  - VN tìm hiểu về cách trình bày, bố cục của một lá thư | - Yêu cầu HS nêu giọng đọc toàn bài.  - Yêu cầu đọc diễn cảm đoạn 2  - GV nhận xét, đánh giá chung  **5. Hoạt động ứng dụng** *(1 phút)*  **6. Hoạt động sáng tạo** *(1 phút)* |

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

**TOÁN**

**Tiết 11: TRIỆU VÀ LỚP TRIỆU (tiếp theo)**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Biết đọc và viết các số đến lớp triệu

- Củng cố về các hàng, lớp đã học.

**2. Kĩ năng**

- Rèn cách đọc, viết các số đến lớp triệu, cách phân tích cấu tạo số

**3. Thái độ**

- HS có thái độ học tập tích cực.

**4. Góp phần phát triển năng lực:**

**-** Năng lực tự học, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL tư duy - lập luận logic.

\*Bài tập cần làm: Bài 1, bài 2, bài 3.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Bảng phụ kẻ sẵn nội dung bài tập 1.

- HS: Sách, bút

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- Phương pháp vấn đáp, động não, quan sát, thực hành, đặt và giải quyết vấn đề, hoạt động nhóm.

- Kĩ thuật đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC;**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| *+ Lớp triệu gồm 3 hàng: hàng triệu, hàng chục triệu, hàng trăm triệu* | **1. Khởi động:** *(3p)*  *+ Lớp triệu gồm mấy hàng, là những hàng nào?*  - GV giới thiệu vào bài |
| **2. Hình thành kiến thức***:(12p)*  **\* Mục tiêu:** HS nhận biết các hàng, lớp, biết đọc, viết các số đến lớp triệu, củng cố về hàng, lớp..  **\* Cách tiến hành: Hoạt động cả lớp** | |
| - HS theo dõi.  - HS viết: 342 157 413  - Hs đọc:ba trăm bốn mươi hai triệu một trăm năm mươi bảy nghìn bốn trăm mười ba.  + Tách thành từng lớp từ phải sang trái (3 hàng 1 lớp) lớp đv, lớp nghìn, lớp triệu.  + Đọc từ trái sang phải đọc hết các hàng thì đọc tên lớp.  - Hs viết lại các số đã cho trong bảng ra bảng lớp. 342 157 413  - HS nêu lại.  - HS luyện đọc các số GV đưa ra | - GV đưa bảng phụ đã chuẩn bị.  + Em hãy viết số trên?  + Em hãy đọc số trên?  - Gv hướng dẫn cách đọc số:  \*Chú ý: Chữ số 0 ở giữa các lớp đọc là "linh"  + Nêu lại cách đọc số?  - GV đưa ra một vài ví dụ |
| **3. HĐ thực hành** *(18p)*  **\* Mục tiêu**: Vận dụng kiến thức làm được các bài tập liên quan  **\* Cách tiến hành** | |
| **-**Thực hiện  **-**Thực hiện  **-**Thực hiện | **Bài 1:**  - Viết và đọc theo bảng.  - Tổ chức cho hs làm bài cá nhân, viết các số tương ứng vào vở và đọc số đó.  - Chữa bài, nhận xét, chốt lại cách đọc số  **Bài 2:** Đọc các số sau.  - GV viết các số lên bảng.  - Gọi hs nối tiếp đọc các số.  - Chữa bài, nhận xét, chốt cách đọc  **Bài 3:** Viết các số sau.  - HS làm cá nhân vào vở - Đổi chéo vở KT  \* GV chữa bài. lưu ý HS viết số cần tách ra thành các lớp cho dễ đọc  **Bài 4 *(BT chờ dành cho HS hoàn thành sớm)***  - GV kiểm tra từng HS  - Chốt đáp án đúng  **4. Hoạt động ứng dụng *(1p)***  **5. Hoạt động sáng tạo *(1p)*** |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

**KHOA HỌC (CT HIỆN HÀNH)**

**VAI TRÒ CỦA CHẤT ĐẠM VÀ CHẤT BÉO**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Kể tên những thức ăn chứa nhiều chất đạm (thịt, cá, trứng, tôm, cua, …), chất béo (mỡ, dầu, , bơ, ... ).

- Nêu được vai trò của chất đạm và chất béo đối với cơ thể:

+ Chất đạm giúp xây dựng và đổi mới cơ thể.

+ Chất béo giàu năng lượng và giúp cơ thể hấp thụ các vi- ta- min A, D, E, K.

**2. Kĩ năng**

- Có kĩ năng xác định thức ăn và chứa chất đạm và chất béo

**3. Thái độ**

- Có ý thức ăn uống đầy đủ chất dinh dưỡng

**4. Góp phần phát triển các năng lực:**

- NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL hợp tác.

*\*****BVMT****: Một số đặc điểm chính của môi trường và tài nguyên thiên nhiên*

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: + Các hình minh hoạ ở trang 12, 13 / SGK (phóng to nếu có điều kiện).

+ Các chữ viết trong hình tròn: Thịt bò, Trứng, Đậu Hà Lan, Đậu phụ, Thịt lợn, Pho- mát, Thịt gà, Cá, Đậu tương, Tôm, Dầu thực vật, Bơ, Mỡ lợn, Lạc, Vừng, Dừa.

- HS: chuẩn bị giấy A4, bút màu.

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: quan sát, hỏi đáp, thảo luận, trò chơi học tập, thí nghiệm.

- KT: Động não, chia sẻ nhóm đôi, tia chớp

**II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt đông của của học sinh** | **Hoạt đông của giáo viên** |
| *+ Dựa vào lượng các chất dinh dưỡng chứa trong mỗi loại thức ăn, người ta chia thức ăn thành 4 loại.*  *+ Chất bột đường có vai trò cung cấp năng lượng cần thiết cho mọi hoạt động và duy trì nhiệt độ của cơ thể* | **1, Khởi động *(3p)***  *+ Người ta thường có mấy cách để phân loại thức ăn? Đó là những cách nào?*  *+ Nhóm thức ăn chứa nhiều chất bột đường có vai trò gì?*  - GV nhận xét, khen/ động viên, dẫn vào bài mới. |
| **2. Bài mới:***(30p)*  **\* Mục tiêu:**  - Kể tên những thức ăn chứa nhiều chất đạm (thịt, cá, trứng, tôm, cua, …), chất béo  - Nêu được vai trò của chất đạm và chất béo đối với cơ thể:  **\* Cách tiến hành: Cá nhân-Nhóm –Lớp** | |
| **Nhóm 2 - Lớp**    - HS hoạt động cặp đôi.  *+ Những loại thức ăn chứa chất đạm ở trang 12: Đậu nành, thịt lợn, trứng gà, vịt quay, cá, đậu khuôn, tôm, thịt bò, đậu Hà Lan, cua, ốc.*  *+ Các thức ăn có chứa nhiều chất béo là: dầu ăn, mỡ, đậu tương, lạc, vừng, dừa.*  *+ Chất đạm giúp xây dựng đổi mới* *cơ thể: tạo ra những tế bào mớilàm cho cơ thể lớn lên…*  - HS lắng nghe  **Nhóm 4 – Lớp**  *+ Thịt gà có nguồn gốc từ động vật.*  *+ Đậu đũa có nguồn gốc từ thực vật.*  - HS lắng nghe.  - HS làm việc với phiếu.  - HS báo cáo kết quả.  - Nhận xét, bổ sung.  1. Hoàn thành bảng thức ăn chứa nhiều chất đạm.   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Tên thức ăn | Nguồn gốc TV | Nguồn gốc ĐV | | Đậu nành | + |  | | Thịt lợn |  | + | | Trứng |  | + | | Thịt vịt |  | + | | Cá |  | + | | Đậu phụ | + |  | | Tôm |  | + | | Cua, ốc |  | + | | Thịt bò |  | + |   2. Hoàn thành bảng thức ăn chứa nhiều chất béo.   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Tên thức ăn | Nguồn gốc TV | Nguồn gốc ĐV | | Mỡ lợn |  | + | | Lạc | + |  | | Dầu ăn | + |  | | Vừng (mè) | + |  | | Dừa | + |  |   *+ Như vậy thức ăn có chứa nhiều chất đạm và chất béo có nguồn gốc từ động vật và thực vật.*  - HS liên hệ  - Lên thực đơn thức ăn trong một ngày với các món ăn có nguồn chất đạm và chất béo hợp lí | **HĐ1: 1. Vai trò của chất đạm và chất béo:**  ♣Bước 1: Tổ chức cho HS hoạt động cặp đôi.  - Yêu cầu 2 HS ngồi cùng bàn quan sát các hình minh hoạ trang 12, 13 / SGK tìm hiểu về vai trò của chất béo ở mục **Bạn cần biết**:  ♣ Bước 2: Làm việc cả lớp.  *+ Nói tên những loại thức ăn chứa chất đạm ở trang 12 và em biết?*  *+ Nói tên những thức ăn chứa nhiều chất béo có trong trang 13 và em biết?*  *+ Tại sao hằng ngày chúng ta phải ăn thức ăn chứa nhiều chất đạm?*  ***KL: Chất đạm giúp xây dựng đổi mới cơ thể: tạo ra những tế bào mới làm cho cơ thể…***  \*\* Lưu ý HS: Pho mát là một thức ăn được chế biến từ sữa bò nên chứa nhiều chất đạm, bơ cũng là thức ăn chứa nhiều sữa bò nhưng chứa nhiều chất béo.  **HĐ 2: Xác định nguồn gốc của thức ăn**:  **\* Bước 1:** GV hỏi HS.  *+ Thịt gà có nguồn gốc từ đâu?*  *+ Đậu đũa có nguồn gốc từ đâu?*  - Để biết mỗi loại thức ăn thuộc nhóm nào và có nguồn gốc từ đâu cả lớp mình sẽ thi xem nhóm nào biết chính xác điều đó nhé!  - GV phát phiếu học tập  **\*Bước 2:** Chữa bài tập:  *+ Như vậy thức ăn có chứa nhiều chất đạm và chất béo có nguồn gốc từ đâu?*  - GV kết luận, tổng kết nội dung bài  **3. HĐ ứng dụng *(1p)***  - GDBVMT: Các thức ăn chứa chất đạm và chất béo có nguồn gốc từ môi trường sống. Vậy môi trường rất quan trọng, cần bảo vệ môi trường  **4. HĐ sáng tạo *(1p)*** |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

:..............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**CHÍNH TẢ**

**CHÁU NGHE CÂU CHUYỆN CỦA BÀ**

**1. Kiến thức:**

- Nghe -viết đúng bài CT; trình bày đúng các hình thức thể thơ lục bát

- Làm đúng BT2 phân biệt ch/tr

**2. Kĩ năng:**

**-** Rèn kĩ năng viết đẹp, viết đúng chính tả.

**3. Thái độ:**

**-** Giáo dục tính cẩn thận, chính xác, yêu thích chữ viết

**4. Góp phần phát triển năng lực:**

**-** NL tự chủ và tự học, NL sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Bảng phụ, phiếu học tập.

- HS: Vở, bút,...

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- Phương pháp vấn đáp, động não, quan sát, thực hành, đặt và giải quyết vấn đề, hoạt động nhóm, trò chơi học tập.

- Kĩ thuật đặt câu hỏi, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBVN điều hành HS cùng hát kết hợp với vận động tại chỗ | **1. Khởi động: (***3p***)**  - GV dẫn vào bài mới |
| **2. Chuẩn bị viết chính tả:** *(6p)*  **\* Mục tiêu:** HS hiểu được nội dung bài CT, viết được các từ khó, dễ lẫn và các hiện tượng chính tả, cách viết đoạn văn.  **\* Cách tiến hành:** | |
| - 1 HS đọc- HS lớp đọc thầm  + Tình thương của hai bà cháu dành cho một cụ già lạc đường về nhà.  *-* HS nêu từ khó viết*: nên phải, bỗng nhiên, nhoà, ....*  - Viết từ khó vào vở nháp  *+ Câu 6 cách lề 2 ô, câu 8 cách lề 1 ô*  - HS nghe - viết bài vào vở | a. Trao đổi về nội dung đoạn cần viết  - Gọi HS đọc đoạn văn trong SGK.  *+ Nội dung bài thơ nói lên điều gì?*  - Hướng dẫn viết từ khó: Gọi HS nêu từ khó, sau đó GV đọc cho HS luyện viết.  b. Hướng dẫn trình bày  *+ Các câu thơ viết như thế nào?* |
| **3. Viết bài chính tả:** *(15p)*  **\* Mục tiêu:** Hs nghe - viết tốt bài chính tả, trình bày đúng hình thức bài thơ lục bát  **\* Cách tiến hành:** | |
|  | - GV đọc bài cho HS viết  - GV theo dõi và nhắc nhở, giúp đỡ HS viết chưa tốt.  - Nhắc nhở cách cầm bút và tư thế ngồi viết. |
| **4. Đánh giá và nhận xét bài:** *(5p)*  **\* Mục tiêu:** Giúp HS tự đánh giá được bài viết của mình và của bạn. Nhận ra các lỗi sai và sửa sai  **\* Cách tiến hành: Cá nhân- Cặp đôi** | |
| - Học sinh xem lại bài của mình, dùng bút chì gạch chân lỗi viết sai. Sửa lại xuống cuối vở bằng bút mực  - Trao đổi bài (cặp đôi) để soát hộ nhau  - Lắng nghe. | - Cho học sinh tự soát lại bài của mình theo.  - GV nhận xét, đánh giá 5 - 7 bài  - Nhận xét nhanh về bài viết của HS |
| **5. Làm bài tập chính tả:** *(5p)*  **\* Mục tiêu:** Giúp HS phân biệt được tr/ch  **\* Cách tiến hành: Cá nhân-Cặp đôi- Chia sẻ trước lớp** | |
| Lời giải: **tre, chịu, Trúc, cháy, Tre, tre, chí, chiến, Tre**  - 1 hs đọc to đoạn văn đã điền hoàn chỉnh.  - Viết 5 tiếng, từ chứa ch/tr  - Viết và trình bày đoạn văn ở BT 2a cho đẹp | **Bài 2:** Điền vào chỗ trống ch/tr  **6. Hoạt động ứng dụng** *(1p)*  **7. Hoạt động sáng tạo** *(1p)* |

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TOÁN**

***Tiết 12:* LUYỆN TẬP**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Đọc, viết được một số số đến lớp triệu

- Bước đầu nhận biết được giá trị của mỗi chữ số theo vị trí của nó trong mỗi số

**2. Kĩ năng**

- Củng cố kĩ năng đọc, viết số đến lớp triệu

**3. Thái độ**

- HS tích cực, chăm chỉ, sáng tạo

**4. Góp phần phát huy các năng lực**

**-** Năng lực tự học, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL tư duy - lập luận logic.

\* BT cần làm: 1, 2, 3(a,b,c), 4(a,b).

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Bảng phụ viết sẵn nội dung bài tập 1

- HS: SGK,...

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm

- Kĩ thuật: đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của HS** | **Hoạt động của GV** |
| **-** TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ | **1. Khởi động *(3p)***  - GV chuyển ý vào bài mới |
| **2. Hoạt động thực hành (30p)**  **\* Mục tiêu**:  - Đọc, viết được một số số đến lớp triệu  - Bước đầu nhận biết được giá trị của mỗi chữ số theo vị trí của nó trong mỗi số  **\* Cách tiến hành:** | |
| **Cá nhân – Lớp**  - 1 hs đọc đề bài  *+ Đơn vị, chục, trăm, nghìn, chục nghìn, trăm nghìn, triệu, chục triệu, trăm triệu*.  - HS chia sẻ kết quả:  + 403 210 715: bốn trăm linh ba triệu hai trăm mười nghìn bảy trăm mười lăm  + 850 304 900  **Cá nhân – Lớp**  - 1 hs đọc đề bài.  - Hs tham gia trò chơi  **\* Đáp án:**  + 32 640 507: Ba mươi hai triệu sáu trăm bốn mươi nghìn năm trăm linh bảy.  + 8 500 658: Tám triệu năm trăm nghìn sáu trăm năm mươi tám.  + 830 402 960: Tám trăm ba mươi triệu bốn trăm linh hai nghìn chín trăm sáu mươi.  + 85 000 120:Tám mươi lăm triệu không trăm linh không nghìn một trăm hai mươi. (Tám mươi lăm triệu không nghìn một trăm hai mươi)  + 178 320 005: Một trăm bảy mươi tám triệu ba trăm hai mươi nghìn không trăm linh năm.  + 1 000 001: Một triệu không nghìn không trăm linh một.  **Cá nhân – Nhóm 2 - Lớp**  - 1 hs đọc đề bài.  - Hs viết vảo vở - Đổi vở KT chéo  a. 613 000 000 b. 131 405 000  c. 512 326 103 d. 86 004 702  e. 800 004 720  **Cá nhân – Lớp**  - HS đọc đề bài.  - HS làm bài cá nhân – Chia sẻ lớp  a. Chữ số 5 thuộc hàng nghìn nên có giá trị là 500 000  b.Chữ số 5 thuộc hàng nghìn nên có giá trị là 5 000.  c.Chữ số 5 thuộc hàng trăm nên có giá trị là 500.  *+ Phụ thuộc vào vị trí của chữ số trong số đó*  - VN tiếp tục thực hành đọc, viết số đến lớp triệu  - Vn tìm các bài tập cùng dạng trong sách buổi 2 và giải | **Bài 1**:  - Gọi Hs nêu yêu cầu.  *+ Nêu tên các hàng đã học theo thứ tự từ bé đến lớn?*  - Gv nhận xét, chốt cách đọc số  **Bài 2:** Đọc các số sau.  - Tổ chức cho HS chơi trò chơi Truyền điện  - GV nhận xét, chốt lại cách đọc số  **Bài 3a,b,c (HSNK làm cả bài):** Viết các số sau.  - Cho HS làm cá nhân – Yêu cầu đổi chéo vở KT  - Gv nhận xét, chốt cách viết số  **Bài 4**: Nêu giá trị của chữ số 5 trong mỗi số  - Chữa bài, nhận xét.  *+ Giá trị của mỗi chữ số phụ thuộc điều gì?*  **3. Hoạt động ứng dụng** *(1p)*  **4. Hoạt động sáng tạo** *(1p)* |

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**LỊCH SỬ (CT HIỆN HÀNH)**

**NưỚc Văn Lang**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Nắm được một số sự kiện về nhà nước Văn Lang: thời gian ra đời, những nét chính về đời sống vật chất và tinh thần của người Việt cổ:

- Biết các tầng lớp của xã hội Văn Lang: Nô tì, Lạc dân, Lạc tướng, Lạc hầu, …

- Biết những tục lệ nào của người Lạc Việt còn tồn tại đến ngày nay: đua thuyền, đấu vật, …

**2. Kĩ năng**

- Xác định trên lược đồ những khu vực mà người Lạc Việt đã từng sinh sống.

**3. Thái độ**

- Hs có tinh thần học tập nghiem túc, tôn trọng lịch sử

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL ngôn ngữ, NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Hình trong SGK phóng to, phiếu học tập của HS, phóng to lược đồ Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ.

- HS: SGK.

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm.

- KT: Kĩ thuật đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBHT điều hành lớp trả lời, nhận xét.  *+ Đọc tên bản đồ, xem bảng chú giải, tìm đối tượng lịch sử…* | **1.Khởi động:***(3p)*  *+ Nêu các bước sử dụng bản đồ?*  - GV nhận xét, khen/ động viên. |
| **2.Bài mới:***(30p)*  ***\* Mục tiêu***  - Nắm được một số sự kiện về nhà nước Văn Lang: thời gian ra đời, những nét chính về đời sống vật chất và tinh thần của người Việt cổ:  - Biết các tầng lớp của xã hội Văn Lang: Nô tì, Lạc dân, Lạc tướng, Lạc hầu, …  - Biết những tục lệ nào của người Lạc Việt còn tồn tại đến ngày nay: đua thuyền, đấu vật, …  ***\* Cách tiến hành:*** | |
| **Cá nhân – Lớp**  - HS quan sát  - HS quan sát và xác định địa phận và kinh đô của nước Văn Lang; xác định thời điểm ra đời của nước Văn Lang trên trục thời gian.  *+ Nước Văn Lang.*  *+ Khoảng 700 năm trước.*  *+ 1 HS lên xác định.*  *+ Ở khu vực sông Hồng, sông Mã, sông Cả.*  - 2 HS lên chỉ lược đồ.  **Nhóm 2 – Lớp**  - HS thảo luận nhóm 2, đọc SGK và điền vào sơ đồ các tầng lớp: Vua, Lạc hầu, Lạc tướng, Lạc dân, nô tì sao cho phù hợp như trên bảng.  *+ Có 4 tầng lớp, đó là vua, lạc tướng và lạc hầu , lạc dân, nô tì.*  *+ Là vua, gọi là Hùng Vương.*  - HS lắng nghe  **Nhóm 4 – Lớp**  - HS thảo luận theo nhóm 4.  - HS đọc và xem kênh chữ, kênh hình điền vào chỗ trống.  - Một số HS đại diện nhóm trả lời.  - Cả lớp bổ sung.  - Vài HS mô tả bằng lời của mình về đời sống của người Lạc Việt.  - Tìm hiểu về các tập tục của người Lạc Việt còn gìn giữ tại địa phương em  - Tìm hiểu về ngày Giỗ tổ Hùng Vương và các hoạt động của ngày giỗ tổ | **HĐ1: Sự ra đời của nhà nước Văn Lang**  - GV treo lược đồ Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ và vẽ trục thời gian lên bảng (GV giới thiệu trục thời gian.  - Yêu cầu HS dựa vào trong SGK và lược đồ, tranh ảnh, xác định địa phận của nước Văn Lang và kinh đô Văn Lang trên bản đồ; xác định thời điểm ra đời trên trục thời gian.  *+ Nhà nước đầu tiên của người Lạc Việt có tên là gì?*  *+ Nước Văn Lang ra đời vào khoảng thời gian nào?*  *+ Cho HS lên bảng xác định thời điểm ra đời của nước Văn Lang.*  *+ Nước Văn Lang được hình thành ở khu vực nào?*  - Cho HS lên chỉ lược đồ Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ ngày nay khu vực hình thành của nước Văn Lang.  - GV nhận xét và sửa chữa và kết luận.  **\*Hoạt động 2: Các tầng lớp trong XH**  (phát phiếu học tập)  - GV đưa ra khung sơ đồ (để trống chưa điền nội dung)    Huøng Vöông  Laïc haàu, Laïc töôùng  H    Laïc daân  Noâ tì  *+ Xã hội Văn Lang có mấy tầng lớp?*    *+ Người đứng đầu trong nhà nước Văn Lang là ai?*  - ***GV: Lạc tướng và lạc hầu, họ giúp vua cai quản đất nước. Dân thường gọi là lạc dân. Nô tì là người hầu hạ các gia đình người giàu PK.***  **\* Hoạt động 3: Đời sống vật chất và tinh thần của người Lạc Việt**:  - GV đưa ra khung bảng thống kê còn trống phản ánh đời sống vật chất và tinh thần của người Lạc Việt.   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | Sản xuất | Ăn, uống | Mặc và trang điểm | Ở | Lễ hội | | - Lúa  -Khoai  -Cây ăn quả | - Cơm, xôi  - Bánh chưng | Phụ nữ dúng… | -Nhà sàn  -Quây  … | - Vui chơi nhảy … |   - GV nhận xét và bổ sung.  **3. Hoạt động ứng dụng** *(1p)*.    **4. Hoạt động sáng tạo** *(1p)* |

**ĐIỀU CHỈNH-BỔ SUNG**

..........................................................................................................................................................................................................................................................................

.....................................................................................................................................

*Thứ ....... ngày ...... tháng ..... năm .........*

**LUYỆN TỪ VÀ CÂU**

**TỪ ĐƠN VÀ TỪ PHỨC**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Hiểu được sự khác nhau giữa tiếng và từ, phân biệt được từ đơn và từ phức (ND ghi nhớ).

**2. Kĩ năng**

- Nhận biết được từ đơn, từ phức trong đoạn thơ (BT1, mục III) ; bước đầu làm quen với từ điển (hoặc sổ tay từ ngữ) để tìm hiểu về từ (BT2, BT3).

**3. Thái độ**

- HS có ý thức học tập chăm chỉ, tích cực

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL tự học, NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Bảng phụ, từ điển

- HS: vở BT, bút, ...

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Quan sát, hỏi đáp, thảo luận nhóm.

- KT: Kĩ thuật đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của HS** | **Hoạt động của GV** |
| - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ | 1**. Khởi động** (3p)  - GV giới thiệu và dẫn vào bài mới |
| **2. Hình thành kiến thức mới***:(12p)*  **\* Mục tiêu:** HShiểu được sự khác nhau giữa tiếng và từ, từ đơn, từ phức.  **\* Cách tiến hành: Hoạt động cả lớp** | |
| - 2 HS đọc thành tiếng yêu cầu  *+ Câu có 18 tiếng*  - HS dùng gạch xiên tách các từ trong câu (như SGK)  *Nhờ / bạn / giúp đỡ / lại / có / chí / học hành /nhiều / năm / liền / Hanh / là / học sinh / tiến tiến*  *+ Câu văn có 14 từ*.  - Nhận bảng nhóm và hoàn thành bài tập theo nhóm 2 – Chia sẻ lớp   |  |  | | --- | --- | | Từ đơn  (từ gồm một  tiếng) | Từ phức  (từ gồm nhiều tiếng) | | nhờ, bạn, lại, có, chí, nhiều, năm, liền, Hanh, là | giúp đỡ, học hành, học sinh, tiên tiến |   *+ Từ đơn là từ gồm có 1 tiếng, từ phức là từ gồm có hai hay nhiều tiếng.*  *+ Từ gồm một tiếng hoặc nhiều tiếng.*  *+ Tiếng dùng để cấu tạo nên từ. Một tiếng tạo nên từ đơn, hai tiếng trở lên tạo nên từ phức.*  *+ Từ dùng để đặt câu.*  - 2 hs đọc ghi nhớ.  - HS lấy VD về từ đơn, từ phức | ***a. Nhận xét***  - GV ghi ví dụ lên bảng: Nhờ bạn giúp đỡ, lại có chí học hành, nhiều năm liền Hanh là học sinh tiến tiến.  *+ Câu có bao nhiêu tiếng?*  *+ Mỗi từ được phân cách bằng một dấu gạch chéo. Câu văn có bao nhiêu từ?*  ***+*** *Hãy chia các từ trên thành hai loại****:***  *Từ đơn (từ gồm một tiếng) và Từ phức (Từ gồm nhiều tiếng)*  - Chốt lại lời giải đúng**.**  *+ Thế nào là từ đơn? Thế nào là từ phức?*  *+ Từ gồm có mấy tiếng?*  *+ Tiếng dùng để làm gì?*  *+ Từ dùng để làm gì?*  ***b. Ghi nhớ:*** |
| **3. Hoạt động thực hành***:(18p)*  **\* Mục tiêu:**  HS nhận biết được từ đơn, từ phức trong đoạn thơ, làm quen với từ điển để giải nghĩa từ.  **\* Cách tiến hành: Cá nhân-Nhóm-Cả lớp** | |
| -Thực hiện  -Thực hiện  -Thực hiện | **Bài 1:** Dùng dấu gạch chéo để phân cách các từ.  - Tổ chức cho hs làm bài cá nhân.  - Yêu cầu đổi chéo KT  - Chữa bài, nhận xét, chốt lại cấu tạo từ đơn, từ phức.  **Bài 2:** Tìm trong từ điển:  - Tổ chức cho hs mở từ điển tìm từ theo yêu cầu.  - Gv nhận xét, chữa bài.  **Bài 3**: Đặt câu.  - Tổ chức cho hs làm bài vào vở.  - Gv nhận xét, chữa bài. lưu ý hình thức và nội dung của câu  **4. Hoạt động ứng dụng** *(1p)*  **5. Hoạt động sáng tạo** *(1p)* |

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TOÁN**

***Tiết 13:* LUYỆN TẬP**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Đọc, viết thành thạo số đến lớp triệu .

- Nhận biết được giá trị của mỗi chữ số theo vị trí của nó trong mỗi số.

**2. Kĩ năng**

- Rèn kĩ năng đọc, viết số đến lớp triệu

**3. Thái độ**

- Tích cực, tự giác học bài, trình bày bài sạch sẽ, khoa học

**4. Góp phần phát triển các kĩ năng**

- Năng lực tự học, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL tư duy - lập luận logic.

\* BT cần làm: Bài 1: chỉ nêu giá trị chữ số 3 trong mỗi số, bài 2(a, b), bài 3 (a), bài 4

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Bảng phụ kẻ nội dung bài 3, 4

- HS: SGk, bút

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Quan sát, hỏi - đáp, thảo luận nhóm.

- KT: đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của HS** | **Hoạt động của GV** |
| - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ | **1. HĐ khởi động *(3p)***  - GV dẫn vào bài |
| **2. Hoạt động thực hành** *(30p)*  **\* Mục tiêu:**  - Đọc, viết thành thạo số đến lớp triệu .  - Nhận biết được giá trị của mỗi chữ số theo vị trí của nó trong mỗi số.  **\* Cách tiến hành** | |
| **Cá nhân – Nhóm 2 - Lớp.**  - HS nêu yêu cầu bài toán.  - HS làm cá nhân  - HS đọc các số - Chia sẻ lớp  **\* Đáp án:**  a. 35 627 449: Ba mươi lăm triệu sáu trăm hai mươi nghìn bốn trămbốn mươi chín; chữ số 3 thuộc hàng chục triệu, lớp triệu.  b. 123 456 789: Một trăm hai mươi ba triệu bốn trăm năm mươi sáu nghìn bảy trăm tám chín; chữ số 3 thuộc hàng triệu lớp triệu.  c. 82 175 263: Tám muơi hai triệu một trăm bảy mươi lăm nghìn hai trăm sáu mươi ba; chữ số 3 thuộc hàng đơn vị lớp đơn vị.  d. 850 003 002: Tám trăm năm mươi triệu không trăm linh ba nghìn không trăm linh hai, chữ số 3 thuộc hàng nghìn, lớp nghìn.  **Nhóm 2 – Lớp**  - HS đọc yêu cầu của bài tập.  - HS làm việc nhóm 2 – Chia sẻ lớp  **\* Đáp án:**  a. 5 760 342;  b. 5 706 342;  c. 50 076 342  d. 57 634 002  **Cá nhân – Lớp**  - HS đọc yêu cầu của bài tập.  - Làm việc cá nhân.  - Chia sẻ kết quả:  a) Nước có dân số nhiều nhất là Ấn Độ; Nước có dân ít nhất là Lào.  b) Lào, Cam-pu-chia, Việt Nam, Liên bang Nga, Hoa Kì, Ấn Độ?  *+ Tiến hành so sánh các số có nhiều chữ số*  **Cá nhân – Lớp**  - S nêu yêu cầu của bài.  - 3 đến 4 HS lên bảng viết, HS cả lớp viết vào giấy nháp.  - HS đọc số: 1 tỉ.  *+ Số 1 tỉ có 10 chữ số, đó là 1 chữ số 1 và 9 chữ số 0 đứng bên phải số 1.*  - HS hoàn thành bài tập và chia sẻ kết quả:   |  |  | | --- | --- | | Viết | Đọc | | 1 000 000 000 | Một nghìn triệu hay một tỉ | | 5 000 000 000 | Năm nghìn triệu hay năm tỉ | | 315000000000 | Ba trăm mười lăm nghìn triệu hay ba trăm năm mươi lăm tỉ | | 3 000 000 000 | Ba nghìn triệu hay ba tỉ |   - HS làm và báo cáo kết quả  - Ghi nhớ các KT trong tiết học  - Tìm các bài tập cùng dạng trong sách Toán buổi 2 và giải | **Bài 1**  - GV yêu cầu HS làm bài cá nhân, nêu giá trị của chữ số 3 trong mỗi số (HS nào xong nêu cả giá trị của chữ số 5)  - GV chữa bài, chốt lại giá trị của chữ số 3 trong từng số  ***Bài 2a, b (HSNK làm cả bài):***  - Yêu cầu HS làm việc nhóm 2.  - GV nhận xét và đánh giá, chốt cách viết số  ***Bài 3a: (HSNK làm cả bài)***  - Yêu cầu HS làm nhóm.  *+ Làm thế nào em trả lời được các câu hỏi?*  ***Bài 4*** (*giới thiệu lớp tỉ)*  *-* GV nêu vấn đề: Bạn nào có thể viết được số 1 nghìn triệu?  - GV thống nhất cách viết đúng là  1 000 000 000 và giới thiệu: Một nghìn triệu được gọi là 1 tỉ.  *+ Số 1 tỉ có mấy chữ số, đó là những chữ số nào?*  - Nhận xét, chốt cách đọc, viết số đến lớp tỉ  **Bài 5** ***(bài tập chờ dành cho HS hoàn thành sớm)***  - GV kiểm tra từng HS  **4. Hoạt động ứng dụng** (1p)  **5. Hoạt động sáng tạo** (1p) |

**ĐIỀU CHỈNH-BỔ SUNG**

...................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**ĐẠO ĐỨC**

**VƯỢT KHÓ TRONG HỌC TẬP** *(Tiết 1)*

**I.MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Biết thế nào là vượt khó trong học tập và vì sao phải vượt khó trong học tập.

- Biết được vượt khó trong học tập giúp em học tập mau tiến bộ.

**2. Kĩ năng**

- Chọn lựa. phân biệt được hành vi thể hiện tinh thần vượt khó trong học tập

**3. Thái độ**

- Có ý thức vượt khó vươn lên trong học tập.

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL tự học, NL giải quyết vấn đề, NL hợp tác, sáng tạo

***\*KNS****: - Lập kế hoạch vượt khó trong học tập*

*- Tìm kiếm sự hỗ trợ, giúp đỡ của thầy cô, bạn bè khi gặp khó khăn trong học tập*

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: + Tranh minh hoạ

+ Các mẫu chuyện, tấm gương vượt khó trong học tập

- HS: SGK

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm, trò chơi, đóng vai.

- KT: động não, tia chớp, chia sẻ nhóm 2

**III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của HS** | **Hoạt động của GV** |
| - 1 HS kể | **1.Khởi động:***(5p)*  + Gọi Hs kể một mẩu chuyện, tấm gương về trung thực trong học tập  - GV kết nối bài học |
| **2.Tìm hiểu bài***(28p)*  **\* Mục tiêu:** Biết được: Con cháu phải hiếu thảo với ông bà, cha mẹ để đền đáp công lao ông bà, cha mẹ đã sinh thành, nuôi dạy mình.  **\* Cách tiến hành: Cá nhân-Nhóm-Lớp** | |
| **Cá nhân – Nhóm 4 - Lớp**  - Cả lớp nghe. 1- 2 HS tóm tắt lại câu chuyện.  - Các nhóm thảo luận – Chia sẻ lớp  *+ Thảo gặp những khó khăn trong học tập và trong cuộc sống là:*  *\* Nhà ở xa trường.*  *\* Nhà nghèo, bố mẹ lại đau yếu, Thảo phải làm nhiều việc nhà giúp bố mẹ.*  *+ Ở lớp Thảo tập trung học tập, chỗ nào không hiểu hỏi cô giáo hoặc các bạn. Buổi tối học bài, làm bài. Sáng dậy sớm học các bài thuộc lòng.*    - HS lắng nghe  - HS cả lớp trao đổi, đánh giá cách giải quyết.  - HS nêu *(vượt khó giúp em mau tiến bộ, ...)*  **Cá nhân – Lớp**  - HS đọc và xác định yêu cầu bài tập.  - HS nêu cách sẽ chọn và giải thích lí do. (HS giơ thẻ mặt cười với những cách làm đúng, mặt mếu với những cách làm chưa đúng.)  - HS lắng nghe  - HS đọc nội dung Ghi nhớ  - Thực hiện vượt khó trong học tập  - VN sưu tầm các câu chuyện về tấm gương vượt khó trong học tập | **\*HĐ1: Kể chuyện Một học sinh nghèo vượt khó.**  - GV giới thiệu: Trong cuộc sống ai cũng có thể gặp những khó khăn rủi ro. Chúng ta hãy xem bạn Thảo trong chuyện *Một học sinh nghèo vượt khó* gặp những khó khăn gì và đã vượt qua như thế nào*?*  - GV kể chuyện.  \***HĐ 2: Thảo luận nhóm** (Câu 1 và 2, 3- SGK trang 6):  - GV chia lớp theo nhóm 4  *+ Thảo đã gặp khó khăn gì trong học tập và trong cuộc sống hằng ngày?*      *+ Trong hoàn cảnh khó khăn như vậy,* *bằng cách nào Thảo vẫn học tốt?*  - GV kết luận***: Bạn Thảo đã gặp rất nhiều khó khăn trong học tập và trong cuộc sống, song Thảo đã biết cách khắc phục, vượt qua, vượt lên học giỏi. Chúng ta cần học tập tinh thần vượt khó của bạn.***  *+ Nếu ở trong cảnh khó khăn như bạn Thảo, em sẽ làm gì?*  - GV kết luận về cách giải quyết tốt nhất.  *+ Tại sao cần vượt khó trong học tập?*  \***HĐ 3: Phân biệt hành vi (BT 1)**  - GV nêu từng ý trong bài tập 1: Khi gặp 1 bài tập khó, em sẽ chọn cách làm nào dưới đây? Vì sao?  a. Tự suy nghĩ, cố gắng làm bằng được.  b. Nhờ bạn giảng giải để tự làm.  c. Chép luôn bài của bạn.  d. Nhờ người khác làm bài hộ.  đ. Hỏi thầy giáo, cô giáo hoặc người lớn.  e. Bỏ không làm.  ***- GV kết luận: Cách a, b, đ là những cách giải quyết tích cực.***  - GV hỏi: *Qua bài học hôm nay, chúng ta có thể rút ra được điều gì?*  - GV nhận xét, kết luận phần bài học.  **3. Hoạt động ứng dụng** (1p)  **4. Hoạt động sáng tạo** (1p) |

**ĐIỀU CHỈNH-BỔ SUNG**

..............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**KỂ CHUYỆN**

**KỂ CHUYỆN ĐÃ NGHE, ĐÃ ĐỌC**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Hiểu nội dung và ý nghĩa câu chuyện mình kể

**2. Kĩ năng:**

- Kể được câu chuyện (mẩu chuyện, đoạn truyện) đã nghe, đã đọc có nhân vật, có ý nghĩa, nói về lòng nhân hậu (theo gợi ý ở SGK)

**3. Thái độ**

- GD HS lòng nhân hậu, yêu thương con người

**4. Góp phần bồi dưỡng các năng lực**

- NL giao tiếp và hợp tác, NL sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ.

*\*****GDĐĐHCM :*** *Tình thương yêu bao la của Bác Hồ đối với dân với nước nói chung và đối với thiếu niên nhi đồng nói riêng .*

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Bảng phụ

- HS: SGK, Sách truyện đọc

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm, đóng vau

- KT: đặt câu hỏi, động não, chia sẻ nhóm.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - HS kể chuyện  *+ Cần có lòng nhân ái, yêu thương, quan tâm mọi người* | **1. Khởi động***:(5p)*  - Yêu cầu HS kể câu chuyện Nàng tiên Ốc  *+ Câu chuyện muốn nói điều gì?*  - GV nhận xét, khen/ động viên.  - Kết nối bài học |
| **2. Tìm hiểu , lựa chọn câu chuyện:***(8P)*  **\* Mục tiêu**: HSlựa chọn được câu chuyện về lòng nhân hậu.  **\* Cách tiến hành:** *Hoạt động cả lớp* | |
| - HS đọc đề, gạch chân từ ngữ quan trọng  Đề bài: Kể lại một câu chuyện mà em đã được nghe, được đọc về lòng nhân hậu.  - 3 HS nối tiếp đọc 3 gợi ý ở sgk.  + Thương yêu, quý trọng, quan tâm đến mọi người. VD: Nàng công chúa nhân hậu, Chú cuội,...  + Cảm thông, sẵn sàng chia sẻ với mọi người có hoàn cảnh khó khăn: Bạn Lương, Dế Mèn,..  + Yêu thiên nhiên, chăm chút từng mầm nhỏ của sự sống: hai cây non, Chiếc rễ đa tròn,..  + Tính hiền hậu,không nghịch ác, không xúc phạm hoặc làm đau lòng người khác,..  - Hs đọc tiêu chí đánh giá .  - 3 - 4 hs giới thiệu tên câu chuyện và nhân vật trong truyện mình sẽ kể.  - HS lắng nghe | - Yêu cầu HS đọc yêu cầu đề bài  - Yêu cầu HS gạch chân các từ ngữ quan trọng  - Yêu cầu HS đọc gợi ý SGK  *+ Lòng nhân hậu được biểu hiện như thế nào?*  *+ Khi kể chuyện cần lưu ý gì?*  - GV ghi các tiêu chí đánh giá lên bảng.  +GV: Các gợi ý mở rộng cho các em rất nhiều khả năng tìm chuyện trong sgk để kể, tuy nhiên khi kể các em nên sưu tầm những chuyện ngoài sgk thì sẽ được đánh giá cao hơn  *\*GDĐĐHCM : Khuyến khích HS kể các câu chuyện về Bác Hồ để thấy tình thương yêu bao la của Bác Hồ đối với dân với nước nói chung và đối với thiếu niên nhi đồng nói riêng* (VD : truyện Chiếc rễ đa tròn – TV2 tập 2) |
| **3 . Thực hành kể chuyện – Tìm hiểu ý nghĩa câu chuyện***:(20p)*  **\* Mục tiêu:** HS ghi nhớ nội dung câu chuyện và kể lại được câu chuyện về lòng nhân hậu đã được nghe, được đọc. Nêu được ý nghĩa câu chuyện  **\* Cách tiến hành: Cá nhân - Nhóm- Lớp** | |
| - 2 HS ngồi cùng bàn kể chuyện, trao đổi về ý nghĩa truyện với nhau.  - 5 đến 7 HS thi kể và trao đổi về ý nghĩa truyện.  - HS đặt câu hỏi cho bạn kể chuyện về nội dung và ý nghĩa của chuyện  *+ Câu chuyện khuyên chúng ta cần biết yêu thương, đùm bọc nhau*  - Kể lại câu chuyện cho người thân nghe.  - Sưu tầm các câu chuyện khác cùng chủ đề | a/. Kể chuyện theo cặp:  ***\* Kể trong nhóm:***  - HS thực hành kể trong nhóm.  GV đi hướng dẫn những HS gặp khó khăn.  ***\* Kể trước lớp:***  - Tổ chức cho HS thi kể.  - GV khuyến khích HS lắng nghe và hỏi lại bạn kể những tình tiết về nội dung truyện, ý nghĩa truyện.  - Nhận xét, bình chọn bạn có câu chuyện hay nhất, bạn kể hấp dẫn nhất.  *+ Ý nghĩa câu chuyện là gì?*  \* Giúp đỡ hs M1+M2  **4. Hoạt động ứng dụng *(1p)***  **5. Hoạt động sáng tạo *(1p)*** |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**KĨ THUẬT**

**CẮT VẢI THEO ĐƯỜNG VẠCH DẤU**

**I.MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Biết cách vạch dấu trên vải và cắt vải theo đường vạch dấu.

**2. Kĩ năng**

- Vạch được đường dấu trên vải (vạch đường thẳng, đường cong) và cắt được vải theo đường vạch dấu. Đường cắt có thể mấp mô.

\* Với HS khéo tay: Cắt được vải theo đường vạch dấu. Đường cắt ít bị mấp mô.

**3. Thái độ**

- Giáo dục tính cẩn thận, khéo léo, an toàn khi thực hành

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL thẩm mĩ.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: + Tranh quy trình cắt vải theo đường vạch dấu.

+ Mẫu một mảnh vải đã được vạch dấu đường thẳng, đường cong bằng phấn may và cắt dài khoảng 7- 8cm theo đường vạch dấu thẳng.

- HS: Bộ dụng cụ KT cắt, khâu, thêu

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Quan sát mẫu, hỏi đáp,

- KT: đặt câu hỏi, tia chớp, động não, phòng tranh

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| *+ Căt một đoạn chỉ dài khoảng 50 – 60 cm, vuốt nhọn một đầu chỉ…*  *+ Gồm thước thẳng, thước dây, khung thêu, …*  *+ kéo, kim,..* | **1. HĐ khởi động** *(3p)*  *+ Nêu các bước xâu kim và vê nút chỉ?*  *+ Kể tên một số vật liệu và dụng cụ khác?*  - GV nhận xét, khen ngợi, dẫn vào bài học |
| **2. HĐ thực hành:***(30p)*  **\* Mục tiêu**: - Vạch được đường dấu trên vải (vạch đường thẳng, đường cong) và cắt được vải theo đường vạch dấu. Đường cắt có thể mấp mô.  \* Với HS khéo tay: Cắt được vải theo đường vạch dấu. Đường cắt ít bị mấp mô.  **\* Cách tiến hành: Cá nhân- Nhóm- Lớp** | |
| **Cá nhân – Lớp**  - HS trả lời.  - HS lắng nghe  - HS nêu.  - HS lắng nghe  - HS vạch dấu lên mảnh vải  - HS quan sát.  - HS đánh giá sản phẩm của bạn theo các tiêu chí đã nêu  - VN tiếp tục thực hành  - Trang trí sản phẩm cho đẹp | **HĐ1: Ôn tập lại các thao tác KT**  ***\* Vạch dấu trên vải:***  **-** GV yêu cầu HS nêu lại cách vạch dấu  - GV lưu ý:  + Trước khi vạch dấu phải vuốt phẳng mặt vải.  + Khi vạch dấu đường thẳng phải dùng thước có cạnh thẳng. Đặt thước đúng vị trí đánh dấu 2 điểm theo độ dài cần cắt.  + Khi vạch dấu đường xong cũng phải vuốt thẳng mặt vải. Sau đó vẽ vị trí đã định.  ***\* Cắt vải theo đường vạch dấu:***  - GV yêu cầu nêu cách cắt vải theo đường vạch dấu.  - GV nhận xét, bổ sung và nêu một số điểm cần lưu ý:  + Tì kéo lên mặt bàn để cắt cho chuẩn.  + Mở rộng hai lưỡi kéo và luồn lưỡi kéo nhỏ hơn xuống dưới mặt vải để vải không bị cộm lên.  + Khi cắt, tay trái cầm vải nâng nhẹ lên để dễ luồn lưỡi kéo.  + Đưa lưỡi kéo cắt theo đúng đường vạch dấu.  + Chú ý giữ an toàn, không đùa nghịch khi sử dụng kéo.  **HĐ 2: *HS thực hành vạch dấu và cắt vải theo đường vạch dấu****.*  - Kiểm tra vật liệu dụng cụ thực hành của HS.  - GV nêu yêu cầu thực hành:HS vạch 2 đường dấu thẳng, 2 đường cong dài 15cm. Các đường cách nhau khoảng 3- 4cm. Cắt theo các đường đó.  - Trong khi HS thực hành GV theo dõi, uốn nắn.  \* **HĐ 3: *Đánh giá kết quả học tập***.  - GV đánh giá sản phẩm thực hành của HS theo tiêu chuẩn:  + Kẻ, vẽ được các đường vạch dấu thẳng và cong.  + Cắt theo đúng đường vạch dấu.  + Đường cắt không bị mấp mô, răng cưa.  + Hoàn thành đúng thời gian quy định.  - GV nhận xét, đánh giá kết quả học tập của HS.  **3. Hoạt động ứng dụng *(1p)***  **4. HĐ sáng tạo *(1p****)* |

**ĐIỀU CHỈNH-BỔ SUNG**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

*Thứ ....... ngày ...... tháng ..... năm .........*

**TẬP ĐỌC**

**NGƯỜI ĂN XIN**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Hiểu ND: Ca ngợi cậu bé có tấm lòng nhân hậu biết đồng, cảm thương xót trước nỗi bất hạnh của ông lão ăn xin nghèo khổ. (trả lời được các câu hỏi 1, 2, 3)

**2. Kĩ năng**

- Đọc rành mạch, trôi chảy; giọng đọc nhẹ nhàng, bước đầu thể hiện được cảm xúc, tâm trạng của nhân vật trong câu chuyện.

**3. Thái độ**

- Biết yêu quý, quan tâm, giúp đỡ những người có hoàn cảnh khó khăn

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ.

***\* GDKNS****: Giao tiếp ứng xử lịch sự trong giao tiếp; Thể hiện sự cảm thông ; Xác định giá trị.*

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Tranh minh hoạ bài tập đọc trang 31 - SGK (phóng to)

- HS: SGK

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- Phương pháp: Quan sát, hỏi - đáp, đóng vai.

- Kĩ thuật: Làm việc nhóm, chia sẻ nhóm 2, động não

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| + 1 HS đọc  *+ HS nêu nội dung . . .* | **1. Khởi động:** *(3p)*  *+* 1 em đọc bài:***“***Thư thăm bạn"  *+ Nêu nội dung bài*  - GV dẫn vào bài mới |
| **2. Luyện đọc:** *(8-10p)*  **\* Mục tiêu:**  Đọc rành mạch, trôi chảy, giải nghĩa một số từ ngữ  \* **Cách tiến hành:** | |
| - 1 HS đọc bài, cả lớp đọc thầm  - Lắng nghe  - Lớp trưởng điều hành cách chia đoạn  - Bài chia làm 3 đoạn  + Đoạn 1: *Từ đầu....cứu giúp*  *+* Đoạn 2*: Tiếp theo....cho ông cả*  *+ Đoạn 3: Còn lại*  - Nhóm trưởng điều hành nhóm đọc nối tiếp trong nhóm lần 1 và phát hiện các từ ngữ khó (*lọm khọm, đỏ đọc, giàn giụa, biết nhường nào, xiết chặt,...)*  - Luyện đọc từ khó: Đọc mẫu (M4)-> Cá nhân (M1)-> Lớp  - Giải nghĩa từ khó: (đọc phần chú giải)  - HS đọc nối tiếp lần 2 theo điều khiển của nhóm trưởng  - Các nhóm báo cáo kết quả đọc  - 1 HS đọc cả bài (M4) | - Gọi 1 HS đọc bài (M3)  - GV lưu ý giọng đọc: Toàn bài đọc với giọng kể chậm rãi, nhấn giọng các từ ngữ miêu tả ngoại hình của ông lão  - GV chốt vị trí các đoạn  - Lưu ý sửa lỗi đọc và ngắt nghỉ cho các HS (M1) |
| **3.Tìm hiểu bài:** *(8-10p)*  **\* Mục tiêu:** Hiểu nội dung bài đọc (trả lời được các câu hỏi cuối bài)  **\* Cách tiến hành: *Làm việc cá nhân – Chia sẻ nhóm 4 – Chia sẻ trước lớp*** | |
| - HS tự làm việc nhóm 4 trả lời các câu hỏi  - TBHT điều hành hoạt động báo cáo:  *+ Cậu bé gặp ông lão ăn xin khi đang đi trên phố, ông đứng ngay trước mặt cậu.*  *+ Ông lão lom khom, đôi mắt đỏ đọc giàn giụa nước mắt. Đôi môi tái nhợt, quần áo tả tơi,dáng hình xấu xí, bàn tay sưng húp, bẩn thiu, giọng rên rỉ cầu xin.*  *- Vì nghèo đòi khiến ông lão thảm thương như vậy.*  ***1. Ông lão ăn xin thật đáng thương***.  *+ Cậu chứng tỏ bằng hành động và lời nói:*  ***Hành động:*** *lục tìm hất túi nọ đến túi kia để tìm một cái gì đó cho ông lão, nắm chặt tay ông.*  ***Lời nói****: Ông đừng giận cháu,, cháu không có gì cho ông cả.*  *+ Chứng tỏ cậu tốt bụng, cậu chân thành xót thương ông lão, tôn trọng và muốn giúp đỡ ông.*  ***2. Cậu bé thương ông lão, cậu muốn giúp đỡ ông.***  *+ Ông nói: như vậy là cháu đã cho ông rồi.*  *+ Cậu bé đã cho ông lão tình cảm, sự cảm thông và thái độ tôn trọng.*  *+ Cậu bé đã nhận được ở ông lão lòng biết ơn, sự đồng cảm. Ông đã hiểu được tầm lòng của cậu.*  ***3. Sự đồng cảm của ông lão ăn xin và cậu bé.***  ***\*Nội dung: Câu chuyện ca ngợi cậu bé có tấm lòng nhân hậu, biết đồng cảm thương xót trước nỗi bất hạnh của ông lão.***  - HS ghi lại nội dung bài | - GV phát phiếu học tập cho từng nhóm  *+ Cậu bé gặp ông lão ăn xin khi nào ?*  *+ Hình ảnh ông lão ăn xin đáng thương như thế nào?*    *+ Điều gì khiến ông lão trông thảm thương đến như vậy ?*  *+ Đoạn 1 cho ta thấy điều gì?*  *+ Cậu bé đã làm gì để chứng tỏ tình cảm của cậu đối với ông lão ăn xin ?*  *+ Hành động và lời nói của cậu bé chứng tỏ tình cảm của cậu bé đối với ông lão như thế nào?*  *+ Đoạn 2 nói lên điều gì?*  *+ Cậu bé không có gì để cho ông lão nhưng ông lão nói với cậu như thế nào?*  *+ Em hiểu cậu bé đã cho ông lão cái gì?*  *+ Sau câu nói của ông lão cậu bé đã cảm nhận được một chút gì đó từ ông?*  *Theo em cậu bé nhận được gì từ ông lão?*  *+ Đoạn 3 ý nói gì?*  *+ Nêu ý nghĩa của bài*  \* HS M3+M4 đọc trả lời câu hỏi hoàn chỉnh và các câu nêu nội dung đoạn, bài. |
| **3. Luyện đọc diễn cảm** *(8-10p)*  **\* Mục tiêu: HS** biết đọc diến cảm đoạn 2 của bài, thể hiện được sự chân thành và cảm thông qua lời nói và hành động của cậu bé  **\* Cách tiến hành: Hoạt động cá nhân – nhóm - cả lớp** | |
| - 1 HS nêu lại  - Nhóm trưởng điều khiển nhóm đọc diễn cảm  - Thi đọc diễn cảm trước lớp  - Lớp nhận xét, bình chọn.  - HS nêu theo ý hiểu  - VN kể lại câu chuyện Người ăn xin bằng lời của cậu bé | + Yêu cầu HS nêu giọng đọc toàn bài  - Yêu cầu các nhóm đọc diễn cảm đoạn 2  - GV nhận xét chung  **4. Hoạt động ứng dụng** *(1 phút)*  - Em học được điều gì qua các câu chuyện cổ?  **5. Hoạt động sáng tạo** *(1 phút)* |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TOÁN**

***Tiết 14:* DÃY SỐ TỰ NHIÊN**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- HS bước đầu nhận biết về số tự nhiên, dãy số tự nhiên và một số đặc điểm của dãy số tự nhiên

**2. Kĩ năng**

- Vận dụng các đặc điểm của dãy số tự nhiên để làm các bài tập

**3. Thái độ**

- Học tập tích cực, tính toán chính xác

**4. Góp phần phát triền các NL:**

- NL tự học, NL sáng tạo, NL giải quyết vấn đề

\* Bài tập cần làm: Bài 1, bài 2, bài 3, bài 4a

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Phiếu học tập.

- HS: SGK, vở,...

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Quan sát, hỏi đáp, thảo luận nhóm.

- KT: động não, tia chớp, chia sẻ nhóm 2

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - HS chơi trò chơi: Truyền điện: Nối tiếp đọc các số tự nhiên trong phạm vi 100 | **1. Khởi động *(3p)***  - GV giới thiệu, dẫn vào bài mới |
| **2. Hình thành kiến thức (***12 p)*  **\* Mục tiêu: :** HS bước đầu nhận biết về số tự nhiên, dãy số tự nhiên và một số đặc điểm của dãy số tự nhiên  **\* Cách tiến hành:**.***Hoạt động cả lớp*** | |
| - Hs lắng nghe  - HS biểu diễn – Chia sẻ lớp  - HS nêu: Mỗi số ứng với một điểm trên tia số  *+ Lớn hơn số đứng trước 1 đơn vị.*  *+ Ta được số liền sau nó. Vậy không có STN lớn nhất.*  *+Ta được số liền trước nó*  *+ Số 0*  *+ Hai STN liên tiếp hơn kém nhau 1 đơn vị.* | - GV : *Các số các em vừa đọc (Khởi động) được gọi là số tự nhiên. Các số tự nhiên sắp xếp theo thứ tự từ bé đến lớn gọi là dãy số tự nhiên*  - Yêu cầu HS biểu diễn các số từ 0-10 trên tia số  - Yêu cầu nêu đặc điểm của tia số  *\*Đặc điểm của dãy số tự nhiên.*  *+ Em có nhận xét gì về số liền sau của một số tự nhiên?*  *+ Cứ thêm 1 vào một số tự nhiên ta được số ntn?*  *+Bớt 1 ở STN ta được số nào?*  *+ STN bé nhất là số nào?*  *+ Hai số tự nhiên liên tiếp thì hơn kém nhau bao nhiêu đơn vị*?  - GV chốt lại đặc điểm của dãy số tự nhiên |
| **3. HĐ thực hành *(18p)***  **\* Mục tiêu*:*** Vận dụng làm các bài tập liên quan  **\* Cách tiến hành: Cá nhân – Lớp** | |
| - 1 hs đọc đề bài.  *+ Muốn tìm số liền sau ta lây số đó cộng thêm 1.*  - Hs làm bài cá nhân – Chia sẻ lớp  - 1 hs đọc đề bài.  *+ Ta lấy số đó trừ đi 1.*  - Hs làm bài - Chia sẻ kết quả  11 ; 12 99 ; 100  1001 ; 1002 9 999 ; 10 000.  - 1 hs đọc đề bài.  - HS làm vào vở  - HS chia sẻ kết quả:  a. 4 ; 5 ; 6 b. 86 ; 87 ; 88  c.896 ; 897 ; 898 d. 9 ; 10 ; 11  e.99;100; 101 g. 9998; 9 999; 10000  - 1 hs đọc đề bài.  - Hs nêu miệng kết quả, nêu quy luật của dãy số  a. 909; 910; 911; 912; 913; 914; 915.  b. 0; 2; 4; 6; 8; 10; 12; 14; 6; 18; 20  c. 1; 3; 5; 7; 9; 11; 13; 15; 19; 21  - Ghi nhớ các đặc điểm của STN  - VN làm các bài tâp về quy luật của dãy STN | **Bài 1**: Viết STN liền sau.  *+ Muốn tìm số liền sau của một số ta làm thế nào?*  - Chữa bài, nhận xét.  **Bài 2:**Viết STN liền trước  *+ Nêu cách tìm số liền trước?*  - Tổ chức cho hs làm bài cá nhân.  - Chữa bài, nhận xét.  **Bài 3**:Viết số thích hợp vào chỗ chấm.  - Tổ chức cho hs làm vào vở  - GV nhận xét, đánh giá bài làm trong vở của HS  - Chữa bài, nhận xét.  **Bài 4a**:(***HSNK làm cả bài)*** Viết số thích hợp vào chỗ chấm  - Tổ chức làm bài cá nhân  - Chữa bài, nhận xét.  **\* KL:**  **4. HĐ ứng dụng *(1p)***  **5. HĐ sáng tạo *(1p)*** |

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

:...................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TẬP LÀM VĂN**

**KỂ LẠI LỜI NÓI, Ý NGHĨ CỦA NHÂN VẬT**

**I.MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Biết được hai cách kể lại lời nói, ý nghĩ của nhân vật và tác dụng của nó: nói lên tính cách nhân vật và ý nghĩa câu chuyện (ND ghi nhớ).

**2. Kĩ năng**

- Bước đầu biết kể lại lời nói, ý nghĩ của nhân vật trong bài văn kể chuyện theo hai cách: trực tiếp, gián tiếp. (BT mục III).

**3. Thái độ**

- HS tích cực, tự giác làm việc

**4. Góp phần phát triển NL:**

**-** NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL tự học, NL giao tiếp.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Bảng phụ

- HS: SGK

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Quan sát, hỏi đáp, thảo luận nhóm

- KT: đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, chia sẻ nhóm 2, động não.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBHT điều hành lớp trả lời, nhận xét  *+ Giúp làm nổi bật tính cách, thân phận của nhân vật* | **1. Khởi động:(***3p)*  *+ Miêu tả ngoại hình nhân vật trong bài văn kể chuyện có tác dụng gì?*  - GV kết nối - dẫn vào bài mới |
| **2. Hình thành KT** *(12 p)*  **\* Mục tiêu:** Biết được hai cách kể lại lời nói, ý nghĩ của nhân vật và tác dụng của nó: nói lên tính cách nhân vật và ý nghĩa câu chuyện (ND ghi nhớ).  **\* Cách tiến hành: Cá nhân- Nhóm 4 - Lớp** | |
| - 1 hs đọc đề bài.  - Nhóm 4 hs làm bài. Đại diện nhóm nêu kết quả.   |  |  | | --- | --- | | Ý nghĩ của cậu bé | Lời nói của cậu bé | | - Chao ôi! ....xấu xí...  - Cả tôi nữa, tôi cũng vừa nhận được.... | - Ông đừng.....cho ông cả. |   *+ Cậu là người nhân hậu, giàu lòng trắc ẩn, giàu tình thương yêu con người và thông cảm với nỗi khốn khổ của ông lão. …*  *+ Nhờ lời nói và suy nghĩ của cậu.*  - Đọc thầm, thảo luận cặp đôi.  + HS tiếp nối nhau phát biểu đến khi có câu trả lời đúng.  Cách a) Tác giả kể lại nguyên văn lời nói của ông lão với cậu bé.  Cách b) Tác giả kể lại lời nói của ông lão bằng lời của mình.  *+ Ta cần kể lại lời nói và ý nghĩ của nhân vật để thấy rõ tính cách của nhân vật.*  *+ Có 2 cách: lời dẫn trực tiếp và lời dẫn gián tiếp.*  - 2 HS đọc thành tiếng. | ***a. Nhận xét***  **Bài tập** 1, 2:  - Tổ chức cho hs đọc thầm bài văn ghi lại lời nói và ý nghĩ của cậu bé vào bảng nhóm theo nhóm.  - Các nhóm nêu kết quả.  *+ Lời nói và ý nghĩ của cậu bé cho ta thấy cậu bé là người ntn?*  *+ Nhờ đâu mà em đánh giá được tính cách của cậu bé?*  - Gv nhấn mạnh nội dung .  **Bài 3:** Lời nói, ý nghĩ của ông lão ăn xin trong hai cách kể đã cho có gì khác nhau?  + Nhận xét, kết luận và viết câu trả lời vào cạnh lời dẫn.  ***Cách a)*** Tác giả dẫn *trực tiếp* – tức là dùng nguyên văn lời của ông lão. Do đó các từ xưng hô là từ xưng hô của chính ông lão với cậu bé (ông – cháu).  ***Cách b)*** Tác giả thuật lại *gián tiếp*  lời của ông lão, tức là bằng lời kể của mình. Người kể xưng tôi, gọi người ăn xin là ông lão.  *+ Ta cần kể lại lời nói và ý nghĩ của nhân vật để làm gì?*  *+ Có những cách nào để kể lại lời nói và ý nghĩ của nhân vật?*  ***b. Ghi nhớ:***  - GV chốt lại nội dung |
| **3. HĐ thực hành (***18p)*  **\* Mục tiêu**: Bước đầu biết kể lại lời nói, ý nghĩ của nhân vật trong bài văn kể chuyện theo hai cách: trực tiếp, gián tiếp. (BT mục III).  **\* Cách tiến hành: Cá nhân- Nhóm - Lớp** | |
| **Cá nhân – Nhóm 2 – Lớp**  - 1 hs đọc đề bài, tiến hành thảo luận theo nhóm. ghi kết quả vào bảng nhóm.  - Hs đọc thầm 2 cách kể, nêu nhận xét của mình.  + Dẫn gián tiếp:Bị chó sói đuổi  + Dẫn trực tiếp:  - Còn tớ, tớ sẽ nói đang đi thì gặp ông ngoại.  - Theo tớ, tốt nhất là chúng mình nhận lỗi với bố mẹ.  *+ Lời dẫn trực tiếp là một câu trọn vẹn được đặt sau dấu hai chấm phối hợp với dấu gạch ngang đầu dòng hay dấu ngoặc kép.*  *+ Lời dẫn gián tiếp đứng sau các từ nối: rằng, là và dấu hai chấm.*  **\* Nhóm 2 – Lớp**  - 1 hs đọc yêu cầu  - Hs làm bài theo nhóm 2, đại diện chia sẻ kết quả  \* Đáp án:  a) Vua nhìn thấy ….hỏi bà hàng nước:  - Xin cụ cho biết ai têm trầu này?  Bà lão bảo:  - Tâu bệ hạ, trầu này do chính già têm.  Nhà vua không tin, ….nói thật:  - Thưa, đó là trầu do con gái già têm.  *+ Thay đổi từ xưng hô và đặt lời nói trực tiếp vào sau dấu hai chấm kết hợp với gạch đầu dòng hoặc dấu ngoặc kép.*  **\* Cá nhân – Nhóm 2 – Lớp**  - HS đọc yêu cầu bài.  *+ Ta đổi từ xưng hô, bỏ dấu ngoặc kép hoặc dấu gạch đầu dòng, gộp lại lời kể với lời nhân vật.*  - HS làm cá nhân – Đổi chéo KT, chia sẻ kết quả  \* Đáp án:  Bác thợ hỏi Hoè là cậu có thích làm thợ xây không. Hoè đáp rằng thích lắm.  - Ghi nhớ 2 cách kể lại lời nói, ý nghĩ của nhân vật  - VN tập chuyển đổi lời dẫn trực tiếp và gián tiếp | **Bài 1**: Tìm lời dẫn trực tiếp và gián tiếp.  - Tổ chức cho hs làm bài theo nhóm.  - Gọi hs nêu miệng kết quả.  *+ Dựa vào dấu hiệu nào em nhận ra lời dẫn trực tiếp, lời dẫn gián tiếp?*  - Gv chữa bài, nhận xét, chốt lại 2 cách kể lại lời nói, ý nghĩ của nhân vật  **Bài 2:** Chuyển lời dẫn gián tiếp thành trực tiếp.  *+ Muốn chuyển lời dẫn gián tiếp thành trực tiếp ta phải làm gì?*  - GV chốt lại lời giải đúng, chốt cách chuyển  **Bài 3**: Chuyển lời dẫn trực tiếp thành gián tiếp.  *+ Muốn chuyển lời dẫn trực tiếp thành gián tiếp ta cần chú ý những gì?*  **-** GV chữa, chốt cách chuyển đổi  ***4.* HĐ ứng dụng***(1p)*  **5. HĐ sáng tạo** *(1p)* |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**KHOA HỌC (CT HIỆN HÀNH)**

**VAI TRÒ CỦA VI- TA- MIN, CHẤT KHOÁNG VÀ CHẤT XƠ**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Kể tên những thức ăn chứa nhiều vi- ta- min (cà rốt, lòng đỏ trứng, các loại rau,...), chất khoáng (thịt, cá, trứng, các loại rau có lá màu xanh thẵm, …) và chất xơ (các loại rau).

- Nêu được vai trò của vi- ta- min, chất khoáng và chất xơ đối với cơ thể:

+ Vi- ta- min rất cần cho cơ thể, nếu thiếu cơ thể sẽ bị bệnh.

+ Chất khoáng tham gia xây dựng cơ thể, tạo men thúc đẩy và điều khiển hoạt động sống, nếu thiếu cơ thể sẽ bị bệnh.

+ Chất xơ không có giá trị dinh dưỡng nhưng rất cần để đảm bảo hoạt động bình thường của bộ máy tiêu hoá.

**2. Kĩ năng**

- Xác định và phân loại được các loại thức ăn chứa vi-ta-min và chất xơ

**3. Thái độ**

- Có ý thức bảo vệ nguồn nước.

**4. Góp phần phát triển các năng lực:**

- NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL hợp tác, NL khoa học,...

**II. CHUẨN BỊ :**

**1. Đồ dùng**

- GV: Các hình minh hoạ ở trang 14, 15 / SGK (phóng to nếu có điều kiện).

- HS: + Có thể mang một số thức ăn thật như: Chuối, trứng, cà chua, đỗ, rau cải.

+ 4 tờ giấy khổ A0.

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Quan sát, hỏi đáp, thảo luận nhóm, trò chơi, thí nghiệm

- KT: động não, tia chớp, đặt câu hỏi, chia sẻ nhóm 2

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| - TBHT điều hành HS trả lời và nhận xét  *+ Thức ăn có nhiều chất đạm: thịt, cua, trứng, cá, …Có vai trò tạo ra những tế bào…*  *+ Chất béo có vai trò giúp cơ thể hấp thu các vi- ta- min A, D, E, K đó là các thức ăn: dầu, mỡ, vừng, lạc* | **1. Khởi động** (3p)  *+ Em hãy cho biết những loại thức ăn nào có chứa nhiều chất đạm và vai trò của chúng?*  *+ Chất béo có vai trò gì? Kể tên một số loại thức ăn có chứa nhiều chất béo*  - GV nhận xét, khen/ động viên. |
| **2.Bài mới: *(****30p)*  **\* Mục tiêu:**  - Kể tên những thức ăn chứa nhiều vi- ta- min (cà rốt, lòng đỏ trứng, các loại rau,...), chất khoáng (thịt, cá, trứng, các loại rau có lá màu xanh thẵm, …) và chất xơ (các loại rau).  - Nêu được vai trò của vi- ta- min, chất khoáng và chất xơ đối với cơ thể:  **\* Cách tiến hành: Cá nhân-Nhóm- Lớp** | |
| **Nhóm 2 - Lớp**  - HS làm việc theo nhóm.  - Hoàn thiện bảng sau – Chia sẻ lớp   |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | Tên thức ăn | Nguồn gốc  TV | Nguồn gốc ĐV | Chứa  vi- ta- min | Chất khoáng | Chất xơ | | Rau cải  Trứng gà  Cà rốt  Dầu ăn  Chuối  Cà chua  Cá  Cua | +  +  +  +  + | +  +  + | +  +  +  +  +  + | +  +  +  +  +  +  + | +  + |   - Báo cáo kết quả bằng trò chơi tiếp sức.  - HS lắng nghe  **Nhóm 4 – Lớp**  - HS làm theo nhóm 4.  *+ Các loại vi- ta- min A, B, C, D, …Là chất không tham gia trực tiếp vào việc …cơ thể.*  *+ Nếu thiếu Vi- ta- min, Thiếu vi- ta- min A sẽ mắc bệnh khô mắt, quáng gà. Thiếu vi- ta- min D sẽ mắc bệnh còi xương ở trẻ em và loãng xương ở người lớn. Thiếu vi- ta- min C sẽ mắc bệnh chảy máu chân răng. Thiếu vi- ta- min B1 sẽ bị phù, …*  *+ Can –xi, phốt pho, sắt, kẽm, i- ốt, …có trong các loại thức ăn như:Sữa, pho- mát, trứng, xúc xích, chuối, cam, gạo, ngô, ốc, cua, cà chua, đu đủ, thịt gà, cà rốt, cá, tôm, chanh, dầu ăn, dưa hấu, …*  *+ Chất khoáng tham gia vào xây dựng cơ thể. Ngoài ra, cơ thể còn cần một lượng nhỏ một số chất khoáng khác để tạo ra các men thúc đẩy và điều khiển hoạt động sống. Nếu thiếu các chất khoáng, cơ thể sẽ bị bệnh.* *Ví dụ: Thiếu sắt sẽ gây chảy máu. Thiếu can- xi sẽ ảnh hưởng đến hoạt động cơ tim, khả năng tạo huyết và đông máu, gây bệnh còi xương ở trẻ em và loãng xương ở người lớn. Thiếu i- ốt sẽ sinh ra bướu cổ.*  *+ Các thức ăn có nhiều chất xơ là: Bắp cải, rau diếp, hành, cà rốt, súp lơ, đỗ quả, rau ngót, rau cải, mướp, đậu đũa, rau muống, …*  *+ Chất xơ không có giá trị dinh dưỡng nhưng rất cần thiết để đảm bảo hoạt động bình thường của bộ máy tiêu hoá bằng việc tạo thành phân giúp cơ thể thải được các chất cặn bã ra ngoài.*  - HS lắng nghe  - Ghi nhớ KT của bài  - VN lên thực đơn cho 1 tuần với các nhóm thức ăn cho hợp lí | **HĐ1: Trò chơi: Tìm các loại thức ăn chứa nhiều vi- ta- min, chất khoáng và chất xơ:** ♣ Bước 1:- Gv chia lớp thành theo nhóm 2, mỗi nhóm đều có phiếu học tập  - Yêu cầu HS ngồi quan sát các hình minh hoạ ở trang 14, 15 / SGK và kể tên các thức ăn có chứa nhiều vi- ta- min, chất khoáng, chất xơ.    - GV nhận xét, khen.  - GV giảng thêm: ***Nhóm thức ăn chứa nhiều chất bột đường như: sắn, khoai lang, khoai tây … cũng chứa nhiều chất xơ.***  **HĐ2: Vai trò của vi- ta- min, chất khoáng, chất xơ**.  ♣ Bước 1: GV tiến hành thảo luận nhóm theo định hướng.  - Yêu cầu các nhóm đọc phần Bạn cần biết và trả lời các câu hỏi sau:  *+ Kể tên một số vi- ta- min mà em biết. Nêu vai trò?*  *+ Nếu thiếu vi- ta- min cơ thể sẽ ra sao?*  *+ Kể tên một số chất khoáng mà em biết?*  *+ Nêu vai trò của các loại chất khoáng đó?*  *+ Những thức ăn nào có chứa chất xơ?*  *+ Chất xơ có vai trò gì đối với cơ thể?*  ♣ Bước 2: GV kết luận:  + Vi- ta- min là những chất tham gia trực tiếp vào việc xây dựng cơ thể hay cung cấp năng lượng…  + Một số khoáng chất như sắt, can- xi … tham gia vào việc xây dựng cơ thể. …  **3. Hoạt động ứng dụng** (1p)  **4. Hoạt động sáng tạo *(****1p)* |

**ĐIỀU CHỈNH-BỔ SUNG**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

*Thứ ....... ngày ...... tháng ..... năm .........*

**LUYỆN TỪ VÀ CÂU**

**MỞ RỘNG VỐN TỪ: NHÂN HẬU – ĐOÀN KẾT**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Biết thêm một số từ ngữ (gồm cả thành ngữ, tục ngữ và từ Hán Việt thông dụng) về chủ điểm Nhân hậu – Đoàn kết (BT2, BT3, BT4) ; biết cách mở rộng vốn từ có tiếng hiền, tiếng ác

**2. Kĩ năng**

- Rèn kĩ năng dùng từ, đặt câu

**3. Thái độ**

- Tích cực, tự giác học bài. Biết sống nhân hậu, đoàn kết

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL tự học, NL ngôn ngữ, NL sáng tạo, NL phát hiện và giải quyết vấn đề

*\* GD BVMT: Giáo dục tính hướng thiện cho học sinh (biết sống nhân hậu và biết đoàn kết với mọi người)*

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Bảng phụ

- HS: Vở BT, bút, ..

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm,

- KT: động não, đặt câu hỏi, chia sẻ nhóm 2, trình bày 1 phút

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ | **1. Khởi động *(3p)***  - Dẫn vào bài mới |
| **2. Hoạt động thực hành (***30p)*  **\* Mục tiêu:** Biết thêm một số từ ngữ (gồm cả thành ngữ, tục ngữ và từ Hán Việt thông dụng) về chủ điểm Nhân hậu – Đoàn kết (BT2, BT3, BT4) ; biết cách mở rộng vốn từ có tiếng hiền, tiếng ác  **\* Cách tiến hành:** | |
| **Nhóm 4 - Lớp**  - 1 hs đọc đề bài.  - Nhóm 4 hs điền kết quả vào phiếu học tập – Chia sẻ lớp   |  |  | | --- | --- | | Từ chứa tiếng: **hiền** | Từ chứa tiếng: **ác** | | Hiền dịu, hiền đức, hiền hoà, hiền thảo, hiền khô, hiền thục….. | ác nghiệt, tàn ác, ác hại, ác khẩu, ác nhân, ác đức, ác quỷ... |   - Hs dựa vào từ điển giải nghĩa một số từ vừa tìm được .  **Nhóm 2 – Lớp**  - Hs làm bài theo nhóm 2, trình bày kết quả.   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | + | - | | Nhân hậu | Nhân từ, nhân ái, hiền hậu, phúc hậu,đôn hậu, trung hậu... | Tàn ác, hung ác, độc ác, tàn bạo,... | | Đoàn kết | Cưu mang, che chở, đùm bọc,. | Đè nén, áp bức, chia rẽ. |     **Cá nhân – Lớp**  - 1 hs đọc đề bài.  - Hs điền từ vào câu tục ngữ , thành ngữ trong vở.  - 3 - 4 hs đọc các câu đã điền hoàn chỉnh.  a. Hiền như bụt (đất)  b. Lành như đất (bụt).  c. Dữ như cọp (beo).  d. Thương nhau như chị em ruột. (chị em gái)  **Cá nhân – Lớp**  - 1 hs đọc đề bài.  - Hs dùng từ điển để giải nghĩa theo yêu cầu.  - Hs nối tiếp nêu miệng kết quả  - HS lấy VD minh hoạ  - Học thuộc lòng các câu thành ngữ, tục ngữ trong tiết học  - Nêu hoàn cảnh sử dụng một trong các câu thành ngữ, tục ngữ đó | **Bài 1**: Tìm các từ có tiếng : Hiền ; ác.  + Tổ chức cho hs thảo luận theo nhóm, ghi kết quả vào phiếu học tập.  - Gọi hs trình bày kết quả.  - Gv chữa bài, nhận xét.  + Gọi hs giải nghĩa một số từ.  **Bài 2**: Tìm từ trái nghĩa, cùng nghĩa  a. Tìm từ cùng nghĩa, trái nghĩa với từ nhân hậu?  b. Tìm từ cùng nghĩa, trái nghĩa với từ đoàn kết?  - Tổ chức cho hs làm bài theo nhóm.  - Chữa bài, nhận xét, yêu cầu HS đặt câu với từ vừa xếp  **Bài 3**: Điền từ vào chỗ chấm.  - Tổ chức cho hs làm bài cá nhân vào vở.  - Gọi hs đọc các thành ngữ, tục ngữ vừa điền đầy đủ.  - Gv nhận xét.  **Bài 4**: Giải nghĩa các thành ngữ, tục ngữ.  - Tổ chức cho hs làm bài cá nhân, nối tiếp nêu miệng kết quả  ***\*GDMT****: Giáo dục học sinh biết được lòng yêu thương người qua tinh thần đoàn kết.*  **4. Hoạt động ứng dụng *(1p)***  **5. Hoạt động sáng tạo *(1p)*** |

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TOÁN**

***Tiết 15:* VIẾT SỐ TỰ NHIÊN TRONG HỆ THẬP PHÂN**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- HS hệ thống hoá một số hiểu biết ban đầu về:

+ Sử dụng mười chữ số để viết số trong hệ thập phân .

+ Nhận biết được giá trị của mỗi chữ số theo vị trí của nó trong mỗi số .

**2. Kĩ năng**

- Vận dụng được vào giải bài toán có liên quan

**3. Thái độ**

- Tính chính xác, cẩn thận.

**4. Góp phần phát triển các NL**

- NL tự học, làm việc nhóm, NL tính toán, NL giải quyế vấn đề,...

\* Bài tập cần làm: Bài 1, bài 2 , bài 3

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Bảng phụ

- HS: Vở BT, bút

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Quan sát, hỏi đáp, thảo luận nhóm.

- KT: động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBHT điều hành lớp: Trò chơi Xì điện  + Nêu quy luật của dãy số  + Hoàn thành dãy số | **1.Khởi động***:(3p)*  - GV dẫn vào bài mới |
| **2. Hình thành kiến thức mới***:(12p)*  **\* Mục tiêu:** HS bước đầu nhận biết được đặc điểm của hệ thập phân.  \* **Cách tiến hành**: **Hoạt động cả lớp** | |
| *+ 10 đơn vị bằng 1 chục*  *+ 10 chục bằng 1 trăm*  *+ 10 trăm bằng 1 nghìn*  *+ Trong.....cứ 10 đv ở một hàng tạo thành một đv ở hàng trên liên tiếp nó.*  - HS nhắc lại  *+ Sử dụng 10 chữ số: 0 , 1, 2, 3, 3, 5, 6, 7, 8, 9.*  *Hs nêu ví dụ: 789 ; 324 ; 1856 ; 27005.*  *+ Hs nêu giá trị của mỗi chữ số trong từng số.*  *+ Phụ thuộc vào vị trí của nó trong số đó*.  + 9 ; 90 ; 900  - HS nhắc lại | a. Đặc điểm của hệ thập phân.  - Ở mỗi hàng chỉ có thể viết được 1 chữ số.  *+ 10 đơn vị bằng mấy chục?*  *+10 chục bằng mấy trăm?*  *+10 trăm bằng mấy nghìn?*  *+ Trong hệ thập phân cứ 10đv ở một hàng thì tạo thành mấy đv ở hàng trên liên tiếp nó?*  \* Chính vì thế ta goi là ***hệ thập phân.***  b. Cách viết số trong hệ thập phân:  *+ Ta sử dụng những chữ số nào để viết được mọi số tự nhiên?*  *+ Giá trị của mỗi chữ số phụ thuộc vào đâu?*  - Gv nêu VD: 999 nêu giá trị của mỗi chữ số 9 trong số trên?  ***\* Như vậy với 10 chữ số chúng ta có thể viết được mọi STN. Viết số tự nhiên với các đặc điểm như trên được gọi là viết số tự nhiên trong hệ thập phân*** |
| **2. Hoạt động thực hành***:(18p)*  **\* Mục tiêu:** Vận dụng làm các bài tập liên quan  **\* Cách tiến hành:** | |
| **Cá nhân- Nhóm 2- Lớp**  - 1 hs đọc đề bài.  - Hs làm cá nhân – Đổi chéo KT bài  - Thống nhất kết quả.   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Đọc số | Viết số | Số gồm có | | ... | ... | ... | |  |  |  |   **Cá nhân – Lớp**  - 1 hs đọc đề bài.  - Hs viết vào vở - Chia sẻ kết quả:  387 = 300 + 80 + 7  873 = 800 + 70 + 3  4 738 = 4 000 + 700 +30 + 8  10 837 = 10 000 + 800 + 30 + 7  **Cá nhân – Lớp**  - 1 hs đọc đề bài.  - Hs làm bài cá nhân – Chia sẻ lớp:   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | Số | 57 | 5 824 | 5824769 | | Giá trị của chữ số 5 | 50 | 5 000 | 5000000 |   *+ Phụ thuộc vào vị trí của chữ số trong số đó*  - Ghi nhớ các đặc điểm của viết số tự nhiên trong hệ thập phân.  - Tìm các bài tập cùng dạng trong sách buổi 2 và giải | **Bài 1**: Viết theo mẫu.  - Tổ chức cho HS làm bài cá nhân  - GV nhận xét, chốt cách đọc, viết số  **Bài 2**: Viết mỗi số sau thành tổng.  - Hs làm bài cá nhân  - Gv chữa bài, nhận xét.  **Bài 3**: Ghi giá trị của chữ số 5 trong mỗi số  - Gọi HS đọc đề bài.  - Cho hs làm bài vào phiếu học tập  - Gv nhận xét.  *+ Giá trị của mỗi chữ số phụ thuộc điều gì?*  **4. HĐ ứng dụng** (1p)  **5. HĐ sáng tạo** (1p) |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

**TẬP LÀM VĂN**

**VIÊT THƯ**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Nắm chắc mục đích của việc viết thư, nội dung cơ bản và kết cấu thông thường của một bức thư (ND ghi nhớ)

**2. Kĩ năng**

- Vận dụng kiến thức đã học để viết được bức thư thămm hỏi, trao đổi thông tin với bạn (mục III).

**3. Thái độ**

- Tích cực, tự giác làm bài.

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL tự học, Sử dụng ngôn ngữ, NL sáng tạo

***\* KNS:*** *- Giao tiếp ứng xử lịch sự trong giao tiếp.*

*- Tìm kiếm và xử lí thông tin*

*- Tư duy sáng tạo*

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: bảng phụ

- HS: Vở BT, SGK

**2. Phương pháp, kĩ thuât**

- PP: Hỏi đáp, thảo luận nhóm, quan sát, thực hành.

- KT: đặt câu hỏi, động não, chia sẻ nhóm 2

**II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ | **1. Khởi động *(3p)***  - GV kết nối, dẫn vào bài mới |
| **2. Hình thành kiến thức** (12p)  **\* Mục tiêu:** Nắm chắc mục đích của việc viết thư, nội dung cơ bản và kết cấu thông thường của một bức thư (ND ghi nhớ)  **\* Cách tiến hành: Cá nhân – Nhóm 2 – Lớp** | |
| **Cá nhân – Nhóm 4 – Lớp**  - 1 HS đọc to bài văn.  - HS nối tiếp đọc 3 yêu cầu của bài.  - Hs trao đổi nhóm 4, trả lời câu hỏi.  *+ Thăm hỏi, động viên Hồng.*  *+ Thăm hỏi, động viên, thông báo, trao đổi ý kiến*  *+ Sự quan tâm của mọi người với nhân dân vùng lũ*  *+ Lương thông cảm, chia sẻ với hoàn cảnh, nỗi đau của Hồng và bà con địa phương.*  *+ ...sự quan tâm của mọi người với bà con vùng lũ...*  *+ Nội dung bức thư cần:*  *Lí do mục đích viết thư*  *Thăm hỏi người nhận thư*  *Thông báo tình hình của người viết thư*  *Nêu ý kiến cần trao đổi hoặc bày tỏ tình cảm*  *+ Phần mở đầu ghi thời gian, địa điểm viết thư, lời thăm hỏi. Phần cuối ghi lời chúc, lời hứa hẹn*  - 2 hs đọc ghi nhớ | ***a. Nhận xét***  - Tổ chức cho hs đọc thầm bài văn  "Thư thăm bạn" thảo luận nhóm yêu cầu 1,2,3.  *+ Bạn Lương viết thư cho bạn Hồng để làm gì?*  *+ Theo em người ta viết thư để làm gì?*  *+ Đầu thư bạn Lương viết gì?*  *+ Lương thăm hỏi gia đình và địa phương Hồng ntn?*  *+ Lương thông báo với Hồng tin gì?*  *+ Theo em nội dung bức thư cần có những gì?*  *+ Qua bức thư em có nhận xét gì về phần đầu và phần cuối bức thư?*  ***b. Ghi nhớ***  **- GV chốt nội dung** |
| **3. HĐ thực hành***:(18p)*  **\*Mục tiêu:** HS bước đầu biêt trình bày và viết được một bức thư thăm hỏi, trao đổi thông tin đúng nội dung.  **\* Cách tiến hành: Cá nhân – Lớp** | |
| - Hs đọc đề bài, gạch chân các từ ngữ quan trọng  *+ Bạn ở trường khác*  *+ Kể cho bạn nghe tình hình của lớp của trường em*  *+ Bạn, cậu, đằng ấy ; xưng là :tớ, mình*  *+ Tình hình học tập, văn nghệ, thể thao, thăm quan, thầy cô giáo. ..*  *+ Chúc bạn khoẻ, hẹn thư sau.*  - Hs viết bài vào vở  - 4 -> 5 hs đọc bài vừa viết  - VN tiếp tục hoàn thiện lá thư  - VN tìm hiểu về các đề bài viết thư khác và viết theo yêu cầu | **\* Tìm hiểu đề**.  Đề bài: Viết thư gửi một người bạn ở trường khác để thăm hỏi và kể cho bạn nghe tình hình lớp và trường em hiện nay  *+ Đề bài yêu cầu em viết thư cho ai?*  *+ Mục đích viết thư là gì?*  *+ Thư viết cho bạn cần xưng hô ntn?*  *+ Em cần kể cho bạn nghe điều gì về tình hình ở lớp ở trường mình?*  *+ Em nên chúc và hứa hẹn điều gì với bạn?*  **\* Viết thư**.  - Tổ chức cho hs viết bài vào vở.  - Gọi hs đọc thư vừa viết.  - Gv nhận xét, đánh giá.  **4. HĐ ứng dụng** *(1p)*  **5. HĐ sáng tạo** *(1p)* |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................­

**ĐỊA LÍ (CT HIỆN HÀNH)**

**MỘt sỐ dân tỘc Ở Hoàng Liên Sơn**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Nêu được tên một số dân tộc ít người ở Hoàng Liên Sơn: Thái, Mông, Dao, …

- Biết Hoàng Liên Sơn là nơi dân cư thưa thớt.

**2. Kĩ năng**

- Sử dụng được tranh ảnh để mô tả nhà sàn và trang phục của một số dân tộc ở Hoàng Liên Sơn.

+ Trang phục: mỗi dân tộc có cách ăn mặc riêng; trang phục của các dân tộc được may, thêu trang trí rất công phu và thường có màu sặc sỡ, ...

+ Nhà sàn: được làm bằng các vật liệu tự nhiên như gỗ, tre, nứa.

**3. Thái độ**

- HS có thái độ học tập nghiêm túc, tích cực

**4. Góp phần phát triển các năng lực:**

- NL tự chủ, NL giải quyết vấn đề, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ

***\*GD BVMT:*** *Sự thích nghi và cải tạo môi trường của con người ở miền núi và trung du:*

*+ Làm nhà sàn để tránh ẩm thấp và thú dữ*

*+ Trồng trọt trên đất dốc*

*+ Khai thác khoáng sản, rừng, sức nước*

*+ Trồng cây công nghiệp trên đất ba dan*

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: + Bản đồ Địa lí tự nhiên Việt Nam.

+ Tranh, ảnh về nhà sàn, trang phục, lễ hội, sinh hoạt của một số dân tộc ở Hoàng Liên Sơn.

- HS: SGK, tranh, ảnh

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm, thuyết trình

- KT: đặt câu hỏi, trình bày một phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm 2

I**II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBHT điều hành lớp trả lời, nhận xét:  *+ Đây là dãy núi cao, đồ sộ, có nhiều đỉnh nhọn, sườn dốc, thung hẹp và sâu…*  *+ Khí hậu quanh năm lạnh, những tháng mùa thu đội khi có tuyết rơi, …* | **1.Khởi động:***(5p)*  *+ Nêu đặc điểm của dãy núi Hoàng Liên Sơn?*  *+ Nơi cao nhất của đỉnh núi Hoàng Liên Sơn có khí hậu như thế nào?*  - GV giới thiệu bài mới |
| **2. Bài mới:***(30p)*  **\* Mục tiêu:**  - Nêu được tên một số dân tộc ít người ở Hoàng Liên Sơn: Thái, Mông, Dao, …  - Biết Hoàng Liên Sơn là nơi dân cư thưa thớt.  - Sử dụng được tranh ảnh để mô tả nhà sàn và trang phục của một số dân tộc ở Hoàng Liên Sơn.  **\* Cách tiến hành: Cá nhân- Nhóm-Lớp** | |
| **Cá nhân - Lớp**  *+ Hoàng Liên Sơn dân cư thưa thớt.*    *+ Một số dân tộc ít người ở Hoàng Liên Sơn: Dao, Thái, Mông …*  *+ Thứ tự là Thái, Dao, Mông.*    *+ Vì có số dân ít.*  *+ Đi bộ hoặc đi ngựa. Vì đường giao thông chủ yếu là đường mòn, đi lại khó khăn.*  - HS khác nhận xét, bổ sung.  **Nhóm 2 – Lớp**  - HS thảo luận nhóm.  - Đại diện nhóm trình bày kết quả.  *+ Ở sườn núi hoặc ở thung lũng. Bản thường có ít nhà, chỉ ở thung lũng mới đông.*  *+ Tránh ẩm thấp và thú dữ.*  *+ Gỗ, tre , nứa …*  *+ Nhiều nơi có nhà xây, mái ngói hợp vệ sinh….*  - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.    **Nhóm 4 – Lớp**  - HS thảo luận theo nhóm.  - Đại diện nhóm trình bày kết quả làm việc của nhóm mình.  *+ Phiên chợ họp vào những ngày nhất định, chợ họp đông vui. Các hoạt động buôn bán là trao đổi hàng hoá, nơi giao lưu văn hoá, gặp gỡ, kết bạn của nam nữ thanh niên.*  *+ Rau, củ, quả và quần áo. Vì nay là những mặt hàng mà người dân tự làm được.*  *+ Hội chơi núi mùa xuân, hội xuống đồng, ...*  *+ Lễ hội của các dân tộc ở Hoàng Liên Sơn được tổ chức vào mùa xuân. Trong các lễ hội có các hoạt động: thi hát, múa sạp, ném còn*  *+ Mỗi dân tộc thường có cách ăn mặc riêng, trang phục của họ mang nét riêng biệt của dân tộc mình…*  *+ Để thích nghi và cải tạo môi trường ở miền núi và trung du con người đã:*  *+ Làm nhà sàn để tránh ẩm thấp và thú dữ*  *+ Trồng trọt trên đất dốc*  *+ Khai thác khoáng sản, rừng, sức nước*  - VN tìm hiểu về các HĐSX của người dân HLS | **HĐ1: Hoàng Liên Sơn –nơi cư trú của một số dân tộc ít người:**  - GV cho HS đọc SGK và trả lời câu hỏi sau:  *+ Dân cư ở Hoàng Liên Sơn đông đúc hay thưa thớt hơn ở đồng bằng?*  *+ Kể tên một số dân tộc ít người ở Hoàng Liên Sơn?*  *+ Xếp thứ tự các dân tộc (dân tộc Dao, Mông, Thái) theo địa bàn cư trú từ nơi thấp đến nơi cao*  *+ Giải thích vì sao các dân tộc nêu trên được gọi là các dân tộc ít người?*  *+ Người dân ở những nơi núi cao thường đi lại bằng phương tiện gì? Vì sao?*  - GV sửa chữa và giúp HS hoàn thiện câu trả lời, chốt nội dung  **HĐ2. Bản làng với nhà sàn:**  - GV phát phiếu học tập cho HS và HS dựa vào SGK, tranh, ảnh về bản làng, nhà sàn cùng vốn kiến thức của mình để trả lời các câu hỏi:  *+ Bản làng thường nằm ở đâu? Bản có nhiều hay ít nhà?*  *+ Vì sao một số dân tộc ở Hoàng Liên Sơn sống ở nhà sàn?*  *+ Nhà sàn được làm bằng vật liệu gì?*  *+ Hiện nay nhà sàn ở đây có gì thay đổi so với trước đây?*  - GV nhận xét và sửa chữa, chốt nội dung  **HĐ3. Chợ phiên, lễ hội, trang phục:**  - GV cho HS dựa vào mục 3, các hình trong SGK và tranh, ảnh về chợ phiên, lễ hội, trang phục (nếu có) trả lời các câu hỏi sau:  *+ Chợ phiên là gì? Nêu những hoạt động trong chợ phiên.*  *+ Kể tên một số hàng hóa bán ở chợ. Tại sao chợ lại bán nhiều hàng hóa này?(dựa vào hình 3).*  *+ Kể tên một số lễ hội của các dân tộc ở Hoàng Liên Sơn.*  *+ Lễ hội của các dân tộc ở Hoàng Liên Sơn được tổ chức vào mùa nào? Trong lễ hội có những hoạt động gì?*  *+ Nhận xét trang phục truyền thống của các dân tộc trong hình 3, 4 và 5.*  - GV sửa chữa và giúp các nhóm hoàn thiện câu trả lời, chốt ý  **3. Hoạt động ứng dụng *(1p)***  \* GD BVMT: *Người dân ở HLS đã làm gì để thích nghi và cải tạo môi trường ở miền núi ?*  **4. Hoạt động sáng tạo** *(1p)* |

**ĐIỀU CHỈNH-BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**SINH HOẠT - KNS**

**ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC TUẦN 3**

**......................................**

**I. MỤC TIÊU:**

- Nắm đ­­ược ưu - khuyết điểm trong tuần 3

- Phát huy ­­ưu điểm, khắc phục nh­­ược điểm.

- Biết đ­­ược phư­ơng h­­ướng tuần 4

- GD HS có tinh thần đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau.

- Thu gom giấy vụn, sách báo làm kế hoạch nhỏ

**II. CHUẨN BỊ:**

- GV: Nắm được ưu – khuyết điểm của HS trong tuần

- HS: Chủ tịch Hội đồng tự quản và các Trưởng ban chuẩn bị ND báo cáo.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG CHÍNH:**

***1. Khởi động***

- Lớp tham gia trò chơi: Truyền tin

***2. Lớp báo cáo hoạt động trong tuần:***

- 4 Trưởng ban lên nhận xét các thành viên trong tổ và xếp loai từng thành viên.

- Tổ viên các tổ đóng góp ý kiến.

- Chủ tịch HĐTQ lên nhận xét chung các ban.

- GV nhận xét chung:

+ Nề nếp:

.................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

+ Học tập:

.................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

***3. Ph­ương h­­ướng tuần sau:***

- Tiếp tục thi đua: Học tập tốt, thực hiện tốt nề nếp, vâng lời thầy cô, nói lời hay làm việc tốt.

.................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

***4. Lớp văn nghệ - múa hát tập thể.***

**ĐIỀU CHỈNH-BỔ SUNG**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**TUẦN 4 Thứ hai ngày .... tháng ... năm 2021**

**TẬP ĐỌC**

**MỘT NGƯỜI CHÍNH TRỰC**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức**

- Hiểu được nghĩa một số từ ngữ khó trong bài: chính trực, di chiếu, phò tá, tham tri chính sự, gián nghi đại phu,....

- Hiểu ND bài : Ca ngợi sự chính trực, thanh liêm, tấm lòng vì dân vì nước của Tô Hiến Thành - vị quan nổi tiếng cương trực thời xưa. (thông qua trả lời các câu hỏi trong SGK)

**2. Kĩ năng**

- Đọc rành mạch, trôi chảy biết đọc phân biệt lời các nhân vật, bước đầu đọc diễn cảm được một đoạn trong bài.

**3. Phẩm chất**

- Giáo dục HS biết sống ngay thẳng và tôn trọng những người chính trực

**4. Góp phần phát triển năng lực**

**-** Năng lực tự học, NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ,...

**\**GDKNS:*** *Xác định giá trị ; Nhận thức về bản thân, tư duy phê phán .*

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Tranh minh họa SGK, bảng phụ ghi câu, đoạn cần luyện đọc.

- HS: SGK, vở,..

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- Phương pháp: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm, đóng vai

- Kĩ thuật: Kĩ thuật đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| **1. Khởi động:** *(3p)*  **-** HS cùng hát: Đội ca  - GV giới thiệu chủ điểm *Măng mọc thẳng* và bài học | - HS cùng hát  - Quan sát tranh và lắng nghe |
| **2. Luyện đọc:** *(8-10p)*  **\* Mục tiêu:** HS biết nhận diện đoạn văn, đọc đúng, đọc rành mạch, trôi chảy và giải nghĩa được một số từ ngữ.  \* **Cách tiến hành:** | |
| - Gọi 1 HS đọc bài (M3)  - GV lưu ý giọng đọc cho HS  - GV chốt vị trí các đoạn:  - Lưu ý sửa lỗi đọc và ngắt nghỉ cho các HS (M1)    - GV chốt nghĩa và giảng giải thêm về một số từ khó:  *+ Em hãy đặt câu với từ chính trực.*  *+ Em hiểu thế nào là người tài ba?* | - 1 HS đọc bài, cả lớp đọc thầm  - Lớp trưởng điều hành cách chia đoạn  - Bài có 3 đoạn:  Đoạn 1: Tô Hiến Thành....Lý cao Tông.  Đoạn 2: Phò tá ......Tô Hiến Thành được.  Đoạn 3: Một hôm......Trần Trung Tá.  - Nhóm trưởng điều hành nhóm đọc nối tiếp đoạn trong nhóm lần 1 và phát hiện các từ ngữ khó (*đút lót, di chiếu, giường gián nghị, ngạc nhiên),...*  - Luyện đọc từ khó: Đọc mẫu (M4)-> Cá nhân (M1)-> Lớp  - Giải nghĩa từ khó.  - HS đọc nối tiếp đoạn lần 2 theo điều khiển của nhóm trưởng  - Các nhóm báo cáo kết quả đọc  - 1 HS đọc cả bài (M4) |
| **3.Tìm hiểu bài:** *(8-10p)*  **\* Mục tiêu:** HS hiểu được nội dung bài học, nêu được nội dung đoạn, bài.  **\* Cách tiến hành: *Làm việc cá nhân – Chia sẻ cặp đôi – Chia sẻ trước lớp*** | |
| + Đọc đoạn 1  *+ Tô Hiến Thành làm quan triều nào?*  *+ Mọi người đánh giá ông là người như thế nào?*  - GV hỗ trợ TBHT lên điều hành lớp chia sẻ kết quả trước lớp:  *+Trong việc lập ngôi vua, sự chính trực của Tô Hiến Thành thể hịên như thế nào?*  + Đoạn 1 kể về điều gì?  *+ Khi Tô Hiến Thành ốm nặng ai là người chăm sóc ông ?*  *+ Còn Gián nghị đại phu thì sao?*  *+ Đoạn 2 nói đến ai?*  *+ Đỗ Thái Hậu hỏi ông điều gì?*  *+ Tô Hiến Thành đã tiến cử ai thay ông đứng đầu triều đình?*  *+ Vì sao Đỗ Thái Hậu lại ngạc nhiên khi ông tiến cử Trần Trung Tá?*  *+ Trong việc tìm người giúp nước sự chính trực của ông Tô Hiến Thành được thể hiện như thế nào ?*  *+ Vì sao nhân dân ca ngợi những người chính trực như ông?*  *+ Đoạn 3 kể điều gì?*  *+ Qua câu chuyện trên tác giả muốn ca ngợi điều gì?*  **\* GDKNS**: *Chúng ta phải có tấm lòng chính trực và phê phán những hành vi vụ lợi, gian dối* | - 1 HS đọc đoạn, lớp đọc thầm.  *+ Tô Hiến Thành làm quan triều Lý.*  *+ Ông là người nổi tiếng chính trực.*  - 1 HS đọc 3 câu hỏi cuối bài  - Nhóm trưởng điều hành nhóm mình thảo luận để trả lời câu hỏi *(3p)*  *+ Tô Hiến thành không chịu nhận vàng đút lót để làm sai di chiếu của vua. Ông cứ theo di chiếu mà lập Thái tử Long Cán.*  **1. Phẩm chất chính trực của Tô Hiến Thành trong việc lập ngôi vua**  *+ Quan Tham tri chính sự ngày đêm hầu hạ bên giường bệnh.*  *+ Do bận quá nhiều việc nên không đến thăm ông được*.  **2. Tô Hiến Thành lâm bệnh và có Vũ Tán Đường hầu hạ.**  *+ Hỏi ai sẽ thay ông làm quan nếu ông mất.*  *+ Ông tiến cử quan Gián Nghị Đại Phu Trần Trung Tá.*  *+ Vì bà thấy Vũ Tán Đường ngày đêm* *hầu hạ bên giường bệnh, tận tình chăm sóc mà lại không được ông tiến cử*  *+ Ông cử người tài ba đi giúp nước chứ không cử người ngày đên chăm sóc hầu hạ mình.*  *+ Vì ông quan tâm đến triều đình, tìn người tài giỏi để giúp nước , giúp dân. Vì ông không màng danh lợi, vì tình riêng mà tiến cử Trần Trung Tá.*  **3. Kể chuyện Tô Hiến Thành tiến cử người tài giỏi giúp nước.**  - HS nêu ý nghĩa của bài đọc:  ***\* Câu chuyện ca ngợi sự chính trực, tấm lòng vì dân, vì nước của vị quan Tô Hiến Thành.***  - HS ghi vào vở – nhắc lại ý nghĩa |
| **3. Luyện đọc diễn cảm:** *(8-10p)*  **\* Mục tiêu: HS** biết đọc diến cảm và đọc phân vai bài TĐ.  **\* Cách tiến hành: Hoạt động cá nhân – nhóm - cả lớp** | |
| + Yêu cầu HS nêu giọng đọc toàn bài.  - GV nhận xét chung  **5. Hoạt động ứng dụng** *(1 phút)*  - Qua bài đọc giúp các em hiểu điều gì?  **6. Hoạt động sáng tạo** *(1 phút)* | - Giọng thong thả, rõ ràng. Lời của Tô Hiến Thành điềm đạm, dứt khoát, thể hiện Phẩm chất kiên định....  - Lời Thái hậu: ngạc nhiên...  - 1 HS M4 đọc mẫu toàn bài  - Nhóm trưởng điều khiển nhóm đọc phân vai.  + Phân vai trong nhóm  + Luyện đọc phân vai trong nhóm.  - Thi đọc phân vai trước lớp: Các nhóm thi đọc phân vai trước lớp  - Lớp nhận xét, bình chọn.  - HS nêu suy nghĩ của mình  - Tìm đọc các câu chuyện cùng chủ đề trong sách Truyện đọc 4. |

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TOÁN**

***Tiết 16:* SÁNH VÀ XẾP THỨ TỰ CÁC SỐ TỰ NHIÊN**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức**

- Bước đầu hệ thống hóa một số hiểu biết ban đầu về so sánh hai số tự nhiên, xếp thứ tự các số tự nhiên .

**2. Kĩ năng**

- Học sinh so sánh chính xác được các số tự nhiên và biết sắp theo đúng thứ tự.

**3. Phẩm chất**

- HS có Phẩm chất học tập tích cực, cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác.

**4. Góp phần phát triển năng lực:** Năng lực tự học, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL tư duy - lập luận logic.

\*Bài tập cần làm: Làm BT 1(cột a), BT2(a,c), BT3(a).

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Đồ dùng**

- GV : Bảng phụ ghi nội dung BT2, các hình như sgk,...

- HS: sách, vở, thước kẻ, bút dạ,..

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- Phương pháp vấn đáp, động não, quan sát, thực hành, trò chơi học tập, đặt và giải quyết vấn đề, hoạt động nhóm.

- Kĩ thuật đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC;**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| **1. Khởi động:** *(5p)*  - HS tham gia chơi  - Tổ nào viết đúng và nhanh là tổ chiến thắng | Tổ chức trò chơi: Ai nhanh, ai đúng?  - GV đọc số, 3 tổ cử đại diện lên bảng viết số |
| **2. Hình thành kiến thức mới***:(13p)*  **\* Mục tiêu:** HS hệ thống hóa một số kiến thức ban đầu về so sánh hai STN, đặc điểm về thứ tự các STN..  \* **Cách tiến hành: Cá nhân – Chia sẻ nhóm- Lớp** | |
| ***a. So sánh 2 STN.***  - HS thảo luận nhóm 2, nêu cách so sánh  - HS: 99 < 100 ; 100 > 99  Và giải thích tại sao mình lại so sánh như vậy  - HS nhắc lại  - HS lấy VD và tiến hành so sánh  - HS làm việc nhóm 4 dưới sự điều hành của nhóm trưởng và báo cáo kết quả trước lớp  - Hs trả lời: 29 896 < 30 005  25 136 > 23 894  + Hs đại diện nêu: *Ta so sánh các cặp chữ số ở cùng hàng...*  - HS nêu lại và lấy VD, thực hiện so sánh  - HS  *+ Hai số tự nhiên liền kề nhau hơn (kém) nhau 1 đơn vị.*  - Hs sắp xếp các số theo thứ tự từ bé đến lớn: 7698 < 7869 < 7896 < 7968  *+ Vì ta luôn so sánh được các STN với nhau.* | \* GV nêu VD 1:  - So sánh 2 số 99 và 100  *+ Căn cứ vào đâu để em so được như vậy?*  - GV chốt: ***Khi so sánh 2 STN, số nào có nhiều chữ số hơn thì số đó lớn hơnvà ngược lại***  \* GV nêu VD2:  So sánh 29 896 và 30 005  25 136 và 23 894  +*Vì sao em so sánh được như vậy?*  - GV chốt: ***Khi so sánh 2 STN có số chữ số bằng nhau, ta so sánh các cặp số ở cùng 1 hàng, bắt đầu từ hàng cao nhất***  \* GV nêu dãy số tự nhiên: 0 , 1, 2, 3, 5, 6, 7, 8, 9...  *+Số đứng trước so với số đứng sau thì ntn? Và ngược lại?*  ***b. Xếp thứ tự các số tự nhiên.***  - Gv nêu 1 nhóm số tự nhiên.  7698 ; 7968 ; 7896 ; 7869  *+ Vì sao ta xếp được các số tự nhiên theo thứ tự?*  ***\* KL cách sắp thứ tự:***  ***+ B1: So sánh các STN***  ***+B2: Xếp theo thứ tự yêu cầu*** |
| **3. Hoạt động thực hành***:(20p)*  **\* Mục tiêu:** HS biết áp dụng so sánh các số tự nhiên và đặc điểm về thứ tự các STN  **\* Cách tiến hành:** | |
| **Bài 1(cột a)**:  **Cá nhân – Cặp -Lớp**  Điền dấu > ; < ; = .  - HS làm cá nhân - Chia sẻ cặp đôi - Chia sẻ kết quả trước lớp  1234 > 999 35 784 < 35 780  8754 < 87 540 92 501 > 92 410  39 680 = 39 000 + 680  17600 = 17000 + 600  - HS làm cá nhân- Chia sẻ trước lớp  **Bài 2(a, c):** **Cá nhân – Lớp**  Viết các số sau theo thứ tự từ bé đến lớn.  a. 8136 < 8 316 < 8 361  b. 5 724 < 5 740 < 5 742  c. 63 841 < 64 813 < 64 831  - HS làm cá nhân- Chia sẻ trước lớp  - 2 hs lên bảng, lớp làm vào vở.  **Bài 3(a): Cá nhân-Lớp**  Viết các số sau theo thứ tự từ lớn đến bé.  a. 1984 > 1978 > 1952 > 1942  b. 1969 > 1954 > 1945 > 1890.  **4. Hoạt động ứng dụng *(1p)***  - Ghi nhớ nội dung bài học  - Tìm các bài toán tương tự trong sách Toán buổi 2 và giải  **5. Hoạt động sáng tạo *(1p)*** | - Câu hỏi chốt:  *+ Tại sao em so sánh được*  *1234>999?*  *93 501 > 92 410*  *+ Muốn so sánh 2 STN ta làm thế nào?*  - Yêu cầu HS chốt cách sắp thứ tự  *+Nêu cách xếp thứ tự các số tự nhiên?* |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**KHOA HỌC**

**TẠI SAO CẦN ĂN PHỐI HỢP NHIỀU LOẠI THỨC ĂN ?**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức**

- HS hiểu được để có sức khoẻ tốt phải ăn phối hợp nhiều loại thức ăn và thường xuyên thay đổi món.

- Hiểu về tháp dinh dưỡng: cần ăn đủ các nhóm thức ăn chứa nhiều chất bột đường, nhóm chứa nhiều vi-ta-min và chất khoáng; ăn vừa phải nhóm thức ăn chứa nhiều chất đạm; ăn có mức độ nhóm chứa nhiều chất béo; ăn ít đường và hạn chế muối

**2. Kĩ năng**

- Biết phân loại thức ăn theo nhóm chất dinh dưỡng.

- Biết cách chọn lựa các loại thức ăn tốt cho sức khoẻ và cân đối theo tháp dinh dưỡng

**3. Phẩm chất**

- Ăn uống đầy đủ và đa dạng thực phẩm để có đầy đủ chất dinh dưỡng.

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL giải quyết vấn đề, hợp tác

***\* GDKNS:***

*-Tự nhận thức về sự cần thiết phối hợp các loại thức ăn*

*- Bước đầu tự phục vụ khi lựa chọn các loại thực phẩm phù hợp cho bản thân và có lợi cho sức khỏe*

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Đồ dùng**

- GV:- Các hình minh hoạ ở trang 16, 17 / SGK (phóng to nếu có điều kiện).

- Bảng nhóm.

- HS ĐỒ DÙNG DẠY HỌC bút vẽ, bút màu.

**2.Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: quan sát, hỏi đáp, thảo luận, trò chơi.

- KT: Động não, chia sẻ nhóm đôi, tia chớp

**II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt đông của học sinh** | **Hoạt đông của của giáo viên** |
| **1, Khởi động *(5p)***  - HS chơi theo tổ  - 1 HS cầm tấm thẻ có ghi tên thực phẩm, chỉ định 1 HS khác nói tên vitamin có trong loại thực phẩm đó  - HS nhận xét, đánh giá | - Trò chơi: Tôi chứa viatamin gì?  - GV chốt KT, dẫn vào bài mới |
| **3.Khám phá:***(30p)*  **\* Mục tiêu:** - Biết phân loại thức ăn theo nhóm chất dinh dưỡng.  - Hiểu được để có sức khoẻ tốt phải ăn phối hợp nhiều loại thức ăn và thường xuyên thay đổi món, biết cần ăn đủ chất dinh dưỡng...  **\* Cách tiến hành**  a. **Tìm hiểu bài**:  **HĐ1: Thảo luận về sự cần thiết phải ăn phối hợp nhiều loại thức ăn và thường xuyên thay đổi món**: | |
| - Yêu cầu thảo luận theo nhóm 4.  *+ Tại sao chúng ta nên ăn phối hợp nhiều loại thức ăn và thường xuyên thay đổi món?*  - GV theo dõi, giúp đỡ nếu HS gặp khó khăn, GV có thể đưa ra câu hỏi phụ.  - TBHT điều khiển lớp báo cáo dưới sự hướng dẫn của GV.  *+ Nhắc lại tên một số thức ăn mà các em thường ăn?*  *+ Nếu ngày nào cũng ăn một vào món cố định em sẽ thấy thế nào?*  *+ Có loại thức ăn nào chứa đầy đủ tất cẩ các chất dinh dưỡng không?*  *+ Điều gì sẽ xảy ra nếu chúng ta chỉ ăn thịt cá mà không ăn rau?*  *+ Vì sao phải ăn phối hợp nhiều loại thức ăn và thường xuyên thay đổi món?*  - GV chốt KT và chuyển HĐ    **HĐ2: Làm việc với SGK tìm hiểu tháp dinh dưỡng cân đối.**  Bước 1: Làm việc cá nhân:  + YC HS nghiên cứu tháp dinh dưỡng dành cho người lớn.  \* Bước 2: Làm việc theo cặp:  - GV yêu cầu hai HS thay phiên đặt câu hỏi và trả lời:  *+ Nhóm thức ăn nào cần ăn đủ?*  *+ Nhóm nào cần ăn vừa phải hoặc có mức độ?*  *+ Thức ăn nào chỉ nên ăn ít hoặc hạn chế?*  \* Bước 3: Làm việc cả lớp:  - GV tổ chức cho HS báo cáo kết quả làm việc theo cặp dưới dạng đố vui.  \* **Lưu ý**: HS có thể đố ngược lại: Ví dụ người được đố đưa ra tên một loại thức ăn và yêu cầu người trả lời nói xem thức ăn đó cần được ăn như thế nào.  - GV kết luận và chuyển HĐ  **3.Thực hành:**  **Trò chơi: Đi chợ:**  Bước 1: GV hướng dẫn cách chơi.  - HS tham gia chơi trò chơi dưới sự hướng dẫn của GV và sự điều hành của TBHT  - HS tham gia chơi sẽ giới thiệu trước lớp những thức ăn, đồ uống mà mình lựa chọn cho từng bữa và giải thích tại sao lại chọn món ăn đó.  **3. Hoạt động ứng dụng (*1p)***  - HS nêu.  **4. HĐ sáng tạo *(1p)***  - Xây dựng thực đơn cho bữa ăn trưa 4 người với đầy đủ các nhóm chất dinh dưỡng | **-** HS thảo luận nhóm 4 dưới sự điều hành của nhóm trưởng  **1. Tại sao phải ăn phối hợp nhiều thức ăn?**  - Đại diện nhóm báo cáo câu trả lời  *+ Thịt, hay cá,…*  *+ Em cảm thấy chán, không muốn ăn, không thể ăn được.*  *+ Không có loại thức ăn nào chứa đầy đủ các chất dinh dường cả.*  *+ Sẽ không đủ chất, cơ thể không hoạt động bình thường được…*  *+ Giúp cơ thể nay đủ chất dinh dưỡng…*  - 2 HS đọc to mục Bạn cần biết trang 17 / SGK.  **2.Tìm hiểu tháp dinh dưỡng**  - HS nghiên cứu tháp dinh dưỡng  - HS hỏi đáp nhóm đôi  *+ nhóm tinh bột và rau xanh, quả chín*  *+ thịt cá, dầu mỡ và đường*  *+ muối*  - Các nhóm chia sẻ kết quả trước lớp, lớp nhận xét, bổ sung  - GV cho HS thi kể hoặc vẽ, viết các thức ăn, đồ uống hằng ngày.  Bước 2: Tổ chức cho HS chơi.  Bước 3: GV và HS nhận xét sự lựa của ai phù hợp, có lợi cho sức khoẻ.  - Nhận xét, khen, tổng kết trò chơi  *- GD KNS: Biết cách chọn lựa thức ăn và tự phục vụ bản thân các món ăn* *đơn giản phù hợp và có lợi cho SK*  - Vì sao phải ăn phối hợp nhiều loại thức ăn và thường xuyên thay đổi món? |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

:..............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

Thứ ba ngày 25 tháng 9 năm 2021

**CHÍNH TẢ**

**TRUYỆN CỔ NƯỚC MÌNH**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức:**

- Nhớ - viết đúng 10 dòng thơ đầu và trình bày đúng bài CT sạch sẽ, biết trình bày các dòng thơ lục bát; không mắc quá năm lỗi trong bài.

- Làm đúng bài tập chính tả phân biệt r/d/gi

**2. Kĩ năng:**

**-** Rèn kỹ năng viết đẹp và đúng, viết đúng những chữ có phụ âm đầu ch/tr.

**3. Phẩm chất:**

**-** Giáo dục tính cẩn thận, chính xác, yêu thích chữ viết

**4. Góp phần phát triển năng lực:**

**-** NL tự chủ và tự học, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Giấy khổ to+ bút dạ. Bài tập 2a viết sẵn. Bảng nhóm cho hs làm bài tập.

- HS: Vở, bút,...

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- Phương pháp vấn đáp, động não, quan sát, thực hành, đặt và giải quyết vấn đề, hoạt động nhóm, trò chơi học tập.

- Kĩ thuật đặt câu hỏi, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| **1. Khởi động:** *(2p)*  **\* Cách tiến hành:**  HS cùng hát kết hợp với vận động. | - Cả lớp cùng đứng dậy vừa hát kết hợp với vận động bài hát Bống bống bang bang.  - GV dẫn vào bài. |
| **2. Khám phá:**  **Chuẩn bị viết chính tả:** *(6p)*  **\* Mục tiêu:** HS hiểu được nội dung bài CT, viết được các từ khó, dễ lẫn và các hiện tượng chính tả, cách viết theo thể thơ lục bát.  **\* Cách tiến hành:** Hoạt động cả lớp | |
| a. Trao đổi về nội dung đoạn nhơ-viết  - 2, 3 học sinh đọc.  - HS thảo luận (2p) và báo cáo trước lớp  *+ Vì những câu chuyện cổ rất sâu sắc và nhân hậu.*  *+ Cha ông ta muốn khuyên con cháu hãy biêt thương yêu, giúp đỡ lẫn nhau ở hiền sẽ gặp điều may mắn, hạnh phúc.*  - sâu xa, phật, rặng dừa, nghiêng soi, truyện cổ  - Hs viết bảng con từ khó.  - HS đọc từ viết khó  - 1 hs đọc lại bài viết. Cả lớp đọc 1 lần | - Gọi HS đọc thuộc bài viết.  - Yêu cầu thảo luận nhóm 2:  *+Vì sao tác giả lại yêu truyện cổ nước nhà?*  *+Qua các câu chuyện cổ cha ông ta muốn khuyên con cháu điều gì?*  - Yêu cầu phát hiện những chữ dễ viết sai?  ***- Lưu ý khi trình bày thể thơ lục bát*** |
| **3. Viết bài chính tả:** *(20p)*  **\* Mục tiêu:** Hs nhớ - viết tốt bài chính tả theo thể thơ lục bát.  **\* Cách tiến hành:** | |
| - HS nhớ - viết bài vào vở | - GV nhắc nhở HS tư thế ngồi viết  - GV giúp đỡ các HS M1, M2 |
| **Đánh giá và nhận xét bài:** *(5p)*  **\* Mục tiêu:** Giúp HS tự đánh giá được bài viết của mình và của bạn. Nhận ra các lỗi sai và sửa sai  **\* Cách tiến hành: Cá nhân- Cặp đôi** | |
| - Học sinh xem lại bài của mình, dùng bút chì gạch chân lỗi viết sai. Sửa lại xuống cuối vở bằng bút mực  - Trao đổi bài (cặp đôi) để soát hộ nhau  - Lắng nghe | . - Cho học sinh tự soát lại bài của mình theo.  - GV nhận xét, đánh giá 5 - 7 bài  - Nhận xét nhanh về bài viết của HS |
| **3. Luyện tập** *(5p)*  **\* Mục tiêu:** Giúp HS phân biệt được "r/d/gi".  **\* Cách tiến hành: Cá nhân-Cặp đôi- Chia sẻ trước lớp** | |
| Bài 2a: Điền vào chỗ trống r / d / gi .  - Làm bài cá nhân – Chia sẻ cặp đôi – Lớp  Đáp án : **gió** thổi - **gió** đưa - **gió** nâng cánh **diều**  - 1 hs đọc to câu văn đã điền hoàn chỉnh.  **4. Hoạt động ứng dụng** *(1p)*  - Viết 5 tiếng, từ chứa r/d/gi  **5. Hoạt động sáng tạo** *(1p)*  - Tìm các câu đố nói về loài hoa hoặc một số đồ vật khác có chứa âm r/d/gi | - Gọi hs đọc câu văn đã điền hoàn chỉnh.  - Chữa bài, nhận xét.  **\* KL:** |

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TOÁN**

***Tiết 17:* LUYỆN TẬP**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức**

- HS nắm chắc kiến thức về so sánh các số tự nhiên

- Bước đầu làm quen dạng X < 5 , 2 > X < 5 với X là số tự nhiên.

**2. Kĩ năng**

- Củng cố kĩ năng so sánh và sắp thứ tự các số tụ nhiên.

- Kĩ năng trình bày với dạng toán tìm x mới

**3. Phẩm chất**

- Tích cực, tự giác học bài.

**4. Góp phần phát huy các năng lực**

**-** Năng lực tự học, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL tư duy - lập luận logic.

\* BT cần làm: Bài 1, bài 3, bài 4.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Đồ dùng**

- GV:- Hình vẽ bài tập 4, vẽ sẵn trên bảng phụ.

-HS: VBT, PBT, bảng con.

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Hỏi đáp, quan sát, trò chơi học tâpk

- Kĩ thuật đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của HS** | **Hoạt động của GV** |
| **1. Khởi động *(5p)***  - HS chơi theo tổ  - HS lên bảng bốc các thẻ và thảo luận  - HS cầm thẻ đứng theo thứ tự quy định  - Tổ nào xếp nhanh, xếp đúng thì thắng cuộc. | - Trò chơi: Sắp thứ tự  - GV chuẩn bị sẵn các tấm thẻ có ghi các số, yêu cầu HS sắp xếp theo thứ tự từ bé đén lớn (lớn đến bé)  - TK trò chơi, nêu lại cách sắp thứ tự |
| **2. Hoạt động thực hành (30p)**  **\* Mục tiêu**: HS nắm chắc kiến thức về so sánh các số tự nhiên  - Bước đầu làm quen dạng X < 5 , 2 > X < 5 với X là số tự nhiên. Biết cách giải và trình bày theo mẫu  **\* Cách tiến hành** | |
| **Bài 1**: Viết số. **Cá nhân-Lớp**  - HS làm bài cá nhân vào nháp và chia sẻ trước lớp  a. 0 ; 10 ; 100  b. 9 ; 99 ; 999  **Bài 3:** **Cá nhân-Nhóm 2- Lớp**  Viết chữ số thích hợp vào ô trống.  - HS làm bài cá nhân vào vở  - HS đổi chéo vở kiểm tra  - Các nhóm cử đại điện trình bày  Đáp án:  a. 859 **0** 67 < 859 167  b. 4**9**2 037 > 482 037  c.609 608 < 609 60 **9**  d. 264 309 = **2** 64 309  **Bài 4: Cá nhân- Cả lớp**  - Hs đọc đề bài.  a. Tìm x biết x < 5  Các số tự nhiên bé hơn 5 là: 0; 1; 2 ; 3; 4  Vậy x là : 0; 1; 2; 3; 4  b.Tìm x biết : 2 < x < 5  Số tự nhiên lớn hơn 2 và nhỏ hơn 5 là: 3; 4  Vậy x là : 3 ; 4  **Bài tập chờ (Bài 2)**: Dành cho *Học sinh năng khiếu*  - HS nêu kết quả  - Giải thích cách làm  **4. Hoạt động ứng dụng** *(1p)*  - Nắm lại kiến thức của tiết học  - Tìm x biết 13 > x > 5  **5. Hoạt động sáng tạo** *(1p)* | + Làm ntn điền được chữ số thích hợp vào ô?  - GV hỏi để chốt KT:  *+ Hãy nêu cách so sánh 2 số tự nhiên với nhau*  - Giải thích tại sao mình lại điền như vậy  Tìm số tự nhiên x .  +Hãy nêu những STN bé hơn 5?  - GV HD cách trình bày dạng bài tìm x<5.  - Tổ chức cho hs làm bài cá nhân vào vở.  - Chữa bài, nhận xét.  - Gọi hs nối tiếp nêu miệng kết quả.  +Có bao nhiêu số có 1chữ số ?  +Có bao nhiêu số có 2 chữ số?  - Chữa bài, nhận xét, chốt công thức tính |

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**LỊCH SỬ (VNEN)**

**buỔI ĐẦU DỰNG NƯỚC VÀ GIỮ NƯỚC (T2)**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**LỊCH SỬ (CT HIỆN HÀNH)**

**NưỚc Âu LẠc**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức**

- Nắm được một cách sơ lược cuộc kháng chiến chống Triệu Đà của nhân dân Âu Lạc: Triệu Đà nhiều lần kéo quân sang xâm lược Âu Lạc. Thời kì đầu do đoàn kết, có vũ khí lợi hại nên giành được thắng lợi; nhưng về sau do An Dương Vương chủ quan nên cuộc kháng chiến thất bại.

\* HS năng khiếu:

- Biết những điểm giống nhau của người Lạc Việt và Âu Việt.

- Biết sự phát triển về quân sự của nước Âu Lạc (nêu tác dụng của nỏ và thành Cổ Loa).

**2. Kĩ năng**

- So sánh được điểm giống và khác nhau trong đời sống của người Lạc Việt và người Âu Việt

- Kĩ năng đọc lược đồ, kĩ năng kể chuyện

**3. Phẩm chất**

- Giáo dục HS không chủ quan, lơ là trong mọi tình huống

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL ngôn ngữ, NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Đồ dùng**

- GV: - Lược đồ Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ.

- Hình trong SGK phóng to.

- Phiếu học tập của HS.

- HS: SGK, vở ghi, bút,..

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm, chỉ bản đồ, trò chơi học tập

- KT: Kĩ thuật đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| **1.Khởi động:***(4p)*  - 1 HS kể (M4) - HS chú ý lắng nghe | ***-***Yêu cầuHS kể chuyện Chiếc nỏ thần.  - Nhận xét và giới thiệu vào bài |
| **2.Bài mới:***(30p)*  **\* Mục tiêu:** - Nắm được một cách sơ lược cuộc kháng chiến chống Triệu Đà của nhân dân Âu Lạc: Triệu Đà nhiều lần kéo quân sang xâm lược Âu Lạc  ***\* Cách tiến hành:Cá nhân-Nhóm-Lớp*** | |
| **HĐ1: *So sánh cuộc sống của người Lạc Việt và người Âu Việt*** - HS làm việc cá nhân-Chia sẻ trước lớp  □ Sống cùng trên một địa bàn.  □ Đều biết chế tạo đồ đồng.  □ Đều biết rèn sắt.  □ Đều trống lúa và chăn nuôi.  □ Tục lệ có nhiều điểm giống nhau.  - HS khác nhận xét, bổ sung  ***HĐ 2: Tìm hiểu về nước Âu Lạc***  - HS chỉ vị trí của nước Âu Lạc trên lược đồ  - HS làm việc nhóm 4- Chia sẻ lớp  *+ “So sánh sự khác nhau về nơi đóng đô của nước Văn Lang và nước Âu Lạc”.*  *+ Người Âu Lạc đã đạt được những thành tựu gì trong cuộc sống? (Về xây dựng, sản xuất, làm vũ khí? )*  - HS lắng nghe  **HĐ 3:** ***Cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Triệu Đà của nhân dân Âu Lạc.*** - Các nhóm thảo luận – Chia sẻ trước lớp  *+Vì người Âu Lạc đoàn kết một lòng chống giặc ngoại xâm lại có tướng chỉ huy giỏi, vũ khí tốt , thành luỹ kiên cố.*  *+Vì Triệu Đà dùng kế hoãn binh và cho con trai là Trọng Thuỷ sang ….*  - Nhóm khác nhận xét ,bổ sung  **3. Hoạt động ứng dụng *(1p)***  - 2 HS đọc  **4. Hoạt động sáng tạo** *(1p)*  - Tìm đọc các tác phẩm liên qua đến An Dương Vương: Mị Châu-Trọng Thuỷ, An Dương Vương xây thành Cổ Loa,.. | *-* GV phát phiếu bài tập cho HS  - GV yêu cầu HS đọc SGK và làm bài tập sau: Điền dấu x vào ô □ những điểm giống nhau về cuộc sống của người Lạc Việt và người Âu Việt.    **\*Kết luận:** Cuộc sống của người Âu Việt và người Lạc Việt có những điểm tương đồng và họ sống hòa hợp với nhau.  - GV treo lược đồ lên bảng  - Cho HS xác định trên lược đồ hình 1 nơi đóng đô của nước Âu Lạc.  - TBHT điều khiển các nhóm lên báo cáo kết quả  ***- GV chốt:***  Nước Văn Lang đóng đô ở Phong châu là vùng rừng núi, nước Âu Lạc đóng đô ở vùng đồng bằng.  - Xây thành cổ Loa, sử dụng rộng rãi lưỡi cày bằng đồng, biết rèn sắt, chế tạo nỏ thần.  - GV đặt câu hỏi cho cả lớp để HS thảo luận:  *+ Vì sao cuộc xâm lược của quân Triệu Đà lại bị thất bại?*  *+ Vì sao năm 179 TCN nước Âu lạc lại rơi vào ách đô hộ của PK phương Bắc?*  - GV nhận xét và kết luận, liên hệ giáo  dục ý thức cảnh giác cho HS  - GV cho HS đọc ghi nhớ trong khung.  ***-*** GV tổng kết và giáo dục tư tưởng. |

**ĐIỀU CHỈNH-BỔ SUNG**

..........................................................................................................................................................................................................................................................................

.....................................................................................................................................

**Thứ tư ngày 20 tháng 9 năm 2022**

**LUYỆN TỪ VÀ CÂU**

**TỪ GHÉP VÀ TỪ LÁY**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức**

**-** Nhận biết được hai cách chính cấu tạo từ phức tiếng Việt:

+ Ghép những tiếng có nghĩa lại với nhau (từ ghép);

+ Phối hợp những tiếng có âm hay vần (hoặc cả âm đầu và vần) giống nhau (từ láy).

**2. Kĩ năng**

- Bước đầu phân biệt được từ ghép với từ láy đơn giản (BT1); tìm được từ ghép, từ láy chứa tiếng đã cho (BT2).

**3. Phẩm chất**

- Thấy được sự phong phú của Tiếng Việt để thêm yêu TV

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL tự chủ và tự học, NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Đồ dùng**

- GV:Bảng lớp viết sẵn VD của phần nhận xét, giấy khổ to, bút dạ, Từ điển

(hoặc vài trang pho to), Bảng phụ kẻ sẵn nội dung bài tập 1; 2.

- HS: vở BT, bút, ...

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Quan sát, hỏi đáp, thảo luận nhóm.

- KT: Kĩ thuật đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của HS** | | | **Hoạt động của GV** |
| **1. Khởi động:** *3p)*  **\* Mục tiêu:** Tạo hứng thú học tập cho học sinh và chuyển tiếp vào bài mới.  **\* Cách tiến hành** | | | |
| - 2 HS đọc bài thơ: Chú bé liên lạc.  - Lớp đồng thanh | | | - y/c HS đọc.  - GV chuyển ý vào bài mới. |
| **2. Hình thành kiến thức mới***:(15p)*  **\* Mục tiêu:** HShiểu được từ láy và từ ghép là 2 cách cấu tạo từ phức tiếng Việt...  **\* Cách tiến hành: Cá nhân-Nhóm-Cả lớp** | | | |
| **a. Phần nhận xét.**  - Hs nối tiếp đọc các yêu cầu.  - HS làm việc nhóm 2 với các câu hỏi phần nhận xét    + *Truyện cổ; cha ông; lặng im,thầm thì, chầm chậm, cheo leo, se sẽ.*  + *Truyện cổ, cha ông, lặng im.*  + *Thầm thì; chầm chậm, se sẽ, cheo leo.*  - HS lắng nghe và nhắc lại  **b. Ghi nhớ:**  - 2 hs đọc ghi nhớ.  - HS lấy VD (M3, M4) | | - Gọi hs đọc to yêu cầu ở phần nhận xét.  - TBHT điều khiển nhóm báo cáo  *+Nêu các từ phức trong đoạn thơ?*  *+Từ phức nào do các tiếng có nghĩa tạo thành?*  *+Từ phức nào do các tiếng có âm đầu hoặc vần lặp lại nhau tạo thành?*  **- GV chốt:**  + Những từ do các tiếng có nghĩa ghép laị với nhau gọi là từ ghép.  + Những từ có tiếng phối hợp với nhau có phần âm đầu hay phần vần giống nhau gọi là từ láy.  - Yêu cầu lấy VD về từ ghép, từ láy | |
| **3. Hoạt động thực hành***:(20p)*  **\* Mục tiêu:** HS bước đầu phân biệt được từ ghép từ láy, tìm được từ ghép, từ láy đơn giản  **\* Cách tiến hành:** Cá nhân-Cặp- Cả lớp. | | | |
| **Bài 1**: Tìm từ ghép, từ láy.  .  - Hs làm bài theo nhóm 4  - Chia sẻ trước lớp   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Câu | Từ ghép | Từ lá | | a | ghi nhớ, đền thờ, bờ bãi, tưởng nhớ | nô nức | | b | dẻo dai, vững chắc, thanh cao | mộc mạc, nhũn nhặn, cứng cáp |   +tiếng"bờ", tiếng "bãi|" đều có nghĩa  +tiếng "dẻo", tiếng "dai"đều có nghĩa  **Bài 2**: Tìm từ ghép, từ láy chứa tiếng:  a. Ngay  b. Thẳng  c.Thật  - 1 hs đọc đề bài.  - HS thảo luận theo nhóm 2- Chia sẻ trước lớp   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Từ** | **Từ ghép** | **Từ láy** | | ***ngay*** | Ngay thẳng, ngay thật, ngay đơ... | ngay ngắn | | ***thẳng*** | thẳng cánh, thẳng đứng, thẳng đuột, thẳng tính... | thẳng thắn | | ***thật*** | chân thật, chân thành... | thật thà |   + *HS nối tiếp đặt câu*  + HS nêu cách tạo TG, TL  **4. Hoạt động ứng dụng** *(1p)*  - Tìm các từ láy, từ ghép trong câu thơ sau:  Bác ơi, tim Bác mênh mông thế  Ôm trọn non sông, cả kiếp người.  *Các từ sau là từ ghép hay từ láy: gập ghềnh, cập kênh, cong queo, cà kê?(Từ láy âm đầu /g/ âm /c/)*  **5. Hoạt động sáng tạo** *(1p)* | - Tổ chức cho hs làm bài theo nhóm vào bảng phụ - Hs đọc đề bài.    + *Tại sao em xếp từ "bờ bãi", từ "dẻo dai" vào từ ghép*?  - Chốt cách xác định từ ghép, từ láy  *+ Đặt câu với 1 từ em tìm được ở bài 2*  *+ Tạo từ ghép thế nào? Tạo từ láy thế nào?* | | |

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TOÁN**

***Tiết 18:* YẾN, TẠ, TẤN**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức**

- Bước đầu nhận biết về độ lớn của yến, tạ, tấn, mối quan hệ của tạ, tấn, kí-lô - gam.

**2. Kĩ năng**

- Chuyển đổi đơn vị đo giữa yến, tạ, tấn và ki-lô-gam.

- Thực hiện phép tính với các số đo: yến, tạ, tấn .

**3. Phẩm chất**

- Tích cực, tự giác học bài.

**4. Góp phần phát triển các kĩ năng**

- Năng lực tự học, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL tư duy - lập luận logic.

\* BT cần làm: Bài 1, bài 2 (cột 2-làm 5 trong 10 ý), bài 3 (chọn 2 trong 4 phép tính)

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

1. Đồ dùng

- GV: Hình minh họa, bảng nhóm, cân đồng hồ

- HS: Bút, SGK, ...

2. Phương pháp, kĩ thuật

- PP: Quan sát, hỏi - đáp, thực hiện bảng con, bảng nhóm.

- KT: đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của HS** | **Hoạt động của GV** |
| **1. HĐ khởi động *(3p)***  - HS thực hành cân số cân nặng của mình bằng cân đồng hồ (kg)  - HS nêu ý tưởng | - Thực hành cân  - Đặt vấn đề: Với những vật có khối lượng lớn hơn thì chúng ta còn sử dụng những đơn vị nào để đo? |
| **2. Hình thành kiến thức mới***:(15p)*  **\* Mục tiêu:**HS bước đầu nhận biết về độ lớn của yến, tạ, tấn. Nắm được mối quan hệ của yến, tạ, tấn.  **\* Cách tiến hành** | |
| **a.Giới thiệu yến**  - HS suy nghĩ - Chia sẻ trước lớp  *1 yến = 10 kg*  *+ 10 kg.*  + *2 yến rau.*  *- HS thảo luận nhóm 2- Chia sẻ trước lớp*  **b.Giới thiệu: tạ.**  *1 tạ = 10 yến*  *1 tạ = 100 kg*  - HS lấy VD  **c. Giới thiệu tấn**  - Lấy VD về vật có cân nặng là tạ và quy đổi ra yến, kg | *- GV đặt vấn đề 1 yến = ? kg*  *+ 1 yến gạo.*  *+ Mua 10kg gạo tức là mua mấy yến gạo?*  *+ Mua 1 yến cám gà tức là mua bao nhiêu ki-lô-gam cám?*  *+ Mua 20 kg rau tức là mua bao nhiêu kg rau?*  *- GV đặt vấn đề 1 tạ = ? yến*  *1 tạ = ? kg*  - Giới thiệu tương tự như tạ  ***\* KL và chốt lại 3 đơn vị vừa học và sắp thứ tự***  ***Tạ - tấn-yến-kg*** |
| **3. Hoạt động thực hành***:(20p)*  **\* Mục tiêu:** HS biết áp dụng chuyển đổi các đơn vị đo khối lượng, thực hiện tính toán với các số đo khối lượng.  **\* Cách tiến hành:** | |
| **Bài 1:** Viết vào chỗ chấm.  **Cá nhân- Cả lớp**  - HS làm cá nhân và chia sẻ lớp:  a. Con bò cân nặng *2 tạ*  b. Con gà cân nặng *2 kg*  c. Con voi cân nặng *2 tấn*  - HS nối tiếp nêu VD  **Bài 2**: Viết số thích hợp vào chỗ chấm.  (cột 2 làm 5 trong 10 ý)  **Cá nhân- Cả lớp**  - HS chơi trò chơi *Xì điện* dưới sự điều hành của TBHT  **Bài 3**: Tính (chọn phần a và c)  - Chốt lại mối quan hệ giữa tấn, tạ, yến  **Cá nhân- Cặp - Cả lớp**  - Hs làm bài cá nhân vào vở, đổi chéo kiểm tra và báo cáo trước lớp  Đáp án:  18 yến + 26 yến = 44 yến  648 tạ - 75 tạ = 573 tạ  135 tạ x 4 = 540 tạ  512 tấn : 8 = 64 tấn  **Bài 4**: **Bài tập chờ** *(dành cho HS hoàn thành sớm)*  - HS trình bày bài giải vào vở Tự học  Bài giải  Đổi 3 tấn = 30 tạ  Chuyến sau chở được số tạ muối là:  30 + 3 = 33 (tạ)  Cả hai chuyến chở được số tạ muối là:  30 + 33 = 63 (tạ)  Đáp số: 63 tạ muối  Ước lượng cân nặng của môt số vật với các đơn vị đo tấn, tạ, yến  **4. HĐ ứng dụng *(1p)***  - Giải BT4 với cách ngắn gọn hơn  ***5. HĐ sáng tạo (1p)*** | - Yêu cầu lấy thêm VD về cân nặng của một số vật  - GV chốt lại các đáp án đúng  - Tổ chức cho HS làm bài vào vở, đọc kết quả.  - Gv chữa bài , nhận xét. |

**ĐIỀU CHỈNH-BỔ SUNG**

...................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**ĐẠO ĐỨC**

**VƯỢT KHÓ TRONG HỌC TẬP (tiết 2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức**

- Nêu được ví dụ về sự vượt khó trong học tập.

- Hiểu được được vượt khó trong học tập giúp em học tập mau tiến bộ.

**2. Kĩ năng**

- Có kĩ năng lập kế hoạch và thực hiện kế hoạch để vượt khó trong học tập

**3. Phẩm chất**

Có ý thức vượt khó vươn lên trong học tập.

- Yêu mến, noi theo những tấm gương học sinh nghèo vượt khó.

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL tự học, NL giải quyết vấn đề, NL hợp tác, sáng tạo

*\*****KNS:***

*-Lập kế hoạch vượt khó trong học tập*

*-Tìm kiếm sự hỗ trợ, giúp đỡ của thầy cô, bạn bè khi gặp khó khăn trong học tập*

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Đồ dùng**

- GV: - Các mẩu chuyện, tấm gương vượt khó trong học tập.

- HS: Vở BT Đạo đức, các câu chuyện,...

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm,..

- KT: động não, chia sẻ nhóm 2

**III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của HS** | **Hoạt động của GV** |
| **1.Khởi động:***(5p)*  - HS lắng nghe. | ***-*** HS kể câu chuyện đã sưu tầm về tấm gương vượt khó trong học tập |
| **2.Hoạt động thực hành:***(30p)*  **\* Mục tiêu:** Nêu được ví dụ về sự vượt khó trong học tập. Biết được vượt khó trong học tập giúp em học tập mau tiến bộ. Có ý thức vượt khó vươn lên trong học tập.  **\* Cách tiến hành: Cá nhân-Nhóm-Lớp** | |
| **HĐ 1: Thảo luận nhóm** (BT 2- trang 7)  - Các nhóm thảo luận (4 nhóm) và chia sẻ trước lớp  + Trình bày những khó khăn mà bạn Nam gặp phải  + Biện pháp khắc phục những khó khăn đó  - HS lắng nghe.  **HĐ 2: Làm việc nhóm đôi** (BT3- SGK /7)  - Đọc và xác định yêu cầu bài tập.  - HS thảo luận theo nhóm đôi.  - HS trình bày trước lớp  **HĐ 3: Làm việc cá nhân** (BT 4- SGK/ 7)  - HS lắng nghe.  - HS nêu 1 số khó khăn và những biện pháp khắc phục.  - Cả lớp trao đổi, nhận xét.  **3. Hoạt đông ứng dụng *(1p)***  . - HS cả lớp thực hành.  **4. Hoạt động sáng tạo** *(1p)*  - Lập kế hoạch vượt khó trong học tập cho bản thân trong học kì I | + Yêu cầu HS đọc tình huống trong bài tập 2- SGK.  - GV giảng giải những ý kiến mà HS thắc mắc.  - **GV kết luận:** trước khó khăn của bạn Nam, bạn có thể phải nghỉ học, chúng ta cần phải giúp đỡ bạn bằng nhiều cách khác nhau.Vì vậy mỗi bản thân chúng ta cần phải cố gắng khắc phục vượt qua khó khăn trong học tập, đồng thời giúp đỡ các bạn khác để cùng vượt qua khó khăn.  - GV giải thích yêu cầu bài tập.  - YC HS thảo luận theo nhóm đôi làm bài.  - GV cho HS trình bày trước lớp.  - GV kết luận và khen những HS đã biết vượt qua khó khăn học tập.  - GV nêu và giải thích yêu cầu bài tập:  + Nêu một số khó khăn mà em có thể gặp phải trong học tập và những biện pháp để khắc phục những khó khăn đó theo mẫu- GV giơ bảng phụ có kẻ sẵn như SGK.  - GV ghi tóm tắt ý kiến HS lên bảng.  - GV kết luận, khuyến khích HS thực hiện những biện pháp khắc phục những khó khăn đã đề ra để học tốt.  ***\*Giáo dục KNS: Mỗi bạn cần có kế hoạch vượt khó trong học tập và nhờ sự giúp đỡ từ thầy cô, bạn bè***  - Thực hiện những biện pháp đã đề ra để vượt khó khăn trong học tập; động viên, giúp đỡ các bạn gặp khó khăn trong học tập |

**ĐIỀU CHỈNH-BỔ SUNG**

:..............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**KỂ CHUYỆN**

**MỘT NHÀ THƠ CHÂN CHÍNH**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức**

- Nghe - kể lại được từng đoạn câu chuyện theo câu hỏi gợi ý (SGK); kể nối tiếp được toàn bộ câu chuyện Một nhà thơ chân chính (do GV kể)

- Hiểu được ý nghĩa câu chuyện: Ca ngợi nhà thơ chân chính, có khí phách cao đẹp, thà chết chứ không chịu khuất phục cường quyền.

**2. Kĩ năng:**

- Rèn kĩ năng nói, kĩ năng kể chuyện trước đám đông

**3. Phẩm chất**

- Có ý thức nói đúng sự thật và bảo vệ lẽ phải.

**4. Góp phần bồi dưỡng các năng lực**

- NL giao tiếp và hợp tác, NL sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Đồ dùng**

- GV: - Tranh minh họa truyện trang 40, SGK phóng to.

- Giấy khổ to viết sẵn các câu hỏi, để chỗ trống cho HS trả lời+ bút dạ.

- HS: - Truyện đọc 4, SGK.

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Hỏi đáp, quan sát, đóng vai, thảo luận nhóm.

- KT: đặt câu hỏi, chia sẻ nhóm, khăn trải bàn.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| **1. Khởi động***:(5p)*  - 2-3 HS lên kể câu chuyện bằng thơ Nàng tiên Ốc | **-** HSđọc bài thơ Nàng tiên Ốc  - GV nhận xét chuyển ý bài mới |
| **2. Hoạt động nghe-kể***:(8p)*  **\* Mục tiêu**: HSnghe kể nhớ được nội dung câu chuyện  **\* Cách tiến hành: Cá nhân - Lớp** | |
| - HS theo dõi  - Hs lắng nghe Gv kể chuyện.  - Giải thích các từ ngữ: *tấu, giàn hoả thiêu, hống hách, bạo tàn,...*  -HS lắng nghe và quan sát tranh | - Hướng dẫn kể chuyện.  - GV kể 2 lần:  +Lần 1: Kể nội dung chuyện.  Sau khi kể lần 1, GV yêu cầu HS giải thích một số từ ngữ khó hiểu trong truyện.  +Lần 2: Kể kèm tranh minh hoạ |
| **3. Thực hành** *15p)*  **\* Mục tiêu: HS** kể được nội dung câu chuyện theo lời kể của mình.  **\* Cách tiến hành: Cá nhân - Nhóm- Lớp** | |
| - Lớp trưởng điều khiển các bạn thảo luận theo nhóm 4    - HS làm việc nhóm  + HS làm việc cá nhân sau đó chia sẻ phần kể chuyện của mình trong lớp  - Cả lớp theo dõi  - Nhận xét, bình chọn bạn kể hay | - Yêu cầu HS đọc y/c của từng bài tập.  - Nhắc nhở học sinh trước khi kể:  -HD hs làm việc theo nhóm.  + Chỉ cần kể đúng cốt truyện, không cần lặp lại nguyên văn từng lời thầy.  - GV đánh giá phần chia sẻ của lớp.  \* Nhận xét bình chọn bạn kể hay. |
| **4.Tìm hiểu nội dung, ý nghĩa câu chuyện**:(10*p)*  **\* Mục tiêu**: HShiểu được nội dung, ý nghĩa câu chuyện và có ý thức bảo vệ môi trường.  **\* Cách tiến hành: Cá nhân- Nhóm- Cả lớp** | |
| - HS thảo luận trong nhóm 4 các câu hỏi dưới sự điều khiển của nhóm trưởng – Chia sẻ nội dung trước lớp  *+ Truyền nhau bài hát nói lên sự hống hách bạo ngược của nhà vua và nỗi thống khổ của nhân dân.*  *+Vua ra lệnh bắt kì được người sáng tác bài hát.*  *+ Các nhà thơ lần lượt khuất phục, họ hát những bài ca ca ngợi nhà vua...*  *+ Vì vua thực sự khâm phục và kính trọng lòng trung thực và khí phách của nhà thơ.*  *+ Ca ngợi nhà thơ chân chính thà chết trên giàn lửa chứ không ca ngợi ông vua bạo tàn.*  - Ca ngợi nhà thơ chân chính, có khí phách cao đẹp, thà chết trên giàn lửa thiêu, không chịu khuất phục cường quyền.  **4. Hoạt động ứng dụng *(1p)***  - Kể lại câu chuyện cho người thân nghe  **5. Hoạt động sáng tạo *(1p)***  - Tìm đọc các câu chuyện về tính trung thực trong sách báo, sách kể chuyện | - GV phát phiếu học tập có in sẵn các câu hỏi  - TBHT điều khiển các nhóm báo cáo dưới sự hướng dẫn của GV:  *+Trước sự bạo ngược của nhà vua dân chúng phản ứng bằng cách nào?*  *+Nhà vua làm gì khi biết dân chúng truyền tụng bài ca lên án mình?*  *+Trước sự đe doạ của nhà vua mọi người có Phẩm chất ntn?*  *+Vì sao nhà vua phải thay đổi Phẩm chất?*  *+ Câu chuyện ca ngợi nhà thơ chân chính hay ca ngợi ông vua bạo tàn đã thay đổi Phẩm chất?*  \* Nêu ý nghĩa câu chuyện?  - GV nhËn xÐt, ®¸nh gi¸, liên hệ giáo dục tính trung thực và bảo vệ lẽ phải |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**KĨ THUẬT**

**KHÂU THƯỜNG (tiết 1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức**

- Nắm được quy trình khâu thường

**2. Kĩ năng**

- Biết cách cầm vải, cầm kim, lên kim, xuống kim khi khâu.

- Biết cách khâu và khâu được các mũi khâu thường.Các mũi khâu có thể chưa cách đều nhau.Đường khâu có thể bị dúm.

\* Với HS khéo tay: Khâu được các mũi khâu thường.Các mũi khâu tương đối đều nhau.Đường khâu ít bị dúm.

**3. Phẩm chất**

- Giáo dục tính cẩn thận, an toàn khi thực hành

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL thẩm mĩ.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Đồ dùng**

- GV: - Tranh quy trình khâu thường.

- Mẫu khâu thường được khâu bằng len trên các vải khác màu và một số sản phẩm được khâu bằng mũi khâu thườmg.

- Vật liệu và dụng cụ cần thiết:

+ Mảnh vải sợi bông trắng hoặc màu kích 20 – 30cm.

+ Len (hoặc sợi) khác màu với vải.

+ Kim khâu len (kim khâu cỡ to), thước may, kéo, phấn vạch.

- HS: Bộ ĐDHT lớp 4, vở.

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Quan sát, hỏi đáp, thảo luận nhóm.

- KT: đặt câu hỏi, phòng tranh

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| **1. HĐ khởi động (3p)**  - HS hát bài hát khởi động:  - HS TBVN điều hành | - Kiểm tra sự chuẩn bị đồ dùng của |
| **2.Bài mới:***(35p)*  **\* Mục tiêu:** - Biết cách cầm vải, cầm kim, lên kim, xuống kim khi khâu.  - Biết cách khâu và khâu được các mũi khâu thường  **\* Cách tiến hành: Cá nhân-Lớp** | |
| HĐ1: ***Hướng dẫn HS quan sát và nhận xét mẫu.***  - HS quan sát sản phẩm.  - HS quan sát mặt trái mặt phải của H.3a, H.3b (SGK) để nêu nhận xét về đường khâu mũi thường.  - HS nêu khái niệm  **HĐ 2**: ***Hướng dẫn thao tác kỹ thuật***.  - HS quan sát H.1 SGK nêu cách cầm vải, kim.  - HS theo dõi.  - HS thực hiện thao tác cầm kim, lên kim, xuống kim (3-5HS)  - HS quan sát hình 4, thảo luận nhóm 4, nêu các bước khâu thường và chia sẻ trước lớp  ***+B1: Vạch dấu theo đường khâu hoặc gẩy sợi vải và rút chỉ***  ***+B2: Thực hiện khâu theo đường vạch dấu***  *+ Ta cần thắt chỉ để chỉ không bị tuột*  - HS quan sát  - HS đọc ghi nhớ cuối bài.  - HS thực hành trên giấy ô li  **3. Hoạt động ứng dụng *(1p)***  - Thực hành khâu thường tại nhà vào giấy ô li  **4. HĐ sáng tạo *(1p)***  - Dùng mũi khâu thường để khâu chiếc túi vải | - GV giới thiệu mẫu khâu mũi thường và giải thích: Khâu thường còn được gọi là khâu tới và khâu luôn.  - GV bổ sung và kết luận đặc điểm của mũi khâu thường:  + Đường khâu ở mặt trái và phải giống nhau.  + Mũi khâu ở mặt phải và ở mặt trái giống nhau, dài bằng nhau và cách đều nhau.  - Vậy thế nào là khâu thường?  - GV hướng dẫn HS thực hiện một số thao tác khâu, thêu cơ bản.  - Đây là bài học đầu tiên về khâu, thêu nên trước khi hướng dẫn khâu thường HS phải biết cách cầm vải, kim, cách lên xuống kim.  - Cho HS quan sát H1 và gọi HS nêu cách lên xuống kim.  - GV hướng dẫn 1 số điểm cần lưu ý:  + Khi cầm vải, lòng bàn tay trái hướng lên trên và chỗ sắp khâu nằm gần đầu ngón tay trỏ. Ngón cái ở trên đè xuống đầu ngón trỏ để kẹp đúng vào đường dấu.  + Cầm kim chặt vừa phải, không nên cầm chặt quá hoặc lỏng quá sẽ khó khâu.  + Cần giữ an toàn tránh kim đâm vào ngón tay  hoặc bạn bên cạnh.  - GV gọi HS lên bảng thực hiện thao tác.  ***GV hướng dẫn kỹ thuật khâu thường***:  - GV treo tranh quy trình, hướng dẫn HS quan sát tranh để nêu các bước khâu thường.  - GV hướng dẫn 2 lần thao tác kĩ thuật khâu mũi thường.  - GV hỏi: *khâu đến cuối đường vạch dấu ta cần làm gì*?  - GV hướng dẫn thao tác khâu lại mũi và nút chỉ cuối đường khâu theo SGK.  - GV lưu ý:  + Khâu từ phải sang trái.  + Trong khi khâu, tay cầm vải đưa phần vải có đường dấu lên, xuống nhip nhàng.  + Dùng kéo để cắt chỉ sau khi khâu. Không dứt hoặc dùng răng cắn chỉ.  - Cho HS đọc ghi nhớ  - GV tổ chức HS tập khâu các mũi khâu thường cách đều nhau một ô trên giấy kẻ ô li. |

**ĐIỀU CHỈNH-BỔ SUNG**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**Thứ năm ngày 27 tháng 9 năm 2021**

**TẬP ĐỌC**

**TRE VIỆT NAM**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức**

- Hiểu ND: Qua hình tượng cây tre, tác giả ca ngợi những phẩm chất cao đẹp của con người Việt Nam: giàu tình yêu thương, ngay thẳng, chính trực (trả lời được các câu hỏi 1,2 ; thuộc khoảng 8 dòng thơ)

**2. Kĩ năng**

- Đọc rành mạch, trôi chảy: bước đầu biết đọc một đoạn thơ lục bát với giọng tình cảm.

**3. Phẩm chất**

- Giáo dục tình yêu với những loài cây quen thuộc của làng quê VN, tình yêu con người, yêu quê hương, đất nước.

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ.

***\*GDBVMT:*** *Những hình ảnh đó vừa cho thấy vẻ đẹp của môi trường thiên nhiên, vừa mang ý nghĩa trong cuộc sống. Hãy giữ gìn môi trường sạch đẹp!*

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Tranh minh hoạ bài tập SGK (phóng to nếu có điều kiện).

- HS: sưu tầm các tranh, ảnh vẽ cây tre.

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- Phương pháp: Quan sát, hỏi - đáp,..

- Kĩ thuật: Làm việc nhóm, chia sẻ

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| **1. Khởi động***:(3p)*  - Hs cùng hát và vận động | - Hs hát kết hợp với vận động  - GV chuyển ý vào bài mới. |
| **2. Hướng dẫn luyện đọc***:(10p)*  **\* Mục tiêu:** HS đọc rành mạch, trôi chảy thể hiện đúng nhịp điệu của câu thơ, đoạn thơ.  **\* Cách tiến hành: Cá nhân- Nhóm - Cặp** | |
| \* Luyện đọc:  - 1 HS đọc bài, cả lớp đọc thầm  - HS thảo luận nhóm 2, chia đoạn bài tập đọc và chia sẻ trước lớp  - Nhóm trưởng điều hành nhóm đọc nối tiếp đoạn lần 1.  - Luyện đọc từ khó do HS phát hiện: Đọc mẫu (M4)-Cá nhân (M1)- Lớp đọc  (*Tre xanh, nắng nỏ trời xanh, khuất mình, bão bùng, lũy thành, nòi tre, lạ thường, lưng trần).*  - Đọc đoạn lần 2 giải nghĩa từ khó: *luỹ thành, gầy guộc, nòi tre,...*  - Báo cáo việc đọc trong nhóm  - 1 HS đọc toàn bài (M4) | - Gọi HS đọc bài (M3)  - GV lưu ý giọng đọc tha thiết, trìu mến  - GV chốt vị trí các đoạn (4 đoạn)  Đoạn 1: Từ đầu .....bờ tre xanh.  Đoạn 2: Yêu nhiều....hỡi người.  Đoạn 3: Chẳng may....đến gì lạ đâu.  Đoạn 4: Mai sau....đến tre xanh  - GV kết hợp sửa cách phát âm cho HS, cách ngắt, nghỉ cho HS (M1) |
| **3. Tìm hiểu bài***:(15p)*  **\* Mục tiêu:** Hs hiểu được nội dung bài thơ, từ đó có Phẩm chất, tình cảm yêu thương, ngay thẳng, chính trực đối với mọi người xung quanh.  **\* Cách tiến hành: Cá nhân- Cặp đôi- Cả lớp** | |
| - 1HS đọc to các câu hỏi  - Nhóm trưởng điều hành nhóm trả lời các câu hỏi (5p) theo kĩ thuật Khăn trải bàn  *+ Câu thơ: Tre xanh*  *Xanh tự bao giờ?*  *Chuyện ngày xưa đã có bờ tre xanh*  - Lắng nghe.  **1. Sự gắn bó lâu đời của tre đối với người việt Nam.**  *+Chi tiết: không đứng khuất mình bóng râm*  *+ Hình ảnh: Bão bùng thân bọc lấy thân/Tay ôm tay níu tre gần nhau thêm/ Thương nhau tre chẳng ở riêng/Lưng trần phơi nắng phơi sương/ Có manh áo cộc tre nhường cho con*  *+Ở đâu tre cũng xanh tươi*  *Cho dù đất sỏi đất vôi bạc màu*  *Rễ siêng không chịu đất nghèo*  *Tre bao nhiêu rễ bấy nhiêu cần cù*  *+ Tay ôm tay níu tre gần nhau thêm*  *Thương nhau tre chẳng ở riêng*  *Luỹ thành từ đó mà nên hỡi người*  *+ Tre già thân gãy cành rơi mà tre vẫn truyền cái gốc cho con. Tre luôn mọc thẳng không chịu mọc cong…*  **2. Phẩm chất tốt đẹp của cây tre.**  **3. Nói lên sức sông lâu bền, mãnh liệt của cây tre.**  + Lắng nghe.  **\* Bài thơ ca ngợi những phẩm chất tốt đẹp của con người Việt Nam: giàu tình thương yêu, ngay thẳng, chính trực thông qua hình tượng cây tre**  HS trả lời  - HS liên hệ việc giáo dục bảo vệ môi trường, bảo vệ cuộc sống trong lành  - HS ghi chép lại nội dung bài | - GV phát phiếu học tập in sẵn các câu hỏi tìm hiểu bài cho các nhom  - TBHT điều hành nhóm trả lời dưới sự hướng dẫn của GV  *+ Những câu thơ nào nói lên sự gắn bó lâu đời của cây tre với con người Việt Nam?*  GV: Tre có tự bao giờ không ai biết. Tre chứng kiến mọi chuyện xảy ra với con người tự ngàn xưa, tre là bầu bạn của người Việt Nam.  *+ Đoạn 1 cho ta thấy điều gì?*  *+ Chi tiết nào cho thấy tre như con người?*  *+ Những hình ảnh nào của cây tre tượng trưng cho tình thương yêu đồng loại?*  *+ Những hình ảnh nào tượng trưng cho tính cần cù?*  *+ Những hình ảnh nào gợi lên tinh thần đoàn kết của người Việt Nam?*  *+ Những hình ảnh nào của cây tre tượng trưng cho tính ngay thẳng?*  *+ Đoạn 2,3 nói lên điều gì?*  *+ Đoạn thơ kết bài có ý nghĩa gì?*  **GV*: Bài thơ kết lại bằng cách dùng điệp từ, điệp ngữ: Mai sau, xanh để thể hiện sự tài tình, sự kế tiếp liên tục của các thế hệ tre già măng mọc***.  *+ Qua bài thơ trên tác giả muốn ca ngợi điều gì?*  *+ Em thích những hình ảnh nào về cây tre và búp măng non ? Vì sao ?*  ***GDBVMT*** *thông qua câu hỏi 2: (Sau khi HS trả lời, GV có thể nhấn mạnh: Những hình ảnh đó vừa cho thấy vẻ đẹp của môi trường thiên nhiên, vừa mang ý nghĩa sâu sắc trong cuộc sống).*  - GV ghi nội dung lên bảng. |
| **4. Luyện đọc diễn cảm***:(10p)*  **\* Mục tiêu:** HS biết đọc diễn cảm, nhấn giọng ở các từ ngữ gợi tả, gợi cảm, thể hiện đúng nhịp điệu của thơ.  **\* Cách tiến hành:** | |
| - 1 HS M4 đọc mẫu toàn bài.  - Nhóm trưởng điều khiển nhóm đọc diễn cảm.  - Cử đại diện đọc trước lớp  - Nhận xét, bình chọn  **5. HĐ ứng dụng** (1p)  - Liên hệ vẻ đep của cây tre với phẩm chất của người VN  **6. HĐ sáng tạo** (1p)  - Tìm đọc các tác phẩm viết về cây tre | - Yêu cầu nêu lại giọng đọc của bài |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TOÁN**

***Tiết 19:* BẢNG ĐƠN VỊ ĐO KHỐI LƯỢNG**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức**

- Nhận biết được tên gọi, kí hiệu, độ lớn của đề-ca-gam; hec-tô-gam và gam .

**2. Kĩ năng**

- Biết chuyển đổi đơn vị đo khối lượng .

- Biết thực hiện phép tính với số đo khối lượng.

**3. Phẩm chất**

- Học tập tích cực, làm việc cẩn thận

**4. Góp phần phát triền các NL:**

- NL tự học, NL sáng tạo, NL giải quyết vấn đề

\* Bài tập cần làm 1, 2, BT3 (chọn 2 trong 4 phép tính).

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Kẻ sẵn các dòng , cột của bảng đơn vị đo khối lượng, SGK, phiếu học tập.

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Lớn hơn ki-lô-gam | | | Ki-lô-gam | Nhỏ hơn ki- lô- gam | | |
|  |  |  |  |  |  |  |

- HS: Sgk, bảng con, vở

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Quan sát, hỏi đáp, thảo luận nhóm.

- KT: động não, tia chớp, chia sẻ nhóm 2

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| **1. Khởi động *(5p)***  - HS nêu tên  - Các đơn vị lớn hơn kg | - Nêu tên các đơn vị đo khối lượng đã học  - So sánh các đơn vị này với kg |
| **2. Hình thành kiến thức mới***:(12p)*  **\* Mục tiêu:** HS nắm được tên gọi, kí hiệu, độ lớn của dag, hg, và mối quan hệ của chúng.  \* **Cách tiến hành** | |
| **a.Giới thiệu về Đề-ca- gam, Hec-tô-gam**  **Cá nhân-Nhóm-Lớp**  - Hs theo dõi.  - Tấn, tạ, yến, kg, gam.  - HS thảo luận nhóm 2, đề xuất phương án trả lời  - HS đọc tên đơn vị mới  - HS ghi kí hiệu của 2 đơn vị mới  +*HS thảo luận nhóm 2 và chia sẻ trước lớp: 1 dag= 10g*  *1 hg = 10dag*  *1 hg = 100g*  *+ Hai đơn vị này bé hơn kg*  **b.Lập bảng đơn vị đo khối lượng.**  - HS làm việc nhóm 4 dưới sự điều hành của nhóm trưởng- Chia sẻ trước lớp dưới sự điều hành của TBHT:   |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | Lớn hơn kg | | | kg | Nhỏ hơn kg | | | | Tấn | Tạ | Yến | Kg | hg | dag | g |   *+ Mỗi đơn vị đo khối lượng đều gấp 10 lần đơn vị bé hơn liền nó.*  - HS đọc đồng thanh bảng đơn vị đo khối lượng | + Nêu các đơn vị đo khối lượng đã học?  *+GV đề xuất: Để đo các khối lượng nặng hàng chục gam người ta dùng đơn vị đo nào?*  - GV chốt hai đơn vị là đề-ca-gam và hec-to-gam  - Hướng dẫn cách viết tắt 2 đơn vị:  +Đề - ca - gam viết tắt : dag  +Hec-to-gam viết tắt là hg  *+ GV nêu vấn đề: 1 dag=?g*  *1 hg = ?dag*  *1hg=? g*  *+ So sánh 2 đơn vị mới với kg?*  - Yêu cầu HS làm việc nhóm 4:  *+ Hoàn thành bảng đơn vị đo khối lượng.*   |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | Lớn hơn kg | | | kg | Nhỏ hơn kg | | | |  |  |  | kg |  |  |  |   *+ Nhận xét về mối quan hệ của các đơn vị đo trong bảng*  - GV chốt |
| **3. Hoạt động thực hành***:(20p)*  **\* Mục tiêu:** HS biết biết được tên gọi, mối quan hệ của các đợn vị đo, đỏi đượck cá đơn vị đo..  **\* Cách tiến hành:**. | |
| **Bài 1:** Viết số thích hợp vào chỗ chấm.  **Cá nhân- Cặp đôi- Lớp**  - 1 hs đọc đề bài.  - HS làm bài cá nhân – Chia sẻ nhóm 2– Chia sẻ trước lớp  **Bài 2**: Tính.(chọn 2 phép tính)  **- HS làm cá nhân- Chia sẻ trước lớp**  Đáp án:  380 g + 195 g = 575 g  928 dag - 274 dag = 654 dag  **Bài 3:** > ; < ; = .  **- HS làm cá nhân - Nhóm 2 –Lớp**  5 dag = 50 g 4 tạ 30 kg > 4 tạ 3 kg  8 tấn < 8100 kg; 3 tấn500 kg = 3500 kg  ***Bài tập chờ (Bài 4) dành cho các HS hoàn thành sớm***  - HS làm vào vở Tự học  Đáp án:  Có tất cả số ki-lô-gam bánh, kẹo là:  4x150 + 2x200 = 1000 (g)  Đổi 1000 g = 1 kg  Đáp số: 1 kg  **4, HĐ ứng dụng *(1p)***  - Ghi nhớ bảng đơn vị đo khối lượng  **5. HĐ sáng tạo *(1p)***  - Tìm các bài toán cùng dạng trong sách Toán buổi 2 để làm | - Chữa bài, nhận xét.  - GV thu vở, nhận xét, đánh giá 5-7 bài  - Yêu cầu các HS đã làm xong trước hoàn thành hết BT2  - Chữa bài, nhận xét. |

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

:...................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TẬP LÀM VĂN**

**CỐT TRUYỆN**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức**

- Hiểu thế nào là cốt truyện và ba phần cơ bản của cốt truyện: mở đầu, diễn biến, kết thúc (ND Ghi nhớ).

**2. Kĩ năng**

- Bước đầu biết sắp xếp các sự việc chính cho trước thành cốt truyện Cây khế và luyện tập kể lại truyện đó (BT mục III).

**3. Phẩm chất**

- Tích cực, tự giác học bài

**4. Góp phần phát triển NL:**

**-** NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL ngôn ngữ,...

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Đồ dùng**

- GV:- Giấy khổ to+ bút dạ.

- Hai bộ băng giấy – mỗi bộ gồm 6 băng giấy viết các sự việc ở bài 1.

- HS: Vở BT, SGK.

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Quan sát, hỏi đáp, thảo luân nhóm.

- KT: đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi, khăn trải bàn

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| **1. Khởi động:(***5p)*  - 1 HS kể | Gọi HS kể lại một câu chuyện đã nghe, đã đọc. |
| **2. khám phá***:(10p)*  **\* Mục tiêu:** HS hiểu đươc cấu tạo của cốt truyện gồm 3 phần cơ bản**.**  **\* Cách tiến hành:** | |
| ***Bài 1***:  - 1 HS đọc và xác định yêu cầu bài tập.  *+ Sự việc chính là những sự việc quan trọng, quyết định diễn biến câu chuyện mà khi thiếu nó câu chuyện không còn đúng nội dung và hấp dẫn nữa.*  - HD làm việc theo nhóm 4 dưới sự điều hành của nhóm trưởng  + Sự việc 1: Dế Mèn gặp Nhà Trò ngồi khóc bên tảng đá.  + Sự việc 2: Dế Mèn gạn hỏi, Nhà Trò kể lại tình cảnh khốn khó bị bọn Nhện ức hiếp và đòi ăn hiếp.  + Sư việc 3: Dế Mèn phẫn nộ cùng Nhà Trò đi đến chỗ mai phục của bọn nhện.  + Sự việc 4: Gặp bọn nhện, Dế Mèn ra oai, lên án sự nhẫn tâm của chúng, bắt chúng phá vòng vây hãm Nhà Trò.  + Sự việc 5: Bọn nhện sợ hãi phải nghe theo, Nhà Trò được tự do.  ***Bài 2:***  ***- Cá nhân- Lớp***  *+ Cốt truyện là một chuỗi sự việc làm nòng cốt cho diễn biến của truyện.*  ***Bài 3****:*  **Nhóm 2 -Lớp**  *+ Sự việc 1 nêu nguyên nhân Dế Mèn bênh vực Nhà Trò.*  *+ Sự việc 2, 3, 4 kể lại Dế Mèn đã bênh vực Nhà Trò như thế nào?*  *+ Sự việc 5 nói lên kết quả của câu chuyện*  **- Kết luận:**  *+ Có 3 phần: phần mở đầu, phần diễn biến, phần kết thúc.*  - 2 HS đọc ghi nhớ.  **\* Ghi nhớ:** | **Cá nhân- Nhóm-Lớp**  Ghi lại những sự việc chính trong truyện “ Dế Mèn bênh vực kẻ yếu”  + *Theo em thế nào là sự việc chính?*  - Yêu cầu HD làm việc theo nhóm 4 theo kĩ thuật khăn trả bàn: ghi lại những sự việc chính trong truyện “Dế Mèn bênh vực kẻ yếu”, GV đi giúp đỡ từng nhóm. Nhắc nhở HS chỉ ghi một sự việc bằng một câu.  - Các nhóm xong trước báo cáo kết quả, dưới sự điều hành của TBHT  - GV tóm tắt lại các sự việc  *+ Chuỗi các sự việc như bài 1 được gọi là cốt truyện của truyện Dế Mèn bênh vực kẻ yếu.Vậy cốt truyện là gì?*  *+ Sự việc 1 cho em biết điều gì?*  *+ Sự việc 2, 3, 4 kể lại những chuyện gì?*  *+ Sự việc 5 nói lên điều gì?*  + Sự việc khơi nguồn cho những sự việc khác là phần mở đầu của truyện.  + Các sự việc chính kế tiếp theo nhau nói lên tính cách nhân vật, ý nghĩa của truyện là phần diễn biến của truyện.  + Kết quả của các sự việc ở phần mở đầu và phần chính là phần kết thúc của truyện  *+ Nêu cấu tạo của môt cốt truyện?* |
| **3. Thực hành***:(20p)*  **\* Mục tiêu:** HS biết sắp xếp sự việc thành một câu chuyện, kể lại được câu chuyện  **\* Cách tiến hành:** | |
| ***Bài 1:*** Truyện cổ tích *Cây khế* bao gồm các sự việc chính sau.    - HS thảo luận cặp đôi và sắp xếp các sự việc bằng cách đánh dấu các sự việc theo số thứ tự- Chia sẻ trước lớp  Đ/a: 1b – 2d – 3a – 4c – 5e – 6g.  ***Bài 2:***  Dựa vào cốt truyện, kể lại truyện Cây khế.  - HS đọc và xác định yêu cầu bài tập.  - HS tập kể lại truyện trong nhóm dưới sự điều hành của nhóm trưởng  - HS thi kể, HS nhận xét, bình chọn bạn kế đúng, hay.  **4. HĐ ứng dụng *(1p)***  - Kể lại câu chuyên *Cây khế* cho người thân nghe  **5. HĐ sáng tạo *(1p)***  - Kể lai chuyện *Cây khế* bằng lời của người anh. | Hãy sắp xếp các sự việc chính sau thành cốt truyện..  **Nhóm 2 -Lớp**  ***Cá nhân - Nhóm- Lớp***  - Gọi HS đọc và xác định yêu cầu bài tập.  - TBHT điều khiển kể chuyện dưới sự hỗ trợ của GV:  - Tổ chức cho HS thi kể.  + Lần 1: Thi kể bằng cách kể lại đúng các sự việc đã sắp xếp.  + Lần 2: Thi kể bằng cách thêm bớt một số câu văn, hình ảnh, lời nói để câu chuyện thêm hấp dẫn, sinh động.  - Nhận xét, khen/ động viên. |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**KHOA HỌC (CT HIỆN HÀNH)**

**TẠI SAO CẦN ĂN PHỐI HỢP**

**ĐẠM ĐỘNG VẬT VÀ ĐẠM THỰC VẬT?**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức**

- Biết được cần ăn phối hợp đạm động vật và đạm thực vật để cung cấp đầy đủ chất cho cơ thể.

- Nêu ích lợi của việc ăn cá: đạm của cá dễ tiêu hơn đạm của gia súc, gia cầm.

**2. Kĩ năng**

- Xác định được các nhóm thức ăn có chứa đạm động vật, đạm thực vật.

**3. Phẩm chất**

- GD HS ý thức ăn uống hợp vệ sinh, đủ dinh dưỡng

**4. Góp phần phát triển các năng lực:**

- NL giải quyết vấn đề, NL hợp tác.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC :**

**1. Đồ dùng**

- GV: - Các hình minh hoạ ở trang 18, 19 / SGK (phóng to nếu có điều kiện).

- Pho- to phóng to bảng thông tin về giá trị dinh dưỡng của một số thức ăn chứa chất đạm.

- HS: Vở, sgk.

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- Quan sát, hỏi đáp, thực hành thí nghiệm, thảo luận nhóm, trò chơi.

- KT: động não, tia chớp, đặt câu hỏi, chia sẻ nhóm 2

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Khởi động** (5p)  - HS trả lời, các HS khác nhận xét, bổ sung | - Tại sao cần ăn đa dạng thức ăn và thay đổi món thường xuyên?  - GV chốt, dẫn vào bài mới |
| **2.Bài mới:***30)*  **\* Mục tiêu:** - Biết được cần ăn phối hợp đạm động vật và đạm thực vật để cung cấp đầy đủ chất cho cơ thể.  - Nêu ích lợi của việc ăn cá  **\* Cách tiến hành** | |
| *a.* ***Tìm hiểu bài****:*  **HĐ1: Trò chơi: “Kể tên những món ăn chứa nhiều chất đạm”.**  - HS chơi trò chơi theo 2 đội  - HS lên bảng viết tên các món ăn.  **HĐ2: Tại sao cần ăn phối hợp đạm động vật và đạm thực vật.**  - 2 HS nối tiếp nhau đọc to trước lớp, HS dưới lớp đọc thầm theo.  - Chia nhóm và tiến hành thảo luận dưới sự điều hành của nhóm trưởng  - TBHT điều khiển các nhóm báo cáo:  *+ Đậu kho thịt, lẩu cá, thịt bò xào rau cải, tôm nấu bóng, canh cua, …*  *+ Nếu chỉ ăn đạm động vật hoặc đạm thực vật thì sẽ không đủ chất dinh dưỡng cho hoạt động sống của cơ thể. Mỗi loại đạm chứa những chất bổ dưỡng khác nhau*.  *+ Chúng ta nên ăn nhiều cá vì cá là loại thức ăn dễ tiêu, trong chất béo của cá có nhiều a- xít béo không no có vai trò phòng chống bệnh xơ vữa động mạch*.  - HS liên hệ việc ăn uống của bản thân hàng ngày và cách điều chỉnh chế độ ăn cho có đủ các loại đạm  - HS nêu  - Sưu tầm tranh ảnh về ích lợi của việc dùng muối i- ốt trên báo hoặc tạp chí.  **4. Hoạt động ứng dụng *(1p)***  - Hãy nêu cách nấu một món ăn vừa chứa đạm ĐV, vừa chứa đạm TV  **5. Hoạt động sáng tạo** *(1p)* | - Chia lớp thành 2 đội: Mỗi đội cử 1 trọng tài giám sát đội bạn.  - Thành viên trong mỗi đội nối tiếp nhau lên bảng ghi tên các món ăn chứa nhiều chất đạm. (Lưu ý mỗi HS chỉ viết tên 1 món ăn)  - GV cùng trọng tài công bố kết quả của 2 đội.  - Khen đội thắng cuộc.  - GV chuyển hoạt động: Những thức ăn chứa nhiều chất đạm đều có nhiều chất bổ dưỡng. Vậy những món ăn nào vừa cung cấp đạm động vật vừa cung cấp đạm thực vật và chúng ta phải ăn chúng như thế nào. Chúng ta cùng tìm hiểu.  - GV yêu cầu cả lớp cùng đọc lại danh sách các món ăn chứa nhiều chất đạm do các em lập nên qua trò chơi và chỉ ra các món ăn nào chứa nhiều đạm ĐV vừa chứa đạm TV.  - Chia nhóm HS.  - Yêu cầu các nhóm nghiên cứu bảng thông tin vừa đọc, các hình minh hoạ trong SGK và trả lời các câu hỏi sau:  *+ Những món ăn nào vừa chứa đạm động vật, vừa chứa đạm thực vật?*  *+ Tại sao không nên chỉ ăn đạm động vật hoặc chỉ ăn đạm thực vật?*  *+ Vì sao chúng ta nên ăn nhiều cá?*  *-* K**ết luận**: Ăn kết hợp cả đạm động vật và đạm thực vật sẽ giúp cơ thể có thêm những chất dinh dưỡng bổ sung cho nhau và giúp cho cơ quan tiêu hoá hoạt động tốt hơn. Chúng ta nên ăn thịt ở mức vừa phải, nên ăn cá nhiều hơn thịt, tối thiểu mỗi tuần nên ăn ba bữa cá…. |

**ĐIỀU CHỈNH-BỔ SUNG**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**Thứ sáu ngày 28 tháng 9 năm 2021**

**LUYỆN TỪ VÀ CÂU**

**LUYỆN TẬP VỀ TỪ LÁY VÀ TỪ GHÉP**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức**

- Qua luyện tập, bước đầu nắm được hai loại từ ghép (có nghĩa tổng hợp, có nghĩa phân loại) – BT1, BT2.

-Bước đầu nắm được 3 nhóm từ láy (giống nhau ở âm đầu, vần, cả âm đầu và vần) – BT3.

- Củng cố khái niệm từ ghép và từ láy, biết tạo thành từ ghép đơn giản

**2. Kĩ năng**

- Nhận biết được từ ghép và láy trong câu trong bài, bước đâu phân biệt từ ghép có nghĩa phân loại và tổng hợp

**3. Phẩm chất**

- Thông qua bài 3, giáo dục HS tính mạnh dạn, tự tin.

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL tự học, NL ngôn ngữ, NL sáng tạo

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Đồ dùng**

- GV:- Bảng phụ, giấy khổ to kẻ sẵn bảng BT 2, BT 3, bút dạ.

- Từ điển Tiếng Việt (Nếu có) hoặc phô tô vài trang cho nhóm HS.

- HS: Vở BT, bút, ..

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm.

- KT: động não, đặt câu hỏi, chia sẻ, ...

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| **1. Khởi động *(5p)***  -2 HS lên bảng viết- Lớp viết bảng con  - HS đổi chéo bảng để KT | **-** Lấy VD 2 từ ghép, 2 từ láy  - GV nhận xét |
| **2 . Thực hành***:(30p)*  **\* Mục tiêu:** Nhận biết được từ ghép, từ láy trong câu, đoạn văn, xác định được mô hình cấu tạo của từ ghép, từ láy...  **\* Cách tiến hành**: | |
| **Bài 1:** So sánh hai từ ghép sau: Bánh trái và bánh rán.  - 1 hs đọc đề bài.  - Nhóm 2 hs thảo luận-Chia sẻ trước lớp  - TBHT điều khiển các nhóm báo cáo  +Từ **bánh trái** có nghĩa tổng hợp.  +Từ **bánh rán** có nghĩa phân loại  **Bài 2**: Viết từ ghép đã cho vào bảng phân loại từ ghép ; (Tìm 3 từ ghép có nghĩa phân loại, 3 từ ghép có nghĩa tổng hợp )  **Nhóm 4 -Lớp**  - 1 hs đọc đề bài.  - Hs làm bài theo nhóm 4, trình bày kết quả   |  |  | | --- | --- | | Từ ghép phân loại | Từ ghép tổng hợp | | Đương ray, xe đạp, tàu hỏa, xe điện, máy bay, | Ruộng đồng, làng xóm, núi non, gò đống, bờ bãi, hình dạng, màu sắc, |   *+ Vì xe đập có nghĩa chỉ riêng một loại xe*  *+ Vì màu sắc có nghĩa chỉ chung các loại màu*  **Bài 3**: Xếp từ các láy vào nhóm thích hợp.  **Cá nhân – Lớp**  - 1 hs đọc đề bài.  - HS làm bài vào vở- Chia sẻ lớp   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Từ láy có hai tiếng giống nhau ở âm đầu | Từ láy có hai tiếng giống nhau ở vần | Từ láy có hai tiếng giống nhau ở cả âm đầu và vần | | nhút nhát | lạt xạt | Rào rào, he hé |   *+ Có 3 loại: Láy âm đầu, láy vần, láy cả âm đầu và vần*  **4. HĐ ứng dụng *(1p)***  - Nêu lại các tiểu loại TG và TL  **5. HĐ sáng tạo *(1p)***  - Lấy thêm VD về các tiểu loại từ láy | **Nhóm 2 -Lớp**  - Tổ chức cho hs thảo luận theo nhóm đôi.  + Lấy lấy VD về từ ghép TH và PL (HS M3+M4)  - Chữa bài, nhận xét, đặt câu hỏi củng cố bài:  *+ Tại sao xếp xe đạp vào TG phân loại?*  *+ Tại sao xếp màu sắc vào TG tổng hợp*  - GV đặt câu hỏi chốt:  *+ Vậy có mấy loại từ láy?*  - GD hs mạnh dạn, tự tin qua hình ảnh cây "nhút nhát" |

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TOÁN**

***Tiết 20:* GIÂY, THẾ KỶ**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức**

- Có ý niệm về giây - thế kỷ.

- Biết mối quan hệ giữa giây và phút, giữa thế kỷ và năm.

**2. Kĩ năng**

- Quy đổi được các đơn vị dựa vào mối quan hệ.

- Biết xác định một năm cho trước thuộc thế kỉ nào.

**3. Phẩm chất**

- Biết tôn trọng thời giờ.

- Yêu kính BH, tự hào dân tộc

**4. Góp phần phát triển các NL**

- NL tự học, làm việc nhóm, tính toán

\* Bài tập cần làm BT1, BT2(a,b).

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Đồ dùng**

- GV:- Một chiếc đồng hồ thật, loại có cả ba kim giờ, phút, giây và có các vạch chia theo từng phút.

- Vẽ sẵn trục thời gian như SGK lên bảng phụ và giấy khổ to.

- HS: Vở BT, bút, sgk1.

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Quan sát, hỏi đáp, thảo luận nhóm, trò chơi học tập

- KT: động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| **1.Khởi động***:(5p)*  - HS cùng chơi dưới sự điều hành của TBHT | **-**Chơi trò chơi Chuyền điện  - Nêu tên các đơn vị đo khối lượng đã học. |
| **2. Hình thành kiến thức mới***:(15p)*  **\* Mục tiêu:**HS làm quen với đơn vị đo thời gian và mối quan hệ của chúng.  \* **Cách tiến hành**: | |
| **a. Giới thiệu về giây.**  **Nhóm – Lớp**  - Hs theo dõi.  - Hs quan sát sự chuyển động của kim đồng hồ, thảo luận nhóm 4 các câu hỏi và chia sẻ trước lớp  *+ Kim giờ đi từ 1 số đến số tiếp liền sau là 1 giờ.*  *+ Là 1 phút*  *+ 1 giờ = 60 phút.*  *+ Là 1 giây*  - Hs theo dõi, lấy ví dụ thực hành.  **b. Giới thiệu về thế kỉ.**  - Hs đếm khoảng thời gian.  - Hs nêu lại.  *+Thế kỉ 20* | - Gv giới thiệu kim giây trên mặt đồng hồ. Yêu cầu HS làm việc nhóm 2  *+ Khoảng thời gian kim giờ đi từ một số nào đó đến số liền ngay sau đó là bao nhiêu giờ?*  *+ Khoảng thời gian kim phút đi từ một vạch đến vạch liền ngay sau đó là bao nhiêu phút?*  *+ một giờ bằng bao nhêu phút?*  *+ Khoảng thời gian kim giây đi từ một vạch nào đó đến vạch liền ngay sau đó là bao nhiêu giây?*  - Cho hs ước lượng thời gian đứng lên, ngồi xuống xem là bao nhiêu giây?- Đơn vị đo lớn hơn năm là thế kỉ.  1 thế kỉ = 100 năm.  - Gv giới thiệu về thế kỉ thứ nhất.  *+Năm 1975 thuộc thế kỉ nào?*  +Người ta dùng chữ số La Mã để ghi kí hiệu thế kỉ |
| **3. Hoạt động thực hành***:(18p)*  **\* Mục tiêu:** HS biết áp dụng đổi được các đơn vị đo thời gian.  **\* Cách tiến hành:** | |
| **Bài 1**:  Viết số thích hợp vào chỗ chấm.  - Cá nhân- Chia sẻ lớp  - Gv chốt lại đáp án  **Bài 2:**  - Hs đọc yêu cầu đề, làm việc nhóm 2 và chia sẻ trước lớp  *+ năm 1890 thuộc thế kỉ 19*    *+ năm 1911 thuộc thế kỉ 20*  *+ năm 1945 thuộc thế kỉ 20*  *+ năm 248 thuộc thế kỉ 3*  **Bài 3:**  - Cá nhân-Lớp  Đáp án:  Năm 1010 thuộc thế kỉ 11  Đến nay là 2007 - 1010 = 997 năm  Năm 938 thuộc thế kỉ 10  **4. HĐ ứng dụng (*1p)***  - Làm các bài tập liên quan trong sách Toán buổi 2  **5. HĐ sáng tạo *(1p)***  - Nêu VD chứng tỏ 1 giây là khoảng thời gian rất dài. | - Tổ chức cho hs nêu miệng kết quả.  (các ý không làm 7 phút =…giây; 9 thế kỉ=…năm ; 1/5 thế kỉ = ..năm )  *a/ Bác Hồ sinh năm 1890, Bác Hồ sinh vào thế kỉ nào?*  *b/ Bác Hồ ra đi tìm đường cứu nước năm 1911, Bác Hồ ra ....vào thế kỉ nào?*  *c/Bà Triệu lãnh đạo khởi nghĩa chống quân Đông Ngô năm 248. Năm đó thuộc thế kỉ nào ?*  - Gv chữa bài, nhận xét.  - GD lòng yêu kính BH, tự hào truyền thống dân tộc. |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

**TẬP LÀM VĂN**

**LUYỆN TẬP XÂY DỰNG CỐT TRUYỆN**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức**

- Dựa vào gợi ý về nhân vật và chủ đề (SGK), xây dựng được cốt truyện có yếu tố tưởng tượng gần gũi với lứa tuổi thiếu nhi

**2. Kĩ năng**

- KN xây dựng cốt truyện

- KN kể chuyện

**3. Phẩm chất**

- GD tính trung thực, lòng hiểu thảo với cha mẹ

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL tự học, Sử dụng ngôn ngữ

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Đồ dùng**

-GV: Bảng phụ ghi sẵn đầu bài và câu hỏi gợi ý, giấy khổ to và bút dạ.

- HS: Vở BT, sgk.

**2. Phương pháp, kĩ thuât**

- PP: Hỏi đáp, thảo luận nhóm, quan sát.

- KT: đặt câu hỏi, động não

**II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| **1. Khởi động *(5p)***  - 1 HS kể | - Kể lại câu chuyện Cây khế |
| **2. Khám phá***:(15p)*  **\* Mục tiêu:** HS biết tưởng tượng và tạo lập được một cốt truyện đơn giản theo gợi ý đã cho sẵn  **\* Cách tiến hành: Cá nhân-Lớp** | |
| **\* Nhận xét**  ***Đề bài: Hãy tưởng tượng và kể lại vắn tắt một câu chuyện có ba nhân vật: bà mẹ ốm, người con bằng tuổi em và một bà tiên.***  - 2 HS đọc đề bài  - HS lên bảng gạch chân các từ ngữ quan trọng  *-..lí do xảy ra câu chuyện, diễn biến câu chuyện, kết thúc câu chuyện*  - Lắng nghe  ***\* Lựa chọn chủ đề và xây dựng cốt chuyện***  - HS tự do phát biểu chủ đề mình lựa chọn.  1. Người mẹ ốm rất nặng / ốm liệt giường / ốm khó mà qua khỏi.  2.Người con thương mẹ, chăm sóc tận tuỵ bên mẹ ngày đêm.Người con dỗ mẹ ăn từng thìa cháu./ Người con đi xin thuốc lá về nấu cho mẹ uống /.  3. Người con phải vào tận rừng sâu tìm một loại thuốc quý /người con phải tìm một bà tiên già sống trên ngọn núi cao./Người con phải trèo đèo, lội suối tìm loại thuốc quý./ Người con phải cho thần Đêm Tối đôi mắt của mình./  4. Người con gởi mẹ cho hàng xóm rồi lặn lội vào rừng.Trong rừng người con gặp nhiều thú dữ nhưng chúng đều thương tình không ăn thịt./ Người con phải chịu gai cào, chân bị đá đâm chảy máu, bụng đói để trèo lên núi tìm bà tiên./ Người con đành chấp nhận cho thần Đen Tối đôi mắt của mình để lấy thuốc cứu mẹ …  5. Bà tiên cảm động trước tấm lòng hiếu thảo của người con và hiện ra giúp cậu./ Bà tiên hiền lành mở cửa đón cậu, cho thuốc quý rồi phẩy tay trong mắt cậu đã về đến nhà./ Bà tiên cảm động cho cậu bé thuốc và bắt thần Đêm Tối trả lại đôi mắt cho cậu /…  - 2 HS đọc thành tiếng  6. Nhà rất nghèo không có tiền mua thuốc./ Nhà cậu chẳng còn thứ gì đáng giá cả.Mà bà con hàng xóm cũng không thể giúp gì cậu?  7. Bà tiên biến thành cụ già đi đường, đánh rơi một túi tiền./ Bà tiên biến thành người đưa cô đi tìm loại thuốc quý tới một cái hang đầy tiền, vàng và xui cậu lấy tiền để sau này có cuộc sống sung sướng /..  8. Cậu thấy phía trước một bà cụ già khổ sở.Cậu đoán đó là tiền của cụ cũng dùng để sống và chữa bệnh. Nếu bị đói cụ cũng ốm như mẹ cậu.Cậu chạy theo và trả lại cho bà./ Cậu bé không lấy tiền mà chỉ xin cụ dẫn đường cho mình đến chỗ có loại thuốc quý. | *+ Muốn xây dựng cốt truyện cần chú ý đến điều gì?*  \* Khi xây dựng cốt truyện các em chỉ cần ghi vắn tắt các sự việc chính.Mỗi sự việc chỉ cần ghi lại một câu.  - GV yêu cầu HS chọn chủ đề.  - Gọi HS đọc gợi ý 1.  *1. Người mẹ ốm như thế nào?*    *2. Người con chăm sóc mẹ như thế nào?*    *3. Để chữa khỏi bệnh cho mẹ, người con gặp những khó khăn gì?*  *4. Người con đã quyết tâm như thế nào?*  - Gọi HS đọc gợi ý 2  *5. Bà tiên đã giúp hai mẹ con như thế nào?*  *6. Để chữa khỏi bệnh cho mẹ, người con gặp những khó khăn gì?*  *7. Bà tiên làm như thế nào để thử thách lòng trung thực của người con?*  *8. Cậu bé đã làm gì?* |
| **3. Thực hành***:(18p)*  **\* Mục tiêu:** HS bước đầu kể lại câu chuyện theo cốt truyện một cách hấp dẫn  **\* Cách tiến hành:** Hs kể chuyện theo cặp, thảo luận nhóm nêu ý nghĩa của truyện. | |
| - Kể trong nhóm: - Kể chuyện theo nhóm, 1 HS kể, các em khác lắng nghe, bổ sung, góp ý cho bạn  - Kể trước lớp: - HS thi kể trước lớp.  trung thực  - Nhận xét, đánh giá lời kể của bạn, bình chọn một bạn kể hay nhất, 1 bạn tưởng tượng ra cốt truyện hấp dẫn mới lạ.  **4. Hoạt động ứng dụng *(1p)***   * + Các nhân vật của truyện.   + Chủ đề của truyện   + Biết tưởng tượng ra diễn biến   của truyện sao cho hợp lí, tạo nên một cốt truyện có ý nghĩa  **5. HĐ sáng tạo *(1p)***  Tưởng tượng câu chuyện theo bối cảnh hiện tại: Người con nhặt được chiếc ví tiền của một người giàu có. | - Yêu cầu HS kể trong nhóm theo tình huống mình chọn dựa vào các câu hỏi gợi ý  GV phối hợp cùng TBHT điều hành  +Gọi HS tham gia thi kể.Gọi lần lượt 1 HS kể theo tình huống 1 và một HS kể theo tình huống 2.  + Gọi HS nhận xét, đánh giá lời kể của bạn  - Nhận xét, khen/động viên.  - Giáo dục HS lòng hiếu thảo và tính  Vài HS nhắc lại: Để xây dựng được một cốt truyện, cần hình dung được:  - Gọi HS nhắc lại cách xây dựng cốt truyện  - Dặn dò HS về nhà kể lại câu chuyện cho người thân nghe và |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................­

**ĐỊA LÍ (CT HIỆN HÀNH)**

**HoẠt đỘng sẢn xuẤt cỦa ngưỜi dân**

**Ở Hoàng Liên Sơn**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức**

- Nêu được một số hoạt động sản xuất chủ yếu của người dân ở Hoàng Liên Sơn:

+ Trồng trọt: trồng lúa, ngô, chè, trồng rau và cây ăn quả,… trên nương rẫy, ruộng bậc thang.

+ Làm các nghề thủ công: dệt, thêu, đan, rèn, đúc,…

+ Khai thác khoáng sản: a-pa-tít, đồng, chì, kẽm,...

+ Khai thác lâm sản: gỗ, mây, nứa,...

**2. Kĩ năng**

- Sử dụng tranh, ảnh để nhận biết một số hoạt động sản xuất của người dân: làm ruộng bậc thang, nghề thủ công truyền thống, khai thác khoáng sản.

- Nhận biết được khó khăn của giao thông miền núi: đường nhiều dốc cao, quanh co, thường bị sụt, lở vào mùa mưa.

\* HS năng khiếu: Xác lập được mối quan hệ giữa điều kiện tự nhiên và hoạt động sản xuất của con người: Do địa hình dốc, người dân phải xẻ sườn núi thành những bậc phẳng tạo nên ruộng bậc thang; miền núi có nhiều khoáng sản nên ở Hoàng Liên Sơn phát triển nghề khai thác khoáng sản.

**3. Phẩm chất**

- Biết trân quý người dân trên mọi miền Tổ quốc

**4. Góp phần phát triển các năng lực:**

- NL tự chủ, NL giải quyết vấn đề, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ

***\*BVMT:***

*- Sự thích nghi và cải tạo môi trường của con người ở miền núi và trung du*

*+Làm nhà sàn để tránh ẩm thấp và thú dữ*

*+Trồng trọt trên đất dốc*

*+Khai thác khoáng sản, rừng, sức nước*

*+Trồng cây công nghiệp trên đất ba dan*

*-Một số đặc điểm chính của môi trường và TNTN và việc khai thác TNTN ở miền núi và trung du (rừng, khoáng sản, đất đỏ ba dan, sức nước..)*

***\*TKNL:***

*- Miền núi phía Bắc có nhiều khoáng sản, trong đó có nguồn năng lượng: than; có nhiều sông, suối với cường độ chảy mạnh có thể phát sinh năng lượng phục vụ cuộc sống.*

*- Vùng núi có nhiều rừng cây, đây là nguồn năng lượng quan trọng để người dân sử dụng trong việc đun, nấu và sưởi ấm. Đây cũng là khu vực có một diện tích rừng khá lớn. Cuộc sống của người dân ở đây gắn liền với việc khai thác rừng (gỗ, củi...).*

*- Giúp học sinh thấy được tầm quan trọng của các loại tài nguyên nói trên, từ đó giáo dục ý thức sử dụng tiết kiệm, hiệu quả các nguồn tài nguyên đó.*

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Đồ dùng**

-GV:- Bản đồ Địa lí tự nhiên Việt Nam.

- Tranh, ảnh một số mặt hàng thủ công ,khai thác khoáng sản … (nếu có).

- HS: Vở, sách GK,...

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm.

- KT: đặt câu hỏi, trình bày một phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm 2

I**II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| **1.Khởi động:***(5p)*    - HS trả lời.  - HS đánh giá, nhận xét. | - Nêu tên một số dân tộc ít người ở HLS?  - Trang phục, lễ hội, chợ phiên của họ có đặc điểm gì?  - GV chốt ý và giới thiệu bài |
| **2. Bài mới:***(30p)*  **\* Mục tiêu:** Nêu được một số hoạt động sản xuất chủ yếu của người dân ở Hoàng Liên Sơn. Nhận biết được khó khăn của giao thông miền núi  **\* Cách tiến hành** | |
| **Hoạt động 1.Trồng trọt trên đất dốc:** - HS làm việc nhóm 2 và chia sẻ trước lớp:  *+ Trồng ngô, khoai, sắn, ...ở trên nương.*  *+ HS lên chỉ trên bản đồ.*  *+ Ở các sườn núi.*  *+ Giúp cho việc giữ nước, chống xói mòn.*  *+ Ruộng bậc thang thường được trồng lúa, ngô, chè và được trồng ở sườn núi.*  **Hoạt động 2: Nghề thủ công truyền thống:**  - HS dựa vào tranh , ảnh để thảo luận nhóm 4  - HS đại diện nhóm trình bày kết quả trước lớp. HS nhóm khác nhận xét, bổ sung.  *+ Hàng dệt, may, thêu, đan lát,rèn, đúc.*.    *+ Màu sắc sặc sỡ, bền đẹp, có hoa văn độc đáo.*  **Hoạt dộng 3: .Khai thác khoáng sản:**  - Cá nhân tìm hiểu và chia sẻ trước lớp  - HS cả lớp quan sát hình 3 và đọc mục 3 ở SGK rồi trả lời:  *+ A- pa- tít , đồng , chì , kẽm …*    *+A- pa- tít.*  *+ Quặng a- pa- tít được khai thác ở mỏ, sau đó được làm giàu quặng (loại bỏ bớt đất đá tạp chất).Quặng được làm giàu đạt tiêu chuẩn sẽ được đưa vào nhà máy để sản xuất ra phân lân phục vụ nông nghiệp.*  *+ Vì khoáng sản được dùng làm nguyên liệu cho nhiều ngành công nghiệp.*  *+ Gỗ, mây, nứa…và các lâm sản quý khác.*  ***\* KL và tổng kết HĐ***  **3. Hoạt động ứng dụng *(2p)***  -HS theo dõi, nêu tầm quan trọng của các loại tài nguyên, từ đó có ý thức sử dụng tiết kiệm, hiệu quả các nguồn tài nguyên đó.  **\*Tích hợp Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả:**  **4. Hoạt động sáng tạo** *(1p)*  - Sưu tầm tranh, ảnh về ruộng bậc thang và các HĐSX của người dân HLS | - Yêu cầu HS làm việc nhóm 2 vào phiếu học tập  *+ Người dân ở Hoàng Liên Sơn thường trồng những cây gì? Ở đâu?*  *+ Tìm hiểu vị trí của địa điểm ghi ở hình 1 trên bản đồ Địa lí tự nhiên Việt Nam.*  *\* HS quan sát hình 1*  *+ Ruộng bậc thang thường được làm ở đâu?*  *+ Tại sao phải làm ruộng bậc thang?*  *+ Người dân Hoàng Liên Sơn trồng gì trên ruộng bậc thang?*  - GV nhận xét, kết luận.  \* GV cho HS dựa vào tranh,ảnh, vốn hiểu biết để thảo luận trong nhóm theo các gợi ý sau:  *+ Kể tên một số sản phẩm thủ công nổi tiếng của một số dân tộc ở vùng núi Hoàng Liên Sơn.*  *+ Nhận xét về màu sắc của hàng thổ cẩm.*  - GV nhận xét và kết luận.  - GV cho HS quan sát hình 3 và đọc SGK mục 3 để trả lời các câu hỏi sau:  *+ Kể tên một số khoáng sản có ở Hoàng Liên Sơn.*  *+ Ở vùng núi Hoàng Liên Sơn , hiện nay khoáng sản nào được khai thác nhiều nhất?*  *+ Mô tả quá trình sản xuất ra phân lân.*  *+ Tại sao chúng ta phải bảo vệ, giữ gìn và khai thác khoáng sản hợp lí?*  *+ Ngoài khai thác khoáng sản, người dân miền núi còn khai thác gì?*  - Miền núi phía bắc có nhiều khoáng sản, trong đó có nguồn năng lượng: than; có nhiều sông, suối với cường độ chảy mạnh có thể phát sinh năng lượng phục vụ đời sống.  - Vùng núi có nhiều rừng cây, đây là nguồn năng lượng quan trọng để người dân sử dụng trong việc đun, nấu và sưởi ấm.  -Đây cũng là khu vực có một diện tích rưng khá lớn. Cuộc sống của ngươi dân ở đây gắn liền với việc khai thác rừng (gỗ, củi..) |

**ĐIỀU CHỈNH-BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**SINH HOẠT**

**ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC TUẦN 4**

**I. MỤC TIÊU:**

- Nắm đ­­ược ưu - khuyết điểm trong tuần.

- Phát huy ­­ưu điểm, khắc phục nh­­ược điểm.

- Biết đ­­ược phư­ơng h­­ướng tuần tới.

- GD HS có tinh thần đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau.

- Thực hiện an toàn giao thông khi đi ra đư­­ờng.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- GV: Nắm được ưu – khuyết điểm của HS trong tuần

- HS: Chủ tịch Hội đồng tự quản và các Trưởng ban ĐỒ DÙNG DẠY HỌC ND báo cáo.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG CHÍNH:**

***1. Lớp hát tập thể:***

- Bài hát: Lớp chúng ta đoàn kết

***2. Lớp báo cáo hoạt động trong tuần:***

- 4 Trưởng ban lên nhận xét các thành viên trong tổ và xếp loai từng thành viên.

- Tổ viên các tổ đóng góp ý kiến.

- Chủ tịch HĐTQ lên nhận xét chung các ban.

- GV nhận xét chung:

+ Nề nếp:

.................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

+ Học tập:

.................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

***3. Ph­ương h­­ướng tuần sau:***

- Tiếp tục thi đua: Học tập tốt, thực hiện tốt nề nếp, vâng lời thầy cô, nói lời hay làm việc tốt.

.................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

***4. Lớp văn nghệ - múa hát tập thể.***

**TUẦN 5** *Thứ ....... ngày ...... tháng ..... năm .........*

**TẬP ĐỌC**

**NHỮNG HẠT THÓC GIỐNG**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Hiểu được nghĩa một số từ ngữ khó trong bài: bệ hạ, sững sờ, dõng dạc, hiền minh,...

- Hiểu ND bài: Ca ngợi chú bé Chôm trung thực, dũng cảm, dám nói lên sự thật (trả lời được các câu hỏi 1,2, 3)

\* HS năng khiếu trả lời được CH4 (SGK ) .

**2. Kĩ năng**

- Đọc rành mạch, trôi chảy biết đọc phân biệt lời các nhân vật, bước đầu đọc diễn cảm được một đoạn trong bài.

**3. Thái độ**

- Giáo dục HS đức tính trung thực, dũng cảm trong học tập và cuộc sống

**4. Góp phần phát triển năng lực**

**-** Năng lực tự học, NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ.

*\** ***GDKNS****: Xác định giá trị ; Nhận thức về bản thân; Tư duy phê phán .*

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Tranh minh họa SGK, bảng phụ ghi đoạn cần luyện đọc.

- HS: SGK, vở,..

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- Phương pháp: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm, đóng vai

- Kĩ thuật: Kĩ thuật đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - 2 HS đọc  - HS nêu những hình ảnh mình thích trong bài.  - HS lắng nghe | **1. Khởi động:** *(3p)*  **-** Yêu cầuHS đọc bài thơ Tre Việt Nam  - GV dẫn vào bài |
| **2. Luyện đọc:** *(8-10p)*  **\* Mục tiêu:** HS biết nhận diện đoạn văn, đọc đúng, đọc rành mạch, trôi chảy và giải nghĩa được một số từ ngữ.  \* **Cách tiến hành:** | |
| - 1 HS đọc bài, cả lớp đọc thầm  - Lớp trưởng điều hành cách chia đoạn  - Bài chia làm 4 đoạn:  +Đoạn 1:Ngày xưa.....bị trừng phạt.  +Đoạn 1:Có chú bé......nảy mầm được.  +Đoạn 1:Moi người.....của ta.  +Đoạn 4: Rồi vua dõng dạc.....hiền minh  - Nhóm trưởng điều hành nhóm đọc nối tiếp đoạn trong nhóm lần 1 và phát hiện các từ ngữ khó (*gieo trồng, nảy mầm, luộc kĩ , dõng dạc, lo lắng, sững sờ)*  - Luyện đọc từ khó: Đọc mẫu (M4)-> Cá nhân (M1)-> Lớp  - Giải nghĩa từ khó (đọc phần chú giải)  - HS đọc nối tiếp đoạn lần 2 theo điều khiển của nhóm trưởng  - Các nhóm báo cáo kết quả đọc  - 1 HS đọc cả bài (M4) | - Gọi 1 HS đọc bài (M3)  - GV lưu ý giọng đọc cho HS: giọng kể chậm rãi, chú ý phân biệt lời của nhà vua và lời của chú bé Chôm  - GV chốt vị trí các đoạn:  - Lưu ý sửa lỗi đọc và ngắt nghỉ cho các HS (M1) |
| **3.Tìm hiểu bài:** *(8-10p)*  **\* Mục tiêu:** HS hiểu được nội dung bài học, nêu được nội dung đoạn, bài.  **\* Cách tiến hành: *Làm việc cá nhân – Chia sẻ cặp đôi – Chia sẻ trước lớp*** | |
| - 1 HS 4 câu hỏi cuối bài:  - Nhóm trưởng điều hành nhóm mình thảo luận để trả lời câu hỏi *(5p)*  *+Nhà vua muốn chọn người trung thực để truyền ngôi*  *+Vua phát cho mỗi người một thúng thóc đã luộc kỹ về gieo trồng và hẹn: Ai thu được nhiều thóc nhất thì được truyền ngôi.*  **1. Nhà vua chọn người trung thực để nối ngôi**  *+ Mọi người nô nức chở thóc về kinh thành nộp cho vua. Chôm không có thóc, em lo lắng đến trước vua nhận tội.*  *+Chôm dũng cảm dám nói sự thật, không sợ bị trừng phạt.*  *+ Cậu được vua nhường ngôi báu và trở thành ông vua hiền minh.*  *+Vì người trung thực bao giờ cũng nói thật, không vì lợi ích của riêng mình mà nói dối làm hại việc chung.*  **2. Cậu bé Chôm là người trung thực dám nói lên sự thật.**  ***\* Câu chuyện ca ngợi cậu bé Chôm trung thực, dũng cảm nói lên sự thật và cậu được hưởng hạnh phúc.***  - HS ghi vào vở – nhắc lại ý nghĩa | - GV hỗ trợ TBHT lên điều hành lớp chia sẻ kết quả trước lớp:  *+ Nhà vua chọn người như thế nào để truyền ngôi*  *+ Nhà vua làm cách nào để tìm dược người trung thực?*  *+ Nội dung của đoạn 1 là gì?*  *+ Đến kỳ nộp thóc cho vua, chuyện gì đã xảy ra?*  *+ Hành động của chú bé Chôm có gì khác mọi người?*  *+ Cậu bé Chôm được hưởng những gì do tính thật thà, dũng cảm của mình?*  *+ Theo em vì sao người trung thực lại đáng quý?*  *+ Đoạn 2,3,4 nói lên điều gì?*  *+ Câu chuyện có ý nghĩa như thế nào?*  **GDKNS:** Chúng ta phải có đức tính trung thực và dũng cảm trong học tập và trong cuộc sống. Đó là đức tính tốt, giúp chúng ta tiến bộ |
| **3. Luyện đọc diễn cảm:** *(8-10p)*  **\* Mục tiêu: HS** biết đọc diến cảm và đọc phân vai bài TĐ.  **\* Cách tiến hành: Hoạt động cá nhân – nhóm - cả lớp** | |
| - Giọng thong thả, rõ ràng. Lời của vua dõng dạc, dứt khoát; lời của cậu bé lo lắng,...  - 1 HS M4 đọc mẫu toàn bài  - Nhóm trưởng điều khiển nhóm đọc phân vai từ "Chôm lo lắng....đến hết"  + Phân vai trong nhóm  + Luyện đọc phân vai trong nhóm.  - Thi đọc phân vai trước lớp  - Lớp nhận xét, bình chọn.  - HS nêu suy nghĩ của mình  - Nêu 1 tấm gương về tính trung thực và sự dũng cảm mà em biết. | + Yêu cầu HS nêu giọng đọc toàn bài.  - GV nhận xét chung  **5. Hoạt động ứng dụng** *(1 phút)*  - Qua bài đọc giúp các em hiểu điều gì?  **6. Hoạt động sáng tạo** *(1 phút)* |

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TOÁN**

***Tiết 21:* LUYỆN TẬP**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Biết số ngày của từng tháng trong năm, của năm nhuận và năm không nhuận

- Củng cố MQH giữa các đơn vị đo thời gian

**2. Kĩ năng**

- Chuyển đổi được đơn vị đo ngày, giờ, phút, giây .

- Xác định được một năm cho trước thuộc thế kỉ nào .

**3. Thái độ**

- HS có thái độ học tập tích cực, cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác.

**4. Góp phần phát triển năng lực:**

**-** Năng lực tự học, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL tư duy - lập luận logic.

\*Bài tập cần làm: BT 1; 2; 3

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Nội dung bảng bài tập 1, kẻ sẵn trên bảng phụ, nếu có thể.

- HS: Vở BT, SGK,

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- Phương pháp vấn đáp, động não, quan sát, thực hành, trò chơi học tập, đặt và giải quyết vấn đề, hoạt động nhóm.

- Kĩ thuật đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC;**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBVN điều hành lớp khởi động bằng bài hát vui nhộn tại chỗ | **1. Khởi động:** *(5p)*  - GV giới thiệu vào bài |
| **2. Hoạt động thực hành***:(30p)*  **\* Mục tiêu:-** Biết số ngày của từng tháng trong năm, của năm nhuận và năm không nhuận  - Chuyển đổi được đơn vị đo ngày, giờ, phút, giây .  - Xác định được một năm cho trước thuộc thế kỉ nào  **\* Cách tiến hành: Cá nhân – Nhóm- Lớp** | |
| - HS làm việc nhóm 2 và chia sẻ trước lớp  *+ Tháng 4; 6;9; 11.*  *+ Tháng 1; 3; 5; 7; 8; 10; 12.*  *+Tháng 2 có 28 ngày hoặc 29 ngày.*  *+ 366 ngày*  *+ 365 ngày*  - HS nghe  - HS tham gia chơi. HS đọc yêu cầu và chỉ định bạn bất kì trả lời. Trò chơi kết thúc khi hết bài tập.  Đáp án:  3 ngày = 72 giờ phút = 30 giây  4 giờ = 240 phút ; 3 giờ 10 phút = 190 phút  8 phút = 480 giây ; 2 phút 5 giây = 125 giây  ngày = 8 giờ ; 4 phút 20 giây= 260 giây  giờ = 15 phút  *+ 1 ngày = 24 giờ nênngày = 24x*  *= 8 giờ*  - HS làm cá nhân vào vở- Chia sẻ trước lớp  Đáp án:  a)Vua Quang Trung đại phá quân Thanh năm 1789. Năm đó thuộc thế kỉ thứ XVIII.  -Thực hiện phép trừ, lấy số năm hiện nay trừ đi năm vua Quang Trung đại phá quân Thanh. Ví dụ: 2006 – 1789 = 217 (năm)  b) Nguyễn Trãi sinh năm:  1980 – 600 = 1380.  Năm đó thuộc thế kỉ XIV.  - HS làm bài vào vở Tự học:  ***Bài 4***: Đổi phút = 15 phút  phút = 12 phút  15 phút > 12 phút. Vậy Bình chạy nhanh hơn. Và nhanh hơn số giây là:  15 – 13 = 2 (phút)  Đáp số: 2 phút  ***Bài 5***: a) Khoanh vào B  B) Khoanh vào C  - Ghi nhớ KT của bài  - Tìm lời giải khác cho BT4 | **Bài 1: Nhóm 2-Lớp**  - TBHT điều hành hoạt động báo cáo:  *+ Những tháng nào có 30 ngày ?*  *+ Những tháng nào có 31 ngày ?*  *+ Những tháng có bao 28 / 29 ngày ?*  *+ Năm nhuận có bao nhiêu ngày?*  *+Năm không nhuận có bao nhiêu ngày?*  - GV nhắc lại quy tắc nắm tay để HS xác định số ngày trong tháng.  -***GV: Những năm mà tháng 2 có 28 ngày gọi là năm thường. Một năm thường có 365 ngày. Những năm, tháng 2 có 29 ngày gọi là năm nhuận. Một năm nhuận có 366 ngày. Cứ 4 năm thì có một năm nhuận. Ví dụ năm 2000 là năm nhuận thì đến năm 2004 là năm nhuận, năm 2008 là năm nhuận …***  **Bài 2:** Viết số thích hợp vào chỗ chấm  - GV tổ chức trò chơi: Truyền điện  *- GV hỏi để chốt kiến thức:*  *+ Đổi ngày = ....giờ như thế nào?*  **Bài 3: Cá nhân-Lớp**  - GV nhận xét, đánh giá 5-7 bài  - Chốt lại cách làm các bài toán tương tự.  **Bài 4 + Bài 5** ***(Bài tập chờ dành cho HS hoàn thành sớm)***  **-**  - GV chốt lại cách tìm một phần mấy của 1 số, cách xem đồng hồ, cách đổi số đo khối lượng từ 2 đơn vị về 1 đơn vị  **4. Hoạt động ứng dụng *(1p)***  **5. Hoạt động sáng tạo *(1p)*** |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**KHOA HỌC ( CT HIỆN HÀNH)**

**SỬ DỤNG HỢP LÍ CÁC CHẤT BÉO VÀ MUỐI ĂN**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Hiểu được cần ăn phối hợp chất béo có nguồn gốc động vật và chất béo có nguồn gốc thực vật để có đầy đủ chất dinh dưỡng

- Nêu ích lợi của muối i-ốt (giúp cơ thể phát triển về thể lực và trí tuệ), tác hại của thói quen ăn mặn (dễ gây huyết áp cao).

**2. Kĩ năng**

- Kĩ năng xác định chất béo có nguồn gốc thực vật và động vật

- Kĩ năng lựa chọn chất sử dụng hợp lí chất béo và muối ăn

**3. Thái độ**

- Có ý thức ăn uống hợp lí, đảm bảo sức khoẻ.

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, hợp tác.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV:- Các hình minh hoạ ở trang 20, 21 / SGK (phóng to nếu có điều kiện).

- Bảng nhóm.

- HS: chuẩn bị bút vẽ, bút màu.

**2.Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: quan sát, hỏi đáp, thảo luận, trò chơi học tập

- KT: Động não, chia sẻ nhóm đôi, tia chớp

**II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt đông của của học sinh** | **Hoạt đông của giáo viên** |
| - HS thi theo tổ dưới sự điều hành của TBHT  *+ Vì trong cá có chất đạm dễ tiêu.* | **1, Khởi động *(4p)***  - Thi kể tên các thức ăn chứa đạm động vật và đạm thực vật  *+ Tại sao ta nên ăn nhiều cá?*  -GV nhận xét, khen/ động viên, dẫn vào bài mới. |
| **3.Bài mới:***(30p)*  **\* Mục tiêu:-**  Hiểu được cần ăn phối hợp chất béo có nguồn gốc động vật và chất béo có nguồn gốc thực vật để có đầy đủ chất dinh dưỡng  - Nêu ích lợi của muối i-ốt, tác hại của thói quen ăn mặn  - Xác định được các thức ăn có nhiều chất béo và phân loại được.  **\* Cách tiến hành: Cá nhân-Nhóm –Lớp** | |
| **1. Những thức ăn có nhiều chất béo:**  -Thực hiện theo hướng dẫn của GV.  **Đáp án:** Tất cả các món rán, các món luộc hay nấu bằng thịt mỡ, các món muối vừng, hoặc lạc  -5 đến 6 HS trả lời.  2**.Tại sao cần ăn phối hợp 2 loại chất béo?**  - Thảo luận nhóm 2 và chia sẻ trước lớp  *+ Thịt lợn rán, thịt gà rán,…*  + *Vì trong chất béo động vật có chứa a-xít béo no, khó tiêu, trong chất béo thực vật có chứa nhiều a-xít béo không no, …*  -2 HS đọc to mục Bạn cần biết?  **3. Lợi ích của muối i-ốt, tác hại của thói quen ăn mặn:**  -HS trình bày những tranh ảnh đã sưu tầm.  -HS thảo luận cặp đôi- Chia sẻ trước lớp  *+ Muối i-ốt dùng để nấu ăn hằng ngày.*  *+ Ăn muối i-ốt để tránh bệnh bướu cổ.*  *+ Ăn muối i-ốt để phát triển cả về thị lực và trí lực......*  *+ Ăn mặn rất khát nước.*  *+ Ăn mặn sẽ bị áp huyết cao.....*  - HS ăn uống hợp lý, không nên ăn mặn và cần ăn muối i-ốt.  - Tìm hiểu về quy trình chế biến dầu thực vật | **HĐ1: Trò chơi kể tên các thức ăn có nhiều chất béo:**  \* Bước 1: Tổ chức:  -Chia lớp thành 2 đội. Mỗi đội cử 1 trọng tài giám sát đội bạn.  \* Bước 2: Cách chơi và luật chơi:  -Thành viên trong mỗi đội nối tiếp nhau lên bảng ghi tên các món ăn (các món ăn rán bằng dầu hoặc mỡ). Lưu ý mỗi HS chỉ viết tên 1 món ăn.  \* Bước 3: Thực hiện:  - Hai đội chơi như đã hướng dẫn.  -GV cùng các trọng tài theo dõi và tổng kết đếm số món các mà 2 đội kể được, công bố kết quả.  *+ Gia đình em thường chiên xào bằng dầu thực vật hay mỡ động vật?*  **HĐ2: Ăn phối hợp chất béo có nguồn gốc động vật và chất béo có nguồn gốc thực vật:**  -Yêu cầu HS quan sát hình minh hoạ ở trang 20 / SGK và đọc kỹ các món ăn trên bảng mà các em vừa tìm qua trò chơi để trả lời.  *+ Những món ăn nào vừa chứa chất béo động vật, vừa chứa chất béo thực vật?*  *+ Tại sao cần ăn phối hợp chất béo động vật, với chứa chất béo thực vật?*    ***\* GV: Trong chất béo động vật như mỡ, bơ có chứa nhiều a-xít béo no. Trong chất béo thực vật như dầu vừng, dầu lạc, đậu tương có nhiều a-xít béo không no. Vì vậy sử dụng cả mỡ và dầu ăn để khẩu phần ăn có đủ loại a-xít. Ngoài thịt mỡ, trong óc và phủ tạng động vật có chứa nhiều chất làm tăng huyết áp và các bệnh về tim mạch nên cần hạn chế ăn những thức ăn này.***  **HĐ3: Tại sao nên sử dụng muối i-ốt và không nên ăn mặn?**  - Bước 1: GV yêu cầu HS giới thiệu những tranh ảnh về ích lợi của việc dùng muối i-ốt đã yêu cầu sưu tầm từ tiết trước.  -GV yêu cầu các em quan sát hình minh hoạ và thảo luận theo cặp trả lời câu hỏi: *+ Muối i-ốt có lợi ích gì cho con người?*  - Nhận xét, chốt kiến thức.  *+ Muối i-ốt rất quan trọng nhưng nếu ăn mặn thì có tác hại gì?*  ***\*GV: Chúng ta cần hạn chế ăn mặn để tránh bị bệnh áp huyết cao.***  **3. Hoạt động ứng dụng (*1p)***  - Tại sao cần ăn phối hợp chất béo động vật, với chứa chất béo thực vật?  **4. HĐ sáng tạo *(1p)*** |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

:..............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

*Thứ ....... ngày ...... tháng ..... năm .........*

**CHÍNH TẢ**

**NHỮNG HẠT THÓC GIỐNG**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức:**

- Nghe - viết đúng đúng và trình bày đúng bài chính tả sạch sẽ, biết trình bày đoạn văn có lời nhân vật; không mắc quá năm lỗi trong bài.

- Hiểu nội dung đoạn cần viết

- Làm đúng bài tập chính tả phân biệt l/n và giải được câu đố về con vật chứa tiếng bắt đầu bằng l/n

**2. Kĩ năng:**

**-** Rèn kỹ năng viết đẹp và đúng, viết đúng chính tả.

**3. Thái độ:**

**-** Giáo dục tính cẩn thận, chính xác, yêu thích chữ viết

- Tính trung thực trong học tập qua bài tập chính tả 2a

**4. Góp phần phát triển năng lực:**

**-** NL tự chủ và tự học, NL sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Giấy khổ to+ bút dạ. Bài tập 2a viết sẵn. Bảng nhóm cho hs làm bài tập.

- HS: Vở, bút,...

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- Phương pháp vấn đáp, động não, quan sát, thực hành, đặt và giải quyết vấn đề, hoạt động nhóm, trò chơi học tập.

- Kĩ thuật đặt câu hỏi, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | | **Hoạt động của giáo viên** |
| - HS cùng hát kết hợp với vận động. | | **1. Khởi động:** *(2p)*  **\* Cách tiến hành:** Cả lớp cùng đứng dậy vừa hát kết hợp với vận động bài hát Một sợi rơm vàng  - GV dẫn vào bài |
| **2. Chuẩn bị viết chính tả:** *(6p)*  **\* Mục tiêu:** HS hiểu được nội dung bài CT, viết được các từ khó, dễ lẫn và các hiện tượng chính tả, biết cách trình bày đoạn văn.  **\* Cách tiến hành: Cá nhân- Nhóm – Lớp** | | |
| - 1 học sinh đọc.  - HS thảo luận (2p) và báo cáo trước lớp  *+ Nhà vua chọn người trung thực để nối ngôi.*  *+ Vì người trung thực dám nói lên sự thực...*  + *đầy ắp, trung thực, truyền ngôi, ôn tồn.*  *+ Đầu đoạn viết hoa, lùi 1 ô.*  - Hs viết bảng con từ khó.  - HS đọc từ viết khó  - 1 hs đọc lại bài viết. Cả lớp đọc 1 lần | | a. Trao đổi về nội dung đoạn cần viết  - Gọi HS đọc đoan cần viết  - Yêu cầu thảo luận nhóm 2:  *+Nhà vua chọn người ntn để nối ngôi?*  *+Vì sao người trung thực là người đáng quý?*  *+ Từ nào mà các em thường hay viết sai?*  *+ Khi trình bày đoạn văn cần lưu ý gì* |
| **3. Viết bài chính tả:** *(20p)*  **\* Mục tiêu:** Hs viết tốt đoạn chính tả do GV đọc. Trình bày sạch, đẹp, đúng hình thức đoạn văn  **\* Cách tiến hành:** | | |
| - HS viết bài vào vở | | - GV đọc bài  - GV giúp đỡ các HS M1, M2  - Lưu ý tư thế ngồi, cách để vở. |
| **4. Đánh giá và nhận xét bài:** *(5p)*  **\* Mục tiêu:** Giúp HS tự đánh giá được bài viết của mình và của bạn. Nhận ra các lỗi sai và sửa sai  **\* Cách tiến hành: Cá nhân- Cặp đôi** | | |
| - Học sinh xem lại bài của mình, dùng bút chì gạch chân lỗi viết sai. Sửa lại xuống cuối vở bằng bút mực  - Trao đổi bài (cặp đôi) để soát hộ nhau  - Lắng nghe. | - Cho học sinh tự soát lại bài của mình theo.  - GV nhận xét, đánh giá 5 - 7 bài  - Nhận xét nhanh về bài viết của HS | |
| **5. Làm bài tập chính tả:** *(5p)*  **\* Mục tiêu:** Giúp HS phân biệt được "l/n  **\* Cách tiến hành: Cá nhân-Cặp đôi- Chia sẻ trước lớp** | | |
| - Làm bài cá nhân – Chia sẻ cặp đôi – Lớp  Đáp án : **lời**  giải – **nộp** bài –lần **này** , có thể **làm**, lâu **nay**, **lòng** thanh thản, **làm** bài  - 1 hs đọc to đoạn văn đã điền hoàn chỉnh.  - Nhận xét về tính trung thực của nhân vật Hưng trong đoạn văn  - HS giải đố cá nhân- Chia sẻ trước lớp  Đáp án: nòng nọc.  - Viết 5 tiếng, từ chứa l/n  - Tìm các câu đố nói về loài hoa hoặc một số đồ vật khác có chứa âm l/n | **Bài 2a:** Điền vào chỗ trống r / d / gi .  -  Gọi hs đọc câu văn đã điền hoàn chỉnh.  - Chữa bài, nhận xét.  **Bài 3a**  **6. Hoạt động ứng dụng** *(1p)*  **7. Hoạt động sáng tạo** *(1p)* | |

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TOÁN**

***Tiết 22:* TÌM SỐ TRUNG BÌNH CỘNG**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Bước đầu hiểu thế nào là trung bình cộng của nhiều số .

**2. Kĩ năng**

- Biết tìm số trung bình cộng của 2, 3, 4 số.

- Vận dụng giải được các bài toán liên quan

**3. Thái độ**

- Tích cực, tự giác học bài.

**4. Góp phần phát huy các năng lực**

**-** Năng lực tự học, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL tư duy - lập luận logic.

\* BT cần làm: BT 1 (a, b, c); bài 2

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Hình vẽ và đề bài toán a, b phần bài học SGK viết sẵn trên bảng phụ hoặc băng giấy.

-HS: VBT, bảng con.

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Hỏi đáp, quan sát, trò chơi học tập

- Kĩ thuật: đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của HS** | | **Hoạt động của GV** |
| **-** Chơi trò chơi Chuyền điện | | **1. Khởi động *(5p)***  - Tổ chức trò chơi củng cố cách chuyển đổi các số đo thời gian  - TK trò chơi- Dẫn vào bài |
| **2. Hình thành kiến thức mới***:(15p)*  **\* Mục tiêu:**HS bước đầu nhận biết được số trung bình cộng của nhiều số.  \* **Cách tiến hành**:  **a.Giới thiệu số trung bình cộng và cách tìm số trung bình cộng:** | | |
| - HS đọc- Trả lời cá nhân  *+ Có tất cả 4 + 6 = 10 lít dầu.*  *+ Mỗi can có 10 : 2 = 5 lít dầu*.  -1 HS lên bảng làm bài, HS cả lớp làm bài vào nháp.  -HS nghe giảng.  *+Trung bình mỗi can có 5 lít dầu.*  *+ Số trung bình cộng của 4 và 6 là 5.*  **- HS suy nghĩ, thảo luận nhóm 2 với nhau để tìm theo yêu cầu.**  *+Tính tổng số dầu trong cả hai can dầu.*  *+Thực hiện phép chia tổng số dầu cho 2 can.*  *+ Có 2 số hạng.*  - HS rút ra quy tắc:  \* ***Muốn tìm số TBC của nhiều số, ta tính tổng các số đó, rồi chia tổng đó cho các số hạng.***  -HS đọc đề bài- Hỏi đáp nhóm đôi về bài toán  + Bài toán cho ta biết những gì ?  +Bài toán hỏi gì ?  +Em hiểu câu hỏi của bài toán như thế nào ?  - HS lên bảng, lớp làm bài cá nhân vào nháp- Chi sẻ nhóm 2  Giải:  Tổng số HS của 3 lớp là:  25+ 27+ 32 = 84 (HS)  Trung bình mỗi lớp có:  84: 3 = 28 (HS)  Đáp số: 28 HS  *+Là 28.*  *+Ta tính tổng của ba số rồi lấy tổng vừa tìm được chia cho 3.*  *+Trung bình cộng là (32 + 48 + 64 + 72) : 4 = 54.* | **a. Bài toán 1: Giới thiệu số TBC**  - GV yêu cầu HS đọc đề toán.  *+ Có tất cả bao nhiêu lít dầu ?*  *+ Nếu rót đều số dầu ấy vào 2 can thì mỗi can có bao nhiêu lít dầu ?*  - GV yêu cầu HS trình bày lời giải bài toán.  ***- GV: Can thứ nhất có 6 lít dầu, can thứ hai có 4 lít dầu. Nếu rót đều số dầu này vào hai can thì mỗi can có 5 lít dầu, ta nói trung bình mỗi can có 5 lít dầu. Số 5 được gọi là số trung bình cộng của hai số 4 và 6.***  *+ Can thứ nhất có 6 lít dầu, can thứ hai có 4 lít dầu, vậy trung bình mỗi can có mấy lít dầu ?*  *+ Số TBC của 6 và 4 là mấy?*  *+ Dựa vào cách giải thích của bài toán trên bạn nào có thể nêu cách tìm số trung bình cộng của 6 và 4 ?*  - Câu hỏi gợi ý của GV:  *+Bước thứ nhất trong bài toán trên, chúng ta tính gì ?*  *+Để tính số lít dầu rót đều vào mỗi can, chúng ta làm gì ?*  *+Như vậy, để tìm số dầu trung bình trong mỗi can chúng ta đã lấy tổng số dầu chia cho số can.*  *+Tổng 6 + 4 có mấy số hạng ?*  *+Để tìm số trung bình cộng của hai số 6 và 4 chúng ta tính tổng của hai số rồi lấy tổng chia cho 2, 2 chính là số các số hạng của tổng 4 + 6.*  \* **Quy tắc;**    **b. Bài toán 2: Vận dụng**      -GV nhận xét bài làm của HS và hỏi:  *+ Ba số 25, 27, 32 có trung bình cộng là bao nhiêu ?*  *+Muốn tìm số trung bình cộng của ba số 25,27, 32 ta làm thế nào ?*  *+ Hãy tính trung bình cộng của các số 32, 48, 64, 72.*  - GV yêu cầu HS tìm số trung bình cộng của một vài trường hợp khác với những HS M3, M4 | |
| **2. Hoạt động thực hành (30p)**  **\* Mục tiêu**: HS biết cách tính trung bình cộng của nhiều số và vận dụng giải các BT liên quan  **\* Cách tiến hành** | | |
| **Cá nhân-Lớp**  - HS làm bài cá nhân vào nháp và chia sẻ trước lớp  a. (42+52):2= 46  b. (36+42+57) : 3 = 45  c. (34+ 43+ 52+ 39): 4 = 42  - HS nhắc lại cách tìm số TBC của nhiều số  **Cá nhân- Nhóm- Lớp**  - Học sinh đọc yêu cầu đề  *+Số cân nặng của 4 bạn Mai, Hoa, Hưng, Thinh.*  *+Số cân nặng trung bình của mỗi bạn.*  - HS lớp làm vào VBT- Chia sẻ nhóm 2  - 1 HS lên bảng  Bài giải :  Cả bốn em cân nặng là :  36+38+40+34=148(kg) TB mỗi em cân nặng là  148 : 4 = 37 (kg)  Đáp số : 37 kg  - HS làm bài vào vở Tự học. TBHT chữa bài theo từng nhóm  Bài giải  Tổng của các số tự nhiên là:  1+2+3+......+9 = 45  Trung bình cộng của các số đó là:  45 : 9 = 5  Đáp số: 5  - Ghi nhớ các bước tìm số TBC  - Trình bày ngắn gọn bài toán tìm số TBC | **Bài 1**:(a,b,c)Tìm số TBC.  - HSNK hoàn thành cả bài  - GV chữa bài. Lưu ý HS chỉ cần viết biểu thức tính số trung bình cộng là được, không bắt buộc viết câu trả lời.    **Bài 2**  ***+*** *Bài toán cho biết gì ?*  *+ Bài toán yêu cầu chúng ta tính gì ?*    - GV thu nhận xét, đánh giá bài làm của HS  **Bài 3 *(bài tập chờ dành cho HS hoàn thành sớm)***  **4. Hoạt động ứng dụng** *(1p)*  **5. Hoạt động sáng tạo** *(1p)* | |

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**LỊCH SỬ (CT HIỆN HÀNH)**

**NưỚc ta dưỚi ách đô hỘ cỦa**

**các triỀu đẠi phong kiẾn phương BẮc**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Biết được thời gian đô hộ của phong kiến phương Bắc đối với đất nước ta: từ năm 179 TCN đến năm 938.

- Nêu đôi nét về đời sống cực nhục của nhân dân ta dưới ách đô hộ của các triều đại phong kiến phương Bắc (một vài điểm hính, sơ giản về việc nhân dân ta phải cống nạp những sản vật quí, đi lao dịch, bị cưỡng bức theo phong tục của người Hán).

**2. Kĩ năng**

- Kĩ năng so sánh, thống kê và lập bảng thống kê

**3. Thái độ**

- Giáo dục HS lòng tự hào dân tộc

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL ngôn ngữ, NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo.

*\* GDTTHCM: Nhân dân ta không cam chịu làm nô lệ, liên tục đứng lên khởi nghĩa đánh đuổi quân xâm lược, giữ gìn nền độc lập.*

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Bản đồ – kế hoạch bài học.

- HS: SGK, vở ghi, bút,..

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm.

- KT: Kĩ thuật đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBHT điều hành các bạn trả lời và nhận xét, bổ sung  *+ Năm 218, quân Tần tràn xuống xâm lược các nước phương Nam…*  *+ Kỹ thuật chế tạo ra nỏ bắn được nhiều mũi tên và việc xây dựng thành Cổ Loa.* | **1.Khởi động:***(4p)*  *+ Nước Âu Lạc ra đời trong hoàn cảnh nào?*  *+ Thành tựu lớn nhất của nước Âu Lạc là gì?*  -GV nhận xét, khen/động viên, dẫn vào bài mới |
| **2.Bài mới:***(30p)*  ***\* Mục tiêu:-***  Biết được thời gian đô hộ của phong kiến phương Bắc đối với đất nước ta: từ năm 179 TCN đến năm 938.  - Nêu đôi nét về đời sống cực nhục của nhân dân ta dưới ách đô hộ của các triều đại phong kiến phương Bắc  ***\* Cách tiến hành:Cá nhân-Nhóm-Lớp*** | |
| **1. Nước ta bị PKPB đô hộ:**  -HS đọc và làm việc nhóm 2- Chia sẻ trước lớp:  *+ Chúng chia nước ta thành nhiều quận, huyện do người Hán cai quản. Bắt dân ta lên rừng săn voi, tê giác ….Đưa người Hán sang ở lẫn với dân ta, bắt dân ta phải theo phong tục của người Hán…*  -HS điền nội dung vào các ô trống như ở bảng trong phiếu bài tập . Sau đó HS báo cáo kết quả làm việc của mình trước lớp.  -HS khác nhận xét, bổ sung.   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Thời gian  Các mặt | Trước năm 179 TCN | Từ năm 179 TCN đến năm 938 | | Chủ quyền | Là một nước độc lập | Trở thành quận, huyện của PKPB | | Kinh tế | Độc lập và tự chủ | Bị phụ thuộc | | Văn hoá | Có phong tục tập quán riêng | Phải theo phong tục của người Hán, học chữ Hán nhưng nhân dân ta vẫn giữ gìn bản sắc dân tộc. |   **2. Các cuộc khởi nghĩa lớn của nhân dân ta:**  - HS thảo luận làm bài tập theo nhóm 4 dưới sư điều hành của nhóm trưởng và báo cáo trước lớp:   |  |  | | --- | --- | | *Thời gian* | *Các cuộc khởi nghĩa* | | Năm 40  Năm 248  Năm 542  Năm 550  Năm 722  Năm 776  Năm 905  Năm 931  Năm 938 | Kn Hai Bà Trưng.  Kn Bà Triệu.  Kn Lý Bí.  Kn Triệu .Q.Phục.  Kn Mai .T .Loan.  Kn Phùng Hưn.  Kn Khúc. T. Du .  Kn Dương.Đ. Nghệ  C thắng B. Đằng. |   - Tìm đọc các thông tin về cuộc khởi nghĩa HBT và cuộc khởi nghĩa Ngô Quyền | **HĐ1: Làm việc nhóm 2**  - GV yêu cầu HS đọc SGK từ “Sau khi Triệu Đà…của người Hán”  *+ Sau khi thôn tính được nước ta, các triều đại PK PB đã thi hành những chính sách áp bức bóc lột nào đối với nhân dân ta như thế nào?*  -GV đưa ra bảng (để trống, chưa điền nội dung) so sánh tình hình nước ta trước và sau khi bị các triều đại phong kiến phương Bắc đô hộ  -GV giải thích các khái niệm *chủ quyền, văn hoá* .  - Nhận xét, kết luận.  **Hoạt động 2: nhóm:**  - GV phát PBT cho các nhóm 4, cho HS đọc SGKvà điền các thông tin về các cuộc khởi nghĩa.  - GV đưa bảng thống kê có (có ghi thời gian diễn ra các cuộc khởi nghĩa, cột ghi các cuộc khởi nghĩa để trống ), yêu cầu HS thảo luận, báo cáo kết quả, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  ***-GV: Nước ta bị bọn phong kiến phương Bắc đô hộ suốt gần một ngàn năm, các cuộc khởi nghĩa của nhân dân ta liên tiếp nổ ra. Chiến thắng Bạch Đằng năm 938 đã mở ra một thời kì độc lập lâu dài của dân tộc ta***.  **3. Hoạt động ứng dụng *(1p)***  - GV cho HS đọc ghi nhớ trong khung.  ***-*** GV tổng kết và giáo dục tư tưởng HCM cũng như lòng tự hào dân tộc  **4. Hoạt động sáng tạo** *(1p)* |

**ĐIỀU CHỈNH-BỔ SUNG**

Thứ ....... ngày ........ tháng ....... năm.........

**LUYỆN TỪ VÀ CÂU**

**MỞ RỘNG VỐN TỪ: TRUNG THỰC - TỰ TRỌNG**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Biết thêm một số từ ngữ (gồm cả thành ngữ, tục ngữ và từ Hán Việt thông dụng) về chủ điểm Trung thực - Tự trọng (BT4);

- Nắm được nghĩa từ “tự trọng” (BT3).

- Biết thêm các thành ngữ, tục ngữ về lòng tự trọng, trung thực

**2. Kĩ năng**

- Tìm được 1,2 từ đồng nghĩa, trái nghĩa với từ trung thực và đặt câu với một từ tìm được (BT1, BT2) ;

**3. Thái độ**

- Thấy được sự phong phú của Tiếng Việt để thêm yêu TV

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL tự chủ và tự học, NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV:Bảng lớp viết sẵn VD của phần nhận xét, giấy khổ to, bút dạ, Từ điển

(hoặc vài trang pho to), Bảng phụ kẻ sẵn nội dung bài tập 1; 2.

- HS: vở BT, bút, ...

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Quan sát, hỏi đáp, thảo luận nhóm.

- KT: Kĩ thuật đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của HS** | **Hoạt động của GV** | |
| - TBVN điều khiển cho lớp hát tập thể, vận động tại chỗ | 1. Khởi động    - GV chuyển ý vào bài mới. | |
| **2. Hình thành kiến thức mới***:(15p)*  **\* Mục tiêu:** HS hiểu được nghĩa của từ, ngữ, các câu thành ngữ, tục ngữ thuộc chủ điểm trên. Tìm được từ cùng nghĩa, trái nghĩa...  **\* Cách tiến hành: Cá nhân-Nhóm-Cả lớp** | | |
| - Hs đọc yêu cầu.  - HS làm việc nhóm 4 –báo cáo trước lớp  Đáp án:   |  |  | | --- | --- | | Từ cùng nghĩa với  Trung thực | Từ trái nghĩa với  Trung thực | | thẳng thắn, thẳng tính, ngay thẳng, chân thật, thật thà, thật lòng, chính trực, bộc trực.. | gian dối, xảo trá, gian lận, lưu manh, gian manh, lừa bịp, lừa đảo... |   - HS giơ thẻ mặt cười (đúng), mặt mếu (sai) với mỗi trường hợp.  Cá nhân-Nhóm 2-Lớp  - HS đặt câu cá nhân – Đổi chéo vở kiểm tra và báo cáo trước lớp  - 1 HS đặt câu trên bảng  *+ Về hình thức: Đầu câu viết hoa, cuối câu có dấu chấm*  *+ Về nội dung: Diễn đạt trọn vẹn ý nghĩa*    - Hs mở từ điển làm bài cá nhân- Chia sẻ trước lớp  - **Tự trọng**: coi trọng và giữ gìn phẩm giá của mình (ý c)  *+ a) tự tin b)tự quyết c) tự kiêu*  - HS làm N4 dưới sự điều hành của nhóm trưởng  *+ Các thành ngữ, tục ngữ nói về lòng trung thực: a, c, d*  *+ Các thành ngữ, tục ngữ nói về lòng tự trọng : b, e.*  - HS lắng nghe.  - HS đặt câu để hiểu sâu hơn nghĩa các câu thành ngữ, tục ngữ BT4  - Tìm các câu thành ngữ, tục ngữ khác nói về tính trung thực, tự trọng | | **Bài 1:** Tìm từ cùng nghĩa, trái nghĩa với từ : **trung thực.**  - Tổ chức cho hs làm bài theo nhóm, ghi kết quả vào bảng nhóm.  - Kết luận về các từ đúng.  **Bài 2. Đặt câu**  - Nhận xét, chữa:  *+ Khi đặt câu cần lưu ý điều gì?*  **Bài 3**: Tìm nghĩa của từ : **tự trọng**  - Tổ chức cho hs tự tìm từ hoặc mở từ điển tìm nghĩa của từ theo yêu cầu .Nêu miệng kết quả.  *+ Tìm các từ đúng với nghĩa của các ý a,b,d?*  **Bài 4**: Tìm thành ngữ, tục ngữ.  - TBHT điều hành báo cáo:  *+Những thành ngữ, tục ngữ nào nói về lòng trung thực*  *+ Những thành ngữ, tục ngữ nào hoặc lòng tự trọng*?  - HD hs giải nghĩa một số thành ngữ, tục ngữ trên.  \* GV có thể mở rộng nghĩa của các câu thành ngữ, tục ngữ cho HS hiểu thêm. VD:  + Ăn ngay ở thẳng: Sống thẳng thắn, chính trực, thật thà, trung thực.  + Thuốc đắng dã tật, sự thật mất lòng: Thuốc thật, thuốc tốt thường có vị đắng, khó uống nhưng lại rất công hiệu trong việc trị bệnh. Nói thẳng, nói thật là tốt và cần thiết nhưng nhiều khi lại làm cho người nghe không hài lòng, nhất là nói không khéo, không đúng chỗ.  **4. Hoạt động ứng dụng** *(1p)*  **5. Hoạt động sáng tạo** *(1p)* |

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

...................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TOÁN**

***Tiết 23:* LUYỆN TẬP**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Củng cố KT về tìm số TBC và vận dụng các bài toán liên quan

**2. Kĩ năng**

- Tính được trung bình cộng của nhiều số.

- Bước đầu biết giải toán về tìm số trung bình cộng

**3. Thái độ**

- Tích cực, tự giác học bài, trình bày bài sạch sẽ, khoa học

**4. Góp phần phát triển các kĩ năng**

- Năng lực tự học, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL tư duy - lập luận logic.

\* BT cần làm: BT1; 2; 3.

**II. CHUẨN BỊ:**

1. Đồ dùng

- GV: Phiếu học tập, Bảng phụ.

- HS: Bút, SGK, ...

2. Phương pháp, kĩ thuật

- PP: Quan sát, hỏi - đáp, thực hiện bảng con, bảng nhóm.

- KT: đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của HS** | **Hoạt động của GV** |
| - TBVN điều hành lớp hát và vận động tại chỗ | **1. HĐ khởi động *(3p)***  - GV dẫn vào bài |
| **2. Hoạt động thực hành***:(30p)*  **\* Mục tiêu:** -Tính được trung bình cộng của nhiều số.  - Bước đầu biết giải toán về tìm số trung bình cộng  **\* Cách tiến hành: Cá nhân –Nhóm- Lớp** | |
| **Cá nhân- Cả lớp**  -2 HS lên bảng làm bài, HS dưới lớp theo dõi để nhận xét bài làm của bạn.  Đáp án:  a. (96+ 121+ 143): 3 = 120  b. (35+ 12+ 24+ 21+ 43): 5 = 27  - HS đọc đề bài, phân tich đề.  -Tự làm việc cá nhân trong nhóm 4. Các thành viên của nhóm giúp đỡ nhau hoàn thành 2 bài tập này  - Đại điện nhóm chia sẻ bài làm trước lớp (bảng phụ)  - TBHT điều hành các bạn nhận xét, chữa bài  *Bài 2:* Bài giải  Số dân tăng thêm của cả ba năm là:  96+ 82+ 71 = 249 (người)  Trung bình mỗi năm dân số xã đó tăng thêm số người là:  249: 3 = 83 (người)  Đáp số: 83 người  *Bài 3*  Bài giải  Tổng số đo chiều cao của 5 học sinh là: 138+132+130+136+134=670(cm)  Trung bình số đo chiều cao của mỗi HS là : 670:5= 134(cm )  Đáp số : 134cm    - HS làm bài vào vở Tự học  Bài 4: Tổng số tấn thực phẩm 9 ô tô đã chở là:  36 x 5+45 x 4= 360 (tạ)  Đổi 360 tạ = 36 tấn  Trung bình mỗi ô tô chở được số tấn thực phẩm là:  36 : 9 = 4 (tấn)  Đáp số: 4 tấn  Bài 5: a.Tổng của 2 số là:  9 x 2= 18  Số thứ hai là:  18 – 12 = 6  Đáp số: 6  - Ghi nhớ cách tìm số TBC  - Tìm các bài tập cùng dạng trong sách Toán buổi 2 và giải | **Bài 1:** Tìm số trung bình cộng của các số sau:  - GV yêu cầu HS nêu cách tìm số trung bình cộng của nhiều số rồi tự làm bài.  **Bài 2+ Bài 3**  -GV gọi HS đọc đề bài.    - Giáo dục ăn uống đầy đủ và chăm tập thể dục để phát triển chiều cao  - GV nhận xét, đánh giá chung    **Bài 4+ Bài 5**: **Bài tập chờ** *(dành cho HS hoàn thành sớm)*  **4. HĐ ứng dụng *(1p)***  ***5. HĐ sáng tạo (1p)*** |

**ĐIỀU CHỈNH-BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**ĐẠO ĐỨC**

**BIẾT BÀY TỎ Ý KIẾN (TIẾT 1)**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Biết rằng mọi trẻ em cần phải được bày tỏ ý kiến về những vấn đề có liên quan đến trẻ em.

**2. Kĩ năng**

- Bước đầu biết bày tỏ ý kiến của bản thân và lắng nghe, tôn trọng ý kiến của người khác.

(Không yêu cầu học sinh lựa chọn phương án phân vân trong các tình huống bày tỏ thái độ của mình về các ý kiến: tán thành, phân vân hay không tán thành mà chỉ có hai phương án: tán thành và không tán thành)

**3. Thái độ**

- Mạnh dạn bày tỏ ý kiến của bản thân, tôn trọng ý kiến của người khác.

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL tự học, NL giải quyết vấn đề, NL hợp tác, sáng tạo

***\*GD TKNL :***

*- Biết bày tỏ, chia sẻ với mọi người xung quanh về sử dụng tiết kiệm và hiệu quả năng lượng*

*- Vận động mọi người thực hiện sử dụng tiết kiệm và hiệu quả năng lượng*

***\*GD KNS:***

*-Trình bày ý kiến ở gia đình và lớp học*

*-Lắng nghe người khác trình bày*

*-Kiềm chế cảm xúc*

*-Biết tôn trọng và thể hiện sự tự tin*

***\*BVMT:***

*-HS biết bày tỏ ý kiến với cha mẹ, thầy cô giáo, chính quyền địa phương về môi trường sống của em trong gia đình; về môi trường lớp học, trường học; về môi trường ở cộng đồng địa phương...*

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: + SGK Đạo đức lớp 4

+ Một vài bức tranh hoặc đồ vật dùng cho hoạt động khởi động.

- HS: +Mỗi HS chuẩn bị 3 tấm bìa nhỏ màu đỏ, xanh và trắng.

+ Một số đồ dùng để hóa trang diễn tiểu phẩm.

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: đóng vai, trò chơi học tập, thảo luận nhóm

- KT: đặt câu hỏi, động não, chia sẻ nhóm 2

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của HS** | **Hoạt động của GV** |
| - HS thực hiên chơi theo hướng dẫn của GV  *+ Mỗi bạn có một ý kiến riêng.* | **1.Khởi động:***(5p)*  ***Trò chơi “Diễn tả”***  - GV nêu cách chơi - tổ chức cho HS chơi:  - GV chia HS thành 4- 6 nhóm và giao cho mỗi nhóm 1 đồ vật hoặc 1 bức tranh. Mỗi nhóm ngồi thành 1 vòng tròn và lần lượt từng người trong nhóm vừa cầm đồ vật hoặc bức tranh quan sát, vừa nêu nhận xét của mình về đồ vật, bức tranh đó.  *+ Ý kiến của cả nhóm về đồ vật, bức tranh có giống nhau không?*  ***\*GV: Mỗi người có thể có ý kiến nhận xét khác nhau về cùng một sự vật nên cần được bày tỏ ý kiến riêng của mình***  - GV dẫn vào bài |
| **2.Hoạt động hình thành KT***(30p)*  **\* Mục tiêu:** - Biết rằng mọi trẻ em cần phải được bày tỏ ý kiến về những vấn đề có liên quan đến trẻ em. Biết bày tỏ ý kiến cá nhân về những việc liên quan bản thân mình  **\* Cách tiến hành: Cá nhân-Nhóm-Lớp** | |
| - HS thảo luận nhóm.  - Đại diện từng nhóm trình bày.  - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. VD:  -> Em sẽ gặp cô giáo để xin cô giao cho việc khác phù hợp hơn với sức khoẻ và sở thích.  -> Em xin phép cô giáo được kể lại để không bị hiểu lầm.  -> Em trình bày suy nghĩ của mình và xin bố mẹ cho đi xem xiếc.  -> Em nói với người tổ chức nguyện vọng và khả năng của mình.  + *... mọi người sẽ không biết đến những mong muốn, khả năng của mình...*  - Lắng nghe  ***Nhóm 2- Lớp***  - HS từng nhóm đôi thảo luận và chọn ý đúng bằng cách giơ thẻ mặt cười (đúng), mặt mếu (sai)  - HS nêu cầu bài tập 1  - HS thảo luận cặp đôi làm bài  ***Cá nhân – Lớp***  - HS biểu lộ thái độ theo cách đã quy ước.  - Vài HS giải thích.  - HS trả lời.  - Bày tỏ ý kiến với bố mẹ, người thân trong gia đình về nguyện vọng của em  - Xây dựng 1 kịch bản về việc bày tỏ ý kiến | **HĐ1: Thảo luận nhóm 4**(Câu 1, 2- SGK/9)  - GV chia HS thành 4 nhóm và giao nhiệm vụ cho mỗi nhóm thảo luận về một tình huống ở câu 1.  🟇 Nhóm 1: Em sẽ làm gì nếu em được phân công làm 1 việc không phù hợp với khả năng?  🟇 Nhóm 2: Em sẽ làm gì khi bị cô giáo hiểu lầm và phê bình?  🟇Nhóm 3: Em sẽ làm gì nếu chủ nhật này bố mẹ cho em đi chơi công viên nhưng em lại muốn đi xem xiếc?  🟇Nhóm 4: Em sẽ làm gì khi muốn được tham gia vào một hoạt động nào đó của lớp, của trường nhưng chưa được phân công?  *+ Điều gì sẽ xảy ra nếu em không được bày tỏ ý kiến về những việc có liên quan đến bản thân em, đến lớp em?*  ***- GV:+ Trong mọi tình huống, em nên nói rõ để mọi người xung quanh hiểu về khả năng, nhu cầu, mong muốn, ý kiến của em. Điều đó có lợi cho em và cho tất cả mọi người. Nếu em không bày tỏ ý kiến của mình, mọi người có thể sẽ không hỏi và đưa ra những quyết định không phù hợp với nhu cầu, mong muốn của em nói riêng và của trẻ em nói chung.***  ***+ Mỗi người, mỗi trẻ em có quyền có ý kiến riêng và cần bày tỏ ý kiến của mình về mọi vấn đề trong đó có môi trường.***  **HĐ 2: Thực hành**  Bài tập 1  - Yêu cầu HS thảo luận cặp đôi làm bài.  - Gọi đại diện các cặp báo cáo kết quả, cả lớp nhận xét, bổ sung.  ***- GV: Việc làm của bạn Dung là đúng, vì bạn đã biết bày tỏ mong muốn, nguyện vọng của mình. Còn việc làm của bạn Hồng và Khánh là không đúng.***  Bài tập 2  - GV phổ biến cho HS cách bày tỏ thái độ thông qua các tấm bìa màu:  + Màu đỏ: Biểu lộ thái độ tán thành.  + Màu xanh: Biểu lộ thái độ không tán thành  - GV lần lượt nêu từng ý kiến trong bài tập 2 (SGK/10)  - GV yêu cầu HS giải thích lí do.  - GV: Các ý kiến a, b, c, d là đúng. Ý kiến (đ) là sai vì trẻ em còn nhỏ tuổi nên mong muốn của các em nhiều khi lại không có lợi cho sự phát triển của chính các em hoặc không phù hợp với hoàn cảnh thực tế của gia đình, của đất nước  + Em hãy cho biết môi trường xung quanh trường em có đảm bảo vệ sinh an toàn hay không, gia đình em có ăn ở hợp vệ sinh không.  ***\*GV: Để có được môi trường hợp vệ sinh, chúng ta cần có ý thức bảo vệ và biết nêu ra ý kiến với những người xung quanh cùng thực hiện tốt như mình.***  **3. Hoạt đông ứng dụng *(1p)***  **4. Hoạt động sáng tạo** *(1p)* |

**ĐIỀU CHỈNH-BỔ SUNG**

..............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**KỂ CHUYỆN**

**KỂ CHUYỆN ĐÃ NGHE, ĐÃ ĐỌC**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Dựa vào gợi ý (SGK), biết chọn và kể lại được câu chuyện đã nghe, đã đọc nói về tính trung thực.

- Hiểu câu chuyện và nêu được ý nghĩa của chuyện.

**2. Kĩ năng:**

- Rèn kĩ năng nói, kĩ năng kể chuyện trước đám đông

**3. Thái độ**

- Giáo dục tính trung thực

- Bồi dưỡng lòng ham đọc sách

**4. Góp phần bồi dưỡng các năng lực**

- NL giao tiếp và hợp tác, NL sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV:- Giấy khổ to viết sẵn các câu hỏi, để chỗ trống cho HS trả lời+ bút dạ.

- HS: - Truyện đọc 4, SGK.

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Hỏi đáp, quan sát, đóng vai, thảo luận nhóm.

- KT: đặt câu hỏi, chia sẻ nhóm, khăn trải bàn.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBHT điều hành kể chuyện và nhận xét. | | **1. Khởi động***:(5p)*  **-** Kể lại câu chuyện: Một nhà thơ chân chính  - GV dẫn vào bài |
| **2. Tìm hiểu, lựa chọn câu chuyện:***(8P)*  **\* Mục tiêu**:HSlựa chọn được câu chuyện về lòng nhân hậu.  ***\* Cách tiến hành: Cá nhân-Nhóm-Lớp***  **Đề bài**: *Kể lại một câu chuyện mà em đã được nghe, được đọc về tính trung thực*. | | |
| - Hs nối tiếp đọc 4 gợi ý ở sgk.  - Gạch chân dưới các từ quan trọng.  **Đề bài**: Kể lại một câu chuyện mà em đã được nghe, được đọc về tính trung thực  *+ HS nêu*  *+ Không vì của cải hay tình cảm riêng tư mà làm trái lẽ công bằng.*  *+ Dám nói ra sự thật, dám nhận lỗi.*  *+ Không làm những việc gian dối, nói dối cô giáo, ..*  *+ Không tham lam của người khác...*  *- 3 - 4 hs giới thiệu tên câu chuyện và nhân vật trong truyện mình sẽ kể.* | - GV hướng dẫn TBHT giúp cả lớp tìm hiểu đề bài:  *+ Hãy nêu câu chuyện mình đã chuẩn bị để kể.*  *+ Tính trung thực biểu hiện như thế nào? VD?*  *+ Giới thiệu tóm tắt về câu chuyện*  - GV khuyến khích HS kể các câu chuyện mình đọc được ngoài SGK | |
| **3 . Thực hành kể chuyện – Tìm hiểu ý nghĩa câu chuyện***:(10p)*  **\* Mục tiêu:** HSkể được nội dung câu chuyện theo lời kể của mình một cách hấp dẫn, sinh động kèm theo cử chỉ, điệu bộ- Nêu được ý nghĩa câu chuyện  **\* Cách tiến hành: Cá nhân - Nhóm- Lớp** | | |
| - Lớp trưởng điều khiển kể chuyện nhóm 4  - HS làm việc cá nhân sau đó chia sẻ phần kể chuyện của mình trong nhóm  - Các nhóm cử đại diện lên bảng kể chuyện – Nêu ý nghĩa câu chuyện  - Các nhóm khác đặt câu hỏi cho bạn  - Kể lại câu chuyện cho người thân nghe  - Tìm đọc các câu chuyện về tính trung thực trong sách báo, sách kể chuyện | - Gv đưa bảng nêu tiêu chí đánh giá :  + Nội dung đúng: đạt 4 sao  - Kể hay, phối hợp cử chỉ, điệu bộ khi kể: 4 sao  - Nêu đ­ược ý nghĩa: 1 sao .  - Trả lời đ­ược câu hỏi của bạn :1 sao .  - TBHT điều khiển lớp đánh giá theo bảng đánh giá mà GV đưa ra.  - GV nhận xét, liên hệ giáo dục tính trung thực  **4. Hoạt động ứng dụng *(1p)***  **5. Hoạt động sáng tạo *(1p)*** | |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**KĨ THUẬT**

**KHÂU THƯỜNG (tiết 2)**

**I.MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Nắm rõ quy trình khâu thường

**2. Kĩ năng**

- Biết cách khâu và khâu được các mũi khâu thường. Các mũi khâu có thể chưa cách đều nhau. Đường khâu có thể bị rúm.

\* Với HS khéo tay: Khâu được các mũi khâu thường. Các mũi khâu tương đối đều nhau. Đường khâu ít bị rúm.

**3. Thái độ**

- Giáo dục tính cẩn thận, an toàn khi thực hành

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL thẩm mĩ.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: - Tranh quy trình khâu thường.

- Mẫu khâu thường được khâu bằng len trên các vải khác màu và một số sản phẩm được khâu bằng mũi khâu thườmg.

- Vật liệu và dụng cụ cần thiết:

+ Mảnh vải sợi bông trắng hoặc màu kích 20 – 30cm.

+ Len (hoặc sợi) khác màu với vải.

+ Kim khâu len (kim khâu cỡ to), thước may, kéo, phấn vạch.

- HS: Bộ ĐDHT lớp 4, vở.

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Quan sát, hỏi đáp, thảo luận nhóm.

- KT: đặt câu hỏi, phòng tranh

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBVN điều hành | **1. HĐ khởi động (3p)**  - HS hát bài hát khởi động:  - Kiểm tra sự chuẩn bị đồ dùng của HS |
| **2.Bài mới:***(35p)*  **\* Mục tiêu:** - Biết cách cầm vải, cầm kim, lên kim, xuống kim khi khâu.  - Biết cách khâu và khâu được các mũi khâu thường  **\* Cách tiến hành: Cá nhân-Lớp** | |
| - HS nêu.  - 2 HS lên bảng làm.  + Bước 1: Vạch dấu đường khâu.  + Bước 2: Khâu các mũi khâu thường theo đường dấu.  - HS nghe    - HS thực hành cá nhân  - HS trình bày sản phẩm.  - HS tự đánh giá theo tiêu chuẩn.  - HS trưng bày sp vào bảng trưng bày của lớp  - Khâu thường tại nhà  - Tạo sản phẩm từ mũi khâu thường | **HĐ1:**  **HS thực hành khâu thường**  - Gọi HS nhắc lại kĩ thuật khâu thường. Gọi 2 em lên bảng thực hiện khâu một vài mũi khâu thường để kiểm tra cách cầm vải, cầm kim, vạch dấu.  - GV nhận xét, nhắc lại kỹ thuật khâu mũi thường theo các bước:  - GV nhắc lại và hướng dẫn thêm cách kết thúc đường khâu. Có thể yêu cầu HS vừa nhắc lại vừa thực hiện các thao tác để GV uốn nắn, hướng dẫn thêm.  - HS thực hành cá nhân  - GV chỉ dẫn thêm cho các HS còn lúng túng.  **HĐ 2: Đánh giá kết quả học tập của HS**  - GV tổ chức HS trưng bày sản phẩm thực hành.  - GV nêu các tiêu chuẩn đánh giá sản phẩm:  + Đường vạch dấu thẳng và cách đều cạnh dài của mảnh vải.  + Các mũi khâu tương đối đều và bằng nhau, không bị rúm và thẳng theo đường vạch dấu.  + Hoàn thành đúng thời gian quy định.  - GV gợi ý cho HS trang trí sản phẩm và chọn ra những sản phẩm đẹp để khen nhằm động viên, khích lệ các em.  - Đánh giá sản phẩm của HS.  **3. Hoạt động ứng dụng *(1p)***  **4. HĐ sáng tạo *(1p)*** |

**ĐIỀU CHỈNH-BỔ SUNG**

...................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

*Thứ ....... ngày ...... tháng ..... năm .........*

**TẬP ĐỌC**

**GÀ TRỐNG VÀ CÁO**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Hiểu nghĩa môt số từ ngữ trong bài: đon đả, dụ, loa tin, hồn lạc phách bay

- Hiểu ND: Khuyên con người hãy cảnh giác, thông minh như Gà Trống, chế tin những lời lẽ ngọt ngào của kẻ xấu như Cáo (trả lời được các câu hỏi; thuộc được đoạn thơ khoảng 10 dòng).

**2. Kĩ năng**

- Đọc rành mạch, trôi chảy: bước đầu biết đọc một đoạn thơ lục bát với giọng vui tươi, dí dỏm

**3. Thái độ**

- GD HS tinh thần cảnh giác với kẻ xấu

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Tranh minh hoạ bài tập SGK (phóng to nếu có điều kiện).

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- Phương pháp: Quan sát, hỏi - đáp,..

- Kĩ thuật: Làm việc nhóm, chia sẻ

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - HS kể chuyện *Con cáo và chùm nho*  - HS lắng nghe | **1. Khởi động***:(3p)*    - GV chuyển ý vào bài mới. |
| **2. Hướng dẫn luyện đọc***:(10p)*  **\* Mục tiêu:** HS đọc rành mạch, trôi chảy thể hiện đúng nhịp điệu của câu thơ, đoạn thơ.  **\* Cách tiến hành: Cá nhân- Nhóm - Cặp** | |
| - 1 HS đọc bài, cả lớp đọc thầm  - HS thảo luận nhóm 2, chia đoạn bài tập đọc và chia sẻ trước lớp  - Nhóm trưởng điều hành nhóm đọc nối tiếp đoạn lần 1.  - Luyện đọc từ khó do HS phát hiện: Đọc mẫu (M4)-Cá nhân (M1)- Lớp đọc  (*nhác, vắt vẻo, lõi đời, đon đả, từ rày, quắp đuôi).*  - Đọc đoạn lần 2 giải nghĩa từ khó: *đon đả, dụ, loan tin, hồn lạc phách bay.*  - Báo cáo việc đọc trong nhóm  - 1 HS đọc toàn bài (M4) | \* Luyện đọc:  - Gọi HS đọc bài (M3)  - GV lưu ý giọng đọc tha thiết, trìu mến  - GV chốt vị trí các đoạn (4 đoạn)  + Đoạn 1:Nhác trông.....tỏ bày tình thân.  + Đoạn 2: Nghe lời Cáo....loan tin này.  +Đoạn 3:Cáo nghe......làm gì được ai.  - GV kết hợp sửa cách phát âm cho HS, cách ngắt, nghỉ cho HS (M1)  - GV giảng giải thêm nghĩa môt số từ:  *+ Em hãy đặt câu với từ vắt vẻo.*  *+ Em hiểu thế nào là khoái chí?* |
| **3. Tìm hiểu bài***:(15p)*  **\* Mục tiêu:** HS hiểu nội dung bài và nêu được nội dung từng đoạn, nội dung bài.  **\* Cách tiến hành: Cá nhân- Cặp đôi- Cả lớp** | |
| - Nhóm trưởng điều hành nhóm trả lời các câu hỏi *(5p)* theo kĩ thuật Khăn trải bàn.  - 1HS đọc to các câu hỏi  *+ Gà Trống đứng vắt vẻo trên một cành cây cao, Cáo đứng dưới gốc cây.*  *+ Cáo đon đả mời Gà Trống xuống đất để thông báo một tin mới: Từ rày muôn loài đã kết thân, Gà hãy xuống để Cáo hôn Gà để bày tỏ tình thân.*  *+ Cáo đưa ra tin bịa đặt để dụ Gà Trống xuống đất để ăn thịt Gà.*  ***1. Âm mưu của Cáo.***  *+ Gà biết những lời ngon ngọt ấy là ý định xấu xa của Cáo: muốn ăn thịt gà.*  *+ Vì Cáo rất sợ chó săn, chó săn sẽ ăn thịt cáo. Chó săn chạy đến để loan tin vui, Gà đã làm cho Cáo kiếp sợ, phải bỏ chạy, lộ rõ âm mưu gian giảo đen tối của hắn.*  ***2. Sự thông minh của Gà.***  *+Cáo khiếp sợ, hồn lạc phách bay, quắp đuôi co cẳng bỏ chạy.*  *+ Gà khoái chí cười phì vì Cáo đã lộ rõ bản chất, đã không ăn được thịt Gà lại còn cắm đầu chạy vì sợ.*  *+ Gà không bóc trần âm mưu của Cáo mà giả bộ tin Cáo, mừng vì Cáo nói. Rồi Gà báo cho Cáo biết chó săn đang chạy đến loan tin, đánh vào điểm yếu là Cáo sợ chó săn ăn thịt.*  ***3. Cáo lộ rõ bản chất gian xảo.***  - HS lắng nghe  **\* Bài thơ khuyên chúng ta hãy cảnh giác, chớ tin những lời kẻ xấu cho dù đó là những lời ngọt ngào.**  - HS ghi vào vở – nhắc lại nội dung | - Chia lớp thành 3 nhóm, mỗi nhóm tìm hiểu nội dung 1 đoạn và trả lời các câu hỏi liên quan  - GV phát phiếu học tập in sẵn các câu hỏi tìm hiểu bài cho các nhóm  - TBHT điều hành nhóm trả lời dưới sự hướng dẫn của GV  *NHÓM 1*  *+ Gà Trống và Cáo đứng ở vị trí khác nhau như thế nào?*  *+ Cáo đã làm gì để Gà Trống xuống đất?*  *+ Tin tức Cáo đưa ra là thật hay bịa đặt? nhằm mục đích gì?*  *+ Đoạn 1 cho ta thấy điều gì?*  *NHÓM 2*  *+ Vì sao Gà không nghe lời Cáo?*  *+ Gà tung tin có chó săn đang chạy đến để làm gì?*  *+ Đoạn 2 nói lên điều gì?*  *NHÓM 3*  *+ Thái độ của Cáo như thế nào khi nghe Gà nói?*  *+ Thấy Cáo bỏ chạy thái độ của Gà ra sao?*  *+ Theo em Gà thông minh ở điểm nào?*  *+ Đoạn cuối bài nói lên điều gì?*  *- GV kết nối lại các sự việc*  *+ Bài thơ có ý nghĩa như thế nào?*  - GD học sinh tinh thần cảnh giác trong mọi tình huống |
| **4. Luyện đọc diễn cảm***:(10p)*  **\* Mục tiêu:** HS biết đọc diễn cảm, nhấn giọng ở các từ ngữ gợi tả, gợi cảm, thể hiện đúng nhịp điệu của thơ.  **\* Cách tiến hành:** | |
| - 1 HS M4 đọc mẫu toàn bài.  - Nhóm trưởng điều khiển nhóm đọc diễn cảm 1 đoạn  - Cử đại diện đọc trước lớp  - Nhận xét, bình chọn  - HS nêu  - Tìm đọc các tác phẩm viết về gà và cáo. | - Yêu cầu nêu lại giọng đọc của bài (giọng vui tươi, dí dỏm)  **5. HĐ ứng dụng** (1p)  - Em học được điều gì từ chú Gà Tống?  **6. HĐ sáng tạo** (1p) |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TOÁN**

***Tiết 24:* BIỂU ĐỒ**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Bước đầu làm quen với biểu đồ tranh.

**2. Kĩ năng**

- HS bước đầu biết đọc thông tin trên biểu đồ tranh.

**3. Thái độ**

- Học tập tích cực, làm việc cẩn thận

**4. Góp phần phát triền các NL:**

- NL tự học, NL sáng tạo, NL giải quyết vấn đề

\* Bài tập cần làm: BT1, BT2 (a, b).

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Biểu đồ Các con của năm gia đình, như phần bài học SGK, phóng to.

- HS: Sgk, bảng con, vở

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Quan sát, hỏi đáp, thảo luận nhóm.

- KT: động não, tia chớp, chia sẻ nhóm 2

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBHT điều hành lớp  *+ Tìm tổng các số rồi lấy tổng chia cho số các số hạng*  *+ 13*  - HS nghe để vận dụng làm bài trắc nghiệm. | **1. Khởi động *(5p)***  *+ Nêu cách tìm số TBC*  *+Tìm số TBC của các số: 11; 12; 13; 14; 15*  - GV kết luận, hướng dẫn cách nhẩm tìm số TBC với TH 3, 5, 7, 9...số tự nhiên liên tiếp. Số TBC là số ở giữa |
| **2. Hình thành kiến thức mới**  **\* Mục tiêu:** - HS làm quen với bản đồ tranh  - Đọc được thông tin trên bản đồ tranh  - So sánh, đối chiếu các thông tin  **\*Cách tiến hành: Cá nhân- Nhóm- Lớp** | |
| -HS quan sát biểu đồ và nêu ý hiểu của mình về biểu đồ tranh  - HS làm việc nhóm 4- Chia sẻ trước lớp  - TBHT điều hành các nhóm báo cáo và nhận xét:  *+ Biểu đồ gồm 2 cột*  *+Cột bên trái cho biết tên của các gia đình.*  *+ Cột bên phải cho biết số con, mỗi con của từng gia đình là trai hay gái.*  *+ Gia đình cô Mai, gia đình cô Lan, gia đình cô Hồng, gia đình cô Đào, gia đình cô Cúc.*  *+ Gia đình cô Mai có 2 con đều là gái.*  *+ Gia đình cô Lan chỉ có 1 con trai.*  *+ Gia đình cô Hồng có 1 con trai và 1 con gái.*  *+ Gia đình cô Đào chỉ có 1 con gái. Gia đình cô Cúc có 2 con đều là con trai cả.*  *+Gia đình cô Mai có 2 con gái, gia đình cô Lan có 1 con trai.*  *+ Gia đình có 1 con gái là gia đình cô Hồng và gia đình cô Đào.*  *+Những gia đình có 1 con trai là gia đình cô Lan và gia đình cô Hồng* | - GV treo biểu đồ *Các con của năm gia đình.*  ***- GV: Biểu đồ tranh là biểu đồ trong đó các thông tin, số liệu được thể hiện bằng hình vẽ***  - Yêu cầu HS thảo luận và trả lời các câu hỏi sau:  *+ Biểu đồ gồm mấy cột ?*  *+ Cột bên trái cho biết gì ?*  *+ Cột bên phải cho biết những gì ?*  *+ Biểu đồ cho biết về các con của những gia đình nào ?*  *+ Gia đình cô Mai có mấy con, đó là trai hay gái ?*  *+ Gia đình cô Lan có mấy con, đó là trai hay gái ?*  *+ Biểu đồ cho biết gì về các con của gia đình cô Hồng ?*  *+ Vậy còn gia đình cô Đào, gia đình cô Cúc ?*  *+ Hãy nêu lại những điều em biết về các con của năm gia đình thông qua biểu đồ.*  *+ Những gia đình nào có một con gái ?*  *+ Những gia đình nào có một con trai ?*  - GV kết luận, chuyển hoạt động |
| **3. Hoạt động thực hành***:(20p)*  **\* Mục tiêu:** - Thực hành đọc thông tin trên bản đồ tranh  - So sánh, đối chiếu các thông tin  **\* Cách tiến hành:**. | |
| **Cá nhân-Nhóm 2- Lớp**  - Biểu đồ biểu diễn các môn thể thao khối 4 tham gia.  - HS thảo luận nhóm 2- Báo cáo  *+Khối 4 có 3 lớp là 4A, 4B, 4C.*  *+Khối 3 tham gia 4 môn thể thao là bơi, nhảy dây, cờ vua, đá cầu.*  *+Môn bơi có 2 lớp tham gia là 4A và 4C.*  *+Môn cờ vua chỉ có 1 lớp tham gia là lớp 4A.*  *+Hai lớp 4B và 4C tham gia tất cả 3 môn, trong đó họ cùng tham gia môn đá cầu.*  **Cá nhân-Lớp**  - HS dựa vào biểu đồ và làm bài.  - HS nêu miệng  a. Số thóc gia đình bác Hà thu hoạch năm 2002 là: 10 x 5 = 50(tạ)  50 tạ = 5 tấn  b. Số thóc gia đình bắc Hà thu hoạch năm 2000 là : 10 x 4 = 40 (tạ)  Năm 2002 gia đình bắc Hà thu hoạch hơn năm 2000 là : 50 -40 = 10 (tạ)  c. Số thóc năm gia đình bác Hà thu hoạch được số thóc là:  40 + 30 +50 = 120 (tạ )  120 tạ = 12 tấn  Ta có 30 tạ < 40 tạ < 50 tạ  Vậy năm 2011 thu hoạch được ít thóc nhất .  - Hoàn thiện vở BT toán  - Sưu tầm một số biểu đồ tranh | **Bài 1:**  -GV yêu cầu HS quan sát biểu đồ, đọc tên biểu đồ    -GV cùng TBHT chữa bài:  +*Khối 4 có mấy lớp, đọc tên các lớp đó.*  *+Cả 3 lớp tham gia mấy môn thể thao ? Là những môn nào ?*  *+Môn bơi có mấy lớp tham gia ? Là những lớp nào ?*  *+Môn nào có ít lớp tham gia nhất ?*  *+Hai lớp 4B và 4C tham gia tất cả mấy môn? Trong đó họ cùng tham gia những môn nào ?*  **Bài 2 (a,b) Với HSNK làm cả bài**  -GV yêu cầu HS đọc đề bài trong SGK, sau đó làm bài.  -Khi HS làm bài, GV gợi ý các em tính số thóc của từng năm thì sẽ trả lời được các câu hỏi khác của bài.  **4, HĐ ứng dụng *(1p)***  **5. HĐ sáng tạo *(1p)*** |

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

:...................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TẬP LÀM VĂN**

**VIẾT THƯ (Kiểm tra viết)**

**I.MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Viết được một lá thư thăm hỏi, chúc mừng hoặc chia buồn đúng thể thức (đủ ba phần: đầu thư, phần chính, phần cuối thư).

**2. Kĩ năng**

- Rèn kĩ năng viết văn, trình bày đúng hình thức một lá thư

**3. Thái độ**

- Tích cực, tự giác học bài

**4. Góp phần phát triển NL:**

**-** NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL ngôn ngữ.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV:- Ghi nhớ trang 34 viết vào bảng phụ. Những mẫu thư

- HS: - Vở viết, phong bì (mua hoặc tự làm).

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Quan sát, hỏi đáp, thảo luân nhóm.

- KT: đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBVN và TBHT điều hành  *+ Mở đầu, phần chính, phần cuối* | **1. Khởi động:(***5p)*  - HS hát khởi động  *+ Một bức thư gồm những phần nào? Nhiệm vụ chính của mỗi phần là gì?*  - GV đưa bảng phụ viết sẵn Ghi nhớ để giúp HS hệ thống lại |
| **2. . Hoạt động thực hành:** *(27p)*  **\* Mục tiêu:** Viết được một lá thư thăm hỏi, chúc mừng hoặc chia buồn đúng thể thức. Rèn kĩ năng viết văn.  **\* Cách tiến hành:** | |
| - Hs nối tiếp đọc đề bài.  - HS nêu đề bài mình chọn và cách viết nội dung thư theo đề bài đó.  - HS viết thư.  - Ghi nhớ bố cục của lá thư  - Ghi phong bì thư | \* Gọi hs nối tiếp đọc 4 đề bài ở sgk.  *+Em chọn đề bài nào?*  - Nhắc hs trước khi làm bài.  + Trình bày đúng hình thức 1 bức thư  +Lời lẽ trong thư phải chân thành, bộc lộ được tình cảm của người viết thư  \* Viết thư.  - Cho HS tự làm bài cá nhân.  - GV thu bài, chữa và nhận xét một số bài.  **3. Hoạt động ứng dụng *(1p)***  **4. Hoạt động sáng tạo *(1p)*** |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

...................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**KHOA HỌC (CT HIỆN HÀNH)**

**ĂN NHIỀU RAU VÀ QUẢ CHÍN.**

**SỬ DỤNG THỰC PHẨM SẠCH VÀ AN TOÀN**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Biết được hằng ngày cần ăn nhiều rau và quả chín, sử dụng thực phẩm sạch và an toàn.

**-**  Một số tiêu chuẩn của thực phẩm sạch và an toàn (giữ được chất dinh dưỡng; được nuôi, trồng, bảo quản và chế biến hợp vệ sinh; không bị nhiễm khuẩn, hoá chất; không gây ngộ độc hoặc gây hại lâu dài cho sức khoẻ con người).

**2. Kĩ năng**

- Xác định được một số biện pháp thực hiện vệ sinh an toàn thực phẩm (chọn thức ăn tươi, sạch, có giá trị dinh dưỡng, không có màu sắc, mùi vị lạ; dùng nước sạch để rửa thực phẩm, dụng cụ và để nấu ăn; nấu chín thức ăn, nấu xong nên ăn ngay; bảo quản đúng cách những thức ăn chưa dùng hết).

**3. Thái độ**

- Tự nhận thức về lợi ích của các loại rau, quả chín

- Nhận diện và lựa chọn thực phẩm sạch và an toàn

**4. Góp phần phát triển các năng lực:**

- NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL hợp tác.

**II. CHUẨN BỊ :**

**1. Đồ dùng**

- GV: -Các hình minh hoạ ở trang 22, 23 / SGK (phóng to nếu có điều kiện).

-Một số rau còn tươi, 1 bó rau bị héo, 1 hộp sữa mới và 1 hộp sữa để lâu đã bị gỉ, 5 tờ phiếu có ghi sẵn các câu hỏi.

- HS: Vở, SGK, SBT

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Quan sát, hỏi đáp, thảo luận nhóm, trò chơi.

- KT: động não, tia chớp, đặt câu hỏi, chia sẻ nhóm 2

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBHT điều hành HS trả lời và nhận xét | **1. Khởi động** (5p)  - Tại sao cần ăn phối hợp chất béo động vật và chất béo thực vật?  - Vì sao phải ăn muối i-ốt và không nên ăn mặn? -GV nhận xét, khen/ động viên, dẫn vào bài mới |
| **2.Bài mới:***30)*  **\* Mục tiêu:** - Biết được hằng ngày cần ăn nhiều rau và quả chín, sử dụng thực phẩm sạch và an toàn.  **-**  Một số tiêu chuẩn của thực phẩm sạch và an toàn  - Xác định được một số biện pháp thực hiện VSATTP  **\* Cách tiến hành: Cá nhân-Nhóm- Lớp** | |
| **1.Ích lợi của việc ăn rau và quả chín**  - HS đọc lại tháp dinh dưỡng và trả lời: *Cả rau và quả chín đều cần được ăn đủ với số lượng nhiều hơn nhóm thức ăn chứa chất đạm, chất béo.*  - Nhóm trưởng điều hành HĐ của nhóm và báo cáo:  *+ Rau cải, muống, mướp, cải bắp, cam, xoài, chuối,….*  *+ Ăn nhiều rau và quả chín để có đủ vi-ta-min, chất khoáng cần thiết cho cơ thể. Các chất xơ trong ra, quả còn giúp chống táo bón.*  **2. Tiêu chuẩn thực phẩm sạch và an toàn**:  - HS đọc bài học, quan sát hình cùng thảo luận nhóm đôi.  *+ Thực phẩm được coi là sạch và an toàn cần được nuôi trồng theo qui trình vệ sinh.*  *+ Các khâu thu hoạch, chuyên chở, bảo quan và chế biến hợp vẹ sinh.*  *+ Thực phẩm phải giữ được chất dinh dưỡng.*  *+ Không ôi thiu, không nhiễm hoá chất, không gây ngộ độc lâu dài cho sức khoẻ người sử dụng.*  **3. Các biện pháp giữ vệ sinh an toàn thực phẩm:**  -Thảo luận cùng bạn.  - Đại diện trình bày.  - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  *+Thức ăn tươi, sạch là thức ăn có giá trị dinh dưỡng, không bị ôi, thiu, héo, úa, mốc, …*  *+ Rau mềm nhũn, có màu hơi vàng là* *rau bị úa, thịt thâm có mùi lạ, không dính là thịt đã bị ôi.*  *+ Khi mua đồ hộp cần chú ý đến hạn sử dụng, không dùng những loại hộp bị thủng, phồng, han gỉ.*  *+ Vì như vậy mới đảm bảo thức ăn và dụng cụ nấu ăn đã được rửa sạch sẽ.*  *+ Nấu chín thức ăn giúp ta ăn ngon miệng, không bị đau bụng, không bị ngộ độc, đảm bảo vệ sinh.*  -HS cả lớp.  - Tìm hiểu xem gia đình mình làm cách nào để bảo quản thức ăn tốt.  - Tìm hiểu về môt số loại rau hay hoa quả không chế biến cùng các loại thực phẩm vì có thể gây ngộ độc. VD: rau cải với nước luộc gà, dưa hấu với thịt chó,... | **HĐ1: Tìm hiểu lí do cần ăn nhiều rau và quả chín hàng ngày**.  **Bước 1**:  -Yêu cầu HS xem lại sơ đồ tháp dinh dưỡng cân đối và nhận xét xem *các loại rau và quả chín được khuyên dùng với liều lượng như thế nào?*  **Bước 2**: GV tổ chức cho cả lớp trả lời câu hỏi:  *+ Kể tên một số loại rau, quả các em vẫn ăn hằng ngày?*  *+ Ăn rau và quả chín hàng ngày có lợi ích gì?*  ***GV: Ăn phối hợp nhiều loại rau, quả để có đủ vi-ta-min, chất khoáng cần thiết cho cơ thể. Các chất xơ trong rau, quả còn giúp chống táo bón. Vì vậy hàng ngày chúng ta nên chú ý ăn nhiều rau và hoa quả.***  **HĐ2: Xác định tiêu chuẩn thực phẩm sạch và an toàn**:  - GV yêu cầu HS đọc mục Bạn cần biết, quan sát hình 3,4 để thảo luận câu hỏi:  + Theo bạn thế nào là thực phẩm sạch và an toàn?    - GV nhận xét, chốt, khen/ động viên.  **HĐ3: Thảo luận về các biện pháp giữ vệ sinh an toàn thực phẩm:**  **Bước 1**: Chia lớp thành 3 nhóm, mỗi nhóm thực hiện 1 nhiệm vụ.  **\*Nhóm1:** Thảo luận về:  *+ Hãy nêu cách chọn thức ăn tươi, sạch.*  *+ Làm thế nào để nhận ra thức ăn ôi,* héo?  **\*Nhóm2:**  *+ Khi mua đồ hộp em cần chú ý điều gì?*  **\* Nhóm3:**  *+ Tại sao phải sử dụng nước sạch để rửa thực phẩm và dụng cụ nấu ăn?*  *+ Nấu chín thức ăn có lợi gì?*  **Bước 2**: Làm việc cả lớp  - GV nhận xét, chốt kiến thức.  **4. Hoạt động ứng dụng *(1p)***  **5. Hoạt động sáng tạo** *(1p)* |

**ĐIỀU CHỈNH-BỔ SUNG**

...................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

*Thứ ....... ngày ...... tháng ..... năm .........*

**LUYỆN TỪ VÀ CÂU**

**DANH TỪ**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

**-**  Hiểu danh từ là những từ chỉ sự vật (người, vật, hiện tượng, hoặc đơn vị).

**2. Kĩ năng**

- Tìm được danh từ theo yêu cầu và đặt câu với danh từ đó

**3. Thái độ**

- Tích cực, tự giác học bài..

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL tự học, NL ngôn ngữ, NL sáng tạo

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV:+ Giấy khổ to viết sẵn các nhóm danh từ+ bút dạ.

+Tranh (ảnh) về con sông, cây dừa, trời mưa, quyển truyện…(nếu có)

- HS: Vở BT, bút, ..

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm.

- KT: động não, đặt câu hỏi, chia sẻ, ...

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBHT điề hành lớp trả lời-nhận xét  *+Gian dối.*  *- Gian dối là tính xấu.*  *+ Thật thà.*  *- Hương là một người bạn thật thà*. | **1. Khởi động *(5p)***  *+ Tìm từ trái nghĩa với trung thực và đặt câu với 1 từ vừa tìm được.*  *+ Tìm từ cùng nghĩa với trung thực và đặt câu với 1 từ vừa tìm được.*  - Nhận xét, khen/ động viên.  - Dẫn vào bài mới |
| **2. Hình thành kiến thưc mới***:(12p)*  **\* Mục tiêu: -**Tìm được các từ chỉ sự vật và xếp vào các nhóm danh từ cho trước.  - Hiểu thế nào là danh từ  **\* Cách tiến hành:** | |
| - 1 hs đọc ví dụ.  - Nhóm 2 hs thảo luận-chia sẻ lớp  - TBHT lên gạch chân các từ mà các nhóm báo cáo:  *+Dòng 1: truyện cổ*  *+Dòng 2: cuộc sống, tiếng, xưa*  *+Dòng 3: cơn, nắng. mưa*  *+Dòng 4:con, sông, rặng, dừa*  *+Dòng 5: đời, cha, ông*  *+Dòng 6:con, sông, chân, trời*  *+Dòng 7:truyện cổ*  *+Dòng 8: mặt, ông cha*  - 1 hs đọc đề bài.  - Hs làm bài theo nhóm 4, trình bày kết quả trước lớp  *+ông cha, cha ông*  *+sông, dừa, chân trời*  *+ nắng, mưa*  *+con, rặng*  - HS nhắc lại  - HS đọc ghi nhớ  - Lấy VD về danh từ | **a. Nhận xét**  **Bài 1**:  - Gọi hs đọc ví dụ ở SGK  - Yêu cầu HS làm việc nhóm 2 tìm các từ chỉ sự vật trong mỗi dòng thơ  - GV nhận xét, chốt và bổ sung các từ HS tìm còn thiếu  **Bài 2:** ***(không yêu cầu tìm danh từ chỉ khái niệm)***  Xếp các từ em mới tìm được vào nhóm  *+Từ chỉ người ;*  *+Từ chỉ vật ;*  *+Từ chỉ hiện tượng.*  *+ Từ chỉ đơn vị*  ***- GV: Các từ chỉ người, chỉ vật, chỉ hiện tượng, chỉ đơn vị gọi là danh từ***  **b.Ghi nhớ**:  - Gọi HS đọc ghi nhớ ở sgk.  - Kết luận, chuyển hoạt động |
| **2 . Thực hành***:(30p)*  **\* Mục tiêu:** Tìm được danh từ theo yêu cầu  Đặt câu được với dan từ vừa tìm  **\* Cách tiến hành**: Cá nhân- Nhóm- Lớp | |
| **Nhóm 2 -Lớp**  - 1 hs đọc đề bài.  - Nhóm 2 hs thảo luận-Chia sẻ trước lớp  - TBHT điều khiển các nhóm báo cáo  **Cá nhân -Lớp**  - HS làm cá nhân-Chia sẻ trước lớp  - 3 HS đại diện cho 3 tổ lên bảng đặt câu.  - HS nhận xét, đánh giá  *+ Hình thức: Đầu câu viết hoa, cuối câu có dấu chấm*  *+ Nội dung: Diễn đạt trọn vẹn 1 ý*  - Ghi nhớ khái niệm về danh từ  - Tìm hiểu thêm về danh từ chỉ khái niệm qua các bài tập trong SGK | **Bài 1:** Em hãy tìm:  +2 danh từ chỉ người  +2 danh từ chỉ vật  + 2 danh từ chỉ hiện tượng  +2 danh từ chỉ đơn vị  - Chốt lại: *Thế nào là danh từ?*  **Bài 2**: Đặt câu với 1 danh từ vừa tìm được ở bài 1  *+ Khi đặt câu cần lưu ý diều gì?*  **4. HĐ ứng dụng *(1p)***  **5. HĐ sáng tạo *(1p)*** |

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

...................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TOÁN**

***Tiết 25:* BIỂU ĐỒ (tiếp theo)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- Bước đầu làm quen với biểu đồ cột .

**2. Kĩ năng**

- Biết đọc một số thông tin trên biểu đồ cột

**3. Thái độ**

- Làm việc tích cực

**4. Góp phần phát triển các NL**

- NL tự học, làm việc nhóm, tính toán

\* Bài tập cần làm :Bài 1, bài 2 (a)

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV:Phóng to, hoặc vẽ sẵn vào bảng phụ biểu đồ *Số chuột của 4 thôn đã diệt.*

- HS: Vở BT, bút, sgk

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Quan sát, hỏi đáp, thảo luận nhóm, trò chơi học tập

- KT: động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - HS cùng hát và vận động dưới sự điều hành của TBVN | **1.Khởi động***:(5p)*  - GV dẫn vào bài mới |
| **2. Hình thành kiến thức mới***:(15p)*  **\* Mục tiêu:** H**S** bước đầu biết về biểu đồ cột và đọc được thông tin trên biểu đồ cột  \* **Cách tiến hành**: | |
| -HS quan sát biểu đồ, đọc tên biểu đồ  *+ Là biểu đồ mà số liệu được biểu diễn bằng các cột*  - HS làm việc nhóm 2 – Chia sẻ lớp  *+Biểu đồ có 4 cột.*  *+Dưới chân các cột ghi tên của 4 thôn.*  *+Trục bên trái của biểu đồ ghi số con chuột đã được diệt.*  *+Là số con chuột được biểu diễn ở cột đó.*  - HS làm việc nhóm 4- Báo cáo  - TBHT điều hành hoạt động báo cáo  +*Của 4 thôn là thôn Đông, thôn Đoài, thôn Trung, thôn Thượng.*  *+Thôn Đông diệt được 2000 con chuột.*  *.*  *+Thôn Đoài diệt được 2200 con chuột. Thôn Trung diệt được 1600 con chuột. Thôn Thượng diệt được 2750 con chuột.*  *+Cột cao hơn biểu diễn số con chuột nhiều hơn, cột thấp hơn biểu diễn số con chuột ít hơn.*  *+Thôn diệt được nhiều chuột nhất là thôn Thượng, thôn diệt được ít chuột nhất là thôn Trung.*  *+Cả 4 thôn diệt được:*  *2000 + 2200 + 1600 + 2750 = 8550 con chuột.*  *+Thôn Đoài diệt được nhiều hơn thôn Đông là:*  *2200 – 2000 = 200 con chuột.*  *+Thôn Trung diệt được ít hơn thôn Thượng là:*  *2750 – 1600 = 1150 con chuột.*  *+Có 2 thôn diệt được trên 2000 con chuột đó là thôn Đoài và thôn Thượng.* | **a.Giới thiệu biểu đồ hình cột**: **Số chuột 4 thôn đã diệt**:  -GV treo biểu đồ.  *+ Thế nào là biểu đồ cột?*  - GV yêu cầu thảo luận nhóm 2:  *+Biểu đồ có mấy cột ?*  *+Dưới chân các cột ghi gì ?*  *+Trục bên trái của biểu đồ ghi gì ?*  *+Số được ghi trên đầu mỗi cột là gì ?*    -GV phát phiếu học tâp cho nhóm 4:  *+Biểu đồ biểu diễn số chuột đã diệt được của các thôn nào ?*  *+Thôn Đông diệt được bao nhiêu con chuột ?*  *+Hãy nêu số chuột đã diệt được của các thôn Đoài, Trung, Thượng.*  *+Như vậy cột cao hơn sẽ biểu diễn số con chuột nhiều hơn hay ít hơn ?*    *+Thôn nào diệt được nhiều chuột nhất ? Thôn nào diệt được ít chuột nhất ?*  *+Cả 4 thôn diệt được bao nhiêu con chuột ?*  *+Thôn Đoài diệt được nhiều hơn thôn Đông bao nhiêu con chuột ?*  *+Thôn Trung diệt được ít hơn thôn Thượng bao nhiêu con chuột ?*  *+Có mấy thôn diệt được trên 2000 con chuột ? Đó là những thôn nào ?*  - GV tổng kết, chuyển hoạt động |
| **3. Hoạt động thực hành***:(15p)*  **\* Mục tiêu:** HS bước đầu biết đọc biểu đồ cột  **\* Cách tiến hành:** | |
| **- Cá nhân- Chia sẻ lớp**  - HS đọc yêu cầu:  - TBHT điều hành các bạn trả lời  *+Biểu đồ hình cột, biểu diễn số cây của khối lớp 4 và lớp 5 đã trồng.*  *+Lớp 4A, 4B, 5A, 5B, 5C.*  *+Lớp 4A trồng được 35 cây, lớp 4B trồng được 28 cây, lớp 5A trồng được 45 cây, lớp 5B trồng được 40 cây, lớp 5C trồng được 23 cây.*  *+Khối lớp 5 có 3 lớp tham gia trồng cây, đó là 5A, 5B, 5C.*  *+Có 3 lớp trồng được trên 30 cây đó là lớp 4A, 5A, 5B.*  *-Lớp 5A trồng được nhiều cây nhất.*  *-Lớp 5C trồng được ít cây nhất.*  *-Số cây của cả khối lớp 4 và khối lớp 5 trồng được là:*  *35 + 28 + 45 + 40 + 23 = 171 (cây)*  **Cá nhân-Lớp**  **-** HS đọc yêu cầu  -HS nhìn SGK và đọc: năm 2001 – 2002 có 4 lớp, năm 2002 – 2003 có 3 lớp, năm 2003 – 2004 có 6 lớp, năm 2004 – 2005 có 4 lớp.  *+Điền vào những chỗ còn thiếu trong biểu đồ rồi trả lời câu hỏi.*  *+Biểu diễn số lớp Một của năm học 2001 - 2002.*  *+ Điền 4, vì đỉnh cột ghi số lớp Một của năm 2001 – 2002.*  *Biểu diễn 3 lớp.*  *+ Năm 2002 – 2003 trường Hòa Bình có 3 lớp Một.*  -3 HS lên bảng làm bài, mỗi HS làm 1 ý của bài 2 câu b  - Hoàn thiện vở BTT  - Sưu tầm một biểu đồ hình cột khác trong sách LS-ĐL | **Bài 1:**  - GV yêu cầu HS quan sát biểu đồ sgk  *+ Biểu đồ này là biểu đồ hình gì ? Biểu đồ biểu diễn về cái gì ?*  *+Có những lớp nào tham gia trồng cây?*  *+ Hãy nêu số cây trồng được của từng lớp.*    *+Khối lớp 5 có mấy lớp tham gia trồng cây, đó là những lớp nào ?*  *+ Có mấy lớp trồng được trên 30 cây ? Đó là những lớp nào ?*  *+ Lớp nào trồng được nhiều cây nhất ?*  *+ Lớp nào trồng được ít cây nhất ?*  *+ Số cây trồng được của cả khối lớp 4 và khối lớp 5 là bao nhiêu cây ?*    **Bài 2 a (Với HSNK yêu cầu hoàn thành cả bài)**  -GV yêu cầu HS đọc số lớp 1 của trường tiểu học Hòa Bình trong từng năm học.  *+ Bài toán yêu cầu chúng ta làm gì ?*  *+ Cột đầu tiên trong biểu đồ biểu diễn gì?*  *+ Trên đỉnh cột này có chỗ trống, em điền gì vào đó ? Vì sao ?*  *+Cột thứ 2 trong bảng biểu diễn mấy lớp ?*  *+ Năm học nào thì trường Hòa Bình có 3 lớp Một ?*  *- Vậy ta điền năm học 2002 – 2003 Vào chỗ trống dưới cột 2.*  *+ GV yêu cầu HS tự làm với 2 cột còn lại.*  -GV kiểm tra phần làm bài của một số HS, sau đó chuyển sang phần b.  -GV yêu cầu HS tự làm phần b.  -GV chữa bài, nhận xét, đánh giá HS.  **4. HĐ ứng dụng (*1p)***  **5. HĐ sáng tạo *(1p)*** |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................... **\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

**TẬP LÀM VĂN**

**ĐOẠN VĂN TRONG BÀI VĂN KỂ CHUYỆN**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Có hiểu biết ban đầu về đoạn văn kể chuyện (ND ghi nhớ).

**2. Kĩ năng**

- Biết vận dụng những hiểu biết đã có để tạo dựng một đoạn văn kể chuyện.

**3. Thái độ**

- Tích cực, tự giác học bài.

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL tự học, Sử dụng ngôn ngữ, NL sáng tạo

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Tranh minh hoạ truyện Hai mẹ con và bà tiên trang 54, SGK (phóng to nếu có điều kiên), Bảng phụ.

- HS: Vở BT, sgk.

**2. Phương pháp, kĩ thuât**

- PP: Hỏi đáp, thảo luận nhóm, quan sát.

- KT: đặt câu hỏi, động não, chia sẻ nhóm 2

**II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBHT điều hành lớp trả lời, nhận xét  *+ Cốt truyện là một chuỗi sự việc làm nòng cốt cho diễn biến của truyện*  *+ Cốt truyện gồm có ba phần: phần mở đầu, diễn biến, kết thúc.* | **1. Khởi động *(5p)***  *+ Cốt truyện là gì?*  *+ Cốt truyện gồm những phần nào?*  - Nhận xét, khen/ động viên.  - Chuyển ý vào bài mới |
| **2. Nhận diện, đặc điểm loại văn***:(15p)*  **\* Mục tiêu:** Có hiểu biết ban đầu về đoạn văn kể chuyện (ND ghi nhớ).  **\* Cách tiến hành: Cá nhân-Lớp** | |
| - Đọc lại truyện: “Những hạt thóc giống” và **làm việc nhóm 4 – Chia sẻ trước lớp:**  *+ Sự việc 1: Nhà Vua muốn tìm người trung thực để truyền ngôi, nghĩ ra kế: luộc chín thóc giống rồi giao cho dân chúng, giao hẹn: ai thu được nhiều thóc sẽ truyền ngôi cho (đoạn 1)*  *+ Sự việc 2: Chú bé Chôm dốc công chăm sóc mà thóc chẳng nẩy mầm.(đoạn 2)*  *+ Sự việc 3: Chôm dám tâu vua sự thật trước sự ngạc nhiên của mọi người.(đoạn 3)*  *+Sự việc 4: Nhà Vua khen ngợi Chôm trung thực và dũng cảm đã quyết định truyền ngôi cho Chôm.(đoạn 4)*  **- Cá nhân – Lớp**  *+ Chỗ mở đầu đoạn văn là chỗ đầu dòng, viết lùi vào 1 ô. Chỗ kết thúc đoạn văn là chỗ chấm xuống dòng.*  *+ Ở đoạn 2 khi kết thúc lời thoại cũng viết xuống dòng nhưng không phải là một đoạn văn.*  **- Học sinh làm nhóm 2-Chia sẻ lớp**  *+ Kể về một sự việc trong một chuỗi sự việc làm cốt truyện của truyện.*  *+ Đoạn văn được nhận ra nhờ dấu chấm xuống dòng.*  - Hs đọc ghi nhớ | **\* Nhận xét**  **Bài 1**:  *+ Những sự việc tạo thành cốt truyện:*  *“Những hạt thóc giống”?*  *+ Mỗi sự việc được kể trong đoạn văn nào?*  **Bài 2:**  *+ Dấu hiệu nào giúp em nhận ra chỗ mở đầu và chỗ kết thúc đoạn văn?*  *+ Em có nhận xét gì về dấu hiệu này của đoạn 2?*  =>Giáo viên chốt ý:  **Bài 3:**  *+ Mỗi đoạn văn trong bài văn kể chuyện kể điều gì?*  *+ Đoạn văn được nhận ra nhờ dấu hiệu nào?*  **b.Ghi nhớ:**  **- GV:*Mỗi đoạn văn trong bài văn kể chuyện kể một sự việc trong một chuỗi sự việc làm nòng cốt cho diễn biến của truyện. Hết một đoạn văn, cần chấm xuống dòng.*** |
| **3. Thực hành***:(18p)*  **\* Mục tiêu:** HS biết vận dụng những hiểu biết đã có để tạo dựng một đoạn văn kể chuyện.  **\* Cách tiến hành:** Cá nhân-Nhóm-Lớp | |
| - HS quan sát 2 bức tranh  - Học sinh đọc nội dung và yêu cầu bài tập  **- HS thảo luận nhóm 2- Chia sẻ lớp**  *+ Câu chuyện kể về một em bé vừa hiếu thảo, vừa trung thực, thật thà.*  *+ Đoạn 1 và 2 đã hoàn chỉnh, đoạn 3 còn thiếu.*  *+ Đoạn 1 kể về cuộc sống và tình cảm của 2 mẹ con: Nhà nghèo phải làm lụng vất vả quanh năm.*  *+ Mẹ cô bé ốm nặng, cô bé đi tìm thầy thuốc.*  *+ Phần thân đoạn*  *+ Kể việc cô bé kể lại sự việc cô bé trả lại người đánh rơi túi tiền.*  - Học sinh viết vào vở - Chia sẻ đoạn viết trong nhóm 4  - Đọc bài làm của mình trước lớp  - Nhận xét bài của bạn  - Ghi nhớ hình thức đoạn văn  - Kể lại hoàn chỉnh câu chuyện sau khi đã viết hoàn thiện đoạn văn | **- Cho HS quan sát tranh**  - GV đặt câu hỏi  ***+*** *Câu chuyện kể lại chuyện gì?*  *+ Đoạn nào đã viết hoàn chỉnh? Đoạn nào còn thiếu?*  *+ Đoạn 1 kể sự việc gì?*  *+ Đoạn 2 kể sự việc gì?*  *+ Đoạn 3 còn thiếu phần nào?*  *+ Phần thân đoạn theo em kể lại chuyện gì?*  - Giáo viên nhận xét, đánh giá chung  **4. Hoạt động ứng dụng *(1p)***  **5. HĐ sáng tạo *(1p)*** |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**ĐỊA LÍ (CT HIỆN HÀNH)**

**Trung du BẮc BỘ**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Nêu được một số đặc điểm tiêu biểu về địa hình của trung du Bắc Bộ: Vùng đồi với đỉnh tròn, sườn thoải, xếp cạnh nhau như bát úp.

- Nêu được một số hoạt động sản xuất chủ yếu của người dân trung du

**2. Kĩ năng**

- Sử dụng tranh, ảnh để nhận biết một số hoạt động sản xuất của người dân: trồng cây ăn quả, trồng rừng và cây công nghiệp; quy trình chế biến chè.

- Kĩ năng đọc bảng số liệu để nhận xét về việc trồng rừng.

**3. Thái độ**

- Biết trân quý người dân trên mọi miền Tổ quốc

**4. Góp phần phát triển các năng lực:**

- NL tự chủ, NL giải quyết vấn đề, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ

*\* BVMT: Nêu tác dụng của việc trồng rừng ở trung du Bắc Bộ: che phủ đồi, ngăn cản tình trạng đất đang bị xấu đi.*

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV:+Bản đồ hành chính Việt Nam.

+Bản đồ Địa lí tự nhiên Việt Nam.

+Tranh, ảnh vùng trung du Bắc Bo

- HS: Vở, sách GK,...

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm.

- KT: đặt câu hỏi, trình bày một phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm 2

I**II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBHT điều hành lớp trả lời và nhận xét:  *+ Người dân ở Hoàng Liên Sơn làm những nghề trồng ngô, chè, trồng rau và cây ăn quả.. Nghề nông lànghề chính của họ*  *+ Hoàng Liện Sơn có một số khoáng sản: a-pa-tít, đồng, chì, kẽm,…* | **1.Khởi động:***(5p)*    *+ Người dân ở Hoàng Liên Sơn làm những nghề gì? Nghề nào là nghề chính?*  *+ Kể tên một số khoáng sản ở Hoàng Liên Sơn?*  - Nhận xét, khen/ động viên.  - GV chốt ý và giới thiệu bài |
| **2. Bài mới:***(30p)*  **\* Mục tiêu:** - Nêu được một số đặc điểm tiêu biểu về địa hình của trung du BB  - Nêu được một số hoạt động sản xuất chủ yếu của người dân.  - Nắm được quy trình chế biến chè  **\* Cách tiến hành: Nhóm-Lớp** | |
| **1.Vùng đồi với đỉnh tròn, sườn thoải:**  - HS đọc SGK và quan sát tranh 1,2,4.  - Làm việc nhóm 2-Chia sẻ trước lớp  *+ Một vùng đồi*  *+ Các đồi với các đỉnh tròn, sườn thoải, xếp cạnh nhau.*  *+ Nằm giữa miền núi và đồng bằng là một vùng đồi với các đỉnh tròn, sườn thoải, …gọi là trung du.*  *+ Mang những dấu hiệu vừa của đồng bằng vừa của miền núi.*  - 1 HS lên chỉ  **2.Chè và cây ăn quả ở trung du:**  -HS đọc SGK và quan sát tranh, ảnh.  - Thảo luận theo nhóm 4.  - Báo cáo kết quả.  *+ Vùng trung du thuận lợi cho việc phát triển cây ăn quả: cam, chanh, dứa, vải,..*  *+ Đồi chè ở Thái nguyên, trang trại vải ở Bắc Giang.*  - 1HS lên chỉ bản đồ.  *+ Thái Nguyên là nơi nổi tiếng có chè thơm ngon.*  *+ Để phục vụ cho nhu cầu trong nước và xuất khẩu.*  *+ Trong những năm gần đây, ở trung du Bắc Bộ đã xuất hiện trang trại chuyên trồng cây ăn quả đạt kinh tế cao.*  *+ Chè được hái ở đồi về người ta đem ra phân loại, rồi vò, sấy khô mang đóng gói hoặc đóng hộp.*  **3.Hoạt động trồng rừng và cây công nghiệp:**  -HS cả lớp quan sát tranh,ảnh .  *+ Vì rừng bị khai thác cạn kiệt do đốt phá rừng làm nương rẫy để trồng trọt và khai thác gỗ bừa bãi,…*  *+ Trồng cây công nghiệp lâu năm (keo, dầu, sở, ) và cây ăn quả .*  *+ Diện tích ngày càng tăng.*  - Lắng nghe, liên hệ  -2 HS đọc lại phần Ghi nhớ  - Sưu tầm tranh, ảnh về hoạt động trồng và bảo vệ rừng. | **HĐ 1: Nhóm 2-Lớp**  Yêu cầu 1 HS đọc mục 1 trong SGK, quan sát tranh, ảnh vùng trung du Bắc Bộ và trả lời các câu hỏi sau:  *+ Vùng trung du là vùng núi, vùng đồi hay đồng bằng?*  *+ Các đồi ở đây như thế nào?*  *+ Mô tả sơ lược vùng trung du.*  *+ Nêu những nét riêng biệt của vùng trung du Bắc Bộ?*  - GV cho HS chỉ trên bản đồ hành chính Việt Nam treo tường các tỉnh thuộc trung du BB: Thái Nguyên, Phú Thọ, Vĩnh Phúc, Bắc Giang  **HĐ2: Nhóm 4- Lớp**  -GV cho HS dựa vào kênh chữ và kênh hình ở mục 2 trong SGK và thảo luận nhóm theo câu hỏi gợi ý sau:  *+ Trung du Bắc Bộ thích hợp cho việc trồng những loại cây gì?*  *+ Hình 1, 2 cho biết những cây trồng nào có ở Thái Nguyên và Bắc Giang?*  - Xác định vị trí hai địa phương này trên bản đồ địa lí tự nhiên Việt Nam.  *+ Em biết gì về chè Thái Nguyên?*  *+ Chè ở đây được trồng để làm gì?*  *+ Trong những năm gần đây, ở trung du Bắc Bộ đã xuất hiện trang trại chuyên trồng loại cây gì?*  *+ Quan sát hình 3 và nêu quy trình chế biến chè.*    - GV tổng kết, nhận xét, chuyển hoạt động  **HĐ3: Cả lớp:**  **-** GV cho HS cả lớp quan sát tranh, ảnh đồi trọc  *+ Vì sao ở vùng trung du Bắc Bộ lại có những nơi đất trống, đồi trọc?*  *+ Để khắc phục tình trạng này, người dân nơi đây đã trồng những loại cây gì?*  *+ Dựa vào bảng số liệu, nhận xét về diện tích rừng mới trồng ở Phú Thọ trong những năm gần đây.*  - GV liên hệ với thực tế để giáo dục cho HS ý thức bảo vệ rừng và tham gia trồng cây: Đốt phá rừng bừa bãi làm cho diện tích đất trống, đồi trọc mở rộng tài nguyên rừng bị mất, đất bị xói mòn, lũ lụt tăng; cần phải bảo vệ rừng, trồng thêm rừng ở nơi đất trống .  **3. Hoạt động ứng dụng *(2p)***  **4. Hoạt động sáng tạo** *(1p)* |

**ĐIỀU CHỈNH-BỔ SUNG**

**SINH HOẠT**

**ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC TUẦN 5**

**I. MỤC TIÊU:**

- Nắm đ­­ược ưu - khuyết điểm trong tuần.

- Phát huy ­­ưu điểm, khắc phục nh­­ược điểm.

- Biết đ­­ược phư­ơng h­­ướng tuần tới.

- GD HS có tinh thần đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau.

- Thực hiện an toàn giao thông khi đi ra đư­­ờng.

**II. CHUẨN BỊ:**

- GV: Nắm được ưu – khuyết điểm của HS trong tuần

- HS: Chủ tịch Hội đồng tự quản và các Trưởng ban chuẩn bị ND báo cáo.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG CHÍNH:**

***1. Khởi động***

- Lớp tham gia trò chơi: Bịt mắt đoán vật

***2. Lớp báo cáo hoạt động trong tuần:***

- 4 Trưởng ban lên nhận xét các thành viên trong tổ và xếp loai từng thành viên.

- Tổ viên các tổ đóng góp ý kiến.

- Chủ tịch HĐTQ lên nhận xét chung các ban.

- GV nhận xét chung:

+ Nề nếp:

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

+ Học tập:

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

***3. Ph­ương h­­ướng tuần sau:***

- Tiếp tục thi đua: Học tập tốt, thực hiện tốt nề nếp, vâng lời thầy cô, nói lời hay làm việc tốt.

.................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

***4. Lớp văn nghệ - múa hát tập thể.***

**TUẦN 6** *Thứ ....... ngày ...... tháng ..... năm .........*

**TẬP ĐỌC**

**NỖI DẰN VẶT CỦA AN- ĐRÂY-CA**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Hiểu được nghĩa một số từ ngữ khó trong bài: dằn vặt, khóc nấc lên, nức nở

- Hiểu ND bài: Hiểu ND: Nỗi dằn vặt cảu An-đrây-ca thể hiện trong tình yêu thương, ý thức trách nhiệm với người thân, lòng trung thực và sự nghiêm khắc với lỗi lầm của bản thân (trả lời được các câu hỏi trong SGK)

**2. Kĩ năng**

- Đọc rành mạch, trôi chảy; biết đọc với giọng kể chậm rãi, tình cảm, bước đầu biết phân biệt lời nhân vật với lời người kể chuyện.

**3. Thái độ**

- Giáo dục HS đức tính trung thực, tình cảm yêu thương gia đình

**4. Góp phần phát triển năng lực**

**-** Năng lực tự học, NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ.

*\** ***GDKNS****: Xác định giá trị ; Nhận thức về bản thân; Tư duy phê phán .*

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Tranh minh họa SGK, bảng phụ ghi đoạn cần luyện đọc.

- HS: SGK, vở,..

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- Phương pháp: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm, đóng vai

- Kĩ thuật: Kĩ thuật đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | | **Hoạt động của giáo viên** |
| **-TBHT điều hành:**  - 1 HS đọc  *+ Cáo đon đả mời chào Gà xuống đất để báo cho Gà biết: Từ nay muôn loài đã kết thân…*  *+ Hãy luôn luôn cảnh giác giống như chú Gà Trồng* | | **1. Khởi động:** *(3p)*  - Đọc thuộc lòng bài Gà Trống và Cáo  *+ Cáo đã làm gì để dụ Gà Trống xuống?*  *+ Câu chuyện khuyên chúng ta điều gì?*  - GV nhận xét, tuyên dương, dẫn vào bài mới |
| **2. Luyện đọc:** *(8-10p)*  **\* Mục tiêu:** HS biết nhận diện đoạn văn, đọc đúng, đọc rành mạch, trôi chảy và giải nghĩa được một số từ ngữ.  \* **Cách tiến hành:** | | |
| - 1 HS đọc bài, cả lớp đọc thầm  - Lớp trưởng điều hành cách chia đoạn  - Bài chia làm 2 đoạn:  +Đoạn 1: An-đrây-ca.....mang về nhà.  +Đoạn 2: Bước vào phòng......ít năm nữa.  - Nhóm trưởng điều hành nhóm đọc nối tiếp đoạn trong nhóm lần 1 và phát hiện các từ ngữ khó (*An- đrây- ca ; hoảng hốt , nấc lên nức nở.)*  - Luyện đọc từ khó: Đọc mẫu (M4)-> Cá nhân (M1)-> Lớp  - Giải nghĩa từ khó: *dằn vặt* (đọc phần chú giải)  - HS đọc nối tiếp đoạn lần 2 theo điều khiển của nhóm trưởng  - Các nhóm báo cáo kết quả đọc  - 1 HS đọc cả bài (M4) | - Gọi 1 HS đọc bài (M3)  - GV lưu ý giọng đọc cho HS: giọng kể chậm rãi, chú ý phân biệt lời của nhà vua và lời của chú bé Chôm  - GV chốt vị trí các đoạn:  - Lưu ý sửa lỗi đọc và ngắt nghỉ cho các HS (M1)    - Hướng dẫn giải nghĩa thêm một số từ:  *+ Em hiểu "khóc nấc lên" là khóc như thế nào?(khóc to, khóc thành từng cơn)*  *+****Chạy một mạch*** *là chạy như thế nào? (chạy thật nhanh, không nghỉ)* | |
| **3.Tìm hiểu bài:** *(8-10p)*  **\* Mục tiêu:** HS hiểu được nội dung bài học, nêu được nội dung đoạn, bài.  **\* Cách tiến hành: *Làm việc cá nhân – Chia sẻ cặp đôi – Chia sẻ trước lớp*** | | |
| - Nhóm trưởng điều hành nhóm mình thảo luận để trả lời câu hỏi *(5p)*  - TBHT điều hành việc báo cáo, nhận xét  *+ An - đrây – ca lúc đó 9 tuổi, em sống với mẹ và ông đang bị ốm rất nặng.*  *+Cậu nhanh nhẹn đi mua ngay.*  *+ An- đrây- ca gặp mấy cậu bạn đang đá bang và rủ nhập cuộc, Mải chơi nen cậu quên lời mẹ dặn. Mãi sau mới nhớ ra, cậu chạy một mạch đến cửa hàng mua thuốc mang về.*  **1. An - đrây- ca mải chơi quên lời mẹ dặn.**  *+ An-đrây-ca hoảng hốt thấy mẹ đang khóc nấc lên, ông cậu đã ra đời.*  *+ Cậu ân hận vì mình mải chơi nên mang thuốc về chậm mà ông mất. Cậu oà khóc, dằn vặt kể cho mẹ nghe.*  *+ Cậu oà khóc khi biết ông qua đời, cậu cho rằng đó là nỗi của mình. Cậu kể hết cho mẹ nghe, cả đêm ngồi dưới gốc cây táo do ông trồng.*  *+ An- đrây-ca rất yêu thương ông, lại không thể tha thứ cho mình vì chuyện mải chơi mà mua thuốc về chậm. để ông mất*  **2. Nỗi dằn vặt của An - đrây - ca**.  **-*Cậu bé An-đrây-ca là người yêu thương ông, có ý thức trách nhiệm với người thân. Cậu rất trung thực và nghiêm khắc với bản thân về lỗi lầm của mình.***  - HS ghi vào vở - nhắc lại nội dung | - GV đưa các câu hỏi theo phiếu giao việc:  *+ Khi câu chuyện xảy ra An - đrây – ca mấy tuổi, hoàn cảnh gia đình em lúc đó như thế nào?*  *+ Khi mẹ bảo An - đrây – ca đi mua thuốc cho ông thái độ của cậu như thế nào?*  *+ An - đrây-ca làm gì trên đường đi mua thuốc cho ông.*  *+ Đoạn 1 kể với em chuyện gì?*  *+ Chuyện gì xảy ra khi An-đrây- ca mang thuốc về nhà?*  *+ Thái độ của An- đrây- ca lúc đó như thế nào?*    *+ An - đrây-ca tự dằn vặt mình như thế nào?*  *+ Câu chuyện cho em thấy An - đrây- ca là một cậu bé như thế nào?*  *+ Nội dung đoạn 2 là gì?*  *+ Qua câu chuyện trên em thấy dược điều gì từ An - đrây - ca?*  - GV ghi nội dung lên bảng.  ***GDKNS: Chúng ta phải có đức tính trung thực và dũng cảm trong học tập và trong cuộc sống. Đó là đức tính tốt, giúp chúng ta tiến bộ*** | |
| **3. Luyện đọc diễn cảm:** *(8-10p)*  **\* Mục tiêu: HS** biết đọc diến cảm và đọc phân vai bài TĐ.  **\* Cách tiến hành: Hoạt động cá nhân – nhóm - cả lớp** | | |
| HS thảo luận phát hiện lời của nhân vật, hiểu được thái độ của từng nhân vật  - 1 HS M4 đọc mẫu toàn bài  - Nhóm trưởng điều khiển nhóm đọc phân vai cả bài  + Phân vai trong nhóm  + Luyện đọc phân vai trong nhóm.  - Thi đọc phân vai trước lớp  - Lớp nhận xét, bình chọn.  - HS nêu suy nghĩ của mình  **-**  Đặt tên khác cho câu truyện | + Yêu cầu HS nêu giọng đọc toàn bài.  - GV nhận xét chung  **4. Hoạt động ứng dụng** *(1 phút)*  - Qua bài đọc, em rút ra bài học gì?  **5. Hoạt động sáng tạo** *(1 phút)* | |

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TOÁN**

***Tiết 26:* LUYỆN TẬP**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Củng cố kiến thức về biểu đồ tranh, biểu đồ cột

**2. Kĩ năng**

- Đọc được một số thông tin trên biểu đồ.

**3. Thái độ**

- HS có thái độ học tập tích cực.

**4. Góp phần phát triển năng lực:**

**-** Năng lực tự học, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL tư duy - lập luận logic.

\*Bài tập cần làm: BT 1; 2.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Các biểu đồ trong bài học.

- HS: Vở BT, SGK,

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- Phương pháp vấn đáp, động não, quan sát, thực hành, đặt và giải quyết vấn đề, hoạt động nhóm.

- Kĩ thuật đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC;**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBVN điều hành lớp khởi động bằng bài hát vui nhộn tại chỗ | **1. Khởi động:** *(5p)*  - GV giới thiệu vào bài |
| **2. Hoạt động thực hành***:(30p)*  **\* Mục tiêu:-** HS đọc được các thông tin trên biểu đồ tranh, biểu đồ cột  - So sánh được các thông tin  **\* Cách tiến hành: Cá nhân – Nhóm- Lớp** | |
| **Nhóm 2- Lớp**  *+ Biểu đồ biểu diễn số vải hoa và vải trắng đã bán trong tháng 9.*  - HS làm việc nhóm 2 và chia sẻ trước lớp.TBHT điều hành hoạt động báo cáo  *+ Sai. Vì tuần 1 bán 200m vải hoa và 100m vải trắng.*  *+ Đúng vì: 100m x 4 = 400m*  *+Đúng, vì: Tuần 1 bán được 300m, tuần 2 bán 300m, tuần 3 bán 400m, tuần 4 bán 200m. So sánh ta có: 400m > 300m > 200m.*  *+Tuần 2 bán được 100m x 3 = 300m vải hoa. Tuần 1 bán được 100m x 2 = 200m vải hoa, vậy tuần 2 bán được nhiều hơn tuần 1 là:   300m – 200m = 100m*  *+Điền đúng.*  *+Sai, vì tuần 4 bán được 100m vải hoa, vậy tuần 4 bán ít hơn tuần 2 là 300m – 100m = 200m vải hoa.*  **Cá nhân-Lớp**  **-** Hs đọc yêu cầu đề  - 1, 2 hoc sinh lên làm bảng lớp  - HS đối chiếu và chữa bài  a/ Tháng 7 có 18 ngày mưa  b/ Số ngày mưa tháng 8 nhiều hơn tháng 9 là: 15-3= 12 ( ngày )  c/ Số ngày mưa trung bình mỗi tháng là: (18 + 15 + 3) : 3 = 12 ( ngày )  - HS đọc yêu càu đề  -Biểu đồ: Số cá tàu Thắng Lợi bắt được.  +*Tháng 2 và tháng 3.*  *+Tháng 2 tàu bắt được 2 tấn, tháng 3 tàu bắt được 6 tấn.*  *+Cột rộng đúng 1 ô.*  *+ Cột cao bằng vạch số 2 vì tháng 2 bắt được 2 tấn cá.*  - HS vẽ vào sách bằng bút chì  - Ghi nhớ KT của bài  - Tìm hiểu về các loại biểu đồ khác. | **Bài 1:**  *+ Đây là biểu đồ biểu diễn gì ?*    *+ Tuần 1 cửa hàng bán được 2m vải hoa và 1m vải trắng, đúng hay sai ? Vì sao ?*  *+Tuần 3 cửa hàng bán được 400m vải, đúng hay sai ? Vì sao ?*  *+Tuần 3 cửa hàng bán được nhiều vải nhất, đúng hay sai ? Vì sao ?*    *+Số mét vải hoa tuần 2 cửa hàng bán nhiều hơn tuần 1 là bao nhiêu mét ?*  *+Vậy điền đúng hay sai vào ý thứ 4?*  *+ Nêu ý kiến của em về ý thứ năm ?*  **Bài 2:**  **-** GV gọi hs đọc yêu cầu đề  - HS làm bài vào vở  - GV nhận xét, đánh giá bài làm của HS (8-10 bài)  - Chốt lại cách tìm số TBC  **Bài 3 (*bài tập chờ dành cho HS ht sớm)***  - GV yêu cầu HS nêu tên biểu đồ.  *+ Biểu đồ còn chưa biểu diễn số cá của các tháng nào ?*  *+ Nêu số cá bắt được của tháng 2 và tháng 3.*  *+ Nêu bề rộng của cột.*  *+Nêu chiều cao của cột.*  -GV chữa bài.  **3. Hoạt động ứng dụng *(1p)***  **4. Hoạt động sáng tạo *(1p)*** |

**KHOA HỌC**

**MỘT SỐ CÁCH BẢO QUẢN THỨC ĂN**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Kể tên một số cách bảo quản thức ăn: làm khô, ướp lạnh, ướp mặn, đóng hộp, …

**2. Kĩ năng**

- Thực hiện một số biện pháp bảo quản thức ăn ở nhà.

**3. Thái độ**

- Có ý thức tham gia một số công việc đơn giản ở nhà..

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, hợp tác.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: + Các hình minh hoạ trang 24, 25 / SGK (phóng to nếu có điều kiện).

+ Một vài loại thức ăn đã được bảo quản.

- HS: Một vài loại rau, củ, quả

**2.Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: quan sát, hỏi đáp, thảo luận, trò chơi học tập, thí nghiệm

- KT: Động não, chia sẻ nhóm đôi, tia chớp

**II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt đông của của học sinh** | **Hoạt đông của giáo viên** |
| - HS trả lời dưới sự điều hành của TBHT | **1, Khởi động *(4p)***  *+ Vì sao cần ăn nhiều rau và quả chín?*  *+ Để thực hiện VS ATTP ta cấn làm gì?*  -GV nhận xét, khen/ động viên, dẫn vào bài mới. |
| **3.Bài mới:***(30p)*  **\* Mục tiêu: -** Nắm được một số cách bảo quản thực phẩm  - Thực hành bước sơ chế trước khi bảo quản thực phẩm  **\* Cách tiến hành: Cá nhân-Nhóm –Lớp** | |

*Thứ ....... ngày ...... tháng ..... năm .........*

**CHÍNH TẢ**

**NGƯỜI VIẾT TRUYỆN THẬT THÀ**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức:**

- Nghe - viết đúng đúng và trình bày đúng bài chính tả sạch sẽ, biết trình bày đoạn văn có lời nhân vật; không mắc quá năm lỗi trong bài.

- Hiểu nội dung đoạn cần viết

- Làm đúng bài tập chính tả phân biệt tiếng có phụ âm đầu s/x, các tiếng có thanh hỏi, thanh ngã.

**2. Kĩ năng:**

**-** Rèn kỹ năng viết đẹp, viết đúng chính tả.

**3. Thái độ:**

**-** Giáo dục tính cẩn thận, chính xác, yêu thích chữ viết

- Tính trung thực.

**4. Góp phần phát triển năng lực:**

**-** NL tự chủ và tự học, NL sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Bảng phụ, phiếu học tập.

- HS: Vở, bút,...

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- Phương pháp vấn đáp, động não, quan sát, thực hành, đặt và giải quyết vấn đề, hoạt động nhóm, trò chơi học tập.

- Kĩ thuật đặt câu hỏi, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - HS cùng hát kết hợp với vận động dưới sự điều hành của TBVN | **1. Khởi động:** *(2p)*  **\* Cách tiến hành:** Cả lớp cùng đứng dậy vừa hát kết hợp với vận động bài hát Baby Sharp.  - GV dẫn vào bài. |
| **2. Chuẩn bị viết chính tả:** *(6p)*  **\* Mục tiêu:** HS hiểu được nội dung bài CT, viết được các từ khó, dễ lẫn và các hiện tượng chính tả, biết cách trình bày đoạn văn.  **\* Cách tiến hành: Cá nhân- Nhóm – Lớp** | |
| - 1 học sinh đọc.  - HS thảo luận (2p) và báo cáo trước lớp  *+ Ông có tài tưởng tượng khi viết truyện ngắn, truyện dài.*  *+ Ông là người rất thật thà, nói dối là thẹn đỏ mặt*.  - Hs viết nháp từ khó: *Pháp, Ban-dắc, thẹn, ấp úng*  - HS đọc từ viết khó  - 1 hs đọc lại bài viết. Cả lớp đọc thầm | a. Trao đổi về nội dung đoạn cần viết  - Gọi HS đọc đoan cần viết  - Yêu cầu thảo luận nhóm 2:  *+ Nhà văn Ban- dắc có tài gì?*  *+ Trong cuộc sống, ông là người như thế nào?*  - Giáo dục HS tính trung thực |
| **3. Viết bài chính tả:** *(20p)*  **\* Mục tiêu:** Hs viết tốt đoạn chính tả do GV đọc. Trình bày sạch, đẹp, đúng hình thức đoạn văn  **\* Cách tiến hành:** | |
| - HS viết bài vào vở | - GV đọc bài  - GV giúp đỡ các HS M1, M2  - Lưu ý tư thế ngồi, cách để vở. |
| **4. Đánh giá và nhận xét bài:** *(5p)*  **\* Mục tiêu:** Giúp HS tự đánh giá được bài viết của mình và của bạn. Nhận ra các lỗi sai và sửa sai  **\* Cách tiến hành: Cá nhân- Cặp đôi** | |
| - Học sinh xem lại bài của mình, dùng bút chì gạch chân lỗi viết sai. Sửa lại xuống cuối vở bằng bút mực  - Trao đổi bài (cặp đôi) để soát hộ nhau  - Lắng nghe. | - Cho học sinh tự soát lại bài của mình theo.  - GV nhận xét, đánh giá 5 - 7 bài  - Nhận xét nhanh về bài viết của HS |
| **5. Làm bài tập chính tả:** *(5p)*  **\* Mục tiêu:** Giúp HS phân biệt được "l/n  **\* Cách tiến hành: Cá nhân-Cặp đôi- Chia sẻ trước lớp** | |
| **- Làm bài cá nhân – Chia sẻ cặp đôi – Lớp** các lỗi sai của mình về âm đầu l/n và về thanh hỏi/thanh ngã  **Cá nhân- Nhóm 2- Lớp**  +sạch sẽ, sạch sành sanh, sặc sỡ, sáng suốt, sâu sắc,...  + xanh xanh, xinh xinh, xinh xắn, xao xác, xúm xít, ....  - Viết lại các lỗi sai của bài chính tả vào sổ tay  - Tìm các câu đố nói về loài hoa hoặc một số đồ vật khác có tiếng chứa thanh ngã, thanh hỏi | **Bài 2:**  **Bài 3a:** Tìm các từ láy:  + Có tiếng chứa âm s  + Có tiếng chứa âm x  **6. Hoạt động ứng dụng** *(1p)*  **7. Hoạt động sáng tạo** *(1p)* |

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TOÁN**

***Tiết 27:* LUYỆN TẬP CHUNG**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Ôn tập các kiến thức về dãy số tự nhiên, biểu đồ, thời gian.

**2. Kĩ năng**

- Viết, đọc, so sánh được các số tự nhiên; nêu được giá trị của chữ số trong một số.

- Đọc được thông tin trên biểu đồ cột. Xác đinh được một năm thuộc thế kỉ nào .

**3. Thái độ**

- HS chăm chỉ học bài

**4. Góp phần phát huy các năng lực**

**-** Năng lực tự học, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL tư duy - lập luận logic.

\* BT cần làm: Bài 1, bài 3 (a, b, c), bài 4 (a, b)

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Bảng nhóm

-HS: VBT, vở nháp

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Hỏi đáp, quan sát, trò chơi học tập

- Kĩ thuật: đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của HS** | **Hoạt động của GV** |
| **-** Chơi trò chơi Chuyền điện | **1. Khởi động *(5p)***  - Tổ chức trò chơi củng cố về cách đọc các số có nhiều chữ số  - TK trò chơi- Dẫn vào bài |
| **2. Hoạt động thực hành (30p)**  **\* Mục tiêu**: Viết, đọc, so sánh được các số tự nhiên; nêu được giá trị của chữ số trong một số. Đọc được thông tin trên biểu đồ cột. Xác đinh được một năm thuộc thế kỉ nào .  **\* Cách tiến hành** | |
| **Cá nhân-Lớp**  - HS đọc yêu cầu đề  -1 HS lên bảng làm bài, lớp làm bài vào vở  Đ/a:  a. Số tự nhiên liền sau của số 2 835 917 là số 2 835 918  b. Số TN liền trước của số 2 835 917 là số 2 835 916  c. HS đọc số.  +Số 82 360 945, giá trị của chữ số 2 là 2 000 000  + Số 7 283 069 giá trị của chữ số 2 là 200 000  + Số 1 547 238 giá trị của chữ số 2 là 200  *+ Phụ thuộc vị trí của nó trong số*  **Nhóm 2 –Lớp**  - Hs đọc yêu cầu đề  *+Biểu đồ biểu diễn Số học sinh giỏi toán khối lớp Ba Trường tiểu học Lê Quý Đôn năm học 2004 – 2005.*  -HS làm bài nhóm 2- Chia sẻ lớp  - TBHT điều hành hoạt động báo cáo  *+Có 3 lớp đó là các lớp 3A, 3B, 3C.*  *+Lớp 3A có 18 học sinh, lớp 3B có 27 học sinh, lớp 3C có 21 học sinh.*  *+Lớp 3B có nhiều học sinh giỏi toán nhất, lớp 3A có ít học sinh gioi toán nhất.*  *+Trung bình mỗi lớp có số học sinh giỏi toán là:*  *(18 + 27 + 21) : 3 = 22 (học sinh)*  -HS làm bài, sau đó đổi chéo vở để kiểm tra bài của nhau.  a) Thế kỉ XX.  b) Thế kỉ XXI.  c) Từ năm 2001 đến năm 2100.  - HS làm vở Tự học và tự kiểm tra chéo cho nhau:  Bài 2:  a. 475 **9**36 > 475 836  b. 9**0**3 876 < 913 000  c. 5 tấn 175 kg > 5**0**75 kg  d. **2** tấn 750 kg = 2750 kg  Bài 5:  Các số tròn trăm lớn hơn 540 và nhỏ hơn 870 là: 600; 700; 800  Vậy x là 600; 700; 8000  - Ghi nhớ KT của bài  - Tìm các bài toán cùng dạng trong sách Toán buổi 2 và giải. | **Bài 1**  - GV yêu cầu HS đọc đề    - GV thu vở, nhận xét, đánh giá (8-10 bài)  -GV chữa bài và yêu cầu HS 2 nêu lại cách tìm số liền trước, số liền sau của một số tự nhiên.  *+ Giá trị của mỗi chữ số phụ thuộc gì?*  **Bài 3.(a,b,c)** HS đọc yêu cầu đề ***(HSNK làm hết bài)***  -GV yêu cầu HS quan sát biểu đồ và hỏi: *Biểu đồ biểu diễn gì ?*    *+Khối lớp Ba có bao nhiêu lớp ? Đó là các lớp nào ?*  *+Nêu số học sinh giỏi toán của từng lớp?*  *+Trong khối lớp Ba, lớp nào có nhiều học sinh giỏi toán nhất ? Lớp nào có ít học sinh giỏi toán nhất ?*  *+Trung bình mỗi lớp Ba có bao nhiêu học sinh giỏi toán ?*  **Bài 4(a,b)- *HSNK làm hết cả bài***  -GV yêu cầu HS tự làm bài vào vở  **Bài 2+ Bài 5** ***(Bài tập chờ dành cho HS hoàn thành sớm)***  **3. Hoạt động ứng dụng** *(1p)*  **4. Hoạt động sáng tạo** *(1p)* |

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**LỊCH SỬ**

**KhỞi nghĩa hai Bà Trưng (Năm 40)**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Kể ngắn gọn cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng (chú ý nguyên nhân khởi nghĩa, người lãnh đạo, ý nghĩa):

+ Nguyên nhân khởi nghĩa: Do căm thù quân xâm lược, Thi Sách bị Tô Định giết hại (trả nợ nước, thù nhà).

+ Diễn biến: Mùa xuân năm 40 tại cửa sông Hát, Hai Bà Trưng phất cờ khởi nghĩa, ... Nghĩa quân làm chủ Mê Linh, chiếm Cổ Loa rồi tấn công Luy Lâu, trung tâm của chính quyền đô hộ.

+ Ý nghĩa: Đây là cuộc khởi nghĩa đầu tiên thắng lợi sau hơn 200 năm nước ta bị các triều đại phong kiến phương Bắc đô hộ; thể hiện tinh thần yêu nước của nhân dân ta.

**2. Kĩ năng**

- Sử dụng lược đồ để kể lại nét chính về diễn biến cuộc khởi nghĩa.

**3. Thái độ**

- Giáo dục HS lòng tự hào dân tộc, căm thù giặc ngoại xâm.

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL ngôn ngữ, NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Lược đồ khởi nghĩa hai Bà Trưng, phiếu học tập của HS.

- HS: SGK, vở ghi, bút,..

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm.

- KT: Kĩ thuật đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBHT điều hành các bạn trả lời và nhận xét, bổ sung  *+ Chúng bắt dân ta lên rừng săn voi, xuống biển mò ngọc trai, ..*  *+ Không chịu sự áp bức bóc lột của chúng, nhân dân ta liên tục nổi day, đánh đuổi quân đô hộ…* | **1.Khởi động:***(4p)*  *+ Các triều đại phong kiến phương Bắc đã làm gì khi đô hộ nước ta?*  *+ Nhân dân ta đã phản ứng như thế nào?*  -GV nhận xét, khen/động viên, dẫn vào bài mới |
| **2.Bài mới:***(30p)*  ***\* Mục tiêu:-***  Kể ngắn gọn cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng  - Sử dụng lược đồ để kể lại nét chính về diễn biến cuộc khởi nghĩa.  ***\* Cách tiến hành:Cá nhân-Nhóm-Lớp*** | |
| - 1 HS đọc  **Thảo luận nhóm 2- Chia sẻ lớp**  - HS các nhóm thảo luận và nêu ý kiến của nhóm mình.  .  **Nhóm 4 – Lớp**  - HS dựa vào lược đồ và nội dung của bài để trình bày lại diễn biến chính của cuộc kn trong nhóm  - Đại diện nhóm trình bày trước lớp  **Cá nhân – Lớp**  *+ Trong vòng không đầy một tháng cuộc khởi nghĩa hoàn toàn thắng lợi…*  *+Sau hơn 2 thế kỉ bị phong kiến nước ngoài đô hộ …đã giành được độc lập.*  *+ Nhân dân ta rất yêu nước và truyền thống bất khuất chống ngoại xâm.*  - Sưu tầm tranh, ảnh, truyện kể, thơ, văn về cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng | **HĐ1: Nguyên nhân cuộc khởi nghĩa: Thảo luận nhóm:**  - GV yêu cầu HS đọc SGK từ “Đầu thế kỉ thứ I…trả thù nhà”.  - GV giải thích  + Giao Chỉ: thời nhà Hán đô hộ nước ta, vùng đất Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ chúng đặt là quận Giao Chỉ.  + Thái thú: là 1 chức quan cai trị 1 quận thời nhà Hán đô hộ nước ta.  - GV đưa vấn đề sau để HS thảo luận: *Khi tìm nguyên nhân của cuộc KN Hai Bà Trưng, có 2 ý kiến:*  *+ Do nhân dân ta căm thù quân xâm lược, đặt biệt là Thái Thú Tô Định.*  *+ Do Thi Sách, chồng của Bà Trưng Trắc bị Tô Định giết hại.*  *Theo em ý kiến nào đúng? Tại sao?*  - GV hướng dẫn HS kết luận sau khi các nhóm báo cáo kết quả làm việc: việc Thi Sách bị giết hại chỉ là cái cớ để cuộc kn nổ ra, nguyên nhân sâu xa là do lòng yêu nước, căm thù giặc của hai Bà.  **HĐ2: 2. Diễn biến**:  **-**  GV treo lược đồ lên bảng và giải thích cho HS cuộc kn Hai Bà Trưng diễn ra trên phạm vi rất rộng nhưng trong lược đồ chỉ phản ánh khu vực chính nổ ra cuộc kn.  - GV nhận xét tóm tắt lại diễn biến  **HĐ3: 3. Kết quả và ý nghĩa của cuộc khởi nghĩa:**  - GV yêu cầu HS cả lớp đọc SGK, hỏi:  *+ Khởi nghĩa hai Bà Trưng đã đạt kết quả như thế nào?*  *+ Khởi nghĩa Hai Bà Trưng thắng lợi có ý nghĩa gì*  *+ Sự thắng lợi của khởi nghĩa Hai Bà Trưng nói lên điều gì về tinh thần yêu nước của nhân dân ta?*  ***- GV: Sau hơn 200 năm bị PK nước ngoài đô hộ, lần đầu tiên nhân dân ta giành được độc lập. Sự kiện đó chứng tỏ nhân dân ta vẫn duy trì và phát huy được truyền thống bất khuất chống giặc ngoại xâm.***  **3. Hoạt động ứng dụng *(1p)***.  ***-*** GV tổng kết và GD như lòng tự hào dân tộc, căm thù giặc ngoại xâm.  **4. Hoạt động sáng tạo** *(1p)* |

**ĐIỀU CHỈNH-BỔ SUNG**

..........................................................................................................................................................................................................................................................................

.....................................................................................................................................

**LUYỆN TỪ VÀ CÂU**

**DANH TỪ CHUNG VÀ DANH TỪ RIÊNG**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Hiểu thế nào là danh từ chung và danh từ riêng (ND ghi nhớ).

**2. Kĩ năng**

- Nhận biết được danh từ chung và danh từ riêng dựa trên dấu hiệu về ý nghĩa khái quát của chúng (BT1, mục III); nắm được quy tắc viết hoa danh từ riêng và bước đầu vận dụng quy tắc đó vào thực tế (BT2).

**3. Thái độ**

- HS có ý thức viết hoa đúng cách, đúng quy tắc.

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL tự chủ và tự học, NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV:Phiếu học tập, bảng phụ.

- HS: vở BT, bút, ...

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Quan sát, hỏi đáp, thảo luận nhóm.

- KT: Kĩ thuật đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của HS** | **Hoạt động của GV** |
| - 1 HS nêu DT và chỉ định HS khác đặt câu với danh từ đó. | 1. Khởi động  - Trò chơi: Kết nối  - GV chuyển ý vào bài mới. |
| **2. Hình thành kiến thức mới***:(15p)*  **\* Mục tiêu:** HS hiểu thế nào là DTchung, DT riêng.  **\* Cách tiến hành: Cá nhân-Nhóm-Cả lớp** | |
| **Nhóm 2-Lớp**  - Hs thực hiện yêu cầu.  a) sông;  b) Cửu Long;  c) vua;  d) Lê Lợi.  - HS đọc yêu cầu đề cả lớp theo dõi.  Trả lời:  +a) sông: tên chung để chỉ những dòng nước chảy tương đối lớn, trên đó thuyền bè đi lại được.  +b) Cửu Long: Tên riêng của một dòng sông có chín nhánh ở đồng bằng sông Cửu Long.  +c) vua: Tên chung chỉ người đứng đầu nhà nước phong kiến.  +d) Lê Lợi: Tên riêng của vị vua mở đầu nhà hậu Lê.  - Lắng nghe và nhắc lại.  + Tên chung để chỉ dòng nước chảy tương đối lớn: *sông* không viết hoa. Tên riêng chỉ một dòng sông cụ thể *Cửu Long* viết hoa.  +Tên chung để chỉ người đứng đầu nhà nước phong kiến: *vua* không viết hoa. Tên riêng chỉ một vị vua cụ thể *Lê Lợi* viết hoa.  *+ Danh từ chung là tên của một loại vật: sông, núi, vua, chúa, quan, cô giáo, học sinh, …*  *+Danh từ riêng là tên riêng của một sự vật: sông Đà, sông Thu Bồn, núi Thái Sơn, cô Lan, bạn Hoa, …..*  *+ Danh từ riêng luôn luôn được viết hoa.*  - Đọc phần ghi nhớ.  - Lấy VD về DT chung và DT riêng. | **a. Nhận xét**  **Bài 1:**  - Y/c HS thảo luận và tìm từ đúng.  - GV nhận xét, chốt  **Bài 2**:  Gv gọi Hs đọc yêu cầu đề    GV: + Những từ chỉ tên chung của một loại sự vật như: sông , vua, được gọi là **danh từ chung.**  **+** Những tên riêng của một sự vật nhất định như Cửu Long, Lê Lợi gọi là **danh từ riêng.**  **Bài 3:**  *+ Thế nào là danh từ chung, danh từ riêng? Lấy ví dụ.*  *+ Khi viết danh từ riêng, cần chú ý điều gì?*  ***\*GV: Tên riêng chỉ người địa danh cụ thể luôn luôn phải viết hoa.***  **b. Ghi nhớ:** |
| **\*Mục tiêu: -** Phân biệt được DT chung, DT riêng.  - HS biết cách viết hoa danh từ chung, danh từ riêng trong thực tế.  **\* Cách tiến hành: Cá nhân- Nhóm- Lớp** | |
| - Hs đọc yêu cầu bài tập.  - Thảo luận, hoàn thành phiếu- Báo cáo  - TBHT điều hành hoạt động báo cáo  *+Danh từ chung gồm: núi, dòng, sông, dãy, mặt, sông, ánh, nắng, dương, dãy, nhà, trái, phải, giữa.*  *+ Danh từ riêng: Chung, Lam, Thiên, Nhẫn, Trác, Đại Huệ, Bác Hồ.*  *+ DT riêng: Được viết hoa và chỉ tên riêng của 1 sự vật*  *+ DT chung: không viết hoa, chỉ tên gọi chung của 1 nhóm sự vật*  -Hs đọc, cả lớp theo dõi.  - 2, 3 HS viết trên bảng, cả lớp viết vào vở tên 3 bạn nam, 3 bạn nữ.  - Đổi chéo vở kiểm tra  *+ Họ và tên là danh từ riêng vì chỉ một người cụ thể nên phải viết hoa.*  - Lắng nghe.  - HS nhắc lại ghi nhớ  - Viết tên các thành viên trong gia đình em và địa chỉ nơi ở | **Bài tập 1:**  - Phát giấy, bút dạ cho từng nhóm yêu cầu HS thảo luận trong nhóm và viết vào giấy.  *+ Danh từ chung gồm những từ nào?*  *+Danh từ riêng gồm những từ nào ?*  *+ Dấu hiệu nào giúp em phân biệt danh từ chung và DT riêng*  **Bài tập 2:**  - Gọi hs nhận xét bài của bạn trên bảng.  Hỏi:  *+ Họ và tên các bạn ấy là danh từ chung hay danh từ riêng? Vì sao?*  ***- GV: Tên người các em luôn phải viết hoa cả họ và tên.***  **3. Hoạt động ứng dụng** *(1p)*  - Thế nào là DT chung, DT riêng?  **4. Hoạt động sáng tạo** *(1)* |

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TOÁN**

***Tiết 28:* LUYỆN TẬP CHUNG**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Củng cố KT về dãy số tự nhiên, số TBC, bảng đơn vị đo khối lượng, thời gian và biểu đồ.

**2. Kĩ năng**

- Viết, đọc, so sánh được các số tự nhiên; nêu được giá trị của chữ số trong một số.

- Chuyển đổi được đơn vị đo khối lượng, thời gian .

- Đọc được thông tin trên biểu đồ cột. Tìm được số trung bình cộng

**3. Thái độ**

- Tích cực, tự giác học bài, trình bày bài sạch sẽ, khoa học

**4. Góp phần phát triển các kĩ năng**

- Năng lực tự học, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL tư duy - lập luận logic.

\* BT cần làm: BT1; 2

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Phiếu học tập, Bảng phụ.

- HS: Bút, SGK, ...

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Quan sát, hỏi - đáp, thực hiện bảng con, bảng nhóm.

- KT: đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của HS** | **Hoạt động của GV** |
| - TBVN điều hành lớp hát và vận động tại chỗ | **1. HĐ khởi động *(3p)***  - GV dẫn vào bài |
| **2. Hoạt động thực hành***:(35p)*  **\* Mục tiêu:** Viết, đọc, so sánh được các số tự nhiên; nêu được giá trị của chữ số trong một số.Chuyển đổi được đơn vị đo khối lượng, thời gian. Đọc được thông tin trên biểu đồ cột. Tìm được số trung bình cộng.  **\* Cách tiến hành: Cá nhân –Nhóm 2- Lớp** | |
| -HS làm bài, sau đó đổi chéo vở để kiểm tra và chấm điểm cho nhau. (5 phút)  - Thực hiện theo yêu cầu của GV.  **Đáp án**  a. D  b. B  *+ Hàng nghìn*  c. C  - HS nêu  d. C  – HS nêu cách chuyển đồi  e. C  Đáp án:  a) Hiền đã đọc được 33 quyển sách.  b) Hòa đã đọc được 40 quyển sách.  c) Số quyển sách Hòa đọc nhiều hơn Thục là:  40 – 25 = 15 (quyển)  d) Trung đọc ít hơn Thục 3 quyển sách vì: 25 – 22 = 3 (quyển)  e) Bạn Hòa đọc được nhiều sách nhất.  g) Bạn Trung đọc được ít sách nhất.  h) Trung bình mỗi bạn đọc được số quyển sách là:  (33+ 40+ 22+ 25): 4 = 30 (quyển)  - HS nêu  Bài giải  Ngày thứ hai bán được là:  120 : 2 = 60 (m)  Ngày thứ ba bán được là:  120 x 2 = 240 (m)  TB mỗi ngày bán được là:  (120 + 60 + 240 ) = 140 (m)  Đáp số: 140 m vải  - Ghi nhớ KT đã ôn tập  - Giữ nguyên lời văn, thay số liệu trong bài toán 3 để được bài toán mới và giải. | - GV yêu cầu HS tự làm các bài tập trong thời gian 30 phút *(Với HS đại trà làm hết bài 1, 2. HSNK làm hết 3 bài)* sau đó chữa bài và hướng dẫn HS cách chấm điểm.  **Câu hỏi**  **Bài 1.** 5 điểm  (mỗi ý khoanh đúng được 1 điểm)  a) Số gồm năm mươi triệu, năm mươi nghìn và năm mươi viết là:  A. 505 050; B. 5 050 050;  C. 5 005 050; D. 50 050 050  b) Giá trị của chữ số 8 trong số: 548 762 là:  A. 80 000; B. 8 000;  C. 800; D. 8  *+ Chữ số 8 thuộc hàng nào?*  c) Số lớn nhất trong các số: 684 257; 684 275; 684 752; 684 725 là:  A. 684 257; B. 684 275;  C. 684 752; D. 684 725.  *+ Em so sánh các số như thế nào?*  d) 4 tấn 85 kg = … kg  Số thích hợp để viết vào chỗ chấm là:  A. 485; B. 4850; C. 4085; D. 4058  e) 2 phút 10 giây = … giây  Số thích hợp viết vào chỗ chấm là:  A. 30; B. 210; C. 130; D. 70  **Bài 2. *(3,5 điểm, mỗi ý đúng 0,5 đ)***  *+ Nêu lại cách tìm số TBC*  **Bài 3. *(1,5 điểm)***  **3. HĐ ứng dụng *(1p)***  ***4. HĐ sáng tạo (1p)*** |

**ĐIỀU CHỈNH-BỔ SUNG**

...................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**ĐẠO ĐỨC**

**BIẾT BÀY TỎ Ý KIẾN (tiết 2)**

**I.MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Biết rằng mọi trẻ em cần phải được bày tỏ ý kiến về những vấn đề có liên quan đến trẻ em.

**2. Kĩ năng**

- Bước đầu biết bày tỏ ý kiến của bản thân và lắng nghe, tôn trọng ý kiến của người khác.

(Không yêu cầu học sinh lựa chọn phương án phân vân trong các tình huống bày tỏ thái độ của mình về các ý kiến: tán thành, phân vân hay không tán thành mà chỉ có hai phương án: tán thành và không tán thành)\

**3. Thái độ**

- Mạnh dạn bày tỏ ý kiến của bản thân, tôn trọng ý kiến của người khác.

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL tự học, NL giải quyết vấn đề, NL hợp tác, sáng tạo

*\*GD TKNL :*

*- Liên hệ - Biết bày tỏ chia sẻ với mọi người xung quanh về sử dụng tiết kiệm và hiệu quả năng lượng.*

*-Vận động mọi người thực hiện sử dụng tiết kiệm và hiệu quả năng lượng*

*\*GD KNS:*

*-Trình bày ý kiến ở gia đình và lớp học*

*-Lắng nghe người khác trình bày*

*-Kiềm chế cảm xúc*

*-Biết tôn trọng và thể hiện sự tự tin*

*\*BVMT:*

*-HS biết bày tỏ ý kiến với cha mẹ, thầy cô giáo, chính quyền địa phương về môi trường sống của em trong gia đình; về môi trường lớp học, trường học; về môi trường ở cộng đồng địa phương...*

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: + SGK Đạo đức lớp 4

+ Một vài bức tranh hoặc đồ vật dùng cho hoạt động khởi động.

+Mỗi HS chuẩn bị 3 tấm bìa nhỏ màu đỏ, xanh và trắng.

+ Kịch bản

- HS: Một số đồ dùng để hóa trang diễn tiểu phẩm.

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm, trò chơi phóng viên, đóng vai.

- KT: động não, chia sẻ nhóm 2

**III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của HS** | **Hoạt động của GV** |
| - HS nối tiếp trả lời: *Mọi người sẽ có thể không hiểu và đưa ra những quyết định không phù hợp với nhu cầu, …*  - HS nêu bài học. | **1.Khởi động:***(5p)*  ***-*** Gv đặt vấn đề: *Điều gì sẽ xảy ra nếu em không được bày tỏ ý kiến về những việc có liên quan đến bản thân em?*  - Nêu bài học |
| **2.Hoạt động thực hành:***(30p)*  **\* Mục tiêu:** - Biết rằng mọi trẻ em cần phải được bày tỏ ý kiến về những vấn đề có liên quan đến trẻ em.  - Bước đầu biết bày tỏ ý kiến của bản thân và lắng nghe, tôn trọng ý kiến của người khác.  **\* Cách tiến hành: Cá nhân-Nhóm-Lớp** | |
| - HS làm việc theo tổ: phân vai, diễn lại tiểu phẩm (đã được chuẩn bị trước)  - 1-2 nhóm diến tiểu phẩm, cả lớp theo dõi, nhận xét.  - Sau khi diễn lại tiểu phẩm, HS thảo luận và trả lời các câu hỏi:  - HS lắng nghe  - Một số HS xung phong đóng vai phóng viên và phỏng vấn các bạn trong lớp theo các câu hỏi trong bài tập 3- SGK/10  - Một số HS xung phong đóng vai các phóng viên và phỏng vấn các bạn.  - HS đọc yêu cầu bài tập  - HS trưng bày bài viết, tranh vẽ đã sưu tầm ở nhà và trình bày.  - HS lắng nghe, bổ sung, góp ý kiến  - HS thảo luận nhóm về các vấn đề cần giải quyết ở tổ, của lớp, của trường.  - Tham gia ý kiến với cha mẹ, anh chị về những vấn đề có liên quan đến bản thân em như môi trường sống quanh em hoặc những vấn đề liên quan đến gia đình em như sử dụng tiết kiệm và hiệu quả năng lượng; về môi trường sống của em trong gia đình; về môi trường lớp học, trường học; về môi trường ở cộng đồng địa phương...  -Vận động mọi người thực hiện sử dụng tiết kiệm và hiệu quả năng lượng, BVMT. | ***HĐ1: Tiểu phẩm “Một buổi tối trong gia đình bạn Hoa”***  \*Nội dung: Cảnh buổi tối trong gia đình bạn Hoa. (Các nhân vật: Hoa, bố Hoa, mẹ Hoa).  Mẹ Hoa (vẻ mệt mỏi nói với bố Hoa):  - Bố nó này, tôi thấy hoàn cảnh nhà mình ngày càng khó khăn. Ông với tôi đều đã già yếu, năm nay thằng Tuấn lại thi đậu đại học, tôi thấy lo lắm. Hay là cho con Hoa nghỉ học ở nhà giúp tôi làm bánh rán?  Bố Hoa (xua tay):  - Không được đâu, việc học của chúng nó là quan trọng. Dù sao cũng phải cố gắng cho chúng đi học, dù trai hay gái bà ạ!  Mẹ Hoa:  - Nhưng cứ thế này thì làm sao đủ tiền chi tiêu hàng tháng. Lương hưu của ông liệu có đủ cho cả nhà ăn không?  Bố Hoa đấu dịu:  - Đấy là ý của tôi, còn bà muốn cho nó nghỉ học ở nhà thì bà cũng phải hỏi xem ý kiến nó như thế nào chứ!  Mẹ Hoa gắt:  - Việc gì phải hỏi. Mình là bố mẹ nó, mình có quyền quyết định, nó phải nghe theo chứ!  Bố Hoa lắc đầu:  - Không được đâu, bố mẹ cũng cần phải lắng nghe, tôn trọng ý kiến của con chứ!  Mẹ Hoa:  - Thôi được, tôi sẽ hỏi ý kiến nó.  Mẹ Hoa quay vào phía nhà trong gọi:  - Hoa ơi, ra mẹ bảo.  Hoa (Từ trong nhà chạy ra)  - Mẹ bảo con gì ạ?  Mẹ Hoa  - Hoa ơi, mẹ có chuyện này muốn nói với con. Hoàn cảnh nhà mình ngày càng khó khăn. Anh con lại sắp đi học xa, rất tốn kém. Mẹ muốn con nghỉ học ở nhà giúp mẹ làm bánh bán thêm, con nghĩ sao?  Hoa phụng phịu:  - Mẹ ơi, con muốn được đi học cơ, bỏ học ở nhà buồn lắm! Các bạn con quanh đây chúng nó đều đi học cả mà mẹ.  Mẹ Hoa thở dài:  - Thế thì đào đâu ra gạo ăn để đi học.  Hoa suy nghĩ một lát rồi nói:  - Nếu nhà ta khó khăn thì con đi học một buổi, còn một buổi con phụ mẹ làm bánh, được không mẹ?  Mẹ Hoa băn khoăn:  - Nhưng như thế mẹ sợ con vất vả quá!  Hoa cười:  - Không sao đâu, con làm được mà mẹ.  Bố Hoa:  - Ý kiến con nó đúng đấy! Tôi tán thành. Bà cũng nên đồng ý như thế đi.  Mẹ Hoa:  - Thôi được, tôi đồng ý.  Hoa cười sung sướng:  - Con cảm ơn bố mẹ, con hứa sẽ học chăm hơn.  *+ Em có nhận xét gì về ý kiến của mẹ Hoa, bố Hoa về việc học tập của Hoa?*  *+ Hoa đã có ý kiến giúp đỡ gia đình như thế nào? Ý kiến của bạn Hoa có phù hợp không?*  + *Nếu là Hoa, em sẽ giải quyết như thế nào?*  ***\*GV: Mỗi gia đình có những vấn đề, những khó hkăn riêng. Là con cái, các em nên cùng bố mẹ tìm cách giải quyết, tháo gỡ, nhất là về những vấn đề có liên quan đến các em. Ý kiến các em sẽ được bố mẹ lắng nghe và tôn trọng. Đồng thời các con cũng cần phải bày tỏ ý kiến một cách rõ ràng, lễ độ.***  **\*Hoạt động 2: “Trò chơi phóng viên”.**    - Các nội dung phỏng vấn  *+ Tình hình vệ sinh của lớp em, trường em.*  *+ Nội dung sinh hoạt của lớp em, chi đội em.*  *+ Những hoạt động em muốn được tham gia, những công việc em muốn được nhận làm.*  *+ Địa điểm em muốn được đi tham quan, du lịch.*  *+ Dự định của em trong hè này hoặc các câu hỏi sau:*  *+ Bạn giới thiệu một bài hát, bài thơ mà bạn ưa thích.*  *+ Người mà bạn yêu quý nhất là ai?*  *+ Sở thích của bạn hiện nay là gì?*  *+ Điều bạn quan tâm nhất hiện nay là gì?*  ***\*GV: Mỗi người đều có quyền có những suy nghĩ riêng mà có quyền bày tỏ ý kiến của mình.***  **HĐ 3: HS trình bày các bài viết, tranh vẽ (Bài tập 4- SGK/10):**  - Gọi HS đọc yêu cầu bài tập  - Tổ chức cho HS trưng bày bài viết, tranh vẽ đã sưu tầm ở nhà.  ***- GV: + Trẻ em có quyền có ý kiến và trình bày ý kiến về những vấn đề có liên quan đến trẻ em, như vấn đề người lớn không gương mẫu, ý thức giữ gìn vệ sinh môi trường kém....***  ***+ Ý kiến của trẻ em cần được tôn trọng. Tuy nhiên không phải ý kiến nào của trẻ em cũng phải được thực hiện mà chỉ có những ý kiến phù hợp với điều kiện hoàn cảnh của gia đình, của đất nước và có lợi cho sự phát triển của trẻ em.***  ***+ Trẻ em cũng cần biết lắng nghe và tôn trọng ý kiến của người khác.***  **3. Hoạt đông ứng dụng *(1p)***  **4. Hoạt động sáng tạo** *(1p)* |

**ĐIỀU CHỈNH-BỔ SUNG**

..............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**KỂ CHUYỆN**

**KỂ CHUYỆN ĐÃ NGHE, ĐÃ ĐỌC**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Hiểu câu chuyện mình kể và nêu được nội dung chính của chuyện.

**2. Kĩ năng:**

- Dựa vào gợi ý (SGK), biết chọn và kể lại được câu chuuyện đã nghe, đã đọc nói về lòng tự trọng.

**3. Thái độ**

- Có ý thức rèn luyện mình trở thành người có lòng tự trọng và thói quen ham đọc sách.

**4. Góp phần bồi dưỡng các năng lực**

- NL giao tiếp và hợp tác, NL sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Một số truyện viết về lòng tự trọng. Tranh minh họa cấu chuyện, SGK.

- HS: Truyện đọc 4, SGK.

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm.

- KT: đặt câu hỏi, chia sẻ nhóm, khăn trải bàn.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - Lớp đồng thanh | **1. Khởi động***:(5p)*  **-** Đọc bài thơ: Gà Trống và Cáo  - GV dẫn vào bài |
| **2. Tìm hiểu, lựa chọn câu chuyện:***(8P)*  **\* Mục tiêu**:HSlựa chọn được câu chuyện về lòng tự trọng  ***\* Cách tiến hành: Cá nhân-Nhóm-Lớp***  **Đề bài**: *Kể lại một câu chuyện mà em đã được nghe, được đọc về lòng tự trọng* | |
| - Hs nối tiếp đọc 4 gợi ý ở sgk.  - Gạch chân dưới các từ quan trọng.  **Đề bài**: Kể lại một câu chuyện mà em đã được nghe, được đọc về lòng tự trọng  *+Lòng tự trọng là tôn trọng bản thân mình, giữ gìn phẩm giá, không để ai coi thường mình*  *+ Quyết tâm vươn lên, không chịu thua kém bạn bè.*  *+ Sống bằng lao động của mình, không ăn bám, dựa dẫm người khác.*  *- 3 - 4 hs giới thiệu tên câu chuyện và nhân vật trong truyện mình sẽ kể.* | - GV hướng dẫn TBHT giúp cả lớp tìm hiểu đề bài:  *+ Thế nào là lòng tự trọng?*  *+ Lòng tự trọng biểu hiện như thế nào?*  *+ Hãy nêu câu chuyện mình đã chuẩn bị để kể.*  - GV khuyến khích HS kể các câu chuyện mình đọc được ngoài SGK |
| **3 . Thực hành kể chuyện – Tìm hiểu ý nghĩa câu chuyện***:(10p)*  **\* Mục tiêu:** HSkể được nội dung câu chuyện theo lời kể của mình một cách hấp dẫn, sinh động kèm theo cử chỉ, điệu bộ- Nêu được ý nghĩa câu chuyện  **\* Cách tiến hành: Cá nhân - Nhóm- Lớp** | |
| - Lớp trưởng điều khiển kể chuyện nhóm 4  - HS làm việc cá nhân sau đó chia sẻ phần kể chuyện của mình trong nhóm  - Các nhóm cử đại diện lên bảng kể chuyện – Nêu ý nghĩa câu chuyện  - Các nhóm khác đặt câu hỏi cho bạn  - Kể lại câu chuyện cho người thân nghe  - Tìm đọc các câu chuyện về lòng tự trọng trong sách báo, sách kể chuyện | - Gv đưa bảng nêu tiêu chí đánh giá :  + Nội dung đúng: đạt 4 sao  - Kể hay, phối hợp cử chỉ, điệu bộ khi kể: 4 sao  - Nêu đ­ược ý nghĩa: 1 sao .  - Trả lời đ­ược câu hỏi của bạn :1 sao .  - TBHT điều khiển lớp đánh giá theo bảng đánh giá mà GV đưa ra.  - GV nhận xét,đánh giá, liên hệ giáo dục lòng tự trọng  **4. Hoạt động ứng dụng *(1p)***  **5. Hoạt động sáng tạo *(1p)*** |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**KĨ THUẬT**

**KHÂU GHÉP HAI MÉP VẢI BẰNG MŨI KHÂU THƯỜNG** (tiết 1)

**I.MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Nắm rõ quy trình khâu ghép 2 mảnh vải bằng mũi khâu thường.

**2. Kĩ năng**

- Biết cách khâu ghép hai mép vải bằng mũi khâu thường.

- Khâu ghép được hai mép vải bằng mũi khâu thường. Các mũi khâu có thể chưa đều nhau. Đường khâu có thể bị rúm.

\* Với HS khéo tay: Khâu ghép được hai mép vải bằng mũi khâu thường. Các mũi khâu tương đối đều nhau. Đường khâu ít bị rúm.

**3. Thái độ**

- Giáo dục tính cẩn thận, khéo léo, an toàn khi thực hành

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL thẩm mĩ.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: - Mẫu đường khâu ghép hai mép vải bằng các mũi khâu thường có kích thước đủ lớn để HS quan sát được. Và một số sản phẩm có đường khâu ghép hai mép vải (áo, quần, vỏ gối).

- Vật liệu và dụng cụ cần thiết:

+ Hai mảnh vải hoa giống nhau, mỗi mảnh vải có kích cỡ 20 x 30cm.

+ Len (hoặc sợi) chỉ khâu.

+ Kim khâu len, kim khâu chỉ, thước may, kéo, phấn vạch.

- HS: Bộ ĐDHT lớp 4, vở.

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Quan sát, hỏi đáp, thảo luận nhóm.

- KT: đặt câu hỏi, tia chớp, động não.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBVN điều hành | **1. HĐ khởi động (3p)**  - HS hát bài hát khởi động:  - Kiểm tra sự chuẩn bị đồ dùng của HS |
| **2.Bài mới:***(35p)*  **\* Mục tiêu:** - Quan sát, nhận xét được mẫu khâu và nắm được quy trình khâu  - Bước đầu thực hành khâu được trên giấy ô li.  **\* Cách tiến hành: Cá nhân- Nhóm- Lớp** | |
| - HS theo dõi- Thảo luận nhóm 2 và chia sẻ  *+ Đường khâu là các mũi khâu cách đều nhau. Mặt phải của hai mảnh vải úp vào nhau. Đường khâu ở mặt trái của hai mảnh vải*  *+ Ứng dụng nhiều trong khâu, may các sản phẩm. Đường ghép có thể là đường cong như đường ráp của tay áo, cổ áo… Có thể là đường thẳng như đường khâu túi đựng, khâu áo gối, …*  - HS quan sát, nêu quy trình khâu  *+ Khâu hai mép vải thực hiện ở mặt trái vải.*  *+ Khâu lại mũi bằng cách lùi lại 1 mũi và xuống kim. Nút chỉ ở mặt trái đường khâu bằng cách lật vải…*  - HS quan sát, lắng nghe  - HS thực hiện.    - HS khác nhận xét.  - HS đọc phần ghi nhớ ở cuối bài.  - HS thực hiện trên giấy ô li  - Nêu lại quy trình khâu.  - Sưu tầm các mẫu khâu gấp 2 mép vải ở các trang phục tại nhà. | HĐ1: ***Hướng dẫn HS quan sát và nhận xét mẫu.***  - GV giới thiệu mẫu khâu ghép hai mép vải bằng mũi khâu thường và sản phẩm, hướng dẫn HS quan sát:  *+ Nêu nhận xét về đường khâu*  *+ Nêu ứng dụng của khâu ghép mép vải.*  - GV kết luận về đặc điểm đường khâu ghép hai mép vải và ứng dụng của nó: **Hoạt động 2: Hướng dẫn thao tác kỹ thuật**.  - GV treo tranh quy trình khâu ghép hai mép vải bằng mũi khâu thường.  *+ Khâu hai mép vải thực hiện ở mặt trái hay mặt phải vải?*  *+ Nêu cách khâu lại mũi và nút chỉ cuối đường khâu?*  - GV hướng dẫn HS một số điểm sau:  + Vạch dấu trên mặt trái của một mảnh vải.  + Úp mặt phải của hai mảnh vải vào nhau và xếp cho hai mép vải bằng nhau rồi mới khâu lược.  + Sau mỗi lần rút kim, cần vuốt các mũi khâu theo chiều từ phải sang trái cho đường khâu thật phẳng rồi mới khâu các mũi khâu tiếp theo.  - Gọi 2 HS lên thực hiện thao tác GV vừa hướng dẫn.  - GV chỉ ra những thao tác chưa đúng và uốn nắn.  - Gọi HS đọc ghi nhớ.  - GV cho HS xâu chỉ vào kim, vê nút chỉ và tập khâu ghép 2 mép vải bằng mũi khâu thường.  - GV hướng dẫn, giúp đỡ HS  **3. Hoạt động ứng dụng *(1p)***  **4. HĐ sáng tạo *(1p)*** |

**ĐIỀU CHỈNH-BỔ SUNG**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

.....................................................................................................................................

*Thứ ....... ngày ...... tháng ..... năm .........*

**TẬP ĐỌC**

**CHỊ EM TÔI**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Hiểu nghĩa môt số từ ngữ trong bài: tặc lưỡi, yên vị, giả bộ, im như phỗng, cuồng phong, ráng,...

- Hiểu ý nghĩa: Khuyên HS không nói dối vì đó là một tính xấu làm mất lòng tin, sự tôn trọng của mọi người đối với mình (trả lời được các câu hỏi trong SGK).

**2. Kĩ năng**

- Đọc rành mạch, trôi chảy; biết đọc với giọng kể nhẹ nhàng, bước đầu diễn tả được nội dung câu chuyện, phân biệt được lời các nhân vật

**3. Thái độ**

- GD HS tính trung thực và lòng tự trọng

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ.

*\*KNS:Tự nhận thức về bản thân; Thể hiện sự cảm thông; Xác định giá trị; Lắng nghe tích cực*

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Tranh minh hoạ bài tập SGK (phóng to nếu có điều kiện).

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- Phương pháp: Quan sát, hỏi - đáp, đóng vai.

- Kĩ thuật: Làm việc nhóm, chia sẻ

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| -TBVN điều hành lớp hát và vận động tại chỗ | **1. Khởi động:** *(3p)*    - GV dẫn vào bài mới |
| **2. Luyện đọc:** *(8-10p)*  **\* Mục tiêu:** HS biết nhận diện đoạn văn, đọc đúng, đọc rành mạch, trôi chảy và giải nghĩa được một số từ ngữ.  \* **Cách tiến hành:** | |
| - 1 HS đọc bài, cả lớp đọc thầm  - Lớp trưởng điều hành cách chia đoạn  - Bài chia làm 3 đoạn:  *+Đoạn 1: Dắt xe ra cửa.....tặc lưỡi cho qua.*  *+Đoạn 2: Cho đến một hôm.......nên người.*  *+Đoạn 3: Từ đó......tỉnh ngộ.*  - Nhóm trưởng điều hành nhóm đọc nối tiếp đoạn trong nhóm lần 1 và phát hiện các từ ngữ khó (*tặc lưỡi, giận dữ, phỗng, thỉnh thoảng, ráng.)*  - Luyện đọc từ khó: Đọc mẫu (M4)-> Cá nhân (M1)-> Lớp  - Giải nghĩa từ khó: (đọc phần chú giải)  - HS đọc nối tiếp đoạn lần 2 theo điều khiển của nhóm trưởng  - Các nhóm báo cáo kết quả đọc  - 1 HS đọc cả bài (M4) | - Gọi 1 HS đọc bài (M3)  - GV lưu ý giọng đọc cho HS: giọng kể nhẹ nhàng, chú ý phân biệt lời của các nhân vật  - GV chốt vị trí các đoạn:  - Lưu ý sửa lỗi đọc và ngắt nghỉ cho các HS (M1) |
| **3.Tìm hiểu bài:** *(8-10p)*  **\* Mục tiêu:** HS hiểu được nội dung bài học, nêu được nội dung đoạn, bài.  **\* Cách tiến hành: *Làm việc cá nhân – Chia sẻ cặp đôi – Chia sẻ trước lớp*** | |
| - Nhóm trưởng điều hành nhóm mình thảo luận để trả lời câu hỏi *(5p)*  - TBHT điều hành việc báo cáo, nhận xét  *+ Cô xin phép cha đi học nhóm.*  *+ Cô không đi học nhóm mà đi chơi*  *+ Cô chị đã nói dối cha rất nhiều lần, cô không nhớ đây là lần thứ bao nhiêu. Nhưng vì ba cô rất tin cô nên cô vẫn nói dối.*  *+Cô rất ân hận nhưng rồi cũng tặc lưỡi cho qua.*  *+Vì cô cũng rất thương ba, cô ân hận vì mình đã nói dối, phụ lòng tin của ba.*  **1. Nhiều lần cô chị nói dối ba**.  *+ Cô bắt trước chị cũng nói dối ba đi tập văn nghệ để đi xem phim lại đi lướt qua mặt bạn chị với bạn. Cô chị thấy em nói dối thì hết sức giận dữ .*  *+Cô nghĩ ba sẽ tức giận, mắng mỏ thậm chí đánh hai chị em.*  *+Ông buồn rầu khuyên hai chị em cố gắng học cho thật giỏi.*  **2. Cô em giúp chị tỉnh ngộ.**  *+Vì cô em bắt trước chị mình nói dối. Vì cô biết mình là tấm gương xấu cho em. Cô sợ mình chểnh mảng học hành khiến ba buồn.*  *+ Cô không bao giờ nói dối ba đi chơi nữa. Cô cười mỗi khi nhớ lại cách em gái đã giúp mình tỉnh ngộ.*  **\* Câu chuyện khuyên chúng ta không nên nói dối. Nói dối là một tính xấu làm mất lòng tin ở mọi người đối với mình..**  - HS ghi vào vở – nhắc lại nội dung | - GV đưa các câu hỏi theo phiếu giao việc (nhóm 6)  *+ Cô chị xin phép cha đi đâu?*  *+ Cô có đi thật không? Em đoán xem cô đi đâu?*  *+ Cô chị đã nói dối cha như vậy đã nhiều lần chưa? Vì sao cô đã nói dối được nhiều lần như vậy?*  *+ Thái độ của cô sau mỗi lần nói dối ba như thế nào?*  *+ Vì sao cô lại cảm thấy ân hận?*  *+ Đoạn 1 nói lên điều gì?*  *+ Cô em đã làm gì để chị mình thôi nói dối?*  *+ Cô chị nghĩ ba sẽ làm gì khi biết mình hay nói dối?*  *+ Thái độ của ba lúc đó như thế nào?*  *+ Nội dung đoạn 2 là gì?*  *+ Vì sao cách làm của cô em lại giúp chị tỉnh ngộ?*  *+ Cô chị đã thay đổi như thế nào?*  *+ Câu chuyện muốn nói với chúng ta điều gì?*  ***GDKNS : chúng ta không nên nói dối, đối với các em còn là học sinh chúng ta cần phải tập những đức tính tốt không nên nói dối với gia đình mình bạn mình và những người xung quanh*** |
| **3. Luyện đọc diễn cảm:** *(8-10p)*  **\* Mục tiêu: HS** biết đọc diến cảm và đọc phân vai bài TĐ.  **\* Cách tiến hành: Hoạt động cá nhân – nhóm - cả lớp** | |
| HS thảo luận phát hiện lời của nhân vật, hiểu được thái độ của từng nhân vật  - 1 HS M4 đọc mẫu toàn bài  - Nhóm trưởng điều khiển nhóm đọc phân vai cả bài  + Phân vai trong nhóm  + Luyện đọc phân vai trong nhóm.  - Thi đọc phân vai trước lớp  - Lớp nhận xét, bình chọn.  - HS nêu suy nghĩ của mình  **-**  Đặt tên khác cho câu truyện | + Yêu cầu HS nêu giọng đọc toàn bài, giọng các nhân vật (lời cô em, lời chị, lời người cha)  - GV nhận xét chung  **4. Hoạt động ứng dụng** *(1 phút)*  - Qua bài đọc, em rút ra bài học gì?  **5. Hoạt động sáng tạo** *(1 phút)* |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TOÁN**

***Tiết 29:* PHÉP CỘNG**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Học sinh củng cố kiến thức về phép tính cộng các số đến sáu chữ số

**2. Kĩ năng**

- HS biết đặt tính và biết thực hiện phép cộng các số có đến sáu chữ số không nhớ hoặc có nhớ không quá 3 lượt và không liên tiếp.

**3. Thái độ**

- Học tập tích cực, tính toán chính xác

**4. Góp phần phát triền các NL:**

- NL tự học, NL sáng tạo, NL giải quyết vấn đề

\* Bài tập cần làm: Bài 1, bài 2 (dòng 1,3), bài 3.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Bảng phụ, bảng nhóm

- HS: Sgk, bảng con, vở

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Quan sát, hỏi đáp, thảo luận nhóm.

- KT: động não, tia chớp, chia sẻ nhóm 2

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBVN điều hành lớp hát và vận động tại chỗ. | **1. Khởi động *(5p)***  - GV giới thiệu, dẫn vào bài mới |
| **2. Hình thành kiến thức mới**  **\* Mục tiêu:** Biết đặt tính và biết thực hiện phép cộng các số có đến sáu chữ số không nhớ hoặc có nhớ không quá 3 lượt và không liên tiếp.  **\*Cách tiến hành: Cá nhân- Nhóm 2 - Lớp** | |
| -2 HS lên bảng làm bài, cả lớp làm bài vào nháp, đổi chéo kiểm tra bài  -HS kiểm tra bài bạn và nêu nhận xét.  - Trình bày về  *+ Cách đặt tính: các chữ số cùng 1 hàng thẳng cột với nhau*  *+ Cách tính: Thực hiện phép tính theo thứ tự từ phải sang trái.* | - Nêu VD: a. 48352 + 21026  b. 367859 + 541728,  - GV yêu cầu HS cả lớp nhận xét bài làm của cả hai bạn trên bảng  *+ Em hãy nêu lại cách đặt tính và thực hiện phép tính của mình ?*    - GV kết luận, chuyển hoạt động |
| **3. Hoạt động thực hành***:(20p)*  **\* Mục tiêu:** - HS thực hành đặt tính và tính chính xác.  - Vận dụng làm các bài toán liên quan  **\* Cách tiến hành:**. | |
| **Cá nhân-Nhóm 2- Lớp**  - HS đọc yêu cầu đề  - 4 HS lên bảng làm bài,  - HS cả lớp làm bài vào nháp- Nhóm trưởng các nhóm đi kiểm tra kết quả và báo cáo  - HS nêu:  *+Cách đặt tính:*  *+ Cách thực hiện phép tính: 5247 + 2741 (cộng không nhớ) và phép tính 2968 + 6524 (cộng có nhớ)*  4682 2968 5247 3917    - HS làm bài  -Hs đổi vở kiểm tra kết quả cho nhau  4685 57696        - 1 HS đọc đề  - HS phân tích bài toán  -1 HS lên bảng làm bài, HS cả lớp làm bài vào vở.  Bài giải  Số cây huyện đó trồng được tất cả là:  325 164 + 60 830 = 385 994 (cây)  Đáp số: 385 994 cây  - HS làm bài vào vở Tự học – Nêu cách tìm thành phần chưa biết trong phép tính  Đáp án  a) x – 363 = 975  x = 975 + 363  x = 1338  b) 207 + x = 815  x = 815 – 207  x = 608  - Nêu lại cách đặt tính và tính trong phép cộng  - Giữ nguyên lời văn, bài 3 thay số để tạo ra bài toán mới và giải | **Bài 1:**  -GV gọi HS đọc yêu cầu đề  -GV yêu cầu HS tự đặt tính và thực hiện phép tính, sau đó chữa bài.  *+Nêu cách đặt tính và thực hiện tính của một số phép tính trong bài.*  -GV nhận xét, đánh giá.    **Bài 2** ***(dòng 1+3) Với HSNK yêu cầu làm hết cả bài***    - GV theo dõi, giúp đỡ những HS chưa đạt trong lớp.  **Bài 3**.  -GV gọi 1 HS đọc đề bài.  -GV yêu cầu HS tự làm bài.  Tóm tắt  Cây lấy gỗ: 325 164 cây  Cây ăn quả: 60 830 cây  Tất cả: …… cây ?  HD phân tích bài toán  -GV nhận xét, đánh giá 5-7 bài của HS  **Bài 4 *(bài tập chờ dành cho HS hoàn thành sớm)***  **4, HĐ ứng dụng *(1p)***  **5. HĐ sáng tạo *(1p)*** |

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

:..............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TẬP LÀM VĂN**

**TRẢ BÀI VĂN VIẾT THƯ**

**I.MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Biết rút kinh nghiệm về bài tập làm văn viết thư (đúng ý, bố cục rõ, dùng từ, đặt câu và viết đúng chính tả, ...)

**2. Kĩ năng**

- HS biết nhận xét và tự sửa lỗi để có các câu văn hay.

**3. Thái độ**

- Tích cực, tự giác, có ý thức học hỏi các bài văn hay

**4. Góp phần phát triển NL:**

**-** NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL ngôn ngữ.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV:- Bảng phụ, phiếu học tập thống kê các lỗi**.**

- HS: - Vở viết

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Quan sát, hỏi đáp.

- KT: đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBVN và TBHT điều hành  *+ Mở đầu, phần chính, phần cuối* | **1. Khởi động:(***5p)*  - HS hát khởi động  *+ Một bức thư gồm những phần nào? Nhiệm vụ chính của mỗi phần là gì?* |
| **2. . Hoạt động thực hành:** *(27p)*  **\* Mục tiêu:** Hs nắm rõ cấu tạo của một bài văn viết thư, những bức thư viết hay, tình cảm,những câu văn hay và các lỗi cần khắc phục, tự sửa được lỗi.  **\* Cách tiến hành:** | |
| - HS lắng nghe.  - Lắng nghe.  - Nhận vở  - Đọc bài và sửa vào phiếu học tập riêng.  - Từng cặp HS đổi vở dò bài cho nhau  Nghe  - Đọc trước lớp  - Tự sửa cá nhân và đọc trước lớp  - Tiếp tục sửa chữa các lỗi sai  - Viết lại các câu văn chưa ưng ý để bài văn hay hơn. | a) Nhận xét về kết quả bài làm.  + Ưu: ..........................................................  ....................................................................  ....................................................................  ....................................................................  + Khuyết: ..................................................  ...................................................................  ...................................................................  ...................................................................  ...................................................................  b) Thông báo cụ thể những bài:  HHT: ...... ; HT: .......; CHT: ......;  c) Hướng dẫn HS sữa một số lỗi điển hình:  .....................................................................  .....................................................................  .....................................................................  .....................................................................  c. Hướng dẫn HS chữa bài:  - Trả vở  - Yêu cầu HS đọc bài và tự sửa lỗi  - Yêu cầu HS dò lại việc sửa lỗi của bạn  - Đọc một số đoạn văn hay, bài văn hay  - Hướng dẫn HS tìm ra câu văn hay, cái đáng học tập thông qua bài văn của bạn.  - Yêu cầu HS viết lại câu văn (đoạn văn) viết chưa hay trong bài làm.  - Yêu cầu HS trình bày câu văn (đoạn văn) viết lại  **3. Hoạt động ứng dụng *(1p)***  **4. Hoạt động sáng tạo *(1p)*** |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**KHOA HỌC**

**PHÒNG MỘT SỐ BỆNH DO THIẾU CHẤT DINH DƯỠNG**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Biết một số bệnh do thiếu chất dinh dưỡng gây nên và cách phòng tránh một số bệnh do thiếu chất dinh dưỡng:

**2. Kĩ năng**

- Cùng bố mẹ theo dõi và chăm sóc sức khoẻ cho trẻ em và cho chính bản thân mình bằng chế độ ăn uống hợp lí, bổ sung đầy đủ dinh dưỡng

**3. Thái độ**

- Có ý thức ăn uống đầy đủ các thức ăn để có đủ chất dinh dưỡng.

**4. Góp phần phát triển các năng lực:**

- NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL hợp tác.

**II. CHUẨN BỊ :**

**1. Đồ dùng**

- GV: - Các hình minh hoạ trang 26, 27 / SGK (phóng to nếu có điều kiện).

- HS: - Tranh, ảnh về các bệnh do ăn thiếu chất dinh dưỡng.

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Quan sát, hỏi đáp, thảo luận nhóm, trò chơi.

- KT: động não, tia chớp, đặt câu hỏi, chia sẻ nhóm 2

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBHT điều hành HS trả lời và nhận xét  *+Ướp lạnh, muối, nướng, phơi khô, …*  *+ Vì những cách này làm ngưng lại hoạt động của các loại vi khuẩn* | **1. Khởi động** (5p)  *+ Hãy nêu các cách để bảo quản thức ăn?*  *+ Theo em, tại sao những cách bảo quan thức ăn (Ướp lạnh, muối, nướng, phơi khô, …) lại giữ thức ăn được lâu hơn?*  - GV nhận xét, khen/ động viên. |
| **2.Bài mới: *(****30p)*  **\* Mục tiêu:** - Biết một số bệnh do thiếu chất dinh dưỡng gây nên và cách phòng tránh một số bệnh do thiếu chất dinh dưỡng:  **\* Cách tiến hành: Cá nhân-Nhóm- Lớp** | |
| **Nhóm 2- Lớp**  - HS quan sát. Thảo luận theo nhóm 2.  - Báo cáo kết quả dưới sự điều hành của TBHT  *+* ***Hình 1****: Bị suy dinh dưỡng. Cơ thể em bé rất gầy, chân tay rất nhỏ.*  *+* ***Hình 2****: Bị bệnh bướu cổ, cổ bị lồi to.*  *+ Do không được ăn đầy đủ lượng và chất.*  - HS quan sát và lắng nghe.  **Nhóm 4 – Lớp**  - Nhóm 4 thảo luận- Chia sẻ trước lớp  *+ Các bệnh như: quáng gà, khô mắt, bệnh phù, chảy máu chân răng.*  *+ Cách phát hiện: Mắt kém, chân tay phù, chân răng dễ bị chảy máu.*  *+ Cách phòng: cần ăn đủ lượng, đủ chất dinh dưỡng, đối với trẻ cần theo dõi cân nặng thường xuyên, …*  - Lắng nghe  **Cả lớp**  - HS tham gia trò chơi dưới sự hướng dẫn của GV  - Ghi nhớ một số bệnh do thiếu chất dinh dưỡng và cách phòng bệnh thiếu dinh dưỡng  - Sưu tầm tranh ảnh về bệnh do thiếu dinh dưỡng. | **HĐ1: Nhận dạng một số bệnh do thiếu chất dinh dưỡng. Nguyên nhân gây bệnh:**  - Yêu cầu HS quan sát hình minh hoạ trang 26 / SGK và tranh ảnh do mình sưu tầm được, sau đó trả lời các câu hỏi:  *+ Người trong hình bị bệnh gì? Những dấu hiệu nào cho em biết bệnh mà người đó mắc phải?*  *+ Nêu nguyên nhân dẫn đến các bệnh trên?*  ***\*GV: Trẻ em không được ăn đầy đủ lượng và chất, đặt biệt thiếu chất đạm sẽ bị suy dinh dưỡng. Nếu thiếu vi- ta- min D sẽ bị còi xương*** (***H1). Nếu thiếu i- ốt, cơ thể phát triển chậm, kém thông minh, dễ bị bướu cổ (H2).***  **HĐ2: Cách phòng bệnh do ăn thiếu chất dinh dưỡng:**  - GV yêu cầu HS trả lời các câu hỏi sau:  *+ Ngoài các bệnh còi xương, suy dinh dưỡng, bướu cổ em còn biết những bệnh nào do thiếu dinh dưỡng?*  *+ Nêu cách phát hiện và cách đề phòng?*  - GV nhận xét, kết luận. Lưu ý với các gia đình có em bé, HS cần cùng bố mẹ theo dõi cân nặng, chiều cao và khám dinh dưỡng định kì cho bé  **HĐ3: Trò chơi: Kết nối**  **Bước 1:** Tổ chức:  - GV chia lớp làm 2 đội: Mỗi đội cử ra một đội trưởng, rút thăm xem đội nào được nói trước.  **Bước 2:** GV nêu cách chơi và luật chơi.  VD: Đội 1 nói “thiếu chất đạm”. Đội 2 phải trả lời nhanh” sẽ bị suy dinh dưỡng”. Tiếp theo, đội 2 lại nêu, “thiếu i- ốt”. Đến đội 1 phải nói được tên bệnh “sẽ bị bướu cổ”. Trường hợp đội 1 nói sai đội 2 sẽ được ra câu đố.  Chú ý: Cũng có thể nêu tên bệnh và đội kia phải nói được là do thiếu chất gì.  - Kết thúc trò chơi, GV khen/ động viên.  **3. Hoạt động ứng dụng *(1p)***  **4. Hoạt động sáng tạo** *(1p)* |

**ĐIỀU CHỈNH-BỔ SUNG**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

*Thứ ....... ngày ...... tháng ..... năm .........*

**LUYỆN TỪ VÀ CÂU**

**MỞ RỘNG VỐN TỪ: TRUNG THỰC - TỰ TRỌNG**

**I. MỤC TIÊU:**

.........................................................................................................................

**1. Kiến thức**

- Biết thêm được một số từ ngữ về chủ điểm Trung thực - Tự trọng

**2. Kĩ năng**

-Bước đầu biết xếp các từ Hán - Việt có tiếng “trung” theo hai nhóm nghĩa (BT3) và đặt câu được với một từ trong nhóm (BT4).

- Tìm được danh từ theo yêu cầu và đặt câu với danh từ đó

**3. Thái độ**

- Tích cực, tự giác học bài..

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL tự học, NL ngôn ngữ, NL sáng tạo

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Phiếu học tập, từ điển, bảng phụ.

- HS: Vở BT, bút, ..

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm.

- KT: động não, đặt câu hỏi, chia sẻ, ...

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBHT điều hành lớp trả lời-nhận xét  *- HS trả lời*  *- 2 HS lên bảng viết danh từ.* | **1. Khởi động *(5p)***  *+ Thế nào là DT chung, DT riêng.*  *+ Lấy VD về DT chung, DT riêng*  - Nhận xét, khen/ động viên.  - Dẫn vào bài mới |
| **2. Hoạt động thực hành (***30p)*  **\* Mục tiêu: -** Biết thêm được một số từ ngữ về chủ điểm Trung thực - Tự trọng; bước đầu biết xếp các từ Hán - Việt có tiếng “trung” theo hai nhóm nghĩa và đặt câu được với một từ trong nhóm  **\* Cách tiến hành:** | |
| **Nhóm 2- Lớp**  - HS đọc to, cả lớp theo dõi.  - Thảo luận cặp đôi và làm bài.  - Đại diện 3 nhóm lên trình bày bài.  - Cả lớp chữa bài theo lời giải đúng những từ điền đúng**: *tự trọng, tự kiêu, tự ti, tự tin, tự ái, tự hào.***  *+ Tự kiêu: Tự cho mình giỏi hơn người khác nên coi thường người khác*  *+ Tự ái: tự cảm thấy ngại ngùng, xấu hổ về bản thân*  - HS đọc lại đoạn văn sau khi điền hoàn chỉnh  **Nhóm- Lớp**  - HS làm bài vào VBT- Chia sẻ nhóm đôi- Chia sẻ lớp.  Đ/a:  + Một lòng một dạ gắn bó với lý tưởng, tổ chức hay người nào đó là: *Trung thành.*  + Một lòng một dạ vì việc nghĩa là: *Trung nghĩa.*  + Ngay thẳng, thật thà là: *trung thực.*  + Trước sau như một, không gì lay chuyển nổi là: *trung kiên.*  + Ăn ở nhân hậu, thành thật, trước sau như một là: *trung hậu.*  **Nhóm 2- Lớp**  - Hoạt động trong nhóm.  - Các nhóm lên trình bày.  - Các nhóm khác n.xét và bổ sung.  - Các nhóm so sánh và chữa bài.   |  |  | | --- | --- | | **Trung có nghĩa là “ở giữa”** | **Trung có nghĩa là “một lòng một dạ”** | | Trung thu  Trung bình  Trung tâm | Trung thành  Trung nghĩa  Trung kiên  Trung trực  Trung hậu |   - Hs suy nghĩ, đặt câu.  + Bạn Tuấn là học sinh trung bình của lớp.  + Thiếu nhi ai cũng thích tết trung thu.  …………….  - Lắng nghe và ghi nhớ.  - Ghi nhớ các từ ngữ thuộc chủ điểm  - Tìm thêm các câu thành ngữ, tục ngữ thuộc chủ điểm | **Bài tập 1:**  - Gọi đại diện lên trình bày.  - GV và các HS khác nhận xét, bổ sung.  - GV chốt lại lời giải đúng, cùng HS giải nghĩa một số từ:  *+ Em hiểu thế nào là tự kiêu? tự ái?*  **Bài tập 2:**  - Tổ chức thi đua giữa 2 đội chơi dưới hình thức sau:  Đội 1: Đưa ra từ.  Đội 2: Tìm nghĩa của từ.  (Sau lần 1 đổi lại. Đội 2 có thể đưa ra nghĩa của từ để đội 1 tìm từ)  - Nhận xét, khen/ động viên  **Bài tập 3:**  - Phát giấy, bút dạ và y/c các nhóm làm bài.  - Y/c nhóm nào làm xong trước lên dán phiếu và trình bày.  - Y/c các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  - GV kết luận lời giải đúng.  a) Trung có nghĩa là “ở giữa”.  b) Trung có nghĩa là “một lòng một dạ”  - Gọi hs đọc lại hai nhóm từ.  **Bài tập 4:**  - HS tiếp nối đặt câu theo nhóm của mình. Nhóm nào đặt được nhiều câu đúng là thắng cuộc.  - GV nhận xét, tuyên dương những HS đặt câu hay.  **3. Hoạt động ứng dụng *(1p)***  **4. Hoạt động sáng tạo *(1p)*** |

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TOÁN**

***Tiết 30:* PHÉP TRỪ**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- Củng cố kiến thức về phép trừ các số có 6 chữ số

**2. Kĩ năng**

- HS thực hiện thành thạo phép tính trừ có nhớ và không nhớ không quá 3 lượt và không liên tiếp.

**3. Thái độ**

- Tính chính xác, cẩn thận, làm việc nhóm tích cực

**4. Góp phần phát triển các NL**

- NL tự học, làm việc nhóm, NL tính toán

\* Bài tập cần làm : BT1, BT2 (dòng 1), BT3.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Vẽ sẵn sơ đồ bài 3 trên bảng phụ, phiếu học tập.

- HS: Vở BT, bút, sgk

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Quan sát, hỏi đáp, thảo luận nhóm, trò chơi học tập

- KT: động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - HS cùng hát và vận động dưới sự điều hành của TBVN | **1.Khởi động***:(5p)*  - GV dẫn vào bài mới |
| **2. Hình thành kiến thức mới***:(15p)*  **\* Mục tiêu:** Biết đặt tính và biết thực hiện phép tính trừ các số đến sáu chữ số không nhớ hoặc có nhớ không quá 3 lượt và không liên tiếp.  \* **Cách tiến hành**: | |
| -2 HS lên bảng làm bài, HS cả lớp làm bài vào nháp – Chia sẻ nhóm 2  -HS nêu nhận xét.  *+ Đặt tính:Ta thực hiện đặt tính sao cho các hàng đơn vị thẳng cột với nhau.*  *+Thực hiện phép tính theo thứ tự từ phải sang trái..* | - GV viết lên bảng hai phép tính trừ  865279 – 450237  647253 – 285749  - Yêu cầu HS đặt tính rồi tính.  - GV yêu cầu HS cả lớp nhận xét bài làm của hai bạn trên bảng cả về cách đặt tính và kết quả tính.  *+ Em hãy nêu lại cách đặt tính và thực hiện phép tính của mình ?*  -GV tổng kết, chuyển hoạt động |
| **3. Hoạt động thực hành***:(15p)*  **\* Mục tiêu:** Đặt tính và tính chính xác kết quả các phép tính. Vận dụng giải các bài toán liên quan  **\* Cách tiến hành:** | |
| **- Cá nhân- Chia sẻ lớp**  -2 HS lên bảng làm bài, HS cả lớp làm bài vào vở.  987 864 839 084  783 251 246 937  204 613 592 147  - Làm bài và kiểm tra bài của bạn  - HS nêu cách đặt tính và thực hiện phép tính:  **Cá nhân- Nhóm 2- Lớp**  - HS đọc yêu cầu đề toán  -2 em lên bảng thực hiện, lớp làm bảng con.  4 8 600 65 102  - 9 455 - 13 859  39 145 51 243  - HS lên làm và thực hiện đặt tính:  80000 – 48765 941302- 298764  **Cá nhân –Nhóm 2 – Lớp**  -HS đọc.  - HS làm bài cá nhân- Chia sẻ nhóm 2  - 1 HS làm bảng lớp  Bài giải  Quãng đường xe lửa từ Nha Trang đến TP. Hồ Chí Minh dài:  1 730 – 1 315 = 415 (km)  Đáp số: 415 km  - HS làm bài vào vở Tự học  Bài giải  Năm ngoái trồng được số cây là:  214 800- 60 600 = 134 200 (cây)  Cả hai năm trồng được số cây là:  214 800 + 134 200 = 349 000 (cây)  Đáp số: 349 000 cây  - Hoàn thiện vở BTT  - Giữ nguyên lời văn, thay số cho BT 4 để thành bài toán mới và giải. | **Bài 1.**  - GV yêu cầu HS tự đặt tính và thực hiện phép tính.  *+ Nêu cách đặt tính và thực hiện tính của một số phép tính trong bài.*  - GV nhận xét, đánh giá.  **Bài 2 *(dòng 1) Với HSNK y/c hoàn thành cả bài***  Gv gọi HS đọc yêu cầu đề.  -GV theo dõi, giúp đỡ những HS chưa hoàn thành.  - Nhận xét  - Lưu ý HS những TH trừ có nhớ nhiều lần.  **Bài 3**  -GV gọi 1 HS đọc đề bài.      **Bài 4** ***(Bài tập chờ dành cho HS hoàn thành sớm)***  **4. HĐ ứng dụng (*1p)***  **5. HĐ sáng tạo *(1p)*** |  |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

**TẬP LÀM VĂN**

**LUYỆN TẬP XÂY DỰNG ĐOẠN VĂN KỂ CHUYỆN**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Dựa vào 6 tranh minh hoạ truyện Ba lưỡi rìu và lời dẫn giải dưới tranh để kể lại được cốt truyện

**2. Kĩ năng**

- Biết phát triển ý nêu dưới 2,3 tranh để tạo thành 2,3 đoạn văn kể chuyện.

**3. Thái độ**

- Thái độ: Yêu thích văn học, ham học hỏi và tham khảo sách văn học.

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL tự học, Sử dụng ngôn ngữ, NL sáng tạo

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: +Tranh minh hoạ cho truyện trang 64, SGK (phóng to từng tranh nếu có điều kiện).

+ Bảng phụ

- HS: Vở BT, sgk.

**2. Phương pháp, kĩ thuât**

- PP: Hỏi đáp, thảo luận nhóm, quan sát.

- KT: đặt câu hỏi, động não, chia sẻ nhóm 2

**II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | | | | **Hoạt động của giáo viên** | |
| - TBHT điều hành lớp trả lời, nhận xét  *+ Mỗi đoạn văn kể 1 sự việc*  *+ Đầu đoạn viết lùi vào. Hết đoạn có dấu chấm xuống dòng.* | | | | **1. Khởi động *(5p)***  *+ Mỗi đoạn văn trong bài văn kể chuyện kể nội dung gì?*  *+ Khi viết đoạn văn cần lưu ý điều gì?*  - Nhận xét, khen/ động viên.  - Chuyển ý vào bài mới | |
| **2. Hoạt động thực hành***:(30p)*  **\* Mục tiêu: +**Dựa vào 6 tranh minh hoạ truyện Ba lưỡi rìu và lời dẫn giải dưới tranh để kể lại được cốt truyện  + Phát triển ý dưới mỗi tranh thành 1 đoạn văn kể chuyện  **\* Cách tiến hành:** | | | | | |
| **Cá nhân - Nhóm – Lớp**  - 1 HS đọc yêu cầu của bài, quan sát tranh  - Lớp thảo luận nhóm 2 và báo cáo:  *+Truyện có hai nhân vật: chàng tiều phu và cụ già (tiên ông).*  *+ Câu chuyện kể lại việc chàng trai nghèo đi đốn củi và được ông tiên thử thách tính thật thà, trung thực qua việc mất rìu.*  *+Truyện khuyên chúng ta hãy trung thực, thật thà trong cuộc sống sẽ được hưởng hạnh phúc.*  - HS đọc tiếp nối lời gợi ý dưới tranh – Tập kể trong nhóm 4  Ví dụ về lời kể:  *Ngày xưa có một chàng tiều phu sống bằng nghề chặt củi. Cả gia tài của anh chỉ là một chiếc rìu sắt. Một hôm, chàng đang đốn củi thì lưỡi rìu bị văng xuống sông. Chàng đang không biết làm cách nào để vớt lên thì một cụ già hiện lên hứa giúp chàng. Lần thứ nhất, cụ vớt lên bằng một lưỡi rìu bằng vàng, nhưng chàng bảo không phải của mình. Lần thứ hai, cụ vớt lên bằng một lưỡi rìu bằng bạc, nhưng chàng không nhận là của mình. Lần thứ ba, cụ vớt lên bằng một lưỡi rìu bằng sắt, anh sung sướng nhận ra lưỡi rìu của mình và cám ơn cụ. Cụ già khen chành trai thât thà và tặng chàng cả ba lưỡi rìu.*  - Quan sát và đọc thầm.  *+ Chàng tiều phu đang đốn củi thì chẳng may lưỡi rìu bị văng xuống sông.*  *+ Chàng trai nói: “Cả gia tài ta chỉ có lưỡi rìu này. Nay mất rìu không biết lấy gì để sống đây?”.*  *+ Chàng trai nghèo, ở trần, đóng khố, người nhễ nhại mồ hôi, đầu quấn một chiếc khăn màu nâu.*  *+ Lưỡi rìu sắt của chàng bóng loáng.*  - HS kể tranh 1.  - Nhận xét lời kể của bạn.  -HS điền vào phiếu học tập | | | | \* Bài tập 1:  - GV đặt câu hỏi gợi ý để HS nắm được cốt truyện:  *+Truyện có những nhân vật nào?*  *+ Câu chuyện kể lại chuyện gì?*  *+ Truỵên có ý nghĩa gì?*  ***\*GV: Câu chuyện kể lại việc chàng trai được tiên ông thử thách tính thật thà, trung thực qua những lưỡi rìu***.  - Gọi HS đọc lời gợi ý dưới mỗi bức tranh.  - Yêu cầu HS dựa vào tranh minh họa, kể lại cốt truyện *Ba lưỡi rìu.*  - GV chữa cho từng HS, nhắc HS nói ngắn gọn, đủ nội dung chính.  - Nhận xét, khen những HS nhớ cốt truyện và lời kể có sáng tạo.  **\*Bài tập 2:**  -Gv hướng dẫn làm bài \*VD: Tranh 1.  *+ Anh chàng tiều phu làm gì?*  *+ Khi đó chàng trai nói gì?*  *+ Hình dáng của chàng tiều phu như thế nào?*  *+ Lưỡi rìu của chàng trai như thế nào?*  - Tổ chức cho HS thi kể.  - Hướng dẫn HS làm tương tự với các bức tranh còn lại  - Nhận xét, đánh giá.  - Hệ thống lại theo bảng sau | |
| **Đoạn** | **Nhân vật làm gì?** | **Nhân vật nói gì?** | **Ngoại hình**  **nhân vật** | **Lưỡi rìu vàng. Bạc, sắt** | |
| 2 | Cụ già hiện lên | Cụ hứa vớt rìu giúp chàng trai. Chàng chắp tay cảm ơn. | Cụ già râu tóc bạc phơ, vẻ mặt hiền từ. |  | |
| 3 | Cụ già vớt dưới sống lên một lưỡi rìu, đưa cho chàng trai, chàng trai ngồi trên bờ xua tay. | Cụ bảo: “Lưỡi rìu của con đây”, chàng trai nói: “Đây không phải rìu của con. ” | Chàng trai vẻ mặt thật thà. | Lưỡi rìu vàng sáng loá | |
| 4 | Cụ già vớt lên lưỡi rìu thứ hai. Chàng trai vẫn xua tay. | Cụ hỏi: “Lưỡi rìu này của con chứ?”. Chàng trai đáp: “Lưỡi rìu này cũng không phải của con”. |  | Lưỡi rìu bạc sáng lấp lánh | |
| 5 | Cụ già vớy lên lưỡi rìu thứ ba, chỉ tay vào lưỡi rìu. Chàng trai giơ hai tay lên trời. | Cụ hỏi: “Lưỡi rìu này có phải của con không?” chàng trai mừng rỡ: “ Đây mới đúng là rìu của con” | Chàng trai vẻ mặt hớn hở. | Lưỡi rìu sắt | |
| 6 | Cụ già tặng chàng trai cả 3 lưỡi rìu. Chàng chắp tay tạ ơn. | Cụ khen: “Con là người trung thực, thật thà. Ta tặng con cả ba lưỡi rìu”. Chàng trai mừng rỡ nói: “Cháu cảm ơn cụ”. | Cụ già vẻ hài lòng. Chàng trai vẻ mặt vui sướng. |  | |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................­

**ĐỊA LÍ**

**Tây Nguyên**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Nêu được một số đặc điểm tiêu biểu về địa hình, khí hậu của Tây Nguyên:

+ Các cao nguyên xếp tầng cao thấp khác nhau: Kon Tum, Đắk Lắk, Lâm Viên, Di Linh.

+ Khí hậu có hai mùa rõ rệt: mùa mưa, mùa khô

**2. Kĩ năng**

- Chỉ được các cao nguyên ở Tây Nguyên trên bản đồ (lược đồ) tự nhiên Việt Nam: Kon Tum, Plây Ku, Đắk Lắk, Lâm Viên, Di Linh.

\* HS năng khiếu: Nêu được đặc điểm của mùa mưa, mùa khô ở Tây Nguyên.

**3. Thái độ**

- Biết trân quý người dân trên mọi miền Tổ quốc

**4. Góp phần phát triển các năng lực:**

- NL tự chủ, NL giải quyết vấn đề, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ

*\* GD BVMT: Một số đặc điểm chính của môi trường và TNTN và việc khai thác TNTN ở miền núi và trung du (rừng, khoáng sản, đất đỏ ba dan, sức nước..); Tây Nguyên có nguồn tài nguyên rừng hết sức phong phú, cuộc sống của người dân ở đây dựa nhiều vào rừng : củi đun, thực phẩm… Bởi vậy, cần giáo dục học sinh tầm quan trọng của việc bảo vệ và khai thác hợp lí rừng.*

*\* GD TKNL: Tây Nguyên là nơi bắt nguồn của nhiều con sông, các con sông chảy qua nhiều vùng có độ cao khác nhau nên lòng sông lắm thác ghềnh. Bởi vậy, Tây Nguyên có tiềm năng thuỷ điện to lớn. Tích hợp giáo dục sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả ở đây chính là vấn đề bảo vệ nguồn nước, phục vụ cuộc sống*

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: +Bản đồ Địa lí tự nhiên Việt Nam.

+Tranh, ảnh và tư liệu về các cao nguyên ở Tây Nguyên.

- HS: Vở, sách GK,...

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm.

- KT: đặt câu hỏi, trình bày một phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm 2

I**II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBHT điều hành lớp trả lời và nhận xét:  *+ Là một vùng đồi núi với các đỉnh tròn, sườn thoải, xếp cạnh nhau như bát úp.*  *+ Cây ăn quả: cam, chanh, dứa, vải…; cây CN: cọ, chè*… | **1.Khởi động:***(5p)*    *+ Hãy mô tả vùng trung du Bắc Bộ.*  *+ Trung du Bắc Bộ thích hợp trồng những loại cây nào?*  - Nhận xét, khen/ động viên.  - GV chốt ý và giới thiệu bài |
| **2. Bài mới:***(30p)*  **\* Mục tiêu:** + Nêu được một số đặc điểm tiêu biểu về địa hình, khí hậu của Tây Nguyên:  + Chỉ được các cao nguyên ở Tây Nguyên trên bản đồ (lược đồ) tự nhiên Việt Nam  **\* Cách tiến hành: Nhóm-Lớp** | |
| **Cá nhân-Lớp**  - HS chỉ  - HS chỉ vị trí các cao nguyên.  - Cao nguyên Kon Tum, CN Plâyku, CN Đắc Lắk, CN Lâm Viên, CN Di Linh.  - CN Đắc Lắc, Kon Tum, Di Linh, Lâm Đồng.  *+ Các cao nguyên xếp tầng*  **HĐ2: Nhóm 4 – Lớp**  - Thực hiện theo yêu cầu của GV:  + Cao nguyên Đắc Lắc là CN thấp nhất trong các CN ở Tây Nguyên, bề mặt khá bằng phẳng, nhiều sông suối và đồng cỏ. Đất đai phì nhiêu, đông dân nhất ở TN.  + Cao nguyên Kon Tum là một CN rộng lớn. Bề mặt cao nguyên khá bằng phẳng, , có chỗ giống như đồng bằng. Trước đây, toàn vùng được phủ rừng rậm nhiệt đới nhưng nay rùng còn rất ít, TV chủ yếu là các loại cỏ.  + Cao nguyên Di Linh gồm những đồi lượn, sóng dọc theo những dòng sông. Bề mặt tương đối phẳng, được phủ một lớp đất đỏ bad an dày, tuy không phì nhiêu bằng CN Đắc Lắk. Mùa khô không khắc nghiệt, vẫn có mưa ngay trong những tháng hạn nên CN lúc nào cúng xanh tốt.  + Cao nguyên Lâm Viên có địa hình phức tạp, nhiều núi cao, thung lũng sâu; sông suối có nhiều ghềnh thác. CN có khí hậu mát quanh năm.  **Nhóm 2- Lớp**  - HS làm việc nhóm 2  *+ Mùa mưa là các tháng 5, 6, 7, 8, 9, 10. Còn mùa khô vào các tháng 1, 2, 3, 4, 11, 12.*  *+ Khí hậu ở Tây Nguyên có hai mùa là mùa mưa và mùa khô.*  *+ Mùa mưa có những ….*  - HS khác nhận xét.  -HS đọc bài học.  - HS liên hệ BVMT, TKNL và bảo vệ rừng theo câu hỏi gợi ý của GV  - Hãy tìm các bài hát nói về Tây Nguyên. | **HĐ 1: Tây Nguyên –xứ sở của các cao nguyên xếp tầng:**  a. Xác định vị trí và đặc điểm chung của các cao nguyên  - GV chỉ vị trí của khu vực Tây Nguyên trên bản đồ địa lí TN Việt Nam  - GV yêu cầu HS dựa vào kí hiệu chỉ vị trí của các cao nguyên trên lược đồ hình 1 trong SGK.  - GV gọi HS lên bảng chỉ trên bản đồ Địa lí tự nhiên Việt Nam treo tường và đọc tên các cao nguyên theo thứ tự từ Bắc xuống Nam.  - Dựa vào bảng số liệu ở mục 1 trong SGK, xếp thứ tự các cao nguyên theo độ cao từ thấp tới cao?  *+ Em có nhận xét gì về các cao nguyên ở Tây Nguyên?*  ***- GV kết luận về các cao nguyên***  b. Tìm hiểu đặc điểm riêng của từng cao nguyên  - GV chia lớp thành 4 nhóm, phát cho mỗi nhóm 1 tranh, ảnh và tư liệu về một cao nguyên.  + Nhóm 1: cao nguyên Đắc Lắc.  + Nhóm 2: cao nguyên Kon Tum.  + Nhóm 3: cao nguyên Di Linh.  + Nhóm 4: cao nguyên Lâm Viên.  - GV cho HS các nhóm thảo luận theo gợi ý sau: Trình bày một số đặc điểm tiêu biểu của cao nguyên (mà nhóm được phân công tìm hiểu).  - GV cho HS đại diện các nhóm trình bày trước lớp kết quả làm việc của nhóm mình kết hợp với tranh, ảnh.    - GV sửa chữa, bổ sung giúp từng nhóm hoàn thiện phần trình bày.  **HĐ3: Tây Nguyên có hai mùa rõ rệt: mùa mưa và mùa khô:**  - YC HS dựa vào mục 2 và bảng số liệu trong SGK, trả lời các câu hỏi sau:  *+ Ở Buôn Ma Thuột mùa mưa vào những tháng nào? Mùa khô vào những tháng nào?*  *+ Khí hậu ở Tây Nguyên có mấy mùa? Là những mùa nào?*  *+ Mô tả mùa mưa và mùa khô ở TN?*  - GV giúp HS hoàn thiện câu trả lời và kết luận  **3. Hoạt động ứng dụng *(2p)***  - TKNL, BVMT: Tây Nguyên là nơi bắt nguồn của nhiều con sông, các con sông chảy qua nhiều vùng có độ cao khác nhau nên lòng sông lắm thác ghềnh. Bởi vậy, Tây Nguyên có tiềm năng thuỷ điện to lớn. Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả ở đây chính là vấn đề bảo vệ nguồn nước, phục vụ cuộc sống.  + Tây Nguyên có nguồn tài nguyên rừng hết sức phong phú, cuộc sống của người dân ở đây dựa nhiều vào rừng : củi đun, thực phẩm… Bởi vậy, cần thấy tầm quan trọng của việc bảo vệ và khai thác hợp lí rừng.  **4. Hoạt động sáng tạo** *(1p)* |

**ĐIỀU CHỈNH-BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**SINH HOẠT**

**ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC TUẦN 6**

**I. MỤC TIÊU:**

- Nắm đ­­ược ưu - khuyết điểm trong tuần.

- Phát huy ­­ưu điểm, khắc phục nh­­ược điểm.

- Biết đ­­ược phư­ơng h­­ướng tuần tới.

- GD HS có tinh thần đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau.

- Thực hiện an toàn giao thông khi đi ra đư­­ờng.

**II. CHUẨN BỊ:**

- GV: Nắm được ưu – khuyết điểm của HS trong tuần

- HS: Chủ tịch Hội đồng tự quản và các Trưởng ban chuẩn bị ND báo cáo.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG CHÍNH:**

***1. Khởi động***

- Lớp tham gia trò chơi: Bịt mắt đoán vật

***2. Lớp báo cáo hoạt động trong tuần:***

- 4 Trưởng ban lên nhận xét các thành viên trong tổ và xếp loai từng thành viên.

- Tổ viên các tổ đóng góp ý kiến.

- Chủ tịch HĐTQ lên nhận xét chung các ban.

- GV nhận xét chung:

+ Nề nếp:

.................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

+ Học tập:

.................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

***3. Ph­ương h­­ướng tuần sau:***

- Tiếp tục thi đua: Học tập tốt, thực hiện tốt nề nếp, vâng lời thầy cô, nói lời hay làm việc tốt chào mừng ngày Phụ nữ Việt Nam 20/10.

.................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

***4. Lớp văn nghệ - múa hát tập thể về mẹ và cô giáo.***

**TUẦN 7** *Thứ ....... ngày ...... tháng ..... năm .........*

**TẬP ĐỌC**

**TRUNG THU ĐỘC LẬP**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Hiểu được nghĩa một số từ ngữ khó trong bài: Tết Trung thu độc lập, trại, trăng ngàn, nông trường, vằng vặc,...

- Hiểu ND bài: Tình thương yêu các em nhỏ của anh chiến sĩ, mơ ước của anh về tương lai đẹp đẽ của các em và của đất nước (trả lời được các câu hỏi trong SGK).

**2. Kĩ năng**

- Bước đầu biết đọc diễn cảm đoạn văn phù hợp với nội dung

**3. Thái độ**

- GD HS lòng yêu nước, yêu con người.

**4. Góp phần phát triển năng lực**

**-** Năng lực tự học, NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ.

*\* KNS: Xác định giá trị; Đảm nhận trách nhiệm; Xác định trách nhiệm của bản thân*

*\* GDQPAN: Ca ngợi tình cảm của các chú bộ đội, công an dù trong hoàn cảnh nào vẫn luôn nghĩ về các cháu thiếu niên và nhi đồng.*

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Tranh minh họa SGK, bảng phụ ghi đoạn cần luyện đọc.

- HS: HS sưu tầm một số tranh ảnh về nhà máy thuỷ điện, nhà máy lọc dầu, các khu công nghiệp lớn.

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- Phương pháp: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm, đóng vai

- Kĩ thuật: Kĩ thuật đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBVN điều hành  - HS nêu tên chủ điểm mới "Trên đôi cánh ước mơ" | **1. Khởi động:** *(3p)*  - HS hát bài "Chiếc đèn ông sao"  - GV giới thiệu chủ điểm, dẫn vào bài mới |
| **2. Luyện đọc:** *(8-10p)*  **\* Mục tiêu:** HS biết nhận diện đoạn văn, đọc đúng, đọc rành mạch, trôi chảy và giải nghĩa được một số từ ngữ.  \* **Cách tiến hành:** | |
| - 1 HS đọc bài, cả lớp đọc thầm  - Lớp trưởng điều hành cách chia đoạn  - Bài chia làm 3 đoạn:  Đoạn 1: Đêm nay....của các em.  Đoạn 2: Anh nhìn trăng....vui tươi.  Đoạn 3: Trăng đêm nay....các em.  - Nhóm trưởng điều hành nhóm đọc nối tiếp đoạn trong nhóm lần 1 và phát hiện các từ ngữ khó (*bao la, man mác, mươi mười lăm năm nữa, chi chít,....)*  - Luyện đọc từ khó: Đọc mẫu (M4)-> Cá nhân (M1)-> Lớp  - Giải nghĩa từ khó:  *Tết Trung thu độc lập, trại, trăng ngàn, nông trường*(đọc phần chú giải)  - HS đọc nối tiếp đoạn lần 2 theo điều khiển của nhóm trưởng  - Các nhóm báo cáo kết quả đọc  - 1 HS đọc cả bài (M4) | - Gọi 1 HS đọc bài (M3)  - GV lưu ý giọng đọc cho HS: giọng đọc nhẹ nhàng, tha thiết ở đoạn đầu nhưng sôi nổi, tự hào và đầy tìn tưởng ở đoạn sau  - GV chốt vị trí các đoạn:  - Lưu ý sửa lỗi đọc và ngắt nghỉ cho các HS (M1)    - Hướng dẫn giải nghĩa thêm một số từ:  *+ Em hiểu thế nào là sáng vằng vặc*?(*rất sáng soi rõ khắp mọi nơi)* |
| **3.Tìm hiểu bài:** *(8-10p)*  **\* Mục tiêu:** HS hiểu được nội dung bài học, nêu được nội dung đoạn, bài.  **\* Cách tiến hành: *Làm việc cá nhân – Chia sẻ cặp đôi – Chia sẻ trước lớp*** | |
| - Nhóm trưởng điều hành nhóm mình thảo luận để trả lời câu hỏi *(5p)*  - TBHT điều hành việc báo cáo, nhận xét  *+ Anh nghĩ vào thời điểm anh đứng gác ở trại trong đêm trung thu độc lập đầu tiên.*  *+Trung thu là tết của các em, các em sẽ được phá cỗ, rước đèn.*  *+ Anh nghĩ tới các em nhỏ và nghĩ tới tương lai của các em.*  *+ Trăng đẹp của vẻ đẹp núi sông, tự do độc lập: Trăng ngàn và gió núi bao la; trăng soi sáng xuống nước Việt Nam độc lập yêu quý, trăng vằng vặc chiếu khắp thành phố, làng mạc, núi rừng…*  **1. Cảnh đẹp trong đêm trung thu độc lập đầu tiên. Mơ ước của anh chiến sĩ về tương lai tươi đẹp của trẻ em.**  HS đọc bài và trả lời câu hỏi  *+ Dưới ánh trăng dòng thác nước đổ xuống làm chạy máy phát điện; giữa ruộng đồng cờ đỏ phấp phi bay trên những con tàu lớn .*  *+ Đó là vẻ đẹp của đất nước đã hiện đại giàu có hơn rất nhiều so với những ngày độc lập đầu tiên.*  **2. Ước mơ của anh chiến sĩ về cuộc sống tươi đẹp trong tương lai.**  - HS đọc bài và trả lời câu hỏi cá nhân  *+Những ước mơ của anh chiến sĩ năm xưa đã trở thành hiện thực: có những nhà máy thuỷ điện, những con tàu lớn, những cánh đồng lúa phì nhiêu màu mỡ.*  *+ Em mơ ước đất nước ta có một nền công nghiệp hiện đại phát triển ngang tầm thế giới,....*  **3. Niềm tin vào những ngày tươi đẹp sẽ đến với trẻ em và đất nước.**  ***\* Tình thương yêu các em nhỏ của anh chiến sĩ, mơ ước của anh về tương lai của các em trong đêm trung thu độc lập đầu tiên của đất nước****.*  - HS ghi vào vở – nhắc lại nội dung | - GV đưa các câu hỏi theo phiếu giao việc:  *+ Anh chiến sĩ nghĩ tới trung thu và nghĩ tới các em trong thời gian nào?*  *+ Đối với thiếu niên tết trung thu có gì vui?*  *+ Đứng gác trong đêm trung thu anh chiến sĩ nghĩ tới điều gì?*  *+ Trăng trung thu có gì đẹp?*  *+ Đoạn 1 nói lên điều gì?*  *+ Anh chiến sĩ tưởng tượng đất nước trong những đêm trăng tương lai sao?*  *+ Vẻ đẹp đó có gì khác so với đêm trung thu độc lập?*  *+ Nội dung đoạn 2 là gì?*  - HS đọc thầm đoạn còn lại  *+ Cuộc sống hiện nay, theo em có gì giống với mong ước của anh chiến sĩ năm xưa?*  *+ Em ước mơ đất nước ta mai sau sẽ phát triển như thế nào?*  *+ Đoạn 3 cho em biết điều gì ?*  + Đại ý của bài là gì?  ***\* GDKNS : Niềm tin vào những ngày tươi đẹp sẽ đến với trẻ em, các em cần luôn luôn cố gắng để xây dựng đất nước ngày càng giàu mạnh*** |
| **3. Luyện đọc diễn cảm:** *(8-10p)*  **\* Mục tiêu: HS** biết đọc diến cảm 1 đoạn của bài tập đọc  **\* Cách tiến hành: Hoạt động cá nhân – nhóm - cả lớp** |  |
| - HS nêu lại giọng đọc cả bài  - 1 HS M4 đọc mẫu toàn bài  - Nhóm trưởng điều khiển nhóm đọc diễn cảm  - Thi đọc diễn cảm trước lớp  - Lớp nhận xét, bình chọn.  - HS nêu suy nghĩ của mình.  - Trưng bày những tranh, ảnh đã sưu tầm để nói về sự đổi thay của đất nước. | - Yêu cầu HS nêu giọng đọc toàn bài.  - Luyện đọc diễn cảm đoạn "Anh nhìn trăng....to lớn, vui tươi"  - GV nhận xét chung  **4. Hoạt động ứng dụng** *(1 phút)*  + Giáo dục QPAN: Bài văn cho thấy tình cảm của anh chiến sĩ đối với các em nhỏ như thế nào?  **5. Hoạt động sáng tạo** *(1 phút)* |

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TOÁN**

***Tiết 31:* LUYỆN TẬP**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Củng cố kiến thức về phép cộng, phép trừ và các bài toán liên quan.

**2. Kĩ năng**

- Có kĩ năng thực hiện phép cộng, phép trừ và biết cách thử lại phép cộng, phép trừ

- Biết tìm một thành phần chưa biết trong phép cộng , phép trừ .

**3. Thái độ**

- HS có thái độ học tập tích cực.

**4. Góp phần phát triển năng lực:**

**-** Năng lực tự học, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL tư duy - lập luận logic.

\*Bài tập cần làm: BT 1; 2; 3.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: - Phiếu nhóm, bảng phụ

- HS: Vở BT, SGK,

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- Phương pháp vấn đáp, động não, quan sát, thực hành, đặt và giải quyết vấn đề, hoạt động nhóm.

- Kĩ thuật đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC;**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBVN điều hành lớp khởi động bằng bài hát vui nhộn tại chỗ | **1. Khởi động:** *(5p)*  - GV giới thiệu vào bài |
| **2. Hoạt động thực hành***:(30p)*  **\* Mục tiêu:-** + Có kĩ năng thực hiện phép cộng, phép trừ và biết cách thử lại phép cộng, phép trừ  + Biết tìm một thành phần chưa biết trong phép cộng, phép trừ .  **\* Cách tiến hành: Cá nhân – Nhóm- Lớp** | |
| **Cá nhân - Nhóm 2-Lớp**  - HS đọc yêu cầu đề bài  - HS đặt tính và tính.  -1 HS lên bảng làm bài, HS cả lớp làm bài vào nháp  -2 HS nhận xét ?  *+...ta cần thử lại kết quả của phép tính*  *+ Ta có thể lấy tổng trừ đi một số hạng, nếu được kết quả là số hạng còn lại thì phép tính làm đúng*  - HS nghe GV giới thiệu cách thử lại phép cộng  - 3 HS lên bảng làm bài, mỗi HS thực hiện tính và thử lại một phép tính, HS cả lớp làm bài vào vở- Đổi chéo vở kiểm tra  - Báo cáo kết quả trước lớp  **Cá nhân- Nhóm 2- Lớp**  - HS làm bài cá nhân- Tự thử lại kết quả phép trừ- Trao đổi trong nhóm, nhóm báo cáo  *+ Thử lại bằng cách lấy hiệu cộng với số trừ*  **Cá nhân-Lớp**  -1 HS lên bảng làm bài, HS cả lớp làm bài vào vở.  a. x + 262 = 4848  x = 4848 – 262  x = 4586  b. x - 707 = 3535  x = 3535 + 707  x = 4242  - HS làm vào vở Tự học  Bài 4: Bài giải  Núi Phan-xi-păng cao hơn và cao hơn số mét là:  3143 – 2428 = 715 (m)  Đáp số: 715m  *+ Đỉnh Phan-xi-păng là đỉnh núi cao nhất đất nước ta, thuộc dãy HLS. Đây được coi là nóc nhà của Tổ quốc*  Bài 5: Bài giải  - Số lớn nhất có 5 chữ số là: 99 999  - Số bé nhất có 5 chữ số là 10 000  - Hiệu là: 89 000  - Hoàn thành các bài tập tiết Luyện tập chung trong sách BT toán  - Nhẩm tổng, hiệu của số lớn nhất có 6 chữ số và số bé nhất có 6 chữ số | **Bài 1**: Thử lại phép cộng.  - GV viết bảng phép tính 2416 + 5164    - GV yêu cầu HS nhận xét bài làm của bạn  *+ Vì sao em khẳng định bạn làm đúng (sai) ?*  *+ Muốn kiểm tra một số tính cộng đã đúng hay chưa chúng ta làm như thế nào?*  *+ Khi thử lại phép cộng ta làm như thế nào?*  - GV yêu cầu HS thử lại phép cộng trên.  - GV yêu cầu HS làm phần b.  35 462 + 27 519; 69 105 + 2 074  267 345 + 31 925  **Bài 2:** Thử lại phép trừ  *+ Muốn kiểm tra một phép tính trừ đã đúng hay chưa chúng ta tiến hành thử lại như thế nào*?  **Bài 3:** Tìm x  -GV yêu cầu HS tự làm bài, khi chữa bài yêu cầu HS giải thích cách tìm x của mình    -GV nhận xét, đánh giá 7- 10 bài  **Bài 4+ Bài 5 *(bài tập chờ dành cho HS hoàn thành sớm)***  *+ Em biết gì về đỉnh Phan-xi-păng?*  **3. Hoạt động ứng dụng *(1p)***  **4. Hoạt động sáng tạo *(1p)*** |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**KHOA HỌC**

**PHÒNG BỆNH BÉO PHÌ**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Nêu cách phòng bệnh béo phì:

+Ăn uống hợp lí, điều độ, ăn chậm, nhai kĩ.

+ Năng vận động cơ thể, đi bộ và luyện tập TDTT.

**2. Kĩ năng**

- Quan sát tranh, ảnh trả lời được các câu hỏi liên quan nội dung bài học

**3. Thái độ**

- Có thói quen ăn uống, tập luyện phù hợp để không bị béo phì

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, hợp tác.

*\* KNS: + Nói với mọi người trong gia đình hoặc người khác nguyên nhân và cách phòng bệnh do ăn thừa chất dinh dưỡng; ứng xử đúng với bạn hoặc người khác bị béo phì*

*+ Ra quyết định: thay đổi thói quen ăn uống để phòng tránh bệnh béo phì*

*+ Kiên định: thực hiện chế độ ăn uống, hoạt động thể lực phù hợp lứa tuổi*

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: + Các hình minh hoạ trang 28, 29 / SGK (phóng to nếu có điều kiện).

+ Bảng lớp chép sẵn các câu hỏi.

+ Phiếu ghi các tình huống.

- HS: SGK

**2.Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: quan sát, hỏi đáp, thảo luận, trò chơi học tập.

- KT: Động não, chia sẻ nhóm đôi, tia chớp

**II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt đông của của học sinh** | **Hoạt đông của giáo viên** |
| - HS trả lời dưới sự điều hành của TBHT  *+ Bệnh bướu cổ, bệnh còi xương, bệnh khô mắt, quáng gà, bệnh chảy máu chân răng,...*  *+ Ăn uống đầy đủ chất dinh dưỡng, dùng muối i-ốt.* | **1, Khởi động *(4p)***  *+ Kể tên một số bệnh do thiếu chất dinh dưỡng?*  *+ Cách phòng bệnh suy dinh dưỡng như thế nào?*  -GV nhận xét, khen/ động viên, dẫn vào bài mới. |
| **3.Bài mới:***(30p)*  **\* Mục tiêu: -** HS biết cách phòng bệnh béo phì. Ăn uống hợp lí, điều độ, ăn chậm, nhai kĩ. Năng vận động cơ thể, đi bộ và luyện tập TDTT.  **\* Cách tiến hành: Cá nhân-Nhóm –Lớp** | |
| **Cá nhân - Lớp**  *+ Sẽ bị suy dinh dưỡng.*  *+ Cơ thể sẽ phát béo phì.*  - HS lắng nghe.  **Nhóm 4- Lớp**  - Thực hiện theo Yc của GV:  Phiếu học tập  Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước ý trả lời em cho là đúng:  1) Dấu hiệu để phát hiện trẻ em bị béo phì là:  a) Có những lớp mỡ quanh đùi, cánh tay trên, vú và cằm.  b) Mặt to, hai má phúng phíng,  c) Cân nặng hơn so với những người cùng tuổi và cùng chiều cao từ 5kg trở lên.  d) Bị hụt hơi khi gắng sức.  2. Người bị béo phì thường giảm hiệu suất lao động và sự lanh lợi:  a. Chậm chạp.  b. Ngại vận động  c. Chóng mệt mỏi khi lao động.  d. Tất cả các ý trên.  2. Người bị béo phì thường mất sự thoải mái trong cuộc sống:  a. Khó chịu về mùa hè.  b. hay có cảm giác mệt mỏi chung toàn thân.  c. Hay nhức đầu, buồn tê ở hai chân.  d. Tất cả các ý trên.  4. Người bị béo phì thường có nguy cơ:  a. Bệnh tim mạch. b. Huyết áp cao.  c. Bị sỏi mật. d. Bệnh tiểu đường  e. Tất cả các bệnh trên.  **Nhóm 2- Lớp**  - Thực hiện theo Yc của GV    *1.+ Ăn quá nhiều chất dinh dưỡng.*  *+ Lười vận động nên mỡ tích nhiều dưới da.*  *+ Do bị rối loạn nội tiết.*  *2. + Ăn uống hợp lí, ăn chậm, nhai kĩ.*  *+ Thường xuyên vận động, tập thể dục thể thao.*  *+ Điều chỉnh lại chế độ ăn uống cho hợp lí.*  *3. + Đi khám bác sĩ ngay.*  *+ Năng vận động, thường xuyên tập thể dục thể thao.*  - HS lắng nghe, ghi nhớ.  **Nhóm 6 – Lớp**  - HS nhận phiếu.  - HS thảo luận nhóm 4 và trình bày kết quả  *+ Em sẽ cùng mẹ cho bé ăn uống ở mức độ hợp lí, điều độ và cùng bé đi bộ, tập thể dục....*  *+ Em sẽ từ chối các bạn và nói để các bạn hiểu là em đang điều chỉnh lại cách ăn uống của mình…*  - Thực hiện ăn uống phù hợp và tập luyện thể dục, thể thao để cơ thể khoẻ mạnh, ngăn ngừa béo phì  - Xây dựng chế độ ăn uống và tập luyện cho một người béo phì mà em biết. | - GV nêu vấn đề:  *+ Nếu ăn thiếu chất dinh dưỡng sẽ bị mắc bệnh gì?*  *+ Nếu ăn thừa chất dinh dưỡng cơ thể con người sẽ như thế nào?*  ***\* GV: Nếu ăn quá thừa chất dinh dưỡng có thể sẽ béo phì. Vậy béo phì là tác hại gì? Nguyên nhân và cách phòng tránh béo phì như thế nào? ....***  **HĐ1: Tìm hiểu về bệnh béo phì.:**  **Bước 1:** Làm việc theo nhóm:  - GV phát phiếu học tập.  - YC HS thảo luận nhóm theo phiếu học tập.  **Bước 2**: Làm việc cả lớp:  - Gọi đại diện nhóm báo cáo kết quả.. Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  - GV chốt đáp án.  **Đáp án:** Câu 1: b; Câu 2: d.  Câu 3: d; Câu 4: e.  - GV kết luận:  Một em bé có thể được xem là béo phì khi:  + Có cân nặng hơn mức bình thường so với chiều cao và tuổi là 20 %.  + Có những lớp mỡ quanh đùi, cánh tay trên, vú và cằm.  + Bị hụt hơi khi gắng sức.  Tác hại của bệnh béo phì:  + Mất sự thoải mái trong cuộc sống.  + Người bị béo phì thường giảm hiệu suất lao động và sự lanh lợi:  + Người bị béo phì thường có nguy cơ mắc các bệnh tim mạch, huyết áp cao, bị sỏi mật, bệnh tiểu đường.  **HĐ2: Nguyên nhân và cách phòng bệnh béo phì.:**  - Yêu cầu HS quan sát hình minh hoạ trang 28, 29 / SGK , trả lời câu hỏi:  *+ Nguyên nhân gây nên bệnh béo phì là gì?*  *+ Muốn phòng bệnh béo phì ta phải làm gì?*  *+ Cách chữa bệnh béo phì như thế nào?*  ***\* GV: Nguyên nhân gây béo phì chủ yếu là do ăn quá nhiề,u ít vận động. Khi đã bị béo phì cần xem xét, cân đối lại chế độ ăn uống. Đi khám bác sĩ ngay để tìm đúng nguyên nhân điều trị hoặc nhận được lời khuyên về chế độ dinh dưỡng hợp lí, phải năng vận động, luyện tập thể dục thể thao.***  **Hoạt động 3: Bày tỏ thái độ:**  Bước 1: Thảo luận theo nhóm.  - GV phát phiếu (có ghi các tình huống); YC HS thảo luận nhóm và trình bày kết quả, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  + Nhóm 1, 2, 3- Tình huống1: *Em của Châu có dấu hiệu béo phì. Sau khi học xong bài này, nếu là Châu, bạn sẽ về nhà nói gì với bố mẹ?*  + Nhóm 4,5,6- Tình huống 2: *Hoa cân nặng hơn những người bạn cùng tuổi và cùng chiều cao nhiều. Hoa muốn thay đổi thói quen ăn vặt và ăn uống đồ ngọt của mình. Nếu là Hoa bạn sẽ làm gì, nếu hằng ngày trong giờ ra chơi, các bạn mời Hoa ăn bánh ngọt và uống nước ngọt.*  - GV nhận xét tổng hợp ý kiến của các nhóm HS.  ***GV: Chúng ta cần luôn có ý thức phòng tránh bệnh béo phì, vận động mọi người cùng tham gia tích cực tránh bệnh béo phì. Vì béo phì có nguy cơ mắc các bệnh về tim, mạch, tiểu đường, tăng huyết áp, …***  **3. HĐ ứng dụng**  **4. HĐ sáng tạo *(1p)*** |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

:..............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

*Thứ ....... ngày ...... tháng ..... năm .........*

**CHÍNH TẢ**

**GÀ TRỐNG VÀ CÁO**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức:**

- Nhớ viết lại chính xác đoạn thơ trong bài từ " Nghe lời Cáo dụ thiệt hơn...đến hết", trình bày đúng các dòng thơ lục bát.

- Hiểu nội dung đoạn cần viết

- Làm đúng bài tập chính tả phân biệt tiếng có phụ âm đầu tr/ch, tìm được các từ chứa tiếng chí/trí mang nội dung cho trước

**2. Kĩ năng:**

**-** Rèn kỹ năng viết đẹp, viết đúng chính tả.

**3. Thái độ:**

**-** Giáo dục tính cẩn thận, chính xác, yêu thích chữ viết

- Tính trung thực.

**4. Góp phần phát triển năng lực:**

**-** NL tự chủ và tự học, NL sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Bảng phụ, phiếu học tập.

- HS: Vở, bút,...

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- Phương pháp vấn đáp, động não, quan sát, thực hành, đặt và giải quyết vấn đề, hoạt động nhóm, trò chơi học tập.

- Kĩ thuật đặt câu hỏi, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBVN điều hành HS cùng hát kết hợp với vận động.  - 2 HS lên bảng thi viết các từ*: đủng đỉnh, lởm chởm, lủng củng, bỡ ngỡ, dỗ dành, mũm mĩm, ...* | **1. Khởi động: (2p)**  - GV đánh giá, nhận xét |
| **2. Chuẩn bị viết chính tả:** *(6p)*  **\* Mục tiêu:** HS hiểu được nội dung bài CT, viết được các từ khó, dễ lẫn và các hiện tượng chính tả, cách viết theo thể thơ lục bát.  **\* Cách tiến hành:** Hoạt động cả lớp | |
| - 2, 3 học sinh đọc.  - HS thảo luận (2p) và báo cáo trước lớp  +*Thể hiên Gà là con vật thông minh.*  *+ Gà tung tin có một cặp chó săn đang chạy tới đẻ dưa tin mừng. Cáo ta sợ chó ăn thịt vội chạy ngay để lộ chân tướng.*  *+ Đoạn thơ muốn nói với chúng ta hãy cảnh giác, đừng vội tin vào những lời ngọt ngào*.  + *hồn lạc* *phách bay, quắp đuôi, khoái chí, co cẳng....*  - Hs viết nháp từ khó.  - HS đọc từ viết khó  - 1 hs đọc lại bài viết. Cả lớp đọc 1 lần | a. Trao đổi về nội dung đoạn nhơ-viết  - Gọi HS đọc thuộc bài viết.  - Yêu cầu thảo luận nhóm 2:  *+ Lời lẽ của Gà nói với Cáo thể hiện điều gì?*  *+ Gà tung tin gì để cho Cáo một bài học?*  *+ Đoạn thơ muốn nói với chúng ta điều gì?*  *+ Phát hiện những chữ dễ viết sai?*  ***- Lưu ý khi trình bày thể thơ lục bát*** |
| **3. Viết bài chính tả:** *(20p)*  **\* Mục tiêu:** Hs nhớ - viết tốt bài chính tả theo thể thơ lục bát.  **\* Cách tiến hành:** | |
| - HS nhớ - viết bài vào vở | - GV nhắc nhở HS tư thế ngồi viết  *Lưu ý HS:*  *+Viết hoa tên riêng là gà Trống và Cáo.*  +*Lời nói trực tiếp của gà Trống và Cáo phải viết sau dấu hai chấm mở ngoặc kép.*  - GV giúp đỡ các HS M1, M2 |
| **4. Đánh giá và nhận xét bài:** *(5p)*  **\* Mục tiêu:** Giúp HS tự đánh giá được bài viết của mình và của bạn. Nhận ra các lỗi sai và sửa sai  **\* Cách tiến hành: Cá nhân- Cặp đôi** | |
| - Học sinh xem lại bài của mình, dùng bút chì gạch chân lỗi viết sai. Sửa lại xuống cuối vở bằng bút mực  - Trao đổi bài (cặp đôi) để soát hộ nhau  - Lắng nghe. | - Cho học sinh tự soát lại bài của mình theo.  - GV nhận xét, đánh giá 5 - 7 bài  - Nhận xét nhanh về bài viết của HS |
| **5. Làm bài tập chính tả:** *(5p)*  **\* Mục tiêu:** Giúp HS tìm được các tiếng bắt đầu bằng "tr/ch",  **\* Cách tiến hành: Cá nhân-Cặp đôi- Chia sẻ trước lớp** | |
| ***Cá nhân – Chia sẻ cặp đôi – Lớp***  Đáp án : **trí** tuệ - phẩm **chất** - **trong** lòng đất- **chế** ngự- **chinh** phục- vũ **trụ - chủ** nhân.  - 1 hs đọc to đoạn văn đã điền hoàn chỉnh.  ***Cá nhân- Lớp***  Đáp án: a. ý chí  b. trí tuệ  - Viết 5 tiếng, từ chứa ch/tr  - Phân biệt chuyện/truyện | **Bài 2a:** Điền vào chỗ trống những chữ bắt đầu bằng tr/ch  - Gọi hs đọc đoạn văn đã điền hoàn chỉnh.  - Chữa bài, nhận xét.  **Bài 3a**  **5. Hoạt động ứng dụng** *(1p)*  **6. Hoạt động sáng tạo** *(1p)* |

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

...................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TOÁN**

***Tiết 32:* BIỂU THỨC CÓ CHỨA HAI CHỮ**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Nhận biết được biểu thức đơn giản chứa hai số .

**2. Kĩ năng**

- Biết tính giá trị một số biểu thức đơn giản có chứa hai chữ

**3. Thái độ**

- HS chăm chỉ học bài

**4. Góp phần phát huy các năng lực**

**-** Năng lực tự học, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL tư duy - lập luận logic.

\* BT cần làm: Bài 1, bài 2 (a, b), bài 3 (hai cột)

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: + Đề bài toán ví dụ chép sẵn trên bảng phụ hoặc băng giấy.

+ GV vẽ sẵn bảng ở phần ví dụ (để trống số ở các cột).

-HS: VBT, vở nháp

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm

- Kĩ thuật: đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của HS** | **Hoạt động của GV** |
| **-** TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ | **1. Khởi động *(5p)***  - Tổ chức trò chơi củng cố về cách đọc các số có nhiều chữ số  - TK trò chơi- Dẫn vào bài |
| **2. Hình thành kiến thức mới (15p)**  **\* Mục tiêu:** HS nhận biết được biểu thức đơn giản chứa hai chữ  **\* Cách tiến hành:** **Cá nhân –Nhóm 2 – Lớp** | |
| -HS đọc.  *+Ta thực hiện phép tính cộng số con cá của anh câu được cộng với số con cá của em câu được.*  *+ .Hai anh em câu được 3 +2 con cá.*  -HS làm việc nhóm 2: 1 HS nêu số con cá của hai anh em trong từng trường hợp, 1 HS viết vào bảng  *+ Nếu.....hai anh em câu được a +b con cá.*  - HS nhắc lại  *+ Biểu thức có chứa hai chữ gồm luôn có dấu tính và hai chữ (ngoài ra còn có thể có hoặc không có phần số).*  *+ HS: nếu a = 3 và b = 2 thì a + b = 3 + 2 = 5.*  -HS hỏi đáp nhóm 2 về giá trị của BT với từng TH của a và b  *+Ta thay các số vào chữ a và b rồi thực hiện tính giá trị của biểu thức.*  *+Ta tính được một giá trị của biểu thức a + b* | ***a. Giới thiệu biểu thức có chứa hai chữ:***  - GV yêu cầu HS đọc bài toán ví dụ.  *+ Muốn biết cả hai anh em câu được bao nhiêu con cá ta làm thế nào ?*  *+ Nếu anh câu được 3 con cá và em câu được 2 con cá thì hai anh em câu được mấy con cá ?*  - GV nghe HS trả lời và viết 3 vào cột Số cá của anh, viết 2 vào cột Số cá của em, viết 3 + 2 vào cột Số cá của hai anh em.  - GV làm tương tự với các trường hợp anh câu được 4 con cá và em câu được 0 con cá, anh câu được 0 con cá và em câu được 1 con cá, …  *+ Nếu anh câu được a con cá và em câu được b con cá thì số cá mà hai anh em câu được là bao nhiêu con ?*  ***GV: a + b được gọi là biểu thức có chứa hai chữ.***  + Biểu thức có chứa hai chữ có đặc điểm gì?  ***b. Giá trị của biểu thức chứa hai chữ***  *+ Nếu a = 3 và b = 2 thì a + b bằng bao nhiêu ?*  ->Khi đó ta nói 5 là một giá trị của biểu thức a + b.  *+ Khi biết giá trị cụ thể của a và b, muốn tính giá trị của biểu thức a + b ta làm như thế nào ?*  *+Mỗi lần thay các chữ a và b bằng các số ta tính được mấy giá trị của BT?* |
| **3. Hoạt động thực hành (18p)**  **\* Mục tiêu**: HS biết tính giá trị một số biểu thức đơn giản có chứa hai chữ  **\* Cách tiến hành** | |
| **Cá nhân-Nhóm 2- Lớp**  -HS đọc yêu cầu đề, làm việc cá nhân- Chia sẻ nhóm 2  *-Tính giá trị của biểu thức c + d.*  a. Nếu c = 10 và d = 25 thì c +d = 10 + 25 = 35  b. Nếu c = 15 cm và d = 45 cm thì c + d = 15 cm +45 cm = 60 cm  *+ Giá trị của biểu thức c + d là 35.*  *+ Giá trị của biểu thức c + d là 60 cm.*  *+ Tính được 1 giá trị*  **Cá nhân- Lớp**  -HS đọc đề bài  -2 HS lên bảng làm bài, HS cả lớp làm bài vào vở.  a. a = 32 và b = 20  b. a = 45 và b = 36  Cá nhân –Nhóm 2- Lớp  - HS đọc đề bài.  - Hs làm vào phiếu học tập.   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | a | **12** | 28 | 60 | | b | **3** | 4 | 6 | | a x b | **36** |  |  | | a : b | **4** |  |  |   -Từ trên xuống dưới dòng đầu nêu giá trị của a, dòng thứ hai là giá trị của b, dòng thứ ba là giá trị của biểu thức a x b, dòng cuối cùng là giá trị của biểu thức a : b.  - HS tự làm bài vào bảng trong SGK  - Đổi chéo tự chữa bài cho bạn  - Llấy một ví dụ về biểu thức có chứa hai chữ.  - Tính 1 giá trị của BT có chứa 2 chữ vừa lấy VD | **Bài 1:** Tính giá trị của c + d  *+ Bài toán yêu cầu gì ?*  - GV yêu cầu HS đọc biểu thức trong bài, sau đó làm bài.  *+ Nếu c = 10 và d = 25 thì giá trị của biểu thức c + d là bao nhiêu ?*  *+ Nếu c = 15 cm và d = 45 cm thì giá trị của biểu thức c + d là bao nhiêu ?*  *+ Mỗi lần thay chữ c, d bằng 1 số, ta tính được mấy giá trị của c+d?*  - GV nhận xét, tuyên dương.  **Bài 2(a,b) *HSNK làm hết bài***  - GV yêu cầu HS đọc đề bài, sau đó tự làm bài.  - GV nhận xét, đánh giá 8- 10 bài của HS  **Bài 3**  -GV treo bảng số như phần bài tập của SGK.  -GV yêu cầu HS nêu nội dung các dòng trong bảng.  -Khi thay giá trị của a và b vào biểu thức để tính giá trị của biểu thức chúng ta cần chú ý thay hai giá trị a, b ở cùng một cột  **Bài 4** ***(Bài tập chờ dành cho HS hoàn thành sớm)***  **3. Hoạt động ứng dụng** *(1p)*  **4. Hoạt động sáng tạo** *(1p)* |

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

..........................................................................................................................................................................................................................................................................

**LỊCH SỬ**

**CHIẾN THẮNG BẠCH ĐẰNG**

**DO NGÔ QUYỀN LÃNH ĐẠO (NĂM 938)**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Nắm được những nét ngắn gọn trận Bạch Đằng năm 938:

+ Đôi nét về người lãnh đạo trận Bạch Đằng: Ngô Quyền quê ở xã Đường Lâm, con rể của Dương Đình Nghệ.

+ Nguyên nhân trận Bạch Đằng: Kiều Công Tiễn giết Dương Đình Nghệ và cầu cứu nhà Nam Hán. Ngô Quyền bắt giết Kiều Công Tiễn và chuẩn bị đón đánh quân Nam Hán.

+ Những nét chính về diễn biến của trận Bạch Đằng: Ngô Quyền chỉ huy quân ta lợi dụng thuỷ triều lên xuống trên sông Bạch Đằng, nhử giặc vào bãi cọc và tiêu diệt chúng.

+ Ý nghĩa trận Bạch Đằng: Chiến thắng Bạch Đằng kết thúc thời kì nước ta bị phong kiến phương Bắc đô hộ, mở ra thời kì độc lập lâu dài cho dân tộc.

**2. Kĩ năng**

- Sử dụng lược đồ để kể lại nét chính về diễn biến cuộc khởi nghĩa.

**3. Thái độ**

- Giáo dục HS lòng tự hào dân tộc, căm thù giặc ngoại xâm.

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL ngôn ngữ, NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Lược đồ trận Bạch Đằng, tranh ảnh.

- HS: SGK, vở ghi, bút,..

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm.

- KT: Kĩ thuật đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBHT điều hành các bạn trả lời và nhận xét, bổ sung  *+ Mùa xuân năm 40, ….*  *+ Sau hơn 200 năm bị phong kiến nước ngoài đô hộ, lần đầu tiên nhân dân ta giành được độc lập. Sự kiện đó chứng tỏ nhân dân ta vẫn duy trì và phát huy được truyền thống bất khuất.* | **1.Khởi động:***(4p)*  *+ Hãy kể lại cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng?*  *+ Cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng có ý nghĩa như thế nào?*  -GV nhận xét, khen/động viên, dẫn vào bài mới |
| **2.Bài mới:***(30p)*  ***\* Mục tiêu***:- Nắm được đôi nét tiêu biểu về Ngô Quyền  ***-***  Kể ngắn gọn cuộc khởi nghĩa của Ngô Quyền  - Sử dụng lược đồ để kể lại nét chính về diễn biến cuộc khởi nghĩa.  ***\* Cách tiến hành:Cá nhân-Nhóm-Lớp*** | |
| **Cá nhân**  - HS đọc SGK (phần chữ nhỏ)  - HS điền dấu x vào trong PHT của mình, sau đó giơ thẻ màu theo quy ước với mỗi phương án.  - Vài HS nêu: NQ là người Đường Lâm. Ông là người có tài, có đức, có lòng trung thực và căm thù bọn bán nước và là một anh hùng của dân tộc.  **Nhóm 4- Lớp**  *+ Được tin Kiều Công Tiễn giết Dương Đình Nghệ, Ngô Quyền báo thù…nước ta.*  - HS làm việc nhóm 4 dưới sự điều hành của nhóm trưởng  *+ Cửa sông Bạch Đằng nằm ở Quảng Ninh.*  *+ Quân Ngô Quyền đã dựa vào thuỷ triều để dùng kế cắm cọc gỗ đầu nhọn xuống nơi hiểm yếu ở sông Bạch Đằng.*  *+ Quân Nam Hán đến cửa sông vào lúc thuỷ triều lên…. không lùi được.*  *+ Quân Nam Hán chết quá nửa, Hoằng Tháo tủ trận, quân Nam Hán thất bại. Ta hoàn toàn thắng trận*.  - HS thuật.    **Nhóm 2 – Lớp**  - HS các nhóm thảo luận và trả lời.  + Mùa xuân năm 939 Ngô Quyền xưng vương.  + Chấm dứt hơn 1000 năm dân ta sống dưới ách đô hộ của phong kiến phương Bắc và mở ra thời kì độc lập lâu dài cho dân tộc.  - Tìm hiểu thêm một số truyện kể về chiến thắng BĐ của Ngô Quyền. | **HĐ1: Tìm hiểu đôi nét về Ngô Quyền**  - GV yêu cầu HS điền dấu x vào ô trống những thông tin đúng về Ngô Quyền:  a. □ Ngô Quyền là người Đường Lâm (Hà Tây)  b. □ Ngô Quyền là con rể Dương Đình Nghệ.  c. □ Ngô Quyền chỉ huy quân dân ta đánh quân Nam Hán.  d. □ Trước trận BĐ Ngô Quyền lên ngôi vua.  - GV nhận xét: Đáp án đúng: a, b, c.  - GV yêu cầu vài em dựa vào kết quả làm việc để giới thiệu một số nét về con người Ngô Quyền.  - GV nhận xét và bổ sung: Mùa xuân năm 939 Ngô Quyền mới xưng vương.  **HĐ2: Nguyên nhân, diễn biến, kết quả, ý nghĩa của trận BĐ**  *+ Theo em nguyên nhân nào dẫn đến trận Bạch Đằng?*  - GV yêu cầu HS đọc SGK đoạn: “Sang đánh nước ta … hoàn toàn thất bại” để trả lời các câu hỏi sau:  *+ Cửa sông Bạch Đằng nằm ở địa phương nào?*  *+ Quân Ngô Quyền đã dựa vào thuỷ triều để làm gì?*  *+ Trận đánh diễn ra như thế nào?*  *+ Kết quả trận đánh ra sao?*  - GV yêu cầu một vài HS dựa vào kết quả làm việc để thuật lại diễn biến trận BĐ theo lược đồ  ***\* GV: Quân Nam Hán sang xâm lược nước ta. Ngô Quyền chỉ huy quân ta, lợi dụng thuỷ triều lên xuống trên sông BĐ, nhử giặc vào bãi cọc rồi đánh tan quân xâm lược (năm 938).***  - GV phát phiếu học tập và yêu cầu HS thảo luận nhóm 2:  *+ Sau khi đánh tan quân Nam Hán, Ngô Quyền đã làm gì?*  *+ Điều đó có ý nghĩa như thế nào?*  ***\* GV: Mùa xuân năm 939, Ngô Quyền xưng vương, đóng đô ở Cổ Loa. Đất nước được độc lập sau hơn một nghìn năm bị phong kiến phương Bắc đô hộ.***  **3. Hoạt động ứng dụng *(1p)***.  ***-*** GV tổng kết và GD như lòng tự hào dân tộc, căm thù giặc ngoại xâm.  **4. Hoạt động sáng tạo** *(1p)* |

**ĐIỀU CHỈNH-BỔ SUNG**

..........................................................................................................................................................................................................................................................................

.....................................................................................................................................

**LUYỆN TỪ VÀ CÂU**

**CÁCH VIẾT TÊN NGƯỜI, TÊN ĐỊA LÍ VIỆT NAM**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Nắm được quy tắc viết hoa tên người, tên địa lí Việt Nam;

**2. Kĩ năng**

- Hs biết viết tên người, tên địa lí Việt Nam, địa chỉ gia đình theo đúng quy tắc viết hoa

- Biết vận dụng quy tắc đã học để viết đúng một số tên riêng Việt Nam (BT1, BT2 mục III), tìm và viết đúng một vài tên riêng Việt Nam (BT3).

**3. Thái độ**

- HS có ý thức viết hoa đúng cách, đúng quy tắc.

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL tự học, NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Phiếu học tập, bảng phụ.

- HS: vở BT, bút, ...

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Quan sát, hỏi đáp, thảo luận nhóm.

- KT: Kĩ thuật đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của HS** | **Hoạt động của GV** | |
| - 2 HS lên bảng lấy VD | 1**. Khởi động** (3p)  - Lấy VD về DT riêng  - GV chuyển ý vào bài mới. | |
| **2. Hình thành kiến thức mới***:(15p)*  **\* Mục tiêu:** HS nắm được quy tắc viết hoa tên người, tên địa lí Việt Nam.  **\* Cách tiến hành: Cá nhân-Nhóm-Cả lớp** | | |
| **Cá nhân-Lớp**  - Quan sát, nhận xét cách viết.  + Tên người, tên địa lý được viết hoa những chữ cái đầu của mỗi tiếng tạo thành tên đó.  *+ Tên riêng thường gồm một, hai hoặc ba tiếng trở lên. Mỗi tiếng được viết hoa chữ cái đầu của tiếng.*  *+ Viết hoa chữ cái đầu của mỗi tiếng*  - 2 HS đọc ghi nhớ  - HS lấy VD về tên người, tên địa lí VN | | **a. Nhận xét**  + HS quan sát và nhận xét cách viết.  +Tên người: Nguyễn Huệ, Hoàng Văn Thụ, Nguyễn Thị Minh Khai.  +Tên địa lý: Trường Sơn, Sóc Trăng  Vàm Cỏ Tây.  *+ Tên riêng gồm mấy tiếng? Mỗi tiếng được viết ntn?*  *+ Khi viết tên người, tên địa lý Việt Nam ta cần phải viết như thế nào?*  **b. Ghi nhớ** |
| **3, Hoạt động thực hành (20p)**  **\*Mục tiêu:** HS biết cách viết hoa tên người, tên địa lí VN trong thực tế.  **\* Cách tiến hành: Cá nhân - Lớp** | | |
| - H/s đọc to, cả lớp theo dõi.  - Hs lên bảng viết. Hs dưới lớp làm vào vở.  VD: Nguyễn Việt Hùng  Địa chỉ: Thôn Ân Thi 3, xã Hồng Quang, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên.  - Gọi HS nhận xét  - H/s đọc y/c, cả lớp lắng nghe.  - Hs lên bảng viết, cả lớp viết vào vở.  Xã Hồng Quang, huyện Ân Thi, Tỉnh Hưng Yên.  - Hs nhận xét bạn viết trên bảng.  Bài tập 3  - H/s đọc y/c.  - Làm việc theo nhóm.  Thành phố Hưng Yên.  Huyện Ân Thi, Phù Cừ, Tiên Lữ, Khoái Châu, Yên Mỹ, Kim Động,...  - Các danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử ở tỉnh hoặc thành phố của em ( Phố Hiến, Chùa Chuông, Văn miếu Xích Đằng; Đền Ủng, Đền Đa Hòa...)  - Viết tên của 10 bạn trong lớp em  - Viết tên thủ đô của 10 nước trên thế giới. | | **Bài tập 1:**  - Y/c hs tự làm bài, viết tên mình và địa chỉ gia đình.  - GV nhận xét, chốt ý  **Bài tập 2:**  - Gọi hs nxét cách viết của bạn.  **Bài tập 3:**  Gv gọi Hs đọc yêu cầu đề  - GV nxét, tuyên dương h/s.  **3. Hoạt động ứng dụng** *(1p)*  **4. Hoạt động sáng tạo** *(1)* |

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TOÁN**

***Tiết 33:* TÍNH CHẤT GIAO HOÁN CỦA PHÉP CỘNG**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Củng cố tính chất giao hoán của phép cộng: Khi đổi chỗ các số hạng trong 1 tổng thì tổng không thay đổi

**2. Kĩ năng**

- Bước đầu biết sử dụng tính chất giao hoán của phép cộng trong thực hành tính

**3. Thái độ**

- Tích cực, tự giác học bài, trình bày bài sạch sẽ, khoa học

**4. Góp phần phát triển các kĩ năng**

- Năng lực tự học, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL tư duy - lập luận logic.

\* BT cần làm: BT1; 2

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: : Bảng phụ hoặc băng giấy kẻ sẵn bảng số có nội dung như sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| a | 20 | 350 | 1208 |
| b | 30 | 250 | 2764 |
| a +b |  |  |  |
| a : b |  |  |  |

- HS: Bút, SGK, ...

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Quan sát, hỏi - đáp, thảo luận nhóm nhóm.

- KT: đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của HS** | **Hoạt động của GV** |
| - TBHT điều hành:  + Lấy VD 1 biểu thức có chứa 2 chữ  + Tính 1 giá trị của biểu thức đó | **1. HĐ khởi động *(3p)***  - GV dẫn vào bài |
| **2. Hình thành kiến thức***:(15p)*  **\* Mục tiêu:** Nắm được tính chất giao hoán của phép cộng  **\* Cách tiến hành: Cá nhân - Lớp** | |
| - HS đọc bảng số.  - HS thực hiện tại chỗ, mỗi HS thực hiện tính ở một cột để hoàn thành bảng như sau:   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | a | 20 | 350 | 1208 | | b | 30 | 250 | 2764 | | a + b | 20 + 30= 50 | 350+ 250= 600 | 1208+ 2764=3972 | | b + a | 30 + 20= 50 | 250+ 350= 600 | 2764+ 1208=3972 |   *+ Ta thấy giá trị của a + b và b + a luôn bằng nhau*.  **a + b = b + a**  *+ Hai số hạng đổi chỗ cho nhau*  **Qui tắc: *Khi đổi chỗ các số hạng trong một tổng thì tổng không thay đổi***.  - Lấy VD về tính chất giao hoán | - GV treo bảng số như đã nêu ở phần đồ dùng dạy – học.  - GV yêu cầu HS thực hiện tính giá trị của các biểu thức  a + b và b + a để điền vào bảng.  *+ Yêu cầu HS so sánh giá trị của BT*  *a + b và b + a ở từng cột*?  *+ Nhận xét về vị trí của hai số hạng a và b?*  *+ Vậy tính chất giao hoán phát biểu như thế nào?*  - GV yêu cầu HS đọc lại kết luận trong SGK. |
| **3. Hoạt động thực hành** *(18p)*  **\* Mục tiêu:** Bước đầu biết sử dụng tính chất giao hoán của phép cộng trong thực hành tính  **\* Cách tiến hành** | |
| **Cá nhân – Lớp.**  Đ/a:  468 + 379 = 847; 6509 + 2876 = 9385 379 + 468 = 847; 2876 + 6509 = 9385  4268 + 76 = 4344  76 + 4268 = 4344  *+ Em dựa vào tính chất giao hoán của phép cộng*  **Cá nhân –Nhóm 2 – Lớp**  Đáp án:  65 + 297 = 297 + 65; m + n = n + m  177 + 89 = 89 + 177; 84 + 0 = 0 + 84  48 +12 = 12 +48a + 0 = 0 + a  - HS nhắc lại công thức và qui tắc của tính chất giao hoán  - HS tự làm bài vào vở Tự học- Đổi chéo vở kiểm tra  - Hoàn thành các bài tập tương tự trong sách BTT  - Tìm các dạng bài tương tự trong sách Toán buổi 2 và giải. | ***Bài 1:*** Nêu kết quả tính:  - Gọi HS đọc và xác định yêu cầu bài tập.  *+ Làm sao em nêu được kết quả mà không cần tính?*  **Bài 2:**Viết số thích hợp vào chỗ …  *+ Em dựa vào tính chất gì để hoàn thành bài 2?*  **Bài 3 *(bài tập chờ dành cho HS hoàn thành sớm)***  - Chốt lại đặc điểm của tính chất giao hoán  **4. Hoạt động ứng dụng** (1p)  **5. Hoạt động sáng tạo** (1p) |

**ĐIỀU CHỈNH-BỔ SUNG**

...................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**ĐẠO ĐỨC**

**TIẾT KIỆM TIỀN CỦA (T1)**

**I.MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Nêu được ví dụ về tết kiệm tiền của.

- Biết được lợi ích của tiết kiệm tiền của.

**2. Kĩ năng**

- Có kĩ năng sử dụng tiết kiệm quần áo, sách vở, đồ dùng, điện, nước,… trong cuộc sống hằng ngày.

*(Không yêu cầu học sinh lựa chọn phương án phân vân trong các tình huống bày tỏ thái độ của mình về các ý kiến: tán thành, phân vân hay không tán thành mà chỉ có hai phương án: tán thành và không tán thành.*

*- Không yêu cầu học sinh tập hợp và giới thiệu những tư liệu khó sưu tầm về một người biết tiết kiệm tiền của; có thể cho học sinh kể những việc làm của mình hoặc của các bạn về tiết kiệm tiền của)*

**3. Thái độ**

- Có ý thức tiết kiệm tiền của

- Nhắc nhở bạn bè, anh chị em thực hiện tiết kiệm tiền của.

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL tự học, NL giải quyết vấn đề, NL hợp tác, sáng tạo

*\* KNS: - Bình luận, phê phán việc lãng phí tiền của*

*- Lập kế hoạch sử dụng tiền của bản thân*

*\* BVMT:- Sử dụng tiết kiệm tiền áo, sách vở, đồ dùng, điện, nước...Trong cuộc sống hằng ngày là góp phần BVMT và tài nguyên thiên nhiên.*

*\* SDNLTK:- Sử dụng tiết kiệm các nguồn năng lượng như: điện, nước, xăng, dầu, gas,… chính là tiết kiệm tiền của cho bản thân, gia đình và đất nước.*

*- Đồng tình với các hành vi, việc làm sử dụng năng lượng tiết kiệm năng lượng; phản đối, không đồng tình với các hành vi sử dụng lãng phí năng lượng.*

*\* TT HCM:*

*Cần kiệm liêm chính*

**I. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: SGK Đạo đức 4, thẻ xanh đỏ.

- HS: Mỗi HS có 3 tấm bìa màu: xanh, đỏ, trắng.

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm, trò chơi phóng viên, đóng vai.

- KT: động não, chia sẻ nhóm 2

**III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của HS** | **Hoạt động của GV** |
| - HS nối tiếp trả lời: *Mọi người sẽ có thể không hiểu và đưa ra những quyết định không phù hợp với nhu cầu, …*  - HS nêu bài học. | **1.Khởi động:***(5p)*  ***-*** Gv đặt vấn đề: *Điều gì sẽ xảy ra nếu em không được bày tỏ ý kiến về những việc có liên quan đến bản thân em?*  - Nêu bài học |
| **2.Hình thành kiến thức***(30p)*  **\* Mục tiêu:** - Nêu được ví dụ về tết kiệm tiền của.  - Biết được lợi ích của tiết kiệm tiền của.  - Biết bày tỏ ý kiến về tiết kiệm tiền của  **\* Cách tiến hành: Cá nhân-Nhóm-Lớp** | |
| - 1 HS đọc thông tin  - Thảo luận nhóm 2 và trả lời các câu hỏi:  *+...tiết kiệm các nguồn năng lượng như điện, nước, xăng, dầu, ga….; thức ăn, sách vở, đồ chơi…*  *+ Không vì tiết kiệm tiền của cho bản thân, gia đình và đất nước, chính là bảo vệ môi trường sống của chúng ta.*  - HS bày tỏ thái độ đánh giá theo các phiếu màu theo quy ước  - HS liên hệ theo câu hỏi của GV  - Sưu tầm những mẩu chuyện về tính tiết kiệm của BH | **HĐ 1: Tìm hiểu thông tin**  - GV yêu cầu các nhóm đọc các thông tin trong SGK/11 và thảo luận câu hỏi SGK (t 12)  **Thông tin:**  - Ở Việt Nam hiện nay nhiều cơ quan có biển thông báo: “Ra khỏi phòng nhớ tắt điện”.  - Người Đức có thói quen bao giờ cũng ăn hết, không để thừa thức ăn.  - Người Nhật có thói quen chi tiêu rất tiết kiệm trong sinh hoạt hằng ngày.  *+ Qua xem tranh và các thông tin trên theo em cần phải tiết kiệm những gì?*  *+ Theo em có phải do nghèo nên cần phải tiết kiệm của công?*  ***\* GV: Sử dụng tiết kiệm như quần áo, sách vở, điện nước….trong cuộc sống hằng ngày là bảo vệ được nguồn tài nguyên thiên nhiên góp phần vào bảo vệ môi trường, tiết kiệm năng lượng.***  **HĐ2: Bày tỏ ý kiến, thái độ** (BT1- SGK/12):  - GV lần lượt nêu từng ý kiến trong bài tập 1, YC HS cùng các bạn trao đổi, bày tỏ thái độ về các ý kiến đã cho (Tán thành, không tán thành)  - GV đề nghị HS giải thích về lí do lựa chọn của mình.  \* Kết luận:  + Các ý kiến c, d là đúng.  + Các ý kiến a, b là sai.  **3. Hoạt đông ứng dụng *(1p)***  - Liên hệ giáo dục BVMT: Tiết kiệm tiền của là bảo vệ môi trường  - Liên hệ giáo dục TKNL  **4. Hoạt động sáng tạo** *(1p)* |

**ĐIỀU CHỈNH-BỔ SUNG**

..............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**KỂ CHUYỆN**

**LỜI ƯỚC DƯỚI TRĂNG**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Hiểu được ý nghĩa câu chuyện: Những điều ước cao đẹp mang lại niềm vui, niềm hạnh phúc cho mọi người.

**2. Kĩ năng:**

- Nghe - kể lại được từng đoạn câu chuyện theo tranh minh hoạ (SGK) ; kể nối tiếp được toàn bộ câu chuyện Lời ước dưới trăng (do GV kể)

**3. Thái độ**

- Biết ước mơ để có niềm vui, hạnh phúc trong cuộc sống.

**4. Góp phần bồi dưỡng các năng lực**

- NL giao tiếp và hợp tác, NL sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ,...

*\* BVMT: Giá trị của môi trường thiên nhiên với cuộc sống của con người*

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: + Tranh minh họa từng đoạn trong câu chuyện trang 69 SGK (phóng to nếu có điều kiện).

+ Bảng lớp ghi sẵn các câu hỏi gợi ý cho từng đoạn.

+Giấy khổ to và bút dạ.

- HS: - Truyện đọc 4, SGK.

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Hỏi đáp, quan sát, đóng vai, thảo luận nhóm.

- KT: đặt câu hỏi, chia sẻ nhóm, khăn trải bàn.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBVN điều hành lớp hát và vận động tại chỗ | **1. Khởi động***:(5p)*  **-** HShát bài Ước mơ  - GV chuyển ý bài mới |
| **2. Hoạt động nghe-kể***:(8p)*  **\* Mục tiêu**: HSnghe kể nhớ được nội dung câu chuyện  **\* Cách tiến hành: Cá nhân - Lớp** | |
| - HS theo dõi  - Hs lắng nghe Gv kể chuyện.  - Giải thích các từ ngữ khó.  -HS lắng nghe và quan sát tranh | - Hướng dẫn kể chuyện.  - GV kể 2 lần:  +Lần 1: Kể nội dung chuyện.  Sau khi kể lần 1, GV yêu cầu HS giải thích một số từ ngữ khó hiểu trong truyện.  +Lần 2: Kể kèm tranh minh hoạ |
| **3. Thực hành kể chuyện***:(15p)*  **\* Mục tiêu: HS** kể được nội dung câu chuyện theo lời kể của mình.  **\* Cách tiến hành: Cá nhân - Nhóm- Lớp** | |
| - Lớp trưởng điều khiển các bạn kể trong nhóm 4  + HS làm việc cá nhân sau đó chia sẻ phần kể chuyện của mình trong nhóm – Chia sẻ trước lớp  - Cả lớp theo dõi  - Nhận xét, bình chọn bạn kể hay | - Yêu cầu HS đọc y/c của từng bài tập.  - Nhắc nhở học sinh trước khi kể:  + Chỉ cần kể đúng cốt truyện, không cần lặp lại nguyên văn từng lời thầy.  - GV đánh giá phần chia sẻ của nhóm  \* Nhận xét bình chọn bạn kể hay. |
| **4.Tìm hiểu nội dung, ý nghĩa câu chuyện**:(10*p)*  **\* Mục tiêu**: HShiểu được nội dung, ý nghĩa câu chuyện và có ý thức bảo vệ môi trường.  **\* Cách tiến hành: Cá nhân- Nhóm- Cả lớp** | |
| - HS thảo luận trong nhóm 4 các câu hỏi dưới sự điều khiển của nhóm trưởng – Chia sẻ nội dung trước lớp  *+ Cầu nguyện cho bác hàng xóm bên nhà được khỏi bệnh*  *+ Cô là người nhân hậu, sống vì người khác có tấm lòng nhân ái bao la.*  *+ Mấy năm sau cô bé ngày xưa tròn 15 tuổi. Đúng đêm rằm ấy cô đã ước cho đôi mắt của chị Ngần sáng lại...*  + *Trong cuộc sống chúng ta nên có lòng nhân ái bao la, biết thông cảm và sẻ chia những đau khổ của người khác. Những việc làm cao đẹp sẽ mang lại niềm vui, hạnh phúc cho chính chúng ta và mọi người*  - Kể lại câu chuyện cho người thân nghe  - Tìm trong sách Truyện đọc 4 các câu chuyện cùng chủ điểm. | - GV phát phiếu học tập có in sẵn các câu hỏi  - TBHT điều khiển các nhóm báo cáo dưới sự hướng dẫn của GV:  *+ Cô gái mù trong câu chuyện cầu nguyện điều gì?*  *+ Hành động của cô gái cho thấy cô là người ntn?*  *+ Em hãy tìm kết thúc vui cho câu chuyện trên?*  ***\*Gv: Có lẽ trời phật rủ lòng thương, cảm động trước tấm lòng vàng của chị nên đã khẩn cầu cho chị sáng mắt như bao người. Năm sau mắt chị sáng lại nhờ phẫu thuật.***  ***Cuộc sống hiện nay của chị thật hạnh phúc và êm ấm. Mái nhà của chị lúc nào cũng đầy ắp tiếng cười của trẻ thơ.***  *+ Qua câu chuyện em hiểu điều gì?*  **\*** GDBVMT : GV kết hợp khai thác vẻ đẹp của ánh trăng để thấy được giá trị của môi trường thiên nhiên với cuộc sống con người (đêm đến niềm hi vọng tốt đẹp)  **5. Hoạt động ứng dụng *(1p)***  **6. Hoạt động sáng tạo *(1p)*** |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**KĨ THUẬT**

**KHÂU GHÉP HAI MÉP VẢI BẰNG MŨI KHÂU THƯỜNG** (tiết 2)

**I.MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Nắm rõ quy trình khâu ghép 2 mảnh vải bằng mũi khâu thường.

**2. Kĩ năng**

- Biết cách khâu ghép hai mép vải bằng mũi khâu thường.

- Khâu ghép được hai mép vải bằng mũi khâu thường. Các mũi khâu có thể chưa đều nhau. Đường khâu có thể bị rúm.

\* Với HS khéo tay: Khâu ghép được hai mép vải bằng mũi khâu thường. Các mũi khâu tương đối đều nhau. Đường khâu ít bị rúm.

**3. Thái độ**

- Giáo dục tính cẩn thận, khéo léo, an toàn khi thực hành

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL thẩm mĩ.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: - Mẫu đường khâu ghép hai mép vải bằng các mũi khâu thường có kích thước đủ lớn để HS quan sát được. Và một số sản phẩm có đường khâu ghép hai mép vải (áo, quần, vỏ gối).

- Vật liệu và dụng cụ cần thiết:

+ Hai mảnh vải hoa giống nhau, mỗi mảnh vải có kích cỡ 20 x 30cm.

+ Len (hoặc sợi) chỉ khâu.

+ Kim khâu len, kim khâu chỉ, thước may, kéo, phấn vạch.

- HS: Bộ ĐDHT lớp 4, vở.

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Quan sát, hỏi đáp, thảo luận nhóm.

- KT: đặt câu hỏi, tia chớp, động não, phòng tranh

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBVN điều hành | **1. HĐ khởi động (3p)**  - HS hát bài hát khởi động:  - Kiểm tra sự chuẩn bị đồ dùng của HS |
| **2.Bài mới:***(30p)*  **\* Mục tiêu:** - HS thực hành khâu ghép 2 mảnh vải bằng mũi khâu thường  - Nhân xét, đánh giá được sản phẩm của bạn  **\* Cách tiến hành: Cá nhân- Nhóm- Lớp** | |
| + Bước 1: Vạch dấu đường khâu.  + Bước 2: Khâu lược.  + Bước 3: Khâu ghép hai mép vải bằng mũi khâu thường  - HS thực hành.  - HS trưng bày sản phẩm lên bảng lớp  - HS tự đánh giá các sản phẩm theo tiêu chuẩn.  - Thực hành khâu thành thạo tại nhà  - Tạo sản phẩm mới từ khâu ghép 2 mảnh vải bẳng mũi khâu thườn | **HĐ3: HS thực hành khâu ghép hai mép vải bằng mũi khâu thường.**  - Yêu cầu HS nhắc lại quy trình khâu ghép mép vải. (phần ghi nhớ).  - GV nhận xét và nêu lại các bước khâu ghép hai mép vải bằng mũi khâu thường:  - Kiểm tra sự chuẩn bị của HS và nêu thời gian, yêu cầu HS thực hành.  - GV chỉ dẫn thêm cho các HS còn lúng túng và những thao tác chưa đúng.  **HĐ4: Đánh giá kết quả học tập của HS:**  - GV tổ chức HS trưng bày sản phẩm thực hành.  - GV nêu các tiêu chuẩn đánh giá sản phẩm:  + Khâu ghép được hai mép vải theo cạnh dài của mảnh vải. Đường khâu cách đều mép vải.  + Đường khâu ở mặt trái của hai mảnh vải ghép và tương đối thẳng.  + Các mũi khâu tương đối cách đều nhau và bằng nhau.  + Hoàn thành sản phẩm đúng thời gian quy định.  - GV gợi ý cho HS trang trí sản phẩm và chọn ra những sản phẩm đẹp để khen nhằm động viên, khích lệ các em.  **3. Hoạt động ứng dụng *(1p)***  **4. HĐ sáng tạo *(1p****)* |

**ĐIỀU CHỈNH-BỔ SUNG**

..........................................................................................................................................................................................................................................................................

**TẬP ĐỌC**

**Ở VƯƠNG QUỐC TƯƠNG LAI**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Hiểu nội dung bài: Ước mơ của các bạn nhỏ về một cuộc sống đầy đủ, hạnh phúc, có những phát minh độc đáo của trẻ em (trả lời được các câu hỏi 1,2, trong SGK).

**2. Kĩ năng**

- Đọc rành mạch một đoạn kịch ; bước đầu biết đọc lời nhân vật với giọng hồn nhiên, tươi vui.

**3. Thái độ**

- GD học sinh có niềm mơ ước ca đẹp, chính đáng và quyết tâm biến mơ ước thành hiện thực

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: + Tranh minh hoạ bài tập đọc trang 70, 71 SGK (phóng to)

+ Bảng lớp ghi sẵn các câu, đoạn cần luyện đọc.

+ Kịch bản Con chim xanh của Mát- téc- lích (nếu có).

- HS: SGK

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- Phương pháp: Quan sát, hỏi - đáp, đóng vai.

- Kĩ thuật: Làm việc nhóm, chia sẻ

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh**  -TBVN điều hành lớp hát và vận động tại chỗ | **Hoạt động của giáo viên** |
| **1. Khởi động:** *(3p)*    - GV dẫn vào bài mới |
| **2. Luyện đọc:** *(8-10p)*  **\* Mục tiêu:** Đọc với giọng trôi chảy, mạch lạc, rành mạch một đoạn kịch ; bước đầu biết đọc lời nhân vật với giọng hồn nhiên.  \* **Cách tiến hành:** | |
| - 1 HS đọc bài, cả lớp đọc thầm  - Lớp trưởng điều hành cách chia đoạn  - Bài chia làm 3 đoạn:  *+Đoạn 1: Lời thoại của Tin Tin với em bé thứ nhất.*  *+Đoạn 2: Lời thoại của Mi-tin và Tin Tin với em bé thứ nhất và em bé thứ hai.*  *+Đoạn 3: Lời thoại của em bé thứ ba, em bé thứ tư, em bé thứ năm*.  - Nhóm trưởng điều hành nhóm đọc nối tiếp đoạn trong nhóm lần 1 và phát hiện các từ ngữ khó (*sáng chế , thuốc trường sinh, Mi-tin, Tin Tin,*  *)*  - Luyện đọc từ khó: Đọc mẫu (M4)-> Cá nhân (M1)-> Lớp  - Giải nghĩa từ khó: (đọc phần chú giải)  - HS đọc nối tiếp đoạn lần 2 theo điều khiển của nhóm trưởng  - Các nhóm báo cáo kết quả đọc  - 1 HS đọc cả bài (M4) | - Gọi 1 HS đọc bài (M3)  - GV lưu ý giọng đọc cho HS: giọng hồn nhiên, tươi vui  - GV chốt vị trí các đoạn:  - Lưu ý sửa lỗi đọc và ngắt nghỉ cho các HS (M1) |
| **3.Tìm hiểu bài:** *(8-10p)*  **\* Mục tiêu:** HS hiểu được nội dung bài học, nêu được nội dung từng màn kịch  **\* Cách tiến hành: *Làm việc cá nhân – Chia sẻ cặp đôi – Chia sẻ trước lớp*** | |
| - HS trong nhóm lớn tự làm việc nhóm 4 trả lời các câu hỏi vào phiếu giao việc  - TBHT điều hành hoạt động báo cáo:  *+ Câu chuyện diễn ra ở công xưởng xanh.*  *+Tin – tin và Mi – tin đi đến vương quốc Tương lai và trò chuyện với các bạn nhỏ sắp ra đời.*  *+ Vì những bạn nhỏ ở đây hiện nay chưa ra đời, nên bạn nào cũng mơ ước làm được những điều kỳ lạ trong cuộc sống.*  *+ Các bạn sáng chế ra:*  *+ Vật làm cho con người hạnh phúc*  *+ ba mươi vị thuốc trường sinh*  *+ Một loại ánh sáng kỳ lạ*  *+ Một cái máy biết bay trên không như chim.*  *+ Thể hiện ước mơ của con người: được sống hạnh phúc, sống lâu, sống trong môi trường tràn đầy ánh sáng, trinh phục được vũ trụ*  **1. Những phát minh của các bạn nhỏ thể hiện ước mơ của con người..**  *+ Câu chuyện diễn ra trong khu vườn kỳ diệu.*  *+ Em thích những lọ thuốc trường sinh.../*  *+Em thích các bạn nhỏ ở đây vì...*  *+ Em thích mọi thứ....*  **2.Giới thiệu những trái cây kì lạ ở Vương quốc tương lai.**  ***\*Đoạn kịch nói lên những mong muốn tốt đẹp của các bạn nhỏ ở vương quốc tương Lai..***  - HS ghi vào vở – nhắc lại nội dung | - GV chia lớp thành 2 nhóm, mỗi nhóm tìm hiểu về 1 màn kịch  Màn 1:  *+ Câu chuyện diễn ra ở đâu?*  *+ Tin – tin và Mi – tin đi đến đâu và gặp những ai?*  *+ Vì sao nơi đó có tên là Vương quốc Tương Lai?*  *+ Các bạn nhỏ trong công xưởng xanh sáng chế ra những gì?*  *+ Các phát minh ấy thể hiện những mơ ước gì của con người?*  *+ Màn 1 nói lên điều gì?*  Màn 2:  *+ Câu chuyên diễn ra ở đâu ?*  *+ Em thích gì ở Vương quốc tương lai?*  *+ Màn 2 cho biết điều gì?*  *+ Nội dung của cả hai đoạn kịch này là gì ?*  - GV ghi nội dung lên bảng. |
| **3. Luyện đọc diễn cảm:** *(8-10p)*  **\* Mục tiêu: HS** biết đọc diến cảm và đọc phân vai bài TĐ.  **\* Cách tiến hành: Hoạt động cá nhân – nhóm - cả lớp** | |
| - HS thảo luận phát hiện lời của nhân vật: vui tươi, hồn nhiên  - Nhóm trưởng điều khiển nhóm đọc phân vai từng màn kịch.  + Phân vai trong nhóm  + Luyện đọc phân vai trong nhóm.  - Thi đọc phân vai trước lớp  - Lớp nhận xét, bình chọn.  - HS nêu suy nghĩ của mình  **-**  Nói về những ước mơ của em. | + Yêu cầu HS nêu giọng đọc toàn bài, giọng các nhân vật.  - GV nhận xét chung  **4. Hoạt động ứng dụng** *(1 phút)*  - Qua bài đọc, em rút ra bài học gì?  **5. Hoạt động sáng tạo** *(1 phút)* |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TOÁN**

***Tiết 34:* BIỂU THỨC CÓ CHỨA BA CHỮ**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Nhận biết được biểu thức có chứa ba chữ , giá trị của biểu thức có chứa ba chữ.

**2. Kĩ năng**

- Biết cách tính giá trị của biểu thức theo giá trị cụ thể của chữ.

**3. Thái độ**

- Học tập tích cực, tính toán chính xác

**4. Góp phần phát triền các NL:**

- NL tự học, NL sáng tạo, NL giải quyết vấn đề

\* Bài tập cần làm: Bài 1, bài 2

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: + Đề bài toán ví dụ chép sẵn trên bảng phụ hoặc trên băng giấy.

+ GV vẽ sẵn bảng ở phần ví dụ (để trống số ở các cột).

- HS: Sgk, bảng con, vở

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Quan sát, hỏi đáp, thảo luận nhóm.

- KT: động não, tia chớp, chia sẻ nhóm 2

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBHT điều hành lớp trả lời câu hỏi:  *+ Nêu tính chất giao hoán của phép cộng*  *+ Lấy VD minh hoạ tính chất này* | **1. Khởi động *(5p)***  - GV giới thiệu, dẫn vào bài mới |
| **2. Hình thành kiến thức mới**  **\* Mục tiêu:** Nhận biết được biểu thức có chứa ba chữ , giá trị của biểu thức có chứa ba chữ.  **\*Cách tiến hành: Cá nhân- Nhóm 2 - Lớp** | |
| -HS đọc.  +*Ta thực hiện phép tính cộng số con cá của ba bạn với nhau.*  - HS thực hành cá nhân- Chia sẻ lớp  *+ Cả ba người câu được a + b + c con cá.*  - HS nhắc lại  *+ Có chứa 2 chữ và các dấu phép tính (kèm theo số)*  +Ta tính được một giá trị của biểu thức a + b + c.  - HS thực hành cá nhân- Chia sẻ nhóm 2- Lớp | ***a.Giới thiệu biểu thức có chứa ba chữ***  -GV yêu cầu HS đọc bài toán ví dụ.  *+ Muốn biết cả ba bạn câu được bao nhiêu con cá ta làm thế nào ?*  - Yêu cầu HS thay các chữ a, b, c bằng số thích hợp và tính số cá của cả 3 bạn trong từng trường hợp  *+ Nếu An câu được a con cá, Bình câu được b con cá, Cường câu được c con cá thì cả ba người câu được bao nhiêu con cá ?*  \* **a + b + c được gọi là biểu thức có chứa ba chữ**.  *+ Biểu thức 3 chữ có đặc điểm gì?*  ***b) Giá trị của biểu thức chứa ba chữ***  -Mỗi lần thay các chữ a, b, c bằng các số ta tính được mấy giá trị của BT a+b+c?  - Yêu cầu lấy VD 1 biểu thức có chứa 3 chữ và tính 1 giá trị của BT đó |
| **3. Hoạt động thực hành***:(20p)*  **\* Mục tiêu:** Biết cách tính giá trị của biểu thức theo giá trị cụ thể của chữ.  **\* Cách tiến hành:**. | |
| **Cá nhân- Lớp**  *+Tính giá trị của biểu thức.*  *+Biểu thức a + b + c.*  -HS làm vở.  -Nếu a = 5, b = 7 và c = 10 thì giá trị của biểu thức a + b + c là 22.  -Nếu a = 12, b = 15, c = 9 thì giá trị của biểu thức a + b + c là 36.  *+ Tính được 1 giá trị của BT*  **Cá nhân – Nhóm 2 – Lớp**  - HS làm vào nháp- Đổi chéo kiểm tra – 2 HS lên bảng.  *+Đều bằng 0.*  *+Tính được một giá trị của biểu thức a x b x c.*  - HS làm bài vào vở Tự học.  Bài 3: HS tiến hành so sánh giá trị của từng cặp BT trong mỗi phần a, b, c  Bài 4: Công thức tính chu vi  P = a+b+c  - HS vận dụng tính chu vi trong từng trường hợp  - Hoàn thành các bài tập tương tự trong vở BTT  - Lập công thức tính chu vi tam giác đều có cạnh là a | **Bài 1:**  *+ Bài tập yêu cầu chúng ta làm gì ?*  *+ GV yêu cầu HS đọc biểu thức trong bài, sau đó làm bài.*  - GV nhận xét và đánh giá bài làm của HS (5-7 bài)  *+ Mỗi lần thay a, b, c bằng 1 số , ta tính được bao nhiêu giá trị của BT a+b+c?*  **Bài 2**  - GV yêu cầu HS đọc đề bài, hướng dẫn mẫu như Sgk sau đó tự làm bài.  *+ Mọi số nhân với 0 đều bằng bn?*  *+ Mỗi lần thay các chữ a, b, c bằng các số chúng ta tính được mấy giá trị của BT a x b x c*?  **Bài 3 + Bài 4 *(bài tập chờ dành cho HS hoàn thành sớm)***  **4, HĐ ứng dụng *(1p)***  **5. HĐ sáng tạo *(1p)*** |

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

:...................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TẬP LÀM VĂN**

**LUYỆN TẬP XÂY DỰNG ĐOẠN VĂN KỂ CHUYỆN**

**I.MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

**-** Dựa vào hiểu biết về đoạn văn đã học, bước đầu biết hoàn chỉnh một đoạn văn của câu chuyện Vào nghề gồm nhiều đoạn (đã cho sẵn cốt truyện).

**2. Kĩ năng**

- Hs biết xây dựng một đoạn văn dựa vào cốt truyện có sẵn.

**3. Thái độ**

- Tự giác, làm việc nhóm tích cực.

**4. Góp phần phát triển NL:**

**-** NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL ngôn ngữ.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Tranh minh hoạ truyện: “Vào nghề”, bảng nhóm. Bảng phụ, phiếu học tập thống kê các lỗi**.**

- HS: Vở BT, bút,...

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Quan sát, hỏi đáp.

- KT: đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBVN và TBHT điều hành  - 1 HS kể lại truyện Ba lưỡi rìu | **1. Khởi động:(***5p)*  - HS hát khởi động  - Nhận xét, dẫn vào bài mới |
| **2. . Hoạt động thực hành:** *(27p)*  **\* Mục tiêu: -** Dựa vào hiểu biết về đoạn văn đã học, bước đầu biết hoàn chỉnh một đoạn văn của câu chuyện Vào nghề gồm nhiều đoạn (đã cho sẵn cốt truyện).  - HS biết xây dựng một đoạn văn dựa vào cốt truyện có sẵn.  **\* Cách tiến hành:** | |
| - 1 HS đọc cốt truyện Vào nghề  \*Đoạn 1: Va-li-a ước mơ trở thành diễn viên xiếc biểu diễn tiêt mục phi ngựa đánh đàn .  \*Đoạn 2: Va-li-a xin học nghề ở rạp xiếc và được giao việc quét dọn chuồng ngựa.  \*Đoạn 3: Vai-li-a đã giữ chuồng ngựa sạch sẽ và làm quen với chú ngựa diễn.  \*Đoạn 4: Va-li-a đã trở thành một diễn viên giỏi như em hằng mong ước.  - Học sinh đọc  - Học sinh đọc đoạn chưa hoàn chỉnh.  - Học sinh thảo luận nhóm 4, viết đoạn văn (Mỗi nhóm 1đoạn)  VD Đoạn 1  Nô - en năm ấy, cô bé Va-li-a 11 tuổi được bố mẹ đưa đi xem xiếc.  Chương trình xiếc hôm ấy, em thích nhất tiết mục “Cô gái phi ngựa, đánh đàn” và mơ ước thành diễn viên biểu diễn tiết mục ấy.  Từ đó, lúc nào trong trí óc non nớt của Va-li-a cũng hiện lên hình ảnh cô diễn viên phi ngựa, đánh đàn. Em mơ ước một ngày nào đó cũng được như cô phi ngựa và chơi những bản nhạc rộn rã.  - Nối tiếp các nhóm chia sẻ đoạn văn của nhóm mình  - Viết lại những đoạn em chưa ưng ý  - Kể lại toàn bộ câu chuyện Vào nghề. | **Bài tập 1:** Đọc cốt truyện  + Nêu sự việc chính của từng đoạn?    - Gọi học sinh đọc lại các sự việc chính. **Bài tập 2**  - Chia lớp thành 4 nhóm.  - Yêu cầu các nhóm đọc đoạn văn của nhóm mình thảo luận.  **3. Hoạt động ứng dụng *(1p)***  **4. Hoạt động sáng tạo *(1p)*** |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**KHOA HỌC**

**PHÒNG MỘT SỐ BỆNH LÂY QUA ĐƯỜNG TIÊU HOÁ**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Kể tên một số bệnh lây lan qua đường tiêu hoá: tiêu chảy, tả, lị,…

- Nêu nguyên nhân gây ra một số bệnh lây qua đường tiêu hoá: uống nước lã, ăn uống không hợp vệ sinh, dùng thức ăn ôi thiu.

- Nêu cách phòng tránh một số bệnh lây qua đường tiêu hoá:

+ Giữ vệ sinh ăn uống.

+ Giữ vệ sinh cá nhân.

+ Giữ vệ sinh môi trường.

**2. Kĩ năng**

- Nhận thức được sự nguy hiểm của các bệnh lây qua đường tiêu hoá để có cách phòng tránh

**3. Thái độ**

- Thực hiện giữ vệ sinh ăn uống để phòng bệnh.

**4. Góp phần phát triển các năng lực:**

- NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL hợp tác.

*\*KNS: +Tự nhận tức về sự nguy hiểm của bệnh lây qua đường tiêu hóa (nhận thức về trách nhiệm giữ vệ sinh phòng bệnh của bản thân)*

*+Trao đổi ý kiến với các thành viên của nhóm, với gia đình và cộng đồng về các biện pháp phòng bệnh lây qua đường tiêu hóa.  
\*GD BVMT: Mối quan hệ giữa con người với môi trường : Con người cần đến không khí, thức ăn, nước uống từ môi trường.*

**II. CHUẨN BỊ :**

**1. Đồ dùng**

- GV: +Các hình minh hoạ trong SGK trang 30, 31 (phóng to nếu có điều kiện).

+ Chuẩn bị 5 tờ giấy A3.

- HS: Bút màu

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Quan sát, hỏi đáp, thảo luận nhóm, trò chơi.

- KT: động não, tia chớp, đặt câu hỏi, chia sẻ nhóm 2

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBHT điều hành HS trả lời và nhận xét  *+ Ăn quá nhiều, hoạt động ít …*  *+ Ăn uống hợp lí, rèn luyện thói quen vận động, tập thể dục, thể thao* | **1. Khởi động** (5p)  *+ Em hãy nêu nguyên nhân và tác hại của béo phì.*  *+Em hãy nêu các cách để phòng tránh béo phì?*  - GV nhận xét, khen/ động viên. |
| **2.Bài mới: *(****30p)*  **\* Mục tiêu:** Kể tên một số bệnh lây lan qua đường tiêu hoá. Nêu nguyên nhân gây ra một số bệnh lây qua đường tiêu hoá. Nêu cách phòng tránh một số bệnh lây qua đường tiêu hoá:  **\* Cách tiến hành: Cá nhân-Nhóm- Lớp** | |
| **Cá nhân - Lớp**  *+ Lo lắng, khó chịu, mệt, đau, …*  *+ Các bệnh lây qua đường tiêu hoá làm cho cơ thể mệt mỏi, có thể gây chết người và lây lan sang cộng đồng.*  *+ Khi mắc các bệnh lây qua đường tiêu hoá cần đi khám bác sĩ và điều trị ngay. Đặc biệt nếu là bệnh lây lan phải báo ngay cho cơ quan y tế.*  - HS lắng nghe, ghi nhớ.  **Nhóm 4- Lớp**  - HS quan sát tranh, thảo luận theo nhóm 4 sau đó trình bày, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  *+ Hình 1, 2 các bạn uống nước lã, ăn quà vặt ở vỉa hè rất dễ mắc các bệnh lây qua đường tiêu hoá.*  *+ Hình 3- Uống nước sạch đun sôi, hình 4- Rửa chân tay sạch sẽ, hình 5- Đổ bỏ thức ăn ôi thiu, hình 6- Chôn lắp kĩ rác thải giúp chúng ta không bị mắc các bệnh đường tiêu hoá.*  *+ Ăn uống không hợp vệ sinh, môi trường xung quanh bẩn, uống nước không đun sôi, tay chân bẩn, …*  *+ Không ăn thức ăn để lâu ngày, thức ăn bị ruồi, muỗi đậu vào, Chúng ta cần thực hiện ăn uống sạch, hợp vệ sinh, rửa tay bằng xà phòng trước khi ăn và sau khi đi đại tiện, tiểu tiện, giữ vệ sinh môi trường xung quanh. Thu rác, đổ rác đúng nơi quy định để phòng các bệnh lây qua đường tiêu hoá.*  - Ghi nhớ bài học  - HS thực hành giữ vệ sinh để phòng bệnh lây qua đường tiêu hoá  - Vẽ tranh cổ động 1 trong 3 nội dung: Giữ vệ sinh ăn uống, giữ vệ sinh cá nhân, giữ vệ sinh môi trường. | **HĐ1: Tìm hiểu về một số bệnh lây qua đường tiêu hoá. .**  *+ Trong lớp có bạn nào đã từng bị đau bụng hoặc tiêu chảy? Khi đó cảm thấy như thế nào?*  *+ Các bệnh lây qua đường tiêu hoá nguy hiểm như thế nào?*  *+ Khi mắc các bệnh lây qua đường tiêu hoá cần phải làm gì?*  ***\* GV: Các bệnh lây qua đường tiêu hoá rất nguy hiểm đều có thể gây ra chết người nếu không được chữa trị kịp thời và đúng cách. Mầm bệnh chứa nhiều trong phân, chất nôn và đồ dùng cá nhân của người bệnh, nên rất dễ lây lan thành dịch làm thiệt hại người và của. Vì vậy khi mắc các bệnh lây qua đường tiêu hoá cần điều trị kịp thời và phòng bệnh cho mọi người xung quanh.***  **HĐ2: Nguyên nhân và cách đề phòng các bệnh lây qua đường tiêu hoá.**  -Yêu cầu HS quan sát hình ảnh minh hoạ trong SGK trang 30, 31, thảo luận và trả lời các câu hỏi sau:  *+ Việc làm nào của các bạn trong hình có thể dẫn đến bị lây bệnh qua đường tiêu hoá? Có thể phòng bệnh đưòng tiêu hoá? Tại sao?*  *+ Nguyên nhân nào gây ra các bệnh lây qua đường tiêu hoá?*  *+ Nêu cách phòng bệnh đường tiêu hoá?*      **\**GV: Nguyên nhân gây ra các bệnh lây qua đường tiêu hoá là do vệ sinh ăn uống kém, vệ sinh môi trường kém. Do vậy chúng ta cần giữ vệ sinh trong ăn uống, giữ vệ sinh cá nhân và môi trường tốt để phòng bệnh lây qua đường tiêu hoá.***  **3. Hoạt động ứng dụng** *(1p)*  - Giáo dục KNS và BVMT  **4. Hoạt động sáng tạo *(****1p)* |

**ĐIỀU CHỈNH-BỔ SUNG**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**LUYỆN TỪ VÀ CÂU**

**LUYÊN TẬP VIẾT TÊN NGƯỜI, TÊN ĐỊA LÍ VIỆT NĂM**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- HS luyện tập về viết tên người, tên địa lí Việt Nam đúng quy tắc.

**2. Kĩ năng**

- Vận dụng được những hiểu biết về quy tắc viết hoa tên người, tên địa lí Việt Nam để viết đúng các tên riêng Việt Nam trong BT1

- Viết đúng một vài tên riêng theo yêu cầu BT2.

**3. Thái độ**

- Tích cực, tự giác học bài..

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL tự học, NL ngôn ngữ, NL sáng tạo

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: - Bảng ghi sẵn bài ca dao,vở BT Tiếng Việt.

- HS: Vở BT, bút, ..

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm.

- KT: động não, đặt câu hỏi, chia sẻ, ...

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBHT điều hành lớp trả lời-nhận xét  *+ Viết hoa tất cả các chữ cái đầu của mỗi tiếng tạo thành tên riêng đó.*  + 3 HS lên bảng lấy VD | **1. Khởi động *(5p)***  *+ Nêu quy tắc viết hoa tên người, tên địa lí VN*  *+ Lấy VD về tên người, tên địa lí VN*  - Dẫn vào bài mới |
| **2. Hoạt động thực hành (***30p)*  **\* Mục tiêu:** Vận dụng được những hiểu biết về quy tắc viết hoa tên người, tên địa lí Việt Nam để viết đúng các tên riêng Việt Nam trong BT1. Viết đúng một vài tên riêng theo yêu cầu BT2.  **\* Cách tiến hành:** | |
| **Nhóm 4- Lớp**  - HS đọc to, cả lớp theo dõi.  - Nhận phiếu, bút và thảo luận theo nhóm 4 – Trình bày trước lớp  Đáp án:  Hàng Bồ, Hàng Bạc, Hàng Gai, Hàng Chiếu, Hàng Vải, Hàng Giấy, Hàng Cót, Hàng Mây, Hàng Đàn, Hàng Than, Hàng Mã, Hàng Mắm, Hàng Ngang, Hàng Đồng, Hàng Nón, Hàng Hòm, Hàng Đậu, Hàng Bông, Hàng Bè, Hàng Bát, Hàng Tre, Hàng Giấy, Hàng The, Hàng Gà.  **Nhóm 2 – Lớp**  - HS đọc to yêu cầu, cả lớp theo dõi.  - HS làm việc nhóm- Báo cáo trước lớp  *+ VD: Sơn La, Điện Biên, Lai Châu, Hoà Bình, Hà Giang, Lào Cai, Yên Bái, Tuyên Quang, Bắc Cạn, Thái Nguyên, Cao Bằng, Lạng Sơn, Quảng Ninh, Kon Tum, Đắk Lắk.*  *+ Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Huế, Cần Thơ...*  *+ Vịnh Hạ Long, hồ Ba Bể, hồ Hoàn Kiếm, hồ Xuân Hương, hồ Than Thở...*  *+ Thành Cổ Loa, Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hoàng Thành Huế, hang Pác Bó, cây đa Tân Trào...*  - Trình bày phiếu của nhóm mình.  - Viết lại tên 10 tỉnh, thành phố trong cả nước vào vở Tự học  - | **Bài tập 1:**  - Chia nhóm, phát phiếu và bút dạ.  - Gọi 3 nhóm lên dán phiếu lên bảng để hoàn chỉnh bài ca dao.  - Gọi hs nhận xét, chữa bài.    **Bài tập 2:**  - Treo bản đồ địa lý VN lên bảng.  - Tìm nhanh trên bản đồ tên các danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử của nước ta, viết lại các tên đó.  *+ Tên các tỉnh?*  *+ Tên các Thành phố?*  *+ Các danh lam thắng cảnh?*  *+Các di tích lịch sử?*  - Gọi các nhóm dán phiếu và trình bày.  **3. Hoạt động ứng dụng *(1p)***  **4. Hoạt động sáng tạo *(1p)*** |

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TOÁN**

***Tiết 35:* TÍNH CHẤT KẾT HỢP CỦA PHÉP CỘNG**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- Nhận biết được tính chất kết hợp của phép cộng.

**2. Kĩ năng**

- Sử dụng tính chất giao hoán và kết hợp của phép cộng để tính nhanh giá trị của biểu thức.

**3. Thái độ**

- Tính chính xác, cẩn thận, làm việc nhóm tích cực

**4. Góp phần phát triển các NL**

- NL tự học, làm việc nhóm, NL tính toán

\* Bài tập cần làm: BT 1: a) dòng 2, 3; b) dòng 1, 3, bài 2

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Bảng phụ hoặc băng giấy kẻ sẵn bảng có nội dung như sau:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| A | b | c | (a + b) + c | a + (b + c) |
| 5 | 4 | 6 |  |  |
| 35 | 15 | 20 |  |  |
| 28 | 49 | 51 |  |  |

- HS: Vở BT, bút, sgk

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Quan sát, hỏi đáp, thảo luận nhóm, trò chơi học tập

- KT: động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - HS cùng hát và vận động dưới sự điều hành của TBVN | **1.Khởi động***:(5p)*  - GV dẫn vào bài mới |
| **2. Hình thành kiến thức mới***:(15p)*  **\* Mục tiêu:** Nhận biết được tính chất kết hợp của phép cộng.  \* **Cách tiến hành**: | |
| - HS đọc bảng số.  - 3 HS lên bảng thực hiện, mỗi HS thực hiện tính một trường hợp để hoàn thành bảng như Sgk  *+Giá trị của hai biểu thức đều bằng 15.*  *+ Giá trị của hai biểu thức đều bằng 70.*  *+ Giá trị của hai biểu thức đều bằng 128.*  *+ Giá trị .....(a + b) + c luôn bằng giá trị của biểu thức a + (b +c).*  -HS đọc.  **+ Khi thực hiện cộng một tổng hai số với số thứ ba ta có thể cộng số thứ nhất với tổng của số thứ hai và số thứ ba** | \* **Cách tiến hành**:  **a. Tìm hiểu tính chất kết hợp của phép cộng :**  - GV treo bảng số như đã nêu ở phần đồ dùng dạy – học.  *+ So sánh giá trị của biểu thức (a + b)+ c với giá trị của biểu thức a +(b + c) khi a = 5, b = 4, c = 6 ?*  *+ So sánh giá trị của biểu thức (a + b)+ c với giá trị cảu biểu thức a + (b + c) khi a = 35, b = 15 và c = 20 ?*  *+So sánh giá trị của biểu thức (a + b)+ c với giá trị của biểu thức a + (b + c) khi a = 28, b = 49 và c = 51 ?*  +*Vậy khi ta thay chữ bằng số thì giá trị của biểu thức (a + b) + c luôn như thế nào so với giá trị của biểu thức a + (b + c) ?*  - Vậy ta có thể viết :  (**a + b) + c = a + (b + c)**  *+ Vậy khi thực hiện cộng một tổng hai số với số thứ ba ta có thể thực hiện nhu thế nào?*  -GV yêu cầu HS nhắc lại kết luận, đồng thời ghi kết luận lên bảng. |
| **3. Hoạt động thực hành***:(15p)*  **\* Mục tiêu:** - Sử dụng tính chất giao hoán và kết hợp của phép cộng để tính nhanh giá trị của biểu thức.  **\* Cách tiến hành:** | |
| **- Cá nhân- Nhóm 2- Chia sẻ lớp**  -HS đọc yêu cầu đề bài  *+Tính giá trị của biểu thức bằng cách thuận tiện nhất (thực hiện trên phiếu BT)*  - HS làm cá nhân phép tính đầu tiên  VD:4367 + 199 + 501  = 4367 + (199 + 501)  = 4367 + 700  = 5067  *+Vì khi thực hiện 199 + 501 trước chúng ta được kết quả là một số tròn trăm, vì thế bước tính thứ hai là 4367+ 700 làm rất nhanh, thuận tiện.*  **-** HS làm bài vào vở nháp- Chia sẻ nhóm 2. 1 HS lên bảng  - HS nhận xét, đánh giá bài của bạn    - HS làm cá nhân vào vở ô li  **Nhóm 2-Lớp**  - HS đọc – Hỏi đáp nhóm 2 về bài toán  *+ Chúng ta thực hiện tính tổng số tiền của cả ba ngày với nhau.*  -1 HS lên bảng làm bài, HS cả lớp làm bài vào vở -kiểm tra chéo  Bài giải  Số tiền cả ba ngày quỹ tiết kiệm đó nhận được là:  75 500 000 +86 950 000 +14 500 000 = 176 950 000 (đồng)  Đáp số: 176 950 000 đồng  - HS làm bài vào vở Tự học  Đáp án:  a) a + 0 = 0 + a = a  b) 5+a= a + 5  c) a + 28 + 2 = a + (28+2) = a + 30  *+ Dựa vào tính chất giao hoán và kết hợp của phép cộng*  - Vận dụng tính chất kết hợp trong bài tính nhanh  - Vận dụng tính chất kết hợp để tìm được nhanh nhất đáp số của bài toán 2 | **Bài 1a***(dòng 2+3)Với HS NK y/c làm cả bài*  *+ Bài tập yêu cầu chúng ta làm gì ?*      *+ Theo em, vì sao cách làm trên lại thuận tiện hơn so với việc chúng ta thực hiện các phép tính theo thứ tự từ trái sang phải ?*  - GV yêu cầu HS làm tiếp các phần còn lại của bài.  - GV nhận xét, đánh giá chung.  **BT 1b.** *(dòng 1,3)HSNK làm hết*  - GV thu vở, nhận xét, đánh giá (7-10 bài)  **Bài 2**  - GV yêu cầu HS đọc đề bài.  *+ Muốn biết cả ba ngày nhận được bao nhiêu tiền, chúng ta như thế nào ?*  - GV yêu cầu HS làm bài.  **Bài 3 *(Bài tập chờ dành cho HS hoàn thành sớm)***  *+ Dựa vào đâu em điền được đáp án như vậy?*  **4. HĐ ứng dụng (*1p)***  **5. HĐ sáng tạo *(1p)*** |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

**TẬP LÀM VĂN**

**LUYỆN TẬP PHÁT TRIỂN CÂU CHUYỆN**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Bước đầu làm quen với thao tác phát triển câu chuyện dựa theo trí tưởng tượng ; biết sắp xếp các sự việc theo trình tự thời gian.

**2. Kĩ năng**

- HS biết phát triển câu chuyện theo trí tưởng tượng cuả mình.

**3. Thái độ**

- Thái độ: Yêu thích văn học, ham học hỏi và tham khảo sách văn học.

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL tự học, Sử dụng ngôn ngữ, NL sáng tạo

*\* GDKNS : Tư duy sáng tạo phân tích , phán đoán ; Thể hiện sự tự tin ; Xác định giá trị.*

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Một tờ giấy khổ to.

- HS: Vở BT, sgk.

**2. Phương pháp, kĩ thuât**

- PP: Hỏi đáp, thảo luận nhóm, quan sát.

- KT: đặt câu hỏi, động não, chia sẻ nhóm 2

**II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ | **1. Khởi động *(5p)***  - GV dẫn vào bài mới |
| **2. Hoạt động thực hành***:(30p)*  **\* Mục tiêu:** Bước đầu làm quen với thao tác phát triển câu chuyện dựa theo trí tưởng tượng ; biết sắp xếp các sự việc theo trình tự thời gian và kể lại được câu chuyện  **\* Cách tiến hành:** | |
| **Cá nhân - Nhóm – Lớp**  - HS đọc, phân tích đề, gạch chân các từ ngữ quan trọng  Đề bài: Trong giấc mơ, em được gặp một bà tiên cho ba điều ước và em đã thực hiện cả ba điều ước đó. Hãy kể lại câu chuyện ấy theo trình tự thời gian.  - Học sinh đọc  *+ Mẹ em đi công tác xa. Bố ốm nặng phải nằm viện. Ngoài giờ học, em vào viện chăm sóc bố. Một buổi trưa, bố em ngủ say. Em mệt quá cũng ngủ thiếp đi. Em bỗng thấy bà tiên nắm lấy tay em, khen em là đứa con hiếu thảo và cho em 3 điều ước…*  *+. Đầu tiên, em ước cho bố em khỏi bệnh để bố lại đi làm. Điều thứ hai em mong con người thoát khỏi bệnh tật. Điều thứ 3 em mong ước mình và em trai mình học thật giỏi để sau này lớn lên trở thành người kĩ sư giỏi.*  *+ Em thức dậy và thật tiếc đó là giấc mơ. Nhưng em vẫn tự nhủ mình sẽ cố gắng để thực hiện được những điều ước* *đó.*  - Viết ý chính ra vở nháp.  - Kể cho bạn nghe trong nhóm 4  - Nhận xét, góp ý bổ sung cho chuyện của bạn.  - 5 đến 6 HS thi kể trước lớp.  - Kể lai câu chuyện cho người thân nghe  - Phát triển câu chuyện theo một hướng khác. | Đề bài: Trong giấc mơ, em được gặp một bà tiên cho ba điều ước và em đã thực hiện cả ba điều ước đó. Hãy kể lại câu chuyện ấy theo trình tự thời gian.  - Y/ cầu HS đọc gợi và trả lời các câu hỏi theo gợi ý để phát triển câu chuyện  *+ Em mơ thấy mình gặp bà tiên trong hoàn cảnh nào? Vì sao bà tiên lại cho em ba điều ước?*  *+ Em thực hiện điều ước như thế nào?*  *+ Em nghĩ gì khi thức dậy?*  ***\* GDKNS: phân tich câu chuyện theo trí tưởng tượng, phán đoán câu chuyện, và xác định sự tự tin và biết sắp xếp câu chuyện sự việc theo trình tự thời gian***.  - Y/ cầu HS tự làm bài.  - Tổ chức cho HS thi kể.  - Gọi HS nhận xét về nội dung và cách thể hiện.  **3. Hoạt động ứng dụng *(1p)***  **4. Hoạt động sáng tạo *(1p)*** |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................­

**ĐỊA LÍ**

**MỘt sỐ dân tỘc Ở Tây Nguyên**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Biết Tây Nguyên có nhiều dân tộc cùng sinh sống (Gia-rai, Ê-đê, Ba-na, Kinh,…) nhưng lại là nơi thưa dân nhất nước ta.

**2. Kĩ năng**

- Sử dụng được tranh ảnh để mô tả trang phục của một số dân tộc Tây Nguyên: Trang phục truyền thống: nam thường đóng khố, nữ thường quấn váy.

\* HS năng khiếu: Quan sát tranh, ảnh mô tả nhà rông.

**3. Thái độ**

- Có ý thức giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc.

**4. Góp phần phát triển các năng lực:**

- NL tự chủ, NL giải quyết vấn đề, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Tranh, ảnh về nhà ở, buôn làng, trang phục, lễ hội, các loại nhạc cụ dân tộc của Tây Nguyên.

- HS: Vở, sách GK,...

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm.

- KT: đặt câu hỏi, trình bày một phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm 2

I**II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBHT điều hành lớp trả lời và nhận xét:  *+ Cao nguyên Kon Tum, Đắk Lắk, Lâm Viên, Di Linh, Pleiku.*  *+ Khí hậu ở Tây Nguyên có hai mùa rõ rệt: Một mùa mưa và một mùa khô. Mùa mưa thường có những ngày mưa kéo dài…Mùa khô trời nắng gắt…* | **1.Khởi động:***(5p)*    *+ Kể tên một số cao nguyên ở Tây Nguyên?*  *+ Khí hậu ở Tây Nguyên có mấy mùa? Nêu đặc điểm của từng mùa?*  - Nhận xét, khen/ động viên.  - GV chốt ý và giới thiệu bài |
| **2. Bài mới:***(30p)*  **\* Mục tiêu:** Biết Tây Nguyên là nơi có nhiều dân tộc cùng chung sống và những nét độc đáo trong sinh hoạt của họ....  **\* Cách tiến hành: Cá nhân- Nhóm-Lớp** | |
| **Cá nhân-Lớp**  *+ Các dân tộc sống ở Tây Nguyên: Giarai, Ê- đê, Ba- na, Xơ- đăng, Tày, Nùng, Kinh, …*  *+ Trong các dân tộc trên, dân tộc sống lâu đời ở Tây Nguyên là dân tộc Giarai, Ê- đê, Ba- na, Xơ- đăng. Còn các dân tộc từ nơi khác đến là Tày, Nùng, Kinh.*  *+Mỗi dân tộc ở Tây Nguyên có những đặc điểm riêng biệt như tiếng nói, tập quán, một số nét văn hoá.*  *+ Để Tây Nguyên ngày càng giàu đẹp, nhà nước cùng các dân tộc ở đây đã và đang cùng chung sức xây dựng Tây Nguyên giàu đẹp hơn.*    **Nhóm 2- Lớp**  - HS thảo luận theo nhóm 2  - Đại diện nhóm báo cáo kết quả, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  *+ Mỗi buôn ở Tây Nguyên thường có một ngôi nhà rông.*  *+ Nhà rông là ngôi nhà chung nhất của buôn. Nhiều sinh hoạt tập thể như hội họp, tiếp khách của cả buôn mỗi nhà rông của mỗi dân tộc đều có nét riêng biệt riêng về hình dáng và cách trang trí….*  *+ Nhà rông cáng to đẹp thì chứng tỏ buôn cáng giàu có, thịnh vượng*  **Nhóm 4 – Lớp**  - HS đọc SGK.  - HS thảo luận theo nhóm đôi.  - Đại diện nhóm báo cáo kết quả, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  *+ Nam thường đóng khố, nữ thường mặc quần váy. Trang phục ngày hội được trang hoa văn …*  *+Mỗi dân tộc đều có nét riêng biệt về trang phục truyền thống của họ.*  *+Lễ hội ở Tây Nguyên thường được tổ chức vào mùa xuân hay sau vụ thu hoạch.*  *+ Lễ hội cồng chiêng, hội đua voi, hội xuân, lễ hội đâm trâu, lễ ăn cơm mới, ..*  *+ Múa hát, uống rượu cần*  *+ Đàn tơ- rưng, đàn krông- pút, cồng, chiêng, …*  -  Tình đoàn kết biểu thị chúng ta chung 1 nguồn gốc, chung 1 ý chí, luôn luôn sát cánh bên nhau chống lại mọi kẻ thù  - Sưu tầm tranh ảnh về cồng, chiêng và nhà rông ở Tây Nguyên | **HĐ 1: Tây Nguyên- nơi có nhiều dân tộc sinh sống:**  - GV yêu cầu HS đọc mục 1 trong SGK rồi trả lời các câu hỏi sau:  *+ Kể tên một số dân tộc ở Tây Nguyên?*  *+ Trong các dân tộc kể trên, những dân tộc nào sống lâu đời ở Tây Nguyên? Những dân tộc nào từ nơi khác đến?*  *+ Mỗi dân tộc ở Tây Nguyên có những đặc điểm gì riêng biệt?*  *+ Để Tây Nguyên ngày càng giàu đẹp, nhà nước cùng các dân tộc ở đây đã và đang làm gì?*  ***\*GV: Tây Nguyên tuy có nhiều dân tộc cùng chung sống nhưng đây lại là nơi thưa dân nhất nước*** ***ta.***  **Hoạt động 2: Nhà rông ở Tây Nguyên:**  - GV cho các nhóm dựa vào mục 2 trong SGK và tranh, ảnh về nhà ở, buôn làng, nhà rông của các dân tộc ở Tây Nguyên để thảo luận theo các gợi ý sau:  *+ Mỗi buôn ở Tây Nguyên thường có ngôi nhà gì đặc biệt?*  *+ Nhà rông được dùng để làm gì? Hãy mô tả về nhà rông. (Nhà to hay nhỏ? Làm bằng vật liệu gì? Mái nhà cao hay thấp?)*  *+ Sự to, đẹp của nhà rông biểu hiện cho điều gì?*  - GV sửa chữa và giúp các nhóm hoàn thiện phần trình bày.  **Hoạt động 3: Trang phục, lễ hội:**  - GV cho các nhóm dựa vào mục 3 trong SGK và các hình 1, 2, 3, 5, 6 để thảo luận theo các gợi ý sau:  *+ Người dân Tây Nguyên nam, nữ thường ăn mặc như thế nào?*  *+ Nhận xét về trang phục truyền thống của các dân tộc trong hình 1, 2, 3.*  *+ Lễ hội ở Tây Nguyên thường được tổ chức khi nào?*  *+ Kể tên một số lễ hội đặc sắc ở Tây Nguyên?*  *+ Người dân ở Tây Nguyên thường làm gì trong lễ hội?*  *+ Ở Tây Nguyên, người dân thường sử dụng những loại nhạc cụ độc đáo nào?*  ***\* GV tóm tắt lại những đặc điểm tiêu biểu về dân cư, buôn làng và sinh hoạt của người dân ở Tây Nguyên.***  **3. Hoạt động ứng dụng *(2p)***  - Em có suy nghĩ gì về tình đoàn kết các dân tộc ở TN cũng như tình đoàn kết của các dân tộc trên toàn đất nước VN?  **4. Hoạt động sáng tạo** *(1p)* |

**ĐIỀU CHỈNH-BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TUẦN 8** Thứ hai ngày 25 tháng 10 năm 2021

**TẬP ĐỌC**

**NẾU CHÚNG MÌNH CÓ PHÉP LẠ**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức**

- Hiểu ND bài: Hiểu nội dung: Những ước mơ ngộ nghĩnh, đáng yêu của các bạn nhỏ bộc lộ khát khao về một thế giới tốt đẹp (trả lời được các câu hỏi 1, 2, 4; thuộc 1, 2 khổ thơ trong bài).

**2. Kĩ năng**

- Bước đầu biết đọc diễn cảm một đoạn thơ với giọng vui, hồn nhiên

**3. Phẩm chất**

- GD HS lòng yêu nước, yêu con người.

**4. Góp phần phát triển năng lực**

**-** Năng lực tự học, NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Đồ dùng**

 - GV: +Tranh minh hoạ bài tập đọc trang 76, SGK (phóng to nếu có điều kiện).

            + Bảng phụ viết sẵn khổ thơ 1 và khổ thơ 4.

-  HS: SGK, vở viết

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- Phương pháp:  Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm.

- Kĩ thuật: Kĩ thuật đặt câu hỏi, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| **1. Khởi động:** *(3p)*  - TBVN điều hành  - HS hát bài "Trái đất này là của chúng mình" | -  GV dẫn vào bài mới |
| **2. Luyện đọc:** *(8-10p)*  **\* Mục tiêu:** Đọc với giọng trôi chảy, mạch lạc, phát âm đúng.  \* **Cách tiến hành:** | |
| - 1 HS đọc bài, cả lớp đọc thầm  - Lớp trưởng điều hành cách chia đoạn    - Bài chia làm 4 đoạn:  (Mỗi khổ thơ là 1 đoạn)  - Nhóm trưởng điều hành nhóm đọc nối tiếp đoạn trong nhóm lần 1 và phát hiện các từ ngữ khó (*nảy mầm, phép lạ, thuốc nổ,....)*   - Luyện đọc từ khó: Đọc mẫu (M4)-> Cá nhân (M1)-> Lớp  - HS đọc nối tiếp đoạn lần 2 theo điều khiển của nhóm trưởng  - Các nhóm báo cáo kết quả đọc  -  1 HS đọc cả bài (M4) | - Yêu cầu HS lắng nghe.  - GV lưu ý giọng đọc cho HS: Toàn bài đọc với giọng vui tươi, hồn nhiên, thể hiện niềm vui, niềm khác khao của thiếu nhi khi mơ ước về một thế giới tốt đẹp. Nhấn giọng ở những từ ngữ thể hiện ước mơ, niềm vui thích của trẻ em: (*nảy mầm nhanh, chớp mắt, đầy quả, tha hồ, trái bom, trái ngon, toàn kẹo, bi tròn,...*)  - GV chốt vị trí các đoạn:  - Lưu ý sửa lỗi đọc và ngắt nghỉ cho các HS (M1) |
| **3.Tìm hiểu bài:** *(8-10p)*  **\* Mục tiêu:** HS hiểu những ước mơ ngộ nghĩnh, đáng yêu của các bạn nhỏ, bộc lộ khát khao về một thế giới tốt đẹp, nêu được nội dung từng khổ, nội dung bài.  **\* Cách tiến hành: *Làm việc cá nhân – Chia sẻ cặp đôi – Chia sẻ trước lớp*** | |
| - 1 HS đọc  - Nhóm trưởng điều hành nhóm mình thảo luận để trả lời câu hỏi *(5p)*  - TBHT điều hành việc báo cáo, nhận xét  *+ Câu thơ: Nếu chúng mình có phép lạ được lặp lại ở đầu mỗi khổ thơ và 2 lần trước khi kết thúc bài thơ.*  *+ Nói lên ước muốn của các bạn nhỏ rất tha thiết. Các bạn luôn mong mỏi một thế giới hoà bình, tốt đẹp, trẻ em được sống đầy đủ và hạnh phúc.*  *+Khổ 1: Các bạn ước muốn cây mau lớn để cho quả.*  *+ Khổ 2: Các bạn ước trẻ em trở thành người lớn ngay để làm việc.*  *+ Khổ 3: Các bạn ước mơ trái đất không còn mùa đông giá rét.*  *+ Khổ 4: Các bạn ước trái đất không còn bom đạn, những trái bom biến thành trái ngon chứa toàn kẹo với bi tròn.*  *+ Câu thơ nói lên ước muốn của các bạn thiếu nhi: Ước không còn mùa đông giá lạnh, thời tiết lúc nào cũng dễ chịu, không còn thiên tai gây bão lũ, hay bất cứ tai hoạ nào đe doạ con người.*  *+ Các bạn thiếu nhi mong ước không có chiến tranh, con người luôn sống trong hoà bình, không còn bom đạn.*  *+ Em thích hạt giống vừa gieo chỉ trong chớp mắt đã thành cây đầy quả và ăn được ngay vì em rất thích ăn hoa quả và cây lớn nhanh như vậy để bố mẹ, ông bà không mất nhiều công sứ chăm bón.*  *+ Em thích ước mơ ngủ dậy mình thành người lớn ngay để chinh phục đại dương, bầu trời vì em rất thích khám phá thế giới và làm việc để giúp đỡ bố mẹ*  **Ý nghĩa: Bài thơ nói về ước mơ của các bạn nhỏ muốn có những phép lạ để làm cho thế giới tốt đẹp hơn.**  - HS nêu, ghi nội dung bài | - GV yêu cầu đọc các câu hỏi cuối bài  + Câu thơ nào được lặp lại nhiều lần trong bài?  + Việc lặp lại nhiều lần câu thơ ấy nói lên điều gì?  + Mỗi khổ thơ là một điều ước của các bạn nhỏ? Điều ước ấy nói gì?  + Em hiểu câu thơ Mãi mãi không có mùa đông ý nói gì?  + Câu thơ: Hoá trái bom thành trái ngon có nghĩa là mong ước điều gì?  + Em thích ước mơ nào của các bạn thiếu nhi trong bài thơ? Vì sao?  + Bài thơ muốn nói điều gì? |
| **4. Luyện đọc diễn cảm- Đọc thuộc lòng** *(8-10p)*  **\* Mục tiêu:** HSbiết đọc diễn cảm một đoạn thơ với giọng vui tươi.  **\* Cách tiến hành: Hoạt động cá nhân – nhóm - cả lớp** | |
| - HS nêu lại giọng đọc cả bài  - 1 HS M4 đọc mẫu toàn bài   -4 em đọc tiếp nối nhau 4 đoạn của bài, cả lớp theo dõi, nêu giọng đọc của bài.  - Nhóm trưởng điều hành:  + Luyện đọc theo nhóm  + Vài nhóm thi đọc diễn cảm trước lớp.  -  Bình chọn nhóm đọc hay.  - Thi học thuộc lòng tại lớp.  **4. Hoạt động vận dụng** *(1 phút)*  + Em có ước mơ gì? Hãy chia sẻ ước mơ của em với các bạn  **5. Hoạt động sáng tạo** *(1 phút)* | -  Yêu cầu HS nêu giọng đọc toàn bài.  -Gọi 4 em đọc tiếp nối nhau đọc 4 đoạn của bài, cả lớp theo dõi, nêu giọng đọc của bài.  - Hướng dẫn cả lớp luyện đọc diễn cảm đoạn tiêu biểu trong bài: đoạn 1, 2.  - YC HS đọc thuộc lòng và thi đọc thuộc lòng bài thơ.  - HS nêu  - Hãy vẽ về ước mơ của em |

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TOÁN**

***Tiết 36:* LUYỆN TẬP**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức**

- Tính được tổng của 3 số.

**2. Kĩ năng**

- Vận dụng một số tính chất để tính tổng 3 số bằng cách thuận tiện nhất.

**3. Phẩm chất**

- HS có Phẩm chất học tập tích cực.

**4. Góp phần phát triển năng lực:**

**-** Năng lực tự học, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL tư duy - lập luận logic.

\*Bài tập cần làm:   Bài 1 (b), bài 2 (dòng 1, 2), bài 4 (a)

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Đồ dùng**

  - GV: - Phiếu nhóm, bảng phụ

  - HS: Vở BT, SGK,

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- Phương pháp vấn đáp, động não, quan sát, thực hành, đặt và giải quyết vấn đề, hoạt động nhóm.

- Kĩ thuật đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC;**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| **1. Khởi động:** *(5p)*  - TBVN điều hành lớp khởi động bằng bài hát vui nhộn tại chỗ | - GV giới thiệu vào bài |
| **2. Hoạt động thực hành***:(30p)*  **\* Mục tiêu: -** Tính được tổng của 3 số.                       - Vận dụng một số tính chất để tính tổng 3 số bằng cách thuận tiện nhất  **\* Cách tiến hành: Cá nhân – Nhóm- Lớp** | |
| **Bài 1**: ***Bài 1(b): Đặt tính rồi tính tổng***  *HSNK làm cả bài*  - HS đọc yêu cầu bài  - HS làm bài cá nhân – Chia sẻ nhóm 2  - 2 HS lên bảng  - HS lên đánh giá đúng, sai..  Đ/a:              26 387                      54 293           + 14 075                  + 61 934                9 210                        7 652              49 672                    123 879  **Nhóm 2- Lớp**  - HS đọc yêu cầu bài:  - HS (M3, M4) nêu cách tính thuận tiện với phép tính mẫu 96+78+4  *+Áp dụng tính chất giao hoán và kết hợp của phép cộng.*  - HS làm bài theo cặp đôi.  - Gọi HS nhận xét, bổ sung, sửa bài  Đ/a:  a.     96 + 78 + 4   =  ( 96  + 4) + 78   =      100       + 78   =             178     67 + 21 + 79  =  67 + ( 21 + 79)  =  67 +   100  = 16  b. 789 + 285 + 15  =  789 + ( 285 + 15)  =  789 +       300  =         1 089   + 448 + 594 + 52  = ( 448 + 52 ) + 594  = 500 + 594 = 1094  - HS đọc đề, phân tích bài toán.  - HS tự làm bài, sau đó đổi chéo vở kiểm tra bài cho nhau.  - Gọi 1 HS lên bảng làm bài.  Bài giải  a. Số dân tăng thêm sau hai năm là:        79 + 71 = 150 (người)  b. Sau 2 năm, dân số xã đó là:         5256 + 150 = 5 406 (người)                    Đáp số: a. 150 người                                  b. 5 406 người  - Gọi HS nhận xét, bổ sung, sửa bài  - HS làm vào vở Tự học  Bài 3: Tìm x  a. x- 306 = 504          b. x+254 = 680            x   = 504+306            x   = 680-254            x   = 810                     x  = 426  Bài 5:  a. P= (16+12)x2 = 56 cm  b. P= (45+15)x2 = 120cm  - Ghi nhớ KT ôn tập  - Tìm các bài tập tương tự trong sách Toán buổi 2 và giải.  **3. Hoạt động vận dụng *(1p)***  **4. Hoạt động sáng tạo *(1p)*** | **Cá nhân - Nhóm 2-Lớp**  - Gọi HS đọc yêu cầu bài tập.    - Gọi HS nhận xét, bổ sung, sửa bài  - GV chốt đáp án, lưu ý cách đặt tính  **Bài 2***(dòng 1,2)****: Tính bằng cách thuận tiện nhất.***  - Gọi HS đọc yêu cầu bài tập.  *+  Muốn  tính thuận tiện ta cần chú ý gì?*  - Gọi đại diện 2 cặp lên bảng làm bài.  - GV chốt đáp án.    - Củng cố cách tính thuận tiện.    **Bài 4*:(a)HSNK làm hết bài***  - GV gọi 1 HS đọc đề bài.    - GV chốt đáp án.  **Bài 3 + Bài 5 *(bài tập chờ dành cho HS hoàn thành sớm)***  *- Củng cố cách tìm thành phần chưa biết trong phép tính*  *- Củng cố cách tính chu vi hình CN, cách tính giá trị của BT có chứa 2 chữ* |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**KHOA HỌC ( CT HIỆN HÀNH)**

**BẠN CẢM THẤY THẾ NÀO KHI BỊ BỆNH?**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức**

- Nêu được một số biểu hiện khi cơ thể bị bệnh: hắt hơi, sổ mũi, chán ăn, mệt mỏi, đau bụng, nôn, sốt,…

**2. Kĩ năng**

- Biết nói với cha mẹ, người lớn khi cảm thấy trong người khó chịu, không bình thường.

- Phân biệt được lúc cơ thể khoẻ mạnh và lúc cơ thể bị bệnh.

**3. Phẩm chất**

- Tự nhận thức bản thân để nhận biết một số dấu hiệu không bình thường của cơ thể

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, hợp tác.

*\* KNS:-Tìm kiếm sự giúp đỡ khi có những dấu hiệu khi bị bệnh*

*-Tự nhận thức về chế độ ăn, uống khi bị bệnh thông thường*

*-Vận xử phù hợp khi bị bệnh*

*\* BVMT:-Mối quan hệ giữa con người với môi trường : Con người cần đến không* *khí, thức ăn, nước uống từ môi trường.*

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Đồ dùng**

    - GV: + Các hình minh hoạ trang 32, 33 / SGK (phóng to nếu có điều kiện).

              + Bảng lớp chép sẵn các câu hỏi.

              + Phiếu ghi các tình huống.

     - HS:  SGK

**2.Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: quan sát, hỏi đáp, thảo luận, trò chơi học tập.

- KT: Động não, chia sẻ nhóm đôi, tia chớp

**II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY-  HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt  đông của học sinh** | **Hoạt  đông của của giáo viên** |
| **1, Khởi động *(4p)***  - HS trả lời  *+ Các bệnh lây qua đường tiêu hoá là: bệnh tiêu chảy, bệnh lị, bệnh tả,.. Nguyên nhân là do ăn uống không hợp vệ sinh, ăn các loại thức ăn ôi thiu, không giữ vệ sinh cá nhân sạch sẽ…*  *+ Giữ vệ sinh ăn uống, vệ sinh cá nhân sạch sẽ, vệ sinh môi trường xung quanh nơi ở của gia đình, …* | *+ Em hãy kể tên các bệnh lây qua đường tiêu hoá và nguyên nhân gây ra các bệnh đó?*  *+ Em đã làm gì để phòng bệnh lây qua đường tiêu hoá cho mình và mọi người?*  - GV nhận xét, khen/ động viên, dẫn vào bài mới. |
| **3.Khám phá:***(30p)*  **\* Mục tiêu:** - Nêu được một số biểu hiện khi cơ thể bị bệnh: hắt hơi, sổ mũi, chán ăn, mệt mỏi, đau bụng, nôn, sốt,…  **\* Cách tiến hành: Cá nhân-Nhóm –Lớp** | |
| **Hoạt động 1:  Biểu hiện của cơ thể khi bị bệnh.**  **Nhóm  - Lớp**  **Kể chuyện theo tranh:**  - Tiến hành thảo luận nhóm 6  - Mỗi nhóm sẽ kể 1 câu chuyện trước lớp:  + Câu chuyện 1: gồm các tranh 1, 4, 8. Hùng đi học về, thấy có mấy khúc mía mẹ vừa mua để trên bàn. Cậu ta dùng răng để xước mía vì cậu thấy răng mình rất khỏe, không bị sâu. Ngày hôm sau, cậu thấy răng đau, lợi sưng phồng lên, không ăn hoặc nói được. Hùng bảo với mẹ và mẹ đưa cậu đến nha sĩ để chữa.  + Câu chuyện 2: gồm các tranh 6, 7, 9. Hùng đang tập nặn ô tô bằng đất ở sân thì bác Nga đi chợ về. Bác cho Hùng quả ổi. Không ngần ngại cậu ta xin và ăn luôn. Tối đến Hùng thấy bụng đau dữ dội và bị tiêu chảy. Cậu liền bảo với mẹ. Mẹ Hùng đưa thuốc cho Hùng uống.  +Câu chuyện 3: gồm các tranh 2, 3, 5. Chiều mùa hè oi bức, Hùng vừa đá bóng xong liền đi bơi cho khỏe. Tối đến cậu hắt hơi, sổ mũi. Mẹ cậu cặp nhiệt độ thấy cậu sốt rất cao. Hùng được mẹ đưa đến bác sĩ để tiêm thuốc, chữa bệnh.  - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  - HS suy nghĩ trả lời.  *+ Cảm thấy mệt mỏi, …*  *+ Khi thấy cơ thể có những dấu hiệu bị bệnh em phải báo ngay cho bố mẹ hoặc người lớn biết để kịp thời phát hiện* và chữa trị.  - HS lắng nghe và ghi nhớ.    **HĐ2: Trò chơi: “Mẹ ơi, con bị ốm !”**  - Tiến hành thảo luận nhóm sau đó đại diện các nhóm trình bày.  - Các nhóm tập đóng vai trong tình huống, các thành viên góp ý kiến cho nhau. Ví dụ:  + Nhóm 1:  HS 1: Mẹ ơi, con bị ốm!  HS 2: Con thấy trong người thế nào?  HS 1: Con bị đau bụng, đi ngoài nhiều lần, người mệt lắm.  HS 2: Con bị tiêu chảy rồi, để mẹ lấy thuốc cho con uống.  + Nhóm 2:  Bắc nói: Mẹ ơi, con thấy mình bị sổ mũi, hắt hơi và hơi đau ở cổ họng. Con bị cảm cúm hay sao mẹ ạ.  + Nhóm 3:  Mẹ ơi, con bị sâu răng rồi. Con đánh răng thấy chảy máu và hơi đau, buốt trong kẽ răng mẹ ạ.  + Nhóm 4:  Gọi điện cho bố mẹ và nói em bị sốt cao, tay chân nóng, mồ hôi ra nhiều, em không chịu chơi và hay khóc. Hoặc sang nhờ bác hàng xóm giúp đỡ và nói: “Em cháu bị sốt, nó không chịu chơi, toàn thân nóng và ra nhiều mồ hôi.”  - HS nêu.  **3. HĐ vận dụng *(1p)***  **GDBVMT:** Con người cần đến không khí, thức ăn, nước uống từ môi trường*.* Vì vậy môi trường có ảnh hưởng trực tiếp đến sức khoẻ con người. Chúng ta cần làm gì để bảo vệ môi trường?  **4. HĐ sáng tạo *(1p)*** | - Yêu cầu từng HS quan sát các hình minh họa trang 32 / SGK, thảo luận và trình bày theo nội dung sau:  + Sắp xếp các hình có liên quan với nhau thành 3 câu chuyện. Mỗi câu chuyện gồm 3 tranh thể hiện Hùng lúc khỏe, Hùng lúc bị bệnh, Hùng lúc được chữa bệnh.  + Kể lại câu chuyện cho mọi người nghe với nội dung mô tả những dấu hiệu cho em biết khi Hùng khoẻ và khi Hùng bị bệnh.    - GV nhận xét, tổng hợp các ý kiến của HS.  - Nhận xét khen các nhóm trình bày tốt.  - GV tiến hành hoạt động cả lớp theo định hướng: Yêu cầu HS đọc, suy nghĩ và trả lời các câu hỏi:  *+ Em đã từng bị mắc bệnh gì?*  *+ Khi bị bệnh đó em cảm thấy trong người như thế nào?*  *+ Khi thấy cơ thể có những dấu hiệu bị bệnh em phải làm gì? Tại sao phải làm như vậy?*  ***\*GV: Khi khoẻ mạnh thì ta cảm thấy thoải mái, dễ chịu. Khi có các dấu hiệu bị bệnh các em phải báo ngay cho bố mẹ hoặc người lớn biết. Nếu bệnh được phát hiện sớm thì sẽ dễ chữa và mau khỏ***  - GV chia HS thành các nhóm nhỏ và phát cho mỗi nhóm 1 tờ giấy ghi tình huống.    Sau đó nêu yêu cầu.  - Các nhóm đóng vai các nhân vật trong tình huống.  - Người con phải nói với người lớn những biểu hiện của bệnh.  + Nhóm 1: Tình huống 1: Ở trường Nam bị đau bụng và đi ngoài nhiều lần.    + Nhóm 2: Tình huống 2: Đi học về, Bắc thấy hắt hơi, sổ mũi và cổ họng hơi đau. Bắc định nói với mẹ nhưng mẹ đang nấu cơm. Theo em Bắc sẽ nói gì với mẹ?  + Nhóm 3: Tình huống 3: Sáng dậy Nga đánh răng thấy chảy máu răng và hơi đau, buốt.  + Nhóm 4: Tình huống 4: Em đang chơi với em bé ở nhà. Bỗng em bé khóc ré lên, mồ hôi ra nhiều, người và tay chân rất nóng. Bố mẹ đi làm chưa về. Lúc đó em sẽ làm gì?    - GV nhận xét, khen/ động viên.    - HS liên hệ    - Hãy nói về một số loại thuốc em phải dùng khi bị bệnh. |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

:..............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

Thứ ba  ngày 23 tháng 10 năm 2021

**CHÍNH TẢ**

**TRUNG THU ĐỘC LẬP**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức:**

- HS nghe - viết và trình bày bài chính tả sạch sẽ từ *"Ngày mai các em có quyền ....nông trường to lớn, vui tươi"* . Hiểu nội dung đoạn viết.

- Làm đúng BT(2) a, (3)a phân biệt r/d/gi

**2. Kĩ năng:**

**-** Rèn kĩ năng viết đẹp, viết đúng chính tả.

**3. Phẩm chất:**

**-** Giáo dục tính cẩn thận, chính xác, yêu thích chữ viết

**4. Góp phần phát triển năng lực:**

**-** NL tự chủ và tự học, NL sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ.

*\* GD BVMT:*

*-Tình cảm yêu quý vẻ đẹp của thiên nhiên đất nước*

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Đồ dùng**

   - GV: Bảng phụ, phiếu học tập.

   - HS: Vở, bút,...

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- Phương pháp vấn đáp, động não, quan sát, thực hành, đặt và giải quyết vấn đề, hoạt động nhóm, trò chơi học tập.

- Kĩ thuật đặt câu hỏi, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động: (***2p***)**  - TBVN điều hành HS cùng hát kết hợp với vận động tại chỗ | - GV dẫn vào bài mới |
| **2. HĐ luyện tập:**  **Chuẩn bị viết chính tả:** *(6p)*  **\* Mục tiêu:** HS hiểu được nội dung bài CT,viết được các từ khó, dễ lẫn và các hiện tượng chính tả, cách viết đoạn văn xuôi  **\* Cách tiến hành:** | |
| a. Trao đổi về nội dung đoạn nhơ-viết  - 2 HS đọc- HS lớp đọc thầm  *+ Anh mơ đến đất nước tươi đẹp với dòng thác nước đổ xuống làm chạy máy phát điện. Ở giữa biển rộng, cờ đỏ sao vàng bay phấp phới trên những con tàu lớn, những nhà máy chi chít, cao thẳm, những cánh đồng lúa bát ngát, những nông trường to lớn, vui tươi.*  -1 HS lên bảng, lớp viết nháp  *quyền mơ tưởng, mươi mười lăm, thác nước, phấp phới, bát ngát, nông trường, to lớn, …*  - Lắng nghe, liên hệ | - Gọi HS đọc  bài viết.  - Yêu cầu thảo luận nhóm 2:  *+ Cuộc sống mà anh chiến sĩ mơ ước tươi đẹp như thế nào?*  -  Hướng dẫn viết từ khó:  Gọi HS nêu từ khó, từ cần viết hoa sau đó GV đọc cho HS luyện viết.  ***- GDMT: Đất nước ta nơi nào cũng đẹp. Cần yêu quý, trân trọng và bảo tồn những vẻ đẹp ấy*** |
| **3. Viết bài chính tả:** *(15p)*  **\* Mục tiêu:** Hs nghe-viết tốt bài chính tả theo hình thức đoạn văn  **\* Cách tiến hành:** | |
| - HS nghe - viết bài vào vở | - GV đọc cho HS viết bài.  - GV theo  dõi và nhắc nhở, giúp đỡ  HS viết chưa tốt |
| **4. Đánh giá và nhận xét bài:** *(5p)*  **\* Mục tiêu:** Giúp HS tự đánh giá được bài viết của mình và của bạn. Nhận ra các lỗi sai và sửa sai  **\* Cách tiến hành: Cá nhân- Cặp đôi** | |
| - Học sinh xem lại bài của mình, dùng bút chì gạch chân lỗi viết sai. Sửa lại xuống cuối vở bằng bút mực  - Trao đổi bài (cặp đôi) để soát hộ nhau  - Lắng nghe. | - Cho học sinh tự soát lại bài của mình theo.  - GV nhận xét, đánh giá 5 - 7 bài  - Nhận xét nhanh về bài viết của HS |
| **5. Làm bài tập chính tả:** *(5p)*  **\* Mục tiêu:** Giúp HS tìm được các tiếng bắt đầu bằng "r/d/gi. Phân biệt được r/d/gi  **\* Cách tiến hành: Cá nhân-Cặp đôi- Chia sẻ trước lớp** | |
| ***Cá nhân – Chia sẻ cặp đôi – Lớp***  Đáp án : **giắt** bên hông -  **rơi** xuống nước  - đánh **dấu** – kiếm **rơi** – làm **gì** – đánh **dấu .**  - 1 hs đọc to đoạn văn đã điền hoàn chỉnh.  *+ Hành động đánh dấu lên mạn thuyền vì thuyền di chuyển nên việc đánh dấu của anh ngốc không có ý nghĩa gì (đáng lẽ cần đánh dấu ở đoạn sông rơi kiếm)*  ***Cá nhân- Lớp***  Đáp án: a. rẻ                b. danh nhân                c. giường  **5. Hoạt động vận dụng** *(1p)*  **6. Hoạt động sáng tạo** *(1p)* | **Bài 2a:** Điền vào chỗ trống những chữ bắt đầu bằng tr/ch  *+ Câu chuyện hài hước ở điểm nào?*    **Bài 3a**    - Viết 5 tiếng, từ chứa r/d/gi  - Sưu tầm các câu đố về vật có chứa r/d/gi |

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TOÁN**

***Tiết 37:* TÌM HAI SỐ KHI BIẾT TỔNG VÀ HIỆU CỦA HAI SỐ ĐÓ**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức**

- Biết cách tìm hai số khi biết tổng và hiệu của hai số đó.

**2. Kĩ năng**

- Bước đầu biết giải bài toán liên quan đến tìm hai số khi biết tổng và hiệu của hai số đó.

**3. Phẩm chất**

- HS tích cực, chăm chỉ, sáng tạo

**4. Góp phần phát huy các năng lực**

**-** Năng lực tự học, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL tư duy - lập luận logic.

\* BT cần làm: Bài 1, bài 2

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Đồ dùng**

   - GV: + Đề bài toán ví dụ chép sẵn trên bảng phụ hoặc băng giấy.

   -HS: VBT, vở nháp

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm

- Kĩ thuật: đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. Khởi động *(5p)***  **-** TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ | - GV dẫn vào bài mới |
| **2. Hình thành kiến thức mới (15p)**  **\* Mục tiêu:** - Biết cách tìm hai số khi biết tổng và hiệu của hai số đó.                       - Bước đầu biết giải bài toán liên quan đến tìm hai số khi biết tổng và hiệu của hai số đó.  **\* Cách tiến hành:** **Cá nhân- Nhóm 2– Lớp** | |
| - HS đọc đề  - Hỏi đáp nhóm 2 về bài toán  *+ Bài toán cho biết gì ?* (Tổng của  hai số đó  là 70.  Hiệu  của  hai số đó là 10)  *+ Bài toán hỏi gì ?* (Tìm hai số đó)       -HS quan sát.    *+ Nếu bớt  đi phần  hơn của  số lớn  so  với  số bé  thì số lớn  sẽ bằng số bé.*  *+  Hiệu của hai số*  *+ Tổng của chúng giảm đi  đúng bằng  phần hơn  của số lớn  so với  các số bé*  *+ Tổng  mới :* ***70 – 10 = 60***  *+ Hai lần của  số bé :* ***70 – 10 = 60***  *+ Số bé là :* ***60 : 2 = 30***  *+  Số lớn là:* ***30 + 10 = 40***  ***(hoặc 70 – 30 = 40)***      *+ Nếu thêm cho số bé một phần  đúng bằng  phần hơn  của số lớn  so với số  bé  thì số bé sẽ bằng số lớn*  *+ Là hiệu của hai số*  *+ Tổng của chúng sẽ tăng thêm  đúng bằng phần  hơn của số lớn  so với số bé*  *+ Tổng  mới :* ***70 + 10 = 70***  *+ Hai lần của  số bé :* ***70 + 10 = 80***    - Số lớn  : **80 : 2 = 40**  -  Số bé:  **40 -10 = 30**  **( hoặc 70 – 40 = 30)**    - HS nêu cách tìm số lớn, số bé | **-** GV gọi HS đọc bài toán ví dụ trong SGK  ***GV: Vì bài toán  cho biết  tổng và hiệu  của hai số, yêu cầu ta tìm  hai số  nên dạng toán  này được gọi  là bài toán  tìm hai số  khi biết tổng  và hiệu của hai số đó***  a. Hướng dẫn vẽ sơ đồ bài toán.    **b.** Hướng dẫn  giải bài toán  (cách 1)  - Che phần  hơn  của số lớn  *nếu bớt  đi phần hơn  của số  lớn so  với số bé  thì số lớn  như thế  nào so  với số bé?*  *+ Phần hơn  của số lớn  so với  số bé  chính là gì của hai số?*  *+ Khi bớt  đi phần hơn  của số lớn  so với số bé  thì tổng của  chúng thay  đổi thế nào?*  *+  Tổng  mới là bao nhiêu?*  *+ Tổng mới  lại chính là  hai lần của  số bé, vậy ta  có hai lần  số bé là  bao nhiêu?*  *-  Hãy tìm số bé*  *- Hãy tìm số lớn*  c. Hướng dẫn giải bài toán (cách 2 )  *+ Nếu thêm vào  số bé  một phần bằng đúng với phần hơn  của số  lớn so  với số bé  thì số bé  như thế  nào so  với số  lớn?*  *+ Phần hơn  của số lớn  so với  số bé  chính là gì của hai số?*  *+ Khi thêm vào số bé  phần hơn  của số lớn  so với số bé  thì tổng của  chúng thay  đổi thế nào*  *+ Tổng  mới là bao nhiêu ?*  *+ Tổng mới  lại chính là hai lần của  số lớn, vậy ta có hai lần  số lớn  là  bao nhiêu ?*  *- Hãy tìm số lớn?*  *- Hãy tìm số bé ?*    - Lưu ý HS khi làm bài có thể giải bằng 2 cách |
| **3. Hoạt động thực hành (18p)**  **\* Mục tiêu**: Vận dụng cách tìm số lớn, số bé để giải các bài toán liên quan  **\* Cách tiến hành** | |
| **Bài 1**  **Cá nhân-Nhóm 2- Lớp**  - Đọc và xác định đề bài.  *+Tuổi bố cộng với tuổi con là 58 tuổi tuổi bố hơn tuổi con là 38 tuổi.*  *+Tìm  tuổi của mỗi người.*  *+ Bài toán thuộc dạng  toán về tìm hai  số khi biết tổng và hiệu của hai số đó.*  **Cách 1 :**  Hai lần tuổi con là :  58 – 38 = 20 (tuổi)  Tuổi của con là :  20 : 2 = 10 (tuổi)  Tuổi của bố là:  10 + 38 = 48 (tuổi)  ***Đáp số*** : Con : 10 tuổi                                Bố : 48 tuổi  **Cách 2 :**  Hai lần tuổi bố là:  58 + 38 = 96 (tuổi)  Tuổi của bố là :  96 : 2 = 48 (tuổi)  Tuổi của con là :  48 – 38 = 10 (tuổi)  (hoặc : 58 – 48 = 10 (tuổi))  ***Đáp số*** : Bố : 48 tuổi                                Con : 10 tuổi  ***Bài 2:***  - Thực hiện theo yêu cầu của GV  - HS làm bài vào vở  - 1 HS lên bản  Bài giải  Hai lần số học sinh gái là:    28 – 4 = 24 (học sinh)  Số học sinh gái là:  24  : 2 = 12 (học sinh )  Số học sinh trai là:  12 + 4 = 16 (học sinh )                   Đáp số :  16 HS trai                      12 HS gái  - HS tự làm bài vào vở  - Đổi chéo tự chữa bài cho bạn  **Bài 3 + Bài 4 *(bài tập chờ dành cho HS hoàn thành sớm)***  Bài 3:         Bài giải  Lớp 4A trồng được số cây là:      (600-50) : 2 = 275 (cây)  Lớp 4B trồng được số cây là:       600-275 = 325 (cây)                  Đáp số: 4A: 275 cây                                4B: 325 cây  Bài 4:  Hai số đó là 8 và 0 vì tổng và hiệu của 0 với bất kì số nào cũng bằng chính số đó  **4. Hoạt động vận dụng** *(1p)*  - HS thực hiện  **5. Hoạt động sáng tạo** *(1p)* | **-** GV yêu cầu HS đọc đề bài  *+ Bài toán cho biết gì ?*  *+ Bài toán hỏi gì ?*  +*Bài toán  thuộc dạng toán gì ? Vì sao  em biết điều đó ?*  -GV yêu cầu HS  làm bài vào vở, 2 HS lên bảng làm theo 2 cách.  - Gọi HS nhận xét, chữa bài.  - Nhận xét, chốt cách giải.  - Gọi HS đọc và xác định yêu cầu bài toán.  - Nhắc HS: chỉ cần làm 1 trong 2 cách.  - GV nhận xét, đánh giá bài làm của HS (5-7 bài)  - Chốt lời giải đúng.  - Củng cố các bước giải bài toán tìm hai số khi biết tổng và hiệu ...    - Yêu cầu HS ghi nhớ cách  tìm số lớn, số bé trong bài toán  - Tìm và giải các bài toán gọn hơn |

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**LỊCH SỬ**

**ÔN TẬP**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức**

 - Nắm được tên các giai đoạn lịch sử đã học từ bài 1 đến bài 5:

+ Khoảng năm 700 TCN đến năm 179 TCN: Buổi đầu dựng nước và giữ nước.

+ Năm 179 TCN đến năm 938: Hơn một nghìn năm đấu tranh giành lại nền độc lập.

**2. Kĩ năng**

- Kể lại một số sự kiện tiêu biểu về:

+ Đời sống người Lạc Việt dưới thời Văn Lang.

+ Hoàn cảnh, diễn biến và kết quả của cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng.

+ Diễn biến và ý nghĩa của chiến thắng Bạch Đằng.

**3. Phẩm chất**

- Nêu cao lòng tự hào dân tộc, lòng yêu nước.

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL ngôn ngữ, NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Đồ dùng**

   - GV: + Băng và hình vẽ trục thời gian.

             + Một số tranh ảnh, bản đồ.

   - HS: SGK, vở ghi, bút,..

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm.

- KT:  Kĩ thuật đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt  động của HS** | **Hoạt  động của GV** |
| **1.Khởi động:***(4p)*  *+ Ngô Quyền là người Đường Lâm…*  *+ Ngô Quyền đã dùng kế lợi dụng thuỷ triều lên xuống của dòng Bạch Đằng…*  *+ Quân giặc đã that bại hoàn toàn còn quân và dân ta đẫ thu được thắng lợi* | *…*  ***+ E****m hãy nêu vài nét về con người Ngô Quyền?*  *+ Ngô Quyền đã dùng kế gì để đánh giặc?*  *+Kết quả trận đánh ra sao?*  -GV nhận xét, khen/động viên, dẫn vào bài mới |
| **2.Khám phá:***(30p)*  ***\* Mục tiêu*** - Nắm được tên các giai đoạn lịch sử đã học từ bài 1 đến bài 5:                     - Kể lại một số sự kiện tiêu biểu về trong giai đoạn lịch sử này.  ***\* Cách tiến hành:Cá nhân-Nhóm-Lớp*** | |
| \****Hoạt động1: Nhóm***:  - HS đọc.  - HS các nhóm thảo luận và đại diện lên điền hoặc báo cáo kết quả  - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  - HS lên chỉ băng thời gian và trả lời.   - Lắng nghe    **\**Hoạt động2: Cả lớp*:**    - HS nhớ lại các sự kiện lịch sử và lên điền vào bảng.  - HS khác nhận xét và bổ sung cho hoàn chỉnh.  - HS đọc nội dung câu hỏi và trả lời theo yêu cầu.  **\**Hoạt động3: Nhóm*:**  + HS thảo luận theo nhóm.    \*Nhóm 1: kể về đời sống người Lạc Việt dưới thời Văn Lang.  \*Nhóm 2: kể về khởi nghĩa Hai Bà Trưng.  \*Nhóm 3: kể về chiến thắng Bạch Đằng.  **3. Hoạt động vận dụng** *(1p)*.  - Kể chuyện lịch sử về Vua Hùng, An Dương Vương, Hai Bà Trưng, Ngô Quyền  **4. Hoạt động sáng tạo** *(1p)* | - GV yêu cầu HS đọc SGK / 24    - GV treo băng thời gian (theo SGK) lên bảng và phát cho mỗi nhóm một bản yêu cầu HS ghi (hoặc gắn) nội dung của mỗi giai đoạn.  *+Chúng ta đã học những giai đoạn lịch sử nào của lịch sử dân tộc, nêu những thời gian của từng giai đoạn?*  ***\* GV: Đó là hai giai đoạn “Buổi đầu dựng nước và giữ nước (khoảng 700 năm TCN đến năm 179 TCN) và Hơn một nghìn năm đấu tranh giành lại  độc lập ( từ năm 179 TCN đến năm 938)***    - GV treo trục thời gian (theo SGK) lên bảng hoặc phát phiếu học tập cho HS và yêu cầu HS ghi các sự kiện tương vận với thời gian có trên trục: khoảng 700 năm TCN, 179 năm TCN, 938.  - GV chia lớp thành 3 nhóm, cho HS bốc thăm chọn nội dung hùng biện.  -Yêu cầu bài nói : Đầy đủ đúng, trôi chảy, có hình ảnh minh hoạ càng tốt  -GV nhận xét, khen/ động viên.  ***-*** GV tổng kết và GD lòng tự hào dân tộc, lòng yêu nước |

**ĐIỀU CHỈNH-BỔ SUNG**

..........................................................................................................................................................................................................................................................................

.....................................................................................................................................

**Thứ tư ngày 24 tháng 10 năm 2021**

**LUYỆN TỪ VÀ CÂU**

**CÁCH VIẾT TÊN NGƯỜI, TÊN ĐỊA LÍ NƯỚC NGOÀI**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức**

- Nắm được qui tắc viết tên người, tên địa lí nước ngoài (ND Ghi nhớ).

- Có hiểu biết sơ giản về những danh nhân nước ngoài, địa danh nước ngoài nổi tiếng

**2. Kĩ năng**

- Biết vận dụng qui tắc đã học để viết đúng tên người, tên địa lí nước ngoài phổ biến, quen thuộc trong các BT 1, 2 (mục III).

 \*HS năng khiếu: ghép đúng tên nước với tên thủ đô của nước ấy trong một số trường hợp quen thuộc (BT3).

**3. Phẩm chất**

- HS có ý thức viết hoa đúng cách, đúng quy tắc.

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL tự học, NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Đồ dùng**

- GV: + Giấy khổ to viết sẵn nội dung: một bên ghi tên nước, tên thủ đô bỏ trống, 1 bên ghi tên thủ đô tên nước bỏ trống và bút dạ (Nội dung không trùng nhau).

           + Bài tập 1, 3 phần nhận xét viết sẵn trên bảng lớp.

- HS: vở BT, bút, ...

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Quan sát, hỏi đáp, thảo luận nhóm, trò chơi học tập

- KT: Kĩ thuật đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của HS** | **Hoạt động của GV** |
| 1**. Khởi động** (3p)  - 2 HS lên bảng lấy VD | + Nêu quy tắc viết hoa tên người, tên địa lí Việt Nam  + Lấy VD |
| **2. Hình thành kiến thức mới***:(15p)*  **\* Mục tiêu:** HS nắm được quy tắc viết hoa tên người, tên địa lí nước ngoài  **\* Cách tiến hành: Cá nhân-Nhóm-Cả lớp** | |
| **a. Nhận xét**  ***Bài 1:*** Đọc tên người, tên địa lí nước ngoài.  - HS đọc cá nhân, đọc đồng thanh tên người và tên địa lí trên bảng.  + Tên người: Lép Tôn- xtôi, Mô- rít- xơ Mát- téc- lích, Tô-mát Ê-đi-xơn  + Tên địa lí: Hi- ma- lay- a, Đa- nuýp, …  *+ HS nêu: VD: Tô-mát Ê-đi-xơn là nhà bác học nổi tiếng, Đa- nuýp là tên một dòng sông rất đẹp ở Nga,...*  ***Bài 2:***  **Nhóm 4- Lớp**  **Tên người:**  *+ Lép Tôn- xtôi* gồm 2 bộ phận: Lép và Tôn- xtôi. Bộ phận 1 gồm 1 tiếng Lép.  Bộ phận 2 gồm 2 tiếng Tôn /xtôi.  *+ Mô- rít- xơ,  Mát- téc- lích* gồm 1 bộ phận*,* mỗi bộ phận gồm 3 tiếng  + *Tô-mát Ê-đi-xơn* gồm 2 bộ phận. Bộ phận 1: Tô-mát gồm 2 tiếng. Bộ phận 2: Ê-đi-xơn gồm 3 tiếng  **Tên địa lí:**  *+ Hi- ma- lay- a* chỉ có 1 bộ phận gồm 4 tiếng: *Hi/ma/lay/a*  *+ Đa- nuýp* chỉ có 1 bộ phận gồm 2 tiếng *Đa/ nuýp*  *..........................*  *+ Chữ cái đầu mỗi bộ phận được viết hoa.*  *+ Giữa các tiếng trong cùng một bộ phận có dấu gạch nối.*  - HS nghe  ***Bài 3:***  - HS đọc yêu cầu.  - 2 HS ngồi cùng bàn thảo luận và trả lời câu hỏi: Một số tên người, tên địa lí nước ngoài viết giống như tên người, tên địa lí Việt Nam: tất cả các tiếng đều được viết hoa.  - Lắng nghe.  **b. Ghi nhớ** | *+ Nêu hiểu biết của em về những người và địa danh trên?*    - Yêu cầu HS thảo luận nhóm 4 và trả lời câu hỏi:  *+ Mỗi tên riêng nói trên gồm mấy bộ phận, mỗi bộ phận gồm mấy tiếng?*      *+ Chữ cái đầu mỗi bộ phận được viết như thế nào?*  *+ Cách viết  trong cùng một bộ phận như thế nào?*  ***\*GV: Khi viết tên người, tên địa lí nước ngoài, ta viết hoa chữ cái đầu của mỗi bộ phận tạo thành tên đó. Nếu mỗi bộ phận có nhiểu tiếng thì dùng gạch nối giữa các tiếng***  - 2 HS đọc  - Yêu cầu thảo luận nhóm 2  a. Tên người: Thích Ca Mâu Ni, Khổng Tử, Bạch Cư Dị  b. Hi Mã Lạp Sơn, Luân Đôn, Bắc Kinh, Thuỵ Điển  \****GV:  Những tên người, tên địa lí nước ngoài ở bài tập 3 là những tên riêng được phiên âm Hán Việt (âm ta mượn từ tiếng Trung Quốc). Chẳng hạn: Hi Mã Lạp Sơn là tên một ngọn núi được phiên âm theo âm Hán Việt, còn Hi- ma- lay- a là tên quốc tế, được phiên âm từ tiếng Tây Tạng.***  - Gọi HS đọc phần *Ghi nhớ.* |
| **3, Hoạt động thực hành (20p)**  **\*Mục tiêu:** HS biết cách viết hoa tên người, tên địa lí nước ngoài trong thực tế  **\* Cách tiến hành:** | |
| **Cá nhân – Nhóm 2- Lớp**  - Thực hiện theo yêu cầu của GV  Đ/á:  Ác - boa, Lu- i  Pa- xtơ, Ác- boa, Quy- dăng- xơ.  *+ Đoạn văn viết về gia đình Lu- i Pa- xtơ thời ông còn nhỏ. Lu- i Pa- xtơ (1822- 1895) nhà bác học nổi tiếng thế giới- người đã chế ra các loại vắc- xin trị bệnh, trong đó có bệnh than, bệnh dại.*  *+ Em biết đến Pa- xtơ qua sách Tiếng Việt 3, qua các truyện về nhà bác học nổi tiếng…*  Các nhóm khác nhận xét, bổ sung  **- Cá nhân –Nhóm 2- Lớp**  - Thực hiện theo yêu cầu của GV  Đ/á:  \*Tên người:  +An - be Anh- xtanh: ( Nhà vật lí học nổi tiếng thế giới, người Đức (1879- 1955).  +Crít- xti- an An- đéc- xen (Nhà văn nổi tiếng thế giới, chuyên viết chuyện cổ tích, người Đan Mạch. (1805- 1875)  +I- u- ri Ga- ga- rin (Nhà du hành vũ trụ người Nga, người đầu tiên bay vào vũ trụ (1934- 1968)  \* Tên địa lí:  +Xanh Pê- téc- bua(Kinh đô cũ của Nga)  +Tô- ki- ô(Thủ đô của Nhật Bản)  +A- ma- dôn (Tên 1 dòng sông lớn chảy qua Bra- xin. )  +Ni- a- ga- ra (Tên 1 thác nước lớn ở giữa Ca- na- đa và Mĩ ).  - Nhận xét, bổ sung, sửa bài (nếu sai)  - HS quan sát tranh.  - Thực hiện theo yêu cầu của GV   |  |  | | --- | --- | | Tên nước | Tên thủ đô | | *Nga*  *Ấn Độ*  *Nhật Bản*  *Thái Lan*  *Mĩ*  *Anh*  *Lào*  *Cam – pu- chia*  *Đức*  *Ma – lai – xi –a*  *In- đo-nê-xi- a*  *Phi – líp – pin*  *Trung Quốc* | *Mát- xcơ- va*  *Niu Đê- li*  *Tô-ki- ô*  *Băng Cốc*  *Oa – sinh – tơn*  *Luân Đôn*  *Viêng chăn*  *Phnôm Pênh*  *Béc -  lin*  *Cu-a-la Lăm - pơ*  *Gia – các – ta*  *Ma – ni – la*  *Bắc Kinh* |   **4. Hoạt động vận dụng** *(1p)*  **5. Hoạt động sáng tạo** *(1)* | ***Bài 1:*** Đọc đoạn văn sau rồi viết cho đúng những tên riêng trong đoạn văn  - Kết luận lời giải đúng.  *+ Đoạn văn viết về ai?*    *+ Em đã biết nhà bác học Lu- i Pa- xtơ qua phương tiện nào?*    ***Bài 2:*** Viết lại những tên riêng sau cho đúng qui tắc.  - GV gọi 2 HS lên bảng viết. HS dưới lớp viết vào vở. GV đi chỉnh sửa cho từng em.  - Gọi HS nhận xét, bổ sung bài làm trên bảng.  - Kết luận lời giải đúng.    - Đặt câu hỏi củng cố bài học. VD:  *+ An-be Anh-xtanh là tên người có mấy bộ phận? Mỗi bộ phận có mấy tiếng?*      ***Bài 3:*** Trò chơi du lịch: Thi ghép tên..  *( Dành cho hs năng khiếu)*  GV giải thích cách chơi: Bạn gái trong tranh cầm lá phiếu có ghi tên nước Trung Quốc, bạn viết lên bảng tên thủ đô Trung Quốc là Bắc Kinh.  Bạn trai cầm là phiếu có tên thủ đô Pa- ri, bạn viết lên bảng tên nước có thủ đô Pa- ri là nước Pháp.  - GV gắn một số thẻ ghi tên một số nước và tên thủ đô của các nước ấy đã được đảo lộn.  - Tổ chức cho HS thi ghép đúng tên nước với thủ đô của nước ấy.  - GV nhận xét, khen/ động viên  - Viết lại các tên riêng nước ngoài vào vở rèn  - Tìm thêm tên của 5 nước và thủ đô của 5 nước đó. |

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TOÁN**

***Tiết 38:* LUYỆN TẬP**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức**

-  Củng cố bài toán Tìm 2 số khi biết tổng và hiệu của 2 số đó

**2. Kĩ năng**

- Biết giải bài toán liên quan đến tìm hai số khi biết tổng và hiệu của hai số đó.

**3. Phẩm chất**

-  Tích cực, tự giác học bài, trình bày bài sạch sẽ, khoa học

**4. Góp phần phát triển các kĩ năng**

- Năng lực tự học, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL tư duy - lập luận logic.

\* BT cần làm: BT1(a,b); BT2; BT 4

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Đồ dùng**

   - GV: : Bảng phụ hoặc phiếu nhóm

   - HS: Bút, SGK, ...

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Quan sát, hỏi - đáp,  thảo luận nhóm.

- KT: đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của HS** | **Hoạt động của GV** |
| **1. HĐ khởi động *(3p)***  + Nêu cách tìm số lớn, số bé trong bài toán tổng-hiệu | - Yêu cầu HS nêu cách tìm số lớn, số bé  - GV dẫn vào bài |
| **2. Hoạt động thực hành** *(30p)*  **\* Mục tiêu:** Giải được các bài toán dạng Tìm hai số khi biết tổng và hiệu của hai số đó.  **\* Cách tiến hành** | |
| **Cá nhân – Lớp.**  - Thực hiện theo yêu cầu của GV.  Đ/a:  a.     Số lớn là: (24 + 6): 2 = 15          Số bé là: 15 – 6 = 9   b.    Số lớn là: (60 + 12): 2 = 36          Số bé là: 36 – 12 = 24  - Gọi HS nhận xét, bổ sung, sửa bài  - Thực hiện theo yêu cầu của GV.  Bài giải  Tuổi của  em là:  (36 - 8 ) : 2 = 14 ( tuổi  Tuổi của  chị là:  14 + 8 = 22 (tuổi )                     Đáp số :  em : 14 tuổi                                    chị : 22 tuổi  **Cá nhân –Nhóm 2- Lớp**  - Thực hiện theo yêu cầu của GV.  Bài giải  Phân xưởng I  đã sản xuất :  (1200 - 120): 2 = 540 ( sản phẩm)  Phân xưởng II đã sản xuất :  540 + 120 =  660( sản phẩm)                 Đáp số :  PX1: 540 sản phẩm                                 PX2:660 sản phẩm    - HS làm bài vào vở Tự học  - TBHT kiểm tra, chữa bài theo nhóm  Bài 3:          Bài giải  Số sách giáo khoa cho mượn là:                 (65 + 17) : 2 = 41 (quyển)  Số sách đọc thêm là:                 65- 41 = 24 (quyển)                        Đáp số: 41 quyển                                     24 quyển  Bài 5:            Bài giải            Đổi 5 tấn 2 tạ thóc = 52 tạ  Thửa ruộng 1 thu được là:            (52 +8) : 2 = 30 (tạ)= 3000 kg  Thửa ruộng 2 thu được là:             52- 30 = 22 (tạ) = 2200 kg                         Đáp số: 3000 kg                                       2200 kg  **3. Hoạt động vận dụng** (1p)  **4. Hoạt động sáng tạo** (1p) | ***Bài 1(a,b):*** Tìm hai số biết tổng và hiệu của hai số đó.  - Gọi HS đọc yêu cầu bài tập.  - Gọi 2HS lên bảng làm bài, HS cả lớp làm bài vào vở.  - GV chốt đáp án.  - GV củng cố các bước giải...  ***Bài 2:***    - GV gọi HS đọc đề bài toán, sau đó yêu cầu HS nêu dạng toán và tự làm bài.  - Nhận xét, đánh giá một số bài  ***Bài 4:***  - Gọi HS đọc yêu cầu bài tập.  - Gọi HS nhận xét, bổ sung, sửa bài (nếu cần).  - GV chốt đáp án.  - Chốt lại cách giải dạng toán này  **Bài 3 +bài 5 *(bài tập chờ dành cho HS hoàn thành sớm)***      - Yêu cầu HS ghi nhớ cách tìm số lớn, số bé |

**ĐIỀU CHỈNH-BỔ SUNG**

...................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**ĐẠO ĐỨC**

**TIẾT KIỆM TIỀN CỦA (T1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức**

-  Lựa chọn được những hành vi thể hiện tiết kiệm tiền của và có ý thức thực hiện tiết kiệm trong gia đình.

- Đưa ra cách vận xử phù hợp trong từng tình huống, thể hiện tiết kiệm tiền của.

**2. Kĩ năng**

- Sử dụng tiết kiệm quần áo, sách vở, đồ dùng, điện, nước,… trong cuộc sống hằng ngày.

*(- Không yêu cầu học sinh lựa chọn phương án phân vân trong các tình huống bày tỏ Phẩm chất của mình về các ý kiến: tán thành, phân vân hay không tán thành mà chỉ có hai phương án: tán thành và không tán thành.*

*- Không yêu cầu học sinh tập hợp và giới thiệu những tư liệu khó sưu tầm về một người biết tiết kiệm tiền của; có thể cho học sinh kể những việc làm của mình hoặc của các bạn về tiết kiệm tiền của)*

**3. Phẩm chất**

- Có ý thức tiết kiệm tiền của

- Nhắc nhở bạn bè, anh chị em thực hiện tiết kiệm tiền của.

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL tự học, NL giải quyết vấn đề, NL hợp tác, sáng tạo

*\* KNS: - Bình luận, phê phán việc lãng phí tiền của*

*- Lập kế hoạch sử dụng tiền của bản thân*

*\* BVMT:- Sử dụng tiết kiệm tiền áo, sách vở, đồ dùng, điện, nước...Trong cuộc sống hằng ngày là góp phần BVMT và tài nguyên thiên nhiên.*

*\* SDNLTK:- Sử dụng tiết kiệm các nguồn năng lượng như: điện, nước, xăng, dầu, gas,… chính là tiết kiệm tiền của cho bản thân, gia đình và đất nước.*

*- Đồng tình với các hành vi, việc làm sử dụng năng lượng tiết kiệm năng lượng; phản đối, không đồng tình với các hành vi sử dụng lãng phí năng lượng.*

*\* TT HCM:*

*Cần kiệm liêm chính*

**I. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Đồ dùng**

   - GV: + SGK Đạo đức 4

             + Đồ dùng để chơi đóng vai

   - HS: Mỗi HS có 3 tấm bìa màu: xanh, đỏ, trắng.

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm, trò chơi phóng viên,  đóng vai.

- KT: động não, chia sẻ nhóm 2

**III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY-  HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của HS** | **Hoạt động của GV** |
| **1.Khởi động:***(5p)*  - HS nối tiếp trả lời | ***-*** Yêu cầu HS nêu 1 số việc các em đã làm ở nhà thể hiện sự tiết kiệm tiền của  -  Nêu bài học |
| **2.Hoạt động thực hành***(30p)*  **\* Mục tiêu:** - Lựa chọn được những hành vi thể hiện tiết kiệm tiền của và có ý thức thực hiện tiết kiệm trong gia đình.                        - Đưa ra cách vận xử phù hợp trong từng tình huống, thể hiện tiết kiệm tiền của.  **\* Cách tiến hành: Cá nhân-Nhóm-Lớp** | |
| **HĐ1: Lựa chọn hành vi đúng**  **Nhóm 2  – Lớp**  - HS đọc yêu cầu bài tập 4.    - HS trao đổi nhóm 2 và  nêu ý kiến  - HS nhận xét, bổ sung.    - Liên hệ việc sử dụng tiết kiệm điện, nước, gas,... trong gia đinh.  **HĐ2: Xử lí tình huống: (**Bài tập 5- SGK/13):  **Nhóm - Lớp**  -  Các nhóm thảo luận, xử lý tình huống trước lớp.  - Cả lớp thảo luận:  🟇 Nhóm 1: Bằng rủ Tuấn xé sách vở lấy giấy gấp đồ chơi. Tuấn sẽ giải thích thế nào?    🟇Nhóm 2: Em của Tâm đòi mẹ mua cho đồ chơi mới trong khi đã có quá nhiều đồ chơi. Tâm sẽ nói gì với em?    🟇Nhóm 3: Cường nhìn thấy bạn Hà lấy vở mới ra dùng trong khi vở đang dùng vẫn còn nhiều giấy trắng. Cường sẽ nói gì với Hà?  - HS trả lời cho phù hợp  - HS đọc to phần ghi nhớ- SGK/12    **3. Hoạt đông vận dụng *(1p)***  - HS liên hệ  **4. Hoạt động sáng tạo** *(1p)* | (Bài 4 - SGK/13):  Những việc làm nào trong các việc dưới đây là tiết kiệm tiền của?  a/. Giữ gìn sách vở, đồ dùng học tập.  b/. Giữ gìn quần áo, đồ dùng, đồ chơi.  c/. Vẽ bậy, bôi bẩn ra sách vở, bàn ghế, tường lớp học.  d/. Xé sách vở.  đ/. Làm mất sách vở, đồ dùng học tập.  e/. Vứt sách vở, đồ dùng, đồ chơi bừa bãi.  g/. Không xin tiền ăn quà vặt  h/. Ăn hết suất cơm của mình.  i/. Quên khóa vòi nước.  k/. Tắt điện khi ra khỏi phòng.  ***\*GV: Các việc làm a, b, g, h, k là tiết kiệm tiền của. Các việc làm c, d, đ, e, i là lãng phí tiền của.***  - GV nhận xét, khen HS đã biết tiết kiệm tiền của và nhắc nhở những HS khác thực hiện tiết kiệm tiền của trong sinh hoạt hằng ngày chính là bảo vệ môi trường sống xung quanh ta.  + Sử dụng tiết kiệm các nguồn năng lượng như: điện, nước, xăng dầu, than đá, gas, ... chính là tiết kiệm tiền của cho bản thân, gia đình và đất nước.  - GV chia 3 nhóm, giao nhiệm vụ cho mỗi nhóm thảo luận 1 tình huống trong bài tập 5.        - GV kết luận về cách vận xử phù hợp trong mỗi tình huống  *+ Cách vận xử như vậy đã phù hợp chưa? Có cách vận xử nào khác không? Vì sao?*  *+ Em cảm thấy thế nào khi vận xử như vậy?*  ***\* GV: Tiền bạc, của cải là mồ hôi, công sức của bao người lao động. Vì vậy, chúng ta cần phải tiết kiệm, không được sử dụng tiền của lãng phí.***    - GV cho HS đọc ghi nhớ.  - Liên hệ giáo dục BVMT:  - Liên hệ giáo dục TKNL  - Nói về một người, 1 hành vi không tiết kiệm tiền của mà em biết. Nêu ý kiến cá nhân của em. |

**ĐIỀU CHỈNH-BỔ SUNG**

..............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**KỂ CHUYỆN**

**KỂ CHUYỆN ĐÃ NGHE, ĐÃ ĐỌC**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức**

- Hiểu câu chuyện mình kể và nêu được nội dung chính của chuyện.

**2. Kĩ năng:**

- Dựa vào gợi ý (SGK), biết chọn và kể lại được câu chuuyện đã nghe, đã đọc nói về những ước mơ đẹp hoặc ước mơ viển vông, phi lí.

**3. Phẩm chất**

- Có ước mơ đẹp và nỗ lực để thực hiện ước mơ của mình

- Phê phán những ước mơ viển vông, phi lí

**4. Góp phần bồi dưỡng các năng lực**

- NL giao tiếp và hợp tác, NL sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Đồ dùng**

- GV:  Một số truyện viết ước mơ.

- HS: Truyện đọc 4, SGK.

**2.  Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm.

- KT: đặt câu hỏi, chia sẻ nhóm.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của HS** | **Hoạt động của GV** |
| **1. Khởi động***:(5p)*  *+ Câu chuyện khuyên chúng ta hãy biết sống đẹp, biết hi sinh cho người khác rồi chúng ta sẽ được đền đáp xvận đáng* | **-** Kể lại câu chuyện: Điều ước dưới trăng.  *+ Câu chuyện muốn nói với chúng ta điều gì?* |
| **2. Khám phá:***(8P)*  **\* Mục tiêu**:HSlựa chọn được câu chuyện về ước mơ  ***\* Cách tiến hành: Cá nhân-Nhóm-Lớp***  **Đề bài**: *Kể lại một câu chuyện mà em đã được nghe, được đọc về những ước mơ đẹp hoặc ước mơ viển vông, phi lí.* | |
| - Gạch chân dưới các từ quan trọng.  **Đề bài**: Kể lại một câu chuyện mà em đã được nghe, được đọc về những ước mơ đẹp hoặc ước mơ viển vông, phi lí  - Nối tiếp đọc Gợi ý (SGK)  *+Ước mơ về cuộc sống no đủ, hạnh phúc*  *+ Ước mơ chinh phục thiên nhiên*  *+ Ước mơ thể hiện sự tham lam lam vô đáy*  *+ Ước mơ không phải làm việc mà vẫn được hưởng thụ,...*  - HS nối tiếp giới thiệu tên câu chuyện và nhân vật trong truyện mình sẽ kể. | - GV hướng dẫn TBHT giúp cả lớp tìm hiểu đề bài:  *+ Thế nào là ước mơ đẹp?*  *+ Thế nào là những ước mơ viển vông, phi lí?*  *+ Hãy nêu câu chuyện mình đã ĐỒ DÙNG DẠY HỌC để kể.*  -  GV khuyến khích HS kể các câu chuyện mình đọc được ngoài SGK |
| **3 . Thực hành** *:(10p)*  **\* Mục tiêu:** HSkể được nội dung câu chuyện theo lời kể của mình một cách hấp dẫn, sinh động kèm theo cử chỉ, điệu bộ- Nêu được ý nghĩa câu chuyện  **\* Cách tiến hành: Cá nhân - Nhóm- Lớp** | |
| **Tìm hiểu ý nghĩa câu chuyện:**    - Lớp trưởng điều khiển kể chuyện nhóm 4   - HS làm việc cá nhân sau đó chia sẻ phần kể chuyện của mình trong nhóm  - Các nhóm cử đại diện lên bảng kể chuyện – Nêu ý nghĩa câu chuyện  - Các nhóm khác đặt câu hỏi cho bạn  **4. Hoạt động vận dụng *(1p)***  - Kể lại câu chuyện cho người thân nghe  **5. Hoạt động sáng tạo *(1p)***  - Tìm đọc các câu chuyện ước mơ  trong sách báo, sách kể chuyện | -  Gv đưa bảng nêu tiêu chí đánh giá :  + Nội dung đúng: đạt 4 sao  + Kể hay, phối hợp cử chỉ, điệu bộ khi kể: 4 sao  + Nêu được ý nghĩa: 1 sao .  + Trả lời được câu hỏi của bạn :1 sao .   Tổng đạt 10 sao    - GV nhận xét,đánh giá, liên hệ giáo dục về ước mơ và nỗ lực thực hiện ước mơ |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**KĨ THUẬT**

**KHÂU ĐỘT THƯA**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức**

- HS biết cách khâu đột thưa và vận dụng  của khâu đột thưa.

**2. Kĩ năng**

- Khâu được  các mũi khâu đột thưa, các mũi khâu có thể chưa đều nhau. Đường khâu có thể bị rúm.

 \*HS khéo tay khâu được mũi khâu đột thưa. Các mũi khâu tương đối  đều nhau. Đường khâu ít bị rúm.

**3. Phẩm chất**

- Giáo dục tính cẩn thận, khéo léo, an toàn khi thực hành

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL thẩm mĩ.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Đồ dùng**

- GV: +  Bộ đồ dùng khâu thêu.

          + Tranh quy trình khâu mũi  khâu đột thưa. Vật liệu và dụng cụ cần thiết

- HS: Bộ ĐDHT lớp 4, vở.

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Quan sát, hỏi đáp, thảo luận nhóm.

- KT: đặt câu hỏi, tia chớp, động não, phòng tranh

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt  động của HS** | **Hoạt  động của GV** |
| **1. HĐ khởi động (3p)**  - TBVN điều hành | - HS hát bài hát khởi động:  - Kiểm tra sự chuẩn bị đồ dùng của HS |
| **2.Bài mới:***(30p)*  **\* Mục tiêu:** - HS biết cách khâu đột thưa và vận dụng  của khâu đột thưa.                      - Khâu được  các mũi khâu đột thưa, các mũi khâu có thể chưa đều nhau. Đường khâu có thể bị rúm.  **\* Cách tiến hành: Cá nhân- Nhóm- Lớp** | |
| **Hoạt động 1**: **Quan sát, nhận xét mẫu.**  **Cá nhân – Lớp**  - HS quan sát để nhận xét khâu đột thưa ,nhận xét .  *+ Ở mặt phải đường khâu, các mũi  khâu đều cách  đều giống như đường khâu các mũi khâu thường. Ở mặt trái đường khâu, mũi khâu sau lấn lên 1/3 mũi khâu trước liền kề.*  - Lắng nghe  -HS đọc phần ghi nhớ.  **Hoạt động 2**: **Hướng dẫn thao tác kĩ thuật**  **Cá nhân – Lớp**  - HS quan sát  hình 2,3,4  - Quan sát, 1 HS  nêu cách  nêu các bước khâu mũi đột thưa.  -HS nêu  -Quan sát, nêu cách thực hiện.  - Theo dõi.  -1 – 2  HS thực hiện thao tác  khâu các mũi đột thưa tiếp theo HS khác quan sát nhận xét.  - Giống thao tác nút chỉ mũi khâu thường. HS thực hiện thao tác  - Lắng nghe, quan sát    -1 HS  đọc mục 2 của phần ghi nhớ.  -HS tiến hành tập khâu  đột thưa trên giấy ô li với các điểm cách  đều 1 ô trên đường dấu  **3. Hoạt động vận dụng *(1p)***  - Thực hành khâu đột thưa tại nhà  **4. HĐ sáng tạo *(1p****)*  - Sưu tầm các mẫu sản phẩm có mũi khâu đột thưa. | - GV giới thiệu mẫu khâu đột thưa  *+ Hình dạng mũi khâu ở mặt phải hay mặt trái ?*    Lưu ý: Khi khâu mũi đột thưa phải khâu từng mũi một, không khâu được nhiều  mũi mới rút chỉ một lần như khâu thường.  -GV gợi ý  để HS  rút ra khái niệm về khâu đột thưa (phần ghi nhớ )  ⇨ **Kết luận**: Như mục 1 phần ghi nhớ  - GV treo tranh quy trình khâu đột thưa  (SGK) để nêu  các bước khâu mũi đột thưa .  -GV yêu cầu HS  dựa vào quan sát hình 2 (SGK ) để nêu cách vạch dấu  trên vải.  - Chú ý  vạch dấu trên mặt trái của một mảnh vải.  - HS kết hợp đọc nội dung  của mục 2 với quan sát hình 3a , 3b, 3c,3d (SGK) nêu  cách khâu mũi đột thưa.  -GV hướng dẫn thao tác bắt đầu khâu, khâu mũi  thứ nhất, khâu  mũi thứ hai bằng khâu kim len.  -Gọi 1 – 2  HS dựa vào  quan sát thao tác GV và hướng dẫn trong SGK  để thực hiện thao tác  khâu các mũi đột thưa tiếp theo.  -GV yêu cầu HS nêu  cách kết thúc  đường khâu đột thưa và gọi HS thực hiện  thao tác  khâu lại mũi, nút chỉ cuối đường khâu.  - GV hướng dẫn  cách kết thúc đường khâu đột thưa.  **Lưu ý :**  +Khâu đột thưa theo chiều  từ phải sang trái.  + Khâu đột thưa được thực hiện  bằng quy tắc  “lùi 1” “ tiến 3” có nghĩa là  mỗi mũi  khâu được bắt đầu bằng cách  lùi lại  đường dấu 1 mũi để xuống  kim, ngay sau đó lên kim  cách điểm  vừa xuống kim  một khoảng  cách gấp 3 lần chiều dài 1 mũi khâu và rút chỉ.  + Không rút chỉ  chặt quá, lỏng quá.  + Khâu  đến cuối đường  khâu thì  xuống kim để kết thúc đường khâu như cách kết thúc  đường khâu thường.  ⇨ **Kết luận** : Như mục 2 phần ghi nhớ  - GV kiểm tra  sự chuẩn bị vật liệu, dụng cụ  của HS  và tổ chức cho HS tập khâu  đột thưa trên giấy ô li với các điểm cách  đều 1 ô trên đường dấu.  - GV quan sát, giúp đỡ HS. |

**ĐIỀU CHỈNH-BỔ SUNG**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**Thứ năm ngày 25 tháng 10 năm 2021**

**TẬP ĐỌC**

**ĐÔI GIÀY BA TA MÀU XANH**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức**

- Hiểu một số từ ngữ trong bài: giày ba ta, vận động, cột, ....

- Hiểu nội dung: Chị phụ trách quan tâm tới ước mơ của cậu bé Lái, làm cho cậu xúc động và vui sướng đến lớp với đôi giày được thưởng (trả lời được các câu hỏi trong SGK)

**2. Kĩ năng**

- Bước đầu biết đọc diễn cảm một đoạn trong bài (giọng kể chậm rãi, nhẹ nhàng hợp nội dung hồi tưởng).

**3. Phẩm chất**

- Yêu mến cuộc sống, biết quan tâm đến mọi người xung quanh.

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Đồ dùng**

- GV:  + Tranh minh hoạ bài tập đọc trang 81 SGK (phóng to)

            + Bảng lớp ghi sẵn đoạn cần luyện đọc.

- HS: SGK

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

-  Phương pháp: Quan sát, hỏi - đáp, đóng vai.

- Kĩ thuật: Làm việc nhóm, chia sẻ

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của HS** | | **Hoạt động của GV** |
| **1. Khởi động:** *(3p)*  + Bài thơ ngộ nghĩnh, đáng yêu nói về ước mơ của các bạn nhỏ về 1 thế giới hoà bình, không có chiến tranh | | *+ Em thích ước mơ nào trong bài thơ Nếu chúng mình có phép lạ? Vì sao?*  *+ Nêu ý chính của bài thơ.* |
| **2. Luyện đọc:** *(8-10p)*  **\* Mục tiêu:** HS biết nhận diện đoạn văn, đọc đúng, đọc rành mạch, trôi chảy và giải nghĩa được một số từ ngữ.  \* **Cách tiến hành:** | | |
| - 1 HS đọc bài, cả lớp đọc thầm  - Lớp trưởng điều hành cách chia đoạn  - Bài chia làm 2 đoạn:  + Đoạn 1: Ngày còn bé… đến các bạn tôi.  + Đoạn 2: Sau này … đến nhảy tưng tưng.  - Nhóm trưởng điều hành nhóm đọc nối tiếp đoạn trong nhóm lần 1 và phát hiện các từ ngữ khó (hàng khuy, run run, ngọ nguậy, nhảy tưng tưng,...)  - Luyện đọc từ khó: Đọc mẫu (M4)-> Cá nhân (M1)-> Lớp  - Giải nghĩa từ khó: (đọc phần chú giải)  - HS đọc nối tiếp đoạn lần 2 theo điều khiển của nhóm trưởng  - Các nhóm báo cáo kết quả đọc  - 1 HS đọc cả bài (M4) | | -  Gọi 1 HS  đọc bài (M3)  - GV lưu ý giọng đọc cho HS: giọng kể chậm rãi, nhẹ nhàng  - GV chốt vị trí các đoạn:    - Lưu ý sửa lỗi đọc và ngắt nghỉ cho các HS (M1)    *+ Em hiểu lang thang có nghĩa như thế nào?(là không có nhà ở, người nuôi dưỡng, sống tạm bợ trên đường phố)* |
| **3.Tìm hiểu bài:** *(8-10p)*  **\* Mục tiêu:** HS hiểu được nội dung bài học, nêu được nội dung đoạn, bài.  **\* Cách tiến hành: *Làm việc cá nhân – Chia sẻ cặp đôi – Chia sẻ trước lớp*** | | |
| - HS trong nhóm lớn tự làm việc nhóm 4 trả lời các câu hỏi vào phiếu giao việc  *+  Nhân vật tôi trong đoạn văn là chị phụ trách Đội Thiếu niên Tiền Phong*  *+ Chị mơ ước có 1 đôi giày ba ta màu xanh nước biển như của anh họ chị.*  *+ Những câu văn: Cổ giày ôm sát chân, thân giày làm bằng vải cvận dáng thon thả, màu vải như màu da trời những ngày thu. Phần thân ôm sát cổ có hai hàng khuy dập, luồn một sợi dây trắng nhỏ vắt qua*  *+ Ước mơ của chị phụ trách Đội ngày ấy không  đạt được. Chị chỉ tưởng tượng mang đội giày thì bước đi sẽ nhẹ nhàng hơn và các bạn sẽ nhìn thèm muốn.*  **\* Vẻ đẹp của đôi giày ba ta màu xanh.**  *+ Chị được giao nhiệm vụ phải vận động Lái, một cậu bé lang thang đi học.*  *+ Vì chị đã đi theo Lái khắp các đường phố.*  *+ Chị quyết định thưởng cho Lái đôi giày ba ta màu xanh trong buổi đầu cậu đến lớp.*  *+Vì Lái cũng có ước mơ giống hệt chị ngày nhỏ: cũng ao ước có một đôi giày ba ta màu xanh…*  *+Tay Lái run run, môi cậu mấp máy, mắt hết nhìn đôi giày lại nhìn xuống đôi bàn chân mình đang ngọ nguậy dưới đất. Lúc ra khỏi lớp, Lái cột 2 chiếc giày vào nhau, đeo vào cổ, nhảy tưng tưng, ….*  **\* Niềm vui và sự xúc động của Lái khi được tặng giày.**  ***Ý nghĩa****:* ***Niềm vui và sự xúc động của Lái khi được chị phụ trách tặng đôi giày mới trong ngày đầu tiên đến lớp.***  - HS ghi lại nội dung | - Phát phiếu giao việc cho từng nhóm:  *+ Nhân vật* ***Tôi*** *trong đoạn văn là ai?*  *+ Ngày bé, chị từng mơ ước điều gì?*  *+ Những câu văn nào tả vẻ đẹp của đôi giày ba ta?*    *+ Ước mơ của chị phụ trách Đội ngày ấy có đạt được không?*  *+ Đoạn 1 cho em biết điều gì?*  *+ Khi làm công tác Đội, chị phụ trách đưôc phân công làm nhiệm vụ gì?*  *+ Vì sao chị biết ước mơ của một cậu bé lang thang?*  *+ Chị đã làm gì để động viên cậu bé Lái trong ngày đầu tới lớp?*  *+ Tại sao chị phụ trách Đội lại chọn cách làm đó?*  *+ Những chi tiết nào nói lên sự cảm động và niềm vui của Lái khi nhận đôi giày?*    *+ Đoạn 2 nói lên điều gì?*  *+ Câu chuyện có ý nghĩa gì?*  - GV ghi nội dung lên bảng | |
| **3. Luyện đọc diễn cảm:** *(8-10p)*  **\* Mục tiêu: HS** biết đọc diến cảm 1 đoạn với giọng phù hợp  **\* Cách tiến hành: Hoạt động cá nhân – nhóm - cả lớp** | | |
| - 1 HS nêu lại: giọng kể chậm rãi  - Nhóm trưởng điều khiển nhóm đọc diễn cảm đoạn 2  - Thi đọc diễn cảm trước lớp  - Lớp nhận xét, bình chọn  **4. Hoạt động vận dụng** *(1 phút)*  - HS nêu suy nghĩ của mình    **5. Hoạt động sáng tạo** *(1 phút)*  - Kể 1 câu chuyện mình biết trong cuộc sống nói về sự quan tâm, chăm sóc của người lớn dành cho trẻ em. | | . + Yêu cầu HS nêu giọng đọc toàn bài  - GV nhận xét chung  - Em có suy nghĩ gì về chị Tổng phụ trách trong câu chuyện?  - Liên hệ, giáo dục HS biết quan tâm, giúp đỡ mọi người xung quanh |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TOÁN**

***Tiết 39:* LUYỆN TẬP CHUNG**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức**

- Ôn tập kiến thức về các phép tính cộng, trừ và tính chất của phép cộng

- Luyện các bài toán Tìm 2 số khi biết tổng và hiệu của 2 số đó.

**2. Kĩ năng**

- Có kĩ năng thực hiện phép cộng, phép trừ; vận dụng một số tính chất của phép cộng khi tính giá trị biểu thức số.

-  Giải được bài toán liên quan đến tìm hai số khi biết tổng và hiệu của hai số đó.

**3. Phẩm chất**

- Học tập tích cực, tính toán chính xác

**4. Góp phần phát triền các NL:**

- NL tự học, NL sáng tạo, NL giải quyết vấn đề

\* Bài tập cần làm:  Bài 1(a), Bài 2(dòng 1), Bài 3, Bài 4.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Đồ dùng**

   - GV: + Bảng phụ

   - HS: Sgk, bảng con, vở

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP:  Quan sát, hỏi đáp, thảo luận nhóm.

- KT: động não, tia chớp, chia sẻ nhóm 2

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của HS** | **Hoạt động của GV** |
| **1. Khởi động *(5p)***  - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ | - GV giới thiệu, dẫn vào bài mới |
| **2. Hoạt động thực hành***:(30p)*  **\* Mục tiêu:** -  Có kĩ năng thực hiện phép cộng, phép trừ; vận dụng một số tính chất của phép cộng khi tính giá trị biểu thức số.                      -  Giải được bài toán liên quan đến tìm hai số khi biết tổng và hiệu của hai số đó.  **\* Cách tiến hành:**. | |
| ***Bài 1 (a)***Tính rồi thử lại;  **Cá nhân- Nhóm- Lớp**  - HS đọc yêu cầu bài  - 2 em lên bảng, lớp làm bảng nháp- Đổi chéo vở KT kết quả  Đ/a:     35269        Thử lại       62754     27485                           35269  **62754**                           **27485**     80326         Thử lại         34607     45719                              45719  **34607**                              **80326**  ***Bài 2 (dòng 1)*** Tính giá trị của biểu thức  - HS nêu  - 2 HS lên bảng làm bài, HS cả lớp làm bài vào vở.  Đ/a:  a) 570 - 225 - 167 + 67 =    345 - 167 + 67                                     = 178 + 67 = **245**   b) 468 : 6 + 61 x 2 = 78 + 122                                  = **200**  ***Bài 3:*** Tính bằng cách thuận tiện nhất:  - HS nêu  - 1 HS lên bảng làm bài:  98 + 3 + 97 + 2 = (98 + 2) + (97 + 3)                            =  100 + 100 = **200**  56 + 399 + 1 + 4 =(56 + 4 ) + (399 + 1)                              = 60  +  400  = **460**  364+136+219+181=(364+136)+(219+181)                             =500 +  400 = **900**  178+277+123+422=(178+422)+(277+123)                                 = 600 + 1 000   = **1 60**  ***Bài 4***    *+  Bài toán thuộc dạng toán tìm hai số khi biết tổng và hiệu của hai số đó.*  - 2 HS lên bảng làm bài, mỗi HS thực hiện theo một cách, HS cả lớp làm bài vào vở  **Bài giải:**              Số lít nước chứa trong thùng bé là:  (600 - 120): 2 = 240 (l)  Số lít nước trong thùng to là:  240 + 120 = 360 (l)                       Đáp số: Thùng bé: 240 (l)                                    Thùng to: 360 (l)  Hay c2:                  **Bài giải:**  Số lít nước chứa trong thùng to:  (600 + 120): 2 = 360 (l)  Số lít nước chứa trong thùng bé :  360 - 120 = 240 (l)  Đáp số: 360 (l)                240 (l)  **Bài 5 *(bài tập chờ dành cho HS hoàn thành sớm)***  **3. HĐ vận dụng *(1p)***  **4. HĐ sáng tạo *(1p)*** | - Gọi HS đọc yêu cầu bài tập.  *+ Muốn thử lại phép cộng (phép trừ) ta làm thế nào?*  *+ Nêu lại thứ tự thực hiện tính giá trị của biểu thức.*  - Gọi HS nhận xét, bổ sung, sửa bài  - GV chốt đáp án.    - Gọi HS đọc yêu cầu bài tập.  - GV củng cố HS cách tính giá trị của biểu thức.  - GV viết lên bảng biểu thức:        98 + 3 + 97 + 2  *+ Nêu cách tính thuận tiện?*  - GV yêu cầu HS làm tiếp các phần còn lại của bài, 3 HS lên bảng.  *+ Dựa vào tính chất nào mà chúng ta có thể thực hiện được việc tính giá trị của các biểu thức trên theo cách thuận tiện?*  *(T/c giao hoán và kết hợp của phép cộng)*  - GV yêu cầu HS phát biểu hai tính chất trên  - Gọi HS đọc và xác định yêu cầu bài tập.  *+ Bài toán thuộc dạng toán gì?*  - GV yêu cầu HS làm bài vào vở, 2 HS làm bảng lớn theo 2 cách.  - GV thu vở, nhận xét, đánh giá (7-10 bài)  - Củng cố các bước giải bài toán tìm hai số khi biết tổng và hiệu của 2 số đó.    - HS làm vào vở và nêu miệng kết quả  - Ghi nhớ các KT được luyện tập  4+8+12+16+20+24+28+32  2. Chị hơn em 6 tuổi. Cách đây 5 năm tuổi của hai chị em cộng lại là 12 tuổi. Tính tuổi của mỗi người hiện nay? |

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

:...................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TẬP LÀM VĂN**

**LUYỆN TẬP PHÁT TRIỂN CÂU CHUYỆN**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức**

- Kể lại được câu chuyện đã học có các sự việc được sắp xếp theo trình tự thời gian (BT3).

**2. Kĩ năng**

-Biết viết câu mở đoạn và câu kết đoạn cho phù hợp.

**3. Phẩm chất**

- Tự giác, làm việc nhóm tích cực.

**4. Góp phần phát triển NL:**

**-** NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL ngôn ngữ.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Đồ dùng**

   - HS: Vở BT, bút,...

**2.  Phương pháp, kĩ thuật**

- PP:  Quan sát, hỏi đáp.

- KT: đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY-  HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của HS** | **Hoạt động của GV** |
| **1. Khởi động:(***5p)*   - TBVN  điều hành  - HS hát khởi động | - GV dẫn vào bài mới |
| **2. . Hoạt động thực hành:** *(27p)*  **\* Mục tiêu:** - Viết được câu mở đầu cho từng đoạn văn ở truyện Vào nghề                      - Kể lại được câu chuyện đã học có các sự việc được sắp xếp theo trình tự thời gian .  **\* Cách tiến hành:** | |
| **Bài 3**: Kể lại một truyện em đã học....  - 1 hs đọc thành tiếng.  Em kể câu chuyện:    + Dế Mèn bênh vực kẻ yếu.    + Lời ước dưới trăng.    + Ba lưỡi dìu.    + Sự tích hồ Ba Bể.    + Người ăn xin,...  - 4 HS ngồi 2 bàn trên dưới thành 1 nhóm. Khi 1 HS kể thì các em khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung cho bạn.  - 7-10 HS tham gia kể chuyện  -  **3. Hoạt động vận dụng *(1p)***  **4. Hoạt động sáng tạo *(1p)*** | - Yêu cầu HS đọc đề bài  - Yêu cầu HS kể tên các câu chuyện định kể  - Yêu cầu HS kể chuyện trong nhóm.  - Gọi HS tham gia thi kể chuyện. HS chưa kể theo dõi, nhận xét xem câu chuyện bạn kể đã đúng trình tự thời gian chưa?  - Nhận xét, khen/ động viên.  - Kể lại các câu chuyện cho người thân nghe.  - Sưu tầm và kể các câu chuyện ngoài chương trình SGK theo trình tự thời gian. |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**KHOA HỌC**

**ĂN UỐNG KHI BỊ BỆNH**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức**

- Nhận biết người bệnh cần được ăn uống đủ chất, chỉ một số bệnh phải ăn kiêng theo chỉ dẫn của bác sĩ.

**2. Kĩ năng**

- Biết ăn uống hợp lí khi bị bệnh.

- Biết cách phòng chống mất nước khi bị tiêu chảy: pha được dung dịch o-rê-dôn hoặc chuẩn bị nước cháo muối khi bản thân hoặc người thân bị tiêu chảy.

**3. Phẩm chất**

- Có ý thức ăn uống hợp lí để nhanh khỏi bệnh; quan tâm, chăm sóc người bệnh

**4. Góp phần phát triển các năng lực:**

- NL giải quyết vấn đề và sáng tạo,  NL hợp tác.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC :**

**1. Đồ dùng**

- GV: + Các hình minh hoạ trang 34, 35 / SGK (phóng to nếu có điều kiện).

           + Bảng lớp ghi sẵn các câu thảo luận.

           + Phiếu ghi sẵn các tình huống.

- HS: chuẩn bị theo nhóm: Một gói dung dịch ô- rê- dôn, một nắm gạo, một ít muối, cốc, bát và nước.

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Quan sát, hỏi đáp, thảo luận nhóm, trò chơi.

- KT: động não, tia chớp, đặt câu hỏi, chia sẻ nhóm 2

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Khởi động** (5p)  - HS trả lời và nhận xét  +Khi khoẻ mạnh ta cảm thấy thoải mái, dễ chịu; khi bị bệnh có thể có những dấu hiệu…  + Khi trong người cảm thấy khó chịu và không bình thường phải báo ngay cho cha mẹ… | *+ Những dấu hiệu nào cho biết khi cơ thể khoẻ mạnh hoặc lúc bị bệnh ?*  *+ Khi bị bệnh cần phải làm gì ?*  - GV nhận xét, khen/ động viên. |
| **2.Bài mới: *(****30p)*  **\* Mục tiêu:** - Nhận biết người bệnh cần được ăn uống đủ chất, chỉ một số bệnh phải ăn kiêng theo chỉ dẫn của bác sĩ.                       - Biết cách phòng chống mất nước khi bị tiêu chảy: pha được dung dịch o-rê-dôn hoặc chuẩn bị nước cháo muối khi bản thân hoặc người thân bị tiêu chảy.  **\* Cách tiến hành: Cá nhân-Nhóm- Lớp** | |
| **HĐ1: Chế độ ăn uống khi bị bệnh.**  **Nhóm 4  - Lớp**  - HS thảo luận và trả lời câu hỏi.  - TBHT điều hành hoạt động báo cáo.  *+ Thức ăn có chứa nhiều chất như: Thịt, cá, trvận, sữa, uống nhiều chất lỏng có chứa các loại rau xanh, hoa quả, đậu nành.*  *+Thức ăn loãng như cháo thịt băm nhỏ, cháo cá, cháo trvận, nước cam vắt, nước chanh, sinh tố. Vì những loại thức ăn này dễ nuốt trôi, không làm cho người bệnh sợ ăn.*  *+ Ta nên dỗ dành, động viên họ và cho ăn nhiều bữa trong một ngày.*  *+ Tuyệt đối phải cho ăn theo hướng dẫn của bác sĩ.*  *+Để chống mất nước cho bệnh nhân tiêu chảy, đặc biệt là trẻ em vẫn phải cho ăn bình thường, đủ chất, ngoài ra cho uống dung dịch ô- rê- dôn, uống nước cháo muối.*  - 2 HS đọc.  - HS lắng nghe.  **HĐ2: Thực hành pha dung dịch Ô- rê- dôn và chuẩn bị vật liệu nấu cháo muối**  **Nhóm – Lớp**  - 2 HS thực hành theo hướng dẫn của GV  *+ Phải cho chấu uống dung dịch ô- rê- dôn hoặc nước cháo muối.*  - HS nhắc lại lời khuyên của bác sĩ.    - 3 đến 6 nhóm lên trình bày.    -  Một vài nhóm lên trình bày sản phẩm thực hành và cách làm. Các nhóm khác theo dõi, bổ sung.    - HS lắng nghe, ghi nhớ  **Hoạt động 3: Trò chơi: Em tập làm bác sĩ.**  **Nhóm – Lớp**  - Nhận tình huống và suy nghĩ cách diễn.  - HS trong nhóm tham gia giải quyết tình huống. Sau đó cử đại diện để trình bày trước lớp.  **3. Hoạt động vận dụng** (1p)  **4. Hoạt động sáng tạo *(****1p)* | - Yêu cầu HS quan sát hình minh họa trang 34, 35 /SGK thảo luận và trả lời các câu hỏi:  *+ Khi bị các bệnh thông thường ta cần cho người bệnh ăn các loại thức ăn nào?*  *+ Đối với người bị ốm nặng nên cho ăn món đặc hay loãng? Tại sao?*    *+ Đối với người ốm không muốn ăn hoặc ăn quá ít nên cho ăn thế nào?*  *+ Đối người bệnh cần ăn kiêng thì nên cho ăn như thế nào?*  *+ Làm thế nào để chống mất nước cho bệnh nhân bị tiêu chảy, đặc biệt là trẻ em?*  - GV nhận xét, tổng hợp ý kiến của các nhóm HS.  - Gọi 2 HS đọc mục Bạn cần biết.  **Bước 1:**   - Yêu cầu HS xem kĩ hình minh hoạ trang 35 / SGK  - GV gọi 2 HS: một HS đọc câu hỏi của bà mẹ đưa con đến khám và một HS đọc câu trả lời của bác sĩ.  *+ Bác sĩ đã khuyên người bị bệnh cần ăn uống như thế nào ?*  **Bước 2**: Tổ chức và hướng dẫn.  - GV yêu cầu các nhóm báo cáo về đồ dùng đã chuẩn bị.  - Yêu cầu HS thực hành:  + Đối với nhóm pha dung dịch ô- rê- dôn, cần đọc kĩ hướng dẫn cách pha trên gói và làm theo hướng dẫn.  + Đối với nhóm chuẩn bị vật liệu nấu cháo muối thì quan sát chỉ dẫn ở hình 7 và làm theo hướng dẫn (không yêu cầu nấu cháo)  - GV giúp đỡ các nhóm gặp khó khăn.  - GV nhận xét, khen các nhóm làm đúng các bước và trình bày lưu loát.  ***\* GV: Người bị tiêu chảy mất rất nhiều nước. Do vậy ngoài việc người bệnh vẫn ăn bình thường, đủ chất dinh dưỡng chúng ta cần cho họ uống thêm nước cháo muối và dung dịch ô- rê- dôn để chống mất nước***.  . - GV tiến hành cho HS thi đóng vai.    - Phát phiếu ghi tình huống cho mỗi nhóm.    - Yêu cầu các nhóm cùng thảo luận tìm cách giải quyết, tập vai diễn và diễn trong nhóm. HS nào cũng được thử vai.    - GV gọi các nhóm lên thi diễn.    - GV nhận xét khen cho nhóm diễn tốt nhất.  - Thực hành nấu cháo tại nhà  - Nêu cách chế biến một món ăn ngon cho người bị bệnh |

**ĐIỀU CHỈNH-BỔ SUNG**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**Thứ  sáu ngày 26 tháng 10 năm 2021**

**LUYỆN TỪ VÀ CÂU**

**DẤU NGOẶC KÉP**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức**

- Nắm được tác dụng của dấu ngoặc kép, cách dùng dấu ngoặc kép (ND Ghi nhớ).

**2. Kĩ năng**

- Biết vận dụng những hiểu biết đã học để dùng dấu ngoặc kép trong khi viết (mục III).

**3. Phẩm chất**

- Tích cực, tự giác học bài..

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL tự học, NL ngôn ngữ, NL sáng tạo

*\* GD tư tưởng Hồ Chí Minh: Bác Hồ là tấm gương cao đẹp trọn đời phấn đấu, hi sinh vì tương lai của đất nước, vì hạnh phúc của nhân dân*

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Đồ dùng**

- GV: + Tranh minh hoạ trong SGK trang 84 hoặc tập truyện Trạng Quỳnh.

          + Bảng phụ viết sẵn nội dung bài tập 3.

          + Bảng lớp viết sẵn nội dung bài tập 1 phần Nhận xét.

- HS: Vở BT, bút, ..

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm.

- KT: động não, đặt câu hỏi, chia sẻ, ...

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của HS** | **Hoạt động của GV** |
| **1. Khởi động *(5p)***  *+ Viết hoa tất cả các chữ cái đầu của mỗi bộ phận, dùng gạch nối giữa các tiếng của mỗi bộ phận*  *+ Viết như tên người, tên địa lí VN với*  *các tên nước ngoài phiên âm Hán Việt*  + 3 HS lên bảng lấy VD | *+ Nêu quy tắc viết tên người, tên địa lí nước ngoài*    *+ Lấy VD minh hoạ*  - Dẫn vào bài mới |
| **2. Hình thành KT (15p)**  **\* Mục tiêu:** Nắm được tác dụng của dấu ngoặc kép, cách dùng dấu ngoặc kép  **\* Cách tiến hành:** | |
| ***a. Nhận xét:***  **Bài 1***: Những từ ngữ và câu đặt trong …*  **Cá nhân – Nhóm 2- Lớp**  - 1 HS đọc –HS lên bảng gạch chân các câu, từ ngữ đặt trong dấu ngoặc kép  - Thảo luận nhóm 2 trả lời câu hỏi:  *+ Từ ngữ: “Người lính tuân lệnh quốc dân ra mặt trận”, “đầy tớ trung thành của nhân dân”.*  *+ Câu: “Tôi chỉ có một sự ham muốn, ham muốn tột bậc là làm sao cho nước ta, hoàn toàn độc lập, dân ta hoàn toàn được tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành.”*  *+ Những từ ngữ và câu đó là lời của Bác Hồ.*  *+ Dấu ngoặc kép dùng để dẫn lời nói trực tiếp của Bác Hồ.*  - Lắng nghe.    - HS lắng nghe    **Bài 2:**  **Nhóm 2 – Lớp**  - HS đọc thành tiếng.  - 2 HS ngồi cùng bàn thảo luận và trả lời câu hỏi.  *+ Dấu ngoặc kép được dùng độc lập khi lời dẫn trực tiếp chỉ là một cụm từ như: “Người lính tuân lệnh quốc dân ra mặt trận”.*  *+ Dấu ngoặc kép được dùng phối hợp với dấu hai chấm khi lời dẫn trực tiếp là một câu trọn vẹn như lời nói của Bác Hồ: “Tôi chỉ có một sự ham muốn   được học hành* ”  - Lắng nghe.  **Bài 3:**  **Cá nhân – Lớp**  *+ Tắc kè là loài bò sát giống thằn lằn, sống trên cây to. Nó thường kêu tắc kè. Người ta hay dùng nó để làm thuốc.*  *+“lầu” chỉ ngôi nhà tầng cao, to, sang trọng, đẹp đẽ.*  *+Tắc kè xây tổ trên cây, tổ tắc kè bé, nhưng không phải “lầu” theo nghĩa trên.*  *+Từ “lầu” nói các tổ của tắc kè rất đẹp và quý.*  *+Đánh dấu từ “lầu” dùng không đúng nghĩa với tổ của con tắc kè.*  - Lắng nghe.    ***b. Ghi nhớ:***  - 3 HS đọc thành tiếng. Cả lớp đọc thầm theo để thuộc ngay tại lớp.  - Lấy VD minh hoạ (HSNK) | - Gọi 1 HS đọc yêu cầu và đoạn văn. Lớp theo dõi.  *+ Những từ ngữ và câu nào được đặt trong dấu ngoặc kép?*    *+ Những từ ngữ và câu văn đó là của ai?*  *+ Những dấu ngoặc kép dùng trong đoạn văn trên có tác dụng gì?*  - Dấu ngoặc kép dùng để đánh dấu chỗ trích dẫn lời nói trực tiếp của nhân vật. Lời nói đó có thể là một từ hay một cụm từ như: “*người lính vâng lệnh quốc dân ra mặt trận”* hay trọn vẹn một câu *“Tôi chỉ có một…hoc hành”* hoặc cũng có thể là một đoạn văn.  *- Liên hệ giáo dục: Bác Hồ chính là tấm gương sáng về người công dân mẫu mực, hết lòng vì nước,, vì dân. Chúng ta cần noi theo tấm gương của Bác*  - Gọi 1 HS đọc yêu cầu  - Yêu cầu HS thảo luận và trả lời câu hỏi:  *+ Khi nào dấu ngoặc kép được dùng độc lập.*  *+ Khi nào dấu ngoặc kép được dùng* *phối hợp với dấu 2 chấm?*    \****GV: Dấu ngoặc kép được dùng độc lập khi lời dẫn trực tiếp chỉ là một từ hay cụm từ. Nó được dùng phối hợp với dấu hai chấm khi lời dẫn trực tiếp là một câu trọn vẹn hay một đoạn văn.***  - Gọi 1 HS đọc yêu cầu  *+ Em biết gì về con tắc kè?*  *+ Từ “lầu”chỉ cái gì?*  *+ Tắc kè hoa có xây được “lầu” theo nghĩa trên không?*  *+ Từ “lầu” trong khổ thơ được dùng với nghĩa gì?*  *+ Dấu ngoặc kép trong trường hợp này được dùng làm gì?*  ***\* GV: Tác giả gọi cái tổ của tắc kè bằng từ “lầu” để đề cao giá trị của cái tổ đó. Dấu ngoặc kép trong trường hợp này dùng để đánh dấu từ ‘lầu” là từ được dùng với ý nghĩa đặc biệt.*** |
| **3. Hoạt động thực hành (***18p)*  **\* Mục tiêu:** Biết vận dụng những hiểu biết đã học để dùng dấu ngoặc kép trong khi viết  **\* Cách tiến hành:** | |
| **Bài 1:**  **Nhóm 2- Lớp**  - Thực hiện theo yêu cầu của GV.  - HS thảo luận cặp đôi, gạch chân dưới lời nói trực tiếp.   - Gọi 1, 2  nhóm báo cáo, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  Đ/a:  - “Em đã làm gì để giúp đỡ mẹ?”  - “Em đã nhiều lần giúp đỡ mẹ. Em quét nhà và rửa bát đĩa. Đôi khi, em giặt khăn mùi soa.”  *+ Dùng đánh dấu lời nói trực tiếp (đi kèm dấu hai chấm)*  **Bài 2*:*** Có thể đặt những lời nói trực tiếp trong đoạn …  **Cá nhân – Lớp**  - Thực hiện theo yêu cầu của GV.  - HS nối tiếp nêu ý kiến cá nhân  *Đ/a:*  *-Những lời nói trực tiếp trong đoạn văn không thể viết xuống dòng đặt sau dấu gạch đầu dòng. Vì đây không phải là lời nói trực tiếp giữa hai nhân vật đang nói chuyện.*  - Lắng nghe.    **Bài 3:**Em đặt dấu ngoặc…  **Cá nhân –Nhóm 2 – Lớp**  - HS đọc yêu cầu và nội dung.  - Gọi 1 HS lên bảng làm, HS dưới lớp trao đổi, đánh dấu bằng chì vào SGK.  Đ/a:  Con nào con nấy hết sức tiết kiệm “vôi vữa”.  *+Vì từ “vôi vữa” ở đây không phải có nghĩa như vôi vữa con người dùng. Nó có ý nghĩa đặc biệt.*  - Lời giải: “trường thọ”, “đoản thọ”.  **4. Hoạt động vận dụng *(1p)***  **5. Hoạt động sáng tạo *(1p)*** | -  Tìm lời nói trực tiếp trong đoạn văn sau.  - Gọi  HS đọc yêu cầu và nội dung.    - Chốt đáp án.  *+ Dấu ngoặc kép dùng để làm gì?*    - Gọi  HS đọc yêu cầu và nội dung.    \****GV: Đề bài của cô giáo và câu văn của HS không phải là dạng hội thoại trực tiếp nên không thể viết xuống dòng, đặt sau dấu gạch đầu dòng được. Đây là điểm mà chúng ta thường hay nhầm lẫn trong khi viết.***  a)- Gọi HS nhận xét bài của bạn trên bảng, chữa bài  - Kết luận lời giải đúng.    *+ Tại sao từ “vôi vữa” được đặt trong dấu ngoặc kép?*  b). Tiến hành tương tự như phần  a    - Ghi nhớ cách sử dụng dấu ngoặc kép  - Lấy VD một số trường hợp dấu ngoặc kép dùng đánh dấu một số từ ngữ có ý nghĩa đặc biệt. |

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TOÁN**

***Tiết 40:* GÓC NHỌN, GÓC TÙ, GÓC BẸT**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- Nhận biết được góc vuông, góc nhọn, góc tù, góc bẹt (bằng trực giác hoặc sử dụng ê ke).

**2. Kĩ năng**

- Hs xác định, vẽ được góc vuông, góc nhọn, góc tù..

**3. Phẩm chất**

- Tính chính xác, cẩn thận, làm việc nhóm tích cực

**4. Góp phần phát triển các NL**

- NL tự học, làm việc nhóm, NL tính toán

\* Bài tập cần làm: Bài 1, bài 2 (chọn 1 trong 3 ý)

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Đồ dùng**

- GV:  Thước thẳng, ê ke (dùng cho GV và cho HS)

 - HS: Vở BT, bút, ê-ke

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Quan sát, hỏi đáp, thảo luận nhóm.

- KT: động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của HS** | **Hoạt động của GV** |
| **1.Khởi động***:(5p)*  - HS cùng hát và vận động dưới sự điều hành của TBVN | - GV dẫn vào bài mới |
| **2. Hình thành kiến thức mới***:(15p)*  **\* Mục tiêu:** Nhận biết được góc vuông, góc nhọn, góc tù, góc bẹt (bằng trực giác hoặc sử dụng ê ke).  \* **Cách tiến hành**: Cá nhân-Nhóm – Lớp | |
| ***a. Giới thiệu góc nhọn,***  *- HS quan sát hình.*  *+ Góc đỉnh O, hai cạnh OA và OB.*  *- HS: Góc nhọn*    *- 1 HS lên bảng kiểm tra, cả lớp theo dõi, sau đó kiểm tra góc trong SGK: Góc nhọn đỉnh O, hai cạnh OA và OB.*  *A*    *O*  *B*  *- 1 HS vẽ trên bảng, HS cả lớp vẽ vào giấy nháp.*  ***b. Giới thiệu góc tù***  *- HS quan sát hình.*  *+ HS: Góc đỉnh O và hai cạnh OM và ON.*  *- HS: Góc tù*  *- 1HS lên bảng kiểm tra. KL: Góc tù lớn hơn góc vuông.*  *M                                N*    *O*  - 1 HS vẽ trên bảng, HS cả lớp vẽ vào giấy nháp.  ***c. Giới thiệu góc bẹt***  - HS quan sát, theo dõi thao tác của GV.  - HS: Góc bẹt    *+ Cùng nằm trên 1 đường thẳng*  - HS kiểm tra. KL: Góc bẹt bằng 2 góc vuông  - Thực hành cá nhân- Chia sẻ nhóm 2 | - GV vẽ lên bảng góc nhọn AOB như phần bài học SGK.  *+ Hãy đọc tên góc, tên đỉnh và các cạnh của góc này.*    - GV giới thiệu: Góc này là góc nhọn.                                             A                     O                                                 B  *+ Hãy dùng ê ke để kiểm tra độ lớn của góc nhọn và cho biết góc này lớn hơn hay bé hơn góc vuông.*  ***\*GV:  Góc nhọn bé hơn góc vuông.***  - GV có thể yêu cầu HS vẽ 1 góc nhọn (Lưu ý HS sử dụng ê ke để vẽ góc nhỏ hơn góc vuông).  - GV vẽ lên bảng góc tù đỉnh O, hai cạnh OM và ON như SGK.  *+ Hãy đọc tên góc, tên đỉnh và các cạnh của góc.*  - Góc MON này là góc tù.  - GV: Hãy dùng ê ke để kiểm tra độ lớn của góc tù này và cho biết góc này lớn hơn hay bé hơn góc vuông.  ***\* GV Góc tù lớn hơn góc vuông***.    - GV có thể yêu cầu HS vẽ 1 góc tù (Lưu ý HS sử dụng ê ke để vẽ góc lớn hơn góc vuông)  - HS quan sát hình.  *+ Góc đỉnh O, cạnh OC và OD.*  - GV vẽ lên bảng góc bẹt đỉnh O và hai cạnh OC và OD  *+ Hãy đọc tên góc, tên đỉnh và các cạnh của góc.*  - GV vừa vẽ hình vừa nêu: Tăng dần độ lớn của góc COD, đến khi hai cạnh OC và OD của góc COD “thẳng hàng” (cùng nằm trên một đường thẳng) với nhau. Lúc đó góc COD được gọi là góc bẹt.    *+ Các điểm C, O, D của góc bẹt đỉnh O, cạnh OC và OD như thế nào với nhau?*  - GV yêu cầu HS sử dụng ê ke để kiểm tra độ lớn của góc bẹt so với góc vuông.  - GV yêu cầu HS vẽ và gọi tên 1 góc bẹt.  ***\*GV: Góc  bẹt bằng 2 góc vuông*** |
| **3. Hoạt động thực hành***:(15p)*  **\* Mục tiêu:** - Xác định được góc nhọn, góc tù, góc vuông bằng trực giác hoặc ê-ke.  **\* Cách tiến hành:** | |
| ***Bài 1:*** Tìm các góc sau đây. Góc nào là góc vuông, góc từ, góc nhọn, góc bẹt.  **- Cá nhân- Nhóm 2- Chia sẻ lớp**  - Hs đọc yêu cầu bài  ***-*** HS thảo luận nhóm.  Đ/a:  + Các góc nhọn là: góc đỉnh A, cạnh AM, AN; góc đỉnh D, cạnh DU, DV.  + Các góc vuông là: góc đỉnh C, cạnh CI, CK.  + Các góc tù là: góc đỉnh B, cạnh BP, BQ; góc đỉnh O, cạnh OG, OH.  + Các góc bẹt là: góc đỉnh E, cạnh EX, EY  *+ Góc nhọn bé hơn góc vuông, góc tù lớn hơn góc vuông, góc bẹt bằng 2 góc vuông*    ***Bài 2***  - HS làm việc nhóm 4 với ý thứ nhất. Các HSNK làm hết cả bài  Đ/a:  Hình tam giác ABC có ba góc nhọn.  Hình tam giác DEG có một góc vuông.  Hình tam giác MNP có một góc tù  **4. HĐ vận dụng (*1p)***  **5. HĐ sáng tạo *(1p)*** | - Gọi HS nhận xét, bổ sung, chữa bài (nếu cần)  - GV nhận xét, chốt đáp án.  *+  So sánh góc nhọn, góc bẹt, góc tù với góc vuông?*  - Yêu cầu HS dùng ê ke kiểm tra góc và báo cáo kết quả trong nhóm 4 sau đó thảo luận, thống nhất kết quả và trình bày trước lớp, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  - GV nhận xét, có thể yêu cầu HS nêu tên từng góc trong mỗi hình tam giác và nói rõ đó là là góc nhọn, góc tù và góc bẹt?  - Ghi nhớ KT về góc nhọn, góc bẹt, góc tù  - Kiểm tra một góc là góc nhọn, góc tù và góc bẹt như thế nào? |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

**TẬP LÀM VĂN**

**LUYỆN TẬP PHÁT TRIỂN CÂU CHUYỆN**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Nắm được trình tự thời gian để kể lại đúng nội dung trích đoạn kịch Ở Vương quốc Tương Lai (bài TĐ tuần 7)-BT1.

**2. Kĩ năng**

- Bước đầu nắm được cách phát triển câu chuyện theo trình tự không gian qua thực hành luyện tập với sự gợi ý cụ thể của GV (BT2, BT3).

**3. Phẩm chất**

- Yêu thích văn học, ham học hỏi và tham khảo sách văn học.

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL tự học, Sử dụng ngôn ngữ, NL sáng tạo

*\* GDKNS : Tư duy sáng tạo phân tích , phán đoán ; Thể hiện sự tự tin ; Xác định giá trị.*

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Đồ dùng**

   - GV: Tranh minh họa truyện Ở vương quốc Tương Lai trang 70, 71 SGK.

   - HS: Vở BT, sgk.

**2. Phương pháp, kĩ thuât**

- PP: Hỏi đáp, thảo luận nhóm, quan sát.

- KT: đặt câu hỏi, động não, chia sẻ nhóm 2

**II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của HS** | **Hoạt động của GV** |
| **1. Khởi động *(5p)***  - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ | - GV dẫn vào bài mới |
| **2. Hoạt động thực hành***:(30p)*  **\* Mục tiêu:** Nắm được trình tự thời gian để kể lại đúng nội dung trích đoạn kịch Ở Vương quốc Tương Lai (bài TĐ tuần 7)-BT1  **\* Cách tiến hành:** | |
| ***Bài 1:*** Dựa theo nội dung trích đoạn kịch *Ở Vương quốc Tương Lai, hãy kể lại câu chuyện ấy theo trình tự thời gian*  **Cá nhân - Nhóm 2 – Lớp**  - 2  HS đọc thành tiếng  *+ Câu chuyện trong công xưởng xanh là lời thoại trực tiếp của các nhân vật với nhau*.  *Một hôm, Tin- tin và Mi- tin đến thăm công xưởng xanh. Hai bạn thấy một em bé mang một cỗ máy có đôi cánh xanh. Tin- tin ngạc nhiên hỏi:*  *- Cậu làm gì với đôi cánh xanh ấy?*  *Em bé trả lời:*  *- Mình sẽ dùng nó trong việc sáng chế trên trái đất.*  - Từng cặp HS đọc trích đoạn *Ở vương quốc Tương Lai, q*uan sát tranh minh hoạ, tập kể lại câu chuyện theo trình tự thời gian.  - 2 đến 3 HS thi kể.  - Lắng nghe  **Bài 2**: Giả sử các nhân vật Tin- tin và Mi- tin trong câu chuyện  *Ở vương quốc Tương Lai* không cùng nhau lần lượt đi thăm …  - **Nhóm 4- Lớp**    - HS theo dõi, lắng nghe.  *+ Hai bạn đi thăm công xưởng xanh trước, khu vườn kì diệu sau*  - HS kể chuyện trong nhóm  - Nhận xét về câu chuyện và lời bạn kể.  **Bài 3:** Cách kể chuyện trong bài tập 2 có gì khác cách kể chuyện trong bài tập 1.  **Nhóm 4 – Lớp**  - HS đọc yêu cầu bài tập.  -  HS thảo luận nhóm 4, so sánh    + Có thể kể đoạn *Trong công xưởng xanh* trước đoạn *Trong khu vườn kì diệu* sau và ngược lại.  + Từ ngữ nối được thay đổi bằng các từ ngữ chỉ địa điểm.  **3. Hoạt động vận dụng *(1p)***  **4. Hoạt động sáng tạo *(1p)*** | - Gọi HS đọc yêu cầu trong SGK.  *+Câu chuyện trong công xưởng xanh là lời thoại trực tiếp hay lời kể?*  - Yêu cầu 1 HS năng khiếu kể lại lời thoại giữa Tin- tin và em bé thứ nhất.    - GV nhận xét, tuyên dương.  - Yêu cầu HS kể chuyện trong nhóm theo trình tự thời gian.  - Tổ chức cho HS thi kể từng màn.  - Gọi HS nhận xét bạn theo tiêu chí đã nêu.  - Nhận xét, khen/ động viên.  ***\*GV: Cách kể như trên là kể theo trình tự thời gian. Sự việc nào xảy ra trước thì kể trước***  Gọi HS đọc yêu cầu trong SGK.  *+ Hai bạn đi thăm nơi nào trước, nơi nào sau?*  - GV: Vừa rồi các em đã kể lại câu chuyện theo trình tự thời gian nghĩa là sự việc nào xảy ra trước thì kể trước, sự việc nào xảy ra sau thì kể sau. Bây giờ các em tưởng tượng hai bạn Tin- tin và Mi- tin không đi thăm cùng nhau. Mi- tin thăm công xưởng xanh và Tin- tin thăm khu vườn kì diệu hoặc ngược lại Tin- tin đi thăm công xưởng xanh còn Mi- tin đi thăm khu vườn kì diệu.  GV đi giúp đỡ những hs chưa biết kể  - Nhận xét, khen/ động viên.  ***GV: Cách kể chuyện như trên là kể theo trình tự không gian (“không gian” nghĩa là nơi diễn ra các sự việc của truyện.)***  - Từng cặp HS suy nghĩ, tập kể lại câu chuyện theo trình tự không gian.    - GV dán tờ phiếu ghi bảng so sánh hai cách mở đầu đoạn 1, 2 (theo trình tự thời gian và không gian)  ***Kể theo trình tự thời gian***  - Mở đầu đoạn 1: Trước hết hai bạn rủ nhau đến thăm công xưởng xanh.  - Mở đầu đoạn 2: Rời công xưởng xanh, Tin- tin và Mi- tin đến khu vườn kì diệu.  ***Kể theo trình tự không gian***  - Mở đầu đoạn 1: Mi- tin đến khu vườn kì diệu.  - Mở đầu đoạn 2: Trong khi Mi- tin đang ở khu vườn kì diệu thì Tin- tin đến công xưởng xanh.  + Về trình tự sắp xếp các sự việc?  + Về ngôn ngữ nối hai đoạn?  - Nhận xét, chốt.  - Kể lại câu chuyện Ở Vương quốc Tương Lai theo trình tự thời gian hoặc không gian  - Kể 1 câu chuyện em đã nghe, đã đọc theo trình tự thời gian thành trình tự không gian |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**ĐỊA LÍ**

**HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT CỦA NGƯỜI DÂN Ở TÂY NGUYÊN**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Nêu được một số hoạt động sản xuất chủ yếu của người dân ở Tây Nguyên:

+ Trồng cây công nghiệp lâu năm (cao su, cà phê, hồ tiêu, chè,…) trên đất ba dan.

+ Chăn nuôi trâu, bò trên đồng cỏ.

**2. Kĩ năng**

- Dựa vào các bảng số liệu biết loại cây công nghiệp và vật nuôi được nuôi, trồng nhiều nhất ở Tây Nguyên.

- Quan sát hình, nhận xét về vùng trồng cà phê ở Buôn Ma Thuột.

\* HS năng khiếu: + Biết được những thuận lợi, khó khăn của điều kiện đất đai, khí hậu đối với việc trồng cây công nghiệp và chăn nuôi trâu, bò ở Tây Nguyên

                               + Xác lập được mối quan hệ địa lí giữa thiên nhiên với hoạt động sản xuất của con người: đất ba dan-trồng cây công nghiệp; đồng cỏ xanh tốt-chăn nuôi trâu, bò,...

**3. Phẩm chất**

- Có ý thức giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc.

**4. Góp phần phát triển các năng lực:**

- NL tự chủ, NL giải quyết vấn đề, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ

*\* GD BVMT:*

*-Sự thích nghi và cải tạo môi trường của con người ở miền núi và trung du*

*+Làm nhà sàn để tránh ẩm thấp và thú dữ*

*+Trồng trọt trên đất dốc*

*+Khai thác khoáng sản, rừng, sức nước*

*+Trồng cây công nghiệp trên đất ba dan*

*-Một số dặc điểm chính của môi trường và TNTN và việc khai thác TNTN ở miền núi vàt trung du (rừng, khoáng sản, đất đỏ ba dan, sức nước..)*

*\* GD SDNLTK & HQ:*

*-  Tây Nguyên có nguồn tài nguyên rừng hết sức phong phú, cuộc sống của người dân nơi đây dựa nhiều vào rừng: củi đun, thực phẩm...Bởi vậy, cần giáo dục học sinh tầm quan trọng của việc bảo vệ và khai thác hợp lí rừng, đồng thời tích cực tham gia trồng rừng.*

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Đồ dùng**

- GV: + Bản đồ địa lí tự nhiên Việt Nam.

           + Tranh, ảnh về vùng trồng cây cà phê, một số sản phẩm cà phê Buôn Ma Thuột (nếu có).

   -HS: Tranh ảnh - HS: Vở, sách GK,...

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm.

- KT: đặt câu hỏi, trình bày một phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm 2

I**II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của HS** | **Hoạt động của GV** |
| **1.Khởi động:***(5p)*  *+ Dân tộc Ba na, Ê- đê, Xơ đăng, Gia rai,....*  *+ Nam quấn khố, nữ mặc váy hoa văn. Lễ hội đặc sắc nhất là lễ hội cồng chiêng,...* | *+ Kể tên các dân tộc đã sống từ lâu đời ở Tây Nguyên?*  *+ Trang phục, lễ hội ở Tây Nguyên có gì độc đáo?*  - Nhận xét, khen/ động viên.  - GV chốt ý và giới thiệu bài |
| **2. Bài mới:***(30p)*  **\* Mục tiêu:** - Nêu được một số hoạt động sản xuất chủ yếu của người dân ở TN                       - Quan sát hình, nhận xét về vùng trồng cà phê ở Buôn Ma Thuột.                       - Dựa vào các bảng số liệu biết loại cây công nghiệp và vật nuôi được nuôi, trồng nhiều nhất ở Tây Nguyên.  **\* Cách tiến hành: Cá nhân- Nhóm-Lớp** | |
| **HĐ 1: Trồng cây công nghiệp trên đất ba dan:**  **Nhóm-Lớp**  - HS thảo luận nhóm, sau đó đại diện các nhóm báo cáo kết quả, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  *+ Cao su, cà phê, hồ tiêu, chè …Chúng thuộc loại cây công nghiệp.*    *+Cây cà phê được trồng nhiều nhất.*  *+ Vì phần lớn các cao nguyên ở Tây Nguyên được phủ đất đỏ ba dan.*    - HS lắng nghe    - HS quan sát tranh, ảnh và hình 2 trong SGK  - Buôn Ma Thuột là vùng chuyên trồng cà phê (nơi đây cây trồng chủ yếu là cây cà phê)  - HS lên bảng chỉ vị trí trên bản đồ.    *+ Cà phê Buôn Ma Thuột thơm ngon nổi tiếng không chỉ ở trong nước mà còn ở cả nước ngoài.*  - HS quan sát.    *+ Tình trạng thiếu nước vào mùa khô.*  *+ Phải dùng máy bơm hút nước ngầm lên để tưới cây.*  **Hoạt động 2: Chăn nuôi gia súc lớn trên các đồng cỏ:**  **Cá nhân – Lớp**  *+ Trâu, bò, voi.*  *+ Bò được nuôi nhiều nhất.*  *+ Voi được nuôi để chuyên chở hàng hóa (hình3)*  - Lắng nghe  **3. Hoạt động vận dụng *(2p)***  - Liên hệ sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả - BVMT  **4. Hoạt động sáng tạo** *(1p)* | -  GV cho HS dựa vào kênh chữ và kênh hình ở mục 1, HS trong nhóm thảo luận theo các câu hỏi gợi ý sau:  ***+*** *Kể tên những cây trồng chính ở Tây Nguyên (quan sát lược đồ hình 1). Chúng thuộc loại cây công nghiệp, cây lương thực hay cây rau màu?*  ***+*** *Cây công nghiệp lâu năm nào được trồng nhiều nhất ở đây? (quan sát bảng số liệu )*  ***+*** *Tại sao ở Tây Nguyên lại thích hợp cho việc trồng cây công nghiệp?*  - GV sửa chữa, hoàn thiện phần trả lời.  ***\* GV giải thích thêm cho HS biết về sự hình thành đất đỏ ba dan: Xưa kia nơi này đã từng có núi lửa hoạt động. Đó là hiện tượng vật chất nóng chảy, từ lòng đất phun trào ra ngoài (gọi là dung nham) nguội dần, đóng cvận lại thành đá ba dan. Trải qua hàng triệu năm, dưới tác dụng của nắng mưa, lớp đá ba dan trên mặt vụn bở tạo thành đất đỏ ba dan.***  - GV yêu cầu HS quan sát tranh, ảnh vùng trồng cây cà phê ở Buôn Ma Thuột hoặc hình 2 trong SGK, nhận xét vùng trồng cà phê ở Buôn Ma Thuột (giúp cho HS có biểu tượng về vùng chuyên trồng cà phê).  + HS lên bảng chỉ vị trí ở Buôn Ma Thuột trên bản đồ Địa lí tự nhiên Việt Nam.  ***GV: Không chỉ ở Buôn Ma Thuột mà hiện nay ở Tây Nguyên có những vùng chuyên trồng cà phê và những cây công nghiệp lâu năm khác như: cao su, che, hồ tiêu...***  *+ Cà phê Buôn Ma Thuột có chất lượng như thế nào?*     - GV giới thiệu cho HS xem một số tranh, ảnh về sản phẩm cà phê của Buôn Ma thuột (cà phê hạt, cà phê bột…)  *+ Hiện nay, khó khăn lớn nhất trong việc trồng cây công nghiệp ở Tây Nguyên là gì?*  *+ Người dân ở Tây Nguyên đã làm gì để khắc phục khó khăn này?*    ***\* GV: Tây Nguyên có nguồn tài nguyên rừng hết sức phong phú, cuộc sống của người dân nơi đây dựa nhiều vào rừng: củi đun, thực phẩm...Bởi vậy,  việc bảo vệ và khai thác hợp lí rừng, đồng thời tích cực tham gia trồng rừng là rất quan trọng...***    Cho HS dựa vào hình 1, bảng số liệu, mục 2 trong SGK, trả lời các câu hỏi sau:  *+ Hãy kể tên những vật nuôi chính ở Tây Nguyên.*  *+ Con vật nào được nuôi nhiều ở Tây Nguyên?*  *+ Ở Tây Nguyên voi được nuôi để làm gì?*  ***\*GV: Nuôi và thuần dưỡng voi là một nghề truyền thống ở Tây Nguyên. Số lượng trâu, bò, voi là một biểu hiện về sự giàu có, sung túc của các gia đình ở Tây Nguyên.***     * Yêu cầu HS diễn hoạt cảnh: Chú voi con ở Bản Đôn. |

**ĐIỀU CHỈNH-BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**SINH HOẠT**

**ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC TUẦN 8**

**I. MỤC TIÊU:**

- Nắm được ưu - khuyết điểm trong tuần 8

- Phát huy ưu điểm, khắc phục nhược điểm.

- Biết được phương hướng tuần 9

- GD HS có tinh thần đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau.

- Thu gom giấy vụn, sách báo làm kế hoạch nhỏ

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- GV: Nắm được ưu – khuyết điểm của HS trong tuần

- HS: lớp trưởng, lớp phó và  các tổ trưởng báo cáo.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG CHÍNH:**

***1. Khởi động***

- Lớp tham gia trò chơi: Diễn tả

***2. Lớp báo cáo hoạt động trong tuần:***

- 3 tổ trưởng lên nhận xét các thành viên trong tổ và xếp loai từng thành viên.

- lớp phó họ tập và lớp phó lao động báo cáo, nhận xét.

- Tổ viên các tổ đóng góp ý kiến.

- lớp trưởng lên nhận xét chung các ban.

- GV nhận xét chung:

    + Nề nếp:

.................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

    + Học tập:

.................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

***3. Phương hướng tuần sau:***

- Tiếp tục thi đua: Học tập tốt, thực hiện tốt nề nếp, vâng lời thầy cô, nói lời hay làm việc tốt.

.................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

***4. Lớp văn nghệ - múa hát tập thể.***

**TUẦN 9** *Thứ ....... ngày ...... tháng ..... năm .........*

**TẬP ĐỌC**

**THƯA CHUYỆN VỚI MẸ**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Hiểu nghĩa một số từ ngữ trong bài: dòng dõi quan sang, bất giác, cây bông,...

- Hiểu ND bài: Cương mơ ước trở thành thợ rèn để kiếm sống nên đã thuyết phục mẹ để mẹ thấy nghề nghiệp nào cũng đáng quí (trả lời được các câu hỏi trong SGK).

**2. Kĩ năng**

- Bước đầu biết đọc phân biệt lời nhân vật trong đoạn đối thoại.

**3. Thái độ**

- GD HS biết mơ ước và chia sẻ những ước mơ của mình

**4. Góp phần phát triển năng lực**

**-** Năng lực tự học, NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ.

*\* KNS: KN lắng nghe tích cực, giao tiếp, thương lượng*

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: +Tranh minh hoạ bài tập đọc trang 85, SGK (phóng to nếu có điều kiện).

+ Bảng phụ viết sẵn đoạn luyện đọc

- HS: SGK, vở viết

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- Phương pháp: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm.

- Kĩ thuật: Kĩ thuật đặt câu hỏi, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBHT điều hành lớp trả lời.  +*Cổ ôm sát chân. Thân giày làm bằng vải cứng, dáng thon thả, màu vải như màu da trời ngày thu. Phần thân gần sát cổ có hai hàng khuy dập, luồn một sợi dây trắng nhỏ vắt ngang.*  *+ Câu chuyện khuyên chúng ta hãy biết quan tâm, chia sẻ với người khác, nhất là trẻ em* | **1. Khởi động:** *(3p)*  - HS đọc bài Đôi giày ba ta màu xanh  - Trả lời câu hỏi: *Đôi giày ba ta có gì đẹp?*  *+ Câu chuyện có ý nghĩa gì?*  - GV dẫn vào bài mới |
| **2. Luyện đọc:** *(8-10p)*  **\* Mục tiêu:** Đọc với giọng trôi chảy, mạch lạc, phát âm đúng, hiểu nghĩa một số từ ngữ.  \* **Cách tiến hành:** | |
| - 1 HS đọc bài, cả lớp đọc thầm  - Lớp trưởng điều hành cách chia đoạn  - Lắng nghe  - Bài chia làm 2 đoạn:  + **Đoạn 1**: *Từ ngày phải … đến phải kiếm sống.*  *+* **Đoạn *2:*** *Mẹ Cương … đến đốt cây bông.*  - Nhóm trưởng điều hành nhóm đọc nối tiếp đoạn trong nhóm lần 1 và phát hiện các từ ngữ khó (*thợ rèn, quan sang, nắm lấy tay mẹ , phì phào,...,....)*  - Luyện đọc từ khó: Đọc mẫu (M4)-> Cá nhân (M1)-> Lớp  - HS đọc nối tiếp đoạn lần 2 theo điều khiển của nhóm trưởng  - Các nhóm báo cáo kết quả đọc  - 1 HS đọc cả bài (M4) | - Gọi 1 HS đọc bài (M3)  - GV lưu ý giọng đọc cho HS: giọng trao đổi, trò chuyện thân mật, nhẹ nhàng. Lời Cương lễ phép, khẩn khoản thiết tha xin mẹ cho em được học nghề rèn và giúp em thuyết phục cha. Giọng mẹ Cương ngạc nhiện khi nói: “*Con vừa bảo gì? Ai xui con thế*?, cảm động dịu dàng khi hiểu lòng con: “*Con muốn giúp mẹ…anh thợ rèn”*. 3 dòng cuối bài đọc chậm rãi với giọng suy tưởng, sảng khoái, hồn nhiên thể hiện hồi tưởng của Cương về cảnh lao động hấp dẫn ở lò rèn.  - GV chốt vị trí các đoạn:  - Lưu ý sửa lỗi đọc và ngắt nghỉ cho các HS (M1)  - GV giải nghĩa một số từ khó.  *+* ***thưa*** *: có nghĩa là trình bày với người trên về một vấn đề nào đó với cung cách lễ phép, ngoan ngoãn*  ***+ Kiếm sống****: tìm cách làm việc để tự nuôi mình*  ***+ Đầy tớ****: là người giúp việc cho chủ* |
| **3.Tìm hiểu bài:** *(8-10p)*  **\* Mục tiêu:** HS hiểu nội dung từng đoạn và nội dung cả bài.  **\* Cách tiến hành: *Làm việc cá nhân – Chia sẻ cặp đôi – Chia sẻ trước lớp*** | |
| - 1 HS đọc  - Nhóm trưởng điều hành nhóm mình thảo luận để trả lời câu hỏi *(5p)*  - TBHT điều hành việc báo cáo, nhận xét  *+ Cương thương mẹ vất vả, muốn học một nghề để kiếm sống, đỡ đần cho mẹ.*  ***-* Ước mơ của Cương trở thành thợ rèn để giúp đỡ mẹ.**  *+ Bà ngạc nhiên và phản đối.*  *+ Mẹ cho là Cương bị ai xui. Mẹ bảo nhà Cương thuộc dòng dõi quan sang. Bố của Cương sẽ không chịu cho Cương làm nghề thợ rèn, sợ mất thể diện của gia đình.*  *+ Cương nghèn nghẹn nắm lấy tay mẹ. Em nói với mẹ bằng những lời thiết tha: nghề nào cũng đáng trọng, chỉ những ai trộm cắp hay ăn bám mới đáng bị coi thường.*  **Ý2: Cương thuyết phục để mẹ hiểu và đồng ý với ươc mơ của em.**  *+* ***Cách xưng hô****: đúng thứ bậc trên, dưới trong gia đình, Cương xưng hô với mẹ lễ phép, kính trọng. Mẹ Cương xưng mẹ gọi con rất dịu dàng, âu yếm. Qua cách xưng hô em thấy tình cảm mẹ con rất thắm thiết, thân ái.*  *+* ***Cử chỉ trong lúc trò chuyện****: thân mật, tình cảm. Mẹ xoa đầu Cương khi thấy Cương biết thương mẹ. Cương nắm lấy tay mẹ, nói thiết tha khi mẹ nêu lí do phản đối.*  *+ Ước mơ có một nghề chính đáng để giúp đỡ gia đình, trong cuộc sống nghề nào cũng cao quí, đáng trân trọng, chỉ những kẻ trộm cắp, ăn bám mới bị coi thường.*  **Nội dung**: **Bài văn cho ta thấy Cương mơ ước trở thợ rèn nên đã thuyết phục mẹ để mẹ thấy nghề nào cũng đáng quí.**  - HS nêu, ghi nội dung bài | - GV yêu cầu đọc các câu hỏi cuối bài  *+ Cương xin mẹ học nghề rèn để làm gì?*  *+ Đoạn 1 nói lên điều gì?*  *+ Mẹ có đồng ý khi nghe Cương trình bày ước mơ của mình?*  *+ Mẹ Cương nêu lí do phản đối như thế nào?*  *+ Cương thuyết phục mẹ bằng cách nào?*  *+ Nội dung chính của đoạn 2 là gì?*  *+ Nêu nhận xét cách trò chuyện của hai mẹ con Cương. (cách xưng hô, cử chỉ lúc trò chuyện)*  - Gọi HS trả lời và bổ sung.  \*\* **Liên hệ giáo dục**:  *+ Qua bài học này, em học tập được điều gì ở Cương ?*  + Bài văn cho em biết điều gì? |
| **4. Luyện đọc diễn cảm***(8-10p)*  **\* Mục tiêu:** HSđọc phân vai được lời các nhân vật  **\* Cách tiến hành: Hoạt động cá nhân – nhóm - cả lớp** | |
| - HS nêu lại giọng đọc cả bài  - 1 HS M4 đọc mẫu toàn bài  - Nhóm trưởng điều hành:  + Phân vai trong nhóm  + Luyện đọc theo nhóm  + Vài nhóm thi đọc phân vai trước lớp.  - Bình chọn nhóm đọc hay.  - HS nêu  - Nếu bố mẹ em phản đối ước mở của em, em sẽ thuyết phục họ như thế nào? | - Yêu cầu HS nêu giọng đọc toàn bài.  - Yêu cầu đọc phân vai  - GV nhận xét, đánh giá chung  **5. Hoạt động ứng dụng** *(1 phút)*  + Em có ước mơ gì? Hãy chia sẻ ước mơ của em với các bạn  **6. Hoạt động sáng tạo** *(1 phút)* |

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TOÁN**

***Tiết 41:* HAI ĐƯỜNG THẲNG VUÔNG GÓC**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Có biểu tượng về hai đường thẳng vuông góc..

**2. Kĩ năng**

- Kiểm tra được hai đường thẳng vuông góc với nhau bằng ê ke.

**3. Thái độ**

- HS có thái độ học tập tích cực.

**4. Góp phần phát triển năng lực:**

**-** Năng lực tự học, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL tư duy - lập luận logic.

\*Bài tập cần làm: Bài 1, bài 2, bài 3 (a)

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Ê ke, thước thẳng

- HS: Ê ke, thước thẳng

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- Phương pháp vấn đáp, động não, quan sát, thực hành, đặt và giải quyết vấn đề, hoạt động nhóm.

- Kĩ thuật đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC;**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBVN điều hành lớp khởi động bằng bài hát vui nhộn tại chỗ | **1. Khởi động:** *(5p)*  - GV giới thiệu vào bài |
| **2. Hoạt động thực hành***:(30p)*  **\* Mục tiêu: :** Có biểu tượng về hai đường thẳng vuông góc  **\* Cách tiến hành: Cá nhân – Nhóm- Lớp** | | |
| **Cá nhân - Nhóm 2-Lớp**  - HS vẽ vào nháp  *+ Hình ABCD là hình chữ nhật.*  *+ Các góc A, B, C, D của hình chữ nhật ABCD đều là góc vuông.*  - HS theo dõi thao tác của GV.  - Làm theo GV  *+ Là góc vuông.*  *+ Chung đỉnh C.*  - HS nêu ví dụ: hai mép của quyển sách, quyển vở, hai cạnh của cửa sổ, cửa ra vào, hai cạnh của bảng đen, …  - HS theo dõi thao tác của GV và làm theo.    - 1 HS lên bảng vẽ, HS cả lớp vẽ vào giấy nháp. | a. Giới thiệu hai đường thẳng vuông góc:  - GV vẽ lên bảng hình chữ nhật ABCD  *+ Đọc tên hình trên bảng và cho biết đó là hình gì?*  *+ Các góc A, B, C, D của hình chữ nhật ABCD là góc gì? (góc nhọn, góc vuông, góc tù hay góc bẹt?)*  - GV vừa thực hiện thao tác, vừa nêu: Kéo dài cạnh DC thành đường thẳng DM, kéo dài cạnh BC thành đường thẳng BN. Khi đó ta được hai đường thẳng DM và BN vuông góc với nhau tại điểm C.  *+Hãy cho biết góc BCD, góc DCN, góc NCM, góc BCM là góc gì?*  *+ Các góc này có chung đỉnh nào?*  ***\* Như vậy hai đường thẳng BN và DM vuông góc với nhau tạo thành 4 góc vuông có chung đỉnh C.***  - GV yêu cầu HS quan sát các đồ dùng học tập của mình, quan sát lớp học để tìm hai đường thẳng vuông góc có trong thực tế cuộc sống.  - GV hướng dẫn HS vẽ hai đường thẳng vuông góc với nhau (vừa nêu cách vẽ vừa thao tác): Chúng ta có thể dùng ê ke để vẽ hai đường thẳng vuông góc với nhau, chẳng hạn ta muốn vẽ đường thẳng AB vuông góc với đường thẳng CD, làm như sau:  *+ Vẽ đường thẳng AB.*  *+ Đặt một cạnh ê ke trùng với đường thẳng AB, vẽ đường thẳng CD dọc theo cạnh kia của ê ke. Ta được hai đường thẳng AB và CD vuông góc với nhau.*  - GV yêu cầu HS cả lớp thực hành vẽ đường thẳng NM vuông góc với đường thẳng PQ tại O. |
| **3. HĐ thực hành (17p)**  **\* Mục tiêu**: Kiểm tra được hai đường thẳng vuông góc với nhau bằng ê ke.  **\* Cách tiến hành** | | |
| -HS đọc yêu cầu bài  Đ/a:  - Hai đường thẳng HI và KI vuông góc với nhau.  - Hai đường thẳng PM và MQ không vuông góc với nhau.  *+Vì khi dùng ê ke để kiểm tra thì em thấy hai đường thẳng này cắt nhau tạo thành 4 góc vuông có chung đỉnh I.*  - Thực hiện theo yêu cầu của GV.  Đ/a:  AB và AD, AD và DC, DC và CB, BC và AB.  - Thực hiện theo yêu cầu của GV  Đ/a:  a. AE và ED, ED và DC  - Thực hành kiểm tra các đường thẳng vuông góc trong thực tế bằng ê-ke  - Tìm các bài tập cùng dạng trong sách Toán buổi 2 và giải | ***Bài 1:*** Dùng ê ke để kiểm tra hai đường…  - Gọi HS đọc yêu cầu bài tập.  - GV vẽ lên bảng hai hình a, b như bài tập trong SGK.  - GV yêu cầu HS dùng ê ke để kiểm tra hình vẽ trong SGK, 1 HS lên bảng kiểm tra hình vẽ của GV.  - Gọi HS nhận xét, bổ sung, sửa bài (nếu cần).  - GV chốt đáp án.  *+ Vì sao em nói hai đường thẳng HI và KI vuông góc với nhau?*  ***Bài 2:***  - Gọi HS đọc yêu cầu bài tập.  - GV vẽ lên bảng hình chữ nhật ABCD, sau đó yêu cầu HS suy nghĩ và ghi tên các cặp cạnh vuông góc với nhau có trong hình chữ nhật ABCD, sau đó 1 đến 2 HS kể tên các cặp cạnh mình tìm được trước lớp, các bạn khác theo dõi, nhận xét, bổ sung.  - GV nhận xét và chốt đáp án đúng.  ***Bài 3***a: *(HSNK làm cả bài)*  - GV yêu cầu HS đọc đề bài, sau đó tự làm bài: dùng ê ke để kiểm tra các hình trong SGK, sau đó ghi tên các cặp cạnh vuông góc với nhau.  - GV yêu cầu HS trình bày bài làm trước lớp.  **4. Hoạt động ứng dụng *(1p)***  **5. Hoạt động sáng tạo *(1p)*** |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**KHOA HỌC**

**PHÒNG TRÁNH TAI NẠN ĐUỐI NƯỚC**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Nêu được một số việc nên và không nên làm để phòng tránh tai nạn đuối nước:

+ Không chơi đùa gần hồ, ao, sông, suối; giếng, chum, vại, bể nước phải có nắp đậy

+ Chấp hành các qui định về an toàn khi tham gia giao thông đường thuỷ

+ Tập bơi khi có người lớn và phương tiện cứu hộ.

**2. Kĩ năng**

- Thực hiện được các qui tắc an toàn phòng tránh đuối nước

.**3. Thái độ**

- Có ý thức phòng tránh đuối nước.

**4. Góp phần phát triển các năng lực:**

- NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL hợp tác.

***\*KNS:*** *+Phân tích và phán đoán những tình huống có nguy cơ dẫn đến tai nạn đuối nước*

*+Cam kết thực hiện các nguyên tắc an toàn khi bơi hoặc tập bơi*

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: + Các hình minh hoạ trang 36, 37 / SGK (phóng to nếu có điều kiện).

+ Bảng lớp chép sẵn các câu hỏi.

+ Phiếu ghi các tình huống.

- HS: SGK

**2.Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: quan sát, hỏi đáp, thảo luận, trò chơi học tập.

- KT: Động não, chia sẻ nhóm đôi, tia chớp

**II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt đông của của học sinh** | **Hoạt đông của giáo viên** |
| - HS trả lời dưới sự điều hành của TBHT  *+ Người bệnh phải được ăn nhiều thức ăn có giá trị dinh dưỡng, …*  *+Phải cho uống dung dịch ô- rê- dôn hoặc nước cháo muối…* | **1, Khởi động *(4p)***  ***+****Em hãy cho biết khi bị bệnh cần cho người bệnh ăn uống như thế nào ?*  *+ Khi người thân bị tiêu chảy em sẽ chăm sóc như thế nào?*  - GV nhận xét, khen/ động viên, dẫn vào bài mới. |
| **2.Bài mới:***(30p)*  **\* Mục tiêu:** - Nêu được một số việc nên và không nên làm để phòng tránh tai nạn đuối nước:  - Thực hiện được các qui tắc an toàn phòng tránh đuối nước  **\* Cách tiến hành: Cá nhân-Nhóm –Lớp** | |
| **Nhóm 2 - Lớp**  - Tiến hành thảo luận sau đó trình bày trước lớp.  + ***Hình 1***: Các bạn nhỏ đang chơi ở gần ao. Đây là việc không nên làm vì chơi gần ao có thể bị ngã xuống ao.  + ***Hình 2***: Vẽ một cái giếng. Thành giếng được xây cao và có nắp đậy rất an toàn đối với trẻ em. Việc làm này nên làm để phòng tránh tai nạn cho trẻ em.  + ***Hình 3***: Nhìn vào hình vẽ, em thấy các HS đang nghịch nước khi ngồi trên thuyền. Việc làm này không nên vì rất dễ ngã xuống sông và bị chết đuối.  *+ Chúng ta phải vâng lời người lớn khi tham gia giao thông trên sông nước. Trẻ em không nên chơi đùa gần ao hồ. Giếng phải được xây thành cao và có nắp đậy.*  - HS đọc bài học.  **Nhóm 4- Lớp**  - HS thảo luận nhóm.  - HS tiến hành thảo luận.  - Đại diện nhóm trình bày kết quả thảo luận:  *+ Hình 4 minh hoạ các bạn đang bơi ở bể bơi đông người. Hình 5 minh họa các bạn nhỏ đang bơi ở bờ biển.*  *+ Nên tập bơi hoặc đi bơi ở bể bơi nơi có người và phương tiện cứu hộ.*  *+ Trước khi bơi cần phải khởi động; tập các bài tập để không bị cảm lạnh hay “chuột rút”, tắm bằng nước ngọt trước khi bơi. Sau khi bơi cần tắm lại bằng xà bông và nước ngọt, dốc và lau hết nước ở mang tai, mũi.*  - HS lắng nghe  - Nhận phiếu, tiến hành thảo luận.  - Đại diện nhóm trình bày ý kiến.  + Em sẽ nói với Dũng là vừa đi đá bóng về mệt, mồ hôi ra nhiều, nếu đi bơi hay tắm ngay rất dễ bị cảm lạnh. Hãy nghỉ ngơi cho đỡ mệt và khô mồ hôi rồi hãy đi tắm.  + Em sẽ bảo các em không cố lấy bóng nữa, đứng xa bờ ao và nhờ người lớn lấy giúp. Vì trẻ em không nên đứng gần bờ ao, rất dễ bị ngã xuống nước khi lấy một vật gì đó, dễ xảy ra tai nạn.  + Em sẽ bảo Minh mang rau vào nhà nhặt để vừa làm vừa trông em. Để em bé chơi cạnh giếng rất nguy hiểm. Thành giếng xây cao nhưng không có nắp đậy rất dễ xảy ra tai nạn đối với các em nhỏ.  + Em sẽ trở về trường nhờ sự giúp đỡ của các thầy cô giáo hay vào nhà dân gần đó nhờ các bác đưa qua suối.  - HS ghi nhớ KT bài học  -Tìm hiểu cách sơ cứu người bị đuối nước | **HĐ 1: Biện pháp phòng tránh tai nạn đuối nước:**  - Tổ chức cho HS thảo luận cặp đôi theo các câu hỏi:  *+ Hãy mô tả những gì em nhìn thấy ở hình vẽ 1, 2, 3. Theo em việc nào nên làm và không nên làm ? Vì sao?*  *+ Theo em chúng ta phải làm gì để phòng tránh tai nạn sông nước?*  - GV kết luận.  **HĐ2: Một số nguyện tắc khi tập hoặc đi bơi.**  - GV cho HS hoạt động theo nhóm  - Yêu cầu HS các nhóm quan sát hình 4, 5 trang 37 / SGK, thảo luận và trả lời các câu hỏi sau:  *+ Hình minh hoạ cho em biết điều gì?*  *+ Theo em nên tập bơi hoặc đi bơi ở đâu?*  *+ Trước khi bơi và sau khi bơi cần chú ý điều gì?*    ***\* GV:*** *Các em nên bơi hoặc tập bơi ở nơi có người và phương tiện cứu hộ. Trước khi bơi cần vận động, tập các bài tập theo hướng dẫn để tránh cảm lạnh, chuột rút, cần tắm bằng nước ngọt trước và sau khi bơi. Không nên bơi khi người đang ra mồ hôi hay khi vừa ăn no hoặc khi đói để tránh tai nạn khi bơi hoặc tập bơi.*  **Hoạt động 3: Xử lí tình huống**  - GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm.  - Phát phiếu ghi tình huống cho mỗi nhóm.  - Yêu cầu các nhóm thảo luận để trả lời câu hỏi: Nếu mình ở trong tình huống đó em sẽ làm gì ?  + Nhóm 1: Cường và Dũng vừa đi đá bóng về. Dũng rủ Cường ra hồ gần nhà để tắm cho mát. Nếu em là Cường em sẽ nói gì với bạn ?  + Nhóm 2: Đi học về Nga thấy mấy em nhỏ đang tranh nhau cúi xuống bờ ao gần đường để lấy quả bóng. Nếu là Nga em sẽ làm gì ?    + Nhóm 3: Minh đến nhàTuấn chơi thấy Tuấn vừa nhặt rau vừa cho em bé chơi ở sân giếng. Giếng xây thành cao nhưng không có nắp đậy. Nếu là Minh em sẽ nói gì với Tuấn ?  + Nhóm 4: Tình huống 4: Nhà Linh và Lan ở xa trường, cách một con suối. Đúng lúc đi học về thì trời đổ mưa to, nước suối chảy mạnh và đợi mãi không thấy ai đi qua. Nếu là Linh và Lan em sẽ làm gì ?  **3. HĐ ứng dụng *(1p)***  **4. HĐ sáng tạo *(1p)*** |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

:..............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

*Thứ ....... ngày ...... tháng ..... năm .........*

**CHÍNH TẢ**

**THỢ RÈN**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức:**

- Nghe-viết đúng bài CT; trình bày đúng các khổ thơ và dòng thơ 7 chữ. Hiểu nội dung đoạn viết.

- Làm đúng BT CT phương ngữ (2) a phân biệt l/n

**2. Kĩ năng:**

**-** Rèn kĩ năng viết đẹp, viết đúng chính tả.

**3. Thái độ:**

**-** Giáo dục tính cẩn thận, chính xác, yêu thích chữ viết

**4. Góp phần phát triển năng lực:**

**-** NL tự chủ và tự học, NL sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Bảng phụ, phiếu học tập.

- HS: Vở, bút,...

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- Phương pháp vấn đáp, động não, quan sát, thực hành, đặt và giải quyết vấn đề, hoạt động nhóm, trò chơi học tập.

- Kĩ thuật đặt câu hỏi, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBVN điều hành HS cùng hát kết hợp với vận động tại chỗ | **1. Khởi động: (***2p***)**  - GV dẫn vào bài mới |
| **2. Chuẩn bị viết chính tả:** *(6p)*  **\* Mục tiêu:** HS hiểu được nội dung bài CT, viết được các từ khó, dễ lẫn và các hiện tượng chính tả, cách viết đoạn thơ 7 chữ.  **\* Cách tiến hành:** | |
| - 2 HS đọc- HS lớp đọc thầm  *+ ngồi xuống nhọ lưng, quệt ngang nhọ mũi, suốt tám giờ chân than mặt bụi, nước tu ừng ực, bóng nhẫy mồ hôi, thở qua tai.*  *-* HS nêu từ khó viết*: trăm nghề, quay một trận, bóng nhẫy, diễn kịch, nghịch, …* | a. Trao đổi về nội dung đoạn cần viết  - Gọi HS bài viết.  - Yêu cầu thảo luận nhóm 2:  *+ Những từ ngữ nào cho em biết nghề thợ rèn rất vất vả?*  \* GV: Bài thơ cho biết nghề thợ rèn vất vả nhưng có nhiều niềm vui trong lao động.  - Hướng dẫn viết từ khó: Gọi HS nêu từ khó, sau đó GV đọc cho HS luyện viết. |
| **3. Viết bài chính tả:** *(15p)*  **\* Mục tiêu:** Hs nghe-viết tốt bài chính tả theo thể thơ 7 chữ  **\* Cách tiến hành:** | |
| - GV đọc cho HS viết bài.  - GV theo dõi và nhắc nhở, giúp đỡ HS viết chưa tốt.  - HS nghe - viết bài vào vở | - GV đọc cho HS viết bài.  - GV theo dõi và nhắc nhở, giúp đỡ HS viết chưa tốt. |
| **4. Đánh giá và nhận xét bài:** *(5p)*  **\* Mục tiêu:** Giúp HS tự đánh giá được bài viết của mình và của bạn. Nhận ra các lỗi sai và sửa sai  **\* Cách tiến hành: Cá nhân- Cặp đôi** | |
| - Học sinh xem lại bài của mình, dùng bút chì gạch chân lỗi viết sai. Sửa lại xuống cuối vở bằng bút mực  - Trao đổi bài (cặp đôi) để soát hộ nhau  - Lắng nghe. | - Cho học sinh tự soát lại bài của mình theo.  - GV nhận xét, đánh giá 5 - 7 bài  - Nhận xét nhanh về bài viết của HS |
| **5. Làm bài tập chính tả:** *(5p)*  **\* Mục tiêu:** Giúp HS phân biệt được l/n  **\* Cách tiến hành: Cá nhân-Cặp đôi- Chia sẻ trước lớp** | |
| ***Cá nhân – Chia sẻ cặp đôi – Lớp***  Đáp án : **n**ăm - **l**e te - **l**ập **l**oè– **l**ưng– **l**àn– **l**óng **l**ánh- **l**oe  - 1 hs đọc to đoạn thơ đã điền hoàn chỉnh.  - Viết 5 tiếng, từ chứa l/n  - Sưu tầm các câu đố về vật có chứa âm l/n | **Bài 2a:** l/n?  **6. Hoạt động ứng dụng** *(1p)*  **7. Hoạt động sáng tạo** *(1p)* |

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TOÁN**

***Tiết 42:* HAI ĐƯỜNG THẲNG SONG SONG**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Có biểu tượng về hai đường thẳng song song.

**2. Kĩ năng**

- Nhận biết được hai đường thẳng song song.

**3. Thái độ**

- HS tích cực, chăm chỉ, sáng tạo

**4. Góp phần phát huy các năng lực**

**-** Năng lực tự học, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL tư duy - lập luận logic.

\* BT cần làm: Bài 1, bài 2, bài 3 (a)

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Thước thẳng và ê ke.

-HS: Bộ ĐD Toán 4, thước kẻ, ê ke,...

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm

- Kĩ thuật: đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của HS** | **Hoạt động của GV** |
| **-** TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ | **1. Khởi động *(5p)***  - GV dẫn vào bài mới |
| **2. Hình thành kiến thức mới (15p)**  **\* Mục tiêu:** Có biểu tượng về hai đường thẳng song song.  **\* Cách tiến hành:** **Cá nhân- Nhóm – Lớp** | |
| - Hình chữ nhật ABCD.  - HS theo dõi thao tác của GV.    - HS thao tác    *+ Kéo dài hai cạnh AD và BC của hình chữ nhật ABCD chúng ta cũng được hai đường thẳng song song.*  - HS tìm và nêu. Ví dụ: 2 mép đối diện của quyển sách hình chữ nhật, 2 cạnh đối diện của bảng đen, của cửa sổ, cửa chính, khung ảnh, …  *+ Hai đường thẳng song song không bao giờ cắt nhau* | a.Giới thiệu hai đường thẳng song song:  - GV vẽ lên bảng hình chữ nhật ABCD và yêu cầu HS nêu tên hình.  A B  C D  - GV dùng phấn màu kéo dài hai cạnh đối diện AB và DC về hai phía và nêu: Kéo dài hai cạnh AB và DC của hình chữ nhật ABCD ta được hai đường thẳng song song với nhau.  A B  C D  - GV yêu cầu HS tự kéo dài hai cạnh đối còn lại của hình chữ nhật là AD và BC và hỏi: *Kéo dài hai cạnh AC và BD của hình chữ nhật ABCD chúng ta có được hai đường thẳng song song không?*  b.Tính chất của 2 đường thẳng song song  - GV yêu cầu HS quan sát đồ dùng học tập, quan sát lớp học để tìm hai đường thẳng song song có trong thực tế cuộc sống.  *+ Nêu đặc điểm của hai đường thẳng song song* |
| **3. Hoạt động thực hành (18p)**  **\* Mục tiêu**: Nhận biết được hai đường thẳng song song.  **\* Cách tiến hành** | |
| **Cá nhân-Nhóm 2- Lớp**  - HS đọc yêu cầu bài tập.  - HS vẽ lên bảng hình chữ nhật ABCD, sau đó chỉ rõ hai cạnh AB và DC là một cặp cạnh song song với nhau.  - HS tự suy nghĩ, làm bài, sau đó 2 HS lên bảng làm bài. Cả lớp theo dõi, nhận xét, bổ sung.  *Đ/a:*  *a, Trong hình chữ nhật ABCD, có:*  *Cạnh AB song song DC; cạnh AD song song BC.*  *b, Trong hình vuông MNPQ, có:*  *- Cạnh MN song song QP, cạnh MQ song song NP.*  - Thực hiện theo YC của GV.  *Đ/a:*  *Trong hình đã cho ta có:*  *+ Các cạnh song song với BE là AG, CD.*  - Thực hiện theo YC của GV.  - Làm việc nhóm 2- Chia sẻ trước lớp  *Đ/a:*  *a, \* Trong hình tứ giác MNPQ, có:*  *- Cạnh MN song song với cạnh QP.*  *\* Trong hình tứ giác DIHGE, có:*  *- Cạnh DI song song với cạnh HG. trong sách toán buổi 2*  - Ghi nhớ kiến thức về 2 đt song song  **\* Bài tập**: Hình bên có mấy cặp cạnh nào song song? | **Bài 1**  **Bài 1**  - Gọi 1 HS đọc yêu cầu.  *+ Ngoài cặp cạnh AB và DC trong hình chữ nhật ABCD còn có cặp cạnh nào song song với nhau?*  - GV vẽ lên bảng hình vuông MNPQ và yêu cầu HS tìm các cặp cạnh song song với nhau có trong hình vuông MNPQ.  - GV nhận xét, kết luận.  ***Bài 2:***  - Gọi 1 HS đọc đề bài.  - GV yêu cầu HS quan sát hình thật kĩ và nêu các cạnh song song với cạnh BE.  - Gọi 1 HS nêu, HS khác nhận xét, bổ sung, chữa bài. (nếu cần)  - GV có thể yêu cầu HS tìm các cạnh song song với AB (hoặc BC, EG, ED).  ***Bài 3a:*** *(HSNK làm cả bài)*  - Gọi 1 HS đọc đề bài.  *+ Trong hình MNPQ có các cặp cạnh nào song song với nhau ?*  *+ Trong hình EDIHG có các cặp cạnh nào song song với nhau ?*  **4. Hoạt động ứng dụng** *(1p)*  **5. Hoạt động sáng tạo** *(1p)* |

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**LỊCH SỬ**

**Đinh BỘ Lĩnh dẸp loẠn 12 sỨ quân**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Hiểu biết đôi nét về Đinh Bộ Lĩnh: Đinh Bộ Lĩnh quê ở Hoa Lư, Ninh Bình, là một người cương nghị, mưu cao và có chí lớn, ông có công dẹp loạn 12 sứ quân.

- Nắm được những nét chính về sự kiện Đinh Bộ Lĩnh dẹp loạn 12 sứ quân:

+ Sau khi Ngô Quyền mất, đất nước rơi vào cảnh loạn lạc, các thế lực cát cứ địa phương nổi dậy chia cắt đất nước.

+ Đinh Bộ Lĩnh đã tập hợp nhân dân dẹp loạn 12 sứ quân, thống nhất đất nước.

**2. Kĩ năng**

- Kể lại một số sự kiện tiêu biểu về:

+ Đời sống người Lạc Việt dưới thời Văn Lang.

+ Hoàn cảnh, diễn biến và kết quả của cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng.

+ Diễn biến và ý nghĩa của chiến thắng Bạch Đằng.

**3. Thái độ**

- Nêu cao lòng tự hào dân tộc, lòng yêu nước.

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL ngôn ngữ, NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: + Hình trong SGK phóng to (nếu có điều kiện ).

+ Bản đồ Việt Nam.

- HS: SGK, hình sưu tầm được của cuộc dẹp loạn hoặc tranh ảnh về Đinh Bộ Lĩnh.

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm.

- KT: Kĩ thuật đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ | **1.Khởi động:***(4p)*  - GV dẫn vào bài mới |
| **2.Bài mới:***(30p)*  ***\* Mục tiêu*** - Hiểu biết đôi nét về Đinh Bộ Lĩnh  - Nắm được những nét chính về sự kiện Đinh Bộ Lĩnh dẹp loạn 12 sứ quân.  - So sánh được những đổi thay của đất nước sau khi dẹp loạn 12 sứ quân.  ***\* Cách tiến hành:Cá nhân-Nhóm-Lớp*** | |
| **Cá nhân – Lớp**  *+ Là người Hoa Lư – Gia Viễn – ninh Bình.*  *+ Truyện cờ lau tập trận nói lên từ nhỏ Đinh Bộ Lĩnh đã tỏ ra có chí lớn.*  *+ Ông đã có công dẹp loạn 12 sứ quân, thống nhất giang sơn đất nước*.  - 1 đến 2 HS nhắc lại.  *+ Đinh Bộ Lĩnh lên ngôi vua, đặt tên nước là Đại Cồ Việt*  **Nhóm 4 – Lớp**  - HS thực hiện theo HD của GV.   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Thời gian  Các mặt | Trước khi TN | Sau khi thống nhất | | - Đất nước  - Triều đình  - Đời sống của nhân dân | - Bị chia thành 12 vùng.  - Lục đục.  - Làng mạc, đồng ruộng bị tàn phá, dân nghèo khổ, đổ máu vô ích. | - Đất nước quy về một mối  - Được tổ chức lại quy củ  - Đồng ruộng trở lại xanh tươi, ngược xuôi buôn bán, khắp nơi chùa tháp được xây dựng |   - Kể chuyện lịch sử về Đinh Bộ Lĩnh | \***HĐ1: Tìm hiểu đôi nét về Đinh Bộ Lĩnh**  - Yêu cầu đọc phần thông tin SGK và trả lời  *+ Đinh Bộ Lĩnh là người ở đâu?*  *+ Truyện cờ lau tập trận nói lên điều gì về Đinh Bộ Lĩnh khi còn nhỏ?*  *+ Đinh Bộ Lĩnh đã có công gì?*  ***\*GV: Lớn lên gặp buổi loạn lạc, Đinh Bộ Lĩnh đã xây dựng lực lượng đem quân đi dẹp loạn 12 sứ quân. Năm 968 ông đã thống nhất được giang sơn***  *+ Sau khi thống nhất đất nước Đinh Bộ Lĩnh đã làm gì?*  **HĐ2: Đất nuớc thống nhất.**  - GV: Đinh Bộ Lĩnh lên ngôi vua, lấy niên hiệu là Đinh Tiên Hoàng, đóng đô ở Hoa Lư, đặt tên nước là Đại Cồ Việt, niên hiệu Thái Bình.  **+ Đại Cồ Việt**: nước Việt lớn.  **+ Thái Bình**: yên ổn, không có loạn lạc và chiến tranh.  - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm: lập bảng so sánh tình hình đất nước trước và sau khi được thống nhất theo mẫu  - Gọi đại diện các nhóm báo cáo, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  - Nhận xét, chốt đáp án.  **3. Hoạt động ứng dụng** *(1p)*.  ***-*** GV tổng kết và GD như lòng tự hào dân tộc, lòng yêu nước  **4. Hoạt động sáng tạo** *(1p)* |

**ĐIỀU CHỈNH-BỔ SUNG**

..........................................................................................................................................................................................................................................................................

.....................................................................................................................................

*Thứ ....... ngày ...... tháng ..... năm .........*

**LUYỆN TỪ VÀ CÂU**

**MỞ RỘNG VỐN TỪ: ƯỚC MƠ**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Biết thêm một số từ ngữ về chủ điểm Trên đôi cánh ước mơ; bước đầu tìm được một số từ cùng nghĩa với từ ước mơ bắt đầu bằng tiếng ước, bằng tiếng mơ (BT1, BT2); ghép được từ ngữ sau từ ước mơ và nhận biết được sự đánh giá của từ ngữ đó (BT3), nêu được VD minh hoạ về một loại ước mơ (BT4).

*\* ĐCND: Không làm bài 5*

**2. Kĩ năng**

- Rèn kĩ năng dùng từ, đặt câu

**3. Thái độ**

- HS có biết tạo cho mình những ước mở được đánh giá cao

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL tự học, NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: + HS chuẩn bị tự điển (nếu có). GV phô tô vài trang cho nhóm.

+ Giấy khổ to và bút dạ.

- HS: vở BT, bút, ...

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Quan sát, hỏi đáp, thảo luận nhóm.

- KT: Kĩ thuật đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của HS** | **Hoạt động của GV** | |
| - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ. | | 1**. Khởi động** (3p)  - GV giới thiệu và dẫn vào bài mới | |
| **2. Hoạt động thực hành***:(30p)*  **\* Mục tiêu:** - Biết thêm một số từ ngữ về chủ điểm Trên đôi cánh ước mơ; bước đầu tìm được một số từ cùng nghĩa với từ ước mơ bắt đầu bằng tiếng ước, bằng tiếng mơ (BT1, BT2); ghép được từ ngữ sau từ ước mơ và nhận biết được sự đánh giá của từ ngữ đó (BT3), nêu được VD minh hoạ về một loại ước mơ (BT4).  **\* Cách tiến hành: Cá nhân-Nhóm-Cả lớp** | | | |
| **Cá nhân-Lớp**  - HS đọc yêu cầu  - HS tìm cá nhân-Nối tiêp báo cáo  Đ/á: ***Mơ tưởng, mong ước.***  **Nhóm 4- Lớp**  - Thực hiện theo yêu cầu của GV  - HS thảo luận nhóm 4 làm bài.  - TBHT điều hành các nhóm báo cáo-KL lời giải đúng  Đ/á:  + Bắt đầu bằng tiếng ***ước****:* Ước mơ, ước muốn, ước ao, ước mong, ước vọng.  + Bắt đầu bằng tiếng ***mơ****:* Mơ ước, mơ tưởng, mơ mộng.  **Nhóm 2- Lớp**  - Thực hiện theo yêu cầu của GV  - HS thảo luận cặp đôi để ghép từ ngữ thích hợp.  - Đại diện nhóm báo cáo đáp án-nhóm khác nhận xét , bổ sung.  Đ/á:  a. Đánh giá cao: *ước mơ đẹp đẽ, ước mơ cao cả, ước mơ lớn, ước mơ chính đáng*  b. Đánh giá không cao: *ước mơ nho nhỏ*  c. Đánh giá thấp: *ước mơ viễn vong, ước mơ kì quặc, ước mơ dại dột.*  **Cá nhân –Lớp**  - Thực hiện theo yêu cầu của GV.  - HS tự suy nghĩ *(làm việc cá nhân)* và tìm ví dụ minh họa cho những ước mơ đó.  VD:  + Ước mơ được: đánh giá cao*: Ước mơ học giỏi để trở thành thợ bậc cao/ trở thành bác sĩ/ kĩ sư/ phi công/ bác học/ trở thành những nhà phát minh, sáng chế/ những người có khả năng ngăn chặn lũ lụt/ tìm ra loại thuốc chữa được những chứng bệnh hiểm nghèo./ Ước mơ về cuộc sống no đủ, hạnh phúc, không có chiến tranh/ Ước mơ chinh phục vũ trụ…*  + Ước mơ được đánh giá không cao: *Đó là những ước mơ giãn dị, thiết thực có thể thực hiện được, không cần nổ lực lớn: ước mơ muốn có truyện đọc/ có xe đạp. Có một đồ chơi/ đôi giày mới. Chiếc cặp mới/ được ăn một quả đào tiên/ muốn có gậy như ý của Tôn Hành Giả…*  + Ước mơ bị đánh giá thấp: *Đó là những ước mơ phi lí, không thể thực hiện được; hoặc là những ước mơ ích kỉ, có lợi cho bản thân nhưng có hại cho người khác…*  *Ước mơ viển vông của chàng Rít trong truyện Ba điều ước/ Ước mơ thể hiện lòng tham không đáy của vợ ông lão đánh cá: Ông lão đánh cá và con cá vàng. Ước mơ tầm thường- ước được ăn dồi chó- Ba điều ước/ Ước đi học không bị cô giáo kiểm tra bài, ước được xem ti vi suốt ngày, ước không phải học mà vẫn được điểm cao, ước không phải làm mà cái gì cũng có,...*  - Ghi nhớ các từ ngữ cùng chủ điểm  - Lập kế hoạch để thực hiện những ước mơ của em | **Bài 1:** Ghi lại những từ trong bài ***Trung thu độc* *lập*** cùng nghĩa với từ ***ước mơ***  - Gọi HS đọc yêu cầu.  - YC HS đọc thầm lại bài: *Trung thu độc lập* và tìm các từ cùng nghĩa với từ “ước mơ”.  - Kết luận về những từ đúng.  ***Bài 2:*** Tìm thêm từ cùng nghĩa với từ ***ước mơ***  - Gọi 1 HS đọc yêu cầu.  - Lưu ý HS có thể sử dụng từ điển để tìm từ. Nhóm nào làm xong trước báo cáo kết quả. Các nhóm khác nhận xét, bổ sung để hoàn thành bài tập.  - Kết luận về những từ đúng.    ***Bài 3:***  - Gọi 1 HS đọc yêu cầu.  - GV gọi trình bày.  - Gọi HS nhận xét, bổ sung.  - Kết luận lời giải đúng.    ***Bài 4:***  - Gọi 1 HS đọc yêu cầu.  - Gọi HS phát biểu ý kiến. Sau mỗi HS nói GV nhận xét xem các em tìm ví dụ đã phù hợp với nội dung chưa?  **3. Hoạt động ứng dụng** *(1p)*  **4. Hoạt động sáng tạo** *(1p)* | |

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TOÁN**

***Tiết 43:* VẼ HAI ĐƯỜNG THẲNG VUÔNG GÓC**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Củng cố đặc điểm của 2 đường thẳng vuông góc

**2. Kĩ năng**

- Vẽ được đường thẳng đi qua một điểm và vuông góc với một đường thẳng cho trước.

- Vẽ được đường cao của một hình tam giác.

**3. Thái độ**

- Tích cực, tự giác học bài, trình bày bài sạch sẽ, khoa học

**4. Góp phần phát triển các kĩ năng**

- Năng lực tự học, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL tư duy - lập luận logic.

\* BT cần làm: Bài 1, bài 2

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: : Ê-ke, thước

- HS: Bộ đồ dùng Toán, ê-ke, thước

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Quan sát, hỏi - đáp, thảo luận nhóm.

- KT: đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của HS** | **Hoạt động của GV** |
| - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ | **1. HĐ khởi động *(3p)***  - GV dẫn vào bài |
| **2. Hình thành kiến thức** *(15p)*  **\* Mục tiêu:** Vẽ được đường thẳng đi qua một điểm và vuông góc với một đường thẳng cho trước.  **\* Cách tiến hành**  *a.Hướng dẫn vẽ đường thẳng đi qua một điểm và vuông góc với một đường thẳng cho trước:* | |
| **Cá nhân – Lớp.**  - Theo dõi thao tác của GV.  - 1 HS lên bảng vẽ, HS cả lớp vẽ vào vở  - Tam giác ABC.  - 1 HS lên bảng vẽ, HS cả lớp vẽ vào giấy nháp.  A  B H C  *+ Đường cao của hình tam giác chính là đoạn thẳng đi qua một đỉnh và vuông góc với cạnh đối diện của đỉnh đó.*  - HS dùng ê ke để vẽ.  *+ Một hình tam giác có 3 đường cao.* | - GV thực hiện các bước vẽ như SGK đã giới thiệu, vừa thao tác vẽ vừa nêu cách vẽ cho HS cả lớp quan sát (vẽ theo từng trường hợp).  - Đặt một cạnh góc vuông của ê ke trùng với đường thẳng AB.  - Chuyển dịch ê ke trượt theo đường thẳng AB sao cho cạnh góc vuông thứ hai của ê ke gặp điểm E. Vạch một đường thẳng theo cạnh đó thì được đường thẳng CD đi qua E và vuông góc với đường thẳng AB.  Điểm E nằm trên đường thẳng AB.  - GV tổ chức cho HS thực hành vẽ.  + Yêu cầu HS vẽ đường thẳng AB bất kì.  + Lấy điểm E trên đường thẳng AB (hoặc nằm ngoài đường thẳng AB).  + Dùng ê ke để vẽ đường thẳng CD đi qua điểm E và vuông góc với AB.  - GV nhận xét và giúp đỡ các em còn chưa vẽ được hình.  *b. Hướng dẫn vẽ đường cao của tam giác:*  - GV vẽ lên bảng tam giác của ABC như phần bài học của SGK.  - GV yêu cầu HS đọc tên tam giác.  - GV yêu cầu HS vẽ đường thẳng đi qua điểm A và vuông góc với cạnh BC của hình tam giác ABC.  - GV nêu: Qua đỉnh A của hình tam giác ABC ta vẽ đường thẳng vuông góc với cạnh BC, cắt cạnh BC tại điểm H. Ta gọi đoạn thẳng AH là đường cao của hình tam giác ABC.  *+ Đường cao của tam giác có đặc điềm gì?*    - GV yêu cầu HS vẽ đường cao hạ từ đỉnh B, đỉnh C của hình tam giác ABC.  *+ Một hình tam giác có mấy đường cao ?(hs năng khiếu)* |
| **3. HĐ thực hành (18p)**  **\* Mục tiêu: -** Vẽ được đt đi qua 1 điểm và vuông góc với 1 đt cho trước  - Vẽ được đường cao của tam giác  **\* Cách tiến hành:** | |
| - 2 HS lên bảng vẽ hình, mỗi HS vẽ theo một trường hợp, HS cả lớp vẽ vào vở.  - HS nhận xét.  C  E  C E D  D  D  E  C  - Thực hiện theo yêu cầu của GV.    A  B C  B  C A  - HS tự vẽ vào vở    - Ghi nhớ cách vẽ đt vuông góc  A B  **C** | ***Bài 1:*** - GV yêu cầu HS đọc đề bài, sau đó tự vẽ hình.      - GV nhận xét, khen/ động viên.  ***Bài 2:*** Hãy vẽ các đường cao AH của hình tam giác trong mỗi trường hợp sau...  - HS đọc yêu cầu bài tập.  - GV yêu cầu cả lớp làm bài vào vở.  - GV chữa bài, nhận xét bài làm của HS.  **Bài 3 *(bài tập chờ dành cho HS hoàn thành sớm***  **4. Hoạt động ứng dụng** (1p)  **5. Hoạt động sáng tạo** (1p)  - Vẽ đường cao cho tam giác ở hình bên |

**ĐIỀU CHỈNH-BỔ SUNG**

...................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**ĐẠO ĐỨC**

**TIẾT KIỆM THỜI GIỜ (tiết 1)**

**I.MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Nêu được ví dụ về tiết kiệm thời giờ.

- Biết được lợi ích của tiết kiệm thời giờ.

**2. Kĩ năng**

- Bước đầu biết sử dụng thời gian học tập, sinh hoạt,… hằng ngày một cách hợp lí.

**3. Thái độ**

- Có ý thức sử dụng thời gian học tập, sinh hoạt,… hằng ngày một cách hợp lí.

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL tự học, NL giải quyết vấn đề, NL hợp tác, sáng tạo

***\* KNS:*** *- Xác định giá trị của thời gian là vô giá*

*- Lập kế hoạch khi làm việc, học tập để sử dụng thời gian hiệu quả*

*- Quản lí thời gian trong sinh hoạt học tập hằng ngày*

*- Bình luận, phê phán việc lãng phí thời gian*

***\* GD tư tưởng HCM****: Cần, kiệm, liêm, chính.*

**I. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Truyện, tấm gương về tiết kiệm thời giờ

- HS: Mỗi HS có 2 tấm bìa màu: xanh, đỏ.

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm, trò chơi, đóng vai.

- KT: động não, tia chớp, chia sẻ nhóm 2

**III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của HS** | **Hoạt động của GV** |
| - TBHT điều hành lớp trả lời, nhận xét | **1.Khởi động:***(5p)*  + Vì sao cần tiết kiệm tiền của?  + Em đã làm gì để tiết kiệm tiền của?  - GV nhận xét, khen/ động viên. |
| **2.Hình thành KT mới***(15p)*  **\* Mục tiêu:** - Nêu được ví dụ về tiết kiệm thời giờ.  - Biết được lợi ích của tiết kiệm thời giờ.  **\* Cách tiến hành: Cá nhân-Nhóm-Lớp** | |
| **Nhóm – Lớp**  *+ Luôn chậm trễ hơn người khác, …*  *+ Mi- chi- a thất bại, phải về sau bạn Vích- to.*  *+ Con người chỉ càn một phút cũng làm nên việc quan trọng.*  - HS thảo luận.  - Đại diện nhóm trả lời. Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  + HS đến phòng thi muộn có thể không được vào thi hoặc ảnh hưởng xấu đến kết quả bài thi.  + Hành khách đến muộn có thể bị nhỡ tàu, nhỡ máy bay.  + Người bệnh được đưa đến bệnh viện cấp cứu chậm có thể bị nguy hiểm đến tính mạng. | **HĐ1: Kể chuyện “Một phút”** SGK/14- 15:  - GV kể chuyện kết hợp với việc đóng vai minh họa của một số HS.  - GV cho HS thảo luận theo 3 câu hỏi trong SGK/15.  *+ Mi- chi- a có thói quen sử dụng thời giờ như thế nào?*  *+ Chuyện gì đã xảy ra với Mi- chi- a trong cuộc thi trượt tuyết?*  *+ Sau chuyện đó, Mi- chi- a đã hiểu ra điều gì?*  ***- GV : Mỗi phút điều đáng quý. Chúng ta phải tiết kiệm thời giờ.***  **HĐ2: Thảo luận nhóm** (Bài tập 2- SGK/16):  - GV chia 3 nhóm và giao nhiệm vụ cho mỗi nhóm thảo luận về một tình huống.  🟇Nhóm 1: Điều gì sẽ xảy ra nếu HS đến phòng thi bị muộn.    🟇Nhóm 2: Nếu hành khách đến muộn giờ tàu, máy bay thì điều gì sẽ xảy ra?  🟇Nhóm 3: Điều gì sẽ xảy ra nếu người bệnh được đưa đến bệnh viện cấp cứu chậm?  \*K**ết luận**. |
| **3. Hoạt động thực hành:** *(17p)*  **\* Mục tiêu:** Bày tỏ thái độ của mình về các việc làm, hành vi tiết kiệm và lãng phí thời gian  **\* Cách tiến hành** | |
| - Thực hiện theo yêu cầu của GV.  Đ/a:  + Ý kiến d là đúng.  + Các ý kiến a, b, c là sai  - Cả lớp trao đổi, thảo luận và giải thích.  - HS đọc.  - Xây dựng kế hoạch tiết kiệm thời gian của bản thân. | **HĐ3: Bày tỏ thái độ**(bài tập 3- SGK):  - GV lần lượt nêu từng ý kiến trong bài tập 3  Em hãy cùng các bạn trong nhóm trao đổi và bày tỏ thái độ về các ý kiến sau (Tán thành hoặc không tán thành):  a. Thời giờ là thứ ai cũng có, chẳng mất tiền mua nên không cần tiết kiệm.  b. Tiết kiệm thời giờ là học suốt ngày, không làm việc gì khác.  c. Tiết kiệm thời giờ là tranh thủ làm nhiều việc trong cùng 1 lúc.  d. Tiết kiệm thời giờ là sử dụng thời giờ một cách hợp lí, có hiệu quả.  - GV đề nghị HS giải thích về lí do lựa chọn của mình.  - GV kết luận.  - GV yêu cầu 2 HS đọc phần ghi nhớ.  **4. Hoạt đông ứng dụng *(1p)***  - Liên hệ giáo dục KNS, giáo dục tư tưởng HCM  **5. Hoạt động sáng tạo** *(1p)* |

**ĐIỀU CHỈNH-BỔ SUNG**

..............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**KỂ CHUYỆN**

**KỂ CHUYỆN ĐƯỢC CHỨNG KIẾN HOẶC THAM GIA**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Chọn được một câu chuyện về ước mơ đẹp của mình hoặc bạn bè, người thân.

**2. Kĩ năng:**

- Biết sắp xếp các sự việc thành một câu chuyện để kể lại rõ ý; biết trao đổi về ý nghĩa câu chuyện.

**3. Thái độ**

- Có ước mơ đẹp và nỗ lực để thực hiện ước mơ của mình

- Phê phán những ước mơ viển vông, phi lí

**4. Góp phần bồi dưỡng các năng lực**

- NL giao tiếp và hợp tác, NL sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ.

*\** ***KNS:*** *-Thể hiện sự tự tin. Lắng nghe tích cực. Đặt mục tiêu. Kiên định*

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Các câu chuyện về ước mơ đẹp của mình hoặc bạn bè, người thân.

- HS: SGK, câu chuyện

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm.

- KT: đặt câu hỏi, chia sẻ nhóm.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ | **1. Khởi động***:(5p)* |
| **2. Tìm hiểu, lựa chọn câu chuyện:***(8P)*  **\* Mục tiêu: HS c**họn được một câu chuyện về ước mơ đẹp của mình hoặc bạn bè, người thân.  **\* Cách tiến hành: Cá nhân-Nhóm-Lớp**  **Đề bài**: Kể chuyện về một ước mơ đẹp của em hoặc của bạn bè em, người thân. | |
| - Đọc để bài, gạch chân dưới các từ quan trọng.  **Đề bài**: Kể chuyện về một ước mơ đẹp của em hoặc của bạn bè em, người thân.  *+ Đề bài yêu cầu đây là ước mơ phải có thật.*  *+ Nhân vật chính trong truyện là em hoặc bạn bè, người thân.*  - 3 HS đọc thành tiếng gợi ý 2.  - HS tiếp nối nhau nói đề tài KC và hướng xây dựng cốt truyện của mình  VD: Tôi muốn kể một câu chuyện giải thích vì sao tôi ước mơ trở thành cô giáo.  - HS đọc gợi ý 3.  - HS suy nghĩ đặt tên cho câu chuyện của mình.  - Lắng nghe | - GV hướng dẫn TBHT giúp cả lớp tìm hiểu đề bài:  *+ Yêu cầu của đề bài về ước mơ là gì?*  *+ Nhân vật chính trong truyện là ai?*  ***a. Giúp HS hiểu các hướng xây dựng cốt truyện.***  - Gọi HS đọc gợi ý 2. (các hướng xây dựng cốt truyện và VD)  - GV ghi nhanh 3 hướng xây dựng cốt truyện.  + Nguyên nhân làm nảy sinh ước mơ đẹp.  + Những cố gắng để đạt ước mơ.  + Những khó khăn đã vượt qua, ước mơ đã đạt được.  + Em xây dựng cốt truyện của mình theo hướng nào? Hãy giới thiệu cho các bạn cùng nghe.  ***b. Đặt tên cho câu chuyện:***  - Gv gọi HS đọc gợi ý 3.  - Yêu cầu HS suy nghĩ đặt tên cho câu chuyện.  \* Gv lưu ý HS: Kể chuyện chứng kiến, em phải mở đầu chuyện ở ngôi thứ nhất (tôi, em. VD: ở cạnh nhà tôi có một cô chơi đàn rất hay... Kể câu chuyện em trực tiếp tham gia, em phải là nhân vật chính trong câu chuyện). |
| **3 . Thực hành kể chuyện – Tìm hiểu ý nghĩa câu chuyện***:(15- 20p)*  **\* Mục tiêu:** HS ghi nhớ nội dung câu chuyện và kể lại được theo lời kể của mình.  - Nêu được ý nghĩa câu chuyện  **\* Cách tiến hành: Cá nhân - Nhóm- Lớp** | |
| - Từng cặp HS kể cho nhau nghe câu chuyện về ước mơ của mình.  - HS tham gia kể chuyện.  - Hỏi và trả lời câu hỏi.  - Nhận xét nội dung truyện và lời kể của bạn.  - Kể lại câu chuyện cho người thân nghe  - Trình bày kế hoạch để thực hiện ước mơ của em | - Gv đưa bảng nêu tiêu chí đánh giá :  ***\* Kể chuyện theo cặp:***  - GV theo dõi, hướng dẫn góp ý.  ***\*Thi KC trước lớp:***  - Tổ chức cho HS thi kể.  - Mỗi HS kể GV ghi nhanh lên bảng tên HS, tên truyện, ước mơ trong truyện.  - Sau mỗi HS kể, GV yêu cầu HS dưới lớp hỏi bạn về nội dung, ý nghĩa, cách thức thực hiện ước mơ đó để tạo không khí sôi nổi, hào hứng ở lớp học.  - Gọi HS nhận xét bạn kể theo các tiêu chí đã nêu ở các tiết trước.  - Nhận xét từng HS, khen/ động viên.  -Tuyên dương Hs thi kể hay.  - GV nhận xét, đánh giá, liên hệ giáo dục về ước mơ và nỗ lực thực hiện ước mơ  **4. Hoạt động ứng dụng *(1p)***  **5. Hoạt động sáng tạo *(1p)*** |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**KĨ THUẬT**

**KHÂU ĐỘT THƯA (tiết 2)**

**I.MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- HS biết cách khâu đột thưa và ứng dụng của khâu đột thưa.

**2. Kĩ năng**

- Khâu được các mũi khâu đột thưa, các mũi khâu có thể chưa đều nhau. Đường khâu có thể bị rúm.

\*HS khéo tay khâu được mũi khâu đột thưa. Các mũi khâu tương đối đều nhau. Đường khâu ít bị rúm.

**3. Thái độ**

- Giáo dục tính cẩn thận, khéo léo, an toàn khi thực hành

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL thẩm mĩ.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: + Bộ đồ dùng khâu thêu.

+ Tranh quy trình khâu mũi khâu đột thưa. Vật liệu và dụng cụ cần thiết

- HS: Bộ ĐDHT lớp 4, vở.

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Quan sát, hỏi đáp, thảo luận nhóm.

- KT: đặt câu hỏi, tia chớp, động não, phòng tranh

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBVN điều hành | **1. HĐ khởi động (3p)**  - HS hát bài hát khởi động:  - Kiểm tra sự chuẩn bị đồ dùng của HS |
| **2. HĐ thực hành:***(30p)*  **\* Mục tiêu:**- Khâu được các mũi khâu đột thưa, các mũi khâu có thể chưa đều nhau. Đường khâu có thể bị rúm.  **\* Cách tiến hành: Cá nhân- Nhóm- Lớp** | |
| **Cá nhân – Lớp**  - HS nhắc lại phần ghi nhớ và thực hiện các thao tác khâu đột thưa.  *+ Bước 1: Vạch dấu đường khâu.*  *+ Bước 2: Khâu đột thưa theo đường vạch dấu.*  - HS thực hành cá nhân.  - HS trưng bày sản phẩm.  - HS lắng nghe.  - HS tự đánh giá các sản phẩm theo các tiêu chuẩn trên.  - Thực hành khâu đột thưa tại nhà  - Tạo sản phẩm từ khâu đột thưa | **HĐ 3**: **HS thực hành khâu đột thưa**  - Nêu các bước thực hiện cách khâu đột thưa.  - GV nhận xét và củng cố kỹ thuật khâu mũi đột thưa qua hai bước:  - GV hướng dẫn thêm những điểm cần lưu ý khi thực hiện khâu mũi đột thưa.  - GV kiểm tra sự chuẩn bị của HS và nêu thời gian yêu cầu HS thực hành.  - GV quan sát uốn nắn thao tác cho những HS còn lúng túng hoặc chưa thực hiện đúng.  **HĐ4: Đánh giá kết quả học tập của HS:**  - GV tổ chức cho HS trưng bày sản phẩm thực hành.  - GV nêu tiêu chẩn đánh giá sản phẩm:  + Đường vạch dấu thẳng, cách đều cạnh dài của mảnh vải.  + Khâu được các mũi khâu đột thưa theo đường vạch dấu.  + Đường khâu tương đối phẳng, không bị dúm.  + Các mũi khâu ở mặt phải tương đối bằng nhau và cách đều nhau.  + Hoàn thành sản phẩm đúng thời gian quy định.  - GV nhận xét và đánh giá kết quả học tập của HS.  **3. Hoạt động ứng dụng *(1p)***  **4. HĐ sáng tạo *(1p****)* |

**ĐIỀU CHỈNH-BỔ SUNG**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

*Thứ ....... ngày ...... tháng ..... năm .........*

**TẬP ĐỌC**

**ĐIỀU ƯỚC CỦA VUA MI- ĐÁT**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Hiểu một số từ ngữ trong bài: phép màu, quả nhiên, đầy tớ ....

- Hiểu ý nghĩa: Những ước muốn tham lam không mang lại hạnh phúc cho con người (trả lời được các câu hỏi trong SGK).

**2. Kĩ năng**

- Bước đầu biết đọc diễn cảm phân biệt lời các nhân vật (lời xin, khẩn cầu của Mi-đát, lời phán bảo oai vệ của thần Đi-ô-ni-dốt).

**3. Thái độ**

- Giáo dục HS có những ước muốn chính đáng

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: + Tranh minh hoạ bài tập đọc trang 90 SGK (phóng to)

+ Bảng lớp ghi sẵn đoạn cần luyện đọc.

- HS: SGK

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- Phương pháp: Quan sát, hỏi - đáp, đóng vai.

- Kĩ thuật: Làm việc nhóm, chia sẻ

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - 3 HS đọc phân vai  - Cương có ước mơ làm thợ rèn và đã thuyết phục mẹ đồng ý với ước mơ của mình | **1. Khởi động:** *(3p)*  - Đọc phân vai bài Thưa chuyện với mẹ  + Nêu nội dung bài  - GV dẫn vào bài mới |
| **2. Luyện đọc:** *(8-10p)*  **\* Mục tiêu:** Chia được các đoạn bài.Bước đầu biết đọc diễn cảm phân biệt lời các nhân vật (lời xin, khẩn cầu của Mi-đát, lời phán bảo oai vệ của thần Đi-ô-ni-dốt).  \* **Cách tiến hành:** | |
| - 1 HS đọc bài, cả lớp đọc thầm  - Lớp trưởng điều hành cách chia đoạn  - Bài chia làm 3 đoạn:  + Đoạn1: *Có lần thần … hơn thế nữa.*  + Đoạn 2: *Bọn đầy tớ … tôi được sống.*  + Đoạn 3: *Thần Đi- ô- ni- dốt… đến tham lam.*  - Nhóm trưởng điều hành nhóm đọc nối tiếp đoạn trong nhóm lần 1 và phát hiện các từ ngữ khó (*Mi-đát, Đi-ô-ni-dốt, Pác-tôn, sung sướng,...,...)*  - Luyện đọc từ khó: Đọc mẫu (M4)-> Cá nhân (M1)-> Lớp  - Giải nghĩa từ khó: phép màu, quả nhiên (đọc phần chú giải)  - HS đọc nối tiếp đoạn lần 2 theo điều khiển của nhóm trưởng  - Các nhóm báo cáo kết quả đọc  - 1 HS đọc cả bài (M4) | - Gọi 1 HS đọc bài (M3)  - GV lưu ý giọng đọc: Toàn bài đọc với giọng khoan thai. Lời vua Mi- đát chuyển từ phấn khởi, thoả mãn sang hốt hoảng, cầu khẩn, hối hận. Lời phán của thần Đi- ô- ni- dốt đọc với giọng điềm tĩnh, oai vệ.  - GV chốt vị trí các đoạn:  - Lưu ý sửa lỗi đọc và ngắt nghỉ cho các HS (M1)    - GV giải nghĩa thêm một số từ khó.  *Khủng khiếp;* nghĩa là rất hoảng sợ, sợ đến mức tột độ  +Đặt câu với từ *khủng khiếp?(HS năng khiếu)* |
| **3.Tìm hiểu bài:** *(8-10p)*  **\* Mục tiêu:** HS hiểu được nội dung bài học, nêu được nội dung đoạn, bài.  **\* Cách tiến hành: *Làm việc cá nhân – Chia sẻ cặp đôi – Chia sẻ trước lớp*** | |
| - 1 HS đọc các câu hỏi cuối bài  - HS ttự làm việc nhóm 4 trả lời các câu hỏi  - TBHT điều hành hoạt động báo cáo:  *+ Thần Đi- ô- ni- dốt cho Mi- đát một điều ước. Vua Mi- đat xin thần làm cho mọi vật ông chạm vào đều biến thành vàng.*  *+ Vì ông ta là người tham lam.*  *+Vua bẻ thử một cành sồi, ngắt thử một quả táo, chúng đều biến thành vàng. Nhà vua tưởng như mình là người sung sướng nhất trên đời.*  Ý1: ***Điều ước của vua Mi- đát được thực hiện.***  *+ Vì nhà vua nhận ra sự khủng khiếp của điều ước: vua không thể ăn, uống bất cứ thứ gì. Vì tất cả mọi thứ ông chạm vào đều biến thành vàng. Mà con người không thể ăn vàng được.*  Ý2: ***Vua Mi- đát nhận ra sự khủng khiếp của điều ước.***  + Ông đã mất đi phép màu và rửa sạch lòng tham.  + Vua Mi- đát hiểu ra rằng hạnh phúc không thể xây dựng bằng ước muốn tham lam.  Ý3: ***Vua Mi- đát rút ra bài học quý.***  **Ý nghĩa: Câu chuyện cho ta một bài học: Những điều ước tham lam không bao giờ mang lại hạnh phúc cho con người**.  - HS ghi lại nội dung | *+ Thần Đi- ô- ni- dốt cho vua Mi- đát cái gì?Vua Mi- đát xin thần điều gì?*  *+ Theo em, vì sao vua Mi- đát lại ước như vậy?*  *+ Thoạt đầu điều ước được thực hiện tốt đẹp như thế nào?*  *+ Đoạn 1 nói lên điều gì?*  *+ Tại sao vua Mi- đát lại xin thần Đi- ô- ni- dôt lấy lại điều ước?*  *+ Đoạn 2 nói lên điều gì?*  *+ Vua Mi- đát có được điều gì khi nhúng mình vào dòng nước trên sông Pác- tôn?*  *+ Vua Mi- đát hiểu ra điều gì?*  *+ Nêu nội dung của đoạn 3?*  *+ Câu chuyện có ý nghĩa gì?*  - GV ghi nội dung lên bảng |
| **3. Luyện đọc diễn cảm:** *(8-10p)*  **\* Mục tiêu:** HSbiết đọc diến cảm toàn bài, thể hiện giọng đọc phù hợp, phân biệt lời các nhân vật (lời xin, khẩn cầu của Mi-đát, lời phán bảo oai vệ của thần Đi-ô-ni-dốt).  **\* Cách tiến hành: Hoạt động cá nhân – nhóm - cả lớp** | |
| - 1 HS nêu lại  - Nhóm trưởng điều khiển nhóm đọc phân vai  - Thi đọc phân vai trước lớp  - Lớp nhận xét, bình chọn.  - HS nêu suy nghĩ của mình  - Kể 1 câu chuyện em biết trong cuộc sống về một mơ ước viển vông, tham lam. | + Yêu cầu HS nêu giọng đọc toàn bài  - GV nhận xét chung  **4. Hoạt động ứng dụng** *(1 phút)*  - Em có suy nghĩ gì về điều ước của vua Mi-đát?  - Liên hệ, giáo dục HS những mơ ước chính đáng  **5. Hoạt động sáng tạo** *(1 phút)* |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TOÁN**

***Tiết 44:* VẼ HAI ĐƯỜNG THẲNG SONG SONG**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Củng cố đặc điểm của 2 đường thẳng song song

**2. Kĩ năng**

- Biết vẽ đường thẳng đi qua một điểm và song song với một đường thẳng cho trước (bằng thước kẻ và ê ke).

**3. Thái độ**

- Học tập tích cực, tính toán chính xác

**4. Góp phần phát triền các NL:**

- NL tự học, NL sáng tạo, NL giải quyết vấn đề

\* Bài tập cần làm: Bài 1, bài 3

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: ê- ke, thước

- HS: đồ dùng học toán, ê-ke, thước

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Quan sát, hỏi đáp, thảo luận nhóm.

- KT: động não, tia chớp, chia sẻ nhóm 2

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ | **1. Khởi động *(5p)***  - GV giới thiệu, dẫn vào bài mới |
| **2. Hình thành kiến thức (***15p)*  **\* Mục tiêu: :** Biết vẽ đường thẳng đi qua một điểm và song song với một đường thẳng cho trước (bằng thước kẻ và ê ke).  **\* Cách tiến hành:**. | |
| **Cá nhân- Nhóm- Lớp**  - HS thực hành vào nháp- 1 HS lên bảng  - Vẽ theo yêu cầu của GV  *+ Hai đt AB và CD song song với nhau*  - HS nêu lại trình tự các bước vẽ như vừa thực hành | **a.** Hướng dẫn vẽ đường thẳng đi qua một điểm và song song với một đường thẳng cho trước:  - GV nêu các thao tác vẽ  + Vẽ đường thẳng AB và lấy một điểm E nằm ngoài AB.  + Vẽ đường thẳng MN đi qua E và vuông góc với đường thẳng AB.  + Vẽ đường thẳng đi qua E và vuông góc với đường thẳng MN vừa vẽ.  b. Gọi tên đường thẳng vừa vẽ là CD, có *nhận xét gì về đường thẳng CD và đường thẳng AB?*  - GV kết luận: Vậy chúng ta đã vẽ được đường thẳng đi qua điểm E và song song với đường thẳng AB cho trước. |
| **3. HĐ thực hành *(18p)***  **\* Mục tiêu*:*** HS nhận biết và biết kẻ, vẽ hai đường thẳng song song,...  **\* Cách tiến hành:** | |
| - HS đọc yêu cầu bài tập.  *+ Vẽ đường thẳng đi qua điểm M và vuông góc với đường thẳng CD.*  *+ Tiếp tục vẽ đường thẳng song song với CD.*  - HS lên bảng vẽ hình theo hướng dẫn của GV. Lớp làm vào vở.  - Cả lớp nhận xét, chữa bài.  - Thực hiện theo yêu cầu của GV  - 1 HS lên bảng vẽ, HS cả lớp vẽ vào vở  C  B E  A D  - Vẽ đường thẳng đi qua B, vuông góc với AB, đường thẳng này song song với AD.  (Vì theo hình vẽ ta đã có BA vuông góc với AD.)  - Góc đỉnh E của hình tứ giác BEDA là góc vuông.  - HS tự làm vào vở Tự học  - Ghi nhớ cách vẽ 2 đt song song  a. Hãy kể tên các cặp cạnh song song với nhau trong hình vẽ của bài tập 3?  b. Hãy kể tên các cặp cạnh vuông góc với nhau trong bài tập 3? | ***Bài 1:***.  - GV vẽ lên bảng đường thẳng CD và lấy một điểm M nằm ngoài CD như hình vẽ trong bài  *+Để vẽ được đường thẳng AB đi qua M và song song với đường thẳng CD, trước tiên chúng ta vẽ gì?*  *+ Sau khi đã vẽ được đường thẳng qua M và vuông góc với CD, chúng ta tiếp tục vẽ gì?*  - Nhận xét, khen/ động viên.  ***Bài 3***  - GV yêu cầu HS đọc bài, sau đó tự vẽ hình.  - GV yêu cầu HS nêu cách vẽ đường thẳng đi qua B và song song với AD.  - GV nhận xét, khen/ động viên.  **Bài 2 *(bài tập chờ dành cho HS hoàn thành sớm)***  - GV chữa, chốt cách vẽ và các cặp cạnh song song  **4. HĐ ứng dụng *(1p)***  **5. HĐ sáng tạo *(1p)*** |

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

:...................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TẬP LÀM VĂN**

**LUYỆN TẬP VIẾT THƯ**

**I.MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Giúp HS ôn tập văn viết thư

**2. Kĩ năng**

- HS viết được một lá thư cho thầy/cô giáo cũ. Lá thư có đầy đủ bố cục, trình bày sạch sẽ, lời lẽ trong thư chân thành, giàu tình cảm.

**3. Thái độ**

- Giáo dục lòng biết ơn thầy cô

**4. Góp phần phát triển NL:**

**-** NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL ngôn ngữ.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Bảng phụ, bảng đánh giá.

- HS: SGK, Bút, vở

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Quan sát, hỏi đáp.

- KT: đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBHT điều hành các bạn trả lời | **1. Khởi động:(***5p)*  - Một lá thư có cấu tạo gồm mấy phần? Đó là những phần nào? Nêu cấu tạo của từng phần?  - GV dẫn vào bài mới |
| **2. . Hoạt động thực hành:** *(27p)*  **\* Mục tiêu:** - HS viết được một lá thư cho thầy/cô giáo cũ. Lá thư có đầy đủ bố cục, trình bày sạch sẽ, lời lẽ trong thư chân thành, giàu tình cảm.  **\* Cách tiến hành:**  ***Đề bài: Em hãy viết thư cho thầy/cô giáo cũ để thăm hỏi và kể cho thầy/cô nghe về tình hình học tập của em từ đầu năm đến nay.*** | |
| - 1 HS đọc đề bài.  - Lớp chép bài và thực hiện theo yêu câu  +*Viết thư cho thầy/cô giáo cũ (dạy Mầm non, lớp 1,2,3)*  *+ Thăm hỏi và kể cho thầy cô nghe tình hình học tập từ đầu năm đến giờ*  *+ Xưng hô lịch sự, trang trọng*  *+ Lời chúc, lời cảm ơn, hứa hẹn*  - HS viết bài vào vở  - Ghi nhớ bố cục bài văn viết thư  - Thay đổi mục đích viết thư để tạo ra những đề bài mới | a. Giúp HS tìm hiêu để bài  - Yêu cầu HS đọc đề bài, chép đề và gạch chân các từ ngữ quan trọng  *+Đề bài yêu cầu viết thư cho* *ai?*  *+Mục đích viết thư là gì?*  *+Viết thư cho thầy cô, lời xưng hô như thế nào?*  *+ Phần cuối thư cần viết những gì?*  b. Tổ chức cho HS viết bài  - Yêu cầu HS viết bài vào vở  - GV chữa lỗi cho HS, viết câu HS dùng từ và diễn đạt chưa tốt lên bảng để cả lớp chữa.  **3. Hoạt động ứng dụng *(1p)***  **4. Hoạt động sáng tạo *(1p)*** |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**KHOA HỌC**

**ÔN TẬP: CON NGƯỜI VÀ SỨC KHỎE**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Ôn tập các kiến thức về:

+ Sự trao đổi chất giữa cơ thể người với môi trường.

+ Các chất dinh dưỡng có trong thức ăn và vai trò của chúng.

+ Cách phòng tránh một số bệnh do ăn thiếu hoặc ăn thừa chất dinh dưỡng và các bệnh lây qua đường tiêu hoá.

+ Dinh dưỡng hợp lí.

+ Phòng tránh đuối nước.

**2. Kĩ năng**

- Kĩ năng chăm sóc, bảo vệ sức khoẻ và phòng tránh tai nạn, thương tích

**3. Thái độ**

- Có ý thức thực hiện theo bài học

**4. Góp phần phát triển các năng lực:**

- NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL hợp tác.

**II. CHUẨN BỊ :**

**1. Đồ dùng**

- GV: :+ Ô chữ, vòng quay, phần thưởng.

+ Nội dung thảo luận ghi sẵn trên bảng lớp

- HS: Chuẩn bị phiếu đã hoàn thành, các mô hình rau, quả, con giống.

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Quan sát, hỏi đáp, thảo luận nhóm, trò chơi.

- KT: động não, tia chớp, đặt câu hỏi, chia sẻ nhóm 2

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBHT điều hành HS trả lời và nhận xét  *+Không chơi đùa gần ao, sông, suối. Giếng nước phải được xây thành cao, có nắp đậy. ...* | **1. Khởi động** (5p)  +Nên làm gì để phòng tránh tai nạn đuối nước?  - GV nhận xét, khen/ động viên. |
| **2.Bài mới: *(****30p)*  **\* Mục tiêu:** - Ôn tập được một số KT về con người và sức khoẻ. Hình thành KN chăm sóc sức khoẻ bản thân, phòng tránh tai nạn, thương tích.  **\* Cách tiến hành: Cá nhân-Nhóm- Lớp** | |
| **Nhóm 4 - Lớp**  - Các nhóm thảo luận, sau đó đại diện các nhóm lần lượt trình bày.  *+Trong quá trình sống, con người lấy thức ăn nước uống từ môi trường và thải ra môi trường những chất cặn bã.*  *+ Các cơ quan hô hấp, tiêu hoá, tuần hoàn và bài tiết.*  - *Gồm có 4 nhóm:*  *+ Nhóm thức ăn chứa nhiều chất bột đường.*  *+ Nhóm thức ăn chứa nhiều chất đạm.*  *+ Nhóm thức ăn chứa nhiều chất béo.*  *+ Nhóm thức ăn chứa nhiều chất vi- ta- min, khoáng.*  *- Vì không có một loại thức ăn nào có thể cung cấp đủ các chất cần thiết cho hoạt động sống của cơ thể…*  - Một số bệnh do thiếu hoặc thừa chất dinh dưỡng:  *+ Bệnh suy dinh dưỡng: Cần cho trẻ ăn đủ chất và đủ lượng. Đối với trẻ em cần được theo dõi…*  *+ Bệnh béo phì: ăn uống hợp lí, rèn luyện tập thói quen ăn uống điều độ, ăn chậm, nhai kĩ….*  *+ Không nên chơi gần ao hồ, sông suối. Giếng nước phải được …*  *+ Chấp hành tốt các qui định về an toàn khi tham gia các phương tiện giao thông dường thuỷ…*  - Ghi nhớ các quy tắc an toàn khi tập bơi  - Giới các địa điểm mà các em có thể học bơi tại địa phương | **Thảo luận về chủ đề: Con người và sức khỏe.**  - Yêu cầu các nhóm thảo luận và trình bày về nội dung mà nhóm mình nhận được.  **1. Quá trình trao đổi chất của con người.**  *Nhóm 1*: *Trong quá trình sống, con người lấy những gì từ môi trường và thải ra môi trường những gì?*  *- Cơ quan nào có vai trò chủ đạo trong quá trình trao đổi chất?*  **2. Các chất dinh dưỡng cần cho cơ thể người.**  *Nhóm 2*: *Kể tên các nhóm chất dinh dưỡng mà cơ thể cần được cung cấp đầy đủ thường xuyên?*  *+ Tại sao chúng ta cần ăn phối hợp nhiều loại thức ăn?*  **3. Các bệnh thông thường.**  *Nhóm 3*: Kể tên và nêu cách phòng tránh một số bệnh do thiếu hoặc thừa chất dinh dưỡng và bệnh lây qua đường tiêu hoá?  \* **KNS:** Phòng một số bệnh lây qua đường tiêu hoá: Giữ vệ sinh ăn uống, vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường…  **4. Phòng tránh tai nạn sông nước.**  *Nhóm 4*: *Nên và không nên làm gì để phòng tránh tai nạn đuối nước?*  - GD KNS: Phòng tránh tai nạn đuối nước.  - GV tổng hợp ý kiến của HS và nhận xét.  **3. Hoạt động ứng dụng** (1p)  **4. Hoạt động sáng tạo *(****1p)* |

**ĐIỀU CHỈNH-BỔ SUNG**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

*Thứ ....... ngày ...... tháng ..... năm .........*

**LUYỆN TỪ VÀ CÂU**

**ĐỘNG TỪ**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Hiểu thế nào là động từ (từ chỉ hoạt động, trạng thái của sự vật: người, sự vật, hiện tượng).

**2. Kĩ năng**

- Nhận biết được động từ trong câu hoặc thể hiện qua tranh vẽ (BT mục III).

**3. Thái độ**

- Tích cực, tự giác học bài..

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL tự học, NL ngôn ngữ, NL sáng tạo

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: + Bảng phụ ghi sẵn đoạn văn ở bài tập 1 phần nhận xét.

+Tranh minh họa trang 94, SGK (phóng to nếu có điều kiện)

+ Giấy khổ to và bút dạ.

- HS: Vở BT, bút, ..

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm, trò chơi học tập

- KT: động não, đặt câu hỏi, chia sẻ, ...

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ | **1. Khởi động *(5p)***  - Dẫn vào bài mới |
| **2. Hình thành KT (15p)**  **\* Mục tiêu:** Hiểu thế nào là động từ (từ chỉ hoạt động, trạng thái của sự vật: người, sự vật, hiện tượng).  **\* Cách tiến hành:** | |
| **Cá nhân – Nhóm 4- Lớp**  - HS thực hiện theo HD của GV.  - 2 – 3 HS đọc đoạn văn.  - HS đọc yêu cầu của bài.  - Yêu cầu HS thảo luận trong nhóm 4 để tìm các từ theo yêu cầu.  Đ/a:  - Chỉ hoạt động của anh chiến sĩ hoặc của thiếu nhi: *nhìn, nghĩ, thấy.*  - Chỉ trạng thái của các sự vật.  + Của dòng thác: *đổ* (đổ xuống)  + Của lá cờ: *bay.*  - Động từ là những từ chỉ hoạt động trạng thái của sự vật.  - 3 HS đọc thành tiếng, cả lớp đọc thầm để thuộc ngay tại lớp.  - HS nêu ví dụ:  + Từ chỉ hoạt động: *ăn, xem, kể chuyện, múa hát, đi chơi, đi xe đạp, chơi điện tử…*  + Từ chỉ trạng thái: *bay là là, lượn vòng, yên lặng…* | ***a. Nhận xét:***    **Bài 1:** Đọc đoạn văn sau.  **Bài 2:**  - Gọi 1 HS đọc yêu cầu  - Gọi HS phát biểu ý kiến. Các HS khác nhận xét, bổ sung.  - Kết luận lời giải đúng.  **\* KL:** Các từ nêu trên chỉ hoạt động, trạng thái của người, của vật. Đó là động từ, vậy động từ là gì?  ***b. Ghi nhớ:***  - Gọi HS đọc phần *Ghi nhớ.*  - Yc HS lấy ví dụ về động từ. |
| **3. Hoạt động thực hành (***18p)*  **\* Mục tiêu:** Viết tên các hoạt động và gạch chân được động từ. Nhận biết được động từ trong câu, nói tên được động từ qua cử chỉ, động tác không lời của bạn  **\* Cách tiến hành:** | |
| **Nhóm 2- Lớp**  - Thực hiện theo yêu cầu của GV.  Đ/a:Các hoạt động ở nhà: *Đánh răng, rửa mặt, ăn cơm, uống nước, đánh cốc chén, trông em, quét nhà, tưới cây, tập thể dục, cho gà ăn, cho mèo ăn, nhặt rau, vo gạo, đun nước, pha trà, nấu cơm, gấp quần áo, làm bài tập, xem ti vi, đọc truyện, chơi điện tử…*  Các hoạt động ở trường: *Học bài, làm bài, nghe giảng, lau bàn, lau bảng, kê bàn ghế, chăm sóc cây, tưới cây, tập thể dục, sinh hoạt sao, chào cờ, hát, múa, kể chuyện, tập văn nghệ, diễn kịch…*  - HS đọc lại các từ vừa tìm được  **Nhóm 2 –Lớp**  - Thực hiện theo yêu cầu của GV.  Đ/a:  *a/. đến- yết kiến- cho- nhận – xin – làm – dùi – có thể- lặn.*  *b/. mỉm cười- ưng thuận- thử- bẻ- biến thành- ngắt- thành- tưởng- có.*  **Nhóm 4- Lớp**  - 1 HS đọc thành tiếng. 2 HS lên bảng mô tả.  - Thực hiện theo yêu cầu của GV.  VD:  +Bạn nam làm động tác cúi gập người xuống. Bạn nữ đoán động tác: *Cúi.*  + Bạn nữ làm động tác gối đầu vào tay, mắt nhắm lại. Bạn nam đoán đó là hoạt động: *Ngủ.*  - Từng nhóm 4 HS biểu diễn các hoạt động có thể nhóm bạn làm bằng các cử chỉ, động tác. Đảm bảo HS nào cũng được biểu diễn và đoán động tác.  - Ghi lại 10 động từ chỉ hoạt động, trạng thái vào sổ tay.  - Đặt 1 câu có 5 động từ. | ***Bài 1:*** Viết tên các hoạt động em thường…  - Gọi 1 HS đọc yêu cầu  - Yêu cầu HS thảo luận nhóm 2 và tìm từ. Nhóm nào xong trước dán phiếu lên bảng để các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  - Kết luận về các từ đúng.  - Khen nhóm tìm được nhiều động từ.  ***Bài 2:*** Gạch dưới động từ trong đoạn văn sau:  - Gọi 1 HS đọc yêu cầu  - Yêu cầu HS thảo luận cặp đôi. Dùng bút ghi vào vở nháp.  - Gọi HS trình bày, HS khác theo dõi, bổ sung (nếu sai).  - Kết luận lời giải đúng.  ***Bài 3:*** Trò chơi “ Xem kịch câm” Nói tên…  - Gọi 1 HS đọc yêu cầu  - Treo tranh minh họa và gọi HS lên bảng chỉ vào tranh để mô tả trò chơi.  - Tổ chức cho HS thi biểu diễn kịch câm theo nhóm.  - GV đi gợi ý các hoạt động cho từng nhóm.  Ví dụ:  \*Động tác trong học tập: *mượn sách (bút, thước kẻ), đọc bài, viết bài, mở cặp, cất sách vở, phát biểu ý kiến.*  \*Động tác khi vui chơi, giải trí: *Chơi cờ, nhảy dây, trồng nụ trồng hoa, kéo co, đá cầu, bơi, tập thể dục, chơi điện tử, đọc chuyện…*  - Nhận xét, khen nhóm diễn được nhiều động tác khó và đoán đúng động từ chỉ hoạt động của nhóm bạn.  **4. Hoạt động ứng dụng *(1p)***  **5. Hoạt động sáng tạo *(1p)*** |

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TOÁN**

***Tiết 45:* THỰC HÀNH VẼ HÌNH CHỮ NHẬT**

**THỰC HÀNH VẼ HÌNH VUÔNG**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- Ôn tập kiến thức về 2 đt vuông góc, 2 đt song song

**2. Kĩ năng**

- Vẽ được hình chữ nhật, hình vuông (bằng thước kẻ và ê ke).

**3. Thái độ**

- Tính chính xác, cẩn thận, làm việc nhóm tích cực

**4. Góp phần phát triển các NL**

- NL tự học, làm việc nhóm, NL tính toán

\* Bài tập cần làm: 1a, 2a (tr 54). Bài 1a, 2a (tr 55),

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Thước thẳng, ê ke (dùng cho GV và cho HS)

- HS: Vở BT, bút, ê-ke

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Quan sát, hỏi đáp, thảo luận nhóm.

- KT: động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - HS cùng hát và vận động dưới sự điều hành của TBVN | **1.Khởi động***:(5p)*  - GV dẫn vào bài mới |
| **2. Hoạt động thực hành***:(30p)*  **\* Mục tiêu:** Vẽ được hình chữ nhật, hình vuông (bằng thước kẻ và ê ke).  **\* Cách tiến hành:** | |
| - HS cả lớp vẽ hình vào giấy nháp.  M N  Q P  *+ Các góc này đều là góc vuông.*  *+ Cạnh MN song song với QP, cạnh MQ song song với PN.*  - HS vẽ vào giấy nháp – Trình bày các bướ  A B  C D  *+ Các cạnh bằng nhau.*  *+ Là các góc vuông.*  - HS vẽ hình vuông ABCD theo từng bước hướng dẫn của GV.  A B    C D  - HS đọc yêu cầu bài tập  - HS vẽ hình, nêu cách vẽ hình  A B  C D  - HS đọc yêu cầu bài tập:  - HS vẽ hình  - 1 HS lên bảng. Lớp làm bài vào vở.  A B  C D  - 1 HS nêu trước lớp, HS cả lớp theo dõi và nhận xét.  - HS vẽ.  - Ghi nhớ cách vẽ hình vuông, hình chữ nhật  - Thực hành làm bài tập số 3 (tr 54) và bài số 3 (tr 55) | ***Bài 1:***  ***a. Hướng dẫn vẽ hình chữ nhật theo độ dài các cạnh:***  - GV vẽ lên bảng hình chữ nhật MNPQ và hỏi HS:  *+ Các góc ở các đỉnh của hình chữ nhật MNPQ là góc gì?*  *+ Hãy nêu các cặp cạnh song song với nhau có trong hình chữ nhật MNPQ?*  ***\* GV: Dựa vào các đặc điểm chung của hình chữ nhật, ta sẽ thực hành vẽ hình chữ nhật theo độ dài các cạnh cho trước.***  **VD:** Vẽ hình chữ nhật ABCD có chiều dài 4 cm và chiều rộng 2 cm.  - GV yêu cầu HS vẽ từng bước như SGK giới thiệu:  + Vẽ đoạn thẳng CD có chiều dài 4 cm. GV vẽ đoạn thẳng CD (dài 4 cm) trên bảng.  + Vẽ đường thẳng vuông góc với DC tại D, trên đường thẳng đó lấy đoạn thẳng DA = 2 cm.  + Vẽ đường thẳng vuông góc với DC tại C, trên đường thẳng đó lấy CB = 2 cm.  + Nối A với B ta được hình chữ nhật ABCD.  ***b. Hướng dẫn vẽ hình vuông theo độ dài cạnh cho trước:***  *+ Hình vuông có độ dài các cạnh như thế nào với nhau ?*  *+ Các góc ở các đỉnh của hình vuông là các góc gì ?*  **VD:** Vẽ hình vuông có cạnh dài 3 cm.  - GV hướng dẫn HS thực hiện từng bước vẽ như trong SGK:  + Vẽ đoạn thẳng DC = 3 cm.  + Vẽ đường thẳng vuông góc với DC tại D và tại C. Trên mỗi đường thẳng vuông góc đó lấy đoạn thẳng DA = 3 cm, CB = 3 cm.  + Nối A với B ta được hình vuông ABCD.  - Gọi HS nêu các bước như phần bài học của SGK.  ***c. Làm bài tập:***  ***Bài 1(tr 54):*** GV yêu cầu HS đọc đề bài toán.  - GV yêu cầu HS tự vẽ hình chữ nhật có chiều dài 5 cm, chiều rộng 3 cm, sau đó đặt tên cho hình chữ nhật.  - GV yêu cầu HS nêu cách vẽ của mình trước lớp.  - GV nhận xét.  ***Bài 2(tr 54):*** Vẽ hình chữ nhật có chiều dài 4cm, chiều rộng 3cm***.***  ***Bài 1(tr 55):***  - GV yêu cầu HS đọc đề bài, sau đó tự vẽ hình vuông có độ dài cạnh là 4 cm, tính chu vi và diện tích của hình.  - GV yêu cầu HS nêu rõ từng bước vẽ của mình.  ***Bài 2(tr55):*** Vẽ theo mẫu:  **4. HĐ ứng dụng (*1p)***  **5. HĐ sáng tạo *(1p)*** |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

**TẬP LÀM VĂN**

**LUYỆN TẬP TRAO ĐỔI Ý KIẾN VỚI NGƯỜI THÂN**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Xác định được mục đích trao đổi, vai trong trao đổi; lập được dàn ý rõ nội dung của bài trao đổi để đạt mục đích.

**2. Kĩ năng**

- Bước đầu biết đóng vai trao đổi và dùng lời lẽ, cử chỉ thích hợp nhằm đạt mục đích thuyết phục.

**3. Thái độ**

- Có thái độ đúng mực trong giao tiếp để đạt được mục đích giao tiếp

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL tự học, Sử dụng ngôn ngữ, NL sáng tạo

*\** ***KNS:*** *Thể hiện sự tự tin. Lắng nghe tích cực. Thương lượng. Đặt mục tiêu, kiên định.*

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: + Bảng lớp ghi sẵn đề bài.

+ Phiếu nhóm.

- HS: Vở BT, sgk.

**2. Phương pháp, kĩ thuât**

- PP: Hỏi đáp, thảo luận nhóm, quan sát.

- KT: đặt câu hỏi, động não, chia sẻ nhóm 2

**II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ | **1. Khởi động *(5p)***  - GV dẫn vào bài mới |
| **2. Hoạt động thực hành***:(30p)*  **\* Mục tiêu:** Xác định được mục đích trao đổi, vai trong trao đổi; lập được dàn ý rõ nội dung của bài trao đổi để đạt mục đích.  **\* Cách tiến hành:** | | |
| **Cá nhân - Nhóm 2 – Lớp**  - 2 HS đọc đề bài.  - Gạch chân các từ quan trọng trong đề bài  **Đề bài**: Em có nguyện vọng học thêm một môn năng khiếu.. ...  - 3 HS nối tiếp nhau đọc gợi ý 1, 2, 3.  - Trao đổi và thảo luận cặp đôi để trả lời.  *+ Trao đổi về nguyện vọng muốn học thêm một môn năng khiếu của em.*  *+ Đối tượng trao đổi ở đây là em trao đổi với anh (chị ) của em.*  *+ Mục đích trao đổi là làm cho anh chị hiểu rõ nguyện vọng của em, giải đáp những khó khăn, thắc mắc mà anh (chị) đặt ra để anh (chị) hiểu và ủng hội em thực hiện nguyện vọng ấy.*  *+ Em và bạn trao đổi. Bạn đóng vai anh chị của em.*  \**Em muốn đi học múa vào buổi chiều tối.*  *\*Em muốn đi học vẽ vào các buổi sáng thứ bảy và chủ nhật.*  *\*Em muốn đi học võ ở câu lạc bộ võ thuật.*  - HS hoạt động theo nhóm:  + HS đọc thầm lại gợi ý 2, hình dung câu trả lời, giải đáp thắc mắc anh chị đặt ra.  + HS chọn bạn (đóng vai người thân), cùng tham gia trao đổi, thống nhất dàn ý đối đáp (viết ra nháp).  - Thực hành trao đổi, lần lượt đổi vai cho nhau, nhận xét, góp ý kiến, bổ sung hoàn thiện bài tập..  - Từng cặp HS thi đóng vai trao đổi trước lớp.  - HS nhận xét sau từng cặp.  - Bình chọn cặp khéo léo nhất lớp. | **\* Cách tiến hành:**  **Đề bài**: Em có nguyện vọng học thêm một môn năng khiếu.. ...  ***\* Tìm hiểu đề:***  - GV đọc lại, phân tích, dùng phấn màu gạch chân những từ ngữ quan trọng: *nguyện vọng, môn năng khiếu, trao đổi, anh (chị), ủng hộ, cùng bạn đóng vai.*  - Gọi HS đọc gợi ý,yêu cầu HS trao đổi và trả lời câu hỏi.  *+ Nội dung cần trao đổi là gì?*  *+ Đối tượng trao đổi với nhau ở đây là ai?*  *+ Mục đích trao đổi là để làm gì?*  *+ Hình thức thực hiện cuộc trao đổi này như thế nào?*  *+ Em chọn nguyện vọng nào để trao đổi với anh (chị)?*  - GV yêu cầu HS hoạt động theo nhóm.  - Gv theo dõi từng nhóm giúp đỡ.  \* Thi trình bày trước lớp  - Tổ chức cho từng cặp HS trao đổi.  - Yêu cầu HS dưới lớp theo dõi, nhận xét cuộc trao đổi theo các tiêu chí sau:  *+ Nội dung trao đổi có đúng đề tài không?*  *+ Cuộc trao đổi có đạt được mục đích đặt ra không?*  *+ Lời lẽ, cử chỉ của hai bạn đã phù hợp chưa, có giàu sức thuyết phục chưa?*  *+ Bạn đã thể hiện được tài khéo léo của mình chưa? Bạn có tự nhiên, mạnh dạn khi trao đổi không?*  Ví dụ về cuộc trao đổi hay, đúng chuẩn (GV có thể cho HS diễn mẫu). |
| - Anh ơi, sắp tới trường em có mở lớp dạy trường quyền. Em muốn đi học. Anh ủng hộ em nhé! | Em gái |
| - Trời ơi! Con gái sao lại đi học võ? Em phải đi học nấu ăn hoặc học đàn. Học võ là việc của con trai, anh không ủng hộ em đâu! | Anh trai  (kêu lên) |
| - Anh lúc nào cũng lo em bị bắt nạt. Em học võ sẽ tự bảo vệ được mình, anh sẽ không phải lo nữa. Mới lại anh em mình đều muốn lớn lên sẽ thi vào trường cảnh sát để theo nghề của bố. Muốn học trường cảnh sát thì phải biết võ từ bây giờ đấy anh ạ ! | Em gái  (tha thiết) |
| - Nhưng anh vẫn thấy con gái mà học võ thì thế nào ấy, chả còn ra con gái nữa. Thế sao không học đàn. Bố mẹ có thể mua đàn cho em cơ mà? | Anh trai  (gãi đầu vẻ lúng túng) |
| - Thầy dạy nhạc bảo tay em cứng, em không có khiếu học đàn. Mà sao anh lại nghĩ là học võ thì không ra con gái? Anh đã thấy chị Thuý Hiền biểu diễn đẹp thế nào chưa? Như là múa ấy, thật mê li. | Em gái |
| - Em khéo nói lắm, thôi được, nhưng em học võ thì lấy thời gian đâu để học bài ở nhà và nấu cơm đỡ mẹ? | Anh trai |
| - Anh yên tâm đi. Thời khoá biểu ở trường em rất hợp lí nên em đảm bảo sẽ không ảnh hưởng đến việc học tập và việc giúp mẹ đâu. | Em gái |
| - Thế thì được, nữ võ sĩ. Anh sẽ ủng hộ em, em sẽ thuyết phục bố mẹ đồng ý cho em đi học. | Anh trai |
| - Có thế chứ. Em rất cám ơn anh.  - Tập diễn lại đoạn trao đổi ở nhà  - Xây dựng lại nội dung cuộc trao đổi khác mà em đã từng thực hiện | Em gái(vui mừng)  **3. Hoạt động ứng dụng** *(1p)*  **4. Hoạt động sáng tạo** *(1p)* |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................­

**ĐỊA LÍ**

**HoẠt đỘng sẢn xuẤt cỦa ngưỜi dân**

**Ở Tây Nguyên (tiẾp theo)**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Nêu được một số hoạt động sản xuất chủ yếu của người dân ở Tây Nguyên:

+ Sử dụng sức nước sản xuất điện.

+ Khai thác gỗ và lâm sản.

- Nêu được vai trò của rừng đối với đời sống và sản xuất: cung cấp gỗ, lâm sản, nhiều thú quí,...

- Biết được sự cần thiết phải bảo vệ rừng.

- Mô tả sơ lược: rừng rậm nhiệt đới (rừng rậm, nhiều loại cây, tạo thành nhiều tầng,...), rừng khộp (rừng rụng lá mùa khô).

**2. Kĩ năng**

- Chỉ trên bản đồ (lược đồ) và kể tên những con sông bắt nguồn từ Tây Nguyên: sông Xê Xan, sông Xrê Pốk, sông Đồng Nai.

**\* HS năng khiếu:**

- Quan sát hình và kể các công việc cần phải làm trong qui trình sản xuất ra các sản phẩm đồ gỗ.

- Giải thích những nguyên nhân khiến rừng Tây Nguyên bị tàn phá.

*\*ĐCND: Sông ở Tây Nguyên có nhiều thác ghềnh, có thể phát triển thuỷ điện. (không mô tả đặc điểm)*

**3. Thái độ**

- Có ý thức giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc.

**4. Góp phần phát triển các năng lực:**

- NL tự chủ, NL giải quyết vấn đề, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ

***\* BVMT:***

*-Sự thích nghi và cải tạo môi trường của con người ở miền núi và trung du*

*+Làm nhà sàn để tránh ẩm thấp và thú dữ*

*+Trồng trọt trên đất dốc*

*+Khai thác khoáng sản, rừng, sức nước*

*+Trồng cây công nghiệp trên đất ba dan*

*-Một số dặc điểm chính của môi trường và TNTN và việc khai thác TNTN ở miền núi và trung du (rừng, khoáng sản, đất đỏ ba dan, sức nước..)*

***\* TKNL:***

*- Tây Nguyên là nơi bắt nguồn của nhiều con sông, các con sông chảy qua nhiều vùng có độ cao nên lòng sông lắm thác ghềnh. Bởi vậy, Tây Nguyên có tiềm năng thuỷ điên to lớn. Tích hợp giáo dục sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả ở đây chính là vấn đề bảo vệ nguồn nước, phục vụ cuộc sống.*

*- Tây Nguyên có nguồn tài nguyên rừng hết sức phong phú, cuộc sống của người dân nơi đây dựa nhiều vào rừng: củi đun, thực phẩm...Bởi vậy, cần giáo dục học sinh tầm quan trọng của việc bảo vệ và khai thác hợp lí rừng, đồng thời tích cực tham gia trồng rừng.*

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: + Lược đồ các sông chính ở Tây Nguyên.

+ Bản đồ địa lí tự nhiên Việt Nam.

+ Tranh, ảnh về nhà máy thủy điện và rừng ở Tây Nguyên (nếu có).

-HS: SGK, tranh, ảnh về nhà máy thủy điện và rừng ở Tây Nguyên

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm.

- KT: đặt câu hỏi, trình bày một phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm 2

I**II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBHT điều hành lớp trả lời và nhận xét:  *+ Cây cà phê, tiêu, chè,...*  *+ Vật nuôi chính: trâu bò, voi.*  *+ Thuận lợi ở Tây Nguyên được phủ một lớp đất đỏ ba dan,...* | **1.Khởi động:***(5p)*    *+ Kể tên những cây trồng chính, vật nuôi chính ở Tây Nguyên.*  *+ Dựa vào điều kiện đất đai và khí hậu, em hãy cho biết việc trồng cây công nghiệp ở Tây Nguyên có những thuận lợi và khó khăn gì ?*  - Nhận xét, khen/ động viên.  - GV chốt ý và giới thiệu bài |
| **2. Bài mới:***(30p)*  **\* Mục tiêu:** - Nêu được một số hoạt động sản xuất chủ yếu của người dân ở Tây Nguyên:  - Nêu được vai trò của rừng đối với đời sống và sản xuất: cung cấp gỗ, lâm sản, nhiều thú quí,...  - Biết được sự cần thiết phải bảo vệ rừng.  - Mô tả sơ lược: rừng rậm nhiệt đới (rừng rậm, nhiều loại cây, tạo thành nhiều tầng,...), rừng khộp (rừng rụng lá mùa khô).  **\* Cách tiến hành: Cá nhân- Nhóm-Lớp** | |
| **Nhóm 4 -Lớp**  - HS tiến hành thảo luận nhóm.  - TBHT điều hành báo cáo kết quả, nhận xét, bổ sung.  *+ Các con sông chính ở Tây Nguyên là: sông Xê Xan, sông Ba, sông Đồng Nai, sông Xrê Pôk.*  *+ Bắt nguồn từ phía Tây và đổ ra biển.*  *+Vì các sông ở đây chảy qua nhiều vùng có độ cao khác nhau nên lòng sông lắm thác ghềnh.*  *+ Sản xuất ra điện, phục vụ đời sống con người.*  *+ Giữ nước, hạn chế những cơn lũ bất thường.*  *+ Nhà máy thủy điện Y- a- li nằm trên sông Xê Xan*  - HS lên chỉ tên 3 con sông.  - Lắng nghe.  - HS nêu các biện pháp bảo vệ nguồn nước.  **Nhóm đôi** *–* **Lớp**  - HS quan sát và đọc SGK để trả lời.  - HS đại diện cặp của mình trả lời.  - HS khác nhận xét, bổ sung.  *+ Tây Nguyên có nhiều loại rừng; rừng rậm nhiệt đới, rừng khộp.*  *+ Do điều kiện khí hậu mà TN có các loại rừng khác nhau*.  - HS mô tả 2 loại rừng ở Tây Nguyên dựa vào tranh ảnh và gợi ý của GV.  *+ Rừng rậm nhiệt đới: phát triển chủ yếu ở những nơi có lượng mưa nhiều. Có nhiều loại cây với nhiều tầng lớp, xanh tốt quanh năm*  *+ Rừng khộp: Nơi mùa khô kéo dài thì có rừng khộp. Rừng thường có một loại cây và rụng là vào mùa khô...*  **Cá nhân – Lớp**    *+ Rừng cho ta nhiều gỗ và lâm sản quý.*  *+ Dùng để làm mộc.*  *+ Cưa, xẻ..*  *+ Khai thác rừng bừa bãi đốt phá rừng làm nương rẫy một cách không hợp lí không những làm mất rừng mà còn làm cho đất bị xói mòn, hạn hán và lũ lụt tăng. Ảnh hưởng xấu đến môi trường và sinh hoạt của con người.*  *+ Du canh: là hình thức trồng trọt với kĩ thuật lạc hậu làm cho độ phì của đất chống cạn kiệt. Vì vậy phải luôn luôn thay đổi địa điểm trồng trọt từ nơi này đến nơi khác.*  *+ Du cư: hình thức sinh sống lang thang, không có nơi cư trú nhất định.*  *+ Trồng lại rừng ở những nơi đất trống, đồi trọc.*  - HS lắng nghe  - Ghi nhớ kiến thức của bài.  - Sưu tầm và triển lãm các tranh, ảnh về HĐSX ở Tây Nguyên | **3.Khai thác sức nước:**  - Yêu cầu HS quan sát lược đồ các sông chính ở Tây Nguyên và thảo luận trả lời các câu hỏi sau:  *+ Nêu tên và chỉ một số con sông chính ở Tây Nguyên trên bản đồ.*  *+ Những con sông này bắt nguồn từ đâu và chảy ra đâu?*  *+ Tại sao các sông ở Tây Nguyên lắm thác ghềnh?*  *+ Người dân Tây Nguyên khai thác sức nước để làm gì?*  *+ Các hồ chứa nước do nhà nước và nhân dân xây dựng còn có tác dụng gì?*  \*\* Chỉ vị trí nhà máy thủy điện Y- a- li trên lược đồ hình 4 và cho biết *thủy điện Y- a- li nằm trên con sông nào ?*  - GV sửa chữa, giúp HS hoàn thiện phần trình bày.  - GV gọi HS chỉ 3 con sông Xê Xan, Ba, Đồng Nai và nhà máy thủy điện Y- a- li trên bản đồ địa lí tự nhiên Việt Nam.  **\* GD TKNL:**  - Tây Nguyên là nơi bắt nguồn của nhiều con sông, các con sông chảy qua nhiều vùng có độ cao nên lòng sông lắm thác ghềnh. Bởi vậy, Tây Nguyên có tiềm năng thuỷ điện to lớn. Vấn đề bảo vệ nguồn nước là hết sức cần thiết.  - Gọi HS nêu các biện pháp bảo vệ nguồn nước.  **4. Rừng và việc khai thác rừng ở Tây Nguyên**  - GV yêu cầu HS quan sát hình 6, 7 và đọc mục 4 trong SGK, trả lời các câu hỏi sau:  *+ Tây Nguyên có những loại rừng nào?*  *+ Vì sao ở Tây Nguyên lại có các loại rừng khác nhau?*  *+ Mô tả rừng rậm nhiệt đới và rừng khộp dựa vào quan sát tranh, ảnh và các từ gợi ý sau: Rừng rậm rạp, rừng thưa, rừng một loại cây, rừng nhiều loại cây với nhiều tầng, rừng rụng lá mùa khô, xanh quanh năm.*  - Cho HS lập bảng so sánh 2 loại rừng: Rừng rậm nhiệt đới và rừng khộp (theo môi trường sống và đặc điểm).  - Nhận xét, bổ sung.  **\* Tìm hiểu vai trò của rừng và việc bảo vệ rừng**  - HS đọc mục 2, quan sát hình 8, 9, 10, trong SGK và vốn hiểu biết của mình trả lời các câu hỏi sau:  *+ Rừng ở Tây Nguyên có giá trị gì?*  *+ Gỗ được dùng để làm gì ?*  *+ Kể các công việc cần phải làm trong quy trình sản xuất ra các sản phẩm đồ gỗ.*  *+ Nêu nguyên nhân và hậu quả của việc mất rừng ở Tây Nguyên?*    *+ Thế nào là du canh, du cư?*  *+ Chúng ta cần phải làm gì để bảo vệ rừng?*  \****GV: Tây Nguyên có nguồn tài nguyên rừng hết sức phong phú, cuộc sống của người dân nơi đây dựa nhiều vào rừng: củi đun, thực phẩm...Bởi vậy, việc bảo vệ và khai thác hợp lí rừng, đồng thời tích cực tham gia trồng rừng là hết sức quan trọng…***  **3. Hoạt động ứng dụng *(2p)***  **4. Hoạt động sáng tạo** *(1p)* |

**ĐIỀU CHỈNH-BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**SINH HOẠT**

**ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC TUẦN 9**

**I. MỤC TIÊU:**

- Nắm đ­­ược ưu - khuyết điểm trong tuần 9

- Phát huy ­­ưu điểm, khắc phục nh­­ược điểm.

- Biết đ­­ược phư­ơng h­­ướng tuần 10

- GD HS có tinh thần đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau.

- Thu gom giấy vụn, sách báo làm kế hoạch nhỏ

**II. CHUẨN BỊ:**

- GV: Nắm được ưu – khuyết điểm của HS trong tuần

- HS: Chủ tịch Hội đồng tự quản và các Trưởng ban chuẩn bị ND báo cáo.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG CHÍNH:**

***1. Khởi động***

- Lớp tham gia trò chơi: Xem kịch câm

***2. Lớp báo cáo hoạt động trong tuần:***

- 4 Trưởng ban lên nhận xét các thành viên trong tổ và xếp loai từng thành viên.

- Tổ viên các tổ đóng góp ý kiến.

- Chủ tịch HĐTQ lên nhận xét chung các ban.

- GV nhận xét chung:

+ Nề nếp:

.................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

+ Học tập:

.................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

***3. Ph­ương h­­ướng tuần sau:***

- Tiếp tục thi đua: Học tập tốt, thực hiện tốt nề nếp, vâng lời thầy cô, nói lời hay làm việc tốt chào mừng ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11

.................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

***4. Lớp văn nghệ - múa hát tập thể.***

**TUẦN 10** *Thứ ....... ngày ...... tháng ..... năm .........*

**TIẾNG VIỆT**

**ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ I (TIẾT 1)**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Hiểu nội dung chính của từng đoạn, nội dung của cả bài; nhận biết được một số hình ảnh, chi tiết có ý nghĩa trong bài; bước đầu biết nhận xét về nhân vật trong văn bản tự sự.

**2. Kĩ năng**

- Đọc rành mạch, trôi chảy bài tập đọc đã học theo tốc độ qui định giữa HKI (khoảng 75 tiếng/phút); bước đầu biết đọc diễn cảm đoạn văn, đoạn thơ phù hợp với nội dung đoạn đọc.

\* HS năng khiếu đọc lưu loát, diễn cảm được đoạn văn, đoạn thơ (tốc độ đọc trên 75 tiếng/phút).

**3. Thái độ**

- GD HS biết mơ ước và chia sẻ những ước mơ của mình

**4. Góp phần phát triển năng lực**

**-** Năng lực tự học, NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: + Phiếu ghi sẵn tên các bài tập đọc từ tuần 1 đến tuần 9.

+ Phiếu kẻ sẵn bảng ở BT2 (đủ dùng theo nhóm 4 HS) và bút dạ.

- HS: SGK, vở viết

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- Phương pháp: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm.

- Kĩ thuật: Kĩ thuật đặt câu hỏi, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ | **1. Khởi động:** *(3p)*    - GV dẫn vào bài mới |
| **2. Thực hành ôn tập** *(30p)*  **\* Mục tiêu:** - Đọc rành mạch, trôi chảy bài tập đọc đã học theo tốc độ qui định giữa HKI (khoảng 75 tiếng/phút); bước đầu biết đọc diễn cảm đoạn văn, đoạn thơ phù hợp với nội dung đoạn đọc.  - Hiểu nội dung chính của từng đoạn, nội dung của cả bài; nhận biết được một số hình ảnh, chi tiết có ý nghĩa trong bài; bước đầu biết nhận xét về nhân vật trong văn bản tự sự.  \* **Cách tiến hành:** | |
| **Cá nhân- Lớp**  - Lần lượt từng HS bốc thăm bài, về chỗ chuẩn bị, cứ 1 HS kiểm tra xong, 1 HS tiếp tục lên bốc thăm bài đọc.  - Đọc và trả lời câu hỏi.  - Theo dõi và nhận xét.  **Nhóm 4- Lớp**  - HS đọc yêu cầu bài tập.  *+ Những bài tập đọc là truyện kể là những bài có một chuỗi các sự việc liên quan đến một hay một số nhân vật, mỗi truyện đều nói lên một điều có ý nghĩa.*  *+ Các truyện kể: Dế Mèn bênh vực kẻ yếu; Người ăn xin.*  - Hoạt động trong nhóm 4.  - Đại diện nhóm báo cáo kết quả, các nhóm khác nhận xét, bổ sung. | **Bài 1:** Ôn luyện và học thuộc lòng (1/3 lớp)  - Gọi HS đọc yêu cầu bài tập.  - Cho HS lên bảng bốc thăm bài đọc:  - Gọi 1 HS đọc và trả lời 1, 2 câu hỏi về nội dung bài đọc  - GV nhận xét, khen/ động viên trực tiếp từng HS.  **Bài 2:** Ghi lại những điều cần nhớ về các bài tập đọc là . . .  - Gọi HS đọc yêu cầu bài tập.  *+ Những bài tập đọc như thế nào là truyện kể?*  *+ Hãy tìm và kể tên những bài tập đọc là truyện kể thuộc chủ điểm Thương người như thể thương thân (nói rõ số trang).*  - Yêu cầu HS làm nhóm ghi vào bảng các nội dung theo yêu cầu. |
| Nhân vật | *Tên bài* |
| Dế Mèn, Nhà Trò, bọn nhện. | *Dế mèn bênh vực kẻ yếu* |
| Tôi (chú bé), ông lão ăm xin. | *Người ăn xin* |
| **Nhóm 2 – Lớp**  - Thực hiện theo yêu cầu của GV:  a. Đoạn văn có giọng đọc thiết tha:  Là *đoạn văn cuối truyện người ăn xin:*  *Từ tôi chẳng biết làm cách nào. Tôi nắm chặt lấy bàn tay run rẩy kia… đến khi ấy, tôi chợt hiểu rằng: cả tôi nữa, tôi cũng vừa nhận được chút gì của ông lão.*  b. Đoạn văn có giọng đọc thảm thiết:  Là *đoạn nhà Trò (truyện Dế mèn bênh vực kẻ yếu phần 1) kể nổi khổ của mình:*  Từ *năm trước, gặp khi trời làm đói kém, mẹ em phải vây lương ăn của bọn nhện… đến… Hôm nay bọn chúng chăn tơ ngang đường đe bắt em, vặt chân, vặt cánh ăn thịt em.*  c. Đoạn văn có giọng đọc mạnh mẽ, răn đe:  Là *đoạn Dế Mèn đe doạ bọn nhện, bênh vực Nhà Tròø (truyện dế mèn bênh vực kẻ yếu phần 2):*  Từ *tôi thét:*  *- Các ngươi có của ăn của để, béo múp, béo míp… đến có phá hết các vòng vây đi không?*  - HS đọc diễn cảm đoạn văn.  - Ghi nhớ KT đã ôn tập  - Luyện đoc diễn cảm tất cả các bài tập đọc thuộc chủ điểm Thương người như thể thương thân. | ***Bài 3:*** Trong các bài tập . . .  - Gọi HS đọc yêu cầu bài tập.  - Yêu cầu HS tìm các đọan văn có giọng đọc như yêu cầu.  - Tổ chức cho HS đọc diễn cảm các đoạn văn đó.  - Nhận xét khen/ động viên.  **3. HĐ ứng dụng** *(1p)*  **4. HĐ sáng tạo***(1p)* |

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TOÁN**

***Tiết 46:* LUYỆN TẬP**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Nhận biết được góc tù, góc nhọn, góc bẹt, góc vuông, đường cao của hình tam giác.

**2. Kĩ năng**

- Vẽ được hình chữ nhật, hình vuông.

**3. Thái độ**

- HS có thái độ học tập tích cực.

**4. Góp phần phát triển năng lực:**

**-** Năng lực tự học, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL tư duy - lập luận logic.

\*Bài tập cần làm: Bài 1, bài 2, bài 3, bài 4 (a)

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Ê ke, thước thẳng

- HS: Ê ke, thước thẳng

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- Phương pháp vấn đáp, động não, quan sát, thực hành, đặt và giải quyết vấn đề, hoạt động nhóm.

- Kĩ thuật đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC;**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBVN điều hành lớp khởi động bằng bài hát vui nhộn tại chỗ | **1. Khởi động:** *(5p)*  - GV giới thiệu vào bài |
| **2. Hoạt động thực hành***:(30p)*  **\* Mục tiêu:** - Nhận biết được góc tù, góc nhọn, góc bẹt, góc vuông, đường cao của hình tam giác.  - Vẽ được hình chữ nhật, hình vuông.  **\* Cách tiến hành: Cá nhân – Nhóm- Lớp** | |
| **Nhóm 2-Lớp**  - Thực hiện theo nhóm 2- Đại diện báo cáo  - Ghi tên các góc.  Đ/a:  a) Hình tam giác ABC có: góc vuông BAC; góc nhọn ABC, ABM, MBC, ACB, AMB ; góc tù BMC ; góc bẹt AMC.  b) Hình tứ giác ABCD có: góc vuông DAB, DBC, ADC ; góc nhọn ABD, ADB, BDC, BCD ; góc tù ABC.  *+ Góc nhọn bé hơn góc vuông, góc tù lớn hơn góc vuông.*  *+ 1 góc bẹt bằng hai góc vuông.*  **Nhóm 2 – Lớp**  - Thực hiện theo yêu cầu của GV.  - Đưa đáp án và giải thích  Đ/a:  a. Sai; b. Đúng  **Cá nhân – Nhóm 2 – Lớp**  - HS thực hành vẽ- 2 HS trao đổi cách vẽ với nhau  **Cá nhân – Lớp**  - Thực hiện theo yêu cầu của GV.  - HS nêu rõ các bước vẽ của mình.  b. + Tên các hình CN: ABMN; MNCD; ABCD.  + Cạnh song song với cạnh AB: MN; DC  - Ghi nhớ KT về góc.  - Vẽ 1 tam giác tù. Vẽ 3 đường cao của tam giác đó. Nhận xét về 3 đường cao đó | ***Bài 1***  - Gọi HS đọc yêu cầu bài tập.  - GV vẽ lên bảng hai hình a, b trong bài tập, yêu cầu HS ghi tên các góc vuông, góc nhọn, góc tù, góc bẹt có trong mỗi hình.  - GV chốt đáp án.  *+ So với góc vuông thì góc nhọn bé hơn hay lớn hơn, góc tù bé hơn hay lớn hơn?*  *+ Góc bẹt bằng mấy góc vuông?*  ***Bài 2:*** Đúng ghi **Đ,** sai ghi **S** vào ô trống.  - Gọi HS đọc yêu cầu bài tập.  - Yêu cầu HS làm bài  - GV nhận xét, chốt đáp án  ***\* GV: + Hình tam giác ABC là tam giác vuông nên 2 cạnh AB và BC cũng đồng thời là hai đường cao.***  ***+ AB đồng thời cũng là đường cao của tam giác AHC vì tam giác này tù nên có 1 đường cao nằm ngoài tam giác.***  ***Bài 3:***  - Gọi HS đọc yêu cầu bài tập.  - GV yêu cầu HS tự vẽ hình vuông ABCD có cạnh dài 3 cm, sau đó gọi 1 HS nêu rõ từng bước vẽ của mình, HS khác nhận xét, bổ sung.  - GVnhận xét.  ***Bài 4a (HSNK làm cả bài):***  - Gọi HS đọc yêu cầu bài tập.  a. GV yêu cầu HS tự vẽ hình chữ nhật ABCD có chiều dài AB = 6 cm, chiều rộng AD = 4 cm.  A B  M N  D C    **3. Hoạt động ứng dụng *(1p)***  **4. Hoạt động sáng tạo *(1p)*** |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**KHOA HỌC (CT HIỆN HÀNH)**

**ÔN TẬP: CON NGƯỜI VÀ SỨC KHỎE (tiếp)**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Sự trao đổi chất giữa cơ thể người với môi trường.

- Các chất dinh dưỡng có trong thức ăn và vai trò của chúng.

**2. Kĩ năng**

- Biết cách chọn chế độ dinh dưỡng hợp lí.

**3. Thái độ**

- Có ý thức chăm sóc sức khoẻ, phòng tránh tai nạn, thương tích

**4. Góp phần phát triển các năng lực:**

- NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL hợp tác.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Bảng phụ

- HS: phiếu đã hoàn thành, các mô hình rau, quả, con giống.

**2.Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: quan sát, hỏi đáp, thảo luận, trò chơi học tập, thí nghiệm

- KT: Động não, chia sẻ nhóm đôi, tia chớp

**II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt đông của của học sinh** | **Hoạt đông của giáo viên** |
| - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ. | **1. Khởi động *(4p)*** |
| **2. Bài mới:***(30p)*  **\* Mục tiêu:** - HS theo dõi và ghi lại thực đơn hằng ngày của mình. Từ đó biết chọn chế độ dinh dưỡng hợp lí để cơ thể phát triển khoẻ mạnh.  **\* Cách tiến hành: Cá nhân-Nhóm –Lớp** | |
| **Nhóm 4- Lớp**  - HS làm việc theo nhóm.  - Trình bày kết quả làm việc.  - Nhóm khác nhận xét, bổ sung.  **Cá nhân – Lớp**  - HS làm việc cá nhân như đã hướng dẫn ở mục thực hành – SGK trang 40.  - HS trình bày sản phẩm của mình trước lớp.  - Vận dụng 10 lời khuyên dinh dưỡng trong cuộc sống  - Trang trí bảng 10 lời khuyên dinh dưỡng và dán trên tường bếp | **HĐ 3: Trò chơi: “Ai chọn thức ăn hợp lý?”**  - GV cho HS tiến hành hoạt động trong nhóm. Sử dụng những mô hình tranh ảnh đã mang đến lớp để lựa chọn một bữa ăn hợp lý và giải thích tại sao mình lại lựa chọn như vậy.  - Yêu cầu các nhóm trình bày, các nhóm khác nhận xét.  - GV nhận xét, khen những nhóm HS chọn thức ăn phù hợp.  **HĐ4: Thực hành: ghi lại và trình bày 10 lời khuyên dinh dưỡng hợp lí**.  - Tổ chức HS làm việc cá nhân như đã hướng dẫn ở mục thực hành – SGK trang 40.  - Yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình trước lớp.  - Nhận xét, khen/ động viên HS **3. HĐ ứng dụng *(1p)***  **4. HĐ sáng tạo *(1p)*** |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

:..............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TIẾNG VIỆT**

**ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ I (TIẾT 2)**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức:**

- Ôn tập kiến thức về qui tắc viết hoa tên riêng (Việt Nam và nước ngoài); tác dụng của dấu ngoặc kép trong bài

- Nghe-viết đúng bài CT (tốc độ viết khoảng 75 chữ/15 phút), không mắc quá 5 lỗi trong bài; trình bày đúng bài văn có lời đối thoại.

**2. Kĩ năng:**

**-** Rèn KN viết, kĩ năng trình bày

\* HS năng khiếu viết đúng và tương đối đẹp bài CT (tốc độ trên 75 chữ/15 phút); hiểu nội dung của bài.

**3. Thái độ:**

**-** Giáo dục tính cẩn thận, chính xác, yêu thích chữ viết

**4. Góp phần phát triển năng lực:**

**-** NL tự chủ và tự học, NL sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Bảng phụ, phiếu học tập.

- HS: Vở, bút,...

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- Phương pháp vấn đáp, động não, quan sát, thực hành, đặt và giải quyết vấn đề, hoạt động nhóm, trò chơi học tập.

- Kĩ thuật đặt câu hỏi, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBVN điều hành HS cùng hát kết hợp với vận động tại chỗ | **1. Khởi động: (***2p***)**  - GV dẫn vào bài mới |
| **2. HĐ thực hành (30p)**  **2. 1. Viết chính tả**  **a. Chuẩn bị viết chính tả:** *(4p)*  **\* Mục tiêu:** HS hiểu được nội dung bài CT, viết được các từ khó, dễ lẫn và các hiện tượng chính tả, cách viết đoạn văn xuôi có lời thoại  **\* Cách tiến hành:** | |
| - 1 HS đọc, cả lớp đọc thầm.  - Đọc phần Chú giải trong SGK.  - 1 em lên bảng, lớp viết vào bảng con các từ: *Ngẩng đầu, trận giả, trung sĩ.*  *+ Bài kể về việc tôn trọng lời hứa của một cậu bé*  *+ Chữ cái đầu câu viết hoa.* | - GV gọi 1 HS đọc bài: Lời hứa, cả lớp đọc thầm.  - Gọi HS đọc phần Chú giải trong SGK.  - Yêu cầu HS tìm ra các từ dễ lẫn khi viết chính tả và luyện viết.  *+ Nội dung bài viết là gì?*  *+ Khi viết dấu hai chấm xuống dòng, gạch đầu dòng thì chữ cái đầu câu viết như thế nào?*  *+ Khi viết sau dấu hai chấm, trong ngoặc kép thì chữ cái đầu câu viết như thế nào?* |
| **b. Viết bài chính tả:** *(15p)*  **\* Mục tiêu:** Hs nghe-viết tốt bài chính tả theo hình thức văn xuôi có lời thoại  **\* Cách tiến hành:** | |
| - HS nghe - viết bài vào vở | - GV đọc cho HS viết bài.  - GV theo dõi và nhắc nhở, giúp đỡ HS viết chưa tốt. |
| **c. Đánh giá và nhận xét bài:** *(5p)*  **\* Mục tiêu:** Giúp HS tự đánh giá được bài viết của mình và của bạn. Nhận ra các lỗi sai và sửa sai  **\* Cách tiến hành: Cá nhân- Cặp đôi** | |
| - Học sinh xem lại bài của mình, dùng bút chì gạch chân lỗi viết sai. Sửa lại xuống cuối vở bằng bút mực  - Trao đổi bài (cặp đôi) để soát hộ nhau  - Lắng nghe. | - Cho học sinh tự soát lại bài của mình theo.  - GV nhận xét, đánh giá 5 - 7 bài  - Nhận xét nhanh về bài viết của HS |
| **d. Làm bài tập chính tả:** *(5p)*  **\* Mục tiêu:** Giúp HS nắm được nội dung bài, tác dụng của dấu ngoặc kép trong bài CT.  **\* Cách tiến hành: Cá nhân-Cặp đôi- Chia sẻ trước lớp** | |
| **Cặp đôi – Lớp**  - Làm việc nhóm đôi – Báo cáo dưới sự điều hành của TBHT  *+ Em được giao nhiệm vụ gác kho đạn.*  *+ Em không về vì đã hứa không bỏ vị trí gác khi chưa có người đến thay.*  *+ Các dấu ngoặc kép trong bài dùng để báo trước bộ phận sau nó là lời nói của bạn em bé hay của em bé*  *+ Không được, trong mẫu truyện trên có 2 cuộc đối thoại cuộc đối thoại giữa em bé với người khách trong công viên và cuộc đối thoại giữa em bé với các bạn cùng chơi trận giả là do em bé thuật lại với người khách, do đó phải đặt trong dấu ngoặc kép để phân biệt với những lời đối thoại của em bé với người khách vốn đã được đặt sau dấu gạch ngang đầu dòng.* | **Bài 2:**  - Gọi HS đọc và xác định yêu cầu bài tập.  - GV nhận xét và kết luận câu trả lời đúng.  a*. Em bé được giao nhiệm vụ gì trong trò chơi đánh trận giả?*  *b. Vì sao trời đã tối, em không về?*  *c. Các dấu ngoặc kép trong bài dùng để làm gì?*  *d. Có thể đưa những bộ phận đặt trong dấu ngoặc kép xuống dòng, đặt sau dấu gạch ngang đầu dòng không? Vì sao?* |
| **2. 2. Ôn quy tắc viết hoa** (5p)  **\* Mục tiêu:** HS ôn lại quy tắc viết hoa tên người, tên địa lí VN và nước ngoài. Lấy được VD minh hoạ từng trường hợp  **\* Cách tiến hành** | |
| **Nhóm 4 –Lớp**  - HS thảo luận nhóm 4, ghi bài vào phiếu BT | ***Bài 3***: Lập bảng tổng kết quy tắc viết tên riêng theo mẫu sau:  - Gọi HS đọc và xác định yêu cầu bài tập. |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Các loại tên riêng** | **Quy tắc viết** | | **Ví dụ** |
| 1. Tên người, tên địa lí Việt Nam. | Viết hoa chữ cái đầu của mỗi tiếng tạo thành tên đó. | | - Hồ Chí Minh, Điện Biên Phủ, Trường Sơn, Võ Thị Sáu, Lê Thị Hồng Gấm, . . |
| 2. Tên người, tên địa lí nước ngoài. | - Viết hoa chữ cái đầu của mỗi bộ phận tạo thành tên đó. Nếu bộ phận tạo thành tên gồm nhiều tiếng thì giữa các tiếng có gạch nối | | Lu- I a- xtơ,, Xanh Bê- téc- bua,  Tuốc- ghê- nhép.  Luân Đôn. Bạch Cư Dị, . . |
| **3. HĐ ứng dụng** *(1p)*  **4. HĐ sáng tạo** *(1p)* | | - Ghi nhớ KT ôn tập  - Tiếp tục đọc diễn cảm các bài tập đọc chủ điểm Thương người như thể thương thân. | |

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TOÁN**

***Tiết 47:* LUYỆN TẬP CHUNG (tr. 56)**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Ôn tập các phép tính với số tự nhiên, các bài toán hình hình, bài toán tổng –hiệu

**2. Kĩ năng**

- Thực hiện được cộng, trừ các số có đến sáu chữ số.

- Nhận biết được hai đường thẳng vuông góc.

- Giải được bài toán tìm hai số khi biết tổng và hiệu của hai số đó liên quan đến hình chữ nhật.

**3. Thái độ**

- HS tích cực, chăm chỉ, sáng tạo

**4. Góp phần phát huy các năng lực**

**-** Năng lực tự học, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL tư duy - lập luận logic.

\* BT cần làm: Bài 1 (a), bài 2 (a), bài 3 (b), bài 4

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Bảng phụ.

-HS: thước kẻ có chia cm

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm

- Kĩ thuật: đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của HS** | **Hoạt động của GV** |
| **-** TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ | **1. Khởi động *(5p)***  - GV dẫn vào bài mới |
| **2. HĐ thực hành (30p)**  **\* Mục tiêu:** Thực hiện được cộng, trừ các số có đến sáu chữ số. Nhận biết được hai đường thẳng vuông góc. Giải được bài toán tìm hai số khi biết tổng và hiệu của hai số đó liên quan đến hình chữ nhật.  **\* Cách tiến hành:** **Cá nhân- Nhóm – Lớp** | |
| **Cá nhân- Nhóm 2- Lớp**  - HS làm cá nhân- Đổi chéo kiểm tra bài  - 2 HS lên bảng  Đ/a:  386 259 726 485  +  -  260 837 452 936  647 096 273 549  - Nêu cách đặt tính, cách cộng, trừ các số có 6 chữ số.  **Cá nhân – Lớp**  - Thực hiện theo YC của GV.  Đ/a:  a. 6257 + 989 + 743  = (6257 + 743) + 989  = 7000 + 989  = 7989  *+ Tính chất giao hoán và kết hợp của phép cộng*  - HS nêu lại tính chất giao hoán và kết hợp  **Cá nhân – Lớp**  A B I   |  |  | | --- | --- | |  |  |   D C H  *+ Có chung cạnh BC.*  - HS vẽ hình.  *+ Cạnh DH vuông góc với AD, BC, IH.*  - 1 em lên bảng, lớp làm bài vào phiếu học tập.  Bài giải  Chiều dài của hình chữ nhật AIHD là:  3 x 2 = 6(cm)  Chu vi hình chữ nhật AIHD là:  (6 + 3) x 2 = 18(cm2)  Đáp số: 18 cm2  - HS đọc và hỏi đáp nhóm 2 về bài toán  - Xác định dạng toán: Tìm hai số...tổng - hiệu...  - Nêu cách giải bài toán  Bài giải  Ta có sơ đồ:  Chiều rộng:  Chiều dài:  Chiều rộng hình chữ nhật là:  (16 – 4): 2 = 6 (cm)  Chiều dài hình chữ nhật là:  6 + 4 = 10 (cm)  Diện tích hình chữ nhật là:  10 x 6 = 60 (cm2)  Đáp số: 60 cm2  - Ghi nhớ các KT đã ôn tập  - Giải bài toán sau: Một hình chữ nhật có chu vi là 32 cm. Chiều rộng kém chiều dài 4cm. Tính diện tích hình chữ nhật đó. | ***Bài 1a:*** Đặt tính rồi tính:  ***(HSNK làm cả bài)***    - Gọi HS nhận xét, bổ sung, sửa  ***Bài 2a:*** Tính bằng cách thuận tiện nhất.  ***(HSNK làm cả bài)***  - Gọi 1 HS lên bảng, cả lớp làm bài vào vở.  *+ Áp dụng tính chất nào để em tính thuận tiện?*  ***Bài 3b:(HSNK làm cả bài)***  - GV yêu cầu HS quan sát hình bên.  *+Hình vuông ABCD và hình vuông BIHC có chung cạnh nào?*  - GV yêu cầu HS vẽ tiếp hình vuông BIHC.  *+ Cạnh DH vuông góc với những cạnh nào?*  *+ Nêu cách tính chu vi chữ nhật đó?*  ***Bài 4:***  - Gọi HS đọc yêu cầu, xác định yếu tố đã cho, yếu tố cần tìm.  - YC HS tự làm bài.  - Nhận xét, đánh giá bài làm của HS (8-10 bài)  - Nhận xét, củng cố cách giải bài toán tìm hai số khi biết tổng và hiệxu...  3**. HĐ ứng dụng** *(1p)*  **4. HĐ sáng tạo (***1p)* |

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**LỊCH SỬ (CT HIỆN HÀNH)**

**CuỘc kháng chiẾn chỐng quân TỐng**

**xâm lưỢc lẦn thỨ nhẤt (Năm 981)**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- HS hiểu đôi nét về Lê Hoàn: Lê Hoàn là người chỉ huy quân đội nhà Đinh với chức Thập đạo tướng quân. Khi Đinh Tiên Hoàng bị ám hại, quân Tống sang xâm lược, Thái hậu họ Dương và quân sĩ đã suy tôn ông lên ngôi Hoàng đế (nhà Tiền Lê). Ông đã chỉ huy cuộc kháng chiến chống Tống thắng lợi.

- HS nắm được những nét chính về cuộc kháng chiến chống Tống lần thứ nhất (năm 981) do Lê Hoàn chỉ huy.

**2. Kĩ năng**

- Kể lại một số sự kiện về cuộc kháng chiến chống Tống lần thứ nhất: Đầu năm 981, quân Tống theo hai đường thuỷ, bộ tiến vào xâm lược nước ta. Quân ta chặn đánh địch ở Bạch Đằng (đường thuỷ) và Chi Lăng (đường bộ). Cuộc kháng chiến thắng lợi.

**3. Thái độ**

- Tự hào về truyền thống dựng nước và giữ nước của dân tộc.

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL ngôn ngữ, NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV:+ Hình trong SGK phóng to.

+ Phiếu học tập của HS.

- HS: SGK.

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm, chỉ bản đồ, kể chuyện

- KT: Kĩ thuật đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBHT điều hành lớp trả lời, nhận xét  *+ Thuở nhỏ Đinh Bộ Lĩnh thường chơi với lũ trẻ chăn trâu, dùng cờ lau đánh trận giả,..*  *+ Đinh Bộ Lĩnh đã có công dẹp loạn 12 sứ quân thống nhất giang sơn.* . . | **1.Khởi động:***(4p)*  *+ Em biết gì về thời thơ ấu của Đinh Bộ Lĩnh?*  *+ Đinh Bộ Lĩnh đã có công gì đối với đất nước?*  - GV nhận xét, dẫn vào bài mới |
| **2.Bài mới:***(30p)*  ***\** Mục tiêu** - Hiểu biết đôi nét về Lê Hoàn. Nắm được những nét chính về cuộc kháng chiến chống quân Tống xâm lược  ***\** Cách tiến hành*:Cá nhân-Nhóm-Lớp*** | |
| **Cá nhân – Lớp**  - HS nối tiếp nêu  -HS đọc thầm SGK.  *+ Năm 979, Đinh Tiên Hoàng và Đinh Liễn bị ám hại. Con thứ là Đinh Toàn, mới 6 tuổi lên ngôi vua.*  **Nhóm 2- Lớp**  - HS thảo luận nhóm 2, nêu ý kiến về 2 câu hỏi GV nêu.  **Nhóm 4 – Lớp**  - HS các nhóm thảo luận và báo cáo kết quả.  *+ Năm 981.*  *+Đường thủy, đường bộ.*  *+ Chia thành 2 cánh, sau đó cho quân chặn đánh giặc ở cửa sông Bạch Đằng và ải Chi Lăng.*  *+ Ở Bạch Đằng và Chi Lăng ; Diễn ra ồ ạt và rất ác liệt .*  *+ Quân Tống không thực hiện được ý đồ xâm lược của mình .*  - Đầu năm 981, . . . . thắng lợi. (HSNK)  **Cá nhân –Lớp**  *+ Quân giặc chết quá nửa, tướng giặc bị giết; Cuộc kháng chiến hoàn toàn thắng lợi.*  *+ Nền độc lập của nước nhà được giữ vững; Nhân dân ta tự hào, tin tưởng vào sức mạnh và tiền đồ của dân tộc*    - Lắng nghe  - Kể tên các địa danh mang tên Lê Hoàn | **HĐ1: Nguyên nhân quân Tống sang xâm lược nước ta và việc Lê Hoàn lên ngôi vua.**  - GV yêu cầu HS nêu những hiểu biết của mình về Lê Hoàn  **-** GV giới thiệu đôi nét về Lê Hoàn  - GV cho HS đọc SGK đoạn: “Năm 979 …. sử cũ gọi là nhà Tiền Lê”.  *+ Nêu tình hình nước ta trước khi quân Tống sang xâm lược?*  ***GV: Đó chính là nguyên nhân chính dẫn đến việc quân Tống sang xâm lược nước ta. Thế nước lâm nguy, triều đình họp bàn và tất cả mọi người đặt niềm tin vào Thập đạo tướng quân Lê Hoàn.***  \* GV đặt vấn đề:  *+ Lê Hoàn lên ngôi vua trong hoàn cảnh nào?*  *+ Lê Hoàn được tôn lên làm vua có được nhân dân ủng hộ không?*  ***\* GV: Lê Hoàn lên ngôi vua là hợp với bối cảnh lịch sử và hợp với lòng dân***  **HĐ2: Diễn biến của cuộc kháng chiến:**  - GV yêu cầu các nhóm thảo luận theo câu hỏi:  *+ Quân Tống xâm lược nước ta vào năm nào?*  *+ Quân Tống tiến vào nước ta theo những đường nào?*  *+ Lê Hoàn chia quân thành mấy cánh và đóng quân ở đâu để đón giặc?*  *+ Hai trận đánh lớn diễn ra ở đâu và diễn ra như thế nào?*  *+ Quân Tống có thực hiện được ý đồ xâm lược của chúng không?*  - Dựa vào phần chữ kết hợp với lược đồ SGK, em hãy thuật lại diễn biến cuộc kháng chiến chống quân Tống?  - GV nhận xét, kết luận.  **HĐ3: 3. Kết quả và ý nghĩa:**  *+ Kết quả của cuộc kháng chiến như thế nào?*  *+ Nêu ý nghĩa của cuộc kháng chiến chống quân Tống?*  **3. Hoạt động ứng dụng** *(1p)*.  ***-*** GV tổng kết và GD như lòng tự hào dân tộc, lòng yêu nước: Nhờ sức mạnh đoàn kết dân tộc, nhờ tinh thần yêu nước mãnh liệt của các tầng lớp nhân dân ta, Lê Hoàn cùng các tướng sĩ đã đập tan cuộc xâm lược lần thứ nhất của nhà Tống, tiếp tục giữ vững nền độc lập của dân tộc. Chúng ta tự hào sâu sắc với quá khứ đó.  **4. Hoạt động sáng tạo** *(1p)* |

**ĐIỀU CHỈNH-BỔ SUNG**

..........................................................................................................................................................................................................................................................................

.....................................................................................................................................

*Thứ ....... ngày ...... tháng ..... năm .........*

**TIẾNG VIỆT**

**ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ I (TIẾT 3)**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Nắm được nội dung chính, nhân vật và giọng đọc các bài tập đọc là truyện kể thuộc chủ điểm Măng mọc thẳng.

**2. Kĩ năng**

- Mức độ yêu cầu về kĩ năng đọc như ở Tiết 1.

**3. Thái độ**

- HS chăm chỉ, tích cực ôn tập KT cũ

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL tự học, NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: + Giấy khổ to kể sẵn bảng BT2 và bút dạ.

+ Phiếu ghi sẵn tên các bài tập đọc, HTL từ tuần 1 đến tuần 9

- HS: vở BT, bút, ...

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Quan sát, hỏi đáp, thảo luận nhóm.

- KT: Kĩ thuật đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của HS** | | **Hoạt động của GV** | |
| - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ. | | 1**. Khởi động** (3p)  - GV giới thiệu và dẫn vào bài mới | |
| **2. Hoạt động thực hành***:(30p)*  **\* Mục tiêu:** Nắm được nội dung chính, nhân vật và giọng đọc các bài tập đọc là truyện kể thuộc chủ điểm Măng mọc thẳng.  **\* Cách tiến hành: Cá nhân-Nhóm-Cả lớp** | | |
| **Cá nhân-Lớp**  - HS đọc yêu cầu bài tập.  - Lần lượt từng HS bốc thăm bài, về chỗ chuẩn bị, cứ 1 HS kiểm tra xong, 1 HS tiếp tục lên bốc thăm bài đọc.  - Đọc và trả lời câu hỏi.  - Theo dõi và nhận xét.  **Nhóm 2- Lớp**  - HS đọc yêu cầu bài tập.  - Các bài tập đọc:  + *Một người chính trực- trang 36.*  *+ Những hạt thóc giống- trang 46.*  *+ Nỗi vằn vặt của An- đrây- ca- trang 55.*  *+ Chị em tôi- trang 59.*  - HS thảo luận trong nhóm.  - Ghi nhớ KT ôn tập  - Đọc diễn cảm các bài tập đọc chủ điểm Măng mọc thẳng | **Bài 1:** Ôn luyện và học thuộc lòng: 1/3 lớp  - Gọi HS đọc yêu cầu bài tập.  - Cho HS lên bảng bốc thăm bài đọc:  - HS đọc và trả lời 1, 2 câu hỏi về nội dung bài đọc  - GV nhận xét, khen/ động viên trực tiếp từng HS.  **Bài 2:**  - Gọi HS đọc yêu cầu bài tập  - Gọi HS đọc tên bài tập đọc là truyện kể ở tuần 4, 5, 6 đọc cả số trang. GV ghi nhanh lên bảng.  - Yêu cầu HS trao đổi, thảo luận để hoàn thành phiếu. Nhóm nào làm xong trước dán phiếu lên bảng. Các nhóm khác nhận xét, bổ sung (nếu có).  - Kết luận lời giải đúng.  - Gọi HS đọc phiếu đã hoàn chỉnh.  - Tổ chức cho HS đọc từng đoạn hoặc cả bài theo giọng đọc các em tìm được.  - Nhận xét khen những em đọc tốt.  **3. Hoạt động ứng dụng** *(1p)*  **4. Hoạt động sáng tạo** *(1p)* | |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| ***Tên bài*** | ***Nội dung chính*** | ***Nhân vật*** | ***Giọng đọc*** |
| 1. Một người chính trực | Ca ngợi lòng ngay thẳng, chính trực, đặt việc nước lên trên tình riêng của Tô Hiến Thành. | - Tô Hiến Thành  - Đỗ thái hậu | Thong thả, rõ ràng. Nhấn giọng ở những từ ngữ thể hiện tính cách kiên định, khẳng khái của Tô Hiến Thành. |
| 2. Những hạt thóc giống | Nhờ dũng cảm, trung thực, cậu bé Chôm được vua tin yêu, truyền cho ngôi báu. | - Cậu bé Chôm  - Nhà vua | Khoan thai, chậm rãi, cảm hứng ca ngợi. Lời Chôm ngây thơ, lo lắng. Lời nhà vua khi ôn tồn, khi dõng dạc. |
| 3. Nỗi nằn vặt của An- đrây- ca | Nỗi dằn vặt của An- đrây- ca Thể hiện yêu thương ý thức trách nhiệm với người thân, lòng trung thực, sự nghiêm khắc với bản thân. | - An- đrây- ca  - mẹ An- đrây- ca | Trầm buồn, xúc động. |
| 4. Chị em tôi. | Một cô bé hay nói dối ba để đi chơi đã được em gái làm cho tĩnh ngộ. | - Cô chị  - Cô em  - Người cha | Nhẹ nhàng, hóm hỉnh, thể hiện đúng tính cách, cảm xúc của từng nhân vật. Lời người cha lúc ôn tồn, lúc trầm buồn. Lời cô chị khi lễ phép, khi tức bực. Lời cô em lúc hồn nhiên, lúc giả bộ ngây thơ. |

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TOÁN**

***Tiết 48:* KIỂM TRA ĐỊNH KÌ GIỮA HỌC KÌ I**

**ĐẠO ĐỨC**

**TIẾT KIỆM THỜI GIỜ (tiết 2)**

**I.MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Nêu được ví dụ về tiết kiệm thời giờ.

- Biết được lợi ích của tiết kiệm thời giờ.

**2. Kĩ năng**

- Bước đầu biết sử dụng thời gian học tập, sinh hoạt,… hằng ngày một cách hợp lí.

**3. Thái độ**

- Có ý thức sử dụng thời gian học tập, sinh hoạt,… hằng ngày một cách hợp lí.

*(Không yêu cầu học sinh lựa chọn phương án phân vân trong các tình huống bày tỏ thái độ của mình về các ý kiến: tán thành, phân vân hay không tán thành mà chỉ có hai phương án: tán thành và không tán thành)*

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL tự học, NL giải quyết vấn đề, NL hợp tác, sáng tạo

***\* KNS:*** *- Xác định giá trị của thời gian là vô giá*

*- Lập kế hoạch khi làm việc, học tập để sử dụng thời gian hiệu quả*

*- Quản lí thời gian trong sinh hoạt học tập hằng ngày*

*- Bình luận, phê phán việc lãng phí thời gian*

***\* GD tư tưởng HCM****: Cần, kiệm, liêm, chính.*

**I. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Truyện, tấm gương về tiết kiệm thời giờ

- HS: Mỗi HS có 2 tấm bìa màu: xanh, đỏ.

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm, trò chơi, đóng vai.

- KT: động não, tia chớp, chia sẻ nhóm 2

**III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của HS** | **Hoạt động của GV** |
| *+ Mi- chi- a hiểu ra rằng trong cuộc sống, con người chỉ cần một phút cũng có thể làm nên chuyện quan trọng.*  -HS đọc bài học. | **1.Khởi động:***(5p)*  *+ Sau cuộc thi trượt tuyết, Mi- chi- a hiểu ra điều gì?*  - Gọi HS đọc bài học.  - GV nhận xét, khen/ động viên. |
| **2.HĐ thực hành***(30 p)*  **\* Mục tiêu:** - Bày tỏ ý kiến về hành vi tiết kiệm thì giờ và lãng phí thì giờ  - Trình bày được việc làm của bản thân thể hiện tiết kiệm thì giờ  - Trưng bày các tranh vẽ, tài liệu sưu tầm về tiết kiệm, lãng phí thì giờ.  **\* Cách tiến hành: Cá nhân-Nhóm-Lớp** | |
| **HS làm việc cá nhân**  - Thực hiện theo HD của GV:  Đ/a:  + Các việc làm a, c, d là tiết kiệm thời giờ.  + Các việc làm b, đ, e không phải là tiết kiệm thời giờ  **Thảo luận theo nhóm đôi:**  - HS thảo luận nhóm đôi về việc bản thân đã sử dụng thời giờ như thế nào và dự kiến thời gian biểu của mình trong thời gian tới.  + HS trình bày bài .  + Lớp trao đổi, chất vấn, nhận xét.  **Cá nhân –Lớp**  - HS trình bày, giới thiệu các tranh vẽ, bài viết hoặc các tư liệu các em đã sưu tầm được về chủ đề tiết kiệm thời giờ.  - HS cả lớp trao đổi, thảo luận về ý nghĩa của các câu ca dao, tục ngữ, truyện, tấm gương…vừa trình bày.  - Lắng nghe  - Kể chuyện được chứng kiến hoặc tham gia về tiết kiệm thời gian hoặc lãng phí thời gian | **HĐ1: Bày tỏ ý kiến**  (Bài tập 1 –SGK) 7’  - GV gọi HS nêu yêu cầu bài tập 1.  - Tổ chức cho HS làm bài cá nhân.  - GV nêu các việc làm, HS giơ thẻ màu bày tỏ ý kiến và giải thích lí do tán thành/ không tán thành.  - GV kết luận.  **HĐ2: Việc sử dụng thời gian của bản thân** (BT4- SGK)  - GV gọi HS nêu yêu cầu bài tập  - Yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi.  - GV mời một số HS trình bày với lớp.  - GV nhận xét, khen ngợi những HS đã biết sử dụng, tiết kiệm thời giờ và nhắc nhở các HS còn sử dụng lãng phí thời giờ.  **HĐ3: Trình bày giới thiệu các tranh vẽ, các tư liệu đã sưu tầm**:  -GV yêu cầu HS trình bày, giới thiệu các tranh vẽ, bài viết hoặc các tư liệu…  -Nhận xét và khen ngợi những em chuẩn bị tốt và giới thiệu hay.  **3. HĐ ứng dụng** *(1p)*  - Giáo dục tư tưởng HCM: Tiết kiệm thời gian chính là noi theo tấm gương sáng của Bác về cần, kiệm, liêm, chính.  **4. HĐ sáng tạo** *(1p)* |

**ĐIỀU CHỈNH-BỔ SUNG**

..............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TIẾNG VIỆT**

**ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ I (TIẾT 4)**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Nắm được một số từ ngữ (gồm cả thành ngữ, tục ngữ và một số từ Hán Việt thông dụng) thuộc các chủ điểm đã học (Thương người như thể thương thân, Măng mọc thẳng, Trên đôi cánh ước mơ).

- Nắm được tác dụng của dấu hai chấm và dấu ngoặc kép.

**2. Kĩ năng:**

- Vận dụng tốt các KT đã học để làm các bài tập liên quan

**3. Thái độ**

- Tích cực làm bài, ôn tập KT

**4. Góp phần bồi dưỡng các năng lực**

- NL giao tiếp và hợp tác, NL sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: +Phiếu kẻ sẵn nội dung và bút dạ.

+ Phiếu ghi sẵn các câu tục ngữ thành ngữ.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thương người như thể**  **Thương thân** | **Măng mọc thẳng** | **Trên đôi cánh ước mơ** |
| Từ cùng nghĩa: nhân hậu… | Từ cùng nghĩa: trung thực |  |
| Từ trái nghĩa: độc ác… | Từ trái nghĩa: gian dối… |  |

- HS: SGK

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm.

- KT: đặt câu hỏi, chia sẻ nhóm.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ | **1. Khởi động***:(5p)* |
| **2. HĐ thực hành (***30p)*  **\* Mục tiêu: -** HS hệ thống lại các từ ngữ, thành ngữ, tục ngữ thuộc các chủ điểm đã học  - Nắm được tác dụng của dấu hai chấm và vận dụng làm bài  **\* Cách tiến hành: Cá nhân-Nhóm-Lớp**. | |
| **Nhóm 4- Lớp**  - HS thảo luận ghi vào phiếu học – Chia sẻ lớp dưới sự điều hành của TBHT  *+ Nhân hậu đoàn kết- trang 17 và 33.*  *+ Trung thực và tự trọng- trang 48 và 62.*  *+ Ước mơ- trang 87.*  Đáp án:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Thương người như thể thương thân | Măng mọc thẳng | Trên đôi cánh ước mơ | | **Từ cùng nghĩa**: thương người, nhân hậu, nhân ái, nhân dức, nhân nghĩa, hiền hậu, hiền từ,hiền lành, hiền dịu, dịu hiền, trung hậu,... | **Từ cùng nghĩa:** trung thực, trung thành, trung nghĩa, ngay thẳng, thẳng thắn, thẳng tuột, thành thật, thật lòng, thật tâm, thực bụng,... | Ước mơ, ước muốn, ao ước, ước mong, mong ước, mơ ước, mơ tưởng, ... | | **Từ trái nghĩa**: độc ác, hung ác, tàn ác, nanh ác, tàn bạo, dữ tợn, dữ dằn, ăn hiếp, hà hiếp, bắt nạt, đánh đập, áp bức, bóc lột,... | **Từ trái nghĩa:** dối trá, gian dối, gian lận, gian giảo, gian trá, lừa dối, bịp bợm, lừa đảo, lừa lọc,... |  |   **Nhóm 2 –Lớp**  ***Thương người như thể thương thân*:** *Ở hiền gặp lành; Một cây làm chẳng nên non … hòn núi cao; Hiền như bụt; Lành như đất; Thương nhau như chị em ruột; Môi hở răng lạnh;Máu chảy ruột mềm;Nhường cơm sẻ áo;Lá lành đùm lá rách;Trâu buột ghét trâu ăn;Dữ như cọp.*  ***Măng mọc thẳng:****Thẳng như ruột ngựa;Thuốc đắng dã tật,**Giấy rách phải giữ lấy lề; Đói cho sạch, ráh cho thơm.*  ***Trên đôi cánh ước mơ:*** *Cầu được ước thấy;Ước sao được vậy;Ước của trái mùa;Đứng núi này trông núi nọ.*  - HS đặt câu hoặc nêu tình huống sử dụng các câu TN, tục ngữ trên. VD:  +Trường em luôn có tinh thần *lá lành đùm là rách.*  +Bạn Hùng lớp em tính thẳng thắn *như ruột ngựa*.  + Bà em luôn dặn con cháu *đói cho sạch, rách cho thơm.*  **Cá nhân –Lớp**  Đáp án:   |  |  | | --- | --- | | Dấu câu | Tác dụng | | a.Dấu hai chấm: | Báo hiệu bộ phận câu đứng sau nó là lời nói của một nhân vật. Lúc đó, dấu hai chấm được dùng phối hợp với dấu ngoặc kép hay dấu gạch đầu dòng. | | b.Dấu ngoặckép: | + Dẫn lời nói trực tiếp của nhân vật hay của người được câu văn nhắc đến.  Nếu lời nói trực tiếp là một câu trọn vẹn hay một đoạn văn thì trước dấu ngoặc kép cần thêm hai dấu chấm.  + Đánh dấu với những từ được dùng với nghĩa đặc biệt. |   - Ghi nhớ KT ôn tập  - Sưu tầm thêm các câu thành ngữ, tục ngữ khác thuộc chủ điểm đã học | **Bài 1:**  - Gọi 1 HS đọc yêu cầu  *+ Yêu cầu HS nhắc lại các bài mở rộng vốn từ. GV ghi nhanh lên bảng.*  - Nhận xét khen/ động viên, yêu cầu đặt câu với từ bất kì vừa hệ thống lại  **Bài 2:**Tìm thành ngữ, tục ngữ đã học trong mỗi chủ điểm nêu ở BT1  - Nhận xét sửa từng câu cho HS  **Bài 3:**  - Gọi 1 HS đọc yêu cầu  - Kết luận về tác dụng của dấu ngoặc kép và dấu hai chấm.  **3. HĐ ứng dụng** (1p)  **4. HĐ sáng tạo** (1p) |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**KĨ THUẬT**

**KHÂU VIỀN ĐƯỜNG GẤP MÉP VẢI**

**BẰNG MŨI KHÂU ĐỘT THƯA (tiết 1)**

**I.MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Biết cách khâu đường viền đường gấp mép vải bằng mũi khâu đột thưa.

**2. Kĩ năng**

- Khâu viền được đường gấp mép vải bằng mũi khâu đột thưa. Các mũi khâu tương đối đều nhau. Đường khâu có thể bị dúm.

\* Với HS khéo tay: Khâu viền được đường gấp mép vải bằng mũi khâu đột thưa. Các mũi khâu tương đối đều nhau. Đường khâu ít bị rúm.

**3. Thái độ**

- Giáo dục tính cẩn thận, khéo léo, an toàn khi thực hành

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL thẩm mĩ.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: + Mẫu đường gấp mép vải được khâu viền bằng các mũi khâu đột có kích thước đủ lớn và một số sản phẩm có đường khâu viền đường gấp mép vải bằng khâu đột hoặc may bằng máy (quần, áo, vỏ gối, túi xách tay bằng vải …)

- HS: Bộ ĐDHT lớp 4, vở.

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Quan sát, hỏi đáp, thảo luận nhóm.

- KT: đặt câu hỏi, tia chớp, động não.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBVN điều hành | **1. HĐ khởi động (3p)**  - HS hát bài hát khởi động:  - Kiểm tra sự chuẩn bị đồ dùng của HS |
| **2. Hình thành KT***(30p)*  **\* Mục tiêu**- Biết cách khâu đường viền đường gấp mép vải bằng mũi khâu đột thưa.  **\* Cách tiến hành: Cá nhân- Nhóm- Lớp** | |
| **Cá nhân – Lớp**  - HS quan sát và trả lời.  *+ Mép vải được gấp hai lần. Đường gấp mép ở mặt trái của mảnh vải.*  *+ Đường khâu bằng mũi khâu đột thưa (hoặc đột mau). Thực hiện đường khâu ở mặt phải mảnh vải.*  - HS quan sát H1, 2, 3, 4 và trả lời câu hỏi  *+ Gấp theo đường dấu thứ hai, miết kĩ đường gấp.*  *+ Khâu các mũi khâu thường dài khoảng 1cm để cố định mép vải. . .*  - HS quan sát và trả lời.  - HS thực hiện thao tác gấp mép vải.  - HS lắng nghe.  - HS kết hợp đọc nội dung của mục 2, 3 và quan sát H. 3, H. 4 SGK và tranh quy trình để trả lời và thực hiện thao tác khâu viền.  - HS thực hành trên giấy ô li  - Nhận xét, đánh giá bước đầu.  - Thực hành khâu tại nhà  - Sưu tầm các sản phẩm sử dụng mũi khâu đột thưa để viền mép vải. | **HĐ1: GV hướng dẫn HS quan sát và nhận xét mẫu.**  - GV giới thiệu mẫu, hướng dẫn HS quan sát,  *+ Em hãy nhận xét cách gấp mép vải?*  *+ Nhận xét đường khâu trên mép vải?*    - GV nhận xét và tóm tắt đặc điểm đường khâu viền gấp mép.  **HĐ2: Hướng dẫn thao tác kỹ thuật.**  *+ Em hãy nêu cách gấp mép vải lần 2?*  *+ Hãy nêu cách khâu lược đường gấp mép vải?*  - GV hướng dẫn HS đọc nội dung của mục 1 và quan sát hình 1, 2a, 2b (SGK) để trả lời các câu hỏi về cách gấp mép vải.  - GV cho HS thực hiện thao tác gấp mép vải.  - GV nhận xét các thao tác của HS thực hiện. Hướng dẫn theo nội dung SGK  ***\* Lưu ý:***  Khi gấp mép vải, mặt phải mảnh vải ở dưới. Gấp theo đúng đường vạch dấu theo chiều lật mặt phải vải sang mặt trái của vải. Sau mỗi lần gấp mép vải cần miết kĩ đường gấp. Chú ý gấp cuộn đường gấp thứ nhất vào trong đường gấp thứ hai.  - Nhận xét chung và hướng dẫn thao tác khâu lược, khâu viền đường gấp mép vải bằng mũi khâu đột. Khâu lược thì thực hiện ở mặt trái mảnh vải. Khâu viền đường gấp mép vải thì thực hiện ở mặt phải của vải (HS có thể khâu bằng mũi đột thưa hay mũi đột mau).  - GV tổ chức cho HS thực hành vạch dấu, gấp mép vải theo đường vạch dấu.  **3. Hoạt động ứng dụng *(1p)***  **4. HĐ sáng tạo *(1p****)* |

**ĐIỀU CHỈNH-BỔ SUNG**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

*Thứ ....... ngày ...... tháng ..... năm .........*

**TIẾNG VIỆT**

**ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ I (TIẾT 5)**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- HS nắm được một số thể loại: nội dung, nhân vật,...và cách đọc các bài tập đọc.

**2. Kĩ năng**

- Mức độ yêu cầu về kĩ năng đọc như ở Tiết 1; nhận biết được các thể loại văn xuôi, kịch, thơ; bước đầu nắm được nhân vật và tính cách trong bài tập đọc là truyện kể đã học.

**3. Thái độ**

- HS tích cực, tự giác ôn tập KT cũ

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: + Tranh minh hoạ bài tập đọc trang 90 SGK (phóng to)

+ Bảng lớp ghi sẵn đoạn cần luyện đọc.

- HS: SGK

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- Phương pháp: Quan sát, hỏi - đáp, đóng vai.

- Kĩ thuật: Làm việc nhóm, chia sẻ

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | | | **Hoạt động của giáo viên** | |
| - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ | | | **1. Khởi động:** *(3p)*    - GV dẫn vào bài mới | |
| **Cá nhân – Lớp**  - HS đọc yêu cầu bài tập.  - Lần lượt từng HS bốc thăm bài, về chỗ chuẩn bị, cứ 1 HS kiểm tra xong, 1 HS tiếp tục lên bốc thăm bài đọc.  - Đọc và trả lời câu hỏi.  - Theo dõi và nhận xét.  - Đọc yêu cầu trong SGK.  **Nhóm 6 – Lớp**  - Các bài tập đọc.  *\* Trung thu độc lập - trang 66.*  *\* Ở vương quốc Tương Lai - trang 70.*  *\* Nếu chúng mình có phép lạ - trang 76.*  *\* Đôi giày ba ta màu xanh - trang 81.*  *\* Thưa chuyện với mẹ - trang 85.*  *\* Điều ước của vua Mi- đát - trang 90*. | | | **2. HĐ thực hành:** *(30p)*  **\* Mục tiêu:** HS ôn luyện tập đọc và học thuộc lòng**.** HS nhận biết được các thể loại văn xuôi, kịch, thơ; bước đầu nắm được nhân vật và tính cách trong bài tập đọc là truyện kể đã học.  \* **Cách tiến hành:** | |
| **Giọng đọc** | **Bài 1:**Ôn luyện tập đọc và học thuộc lòng  - Gọi HS đọc yêu cầu bài tập.  - Cho HS lên bảng bốc thăm bài đọc:  - Gọi 1 HS đọc và trả lời 1, 2 câu hỏi về nội dung bài đọc  - GV nhận xét, khen/ động viên.  ***Bài 2:***  - Gọi HS đọc tên các bài tập đọc, số trang thuộc chủ điểm *Đôi cánh ước mơ.*  GV ghi nhanh lên bảng.  - Yêu cầu HS trao đổi, làm việc trong nhóm. Nhóm nào làm xong trước dán phiếu lên bảng. Các nhóm nhận xét, bổ sung.  - Kết luận phiếu đúng.  - Gọi HS đọc lại phiếu. | |
| Nhẹ nhàng thể hiện niềm tự hào tin tưởng. | **Tên bài** | |
| Hồn nhiên(lời Tin- tin, Mi- tin: háo hức, ngạc nhiên, thán phục, lời các em bé: tự tin, tự hào.) | 1. Trung thu độc lập | |
| Hồn nhiên, vui tươi. | 2. Ở vương quốc tương lai | |
| Chậm rãi, nhẹ nhàng (đoạn 1 –hồi tưởng): vui nhanh hơn (đoạn 2 - niềm xúc động vui sướng của cậu bé lúc nhạn quà) | 3. Nếu chúng mình có phép lạ. | |
| Giọng Cương: Lễ phép, thiết tha. Giọngmẹ: lúc ngạc nhiên. Lúc cảm động, dịu dàng. | 4. Đôi giày ba ta màu xanh | |
| Khoan thai. Đổi giọng linh hoạt phù hợp với tâm trạng thay đổi của vua: từ phấn khởi, thoả mãn sang hoảng hốt, khẩn cầu, hối hận. Lời  Đi- ô- ni- dôt phán: Oai vệ. | 5. Thưa chuyện với mẹ | |
|  | 6. Điều ước của vua Mi- đát. | |

***Bài 3:*** GV tiến hành như bài 2

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nhân vật** | **Tên bài** | **Tính cách** |
| - Nhân vật “tôi”- chị phụ trách.  Lái | Đôi giày ba ta màu xanh | Nhân hậu, muốn giúp trẻ lang thang. Quan tâm và thông cảm với ước muốn của trẻ.  Hồn nhiên, tình cảm, tích được mang giày dép. |
| - Cương.  - Mẹ Cương | Thưa chuyện với mẹ | Hiếu thảo, thương mẹ. Muốn đi làm để kiếm tiền giúp mẹ.  Dịu dàng, thương con |
| - Vua Mi- đat  - Thần Đi- ô- ni- dôt | Điều ước của vua Mi- đat. | Tham lam nhưng biết hối hận.  Thông minh, biết dạy cho vua Mi- đat một bài học. |

**3. Hoạt động ứng dụng (***1p)*

*-* Chúng ta sống cần có ước mơ, cần quan tâm đến ước mơ của nhau sẽ làm cho cuộc sống thêm vui tươi, hạnh phúc. Những ước mơ tham lam, tầm thường, kì quặc, sẽ chỉ mang lại bất hạnh cho con người

**4. HĐ sáng tạo** *(1p)*

- Đọc diễn cảm các bài tập đọc thuộc chủ điểm

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TOÁN**

***Tiết 49:* NHÂN VỚI SỐ CÓ MỘT CHỮ SỐ**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Biết cách thực hiện phép nhân số có nhiều chữ số với số có một chữ số (tích có không quá sáu chữ số).

**2. Kĩ năng**

- HS thực hiện thành thạo phép nhân số có nhiều chữ số với số có một chữ số.

**3. Thái độ**

- Học tập tích cực, tính toán chính xác

**4. Góp phần phát triền các NL:**

- NL tự học, NL sáng tạo, NL giải quyết vấn đề

\* Bài tập cần làm: Bài 1, bài 3a

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: ê- ke, thước

- HS: đồ dùng học toán, ê-ke, thước

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Quan sát, hỏi đáp, thảo luận nhóm.

- KT: động não, tia chớp, chia sẻ nhóm 2

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ | **1. Khởi động *(5p)***  - GV giới thiệu, dẫn vào bài mới |
| **2. Hình thành kiến thức (***15p)*  **\* Mục tiêu: :** Biết cách thực hiện phép nhân số có nhiều chữ số với số có một chữ số.  **\* Cách tiến hành:**. | |
| **Cá nhân- Nhóm- Lớp**  - HS đọc: 241 324 x 2.  - HS lên bảng đặt tính, HS cả lớp đặt tính vào giấy nháp, sau đó nhận xét cách đặt tính trên bảng của bạn.  - Ta bắt đầu tính từ hàng đơn vị, sau đó đến hàng chục, hàng trăm, hàng nghìn, hàng chục nghìn, hàng trăm nghìn (tính từ phải sang trái).  241324 \* 2 nhân 4 bằng 8, viết 8.  x 2 \* 2 nhân 2 bằng 4, viết 4.  482648 \* 2 nhân 3 bằng 6, viết 6.  \* 2 nhân 1 bằng 2, viết 2.  \* 2 nhân 4 bằng 8, viết 8.  \* 2 nhân 2 bằng 4, viết 4.    - HS đọc: 136204 x 4.  - 1 HS thực hiện trên bảng lớp, HS cả lớp làm bài vào giấy nháp.  136204 \* 4 nhân 4 bằng 16, viết 6 nhớ 1.  x 4 \* 4 nhân 0 bằng 0,thêm 1 bằng 1,viết 1  544816 \* 4 nhân 2 bằng 8, viết 8.  \* 4 nhân 6 bằng 24, viết 4 nhớ 2.  \* 4 nhân 3 bằng 12,thêm 2 bằng 14,viết 4 nhớ 1.  \* 4 nhân 1 bằng 4,thêm 1 bằng 5, viết 5 | **\* Phép nhân 241324 x 2** (**phép nhân không nhớ)**  - GV viết lên bảng phép nhân: 241324 x 2.      + Khi thực hiện phép nhân này, ta phải thực hiện tính bắt đầu từ đâu?  - Yêu cầu HS tính. Nếu trong lớp có HS tính đúng thì GV yêu cầu HS đó nêu cách tính của mình, sau đó GV nhắc lại cho HS cả lớp ghi nhớ. Nếu trong lớp không có HS nào tính đúng thì GV hướng dẫn HS tính theo từng bước như SGK.  Vậy 241 324 x 2 = 482 648  **\* Phép nhân 136204 x 4 (phép nhân có nhớ)**  - GV viết lên bảng phép nhân: 136204 x 4.  - GV yêu cầu HS đặt tính và thực hiện phép tính, nhắc HS chú ý đây là phép nhân có nhớ.  + Khi thực hiện các phép nhân có nhớ chúng ta cần thêm số nhớ vào kết quả của lần nhân liền sau.  - GV nêu kết quả nhân đúng, sau đó yêu cầu HS nêu lại từng bước thực hiện phép nhân của mình.  Vậy 136204 x 4 = 544816 |
| - 2 em lên bảng, lớp làm bảng con.  a. 341231 214325  x 2 x 4  482648 .............  b. 102426 410536  x 5 x 3  .............. .............  - GV yêu cầu HS làm theo cặp, 2 cặp làm bảng lớn.  - Thực hiện theo yêu cầu của GV.  Đ/a:  a. 321 475 + 423 507 x 2  = 321 475+ 847 014  = 1168 489  \* 843 275 – 123 568 x 5  = 843 275 – 617 840  = 225 435  - HS làm bài vào vở Tự học  - Chữa bài trong nhóm đôi.  - Ghi nhớ cách đặt tính và tính  **Bài tập PTNL:**  1**.(M3+M4)** Mỗi xã được cấp 455550 cây giống , hỏi một huyện có 7 xã thì được cấp bao nhiêu cây giống? | **3. HĐ thực hành *(18p)***  **\* Mục tiêu*:*** HS thực hiện thành thạo phép nhân số có nhiều chữ số với số có một chữ số.  **\* Cách tiến hành:** |
|  | ***Bài 1:Đặt tính rồi tính***  - Gọi HS đọc và xác định yêu cầu bài tập.  - Gọi HS nhận xét, bổ sung, sửa bài (nếu cần).  - GV chốt đáp án.  - Củng cố cách đặt tính va thực hiện phép nhân.  ***Bài 3a: Tính(HSNK làm cả bài)***  - Gọi HS đọc và xác định yêu cầu bài tập.  - Gọi HS nhận xét, bổ sung, sửa bài (nếu cần).  - GV chốt đáp án.  **\* KL:** Củng cố cách tính giá trị của biểu thức  **Bài 2+ Bài 4 *(bài tập chờ dành cho HS hoàn thành sớm)***  - GV chữa, chốt cách làm  **4. HĐ ứng dụng *(1p)***  **5. HĐ sáng tạo *(1p)*** |

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

:...................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TIẾNG VIỆT**

**ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ I (TIẾT 6)**

**I.MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Giúp HS ôn tập về cấu tạo của tiếng, từ chia theo cấu tạo và từ chia theo chức năng.

**2. Kĩ năng**

- Xác định được tiếng chỉ có vần và thanh, tiếng có đủ âm đầu, vần và thanh trong đoạn văn; nhận biết được từ đơn, từ ghép, từ láy, danh từ (chỉ người, vật, khái niệm), động từ trong đoạn văn ngắn.

- HS có kĩ năng nhận biết và xác đinh được các tiếng, từ.

\* HS năng khiếu: Phân biệt được sự khác nhau về cấu tạo của từ đơn và từ phức, từ ghép và từ láy.

**3. Thái độ**

- HS tích cực, tự giác ôn bài.

**4. Góp phần phát triển NL:**

**-** NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL ngôn ngữ.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: + Bảng lớp viết sẵn đoạn văn.

+ Phiếu kẻ sẵn và bút dạ.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tiếng** | **Âm đầu** | **Vần** | **Thanh** |
| a. Tiếng chỉ có vần và thanh |  |  |  |
| b. Tiếng có đủ âm đầu, vần và thanh |  |  |  |

- HS: SGK, Bút, vở

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Quan sát, hỏi đáp.

- KT: đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | | **Hoạt động của giáo viên** | |
| - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ | | **1. Khởi động:(***5p)*    - GV dẫn vào bài mới | |
| **2. . Hoạt động thực hành:** *(27p)*  **\* Mục tiêu:** Xác định được tiếng chỉ có vần và thanh, tiếng có đủ âm đầu, vần và thanh trong đoạn văn; nhận biết được từ đơn, từ ghép, từ láy, danh từ, động từ trong đoạn văn ngắn.  **\* Cách tiến hành:** | | | |
| **Vần** | ***Bài 1:***  - Gọi 2 HS đọc thành tiếng đề bài.  *+ Cảnh đẹp của đất nước được quan sát ở vị trí nào?*  *+ Những cảnh của đất nước hiện ra cho em biết điều gì về đất nước ta?*  ***Bài 2:***  - Gọi 2 HS đọc thành tiếng đề bài.  -Yêu cầu HS thảo luận và hoàn thành phiếu. Nhóm nào làm xong trước dán phiếu lên bảng. Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  - Nhận xét, kết luận phiếu đúng. |  |  |
| Ao |  | **Tiếng** | **Âm đầu** |
| ươi  âm  anh  u  uon  ay  ơ  a  … | a/. Tiếng chỉ có vần và thanh | Ao |  |
| - Cá nhân đọc  +*Cảnh đẹp của đất nước được qua sát từ trên cao xuống.*  *+ Những cảnh đẹp đó cho thấy đất nước ta rất thanh bình, đẹp hiền hoà.*  **Nhóm 2- Lớp**  - 2 HS đọc thành tiếng đề bài.  - Hs thảo luận nhóm đôi.  - Chữa bài (nếu sai). | | b/. Tiếng có đủ âm đầu, vần và thanh | |
| **Cá nhân- Nhóm 2- Lớp**  - 1 HS đọc yêu cầu trong SGK.  *+ Từ đơn là từ gồm 1 tiếng. Ví dụ: ăn…*  *+ Từ ghép là từ được ghép các tiếng có nghĩa lại với nhau. Ví dụ: Dãy núi, ngôi nhà…*  *+ Từ láy là từ phối hợp những tiếng có âm hay vần giống nhau. Ví dụ: Long lanh, lao xao, …*  - 2 HS ngồi cùng bàn thảo luận, tìm từ vào giấy nháp.  - 4 HS lên bảng viết, mỗi HS viết mỗi loại 1 từ.  **Từ đơn:** Dưới, tầm, cánh, chú, là, luỹ, tre, xanh, trong, bờ, ao, những, gió, rồi, cảnh, còn, tầng…  **Từ ghép:** Bây giờ, khoai nước, tuyệt đẹp, hiện ra, ngược xuôi, xanh trong, cao vút, luỹ tre, đất nước, cánh đồng, đàn trâu, dòng sông, đoàn thuyền, đàn cò, . .  **Từ láy:** rì rào, thung thăng, rung rinh  - 1 HS đọc thành tiếng đề bài.  *+ Danh từ là những từ chỉ sự vật (người, vật, hiện tượng,...).*  *Ví dụ: Học sinh, mây, ....*  *+Động từ là những từ chỉ hoạt động, trạng thái của sự vật.*  *Ví dụ: ăn, ngủ, yên tĩnh, …*  **Danh từ:** Tầm, cánh, chú, chuồn chuồn, tre, gió, bờ ao, khóm, khoai nước, cảnh, đất nước, cánh, đồng, đàn trâu, cỏ, dòng, sông, đoàn, thuyền….  **Động từ:** Rì rào, rung rinh, hiện ra, gặm, bay, ngược xuôi,  - Ghi nhớ KT ôn tập  - Tìm các tiếng ngoài bài chỉ có vần và thanh | | **Bài 3:**  *+ Thế nào là từ đơn, cho ví dụ.*  *+ Thế nào là từ ghép? Cho ví dụ.*  *+ Thế nào là từ láy? Cho ví dụ.*  - Yêu cầu HS thảo luận cặp đôi và tìm từ.  - Gọi HS lên bảng viết các từ mình tìm được.  - Gọi HS bổ sung những từ còn thiếu.  - Kết luận lời giải đúng.  ***Bài 4:***  *+ Thế nào là danh từ? Cho ví dụ?*  *+ Thế nào là động từ? Cho ví dụ.*  - Tiến hành tương tự bài 3.  **3. Hoạt động ứng dụng *(1p)***  **4. Hoạt động sáng tạo *(1p)*** | |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**KHOA HỌC (CT HIỆN HÀNH)**

**NƯỚC CÓ NHỮNG TÍNH CHẤT GÌ? (PP BTNB)**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Nêu được ví dụ về ứng dụng một số tính chất của nước trong đời sống: làm mái nhà dốc cho nước mưa chảy xuống, làm áo mưa để không bị ướt,....

- Nêu được một số tính chất của nước : nước là chất lỏng, trong suốt, không màu, không mùi, không vị, không có hình dạng nhất định: nước chảy từ trên cao xuống thấp, chảy lan ra khắp mọi phía, thấm qua một số vật và hòa tan một số chất.  
**2. Kĩ năng**

- Quan sát và làm thí nghiệm để phát hiện ra một số tính chất của nước.  
**3. Thái độ**

- Có ý thức bảo vệ nguồn nước

**4. Góp phần phát triển các năng lực:**

- NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL hợp tác.

*\* GD bảo vệ môi trường, tiết kiệm năng lượng: Nước là vô cùng thiết yếu đối với cuộc sống của con người, nhưng nguồn tài nguyên này đang bị huỷ hoại bởi bàn tay của con người, bởi vậy cần thực hiện các biện pháp hiệu quả để bảo vệ nguồn nước.*

*Sử dụng tiết kiệm và hiệu quả nguồn nước cũng chính là sử dụng hiệu quả và tiết kiệm năng lượng (phục vụ sản xuất điện)***II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: **+**Hình minh hoạ trong sgk tr- 42, 43.  
 + 2 cốc thuỷ tinh giống nhau, nước lọc, sữa, chai, cốc, hộp, lọ thuỷ tinh có các hình dạng khác nhau, tấm kính, khay đựng nước, vải (bông, giấy thấm), đường muối, cát, 3 cái thìa.  
 - Bảng kẻ sẵn các cột:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Câu hỏi | Dự đoán | Cách tiến hành | Kết luận |
|  |  |  |  |

- HS: Chuẩn bị theo nhóm:

+ Hai cốc thủy tinh giống nhau, một cốc đựng nước, một cốc đựng sữa.

+ Chai và một số vật chứa nước có hình dạng khác nhau bằng thủy tinh hoặc nhựa trong có thể nhìn rõ nước đựng ở trong.

+ Một tấm kính hoặc một mặt phẳng không thấm nước hoặc một khay đựng nước(như hình vẽ trang 43 sgk)

+ Một miếng vải bông, giấy thấm, bọt biển (miếng mút), túi ni lông,…

+ Một ít đường, muối,cát,…và thìa.

- Bút dạ, giấy khổ lớn, bảng nhóm

- Vở thí nghiệm

**2.Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: quan sát, hỏi đáp, thảo luận, trò chơi học tập, thí nghiệm

- KT: Động não, chia sẻ nhóm đôi, tia chớp

**II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt đông của của học sinh** | **Hoạt đông của giáo viên** |
| - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ. | **1. Khởi động *(4p)*** |
| **2.Bài mới:**  **\* Mục tiêu:** HS tiến hành làm thí nghiệm để phát hiện tính chất của nước.  **\* Cách tiến hành: Cá nhân-Nhóm –Lớp** | |
| *+ chứa nước*  - HS ghi lại những hiểu biết của mình.     - HS thảo luận trong nhóm rồi ghi vào bảng nhóm kết quả đã thảo luận.  VD:  + Nước trong suốt, không màu không mùi, không vị,  + Nước không có hình dạng nhất định.  + Nước chảy từ cao xuống thấp, lan ra khắp mọi phía,  + Nước thấm qua một số vật, không thấm qua vật và hòa tan một số chất - HS đính kết quả lên bảng   - HS tìm các điểm giống và khác nhau.             - HS đặt các câu hỏi thắc mắc của mình.  VD: 1. Nước có màu, có mùi, có vị không? 2. Nước có hình dạng nhất định không và nước chảy như thế nào? 3. Nước có thể hòa tan hoặc không hòa tan một số chất nào ? 4. Nước có thể thấm hoặc không thấm qua một số chất nào ? - HS đề xuất phương án, chọn phương án thích hợp nhất VD: Đọc SGK, xem phim, làm thí nghiệm, tìm kiếm thông tin trên mạng, tham khảo ý kiến người lớn,.. - Các nhóm đề xuất TN, sau đó tập hợp ý kiến của nhóm  vào bảng nhóm       - Thực hiện theo yêu cầu của GV.       - HS tiến hành làm TN    - Đại diện các nhóm lên trình bày.VD:  + Nhìn, ngửi, nếm để biết nước không màu, không mùi, không vị.  + Đổ nước vào các bình có hình dạng khác nhau, quan sát để biết nước không có hình dạng nhất định.  + Để nghiêng một tấm kính và đổ nước ở phía trên, quan sát để biết nước chảy từ nơi cao đến nơi thấp.  + Hoà một số chất (muối, đường, dầu…) vào nước để biết nước có thể/ không thể hoà tan một số chất.  + Đổ nước vào một số vật (vải cốt tông, ni lông…, ) để xem nước thấm/ không thấm qua một số vật. - Các nhóm khác có thể đặt câu hỏi cho nhóm bạn (Chẳng hạn: vật bị ướt, có phải vật đó đã thấm nước?,…) - HS kết luận: Nước là một chất lỏng trong suốt, không màu, không mùi……. thấm qua một số vậ và hòa tan một số chất. (Ghi kết luận vào vở TN)   - HS nêu. VD:  + Không xả rác bừa bãi xuống ao, hồ, sông, suối…  + Sử dụng tiết kiệm và hiệu quả nguồn nước.  - HS nêu một vài ứng dụng. VD:  + Để một vật không bị thấm nước, ta phải lưu ý che đậy bằng các vật không thấm nước… +Nước không thấm qua một số vật nên người ta dùng để sản xuất chậu, chai,…làm bằng nhôm, nhựa, ..để chứa nước; sản xuất áo mưa. +Vận dụng tính chất nước chảy từ trên cao xuống Đđể tạo ra sức nước làm chạy máy phát điện, làm mái nhà dốc… | **2.1. Tình huống xuất phát và nêu vấn đề:**  - GV hỏi HS: Trên tay cô có một chiếc cốc. Đố các em biết *trong cốc chứa gì?* - Hàng ngày các em đã được tiếp xúc với nước, vậy có em nào biết gì về tính chất của nước?  2. **2. Làm bộc lộ biểu tượng ban đầu của HS:**  - GV yêu cầu HS ghi lại những hiểu biết của mình về tính chất của nước vào vở ghi chép khoa học. - Yêu cầu HS thảo luận nhóm 4, ghi lại những hiểu biết về nước có những tính chất gì vào bảng nhóm. - GV theo dõi tiến trình làm việc của các nhóm.  - Gọi đại diện các nhóm lên bảng đính kết quả rồi đọc kết quả của mình. - Các nhóm quan sát để tìm ra điểm giống và khác nhau của nhóm mình với nhóm khác. - GV gạch dưới các điểm giống nhau giữa các nhóm. 2. **3.** **Đề xuất câu hỏi (dự đoán/ giả thuyết) và phương án tìm tòi:**  - YC HS đưa ra ý kiến cá nhân để đặt câu hỏi theo nhóm. - Giáo viên chốt các câu hỏi của các nhóm (nhóm các câu hỏi phù hợp với nội dung bài học).  - GV tổ chức cho HS thảo luận, đề xuất các phương án tìm tòi.  *+*Để chứng minh cho những ý kiến nêu trên là đúng, em cần phải làm gì ? *+*Theo em, phương án nào là tối ưu nhất*?* -GV hướng cho HS đến phương án: làm TN  **2.4. Thực hiện phương án tìm tòi:** -GV YC HS viết dự đoán vào vở Ghi chép khoa học trước khi làm thí nghiệm nghiên cứu với các mục: Câu hỏi; dự đoán; cách tiến hành; kết luận rút ra.  - Yêu cầu các nhóm nhận đồ dùng cần cho TN, tiến hành TN tại nhóm và rút ra kết luận ghi vào bảng nhóm. - GV quan sát và giúp đỡ các nhóm. 2. **5. Kết luận và hợp thức hóa kiến thức:** - GV tổ chức cho các nhóm báo cáo kết quả.    - GV hướng dẫn HS so sánh lại với các suy nghĩ ban đầu để khắc sâu kiến thức về các tính chất của nước.  - Ghi tên bài lên bảng.  **3. HĐ ứng dụng *(1p)***  \* GD bảo vệ môi trường, tiết kiệm năng lượng: Nước là vô cùng thiết yếu đối với cuộc sống của con người, nhưng nguồn tài nguyên này đang bị huỷ hoại bởi bàn tay của con người, bởi vậy cần thực hiện các biện pháp hiệu quả để bảo vệ nguồn nước. *Đó là những biện pháp gì?*  *\* GV: Sử dụng tiết kiệm và hiệu quả nguồn nước cũng chính là tiết kiệm năng lượng (sản xuất điện)*  **4. HĐ sáng tạo *(1p)***  *-*Trong thực tế, con người vận dụng các tính chất của nước vào những việc gì? |

**ĐIỀU CHỈNH-BỔ SUNG**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

*Thứ ....... ngày ...... tháng ..... năm .........*

**TIẾNG VIỆT**

**ÔN TẬP VÀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I (TIẾT 7)**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Hiểu nội dung chính của từng đoạn, nội dung của cả bài; nhận biết được một số hình ảnh, chi tiết có ý nghĩa trong bài; bước đầu biết nhận xét về nhân vật trong văn bản tự sự.

**2. Kĩ năng**

- Đọc rành mạch, trôi chảy bài tập đọc đã học theo tốc độ qui định giữa HKI (khoảng 75 tiếng/phút); bước đầu biết đọc diễn cảm đoạn văn, đoạn thơ phù hợp với nội dung đoạn đọc.

**3. Thái độ**

- Tích cực, tự giác học bài..

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL tự học, NL ngôn ngữ, NL sáng tạo

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: + Bảng phụ ghi sẵn đoạn văn ở bài tập 1 phần nhận xét.

+Tranh minh họa trang 94, SGK (phóng to nếu có điều kiện)

+ Giấy khổ to và bút dạ.

- HS: Vở BT, bút, ..

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm, trò chơi học tập

- KT: động não, đặt câu hỏi, chia sẻ, ...

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ | **1. Khởi động *(3p)***  - Dẫn vào bài mới |
| **2. Làm bài KT (20 p)**  **\* Mục tiêu:** Làm đúng các phần bài trắc nghiệm để củng cố các KT về từ và câu đã học từ Tuần 1-Tuần 9  **\* Cách tiến hành:** | |
| **Cá nhân – Nhóm 2- Lớp**  - HS đọc văn bản.  - Thực hiện theo hướng dẫn của GV.  1. Ý B  2. Ý C  3.Ý C  4. Ý B  5. Ý B  6. Ý A  7. Ý C  8. Ý C  - HS tìm và làm các bài đọc-hiểu trong sách buổi 2 | a. Đọc thầm: **Quê hương**  ***( SGK Tiếng việt 4 trang 100)***  **1.  Tên vùng quê được tả trong bài?**  A. Ba Thê  B. Hòn Đất  C. Không có tên  **2. Quê hương chị Sứ là:**   A. Thành phố.   B. Vùng núi.   C. Vùng biển.  **3. Những từ ngữ nào giúp em trả lời đúng câu hỏi 2?**   A. Các mái nhà chen chúc.   B. Núi Ba Thê vòi vọi xanh lam.   C . Sóng biển, cửa biển, xóm lưới, làng biển, lưới.  **4. Những từ ngữ nào cho thấy núi Ba Thê là một ngọn núi cao?**  A . Xanh lam  B. Vòi vọi.  C. Hiện trắng những cánh cò.  **5. Tiếng “**yêu**” gồm những bộ phận cấu tạo nào?**  A. Chỉ có vần  B. Chỉ có vần và thanh  C.Chỉ có âm đầuvà vần  **6. Bài văn trên có 8 từ láy. Theo em, tập hợp nào dưới đây thống kê đủ 8 từ đó?**  A.Oa oa, da dẻ, vòi vọi, nghiêng nghiêng, chen chúc, phất phơ, trùi trũi, tròn trịa.  B. Vòi vọi, nghiêng nghiêng, phất phơ, vàng óng, sáng lòa, trùi trũi, tròn trịa, xanh lam.  C. Oa oa, da dẻ, vòi vọi, chen chúc, phất phơ, trùi trũi, tròn trịa, nhà sàn.  **GV nhận xét chốt đáp án**  **7. Nghĩa của từ "tiên" trong "đầu tiên" khác nghĩa với chữ "tiên" nào dưới đây?**  **A**. Tiên tiến  B. Trước tiên  **C**. Thần tiên  **8. Bài văn trên có mấy danh từ riêng?**  A.Một từ. Đó là từ nào?  B. Hai từ. Đó là những từ nào?  C. Ba từ. Đó là những từ nào?  **\* KL:**GV thu bài, nhận xét chốt đáp án  **3. HĐ ứng dụng** (1p)  - GV hỏi câu hỏi liên quan đến nội dung bài học để củng cố bài học  **4. HĐ sáng tạo** (1p) |

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TOÁN**

***Tiết 50:* TÍNH CHẤT GIAO HOÁN CỦA PHÉP NHÂN**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- Nhận biết được tính chất giao hoán của phép nhân.

**2. Kĩ năng**

- Bước đầu vận dụng tính chất giao hoán của phép nhân để tính toán.

**3. Thái độ**

- Tính chính xác, cẩn thận, làm việc nhóm tích cực

**4. Góp phần phát triển các NL**

- NL tự học, làm việc nhóm, NL tính toán

\* Bài tập cần làm: Bài 1, bài 2 (a, b)

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: - Phiếu nhóm

- HS: Vở BT, bút,

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Quan sát, hỏi đáp, thảo luận nhóm.

- KT: động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - HS cùng hát và vận động dưới sự điều hành của TBVN | **1.Khởi động***:(5p)*  - GV dẫn vào bài mới |
| **2. Hình thành KT***:(15p)*  **\* Mục tiêu:** Nhận biết được tính chất giao hoán của phép nhân  **\* Cách tiến hành:** | |
| - HS nêu 5 x 7 = 35 và 7 x 5 = 35.  Vậy 5 x 7 = 7 x 5.  - HS nêu:  4 x 3 = 3 x 4 ; 8 x 9 = 9 x 8 ; …  - HS đọc bảng số.  - 3 HS lên bảng thực hiện, mỗi HS thực hiện tính ở một dòng để hoàn thành bảng như sau:  *+ Giá trị của biểu thức a x b và giá trị của biểu thức b x a đều bằng 32.*  *+ Giá trị của biểu thức a x b và giá trị của biểu thức b x a đều bằng 42*  *+ Giá trị của biểu thức a x b và giá trị của biểu thức b x a đều bằng 20.*  *+ Giá trị của biểu thức a x b luôn bằng giá trị của biểu thức b x a.*  - HS đọc: **a x b = b x a**  *+ Hai tích đó đều có từa số là a và b nhưng vị trí khác nhau.*  *+ Khi đổi chỗ các thừa số của tích a x b cho nhau thì ta được tích b x a.*  *+ Không thay đổi.*  *+ Vậy khi đổi chỗ các thừa số trong một tích thì tích đó không thay đổi.*  - HS đọc lại KL | ***+ Giới thiệu tính chất giao hoán của phép nhân:***  \* So sánh giá trị của các cặp phép nhân có thừa số giống nhau  - GV viết lên bảng biểu thức  5 x 7 và 7 x 5  + Hãy tính và so sánh giá trị hai biểu thức này với nhau.  - GV làm tương tự với các cặp phép nhân khác, ví dụ 4 x 3 và 3 x 4, 8 x 9 và 9 x 8, …  **\*KL:** Hai phép nhân có thừa số giống nhau thì luôn bằng nhau.  \* Giới thiệu tính chất giao hoán của phép nhân  - GV treo lên bảng so sánh giá trị của hai biểu thức (SGK), yêu cầu HS thực hiện tính giá trị của các biểu thức a x b và b x a để điền vào bảng.   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | a | b | a x b | b x a | | 4 | 8 | 4 x 8 = 32 | 8 x 4 = 32 | | 6 | 7 | 6 x 7 = 42 | 7 x 6 = 42 | | 5 | 4 | 5 x 4 = 20 | 4 x 5 = 20 |   ***Bài 2(tr55):*** Vẽ theo mẫu:  **4. HĐ ứng dụng (*1p)***  *+ Hãy so sánh kết quả của biểu thức a x b với giá trị của biểu thức b x a, khi a=4, b=8?*  *+ Hãy so sánh kết quả của biểu thức a x b với giá trị của biểu thức b x a, khi a=6, b=7?*  *+ Hãy so sánh kết quả của biểu thức a x b với giá trị của biểu thức b x a, khi a=5, b=4?*  *+ Vậy giá trị của biểu thức a x b luôn như thế nào so với giá trị của biểu thức b x a?*  *+ Ta có thể viết a x b = b x a*  *+ Em có nhận xét gì về các thừa số trong hai tích a x b và b x a?*  *+ Khi đổi chỗ các thừa số của tích a x b cho nhau thì ta được tích nào?*  *+ Khi đó giá trị của tích a x b có thay đổi không?*  *+ Vậy khi đổi chỗ các thừa số trong một tích thì tích đó như thế nào?*  \* **KL:** **Khi ta đổi chỗ các thừa số trong một tích thì tích không thay đổi.**  **Đó là t/c giao hoán của phép nhân** |
| **3. Hoạt động thực hành***:(18p)*  **\* Mục tiêu:** Bước đầu vận dụng tính chất giao hoán của phép nhân để tính toán  **\* Cách tiến hành:** | |
| - Thực hiện theo yêu cầu của GV  ***-*** HS tự làm bài, 2 HS làm bảng lớn.  Đ/a:  a. 4 x 6 = 6 x 4; b. 3 x 5 = 5 x 3 207 x 7 = 7 x 207 ;2138 x 9 = 9 x 2138  - HS nhắc lại t/c giao hoán  - Thực hiện theo yêu cầu của GV  - 2 em lên bảng, lớp làm bảng con.  a. 1357 x 5 =  7 x 853 =  b. 40263 x 7 =  5 x 1326 =  - HS tự làm bài vào vở Tự học  - Ghi nhớ tính chất giao hoán của phép nhân  **\* Bài tập PTNLHS: (M3+M4)**  1. Đổi chỗ các thừa số đẻ tính tích theo cách thuận tiện nhất.  a. 5 x 74 x 2 4 x 5 x 25  b. 125 x 3 x 8 2 2 x 7 x 500  2. Cho 123 x 4 x 9 = 4428. Không cần tính hãy nêu ngay giá trị của các tích dưới đây và giải thích:  123 x 9 x 4 =....  9 x 4 x 123 =.....  9 x 123 x 4 =.... | ***Bài 1:*** Viết số thích hợp vào ô trống.  - Gọi HS đọc và xác định yêu cầu bài tập.  - YC HS nhận xét, bổ sung, chữa bài  - Chốt đáp án.  **\* KL:** Củng cố tính chất giao hoán của phép nhân.  ***Bài 2(a,b): Tính: HSNK hoàn thành cả bài***  - Gọi HS đọc và xác định yêu cầu bài tập.  ***-*** GV yêu cầu HS tự làm bài, 2 HS làm bảng lớn.  - YC HS nhận xét, bổ sung, chữa bài (nếu cần)  - Củng cố tính chất giao hoán của phép nhân.  **Bài 3 + bài 4 (*Bài tập chờ dành cho HS hoàn thành sớm)***  **4. Hoạt động ứng dụng** *(1p)*  **5. Hoạt động sáng tạo** (*1p)* |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

**TIẾNG VIỆT**

**ÔN TẬP VÀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I (TIẾT 8)**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Kiểm tra (viết) theo múc độ cần đạt về kiến thức, kĩ năng giữa HKI:

+ Nghe - viết đúng bài chính tả (tốc độ viết khoảng 75 chữ/15 phút), không mắc quá 5 lỗi; trình bày đúng hình thức bài thơ (văn xuôi).

+ Viết được bức thư ngắn đúng nội dung, thể thức một lá thư.

**2. Kĩ năng**

- Kĩ năng viết, kĩ năng làm bài KT

**3. Thái độ**

- Tích cực, tự giác và trung thực khi làm bài.

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL tự học, Sử dụng ngôn ngữ, NL sáng tạo, NL thẩm mĩ

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: + Bảng lớp ghi sẵn đề bài.

+ Phiếu nhóm.

- HS: Vở BT, sgk.

**2. Phương pháp, kĩ thuât**

- PP: Hỏi đáp, thảo luận nhóm, quan sát.

- KT: đặt câu hỏi, động não, chia sẻ nhóm 2

**II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ | **1. Khởi động *(3p)***  - GV dẫn vào bài mới |
| **2. Hoạt động kiểm tra***:(50p)*  **\* Mục tiêu:** - Kiểm tra (viết) theo mứ c độ cần đạt về kiến thức, kĩ năng giữa HKI  **\* Cách tiến hành:** | |
| -1 HS đọc bài chính tả  -HS lắng nghe  - HS viết bài vào giấy kẻ ô li đã chuẩn bị sẵn  - HS viết bài  - HS nộp bài | ***a. KT Chính tả (15p)***  Bài viết: Chiều trên quê hương.  *( SGK trang 102).*  **- GV** đọc bài chính tả.  -GV đọc .  ***b. KT Tậplàm văn (35p)***  - **Đề bài**: ***Viết một bức thư ngắn (khoảng 10 dòng) cho bạn hoặc người thân nói về ước mơ của em***.  - Yêu cầu HS tự làm bài, nộp bài.  - GV thu bài.  **3. HĐ tiếp nối (1p)**  - Nhận xét chung về bài làm và ý thức làm bài của HS |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................­

**ĐỊA LÍ (CT HIỆN HÀNH)**

**Thành phỐ Đà LẠt**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- - Kiến thức: Nêu được một số đặc điểm chủ yếu của thành phố Đà Lạt:

+ Vị trí: nằm trên cao nguyên Lâm Viên.

+ Thành phố có khí hậu trong lành, mát mẻ, có nhiều phong cảnh đẹp; nhiều rừng thông, thác nước,…

+ Thành phố có nhiều công trình phục vụ nghỉ ngơi và du lịch.

+ Đà Lạt là nơi trồng nhiều loại rau, quả xứ lạnh và nhiều loại hoa.

**2. Kĩ năng**

- Chỉ được vị trí của thành phố Đà Lạt trên bản đồ (lược đồ).

\* HS năng khiếu:

- Giải thích vì sao Đà Lạt trồng được nhiều hoa, quả, rau xứ lạnh.

- Xác lập mối quan hệ giữa địa hình với khí hậu, giữa thiên nhiên với hoạt động sản xuất: nằm trên cao nguyên cao-khí hậu mát mẻ, trong lành-trồng nhiều loài hoa, quả, rau xứ lạnh, phát triển du lịch.

**3. Thái độ**

- HS có thái độ yêu thích môn học, ham tìm hiểu, thích du lịch khám phá các vùng đất mới

**4. Góp phần phát triển các năng lực:**

- NL tự chủ, NL giải quyết vấn đề, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ

***\* BVMT:*** *GD hs có ý thức giữ gìn TNTN, BVMT, và có những việc làm cụ thể giúp cho môi trường thêm xanh-sạch-đẹp.*

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: + Bản đồ địa lí tự nhiên Việt Nam.

+Tranh, ảnh về thành phố Đà Lạt (HS, GV sưu tầm)

-HS: SGK, tranh, ảnh về thành phố Đà Lạt

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm, trò chơi Du lịch, tập làm phòng viên,..

- KT: đặt câu hỏi, trình bày một phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm 2

I**II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBHT điều hành lớp trả lời và nhận xét:  *+ Lòng sông ở Tây nguyên lắm thác, nhiều ghềnh thuận lợi phát triển thuỷ điện*  *+ Rừng rậm nhiệt đới xanh tốt quanh năm. . .* | **1.Khởi động:***(5p)*  *+ Nêu một số đặc điểm của sông ở Tây Nguyên và ích lợi của nó?*  *+ Mô tả rừng rậm nhiệt đới và rừng khộp ở Tây Nguyên?*  - GV chốt ý và giới thiệu bài |
| **2. Bài mới:***(30p)*  **\* Mục tiêu:** - Nêu được một số hoạt động sản xuất chủ yếu của người dân ở Tây Nguyên:  - Nêu được vai trò của rừng đối với đời sống và sản xuất: cung cấp gỗ, lâm sản, nhiều thú quí,...  - Biết được sự cần thiết phải bảo vệ rừng.  - Mô tả sơ lược: rừng rậm nhiệt đới (rừng rậm, nhiều loại cây, tạo thành nhiều tầng,...), rừng khộp (rừng rụng lá mùa khô).  **\* Cách tiến hành: Cá nhân- Nhóm-Lớp** | |
| **Nhóm 4 -Lớp**  Thành phố *nghỉ mát, du lịch, có nhièu loại rau, hoa trái*  Thành phố *nghỉ mát, du lịch, có nhièu loại rau, hoa trái*  Thành phố *nghỉ mát, du lịch, có nhièu loại rau, hoa trái*  - HS tiến hành thảo luận nhóm.  - TBHT điều hành báo cáo kết quả, nhận xét, bổ sung.  *+ Đà Lạt nằm trên cao nguyên Lâm Viên. Ở độ cao 1500m .*  *+ Khí hậu quanh năm mát mẻ.*  *- HS chỉ bản đồ.*  *+ Giữa thành phố là hồ Xuân Hương xinh xắn. Nơi đây có những vườn hoa và rừng thông. . .*  - Lắng nghe  **Nhóm 2- Lớp**  *+ Nhờ có không khí trong lành, thiện nhiên tươi đẹp nên Đà Lạt được chọn là TP nghỉ mát. . .*  *+ Khách sạn, sân gôn, biệt thự với nhiều kiến trúc khác nhau. phục vụ cho việc nghỉ ngơi, du lịch.*  *+ Khách sạn công đoàn, khách sạn Lam Sơn, khách sạn Đồi Cù, khách sạn Palace.*  - HS chỉ lược đồ.  - Trưng bày tranh ảnh về Đà Lạt.  **Cá nhân – Lớp**  *+ Vì đa số dân Đà Lạt trồng hoa và rau xanh và trái cây xứ lạnh, diện tích trồng rau rất lớn.*  *+ Hồng, cúc, lay- ơn, mi- mô- da, lan …Dâu, đào, mơ, mận, bơ…; Cà rốt, khoai tây, bắp cải, su hào*  *+ Vì Đà Lạt có khí hậu mát mẻ quanh năm*  *+ Cung cấp cho nhiều nơi và xuất khẩu.*  Các công trình phục vụ nghỉ ngơi, du lịch, *biệt thư,*  *khách sạn*  Khí hậu  *Quanh năm*  *Mát mẻ*  Thiên nhiên  *Vườn hoa,*  *rừng thông, thác nước*  Đà Lạt  Thành phố *nghỉ mát, du lịch, có nhièu loại rau, hoa trái*  - Tập làm phóng viên phỏng vấn các bạn trong lớp về thành phố Đà Lạt | **HĐ 1: Thành phố nổi tiếng về rừng thông và thác nước:**  - GV cho HS dựa vào hình 1 ở bài 5, tranh, ảnh, mục 1 trong SGK và kiến thức bài trước để trả lời câu hỏi sau:  *+ Đà Lạt nằm trên cao nguyên nào? Ở độ cao bao nhiêu mét?*  *+ Với độ cao đó Đà Lạt sẽ có khí hậu như thế nào?*  *+ Quan sát hình 1, 2 (nhằm giúp cho các em có biểu tượng về hồ Xuân Hương và thác Cam Li) rồi chỉ vị trí các điểm đó trên hình 3.*  *+ Mô tả một cảnh đẹp của Đà Lạt.*  \****GV: Nhìn chung càng lên cao thì nhiệt độ không khí càng giảm. Trung bình cứ lên cao 1000m thì nhiệt đô không khí lại giảm đi 5 đến 6 0c . Vì vậy, vào mùa hạ nóng bức, những địa điểm nghỉ mát ở vùng núi thường rất đông du khách. Đà Lạt ở độ cao 1500m so với mặt biển nên quanh năm mát mẻ . Vào mùa đông, Đà Lạt cũng lạnh nhưng không chịu ảnh hưởng gió mùa đông bắc nên không rét buốt như ở miền Bắc .***  **Hoạt động 2: Đà Lạt- thành phố du lịch và nghỉ mát:**  - GV cho HS dựa vào vốn hiểu biết của mình, vào hình 3, mục 2 trong SGK để thảo luận theo các gợi ý sau:  *+ Tại Đà Lạt lại được chọn làm nơi du lịch và nghỉ mát?*  *+ Đà Lạt có những công trình nào phục vụ cho việc nghỉ mát, du lịch?*    *+ Kể tên một số khách sạn ở Đà Lạt*  - HS chỉ vị trí thác Cam li và hồ Xuân Hường trên H3.  - Cho HS đem tranh, ảnh sưu tầm về Đà Lạt lên trình bày trước lớp.  - GV nhận xét, kết luận.  **Hoạt động 3: Hoa quả và rau xanh ở Đà Lạt:**  - GV cho HS quan sát hình 4, trả lời cá nhân các câu hỏi:  *+ Tại sao Đà Lạt được gọi là thành phố của hoa quả và rau xanh?*  *+ Kể tên các loại hoa, quả và rau xanh ở Đà Lạt?*  *+ Tại sao ở Đà Lạt lại trồng được nhiều loại hoa, quả, rau xứ lạnh?*  *+ Hoa và rau của Đà Lạt có giá trị như thế* *nào?*  **3. Hoạt động ứng dụng *(2p)***  - GV cùng HS hoàn thành bảng tổng hợp như bên  - Liên hệ việc BVMT  **4. Hoạt động sáng tạo** *(1p)* |

**ĐIỀU CHỈNH-BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**SINH HOẠT**

**ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC TUẦN 10**

**I. MỤC TIÊU:**

- Nắm đ­­ược ưu - khuyết điểm trong tuần 10

- Phát huy ­­ưu điểm, khắc phục nh­­ược điểm.

- Biết đ­­ược phư­ơng h­­ướng tuần 11

- GD HS có tinh thần đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau.

- Thu gom giấy vụn, sách báo làm kế hoạch nhỏ

**II. CHUẨN BỊ:**

- GV: Nắm được ưu – khuyết điểm của HS trong tuần

- HS: Chủ tịch Hội đồng tự quản và các Trưởng ban chuẩn bị ND báo cáo.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG CHÍNH:**

***1. Khởi động***

- Lớp tham gia trò chơi: Xem kịch câm

***2. Lớp báo cáo hoạt động trong tuần:***

- 4 Trưởng ban lên nhận xét các thành viên trong tổ và xếp loai từng thành viên.

- Tổ viên các tổ đóng góp ý kiến.

- Chủ tịch HĐTQ lên nhận xét chung các ban.

- GV nhận xét chung:

+ Nề nếp:

.................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

+ Học tập:

.................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

***3. Ph­ương h­­ướng tuần sau:***

- Tiếp tục thi đua: Học tập tốt, thực hiện tốt nề nếp, vâng lời thầy cô, nói lời hay làm việc tốt chào mừng ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11

.................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

***4. Lớp văn nghệ - múa hát tập thể.***

**TUẦN 11** Thứ hai ngày 12 tháng 11 năm 2021

**TẬP ĐỌC**

**ÔNG TRẠNG THẢ DIỀU**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức**

- Hiểu nghĩa một số từ ngữ trong bài: dòng dõi quan sang, bất giác, cây bông,...

- Hiểu ND bài: HS hiểu nội dung: Ca ngợi chú bé Nguyễn Hiền thông minh, có ý chí vượt khó nên đã đỗ Trạng nguyên khi mới 13 tuổi (trả lời được câu hỏi trong SGK).

**2. Kĩ năng**

- Biết đọc bài văn với giọng kể chậm rãi; bước đầu biết đọc diễn cảm đoạn văn.

**3. Phẩm chất**

- GD HS tinh thần vượt khó trong học tập và cuộc sống.

**4. Góp phần phát triển năng lực**

**-** Năng lực tự học, NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Đồ dùng**

- GV: +Tranh minh hoạ bài tập đọc trang 104, SGK (phóng to nếu có điều kiện).

+ Bảng phụ viết sẵn đoạn luyện đọc

- HS: SGK, vở viết

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- Phương pháp: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm.

- Kĩ thuật: Kĩ thuật đặt câu hỏi, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| **1. Khởi động:** *(5p)*  - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ.  *+ Chủ điểm: Có chí thì nên. Tên chủ điểm nói lên con người có nghị lực, ý chí thì sẽ thành công.*  *+ Tranh minh hoạ vẽ những em bé có ý chí cố gắng trong học tập: các em chăm chú nghe thầy giảng bài, những em bé mặc áo mưa đi học, những em bé chăm chỉ học tập, nghiên cứu và thành những người tài giỏi, có ích cho xã hội.*  - Lắng nghe. | - GV giới thiệu chủ điểm:  *+ Chủ điểm hôm nay chúng ta học có tên là gì? Tên chủ điểm nói lên điều gì?*  *+ Hãy mô tả những gì em nhìn thấy trong tranh minh họa.*  ***- Chủ điểm Có chí thì nên sẽ giới thiệu các em những con người có nghị lực vươn lên trong cuộc sống. Câu chuyện về một chú bé thần đồng Nguyễn Hiền – thích chơi diều mà ham học, đã đỗ Trạng nguyên khi mới 13 tuổi, là vị Trạng nguyên trẻ nhất nước ta***. |
| **2. Luyện đọc:** *(8-10p)*  **\* Mục tiêu:** Đọc với giọng trôi chảy, mạch lạc với giọng kể chậm rãi, phát âm đúng, bước đầu biết đọc diễn cảm đoạn văn, hiểu nghĩa một số từ ngữ.  \* **Cách tiến hành:** | |
| - 1 HS đọc bài, cả lớp đọc thầm  - Lắng nghe  - Lớp trưởng điều hành cách chia đoạn  - Bài chia làm 4 đoạn:  (mỗi chỗ xuống dòng là 1 đoạn)  - Nhóm trưởng điều hành nhóm đọc nối tiếp đoạn trong nhóm lần 1 và phát hiện các từ ngữ khó (*kinh ngạc,mảnh gạch vỡ, vi vút,....)*  - Luyện đọc từ khó: Đọc mẫu (M4)-> Cá nhân (M1)-> Lớp  - Giải nghĩa từ khó (đọc chú giải)  - HS đọc nối tiếp đoạn lần 2 theo điều khiển của nhóm trưởng  - Các nhóm báo cáo kết quả đọc  - 1 HS đọc cả bài (M4) | - Gọi 1 HS đọc bài (M3)  - GV lưu ý giọng đọc cho HS: Toàn bài đọc với giọng kể chuyện: chậm rãi, cảm hvận ca ngợi, nhấn giọn những từ ngữ nói về đặc điểm tính cách, sự thông minh, tính cần cù, chăm chỉ của Nguyễn Hiền. Đoạn cuối bài đọc với giọng sảng khoái.  - GV chốt vị trí các đoạn:  - Lưu ý sửa lỗi đọc và ngắt nghỉ cho các HS (M1) |
| **3.Tìm hiểu bài:** *(8-10p)*  **\* Mục tiêu:** HS hiểu nội dung từng đoạn và nội dung cả bài.  **\* Cách tiến hành: *Làm việc cá nhân – Chia sẻ cặp đôi – Chia sẻ trước lớp*** | |
| - 1 HS đọc  - Nhóm trưởng điều hành nhóm mình thảo luận để trả lời câu hỏi *(5p)*  - TBHT điều hành việc báo cáo, nhận xét  *+ Nguyễn Hiền sống ở đời vua Trần Nhân Tông, gia đình cậu rất nghèo.*  *+ Cậu bé ham thích chơi diều.*  *+ Nguyễn Hiền đọc đến đâu hiểu ngay đến đó và có trí nhớ lạ thường, cậu có thể thuộc hai mươi trang sách trong ngày mà vẫn có thì giờ chơi diều.*  **- Đoạn 1, 2 nói lên tư chất thông minh của cậu bé Nguyễn Hiền.**  *+ Nhà nghèo, Hiền phải bỏ học nhưng ban ngày đi chăn trâu, Hiền đvận ngoài lớp nghe giảng nhờ. Tối đến, đợi bạn học thuộc bài rồi mượn vở của bạn. Sách của Hiền là lưng trâu, nền đất, bút là ngón tay, mảnh gạch vỡ, đèn là vỏ trvận thả đom đóm vào trong. Mỗi lần có kì thi, Hiền làm bài vào lá chuối khô nhờ bạn xin thầy chấm hộ.*  **- Đoạn 3 nói lên đức tính ham học và chịu khó của Nguyễn Hiền**  *+ Vì cậu đỗ trạng Nguyên năm 13 tuối, lúc ấy cậu vẫn thích chơi diều.*  *\*Câu trẻ tuổi tài cao nói lên Nguyễn Hiền đỗ trạng nguyên năm 13 tuổi. Ông còn nhỏ mà đã có tài.*  *\*Câu có chí thì nên nói lên Nguyễn Hiền còn nhỏ mà đã có chí hướng, ông quyết tâm học khi gặp nhiều khó khăn.*  *\*Câu công thành danh toại nói lên Nguyễn Hiền đỗ trạng nguyên, vinh quang đã đạt được.*  **- Câu chuyện khuyên ta phải có ý chí, quyết tâm thì sẽ làm được điều mình mong muốn.**  - HS nêu, ghi nội dung bài | - GV yêu cầu đọc các câu hỏi cuối bài  *+ Nguyễn Hiền sống ở đời vua nào?*  *+ Cậu bé ham thích trò chơi gì?*  *+ Những chi tiết nào nói lên tư chất thông minh của Nguyễn Hiền?*  *+ Đoạn 1,2 cho em biết điều gì?*  *+ Những chi tiết cho thấy Nguyễn Hiền ham học và chịu khó?*  *+ Nội dung đoạn 3 nói lên điều gì?*  *+ Vì sao chú bé Hiền được gọi là “Ông trạng thả diều”?*  *+ Câu thành ngữ, tục ngữ nào nói đúng ý nghĩa câu chuyện: Tuổi trẻ tài cao/ Có chí thì nên/ Công thành danh toại*  ***- GV: Cả ba câu tục ngữ, thành ngữ trên đều có nét nghĩa đúng với nội dung truyện. Nguyễn Hiền là người tuổi trẻ, tài cao, là người công thành danh toại . Những điều mà câu chuyện muốn khuyên chúng ta là có chí thì nên. Câu tục ngữ có chí thì nên nói đúng ý nghĩa của câu chuyện nhất.***  *+ Câu chuyện khuyên ta điều gì?* |
| **4. Luyện đọc diễn cảm***(8-10p)*  **\* Mục tiêu:** HSđọc diễn cảm được đoạn số 3 của bài  **\* Cách tiến hành: Hoạt động cá nhân – nhóm - cả lớp** | |
| - HS nêu lại giọng đọc cả bài  - 1 HS M4 đọc mẫu toàn bài  - Nhóm trưởng điều hành:  + Luyện đọc theo nhóm  + Vài nhóm thi đọc trước lớp.  - Bình chọn nhóm đọc hay.  **5. Hoạt động vận dụng** *(1 phút)*  - Liên hệ giáo dục: (liện hệ đến một số HS còn lười học, ham chơi. . . )  - HS nêu  **6. Hoạt động sáng tạo** *(1 phút)*  - Tìm các câu thành ngữ, tục ngữ cùng ý nghĩa với câu Có chí thì nên | - Yêu cầu HS nêu giọng đọc toàn bài.  - Yêu cầu đọc diễn cảm đoạn 3  - GV nhận xét, đánh giá chung  + Em học được điều gì từ cậu bé Nguyễn Hiền? |

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TOÁN**

***Tiết 51:* NHÂN VỚI 10, 100, 1000, . . .**

**CHIA CHO 10, 100, 1000, . . .**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức**

- Biết cách thực hiện phép nhân một số tự nhiên với 10, 100, 1000,… và chia số tròn chục, tròn trăm, tròn nghìn cho 10, 100, 1000,…

**2. Kĩ năng**

- HS thực hiện tốt việc nhân nhẩm với 10, 100, 1000,...

**3. Phẩm chất**

- HS có Phẩm chất học tập tích cực.

**4. Góp phần phát triển năng lực:**

**-** Năng lực tự học, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL tư duy - lập luận logic.

\*Bài tập cần làm: Bài 1: a) cột 1, 2; b) cột 1, 2; bài 2 (3 dòng đầu)

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Phiếu học tập

- HS: Sách, bút

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- Phương pháp vấn đáp, động não, quan sát, thực hành, đặt và giải quyết vấn đề, hoạt động nhóm.

- Kĩ thuật đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC;**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| **1. Khởi động:** *(5p)*  - TBHT điều hành lớp trả lời:  *+ Khi đổi chỗ các thừa số trong 2 tích thì tích đó không đổi.* | *+ Nêu tính chất giao hoán của phép nhân*  - GV giới thiệu vào bài |
| **2. Hình thành kiến thức***:(15p)*  **\* Mục tiêu: :** Biết cách thực hiện phép nhân một số tự nhiên với 10, 100, 1000,… và chia số tròn chục, tròn trăm, tròn nghìn cho 10, 100, 1000,…  **\* Cách tiến hành: Cá nhân – Nhóm- Lớp** | |
| ***\* Nhân một số với 10***  **Cá nhân - Nhóm 2-Lớp**  - Đọc phép tính  *+ 35 x 10 = 10 x 35*  *+ Là 1 chục.*  *+ Bằng 35 chục.*  *+ Là 350.*  *+ Kết quả của phép tính nhân 35 x 10 chính là thừa số thứ nhất 35 thêm một chữ số 0 vào bên phải.*  ***+ Khi nhân một số với 10 ta chỉ việc viết thêm một chữ số 0 vào bên phải số đó***.  - HS nhẩm và nêu kết quả  12 x 10 = 120  457 x 10 = 4570  ***\* Chia số tròn chục cho 10***  - HS suy nghĩ, thảo luận nhóm 2, nêu đáp án: 350 : 10 = 35  *+Ta có 35 x 10 = 350. Vậy khi lấy tích chia cho một thừa số ta được kết quả là TS còn lại*  *+ Thương chính là số bị chia bớt đi một chữ số 0 ở bên phải*.  ***+ Khi chia một số cho 10, ta chỉ việc bớt đi một chữ số 0 ở bên phải số đó.***  - HS nhẩm và nêu:  70: 10 = 7  2 170: 10 = 217  - HS tự thực hiện phép tính, rút ra kết quả và nêu quy tắc nhân, chia  ***\* Kết luận:***  + Ta chỉ việc viết thêm một, hai, ba, … chữ số 0 vào bên phải số đó.  + Ta chỉ việc bỏ bớt đi một, hai, ba, … chữ số 0 ở bên phải số đó. | - GV viết lên bảng phép tính 35 x 10.  *+ Dựa vào tính chất giao hoán của phép nhân, bạn nào cho biết 35 x 10 bằng bao nhiêu?*  *+ 10 còn gọi là mấy chục?*  *+ Vậy 10 x 35 = 1 chục x 35.*  *+ 1 chục nhân với 35 bằng bao nhiêu?*  *+ 35 chục là bao nhiêu?*  *+ Vậy 10 x 35 = 35 x 10 = 350.*  *+ Em có nhận xét gì về thừa số 35 và kết quả của phép nhân 35 x 10?*  *+ Vậy khi nhân một số với 10 chúng ta có thể viết ngay kết quả phép tính như thế nào?*  - Hãy thực hiện:  12 x 10  457 x 10  - GV viết lên bảng phép tính 350: 10 và yêu cầu HS suy nghĩ để nhẩm kết quả.  *+ Tại sao em đọc được ngay kết quả?*    *+ Có nhận xét gì về số bị chia và thương trong phép chia 350: 10 = 35?*  *+ Nêu quy tắc chia một số cho 10*  - Hãy thực hiện:  70: 10  2 170: 10  *\** Hướng dẫn nhân một số tự nhiên với 100, 1000, … chia số tròn trăm, tròn chục, tròn nghìn, … cho 100, 1000*, …:*  - GV hướng dẫn HS tương tự như nhân một số tự nhiên với 10, chia một số tròn trăm, tròn nghìn, … cho 100, 1000, …  + Khi nhân một số tự nhiên với 10, 100, 1000, … ta làm như thế nào?  + Khi chia số tròn chục, tròn trăm, tròn nghìn, … cho 10, 100, 1000, … ta làm như thế nào? |
| **3. HĐ thực hành (17p)**  **\* Mục tiêu**: HS thực hiện tốt việc nhân nhẩm, chia nhẩm với 10, 100, 1000,...  **\* Cách tiến hành** | |
| ***Bài 1 (cột 1+2)HSNK làm cả bài:***  **Cá nhân – Lớp**  - 1 HS đọc: Tính nhẩm  - Hs chơi trò chơi Chuyền điện  Đ/a:  a. 18 x 10 = 180 ;  18 x 100 = 1800 ;  18 x 1000 = 18000 ;  82 x 100 = 8200 ;  75 x 1000 = 75000  19 x 10 = 190  b. 9000: 10 = 900;  9000: 100 = 90;  9000: 1000 = 9;  6800: 100 = 68;  420: 10 = 42  2000: 1000 = 2  ***Bài 2: (3 dòng đầu) HSNK làm cả bài***  **Nhóm 2- Lớp**  - HS đọc yêu cầu bài tập.  - HS nêu: 300 kg = 3 tạ.  - HS làm bài theo cặp- Chia sẻ trước lớp  Đ/a:  70 kg = 7 yến  800 kg = 8 tạ  300 tạ = 30 tấn  **4. Hoạt động vận dụng *(1p)***  - Lấy VD về chia nhẩm và nhân nhẩm với 10, 100, 1000,...  **5. Hoạt động sáng tạo *(1p)***  \* Bài tập PTNL:( M3+M4)  1. Đổi chố các thừa số để tính tích theo cách thuận tiện nhất.  a. 5 x 745 x 2 ; 8 x 356 x 125  b. 1250 x 623 x 8; 5 x 789 x 200  Điền dấu thích hợp vào chỗ chấm:  420000 : 10 .........4200 x 10  3210 x 1000 ........32100 x 100 | - Gọi HS đọc yêu cầu bài tập.  - Gọi HS nhận xét, bổ sung, sửa bài (nếu cần).  - GV chốt đáp án.  \* Lưu ý đối tượng M1+M2  + Muốn nhân với 10, 100, 1000,... ta làm như thế nào?  + Muốn chia cho 10, 100, 1000,... ta làm như thế nào?  - Gọi HS đọc yêu cầu bài tập.  - GV viết lên bảng 300 kg = … tạ và yêu cầu HS thực hiện phép đổi.  - GV chữa bài và yêu cầu HS giải thích cách đổi của mình, nhận xét bài làm của HS. |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**KHOA HỌC (VNEN)**

**SỰ CHUYỂN THỂ CỦA NƯỚC (T1)**

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**KHOA HỌC (CT HIỆN HÀNH)**

**BA THỂ CỦA NƯỚC (theo PP BTNB)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức**

- Nêu được nước tồn tại ở ba thể: lỏng, khí, rắn.

**2. Kĩ năng**

- Làm thí nghiệm về sự chuyển thể của nước từ thể lỏng sang thể khí và ngược lại.

.**3. Phẩm chất**

- Yêu thích khoa học, thích tìm hiểu các loại vật chất xung quanh.

**4. Góp phần phát triển các năng lực:**

- NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL hợp tác.

***\*BVMT:*** *Nước là vô cùng thiết yếu với cuộc sống con người nhưng nguồn tài nguyên này đang bị huỷ hoại bởi bàn tay con người. Bởi vậy cần thực hiện các biện pháp hiệu quả để bảo vệ nguồn nước*

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Đồ dùng**

- GV: + Hình minh hoạ trang 45 / SGK (phóng to nếu có điều kiện).

+ Sơ đồ sự chuyển thể của nước viết hoặc dán sẵn trên bảng lớp.

- HS: Chuẩn bị theo nhóm: Cốc thuỷ tinh, nến, nước đá, giẻ lau, nước nóng, đĩa.

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: quan sát, hỏi đáp, thảo luận, trò chơi học tập, thí nghiệm.

- KT: Động não, chia sẻ nhóm đôi, tia chớp

**II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt đông của học sinh** | **Hoạt đông của của giáo viên** |
| **1, Khởi động *(4p)***  . - HS trả lời dưới sự điều hành của TBHT  *+ Nước không màu, không mùi, không vị, không có hình dạng nhất định, chảy từ cao xuống thấp và lan ra mọi phía.* | *+ Nước có những tính chất gì?*  - GV nhận xét, khen/ động viên, dẫn vào bài mới |
| **2. Khám phá:***(30p)*  **\* Mục tiêu:** Làm thí nghiệm chvận tỏ nước tồn tại ở 3 thể : rắn, lỏng, khí.  **\* Cách tiến hành: Cá nhân-Nhóm –Lớp** | |
| **a. Tình huống xuất phát và nêu vấn đề:**  *+ dạng lỏng, dạng khói, dạng đông cục ...*  -HS nêu  -HS trình bày  **b. Biểu tượng ban đầu của HS:**  \*VD : các ý kiến khác nhau của học sinh về sự tồn tại của nước trong tự nhiên ở ba thể như :  + Nước tồn tại ở dạng đông cục rất cvận và lạnh  + Nước có thể chuyển từ dạng rắn sang dạng lỏng và ngược lại.  + Nước có thể từ dạng lỏng chuyển thành dạng hơi.  + Nước ở dạng lỏng và rắn thường trong suốt, không màu, không mùi, không vị;  + Ở cả ba dạng thì tính chất của nước giống nhau  + Nước tồn tại ở dạng lạnh và dạng nóng, hoặc nước ở dạng hơi …  **c. Đề xuất câu hỏi và phương án tìm tòi**  \*VD về các câu hỏi liên quan đến sự tộn tại của nước ở 3 thể:  + Nước có ở dạng khói không ?  + Khi nào nước có dạng khói ?  + Vì sao nước đông thành cục ?  + Nước có tồn tại ở dạng bong bóng không?  + Vì sao khi nước lạnh lại bốc hơi ?  + Khi nào nước đông thành cục?  + Tại sao nước sôi lại bốc khói?  + Khi nào nước ở dạng lỏng?  + Vì sao nước lại có hình dạng khác nhau?  + Tại sao nước đông thành đá gặp nóng thì tan chảy?  + Nước ở ba dạng lỏng, đông cục và hơi có những điểm nào giống và khác nhau ? ......  - Học sinh thảo luậ nhóm để có thể đề xuất nhiều cách khác nhau.  **d. Thực hiện phương án tìm tòi :**  -HS tiến hành thí nghiệm theo nhóm 6 để tìm câu cho các câu hỏi và điền thông tin vào các mục còn lại trong vở ghi chép khoa học.  - HS trình bày  **e. Kết luận kiến thức:**  - HS nêu  **3. HĐ vận dụng *(1p)***  **4. HĐ sáng tạo *(1p)***  - HS nêu một số VD khác chvận tỏ được sự chuyển thể của nước.  - HS nêu biện pháp bảo vệ nguồn nước  - Trong thực tế cuộc sống hằng ngày con người biết vận dụng vào cuộc sống như chạy máy hơi nước, chưng cất rựơu, làm đá ………nước | *+ Theo em, trong tự nhiên, nước tồn tại ở những dạng nào?*  - GV yêu cầu HS nêu một số ví dụ về các thể của nước .  + Em biết gì về sự tồn tại của nước ở các thể mà em vừa nêu ?  - Gv yêu cầu học sinh ghi lại những hiểu biết ban đầu của mình vào vở ghi chép khoa học về sự tồn tại của nước ở các thể vừa nêu , sau đó thảo luận nhóm thống nhất ý kiến để trình bài vào bảng nhóm.  - Từ việc suy đoán của học sinh do các cá nhân (các nhóm) đề xuất, GV tập hợp thành các nhóm biểu tượng ban đầu rồi hướng dẩn HS so sánh sự giống nhau và khác nhau của các ý kiến ban đầu, sau đó giúp các em đề xuất các câu hỏi liên quan đến nội dung kiến thức tìm hiểu sự tồn tại của nước ở ba thể lỏng, rắn và khí.  - GV tổng hợp các câu hỏi của các nhóm (chỉnh sửa và nhóm các câu hỏi phù hợp với nội dung tìm hiểu về sự tồn tại của nước ở ba thể : lỏng, khí, rắn).VD:  + Khi nào thì nước ở thể lỏng chuyển thành thể rắn và ngược lại ?  + Khi nào thì nước ở thể lỏng chuyễn thành thể khí và ngược lại ?  + Nước ở ba thể lỏng, khí và rắn có những điểm nào giống và khác nhau?  - GV tổ chức cho học sinh thảo luận, đề xuất phương án tìm tòi để trả lời 3 câu hỏi trên.  - GV yêu cầu học sinh viết dự đoán vào vở ghi chép khoa học trước khi làm thí nghiệm nghiên cứu với các mục : câu hỏi, dự đoán, cách tiến hành, kết luận rút ra.  - GV nên gợi ý để các em làm các thí nghiệm như sau :  \*Để trả lời câu hỏi *: khi nào thì nước ở thể rắn chuyển thành thể lỏng và ngược lại ?* GV có thể sử dụng thí nghiệm :  + Bỏ một cục đá nhỏ ra ngoài không khí, một thời gian sau cục đá tan chải thành nước (nên làm thí nghiệm này đầu tiên để có kết quả mong đợi) (quá trình nước chuyễn từ thể rắn sang thể lỏng). Nên yêu cầu học sinh sử dụng nhiệt kế để đo được nhiệt độ khi đá tan chảy thành nước.  + Quá trình nước chuyễn thành thể lỏng thành thể rắn : GV sử dụng cách tạo ra đá từ nước bằng cách tạo ra hổn hợp 1/3 muối + 2/3 nước đá (đá đập nhỏ). Sau đó đổ 20 ml nước sạch vào ống nghiệm, cho ống nghiệm ấy vào hổn hợp đá và muối, lưu ý phải để yên một thời gian để nước ở thể lỏng chuyễn thành thể rắn. Lưu ý : trong quá trình tạo ra đá, GV nhắc nhở HS không để hổn hợp muối và đá rơi vào ống nghiệm. Yêu cầu học sinh sử dụng nhiệt kế đo nhiệt độ của nước trong ống nghiệm để theo dõi được nhiệt độ khi nước ở thể lỏng chuyển thành thể rắn.  \*Để trả lời câu hỏi : khi nào thì nước ở thể lỏng chuyễn thành thể khí và ngược lại? GV có thể sử dụng các thí nghiệm : làm thí nghiệm như hình 3 trang 44/ SGK : đổ nước sôi vào cốc, đậy đĩa lên. HS quan sát sẽ thấy được nước bay hơi lên chính là quá trình nước chyễn từ thể lỏng sang thể khí.(quá trình nước từ thể khí sang thể lỏng). HS cũng có thể dùng khăn ướt lau bàn hoặc bảng, sau một thời gian ngắn mặt bàn và bảng sẽ khô)  - Trong quá trình học sinh làm các thí nghiệm trên, GV yêu cầu học sinh lưu ý đến tính chất của 3 thể của nước để trả lời cho câu hỏi còn lại.  - GV tổ chức cho các nhóm báo cáo kết quả sau khi tiến hành thí nghiệm.  (Qua các thí nhiệm, học sinh có thể rút ra được kết luận : Khi nước ở 00c hoặc dưới 00c với một thời gian nhất định ta sẽ có nước ở thể rắn. Nước đá bắt đầu tan chảy thành nước ở thể lỏng khi nhiệt độ trên 00c. khi nhiệt độ lên cao, nước bay hơi chuyển thành thể khí. Khi hơi nước gặp không khí lạnh hơn sẽ ngưng tụ lại thành nước. Nước ở ba thể điều trong suốt, không màu, không mùi, không vị. Nước ở thể lỏng và thể khí không có hình dạng nhất định. Nước ở thể rắn có hình dạng nhất định.)  - GV hướng dẫn học sinh so sánh lại với các suy nghĩ ban đầu của mình ở bước hai để khắc sâu kiến thức.  - GV ghi tên bài.  GDBVMT:*Nước là vô cùng thiết yếu với cuộc sống con người nhưng nguồn tài nguyên này đang bị huỷ hoại bởi bàn tay con người. Bởi vậy cần thực hiện các biện pháp hiệu quả để bảo vệ nguồn nước*  - Nếu vận dụng 3 thể của nước trong thực tế? |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

:..............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**CHÍNH TẢ**

**NẾU CHÚNG MÌNH CÓ PHÉP LẠ**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức:**

- Nhớ-viết đúng bài CT; trình bày đúng các hình thức các khổ thơ 6 chữ.

- Làm đúng BT3 (viết lại chữ sai CT trong các câu đã cho); làm được BT (2)a phân biệt s/x.

**2. Kĩ năng:**

**-** Rèn kĩ năng viết đẹp, viết đúng chính tả.

**3. Phẩm chất:**

**-** Giáo dục tính cẩn thận, chính xác, yêu thích chữ viết

**4. Góp phần phát triển năng lực:**

**-** NL tự chủ và tự học, NL sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Bảng phụ, phiếu học tập.

- HS: Vở, bút,...

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- Phương pháp vấn đáp, động não, quan sát, thực hành, đặt và giải quyết vấn đề, hoạt động nhóm, trò chơi học tập.

- Kĩ thuật đặt câu hỏi, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| **1. Khởi động: (***2p***)**  - TBVN điều hành HS cùng hát kết hợp với vận động tại chỗ | - GV dẫn vào bài mới |
| **2. Chuẩn bị viết chính tả:***(6p)*  **\* Mục tiêu:** HS hiểu được nội dung bài CT, viết được các từ khó, dễ lẫn và các hiện tượng chính tả, cách viết đoạn thơ 6chữ.  **\* Cách tiến hành:** | |
| a. Trao đổi về nội dung đoạn cần viết  - 2 HS đọc- HS lớp đọc thầm  *+ Các bạn nhỏ mong ước mình có phép lạ để cho cây mau ra hoa, kết trái ngọt, để trở thành người lớn, làm việc có ích để làm cho thế giới không còn những mùa đông giá rét, để không còn chiến tranh, trẻ em luôn sống trong hoà bình và hạnh phúc.*  *-* HS nêu từ khó viết*: hạt giống, đáy biển, đúc thành, trong ruột,…*  - Viết từ khó vào vở nháp  - Chữ đầu dòng lùi vào 2 ô. Giữa 2 khổ thơ để cách một dòng. | - Gọi HS bài viết.  - Yêu cầu thảo luận nhóm 2:  *+ Các bạn nhỏ trong đoạn thơ có mơ ước những gì?*  - Hướng dẫn viết từ khó: Gọi HS nêu từ khó, sau đó GV đọc cho HS luyện viết.  - Yêu cầu HS nhắc lại cách trình bày thơ. |
| **3. Viết bài chính tả:** *(15p)*  **\* Mục tiêu:** Hs nhớ-viết tốt bài chính tả theo thể thơ 6 chữ  **\* Cách tiến hành:** | |
| - HS nhớ - viết bài vào vở | - GV theo dõi và nhắc nhở, giúp đỡ HS viết chưa tốt. |
| **4. Đánh giá và nhận xét bài:** *(5p)*  **\* Mục tiêu:** Giúp HS tự đánh giá được bài viết của mình và của bạn. Nhận ra các lỗi sai và sửa sai  **\* Cách tiến hành: Cá nhân- Cặp đôi** | |
| - Học sinh xem lại bài của mình, dùng bút chì gạch chân lỗi viết sai. Sửa lại xuống cuối vở bằng bút mực  - Trao đổi bài (cặp đôi) để soát hộ nhau  - Lắng nghe. | - Cho học sinh tự soát lại bài của mình theo.  - GV nhận xét, đánh giá 5 - 7 bài  - Nhận xét nhanh về bài viết của HS |
| **5. Làm bài tập chính tả:** *(5p)*  **\* Mục tiêu:** Giúp HS phân biệt được s/x  **\* Cách tiến hành: Cá nhân-Cặp đôi- Chia sẻ trước lớp** | |
| **Bài 2a:** s/x?  ***Cá nhân – Chia sẻ cặp đôi – Lớp***  *Lối* ***sang****- nhỏ* ***xíu****-* ***sức*** *nóng –* ***sức sống****- thắp* ***sáng***  - 1 hs đọc to đoạn thơ đã điền hoàn chỉnh.  **Bài 3:** Viết lại các câu cho đúng chính tả  Đ/á:  *a/. Tốt gỗ hơn tốt nước sơn.*  *b/. Xấu người đẹp nết.*  *c/. Mùa hè cá sông, mùa đông cá bể.*  *d/. Trăng mờ còn tỏ hơn sao*  *Dẫu rằng núi lở còn cao hơn đồi.*  - Lắng nghe  **6. Hoạt động vận dụng** *(1p)*  - Viết 5 tiếng, từ chứa s/x  **7. Hoạt động sáng tạo** *(1p)*  - Tìm các từ láy chứa s/x | ***- Lưu ý giúp HSNK cảm nhận vẻ đẹp của các loại quả thông qua biện pháp nghệ thuật nhân hoá và liên tưởng của tác giả.***  - GV giới thiệu thêm cho HS hiểu nghĩa của từng câu.  *+ Tốt gỗ hơn tốt nước sơn:* Nước sơn là vẻ ngoài Nước sơn đẹp mà gỗ xấu thì đồ vật chóng hỏng. Con người tâm tính tốt còn hơn chỉ đẹp mã vẻ ngoài.  + *Xấu người đẹp nết:* Người vẻ ngoài xấu nhưng tính nết tốt.  + *Mùa hè cá sông, mùa đông cá bể:* Mùa hè ăn cá sống ở sông thì ngon. Mùa đông ăn cá sống ở biển thì ngon.  + *Trăng mờ còn tỏ hơn sao*  *Dẫu rằng núi lở còn cao hơn đồi*  Trăng dù mờ vẫn sáng hơn sao. Núi có lở vẫn cao hơn đồi. Người ở địa vị cao, giỏi giang hay giàu có dù sa sút thế nào cũng còn hơn những người khác *(Quan niệm không hoàn toàn đúng đắn).* |

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TOÁN**

***Tiết 52:* TÍNH CHẤT KẾT HỢP CỦA PHÉP NHÂN**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức**

- Nhận biết được tính chất kết hợp của phép nhân.

**2. Kĩ năng**

- Bước đầu biết vận dụng tính chất kết hợp của phép nhân trong thực hành tính.

**3. Phẩm chất**

- HS tích cực, chăm chỉ, sáng tạo

**4. Góp phần phát huy các năng lực**

**-** Năng lực tự học, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL tư duy - lập luận logic.

\* BT cần làm: Bài 1 (a), bài 2 (a)

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Đồ dùng**

- GV: : Bảng phụ kẻ sẵn bảng số có nội dung như sau:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| a | b | c | (a x b) x c | a x (b x c) |
| 3 | 4 | 5 |  |  |
| 5 | 2 | 3 |  |  |
| 4 | 6 | 2 |  |  |

-HS: SGK,...

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm

- Kĩ thuật: đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của HS** | **Hoạt động của GV** |
| **1. Khởi động *(5p)***  **-** HS tham gia trò chơi  - Phát biểu lại cách nhân, chia với 10, 100, 1000,... | **-** HS chơi trò chơi: Xì điện  900 x 10 = 68000 : 10 =  123 x 100 = 420 : 10 =  32 x 1000 = 2000 : 1000 =  - GV chuyển ý vào bài mới |
| **2. Hình thành kiến thức mới (15p)**  **\* Mục tiêu:** Nhận biết được tính chất kết hợp của phép nhân.  **\* Cách tiến hành:** **Cá nhân- Nhóm – Lớp** | |
| ***a So sánh giá trị của các biểu thức***  **Cá nhân – Nhóm 2- Lớp**  - HS thực hiện cá nhân- Chia sẻ nhóm 2  - HS tính và so sánh:  **(2 x 3) x 4 = 6 x 4 = 24 Và 2 x (3 x 4) = 2 x 12 = 24**    **Vậy (2 x 3) x 4 = 2 x (3 x 4)**  (5 x 2) x 4 = 5 x (2 x 4)  (4 x 5) x 6 = 4 x (5 x 6)  - HS tính giá trị của các biểu thức và nêu:  - HS đọc bảng số.  ***b. Giới thiệu tính chất kết hợp của phép nhân***  - 3 HS lên bảng thực hiện, mỗi HS thực hiện tính ở một dòng để hoàn thành bảng   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | a | b | c | (a x b) x c | a x (b x c) | | 3 | 4 | 5 | (3 x 4) x5 = 60 | 3 x (4 x 5) = 60 | | 5 | 2 | 3 | (5 x 2) x 3 = 30 | 5 x (2 x 3) = 30 | | 4 | 6 | 2 | (4 x 6) x 2 = 48 | 4 x (6 x 2) = 48 |   +Hãy so sánh giá trị của biểu thức **(a x b) x c** với giá trị của biểu thức **a x (b x c)** trong bảng?  ***.*** - HS đọc: (a x b) x c = a x (b x c).  - HS đọc ghi nhớ. | - GV viết biểu thức:  (2 x 3) x 4 và 2 x (3 x 4)  - GV yêu cầu HS tính giá trị của hai biểu thức, rồi so sánh giá trị của hai biểu thức này với nhau.    - GV làm tương tự với các cặp biểu thức khác:  (5 x 2) x 4 và 5 x (2 x 4)  (4 x 5) và 4 x (5 x 6)  giới thiệu ở phần đồ dùng dạy học.  - GV yêu cầu HS thực hiện tính giá trị của các biểu thức (a x b) x c và a x (b x c) để điền vào bảng.  - GV treo lên bảng bảng số như đã  + Bằng giá trị của biểu thức **a x (b x c).**  - Ta có thể viết:  **(a x b) x c = a x (b x c).**  ***\*KL: Vậy khi thực hiện nhân một tích hai số với số thứ ba ta có thể nhân số thứ nhất với tích của số thứ hai và số thứ ba*** |
| **3. Hoạt động thực hành (18p)**  **\* Mục tiêu**: Bước đầu biết vận dụng tính chất kết hợp của phép nhân trong thực hành tính.  **\* Cách tiến hành** | |
| ***Bài 1a: HSNK làm cả bài***  Tính bằng hai cách theo mẫu.  **Cá nhân-Nhóm 2- Lớp**  - HS làm cá nhân- Chia sẻ nhóm 2- Chia sẻ lớp  Đ/a:  a. 4 x 5 x 3  (4 x 5) x 3 4 x (5 x 3)  = 20 x 3 = 4 x 15  = 60 = 60  b. 3 x 5 x 6  (3 x 5) x 6 3 x (5 x 6)  = 15 x 6 = 3 x 30  = 90 = 90  ***Bài 2a: HSNK làm cả bài***  **Cá nhân – Lớp**  Đ/a:  a. 13 x 5 x 2 5 x 2 x 34  = 13 x (5 x2) = (5 x 2) x 34  = 13 x 10 = 10 x 34  = 130 = 340  *+ Dựa vào t/c giao hoán và kết hợp của phép nhân*  **Bài 3 *(bài tập chờ dành cho HS hoàn thành sớm)***  - HS làm bài vào vở Tự học  Bài giải  Có tất cả số học sinh là:  8 x 15 x 2 = 240 (học sinh)  Đáp số: 240 học sinh  - Ghi nhớ tính chất giao hoán  **4. Hoạt động vận dụng** *(1p)*  \* Bài tập PTNL:(M3+M4)  1. Một cửa hàng có 7 gian chứa muối, mỗi gian có 85 bao muối, mỗi bao muối nặng 5 yến. Hỏi cửa hàng có tất cả bao nhiêu ki-lô-gam muối?  **5. Hoạt động sáng tạo** *(1p)*  (Giải bằng hai cách). | - GV hướng dẫn bài tập mẫu theo SGK.  - Gọi HS nhận xét, bổ sung, sửa (nếu cần)  - GV chốt đáp án.  \*Giúp đỡ hs M1+M2  *+ Dựa vào tính chất nào, em tính thuận tiện được?* |

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**LỊCH SỬ (VNEN)**

**BUỔI ĐẦU ĐỘC LẬP (TIẾT 2)**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**LỊCH SỬ (CT HIỆN HÀNH)**

**Nhà Lý dỜi đô ra Thăng Long**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức**

- Nêu được những lí do khiến Lý Công Uẩn dời đô từ Hoa Lư ra Đại La: vùng trung tâm của đất nước, đất rộng lại bằng phẳng, nhân dân không khổ vì ngập lụt.

- Vài nét về công lao của Lý Công Uẩn: Người sáng lập vương triều Lý, có công dời đô ra Đại La và đổi tên kinh đô là Thăng Long.

**2. Kĩ năng**

- Chỉ được trên bản đồ vị trí của kinh đô Hoa Lư và Thăng Long

- Lập được bảng so sánh về vị trí, địa thế của Hoa Lư và Thăng Long.

**3. Phẩm chất**

- Nêu cao lòng tự hào dân tộc, tự hào thủ đô Hà Nội đã có hơn 1000 năm văn hiến.

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL ngôn ngữ, NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Đồ dùng**

- GV: + Bản đồ hành chính Việt Nam.

+ Phiếu học tập của HS.

- HS: SGK, bút dạ,...

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm.

- KT: Kĩ thuật đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| **1.Khởi động:***(4p)*  - TBHT điều hành lớp trả lời, nhận xét.  *+ Năm 979, Đinh Tiên Hoàng và con trưởng là Đinh Liễn. . .*  *+ Đầu năm 981, quân Tống theo hai đường thuỷ và bộ. . .*  *+ Cuộc kháng chiến chống quân Tống xâm lược thắng lợi.* . | . *+ Tình hình nước ta khi quân Tống xâm lược?*  *+ Diễn biến của cuộc kháng chiến chống quân Tống xâm lược.*  *+ Ý nghĩa của sự kiện lịch sử đó?*  - GV nhận xét, khen/ động viên. |
| **2.Khám phá:***(30p)*  ***\* Mục tiêu*** - Nêu được những lí do khiến Lý Công Uẩn dời đô từ Hoa Lư ra Đại La. Vài nét về công lao của Lý Công Uẩn.  ***\* Cách tiến hành:Cá nhân-Nhóm-Lớp*** | |
| \***HĐ1: Nhà Lý ra đời**  **Nhóm 2 – Lớp**  - HS đọc thầm.  *+ Sau khi Lê Đại Hành mất, Lê Long Đĩnh lên làm vua. Nhà vua tính tình bạo ngược nên lòng người rất oán hận .*  *+ Vì Lý Công Uẩn là một vị quan trong triều nhà Lê. Ông vốn là người thông minh, văn võ đều tài, đức độ cảm hóa được lòng người, khi Lê Long Đĩnh mất các quan trong triều lại tôn Lý Công Uẩn lên làm vua .*  *+ Nhà Lý bắt đầu từ năm 1009*  **Hoạt động 2: Nhà Lý rời đô ra Thăng Long:**  **Cá nhân –Nhóm 2- Lớp**  - HS lên bảng xác định.  - HS lập bảng so sánh (nhóm 2)   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Vùng đất  Nội dung  so sánh | Hoa Lư | Đại La | | - Vị trí  - Địa thế | - Không phải trung tâm  - Rừng núi hiểm trở, chật hẹp | - Trung tâm đất nước  - Đất rộng, bằng phẳng, màu mỡ |     *+ Vua thấy Đại La là vùng đất ở trung tâm, bằng phẳng, dân cư không khổ nì ngập lụt, muôn vật phong phú, tốt tươi. Ông nghĩ “Muốn cho con cháu đời sau xây dựng cuộc sống ấm no thì phải rời đô”.*  **+** *Thăng Long có nhiều lâu đài, cung điện, đền chùa. Dân tụ họp ngày càng đông và lập nên phố, nên phường.*  **3. Hoạt động vận dụng** *(1p)*.  **4. Hoạt động sáng tạo** *(1p)*  - Kể chuyện lịch sử về Lý Công Uẩn | - GV yêu cầu HS đọc SGK từ *Năm 2005* đến *nhà Lý bắt đầu từ đây .*  *+ Sau khi Lê Đại Hành mất, tình hình nước ta như thế nào?*  *+Vì sao khi Lê Long Đĩnh mất, các quan trong triều lại tôn Lý Công Uẩn lên làm vua?*  *+ Vương triều nhà Lý bắt đầu từ năm nào?*  ***\*KL: Như vậy, năm 1009, nhà Lê suy tàn, nhà Lý tiếp nối nhà Lê xây dựng đất nước ta. Chúng ta cùng tìm hiểu về triều đại nhà Lý.***  - GV đưa ra bản đồ hành chính miền Bắc Việt Nam rồi yêu cầu HS xác định vị trí của kinh đô Hoa Lư và Đại La (Thăng Long).  - GV yêu cầu HS dựa vào lược đồ và kênh chữ trong SGK đoạn: “Mùa xuân năm 1010…. . màu mỡ này”, để lập bảng so sánh theo mẫu sau:  *+Vua “Lý Thái Tổ suy nghĩ như thế nào mà quyết định dời đô từ Hoa Lư ra Đại La?”.*    ***- GV: Mùa thu năm 1010, Lý Thái Tổ quyết định dời đô từ Hoa Lư ra Đại***  ***La và đổi tên Đại La thành Thăng Long. Sau đó, Lý Thánh Tông đổi tên nước là Đại Việt .***  ***- GV giải thích từ “ Thăng Long” và “Đại Việt”: Theo truyền thuyết, khi vua tạm đỗ dưới thành Đại La có rồng vàng hiện lên ở chỗ thuyền ngự, vì thế vua đổi tên thành Thăng Long, có nghĩa là rồng bay lên. Sau đó năm 1054 vua Lý Thánh Tông đổi tên nước ta là Đại Việt.***  *+Thăng Long dưới thời Lý được xây dựng như thế nào?*  ***-*** GV tổng kết và GD như lòng tự hào dân tộc, tự hào văn hiến |

**ĐIỀU CHỈNH-BỔ SUNG**

..........................................................................................................................................................................................................................................................................

.....................................................................................................................................

**Thứ tư ngày 14 tháng 11 năm 2021**

**LUYỆN TỪ VÀ CÂU**

**LUYỆN TẬP VỀ ĐỘNG TỪ**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức**

- Nắm được một số từ bổ sung ý nghĩa thời gian cho động từ (đã, đang, sắp).

**2. Kĩ năng**

- Nhận biết và sử dụng được các từ đó qua các BT thực hành (2, 3) trong SGK.

\* HS năng khiếu: Biết đặt câu có sử dụng từ bổ sung ý nghĩa thời gian cho động từ.

**3. Phẩm chất**

- HS có ý thức sử dụng đúng các từ bổ sung ý nghĩa chỉ thời gian cho câu

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL tự học, NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Đồ dùng**

- GV: + Bài tập 2a viết vào giấy khổ to và bút dạ.

+ Bảng lớp viết sẵn 2 câu văn của BT 1

- HS: vở BT, bút, ...

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Quan sát, hỏi đáp, thảo luận nhóm.

- KT: Kĩ thuật đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của HS** | | **Hoạt động của GV** |
| 1**. Khởi động** (3p)  - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ. | | - GV giới thiệu và dẫn vào bài mới |
| **2. Hoạt động thực hành***:(30p)*  **\* Mục tiêu:** Nắm được một số từ bổ sung ý nghĩa thời gian cho động từ (đã, đang, sắp). Nhận biết và sử dụng được các từ đó qua các BT thực hành (2, 3) trong SGK.  **\* Cách tiến hành: Cá nhân-Nhóm-Cả lớp** | | |
| **Bài 1:** Các từ in đậm sau đây bổ sung ý nghĩa cho những....  a.Trời ấm lại pha lành lạnh. Tết ***sắp*** đến.  b. Rặng đào ***đã*** trút hết lá.  **Nhóm 2-Lớp**  - Hs đọc nội dung bài  - HS thảo luận nhóm 2 và báo cáo trước lớp.  *+ động từ: đến, trút*  *+ Từ* ***sắp*** *bổ sung ý nghĩa chỉ thời gian cho động từ. Nó gợi cho em biết đến những sự việc xảy ra ở tương lai gần.*  *+ Từ* ***đã*** *bổ sung ý nghĩa thời gian cho động từ* ***trút****? Nó gợi cho em biết đến những sự việc đã hoàn thành rồi.*  **Bài 2*:*** Em chọn từ nào trong ngoặc . . .  **Nhóm 4 – Lớp**  -HS thảo luận nhóm 4 làm bài. Nhóm nào làm xong trước báo cáo kết quả. Các nhóm khác nhận xét, bổ sung để hoàn thành bài tập.  Đ/á:  \* Thứ tự từ cần điền:  a. Đã.  b. Đã, đang, sắp.  - HS giải thích tại sao mình lại điền như vậy.    ***Bài 3:***  **Cá nhân-Nhóm đôi-Lớp**  - HS làm cá nhân- Trao đổi nhóm 2- Báo cáo trước lớp  Đ/á:  + *Đã* thay bằng *đang*, bỏ từ *đang*, bỏ *sẽ* hoặc thay *sẽ* bằng *đang.*  - 2 HS đọc lại.  **Đãng trí**  *Một nhà bác học* ***đang*** *làm việc trong phòng. Bỗng nhiên người phục vụ bước vào, nói nhỏ với ông:*  *- Thưa giáo sư, có trộm lẻn vào thư viện của ngài.*  *Giáo sư hỏi:*  *- Nó đọc gì thế? (nó đang đọc gì thế?)*  *+ Thay “đã bằng đang” vì nhà bác học đang làm việc trong phòng làm việc.*  *+ Bỏ từ “đang” vì người phục vụ đi vào phòng rồi mới nói nhỏ với giáo sư.*  *+ Bỏ từ “sẽ” vì tên trộm đã lẻn vào phòng rồi.*  *+ Truyện đáng cười ở chỗ vị giáo sư rất đãng trí. Ông đang tập trung làm việc nên được thông báo có trộm lẽn vào thư viện thì ông chỉ hỏi tên trộm đọc sách gì? Ông nghĩ vào thư viện chỉ để đọc sách mà quên rằng tên trộm đâu cần đọc sách*. *Nó chỉ cần những đồ đạc quý giá của ông.*  **3. Hoạt động vận dụng** *(1p)*  - Ghi nhớ các từ bổ sung ý nghĩa thời gian cho động từ  **4. Hoạt động sáng tạo** *(1p)*  - Đặt câu có từ bổ sung ý nghĩa chỉ thời gian cho động từ | *+ Gạch chân dưới các động từ trong câu?*  *+ Từ* ***sắp*** *bổ sung ý nghĩa gì cho động từ?*  *+ Từ* ***đã*** *bổ sung ý nghĩa gì cho động từ trút? Nó gợi cho em biết điều gì?*  **\*GV: *Từ sắp, đã bổ sung ý nghĩa chỉ thời gian cho động từ chúng rất quan trọng vì cho biết sựu việc đó sắp diễn ra, đã diến ra hay đang diễn ra***  ***\* Chú ý hs M1+M2***  Kết luận, chốt đáp án.  - GV giảng kĩ cho các em hiểu ý nghĩa thời gian của từng từ qua sự việc trong đoạn văn, đoạn thơ.  .  - Gọi HS đọc yêu cầu và truyện vui.  - Chốt lời giải đúng.  - Gọi HS đọc lại truyện đã hoàn thành.  +*Tại sao lại thay “đã” bằng “đang” (bỏ từ “đã”, bỏ từ “sẽ”)?*  *+ Truyện đáng cười ở điểm nào?* | |

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TOÁN**

***Tiết 53:* NHÂN VỚI SỐ CÓ TẬN CÙNG LÀ CHỮ SỐ 0**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức**

- Biết cách nhân với số có tận cùng là chữ số 0; vận dụng để tính nhanh, tính nhẩm.

**2. Kĩ năng**

- Hs biết cách thực hiện thành thạo nhân với số có tận cùng là chữ số không.

**3. Phẩm chất**

- Tích cực, tự giác học bài, trình bày bài sạch sẽ, khoa học

**4. Góp phần phát triển các kĩ năng**

- Năng lực tự học, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL tư duy - lập luận logic.

\* BT cần làm: Bài 1, bài 2

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Phiếu nhóm

- HS: SGk, bút

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Quan sát, hỏi - đáp, thảo luận nhóm.

- KT: đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của HS** | **Hoạt động của GV** |
| **1. HĐ khởi động *(3p)***  - HS nêu | - Nêu tính chất kết hợp của phép nhân  - GV dẫn vào bài |
| **2. Hình thành kiến thức** *(15p)*  **\* Mục tiêu:** Biết cách nhân với số có tận cùng là chữ số 0; vận dụng để tính nhanh, tính nhẩm  **\* Cách tiến hành** | | |
| ***\*Phép tính :1324 x 20=?***  **Cá nhân – Lớp.**  - HS đọc phép tính.  *+ Là 0.*  *+ 20 = 2 x 10 = 10 x 2.*  - HS viết lại phép tính:  1324 x 20 = 1324 x (2 x 10)  - HS làm cá nhân- Chia sẻ trước lớp  1324 x (2 x 10) = (1324 x 2) x 10  = 2648 x 10  = 26480  *+ 1324 x 20 = 26480.*  *+ 2648 là tích của 1324 x 2.*  *+ 26480 chính là 2648 thêm một chữ số 0 vào bên phải.*  *+ Có một chữ số 0 ở tận cùng.*  *+ Ta chỉ thực hiện 1324 x 2 rồi viết thêm một chữ số 0 vào bên phải tích 1324 x 2.*  - HS làm cá nhân- Chia sẻ trước lớp  - Nêu cách thực hiện phép tính: Nhân 1324 với 2, được 2648. Viết thêm một chữ số 0 vào bên phải 2648 được 26480  ***\* Phép nhân 230 x 70 = ?***  - HS đọc phép nhân.  - HS nêu: 230 = 23 x 10.  - HS nêu: 70 = 7 x 10.  - HS làm cá nhân- Chia sẻ trước lớp:  (23 x 10) x (7 x 10)  = (23 x 7)x (10 x 10)  = 161 x 100 = 16100  *+ 161 là tích của 23 x 7*  *+ 16100 chính là 161 thêm hai chữ số 0 vào bên phải.*  *+ Có một chữ số 0 ở tận cùng.*  *+ Có một chữ số 0 ở tận cùng.*  *+ Có hai chữ số 0 ở tận cùng.*  *+Ta chỉ việc thực hiện 23 x 7 rồi viết thêm hai chữ số 0 vào bên phải tích 23 x7.*  - HS làm cá nhân-Chia sẻ trước lớp  - HS nêu: Nhân 23 với 7, được 161. Viết thêm hai chữ số 0 vào bên phải 161 được 16100. | *+ 20 có chữ số tận cùng là mấy?*  *+ Tách 20 thành tích của 10*  - Viết lại phép tính bài đã cho  - Hãy tính giá trị của 1324 x (2 x 10)  *+ Vậy 1324 x 20 bằng bao nhiêu?*  *+ 2648 là tích của các số nào?*  *+ Nhận xét gì về số 2648 và 26480?*  *+ Số 20 có mấy chữ số 0 ở tận cùng?*  + *Vậy khi thực hiện nhân 1324 x 20 chúng ta làm như thế nào?*  - Hãy đặt tính và thực hiện tính  1324 x 20.  - GV yêu cầu HS nêu cách thực hiện phép nhân của mình.  - GV viết lên bảng phép nhân  230 x 70.  - Hãy tách số 230 thành tích của một số nhân với 10.  - GV yêu cầu HS tách tiếp số 70 thành tích của một số nhân với 10.  - Vậy ta có:  230 x 70 = (23 x 10) x (7 x 10)  - GV: Hãy áp dụng tính chất giao hoán và kết hợp của phép nhân để tính giá trị của biểu thức (23 x 10) x (7 x 10).  *+ 161 là tích của các số nào?*  *+ Nhận xét gì về số 161 và 16100?*  *+ Số 230 có mấy chữ số 0 tận cùng?*  *+ Số 70 có mấy chữ số 0 tận cùng?*  *+ Vậy cả hai thừa số của phép nhân 230 x 70 có tất cả mấy chữ số 0 ở tận cùng?*  *+Vậy khi thực hiện nhân 230 x 70 ta làm thế nào?*  - Hãy đặt tính và thực hiện tính  230 x 70.  - GV yêu cầu HS nêu cách thực hiện phép nhân của mình.  \* Chú ý giúp đỡ HS M1 |
| **3. HĐ thực hành (18p)**  **\* Mục tiêu:** Hs biết cách thực hiện thành thạo nhân với số có tận cùng là chữ số 0  **\* Cách tiến hành:** | | |
| ***Bài 1:*** Đặt tính rồi tính.  **Cá nhân-Nhóm 2- Lớp**  - Thực hiện theo YC của GV.  - HS làm cá nhân- Chia sẻ nhóm 2 – Chia sẻ lớp.  Đ/a:  1342 13 546 5 642  x 40 x 30 x 200 53 680 406 380 1 128 400  ***Bài 2: Tính***  **Cá nhân- Lớp**  - HS làm cá nhân vào vở  Đ/a:  1 326 x 300 = 397 800  3 450 x 20 = 69 000  1 450 x 800 = 1 160 000  1 326 3450 1450  x 300 x 20 x 800  397 800 69 000 1160000  **Bài 3 +bài 4 (*BT chờ dành cho HS hoàn thành sớm)***  - HS làm bài vào vở Tự học  Bài 3: 30 bao gạo nặng là:  30 x 50 = 1500 (kg)  40 bao ngô nặng là:  40 x 60 = 2400 (kg)  Xe đó chở tất cả là:  1500 + 2400 = 3900 (kg)  Đáp số: 3 900 kg  Bài 4: Chiều dài tấm kính là:  30 x 2 = 60 (cm)  Diện tích tấm kính là:  30 x80 = 1800 (cm2)  Đáp số: 1800 cm2  **4. Hoạt động vận dụng** (1p)  - Ghi nhớ cách nhân nhẩm  **5. Hoạt động sáng tạo** (1p)  - Giải bài tập 3 bằng cách khác | - Gọi HS đọc và xác định yêu cầu bài tập.  - Gọi HS nhận xét, bổ sung, sửa (nếu cần)  - GV chốt đáp án.  - Củng cố cách đặt tính và thực hiện phép tính...  \* Chú ý giúp đỡ hs M1+M2  - Gọi HS đọc và xác định yêu cầu bài tập.  - GV chốt đáp án, nhận xét, đánh giá vở của HS  - Củng cố cách tính và thực hiện phép tính...  ***\**** HS M3+M4 thực hiện nhẩm nhanh  -  - Chốt cách tính diện tích hình chữ nhật. |

**ĐIỀU CHỈNH-BỔ SUNG**

...................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**ĐẠO ĐỨC**

**THỰC HÀNH KĨ NĂNG GIỮA HỌC KÌ I**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức**

- Ôn lại các kiến thức từ bài 1 đến bài 5

**2. Kĩ năng**

- Giúp HS củng cố các kĩ năng giao tiếp hằng ngày với bạn bè, thầy cô. Biết lắng nghe và bày tỏ ý kiến với người thân, thầy cô các việc xảy ra đối với mình.

**3. Phẩm chất**

- Có ý thức thực hiện theo bài học

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL tự học, NL giải quyết vấn đề, NL hợp tác, sáng tạo

**I. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Phiếu học tập.

- HS: SGK, thẻ bày tỏ ý kiến

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm, trò chơi, đóng vai.

- KT: động não, tia chớp, chia sẻ nhóm 2

**III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của HS** | | **Hoạt động của GV** | |
| **1.Khởi động:***(5p)*  - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ | |  | |
| **2.Hình thành KT mới***(15p)*  **\* Mục tiêu:** - Giúp HS củng cố các kĩ năng giao tiếp hằng ngày với bạn bè, thầy cô. Biết lắng nghe và bày tỏ ý kiến với người thân, thầy cô về các việc xảy ra đối với mình.  **\* Cách tiến hành: Cá nhân-Nhóm-Lớp** | | | |
| **HĐ1: Vận dụng kiến thức**  **Cá nhân – Lớp**  + Khi kiểm tra không nhìn bài của bạn, không nhìn SGK,. . .  + Trong học tập: Gặp một số bài toán khó, hay bài văn khó em không làm được nhưng em đã cố gắng tự nỗ lực mình khắc phục những khó khăn,.  + Em cần giữ gìn sách vở sạch sẽ, tiết kiệm và giữ gìn dụng cụ học tập, không xé vở, . . . .  +Thời giờ là thứ quý nhất, vì khi nó dã trôi qua thì không bào giờ. . .  + Em cần biết bày tỏ để mọi người biết và giúp đỡ em.  **HĐ2: Kể chuyện**  **Cá nhân- Nhóm – Lớp**  - HS làm theo nhóm.  - HS có thể tự liên hệ trong và ngoài lớp hoặc trong trường mà mình biết).  - Câu chuyện kể về chú bé Nguyễn Hiền “ Ông trạng thả diều”  - Câu chuyện “ Có ngày hôm nay” . kể về bạn  **HĐ3: Thực hành**  **Cá nhân – Lớp**  - HS trình bày.  - Cả lớp cùng thảo luận.  - Nhận xét, bổ sung.  **3. HĐ vận dụng** (1p) - Thực hành theo bài học  **4. HĐ sáng tạo (1p)** - Nhắc nhở những người xung quanh cùng thực hiện theo các hành vi đạo đức chuẩn mực | **+** Hãy nêu một số việc làm thể hiện tính trung thực trong học tập mà chính bản thân em đã thực hành?  + Trong học tập và cuộc sống em đã gặp những khó khăn gì và đã vươn lên như thế nào. Hãy kể cho cả lớp cùng nghe.  + Để tiết kiệm tiền của em cần làm gì? Vì sao?  + Tai sao em và mọi người cần phải tiết kiệm thời giờ?  + Trong cuộc sống khi gặp những việc có liên quan đến mình mà không giải quyết được, em cần làm gì để mọi người giúp đỡ?  Trần Quang Thái ở Phan Thiết. . . .  -Yêu cầu HS thảo luận theo nhóm, thực hiện các nhiệm vụ sau:  + Em hãy kể lại một mẫu chuyện hoặc tấm gương về trung thực trong học tập mà em biết?  + Hãy kể lại một tấm gương vượt khó trong học tập mà em cảm phục?  + Em hãy kể về một tấm gương biết vươn lên vì hoàn cảnh gia đình nghèo mà vẫn học giỏi (trên báo, sách, ti vi) mà em đã được đọc, xem?  + GV nhận xét và khen.  + Hãy trình bày thời gian biểu của em trước lớp và trao đổi với các bạn trong lớp mình về thời gian biểu của em?  + GV nhận xét và khen. | |

**ĐIỀU CHỈNH-BỔ SUNG**

..............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**KỂ CHUYỆN**

**BÀN CHÂN KÌ DIỆU**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức**

- Hiểu được ý nghĩa câu chuyện: Ca ngợi tấm gương Nguyễn Ngọc Ký giàu nghị lực, có ý chí vươn lên trong học tập và rèn luyện.

**2. Kĩ năng:**

- Nghe, quan sát tranh để kể lại được từng đoạn, kể nối tiếp được toàn bộ câu chuyện Bàn chân kì diệu (do GV kể).

**3. Phẩm chất**

- GD HS có nghị lực, có ý chí vươn lên trong học tập và rèn luyện.

**4. Góp phần bồi dưỡng các năng lực**

- NL giao tiếp và hợp tác, NL sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Tranh minh hoạ truyện trong SGK trang 107 (phóng to nếu có điều kiện).

- HS: SGK, câu chuyện

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm, đóng vau

- KT: đặt câu hỏi, động não, chia sẻ nhóm.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| **1. Khởi động***:(5p)*  . - HS kể chuyện và nêu ý nghĩa chuyện.  - Nhận xét, bổ sung. | ***-*** Gọi HS kể lại câu chuyện về ước mơ đẹp.  - GV nhận xét, khen/ động viên |
| **2. Hướng dẫn kể chuyện:***(8p)*  **\* Mục tiêu:** Nghe, quan sát tranh để kể lại được từng đoạn, kể nối tiếp được toàn bộ câu chuyện Bàn chân kì diệu (do GV kể).  **\* Cách tiến hành: Cá nhân-Nhóm-Lớp** | |
| *+ Tác giả của bài thơ Em thương là nhà thơ Nguyễn Ngọc Kí.*  - Lắng nghe.  - HS theo dõi.  - HS theo dõi GV kể và kết hợp quan sát tranh minh hoạ | *+ Bạn nào còn nhớ tác giả của bài thơ Em thương đã học ở lớp 3.*  - Câu chuyện cảm động về tác giả của bài thơ *Em thương* đã trở thành tấm gương sáng cho bao thế hệ người Việt Nam. Câu chuyện đó kể về chuyện gì?  - GV kể chuyện lần 1: Chú ý giọng kể chậm rãi, thong thả. Nhấn giọng ở những từ ngữ gợi tả hình ảnh, hành động của Nguyễn Ngọc Kí*: Thập thò, mềm nhũn, buông thõng, bất động, nhoè ướt, quay ngoắt, co quắp,…*  - GV kể chuyện làn 2: Vừa kể vừ chỉ vào tranh minh hoạ và đọc lời phía dưới mỗi tranh. |
| **3 . Thực hành kể chuyện – Tìm hiểu ý nghĩa câu chuyện***:(15- 20p)*  **\* Mục tiêu:** HS ghi nhớ nội dung câu chuyện và kể lại được theo lời kể của mình. Nêu được ý nghĩa câu chuyện  **\* Cách tiến hành: Cá nhân - Nhóm- Lớp** | |
| a/. Kể chuyện theo cặp:  -HS kể chuyện theo cặp. (mỗi em nối tiếp nhau kể 2 tranh). Sau đó mỗi em kể lại toàn chuyện, trao đổi về ý nghĩa chuyện.  - HS kể chuyện trước lớp.  b/. Kể trước lớp:  c/. Tìm hiểu ý nghĩa truyện:  *+ Câu chuyện khuyên chúng ta hãy kiên trì, nhẫn nại, vượt lên mọi khó khăn sẽ đạt được mong ước của mình.*  *+ Em học được ở anh Kí tinh thần ham học, quyết tâm vươn lên cho mình trong hoàn cảnh khó khăn. .* . .  **4. Hoạt động vận dụng *(1p)***  - Kể lại câu chuyện cho người thân nghe.  **5. Hoạt động sáng tạo *(1p)***  - Sưu tầm các câu chuyện khác cùng chủ đề | - Yêu cầu HS kể theo nhóm, trao đổi, kể chuyện trong nhóm. GV đi giúp đỡ từng nhóm.  - Một vài HS kể toàn chuyện.  - Nhận xét, đánh giá cách kể chuyên của bạn  - Tổ chức cho HS kể từng đoạn trước lớp. (Mỗi nhóm cử 1 HS thi kể và kể một tranh)  \*\* GV khuyến khích các HS khác lắng nghe và hỏi lại bạn một số tình tiết trong truyện.  *+ Hai cánh tay của Kí có gì khác mọi người?*  *+ Khi cô giáo đến nhà, Kí đang làm gì?*  *+ Kí đã cố gắng như thế nào?*  *+ Kí đã đạt được những thành công gì?*  *+ Nhờ đâu mà Kí đạt được những thành công đó?*  *+ Câu chuyện muốn khuyên chúng ta điều gì?*  *+ Em học được điều gì ở Nguyễn Ngọc Kí?*  \* Lưu ý giúp đỡ hs M1+M2  GV: ***Thầy Nguyễn Ngọc Kí là một tấm gương sáng về học tập, ý chí vươn lên trong cuộc sống. Từ một cậu bé bị tàn tật, ông trở thành một nhà thơ, nhà văn, là Nhà giáo ưu tú.*** |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**KĨ THUẬT**

**KHÂU VIỀN ĐƯỜNG GẤP MÉP VẢI BẰNG MŨI KHÂU ĐỘT** **THƯA** (T2)

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức**

- Biết cách khâu đường viền đường gấp mép vải bằng mũi khâu đột thưa.

**2. Kĩ năng**

- Khâu viền được đường gấp mép vải bằng mũi khâu đột thưa. Các mũi khâu tương đối đều nhau. Đường khâu có thể bị rúm.

\* HS năng khiếu: Khâu viền được đường gấp mép vải bằng mũi khâu đột thưa. Các mũi khâu tương đối đều nhau. Đường khâu ít bị rúm.

**3. Phẩm chất**

- Giáo dục tính cẩn thận, khéo léo, an toàn khi thực hành

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL thẩm mĩ.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Mẫu đường gấp mép vải được khâu viền bằng các mũi khâu đột có kích thước đủ lớn và một số sản phẩm có đường khâu viền đường gấp mép vải bằng khâu đột hoặc may bằng máy (quần, áo, vỏ gối, túi xách tay bằng vải …)

- HS: Vật liệu và dụng cụ cần thiết:

+ Một mảnh vải trắng hoặc màu, kích 20 x30cm.

+ Len (hoặc sợi), khác với màu vải.

+ Kim khâu len, kéo cắt vải, thước, bút chì. .

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Quan sát mẫu, hỏi đáp,

- KT: đặt câu hỏi, tia chớp, động não, phòng tranh

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| **1. HĐ khởi động** *(3p)*  - HS nêu | - Nêu qui trình thực hiện khâu viền đường gấp mép vải?  - GV nhận xét, khen ngợi, dẫn vào bài học |
| **2. HĐ thực hành:***(30p)*  **\* Mục tiêu**: Khâu viền được đường gấp mép vải bằng mũi khâu đột thưa. Các mũi khâu tương đối đều nhau. Đường khâu có thể bị rúm.  **\* Cách tiến hành: Cá nhân- Nhóm- Lớp** | |
| **HĐ3: HS thực hành khâu viền đường gấp mép vải**  - HS nhắc lại phần ghi nhớ và thực hiện các thao tác gấp mép vải.  - HS nêu  *+ Bước 1: Gấp mép vải.*  *+ Bước 2: Khâu viền đường gấp mép vải bằng mũi khâu đột .*  - HS thực hành .  **HĐ4: Đánh giá kết quả học tập của HS**.  - HS trưng bày sản phẩm trong nhóm  - Nhóm trưởng điều hành cách đánh giá các sản phẩm theo các tiêu chí đã nêu  - Thực hành khâu tại nhà  **3. Hoạt động vận dụng *(1p)***  - Chọn sản phẩm trưng bày trên lớp  **4. HĐ sáng tạo *(1p****)*  - Tạo sản phẩm từ bài học | **Cá nhân**  - GV gọi HS nhắc lại phần ghi nhớ và thực hiện các thao tác gấp mép vải.  - Nêu cách khâu viền đường gấp mép vải bằng mũi khâu đột .    - GV nhắc lại và hướng dẫn thêm một số điểm lưu ý đã nêu ở tiết 1.  - GV tổ chức cho HS thực hành và nêu thời gian hoàn thành sản phẩm.  - GV quan sát uốn nắn thao tác cho những HS còn lúng túng hoặc chưa thực hiện đúng.  - GV tổ chức cho HS trưng bày sản phẩm thực hành.  - GV nêu tiêu chẩn đánh giá sản phẩm:  + Gấp được mép vải. Đường gấp mép vải tương đối thẳng, phẳng, đúng kỹ thuật.  + Khâu viền được đường gấp mép vải bằng mũi khâu đột.  + Mũi khâu tương đối đều, thẳng, không bị dúm.  + Hoàn thành sản phẩm đúng thời gian quy định.    - GV nhận xét và đánh giá chung |

**ĐIỀU CHỈNH-BỔ SUNG**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**Thứ năm ngày 15 tháng 11 năm 2021**

**TẬP ĐỌC**

**CÓ CHÍ THÌ NÊN**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức**

- Hiểu lời khuyên qua các câu tục ngữ: Cần có ý chí, giữ vững mục tiêu đã chọn, không nản lòng khi gặp khó khăn (trả lời được các câu hỏi trong SGK).

**2. Kĩ năng**

- Biết đọc từng câu tục ngữ với giọng nhẹ nhàng, chậm rãi.

**3. Phẩm chất**

- GD HS có ý chí, giữ vững mục tiêu đã chọn, không nản lòng khi gặp khó khăn

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ.

*\* KNS: -Xác định giá trị*

*-Tự nhận thức về bản thân*

*-Lắng nghe tích cực*

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Đồ dùng**

- GV: + Tranh minh hoạ bài tập đọc trang 108 SGK (phóng to)

- HS: SGK

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- Phương pháp: Quan sát, hỏi - đáp, đóng vai.

- Kĩ thuật: Làm việc nhóm, chia sẻ

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| **1. Khởi động:** *(3p)*  *+ Nguyễn Hiền học đến đâu hiểu đến đấy, có trí nhớ lạ thường. . . .*  - HS đọc nội dung bài học. | *+ Tìm những chi tiết nói lên tư chất thông minh của Nguyễn Hiền?*  *+ Nêu nội dung bài học*  - GV dẫn vào bài mới |
| **2. Luyện đọc:** *(8-10p)*  **\* Mục tiêu:** Biết đọc từng câu tục ngữ với giọng nhẹ nhàng, chậm rãi.  \* **Cách tiến hành:** | |
| - 1 HS đọc bài, cả lớp đọc thầm  - Nhóm trưởng điều hành nhóm đọc nối tiếp trong nhóm lần 1 và phát hiện các từ ngữ khó (*đã quyết, hãy lo bền chí, câu chạch, câu rùa, sóng cả,...,...,...)*  - Luyện đọc từ khó: Đọc mẫu (M4)-> Cá nhân (M1)-> Lớp  - Giải nghĩa từ khó: *nên, hành, lận, keo, cả, rã* (đọc phần chú giải)  - HS đọc nối tiếp lần 2 theo điều khiển của nhóm trưởng  - Các nhóm báo cáo kết quả đọc  - 1 HS đọc cả bài (M4) | - Gọi 1 HS đọc bài (M3)  - GV lưu ý giọng đọc: Các câu tục ngữ đọc với giọng nhẹ nhàng, chậm rại mang tính chất của một lời khuyên.  - Lưu ý sửa lỗi đọc và ngắt nghỉ cho các HS (M1) |
| **3.Tìm hiểu bài:** *(8-10p)*  **\* Mục tiêu:** Hiểu lời khuyên qua các câu tục ngữ: Cần có ý chí, giữ vững mục tiêu đã chọn, không nản lòng khi gặp khó khăn (trả lời được các câu hỏi trong SGK).  **\* Cách tiến hành: *Làm việc cá nhân – Chia sẻ cặp đôi – Chia sẻ trước lớp*** | |
| + Dựa vào nội dung các câu tục ngữ trên, hãy xếp chúng vào các nhóm?   * *Khẳng định rằng có ý chí thì nhất định sẽ thành công* * *Khuyên người ta giữ vững mục tiêu đã chọn* * *Khuyên người ta không nản lòng khi gặp khó khăn.*   *+ Cách diễn đạt các câu tục ngữ có đặc điểm gì khiến người đọc dễ nhớ, dễ hiểu? Chọn ý em cho là đúng?*  *+ Theo em, HS phải rèn luyện ý chí gì? Lấy ví dụ về biểu hiện một HS không có ý chí.*  - Nội dung của các câu tục ngữ?  \* HS M3+M4 đọc trả lời câu hỏi hoàn chỉnh và các câu nêu nội dung đoạn, bài.  - GV ghi nội dung lên bảng | - 1 HS đọc các câu hỏi cuối bài  - HS tự làm việc nhóm 4 trả lời các câu hỏi  - TBHT điều hành hoạt động báo cáo:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Khẳng định rằng có ý chí thì nhất định sẽ thành công | Khuyên người ta giữ vững mục tiêu đã chọn | Khuyên người ta không nản lòng khi gặp khó khăn. | | 1.Có công mài sắt có ngày nên kim….  4. Người có chí thì nên… | 2. Ai ơi đã quyết thì hành…  5.Hãy lo bền chí câu cua…. | 3. Thua keo này, bày keo …    6. Chớ thấy sóng cả mà rã…  7. Thất bại là mẹ… |   + Ngắn gọn, ít chữ (chỉ bằng 1 câu)  *- Có công mài sắt có ngày nên kim.*  + Có vần có nhịp cân đối cụ thể:  *- Ai ơi đã quyết thì hành/*  *Đã đan thì lận tròn vành mới thôi. !*  *- Thua keo này/ bày keo khác.*  + Có hình ảnh.  *\*Người kiên nhẫn mài sắt mà nên kim.*  *\*Người đan lát quyết làm cho sản phẩm tròn vành.*  *\*Người kiên trì câu cua.*  *\*Người chèo thuyền không lơi tay chèo giữa sóng to gió lớn.*  *+ HS phải rèn luyện ý chí vượt khó, cố gắng vươn lên trong học tập, cuộc sống, vượt qua những khó khăn gia đình, bản thân.*  - Những biểu hiện của HS không có ý chí:  \*Gặp một bài tập khó là bỏ luôn, không có gắng tìm cách giải.  \* Thích xem phim là đi xem không học bài.  \* Trời rét không muốn chui ra khỏi chăn để đi học.  \* Hơi bị bệnh là muốn nghỉ học ngay.  \* Bị điểm kém là chán học.  \* Gia đình có chuyện không may là ngại không muốn đi học.  \*Thấy trời nắng, muốn ở nhà, nói dối bị nhức đầu để trốn học.  **Nội dung**: **Các câu tục ngữ khuyên chúng ta: Cần có ý chí, giữ vững mục tiêu đã chọn, không nản lòng khi gặp khó khăn.**  - HS ghi lại nội dung bài |
| **3. Luyện đọc diễn cảm:** *(8-10p)*  **\* Mục tiêu: HS** biết đọc diến cảm toàn bài, thể hiện giọng đọc phù hợp với nội dung bài.  **\* Cách tiến hành: Hoạt động cá nhân – nhóm - cả lớp** | |
| - 1 HS nêu lại  - Nhóm trưởng điều khiển nhóm đọc diễn cảm  - Thi đọc diễn cảm trước lớp  - Lớp nhận xét, bình chọn.  **4. Hoạt động vận dụng** *(1 phút)*  - HS liên hệ  **5. Hoạt động sáng tạo** *(1 phút)*  - Sưu tầm các câu tục ngữ, thành ngữ, ca dao cùng chủ đề. | + Yêu cầu HS nêu giọng đọc toàn bài  - GV nhận xét chung  - Em học được điều gì qua các câu tục ngữ?  - Liên hệ, giáo dục ý chí vươn lên trong học tập và cuộc sống |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TOÁN**

***Tiết 54:* ĐỀ – XI – MÉT VUÔNG**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức**

- Biết đề-xi-mét vuông là đơn vị đo diện tích, biết kí hiệu của đề-xi-mét vuông:dm2

**2. Kĩ năng**

- Đọc, viết đúng các số đo diện tích theo đơn vị đề-xi-mét vuông.

- Biết được 1dm2 = 100cm2. Bước đầu biết chuyển đổi từ dm2 sang cm2 và ngược lại.

**3. Phẩm chất**

- Học tập tích cực, chuyển đổi chính xác các đơn vị đo

**4. Góp phần phát triền các NL:**

- NL tự học, NL sáng tạo, NL giải quyết vấn đề

\* Bài tập cần làm: Bài 1, bài 2, bài 3

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Vẽ sẵn trên bảng hình vuông có diện tích 1dm2 được chia thành 100 ô vuông nhỏ, mỗi ô vuông có diện tích là 1cm2.

- HS: ĐỒ DÙNG DẠY HỌC thước và giấy có kẻ ô vuông 1cm x 1cm.

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Quan sát, hỏi đáp, thảo luận nhóm.

- KT: động não, tia chớp, chia sẻ nhóm 2

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| **1. Khởi động *(5p)***  ***Trò chơi: Về đúng nhà mình.***  - HS chơi trò chơi dưới sự hướng dẫn của GV | - Cách chơi: GV ghi mỗi phép tính vào 1 miếng bìa, các em cầm trên tay vừa đi vừa hát:"Trời nắng, trời nắng thỏ đi tắm nắng,..."GV hô "Mưa to rồi, về nhà thôi" các em chạy mau về nhà của mình vơi đáp số gv ghi trên bảng. Ai chậm (sai) thì bị phạt.  - GV giới thiệu, dẫn vào bài mới |
| **2. Hình thành kiến thức (***15p)*  **\* Mục tiêu: :** Biết đề-xi-mét vuông là đơn vị đo diện tích.Đọc, viết đúng các số đo diện tích theo đơn vị đề-xi-mét vuông.  **\* Cách tiến hành:**.***Cá nhân- Nhóm – Lớp*** | |
| ***a. Ôn tập về xăng- ti- mét vuông:***  - HS vẽ ra giấy kẻ ô.  - 1cm2 là diện tích của hình vuông có cạnh dài 1cm.  ***b. Giới thiệu đề- xi- mét vuông (dm2)***    - HS đồng thanh: đề- xi- mét vuông  - Cạnh của hình vuông là 1dm.  *+ Cạnh dài 1 dm*  *+ Là kí hiệu của đề- xi- mét viết thêm số 2 vào phía trên, bên phải (dm2).*  - Một số HS đọc trước lớp.  - HS tính và nêu: S= 10cm x 10cm = 100cm2  - HS: 10cm = 1dm.    *+ Là 1dm2.*  - HS đọc: 100cm2 = 1dm2.  - HS vẽ vào giấy HV: 1cm x 1cm. | + Vẽ một hình vuông có diện tích là 1cm2.  + 1cm2 là diện tích của hình vuông có cạnh là bao nhiêu xăng- ti- mét?  - GV treo hình vuông có diện tích là 1dm2 lên bảng và giới thiệu: Để đo diện tích các hình người ta còn dùng đơn vị là đề- xi- mét vuông.  - Hình vuông trên bảng có diện tích là 1dm2.  - Yêu cầu HS thực hiện đo cạnh của hình vuông.  + *Vậy 1dm2 chính là diện tích của hình vuông có cạnh dài bao nhiêu?*  *+ Dựa vào kí hiệu xăng- ti- mét vuông, nêu cách viết kí hiệu đề- xi- mét vuông?* (GV ghi bảng: dm2)  - GV viết lên bảng các số đo diện tích: 2cm2, 3dm2, 24dm2 và yêu cầu HS đọc các số đo trên.  \* Mối quan hệ giữa cm2 và dm2  - Hãy tính diện tích của hình vuông có cạnh dài 10cm.  - 10 cm bằng bao nhiêu đề- xi- mét?  ***\*KL: Vậy hình vuông cạnh 10cm có diện tích bằng diện tích hình vuông cạnh 1dm.***  *+ Hình vuông có cạnh 1dm có diện tích là bao nhiêu?*  - Vậy 100cm2 = 1dm2.  - GV yêu cầu HS quan sát hình vẽ để thấy hình vuông có diện tích 1dm2 bằng 100 hình vuông có diện tích 1cm2 xếp lại.  - GV yêu cầu HS vẽ HV có diện tích 1dm2. |
| **3. HĐ thực hành *(18p)***  **\* Mục tiêu*:*** Đọc, viết đúng các số đo diện tích theo đơn vị đề-xi-mét vuông.  Biết được 1dm2 = 100cm2. Bước đầu biết chuyển đổi từ dm2 sang cm2 và ngược lại.  **\* Cách tiến hành:** | |
| ***Bài 1: Đọc***  **Cá nhân- Lớp**  - Thực hiện theo yêu cầu của GV.  - Hs nối tiếp đọc cá nhân cá số trong BT1.  Đ/a:  + 32 dm2 : ba mươi hai dm vuông  + 911 dm2 : chín trăm mười một dm vuông.  + 1952 dm2 : một nghìn chín trăm năm mươi hai dm vuông  + 492 000 dm2 :bốn trăm chín mươi hai nghìn dm vuông.  ***Bài 2:*** Viết theo mẫu:  **Cá nhân – Lớp**  - HS làm cá nhan- Chia sẻ trước lớp  Đ/a:  + 812 dm2 ; 1969 dm2 ; 2812 dm2   |  |  | | --- | --- | | Đọc | Viết | | Một trăm linh hai đề-xi-mét vuông | 102 dm2 | | Tám trăm mười hai đề-xi-mét vuông | 812 dm2 | | Một nghìn chín trăm sáu mươi chín đề-xi-mét vuông | 1969 dm2 | | Hai nghìn tám trăm mười hai đề-xi-mét vuông. | 2812 dm2 |   ***Bài 3:*** Viết số thích hợp vào chỗ chấm.  **Cá nhân –Nhóm 2- Lớp**  - HS tự làm vào vở, đổi chéo kiểm tra bài.  - TBHT điều hành lớp nhận xét, chữa bài.  Đ/a:  1dm2 =100cm2 2000cm2 = 20dm2  100cm2 = 1dm2 1997dm2 = 199700cm2  48dm2 = 4800cm2 9900 cm2 = 99 dm2  - Nêu cách chuyển đổi  **Bài 4 + Bài 5 *(bài tập chờ dành cho HS hoàn thành sớm)***  - HS làm bài vào vở Tự học  Bài 4: >, <, = ?  210 cm2 = 2dm210cm2  6 dm23cm2 = 603cm2  1954cm2 > 19 dm250cm2  2001cm2 < 20dm210cm2  Bài 5: a) Đ  b) S  c) S  d) S  **4. HĐ vận dụng *(1p)***  - Ghi nhớ kí hiệu của đề-xi-mét vuông, mối quan hệ giữa dm2 và cm2  **5. HĐ sáng tạo *(1p)*** Giải bài tập: (M3+M4) Một hình chữ nhật có chiều dài 72dm, chiều rộng bằng một phần ba chiều dài. Tính diện tích hình chữ nhật đó. | - Gọi HS đọc và xác định yêu cầu bài tập.  - GV ghi bảng và gọi HS đọc, HS khác nhận xét, bổ sung.  \*Chú ý hs M1+M2  - Nhận xét, chốt đáp án.  - Củng cố cách đọc...  - Gọi HS đọc và xác định yêu cầu bài tập.  - GV lần lượt đọc các số đo diện tích có trong bài và các số đo khác, yêu cầu HS viết theo đúng thứ tự đọc.  - Gọi HS nhận xét, bổ sung, chữa bài (nếu cần)  - GV nhận xét, chốt đáp án.  - Củng cố cách viết...  ***- GV: Vì đề- xi- mét vuông gấp 100 lần xăng- ti- mét vuông nên khi thực hiện đổi đơn vị diện tích từ đề- xi- mét vuông ra đơn vị diện tích xăng- ti- mét vuông ta nhân số đo đề- xi- mét vuông với 100 (thêm hai số 0 vào bên phải số đo có đơn vị là đề- xi- mét vuông).***  - GV chốt cách so sánh: Đổi 2 đơn vị đo thành 1 đơn vị đo |

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

:...................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TẬP LÀM VĂN**

**LUYỆN TẬP TRAO ĐỔI Ý KIẾN VỚI NGƯỜI THÂN**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức**

- Xác định được đề tài trao đổi, nội dung, hình thức trao đổi ý kiến với người thân theo đề bài trong SGK.

**2. Kĩ năng**

- Bước đầu biết đóng vai trao đổi tự nhiên, cố gắng đạt mục đích đề ra..

**3. Phẩm chất**

- HS tích cực, tự giác làm việc nhóm

**4. Góp phần phát triển NL:**

**-** NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL tự học, NL giao tiếp.

*\*KNS:Thể hiện sự tự tin, lắng nghe tích cực, giao tiếp, thể hiện sự cảm thông.*

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Đồ dùng**

- GV: :+ Sách truyện đọc lớp 4 (nếu có).

+ Bảng phụ ghi sẵn tên truyện hay nhân vật có nghị lực , ý chí vươn lên.

+ Bảng lớp viết sẵn đề bài và một vài gợi ý trao đổi.

- HS: SGK, Sách Truyện đọc 4

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Quan sát, hỏi đáp.

- KT: đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| **1. Khởi động:(***5p)*  - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ | - GV dẫn vào bài mới |
| **2. . Hoạt động thực hành:** *(27p)*  **\* Mục tiêu:** Xác định được đề tài trao đổi, nội dung, hình thức trao đổi ý kiến với người thân theo đề bài trong SGK.  ***Đề bài: Em và người thân trong gia đình cùng đọc một truyện nói về một người có nghị lực và ý chí vươn lên. Em trao đổi với người thân về tính cách đáng khâm phục của người đó.*** | |
| *a.* ***Phân tích đề bài:***  - HS đọc đề bài  - Dùng phấn màu gạch chân dưới các từ ngữ quan rọng: *em với người thân cùng đọc một truyện, khâm phục, đóng vai,…*  *+ Cuộc trao đổi diễn ra giữa em với người thân trong gia đình: bố , mẹ ông bà, anh , chị, em. .*  *+ Trao đổi về một người có ý chí vươn lên.*  *+ Khi trao đổi cần chú ý nội dung truyện. Truyện đó phải cả 2 người cùng biết và khi trao đổi phải thể hiện Phẩm chất khâm phục nhân vật trong truyện.*  - Nghe  *b.* ***Hướng dẫn tiến hành trao đổi:***  **Cá nhân- Lớp**  - 1 HS đọc thành tiếng gợi ý SGK  - Kể tên truyện nhân vật mình đã chọn.  - Đọc thầm trao đổi để chọn bạn, chọn đề tài trao đổi.  *+ Nguyễn Hiền, Lê- ô- nac- đô- đa Vin- xi, Cao Bá Quát, Bạch Thái Bưởi, Lê Duy Vận, Nguyễn Ngọc Kí,…*  *+* Niu- tơn *(cậu bé Niu- tơn),* Ben *(cha đẻ của điện thoại),* Kỉ Xương *(Kỉ Xương học bắn),* Rô- bin- xơn *(Rô- bin- xơn ở đảo hoang),*Hốc*-* kinh *(Người khuyết tật vĩ đại),* Trần Nguyên Thái *(cô gái đoạt 5 huy chương vàng),* Va- len- tin Di- cum *(Người mạnh nhất hành tinh)…*  *-* Một vài HS phát biểu.  *+* Em chọn đề tài trao đổi về nhà giáo Nguyễn Ngọc Kí.  + Em chọn đề tài trao đổi về Rô- bin- xơn.  + Em chọn đề tài về giáo sư Hốc- kinh.  - 1 HS đọc thành tiếng.  -Ông bị tật, bị liệt hai cách tay từ nhỏ nhưng rất ham học. Cô giáo ngại ông không theo được nên không dám nhận.  - Ông cố gắng tập viết bằng chân. Có khi chân co quắp, cvận đờ, không đvận dậy nổi nhưng vẫn kiên trì, luyện viết không quản mệt nhọc, khó khăn, ngày mưa, ngày nắng.  - Ông đã đuổi kịp các bạn và trở thành sinh viên của trường đại học Tổng hợp và là Nhà Giáo ưu tú.  - Từ một cậu bé mồ côi cha phải theo mẹ quảy gánh hàng rong, ông Bạch Thái Bưởi đã trở thành vua tàu thuỷ.  - Ông Bạch Thái Bưởi kinh doanh đủ nghề. Có lúc mất trắng tay vẫn không nản chí.  - Ông Bưởi đã chiến thắng trong cuộc cạnh tranh với các chủ tàu người Hoa, người Pháp, thống lĩnh toàn bộ ngành tàu thuỷ. Ông được gọi là một bậc anh hùng kinh tế.  - 1 HS đọc thành tiếng.  *+ Là bố em/ là anh em/…*  *+ Em gọi bố/ xưng con. Anh/ xưng em.*  *+ Bố chủ động nói chuyện với em sau bữa cơm tối vì bố rất khâm phục nhân vật trong truyện. / Em chủ động nói chuyện với anh khi hai anh em đang trò chuyện trong phòng,....*  ***c.Từng cặp HS thực hành trao đổi:***  \*\* **Cá nhân- Nhóm 2- Lớp**  - HS chọn bạn cùng nhau trao đổi. Thống nhất ý kiến. Từng HS nhận xét và bổ sung cho nhau.  - HS trao đổi trước lớp.  - Nhận xét bình chọn cặp trao đổi hay.  **3. Hoạt động vận dụng *(1p)***  - Trao đổi các nội dung thực hành với người thân ở nhà.  **4. Hoạt động sáng tạo *(1p)***  -Nêu các chủ đề mà em đã trao đổi với người thân và đã thuyết phục được người thân đó. | *+ Cuộc trao đổi diễn ra giữa ai với ai?*  *+ Trao đổi về nội dung gì?*  *+ Khi trao đổi cần chú ý điều gì?*  ***\*GV: Đây là cuộc trao đổi giữa em với gia đình: bố mẹ, anh chị, ông bà. Do đó, khi đóng vai thực hiện trao đổi trên lớp học thì một bạn sẽ đóng vai ông, bà, bố, mẹ, hay anh, chị của bạn kia.***  - Gọi HS đọc tên các truyện đã chuẩn bị.  -Treo bảng phụ tên nhân vật có nghị lực ý chí vươn lên.  *+ Nhân vật của các bài trong SGK.*  *+ Nhân vật trong truyện đọc lớp 4.*  - Gọi HS nói tên nhân vật mình chọn.  - Gọi HS đọc gợi ý 2.  - Gọi HS năng khiếu làm mẫu về nhân vật và nội dung trao đổi.  \*Ví dụ: về Nguyễn Ngọc Kí.  + Hoàn cảnh sống của nhân vật (những khó khăn khác thường).  + Nghị lực vượt khó.  + Sự thành đạt.  \*Vídụ: Về vua tàu thuỷ Nguyễn Thái Bưởi.  + Hoàn cảnh sống của nhân vật (những khó khăn khác thường).  + Nghị lực vượt khó.  + Sự thành đạt.  - Gọi HS đọc gợi ý 3.  *+ Người nói chuyện với em là ai?*  *+ Em xưng hô như thế nào?*  *+ Em chủ động nói chuyện với người thân hay người thân gợi chuyện.*  Trao đổi trong nhóm.  - GV theo dõi giúp một số cặp HS gặp khó khăn.  \*\* Trao đổi trước lớp.  - Gọi HS nhận xét từng cặp trao đổi.  - Nhận xét chung  \* Lưu ý giúp đỡ hs M1+M2  \* HS M3+M4 Thực hành chia sẻ lưu loát, câu văn có hình ảnh |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**KHOA HỌC**

**MÂY ĐƯỢC HÌNH THÀNH NHƯ THỀ NÀO?**

**MƯA TỪ ĐÂU RA? (áp dụng PP BTNB)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức**

- Nắm được một số đặc điểm của sự hình thành của nước.

- Biết mây, mưa là sự chuyển thể của nước trong tự nhiên.

**2. Kĩ năng**

- Kĩ năng chăm sóc, bảo vệ sức khoẻ và phòng tránh tai nạn, thương tích

**3. Phẩm chất**

- Có ý thức thực hiện theo bài học

**4. Góp phần phát triển các năng lực:**

- NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL hợp tác.

*\** ***BVMT:*** *-Một số đặt điểm chính của môi trường và tài nguyên thiên nhiên*

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC :**

**1. Đồ dùng**

- GV: : Các hình minh hoạ trang 46, 47 / SGK (phóng to nếu có điều kiện).

- HS: ĐỒ DÙNG DẠY HỌC giấy A4, bút màu.

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Quan sát, hỏi đáp, thảo luận nhóm, trò chơi.

- KT: động não, tia chớp, đặt câu hỏi, chia sẻ nhóm 2

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Khởi động** (5p)  - TBHT điều hành HS trả lời và nhận xét  *+Nước tồn tại ở thể rắn, lỏng, khí.* | ***+*** *Nước tồn tại ở những thể nào?*  *+ Ở mỗi dạng tồn tại nước có tính chất gì ?*  - GV nhận xét, khen/ động viên. |
| **2.Bài mới: *(****30p)*  **\* Mục tiêu:** - Ôn tập được một số KT về con người và sức khoẻ. Hình thành KN chăm sóc sức khoẻ bản thân, phòng tránh tai nạn, thương tích.  **\* Cách tiến hành: Cá nhân-Nhóm- Lớp** | |
| **HĐ 1 :Tìm hiểu sự chuyển thể của nước trong tự nhiên**  a. Đưa ra tình huống xuất phát và nêu vấn đề.  -Theo dõi, lắng nghe  -Nghe và thảo luận nhóm đôi  b. Làm bộc lộ biểu tượng ban đầu của HS.  - HS ghi lại những suy nghĩ của mình: mây được hình thành như thế nào? Mưa từ đâu ra? Vào vở Ghi chép khoa học, sau đó thảo luận nhóm 4 và ghi lại trên bảng nhóm (có thể ghi lại bằng hình vẽ, sơ đồ)  \* Ví dụ:  + Mây do khói bay lên tạo nên.  + Mây do hơi nước bay lên tạo nên.  + Mây do khói và hơi nước tạo thành.  + Khói ít tạo nên mây trắng, khói nhiều tạo nên mây đen.  + Hơi nước ít tạo nên mây trắng, hơi nước nhiều tạo nên mây đen.  + Mây tạo nên mưa.  + Mưa do hơi nước trong mây tạo nên.  + Khi có mây đen thì sẽ có mưa.  + Khi mây nhiều thì sẽ tạo thành mưa.  c. Đề xuất câu hỏi (dự đoán/ giả thuyết) và phương án tìm tòi.  - Yêu cầu HS tìm ra những điểm giống nhau và khác nhau trong biểu tượng ban đầu về sự hình thành mây, mưa của các nhóm.  - GV tổ chức cho HS đề xuất các câu hỏi để tìm hiểu:  “Mây được hình thành như thế nào? Mưa từ đâu ra?”  - GV chọn những câu hỏi sát với nội dung bài học ghi lên bảng.  \* GV tổng hợp các câu hỏi do HS đặt ra phù hợp với nội dung bài:  ***+ Mây được hình thành như thế nào?***  ***+ Mưa do đâu mà có?***  **\*Phần 1. Mây được hình thành như thế nào?**  - GV cho HS thảo luận nhóm 4 đề xuất cách làm để tìm hiểu: Mây được hình thành như thế nào?  - GV gợi ý về tranh ảnh đang treo ở trong lớp.  - Có thể chọn phương án quan sát tranh ảnh.  **\*Phần 2**: **Mưa từ đâu ra?**  - GV cho HS thảo luận, đề xuất cách làm để tìm hiểu: Khi nào có mưa?  - GV gợi tranh treo trong lớp.  d. Thực hiện phương án tìm tòi – kết luận kiến thức.  **\*Phần 1. Mây được hình thành như thế nào?**  - GV tổ chức cho các nhóm báo cáo kết quả, rút ra kết luận và ghi lại vào vở khoa học sau đó HS lên chỉ kết luận bằng sơ đồ để nói về sự hình thành của mây.  - GV giải thích: Vì sao có mây đen, mây trắng.  **\*Phần 2**: **Mưa từ đâu ra?**  GV yêu cầu HS quan sát tranh vẽ khoa học bầu trời có mây đen và mưa, thảo luận để đưa ra kết luận về **Sự hình thành các hạt mưa.**  - YC HS vẽ lại sơ đồ hình thành mây và mưa vào vở Ghi chép khoa học.  - YC HS so sánh với những cảm nhận kiến thức ban đầu về sự hình thành mây, mưa và đối chiếu SGK để khắc sâu thêm kiến thức.  - GV ghi tên bài.  **3. HĐ 2 :** **Trò chơi đóng vai “Tôi là giọt nước”**  -Làm việc theo nhóm 5 -Phân vai theo yêu cầu  -Đóng vai theo nhóm  -Vài nhóm trình bày- lớp nhận xét, bổ sung  -Theo dõi bình chọn, biểu dương nhóm diễn tốt  **3. Hoạt động vận dụng** (1p)  **Liên hệ bảo vệ môi trường:** +Nước mưa không phải là vô tận, không phải thích mưa lúc nào là được,…  +Trái đất nóng lên lượng nước mưa sẽ cạn kiệt…  **4. Hoạt động sáng tạo *(****1p)*  - Vẽ, trang trí và trưng bày vòng tuần hoàn của nước trong tự nhiên | **Nhóm 4 - Lớp**  - GV cho HS cùng nghe bài hát hoặc hát bài ” Mưa bóng mây”  - Theo các em, mây được hình thành như thế nào? Mưa từ đâu ra?  - GV cho HS ghi lại những suy nghĩ của mình: *Mây được hình thành như thế nào? Mưa từ đâu ra?* Vào vở Ghi chép khoa học, sau đó thảo luận nhóm 4 và ghi lại trên bảng nhóm (có thể ghi lại bằng hình vẽ, sơ đồ).  - HS làm việc nhóm 4 để tìm ra những điểm giống nhau và khác nhau trong biểu tượng ban đầu về sự hình thành mây, mưa.  - HS đề xuất các câu hỏi để tìm hiểu:  “mây được hình thành như thế nào? Mưa từ đâu ra?”   * Hệ thống câu hỏi:   + Mây có phải do khói tạo thành không?  + Mây có phải do hơi nước tạo thành không?  + Vì sao lại có mây đen, mây trắng?  + Mưa do đâu mà có?  + Khi nào thì có mưa?  - HS làm việc theo hệ thống câu hỏi sau khi đã cùng GV thống nhất.  ***+ Mây được hình thành như thế nào?***  ***+ Mưa do đâu mà có?***  \* HS thảo luận nhóm 4 đề xuất cách làm để tìm hiểu: Mây được hình thành như thế nào?  - HS quan sát tranh ảnh treo trong lớp  - HS thảo luận, đề xuất cách làm để tìm hiểu: Khi nào có mưa?   * HS tiến hành quan sát, kết hợp với những kinh nghiệm sống đã có, vẽ lại sơ đồ hình thành mây vào trong vở Ghi chép khoa học và thống nhất ghi vào phiếu nhóm 4   Mây  Mây    Nước    Nước  - Các nhóm báo cáo kết quả, rút ra kết luận (Có thể bằng lời hoặc sơ đồ.)  Kết luận bằng lời: Nước ở ao, hồ, sông, biển bay hơi lên cao, gặp không khí lạnh, ngưng tụ lại thành những hạt nước nhỏ, nhiều hạt nước nhỏ đó tạo nên những đám mây.  \* Kết luận bằng sơ đồ  Mây  Hơi nước  Nước ở ao hồ, sông biển…  Hạt nước nhỏ li ti    -Đại diện trình bày- lớp nhận xét, bổ sung.  \* HS quan sát tranh vẽ khoa học bầu trời có mây đen và mưa, đọc thêm tài liệu, thảo luận để đưa ra kết luận:  **Sự hình thành các hạt mưa.**  Hơi nước trong không trung nếu chỉ gặp luồng khí lạnh thôi không đủ biến thành mây mà phải nhờ vào các hạt bụi nhỏ trong khí quyển mới có thể tạo thành các hạt mây nhỏ li ti.  1. Hơi nước trong không khí.  2. Sau khi gặp lạnh biến thành các hạt mây nhỏ .  3. Dần dần kết lại thành các hạt nước lớn hơn.  4. Sau khi nhiệt độ thấp đi biến thành những tinh thể băng.  5. Gặp hơi nước biến thành bông tuyết.  6. Những bông tuyết nhỏ biến thành những bông tuyết lớn.  7. Khi rơi xuống, xuyên qua vùng không khí ấm lại tan thành giọt nước.  8. Biến thành mưa rơi xuống mặt đất.  - Thực hiện theo yêu cầu của GV.  . -Yêu cầu HS phân vai theo : giọt nước ; hơi nước ; mây trắng ; mây đen ; giọt mưa  -Gọi 1 số HS lên làm mẫu trước lớp  -YC HS tự sáng kiến lời thoại và phụ hoạ  Nước là vô cùng thiết yếu đối với cuộc sống của con người, nhưng nguồn tài nguyên này đang bị huỷ hoại bởi bàn tay của con người, bởi vậy cần thực hiện các biện pháp hiệu quả để bảo vệ nguồn nước dù là nước mưa. Cho HS nêu theo ý hiểu các biện pháp bảo vệ nguồn nước. |

**ĐIỀU CHỈNH-BỔ SUNG**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**Thứ sáu ngày 16 tháng 11 năm 2021**

**LUYỆN TỪ VÀ CÂU**

**TÍNH TỪ**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức**

- Hiểu được tính từ là những từ miêu tả đặc điểm hoặc tính chất của sự vật, hoạt động, trạng thái,… (ND Ghi nhớ).

**2. Kĩ năng**

- Nhận biết được tính từ trong đoạn văn ngắn (đoạn a hoặc đoạn b, BT1, mục III), đặt được câu có dùng tính từ (BT2). Hs năng khiếu thực hiện được toàn bộ bài tập

**3. Phẩm chất**

- Tích cực, tự giác học bài..

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL tự học, NL ngôn ngữ, NL sáng tạo

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Đồ dùng**

- GV: + Bảng lớp kẻ sẵn từng cột ở bài tập2.

- HS: Vở BT, bút, ..

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm,

- KT: động não, đặt câu hỏi, chia sẻ, ...

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| **1. Khởi động *(5p)***  - 2 HS đặt câu  - Lớp nhận xét, đánh giá | - Đặt câu có các từ bổ sung ý nghĩa cho động từ.  - Dẫn vào bài mới |
| **2. Hình thành KT (15p)**  **\* Mục tiêu:** Hiểu được tính từ là những từ miêu tả đặc điểm hoặc tính chất của sự vật, hoạt động, trạng thái,… (ND Ghi nhớ).  **\* Cách tiến hành:** | |
| 1. ***Phần Nhận xét:*** 2. **Cá nhân – Nhóm 4- Lớp**   - 2 HS đọc truyện.  - 1 HS đọc.  *+ Câu chuyện kể về nhà bác học nổi tiếng người Pháp tên là Lu- i Pa- xtơ.*  - 1 HS đọc yêu cầu,  - HS làm việc nhóm 4- Chia sẻ kết quả trước lớp  *+ chăm chỉ, giỏi.*  *+ trắng phau*  *+ xám.*  *+ nhỏ.*  *+ con con.*  *+nhỏ bé, cổ kính.*  *+ hiền hoà*  *+ nhăn nheo.*  - Lắng nghe, nhắc lại  - 1 HS đọc thành tiếng.  *+ Từ "nhanh nhẹn" bổ sung ý nghĩa cho từ "đi lại".*  *+ Từ" nhanh nhẹn" gợi tả dáng đi hoạt bát, nhanh trong bước đi.*  - HS nêu theo ý hiểu  ***b. Ghi nhớ: Tính từ là từ miêu tả đặc điểm, tính chất của sự vật, hoạt động, trạng thái….***  HS đọc phần ghi nhớ.  - 2 HS đọc phần ghi nhớ trang 111 SGK.  - HS lấy VD về tính từ | Bài 1: Đọc truyện sau:  - Gọi HS đọc truyện *Cậu học sinh ở Ac- boa.*  - Gọi HS đọc phần chú giải.  + *Câu chuyện kể về ai?*  - Bài 2: Tìm những từ trong truyện miêu tả:  *a/. Tính tình, tư chất của cậu bé Lu- i:*  *b/. Màu sắc của sự vật:*  *- Những chiếc cầu .*  *- Mái tóc của thầy Rơ- nê:*  *c/. Hình dáng, kích thước và các đặc điểm khác của sự vật.*  *- Thị trấn*  *- Vườn nho*  *- Những ngôi nhà*  *- Dòng sông*  *- Da của thầy Rơ- nê*  \****KL: Những từ chỉ tính tình, tư chất của cậu bé Lu- i hay chỉ màu sắc của sự vật hoặc hình dáng, kích thước và đặc điển của sự vật được gọi là tính từ.***  *Bài 3:* Trong cụm từ ***đi lại vẫn nhanh nhẹn,*** từ ***nhanh nhẹn*** bổ sung ý nghĩa cho từ nào?  - GV viết bảng: ***đi lại vẫn nhanh nhẹn, lên bảng.***  *+ Từ nhanh nhẹn bổ sung ý nghĩa cho từ nào?*  *+ Từ nhanh nhẹn diễn tả dáng đi như thế nào?*  ***\*GV: Những từ ngữ vừa tìm được ở trên là tính từ.***  *+ Thế nào là tính từ?*  - |
| **3. Hoạt động thực hành (***18p)*  **\* Mục tiêu:** Nhận biết được tính từ trong đoạn văn ngắn(BT1a), đặt được câu có dùng tính từ .  **\* Cách tiến hành:** | |
| ***Bài 1***  - 1 HS đọc đoạn văn  - Thảo luận nhóm 2 tìm tính từ -Chia sẻ trước lớp  Đ/a: *gầy gò, (trán)cao, (mắt)sáng, (râu) thưa, cũ, cao, trắng, nhanh nhẹn, điềm đạm, đầm ấm, khúc chiết, rõ ràng.*  - Các nhóm nhận xét, bổ sung.  ***Bài 2:*** Hãy viết một câu có dùng tính từ **Nhóm 2- Lớp**  **Cá nhân**  VD:  +Mẹ em dịu dàng.  + Em trai em học hành chăm chỉ và thông minh.  + Con mèo của bà em rất tinh nghịch.  + Bồn hoa nhà em vì được chăm sóc nên rất xanh tốt.  +Nhà em vừa xây còn mới tinh.  - HS tự viết câu vào vở.  - Đọc câu văn của mình trước lớp.  :  **4. Hoạt động vận dụng *(1p)***  - Lấy VD 10 tính từ và ghi vào vở Tự học  **5. Hoạt động sáng tạo *(1p)***  - Chọn 1 đoạn văn, đoạn thơ mà em thích trong SGK. Tìm tính từ trong đoạn đó | ***:*** Tìm tính từ trong đoạn văn sau:  a. Chủ tịch Hồ Chí Minh......khúc chiết, rõ ràng.    ***\* Chú ý quan tâm hs M1+M2***  *+ Tính từ là những từ như thế nào?*  - Gọi 1 HS đọc yêu cầu  - GV hướng dẫn HS:  a. Em có thể đặt câu với các tính từ: ngoan, hiền, hiền dịu, chăm chỉ, lười biếng,. (tư chất) thông minh, giỏi giang, khôn ngoan,. . . (vẻ mặt) xinh đẹp, ủ rũ, tươi tỉnh,. . . (hình dáng) gầy, béo, lùn,. . .  b: Đặt câu với những tính từ miêu tả về màu sắc, hình dáng, kích thước các đặc điểm của sự vật.  - Yêu cầu HS tự viết bài vào vở.  - HS nối tiếp đọc câu văn mình đặt.  - Nhận xét, khen/ động viên.  \* HS M3+M4 viết câu văn có hình ảnh so sánh hoặc nhân hóa hơn.  \*HS M1+M2 viết được câu văn đúng, đủ.  - Lưu ý HS về hình thức và nọi dung của câu |

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TOÁN**

***Tiết 50:* MÉT VUÔNG**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức**

- Biết mét vuông là đơn vị đo diện tích; đọc, viết được mét vuông, " m2".

**2. Kĩ năng**

- Biết được 1m2 = 100d m2. Bước đầu biết chuyển đổi từ m2 sang dm2 , cm2.

**3. Phẩm chất**

- Tính chính xác, cẩn thận.

**4. Góp phần phát triển các NL**

- NL tự học, làm việc nhóm, NL tính toán

\* Bài tập cần làm: Bài 1, bài 2 (cột 1), bài 3

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Đồ dùng**

- GV: GV vẽ sẵn trên bảng hình vuông có diện tích 1m2 được chia thành 100 ô vuông nhỏ, mỗi ô vuông có diện tích là 1dm2.

- HS: Vở BT, bút

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Quan sát, hỏi đáp, thảo luận nhóm.

- KT: động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| **1.Khởi động***:(5p)*  **Trò chơi: Ai nhanh ai đúng.**  - HS chia làm 2 tổ tham gia trò chơi dưới sự điều hành của GV | Điền dấu **< , > , =?**  210 cm2 = ... dm2.... cm2  1954 cm2 > .... dm2 .... cm2  210 cm2 < .... cm2  6 dm2 3 cm2 = .... cm2  2001 cm2 < ....dm2... cm2  603 cm2 < .... cm2  - GV chốt KT và dẫn vào bài mới |
| **2. Hoạt động thực hành***:(30p)*  **\* Mục tiêu:** Biết mét vuông là đơn vị đo diện tích; đọc, viết được kí hiệu mét vuông: " m2".  **\* Cách tiến hành:** | |
| *a. Giới thiệu mét vuông*    - HS quan sát hình.  - HS thảo luận nhóm 2 và trả lời:  *+ Hình vuông lớn có cạnh dài 1m (10 dm).*  *+ Hình vuông nhỏ có độ dài là 1dm.*  *+ Gấp 10 lần.*  *+ Mỗi hình vuông nhỏ có diện tích là 1dm2.*  *+ Bằng 100 hình.*  *+ Bằng 100dm2*.  - HS đọc: Mét vuông  + *1m2 = 100dm2.*  *+ 1dm2 =100cm2*  *+ 1m2 =10 000cm2*  - HS nêu:  1m2 =100dm2 ; 1m2 = 10 000cm2 | - GV treo lên bảng hình vuông có diện tích là 1m2 và được chia thành 100 hình vuông nhỏ, mỗi hình có diện tích là 1 dm2.  - GV nêu các câu hỏi yêu cầu HS nhận xét về hình vuông trên bảng.  *+ Hình vuông lớn có cạnh dài bao nhiêu?*  *+ Hình vuông nhỏ có độ dài bao nhiêu?*  *+ Cạnh của hình vuông lớn gấp mấy lần cạnh của hình vuông nhỏ?*  *+ Mỗi hình vuông nhỏ có diện tích là bao nhiêu?*  *+ Hình vuông lớn bằng bao nhiêu hình vuông nhỏ ghép lại?*  *+ Vậy diện tích hình vuông lớn bằng bao nhiêu?*  - GV nêu: Vậy hình vuông cạnh dài 1 m có diện tích bằng tổng diện tích của 100 hình vuông nhỏ có cạnh dài 1 dm.  ***- Ngoài đơn vị đo diện tích là cm2 và dm2 người ta còn dùng đơn vị đo diện tích là mét vuông. Mét vuông chính là diện tích của hình vuông có cạnh dài 1 m. (GV chỉ hình)***  **- Mét vuông viết tắt là m2.**  *+ 1m2 bằng bao nhiêu đề- xi- mét vuông?*  - GV viết lên bảng: 1m2 = 100dm2  *+ 1dm2 bằng bao nhiêu xăng- ti- mét vuông?*  + *Vậy 1 m2 bằng bao nhiêu xăng- ti- mét vuông?*  - GV viết lên bảng: 1m2 = 10 000cm2 |
| **3. HĐ thực hành** (18 phút)  \*. Mục tiêu: Biết được 1m2 = 100d m2. Bước đầu biết chuyển đổi từ m2 sang dm2 , cm2.  **\* Cách tiến hành:** | |
| ***Bài 1:*** Viết theo mẫu:  **- Cá nhân làm bài- Chia sẻ trước lớp**  Đ/a:  990 m2: Chín trăm chín mươi chín mét vuông.  2005 m2: Hai nghìn không trăm linh năm m2  1980 m2: Một nghìn chín trăm tám mươi m2  8600 dm2 ; Tám nghìn sáu trăm dm2  28911 cm2;Hai mươi tám nghìn chín trăm mười một cm2.  ***Bài 2(cột 1): HSNK yêu cầu làm cả bài***  Viết số thích hợp vào chỗ chấm  - Cá nhân- Chia sẻ nhóm 2- Chia sẻ lớp  Đ/a:  1m2 = 100dm2  100dm2 = 1m2  1m2 = 1000 cm2  10 000 cm2 = 100 m2  ***Bài 3***  **Nhóm 4- Lớp**  - Thực hiện theo yêu cầu của GV  - HS thảo luận nhóm, thực hiện vào phiếu học tập.- Chia sẻ trước lớp  Giải:  Diện tích của một viên gạch là:  30 x 30 = 900 (cm2)  Diện tích của căn phòng là:  900 x 200 = 180 000(cm2 )  180 000cm2 = 18m2  Đáp số: 18m2  **3. HĐ vận dụng** *(1p)*  - Ghi nhó kí hiệu m2 và mối quan nhệ giữa m2  với dm2 và cm2  **4. HĐ sáng tạo** *(1p)*  - Suy nghĩ cách tính diện tích miếng bìa ở bài tập 4 | - Gọi HS đọc và xác định yêu cầu bài tập.  \* Lưu ý hs M1+M1  - Gọi HS đọc và xác định yêu cầu bài tập.    *+ Nêu mối quan hệ giữa m2 với dm2 và cm2*  - GV gọi HS đọc đề bài.  - Yêu cầu HS thảo luận nhóm 4 xác định các bước giải.  - GV giúp đỡ các nhóm yếu:  + B1: Tính diện tích 1 viên gạch  + B2: Lấy diện tích 1 viên gạch nhân với số viên gạch  \* HS M3+M4 thực hiện thành thạo |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

**TẬP LÀM VĂN**

**MỞ BÀI TRONG BÀI VĂN KỂ CHUYỆN**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức**

- Nắm được hai cách mở bài trực tiếp và gián tiếp trong bài văn kể chuyện (ND Ghi nhớ).

**2. Kĩ năng**

- Nhận biết được mở bài theo cách đã học (BT1, BT2, mục III)

*\*ĐCND: Không làm bài tập 3*

**3. Phẩm chất**

- Có Phẩm chất đúng mực trong giao tiếp để đạt được mục đích giao tiếp

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL tự học, Sử dụng ngôn ngữ, NL sáng tạo

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Đồ dùng**

- GV: + Bảng phụ viết sẵn 2 mở bài trực tiếp và gián tiếp truyện Rùa và Thỏ.

- HS: Vở BT, sgk.

**2. Phương pháp, kĩ thuât**

- PP: Hỏi đáp, thảo luận nhóm, quan sát, thực hành.

- KT: đặt câu hỏi, động não, chia sẻ nhóm 2

**II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| **1. Khởi động *(5p)***  - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ | - GV dẫn vào bài mới |
| **2. Hình thành KT***:(30p)*  **\*Mục tiêu:** Nắm được 2 cách MB trực tiếp và gián tiếp trong bài văn kể chuyện.  **\* Cách tiến hành:** | |
| **a. Nhận xét:**  **Cá nhân - Nhóm 2 – Lớp**  - HS quan sát tranh.  *+ Đây là tranh minh hoạ truyện: Rùa và Thỏ. Câu chuyện kể về cuộc thi chạy giữa Rùa và Thỏ. Kết quả Rùa đã về đích trước Thỏ trong sự chvận kiến của nhiều muông thú.*  ***Bài 1: Đọc truyện sau:***  - HS tiếp nối nhau đọc truyện.  - HS đọc thầm theo dùng bút chì đánh dấu đoạn mở bài của truyện –Chia sẻ nhóm đôi  **Bài 2:**  . - Mở bài: *Trời mùa thu mát mẻ. Trên bờ sông. Một con rùa đang cố sức tập chạy.*  **Bài 3:**  - Hs thảo luận nhóm 2  *+ Cách mở bài thứ nhất: Kể ngay vào sự việc đầu tiên của câu chuyện.*  *+ Còn cách mở bài thứ hai là: Không kể ngay vào sự việc bắt đầu câu chuyện mà nói chuyện khác để dẫn vào chuyện mình định kể.*    *+ Mở bài trực tiếp: kể ngay vào sự việc mở đầu câu chuyện.*  *+ Mở bài gián tiếp: nói chuyện khác để dẫn vào câu chuyện định kể*  ***b. Ghi nhớ:***  - HS đọc thành tiếng, cả lớp đọc theo để thuộc ngay tại lớp. | - Cho HS quan sát tranh.  *+ Em biết gì qua bức tranh này?*  - Gọi HS tiếp nối nhau đọc truyện. Cả lớp đọc thầm theo và thực hiện yêu cầu. Tìm đoạn mở bài trong truyện trên.  - Nêu phần mở bài của câu chuyện?  - Nhận xét, chốt lại lời giải đúng  *.* - Gọi HS đọc yêu cầu và nội dung. HS trao đổi trong nhóm.  *+Hãy so sánh hai cách mở bài?*  ***- GV: Đó là hai cách mở bài trong bài văn KC.***  *+ Thế nào là mở bài trực tiếp, mở bài gián tiếp?*  - YC HS đọc thành tiếng, cả lớp đọc theo để thuộc ngay tại lớp. |
| **3. HĐ thực hành** *(18p)*  **\* Mục tiêu:** Nhận biết được mở bài theo cách đã học  **\* Cách tiến hành: Cá nhân- Nhóm 2- Lớp** | |
| ***Bài 1***: Đọc các mở bài sau và . .  - HS đọc yêu cầu bài tập.  - HS nối tiếp nhau đọc từng cách mở bài. 2 HS ngồi cùng bàn trao đổi, trả lời câu hỏi – Chia sẻ trước lớp  *+ Cách a: Là mở bài trực tiếp vì đã kể ngay vào sự việc mở đầu câu chuyện rùa đang tập chạy bên bờ sông.*  *+ Cách b/. c/ d/. là mở bài gián tiếp vì không kể ngay sự việc đầu tiên của câu chuyện mà nêu ý nghĩa hay những truyện khác để vào chuyện.*  - 2 em đọc lại 2 cách mở bài trên.    ***Bài 2:***  - Thực hiện theo yêu cầu của GV.  - HS thảo luận nhóm đôi làm bài sau đó báo cáo, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  *+ Truyện Hai bàn tay mở bài theo kiểu mở bài trực tiếp - kể ngay sự việc ở đầu câu chuyện. Bác Hồ hồi ở Sài Gòn có một người bạn tên là Lê*.  - HS liên hệ lòng biết ơn, noi gương theo tấm gương của Bác Hồ.  **4. Hoạt động vận dụng** *(1p)*  - Nêu lại 2 cách MB trong bài văn kể chuyện  **5. Hoạt động sáng tạo** *(1p)*  - Viết đoạn MB ở bài tập 2 theo cách MB trực tiếp. | - Gọi HS đọc yêu cầu bài tập.  - HS cả lớp trao đổi và trả lời câu hỏi.  *+ Đó là những cách mở bài nào? Vì sao em biết?*  - Nhận xét chung, kết luận về lời giải đúng.  - Gọi HS đọc yêu cầu và ND bài tập.  - YC HS thảo luận nhóm đôi làm bài sau đó báo cáo, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  *+ Câu chuyện Hai bàn tay mở bài theo cách nào?*  - Nhận xét chung, kết luận câu trả lời đúng.  ***\* GV: Cách MB trực tiếp phù hợp với nội dung câu chuyện Hai bàn tay. Tác giả muốn chú ý đến nội dung chuyện:ý chí, nghị lực và lòng yêu nước của Nguyễn Tất Thành*** |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................­

**ĐỊA LÍ (CT HIỆN HÀNH)**

**Ôn TẬp**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức**

- Nêu một số đặc điểm tiêu biểu về thiên nhiên, địa hình, khí hậu, sông ngòi,... của Hoàng Liên Sơn, Tây Nguyên, trung du Bắc Bộ.

**2. Kĩ năng**

- Chỉ được dãy Hoàng Liên Sơn, đỉnh Phan-xi-păng, các cao nguyên ở Tây Nguyên, thành phố Đà Lạt trên bản đồ Địa lí tự nhiên Việt Nam.

- Giải thích những nguyên nhân khiến rừng Tây Nguyên bị tàn phá.

*\*ĐCND: Không yêu cầu hệ thống lại đặc điểm, chỉ nêu một số đặc điểm tiêu biểu về thiên nhiên, địa hình, khí hậu, sông ngòi... của Hoàng Liên Sơn, Tây Nguyên, trung du Bắc Bộ*

**3. Phẩm chất**

- Tích cực, tự giác học bài.

**4. Góp phần phát triển các năng lực:**

- NL tự chủ, NL giải quyết vấn đề, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Đồ dùng**

- GV: + Bản đồ tự nhiên Việt Nam.

+ Phiếu học tập (Lược đồ trống).

-HS: SGK, tranh, ảnh

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm, thuyết trình

- KT: đặt câu hỏi, trình bày một phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm 2

I**II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| **1.Khởi động:***(5p)*  - TBHT điều hành lớp trả lời và nhận xét:  *+ Cao nguyên Lâm Viên*  *+ Thác Cam Li, hồ Xuân Hương*  *+ Vì Đà Lạt có khí hậu lạnh và mát mẻ quanh năm nên thích hợp với các loài cây xứ lạnh.* | *+ Đà Lạt nằm trên cao nguyên nào?*  *+ Kể tên một số địa danh ở Đà Lạt?*  *+ Vì sao Đà Lạt thích hợp với việc trồng các cây rau và hoa xứ lạnh?*  - Nhận xét, khen/ động viên.  - GV chốt ý và giới thiệu bài |
| **2. Bài mới:***(30p)*  **\* Mục tiêu:** - Nêu một số đặc điểm tiêu biểu về thiên nhiên, địa hình, khí hậu, sông ngòi,... của Hoàng Liên Sơn, Tây Nguyên, trung du Bắc Bộ.  - Chỉ được dãy Hoàng Liên Sơn, đỉnh Phan-xi-păng, các cao nguyên ở Tây Nguyên, thành phố Đà Lạt trên bản đồ Địa lí tự nhiên Việt Nam.  **\* Cách tiến hành: Cá nhân- Nhóm-Lớp** | |
| **Hoạt động: Xác định vị trí địa lí**  **Cá nhân -Lớp**  - Hs lên bảng chỉ bản đồ  - HS lên chỉ vị trí các dãy núi và đỉnh Phan- xi- păng và cao nguyên trên bản đồ.  **Hoạt động 2: Nêu lại một số đặc điểm tiêu biểu**  **Nhóm 4- Lớp**  - HS clàm việc nhóm 4 và chia sẻ trước lớp  - TBHT điều hành việc báo cáo kết quả  **-Nhóm1:**  + Hoàng Liên Sơn là một dãy núi cao, đồ sộ, có nhiều đỉnh nhọn, sườn núi dốc. . . . . Khí hậu lạnh quanh năm. . . .  + Tây Nguyên là vùng đát cao, rộng lớn bao gồm các cao nguyên xếp tầng cao, thấp khác nhau. Khí hậu có hai mùa rõ rệt. . .  **-Nhóm 2**:  +Hoàng Liên Sơn: Gồm nhiều dân tộc như Thái, Dao, Mông. Mỗi dân tộc có cách ăn mặc riêng, trang phục được may thêu, trang trí rất cầu kì. . . .  + Tây Nguyên; Gồm dân tộc Ê- đê, Gia rai, Xơ đăng, Ba- na. Trang phục thì con trai mặc khố, con gái thì mặc áo váy,. . .  **-Nhóm 3**:  + Hoàng Liên Sơn: Trồng trọt trên đất dốc, và chủ yếu là lúa, ngô,. . .  + Tây Nguyên: Cây trồng chủ yếu là Cà phê, tiêu, chè,. . .  **-Nhóm 4**:  +Hoàng Liên Sơn: Khai thác a- pa- tít, đồng, chì,. .  +Tây Nguyên: Khai thác sức nước là ngăn sông, đắp đập để tạo hồ dùng sức nước chảy từ trên cao . . .  - Nhận xét, bổ sung.  .  **Hoạt động 3: Trung du Bắc Bộ**  **Cả lớp:**  *+Là một vùng đồi với các đỉnh tròn, sườn thoải, xếp cạnh nhau như cái bát úp.*  *+ Người dân đã tích cực trồng rừng, cây công nghiệp lâu năm.*  **3. Hoạt động vận dụng *(2p)***  - Ghi nhớ kiến thức của bài.  **4. Hoạt động sáng tạo** *(1p)*  - Sưu tầm và triển lãm các tranh, ảnh về các vùng đã học | - GV yêu cầu HS lên chỉ vị trí dãy núi Hoàng Liên Sơn, đỉnh Phan- xi- păng, các cao nguyên ở Tây Nguyên và thành phố Đà Lạt trên bản đồ địa lí tự nhiên Việt Nam.  - GV nhận xét và điều chỉnh lại phần làm việc của HS cho đúng.  - GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm hoàn thành bài tập 2 - SGK  \*Nêu một số đặc điểm tiêu biểu về thiên nhiên và hoạt động của con người ở vùng núi Hoàng Liên Sơn và Tây Nguyên theo những gợi ý ở bảng  - Nhóm 1: Địa hình, khí hậu ở Hoàng Liên Sơn, Tây Nguyên .  - Nhóm 2: Dân tộc, trang phục, lễ hội ở Hoàng Liên Sơn và Tây Nguyên.  - Nhóm 3: Trồng trọt, chăn nuôi, nghề thủ công .  - Nhóm 4: Khai thác khoáng sản, khai thác sức nước và rừng .    - GV nhận xét và giúp các em hoàn thành phần việc của nhóm mình  *+ Hãy nêu đặc điểm địa hình trung du Bắc Bộ?*  *+ Người dân nơi đây đã làm gì để phủ xanh đất trống, đồi trọc?*  - GV hoàn thiện phần trả lời của HS |

**ĐIỀU CHỈNH-BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**SINH HOẠT**

**ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC TUẦN 11**

**I. MỤC TIÊU:**

- Nắm đ­­ược ưu - khuyết điểm trong tuần 11

- Phát huy ­­ưu điểm, khắc phục nh­­ược điểm.

- Biết đ­­ược phư­ơng h­­ướng tuần 12

- GD HS có tinh thần đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau.

- Thu gom giấy vụn, sách báo làm kế hoạch nhỏ

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- GV: Nắm được ưu – khuyết điểm của HS trong tuần

- HS: Chủ tịch Hội đồng tự quản và các Trưởng ban ĐỒ DÙNG DẠY HỌC ND báo cáo.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG CHÍNH:**

***1. Khởi động***

- Lớp tham gia trò chơi: Truyền tin

***2. Lớp báo cáo hoạt động trong tuần:***

- 4 Trưởng ban lên nhận xét các thành viên trong tổ và xếp loai từng thành viên.

- Tổ viên các tổ đóng góp ý kiến.

- Chủ tịch HĐTQ lên nhận xét chung các ban.

- GV nhận xét chung:

+ Nề nếp:

.................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

+ Học tập:

.................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

***3. Ph­ương h­­ướng tuần sau:***

- Tiếp tục thi đua: Học tập tốt, thực hiện tốt nề nếp, vâng lời thầy cô, nói lời hay làm việc tốt chào mừng ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11

.................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

***4. Lớp văn nghệ - múa hát tập thể.***

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TUẦN 12** *Thứ ....... ngày ...... tháng ..... năm .........*

**TẬP ĐỌC**

**VUA TÀU THỦY BẠCH THÁI BƯỞI**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- HS hiểu được ND: Ca ngợi Bạch Thái Bưởi, từ một cậu bé mồ côi cha, nhờ giàu nghị lực và ý chí vươn lên đã trở thành một nhà kinh doanh nổi tiếng (trả lời được các câu hỏi 1, 2, 4 trong SGK).

**2. Kĩ năng**

- Biết đọc bài văn với giọng kể chậm rãi; bước đầu biết đọc diễn cảm đoạn văn.

**3. Thái độ**

- GD HS tinh thần vượt khó trong học tập và cuộc sống.

**4. Góp phần phát triển năng lực**

**-** Năng lực tự học, NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: +Tranh minh hoạ bài tập đọc trang 115, SGK (phóng to nếu có điều kiện).

+ Bảng phụ viết sẵn đoạn luyện đọc

- HS: SGK, vở viết

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- Phương pháp: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm.

- Kĩ thuật: Kĩ thuật đặt câu hỏi, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - 2 HS thực hiện | **1. Khởi động:** *(5p)*  - Đọc lại bài *Có chí thì nên* và nêu ý nghĩa của một số câu tục ngữ.  - GV nhận xét, dẫn vào bài |
| **2. Luyện đọc:** *(8-10p)*  **\* Mục tiêu:** Đọc với giọng trôi chảy, mạch lạc với giọng kể chậm rãi, phát âm đúng, bước đầu biết đọc diễn cảm đoạn văn, hiểu nghĩa một số từ ngữ.  \* **Cách tiến hành:** | |
| - 1 HS đọc bài, cả lớp đọc thầm  - Lắng nghe  - Lớp trưởng điều hành cách chia đoạn  - Bài được chia làm 4 đoạn  + Đoạn 1: Bưởi mồ côi … đến ăn học.  + Đoạn 2: Năm 21 tuổi ...không nản chí.  + Đoạn 3: Bạch Thái Bưởi … đến Trưng Nhị.  + Đoạn 4: Phần còn lại.  - Nhóm trưởng điều hành nhóm đọc nối tiếp đoạn trong nhóm lần 1 và phát hiện các từ ngữ khó (*quẩy, nản chí, diễn thuyết, mua xưởng, sửa chữa, kĩ sư, lịch sự,....)*  - Luyện đọc từ khó: Đọc mẫu (M4)-> Cá nhân (M1)-> Lớp  - Giải nghĩa từ khó (đọc chú giải)  - HS đọc nối tiếp đoạn lần 2 theo điều khiển của nhóm trưởng  - Các nhóm báo cáo kết quả đọc  - 1 HS đọc cả bài (M4) | - Gọi 1 HS đọc bài (M3)  - GV lưu ý giọng đọc cho HS: Toàn bài đọc với giọng kể chuyện: chậm rãi, giọng kể chuyện ở đoạn, 2 thể hiện hoàn cảnh và ý chí của Bạch Thái Bưởi. Đoạn 3 đọc nhanh thể hiện Bạch Thái Bưởi cạnh tranh và chiến thắng các chủ tàu nước ngoài. Đoạn 4 đọc với giọng sảng khoái thể hiện sự thành đạt của Bạch Thái Bưởi.  \*Nhấn giọng những từ ngữ: *mồ côi, đủ mọi nghề, trắng tay, không nản chí, độc chiếm, thịnh vượng, ba mươi, bậc anh hùng, …*  - GV chốt vị trí các đoạn:  - Lưu ý sửa lỗi đọc và ngắt nghỉ cho các HS (M1) |
| **3.Tìm hiểu bài:** *(8-10p)*  **\* Mục tiêu:** HS hiểu nội dung từng đoạn và nội dung cả bài.  **\* Cách tiến hành: *Làm việc nhóm 4 – Chia sẻ trước lớp*** | |
| - HS làm việc theo nhóm 4 – Chia sẻ kết quả dưới sự điều hành của TBHT  *+ Bạch Thái Bưởi mồ côi cha từ nhỏ, phải theo mẹ quẩy gánh hàng rong. Sau khi được họ Bạch nhận làm con nuôi, đổi học Bạch và cho ăn học.*  *+ Năm 21 tuổi ông làm thư kí cho một hãng buôn, sau buôn gỗ, buôn ngô, mở hiệu cầm đồ, lập nhà in, khai thác mỏ,*  *+ Chi tiết: Có lúc mất trắng tay nhưng Bưởi không nản chí.*  *+ Bạch Thái Bưởi mở công ty vào lúc những con tàu của người Hoa đã độc chiếm các đường sông của miền Bắc.*  *+ Bạch Thái Bưởi đã khơi dậy lòng tự hào dân tộc của người Việt: cho người đến các bến tàu để diễn thuyết kêu gọi khách hàng với khẩu hiệu “Người ta thì đi tàu ta”. Khách đi tàu của ông ngày một đông. Nhiều chủ tàu người Hoa, người Pháp phải bán lại tàu cho ông, rồi ông mua xưởng sửa chữa tàu, kĩ sư giỏi* *trông nom.*  *- VD:Là những người dành được những thắng lợi to lớn trong kinh doanh.*  *+ Là những người đã chiến thắng trong thương trường.*  *+ Là người lập nên những thành tích phi thường trong kinh doanh.*  *+ Là những người kinh doanh giỏi, mang lại lợi ích kinh tế cho quốc gia, dân tộc…*  *- Bạch Thái Bưởi thành công nhờ ý chí, nghị lực, có chí trong kinh doanh: biết khơi dậy lòng tự hào của khách người Việt Nam, ủng hộ chủ tàu VN;giúp kinh tế Việt Nam phát triển: Bạch Thái Bưởi là người có đầu óc, biết tổ chức công việc kinh doanh.*  ***Ý nghĩa*: Bài văn ca ngợi Bạch Thái Bưởi từ một câu bé mồ côi cha, nhờ giàu nghị lực, có ý chí vươn lên để trở thành một nhà kinh doanh tên tuổi lừng lẫy.**  - HS ghi lại ý nghĩa của bài | - GV phát phiếu học tập cho các nhóm  *+ Bạch Thái Bưởi xuất thân như thế nào?*  *+ Trước khi mở công ti vận tải đường thuỷ Bạch Thái Bưởi đã làm những công việc gì?*  *+ Những chi tiết nào chứng tỏ ông là một người có chí?*  *+ Bạch Thái Bưởi mở công ty vào thời điểm nào?*  *+ Bạch Thái Bưởi đã làm gì để cạnh tranh ngang sức với chủ tàu người nước ngoài?*  *+ Em hiểu thế nào là vị anh hùng kinh tế?(*\* HS M3+M4 trả lời)  *+ Theo em, nhờ đâu mà Bạch Thái Bưởi thành công?*  *+ Bài văn ca ngợi ai?* |
| **4. Luyện đọc diễn cảm***(8-10p)*  **\* Mục tiêu:** HSđọc diễn cảm được đoạn số 3 của bài  **\* Cách tiến hành: Hoạt động cá nhân – nhóm - cả lớp** | |
| - HS nêu lại giọng đọc cả bài  - 1 HS M4 đọc mẫu toàn bài  - Nhóm trưởng điều hành:  + Luyện đọc theo nhóm  + Vài nhóm thi đọc trước lớp.  - Bình chọn nhóm đọc hay.  - HS nêu  - Nêu các tấm gương nghị lực mà em biết trong cuộc sống hàng ngày. | - Yêu cầu HS nêu giọng đọc toàn bài.  - Yêu cầu đọc diễn cảm đoạn 3  - GV nhận xét, đánh giá chung  **5. Hoạt động ứng dụng** *(1 phút)*  + Em học được điều gì từ Bạch Thái Bưởi?  - Liên hệ giáo dục: ý chí nghị lưc vươn lên.  **6. Hoạt động sáng tạo** *(1 phút)* |

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

.....................................................................................................................................................................................................................................................

**TOÁN**

***Tiết 56*: NHÂN MỘT SỐ VỚI MỘT TỔNG**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Biết thực hiện phép nhân một số với một tổng, nhân một tổng với một số.

**2. Kĩ năng**

- Vận dụng tính chất để giải được các bài tập.

**3. Thái độ**

- HS có thái độ học tập tích cực.

**4. Góp phần phát triển năng lực:**

**-** Năng lực tự học, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL tư duy - lập luận logic.

\*Bài tập cần làm: Bài 1; bài 2 a) 1 ý, b) 1 ý; bài 3.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Bảng phụ kẻ sẵn nội dung bài tập 1.

- HS: Sách, bút

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- Phương pháp vấn đáp, động não, quan sát, thực hành, đặt và giải quyết vấn đề, hoạt động nhóm.

- Kĩ thuật đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC;**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** | |
| - HS tham gia chơi  - Nêu MQH giữa các đơn vị đo diện tích đã học | **1. Khởi động:** *(5p)*  Trò chơi: **Xì điện**  - GV phổ biến luật chơi, cách chơi  1m2 = ............dm2  100dm2 = .....m2  400dm2 = ........m2  2110m2 = ........dm2  15m2 = ......cm2  10000cm2 =.........m2  - GV giới thiệu vào bài | |
| **2. Hình thành kiến thức***:(15p)*  **\* Mục tiêu:** HS hiểu được cách thực hiện phép nhân một số với một tổng, nhân một tổng với một số.  **\* Cách tiến hành: Cá nhân – Nhóm- Lớp** | | |
| **Cá nhân - Nhóm 2-Lớp**  - HS làm cá nhân- Chia sẻ lớp  4 x (3 + 5) = 4 x 8 = 32  4 x 3 + 4 x 5 = 12 + 20 = 32  *+ Giá trị của 2 bt trên bằng nhau.*  - HS nêu lại  *+ là nhân một số với một tổng*.  *+ Tích 4 x 3 là tích của số thứ nhất trong biểu thức nhân với một số hạng của tổng, tích thứ hai 4 x 5 là tích của số thứ nhất trong biểu thức nhân với số hạng còn lại của tổng.*  *+ Lấy số đó nhân với từng số hạng của tổng rồi cộng các kết quả lại với nhau.*  **+ a x (b + c) = a x b + a x c**  + HS phát biểu quy tắc. | *\* Tính và so sánh giá trị của hai biểu thức*:  - GV viết lên bảng 2 biểu thức:  4 x (3 + 5) và 4 x 3 + 4 x 5  - Yêu cầu HS tính giá trị của 2 biểu thức trên  *+ So sánh giá trị của 2 biểu thức trên?*  - Vậy ta có:  4 x (3+ 5) = 4 x 3 + 4 x 5  *+ Biểu thức: 4 x (3 + 5) có đặc điểm gì?*  *+ Biểu thức 4 x 3 + 4 x 5 có đặc điểm gì?*  ***GV: Như vậy biểu thức 4 x 3 + 4 x 5 chính là tổng của các tích giữa số thứ nhất trong biểu thức với các số hạng của tổng.***  *+ Vậy khi thực hiện nhân một số với một tổng, chúng ta có thể làm thế nào?*  *+ Từ cách thực hiện trên, em hãy nêu công thức tính, và qui tắc?* | |
| **3. HĐ thực hành (18p)**  **\* Mục tiêu**: Biết thực hiện nhân một số với một tổng, nhân một tổng với một số.  **\* Cách tiến hành** | | |
| **Nhóm 2- Lớp**  - Hs nêu yêu cầu của bài  - HS thực hiện theo cặp đôi- Chia sẻ trước lớp  Đ/a:   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | a | b | c | a x (b + c) | a x b + a x c | | 4 | 5 | 2 | 4 x (5 + 2) = 28 | 4 x 5 + 4 x 2 = 28 | | 3 | 4 | 5 | 3 x (4 + 5) = 27 | 3 x 4 + 3 x 5 = 27 | | 6 | 2 | 3 | 6 x (2 + 3) = 30 | 6 x 2 + 6 x 3 = 30 |   - HS làm cá nhân – Chia sẻ lớp  *+ Ta phải áp dụng quy tắc một số nhân với một tổng.*  Đ/a:  a. 36 x (7 + 3) 36 x 7 + 36 x 3  = 36 x 10 = 252 + 108  = 360 = 360  b. 5 x 38 + 5 x 62 5 x 38 + 5 x 62  = 190 + 310 = 5 x (38 + 62)  = 500 = 5 x 100 = 500  **Cá nhân- Nhóm 2- Lớp**  - Cả lớp làm bài vào vở - Đổi chéo kiểm tra  Đ/a: (3 + 5) x 4 và 3 x 4 + 5 x 4  = 8 x 4 = 12 + 20  = 32 = 32  *+ Giá trị của 2 biểu thức bằng nhau.*  *+ Có dạng một tổng nhân với một số.*  *+ Là tổng của 2 tích.*  *+ Có thể lấy từng số hạng của tổng nhân với số đó rồi cộng các kết quả lại với nhau*  - HS làm bài vào vở Tự học  VD: 26 x 11 = 26 x (10+1)  = 26 x 10 + 26 x 1  = 260 + 26 = 286  *+ Một số nhân với 1 tổng*  - Ghi nhớ tính chất 1 số nhân với 1 tổng, 1 tổng nhân với 1 số  BT PTNL: Tính giá trị của biểu thức sau bằng cách thuận tiện:  a. 159 x 54 + 159 x 46  b. 12 x 5 + 3 x 12 + 12 x 2  c. 2 x 5 + 4 x 5 + 6 x 5 + 8 x 5 | | Bài 1: Tính giá trị của. . .  - Gọi HS đọc yêu cầu bài tập.  - GV đính bảng phụ lên và hướng dẫn HS phân tích bảng, HD cách làm.  \* Chú ý hs M1+M2 biết cách thực hiện  - GV chốt đáp án.  ***Bài 2:***  \* HS M1+M2 thực hiện a – ý 1, b – ý 1  \*HSNK có thể hoàn thành tất cả bài  - Gọi HS đọc yêu cầu bài tập.  *+ Để tính giá trị của biểu thức theo 2 cách ta làm thế nào?*  - GV nhận xét, đánh giá bài làm trong vở của HS  - Củng cố cách nhân một số với một tổng.  ***Bài 3:*** Tính giá trị biểu thức.  - Gọi HS đọc yêu cầu bài tập.  *+ Giá trị của 2 biểu thức như thế nào với nhau?*  *+ Biểu thức thứ nhất có dạng như thế nào?*  *+ Biểu thức thứ hai có dạng như thế nào?*  *+ Vậy khi thực hiện nhân một tổng với một số, ta có thể làm thế nào?*  \* Giúp đỡ hs M1+M2  **Bài 4: *(Bài tập chờ dành cho HS hoàn thành sớm)***  *+ Vận dụng tính chất gì để giải BT4?*  **4. Hoạt động ứng dụng *(1p)***  **5. Hoạt động sáng tạo *(1p)*** |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**KHOA HỌC (CT HIỆN HÀNH)**

**SƠ ĐỒ VÒNG TUẦN HOÀN CỦA NƯỚC TRONG TỰ NHIÊN**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Hiểu sơ đồ vòng tuần hoàn của nước trong tự nhiên.

**2. Kĩ năng**

- Hoàn thành và mô tả vòng tuần hoàn của nước trong tự nhiên: chỉ vào sơ đồ và nói về sự bay hơi, ngưng tụ của nước trong tự nhiên.

**3. Thái độ**

- Biết cách sử dụng nước hợp lí, tiết kiệm TNTN..

**4. Góp phần phát triển các năng lực:**

- NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL hợp tác.

*\*****BVMT****: Một số đặc điểm chính của môi trường và tài nguyên thiên nhiên*

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: :+ Hình minh hoạ trang 48, 49 / SGK (phóng to nếu có điều kiện).

+ Các tấm thẻ ghi:

Hơi nước Mưa Mây

- HS: chuẩn bị giấy A4, bút màu.

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: quan sát, hỏi đáp, thảo luận, trò chơi học tập, thí nghiệm.

- KT: Động não, chia sẻ nhóm đôi, tia chớp

**II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt đông của của học sinh** | **Hoạt đông của giáo viên** |
| - HS trả lời dưới sự điều hành của TBHT  *+ Hơi nước bay lên cao, gặp lạnh. . .* | **1, Khởi động *(4p)***  *+ Mây được hình thành như thế nào? Mưa từ đâu ra?*  - GV nhận xét, khen/ động viên, dẫn vào bài mới. |
| **2. Bài mới:***(30p)*  **\* Mục tiêu:** Hoàn thành sơ dồ vòng tuần hoàn của nước trong tự nhiên và mô tả được vòng tuần hoàn.  **\* Cách tiến hành: Cá nhân-Nhóm –Lớp** | |
| **Nhóm 4- Lớp**    - HS vừa trình bày vừa chỉ vào sơ đồ.  *1)+ Dòng sông nhỏ chảy ra sông lớn, biển.*  *+ Hai bên bờ sông có làng mạc, cánh đồng.*  *+ Các đám mây đen và mây trắng.*  *+ Những giọt mưa từ đám mây đen rơi xuống đỉnh núi và chân núi. Nước từ đó chảy ra suối, sông, biển.*  *+ Các mũi tên.*  *2) Bay hơi, ngưng tụ của nước.*  *3) Nước từ suối, làng mạc chảy ra sông, biển. Nước bay hơi biến thành hơi nước. Hơi nước liên kết với nhau tạo thành những đám mây trắng. Các giọt nước ở trong đám mây rơi xuống đẫt, tạo thành mưa. . .* .  - Lắng nghe  **Nhóm 2 –Lớp**  - HS hoàn thành sơ đồ  Mây đen Mây trắng    Mưa Hơi nước    Nước  + Giữ sạch bầu khống khí  + Không vứt rác bừa bãi  + Sử dụng hợp lí thuốc trừ sâu và phân hoá học,....  - Nêu ứng dụng thiết thực của vòng tuần hoàn nước trong cuộc sống | **Hoạt động 1: Vòng tuần hoàn của nước trong tự nhiên:**  - Yêu cầu HS quan sát hình 48 / SGK và thảo luận trả lời các câu hỏi:  *1) Những hình nào được vẽ trong sơ đồ?*    *2) Sơ đồ trên mô tả hiện tượng gì?*  *3) Hãy mô tả lại hiện tượng đó?*  - Giúp đỡ các nhóm gặp khó khăn,  ***\* GV: Nước đọng ở ao, hồ, sông, suối, biển, không ngừng bay hơi, biến thành hơi nước. Hơi nước bay lên cao, ngưng tụ thành những hạt nước nhỏ, tạo thành những đám mây trắng. Các giọt nước ở trong đám mây rơi xuống đẫt, tạo thành mưa. . . .***  **Hoạt động 2: Em vẽ: “Sơ đồ vòng tuần hoàn của nước trong tự nhiên”.**  - GV tổ chức cho HS hoạt động cặp đôi.  - GV giúp đỡ các em gặp khó khăn.  - Gọi HS lên trình bày.  - GV nhận xét, khen các nhóm vẽ đẹp, đúng, có ý tưởng hay.  **3. HĐ ứng dụng *(1p)***  - GDBVMT: Nước trong tự nhiên tạo thành 1 vòng tròn khép kín. Do vậy, để có nước mưa sạch thì chúng ta cần làm thế nào?  **4. HĐ sáng tạo *(1p)*** |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

:..................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**CHÍNH TẢ**

**NGƯỜI CHIẾN SĨ GIÀU NGHỊ LỰC**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức:**

- Nghe -viết đúng bài CT; trình bày đúng các hình thức đoạn văn

- Làm đúng BT2a phân biệt ch/tr.

**2. Kĩ năng:**

**-** Rèn kĩ năng viết đẹp, viết đúng chính tả.

**3. Thái độ:**

**-** Giáo dục tính cẩn thận, chính xác, yêu thích chữ viết

- Giáo dục đức tính kiên trì qua hình ảnh nhân vật Ngu Công

*\* GDQPAN: Ca ngợi tinh thần vượt mọi khó khăn, gian khổ, hi sinh để hoàn thành nhiệm vụ của các chú bộ đội và công an*

**4. Góp phần phát triển năng lực:**

**-** NL tự chủ và tự học, NL sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Bảng phụ, phiếu học tập.

- HS: Vở, bút,...

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- Phương pháp vấn đáp, động não, quan sát, thực hành, đặt và giải quyết vấn đề, hoạt động nhóm, trò chơi học tập.

- Kĩ thuật đặt câu hỏi, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBVN điều hành HS cùng hát kết hợp với vận động tại chỗ | **1. Khởi động: (***2p***)**  - GV dẫn vào bài mới |
| **2. Chuẩn bị viết chính tả:** *(6p)*  **\* Mục tiêu:** HS hiểu được nội dung bài CT, viết được các từ khó, dễ lẫn và các hiện tượng chính tả, cách viết đoạn văn.  **\* Cách tiến hành:** | |
| - 1 HS đọc- HS lớp đọc thầm  *+ Đoạn văn viết về hoạ sĩ Lê Duy Ứng.*  *+ Viết về Lê Duy Ứng đã vẽ bức chân dung Bác Hồ bằng máu chảy từ đôi mắt bị thương của anh*.  - HS lắng nghe  *-* HS nêu từ khó viết*: chiến đấu, quệt máu chảy, chân dung, triển lãm, trân trọng*  - Viết từ khó vào vở nháp | a. Trao đổi về nội dung đoạn cần viết  - Gọi HS đọc đoạn văn trong SGK.  *+ Đoạn văn viết về ai?*  *+ Câu chuyện có điều gì cảm động?*  - Liên hệ giáo dục QPAN: Hoạ sĩ Lê Duy Ứng cũng giống như những người chiến sĩ khác không quản, khó khăn, gian khổ, hi sinh để hoàn thành n/v. Chúng ta cần trân trọng và biết ơn những con người như thế.  - Hướng dẫn viết từ khó: Gọi HS nêu từ khó, sau đó GV đọc cho HS luyện viết.  - Lưu ý các từ ngữ: *tháng 4 năm 1975, 30 triển lãm, 5 giải thưởng* viết bằng số và các từ *Sài Gòn, Lê Duy Ứng, Bác Hồ* là danh từ riêng cần phải viết hoa |
| **3. Viết bài chính tả:** *(15p)*  **\* Mục tiêu:** Hs nghe -viết tốt bài chính tả theo cách viết đoạn văn.  **\* Cách tiến hành:** | |
| - HS nghe - viết bài vào vở | - GV đọc bài cho HS viết  - GV theo dõi và nhắc nhở, giúp đỡ HS viết chưa tốt.  - Nhắc nhở cách cầm bút và tư thế ngồi viết. |
| **4. Đánh giá và nhận xét bài:** *(5p)*  **\* Mục tiêu:** Giúp HS tự đánh giá được bài viết của mình và của bạn. Nhận ra các lỗi sai và sửa sai  **\* Cách tiến hành: Cá nhân- Cặp đôi** | |
| - Học sinh xem lại bài của mình, dùng bút chì gạch chân lỗi viết sai. Sửa lại xuống cuối vở bằng bút mực  - Trao đổi bài (cặp đôi) để soát hộ nhau  - Lắng nghe. | - Cho học sinh tự soát lại bài của mình theo.  - GV nhận xét, đánh giá 5 - 7 bài  - Nhận xét nhanh về bài viết của HS |
| **5. Làm bài tập chính tả:** *(5p)*  **\* Mục tiêu:** Giúp HS phân biệt được ch/tr  **\* Cách tiến hành: Cá nhân-Cặp đôi- Chia sẻ trước lớp** | |
| ***Cá nhân – Chia sẻ cặp đôi – Lớp***  Lời giải: **Tr**ung Quốc, **ch**ín mươi tuổi, hai **tr**ái núi, **ch**ắn ngang, **ch**ê cười, **ch**ết, **ch**áu, **ch**ắt, **tr**uyền nhau, **ch**ẳng thể, **tr**ời, **tr**ái núi.  - 1 hs đọc to đoạn văn đã điền hoàn chỉnh.  - Viết 5 tiếng, từ chứa ch/tr  - Tìm các từ láy chứa ch/tr | **Bài 2a:** ch/tr?  ***- Giáo dục HS nghị lực và kiên trì như nhân vật Ngu Công trong câu chuyện***  **6. Hoạt động ứng dụng** *(1p)*  **7. Hoạt động sáng tạo** *(1p)* |

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

...................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TOÁN**

***Tiết 57:* NHÂN MỘT SỐ VỚI MỘT HIỆU**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Nhận biết cách nhân một số với một hiệu, nhân một hiệu với một số.

**2. Kĩ năng**

- Biết giải bài toán và tính giá trị của biểu thức liên quan đến phép nhân một số với một hiệu, nhân một hiệu với một số.

**3. Thái độ**

- HS tích cực, chăm chỉ, sáng tạo

**4. Góp phần phát huy các năng lực**

**-** Năng lực tự học, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL tư duy - lập luận logic.

\* BT cần làm: Bài 1, bài 3, bài 4

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Bảng phụ viết sẵn nội dung bài tập 1, trang 67, SGK.

-HS: SGK,...

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm

- Kĩ thuật: đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của HS** | **Hoạt động của GV** | | |
| **-** TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ | **1. Khởi động *(5p)***  - GV chuyển ý vào bài mới | | |
| **2. Hình thành kiến thức mới (15p)**  **\* Mục tiêu:** Nhận biết cách nhân một số với một hiệu, nhân một hiệu với một số.  **\* Cách tiến hành:** **Cá nhân- Nhóm – Lớp** | | | |
| **Cá nhân – Nhóm 2- Lớp**  - HS cả lớp làm bài vào nháp- Chia sẻ nhóm 2  3 x (7 – 5) và 3 x 7 – 3 x 5  = 3 x 2 = 21 – 15  = 6 = 6  *+ Bằng nhau.*  *+Là nhân một số với một hiệu*  *+ Tích 3 x 7 chính là tích của số thứ nhất trong biểu thức nhân với số bị trừ của hiệu. Tích thứ hai 3 x 5 cũng là tích của số thứ nhất trong biểu thức nhân với số trừ của hiệu.*  *+ Có thể lần lượt nhân số đó với số bị trừ và số trừ, rồi trừ 2 kết quả cho nhau.*  **a x (b - c) = a x b - a x c**  -HS phát biểu qui tắc.  - Lấy VD minh hoạ | ***a. Tính và so sánh giá trị của 2 biểu thức***  ***+*** GV ghibảng 2 biểu thức:  3 x (7 – 5) và 3 x 7 – 3 x 5  - Y/c tính giá trị của 2 biểu thức trên.  *+ So sánh giá trị của 2 biểu thức trên?*  - Vậy 4 x (3+ 5) = 4 x 3 + 4 x 5  + *Biểu thức: 4 x (3 - 5) có dạng gì?*  *+ Tích 3 x 7 và 3 x 5 có mối liên hệ gì với biểu thức ban đầu?*  ***GV: Như vậy biểu thức chính là hiệu của tích giữa số thứ nhất trong biểu thức với số bị trừ của hiệu trừ đi tích của số này với số trừ của hiệu.***  *+ Vậy khi thực hiện nhân một số với một tổng, chúng ta có thể làm thế nào?*  *+ Từ cách thực hiện trên, em hãy nêu công thức tính, và qui tắc nhân một số với một hiệu.* | | |
| **3. Hoạt động thực hành (18p)**  **\* Mục tiêu**: Biết giải bài toán và tính giá trị của biểu thức liên quan đến nhân một số với một hiệu, nhân một hiệu với một số.  **\* Cách tiến hành: Cá nhân-Nhóm 2- Lớp** | | | |
| - Thực hiện theo YC của GV.  -HS thực hiện cặp đôi- Chia sẻ lớp  Đ/a:   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | a | b | c | a x (b – c) | a x b – a x c | | 3 | 7 | 3 | 3 x (7 – 3)  = 12 | 3 x 7 – 3 x 3  = 12 | | 6 | 9 | 5 | 6 x (9 – 5)  = 24 | 6 x 9 – 6 x 5  = 24 | | 8 | 5 | 2 | 8 x (5 – 2)  = 24 | 8 x 5 – 8 x 2  = 24 |   - HS phát biểu  - 1 HS đọc đề bài  - Hỏi đáp nhóm 2 về bài toán  - Làm cá nhân vào vở- Chia sẻ lớp  Đ/a:  Bài giải  Số giá để trứng còn lại sau khi bán là  40- 10 = 30 (giá)  Số quả trứng còn lại là:  175 x 30 = 5250 (quả)  Đáp số: 5 250 quả.  - Thực hiện theo YC của GV.  - HS làm cá nhân- Chia sẻ nhóm 2- Chia sẻ lớp  Đ/a:  (7 – 5) x 3 và 7 x 3 – 5 x 3  = 2 x 3 = 21 – 15  = 6 = 6  - Phát hiện quy tắc nhân 1 hiệu với 1 số  - HS làm vào vở Tự học  VD: 26 x 9 = 26 x (10 – 1)  = 26 x 10 – 26 x 1  = 260 - 26 = 234  - Ghi nhớ cách nhân 1 số với 1 hiệu, 1 hiệu với 1 số  - Vận dụng giải bài tập 3 theo cách khác ngắn gọn hơn | | ***Bài 1:***  - Gọi HS đọc yêu cầu bài tập.  - GV đính bảng phụ lên và hướng dẫn HS phân tích bảng, HD cách làm.  - GV chốt đáp án.  *+ Muốn nhân một số với 1 hiệu ta làm thế nào?*  ***Bài 3***:  - GV nhận xét, đánh giá một số bài của HS  ***Bài 4:*** Tính và so sánh. . .  - Gọi HS đọc yêu cầu bài tập.  - Củng cố quy tắc nhân một hiệu với một số.  **Bài 2 *(Bài tập chờ dành cho HS hoàn thành sớm)***  - Chốt cách nhân một số với 1 hiệu  **4. Hoạt động ứng dụng** *(1p)*  **5. Hoạt động sáng tạo** *(1p)* |

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**LỊCH SỬ (CT HIỆN HÀNH)**

**Chùa thỜi LÝ**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Biết được những biểu hiện về sự phát triển của đạo Phật thời Lý.

+ Nhiều vua nhà Lý theo đạo Phật.

+ Thời Lý, chùa được xây dựng ở nhiều nơi.

+ Nhiều nhà sư được giữ cương vị quan trọng trong triều đình.

**2. Kĩ năng**

- Hs nhận biết được một số công trình kiến trúc thời Lý, nhất là chùa thời Lý còn tồn tại đến ngày nay tại một số địa phương

**3. Thái độ**

- Hs có thái độ yêu quê hương, đất nước, biết quý trọng những công trình kiến trúc lịch sử.

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL ngôn ngữ, NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo.

*\* GD BVMT: Vẻ đẹp của chùa, BVMT về ý thức trân trọng di sản văn hóa của cha ông, có thái độ, hành vi giữ gìn sự sạch sẽ của cảnh quan môi trường.*

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: + Ảnh chụp phóng to chùa Dâu, chùa Một Cột, tượng phật A- di –đà

+ Phiếu học tập của HS.

- HS: SGK, tranh ảnh sưu tầm các công trình kiến trúc thời Lý.

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm.

- KT: Kĩ thuật đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của học sinh** |
| - TBHT điều hành lớp trả lời, nhận xét.  *+ Muốn cho con cháu đời sau được ấm no hạnh phúc. . .*  *+ Long Đỗ, Tống Bình, Đông Kinh, Đông Đô, Đại La, Hà Nội*. | **1.Khởi động:***(4p)*  *+ Vì sao Lý Thái Tổ chọn vùng đất Đại La làm kinh đô?*  *+ Em biết Thăng Long còn có những tên gọi nào khác nữa?*  - GV nhận xét, khen/ động viên. |
| **2.Bài mới:***(30p)*  ***\* Mục tiêu*** - Biết được những biểu hiện về sự phát triển của đạo Phật thời Lý.. Nhận biết được một số công trình kiến trúc thời Lý, nhất là chùa thời Lý còn tồn tại đến ngày nay tại một số địa phương  ***\* Cách tiến hành:Cá nhân-Nhóm-Lớp*** | |
| **Nhóm 2 – Lớp**  - HS đọc.  - Dựa vào nội dung SGK, HS thảo luận và đi đến thống nhất: Nhiều vua đã từng theo đạo Phật. Nhân dân theo đạo Phật rất đông. Kinh thành Thăng Long và các làng xã có rất nhiều chùa.  **Nhóm 4 – Lớp**  - HS các nhóm thảo luận và điền dấu X vào ô trống.  - Đại diện các nhóm báo cáo kết quả.  - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung cho hoàn chỉnh.  **Cá nhân – Lớp**  - Vài HS mô tả (kết hợp quan sát tranh)  - HS khác nhận xét.  - HS đọc bài học.  - HS liên hệ ý thức giữ gìn bảo vệ đình chùa, các công trinh văn hoá  - HS mô tả bằng lời hoặc bằng tranh ngôi chùa mà em biết (chùa làng em hoặc ngôi chùa mà em đã đến tham quan). | \***HĐ1: . Đạo Phật dưới thời Lý.**  - GV cho HS đọc SGK từ “Đạo phật …. . ....rất thịnh đạt. ”  *+ Vì sao nói: “Đến thời Lý, đạo Phật trở nên thịnh đạt nhất?”*  **- GV: *Đạo Phật có nguồn gốc từ Ấn Độ, đạo phật du nhập vào nước ta từ thời phong kién phương Bắc đô hộ. Vì giáo lí của đạo Phật có nhiều điểm phù hợp với cách nghĩ, lối sống của nhân dân ta nên sớm được nhân dân tiếp nhận và tin theo.***  **Hoạt động 2: Vai trò của chùa thời Lý.**  - GV phát phiếu học tập cho HS  - GV đưa ra một số ý phản ánh vai trò, tác dụng của chùa dưới thời nhà Lý. Qua đọc SGK và vận dụng hiểu biết của bản thân, HS điền dấu x vào ô trống sau những ý đúng:  a. Chùa là nơi tu hành của các nhà sư □  b. Chùa là nơi tổ chức tế lễ của đạo phật □  c. Chùa là trung tâm văn hóa của làng xã □  d. Chùa là nơi tổ chức văn nghệ □  - GV nhận xét, Kết luận: Đáp án: a, b, c làđúng.  **Hoạt động 3: Mô tả kiến trúc một số chùa**  - GV đưa hình ảnh chùa Keo, chùa Một Cột, tượng Phật A- di- đà (có ảnh phóng to) và khẳng định chùa là một công trình kiến trúc đẹp.  - GV nhận xét và Kết luận.    **3. Hoạt động ứng dụng** *(1p)*.  - Chùa thời Lý là một trong những đóng góp của thời đại đối với nền văn hóa, kiến trúc, điêu khắc của dân tộc Việt Nam. Trình độ xây dựng chùa chiền đó phản ánh sự phát triển của dân tộc về mọi phương diện. Chúng ta có quyền tự hào về điều đó.  **4. Hoạt động sáng tạo** *(1p)* |

**ĐIỀU CHỈNH-BỔ SUNG**

...................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

.................................................................................................................................

*Thứ ....... ngày ...... tháng ..... năm .........*

**LUYỆN TỪ VÀ CÂU**

**MỞ RỘNG VỐN TỪ: Ý CHÍ – NGHỊ LỰC**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Biết thêm một số từ ngữ (kể cả tục ngữ, từ Hán Việt) nói về ý chí, nghị lực của con người; bước đầu biết xếp các từ Hán Việt (có tiếng chí) theo hai nhóm nghĩa (BT1); hiểu nghĩa từ nghị lực (BT2); điền đúng một số từ (nói về ý chí, nghị lực) vào chỗ trống trong đoạn văn (BT3); hiểu ý nghĩa chung của một số câu tục ngữ theo chủ điểm đã học (BT4).

**2. Kĩ năng**

- HS biết tìm những từ Hán Việt nói về ý chí nghị lực, hiểu một số câu thành ngữ, tục ngữ.

**3. Thái độ**

- HS có ý thức giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL tự học, NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: + Bảng phụ viết nội dung bài tập 3, 4.

- HS: vở BT, bút, ...

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Quan sát, hỏi đáp, thảo luận nhóm.

- KT: Kĩ thuật đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của HS** | **Hoạt động của GV** |
| - HS lấy VD và đặt câu | 1**. Khởi động** (3p)  *+ Thế nào là tính từ, cho ví dụ. Đặt câu với VD vừa tìm được?*  - GV giới thiệu và dẫn vào bài mới |
| **2. Hoạt động thực hành***:(30p)*  **\* Mục tiêu:** Biết thêm một số từ ngữ nói về ý chí, nghị lực của con người; bước đầu biết xếp các từ Hán Việt theo hai nhóm nghĩa, hiểu nghĩa từ nghị lực.  **\* Cách tiến hành: Cá nhân-Nhóm-Cả lớp** | |
| **Nhóm 2-Lớp**  - Thực hiện theo yêu cầu của GV  - Hs thảo luận nhóm 2- Chia sẻ trước lớp  Đ/á:   |  |  | | --- | --- | | **Chí** có nghĩa là rất, hết sức (biểu thị mức độ cao nhất) | *Chí phải, chí lý,*  *chí thân, chí tình,*  *chí công.* | | **Chí** có nghĩa là ý muốn bền bỉ theo đuổi một mục đích tốt đẹp. | *ý chí, chí khí,*  *chí hướng, quyết*  *chí.* |   **Cá nhân- Lớp**  - Thực hiện theo yêu cầu của GV  Đ/á:  + Dòng b (Sức mạnh tinh thần làm cho con người kiên quyết trong hành động, không lùi bước trước mọi khó khăn) là đúng nghĩa của từ nghị lực.  ***+*** *Là....kiên trì*  *+Là .... kiên cố****.***  *+ Là nghĩa của từ chí tình, chí nghĩa.*  -HS đặt câu.  - Nhận xét, bổ sung.  **Cá nhân –Nhóm 2- Lớp**  - Làm cá nhân- Chia sẻ nhóm 2  Đ/á:  + Thứ tự từ cần điền: **Nghị lực, nản chí, quyết tâm, kiên nhẫn, quyết chí, nguyện vọng.**  - 1 HS đọc thành tiếng.  **Cá nhân- Lớp**  Đ/á:  a. ***Thử lửa vàng, gian nan thử sức****.* Khuyên người ta đừng sợ vất vả, gian nan. Gian nan, vất vả thử thách con người, giúp con người được vững vàng, cứng cỏi hơn.  *b.* ***Nước lã mà* *vã nên hồ***  ***Tay không mà nổi cơ đồ mới ngoan:*** Khuyên người đừng sợ bắt đầu từ hai bàn tay trắng. Những người từ tay trắng mà làm nên sự nghiệp càng đáng kính trọng, khâm phục.  c. ***Có vất vả mới thanh nhàn***  ***Không dưng ai dễ cầm tàn che cho:*** Khuyên người ta phải vất vả mới có lúc thanh nhàn, có ngày thành đạt  - Ghi nhớ các từ thuộc chủ điểm  BT PTNL: Chọn các từ ngữ trong ngoặc đơn (quyết tâm, ý chí, bài học) điền vào chố trống:  Câu chuyện Ngu Công dời núi cho người đọc một........về .....của con người. Chín mươi tuổi, Ngu Công còn.....đào núi đổ đi để lấy đường vào nhà mình. | **Bài 1: *Bài 1:*** Xếp các từ có tiếng chí sau đây vào hai nhóm. . .  - Gọi HS đọc yêu cầu bài tập.  - GV phát phiếu học tập  - Kết luận, chốt đáp án.  \* Chú ý quan tâm hs M1+M2    - Yêu cầu đặt câu với 1 từ vừa xếp  *+ Ngoài ra, em còn biết những từ có chứa tiếng "chí" nào khác?*  ***Bài 2***:  - Gọi HS đọc yêu cầu bài tập.  -GV giúp HS hiểu thêm các nghĩa của câu a, c, d.  *+ Làm việc liên tục, bền bỉ là nghĩa của từ nào?*  *+ Chắc chắn, bền vững, khó phá vỡ là nghĩa của từ nào?*  *+ Có tình cảm rất chân tình sâu sắc là nghĩa của từ nào?*  \*HS M3+M4: Đặt câu với các từ : *nghị lực, kiên trì, kiên cố, chí tình*  ***Bài 3:***  Em chọn từ nào trong ngoặc đơn...  - GV treo bảng phụ ghi ND bài 3 lên bảng.  - Gọi HS đọc yêu cầu bài tập.  - Yêu cầu HS tự làm bài vào vở.  - Gọi HS đọc đoạn văn đã hoàn chỉnh.  ***Bài 4:***  - Gọi HS đọc yêu cầu bài tập.  - Gv giúp HS hiểu nghĩa đen của các câu tục ngữ (theo SGV)  - Giáo dục HS ý chí, nghị lực vươn lên  **3. Hoạt động ứng dụng** *(1p)*  **4. Hoạt động sáng tạo** *(1p)* |

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

...................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TOÁN**

***Tiết 58:* LUYỆN TẬP (tr. 68)**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Ôn tập về các kiến thức liên quan đến phép nhân

**2. Kĩ năng**

- Vận dụng được tính chất giao hoán, kết hợp của phép nhân, nhân một số với một tổng (hiệu) trong thực hành tính, tính nhanh.

**3. Thái độ**

- Tích cực, tự giác học bài, trình bày bài sạch sẽ, khoa học

**4. Góp phần phát triển các kĩ năng**

- Năng lực tự học, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL tư duy - lập luận logic.

\* BT cần làm: Bài 1 (dòng 1), bài 2: a; b (dòng 1), bài 4

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Phiếu nhóm

- HS: SGk, bút

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Quan sát, hỏi - đáp, thảo luận nhóm.

- KT: đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của HS** | **Hoạt động của GV** |
| - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ | **1. HĐ khởi động *(3p)***  - GV dẫn vào bài |
| **2. Hình thành kiến thức** *(15p)*  **\* Mục tiêu:** - Vận dụng được tính chất giao hoán, kết hợp của phép nhân, nhân một số với một tổng (hiệu) trong thực hành tính, tính nhanh.  **\* Cách tiến hành** | |
| **Cá nhân – Lớp.**  - Thực hiện theo YC của GV.  - Làm cá nhân- Chia sẻ lớp.  Đ/a:  a. 135 x (20 + 3)  = 135 x 20 + 135 x 3  = 2700 + 405  = 3105  b. 642 x (30 – 6)  = 642 x 30 – 642 x 6  = 19260 - 3852  = 15 408  - Cá nhân- Chia sẻ trước lớp  Đ/a:  134 x 4 x 5 = 134 x (4 x 5)  = 135 x 20  = 2700  5 x 36 x 2 =(5 x 2) x 36  = 10 x 36  = 360  42 x 2 x 7 x 5= (42 x 7) x (2 x 5)  = 294 x 10  = 2940  *+ Áp dụng tính chất giao hoán và kết hợp của phép nhân để tính thuận tiện.*  - Cá nhân- Chia sẻ nhóm 2  Đ/a:  137 x 3 + 137 x 97 = 137 x (3 + 97)  = 137 x 100  = 13700  428 x 12 – 428 x 2= 428 x (12 – 2)  = 428 x 10  = 4280  - HS đọc đề bài- Hỏi đáp nhóm 2 về bài toán  - HS làm cá nhân vào vở- Chia sẻ lớp  Đ/a:  Chiều rộng của sân vận động là  180: 2 = 90 (m)  Chu vi của sân vận động là  (180 + 90) x 2 = 540 (m)  Đáp số: 540 m.  **\*S = 180 x 90 = 16200 (m2)**  - HS làm bài vào vở Tự học- Chia sẻ cách làm dưới lớp  VD: 217 x 11 = 217 x (10 + 1)  = 217 x 10 + 217 x 1  = 2170 + 217 = 2387  - Ghi nhớ các KT trong tiết học  - Tìm các bài tập cùng dạng trong sách Toán buổi 2 và giải | ***\*Bài 1: dòng 1 (HSNK hoàn thành cả bài)***  - Gọi HS nêu yêu cầu của bài tập, sau đó cho HS tự làm bài.  \* Chú ý giúp đỡ hs M1+M2  - GV chốt đáp án.  - Củng cố cách nhân một số với một tổng (hiệu)  ***Bài 2:(a,b dòng 1) HSNK hoàn thành cả bài***  ***a.*** Tính bằng cách thuận tiên nhất  - Gọi HS đọc và xác định yêu cầu bài tập.  *+ Áp dụng tính chất gì để chúng ta tính được cách thuận tiện?*  - Củng cố cách tính thuận tiện.  **b,**  - GV hướng dẫn bài tập mẫu.  - GV yêu cầu HS làm theo nhóm,  - GV chốt đáp án.  ***Bài 4***  - Gọi HS đọc và xác định yêu cầu bài tập.  - Nhận xét, đánh giá bài làm trong vở của HS  \* Lưu ý hs M3+M4 có thể hoàn thành cả bài. (tính diện tích)  **Bài 3** ***(bài tập chờ dành cho HS hoàn thành sớm)***  - Củng cố tính chất nhân 1 số với 1 tổng  **4. Hoạt động ứng dụng** (1p)  **5. Hoạt động sáng tạo** (1p) |

**ĐIỀU CHỈNH-BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**ĐẠO ĐỨC**

**HIẾU THẢOVỚI ÔNG BÀ, CHA MẸ (tiết 1)**

**I.MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Biết được: Con cháu phải hiếu thảo với ông bà, cha mẹ để đền đáp công lao ông bà, cha mẹ đã sinh thành, nuôi dạy mình.

**2. Kĩ năng**

- Biết thể hiện lòng hiếu thảo với ông bà, cha mẹ bằng một số việc làm cụ thể trong cuộc sống hằng ngày ở gia đình.

**3. Thái độ**

- Giáo dục lòng hiếu thảo

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL tự học, NL giải quyết vấn đề, NL hợp tác, sáng tạo

***\*KNS:*** *-Xác định giá trị tình cảm của ông bà, cha mẹ dành cho con cháu*

*-Lắng nghe lời dạy của ông bà cha mẹ*

*-Thể hiện tình cảm yêu thương của mình với ông bà, cha mẹ*

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: :+ Máy vi tính, máy chiếu.

+ Thẻ chữ A, B, C, D.

+Thẻ mặt cười, mặt mếu.

- HS: SGK, thẻ bày tỏ ý kiến

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm, trò chơi, đóng vai.

- KT: động não, tia chớp, chia sẻ nhóm 2

**III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của HS** | **Hoạt động của GV** |
| - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ | **1.Khởi động:***(5p)* |
| **2.Hình thành KT mới***(15p)*  **\* Mục tiêu:** Biết được: Con cháu phải hiếu thảo với ông bà, cha mẹ để đền đáp công lao ông bà, cha mẹ đã sinh thành, nuôi dạy mình.  **\* Cách tiến hành: Cá nhân-Nhóm-Lớp** | |
| **Cá nhân – Lớp**  - Theo dõi  - Trả lời theo ý hiểu. Ví dụ:  *+ Cha mẹ rất yêu thương con.*  *+ Cha mẹ là người luôn gần gũi, chăm sóc con.*  *+ Cha mẹ luôn che chở cho con*.  - Lắng nghe  *+ Hiếu thảo với ông bà, cha mẹ.*  - HS đọc tên bài.  *+ Quan sát, trả lời: Một người bà, một người cháu đang trò chuyện rất thân mật. Phía trên tường có treo một bàn thờ,....*  - HS lắng nghe, quan sát.  - HS lắng nghe,  - HS làm việc theo nhóm 4: kể lại câu chuyện (có thể minh hoạ.)  - 1 nhóm lên kể chuyện, HS theo dõi, chuẩn bị câu hỏi để hỏi nhóm kể chuyện.  - Thực hành hỏi - đáp. VD:  *+…. cảm thấy rất vui.*  *+… rất yêu quý bà, muốn cho bà vui, khoẻ…*  *+ Hưng rất yêu quý bà, biết quan tâm, chăm sóc bà.*  *+ Chúng ta phải yêu quý, kính trọng, quan tâm, chăm sóc ông bà, cha mẹ vì ông bà, cha mẹ là những người đã có công sinh thành ra chúng ta, nuôi dưỡng và chăm sóc cho chúng ta…*  *+ Hs nêu:*  *Công cha như núi Thái Sơn*  *Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra*  *Một lòng thờ mẹ kính cha*  *Cho tròn chữ hiếu mới là đạo con*  *+ HS nêu: Công cha, nghĩa mẹ rất to lớn, chúng ta phải hiếu thảo với cha mẹ.*  - HS nghe, 3 – 4 em đọc lại phần Ghi nhớ:    - HS tìm và nêu. | **a. Giới thiệu bài:**  - Chiếu cho HS xem clip bài hát: Cho con (Phạm Trọng Cầu).  *+ Nội dung của bài hát là gì?*  ***- GV: Ông bà, cha mẹ là những người luôn gần gũi và yêu thương chúng ta nhất. Tình yêu thương của ông bà, cha mẹ dành cho chúng ta không gì có thể sánh nổi***  *+ Vậy theo các em, chúng ta cần thể hiện hành động như thế nào với ông bà, cha mẹ?*  ***- GV: Những hành động như thế nào là hiếu thảo với ông bà, cha mẹ và chúng ta cần làm gì để thể hiện sự hiếu thảo với ông bà, cha mẹ? Chúng ta cùng học bài: Hiếu thảo với ông bà, cha mẹ.***  **b. Các hoạt động:**  **\*Hoạt động 1: Tìm hiểu truyện: Phần thưởng.**  - Gv chiếu tranh, hỏi: *Em nhìn thấy những gì trong tranh?*  - Nhận xét, nêu: 2 nhân vật trong tranh là Hưng và bà của Hưng. Ông của Hưng mới mất nên bà rất buồn. Hưng đã cố gắng động viên, an ủi, chăm sóc bà để bà đỡ buồn. Câu chuyện như sau…  - GV kể chuyện  - Tổ chức cho HS hỏi – đáp: VD:  *+ Khi nhập vai bà, bạn cảm thấy thế nào khi nhận được gói bánh?*  *+ Khi nhập vai Hưng, tại sao bạn lại biếu bà gói bánh?*  *+ Em có nhận xét gì về việc làm của bạn Hưng?*  *+ Qua câu chuyện của bạn Hưng, em thấy chúng ta cần phải đối xử với ông bà, cha mẹ như thế nào? Vì sao?*  ***- GV: Ông bà, cha mẹ là những người đã sinh thành và nuôi dưỡng chúng ta nên người. Vì vậy, chúng ta phải hiếu thảo với ông bà, cha mẹ.***  *+ Em biết những bài ca dao nào khuyên răn chúng ta phải biết yêu thương, kính trọng với ông bà, cha mẹ?*  *+ Em hiểu nghĩa bài thơ như thế nào?*  - GV nhận xét, kết luận phần bài học.  - Cho HS tìm thêm một số câu ca dao, tục ngữ khuyên răn con cháu phải hiếu thảo với ông bà, cha mẹ. |
| **3. Hoạt động thực hành:** *(15p)*  **\*Mục tiêu:** Hiểu thế nào là hiếu thảo với ông bà, cha mẹ. Nhận biết được hành vi đúng/ sai liên quan đến bài học  **\* Cách tiến hành:** | |  |
| - 1 HS đọc  - Làm việc cá nhân  - Giơ thẻ:  + Mặt cười với các trường hợp sau: b; d; đ  + Mặt mếu với trường hợp:a; c  - HS giải thích. VD:  a) Sai vì Sinh không biết chăm sóc mẹ lúc mẹ bị ốm lại còn đòi đi chơi.  b) Đúng vì Loan đã biết chăm sóc mẹ khi mẹ đi làm về mệt.  c) Sai vì bố đang mệt, Hoàng không nên đòi bố quà.  d) Đúng vì Hoà đã biết quan tâm đến sở thích của ông.  đ) Đúng vì Nhâm đã biết chăm sóc bà lúc bà bị ốm.  - HS nhắc lại (1-2 em)  *+ … là quan tâm tới ông bà, cha mẹ, chăm sóc lúc ông bà, cha mẹ bị mệt, ốm, làm giúp ông bà, cha mẹ những công việc phù hợp.*  *+ …nấu cơm, trông em, quét dọn nhà cửa…*  - HS nêu.  *+ …để ông bà, cha mẹ vui lòng, yên tâm công tác*.  *+ Không nên đòi hỏi ông bà, cha mẹ khi ông bà, cha mẹ bận, mệt, những việc không phù hợp (mua đồ chơi…)*  + HS kể.  - Lắng nghe  - Bày tỏ lòng hiếu thảo bằng những việc làm thiết thực  - Sưu tầm các câu chuyện về lòng hiếu thảo | Bài tập 1:  - GV chiếu nội dung bài tập 1, gọi HS đọc và nêu yêu cầu.  *Cách ứng xử của các bạn trong những tình huống dưới đây là đúng hay sai? Vì sao?*  *a) Mẹ mệt, bố đi làm mãi chưa về. Sinh vùng vằng, bực bội vì chẳng có ai đưa Sinh đến nhà bạn dự sinh nhật.*  *b) Hôm nào đi làm về, mẹ cũng thấy Loan đãchuẩn bị sẵn chậu nước, khăn mặt để mẹ rửa cho mát. Loan còn nhanh nhảu giúp mẹ mang túi vào nhà.*  *c) Bố Hoàng vừa đi làm về, rất mệt. Hoàng chạy ra tận cửa đón và hỏi ngay: “Bố có nhớ mua truyện tranh cho con không?”*  *d)Ông nội của Hoài rất thích chơi cây cảnh. Hoài đến nhà bạn mượn sách, thấy ngoài vườn nhà bạn có khóm hoa lạ, liền xin bạn một nhánh mang về cho ông trồng.*  *đ) Sau giờ học nhóm, Nhâm và bạn Minh đang đùa với nhau. Chợt thấy bà ngoại ho ở phòng bên, Nhâm vội chạy sang vuốt ngực cho bà.*  - GV trình chiếu từng trường hợp cho HS giơ thẻ  - Gọi HS nhắc lại những cách ứng xử đúng.  \*GV hỏi thêm:  *+ Trong những việc làm đó, em có thể làm được những việc làm nào?*  *+ Em đã làm được những việc nào?*  *+ Theo em, thế nào là hiếu thảo với ông bà, cha mẹ?*  - Nhận xét, chiếu cho HS quan sát một số hình ảnh thể hiện sự hiếu thảo với ông bà, cha mẹ.  *+ Ở nhà, chúng ta có thể giúp ông bà, cha mẹ những việc gì?*  *+ Bản thân em đã làm được những việc gì thể hiện sự hiếu thảo với ông bà, cha mẹ?*  *+ Vì sao việc chăm chỉ học tập và rèn luyện là hiếu thảo với ông bà, cha mẹ?*  *+ Chúng ta không nên làm gì với cha mẹ, ông bà?*  *+ Hãy kể một số việc em làm chưa thể hiện sự hiếu thảo với ông bà, cha mẹ. Giải thích vì sao chưa tốt và cách sửa lỗi.*  ***- GV : Chúng ta bày tỏ sự hiếu thảo với ông bà, cha mẹ bằng những việc làm, hành động cụ thể vừa sức mình.***  **3. HĐ ứng dụng** (*1p)*  **4. HĐ sáng tạo (***1p)* |

**ĐIỀU CHỈNH-BỔ SUNG**

...................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**KỂ CHUYỆN**

**KỂ CHUYỆN ĐÃ NGHE, ĐÃ ĐỌC**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Hiểu câu chuyện và nêu được nội dung chính của truyện.

**2. Kĩ năng:**

- Dựa vào gợi ý (SGK), biết chọn và kể lại được câu chuyện (mẩu chuyện, đoạn truyện) đã nghe, đã đọc nói về một người có nghị lực, có ý chí vươn lên trong cuộc sống.

**3. Thái độ**

- GD HS có nghị lực, có ý chí vươn lên trong học tập và rèn luyện.

**4. Góp phần bồi dưỡng các năng lực**

- NL giao tiếp và hợp tác, NL sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Sưu tầm các truyện có nội dung nói về một người có nghị lực.

- HS: SGK, câu chuyện

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm, đóng vau

- KT: đặt câu hỏi, động não, chia sẻ nhóm.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - HS kể chuyện  *+ Ý chí và nghị lực vươn lên chiến thắng số phận* | **1. Khởi động***:(5p)*  - Yêu cầu HS tiếp nối nhau kể từng đoạn truyện(M1+M2) hoặc kể toàn chuyện(M3+M4) Bàn chân kì diệu  *+ Em học được điều gì ở Nguyễn Ngọc Kí?*  - GV nhận xét, khen/ động viên. |
| **2. Tìm hiểu, lựa chọn câu chuyện phù hợp với yêu cầu tiết học:***:(8p)*  **\* Mục tiêu:** Dựa vào gợi ý (SGK), biết chọn và kể lại được câu chuyện (đoạn truyện) đã nghe, đã đọc nói về một người có nghị lực, có ý chí vươn lên trong cuộc sống.  **\* Cách tiến hành: Cá nhân-Nhóm-Lớp** | |
| - HS đọc đề.  - HS phân tích đề bài, dùng phấn màu gạch các từ: *được nghe, được đọc, có nghị lực.*  - 4 HS nối tiếp nhau đọc từng gợi ý.  - Lần lượt HS giới thiệu truyện.  *+ Bác Hồ trong truyện Hai bàn tay.*  *+ Bạch Thái Bưởi trong câu chuyện vua tàu thuỷ Bạch Thái Bưởi.*  *Lê Duy Ứng trong truyện Người chiến sĩ giàu nghị lực.*  *+ Đặng Văn Ngữ trong truyện Người trí thức yêu nước.*  *Ngu Công trong truyện Ngu Công dời núi.*  *+ Nguyễn Ngọc Kí trong truyện Bàn chân kì diệu.*  (Những người bị khuyết tật mà em đã biết qua ti vi, đài, báo… vẫn đỗ đại học và trở thành những người lao động giỏi…)  - Lần lượt HS giới thiệu về nhân vật mà mình định kể.  + Tôi xin kể câu chuyện Bô- bin- xơn ở đảo hoang mà tôi đã được đọc trong truyện trinh thám.  + Tôi xin kể câu chuyện về anh Sơn người bị tàn tật mà vẫn học 2 trường đại học. Tấm gương về anh tôi đã được xem trong chương trình Người đương thời.  + Tôi xin kể chuyện về nhà giáo ưu tú Nguyễn Ngọc Kí | **\* Hướng dẫn HS kể chuyện:**  *Đề bài: Hãy kể một câu chuyện mà em đã được nghe hoặc được đọc về một người có nghị lực.*  - Gọi HS đọc gợi ý.  - Gọi HS giới thiệu những chuyện em đã được đọc, được nghe về người có nghị lực và nhận xét, tránh HS lạc đề về người có ước mơ đẹp. Khuyến khích HS kể chuyện ngoài SGK |
| **3 . Thực hành kể chuyện – Tìm hiểu ý nghĩa câu chuyện***:(15- 20p)*  **\* Mục tiêu:** HS ghi nhớ nội dung câu chuyện và kể lại được theo lời kể của mình. Nêu được ý nghĩa câu chuyện  **\* Cách tiến hành: Cá nhân - Nhóm- Lớp** | |
| - 2 HS ngồi cùng bàn kể chuyện, trao đổi về ý nghĩa truyện với nhau.  - 5 đến 7 HS thi kể và trao đổi về ý nghĩa truyện.  - HS đặt câu hỏi cho bạn kể chuyện về nội dung và ý nghĩa của chuyện  - Kể lại câu chuyện cho người thân nghe.  - Sưu tầm các câu chuyện khác cùng chủ đề | a/. Kể chuyện theo cặp:  ***\* Kể trong nhóm:***  - HS thực hành kể trong nhóm.  GV đi hướng dẫn những HS gặp khó khăn.  Gợi ý: Em cần giới thiệu tên truyện, tên nhân vật mình định kể.  + Kể những chi tiết làm nổi rõ ý nghĩa, nghị lực của nhân vật.  ***\* Kể trước lớp:***  - Tổ chức cho HS thi kể.  - GV khuyến khích HS lắng nghe và hỏi lại bạn kể những tình tiết về nội dung truyện, ý nghĩa truyện.  - Nhận xét, bình chọn bạn có câu chuyện hay nhất, bạn kể hấp dẫn nhất.  + Ý nghĩa câu chuyện:  \* Giúp đỡ hs M1+M2  **4. Hoạt động ứng dụng *(1p)***  **5. Hoạt động sáng tạo *(1p)*** |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**KĨ THUẬT**

**KHÂU VIỀN ĐƯỜNG GẤP MÉP VẢI BẰNG MŨI KHÂU ĐỘT** **THƯA** (T3)

**I.MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Biết cách khâu đường viền đường gấp mép vải bằng mũi khâu đột thưa.

**2. Kĩ năng**

- Khâu viền được đường gấp mép vải bằng mũi khâu đột thưa. Các mũi khâu tương đối đều nhau. Đường khâu có thể bị rúm.

\* HS năng khiếu: Khâu viền được đường gấp mép vải bằng mũi khâu đột thưa. Các mũi khâu tương đối đều nhau. Đường khâu ít bị rúm.

**3. Thái độ**

- Giáo dục tính cẩn thận, khéo léo, an toàn khi thực hành

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL thẩm mĩ.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Mẫu đường gấp mép vải được khâu viền bằng các mũi khâu đột có kích thước đủ lớn và một số sản phẩm có đường khâu viền đường gấp mép vải bằng khâu đột hoặc may bằng máy (quần, áo, vỏ gối, túi xách tay bằng vải …)

- HS: Vật liệu và dụng cụ cần thiết:

+ Một mảnh vải trắng hoặc màu, kích 20 x30cm.

+ Len (hoặc sợi), khác với màu vải.

+ Kim khâu len, kéo cắt vải, thước, bút chì. .

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Quan sát mẫu, hỏi đáp,

- KT: đặt câu hỏi, tia chớp, động não, phòng tranh

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - HS nêu | **1. HĐ khởi động** *(3p)*  - Nêu qui trình thực hiện khâu viền đường gấp mép vải?  - GV nhận xét, khen ngợi, dẫn vào bài học |
| **2. HĐ thực hành:***(30p)*  **\* Mục tiêu**: Khâu viền được đường gấp mép vải bằng mũi khâu đột thưa. Các mũi khâu tương đối đều nhau. Đường khâu có thể bị rúm.  **\* Cách tiến hành: Cá nhân- Nhóm- Lớp** | |
| **Cá nhân**  - HS nhắc lại phần ghi nhớ và thực hiện các thao tác gấp mép vải.  - HS nêu  *+ Bước 1: Gấp mép vải.*  *+ Bước 2: Khâu viền đường gấp mép vải bằng mũi khâu đột .*  - HS thực hành .  - HS trưng bày sản phẩm trong nhóm  - Nhóm trưởng điều hành cách đánh giá các sản phẩm theo các tiêu chí đã nêu  - Chọn sản phẩm trưng bày trên lớp  - Thực hành khâu tại nhà  - Tạo sản phẩm từ bài học | **HĐ3: HS thực hành khâu viền đường gấp mép vải**  - GV gọi HS nhắc lại phần ghi nhớ và thực hiện các thao tác gấp mép vải.  - Nêu cách khâu viền đường gấp mép vải bằng mũi khâu đột .    - GV nhắc lại và hướng dẫn thêm một số điểm lưu ý đã nêu ở tiết 1.  - GV tổ chức cho HS thực hành và nêu thời gian hoàn thành sản phẩm.  - GV quan sát uốn nắn thao tác cho những HS còn lúng túng hoặc chưa thực hiện đúng.  **HĐ4: Đánh giá kết quả học tập của HS**.  - GV tổ chức cho HS trưng bày sản phẩm thực hành.  - GV nêu tiêu chẩn đánh giá sản phẩm:  + Gấp được mép vải. Đường gấp mép vải tương đối thẳng, phẳng, đúng kỹ thuật.  + Khâu viền được đường gấp mép vải bằng mũi khâu đột.  + Mũi khâu tương đối đều, thẳng, không bị dúm.  + Hoàn thành sản phẩm đúng thời gian quy định.    - GV nhận xét và đánh giá chung  **3. Hoạt động ứng dụng *(1p)***  **4. HĐ sáng tạo *(1p****)* |

**ĐIỀU CHỈNH-BỔ SUNG**

...................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

*Thứ ....... ngày ...... tháng ..... năm .........*

**TẬP ĐỌC**

**VẼ TRỨNG**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Hiểu ND: Nhờ khổ công rèn luyện, Lê-ô-nác-đô đa Vin-xi đã trở thành một hoạ sĩ thiên tài (trả lời được các câu hỏi trong SGK).

**2. Kĩ năng**

- Đọc đúng tên riêng nước ngoài (Lê-ô-nác-đô đa Vin-xi, Vê-rô-ki-ô); bước đầu biết đọc diễn cảm lời thầy giáo (nhẹ nhàng, khuyên bảo ân cần).

**3. Thái độ**

- GD HS tính kiên trì trong học tập và rèn luyện

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: + Tranh minh hoạ bài tập đọc trang 121SGK (phóng to)

- HS: SGK

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- Phương pháp: Quan sát, hỏi - đáp, đóng vai.

- Kĩ thuật: Làm việc nhóm, chia sẻ

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| -1 HS đọc  *+ Ông làm thư kí, sau đó buôn gỗ, buôn ngô, . . .*  - HS nêu ý nghĩa bài học. | **1. Khởi động:** *(3p)*  *+* 1 em đọc bài:***“***Vua tàu thuỷ Bạch Thái Bưởi”  *+ Trước khi mở công ty Bạch Thái Bưởi đã làm những công việc gì?*  *+Nêu ý nghĩa bài học.*  - GV dẫn vào bài mới |
| **2. Luyện đọc:** *(8-10p)*  **\* Mục tiêu:** Đọc đúng tên riêng nước ngoài (Lê-ô-nác-đô đa Vin-xi, Vê-rô-ki-ô); bước đầu biết đọc diễn cảm lời thầy giáo (nhẹ nhàng, khuyên bảo ân cần).  \* **Cách tiến hành:** | |
| - 1 HS đọc bài, cả lớp đọc thầm  - Lớp trưởng điều hành cách chia đoạn  - Bài chia làm 2 đoạn  + Đoạn 1: *Ngay từ nhỏ… đến vẽ được như ý.*  *+* Đoạn 2*: Phần còn lại.*  - Nhóm trưởng điều hành nhóm đọc nối tiếp trong nhóm lần 1 và phát hiện các từ ngữ khó (*Lê-ô-nác-đô đa, Vê-rô-ki-ô, dạy dỗ, nhiều lần, tỏ vẻ chán ngán, vẽ đi vẽ lại,...,...,...)*  - Luyện đọc từ khó: Đọc mẫu (M4)-> Cá nhân (M1)-> Lớp  - Giải nghĩa từ khó: (đọc phần chú giải)  - HS đọc nối tiếp lần 2 theo điều khiển của nhóm trưởng  - Các nhóm báo cáo kết quả đọc  - 1 HS đọc cả bài (M4) | - Gọi 1 HS đọc bài (M3)  - GV lưu ý giọng đọc: Toàn bài đọc với giọng kể từ tốn. Lời thầy giáo đọc với giọng khuyên bảo nhẹ nhàng. Đoạn cuối bài đọc với giọng cảm hứng, ca ngợi.  - GV chốt vị trí các đoạn  - Lưu ý sửa lỗi đọc và ngắt nghỉ cho các HS (M1) |
| **3.Tìm hiểu bài:** *(8-10p)*  **\* Mục tiêu:** Hiểu nội dung từng đoạn và nội dung cả bài.  **\* Cách tiến hành: *Làm việc cá nhân – Chia sẻ cặp đôi – Chia sẻ trước lớp*** | |  |
| - HS tự làm việc nhóm 4 trả lời các câu hỏi  - TBHT điều hành hoạt động báo cáo:  *+ Sở thích của Lê- ô- nác- đô khi còn nhỏ là rất thích vẽ.*  *+ Vì suốt mấy ngày cậu chỉ vẽ trứng, vẽ hết quả này đến quả khác.*  *+ Thầy cho học trò vẽ trứng để biết cách quan sát mọi sự vật một cách cụ thể tỉ mỉ, miêu tả nó trên giấy vẽ chính xác.*  **Đoạn 1: *Lê- ô- nác- đô khổ công vẽ trứng theo lời khuyên chân thành của thầy.***  *+ Lê- ô- nác- đô đa Vin- xi trở thành danh hoạkiệt xuất, tác phẩm của ông được trưng bày trân trọng ở nhiều bảo tàng lớn, là niềm tự hào của toàn nhân loại. Ông đồng thời là còn là nhà điêu khắc, kiến trúc sư, kĩ sư, nhà bác học lớn.*  *+ Do: Ông ham thích vẽ và có tài bẩm sinh.*  *+ Ông có người thầy tài giỏi và tận tình chỉ bảo.*  *+ Ông khổ luyện, miệt mài nhiều năm tập vẽ.*  **Đoạn 2: *Sự thành đạt của Lê- ô- nác- đô đa Vin- xi.***  - 1 HS nhắc lại: Ông thành đạt là nhờ sự khổ công rèn luyện.  - Lắng nghe.  **Nội dung*:* Bài văn ca ngợi sự khổ công rèn luyện của Lê- ô- nác- đô đa Vin- xi, nhờ đó ông đã trở thành danh họa nổi tiếng*.***  - HS ghi lại nội dung bài | - GV phát phiếu học tập cho từng nhóm  *+ Sở thích của Lê- ô- nác- đô khi còn nhỏ là gì?*  *+ Vì sao trong những ngày đầu học vẻ, cậu bé cảm thấy chán ngán?*  *+ Thầy Vê- rô- ki- ô cho học trò vẽ trứng để làm gì?*  *+ Nội dung chính của đoạn 1?*  *+ Lê- ô- nác- đô đa Vin- xi thành đạt như thế nào?*  *+ Theo em những nguyên nhân nào khiến cho Lê- ô- nác- đô đa Vin- xi trở thành hoạ sĩ nổi tiếng? Nguyên nhân nào là quan trọng nhất?*  *+ Nêu nội dung chính cảu đoạn 2?*  ***GV: Những nguyên nhân trên đều tạo nên những thành công của Lê- ô- nác- đô đa Vin- xi, nhưng nguyên nhân quan trọng nhất là sự khổ công luyện tập của ông. Người ta thường nói: Thiên tài được tạo nên bởi 1% năng khiếu bẩm sinh, 99% do công khổ luyện mà mỗi thiên tài đều bắt đầu từ những đứa trẻ. Ngay từ hôm nay, các em hãy cống gắng học giỏi hơn nữa để ngày mai làm việc thật tốt.***  - Hãy nêu nội dung của bài.  \* HS M3+M4 đọc trả lời câu hỏi hoàn chỉnh và các câu nêu nội dung đoạn, bài. |
| **3. Luyện đọc diễn cảm:** *(8-10p)*  **\* Mục tiêu: HS** biết đọc diến cảm toàn bài, thể hiện giọng đọc phù hợp với nội dung bài, phân biệt lời nhân vật  **\* Cách tiến hành: Hoạt động cá nhân – nhóm - cả lớp** | |
| - 1 HS nêu lại  - Nhóm trưởng điều khiển nhóm đọc diễn cảm  - Thi đọc diễn cảm trước lớp  - Lớp nhận xét, bình chọn.  - HS liên hệ  - Sưu tầm tên các câu chuyện, các bức tranh nổi tiếng của Lê-ô-nác-đô đa Vin-xi. | + Yêu cầu HS nêu giọng đọc toàn bài  - GV nhận xét chung  **4. Hoạt động ứng dụng** *(1 phút)*  - Em học được điều gì qua nhân vật Lê-ô-nác-đô đa Vin-xi?  - Liên hệ, giáo dục ý chí vươn lên trong học tập và cuộc sống  **5. Hoạt động sáng tạo** *(1 phút)* |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TOÁN**

***Tiết 59:* NHÂN VỚI SỐ CÓ HAI CHỮ SỐ**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Biết cách nhân với số có hai chữ số.

**2. Kĩ năng**

- Biết giải bài toán liên quan đến phép nhân với số có hai chữ số.

**3. Thái độ**

- Học tập tích cực, tính toán chính xác

**4. Góp phần phát triền các NL:**

- NL tự học, NL sáng tạo, NL giải quyết vấn đề

\* Bài tập cần làm: Bài 1 (a, b, c), bài 3

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Phiếu học tập.

- HS: SGK, vở,...

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Quan sát, hỏi đáp, thảo luận nhóm.

- KT: động não, tia chớp, chia sẻ nhóm 2

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ | **1. Khởi động *(5p)***  - GV giới thiệu, dẫn vào bài mới |
| **2. Hình thành kiến thức (***15p)*  **\* Mục tiêu: :** Biết cách nhân với số có hai chữ số  **\* Cách tiến hành:**.***Cá nhân- Nhóm – Lớp*** | |
| - HS nhận xét: Phép nhân với số có 2 chữ số  - HS tính:cá nhân-chia sẻ trước lớp  36 x 23 = 36 x (20 + 3)  = 36 x 20 + 36 x 3  = 720 + 108  = 828  *+ Nhân 1 số với 1 tổng*  - HS nêu cách đặt tính  - HS nêu cách viết các tích riêng: Tích riêng thứ 2 viết lùi vào 1 cột so với tích riêng thứ nhất vì lần nhân thứ 2 ta lấy 2 chục nhân với 36.  - HS lấy VD về phép nhân với số có 2 chữ số và thực hiện đặt tính rồi tính (HS M3+M4) | *1. Phép nhân 36 x 23*  - GV viết lên bảng phép tính 36 x 23.  - Yêu cầu vận dụng các KT đã học để tính kết quả  *+ Vận dụng tính chất nào?*  - Hướng dẫn đặt tính và tính như sau:  \* Hướng dẫn đặt tính và tính:  36  x  23  108  72  828  Vậy 36 x 23 = 828  ♣ 108 gọi là tích riêng thứ nhất.  ♣ 72 gọi là tích riêng thứ hai. Tích riêng thứ hai được viết lùi sang bên trái một cột vì nó là 72 chục, nếu viết đầy đủ phải là 720.  \* Lưu ý giúp đỡ hs M1+M2 |
| **3. HĐ thực hành *(18p)***  **\* Mục tiêu*:*** Nhân được với số có 2 chữ số. Biết giải bài toán liên quan đến phép nhân với số có hai chữ số.  **\* Cách tiến hành:** | |
| **Cá nhân- Nhóm 2- Lớp**  VD:  86  x  53  258  430  4558  Vậy 86 x 53 = 4558  Phần b, c thực hiện tương tự  **Cá nhân-chia sẻ lớp.**  Bài giải  Số trang của 25 quyển vở cùng loại đó là:  48 x 25 = 1200 (trang)  Đáp số: 1200 trang  - HS làm bài vào vở Tự học- Chia sẻ lớp  VD: Nếu a= 13 thì 45 x a = 45 x 13 = 585  - Ghi nhớ cách nhân với số có 2 chữ số  BT PTNL: (M3+M4) Một khu đất hình vuông có cạnh dài 16m. Tính chu vi và diện tích khu đất đó. | ***Bài 1a, b, c: (****HS năng khiếu có thể hoàn thành cả bài)*  - Nhận xét, chốt đáp án.  - Củng cố cách đặt tính và thực hiện phép nhân với số có hai chữ số.  \* Giúp đỡ hs M1+M2  ***Bài 3:***  - Gọi HS đọc và xác định yêu cầu bài tập.  - Thu chữa một số bài, nhận xét, đánh giá vở của HS  - GV chữa bài    **Bài 2 *(bài tập chờ dành cho HS hoàn thành sớm)***  - GV chốt cách tính giá trị BT có chứa 1 chữ. Củng cố nhân với số có 2 chữ số  **4. HĐ ứng dụng *(1p)***  **5. HĐ sáng tạo *(1p)*** |

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

:...................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TẬP LÀM VĂN**

**KẾT BÀI TRONG BÀI VĂN KỂ CHUYỆN**

**I.MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Nhận biết được hai cách kết bài (kết bài mở rộng, kết bài không mở rộng) trong bài văn kể chuyện (mục I và BT1, BT2 mục III).

**2. Kĩ năng**

- Bước đầu viết được đoạn kết bài cho bài văn kể chuyện theo cách mở rộng (BT3, mục III).

**3. Thái độ**

- HS tích cực, tự giác làm việc nhóm

**4. Góp phần phát triển NL:**

**-** NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL tự học, NL giao tiếp.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: :Bảng phụ viết sẵn kết bài Ông trạng thả diều theo hướng mở rộng và không mở rộng.

- HS: SGK, Sách Truyện đọc 4

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Quan sát, hỏi đáp, thảo luận nhóm

- KT: đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, chia sẻ nhóm 2, động não.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBHT điều hành lớp trả lời, nhận xét  *+ MB trực tiếp và MB gián tiếp* | **1. Khởi động:(***5p)*    *+ Nêu các cách MB trong bài văn kể chuyện?*  - GV dẫn vào bài mới |
| **2. Hình thành KT** *(15p)*  **\* Mục tiêu:** Nhận biết được hai cách kết bài (kết bài mở rộng, kết bài không mở rộng) trong bài văn kể chuyện.  **\* Cách tiến hành: Cá nhân- Nhóm 2- Lớp** | |
| - 2 HS nối tiếp nhau đọc truyện.  - HS đọc thầm, dùng bút chì gạch chân đoạn kết bài trong truyện.  -> **Kết bài:** Thế rồi vua mở khoa thi. Chú bé thả diều đỗ trạng nguyên. Đó là trạng nguyên trẻ nhất của nước Việt Nam ta.  - 2 HS đọc thành tiếng yêu cầu.  - HS ngồi cùng bàn trao đổi thảo luận để có lời đánh giá hay- Chia sẻ trước lớp  *+ Câu chuyện giúp em hiểu hơn lời dạy của ông cha ta từ ngàn xưa: “có chí thì nên”*  *+ Nguyễn Hiền là một tấm gương sáng về ý chí và nghị lực cho chúng em.*  - HS đọc thành tiếng, HS trao đổi nhóm 2- chia sẻ lớp  *+ Cách viết bài của truyện chỉ có biết kết cục của truyện mà không đưa ra nhiều nhận xét, đánh giá.*  *+ Cách kết bài ở bài tập 3 cho biết kết cục của truyện, còn có lời nhận xét đánh giá làm cho người đọc khắc sâu, ghi nhớ ý nghĩa của truyện.*  - Lắng nghe.  - HS nêu  - 2 HS đọc thành tiếng, cả lớp đọc thầm. | ***Bài 1, 2:***  - Gọi 2 HS tiếp nối nhau đọc truyện Ông trạng thả diều. Cả lớp đọc thầm, trao đổi và tìm đoạn kết truyện.  - Gọi HS phát biểu.  - Nhận xét chốt lại lời giải đúng.  ***Bài 3:***  - Yêu cầu HS làm việc trong nhóm.  - Gọi HS phát biểu, GV nhận xét, sửa lỗi dùng từ, lỗi ngữ pháp cho từng HS.  ***Bài 4:***  So sánh hai cách kết bài trên.  - Gọi HS đọc yêu cầu. GV treo bảng phụ viết sẵn đoạn kết bài để cho HS so sánh.  - Gọi HS phát biểu.  \****Kết luận:***  ***+ Cách viết của bài thứ nhất chỉ có biết kết cục của câu chuyện không có bình luận thêm là cách viết bài không mở rộng.***  ***+ Cách viết bài thứ hai đoạn kết trở thành một đoạn thuộc thân bài. Sau khi cho biết kết cục, có lời đánh giá nhận xét, bình luận thêm về câu chuyện là cách kết bài mở rộng.***  *+Thế nào là kết bài mở rộng, không mở rộng?*  ***c. Ghi nhớ:***  - Gọi HS đọc phần ghi nhớ trong SGK. |
| **3. HĐ thực hành (***18p)*  **\* Mục tiêu**: Nhận biết được các cách kết bài đã học  **\* Cách tiến hành: Cá nhân- Nhóm - Lớp** | |
| **Nhóm 4- Lớp**  - 5 HS tiếp nối nhau đọc từng cách mở bài.  - HS trao đổi, trả lời câu hỏi theo nhóm 4.  *+ Cách a: là kết bài không mở rộng vì chỉ nêu kết thúc câu chuyện Thỏ và rùa.*  *+ Cách b/ c/ d/ e/ là cách kết bài mở rộng vì đưa ra thêm những lời bình luận nhận xét chung quanh kết cục của truyện.*  - Lắng nghe.  **Nhóm 2- Lớp**  - HS đọc thành tiếng yêu cầu.  - 2 HS ngồi cùng bàn thảo luận, dùng bút chì đánh dấu kết bài của từng truyện.  **Đáp án:** *Kết bài của hai bài “Một người chính trực, Nỗi dằn vặt của An – đrây – ca” là hai kết bài không mở rộng.*  **Cá nhân- Lớp**  - HS đọc thành tiếng yêu cầu.  - Tự làm bài vào vở.  - Đọc bài, sửa lỗi (nếu có).VD:  \* Câu chuyện giúp chúng ta hiểu: Người chính trực làm gì cũng theo lẽ phải, luôn đặt việc công, đặt lợi ích của đất nước lên trên tình riêng.  \* An – đrây – ca tự dằn vặt, tự cho mình có lỗi vì em rất thương ông. Em đã trung thực, nghiệm khắc với lỗi lầm của bản thân.  - Ghi nhớ 2 cách KB và vận dụng khi làm bài  - Tìm một số câu chuyện đã học trong sách giáo khoa có kiểu kết bài không mở rộng và viết lại theo kiểu KBMR | ***Bài 1:*** Sau đây là một số. . .  ***-*** Gọi HS đọc yêu cầu.  - Yêu cầu HS thảo luận theo nhóm.  *+ Đó là những kết bài theo cách nào? Vì sao em biết?*  - Gọi HS phát biểu.  - Nhận xét chung; kết luận về lời giải đúng.  \* Lưu ý giúp đỡ hs M1+M2 nhận diện được kết bài mở rộng, kết bài không mở rộng.  ***Bài 2:*** Tìm phần kết của câu chuyện sau. . .  - Yêu cầu HS làm bài.  - Gọi HS phát biểu.  - Nhận xét, kết luận lời giải đúng.    ***Bài 3:***  - Yêu cầu HS làm bài cá nhân.  - Gọi HS đọc bài. GV sữa lỗi dùng từ, lỗi ngữ pháp cho từng HS.  \* HS M3+M4 nhận diện được các cách kết bài, viết được kết bài theo 2 cách đó.  ***4.* HĐ ứng dụng***(1p)*  **5. HĐ sáng tạo** *(1p)* |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

...................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**KHOA HỌC (CT HIỆN HÀNH)**

**NƯỚC CẦN CHO SỰ SỐNG**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Nêu được vai trò của nước trong đời sống, sản xuất và sinh hoạt:

+Nước giúp cơ thể hấp thu được những chất dinh dưỡng hoà tan lấy từ thức ăn và tạo thành các chất cần cho sự sống của sinh vật. Nước giúp thải các chất thừa, chất độc hại.

+ Nước được sử dụng trong đời sống hằng ngày, trong sản xuất nông nghiệp, công nghiệp.

**2. Kĩ năng**

- Xác định được tầm quan trọng của nước và vai trò của nước.

**3. Thái độ**

- Có ý thức bảo vệ nguồn nước.

**4. Góp phần phát triển các năng lực:**

- NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL hợp tác.

***TKNL:*** *HS biết được nước cần cho sự sống của con người, động vật, thực vật như thế nào, từ đó hình thành ý thức tiết kiệm nước.*

**II. CHUẨN BỊ :**

**1. Đồ dùng**

- GV: + HS chuẩn bị cây trồng từ tiết 22.

+ Các hình minh hoạ SGK trang 50, 51 (phóng to nếu có điều kiện).

+ Sơ đồ vòng tuần hoàn của nước trong tự nhiên trang 49 / SGK.

- HS: Chuẩn bị giấy A4, bút màu.

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Quan sát, hỏi đáp, thảo luận nhóm, trò chơi, thí nghiệm

- KT: động não, tia chớp, đặt câu hỏi, chia sẻ nhóm 2

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của HS** | **Hoạt động của GV** |
| - TBHT điều hành HS trả lời và nhận xét  - 2- 3 HS lên bảng | **1. Khởi động** (5p)  *+ Hãy vẽ và trình bày vòng tuần hoàn của nước.*  - GV nhận xét, khen/ động viên. |
| **2.Bài mới: *(****30p)*  **\* Mục tiêu:** - Nêu được vai trò của nước trong đời sống, sản xuất và sinh hoạt:  **\* Cách tiến hành: Cá nhân-Nhóm- Lớp** | |
| **Nhóm 4 - Lớp**  - HS nhận nhiệm vụ.  + HS thảo luận theo nhóm. (nghiên cứu tư liệu và đọc mục Bạn cần biết).  - Đại diện các nhóm lên trình bày trước lớp.  *+ Thiếu nước con người sẽ không sống nổi. Con người sẽ chết vì khát. Cơ thể con người sẽ không hấp thụ được các chất dinh dưỡng hòa tan lấy từ thức ăn.*  *+ Nếu thiếu nước cây cối sẽ bị héo*, *chết, cây không lớn hay nảy mầm được.*  *+ Nếu thiếu nước động vật sẽ chết khát, một số loài sống ở môi trường nước như cá, tôm, cua sẽ bị tiệt chủng.*  - HS đọc.  **Cá nhân – Lớp**  *+ Uống, nấu cơm, nấu canh.*  *+ Tắm, lau nhà, giặt quần áo.*  *+ Đi bơi, tắm biển.*  *+ Đi vệ sinh.*  *+ Tắm cho súc vật, rửa xe.*  *+ Trồng lúa, tưới rau, trồng cây non.*  *+ Quay tơ.*  *+ Chạy máy bơm, ô tô.*  *+ Chế biến hoa quả, cá hộp, thịt hộp, bánh kẹo.*  *+ Sản xuất xi măng, gạch men.*  *+ Tạo ra điện.*  *+ Con người cần nước để sinh hoạt, vui chơi, sản xuất nông nghiệp, công nghiệp.*  **HS làm việc nhóm 4- Chia sẻ lớp**  - Báo cáo kết quả. Nhận xét, bổ sung.  **Nhóm 1: *Vai trò của nước trong sinh hoạt***  Uống, nấu cơm, nấu canh.  Tắm, lau nhà, giặt quần áo.  Đi bơi, đi vệ sinh.  Tắm cho súc vật, rửa xe, …  **Nhóm 2: *Vai trò của nước trong SX nông nghiệp***  Trồng lúa, tưới rau, trồng cây non, tưới hoa, tưới cây cảnh, ươm cây giống, gieo mạ, …  **Nhóm 3: *Vai trò của nước trong SXCN***  Quay tơ chạy máy bơm nước, chạy ô tô, chế biến hoa quả, làm đá, chế biến thịt hộp, cá hộp, làm bánh kẹo, sản xuất xi măng, gạch men, tạo ra điện,  - HS nêu các biện pháp tiết kiệm nước  - Vẽ tranh tuyên truyền về tiết kiệm nước. | **HĐ1: Tìm hiểu vai trò của nước đối với đời sống của con người ĐV và TV.**  - GV yêu cầu HS nộp tư liệu và tranh ảnh đã sưu tầm.  - GV tổ chức cho HS thảo luận theo nhóm.  + Nhóm 1: *Điều gì sẽ xảy ra nếu cuộc sống của con người thiếu nước?*  + Nhóm 2: *Điều gì sẽ xảy ra nếu cây cối thiếu nước?*  + Nhóm 3: *Nếu không có nước cuộc sống động vật sẽ ra sao?*  \* Kết luận: (mục bạn cần biết)  - Gọi 2 HS đọc mục Bạn cần biết.  **Hoạt động 2: Vai trò của nước trong một số hoạt động của con người.**  *+ Trong cuộc sống hàng ngày con người còn cần nước vào những việc gì?*  - GV ghi nhanh các ý kiến không trùng lập lên bảng.  *+ Nước cần cho mọi hoạt động của con người. Vậy nhu cầu sử dụng nước của con người chia ra làm 3 loại đó là những loại nào?*  - Yêu cầu HS sắp xếp các dẫn chứng sử dụng nước của con người vào cùng nhóm.  \* Kết luận: .......  **3. Hoạt động ứng dụng** (1p)  **Liên hệ giáo dục TKNL:** Con người cần nước vào rất nhiều việc. Vậy tất cả chúng ta hãy giữ gìn và bảo vệ nguồn nước ở ngay chính gia đình và địa phương mình. Cũng cần có các biện pháp tiết kiệm nước  **4. Hoạt động sáng tạo *(****1p)* |

**ĐIỀU CHỈNH-BỔ SUNG**

...................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

*Thứ ....... ngày ...... tháng ..... năm .........*

**LUYỆN TỪ VÀ CÂU**

**TÍNH TỪ (tiếp theo)**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Nắm được một số cách thể hiện mức độ của đặc điểm, tính chất (ND Ghi nhớ).

**2. Kĩ năng**

- Nhận biết được từ ngữ biểu thị mức độ của đặc điểm, tính chất (BT1, mục III); bước đầu tìm được một số từ ngữ biểu thị mức độ của đặc điểm, tính chất và tập đặt câu với từ tìm được (BT2, BT3, mục III).

**3. Thái độ**

- Tích cực, tự giác học bài..

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL tự học, NL ngôn ngữ, NL sáng tạo

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: + Bảng lớp viết sẵn 6 câu ở bài tập 1, 2 phần nhận xét.

+ Bảng phụ viết bài tập 1 luyện tập.

+ Bảng nhóm.

- HS: Vở BT, bút, ..

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm,

- KT: động não, đặt câu hỏi, chia sẻ nhóm 2, trình bày 1 phút

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBHT điều hành lớp trả lời, nhận xét  *+ Tính từ là từ miêu tả đặc điểm hoặc tính chất của sự vật, hoạt động, trạng thái,...VD: xanh, cao, thấp,...*  - HS nối tiếp đặt câu | **1. Khởi động *(5p)***  *+ Tính từ là gì? Lấy VD về tính từ.*  + Đặt câu có chứa tính từ  - Dẫn vào bài mới |
| **2. Hình thành KT (15p)**  **\* Mục tiêu:** Nắm được một số cách thể hiện mức độ của đặc điểm, tính chất (ND Ghi nhớ).  **\* Cách tiến hành:** | |
| **Nhóm 2- Lớp**  - HS đọc thành tiếng.  - HS thảo luận cặp đôi để tìm câu trả lời  a/. Tờ giấy màu trắng: Mức độ trắng bình thường.  b/. Tờ giấy màu trăng trắng: mức độ trắng ít.  c/. Tờ giấy màu trắng tinh: mức độ trắng phau.  *+ Ở mức độ trắng trung bình thì dùng tính từ trắng. Ở mức độ ít trắng thì dùng từ láy trăng trắng. Ở mức độ trắng phau thì dùng từ ghép trắng tinh.*  - Lắng nghe.  - HS đọc thành tiếng.  - 2 HS thảo luân nhóm bàn trao đổi và trả lời  *- Ý nghĩa mức độ được thể hiện bằng cách:*  *+ Thêm từ rất vào trước tính từ trắng= rất trắng.*  *+ Tạo ra phép so sánh bằng cách ghép từ hơn, nhất với tính từ trắng = trắng hơn, trắng nhất.*  *- Có 3 cách thể hiện mức độ của đặc điểm, tính chất.*  *+ Tạo ra từ ghép hoặc từ láy với tính từ đã cho.*  *+ Thêm các từ: rất, quá, lắm, vào trước hoặc sau tính từ.*  *+ Tạo ra phép so sánh.*  - 2 HS đọc thành tiếng.  - HS M3, M4 lấy VD về cách thể hiện mức độ của đặc điểm, tính chất. | **a. Nhận xét**  ***Bài 1:***  - Gọi 1 HS đọc yêu cầu  - Yêu cầu HS thảo luận cặp đôi, trả lời câu hỏi.  *+ Em có nhận xét gì về các từ chỉ đặc điểm của tờ giấy?*  ***- GV: Mức độ đặc điểm của tờ giấy được thể hiện bằng cách tạo ra các từ ghép: trắng tinh, hoặc từ láy: trăng trắng từ tính từ trắng đã cho ban đầu.***  ***Bài 2:***  - Gọi 1 HS đọc yêu cầu  - Yêu cầu HS thảo luận và trả lời.  *+ Trong các câu dưới đây, ý nghĩa của mức độ được thể hiện bằng những cách nào?*  *+ Có những cách nào thể hiện mức độ của đặc điểm, tính chất?*  ***b. Ghi nhớ:***  - Gọi HS đọc phần ghi nhớ. |
| **3. Hoạt động thực hành (***18p)*  **\* Mục tiêu:** Nhận biết được từ ngữ biểu thị mức độ của đặc điểm, tính chất, bước đầu tìm được một số từ ngữ biểu thị mức độ của đặc điểm, tính chất và tập đặt câu với từ tìm được  **\* Cách tiến hành:** | |
| **Nhóm 2- Lớp**  - Thực hiện theo yêu cầu của GV.  Đ/a:  Thứ tự từ cần tìm: *thơm* ***đậm*** và ***ngọt, rất*** *xa*, *thơm* ***lắm,*** *Trong* ***ngà*** *trắng* ***ngọc,*** *trắng* ***ngà ngọc,*** *đẹp* ***hơn*,** *lộng lẫy* ***hơn*** và *tinh khiết* ***hơn***.  **Nhóm 4- Lớp**  - HS thảo luận nhóm 4- Chia sẻ lớp  Đ/a: VD về từ "đỏ"  - *Cách1 : (tạo từ ghép, từ láy với tính từ đỏ) đo đỏ, đỏ rực, đỏ hồng, đỏ chót, đỏ chói, đỏ choét, đỏ chon chót, đỏ tím, đỏ sậm, đỏ tía, đỏ thắm, đỏ hon hỏn…*  *- Cách 2 (thêm các từ rất, quá, lắm và trước hoặc sau tính từ đỏ): rất đỏ, đỏ lắm, đỏ quá, quá đỏ, đỏ rực, đỏ vô cùng,*  *- Cách 3: (tạo ra từ ghép so sánh): đỏ hơn, đỏ nhất, đỏ như son, đỏ hơn son, …*  - HS trả lời để củng cố bài học  **Cá nhân –Lớp**  - HS nối tiếp đặt câu, chia sẻ trước lớp  VD:  *+ Mẹ về làm em vui quá!*  *+ Mũi chú hề đỏ chót.*  *+ Bầu trời cao vút.*  *+ Em rất vui mừng khi được cô giáo khen.*  - Ghi nhớ các cách thể hiện mức độ của đặc điểm, tính chất và vận dụng khi viết văn.  - Tìm từ ngữ miêu tả mức độ khác nhau của các đặc điểm: trắng, đen. | ***Bài 1:*** Tìm những từ biểu thị mức độ. . .  - Gọi 1 HS đọc thành tiếng yêu cầu và ND bài tập.  \* Lưu ý giúp đỡ hs M1+M2  - Cho HS hiểu thêm về vẻ đẹp của hoa cà phê để giáo dục tình yêu với các loài cây, tình yêu quê hương, đất nước  ***Bài 2:*** Hãy tìm những từ. . .  - Gọi HS đọc yêu cầu và nội dung.  *+ Có những cách nào để thể hiện mức độ của đặc điểm, tính chất?*  ***Bài 3:*** Đặt câu với mỗi từ ngữ em. . .  - Gọi HS đọc yêu cầu và nội dung.  - Yêu cầu HS tự đặt câu sau đó đọc trước lớp.  \* Lưu ý giúp đỡ hs M1+M2 đặt câu cho hoàn chỉnh.  \* Hs M3+M4 đặt câu với tính từ vừa tìm được có sử dụng các biệ pháp so sánh, nhân hóa.  **4. Hoạt động ứng dụng *(1p)***  **5. Hoạt động sáng tạo *(1p)*** |

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

...................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TOÁN**

***Tiết 60:* LUYỆN TẬP**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- Thực hiện được nhân với số có hai chữ số.

**2. Kĩ năng**

- Vận dụng được vào giải bài toán có phép nhân với số có hai chữ số.

**3. Thái độ**

- Tính chính xác, cẩn thận.

**4. Góp phần phát triển các NL**

- NL tự học, làm việc nhóm, NL tính toán

\* Bài tập cần làm: Bài 1, bài 2 (cột 1, 2), bài 3

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Bảng phụ

- HS: Vở BT, bút

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Quan sát, hỏi đáp, thảo luận nhóm.

- KT: động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** | |
| - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ | **1.Khởi động***:(5p)*  - GV dẫn vào bài mới | |
| **2. Hoạt động thực hành***:(30p)*  **\* Mục tiêu:** Vận dụng nhân với số có 2 chữ số để giải các bài toán liên quan  **\* Cách tiến hành:** | |
| **Cá nhân- Nhóm 2- Lớp**  - HS làm cá nhân- Chia sẻ nhóm 2- Chia sẻ lớp  Đ/a:  17 428 2057  x  x  x  53 39 23  51 3852 6171  85 1284 4114  901 16692 47311  **Nhóm 2- Chia sẻ lớp**  Đ/a:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | m | 3 | 30 | | m x 78 | **234** | **2340** |   **Cá nhân- Lớp**  - HS đọc đề bài- Hỏi đáp nhóm 2 về bài toán  - Làm bài cá nhân- Chia sẻ lớp  Bài giải  24 giờ có số phút là:  60 x 24 = 1440 (phút)  Số lần tim người đó đập trong 24 giờ là:  75 x 1440 = 108 000 (lần)  Đáp số: 108 000 lần  - HS làm vào vở Tự học- Chia sẻ lớp  ***Bài 4:*** Bài giải  Cửa hàng thu được số tiền là:  5200x13 + 5500x18 = 166 600 (đồng)  Đáp số: 166 600 đồng  ***Bài 5:***  Bài giải  Số học sinh của 12 lớp là:  30 x 12 = 360 (học sinh)  Số học sinh của 6 lớp là:  35 x 6 = 210 (học sinh)  Tổng số học sinh của trường là:  360 + 210 = 570 (học sinh)  Đáp số: 570 học sinh  - Ghi nhớ cách nhân với số có 2 c/s  - Suy nghĩ tìm cách giải ngắn gọn với các bài tập 3,4,5 | ***Bài 1:*** Đặt tính rồi tính:  - Gọi HS đọc và xác định yêu cầu bài tập.  - Củng cố cách đặt tính và thực hiện phép nhân với số có hai chữ số.  ***Bài 2 cột 1, 2:*** (HSNK hoàn thành cả bài)  - Treo bảng phụ  - Gọi HS nêu nội dung từng dòng, từng cột trong bảng.  - Nhận xét, chốt đáp án, nêu cách tính giá trị của BT có chứa chữ.  ***Bài 3***  - Gọi HS đọc và xác định yêu cầu bài tập.  - Nhận xét, đánh giá bài làm của HS trong vở  **Bài 4+ Bài 5** ***(bài tập chờ dành cho HS hoàn thành sớm)***  **3. HĐ ứng dụng** (1p)  **4. HĐ sáng tạo** (1p) | |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

...................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

**TẬP LÀM VĂN**

**KỂ CHUYỆN (Kiểm tra viết)**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Viết được bài văn kể chuyện đúng yêu cầu đề bài, có nhân vật, sự việc, cốt truyện (mở bài, diễn biến, kết thúc).

**2. Kĩ năng**

- Diễn đạt thành câu, trình bày sạch sẽ; độ dài bài viết khoảng 120 chữ (khoảng 12 câu).

**3. Thái độ**

- Tích cực, tự giác làm bài.

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL tự học, Sử dụng ngôn ngữ, NL sáng tạo

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: chuẩn bị bảng lớp viết dàn bài vắn tắt của bài văn kể chuyện.

- HS: Vở BT, SGK

**2. Phương pháp, kĩ thuât**

- PP: Hỏi đáp, thảo luận nhóm, quan sát, thực hành.

- KT: đặt câu hỏi, động não, chia sẻ nhóm 2

**II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ | **1. Khởi động *(5p)***  - GV dẫn vào bài mới |
| **2. HĐ thực hành***:(30p)*  **\*Mục tiêu:** - Viết được bài văn kể chuyện đúng yêu cầu đề bài, có nhân vật, sự việc, cốt truyện  - Diễn đạt thành câu, trình bày sạch sẽ; độ dài bài viết khoảng 120 chữ  **\* Cách tiến hành:**  **Đề bài:** Kể một câu chuyện em đã được nghe hoặc được đọc về một người có tấm lòng nhân hậu. | |
| -HS đọc đề.  **Đề bài**: Kể một câu chuyện em đã được nghe hoặc được đọc về một người có tấm lòng nhân hậu.  - HS nêu: Cấu tạo 3 phần (Mở đầu, diễn biến, kết thúc)  + 2 cách MB: Trực tiếp và gián tiếp  + 2 cách KB: Mở rộng và không mở rộng  - HS đọc lại dàn ý  - HS làm bài.  - HS nộp bài.  - Nêu lại cấu tạo bài văn kể chuyện  - Suy nghĩ về các tính tiết sáng tạo trong câu chuyện để chuẩn bị cho tiết trả bài | - Gọi HS đọc và xác định yêu cầu đề bài.  - GV gạch chân dưới các từ quan trọng.  - Gọi HS nêu lại cấu tạo 3 phần bài văn kể chuyện, các cách mở bài, các cách kết bài.  - GV đưa bảng phụ có dàn ý  - Yêu cầu HS làm bài vào vở.  - Theo dõi và nhắc nhở.  \* Lưu ý giúp đỡ hs M1+M2  - Hs M3+M4 viết bài văn giàu hình ảnh, sử dụng tốt các biện pháp nghệ thuật nhân hóa, so sánh.  - Thu, nhận xét chung về tinh thần làm bài  **3. HĐ ứng dụng** *(1p)*  **4. HĐ sáng tạo** *(1p)* |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**ĐỊA LÍ (CT HIỆN HÀNH)**

**ĐỒng BẰng BẮc BỘ**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Nêu được một số đặc điểm tiêu biểu về địa hình, sông ngòi của đồng bằng Bắc Bộ:

+ Đồng bằng Bắc Bộ do phù sa của sông Hồng và sông Thái Bình bồi đắp nên; đây là đồng bằng lớn thứ hai nước ta.

+ Đồng bằng Bắc Bộ có dạng hình tam giác, với đỉnh ở Việt Trì, cạnh đáy là đường bờ biển.

+ Đồng bằng Bắc Bộ có bề mặt khá bằng phẳng, nhiều sông ngòi, có hệ thống đê ngăn lũ.

**2. Kĩ năng**

- Nhận biết được vị trí của đồng bằng Bắc Bộ trên bản đồ (lược đồ) tự nhiên Việt Nam.

- Chỉ một số sông chính trên bản đồ (lược đồ): sông Hồng, sông Thái Bình.

\* HS năng khiếu: Dựa vào ảnh trong SGK, mô tả đồng bằng Bắc Bộ: đồng bằng bằng phẳng với nhiều mảnh ruộng, sông uốn khúc, có đê và mương dẫn nước.

**3. Thái độ**

- HS nêu tác dụng của hệ thống đê ở đồng bằng Bắc Bộ và có ý thức bảo vệ tài nguyên thiên nhiên.

***\* BVMT:***

***-*** *Sự thích nghi và cải tạo môi trường của con người ở miền đồng bằng*

*+Đắp đê ven sông, sử dụng nước để tưới tiêu*

*+Trồng rau xứ lạnh vào mùa đông ở ĐBBB*

*+Cải tạo đất chua mặn ở ĐBBB*

*+Thường làm nhà dọc theo các sông ngòi, kênh rạch*

*+Trồng phi lao để ngăn gió*

*+Trồng lúa, trồng trái cây*

*+Đánh bắt nuôi trồng thủy sản*

*- Một số đặt điểm chính của môi trường và TNTN và khai thác TNTN ở đồng bằng (đất phù sa màu mỡ ở ĐBBB và ĐBNB; môi trường tự nhiên của ĐBDHMT: nắng nóng, bão lụt gây ra nhiều khó khăn với đời sống và HĐSX)*

***\*TKNL:*** *Đồng bằng Bắc Bộ có hệ thống sông ngòi dày đặc, đây là nguồn phù sa tạo ra đồng bằng châu thổ, đồng thời là nguồn nước tưới và nguồn năng lượng quá giá.*

**4. Góp phần phát triển các năng lực:**

- NL tự chủ, NL giải quyết vấn đề, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: + - Bản đồ Địa lí tự nhiên Việt Nam.

- Tranh, ảnh về đồng bằng Bắc Bộ, sông Hồng, đê ven sông (sưu tầm)

- HS: SGK, tranh, ảnh

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm, thuyết trình

- KT: đặt câu hỏi, trình bày một phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm 2

I**II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBVN điêu hành lớp hát, vận động tại chỗ. | **1.Khởi động:***(5p)*    - GV giới thiệu bài mới |
| **2. Bài mới:***(30p)*  **\* Mục tiêu:** - Nêu được một số đặc điểm tiêu biểu về địa hình, sông ngòi của đồng bằng Bắc Bộ:  - Nhận biết được vị trí của đồng bằng Bắc Bộ trên bản đồ (lược đồ) tự nhiên Việt Nam.  **\* Cách tiến hành: Cá nhân- Nhóm-Lớp** | |
| **Cá nhân- Nhóm 2-Lớp**  - HS tìm vị trí đồng bằng Bắc Bộ trên lược đồ.  *+ Đồng bằng Bắc Bộ có dạng hình tam giác với đỉnh ở Việt Trì, cạnh đáy là đường bờ biển*  - Nhóm 2 – Chia sẻ lớp  *+ Sông Hồng và sông Thái Bình.*  *+ Diện tích lớn thứ hai. (rộng khoảng 15000 km2)*  *+ Địa hình khá bằng phẳng và mở rộng ra biển.*  - HS quan sát hình 2.  **Cá nhân – Nhóm 2- Lớp**  - HS quan sát và lên chỉ vào bản đồ.  *+ Vì có nhiều phù sa nên quanh năm sông có màu đỏ*.  - HS lắng nghe.  - Quan sát, lắng nghe  *+ Dâng cao thường gây ngập lụt ở đồng bằng.*  *+ Mùa hạ.*  *+ Nước các sông dâng cao gây lũ lụt.*  - Lắng nghe, liên hệ  **Nhóm 2- Lớp**  *+ Ngăn lũ lụt.*  *+ Hệ thống đê ở đồng bằng sông Hồng ngày càng được đắp cao hơn,*  *+ Tưới tiêu cho đồng ruộng*.  - HS đọc bài học.  +Đắp đê ven sông, sử dụng nước để tưới tiêu  +Trồng rau xứ lạnh vào mùa đông ở ĐBBB  +Cải tạo đất chua mặn ở ĐBBB  +Thường làm nhà dọc theo các sông ngòi, kênh rạch  +Trồng phi lao để ngăn gió  +Trồng lúa, trồng trái cây  +Đánh bắt nuôi trồng thủy sản  - Sưu tầm, trưng bày tranh ảnh về đồng bằng BB | ***Hoạt động1*. Đồng bằng lớn ở miền Bắc:**  - GV treo bản đồ Địa lí tự nhiên lên bảng và chỉ vị trí của đồng bằng Bắc Bộ.  + *Đồng bằng BB có dạng hình gì?*  - GV cho HS dựa vào ảnh đồng bằng Bắc Bộ, kênh chữ trong SGK, trả lời các câu hỏi sau:  *+ Đồng bằng Bắc Bộ do sông nào bồi đắp nên?*  *+ Đồng bằng có diện tích lớn thứ mấy trong các đồng bằng của nước ta?*  *+ Địa hình (bề mặt) của đồng bằng có đặc điểm gì?*  - GV hướng dẫn HS quan sát hình 2 để nhận biết đồng bằng có địa hình thấp, bằng phảng, sông chảy ở giữa đồng bằng thường uốn lượn quanh co. Những nới có màu sẫm hơn là làng mạc của người dân.  **Hoạt động 2: Sông ngòi và hệ thống đê ngăn lũ:**  - GV yêu cầu HS (quan sát hình 1…), sau đó lên bảng chỉ trên bản đồ sông Hồng và sông Thái Bình.  - GV cho HS liên hệ thực tiễn theo gợi ý: *Tại sao sông có tên gọi là sông Hồng?*  - ***GV chỉ trên bản đồ Việt Nam sông Hồng và sông Thái Bình, đồng thời mô tả sơ lược về sông Hồng: Đây là con sông lớn nhất ở miền Bắc, bắt nguồn từ Trung Quốc, đoạn sông chảy qua đồng bằng Bắc Bộ chia thành nhiều nhánh đổ ra biển bằng nhiều cửa, có nhánh đổ ra sông Thái Bình như sông Đuống, sông Luộc: vì có nhiều phù sa nên sông quanh năm có màu đỏ, do đó sông có tên là sông Hồng. Sông Thái Bình do ba sông: sông Thương, sông Cầu, sông Lục Nam hợp thành. Đoạn cuối sông cũng chia thành nhiều nhánh và đổ ra biển bằng nhiều cửa.***  *+ Khi mưa nhiều, nước sông, ngòi, hồ, ao như thế nào?*  *+ Mùa mưa ở đồng bằng Bắc Bộ trùng với mùa nào trong năm?*  *+ Vào mùa mưa, nước các sông ở đây như thế nào?*  ***- GV nói về hiện tượng lũ lụt ở đồng bằng Bắc Bộ khi chưa có đê, khi đê vỡ (nước các sông lên rất nhanh, cuồn cuộn tràn về làm ngập lụt cả đồng ruộng, cuốn trôi nhà cửa, phá hoại mùa màng, gây thiệt hại cho tính mạng và tài sản của người dân …)***  **Hoạt động 3: Nhóm:**  - Cho HS dựa vào kênh chữ trong SGK và vốn hiểu biết của mình để thảo luận theo gợi ý:  *+ Người dân ở đồng bằng Bắc Bộ đắp đê ven sông để làm gì?*  *+ Hệ thống đê ở đồng bằng Bắc Bộ có đặc điểm gì?*  *+ Ngoài việc đắp đê, người dân còn làm gì để sử dụng nước các sông cho sản xuất?*  - GV nói thêm về tác dụng của hệ thống đê, ảnh hưởng của hệ thống đê đối với việc bồi đắp đồng bằng. Sự cần thiết phải bảo vệ đê ven sông ở đồng bằng Bắc Bộ.  **3. Hoạt động ứng dụng *(2p)***  - GV yêu cầu HS lên chỉ đồng bằng và mô tả về đồng bằng sông Hồng, về sông ngòi và hệ thống đê ven sông hoặc nối các mũi tên vào sơ đồ nói về quan hệ giữa khí hậu, sông ngòi và hoạt động cải tạo tự nhiên của người dân đồng bằng Bắc Bộ  ***Vídụ***: Mùa hạ mưa nhiều 🡪 nước sông dâng lên nhanh🡪 gây lũ lụt 🡪 đắp đê ngăn lũ.  GD BVMT & TKNL: Đồng bằng Bắc Bộ có hệ thống sông ngòi dày đặc, đây là nguồn phù sa tạo ra đồng bằng châu thổ, đồng thời là nguồn nước tưới và nguồn năng lượng quá giá. Chúng ta cần làm gì để bảo vệ môi trường, tiết kiệm năng lượng?  **4. Hoạt động sáng tạo** *(1p)* |

**ĐIỀU CHỈNH-BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**SINH HOẠT**

**ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC TUẦN 12**

**I. MỤC TIÊU:**

- Nắm đ­­ược ưu - khuyết điểm trong tuần 12

- Phát huy ­­ưu điểm, khắc phục nh­­ược điểm.

- Biết đ­­ược phư­ơng h­­ướng tuần 13

- GD HS có tinh thần đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau.

- Thu gom giấy vụn, sách báo làm kế hoạch nhỏ

**II. CHUẨN BỊ:**

- GV: Nắm được ưu – khuyết điểm của HS trong tuần

- HS: Chủ tịch Hội đồng tự quản và các Trưởng ban chuẩn bị ND báo cáo.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG CHÍNH:**

***1. Khởi động***

- Lớp tham gia trò chơi: Truyền tin

***2. Lớp báo cáo hoạt động trong tuần:***

- 4 Trưởng ban lên nhận xét các thành viên trong tổ và xếp loai từng thành viên.

- Tổ viên các tổ đóng góp ý kiến.

- Chủ tịch HĐTQ lên nhận xét chung các ban.

- GV nhận xét chung:

+ Nề nếp:

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

+ Học tập:

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

***3. Ph­ương h­­ướng tuần sau:***

- Tiếp tục thi đua: Học tập tốt, thực hiện tốt nề nếp, vâng lời thầy cô, nói lời hay làm việc tốt.

..........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

***4. Lớp văn nghệ - múa hát tập thể.***

**TUẦN 13** *Thứ ....... ngày ...... tháng ..... năm .........*

**TẬP ĐỌC**

**NGƯỜI TÌM ĐƯỜNG LÊN CÁC VÌ SAO**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Hiểu ND: Ca ngợi nhà khoa học vĩ đại Xi-ôn-cốp-xki nhờ nghiên cứu kiên trì, bền bỉ suốt 40 năm, đã thực hiện thành công mơ ước tìm đường lên các vì sao (trả lời được các câu hỏi trong SGK).

**2. Kĩ năng**

- Đọc đúng tên riêng nước ngoài (Xi-ôn-cốp-xki); biết đọc phân biệt lời nhân vật và lời dẫn câu chuyện.

**3. Thái độ**

- GD HS tính kiên trì, bền bỉ.

**4. Góp phần phát triển năng lực**

**-** Năng lực tự học, NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ.

*\** ***KNS:*** *Xác định giá trị, tự nhận thức về bản thân, đặt mục tiêu, quản lí thời gian.*

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: + Tranh minh hoạ bài tập đọc (phóng to nếu có điều kiện).

+ Bảng phụ viết sẵn đoạn luyện đọc

+ Chân dung nhà bác học Xi-ôn-côp-xki.

+ Tranh ảnh về khinh khí cầu, tên lửa, con tàu vũ trụ.

- HS: SGK, vở viết

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- Phương pháp: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm.

- Kĩ thuật: Kĩ thuật đặt câu hỏi, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| -TBHT điều hành lớp trả lời, nhận xét  *+ Vì thầy giáo chỉ cho cậu vẽ trứng*  *+ Ông trở thành hoạ sĩ nổi tiếng thế giới với nhiều tác phẩm hội hoạ xuất sắc.* | **1. Khởi động:** *(5p)*  *+ Vì sao trong những ngày đầu học vẽ, cậu bé Lê- ô- nác- đô cảm thấy chán ngán?*  *+ Lê- ô- nác- đô đa Vin-xi đã thành công như thế nào?*  - GV nhận xét, dẫn vào bài  - Cho HS quan sát tranh nhà bác học Xi-ôn-cốp-xki. |
| **2. Luyện đọc:** *(8-10p)*  **\* Mục tiêu:** Đọc đúng tên riêng nước ngoài (Xi-ôn-cốp-xki); biết đọc phân biệt lời nhân vật và lời dẫn câu chuyện, bước đầu biết đọc diễn cảm đoạn văn, hiểu nghĩa một số từ ngữ.  \* **Cách tiến hành:** | |
| - 1 HS đọc bài, cả lớp đọc thầm  - Lắng nghe  - Lớp trưởng điều hành cách chia đoạn  - Bài được chia làm 4 đoạn  + Đoạn 1: *Từ nhỏ … đến vẫn bay được.*  + Đoạn 2: *Để tìm điều … đến tiết kiệm thôi*.  + Đoạn 3: *Đúng là … đến các vì sao*  + Đoạn 4: *Phần còn lại.*  - Nhóm trưởng điều hành nhóm đọc nối tiếp đoạn trong nhóm lần 1 và phát hiện các từ ngữ khó (*Xi-ôn-cốp-xki,* *rủi ro, non nớt, nảy ra, pháo thăng thiên,....)*  - Luyện đọc từ khó: Đọc mẫu (M4)-> Cá nhân (M1)-> Lớp  - Giải nghĩa từ khó (đọc chú giải)  - HS đọc nối tiếp đoạn lần 2 theo điều khiển của nhóm trưởng  - Các nhóm báo cáo kết quả đọc  - 1 HS đọc cả bài (M4) | - Gọi 1 HS đọc bài (M3)  - GV lưu ý giọng đọc cho HS: Toàn bài đọc với giọng trang trọng, cảm hứng, ca ngợi, khâm phục.  + Nhấn giọng những từ ngữ: *nhảy quan gãy chân, vì sao, không biết bao nhiêu, hì hục, hàng trăm lần, chinh phục…*  - GV chốt vị trí các đoạn:  - Lưu ý sửa lỗi đọc và ngắt nghỉ cho các HS (M1)    - Cho HS quan sát tranh khinh khí cầu |
| **3.Tìm hiểu bài:** *(8-10p)*  **\* Mục tiêu:** HS hiểu ca ngợi nhà khoa học vĩ đại Xi-ôn-cốp-xki nhờ nghiên cứu kiên trì, bền bỉ suốt 40 năm, đã thực hiện thành công mơ ước tìm đường lên các vì sao (trả lời được các câu hỏi trong SGK).  **\* Cách tiến hành: *Làm việc nhóm 4 – Chia sẻ trước lớp*** | |
| - HS làm việc theo nhóm 4 – Chia sẻ kết quả dưới sự điều hành của TBHT  *+ Xi-ôn-côp-xki mơ ước được bay lên bầu trời.*  *+ Hình ảnh quả bóng không có cánh mà vẫn bay được đã gợi cho Xi-ôn-côp-xki tìm cách bay vào không trung.*  **- Đoạn 1 nói lên ước mơ của Xi-ôn-cốp-xki.**  *+ Để tìm hiểu bí mật đó, Xi-ôn-côp-xki đã đọc không biết bao nhiêu là sách, ông hì hục làm thí nghiệm có khi đến hàng trăm lần.*  *+ Để thực hiện ước mơ của mình ông đã sống kham khổ, ông đã chỉ ăn bánh mì suông, để dành tiền mua sách vở và dụng cụ thí nghiệm. Sa Hoàng không ủng hộ phát minh bằng khinh khí cầu bay bằng kim loại của ông nhưng ông không nản chí. Ông đã kiên trì nghiên cứu và thiết kế thành công tên lửa nhiều tầng, trở thành phương tiện bay tới các vì sao từ chiếc pháo thăng thiên.*  *+ Xi-ôn-côp-xki thành công vì ông có ước mơ đẹp chinh phục các vì sao, có nghị lực, quyết tâm thực hiện ước mơ.*  \*Ước mơ của Xi-ôn-côp-xki.  \*Người chinh phục các vì sao.  \*Ông tổ của ngành du hành vũ trụ.  \*Quyết tâm chinh phục bầu trời.  **Nội dung**: **Truyện ca ngợi nhà khoa học vĩ đại Xi-ôn-côp-xki, nhờ khổ công nghiên cứu, kiên trì bền bỉ suốt 40 năm đã thực hiện thành công ước mơ lên các vì sao.**  - HS ghi nội dung bài vào vở | - GV phát phiếu học tập cho các nhóm  *+ Xi-ôn-côp-xki mơ ước điều gì?*  *+ Theo em hình ảnh nào đã gợi ước muốn tìm cách bay trong không trung của Xi-ôn-côp-xki?*  *+ Đoạn 1 cho em biết điều gì?*  *+ Để tìm hiểu điều bí mật đó, Xi-ôn-côp-xki đã làm gì?*  *+ Ông kiên trì thực hiện ước mơ của mình như thế nào?*  *+ Nguyên nhân chính giúp ông thành công là gì*  *+ Em hãy đặt tên khác cho truyện.*  + Nêu nội dung chính của bài. |
| **4. Luyện đọc diễn cảm***(8-10p)*  **\* Mục tiêu:** HSđọc diễn cảm được đoạn số 1+2 của bài  **\* Cách tiến hành: Hoạt động cá nhân – nhóm - cả lớp** | |
| - HS nêu lại giọng đọc cả bài  - 1 HS M4 đọc mẫu toàn bài  - Nhóm trưởng điều hành:  + Luyện đọc theo nhóm  + Vài nhóm thi đọc trước lớp.  - Bình chọn nhóm đọc hay.  - HS nêu  - Nêu các tấm gương về những người bền bỉ theo đuổi ước mơ mà em biết trong cuộc sống. | - Yêu cầu HS nêu giọng đọc toàn bài.  - Yêu cầu đọc diễn cảm đoạn 1+2, lưu ý phân biệt lời các nhân vật.  - GV nhận xét, đánh giá chung  **5. Hoạt động ứng dụng** *(1 phút)*  + Em học được điều gì Xi-ôn-cốp-xki?  - Liên hệ giáo dục: ý chí bền bỉ theo đuổi ước mơ đến cùng  **6. Hoạt động sáng tạo** *(1 phút)* |

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TOÁN**

***Tiết 61:* GIỚI THIỆU NHÂN NHẨM SỐ CÓ HAI CHỮ SỐ VỚI 11**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Biết cách nhân nhẩm số có hai chữ số với 11.

**2. Kĩ năng**

- Thực hiện thành thạo nhân nhẩm với 11, ứng dụng vào giải toán có lời văn.

**3. Thái độ**

- HS có thái độ học tập tích cực.

**4. Góp phần phát triển năng lực:**

**-** Năng lực tự học, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL tư duy - lập luận logic.

\*Bài tập cần làm: Bài 1; bài 3.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Phiếu học tập

- HS: Sách, bút

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- Phương pháp vấn đáp, động não, thực hành, đặt và giải quyết vấn đề, hoạt động nhóm, trò chơi học tập

- Kĩ thuật đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC;**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - HS tham gia chơi  - Nêu cách tính thuận tiện, cách nhân nhẩm với 10, 100, 1000,... | **1. Khởi động:** *(5p)*  Trò chơi: **Ai nhanh ai đúng**  2 x 134 x 5  42 x 5 x 2  138 x 4 x 25  5 x 9 x 3 x 2  - GV giới thiệu vào bài |
| **2. Hình thành kiến thức***:(15p)*  **\* Mục tiêu:** Biết cách nhân nhẩm số có hai chữ số với 11.  **\* Cách tiến hành: Cá nhân – Nhóm- Lớp** | |
| - HS làm cá nhân- Chia sẻ nhóm 2- chia sẻ lớp  27  x11  27  27  297  *+ Đều bằng 27.*  *+ Số 297 chính là số 27 sau khi được viết thêm tổng hai chữ số của nó (2 + 7 = 9) vào giữa.*  \* 2 cộng 7 = 9  \* Viết 9 vào giữa 2 chữ số của số 27 được 297.  \* Vậy 27 x 11 = 297  - HS nhẩm vào giấy nháp – Chia sẻ nhóm 2- chia sẻ lớp- Nêu cách nhẩm  48  x11  48  48  528  *+ Đều bằng 48.*  + 48 x 11 = 528.  - 8 là hàng đơn vị của 48.  - 2 là hàng đơn vị của tổng hai chữ số của 48 (4 + 8 = 12).  - 5 là 4 + 1 với 1 là hang chục của 12 nhớ sang  - 4 công 8 bằng 12.  + Viết 2 vào giữa hai chữ số của 48 được 428.  + Thêm 1 vào 4 của 428 được 528.  + Vậy 48 x 11 = 528.  - HS thực hiện nhẩm cá nhân- chia sẻ nhóm 2- chia sẻ lớp- Nêu cách nhân nhẩm. | a. GV viết lên bảng phép tính 27 x 11.  - Yêu cầu HS đặt tính và thực hiện phép tính trên.  *+ Em có nhận xét gì về hai tích riêng của phép nhân trên?*  *+ Em có nhận xét gì về kết quả của phép nhân 27 x 11 = 297 so với số 27? Các chữ số giống và khác nhau ở điểm nào?*  *+ Vậy ta có cách nhân nhẩm 27 với 11 như thế nào?*  - Yêu cầu HS nhân nhẩm 41 với 11.  ***- GV: Các số 27, 41 đều có tổng hai chữ số nhỏ hơn 10, vậy với trường hợp hai chữ số lớn hơn 10 như các số 48,57, … thì ta thực hiện thế nào?***  b. Viết lên bảng phép tính 48 x 11=?  - Yêu cầu HS áp dụng cách nhân nhẩm đã học trong phần a để nhân nhẩm 11.  - Yêu cầu HS đặt tính và thực hiện phép tính trên.    *+ Em có nhận xét gì về hai tích riêng của phép nhân trên?*  *+ Vậy em hãy dựa vào bước cộng các tích riêng của phép nhân 48 x11 để nhận xét về các chữ số trong kết quả phép nhân*    - Vậy ta có cách nhân nhẩm 48 x 11 như thế nào?    - BT: nhân nhẩm 58 x 11.  \* Lưu ý giúp đỡ hs M1+M2 |
| **3. HĐ thực hành (18p)**  **\* Mục tiêu**: Thực hiện thành thạo nhân nhẩm với 11, ứng dụng vào giải toán có lời văn.  **\* Cách tiến hành** | |
| - Thực hiện cá nhân - Chia sẻ nhóm 2- chia sẻ lớp  Đ/a:  34 x 11 = 374  11 x 95 = 1045  82 x 11 = 902  - Đọc đề bài – Hỏi đáp nhóm 2 về bài toán  - Làm cá nhân - Chia sẻ lớp  Bài giải  Số hàng cả hai khối lớp xếp được là  17 + 15 = 32 (hàng)  Số học sinh của cả hai khối lớp  11 x 32 = 352 (học sinh)  Đáp số: 352 học sinh  - HS làm vở Tự học - Chia sẻ lớp  Bài 2:  a) X : 11 = 25 b) X : 11 = 78  X = 25 x 11 X = 78 x 11  X = 275 X = 858  Bài 4: Ý đúng: b  - Ghi nhớ cách nhân nhẩm số có 2 chữ số với 11  BT PTNL: Tính giá trị của các biểu thức sau bằng cách thuận tiện:  a. 12 x 11 + 211 x 11 + 11 x 33  b. 132 x 11 - 11 x 32 - 54 x 11 | ***Bài 1: Tính nhẩm.***  - Gọi HS đọc yêu cầu bài tập.  - Yêu cầu HS tự nhân nhẩm và ghi kết quả vào vở.  - Củng cố cách nhân nhẩm một số với 11.  ***Bài 3:***  - Nhận xét, đánh giá bài làm trong vở của HS  \* Giúp đỡ hs M1+M2  **Bài 2+ 4: *(Bài tập chờ dành cho HS hoàn thành sớm)***  **4. Hoạt động ứng dụng *(1p)***  **5. Hoạt động sáng tạo *(1p)*** |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**KHOA HỌC**

**NƯỚC BỊ Ô NHIỄM**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Nêu đặc điểm chính của nước sạch và nước bị ô nhiễm:

+ Nước sạch: trong suốt, không màu, không mùi, không vị, không chứa các vi sinh vật hoặc các chất hoà tan có hại cho sức khoẻ con người.

+ Nước bị ô nhiễm: có màu, có chất bẩn, có mùi hôi, chứa vi sinh vật nhiều quá mức cho phép, chứa các chất hoà tan có hại cho sức khoẻ.

**2. Kĩ năng**

- Làm thí nghiệm để xác định được nước sạch và nước bị ô nhiễm

**3. Thái độ**

- Biết cách sử dụng nước hợp lí, tiết kiệm TNTN..

**4. Góp phần phát triển các năng lực:**

- NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL hợp tác.

***\* KNS:*** *- Tìm kiếm và xử lí thông tin về nguyên nhân làm nước bị ô nhiễm*

*- Trình bày thông tin về nguyên nhân làm nguồn nước bị ô nhiễm*

*- Bình luận, đánh giá về các hành động gây ô nhiễm môi trường*

***\* BVMT:*** *Ô nhiễm không khí, nguồn nước*

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: + Kính hiển vi, kính lúp theo nhóm (nếu có)

+ Mẫu bảng tiêu chuẩn đánh giá (phô- tô theo nhóm).

- HS: chuẩn bị theo nhóm:

+ Một chai nước sông hay hồ, ao (hoặc nước đã dùng như rửa tay, giặt khăn lau bảng), một chai nước giếng hoặc nước máy.

+ Hai vỏ chai.

+ Hai phễu lọc nước; 2 miếng bông.

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: quan sát, hỏi đáp, thảo luận, trò chơi học tập, thí nghiệm.

- KT: Động não, chia sẻ nhóm đôi, tia chớp

**II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt đông của của học sinh** | **Hoạt đông của giáo viên** |
| - HS trả lời dưới sự điều hành của TBHT  *+ Nước chiếm phần lớn trọng lượng cơ thể. . .*  *+ Nước được sủ sụng để tưới tiêu trong nông nghiệp. .* . | **1, Khởi động *(4p)***  + Em hãy nêu vai trò của nước đối với đời sống của người, động vật, thực vật?  + Nước có vai trò gì trong sản xuất nông  nghiệp? Lấy ví dụ.  - GV nhận xét, khen/ động viên, dẫn vào bài mới. |
| **2. Bài mới:***(30p)*  **\* Mục tiêu:** Hoàn thành sơ dồ vòng tuần hoàn của nước trong tự nhiên và mô tả được vòng tuần hoàn.  **\* Cách tiến hành: Cá nhân-Nhóm –Lớp** | |
| **Nhóm 4- Lớp**    - Báo cáo kết quả chuẩn bị.  + HS đọc nội dung SGK. (T52)  - HS làm việc theo nhóm – Chia sẻ kết quả trước lớp:  + Miếng bông lọc chai nước mưa (máy, giếng) sạch không có màu hay mùi lạ vì nước này sạch.  + Miếng bông lọc chai nước sông (hồ, ao) hay nước đã sử dụng có màu vàng, có nhiều đất, bụi, chất bẩn nhỏ đọng lại vì nước này bẩn, bị ô nhiễm.  *+ Những thực vật, sinh vật em nhìn thấy sống ở ao, (hồ, sông) là: Cá, tôm, cua, ốc, rong, rêu, bọ gậy, cung quăng, …*  - HS lắng nghe.  - HS quan sát, đưa ra ý kiến.  **Nhóm 4- Lớp**  - HS nhận phiếu và thảo luận theo nhóm.  **Phiếu học tập.**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Tiêu chuẩn | Nước bị ô nhiễm | Nươc sạch | | 1. Màu |  |  | | 2. Vị |  |  | | 3. Mùi |  |  | | 4. Vi sinh vật |  |  | | 5. Các chất hoà tan |  |  |   - HS sửa chữa phiếu.  *+ Không xả rác xuống ao hồ, sông, ngòi.*  *+ Tuyên truyền, vận động mọi người cùng giữ gìn, bảo vệ môi trường....*  *+ Nước bị ô nhiễm làm cho bầu không khí cũng ô nhiễm do bị mùi hôi thối của nước bốc lên.*  - Vẽ và trưng bày tranh về ô nhiễm nguồn nước và tác hại của ô nhiễm nguồn nước. | **HĐ1: Tìm hiểu một số đặc điểm của nước trong tự nhiên**:  - Đề nghị các nhóm trưởng báo cáo việc chuẩn bị của nhóm mình.  - Yêu cầu HS đọc SGK, quan sát và thực hành.  - GV giúp đỡ các nhóm gặp khó khăn.  *+ Qua thí nghiệm chứng tỏ nước sông hay hồ, ao hoặc nước đã sử dụng thường bẩn, có nhiều tạp chất như cát, đất, bụi, … nhưng ở sông, (hồ, ao) còn có những thực vật hoặc sinh vật nào sống?*  ***GV: Đó là những thực vật, sinh vật mà bằng mắt thường chúng ta nhìn thấy, còn có những sinh vật mà mắt thường không thể nhìn thấy. Với kính lúp chúng ta sẽ biết được những điều lạ ở nước sông, hồ, ao.***  - Yêu cầu 3 HS quan sát nước ao, (hồ, sông) qua kính hiển vi.  - Yêu cầu từng em đưa ra những gì em nhìn thấy trong nước đó.  **HĐ2: Tiêu chuẩn đánh giá nước bị ô nhiễm và nước sạch:**  - GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm:  - GV giúp đỡ các nhóm gặp khó khăn.  Phiếu có kết quả đúng là:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Tiêu chuẩn | Nước bị ô nhiễm | Nước sạch | | 1. Màu | Có màu, vẩn đục | Không màu, trong suốt | | 2. Vị |  | Không vị | | 3. Mùi | Có mùi hôi |  | | 4. Vi sinh vật | Nhiều quá mức cho phép | Không có hoặc ít không đủ gây hại | | 5. Các chất hoà tan | Chứa các chất hoà tan có hại cho SK | Không có hoặc co ù. . . |   **3. HĐ ứng dụng *(1p)***  *+ Cần làm gì để bảo vệ nguồn nước?*  *+ Nguồn nước ô nhiễm có ảnh hưởng tới không khí không?*  **4. HĐ sáng tạo *(1p)*** |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

:..............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

*Thứ ....... ngày ...... tháng ..... năm .........*

**CHÍNH TẢ**

**NGƯỜI TÌM ĐƯỜNG LÊN CÁC VÌ SAO**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức:**

- Nghe -viết đúng bài CT; trình bày đúng hình thức đoạn văn

- Làm đúng BT2a, BT3a phân biệt l/n

**2. Kĩ năng:**

**-** Rèn kĩ năng viết đẹp, viết đúng chính tả.

**3. Thái độ:**

**-** Giáo dục tính cẩn thận, chính xác, yêu thích chữ viết

**4. Góp phần phát triển năng lực:**

**-** NL tự chủ và tự học, NL sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Bảng phụ, phiếu học tập.

- HS: Vở, bút,...

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- Phương pháp vấn đáp, động não, quan sát, thực hành, đặt và giải quyết vấn đề, hoạt động nhóm, trò chơi học tập.

- Kĩ thuật đặt câu hỏi, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBVN điều hành HS cùng hát kết hợp với vận động tại chỗ | **1. Khởi động: (***2p***)**  - GV dẫn vào bài mới |
| **2. Chuẩn bị viết chính tả:** *(6p)*  **\* Mục tiêu:** HS hiểu được nội dung bài CT, viết được các từ khó, dễ lẫn và các hiện tượng chính tả, cách viết đoạn văn.  **\* Cách tiến hành:** | |
| - 1 HS đọc- HS lớp đọc thầm  *+ Đoạn văn viết về nhà bác học người Nga Xi-ôn-côp-xki.*  *+ ....đọc không biết bao nhiêu là sách, hì hục làm thí nghiệm hàng trăm lần, tiết kiệm tiền mua sách và dụng cụ thí nghiệm.*  *-* HS nêu từ khó viết*: Xi-ôn-côp-xki, dại dột, cửa sổ, rủi ro, non nớt, thí nghiệm,…*  *-* Viết từ khó vào vở nháp | a. Trao đổi về nội dung đoạn cần viết  - Gọi HS đọc đoạn văn cần viết  *+ Đoạn văn viết về ai?*  *+ Xi-ôn-cốp-xki đã kiên trì theo đuổi ước mơ như thế nào?*  - Hướng dẫn viết từ khó: Gọi HS nêu từ khó, sau đó GV đọc cho HS luyện viết. |
| **3. Viết bài chính tả:** *(15p)*  **\* Mục tiêu:** Hs nghe -viết tốt bài chính tả theo hình thức đoạn văn.  **\* Cách tiến hành:** | |
| - HS nghe - viết bài vào vở | - GV đọc bài cho HS viết  - GV theo dõi và nhắc nhở, giúp đỡ HS viết chưa tốt.  - Nhắc nhở cách cầm bút và tư thế ngồi viết. |
| **4. Đánh giá và nhận xét bài:** *(5p)*  **\* Mục tiêu:** Giúp HS tự đánh giá được bài viết của mình và của bạn. Nhận ra các lỗi sai và sửa sai  **\* Cách tiến hành: Cá nhân- Cặp đôi** | |
| - Học sinh xem lại bài của mình, dùng bút chì gạch chân lỗi viết sai. Sửa lại xuống cuối vở bằng bút mực  - Trao đổi bài (cặp đôi) để soát hộ nhau  - Lắng nghe. | - Cho học sinh tự soát lại bài của mình theo.  - GV nhận xét, đánh giá 5 - 7 bài  - Nhận xét nhanh về bài viết của HS |
| **5. Làm bài tập chính tả:** *(5p)*  **\* Mục tiêu:** Giúp HS phân biệt được ch/tr  **\* Cách tiến hành: Cá nhân-Cặp đôi- Chia sẻ trước lớp** | |
| - HS tham gia trò chơi dưới sự điều hành của GV  Đáp án:  *Có hai tiếng đều bắt đầu bằng* ***l****: Lỏng lẻo, long lanh, lóng lánh, lung linh, lơ lửng, lấp lửng, lập lờ, lặng lẽ, lững lờ, lấm láp, lọ lem, lộng lẫy, lớn lao, lố lăng, lộ liễu….*  *-Có hai tiếng bắt đầu bằng* ***n****: Nóng nảy, nặng nề, não nùng, năng nổ, no nê, non nớt, nõn nà, nông nổi, náo nức, nô nức,*  - HS làm cá nhân- Chia sẻ nhóm 2- Chia sẻ lớp  Đáp án:  a. nản chí  b. lí tưởng  c. lạc đường  - Viết lại 5 lần các từ viết sai trong bài chính tả  - Đặt câu với 1 từ láy em tìm được ở bài 2a. | **Bài 2a:** Tìm các từ láy  - GV tổ chức trò chơi ***Tiếp sức*** giữa các tổ  - GV tổng kết trò chơi, tuyên dương HS  **Bài 3a**  **6. Hoạt động ứng dụng** *(1p)*  **7. Hoạt động sáng tạo** *(1p)* |

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TOÁN**

***Tiết 62:* NHÂN VỚI SỐ CÓ 3 CHỮ SỐ**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Biết cách nhân với số có ba chữ số.

**2. Kĩ năng**

- Thực hiện nhân được với số có 3 chữ số và vận dụng giải các bài toán liên quan.

**3. Thái độ**

- HS tích cực, cẩn thận khi làm bài

**4. Góp phần phát huy các năng lực**

**-** Năng lực tự học, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL tư duy - lập luận logic.

\* BT cần làm: Bài 1, bài 3.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Bảng phụ

-HS: SGK,...

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm

- Kĩ thuật: đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của HS** | **Hoạt động của GV** |
| - HS làm cá nhân- Chia sẻ nhóm 2-Chia sẻ lớp  164 x 123  = 164 x (100 + 20 + 3)  = 164 x 100 + 164 x 20 + 164 x 3  = 1640 + 3280 + 492 = 20172. | **1. Khởi động *(5p)***  - Áp dụng tính chất một số nhân một tổng tính:  164 x 123 =?  - GV chữa bài, nhận xét, khen/ động viên.  - Dẫn vào bài mới |
| **2. Hình thành kiến thức mới (15p)**  **\* Mục tiêu:** Biết cách nhân với số có 3 chữ số  **\* Cách tiến hành:** **Cá nhân- Nhóm – Lớp** | |
| *+ Thực hiện 3 phép nhân là 164 x100, 164 x 20 và 164 x 3, sau đó thực hiện một phép cộng 3 số*  *16 400 + 3280 + 492 = 20 172*  - HS chia sẻ cách đặt tính – HS thực hiện phép tính - Chia sẻ nhóm 2 - Chia sẻ lớp  164  x123  492  328  164  20172  *+ Lần lượt nhân từng chữ số của 123 x164 theo thứ tự từ phải sang trái*  *+Tích riêng thứ hai viết lùi sang bên trái 1 cột vì nó là 328 chục, nếu viết đầy đủ là 3 280. Tích riêng thứ ba viết lùi sang bên trái hai cột vì nó là 164 trăm, nếu viết đầy đủ là 16 400.* | - GV viết lại phép tính phần kiểm tra bài cũ: 164 x 23  - GV nêu vấn đề: *Để tính 164 x123, theo cách tính trên chúng ta phải thực hiện mấy phép tính?*  - Để tránh thực hiện nhiều bước tính như trên, người ta tiến hành đặt tính và thực hiện tínnh nhân theo cột dọc. Dựa vào cách đặt tính nhân với số có hai chữ số, bạn nào có thể đặt tính 164 x 123?  *+ Hãy nêu cách thực hiện phép tính.*  - GV giới thiệu:  \* 492 gọi là tích riêng thứ nhất.  \* 328 gọi là tích riêng thứ hai.  \*164 gọi là tích riêng thứ ba  *+ Nêu cách viết các tích riêng*  - GV chốt cách đặt tính, thực hiện phép tính và cách viết các tích riêng. |
| **3. Hoạt động thực hành (18p)**  **\* Mục tiêu**: Nhân được với số có 3 chữ số và vận dụng giải các bài toán liên quan  **\* Cách tiến hành: Cá nhân-Nhóm 2- Lớp** | |
| - Thực hiện theo YC của GV.  - HS làm cá nhân- Chia sẻ nhóm 2- Chia sẻ lớp  a. 248 b. 1163 c. 3124  x x x  321 125 213  - HS làm cá nhân- Chia sẻ lớp  Đáp án:  Bài giải  Diện tích của mảnh vuờn là  125 x 125 = 15625 (m2)  Đáp số: 15625 m2  **-** HS làm bài vào vở Tự học- Chia sẻ lớp  - Ghi nhớ cách nhân với số có 3 chữ số.  BT PTNL: (M3+M4) Một khu đất hình chữ nhật có chu vi là 456m, chiều dài hơn chiều rộng là 24m. Tính diện tích của khu đất đó? | ***Bài 1: Đặt tính rồi tính.***  - Gọi HS đọc yêu cầu bài tập.  - Củng cố cách đặt tính và thực hiện phép nhân với số có 3 chữ số.  \* Chú ý giúp đỡ hs M1+M2 cách đặt tính và thực hiện phép tính.  **Bài 3**  - Gọi HS đọc đề bài,  - GV chữa, nhận xét, đánh giá một số bài trong vở của HS.  - Củng cố cách tính diện tích hình vuông  **Bài 2 *(Bài tập chờ dành cho HS hoàn thành sớm)***  **-**  GV lưu ý HS phép nhân: 262 x 130 (lần nhân thứ nhất là nhân với chữ số 0 nên ta chỉ cần viết 2 tích riêng)  **4. Hoạt động ứng dụng** *(1p)*  **5. Hoạt động sáng tạo** *(1p)* |

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**LỊCH SỬ**

**CuỘc Kháng ChiẾn ChỐng Quân TỐng**

**Xâm LưỢc LẦN THỨ HAi (1075 – 1077)**

**1. Kiến thức**

- Hiểu được vài nét về công lao Lý Thường Kiệt: người chỉ huy cuộc kháng chiến chống quân Tống lần thứ hai thắng lợi.

- Biết những nét chính về trận chiến tại phòng tuyến sông Như Nguyệt

+ Lý Thường Kiệt chủ động xây dựng phòng tuyến trên bờ nam sông Như Nguyệt.

+ Quân địch do Quách Quý chỉ huy từ bờ bắc tổ chức tiến công.

+ Lý Thường Kiệt chỉ huy quân ta bất ngờ đánh thẳng vào doanh trại giặc.

+ Quân địch không chống cự nổi, tìm đường tháo chạy.

**2. Kĩ năng**

- Dựa vào lược đồ, kể lại được cuộc chiến đấu bảo vệ phòng tuyến phía Nam sông Như Nguyệt.

**3. Thái độ**

- HS có thái độ tôn trọng, tự hào với truyền thống lịch sử lâu đời của dân tộc.

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL ngôn ngữ, NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: + Phiếu học tập của HS.

+ Lược đồ cuộc kháng chiến chống quân tống lần thứ hai.

- HS: SGK.

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm.

- KT: Kĩ thuật đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBHT điều hành lớp trả lời, nhận xét.  *+ Đạo Phật dạy người ta phải biết thương yêu đồng loại, biết nhường nhịn nhau,. . . Những điều này phù hợp với lối sống và cách nghĩ của người Việt,. . .*  *+ Chùa thời Lý là nơi tu hành của các nhà sư, là nơi tế lễ. . .* | **1.Khởi động:***(4p)*  *+Vì sao đến thời Lý đạo Phật trở nên thịnh đạt nhất?*    *+ Thời Lý chùa được sử dụng vào việc gì.*  - GV nhận xét, khen/ động viên. |
| **2.Bài mới:***(30p)*  ***\* Mục tiêu*** - Hiểu được vài nét về công lao Lý Thường Kiệt: người chỉ huy cuộc kháng chiến chống quân Tống lần thứ hai thắng lợi. Biết những nét chính về trận chiến tại phòng tuyến sông Như Nguyệt  ***\* Cách tiến hành: Cá nhân – Nhóm - Lớp***  \****Giới thiệu bài****:*  Sau lần thất bại đầu tiên của cuộc tiến công xâm lược nước ta lần thứ nhất năm 981, nhà Tống luôn ấp ủ âm mưu xâm lược nước ta một lần nữa. Năm 1072, vua Lý Thánh Tông từ trần, vua Lý Nhân Tông lên ngôi khi mới 7 tuổi, nhà Tống coi đó là cơ hội tốt, liền xúc tiến việc chuẩn bị xâm lược nước ta. Trong hoàn cảnh đó ai sẽ là người lãnh đạo nhân dân kháng chiến. Cuộc kháng chiến chống quân Tống xâm lược lần thứ 2 diễn ra thế nào? ... | |
| **Nhóm 2 – Lớp**  **-** HS đọcSGK đoạn: “*Năm 1072 … rồi rút về*”.    - HS thảo luận nhóm 2- Chia sẻ lớp  + Ý kiến thứ hai đúng: Vì, trước đó lợi dụng việc vua Lý mới lên ngôi còn nhỏ quá, quân Tống đã chuẩn bị xâm lược: Lý Thường Kiệt cho quân đánh sang đất Tống, triệt phá nơi tập trung quân lương của giặc rồi kéo về nước.  **Nhóm 4- Lớp**  - Thảo luận- Chia se dưới sự điều hành của TBHT.  *+ Ông chủ động cho xây dựng phòng tuyến trên bờ phía nam sông Như Nguyệt (một khúc sông Cầu)*  *+ Cuối năm 1076, nhà Tống cho 10 vạn bộ binh, 1 vạn ngựa, 20 vạn dân phụ, dưới sự chỉ huy của tướng Quách Quỳ. . .*  *+ Trận quyết chiến giữa ta và giặc diễn ra ở phòng tuyến sông Như Nguyệt. Quân giặc ở bờ Bắc, quân ta ở phía Nam.*  - HS thuật lại. (có thể dùng lược đồ)  **Cá nhân- Lớp**  - HS đọc.  *+ Quân tống bị chết quá nửa,. . . Ta thắng lợi hoàn toàn.*  - HS nối tiếp nêu ý kiến  - Nghe  *+ Cuộc kháng chiến chống quân Tống xâm lược lần thứ 2 đã kết thúc thắng lợi vẻ vang, nền độc lập của nước nhà được giữ vững.*  - Ghi nhớ nội dung bài học  - Kể chuyện lịch sử vể Lí Thường Kiệt. | **HĐ1: Nguyên nhân của cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Tống**  - GV đặt vấn đề cho HS thảo luận: Việc Lý Thường Kiệt cho quân sang đất Tống có hai ý kiến khác nhau:  + Để xâm lược nước Tống.  + Để phá âm mưu xâm lược nước ta của nhà Tống.  - Căn cứ vào đoạn vừa đọc, theo em ý kiến nào đúng? Vì sao?  -GV kết luận.  **Hoạt động2: Diễn biến của của cuộc kháng chiến.**  - GV yêu cầu đọc thông tin SGK và thảo luận các câu hỏi:  *+ Lý Thường Kiệt đã làm gì để chuẩn bị chiến đấu với giặc?*  *+ Quân Tống kéo sang xâm lược nước ta vào thời gian nào? Lực lượng của quân Tống khi sang xâm lược nước ta như thế nào? Do ai chỉ huy?*  *+ Trận quyết chiến giữa ta và giặc diễn ra ở đâu? Nêu vị trí quân giặc và quân ta trong trận này?*  *+ Kể lại trận quyết chiến tại phòng tuyến sông Như Nguyệt?*  - GV nhận xét, kết luận  **Hoạt động 3: Kết quả và ý nghĩa:**  - GV cho HS đọc SGK từ sau hơn 3 tháng …. được giữ vững.  *+ Nêu kết quả của cuộc kháng chiến?*    - GV đặt vấn đề: Nguyên nhân nào dẫn đến thắng lợi của cuộc kháng chiến?  - GV: ***Nguyên nhân thắng lợi là do quân dân ta rất dũng cảm. Lý Thường Kiệt là một tướng tài (chủ động tấn công sang đất Tống; Lập phòng tuyến sông Như Nguyệt).***  *+ Nêu ý nghĩa của cuộc kháng chiến?*  ***- GV: Có được thắng lợi ấy là vì nhân dân ta có một lòng yêu nước nồng nàn, tinh thần dũng cảm, ý chí quyết tâm đánh giặc, bên cạnh đó lại có sự lãnh đạo tài giỏi của Lý Thường Kiệt.***  **3. Hoạt động ứng dụng** *(1p)*.  **4. Hoạt động sáng tạo** *(1p)* |

**ĐIỀU CHỈNH-BỔ SUNG**

..........................................................................................................................................................................................................................................................................

.....................................................................................................................................

*Thứ ....... ngày ...... tháng ..... năm .........*

**LUYỆN TỪ VÀ CÂU**

**MỞ RỘNG VỐN TỪ: Ý CHÍ – NGHỊ LỰC**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Biết thêm một số từ ngữ nói về ý chí, nghị lực của con người;

**2. Kĩ năng**

- Bước đầu biết tìm từ (BT1), đặt câu (BT2), viết đoạn văn ngắn (BT3) có sử dụng các từ ngữ hướng vào chủ điểm đang học.

**3. Thái độ**

- HS có ý thức giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL tự học, NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: 4 phiếu nhóm, bút dạ, bảng phụ

- HS: vở BT, bút, ...

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Quan sát, hỏi đáp, thảo luận nhóm.

- KT: Kĩ thuật đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của HS** | **Hoạt động của GV** |
| - TBHT điều hành lớp nhận xét, trả lời  *+ Có 3 cách: thêm vào trước tính từ các từ: rất, quá ,lắm; tạo từ ghép, từ láy từ tính từ đã cho; sử dụng phép so sánh.*  *+ rất trắng, quá xấu, trăng trắng, xấu xí, xấu như ma, trắng như vôi,....* | 1**. Khởi động** (3p)  *+ Có mấy cách để biểu thị mức độ của đăc điểm, tính chất?*  *+ Tìm các từ ngữ miêu tả mức độ của các đặc điểm, tính chất sau: trắng, xấu.*  - GV nhận xet, đánh giá chung, giới thiệu và dẫn vào bài mới |
| **2. Hoạt động thực hành***:(30p)*  **\* Mục tiêu:** Biết thêm một số từ ngữ nói về ý chí, nghị lực của con người; Bước đầu biết tìm từ, đặt câu, viết đoạn văn ngắn có sử dụng các từ ngữ hướng vào chủ điểm đang học.  **\* Cách tiến hành: Cá nhân-Nhóm-Cả lớp** | |
| **Nhóm 2-Chia sẻ lớp**  - 1 HS đọc  Đ/a:  ***a.* Nói lên ý chí, nghị lực của con người:**  *Quyết chí, quyết tâm, bền gan, bền chí, bền lòng, kiên nhẫn, kiên trì, kiên nghị, kiên tâm, kiên cường, kiên quyết, vững tâm, vững chí, vững dạ, vững lòng,…*  **b. Các từ nói lên những thử thách đối với ý chí, nghị lực của con người.**  *Khó khăn, gian khó, gian khổ, gian nan, gian lao, gian truân, thử thách, thách thức, chông gai,…*  **Cá nhân –Chia sẻ lớp**  - Thực hiện theo yêu cầu của GV  - Hs tự hoàn thành bài tập sau đó đọc từng câu.- HS khác nhận xét  VD:  + Người thành đạt đều là người rất biết bền chí trong sự nghiệp của mình.  + Mỗi lần vượt qua được gian khó là mỗi lần con người được trưởng thành.  **Cá nhân-Lớp**  - HS đọc thành tiếng yêu cầu: Viết về một người do có ý chí nghị lực vươn lên để vượt qua nhiều thử thách, đạt được thành công.  +*một người do có ý chí nghị lực vươn lên để vượt qua nhiều thử thách, đạt được thành công.*  \* Đó là bác hàng xóm nhà em.  \*Đó chính là ông nội em.  \*Em biết khi xem ti vi.  \*Em biết ở báo Thiếu niên Tiền phong.  - HS viết bài và đọc trước lớp  - Lớp nhận xét, chữa bài.  - Ghi nhớ các từ ngữ thuộc chủ điểm  - Tìm thêm các thành ngữ, tục ngữ thuộc chủ điểm | **Bài 1: *Bài 1: Tìm các từ:***  - Gọi HS đọc yêu cầu bài tập.  - GV phát phiếu học tập  - Kết luận, chốt đáp án, cùng HS giải nghĩa một số từ: quyết chí, kiên nhẫn, gian truân, thách thức (sử dụng từ điển)  \* Lưu ý giúp đỡ hs M1+M2  ***Bài 2:***  - Gọi HS đọc yêu cầu bài tập.  - Yêu cầu HS tự làm bài.  - Nhận xét, sửa sai, khen/ động viên.    \* Giúp đõ hs M1+M2 đặt câu hoàn chỉnh.  - Chốt lại hình thức và nội dung của câu  ***Bài 3***:  - Gọi HS đọc yêu cầu bài tập.  *+ Đoạn văn yêu cầu viết về nội dung gì?*  *+ Bằng cách nào em biết được người đó?*    - Gọi HS trình bày đoạn văn.  - GV nhận xét, chữa lỗi dùng từ, đặt câu (nếu có) cho từng HS.  **3. Hoạt động ứng dụng** *(1p)*  **4. Hoạt động sáng tạo** *(1p)* |

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TOÁN**

***Tiết 63:* NHÂN VỚI SỐ CÓ BA CHỮ SỐ (tiếp theo)**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Biết cách nhân với số có ba chữ số mà chữ số hàng chục là 0.

**2. Kĩ năng**

- HS thực hiện thành thạo phép nhân với số có ba chữ số và vận dụng giải được các bài toán liên quan.

**3. Thái độ**

- Tích cực, tự giác học bài, trình bày bài sạch sẽ, khoa học

**4. Góp phần phát triển các kĩ năng**

- Năng lực tự học, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL tư duy - lập luận logic.

\* BT cần làm: Bài 1, bài 2

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Phiếu nhóm

- HS: SGk, bút

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Quan sát, hỏi - đáp, thảo luận nhóm.

- KT: đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của HS** | **Hoạt động của GV** |
| - TBHT điều hành lớp làm bài, nhận xét  258  x 203  774  000  1516  152374 | **1. HĐ khởi động *(3p)***  - Đặt tính rồi tính: *258 x 203*  - GV nhận xét, đánh giá chung |
| **2. Hình thành kiến thức** *(15p)*  **\* Mục tiêu:** Biết cách nhân với số có ba chữ số mà chữ số hàng chục là 0  **\* Cách tiến hành: Cá nhân –Lớp** | |
| *+ Tích riêng thứ hai toàn gồm những chữ số 0.*  *+ Không, vì bất cứ số nào cộng với 0 cũng bằng chính số đó.*  - HS quan sát, lắng nghe  *+ Khi viết tích riêng thứ ba 1516 phải lùi sang trái hai cột so với tích riêng thứ nhất.*  - HS thực hiện cá nhân vào nháp | - GV viết lại phép nhân ở phần bài cũ lên bảng. (giữ kết quả HS thực hiện)  *258 x 203 =*  \* Ta có: 258  x 203  774  000  1516  152374  *+ Em có nhận xét gì về tích riêng thứ hai của phép nhân 258 x 203*  *+ Vậy nó có ảnh hưởng đến việc cộng các tích riêng không?*  - Vì tích riêng thứ hai gồm toàn chữ số 0 nên khi thực hiện đặt tính 258 x 203 chúng ta không thể viết tích riêng này. Khi đó ta viết như sau:  258  x 203  774  1516  152374  *+ Cần lưu ý gì khi viết tích riêng thứ ba ?*  - Cho HS thực hiện đặt tính và tính lại phép nhân 258 x 203 theo cách viết gọn.  \* Chú ý giúp đỡ hs M1+M2 |
| **3. HĐ thực hành (**18 phút)  **\* Mục tiêu:** HS thực hiện nhân thành thạo với số có 3 chữ số mà chữ số hàng chục là 0. Vận dụng giải toán  **\* Cách tiến hành** | |
| **Cá nhân – Nhóm 2- Lớp.**  - Thực hiện theo YC của GV  - HS làm cá nhân - Chia sẻ nhóm 2 - Chia sẻ lớp  Đ/a: phần a  523  x 305  2615  1569  159515  - HS làm cá nhân – Chia sẻ trước lớp  Đ/a:  - Hai cách thực hiện đầu là sai, cách thực hiện thứ ba là đúng.    - HS làm vào vở Tự học - Chia sẻ lớp  Bài giải  Một con gà ăn trong 10 ngày hết số thức ăn là: 104 x 10 = 1040 (g)  375 con gà ăn trong 10 ngày hết số thức ăn là: 375 x 1040 = 390 000 (g)  Đổi : 390 000 g = 390 kg  Đáp số: 390 kg  - Làm các bài tập trong VBT  \* Bài tập PTNL HS:(M3+M4)  1. Tính giá trị biểu thức sau:  a. 458 x 105 + 324 x 105  b. 457 x 207 - 207 x 386 | ***Bài 1:*** Đặt tính rồi tính.  - Gọi HS đọc và xác định yêu cầu bài tập.  - GV chốt đáp án. Với phần b có thể y/c HS vận dụng tính chất giao hoán để viết 308 x 563 = 563 x 308 để đặt tính và tính cho ngắn gọn  - Củng cố cách đặt tính và thực hiện phép tính...  ***Bài 2:*** *Đúng ghi Đ, sai ghi S*  - Gọi HS đọc và xác định yêu cầu bài tập.  - Nhận xét, chốt kết quả.  **Bài 3** ***(bài tập chờ dành cho HS hoàn thành sớm)***  - Lưu ý HS có thể giải cách ngắn gọn hơn  **4. Hoạt động ứng dụng** (1p)  **5. Hoạt động sáng tạo** (1p) |

**ĐIỀU CHỈNH-BỔ SUNG**

...................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**ĐẠO ĐỨC**

**HIẾU THẢOVỚI ÔNG BÀ, CHA MẸ (tiết 2)**

**I.MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Biết được: Con cháu phải hiếu thảo với ông bà, cha mẹ để đền đáp công lao ông bà, cha mẹ đã sinh thành, nuôi dạy mình.

**2. Kĩ năng**

- Biết thể hiện lòng hiếu thảo với ông bà, cha mẹ bằng một số việc làm cụ thể trong cuộc sống hằng ngày ở gia đình.

**3. Thái độ**

- Giáo dục lòng hiếu thảo

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL tự học, NL giải quyết vấn đề, NL hợp tác, sáng tạo

***\*KNS:*** *- Xác định giá trị tình cảm của ông bà, cha mẹ dành cho con cháu*

*- Lắng nghe lời dạy của ông bà cha mẹ*

*- Thể hiện tình cảm yêu thương của mình với ông bà, cha mẹ*

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Phiếu học tập

- HS: SGK, thẻ bày tỏ ý kiến

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm, trò chơi, đóng vai.

- KT: động não, tia chớp, chia sẻ nhóm 2

**III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của HS** | **Hoạt động của GV** |
| - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ | **1.Khởi động:***(5p)*  - Lớp hát bài: Cả nhà thương nhau |
| **2.Hình thành KT mới***(15p)*  **\* Mục tiêu:** Thể hiện lòng biết ơn với ông bà, cha mẹ bằng những việc làm cụ thể  **\* Cách tiến hành: Cá nhân-Nhóm-Lớp** | |
| **Nhóm 4 – Lớp**  - HS nhóm lớn chia thành nhóm nhỏ, hoạt động nhóm, đóng vai.  - Các nhóm thảo luận chuẩn bị đóng vai.  - Các nhóm lên đóng vai.  - Thảo luận và nhận xét về cách ứng xử  - HS tham gia đóng vai trả lời câu hỏi.  - Lớp nhận xét về cách ứng xử.  - Lắng nghe.  **Nhóm 2- Lớp**  - HS thảo luận theo nhóm đôi – Chia sẻ trước lớp  **Cá nhân – Lớp**  - HS hoạt động cá nhân trình bày.  - Lớp nhận xét.  - Thực hiện những việc cụ thể hằng ngày để bày tỏ lòng hiếu thảo đối với ông bà, cha mẹ.  - Xây dựng 1 kịch bản thể hiện lòng hiếu thảo với ông bà, cha mẹ | **HĐ1: Đóng vai bài tập 3- SGK/19**:  - GV chia 2 nhóm lớn và giao nhiệm vụ cho từng nhóm  🟇Nhóm 1: Thảo luận, đóng vai theo tình huống tranh 1.  🟇Nhóm 2: Thảo luận và đóng vai theo tình huống tranh 2.  - GV phỏng vấn HS đóng vai cháu về cách ứng xử, HS đóng vai ông bà về cảm xúc khi nhận được sự quan tâm, chăm sóc của con cháu.  ***\* KL: Con cháu hiếu thảo cần phải quan tâm, chăm sóc ông bà, cha mẹ, nhất là khi ông bà già yếu, ốm đau.***  **HĐ2: Những việc làm cụ thể thể hiện lòng hiếu thảo** (BT4- T/20)  - GV nêu yêu cầu bài tập 4.  + Hãy trao đổi với các bạn trong nhóm về những việc đã làm và sẽ làm để thể hiện lòng hiếu thảo với ông bà, cha mẹ.  - GV khen những HS đã biết hiếu thảo với ông bà, cha mẹ và nhắc nhở các HS khác học tập các bạn.  **HĐ3: Trình bày, giới thiệu các sáng tác hoặc tư liệu sưu tầm được:**  (Bài tập 5 và 6 - T/20)  - GV mời HS trình bày trước lớp.  - GV kết luận chung:  + Ông bà, cha mẹ đã có công sinh thành, nuôi dạy chúng ta nên người.  + Con cháu phải có bổn phận hiếu thảo với ông bà, cha mẹ.  **3. HĐ ứng dụng** (*1p)*  **4. HĐ sáng tạo (***1p)* |

**ĐIỀU CHỈNH-BỔ SUNG**

..............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**KỂ CHUYỆN**

**LUYỆN TẬP: KỂ CHUYỆN ĐÃ NGHE, ĐÃ ĐỌC**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Hiểu câu chuyện và nêu được nội dung chính của truyện.

**2. Kĩ năng:**

- HS kể lại được câu chuyện, đoạn truyện mà mình đã nghe, đã đọc về 1 người có ý chí, có nghị lực vươn lên trong cuộc sống

- Biết trao đổi với bạn để nắm được ý nghĩa câu chuyện

**3. Thái độ**

- GD HS có nghị lực, có ý chí vươn lên trong học tập và rèn luyện.

**4. Góp phần bồi dưỡng các năng lực**

- NL giao tiếp và hợp tác, NL sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Sưu tầm các truyện có nội dung nói về một người có nghị lực.

- HS: SGK, câu chuyện

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm, đóng vau

- KT: đặt câu hỏi, động não, chia sẻ nhóm.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ | **1. Khởi động***:(5p)* |
| **2. Tìm hiểu, lựa chọn câu chuyện phù hợp với yêu cầu tiết học:***:(8p)*  **\* Mục tiêu:** Chọn và kể lại được câu chuyện (đoạn truyện) đã nghe, đã đọc nói về một người có nghị lực, có ý chí vươn lên trong cuộc sống.  **\* Cách tiến hành: Cá nhân-Nhóm-Lớp** | |
| - HS đọc đề.  - HS phân tích đề bài, dùng phấn màu gạch các từ: *được nghe, được đọc, có ý chí, nghị lực.*  - Lần lượt HS giới thiệu truyện.  *+ Bác Hồ trong truyện Hai bàn tay.*  *+ Bạch Thái Bưởi trong câu chuyện vua tàu thuỷ Bạch Thái Bưởi.*  *+ Lê Duy Ứng trong truyện Người chiến sĩ giàu nghị lực.*  *+ Đặng Văn Ngữ trong truyện Người trí thức yêu nước.*  *+ Ngu Công trong truyện Ngu Công dời núi.*  *+ Nguyễn Ngọc Kí trong truyện Bàn chân kì diệu.* | **\* Hướng dẫn HS kể chuyện:**  *Đề bài: Hãy kể một câu chuyện mà em đã được nghe hoặc được đọc về một người có ý chí, nghị lực.*  - Gọi HS giới thiệu những chuyện em đã được đọc, được nghe về người có nghị lực và nhận xét, tránh HS lạc đề về người có ước mơ đẹp. Khuyến khích HS kể chuyện ngoài SGK |
| **3 . Thực hành kể chuyện – Tìm hiểu ý nghĩa câu chuyện***:(15- 20p)*  **\* Mục tiêu:** HS ghi nhớ nội dung câu chuyện và kể lại được theo lời kể của mình. Nêu được ý nghĩa câu chuyện  **\* Cách tiến hành: Cá nhân - Nhóm- Lớp** | |
| - 2 HS ngồi cùng bàn kể chuyện, trao đổi về ý nghĩa truyện với nhau.  - 5 đến 7 HS thi kể và trao đổi về ý nghĩa truyện.  - HS đặt câu hỏi cho bạn kể chuyện về nội dung và ý nghĩa của chuyện  - Kể lại câu chuyện cho người thân nghe.  - Sưu tầm các câu chuyện khác cùng chủ đề | a/. Kể chuyện theo cặp:  ***\* Kể trong nhóm:***  - HS thực hành kể trong nhóm.  GV đi hướng dẫn những HS gặp khó khăn.  Gợi ý: Em cần giới thiệu tên truyện, tên nhân vật mình định kể.  + Kể những chi tiết làm nổi rõ ý chí nghị lực của nhân vật.  ***\* Kể trước lớp:***  - Tổ chức cho HS thi kể.  - GV khuyến khích HS lắng nghe và hỏi lại bạn kể những tình tiết về nội dung truyện, ý nghĩa truyện.  - Nhận xét, bình chọn bạn có câu chuyện hay nhất, bạn kể hấp dẫn nhất.  + Ý nghĩa câu chuyện:  \* Giúp đỡ hs M1+M2  **4. Hoạt động ứng dụng *(1p)***  **5. Hoạt động sáng tạo *(1p)*** |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**KĨ THUẬT**

**THÊU MÓC XÍCH** (Tiết 1)

**I.MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Biết cách thêu móc xích, ứng dụng của thêu móc xích.

**2. Kĩ năng**

- Thêu được mũi thêu móc xích. Các mũi thêu tạo thành những vòng chỉ móc nối tiếp tương đối đều nhau. Thêu được ít nhất năm vòng móc xích. Đường thêu có thể bị rúm

\* Với HS khéo tay:

+ Thêu được mũi thêu móc xích. Các mũi thêu tạo thành những vòng chỉ móc nối tiếp tương đối đều nhau. Thêu được ít nhất tám vòng móc xích và đường thêu ít bị dúm.

+ Có thể ứng dụng thêu móc xích để tạo thành sản phẩm đơn giản.

**3. Thái độ**

- Giáo dục tính cẩn thận, khéo léo, an toàn khi thực hành

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL thẩm mĩ.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: +Tranh quy trình thêu móc xích.

+ Mẫu thêu móc xích được thêu bằng len (hoặc sợi) trên bìa, vải khác màu có kích thước đủ lớn (chiều dài đủ thêu khoảng 2 cm) và một số sản phẩm được thêu trang trí bằng mũi thêu móc xích.

- HS: Vật liệu và dụng cụ cần thiết:

+ Một mảnh vải sợi bông trắng hoặc màu, có kích thước 20 cm x 30cm.

+ Len, chỉ thêu khác màu vải.

+ Kim khâu len và kim thêu.

+ Phấn vạch, thước, kéo.

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Quan sát mẫu, hỏi đáp, thảo luận nhóm

- KT: đặt câu hỏi, tia chớp, động não, phòng tranh

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ | **1. HĐ khởi động** *(3p)*  - GV kiểm tra đồ dùng của HS |
| **2. HĐ thực hành:***(30p)*  **\* Mục tiêu**: Biết cách thêu móc xích, ứng dụng của thêu móc xích. Thêu được mũi thêu móc xích.  **\* Cách tiến hành: Cá nhân- Nhóm- Lớp** | |
| **Cá nhân**  - HS quan sát mẫu và H. 1 SGK.  *+ Mặt phải của đường thêu là những vòng chỉ nhỏ nhỏ móc nối tiếp nhau giống như chuỗi mắt xích (của sợi dây chuyền).*  *+ Mặt trái đường thêu là những mũi chỉ bằng nhau, nối tiếp nhau gần giống các mũi khâu đột mau.*  *+ Dùng thêu trang trí hoa, lá, cảnh vật, lên cổ áo, ngực áo, vỏ gối, khăn …*  - Quan sát  *+ Thêu từ phải sang trái. . . .*  *+ Vòng sợi chỉ qua đường dấu để tạo thành vòng chỉ. Xuống kim tại điểm 1, lên kim tại điểm 2,. . .*  - Quan sát  *+ Đưa mũi kim ra ngoài mũi thêu và xuống kim, rút chỉ ra mặt sau. . .*  - HS tập thêu móc xích trên giấy  - HS thực hành thêu tại nhà.  - Tạo sản phẩm từ thêu móc xích | **HĐ1: Quan sát và nhận xét mẫu.**  - GV giới thiệu mẫu thêu, hướng dẫn HS quan sát hai mặt của đường thêu móc xích mẫu với quan sát H. 1 SGK để nêu nhận xét và trả lời câu hỏi:  *+ Nhận xét đặc điểm của đường thêu móc xích?*    ***\* GV: Thêu móc xích hay còn gọi thêu dây chuyền là cách thêu để tạo thành những vòng chỉ móc nối tiếp nhau giống như chuỗi mắt xích.***  - GV giới thiệu một số sản phẩm thêu móc xích và hỏi:  *+ Thêu móc xích được ứng dụng vào đâu?*  - GV nhận xét và kết luận (dùng thêu trang trí hoa, lá, cảnh vật, lên cổ áo, ngực áo, vỏ gối, khăn …). Thêu móc xích thường được kết hợp với thêu lướt vặn và 1 số kiểu thêu khác.  **HĐ2: GV hướng dẫn thao tác kỹ thuật*.***  - GV treo tranh quy trình thêu móc xích hướng dẫn HS quan sát của H2, SGK.  *+ Em hãy nêu cách bắt đầu thêu?*  *+ Nêu cách thêu mũi móc xích thứ nhất, thứ hai,*    *-* GV hướng dẫn cách thêu SGK.  - GV hướng dẫn HS quan sát H. 4a, b, SGK.  *+ Cách kết thúc đường thêu móc xích?*  - Hướng dẫn HS các thao tác kết thúc đường thêu móc xích theo SGK.  \*GV lưu ý một số điểm:  + Theo từ phải sang trái.  + Mỗi mũi thêu được bắt đầu bằng cách đánh thành vòng chỉ qua đường dấu.  + Lên kim xuống kim đúng vào các điểm trên đường dấu.  + Không rút chỉ chặt quá, lỏng quá.  + Kết thúc đường thêu móc xích bắng cách đưa mũi kim ra ngoài mũi thêu để xuống kim chặn vòng chỉ rút kim mặt sau của vải. . .  + Có thể sử dụng khung thêu để thêu cho phẳng.  - Hướng dẫn HS thực hiện các thao tác thêu và kết thúc đường thêu móc xích.  - GV tổ chức HS tập thêu móc xích.  **3. Hoạt động ứng dụng *(1p)***  **4. HĐ sáng tạo *(1p****)* |

**ĐIỀU CHỈNH-BỔ SUNG**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

*Thứ ....... ngày ...... tháng ..... năm .........*

**TẬP ĐỌC**

**VĂN HAY CHỮ TỐT**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Hiểu ND: Ca ngợi tính kiên trì, quyết tâm sửa chữ viết xấu để trở thành người viết chữ đẹp của Cao Bá Quát (trả lời được các câu hỏi trong SGK).

**2. Kĩ năng**

- Biết đọc bài văn với giọng kể chậm rãi; bước đầu biết đọc diễn cảm đoạn văn.

**3. Thái độ**

- GD HS tính kiên trì trong học tập và rèn luyện

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: + Tranh minh hoạ bài tập đọc trang 129/SGK (phóng to)

+ Một số vở sạch chữ đẹp của HS trong lớp, trường.

+ Bảng phụ ghi sẵn câu, đoạn cần luyện đọc

- HS: SGK

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- Phương pháp: Quan sát, hỏi - đáp, đóng vai.

- Kĩ thuật: Làm việc nhóm, chia sẻ

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - 1 HS đọc  *+ Xi- ôn- cốp- xki mơ ước được bay lên bầu trời.*  *+ Ông có ước mơ chinh phục các vì sao, có nghị lực, quyết tâm thực hiện ước mơ.* | **1. Khởi động:** *(3p)*  *+*  Hs đọc bài “ Người tìm đường. . . ”  *+ Xi- ôn- cốp- xki mơ ước điều gì?*  *+ Nguyên nhân chính giúp Xi- ô- cốp- xki thành công là gì?*  - GV dẫn vào bài mới |
| **2. Luyện đọc:** *(8-10p)*  **\* Mục tiêu:**  Biết đọc bài văn với giọng kể chậm rãi; bước đầu biết đọc diễn cảm đoạn văn.  \* **Cách tiến hành:** | |
| - 1 HS đọc bài, cả lớp đọc thầm  - Lớp trưởng điều hành cách chia đoạn  - Bài chia làm 3 đoạn.  + Đoạn 1: Thuở đi học…đến xin sẵn lòng.  + Đoạn 2: Lá đơn viết…đến sau cho đẹp  + Đoạn 3: Phần còn lại.  - Nhóm trưởng điều hành nhóm đọc nối tiếp trong nhóm lần 1 và phát hiện các từ ngữ khó (*oan uổng, lĩ lẽ, rõ ràng, luyện viết,...)*  - Luyện đọc từ khó: Đọc mẫu (M4)-> Cá nhân (M1)-> Lớp  - Giải nghĩa từ khó: (đọc phần chú giải)  - HS đọc nối tiếp lần 2 theo điều khiển của nhóm trưởng kết hợp đọc câu dài: Thưở còn đi học, Cao Bá Quát viết chữ rất xấu nên nhiều bài văn dù hay **/** vẫn bị thầy cho điểm kém.  - Các nhóm báo cáo kết quả đọc  - 1 HS đọc cả bài (M4) | - Gọi 1 HS đọc bài (M3)  - GV lưu ý giọng đọc: Toàn bài đọc với giọng từ tốn. Giọng bà cụ khẩn khoản, giọng Cáo Bá Quát vui vẻ, xởi lởi. Đoạn đầu đọc chậm. Đoạn cuối bài đọc nhanh thể hiện ý chí quyết tâm rèn chữ bằng được của Cao Bá Quát. Hai câu cuối đọc với cảm hứng ca ngợi sảng khoái.  - GV chốt vị trí các đoạn  - Lưu ý sửa lỗi đọc và ngắt nghỉ cho các HS (M1) |
| **3.Tìm hiểu bài:** *(8-10p)*  **\* Mục tiêu:** Hiểu ND bài Ca ngợi tính kiên trì, quyết tâm sửa chữ viết xấu để trở thành người viết chữ đẹp của Cao Bá Quát, trả lời được các câu hỏi trong SGK  **\* Cách tiến hành: *Làm việc cá nhân – Chia sẻ cặp đôi – Chia sẻ trước lớp*** | |
| - 1 HS đọc  - HS tự làm việc nhóm 4 trả lời các câu hỏi  - TBHT điều hành hoạt động báo cáo:  *+ Cao Bá Quát thường bị điểm kém vì ông viết chữ rất xấu dù bài văn của ông viết rất hay.*  *+ Lá đơn của Cao Bá Quát vì chữ viết quá xấu, quan không đọc được nên quan thét lính đuổi bà cụ về, khiến bà cụ không giải được nỗi oan.*  *+ Sáng sáng, ông cầm que vạch lên cột nhà luyện chữ cho cứng cáp. Mỗi tối, ông viết xong 10 trang vở mới đi ngủ, mượn những quyển sách chữ viết đẹp để làm mẫu, luyện viết liên tục trong mấy năm trời.*  *+ Ông là người rất kiên trì, nhẫn nại khi làm việc.*  *+ Nguyên nhân khiến Cao Bá Quát nổi danh khắp nước là người văn hay chữ tốt là nhờ ông kiên trì luyện tập suốt mười mấy năm và năng khiếu viết văn từ nhỏ.*  **- Nội dung: Ca ngợi tính kiên trì, quyết tâm sửa chữ viết xấu để trở thành người viết chữ đẹp của Cao Bá Quát.**  - HS ghi lại nội dung bài vào vở | - Gọi HS đọc 4 câu hỏi cuối bài.  *+ Vì sao thuở đi học Cao Bá Quát thường xuyên bị điểm kém?*  *+ Sự việc gì xảy ra đã làm Cao Bá Quát ân hận?*  *+ Cao Bá Quát quyết chí luyện viết chữ như thế nào?*  *+ Qua việc luyện viết chữ em thấy Cao Bá Quát là người như thế nào?*  *+ Theo em nguyên nhân nào khiến ông Cao Bá Quát nổi danh là văn hay, chữ tốt?*  *- Nội dung của bài?* |
| **3. Luyện đọc diễn cảm:** *(8-10p)*  **\* Mục tiêu: HS** biết đọc diến cảm toàn bài, thể hiện giọng đọc phù hợp với nội dung bài, phân biệt lời nhân vật  **\* Cách tiến hành: Hoạt động cá nhân – nhóm - cả lớp** | |
| - 1 HS nêu lại  - 1 HS đọc toàn bài  - Nhóm trưởng điều khiển nhóm đọc phân vai  - Thi đọc phân vai trước lớp  - Lớp nhận xét, bình chọn.  - HS liên hệ  - Sưu tầm và kể các câu chuyện về Cao Bá Quát. | + Yêu cầu HS nêu giọng đọc toàn bài  - Yêu cầu đọc phân vai đoạn 1  - GV nhận xét chung  **4. Hoạt động ứng dụng** *(1 phút)*  - Em học được điều gì từ Cao Bá Quát?  - Liên hệ, giáo dục ý chí rèn chữ viết và ý chí kiên trì.  **5. Hoạt động sáng tạo** *(1 phút)* |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TOÁN**

***Tiết 64:* LUYỆN TẬP**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Củng cố kiến thức về phép nhân với số có 2, 3 chữ số.

**2. Kĩ năng**

- Thực hiện được nhân với số có hai, ba chữ số.

- Biết vận dụng tính chất của phép nhân trong thực hành tính.

**3. Thái độ**

- Tính chính xác, cẩn thận.

**4. Góp phần phát triển các NL**

- NL tự học, làm việc nhóm, NL tính toán

\* Bài tập cần làm: Bài 1, bài 3, bài 5 (a).

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Bảng phụ

- HS: Vở BT, bút

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Quan sát, hỏi đáp, thảo luận nhóm.

- KT: động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** | |
| - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ | **1.Khởi động***:(5p)*  - GV dẫn vào bài mới | |
| **2. Hoạt động thực hành***:(30p)*  **\* Mục tiêu:** Thực hiện được nhân với số có hai, ba chữ số. Biết vận dụng tính chất của phép nhân trong thực hành tính.  **\* Cách tiến hành:** | | |
| - Thực hiện theo yêu cầu của GV.  - HS làm cá nhân – Chia sẻ nhóm 2 - Chia sẻ lớp  Đáp án:  345 237 403  x  x  x  200 24 346  69000 948 2418  474 1612  5688 1209  139438  - Thực hiện theo yêu cầu của GV.  - HS làm theo cặp đôi – Chia sẻ lớp  a. 142 x 12 + 142 x 18  = 142 x (12+ 18)  = 142 x 30 = 4260  b. 49 x 365- 39 x 365  = (49 – 29) x 365  = 10 x 365 = 3650  c. 4 x 18 x 25  = 4 x 25 x 18  = 100 x 18 = 180  *+ Dựa vào tính chất nhân một số với một tổng (hiệu)*  - HS làm cá nhân – Chia sẻ nhóm 2 – Chia sẻ lớp  - Thực hiện theo yêu cầu của GV.  Đ/a:  a)Với a = 12cm, b = 5cm thì: S = 12 x 5 = 60 (cm2)  Với a = 12cm, b = 5cm thì: S = 15 x 10 = 150 (cm2)  b) Nếu chiều dài a gấp lên 2 lần thì chiều dài mới là a x 2 và diện tích hình chữ nhật mới là:  a x 2 x b = 2 x a x b = 2 x (a x b)= 2 x S  Vậy khi chiều dài gấp lên 2 lần và giữ nguyên chiều rộng thì diện tích hình chữ nhật gấp lên 2 lần.  - HS làm vào vở Tự học – Chia sẻ lớp  Bải 2: Đáp án:  a. 95 + 11 x 206 = 95 + 2266  = 2361  b. 95 x 11 + 206 = 1045 + 206  = 1251  c. 95 x 11 x 206 = 1045 x 206  = 215 270  Bài 4: Bài giải  Nhà trường phải trả số tiền là:  32 x 8 x 3500 = 896 000 (đồng)  Đáp số: 896 000 đồng  - Ghi nhớ các KT được luyện tập trong tiết học  BT PTNL: Tính bằng cách thuận tiện nhất:  a. 245 x 11 + 11 x 365  b. 78 x 75 + 78 x 89 + 75 x 123  c. 2 x 250 x 50 x 8 | | ***Bài 1: Tính.***  - Gọi HS đọc và xác định yêu cầu bài tập.  - Nhận xét, chốt đáp án.  - Củng cố cách đặt tính và thực hiện phép nhân với số có hai, ba chữ số.  ***Bài 3:*** Tính bằng cách thuận tiện nhất:  - Gọi HS đọc và xác định yêu cầu bài tập.  - Chốt đáp án.  *+ Dựa vào tính chất nào ta tính được thuận tiện?*  ***Bài 5a (HS năng khiếu có thể hoàn thành cả bài)***  - Gọi HS đọc và xác định yêu cầu bài tập.  - Chữa một số bài, nhận xét chung.  **Bài 2+ Bài 4** ***(bài tập chờ dành cho HS hoàn thành sớm)***  - Củng cố cách tính giá trị biểu thức, nhân nhẩm số có 2 chữ số với 11  - Củng cố cách thực hiện phép nhân với số có tận cùng là chữ số 0  **3. HĐ ứng dụng** (1p)  **4. HĐ sáng tạo** (1p) |

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

:...................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TẬP LÀM VĂN**

**TRẢ BÀI VĂN KỂ CHUYỆN**

**I.MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Biết rút kinh nghiệm về bài TLV kể chuyện (đúng ý, bố cục rõ, dùng từ, đặt câu và viết đúng chính tả)

**2. Kĩ năng**

- HS biết nhận ra lỗi mắc phải khi viết văn và sửa được lỗi

**3. Thái độ**

- HS tích cực, tự giác chữa lỗi sai

**4. Góp phần phát triển NL:**

**-** NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL tự học, NL giao tiếp.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Bảng phụ ghi sẵn nột số lỗi về: Chính tả, cách dùng từ, cách diễn đạt, ngữ pháp cần chữa chung cho cả lớp

- HS: SBT, vở viết văn

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Quan sát, hỏi đáp, thảo luận nhóm

- KT: đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, chia sẻ nhóm 2, động não.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ | **1. Khởi động:(***5p)*    - GV nêu mục tiêu, yêu cầu bài học |
| **2. Hình thành KT** *(15p)*  **\* Mục tiêu:** - Biết rút kinh nghiệm về bài TLV kể chuyện. HS biết nhận ra lỗi mắc phải khi viết văn và sửa được lỗi  **\* Cách tiến hành: Cá nhân- Nhóm 2- Lớp** | |
| - 1 HS đọc: Kể 1 câu chuyện em đã nghe, đã đọc về lòng nhân hậu  - HS lắng nghe  - Lắng nghe  - HS nhận bài  - HS thảo luận phát hiện lỗi, tìm cách sửa lỗi.  - 3 đến 5 HS đọc.  - HS tự chọn đoạn văn cần viết.  - Ghi nhớ các lỗi sai và có ý thức không lặp lại các lỗi sai đó  - Chia sẻ đoạn văn đã viết lại và nêu được những sáng tạo của mình trong đoạn văn. | **HĐ1: Nhận xét chung bài làm**  - Gọi HS đọc lại đề bài.  - Nhận xét chung:  \*Ưu điểm  - HS hiểu đề, viết đúng yêu cầu của đề.  + Dùng đại từ nhân xưng trong bài có nhất quán (với các đề kể lại theo lời 1 nhân vật trong truyện)  - Diễn đạt câu, ý.  + Sự việc, cốt truyện liên kết giữa các phần.  + Thể hiện sự sáng tạo khi kể theo lời nhân vật.  + Chính tả, hình thức trình bày bài văn  - GV nêu tên những HS viết đúng yêu cầu của đề bài, lời kể hấp dẫn, sinh động, có sự liên kết giữa các phần; mở bài, thân bài, kết bài hay.  \*Khuyết điểm  - GV nêu các lỗi điển hình về ý, về dùng từ*,* đặt câu, đại từ nhân xưng, cách trình bày bài văn, chính tả…  + Viết trên bảng phụ các lỗi phổ biến.  - Lưu ý: Không nêu tên những HS bị mắc các lỗi trên trước lớp.  - Trả bài cho HS.  **HĐ2: Hướng dẫn chữa bài*:***  - Yêu cầu HS tự chữa bài của mình bằng cách trao đổi với bạn bên cạnh.  - GV đi giúp đỡ những HS M1+M2.  **HĐ3: Học tập những đoạn văn hay, bài văn tốt:**  - GV gọi 1 số HS đọc đoạn văn hay, bài được điểm cao đọc cho các bạn nghe. Sau mỗi HS đọc, GV hỏi để HS tìm ra: cách dùng từ, lối diễn đạt, ý hay,…  \* Tuyên dương hs M3+M4  **HĐ4. Hướng dẫn viết lại một đoạn văn:**  - Gợi ý HS viết lại đoạn văn khi:  + Đoạn văn có nhiều lỗi chính tả.  + Đoạn văn lủng củng, diễn đạt chưa rõ ý.  + Đoạn văn dùng từ chưa hay.  + Đoạn văn viết đơn giản, câu văn ngắn.  + MB trực tiếp viết lại thành mở bài gián tiếp.  + KB không mở rộng viết thành KB mở rộng.  **3. HĐ ứng dụng** *(1p)*  **4. HĐ sáng tạo** *(1p)* |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**KHOA HỌC (CT HIỆN HÀNH)**

**NGUYÊN NHÂN LÀM NƯỚC BỊ Ô NHIỄM**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Nêu được một số nguyên nhân làm ô nhiễm nguồn nước:

+ Xả rác, phân, nước thải bừa bãi,…

+ Sử dụng phân bón hoá học, thuốc trừ sâu.

+ Khói bụi và khí thải từ nhà máy, xe cộ,…

+ Vỡ đường ống dẫn dầu,…

- Nêu được tác hại của việc sử dụng nguồn nước bị ô nhiễm đối với sức khoẻ con người: lan truyền nhiều bệnh, 80% các bệnh là do sử dụng nguồn nước bị ô nhiễm.

**2. Kĩ năng**

- Xác định được các nguyên nhân làm ô nhiễm nguồn nước

**3. Thái độ**

- Có ý thức bảo vệ nguồn nước.

**4. Góp phần phát triển các năng lực:**

- NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL hợp tác.

***\* KNS:*** *- Tìm kiếm và xử lí thông tin về nguyên nhân làm nước bị ô nhiễm*

*- Trình bày thông tin về nguyên nhân làm nguồn nước bị ô nhiễm*

*- Bình luận, đánh giá về các hành động gây ô nhiễm môi trường*

***\* BVMT:*** *Ô nhiễm nguồn nước*

**II. CHUẨN BỊ :**

**1. Đồ dùng**

- GV: Các hình minh hoạ trong SGK trang 54, 55 (phóng to nếu có điều kiện).

- HS: SGK,

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Quan sát, hỏi đáp, thảo luận nhóm, trò chơi, thí nghiệm

- KT: động não, tia chớp, đặt câu hỏi, chia sẻ nhóm 2

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBHT điều hành HS trả lời và nhận xét  *+ Nước sạch là nước trong suốt, không màu,...*  *+ Nước bị ô nhiễm là nước có màu, có chất bẩn,..* | **1. Khởi động** (5p)  *+ Thế nào là nước sạch?*  *+ Thế nào là nước bị ô nhiễm?*  - GV nhận xét, khen/ động viên, dẫn vào bài mới. |
| **2. Bài mới: *(****30p)*  **\* Mục tiêu:** Nêu được một số nguyên nhân làm ô nhiễm nguồn nước. Tác hại của việc sử dụng nước bị ô nhiễm  **\* Cách tiến hành: Cá nhân-Nhóm- Lớp** | |
| **Nhóm 4 - Lớp**      + ***Hình 1***: Hình vẽ nước chảy từ nhà máy không qua xử lý xuống sông. Nước sông có màu đen, bẩn. Nước thải chảy ra sông làm ô nhiễm nước sông, ảnh hưởng đến con người và cây trồng.  + ***Hình 2***: Hình vẽ một ống nước sạch bị vỡ, các chất bẩn chui vào ống nước, chảy đến các gia đình có lẫn các chất bẩn. Nước đó đã bị bẩn. Điều đó làm nguồn nước sạch bị nhiễm bẩn.  + ***Hình 3***: Hình vẽ một con tàu bị đắm trên biển. Dầu tràn ra mặt biển. Nước biển chỗ đó có màu đen. Điều đó dẫn đến ô nhiễm nước biển.  + ***Hình 4***: Hình vẽ hai người lớn đang đổ rác, chất thải xuống sông và một người đang giặt quần áo. Việc làm đó sẽ làm cho nước sông bị nhiễm bẩn, bốc mùi hôi thối.  + ***Hình 5***: Hình vẽ một bác nông dân đang bón phân hoá học cho rau. Việc làm đó sẽ gây ô nhiễm đất và mạch nước ngầm.  + ***Hình 6***: Hình vẽ một người đang phun thuốc trừ sâu cho lúa. Việc làm đó gây ô nhiễm nước.  + ***Hình 7***: Hình vẽ khí thải không qua xử lí từ các nhà máy thải ra ngoài. Việc làm đó gây ra ô nhiễm không khí và ô nhiễm nước mưa.  + ***Hình 8***: Hình vẽ khí thải từ các nhà máy làm ô nhiễm nước mưa. Chất thải từ nhà máy, bãi rác hay sử dụng phân bón, thuốc trừ sâu ngấm xuống mạch nước ngầm làm ô nhiễm mạch nước ngầm.  **Nhóm 2 – Lớp**  *+ Nguồn nước bị ô nhiễm là môi trường tốt để các loại vi sinh vật sống như: rong, rêu, tảo, bọ gậy, ruồi, muỗi, … Chúng phát triển và là nguyên nhân gây bệnh và lây lan các bệnh: Tả, lị, thương hàn, tiêu chảy, bại liệt, viêm gan, đau mắt hột, …*  - HS quan sát, lắng nghe.  - HS nêu  - Thực hiện các biện pháp bảo vệ nguồn nước tại gia đình, địa phương  - Vẽ tranh cổ động, tuyên truyền bảo vệ nguồn nước. | **1. Tìm hiểu một số nguyên nhân làm ô nhiễm nước.**  - Yêu câu HS các nhóm quan sát các hình minh hoạ 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8 trang 54 / SGK,  1. Hãy mô tả những gì em nhìn thấy trong hình vẽ? Theo em, việc làm đó sẽ gây ra điều gì?  - GV theo dõi câu trả lời của các nhóm để nhận xét, tổng hợp ý kiến.  ***\* Kết luận: Có rất nhiều việc làm của con người gây ô nhiễm nguồn nước. Nước rất qua trọng đối với đời sống con người, thực vật và động vật, do đó chúng ta cần hạn chế những việc làm có thể gây ô nhiễm nguồn nước.***  **HĐ2: Thảo luận về tác hại của sự ô nhiễm nước:**  - GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm.  *+ Nguồn nước bị ô nhiễm có tác hại gì đối với cuộc sống của con người, động vật và thực vật?*  ***GV: Nguồn nước bị ô nhiễm gây hại cho sức khỏe con người, TV, ĐV. Đó là môi trường để các vi sinh vật có hại sinh sống. Chúng là nguyên nhân gây bệnh và lây bệnh chủ yếu. Trong thực tế cứ 100 người mắc bệnh thì có đến 80 người mắc các bệnh liên quan đến nước. Vì vậy chúng ta phải hạn chế những việc làm có thể làm cho nước bị ô nhiễm.***  *+ Chúng ta cần làm gì để bảo vệ nguồn nước?*  **3. Hoạt động ứng dụng** *(1p)*  **4. Hoạt động sáng tạo *(****1p)* |

**ĐIỀU CHỈNH-BỔ SUNG**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

*Thứ ....... ngày ...... tháng ..... năm .........*

**LUYỆN TỪ VÀ CÂU**

**CÂU HỎI VÀ DẤU CHẤM HỎI**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Hiểu được tác dụng của câu hỏi và dấu hiệu chính để nhận biết chúng (ND Ghi nhớ).

**2. Kĩ năng**

- Xác định được CH trong một văn bản (BT1, mục III); bước đầu biết đặt CH để trao đổi theo nội dung, yêu cầu cho trước (BT2, BT3).

**3. Thái độ**

- Hs có chú ý hơn trong việc viết văn có đặt câu hỏi.

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL tự học, NL ngôn ngữ, NL sáng tạo

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: + Giấy khổ to, kẻ sẵn cột ở bài tập 1 và bút dạ.

+ Bảng phụ ghi sẵn đáp án và phần nhận xét.

- HS: Vở BT, bút, ..

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm,

- KT: động não, đặt câu hỏi, chia sẻ nhóm 2, trình bày 1 phút

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | | | **Hoạt động của giáo viên** | | |
| - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ | | | **1. Khởi động *(5p)***  - Dẫn vào bài mới | | |
| **2. Hình thành KT** *(15p)*  **\* Mục tiêu:** Hiểu được tác dụng của câu hỏi và dấu hiệu chính để nhận biết chúng (ND Ghi nhớ).  **\* Cách tiến hành:** | | | | | |
| **Cá nhân- Nhóm 2- Lớp**  - Mở SGK đọc thầm, dùng bút chì gạch chân dưới các câu hỏi.  - Chia sẻ nhóm 2 – Chia sẻ lớp  Đáp án:  1. Vì sao quả bóng không có cánh mà vẫn bay được?  2. Cậu làm thế nào mà mua được nhiều sách vở và dụng cụ thí nghịêm như thế?  **Nhóm 2- Chia sẻ lớp**  *+ Câu hỏi 1 của Xi- ô- cốp- xki tự hỏi mình.*  *+ Câu hỏi 2 là của người bạn hỏi Xi- ô- cốp- xki.*  *+ Các câu này đều có dấu chấm hỏi và có từ để hỏi: Vì sao? Như thế nào?*  *+ Câu hỏi dùng để hỏi những điều mà mình chưa biết.*  *+ Câu hỏi dùng để hỏi người khác hay hỏi chính mình.*  - Đọc và lắng nghe.   |  |  | | --- | --- | | **Hỏi ai** | **Dấu hiệu** | | Tự hỏi mình | - Từ :vì sao.  - Dấu chấm hỏi. | | Xi- ô- cốp- xki | - Từ: thế nào.  - Dấu chấm hỏi. |   - HS lấy VD câu hỏi để hỏi người khác và tự hỏi mình | | | **a. Nhận xét**  ***Bài 1***:  - Yêu cầu HS mở SGK/125 đọc thầm bài *Người tìm đường lên các vì sao* và tìm các câu hỏi trong bài.  ***Bài 2, 3***:  *+ Các câu hỏi ấy là của ai và để hỏi ai?*  *+ Những dấu hiệu nào giúp em nhận ra đó là câu hỏi?*  *+ Câu hỏi dùng để làm gì?*  *+ Câu hỏi dùng để hỏi ai?*  - Treo bảng phụ, phân tích cho HS hiểu.   |  |  | | --- | --- | | **Câu hỏi** | **Của ai** | | 1. Vì sao quả bóng không có cánh mà vẫn bay được | Xi- ô- cốp- xki | | 2. Cậu làm thế nào mà mua được nhiều sách và dụng cụ thí nghiệm như thế? | Một người bạn. |   ***b. Ghi nhớ:***  - Gọi HS đọc phần ghi nhớ. | | |
| **3. Hoạt động thực hành (***18p)*  **\* Mục tiêu:** Xác định được CH trong một văn bản (BT1, mục III); bước đầu biết đặt CH để trao đổi theo nội dung, yêu cầu cho trước (BT2, BT3).  **\* Cách tiến hành:** | | | | | |
| - 1 HS đọc  - HS làm nhóm 2 – Chia sẻ trước lớp | | | ***Bài 1:*** Tìm câu hỏi trong bài “ Thưa chuyện với mẹ, Hai bàn tay”.  - Gọi 1 HS đọc thành tiếng yêu cầu và ND bài tập.  - Kết luận về lời giải đúng. | | |
| TT | Câu hỏi | Câu hỏi của ai | | Để hỏi ai | Từ nghi vấn |
| 1 | ***Bài thưa chuyện với mẹ***  *Con vừa bảo gì?*  *Ai xui con thế?* | *Câu hỏi của mẹ.*  *Câu hỏi của mẹ.* | | *HỏiCương*  *Hỏi Cương* | *gì*  *thế* |
| 2 | **Bài hai bàn tay**  *Anh có yêu nước không?*  *Anh có thể giữ bí mật không?*  *Anh có muốn đi với tôi không?*  *Nhưng chúng ta lấy đâu ra tiền?*  *Anh sẽ đi với tôi chứ?* | *Câu hỏi của Bác Hồ.*  *Câu hỏi của Bác Hồ.*  *Câu hỏi của Bác Hồ.*  *Câu hỏi của Bác Lê.*  *Câu hỏi của Bác Hồ.* | | *Hỏi bác Lê.*  *Hỏi bác Lê.*  *Hỏi bác Lê.*  *Hỏi bác Hồ.*    *Hỏi bác Lê.* | *có … không*  *có … không*  *có … không*  *đâu*  *chứ.* |
| **Nhóm 2- Lớp**  - HS đọc thành tiếng yêu cầu bài tập.  - Đọc thầm câu văn.  - 2 HS thực hành hoặc 1 HS thực hành cùng GV.  *+ Về nhà bà cụ kể lại chuyện xảy ra cho Cao Bá Quát nghe.*  *+ Bà cụ lể lại chuyện bị quan sai lính đuổi ra khỏi huyện đường.*  *+ Cao Bá Quát ân hận vì mình viết chữ xấu nên bà cụ bị đuổi ra khỏi cửa quan,* *không giải được nỗi oan ức.*  - 2 HS ngồi cùng bàn thực hành trao đổi.  - 3 đến 5 cặp HS trình bày.  - Lắng nghe.  **Cá nhân - Chia sẻ lớp**  - HS đọc thành tiếng yêu cầu.  - HS tự đặt câu, sau đó lần lượt nói câu của mình.  + *Mình để bút ở đâu nhỉ?*  *+ Quyển sách Toán của mình đâu rồi nhỉ?*  *+ Cô này trông quen quá, hình như mình đã gặp ở đâu rồi nhỉ?*  *+ Tại sao bài này mình lại quên cách làm được nhỉ?*  - Ghi nhớ hình thức và tác dụng của câu hỏi.  - Tìm các đoạn văn, thơ, truyện trong sách có chứa câu hỏi và cho biết câu hỏi đó dùng làm gì. | | | ***Bài 2:***  - Gọi HS đọc yêu cầu và mẫu.  - Viết bảng câu văn: *Về nhà, bà kể lại chuyện, khiến Cao Bá Quát vô cùng ân hận.*  - Gọi 2 HS giỏi lên thực hành hỏi – đáp mẫu hoặc GV hỏi – 1 HS trả lời.  *+ Về nhà bà cụ làm gì?*  *+ Bà cụ kể lại chuyện gì?*  *+ Vì sao Cao Bá Quát ân hận?*  - Yêu cầu HS thực hành hỏi – đáp theo cặp.  - Gọi HS trình bày trước lớp.  - Nhận xét về cách đặt câu hỏi, ngữ điệu trình bày  ***Bài 3:***  - Gọi HS đọc yêu cầu  - Yêu cầu HS tự đặt câu.  - Gọi HS đọc câu mình đặt, HS khác theo dõi, nhận xét.  - Nhận xét khen HS đặt câu hay, hỏi đúng ngữ điệu.  \* Lưu ý giúp đỡ hs M1+M2 đặt và trình bày câu hỏi đúng đặc điểm.  **3. HĐ ứng dụng** *(1p)*  **4. HĐ sáng tạo** *(1p)* | | |

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TOÁN**

**Tiết 65: LUYỆN TẬP CHUNG**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- Củng cố kiến thức về bảng đơn vị đo khối lượng, cách chuyển đổi các đơn vị đo khối lượng, diện tích; nhân với số có 2 chữ số, 3 chữ số.

**2. Kĩ năng**

- Chuyển đổi được đơn vị đo khối lượng; diện tích (cm2, dm2, m2).

- Thực hiện được nhân với số có hai, ba chữ số.

- Biết vận dụng tính chất của phép nhân trong thực hành tính, tính nhanh.

**3. Thái độ**

- Tính chính xác, cẩn thận, trình bày bài sạch sẽ.

**4. Góp phần phát triển các NL**

- NL tự học, làm việc nhóm, NL tính toán

\* Bài tập cần làm: Bài 1, bài 2 (dòng 1), bài 3

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Bảng phụ

- HS: Vở BT, bút

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Quan sát, hỏi đáp, thảo luận nhóm.

- KT: động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1.Khởi động***:(5p)*  - GV dẫn vào bài mới | - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ |
| **2. Hoạt động thực hành***:(30p)*  **\* Mục tiêu:** Chuyển đổi được đơn vị đo khối lượng; diện tích.Thực hiện được nhân với số có hai, ba chữ số. Biết vận dụng tính chất của phép nhân trong thực hành tính, tính nhanh.  **\* Cách tiến hành:** | |
| ***Bài 1:*** Viết số thích hợp vào chỗ trống.  - Gọi HS đọc và xác định yêu cầu bài tập.  - Củng cố cách đổi các đơn vị đo khối lượng, diện tích, mối liên hệ giữa các  \* Lưu ý giúp đỡ hs M1+M2  ***Bài 2(dòng 1) (HS năng khiếu có thể hoàn thành cả bài)***  ­- Gọi HS đọc và xác định yêu cầu bài tập.  - GV nhận xét, đánh giá bài làm trong vở của HS.  - Củng cố cách nhân với số có 2, 3 chữ số, thứ tự thực hiện tính giá trị biểu thức.  \* Giúp đỡ hs M1+M2  ***Bài 3:*** Tính bằng cách thuận tiện nhất:  - Gọi HS đọc và xác định yêu cầu bài tập.  - Củng cố cách tính thuận tiện, lưu ý áp dụng các tính chất: giao hoán, kết hợp của phép nhân, nhân một số với một tổng (hiệu).  \* Yêu cầu Hs M3+M4 thực hiện tốt cách nhân thuận tiện  ***Bài 4 + Bài 5 (bài tập chờ dành cho HS hoàn thành sớm)***  **3. HĐ ứng dụng** (1p)  **4. HĐ sáng tạo** (1p) | - Thực hiện theo yêu cầu của GV.  - HS làm cá nhân – Chia sẻ nhóm 2 - Chia sẻ lớp  Đ/a:  a. 10kg = 1 yến 100 kg = 1 tạ  50 kg = 5 yến 300 kg = 3 tạ  80 kg = 8 yến 1200 kg = 12 tạ  b. 1000 kg = 1 tấn 10 tạ = 1 tấn  8000 kg = 8 tấn 30 tạ = 3 tấn  15 000 kg = 15 tấn 200 tạ = 20 tấn  c. 100 cm2 = 1 dm2 100 dm2 = 1 m2  800 cm2 = 8 dm2 900 dm2 = 9 m2  1700 cm2 = 17m2; 1000 dm2 = 10 m2  - HS làm cá nhân vào vở - Chia sẻ lớp  - 3 em lên bảng, lớp làm bảng con.  Đ/a:  268 x 235 = 62 980  475 x 205 = 97375  45 x 12 + 8= 540 + 8 = 548    - HS làm nhóm 2 – Chia sẻ lớp  Đ/a:  a) 2 x 39 x 5 b) 302 x 16 + 302 x 4  = (2 x 5) x 39 = 302 x (16 + 4)  = 10 x 39 = 302 x 20  = 390 = 6 040  c) 769 x 85 – 769 x 75  = 769 x (85 – 75)  = 769 x 10  = 7 690  - HS làm vảo vở Tự học – Chia sẻ lớp  Bài 4:  Bài giải  Đổi: 1 giờ 15 phút = 75 phút  1phút cả hai vòi nước cùng chảy được:  25 + 15 = 40 (l)  Sau 75 phút cả hai vòi nước chảy được:  40 x 75 = 3000 (l)  Đ/ s: 3000 lít nước  Bài 5:  a) S = a x a  b) Với a = 25m thì S = 25 x 25 = 625 m2  c. 2 x 250 x 50 x 8  - Ghi nhớ các KT đã ôn tập  - Giải bài 4 bằng cách 2 |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

**TẬP LÀM VĂN**

**ÔN TẬP VĂN KỂ CHUYỆN**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Nắm được một số đặc điểm đã học về văn kể chuyện (nội dung, nhân vật, cốt truyện);

**2. Kĩ năng**

- Kể được một câu chuyện theo đề tài cho trước; nắm được nhân vật, tính cách của nhân vật và ý nghĩa câu chuyện đó để trao đổi với bạn.

**3. Thái độ**

- Tích cực, tự giác làm bài.

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL tự học, Sử dụng ngôn ngữ, NL sáng tạo

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Bảng phụ ghi sẵn các kiến thức cơ bản về văn kể chuyện.

- HS: SGK, truyện đọc lớp 4.

**2. Phương pháp, kĩ thuât**

- PP: Hỏi đáp, thảo luận nhóm, quan sát, thực hành.

- KT: đặt câu hỏi, động não, chia sẻ nhóm 2

**II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ | **1. Khởi động *(5p)***  - GV dẫn vào bài mới |
| **2. HĐ thực hành***:(30p)*  **\*Mục tiêu:** Nắm được một số đặc điểm đã học về văn kể chuyện. Kể được một câu chuyện theo đề tài cho trước; nắm được nhân vật, tính cách của nhân vật và ý nghĩa câu chuyện đó để trao đổi với bạn.  **\* Cách tiến hành:** | |
| **Nhóm 2- Chia sẻ lớp**  - HS đọc thành tiếng yêu cầu trong SGK.  ***+ Đề2:*** *Em hãy kể về một câu chuyện về một tấm gương rèn luyện thân thể thuộc loại văn kể chuyện. Vì đây là kể lại một chuỗi các câu chuyện có liên quan đến tấm gương rèn luyện thân thể và câu chuyện có ý nghĩa khuyên mọi người hãy học tập và làm theo tấm gương đó.*  *+ Đề 1 thuộc loại văn viết thư vì đề bài viết thư thăm bạn.*  *+ Đề 3 thuộc loại văn miêu tả vì đề bài yêu cầu tả lại chiếc áo hoặc chiếc váy.*  - Lắng nghe.  - HS nói đề tài mình chọn.  - 2 HS cùng kể chuyện, trao đổi, sửa chữa cho nhau theo gợi ý ở bảng phụ.  - Kể lại một chuỗi sự việc có đầu, có đuôi, liên quan đến một hay một số nhân vật.  + Mỗi câu chuyện cần nói lên một điều có ý nghĩa.  - Là người hay các con vật, đồ vật, cây cối, được nhân hoá.  + Hành động, lời nói, suy nghĩ…của nhân vật nói lên tính cách nhân vật.  + Những đặc điểm ngoại hình tiêu biểu góp phần nói lên tính cách, thân phận của nhân vật.  - Cốt truyện thường có 3 phần: mở đầu, diễn biến, kết thúc.  - Có 2 kiểu mở bài (trực tiếp hay gián tiếp). Có hai kiểu mở bài (mở rộng và không mở rộng)  - 3 đến 5 HS tham gia thi kể.  - Hỏi và trả lời về nội dung truyện  - Kể lại câu chuyện cho người thân nghe  - Kể thêm câu chuyện ở đề tài bài tập 2 | ***Bài 1: Cho 3 đề bài sau:...***  - Gọi HS đọc yêu cầu.  *+ Đề nào trong các đề bài trên thuộc loại văn KC? Vì sao?*  *+ Đề 1 và đề 3 thuộc loại văn gì? Vì sao em biết?*  \* Lưu ý giúp đỡ hs M1+M2  ***- Kết luận: Trong 3 đề bài trên, chỉ có đề 2 là văn kể chuyện vì khi làm về đề văn này, các em sẽ chú ý đến nhân vật, cốt truyện, diễn biến, ý nghĩa… của truyện. Nhân vật trong truyện là tấm gương rèn luyện thân thể, nghị lực và quyết tâm của nhân vật đáng được ca ngợi và noi theo.***  ***Bài 2, 3:***  - Gọi HS phát biểu về đề bài của mình chọn.  a/. Kể trong nhóm.  - Yêu cầu HS kể chuyện và trao đổi về câu chuyện theo cặp.  - GV treo bảng phụ.  ***Văn kể chuyện***  ***Nhân vật***  ***Cốt truyện***    b/.*Kể trước lớp:*  - Tổ chức cho HS thi kể.  - Khuyến khích học sinh lắng nghe và hỏi bạn theo các câu hỏi gợi ý ở bài tập 3.  - Nhận xét.  **3. HĐ ứng dụng** *(1p)*  **4. HĐ sáng tạo** *(1p)* |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................­

**ĐỊA LÍ**

**NgưỜi dân Ở đỒng bẰng BẮc BỘ**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Biết đồng bằng Bắc Bộ là nơi dân cư tập trung đông đúc nhất cả nước, người dân sống ở đồng bằng Bắc Bộ chủ yếu là người Kinh.

**2. Kĩ năng**

- Sử dụng tranh ảnh mô tả nhà ở, trang phục truyền thống của người dân ở đồng bằng Bắc Bộ:

+ Nhà ở thường được xây dựng chắc chắn, xung quanh có sân, vườn, ao,...

+ Trang phục truyền thống của nam là quần trắng, áo dài the, đầu đội khăn xếp; của nữ là váy đen, áo dài tứ thân bên trong mặc yếm đỏ, lưng thắt khăn lụa dài, đầu vấn tóc và chít khăn mỏ quạ.

\* HS năng khiếu: Nêu được mối quan hệ giữa thiên nhiên và con người qua cách dựng nhà của người dân đồng bằng Bắc Bộ: để tránh gió, bão, nhà được dựng vững chắc.

**3. Thái độ**

- HS có ý thức giữ gìn truyền thống, bản sắc dân tộc.

***\* GD SDNLTK &HQ:*** *Những nghề thủ công cổ truyền phát triển mạnh mẽ ở đồng bằng Bắc Bộ, đặc biệt là các nghề: đúc đồng, làm đồ gốm, thủ công mĩ nghệ... các nghề này sử dụng năng lượng để tạo ra các sản phẩm trên. Vấn đề cần quan tâm giáo dục ở đây là ý thức sử dụng năng lượng khi tạo ra các sản phẩm thủ công nói trên, đồng thời giáo dục ý thức bảo vệ môi trường trong quá trình sản xuất đồ thủ công.*

**4. Góp phần phát triển các năng lực:**

- NL tự chủ, NL giải quyết vấn đề, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Tranh, ảnh về nhà ở truyền thống và nhà ở hiện nay, cảnh làng quê, trang phục, lễ hội của người dân ở ĐB Bắc Bộ

- HS: SGK, tranh, ảnh

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm, thuyết trình

- KT: đặt câu hỏi, trình bày một phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm 2

I**II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBHT điêu hành lớp trả lời, nhận xét  *+ Do sông Hồng và sông Thái Bình bồi đắp nên.*  *+ Đồng bằng có địa hình thấp, bằng phẳng, sông chảy ở đồng bằng uốn lượn quanh co.* | **1.Khởi động:***(5p)*  *+ ĐB Bắc Bộ do những sông nào bồi đắp nên.*  *+ Trình bày đặc điểm địa hình và sông ngòi của ĐB Bắc Bộ?*  - GV giới thiệu bài mới | |
| **2. Bài mới:***(30p)*  **\* Mục tiêu:** Biết đồng bằng Bắc Bộ là nơi dân cư tập trung đông đúc nhất cả nước, người dân sống ở đồng bằng Bắc Bộ chủ yếu là người Kinh. Sử dụng tranh ảnh mô tả nhà ở, trang phục truyền thống của người dân ở đồng bằng Bắc Bộ:  **\* Cách tiến hành: Cá nhân- Nhóm-Lớp** | | |
| **Cá nhân - Nhóm 2 - Lớp**  *+ ĐB Bắc Bộ là nơi dân cư tập trung đông đúc nhất nước ta.*  *+ Chủ yếu là người Kinh.*  - HS thảo luận nhóm 2- Chia sẻ lớp  *+ Làng với nhiều nhà quây quần bên nhau.*  *+ Nhà được xây chắc chắn, xung quanh có sân, vườn, ao. . . .*  *+ Làng Việt cổ thường có luỹ tre bao bọc. Mỗi làng thường có. . .*  *+ Ngày nay, nhà ở và làng của của người dân Bắc Bộ có nhiều thay đổi.* . .    **Nhóm 4 – Lớp**  *+ Nam mặc quần trắng, áo dài the, khăn xếp màu đen. Nữ mặc váy đen, áo dài tứ thân bên trong mặc yếm đỏ, lưng thắt ruột tượng (khăn lụa dài) chít khăn mỏ quạ.*  *+ Vào mùa xuân, để cầu cho một năm mới được mạnh khoẻ, bội thu,. .*  *+ Hoạt động tế lễ,vui chơi, giải trí (đấu cờ người, thi nấu cơm,. . .)*  *+ Hội Lim, hội Chùa Hương, Hội Gióng,. .*  - HS nối tiếp đọc ghi nhớ  - HS nêu các biện pháp tiết kiệm năng lượng, BVMT như:  + Tiết kiệm than, điện...  + Có hệ thống xử lí khói thải...  - Sưu tầm và triển lãm các tranh ảnh về người dân ở đồng bằng Bắc Bộ. | | **Hoạt động: Chủ nhân của đồng bằng:**  **-** GV cho HS dựa vào SGK trả lời các câu hỏi sau:  *+ Đồng bằng Bắc Bộ là nơi đông dân hay thưa dân?*  *+ Người dân sống ở ĐB Bắc Bộ chủ yếu là dân tộc gì?*  - GV nhận xét, kết luận.  - GV cho các nhóm dựa vào SGK, tranh, ảnh thảo luận theo các câu hỏi sau:  *+ Làng của ngưòi Kinh ở ĐB Bắc Bộ có đặc điểm gì? (nhiều nhà hay ít nhà).*  *+ Nêu các đặc điểm về nhà ở của người Kinh? (nhà được làm bằng những vật liệu gì? Chắc chắn hay đơn sơ?). Vì sao nhà ở có những đặc điểm đó?*  *+ Làng Việt cổ có đặc điểm gì?*  *+ Ngày nay, nhà ở và làng xóm của người dân ĐB Bắc Bộ có thay đổi như thế nào?*  \*\*\*GV giúp HS hiểu và nắm được các ý chính về đặc điểm nhà ở và làng xóm của người Kinh ở ĐB Bắc Bộ, một vài nguyên nhân dẫn đến các đặc điểm đó. ***Ví dụ***: Trong một năm, ĐB Bắc Bộ có 2 mùa hạ và đông khác nhau, thời kì chuyển tiếp giữa 2 mùa hạ, đông là mùa xuân và thu. Mùa đông thường có gió mùa đông bắc mang theo không khí lạnh từ phương bắc thổi về, trời lạnh và ít nắng ; mùa hạ nóng,có gió mát từ biển thổi vào. Vì vậy, người dân thường làm nhà có cửa chính quay về hướng Nam để tránh gió rét và đón ánh nắng mùa đông, đón gió biển thổi vào mùa hạ. Đây là nơi hay có bão (gió rất mạnh và mưa rất lớn) làm đổ nhà cửa, cây cối nên người dân phải làm nhà kiên cố, có sức chịu đựng được bão…  **HĐ 2: Trang phục và lễ hội**  - GV cho HS dựa vào hình 2, 3, 4 và kênh chữ trong SGK và vốn hiểu biết của mình thảo luận theo gợi ý sau:  *+ Hãy mô tả về trang phục truyền thống của người Kinh ở ĐB Bắc Bộ.*  *+ Người dân thường tổ chức lễ hội vào thời gian nào? Nhằm mục đích gì?*  *+ Trong lễ hội có những hoạt động gì?*  *+ Kể tên một số lễ hội nổi tiếng của người dân ĐB Bắc Bộ?*  - Nêu bài học  **3. Hoạt động ứng dụng *(1p)***  **Liên hệ GD SDTKNL:** Những nghề thủ công cổ truyền phát triển mạnh mẽ ở đồng bằng Bắc Bộ, đặc biệt là các nghề: đúc đồng, làm đồ gốm, thủ công mĩ nghệ... các nghề này sử dụng năng lượng để tạo ra các sản phẩm trên. Vì vậy cần có ý thức sử dụng năng lượng khi tạo ra các sản phẩm thủ công nói trên, đồng thời bảo vệ môi trường trong quá trình sản xuất đồ thủ công.  **4. Hoạt động sáng tạo** *(1p)* |

**ĐIỀU CHỈNH-BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**SINH HOẠT**

**ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC TUẦN 13**

**I. MỤC TIÊU:**

- Nắm đ­­ược ưu - khuyết điểm trong tuần 13

- Phát huy ­­ưu điểm, khắc phục nh­­ược điểm.

- Biết đ­­ược phư­ơng h­­ướng tuần 14

- GD HS có tinh thần đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau.

- Thu gom giấy vụn, sách báo làm kế hoạch nhỏ

**II. CHUẨN BỊ:**

- GV: Nắm được ưu – khuyết điểm của HS trong tuần

- HS: Chủ tịch Hội đồng tự quản và các Trưởng ban chuẩn bị ND báo cáo.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG CHÍNH:**

***1. Khởi động***

- Lớp tham gia trò chơi: Truyền tin

***2. Lớp báo cáo hoạt động trong tuần:***

- 4 Trưởng ban lên nhận xét các thành viên trong tổ và xếp loai từng thành viên.

- Tổ viên các tổ đóng góp ý kiến.

- Chủ tịch HĐTQ lên nhận xét chung các ban.

- GV nhận xét chung:

+ Nề nếp:

.................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

+ Học tập:

.................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

***3. Ph­ương h­­ướng tuần sau:***

- Tiếp tục thi đua: Học tập tốt, thực hiện tốt nề nếp, vâng lời thầy cô, nói lời hay làm việc tốt.

.................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

***4. Lớp văn nghệ - múa hát tập thể.***

**TUẦN 14** *Thứ ....... ngày ...... tháng ..... năm .........*

**TẬP ĐỌC**

**CHÚ ĐẤT NUNG**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Hiểu ND: Chú bé Đất can đảm, muốn trở thành người khoẻ mạnh, làm được nhiều việc có ích đã dám nung mình trong lửa đỏ (trả lời được các câu hỏi trong SGK).

**2. Kĩ năng**

- Biết đọc bài văn với giọng kể chậm rãi; bước đầu biết đọc nhấn giọng một số từ ngữ gợi tả, gợi cảm và phân biệt lời người kể với lời nhân vật (chàng kị sĩ, ông Hòn Rấm, chú bé Đất).

**3. Thái độ**

- GD HS tính kiên trì, bền bỉ.

**4. Góp phần phát triển năng lực**

**-** Năng lực tự học, NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ.

***\* KNS:*** *Xác định giá trị, tự nhận thức về bản thân, thể hiện sự tự tin*

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: + Tranh minh hoạ bài tập đọc (phóng to nếu có điều kiện).

+ Bảng phụ viết sẵn đoạn luyện đọc

- HS: SGK, vở viết

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- Phương pháp: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm.

- Kĩ thuật: Kĩ thuật đặt câu hỏi, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBHT điều hành lớp trả lời, nhận xét  *+ Cao Bá Quát viết chữ rất xấu nên nhiều bài văn dù có hay thầy vẫn cho điểm kém.*  + 1 HS nêu ý nghĩa bài học | **1. Khởi động:** *(5p)*  - Đọc bài Văn hay chữ tốt  *+ Vì sao Cao Bá Quát thường bị điểm kém?*  *+ Nêu ý nghĩa bài học*  - GV nhận xét, dẫn vào bài. Giới thiệu bài và chủ điểm Tiếng sáo diều |
| **2. Luyện đọc:** *(8-10p)*  **\* Mục tiêu:** Biết đọc bài văn với giọng kể chậm rãi; bước đầu biết đọc nhấn giọng một số từ ngữ gợi tả.  \* **Cách tiến hành:** | |
| - 1 HS đọc bài, cả lớp đọc thầm  - Lắng nghe  - Lớp trưởng điều hành cách chia đoạn  - Bài được chia làm 3 đoạn  + Đoạn 1: *Tết Trung thu … đi chăn trâu*  + Đoạn 2: *Cu Chắt … lọ thủy tinh*.  + Đoạn 3: *Còn một mình … đến hết*.  - Nhóm trưởng điều hành nhóm đọc nối tiếp đoạn trong nhóm lần 1 và phát hiện các từ ngữ khó (*kĩ sĩ, mái lầu son, nắp tráp chái bếp đống rấm, ,....)*  - Luyện đọc từ khó: Đọc mẫu (M4)-> Cá nhân (M1)-> Lớp  - Giải nghĩa từ khó (đọc chú giải)  - HS đọc nối tiếp đoạn lần 2 theo điều khiển của nhóm trưởng  - Các nhóm báo cáo kết quả đọc  - 1 HS đọc cả bài (M4) | - Gọi 1 HS đọc bài (M3)  - GV lưu ý giọng đọc cho HS: Toàn bài đọc với giọng vui, hồn nhiên. Lời anh chàng kị sĩ: kênh kiệu, lời ông Hòn Rấm: vui vẻ, ôn tồn. Lời chú bé Đất: chuyển từ ngạc nhiên sang mạnh dạn, táo bạo một cách đáng yêu.  - GV chốt vị trí các đoạn:  - Lưu ý sửa lỗi đọc và ngắt nghỉ cho các HS (M1)    - Giải thích về tục nặn tò he bằng bột vào các ngày Tết trung thu xưa. |
| **3.Tìm hiểu bài:** *(8-10p)*  **\* Mục tiêu:** HS hiểu: Chú bé Đất can đảm, muốn trở thành người khoẻ mạnh, làm được nhiều việc có ích đã dám nung mình trong lửa đỏ (trả lời được các câu hỏi trong SGK).  **\* Cách tiến hành: *Làm việc nhóm 4 – Chia sẻ trước lớp*** | |
| - HS làm việc theo nhóm 4 – Chia sẻ kết quả dưới sự điều hành của TBHT  *+ Cu Chắt có các đồ chơi: một chàng kị sĩ cưỡi ngựa rất bảnh,một nàng công chúa ngồi trong lầu son, một chú bé bằng đất.*  *+ Chàng kị sĩ, nàng công chúa xinh đẹp là những món quà em được tặng trong dịp tết Trung thu. Các đồ chơi này được nặn từ bột, màu rất sặc sỡ và đẹp còn chú bé Đất là đồ chơi em tự nặn bằng đất sét khi đi chăn trâu.*  - Lắng nghe.  **- Giới thiệu các đồ chơi của cu Chắt.**  *+ Cu Chắt cất đồ chơi vào nắp cái tráp hỏng*  *+ Họ làm quen với nhau nhưng cu Đất đã làm bẩn quần áo đẹp của chàng kị sĩ và nàng công chúa nên cậu ta bị cu Chắt không cho họ chơi với nhau nữa.*  - **Cuộc làm quen giữa cu Đất và hai người bột**  *+ Vì chơi một mình chú cảm thấy buồn và nhớ quê.*  *+ Chú bé Đất đi ra cánh đồng. Mới đến chái bếp, gặp trời mưa, chú ngấm nước và bị rét, chú bèn chui vào bếp sưởi ấm. Lúc đầu thấy khoan khoái, lúc sau thấy nóng rát cả chân tay khiến chú ta lùi lại. Rồi chú gặp ông Hòn Rấm*  *+ Vì chú sợ ông Hòn Rấm chê chú là nhát / Vì chú muốn đuợc xông pha, làm nhiều việc có ích.*    - Lắng nghe  *+ Chi tiết “nung trong lửa” tượng trưng cho: Gian khổ và thử thách, con người vượt qua để trở nên cứng rắn và hữu ích.*    **- Kể lại việc chú bé Đất quyết định trở thành đất nung.**  **Ý nghĩa: Câu chuyện ca ngợi chú bé Đất can đảm, muốn trở thành người khỏe mạnh, làm được nhiều việc có ích đã dám nung mình trong lửa đỏ.**  - HS ghi lại nội dung bài | - GV phát phiếu học tập cho các nhóm  *+ Cu Chắt có những đồ chơi nào?*  *+ Những đồ chơi của cu Chắt có gì khác nhau?*  ***- Những đồ chơi của cu Chắt rất khác nhau: một bên là kị sĩ bảnh bao, hào hoa cưỡi ngựa tía, dây vàng với nàng công chúa xinh đẹp ngồi trong lầu son với một bên là một chú bé bằng đất sét mộc mạc giống hình người. Nhưng mỗi đồ chơi của chú đều có câu chuyện riêng đấy.***  + Đoạn 1 cho em biết điều gì?  *+ Cu Chắt để đồ chơi của mình vào đâu?*  *+ Những đồ chơi của cu Chắt làm quen với nhau như thế nào?*  *+ Ý chính của đoạn 2?*  *+ Vì sao chú bé Đất lại ra đi?*  *+ Chú bé Đất đi đâu và gặp chuyện gì?*  *+ Vì sao chú bé Đất quyết định trở thành Đất Nung?*  ***- Chúng ta thấy sự thay đổi thái độ của cu Đất. Lúc đầu chú sợ nóng rồi ngạc nhiên không tin rằng Đất có thể nung trong lửa. Cuối cùng chú hết sợ, vui vẻ, tự nguyện xin được nung. Điều đó khẳng định rằng: Chú bé Đất muốn được xông pha, muốn trở thành người có ích.***  *+ Chi tiết “nung trong lửa” tượng trưng cho điều gì?*  ***- Ông cha ta thường nói: “Lửa thử vàng, gian nan thử sức”, con người được tôi luyện trong gian nan, thử thách sẽ càng can đảm, mạnh mẽ và cứng rắn hơn. Cu Đất cũng vậy, biết đâu sau này chú ta sẽ làm được những việc có ích cho cuộc sống.***  + Đoạn cuối bài nói lên điều gì?  - Hãy nêu ý nghĩa của câu chuyện.  \* Lưu ý giúp đỡ hs M1+M2 trả lời các câu hỏi tìm hiểu bài. |
| **4. Luyện đọc diễn cảm***(8-10p)*  **\* Mục tiêu:** HSđọc diễn cảm và phân vai đoạn số 3 của bài  **\* Cách tiến hành: Hoạt động cá nhân – nhóm - cả lớp** | |
| - HS nêu lại giọng đọc cả bài  - 1 HS M4 đọc mẫu toàn bài  - Nhóm trưởng điều hành:  + Phân vai trong nhóm  + Luyện đọc theo nhóm  - Vài nhóm thi đọc trước lớp.  - Bình chọn nhóm đọc hay.  - HS nêu  - Tìm đọc toàn bộ câu chuyện Chú Đất Nung của nhà văn Nguyễn Kiên | - Yêu cầu HS nêu giọng đọc toàn bài.  - Yêu cầu đọc phân vai đoạn 3, lưu ý phân biệt lời các nhân vật.  - GV nhận xét, đánh giá chung  **5. Hoạt động ứng dụng** *(1 phút)*  + Em học được điều gì qua hình ảnh chú bé Đất Nung?  - Liên hệ giáo dục: kiên trì, bền bỉ trải qua thử thách để học được những bài học hay  **6. Hoạt động sáng tạo** *(1 phút)* |

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

..........................................................................................................................................................................................................................................................................

**TOÁN**

***Tiết 61:* CHIA MỘT TỔNG CHO MỘT SỐ**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Biết chia một tổng cho một số.

**2. Kĩ năng**

- Bước đầu biết vận dụng tính chất chia một tổng cho một số trong thực hành tính.

**3. Thái độ**

- HS có thái độ học tập tích cực.

**4. Góp phần phát triển năng lực:**

**-** Năng lực tự học, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL tư duy - lập luận logic.

\*Bài tập cần làm: Bài 1, bài 2

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Phiếu học tập

- HS: Sách, bút

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- Phương pháp vấn đáp, động não, thực hành, đặt và giải quyết vấn đề, hoạt động nhóm, trò chơi học tập

- Kĩ thuật đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC;**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ | **1. Khởi động:** *(5p)*    - GV giới thiệu vào bài |
| **2. Hình thành kiến thức***:(15p)*  **\* Mục tiêu:** Biết cách chia một tổng cho một số  **\* Cách tiến hành: Cá nhân – Nhóm- Lớp** | |
| - HS đọc biểu thức  - HS làm cá nhân – Chia sẻ nhóm 2 – Chia sẻ lớp  (35 + 21): 7 và 35: 7 + 21: 7  = 56: 7 = 8 = 5 + 3 = 8  *+ Bằng nhau. (đều bằng 8)*  - HS đọc biểu thức.  *+ Có dạng là một tổng chia cho một số.*  *+ Biểu thức là tổng của hai thương*  *+ Thương thứ nhất là 35: 7, thương thứ hai là 21: 7*  *+Là các số hạng của tổng (35 + 21).*  *+ 7 là số chia.*  **Công thức: (a + b): c = a: c+ b: c**  - HS nghe GV nêu tính chất và sau đó nêu lại.  - HS lấy VD về cách thực hiện chia 1 tổng cho 1 số. | ***\*. So sánh giá trị của biểu thức***  - Ghi lên bảng hai biểu thức:  (35 + 21): 7 và 35: 7 + 21: 7  - Yêu cầu HS tính giá trị của hai biểu thức trên  *+ Giá trị của hai biểu thức (35 + 21): 7 và 35: 7 + 21: 7 như thế nào so với nhau?*  - Vậy ta có thể viết:  (35 + 21): 7 = 35: 7 + 21: 7  *\*****Rút ra kết luận về một tổng chia cho một số***  *+ BT (35 + 21): 7 có dạng thế nào?*  *+ Hãy nhận xét về dạng của biểu thức.*  *35 : 7 + 21: 7 ?*  *+ Nêu từng thương trong biểu thức này.*  *+ 35 và 21 là gì trong biểu thức (35 + 21): 7*  *+ Còn 7 là gì trong biểu thức (35 + 21): 7 ?*  *+ Qua hai biểu thức trên, em hãy rút ra công thức tính và qui tắc?* |
| **3. HĐ thực hành (18p)**  **\* Mục tiêu**: Bước đầu biết vận dụng tính chất chia một tổng cho một số trong thực hành tính.  **\* Cách tiến hành** | |
| - Thực hiện cá nhân - Chia sẻ nhóm 2 - chia sẻ lớp  Đ/a:  (15 + 35): 5 (80 + 40): 4  = 50: 5 = 10 = 120: 4 = 30  (15 + 35): 5 (80 + 40): 4  = 15: 5 + 35: 5 = 80: 4 + 40: 4  = 3 + 7 = 10 = 20 + 10 = 30  Đ/a:  18: 6 + 24: 6 60: 3 + 9 : 3  = 3+ 4 = 7 = 20+ 3 = 23  18: 6 + 24: 6 60: 3 + 9 : 3  = (18 + 24): 6 = (60 + 9): 3  = 42 : 6 = 7 = 69: 3 = 23  - Làm cá nhân – Chia sẻ nhóm 2 – Chia sẻ lớp  Đ/a:  a. (27 – 18): 3 b. (64 – 32): 8  = 9 : 3 = 3 = 32: 8 = 4  (27 – 18): 3 (64 – 32): 8  = 27: 3 – 18: 3 = 64: 8 – 32 – 8  = 9 – 6 = 3 = 8 – 4 = 4  - HS làm vở Tự học – Chia sẻ lớp  Bài giải  Lớp 4A chia được số nhóm là: 32 : 4 = 8 (nhóm)  Lớp 4B chia được số nhóm là:  28 : 4 = 7 (nhóm)  Tất cả có số nhóm là:  8 + 7 = 15 (nhóm)  Đ/s: 15 nhóm  - Ghi nhớ cách chia một tổng cho một số  - Giải BT 3 bằng cách khác | ***Bài 1a:***  - Gọi HS đọc yêu cầu bài tập.  - GV chốt đáp án.  - Củng cố tính chất chia một tổng cho một số.  ***Bài 1b***  - Gọi HS đọc yêu cầu bài tập.  - GV chốt đáp án.  ***Bài 2:*** Tính bằng hai cách (theo mẫu)  - Gọi HS đọc yêu cầu bài tập.  - GV chốt đáp án, củng cố tính chất chia một hiệu cho một số.  **Bài 3: *(Bài tập chờ dành cho HS hoàn thành sớm)***  **4. Hoạt động ứng dụng *(1p)***  **5. Hoạt động sáng tạo *(1p)*** |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**KHOA HỌC**

**MỘT SỐ CÁCH LÀM SẠCH NƯỚC**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Nêu được một số cách làm sạch nước: lọc, khử trùng, đun sôi,…

- Nắm được quy trình sản xuất nước sạch

**2. Kĩ năng**

- Thực hành lọc nước

**3. Thái độ**

- Biết sử dụng nước sạch, đun sôi nước để đảm bảo an toàn cho sức khoẻ

**4. Góp phần phát triển các năng lực:**

- NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL hợp tác.

***\* BVMT:*** *Bảo vệ, cách thức làm cho nước sạch, tiết kiệm nước; bảo vệ bầu không khí*

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Các hình minh hoạ trang 56, 57 / SGK (phóng to nếu có điều kiện).

- HS chuẩn bị theo nhóm các dụng cụ thực hành: Nước đục, hai chai nhựa trong giống nhau, giấy lọc, cát, than bột.

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: quan sát, hỏi đáp, thảo luận, trò chơi học tập, thí nghiệm.

- KT: Động não, chia sẻ nhóm đôi, tia chớp

**II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt đông của của học sinh** | **Hoạt đông của giáo viên** | |
| - HS trả lời dưới sự điều hành của TBHT  *+ Do xả rác, phân nước thải bừa bãi...*  *+ Là nơi vi sinh vật sinh sống, phát triển và lan truyền các loaị như dịch tả,...* | **1, Khởi động *(4p)***  *+ Nêu những nguyên nhân nào làm ô nhiễm nước?*  *+ Nguồn nước bị ô nhiễm có tác hại gì đối với sức khỏe của con người?*  - GV nhận xét, khen/ động viên, dẫn vào bài mới. | |
| **2. Bài mới:***(30p)*  **\* Mục tiêu:** Biết một số cách làm sạch nước. Thực hiện lọc nước mức độ đơn giản. Nắm được quy trình sản xuất nước sạch  **\* Cách tiến hành: Cá nhân-Nhóm –Lớp** | | |
| **Cá nhân- Lớp**    \*\*Những cách làm sạch nước là:  *+ Dùng bể đựng cát, sỏi để lọc. Dùng bình lọc nước. Dùng bông lót ở phễu để lọc. Dùng nước vôi trong. Dùng phèn chua. Dùng than củi. Đun sôi nước.*  *+ Làm cho nước trong hơn, loại bỏ một số vi khuẩn gây bệnh cho con người.*  - HS lắng nghe.  **Nhóm 4 - Lớp**  - HS đọc nội dung SGK  - HS thực hành theo hướng dẫn SGK.  - Đại diện các nhóm trình bày kết quả.  *+ Nước trước khi lọc có màu đục, có nhiều tạp chất như đất, cát,.. Nước sau khi lọc trong suốt, không có tạp chất.*  *+ Chưa uống được vì nước đó chỉ sạch các tạp chất, vẫn còn các vi khuẩn khác mà bằng mắt thường ta* *không nhìn thấy được.*  *+ Khi tiến hành lọc nước đơn giản chúng ta cần phải có than bột, cát hay sỏi.*  *+ Than bột có tác dụng khử mùi và màu của nước.*  *+ Cát hay sỏi có tác dụng loại bỏ các chất không tan trong nước*.  - HS lắng nghe.  **Nhóm 2 – Lớp**  - HS quan sát tranh SGK, nêu quy trình sản xuất nước sạch  - HS quan sát, lắng nghe.  **Cá nhân – Lớp**  *+ Đều không uống ngay được. Chúng ta cần phải đun sôi nước trước khi uống để diệt hết các vi khuẩn nhỏ sống trong nước và loại bỏ các chất độc còn tồn tại trong nước.*  *+ Chúng ta cần giữ vệ sinh nguồn nước chung và nguồn nước tại gia đình mình. Không để nước bẩn lẫn nước sạch.*  - HS nêu  - Tìm hiểu về cách lọc nước giếng khoan ở một số hộ gia đình. | | **HĐ1: Tìm hiểu một số cách làm sạch nước:**  1*) Gia đình hoặc địa phương em đã sử dụng những cách nào để làm sạch nước?*  *+ Những cách làm như vậy đem lại hiệu quả như thế nào?*  ***\* Kết luận: Thông thường người ta làm sạch nước bằng 3 cách sau: Lọc nước, khử trùng nước, đun sôi nước.***  ***Tác dụng của việc lọc nước: Tách các chất không bị hoà tan ra khỏi nước.***  ***+ Để diệt vi khuẩn người ta có thể pha vào nước những chất khử trùng như nước gia- ven. Tuy nhiên, chất này thường làm cho nước có mùi hắc.***  ***+ Đun nước cho tới khi sôi, để thêm 10 phút, phần lớn vi khuẩn chết hết. Nước bốc hơi mạnh, mùi thuốc khử trùng cũng hết.***  **HĐ2: Thực hành lọc nước:**  - GV tổ chức cho HS thực hành lọc nước đơn giản với các dụng cụ đã chuẩn bị theo nhóm  *+ Em có nhận xét gì về nước trước và sau khi lọc?*  *+ Nước sau khi lọc đã uống được chưa? Vì sao?*  *+ Khi tiến hành lọc nước đơn giản chúng ta cần có những gì?*  *+ Than bột có tác dụng gì?*  *+ Vậy cát hay sỏi có tác dụng gì?*  ***\*\* Đó là cách lọc nước đơn giản. Nước tuy sạch nhưng chưa loại các vi khuẩn, các chất sắt và các chất độc khác. Cô sẽ giới thiệu cho cả lớp mình dây chuyền sản xuất nước sạch của nhà máy. Nước này đảm bảo là đã diệt hết các vi khuẩn và loại bỏ các chất độc còn tồn tại trong nước.***  **HĐ3: Tìm hiểu qui trình sản xuất nước sạch:**  - GV vừa giảng bài vừa chỉ vào hình minh hoạ 2: Nước được lấy từ nguồn như nước giếng, nước sông, … đưa vào trạm bơm đợt một. Sau đó chảy qua dàn khử sắt, bể lắng để loại chất sắt và những chất không hoà tan trong nước. Tiếp tục qua bể lọc để loại các chất không tan trong nước. Rồi qua bể sát trùng và được dồn vào bể chứa. Sau đó nước chảy vào trạm bơm đợt hai để chảy về nơi cung cấp nước sản xuất và sinh hoạt.  ***\* Kết luận: Nước được sản xuất từ các nhà máy đảm bảo được 3 tiêu chuẩn: Khử sắt, loại bỏ các chất không tan trong nước và sát trùng.***  **HĐ4: Sự cần thiết phải đun sôi nước trước khi uống.**  *+ Nước đã làm sạch bằng cách lọc đơn giản hay do nhà máy sản xuất đã uống ngay được chưa?Vì sao chúng ta cần phải đun sôi nước trước khi uống?*  *+ Để thực hiện vệ sinh khi dùng nước các em cần làm gì?*  **3. HĐ ứng dụng *(1p)***  + Nêu cách cách đề bảo vệ nguồn nước?  **4. HĐ sáng tạo *(1p)*** |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

..............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**CHÍNH TẢ**

**CHIẾC ÁO BÚP BÊ**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức:**

- Nghe - viết đúng bài CT; trình bày đúng hình thức đoạn văn

- Làm đúng BT2a, BT3a phân biệt s/x

**2. Kĩ năng:**

**-** Rèn kĩ năng viết đẹp, viết đúng chính tả.

**3. Thái độ:**

**-** Giáo dục tính cẩn thận, chính xác, yêu thích chữ viết

**4. Góp phần phát triển năng lực:**

**-** NL tự chủ và tự học, NL sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Bảng phụ, phiếu học tập.

- HS: Vở, bút,...

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- Phương pháp vấn đáp, động não, quan sát, thực hành, đặt và giải quyết vấn đề, hoạt động nhóm, trò chơi học tập.

- Kĩ thuật đặt câu hỏi, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBVN điều hành HS cùng hát kết hợp với vận động tại chỗ | **1. Khởi động: (***2p***)**  - GV dẫn vào bài mới |
| **2. Chuẩn bị viết chính tả:** *(6p)*  **\* Mục tiêu:** HS hiểu được nội dung bài CT, viết được các từ khó, dễ lẫn và các hiện tượng chính tả, cách viết đoạn văn.  **\* Cách tiến hành:** | |
| - 1 HS đọc- HS lớp đọc thầm  *+ Bạn nhỏ khâu cho búp bê một chiếc áo rất đẹp, cổ cao, tà loe, mép áo viền vải xanh, khuy bấm như hạt cườm.*  *-* HS nêu từ khó viết*: phong phanh, xa tanh, loe ra, hạt cườm, đính dọc, nẹp áo -* Viết từ khó vào vở nháp | a. Trao đổi về nội dung đoạn cần viết  - Gọi HS đọc đoạn văn cần viết  *+ Bạn nhỏ đã khâu cho búp bê một chiếc áo đẹp như thế nào?*  - Hướng dẫn viết từ khó: Gọi HS nêu từ khó, sau đó GV đọc cho HS luyện viết. |
| **3. Viết bài chính tả:** *(15p)*  **\* Mục tiêu:** Hs nghe -viết tốt bài chính tả theo hình thức đoạn văn.  **\* Cách tiến hành:** | |
| - HS nghe - viết bài vào vở | - GV đọc bài cho HS viết  - GV theo dõi và nhắc nhở, giúp đỡ HS viết chưa tốt.  - Nhắc nhở cách cầm bút và tư thế ngồi viết. |
| **4. Đánh giá và nhận xét bài:** *(5p)*  **\* Mục tiêu:** Giúp HS tự đánh giá được bài viết của mình và của bạn. Nhận ra các lỗi sai và sửa sai  **\* Cách tiến hành: Cá nhân- Cặp đôi** | |
| - Học sinh xem lại bài của mình, dùng bút chì gạch chân lỗi viết sai. Sửa lại xuống cuối vở bằng bút mực  - Trao đổi bài (cặp đôi) để soát hộ nhau  - Lắng nghe. | - Cho học sinh tự soát lại bài của mình theo.  - GV nhận xét, đánh giá 5 - 7 bài  - Nhận xét nhanh về bài viết của HS |
| **5. Làm bài tập chính tả:** *(5p)*  **\* Mục tiêu:** Giúp HS phân biệt được s/x  **\* Cách tiến hành: Cá nhân-Cặp đôi- Chia sẻ trước lớp** | |
| - HS làm cá nhân – chia sẻ nhóm 2 – Chia sẻ lóp  Đáp án:  *xinh, xóm, xít, xanh, sao, súng, sờ, sướng, sợ*  - Tham gia chơi dưới sự điều hành của GV  Đáp án:  + Các tính từ chứa x: xấu xí, xấu xa, xanh, xa, xúm xít, xinh xinh,....  + Các tính từ chứa s: sắc, san sát, sáng suốt, sáng sủa, ....  - Viết lại 5 lần các từ viết sai trong bài chính tả  - Đặt câu với 1 tinh từ em tìm được ở bài 3a. | **Bài 2a:** Điền vào ô trống  **Bài 3a**  - Tổ chức cho HS chơi trò chơi Tiếp sức giữa 3 tổ  **6. Hoạt động ứng dụng** *(1p)*  **7. Hoạt động sáng tạo** *(1p)* |

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TOÁN**

***Tiết 67:* CHIA CHO SỐ CÓ MỘT CHỮ SỐ**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Biết cách chia số có nhiều chữ số cho số có một chữ số.

**2. Kĩ năng**

- Thực hiện được phép chia một số có nhiều chữ số cho số có một chữ số (chia hết, chia có dư).

**3. Thái độ**

- HS tích cực, cẩn thận khi làm bài

**4. Góp phần phát huy các năng lực**

**-** Năng lực tự học, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL tư duy - lập luận logic.

\* BT cần làm: Bài 1 (dòng 1, 2), bài 2

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Bảng phụ

-HS: SGK,...

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm

- Kĩ thuật: đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của HS** | **Hoạt động của GV** | | |
| - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ | **1. Khởi động *(5p)***  - Dẫn vào bài mới | | |
| **2. Hình thành kiến thức mới (15p)**  **\* Mục tiêu:** Biết cách chia số có nhiều chữ số cho số có một chữ số  **\* Cách tiến hành:** **Cá nhân- Nhóm – Lớp** | | | |
| - HS thực hành chia cá nhân – Chia sẻ nhóm 2 – Chia sẻ lớp  chia như SGK.  128472 6  08 21412  24  07  12  0  *+ Chia theo thứ tự từ phải sang trái*  - HS nêu  *+ Phép chia hết*  - HS đặt tính và thực hiện phép chia. – Chia sẻ lớp  230859 5  30 46171  08  35  09  4  Vậy 230 859: 5 = 46 171 (dư 4)  *+ Là phép chia có số dư là 4.*  *+ Số dư luôn nhỏ hơn số chia.* | | | ***\* Hướng dẫn thực hiện phép chia***  a. Phép chia 128 472: 6  - GV viết lên bảng phép chia, yêu cầu HS thực hiện phép chia.  *+ Vậy chúng ta phải thực hiện phép chia theo thứ tự nào?*  + Nêu các bước chia  *+ Phép chia 128 472: 6 là phép chia hết hay phép chia có dư?*  b. Phép chia 230 859: 5    *+ Phép chia 230 859: 5 là phép chia hết hay phép chia có dư?*  *+ Với phép chia có dư chúng ta phải chú ý điều gì?*  - Củng cố cách đặt tính và thực hiện phép tính |
| **3. Hoạt động thực hành** *(18p)*  **\* Mục tiêu**: Thực hiện được phép chia một số có nhiều chữ số cho số có một chữ số (chia hết, chia có dư).và vận dụng giải các bài toán liên quan  **\* Cách tiến hành: Cá nhân-Nhóm 2- Lớp** | | | |
| - HS làm cá nhân- Chia sẻ nhóm 2- Chia sẻ lớp  Đáp án  278157 3 158735 3  08 92719 08 52911  21 27  05 03  27 05  0 2  304968 4  24 76242  09  16  08  0      - Thực hiện theo YC của GV.  Bài giải  Số lít xăng có trong mỗi bể là  128610: 6 = 21435 (lít)  Đáp số: 21435 lít  - HS làm bài vào vở Tự học – Chia sẻ lớp  Bài giải  Ta có: 187 250 : 8 = 23 406 (dư 2)  Vậy có thể xếp được nhiều nhất vào 23 406 hộp và còn thừa 2 cái áo  Đ/s: 23 406 hộp, thừa 2 cái áo  - Ghi nhớ cách thực hiện chia cho số có 1 chữ số.  - Tìm các bài tập cùng dạng trong sách buổi 2 và giải. | | ***Bài 1(dòng 1, 2) HSNK có thể hoàn thành cả bài.***  - GV chốt đáp án.  - Củng cố cách đặt tính và thực hiện phép chia cho số có 1 chữ số.  Lưu ý giúp đỡ hs M1+M2  ***Bài 2:***  ­- Gọi HS đọc đề bài, xác định yếu tố đã cho, yếu tố cần tìm.  - Cho HS làm bài vào vở.  - GV nhận xét, đánh giá một số bài.  - Nhận xét, chữa bài.  **Bài 3 *(Bài tập chờ dành cho HS hoàn thành sớm)***  **4. Hoạt động ứng dụng** *(1p)*  **5. Hoạt động sáng tạo** *(1p)* | |

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**LỊCH SỬ**

**Nhà TrẦn Thành LẬp**

**1. Kiến thức**

- Biết được hoàn cảnh nhà Trần ra đời : Đến cuối thế kỉ XII nhà Lý ngày càng suy yếu, đầu năm 1226, Lý Chiêu Hoàng nhường ngôi cho chồng là Trần Cảnh, nhà Trần được thành lập.

- Những việc làm của nhà Trần để củng cố và xây dựng đất nước.

**2. Kĩ năng**

- Xác định được vai trò to lớn của nhà Trần với sự hưng thịnh của đất nước.

**3. Thái độ**

- HS có thái độ tôn trọng lịch sử.

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL ngôn ngữ, NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: + Phiếu học tập của HS.

+ Tranh minh hoạ

- HS: SGK.

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm.

- KT: Kĩ thuật đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBHT điều hành lớp trả lời, nhận xét.  *+ Cuối năm 1076, nhà Tống cho 10 vạn bộ binh, 1 vạn ngựa, 20 vạn...*  *+ Sau ba tháng đặt chân lên nước ta, số quân Tống chết đến quả nửa,...* | **1.Khởi động:***(4p)*  *+ Thuật lại cuộc chiến đấu ở phòng tuyến sông Cầu.*  *+ Nêu kết quả của cuộc kháng chiến chống quân Tống xâm lược?*  - GV nhận xét, khen/ động viên. |
| **2. Bài mới:***(30p)*  ***\* Mục tiêu***: Nắm được hoàn cảnh ra đời của nhà Trần. Những việc làm của nhà Trần để củng cố và xây dựng đất nước.  ***\* Cách tiến hành: Cá nhân – Nhóm - Lớp*** | |
| **Cá nhân – Lớp**  - 1 HS đọc  *+ Cuối thế kỉ XII,nhà Lý suy yếu, nội bộ triều đình lục đục, đời sống nhân dân khổ cực. Giặc ngoại xâm lăm le xâm lược nước ta. Vua Lý phải dựa vào thế lực của nhà Trần (Trần Thủ Độ) để giữ ngai vàng.*  *+ Vua Lý Huệ Tông không có con trai nên truyền ngôi cho con gái là Lý Chiêu Hoàng. Trần Thủ Độ tìm cách cho Lý Chiêu Hoàng lấy Trần Cảnh, rồi nhường ngôi cho chồng. Nhà Trần được thành lập.*  - Lắng nghe  **Nhóm 4 – Lớp**  - HS thảo luận. Đại diện trình bày kết quả.  - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  Điền dấu x vào ô trống sau chính sách nào được nhà Trần thực hiện:  □ Đứng đầu nhà nước là vua.  □ Vua đặt lệ nhường ngôi sớm cho con.  □ Đặt thêm các chức quan Hà đê sứ, Khuyến nông sứ, Đồn điền sứ.  □ Đặt chuông trước cung điện để nhân dân đến đánh chuông khi có điều oan ức hoặc cầu xin.  □ Cả nước chia thành các lộ, phủ, châu, huyện, xã.  □ Trai tráng mạnh khỏe được tuyển vào quân đội, thời bình thì sản xuất, khi có chiến tranh thì tham gia chiến đấu.  **Cá nhân – Lớp**  *+ Trong các buổi tiệc yến, có lúc vua và các quan cùng nắm tay nhau hát vui vẻ.*  - Lắng nghe  - Ghi nhớ KT của bài  - Kể chuyện lịch sử về Trần Thủ Độ, người có công đầu trong việc thành lập nhà Trần | **HĐ1: Nhà Trần thành lập:**  - GV cho HS đọc SGK từ: “*Đến cuối TK XII …. nhà Trần thành lập*”.  *+ Hoàn cảnh nước ta cuối TK XII như thế nào?*    *+ Trong hoàn cảnh đó, nhà Trần đã thay thế nhà Lý như thế nào?*  \****GV kết luận: Khi nhà Lý suy yếu, tình hình đất nước khó khăn, nhà Lý không còn gánh vác được việc nước nên sự thay thế nhà Lý bằng nhà Trần là một điều tất yếu. Chúng ta cùng tìm hiểu tiếp bài để biết nhà Trần làm gì để xây dựng và bảo vệ đất nước.***  **HĐ 2: Những chính sách thời nhà Trần:**  - GV phát phiếu bài tập, yêu cầu HS sau khi đọc SGK.  - GV hướng dẫn kiểm tra kết quả làm việc của các nhóm và tổ chức cho các nhóm trình bày những chính sách về tổ chức nhà nước được nhà Trần thực hiện.  **Hoạt động 3: Cả lớp:**  GV đặt câu hỏi để HS thảo luận:  *+ Những sự việc nào trong bài chứng tỏ rằng giữa vua với quan và vua với dân dưới thời nhà Trần chưa có sự cách biệt quá xa?*  ***- GV: Vua đặt chuông ở thềm cung điện cho dân đến đánh khi có điều gì cầu xin, oan ức. Ở trong triều, sau các buổi yến tiệc, vua và các quan có lúc nắm tay nhau, ca hát vui vẻ.***  **3. Hoạt động ứng dụng** *(1p)*.  **4. Hoạt động sáng tạo** *(1p)* |

**ĐIỀU CHỈNH-BỔ SUNG**

..........................................................................................................................................................................................................................................................................

.....................................................................................................................................

*Thứ ....... ngày ...... tháng ..... năm .........*

**LUYỆN TỪ VÀ CÂU**

**LUYỆN TẬP VỀ CÂU HỎI**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Ôn tập kiến thức về câu hỏi

**2. Kĩ năng**

- Đặt được câu hỏi cho bộ phận xác định trong câu (BT1);

- Nhận biết được một số từ nghi vấn và đặt CH với các từ nghi vấn ấy (BT3, BT4);

- Bước đầu nhận biết được một dạng câu có từ nghi vấn nhưng không dùng để hỏi (BT5).

*\*ĐCND: Không làm BT 2.*

**3. Thái độ**

- HS có ý thức sử dụng câu hỏi đúng mục đích.

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL tự học, NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: 4 phiếu nhóm, bút dạ, bảng phụ

- HS: vở BT, bút, ...

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Quan sát, hỏi đáp, thảo luận nhóm.

- KT: Kĩ thuật đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của HS** | **Hoạt động của GV** | |
| - TBHT điều hành lớp nhận xét, trả lời  *+ Câu hỏi dùng để hỏi về những điều chưa biết. VD....*  *- HS đặt câu.* | 1**. Khởi động** (3p)  *+ Câu hỏi dùng để làm gì? Cho ví dụ?*  *+ Hãy đặt 2 câu hỏi: câu dùng để hỏi người khác, 1 câu tự hỏi mình.*  - GV nhận xét, đánh giá chung, giới thiệu và dẫn vào bài mới | |
| **2. Hoạt động thực hành***:(30p)*  **\* Mục tiêu:** - Đặt được câu hỏi cho bộ phận xác định trong câu (BT1);  - Nhận biết được một số từ nghi vấn và đặt CH với các từ nghi vấn ấy (BT3, BT4);  - Bước đầu nhận biết được một dạng câu có từ nghi vấn nhưng không dùng để hỏi (BT5).  **\* Cách tiến hành: Cá nhân-Nhóm-Cả lớp** | | |
| **Nhóm 2 - Chia sẻ lớp**  Đáp án:  *a) Ai hăng hái nhất và khỏe nhất?*  *Hăng hái nhất và khỏe nhất là ai?*  *b) Trước giờ học, chúng em thường làm gì?*  *Chúng em thường làm gì trước giờ học?*  *c) Bến cảng như thế nào?*  *d) Bọn trẻ xóm em hay thả diều ở dâu?*  - Thực hiện theo yêu cầu của GV  **Cá nhân – Nhóm 2 – Lớp**  Đ/a:  a) ***Có phải*** *chú bé Đất trở thành Đất Nung* ***không****?*  *b) Chú bé Đất trở thành Đất Nung* ***phải không***  *c) Chú bé Đất trở thành Đầt Nung* ***à****?*  - Lắng nghe  **Cá nhân - Nhóm 2 – Lớp**  - Các từ nghi vấn:  *có phải – không?/phải không?/à?*  Đ/a:  • *Có phải cậu học lớp 4 A1 không?*  *• Cậu muốn chơi với chúng tớ lắm phải không?*  *• Bạn thích chơi đá bóng à?*  - HS M3, M4 đặt câu có từ nghi vấn khác.  **Nhóm 2 – Lớp**  - 1 HS đọc thành tiếng.  *+ Câu hỏi dùng để hỏi những điều chưa biết. Phần lớn câu là để hỏi người khác nhưng cũng có câu hỏi là để tự hỏi mình...*  + Câu a), d) là câu hỏi vì chúng dùng để hỏi điều mà bạn chưa biết.  + Câu b), c), e) không phải là câu hỏi. Vì câu b) là nêu ý kiến của người nói. Câu c), e) là nêu ý kiến đề nghị.  - Ghi nhớ kiến thức về câu hỏi  - Xây dựng 1 đoạn hội thoại giữa em và bạn cùng lớp, trong đoạn hội thoại có sử dụng câu hỏi | | ***Bài 1:*** Đặt câu hỏi cho các bộ phận câu...    - Sau mỗi HS đặt câu GV hỏi: Ai còn cách đặt câu khác?  - Nhận xét chung về các câu hỏi của HS - Chốt cách đặt câu hỏi  \* Lưu ý giúp đỡ hs M1+M2  ***Bài 3:*** Tìm từ nghi vấn trong các câu sau.  - Kết luận, chốt đáp án, nhắc lại một số từ nghi vấn hay dùng trong câu hỏi: sao, như thế nào, thế nào, phải chăng,...  ***Bài 4:*** Với mỗi từ hoặc cặp từ...  - Gọi HS đọc lại các từ nghi vấn ở bài tập 3.  - Nhận xét HS về cách đặt câu.  \* Giúp đỡ hs M1+M2  ***Bài 5***  - Gọi HS đọc yêu cầu và nội dung.  *+ Thế nào là câu hỏi?*  - Trong 5 câu có dấu chấm hỏi ghi trong SGK, có những câu là câu hỏi nhưng cũng có những câu không phải là câu hỏi. Chúng ta phải tìm xem đó là câu nào, và không được dùng dấu chấm hỏi.  **3. Hoạt động ứng dụng** *(1p)*  **4. Hoạt động sáng tạo** *(1p)* |

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TOÁN**

***Tiết 68:* LUYỆN TẬP**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Củng cố KT về chia cho số có 1 chữ số, bài toán tìm hai số khi biết tổng và hiệu của 2 số đó.

**2. Kĩ năng**

- HS thực hiện thành thạo phép chia cho số có 1 chữ số.

- Giải tốt dạng toán tìm hai số khi biết tổng và hiệu của hai số đó.

- Củng cố cách chia 1 tổng cho 1 số.

**3. Thái độ**

- Tích cực, tự giác học bài, trình bày bài sạch sẽ, khoa học

**4. Góp phần phát triển các kĩ năng**

- Năng lực tự học, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL tư duy - lập luận logic.

\* BT cần làm: Bài 1, bài 2a, bài 4a

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Phiếu nhóm

- HS: SGk, bút

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Quan sát, hỏi - đáp, thảo luận nhóm.

- KT: đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của HS** | **Hoạt động của GV** |
| - TBHT điều hành lớp hát, vận động tại chỗ | **1. HĐ khởi động *(3p)***  - GV giới thiệu bài mới |
| **2. Hình thành kiến thức** *(15p)*  **\* Mục tiêu:** - HS thực hiện thành thạo phép chia cho số có 1 chữ số.  - Giải tốt dạng toán tìm hai số khi biết tổng và hiệu của hai số đó.  - Củng cố cách chia 1 tổng cho 1 số  **\* Cách tiến hành: Cá nhân –Lớp** | |
| - Cá nhân- Chia sẻ nhóm 2 – Chia sẻ lớp  - HS đọc và xác định yêu cầu bài tập.  Đáp án:  67497 7 42789 5  44 27  29 9642 28 8557  17 39  3 4    359361 9 238057 8  89 78  83 39929 60 29757  26 45  81 57  0 1  +.............*số dư bé hơn số chia*  - Cá nhân – Chia sẻ lớp    + Số bé = (Tổng \_ Hiệu): 2  + Số lớn = (Tổng + Hiệu): 2  Đáp án:  a) Số bé là: (42506- 18472): 2 = 12017  Số lớn là: 12017 + 18472 = 30489  b) SB: 26 304  SL: 111 591  - Làm cá nhân – Chia sẻ nhóm 2 – Lớp  - HS đọc và xác định yêu cầu bài tập.  Đáp án:  a)C1: (33164 + 28528): 4  = 61692 : 4  = 15423  C2: 33164: 4+ 28528: 4  = 8291 + 7132  = 15423  - HS làm vở Tự học – Chia sẻ lớp  Bài giải  3 toa đầu chở số kg hàng là:  14 580 x 3 = 43 740 (kg)  6 toa sau chở số kg hàng là:  13 275 x 6 = 81450 (kg)  TB mỗi toa chở số kg hàng là:  (43 740 + 81 450) : (3 + 6) = 20 865 (kg)  Đ/s: 20 865 kg hàng  - Ghi nhớ các KT trong tiết học  - Tìm các bài tập cùng dạng trong sách Toán buổi 2 và giải. | - ***Bài 1: Đặt tính rồi tính.***  - Gọi HS đọc và xác định yêu cầu bài tập.  - GV chốt đáp án, củng cố cách đặt tính và tính  *+ Các phép chia nào là phép chia hết, các phép chia nào là phép chia có dư? Số dư có đặc điểm gì?*  ***Bài 2a. HSNK có thể hoàn thành cả bài.***  - GV yêu cầu HS nêu cách tìm số bé số lớn trong bài toán tìm hai số khi biết tổng và hiệu của hai số đó.  - Nhận xét, đánh giá bài làm trong vở của HS  ***Bài 4a. HSNK có thể hoàn thành cả bài.***  - Gọi HS đọc và xác định yêu cầu bài tập.  - Củng cố cách chia một tổng cho 1 số  ***Bài 3: (bài tập chờ dành cho HS hoàn thành sớm)***  **4. Hoạt động ứng dụng** (1p)  **5. Hoạt động sáng tạo** (1p) |

**ĐIỀU CHỈNH-BỔ SUNG**

...................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**ĐẠO ĐỨC**

**BIẾT ƠN THẦY GIÁO, CÔ GIÁO (T1)**

**I.MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Biết được công lao của thầy giáo, cô giáo.

**2. Kĩ năng**

- Nêu được những việc cần làm thể hiện sự biết ơn đối với thầy giáo, cô giáo.

- Nhắc nhở các bạn thực hiện kính trọng, biết ơn đối với các thầy giáo, cô giáo đã và đang dạy mình.

**3. Thái độ**

- Lễ phép, vâng lời thầy giáo, cô giáo.

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL tự học, NL giải quyết vấn đề, NL hợp tác, sáng tạo

***\* KNS:*** *- Lắng nghe lời dạy của thầy cô*

*- Thể hiện sự kính trọng, biết ơn với thầy cô*

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: : + Máy vi tính, máy chiếu.

+ Thẻ chữ A, B, C, D.

+ Thẻ mặt cười, mặt mếu.

+ Các băng chữ để sử dụng cho hoạt động 3, tiết 1.

- HS: SGK, thẻ bày tỏ ý kiến

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm, trò chơi, đóng vai.

- KT: động não, tia chớp, chia sẻ nhóm 2

**III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của HS** | **Hoạt động của GV** |
| - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ | **1.Khởi động:***(5p)*  - Lớp hát bài: Thầy cô cho em mùa xuân  - GV giới thiệu, dẫn vào bài mới |
| **2.Hình thành KT mới***(15p)*  **\* Mục tiêu:** Biết được công lao của thầy giáo, cô giáo. Nêu được những việc cần làm thể hiện sự biết ơn đối với thầy giáo, cô giáo  **\* Cách tiến hành: Cá nhân-Nhóm-Lớp** |  |
| **Nhóm 2 – Lớp**  - HS thảo luận dự đoán các cách ứng xử có thể xảy ra.  - HS lựa chọn cách ứng xử và trình bày lí do lựa chọn.  - Lắng nghe  - Đọc Ghi nhớ của bài  **Nhóm 2 – Lớp**  - HS thảo luận nhóm 4 – Chia sẻ trước lớp  + Các tranh 1, 2, 4: thể hiện thái độ kính trọng, biết ơn thầy giáo, cô giáo.  + Tranh 3: Không chào cô giáo khi cô không dạy lớp mình là biểu lộ sự không tôn trọng thầy giáo, cô giáo.  **Nhóm 4- Lớp**  - Từng nhóm HS thảo luận và ghi những việc nên làm vào các tờ giấy nhỏ.  - Từng nhóm chia sẻ  - Các nhóm khác góp ý kiến bổ sung.  - Lắng nghe.  - HS nêu các việc làm khác mà mình đã làm để thể hiện lòng biết ơn thầy cô.  - Ghi nhớ bài học  - Làm thiệp, vẽ tranh tặng thầy cô | **HĐ 1: Xử lí tình huống** (SGK/20- 21):  - GV nêu tình huống như SGK  ***- Kết luận: Các thầy giáo, cô giáo đã dạy dỗ các em biết nhiều điều hay, điều tốt. Do đó các em phải kính trọng, biết ơn thầy giáo, cô giáo.***  **HĐ2: Chọn lựa hành vi** *(BT 1-SGK)*  - GV nêu yêu cầu và chia lớp thành 4 nhóm HS làm bài tập.  Việc làm nào trong các tranh (dưới đây) thể hiện lòng kính trọng, biết ơn thầy giáo, cô giáo?  🟇Nhóm 1: Tranh 1  🟇Nhóm 2: Tranh 2  🟇Nhóm 3: Tranh 3  🟇Nhóm 4: Tranh 4  - GV nhận xét và chia ra phương án đúng của bài tập.  **HĐ 3: Các việc làm thể hiện lòng kính trọng, biết ơn thầy cô** *(BT 2- SGK):*  - GV chia HS làm 8 nhóm. Mỗi nhóm nhận một băng chữ viết tên một việc làm trong bài tập 2 và yêu cầu HS lựa chọn những việc làm thể hiện lòng biết ơn thầy giáo, cô giáo.  ***- GV kết luận:***  ***Có nhiều cách thể hiện lòng biết ơn đối với thầy giáo, cô giáo.***  ***Các việc làm a, b, d, đ, e, g là biết ơn thầy giáo, cô giáo.***  **3. HĐ ứng dụng** (*1p)*  **4. HĐ sáng tạo (***1p)* |

**ĐIỀU CHỈNH-BỔ SUNG**

..............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**KỂ CHUYỆN**

**BÚP BÊ CỦA AI?**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Hiểu lời khuyên qua câu chuyện: Phải biết gìn giữ, yêu quí đồ chơi.

**2. Kĩ năng:**

- Dựa theo lời kể của GV, nói được lời thuyết minh cho từng tranh minh hoạ (BT1), bước đầu kể lại được câu chuyện bằng lời kể của búp bê (BT2).

**3. Thái độ**

- GD HS phải biết quý trọng, giữ gìn đồ chơi, biết yêu quý mọi vật quanh mình.

**4. Góp phần bồi dưỡng các năng lực**

- NL giao tiếp và hợp tác, NL sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Tranh minh họa truyện trong SGK, trang 138 (phóng to nếu có điều kiện)

- HS: SGK, bút dạ

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm, đóng vai

- KT: đặt câu hỏi, động não, chia sẻ nhóm.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ | | **1. Khởi động***:(5p)* |
| **2. HĐ nghe kể:**  **\* Mục tiêu**: HSnghe kể, nhớ được nội dung câu chuyện  **\* Cách tiến hành: Cá nhân-Nhóm-Lớp** | | |
| - HS lắng nghe, phân biệt, nhận biết lời các nhân vật  - GV lắng nghe, quan sát tranh | | **GV kể chuyện:**  - GV kể chuyện lần 1: Chú ý giọng kể chậm rãi, nhẹ nhàng.  - Lời búp bê lúc đầu: tủi thân, sau: sung sướng.  - Lời lật đật: oán trách.  - Lời Nga: hỏi ầm lên, đỏng đảnh.  - Lời cô bé: dịu dàng, ân cần.  - GV kể chuyện lần 2: Vừa kể vừa chỉ vào tranh minh họa. |
| **3. Thực hành kể chuyện – Tìm hiểu ý nghĩa câu chuyện***:(15- 20p)*  **\* Mục tiêu:** Dựa theo lời kể của GV, nói được lời thuyết minh cho từng tranh minh hoạ (BT1). Bước đầu kể lại được câu chuyện bằng lời kể của búp bê (BT2).  **\* Cách tiến hành: Cá nhân - Nhóm- Lớp** | | |
| - Làm việc nhóm 2 – Chia sẻ lớp  Đáp án:  - Tranh 1: *Búp bê bỏ quên trên nóc tủ cùng các* *đồ chơi khác.*  Tranh 2: *Mùa đông, không có váy áo, búp bê bị cóng lạnh, tủi thân khóc.*  Tranh 3: *Đêm tối, không có váy áo, búp bê bỏ cô chủ, đi ra phố.*  Tranh 4: *Một cô bé tốt bụng nhìn thấy búp bê nằm trong đống lá khô.*  Tranh 5: *Cô bé may váy áo mới cho búp bê.*  Tranh 6: *Búp bê sống hạnh phúc trong tình yêu thương của cô chủ mới*.  **Cá nhân – Nhóm 4 – Lớp**  *+ Kể chuyện bằng lời của búp bê là mình đóng vai búp bê để kể lại truyện.*  *+ Khi kể phải xưng tôi hoặc* *tớ, mình, em*.  - Lắng nghe.  *Tôi là một con búp bê rất đáng yêu. Lúc đầu, tôi ở nhà chị Nga. Chị Nga ham chơi, chóng chán. Dạo hè, chị thích tôi, đòi bằng được mẹ mua tôi. Nhưng ít lâu sau, chị bỏ mặc tôi trên nóc tủ cùng các đồ chơi khác. Chúng tôi ai cũng bị bụi bám đầy người, rất bẩn.*  - HS kể cá nhân – Chia sẻ nhóm – Cử đại diện kể trước lớp  - HS nhận xét bạn kể.  - Nhận xét chung, bình chọn bạn nhập vai hay nhất, kể hay nhất.  *+ Phải biết yêu quý, giữ gìn đồ chơi*  *+ Đồ chơi cũng là một bạn tốt của mỗi chúng ta.*  *+ Búp bê cũng biết suy nghĩ,hãy biết quý trọng tình bạn của nó.*  *+ Đồ chơi cũng có tình cảm với chủ, hãy biết yêu quý và giữ gìn chúng …*  - Kể lại câu chuyện cho người thân nghe  - Kể lại câu chuyện bằng lời của Nga | a. Viết lời thuyết minh  - Yêu cầu HS quan sát tranh, thảo luận theo cặp để tìm lời thuyết minh cho từng tranh.  - Nhận xét, sửa lời thuyết minh.  b. Kể chuyện bằng lời của búp bê.  *+ Kể chuyện bằng lời của búp bê là như thế nào?*  *+ Khi kể phải xưng hô như thế nào?*  - Gọi 1 HS kể mẫu trước lớp.  - Yêu cầu HS kể chuyện trong nhóm. GV có thể giúp đỡ những HS gặp khó khăn.  - Tổ chức cho HS thi kể trước lớp.  \*Giúp đỡ hs M1+M2 kể được câu truyện.  Hs M3+M4 kể được lưu lát lời kể của búp bê.  **c.Tìm hiểu nội dung, ý nghĩa câu chuyện**:  *+ Câu chuyện muốn nói tới các em điều gì?*  **4. Hoạt động ứng dụng *(1p)***  **5. Hoạt động sáng tạo *(1p)*** | |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**KĨ THUẬT**

**THÊU MÓC XÍCH** (Tiết 1)

**I.MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Biết cách thêu móc xích, ứng dụng của thêu móc xích.

**2. Kĩ năng**

- Thêu được mũi thêu móc xích. Các mũi thêu tạo thành những vòng chỉ móc nối tiếp tương đối đều nhau. Thêu được ít nhất năm vòng móc xích. Đường thêu có thể bị rúm

\* Với HS khéo tay:

+ Thêu được mũi thêu móc xích. Các mũi thêu tạo thành những vòng chỉ móc nối tiếp tương đối đều nhau. Thêu được ít nhất tám vòng móc xích và đường thêu ít bị rúm.

+ Có thể ứng dụng thêu móc xích để tạo thành sản phẩm đơn giản.

**3. Thái độ**

- Giáo dục tính cẩn thận, khéo léo, an toàn khi thực hành

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL thẩm mĩ.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: +Tranh quy trình thêu móc xích.

+ Mẫu thêu móc xích được thêu bằng len (hoặc sợi) trên bìa, vải khác màu có kích thước đủ lớn (chiều dài đủ thêu khoảng 2 cm) và một số sản phẩm được thêu trang trí bằng mũi thêu móc xích.

- HS: Vật liệu và dụng cụ cần thiết:

+ Một mảnh vải sợi bông trắng hoặc màu, có kích thước 20 cm x 30cm.

+ Len, chỉ thêu khác màu vải.

+ Kim khâu len và kim thêu.

+ Phấn vạch, thước, kéo.

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Quan sát mẫu, hỏi đáp, thảo luận nhóm

- KT: đặt câu hỏi, tia chớp, động não, phòng tranh

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ | | **1. HĐ khởi động** *(3p)*  - GV kiểm tra đồ dùng của HS |
| **2. HĐ thực hành:***(30p)*  **\* Mục tiêu**: Thêu được mũi thêu móc xích. Các mũi thêu tạo thành những vòng chỉ móc nối tiếp tương đối đều nhau. Thêu được ít nhất 8 vòng móc xích và đường thêu ít bị rúm.  **\* Cách tiến hành: Cá nhân- Nhóm- Lớp** | | |
| **Cá nhân**  - HS nêu ghi nhớ:  + Bước 1: Vạch dấu đường thêu  + Bước 2: Thêu móc xích theo đường vạch dấu.  - HS lắng nghe.  - HS thực hành thêu cá nhân.  - HS trưng bày sản phẩm trong nhóm  - HS tự đánh giá các sản phẩm theo các tiêu chuẩn trên – Chọn sản phẩm trưng bày trước lớp  - HS thực hành thêu tại nhà.  - Tạo sản phẩm từ thêu móc xích | **HĐ1: HS thực hành thêu móc xích*:***  - Y/c HS nhắc lại phần ghi nhớ và thực hiện các bước thêu móc xích.  - GV nhận xét và củng cố kỹ thuật thêu các bước:  - GV nhắc lại một số điểm cần lưu ý ở tiết 1.  - GV nêu yêu cầu thời gian hoàn thành sản phẩm và cho HS thực hành.  - GV quan sát, uốn nắn, chỉ dẫn cho những HS còn lúng túng hoặc thao tác chưa đúng kỹ thuật.  **HĐ2: Đánh giá kết quả học tập của HS.**  - GV tổ chức cho HS trưng bày sản phẩm thực hành.  - GV nêu tiêu chuẩn đánh giá sản phẩm:  + Thêu đúng kỹ thuật.  + Các vòng chỉ của mũi thêu móc nối vào nhau như chuỗi mắt xích và tương đối bằng nhau.  + Đường thêu phẳng, không bị rúm.  + Hoàn thành sản phẩm đúng thời gian quy địnhù.  - GV nhận xét chung và đánh giá kết quả học tập của HS.  **3. Hoạt động ứng dụng *(1p)***  **4. HĐ sáng tạo *(1p****)* | |

**ĐIỀU CHỈNH-BỔ SUNG**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

*Thứ ....... ngày ...... tháng ..... năm .........*

**TẬP ĐỌC**

**CHÚ ĐẤT NUNG** *(tiếp theo)*

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Hiểu ND: Chú Đất Nung nhờ dám nung mình trong lửa đã trở thành người hữu ích, cứu sống được người khác (trả lời được các câu hỏi 1, 2, 4 trong SGK).

**2. Kĩ năng**

- Biết đọc với giọng kể chậm rãi, phân biệt được lời người kể với lời nhân vật (chàng kị sĩ, nàng công chúa, chú Đất Nung).

**3. Thái độ**

- GD HS tính kiên trì trong học tập và rèn luyện

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ.

*\** ***KNS:*** *Xác định giá trị. Tự nhận thức về bản thân/ Thể hiện sự tự tin*

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: + Tranh minh hoạ bài tập đọc trang 139/SGK (phóng to)

+ Bảng phụ ghi sẵn câu, đoạn cần luyện đọc

- HS: SGK

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- Phương pháp: Quan sát, hỏi - đáp, đóng vai.

- Kĩ thuật: Làm việc nhóm, chia sẻ, động não, tia chớp

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - 1 HS đọc  *+ Vì chú muốn xông pha, làm được nhiều việc có ích.* | **1. Khởi động:** *(3p)*  *+*  Hs đọc bài “ Chú Đất Nung . ”  *+ Tại sao chú bé Đất quyết định thành chú Đất Nung?*  - GV dẫn vào bài mới |
| **2. Luyện đọc:** *(8-10p)*  **\* Mục tiêu:**  Biết đọc với giọng kể chậm rãi, phân biệt được lời người kể với lời nhân vật (chàng kị sĩ, nàng công chúa, chú Đất Nung).  \* **Cách tiến hành:** | |
| - 1 HS đọc bài, cả lớp đọc thầm  - Lớp trưởng điều hành cách chia đoạn  - Bài chia làm 3 đoạn.  + Đoạn 1: *Hai người bột … tìm công chúa*.  + Đoạn 2: *Gặp công chúa… chạy trốn.*  + Đoạn 3: *Chiếc thuyền …đến se lại bột.*  + Đoạn 4: *Hai người bột đến hết*  - Nhóm trưởng điều hành nhóm đọc nối tiếp trong nhóm lần 1 và phát hiện các từ ngữ khó (*buồn tênh, nắp lọ, con ngòi, nước xoáy, cộc tuếch,...)*  - Luyện đọc từ khó: Đọc mẫu (M4)-> Cá nhân (M1)-> Lớp  - Giải nghĩa từ khó: (đọc phần chú giải)  - HS đọc nối tiếp lần 2 theo điều khiển  - Các nhóm báo cáo kết quả đọc  - 1 HS đọc cả bài (M4) | - Gọi 1 HS đọc bài (M3)  - GV lưu ý giọng đọc: đọc chậm rãi ở câu đầu, giọng hồi hộp, căng thẳng khi tả nỗi nguy hiểm mà nàng công chúa và chàng kị sĩ phải trải qua. Lời chàng kị sĩ và nàng công chúa lo lắng, căng thẳng, khi gặp nạn ngạc nhiên, khâm phục khi gặp lại Đất Nung: Lời Đất Nung, thẳng thắn, chân thành, bộc tuệch.  - GV chốt vị trí các đoạn  - Lưu ý sửa lỗi đọc và ngắt nghỉ cho các HS (M1)  - Yêu cầu đặt câu để hiểu rõ thêm nghĩa của từ *hoảng hốt* |
| **3.Tìm hiểu bài:** *(8-10p)*  **\* Mục tiêu:** Chú bé Đất dám nung mình trong lửa đã trở thành người hữu ích, cứu sống được người khác  **\* Cách tiến hành: *Làm việc nhóm 4 – Chia sẻ trước lớp*** | |
| - 1 HS đọc  - HS tự làm việc nhóm 4 trả lời các câu hỏi  - TBHT điều hành hoạt động báo cáo:  *+ Hai người bột sống trong lọ thủy tinh rất buồn chán. Lão chuột già cạy nắp tha nàng công chúa vào cống, chàng kị sĩ phi ngựa đi tìm nàng và bị chuột lừa vào cống. Hai người cùng gặp lại nhau và cùng chạy trốn. Chẳng may họ bị lật* *thuyền, cả hai bị ngâm nước nhũn cả chân tay.*  *+ Khi thấy hai người bột gặp nạn, chú liền nhảy xuống,vớt họ lên bờ phơi nắng.*  *+ Vì Đất Nung đã được nung trong lửa, chịu được nắng mưa nên không sợ bị nước, không sợ bị nhũn chân tay khi gặp nước như hai người bột.*  *+ Câu nói của Đất Nung ngắn gọn, thông cảm cho hai người bột chỉ sống trong lọ thủy tin, không chịu được thử thách /Câu nói đó khuyên mọi người đừng quen cuộc sống sung sướng mà không chịu rèn luyện mình/...*  - Tiếp nối nhau đặt tên.  ⮚ Tốt gỗ hơn tốt nước sơn  ⮚ Lửa thử vàng, gian nan thử sức  ⮚ Đất Nung dũng cảm.  ⮚ Hãy rèn luyện để trở thành người có ích.  **Ý nghĩa**: ***Truyện ca ngợi chú Đất Nung nhờ dám nung mình trong lửa đỏ đã trở thành người hữu ích, chịu được nắng mưa, cứu sống hai người bột yếu đuối***.  - HS ghi lại ý nghĩa của bài vào vở. | - Gọi HS đọc 4 câu hỏi cuối bài.  *+ Kể lại tai nạn của hai người bột.*  *+ Đất Nung đã làm gì khi thấy hai người bột gặp nạn?*  *+ Vì sao chú Đất Nung có thể nhảy xuống nước cứu hai người bột?*  *+ Theo em, câu nói cộc tuếch của Đất Nung có ý nghĩa gì*?  - HS đặt tên khác cho truyện.  - Hãy nêu ý nghĩa câu chuyệN  \* HS M3+M4 đọc trả lời câu hỏi hoàn chỉnh và các câu nêu nội dung đoạn, bài. |
| **3. Luyện đọc diễn cảm:** *(8-10p)*  **\* Mục tiêu: HS** biết đọc diến cảm toàn bài, thể hiện giọng đọc phù hợp với nội dung bài, phân biệt lời các nhân vật  **\* Cách tiến hành: Hoạt động cá nhân – nhóm - cả lớp** | |
| - 1 HS nêu lại  - 1 HS đọc toàn bài  - Nhóm trưởng điều khiển nhóm đọc phân vai  - Thi đọc phân vai trước lớp  - Lớp nhận xét, bình chọn.  + Muốn trở thành người có ích phải biết rèn luyện, không sợ gian khổ, khó khăn...  - Kể lại toàn bộ câu chuyện Chú Đất Nung | + Yêu cầu HS nêu giọng đọc toàn bài, nêu giọng đọc các nhân vật  - Yêu cầu đọc phân vai cả bài  - GV nhận xét chung  **4. Hoạt động ứng dụng** *(1 phút)*  - Em học được điều gì từ chú Đất Nung?  - Liên hệ, giáo dục ý chí rèn luyện qua gian khó  **5. Hoạt động sáng tạo** *(1 phút)* |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TOÁN**

***Tiết 69:* CHIA MỘT SỐ CHO MỘT TÍCH**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Biết cách chia một số cho một tích

**2. Kĩ năng**

- Thực hiện được phép chia một số cho một tích.

- Biết vận dụng cách chia một số cho một tích để giải các bài toán liên quan

**3. Thái độ**

- Tính chính xác, cẩn thận.

**4. Góp phần phát triển các NL**

- NL tự học, làm việc nhóm, NL tính toán

\* Bài tập cần làm: Bài 1, bài 2.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Bảng phụ

- HS: Vở BT, bút

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Quan sát, hỏi đáp, thảo luận nhóm.

- KT: động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ | **1.Khởi động***:(5p)*  - GV dẫn vào bài mới |
| **2. Hình thành KT***:(15p)*  **\* Mục tiêu:** Biết cách chia một số cho một tích  **\* Cách tiến hành: Cá nhân – Nhóm – Lớp** | |
| - Thực hiện theo yêu cầu của GV.  - HS làm cá nhân – Chia sẻ nhóm 2 - Chia sẻ lớp  *+ 3 BT đều có giá trị bằng nhau.*  *+ Có dạng là một số chia cho một tích.*  *+ Tính tích 3 x 2 = 6 rồi lấy 24: 6 = 4*  *+ Lấy 24 chia cho 3 rồi chia tiếp cho 2 (Lấy 24 chia cho 2 rồi chia tiếp cho 3).*  *+ Là các thừa số của tích (3 x 2).*  **+ Khi chia một số cho một tích hai thừa số, ta có thể chia số đó cho một thừa số, rồi lấy kết quả tìm được chia tiếp cho thừa số kia**  - HS lấy VD và thực hành chia 1 số cho 1 tích. | - Ghi lên bảng ba biểu thức sau  24: (3 x 2) 24: 3: 2 24: 2: 3  - Cho HS tính giá trị của các biểu thức trên.  *+ Vậy các em hãy so sánh giá trị của ba biểu thức trên?*  - GV: 24: (3 x 2) = 24: 3: 2 =24: 2 : 3  \* Tính chất một số chia cho một tích  *+ Biểu thức 24: (3 x 2) có dạng như thế nào?*  *+ Khi thực hiện tính giá trị của biểu thức này em làm như thé nào?*  *+ Em có cách tính nào khác mà vẫn tìm được giá trị của 24: (3 x 2) = 4?*  *+ 3 và 2 là gì trong biểu thức 24:(3 x 2)?*  *+ Dựa vào ví dụ trên, em hãy rút ra qui tắc?* |
| **3. HĐ thực hành (18 p*)***  **\* Mục tiêu:** Thực hiện chia 1 số cho 1 tích và vận dụng giải các bài toán liên quan  **\* Cách tiến hành** | |
| - HS làm cá nhân – Chia sẻ nhóm 2 – Chia sẻ lớp  Đ/a:  50: (2 x 5) 72: (9 x 8) 28: (7 x 2)  = 50: 2 : 5 = 72: 9: 8 = 28: 7: 2  = 25 : 5 = 8: 8 = 4: 2  = 5 = 1 = 2  - Nhóm 2 – Chia sẻ lớp  Đ/a:  80: 40 150: 50 80: 16  = 80: (10 x4) = 150: (10 x 5) = 80: (4 x 4)  = 80: 10: 4 = 150: 10: 5 = 80 : 4: 4  = 8: 4 = 2 = 15: 5 = 5 = 20: 4 = 5  - HS làm vào vở Tự học – Chia sẻ lớp  Bài giải  Giá tiền mỗi quyển vở là:  7 200 : (3 x 2) = 1200 (đồng)  Đáp số: 1200 đồng  - Ghi nhớ cách chia 1 số cho 1 tích  - Giải BT 3 bằng cách khác. | ***Bài 1:*** Tính giá trị của biểu thức.  - Gọi HS đọc và xác định yêu cầu bài tập.  - Nhận xét, chốt đáp án.  - Củng cố cách chia 1 số cho 1 tích  ***Bài 2:*** Chuyển mỗi phép tính...  - Gọi HS đọc và xác định yêu cầu bài tập  ­- GV hướng dẫn bài mẫu.  ***Bài 3 (bài tập chờ dành cho HS hoàn thành sớm)***  - Nhận xét, chốt đáp án.  **3. HĐ ứng dụng** (1p)  **4. HĐ sáng tạo** (1p) |

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

:...................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TẬP LÀM VĂN**

**THẾ NÀO LÀ MIÊU TẢ?**

**I.MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Hiểu được thế nào là miêu tả (ND Ghi nhớ).

**2. Kĩ năng**

- Nhận biết được câu văn miêu tả trong truyện Chú Đất Nung (BT1, mục III); bước đầu viết được 1, 2 câu miêu tả một trong những hình ảnh yêu thích trong bài thơ Mưa (BT2).

**3. Thái độ**

- HS tích cực, tự giác học bài

**4. Góp phần phát triển NL:**

**-** NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL tự học, NL giao tiếp.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Bút dạ và một số tờ giấy khổ to kẻ sẵn nội dung bài tập 2 (phần nhận xét).

- HS: SBT, vở viết văn

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Quan sát, hỏi đáp, thảo luận nhóm

- KT: đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, chia sẻ nhóm 2, động não.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | | | | **Hoạt động của giáo viên** | |
| - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ | | | | **1. Khởi động:(***5p)*    - GV nêu mục tiêu, yêu cầu bài học | |
| **2. Hình thành KT** *(15p)*  **\* Mục tiêu:** Hiểu được thế nào là miêu tả  **\* Cách tiến hành: Cá nhân- Nhóm - Lớp**  ***a. Giới thiệu bài:***  - Khi nhà em bị lạc mất con mèo (con chó). Muốn tìm được đúng con vật nhà mình em phải nói thế nào khi muốn hỏi mọi người xung quanh  - Nói như vậy là em đã miêu tả con mèo (con chó) nhà mình để cho mọi người biết đặc điểm của nó. Tiết học hôm nay sẽ giúp các em hiểu được *Thế nào là miêu tả*. Ghi tên bài. | | | | | |
| - Đọc và xác định yêu cầu bài tập.  - Một HS đọc thành tiếng đoạn văn. HS cả lớp theo dõi. dùng bút chì gạch chân những vật được miêu tả.  - Các sự vật được miêu tả: *cây sòi- cây cơm nguội, lạch nước.*  - HS đọc yêu cầu bài tập.  - HS làm theo nhóm 4 – Chia sẻ lớp | | | | **b. Nhận xét**  **Bài 1**: Đoạn văn sau miêu tả những sự vật gì?  - Gọi HS đọc yêu cầu và nội dung.  - YC HS cả lớp theo dõi và tìm những sự vật được miêu tả.  - Gọi 1 HS phát biểu ý kiến.  **Bài 2:** Viết vào vở những điều em hình dung được...  - Nhận xét lời kết luận đúng. | |
| **TT** | **Tên sự vật** | **Hình dáng** | **Màu sắc** | **Chuyển động Tiếng động** |  |
| M: 1 | Cây sòi | cao lớn | Lá đỏ  chói lọi | Lá rập rình lay động  như những đốm lửa đỏ |  |
| 2 | Cây cơm nguội |  | Lá vàng  rực rỡ | Lá rập rình lay động  như những đốm lửa  vàng. |  |
| 3 | Lạch nước |  |  | trườn trên mấy tảng đá, róc rách  luồn dưới mấy gốc cây (chảy) ẩm mục |  |

|  |  |
| --- | --- |
| - Đọc thầm lại đoạn văn và trả lời câu hỏi cá nhân  *+ Tác giả phải quan sát bằng mắt.*  *+ Tác giả phải quan sát bằng mắt.*  *+ Tác giả phải quan sát bằng mắt và bằng tai.*  *+ Muốn như vậy người viết phải quan sát kĩ bằng nhiều giác quan.*  - Lắng nghe.  - 2 – 3 HS đọc, cả lớp đọc thầm. | **Bài 3:** Yêu cầu HS suy nghĩ và trả lời câu hỏi:  *+ Để tả được hình dáng của cây sòi, màu sắc của lá cây sòi,cây cơm nguội, tác giả phải quan sát bằng giác quan nào?*  *+ Để tả được chuyển động của lá cây tác giả phải quan sát bằng giác quan nào?*  *+ Còn sự chuyển động của dòng nước, tác giả phải quan sát bằng giác quan nào?*  *+ Muốn miêu tả được sự vật một cách tinh tế, người viết phải làm gì?*  ***\* Miêu tả là vẽ lại bằng lời những đặc điểm nổi bật của sự vật để giúp người đọc, người nghe hình dung được các sự vật ấy. Khi miêu tả người viết phối hợp rất nhiều giác quan để quan sátkhiến cho sự vật được miêu tả thêm đẹp hơn, sinh động hơn.***  ***c) Ghi nhớ:*** .  - Gọi HS đọc ghi nhớ |
| **3. HĐ thực hành** (18p)  **\* Mục tiêu**: Nhận biết được câu văn miêu tả trong truyện Chú Đất Nung (BT1, mục III); bước đầu viết được 1, 2 câu miêu tả một trong những hình ảnh yêu thích trong bài thơ Mưa (BT2).  **\* Cách tiến hành:** | |
| - Làm nhóm 2 – Chia sẻ lớp  Đ/a:  - Câu văn: *“Đó là một chàng kị sĩ rất bảnh, cưỡi ngựa tía, dây cương vàng và một nàng công chúa mặt trắng, ngồi trong mái lầu son”.*  - Cá nhân – Chia sẻ lớp  - HS đọc  - Lắng nghe  VD:  + Em thích hình ảnh:  • Sấm ghé xuống sân, khanh khách cười.  • Cây dừa sải tay bơi.  • Ngọn mùng tơi nhảy múa.  • Khắp nơi toàn màu trắngcủa nước.  • Bố bạn nhỏ đi cày về…  - Tự viết bài.  - Đọc bài văn của mình trước lớp.  *+ Cây dừa ngoài ngõ oằn mình theo chiều gió. Lá dừa như những cánh tay người đang sải bơi giữa dòng nước trắng xóa, mênh mông.*  *+ Sấm rền vang rồi bỗng nhiên “đùng đùng, đoàng đoàng” làm cho mọi người giật nảy mình, tưởng như sấm đang ở ngoài sân, cất tiếng cười khanh khách.*  - Ghi nhớ kiến thức về miêu tả  - Miêu tả thêm một vài hình ảnh ở BT 2 | **Bài 1:** Tìm những câu văn miêu tả trong bài “Chú Đất Nung”.  \* Lưu ý giúp đỡ hs M1+M2  **Bài 2**  - Gọi HS đọc yêu cầu và nội dung.  - Yêu cầu HS quan sát tranh minh hoạ và giảng: Hình ảnh sự vật trong cơn mưa được Trần Đăng Khoa tạo nên rất sinh động và hay. Phải có con mắt tinh tế khi nhìn sự vật mới miêu tả được như vậy. Chúng mình cùng thi xem lớp ta ai sẽ viết được những câu văn miêu tả sinh động nhất.  *+ Trong bài thơ Mưa, em thích hình ảnh nào?*  - Yêu cầu HS viết đoạn văn miêu tả.  \* Lưu ý giúp đỡ hs M1+M2 viết đoạn văn.  - HS M3+M4 viết đoạn văn có sử dụng biện pháp nhân hóa, so sánh,...  - Gọi HS đọc bài viết của mình. Nhận xét, sửa lỗi dùng từ, diễn đạt cho từng HS  **4. HĐ ứng dụng** *(1p)*  **5. HĐ sáng tạo** *(1p)* |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**KHOA HỌC**

**BẢO VỆ NGUỒN NƯỚC**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Nêu được một số biện pháp bảo vệ nguồn nước:

+ Phải vệ sinh xung quanh nguồn nước.

+ Làm nhà tiêu tự hoại xa nguồn nước.

+ Xử lí nước thải bảo vệ hệ thống thoát nước thải,...

**2. Kĩ năng**

- Thực hiện được các biện pháp bảo vệ nguồn nước tại gia đình, địa phương

*\* ĐCND: Không yêu cầu tất cả học sinh vẽ tranh cổ động tuyên truyền bảo vệ nguồn nước. Giáo viên hướng dẫn, động viên, khuyến khích để những em có khả năng được vẽ tranh, triển lãm*

**3. Thái độ**

- Có ý thức bảo vệ nguồn nước.

**4. Góp phần phát triển các năng lực:**

- NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL hợp tác.

***\* KNS:***

*-Bình luận, đánh giá về việc sử dụng và bảo vệ nguồn nước*

*-Trình bày thông tin về việc sử dụng và bảo vệ nguồn nước*

***\* BVMT:***

*- Bảo vệ, cách thức làm cho nước sạch, tiết kiệm nước; bảo vệ bầu không khí*

**II. CHUẨN BỊ :**

**1. Đồ dùng**

- GV: + Các hình minh hoạ trong SGK trang 58, 59 (Phóng to nếu có điều kiện).

+ Sơ đồ dây chuyền sản xuất và cung cấp nước sạch của nhà máy nước (dùng ở bài 27).

- HS: SGK, chuẩn bị giấy, bút màu.

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Quan sát, hỏi đáp, thảo luận nhóm, trò chơi, thí nghiệm

- KT: động não, tia chớp, đặt câu hỏi, chia sẻ nhóm 2

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBHT điều hành HS trả lời và nhận xét  *+ Nước từ trạm bơm đợt 1 đi vào dàn khử sắt, bể lắng=>bể lọc=>sát trùng=>bể chứa=>trạm bơm đợt 2 cung cấp nước cho các hộ gia đình.*  *+ Vì đun sôi nước giúp diệt sạch những vi khuẩn có hại* | **1. Khởi động** (5p)  *+ Dùng sơ đồ mô tả dây chuyển sản xuất và cung cấp nước sạch của nhà máy.*  *+ Tại sao chúng ta cần phải đun sôi nước trước khi uống?*  - GV nhận xét, khen/ động viên, dẫn vào bài mới. |
| **2. Bài mới: *(****30p)*  **\* Mục tiêu:** Nêu được các biện pháp bảo vệ nguồn nước. Thực hiện các biện pháp bảo vệ nguồn nước tại gia đình, địa phương  **\* Cách tiến hành: Cá nhân-Nhóm- Lớp** | |
| **Nhóm 4 - Lớp**  - SH quan sát các hình vẽ trong SGK, thảo luận và chia sẻ trước lớp:  + *Hình 1*: Vẽ biển cấm đục phá ống nước. Việc làm đó nên làm, vì để tránh lãng phí nước và tránh đất, cát, bụi hay các tạp chất khác lẫn vào nước sạch gây ô nhiễm nguồn nước.  + *Hình 2*: Vẽ 2 người đổ rác thải, chất bẩn xuống ao. Việc làm đó không nên vì làm như vậy sẽ gây ô nhiễm nguồn nước, ảnh hưởng đến sức khỏe của con người, động vật sống ở đó.  + *Hình 3*: Vẽ một sọt đựng rác thải. Việc làm đó nên làm, vì nếu rác thải vứt bỏ không đúng nơi quy định sẽ gây ô nhiễm môi trường, chất không sử dụng hết sẽ ngấm xuống đất gây ô nhiễm nước ngầm và nguồn nước.  + *Hình 4*: Vẽ sơ đồ nhà tiêu tự hoại. Việc làm đó nên làm, vì như vậy sẽ ngăn không cho chất thải ngấm xuống đất gây ô nhiễm mạch nước ngầm.  + *Hình 5*: Vẽ một gia đình đang làm vệ sinh xung quanh giếng nước. Việc làm đó nên làm, vì làm như vậy không để rác thải hay chất bẩn ngấm xuống đất gây ô nhiễm nguồn nước.  + *Hình 6*: Vẽ các cô chú công nhân đang xây dựng hệ thống thoát nước thải. Việc làm đó nên làm, vì trong nước thải có rất nhiều chất độc và vi khuẩn, gây hại nếu chúng chảy ra ngoài sẽ ngấm xuống đất gây ô nhiễm nguồn nước.  - 2 HS đọc  **Nhóm 6 - Lớp**  - HS thực hành vẽ tranh cổ động:  - Thảo luận tìm đề tài.  - Vẽ tranh.  - HS liên hệ  - Hoàn thành tranh vẽ tuyên truyền, cổ động về bảo vệ nguồn nước. | **HĐ1: Tìm hiểu những biện pháp bảo vệ nguồn nước.**  *- Hãy mô tả những gì em nhìn thấy trong hình vẽ? Theo em, việc làm đó nên hay không nên làm? Vì sao?*  - GV giúp đỡ các nhóm gặp khó khăn.  - Chốt lại các việc nên và không nên làm để bảo vệ nguồn nước.  - Yêu cầu 2 HS đọc mục Bạn cần biết  **HĐ2: Cuộc thi “Đội tuyên truyền giỏi:**  - GV tổ chức cho HS vẽ tranh theo nhóm  - GV hướng dẫn, động viên, khuyến khích những em có khả năng vẽ tranh, triển lãm mọi người cùng bảo vệ nguồn nước.  - GV hướng dẫn từng nhóm, đảm bảo HS nào cũng được tham gia.  - GV nhận xét  **3. Hoạt động ứng dụng** *(1p)*  - Liên hệ: Tại địa phương và gia đình em đã có những biện pháp nào để bảo vệ nguồn nước?  **4. Hoạt động sáng tạo *(****1p)* |

**ĐIỀU CHỈNH-BỔ SUNG**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

*Thứ ....... ngày ...... tháng ..... năm .........*

**LUYỆN TỪ VÀ CÂU**

**DÙNG CÂU HỎI VÀO MỤC ĐÍCH KHÁC**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Biết được một số tác dụng phụ của câu hỏi (ND Ghi nhớ).

**2. Kĩ năng**

- Nhận biết được tác dụng của câu hỏi (BT1); bước đầu biết dùng CH để thể hiện thái độ khen, chê, sự khẳng định, phủ định hoặc yêu cầu, mong muốn trong những tình huống cụ thể (BT2, mục III).

**3. Thái độ**

- Thể hiện thái độ lịch sự trong giao tiếp

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL tự học, NL ngôn ngữ, NL sáng tạo, NL giao tiếp.

*\** ***KNS:*** *Thể hiện thái độ lích sự trong giao tiếp/Lắng nghe tích cực*

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: + Bảng lớp viết sẵn bài tập 1 phần nhận xét.

+ Các tình huống ở bài tập 2 viết vào những tờ giấy nhỏ.

- HS: Vở BT, bút, ..

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm,

- KT: động não, đặt câu hỏi, chia sẻ nhóm 2, trình bày 1 phút

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | | | **Hoạt động của HS** |
| **1. Khởi động *(5p)***  - Gọi HS đặt câu hỏi với mỗi từ sau: ai, làm gì, vì sao,...  - Dẫn vào bài mới | | | - HS nối tiếp đặt câu |
| **2. Hình thành KT** *(15p)*  **\* Mục tiêu:** Biết được một số tác dụng phụ của câu hỏi (ND Ghi nhớ).  **\* Cách tiến hành:** | | | |
| **a. Nhận xét**  ***Bài 1: Đọc lại đoạn đối thoại...***  - Gọi HS đọc đoạn đối thoại giữa ông Hòn Rấm và chú Đất trong truyện *Chú Đất Nung*. Tìm câu hỏi trong đoạn văn.  ***Bài 2:***  *+ Các câu hỏi của ông Hòn Rấm có dùng để hỏi về điều chưa biết không? Nếu không chúng được dùng để làm gì*  *+ Câu “Sao chú mày nhát thế?” ông Hòn Rấm hỏi với ý gì?*  *+ Câu: “Chứ sao” của ông Hòn Rấm không dùng để hỏi. Vậy câu hỏi này có tác dụng gì?*  ***\* Có những câu hỏi không dùng để hỏi về điều mình chưa biết mà còn dùng để thể hiện thái độ khen, chê hay khẳng định, phủ định một điều gì đó.***  ***Bài 3***  - Yêu cầu HS trao đổi, trả lời câu hỏi.  - Gọi HS trả lời, bổ sung.  *+ Ngoài tác dụng để hỏi những điều chưa biết. Câu hỏi còn dùng để làm gì?*    ***b.* Ghi nhớ:** | **Cá nhân- Nhóm 2- Lớp**  - HS đọc thành tiếng. Cả lớp đọc thầm, dùng bút chì gạch chân dưới câu hỏi.  *- Sao chú mày nhát thế?*  *Nung ấy à?*  *Chứ sao?*  - 2 HS ngồi cùng bàn trao đổi với nhau để trả lời – Chia sẻ trước lớp  *+ Cả hai câu hỏi đều không phải để hỏi điều chưa biết. Chúng dùng để nói ý chê chú bé Đất.*  *+ Ông Hòn Rấm hỏi như vậy là chê chú bé Đất nhát.*  *+ Câu hỏi của ông Hòn Rấm là câu ông muốn khẳng định: đất có thể nung trong lửa*  - Lắng nghe    - HS trao đổi nhóm đôi – Chia sẻ trước lớp  *+ Câu hỏi: “Cháu có thể nói nhỏ hơn không?” không dùng để hỏi mà để yêu cầu các cháu hãy nói nhỏ hơn.*  *+ Ngoài tác dụng dùng để hỏi, câu hỏi còn dùng để thể hiện thái độ khen, chê, khẳng định, phủ định hay yêu cầu, đề nghị một điều gì đó.*  - HS đọc ghi nhớ. Lớp đọc thầm.  - HS lấy VD về dùng câu hỏi vào mục đích khác. | | |
| **3. Hoạt động thực hành (***18p)*  **\* Mục tiêu:** Nhận biết được tác dụng của câu hỏi (BT1); bước đầu biết dùng CH để thể hiện thái độ khen, chê, sự khẳng định, phủ định hoặc yêu cầu, mong muốn trong những tình huống cụ thể  **\* Cách tiến hành:** | | | |
| ***Bài 1:*** Các câu hỏi sau đây dùng làm gì?  - Gọi HS đọc yêu cầu và nội dung.  ***- Mỗi câu hỏi đều diễn đạt một ý nghĩa khác nhau. Trong khi nói, viết chúng ta cần sử dụng linh hoạt cho lời nói, câu văn bản thêm hay và lôi cuốn người đọc, người nghe hơn.***  ***Bài 2:*** Đặt câu phù hợp với các tình huống  - Nhận xét, kết luận đáp án đúng.  - Lưu ý cách đặt câu phù hợp với từng hoàn cảnh giao tiếp và đối tượng giao tiếp để đạt được hiệu quả cao nhất.  ***Bài 3***: Hãy nêu một vài tình huống có thể dùng câu hỏi.  - Nhận xét, kết luận đáp án đúng.  \* Lưu ý giúp đỡ hs M1+M2 bày tỏ mong muốn.  **4. HĐ ứng dụng** *(1p)*  **5. HĐ sáng tạo** *(1p)* | | - Làm việc nhóm 2 – Chia sẻ lớp  Đ/a:  - Câu a: Câu hỏi của người mẹ được dùng để yêu cầu con nín khóc.  Câu b: Câu hỏi được bạn dùng để thể hiện ý chê trách.  Câu c: Câu hỏi của người chị được dùng để thể hiện ý chê em vẽ ngựa không giống.  Câu d: Câu hỏi bà cụ dùng để thể hiện ý yêu cầu, nhờ cậy giúp đỡ.  - Lắng nghe  - Thực hiện theo nhóm 4 – Chia sẻ lớp  Đ/a:  *a) Bạn có thể chờ hết giờ sinh hoạt, chúng mình cùng nói chuyện được không?*  *b) Sao nhà bạn sạch sẽ, ngăn nắp thế?*  *c) Bài toán không khó nhưng mình làm phép nhân sai. Sao mà mình lú lẫn thế nhỉ?*  *d) Chơi diều cũng thích chứ?*  - Cá nhân – Chia sẻ lớp  Đ/a:  a) Tỏ thái độ khen, chê:  - *Con mèo nhà em hay ăn vụng. Em mắng nó:*  *“Sao mày hư thế?”*  *- Tối qua, bé rất nghịch, bôi mực bẩn hết sách của em. Em tức quá, kêu lên: “Sao em hư thế nhỉ? Anh không chơi với em nữa”.*  b) Khẳng định, phủ định:  - *Một bạn chỉ thích học tiếng Pháp. Em nói với bạn: “Tiếng Anh cũng hay chứ?”*  *- Bạn thấy em nói vậy thì bĩu môi: “Tiếng Anh thì hay gì?”*  c) Thể hiện yêu cầu, mong muốn.  *- Em trai em nhảy nhót trên giường huỳnh huỵch lúc em dang chăm chú học bài. Em bảo:*  *“Em ra ngoài cho chị học bài được không?”*  - Sử dụng câu hỏi vào các mục đích khác trong giao tiếp hàng ngày để thể hiện phép lịch sự.  - Tạo đoạn hội thoại giữa em và các bạn. Trong đoạn có sử dụng các câu hỏi vào mục đích khác. | |

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TOÁN**

***Tiết 70:* CHIA MỘT TÍCH CHO MỘT SỐ**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- Biết cách chia một tích cho một số.

**2. Kĩ năng**

- Thực hiện được phép chia một tích cho một số.

- Biết vận dụng tính chất để giải các bài toán liên quan

**3. Thái độ**

- Tính chính xác, cẩn thận, trình bày bài sạch sẽ.

**4. Góp phần phát triển các NL**

- NL tự học, làm việc nhóm, NL tính toán

\* Bài tập cần làm: Bài 1, bài 2

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Bảng phụ

- HS: Vở BT, bút

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Quan sát, hỏi đáp, thảo luận nhóm.

- KT: động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - HS tham gia trò chơi dưới sự điều hành của GV | **1.Khởi động***:(5p)*  Trò chơi: **Ai nhanh ai đúng?**  12 : 4 + 20 : 4 =  35 : 7 - 21 : 7 =  60 : 3 + 9 : 3 =  18 : 6 + 24 : 6 =  - GV tổng kết trò chơi  - GV dẫn vào bài mới |
| **2. Hình thành kiến thức***:(15p)*  **\* Mục tiêu:** Biết cách chia một tích cho một số  **\* Cách tiến hành:** | |
| - HS đọc các biểu thức.  - HS làm cá nhân – Chia sẻ nhóm 2 – Chia sẻ lớp  (9 x15): 3 9 x (15: 3) (9: 3) x 15  = 135: 3 = 9 x 5 = 3 x 15  = 45 = 45 = 45  - Giá trị củaba biểu thức trên cùng bằng nhau là 45.  - HS đọc các biểu thức  - HS làm cá nhân – Chia sẻ lớp  (7 x 15): 3 = 105: 3 = 35  7 x (15: 3) = 7 x 5 = 35  *+ Giá trị của ba biểu thức trên bằng nhau là 35.*  *+ Có dạng là một tích chia cho một số.*  *+ Tính tích 9 x 15 = 135 rồi lấy 135: 3 = 45.*  *+ Lấy 15 chia cho 3 rồi lấy kết quả tìm được nhân với 9 (Lấy 9 chia cho 3 rồi lấy kết quả vừa tìm được nhân với 15).*  *+ Là các thừa số của tích (9 x 15).*  *+ HS nêu qui tắc. (SGK)*  - HS lấy VD về 1 tích chia cho 1 số và thực hành tính | - GV viết lên bảng ba biểu thức sau:  \* Ví dụ 1:  (9 x 15): 3 9 x (15: 3) (9: 3) x 15  - Tính giá trị của các biểu thức trên.  - GV yêu cầu HS so sánh giá trị của ba biểu thức.  - Vậy ta có  (9 x 15): 3 = 9 x (15: 3) = (9: 3) x 15  \* Ví dụ 2:  (7 x 15): 3 ; 7 x (15: 3)  - Các em hãy tính giá trị của các biểu thức trên.  *+ Các em hãy so sánh giá trị của các biểu thức trên.*  - Vậy ta có (7 x 15): 3 = 7 x (15: 3)  *+ Biểu thức (9 x 15): 3 có dạng như thế nào?*  *+ Khi thực hiện tính giá trị của biểu thức này em làm như thế nào?*  *+ Em có cách tính nào khác mà vẫn tìm được giá trị của (9 x 15): 3? (Gợi ý dựa vào cách tính giá trị của biểu thức 9 x (15: 3) và biểu thức (9: 3) x 15*  *+ 9 và 5 là gì trong biểu thức (9 x 15): 3?*  *+ Qua hai ví dụ em hãy rút ra qui tắc tính?* |
| **3. HĐ thực hành (18p)**  **\* Mục tiêu:** Thực hiện chia một tích cho một số và vận dụng giải các bài tập liên quan  **\* Cách tiến hành:** | |
| - Cá nhân – Chia sẻ nhóm 2 – Chia sẻ lớp  Đ/a:  a. (8 x 23): 4 (8 x 23): 4  = 184: 4 = 46 = (8: 4) x 23  = 2 x 23 = 46  b. (15 x 24): 6 (15 x 24): 6  = 360: 6 = 60 = 15 x (24: 6)  = 15 x 4 = 60  - HS đọc yêu cầu đề bài – HS nêu cách tính  Cách 1: (25 x 36): 9 = 900: 9 = 100  Cách 2: (25 x 36): 9 = 25 x (36: 9)  = 25 x 4 = 100  + Cách 2  - Lắng nghe  - HS thực hành tính thuận tiện  - HS làm vào vở Tự học – Chia sẻ lớp  Bài giải  5 tấm vải dài tất cả số mét là:  30 x 5 = 150 (m)  Cửa hàng đã bán só mét vải là:  150 : 5 = 30 (m)  Đ/s: 30 mét vải  (có thể viết gộp: (30 x 5) : 5 = 30 m))  - Ghi nhớ cách chia 1 tích cho 1 số  - Tìm các bài tập cùng dạng trong sách Toán buổi 2 và giải | ***Bài 1:*** Tính bằng hai cách:  - Gọi HS đọc và xác định yêu cầu bài tập.  - Nhận xét, chốt đáp án.  - Củng cố tính chất chia một tích cho một số.  **Bài 2:** Tính bằng cách thuận tiện nhất.  - GV ghi biểu thức lên bảng  (25 x 36): 9  - Yêu cầu HS tính cách nào thuận tiện nhất.  *\*\*Vì ở cách làm thứ nhất ta phải thực hiện nhân số có hai chữ số với số có hai chữ số (25 x 36) rất mất thời gian ; còn ở cách làm thứ hai ta được thực hiện một phép chia trong bảng (36: 9) đơn giản, sau đó lấy 25 x 4 là phép tính nhân nhẩm được.*  - Lấy thêm một số VD cho HS thực hành: (125 x 48):6  **Bài 3 (*bài tập chờ dành cho HS hoàn thành sớm)***  **4. HĐ ứng dụng** (1p)  **5. HĐ sáng tạo** (1p) |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

**TẬP LÀM VĂN**

**CẤU TẠO BÀI VĂN MIÊU TẢ ĐỒ VẬT**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Nắm được cấu tạo bài văn miêu tả đồ vật, các kiểu mở bài, kết bài, trình tự miêu tả trong phần thân bài (ND Ghi nhớ).

**2. Kĩ năng**

- Biết vận dụng kiến thức đã học để viết mở bài, kết bài cho một bài văn miêu tả cái trống trường (mục III).

**3. Thái độ**

- Tích cực, tự giác làm bài.

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL tự học, Sử dụng ngôn ngữ, NL sáng tạo

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Tranh minh hoạ cái cối xay trang 144, SGK.

- HS: SGK, VBT

**2. Phương pháp, kĩ thuât**

- PP: Hỏi đáp, thảo luận nhóm, quan sát, thực hành.

- KT: đặt câu hỏi, động não, chia sẻ nhóm 2

**II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBHT điều hành lớp trả lời, nhận xét  *+ Miêu tả là vẽ lại bằng lời những đặc điểm nổi bật của cảnh, của người, của vật để....* | **1. Khởi động *(5p)***  *+ Thế nào là miêu tả?*  - GV dẫn vào bài mới |
| **2. Hình thành kiến thức***:(15p)*  **\*Mục tiêu:** Nắm được cấu tạo bài văn miêu tả đồ vật, các kiểu mở bài, kết bài, trình tự miêu tả trong phần thân bài  **\* Cách tiến hành:** | |
| **Nhóm 2- Chia sẻ lớp**  - HS đọc bài văn và chú giải.  - Quan sát và lắng nghe.  *+ Bài văn tả cái cối xay gạo bằng tre.*  *+ Phần mở bài: “Cái cối xinh xinh xuất hiện như một giấc mộng,ngồi chễm chệ giữa gian nhà trống”. Mở bài giới thiệu cái cối.*  *+ Phần kết bài: “Cái cối xay cũng như những đồ dùng đã sống cùng tôi….. từng bước chân anh đi….. ” Nói lên tình cảm của bạn nhỏ với các đồ dùng trong nhà.*  *+ Mở bài trực tiếp, kết bài mở rộng trong văn kể chuyện.*  *+ Mở bài trực tiếp là giới thiệu ngay đồ vật sẽ tả là cái cối tân.*  *+ Kết bài mở rộng là bình luận thêm về đồ vật.*  *+ Phần thân bài tả hình dáng cái cối theo trình tự từ bộ lớn đến bộ phận nhỏ, từ ngoài vào trong, từ phần chính đến phần phụ, cái vành, hai cái tai, hàm răng cối, cần cối, đầu cần, cái chốt, dây thừng buộc cần và tả công dụng của cái cối: dùng để xay lúa, tiếng cối làm vui của xóm.*  - Lắng nghe  *+ Khi tả đồ vật ta cần tả từ bên ngoài vào bên trong, tả những đặc điểm nổi bật và thể hiện được tình cảm của mình với đồ vật ấy.*  - Lắng nghe.  - 2 HS đọc nội dung ghi nhớ | ***a. Nhận xét***  ***Bài 1:*** Đọc bài văn và trả lời câu hỏi.  - Gọi HS đọc bài văn và chú giải.  - Yêu cầu HS quan sát tranh minh hoạ và giới thiệu: ***Ngày xưa, cách đây ba, bốn chục năm, ở nông thôn chưa có điện, chưa có máy xay sát như hiện nay nên người ta dùng cối xay tre để xay lúa. Hiện nay, một số gia đình nông thôn ở miền Bắc và miền Trung vẫn còn chiếc cối xay bằng tre giống như thế này***  *+ Bài văn tả cái gì?*  *+ Tìm các phần mở bài, kết bài. Mỗi phần ấy nói lên điều gì?*  *+ Các phần mở bài, kết bài đó giống với những cách mở bài, kết bài nào đã học?*  *+ Mở bài trực tiếp là như thế nào?*  *+ Thế nào là kết bài mở rộng?*  *+ Phần thân bài tả cái cối theo trình tự nào?*  ***\*Trong khi miêu tả cái cối, tác giả đã dùng những hình ảnh so sánh, nhân hóa sinh động: Chật như nêm cối, cái chốt bằng tre mà rắn như đanh, cái tai tỉnh táo để nghe ngóng, cái cối xay, cái võng đay, cái chiếu manh, cái mâm gỗ, cái giỏ cua, cái chạn bát, giường nứa… tất cả, tất cả chúng nó đều cất tiếng nói… Tác giả đã quan sát cái cối xay gạo bằng tre rất tỉ mỉ, tinh tế bằng nhiều giác quan. Nhờ sự quan sát tỉ mỉ, tinh tế ấy với cách sử dụng linh hoạt các biện pháp tu từ so sánh và nhân hóa trong bài làm cho bài văn miêu tả cái cối xay gạo chân thực mà sinh động.***  ***Bài 2:***  *+ Khi tả một đồ vật ta cần tả những gì?*  ***\* Muốn tả đồ vật tinh tế, tỉ mỉ ta phải tả bao quát toàn bộ đồ vật, rồi tả những bộ phận có đặc điểm nổi bật, không nên tả hết mọi chi tiết, mọi bộ phận vì như vậy sẽ lan man, dài dòng.***  ***b. Ghi nhớ.*** |
| 3**. HĐ thực hành *(18p)***  **\* Mục tiêu:** Biết vận dụng kiến thức đã học để viết mở bài, kết bài cho một bài văn miêu tả cái trống trường  **\* Cách tiến hành:** | |
| - Cá nhân – Nhóm 2- Lớp  *+ Câu: Anh chàng trống này tròn như cái chum, lúc nào cũng chễm chệ trên một cái giá gỗ kê ở trước phòng bảo vệ.*  *+ Bộ phận: ngang lưng trống, hai đầu trống.*  *+ Hình dáng: tròn như cái chum; mình được ghép bằng những mảnh gỗ đều chằn chặn, nở ở giữa, khum nhỏ lại ở hai đầu; ngang lưng quấn hai vành đai to bằng con rắn cạp nong, nom rất hùng dũng; hai đầu bịt kín bằng da trâu thuộc kĩ, căng rất phẳng.*  + Âm thanh: *tiếng trống ồm ồm giục giã*  *“Tùng! Tùng! Tùng!” – giục trẻ rảo bước tới trường/ trống “cầm càng” theo nhịp “Cắc, tùng! Cắc, tùng!” để từng học sinh tập thể dục. / trống “xả hơi” một hồi dài là lúc học sinh nghỉ.*  - HS tự làm vào vở.- Chia sẻ nhóm 2- Chia sẻ lớp  + Mở bài trực tiếp: *Những ngày đầu cắp đến trường, có một đồ vật gây cho tôi ấn tượng thích thú nhất, đó là chiếc trống trường.*  + Mở bài gián tiếp: *Kỉ niệm của những ngày đầu bạn đi học là gì? Là cái cổng cao ngợp, là cái bàn học đứng gần tới cổ hay tường vôi trắng mới quét ngày khai trường….? Còn tôi luôn nhớ tới chiếc trống trường, nhớ những âm thanh rộn rã, náo nức của nó.*  + Kết bài mở rộng: *Rồi đây, chúng tôi sẽ xa mái trường tiểu học nhưng âm thanh thôi thúc, rộn ràng của tiếng trống trường thuở ấu thơ vẫn vang vọng mãi trong tâm trí tôi.*  + Kết bài không mở rộng: *Tạm biệt anh trống. Ngày mai anh nhớ “tìng, tùng, tùng…tùng” gọi chúng tôi đến trường nhé.*  - 7 đến 10 HS đọc đoạn mở bài, kết bài của mình  - Ghi nhớ cấu tạo bài văn miêu tả đồ vật  - Viết MB theo cách gián tiếp và kết bài theo cách mở rộng | - Gọi 1 HS đọc đoạn văn, 1 HS đọc câu hỏi của bài.  *+ Câu văn nào tả bao quát cái trống?*  *+ Những bộ phận nào của cái trống được miêu tả?*  *+ Những từ ngữ tả hình dáng, âm thanh của cái trống.*    - Yêu cầu HS viết thêm mở bài, kết bài cho toàn thân bài trên.  - Nhắc HS: Các em có thể mở bài theo kiểu gián tiếp hoặc trực tiếp, kết bài theo kiểu mở rộng hoặc không mở rộng. Khi viết cần chú ý tạo sự liền mạch giữa đoạn mở bài với thân bài, giữa đoạn thân bài với đoạn kết bài.  - Gọi HS trình bày bài làm. GV sửa lỗi dùng từ, diễn đạt, liên kết câu cho từng HS và khen những em viết tốt.  **4. HĐ ứng dụng** *(1p)*  **5. HĐ sáng tạo** *(1p)* |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................­

**ĐỊA LÍ**

**HoẠt đỘng sẢn xuẤt**

**cỦa ngưỜi dân Ở đỒng bẰng BẮc BỘ**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Nêu được một số hoạt động sản xuất chủ yếu của người dân ở đồng bằng Bắc Bộ:

+ Trồng lúa, là vựa lúa lớn thứ hai của cả nước.

+ Trồng nhiều ngô, khoai, cây ăn quả, rau xứ lạnh, nuôi nhiều lợn và gia cầm.

**2. Kĩ năng**

- Dựa vào bảng số liệu, nhận xét nhiệt độ của Hà Nội: tháng lạnh, tháng 1, 2, 3, nhiệt độ dưới 20 độ C, từ đó biết đồng bằng Bắc Bộ có mùa đông lạnh.

- Dựa vào tranh minh hoạ, nêu được thứ tự các công việc cần phải làm trong quá trình sản xuất lúa gạo

\* HS năng khiếu: Giải thích vì sao lúa gạo được trồng nhiều ở đồng bằng Bắc Bộ (vựa lúa lớn thứ hai của cả nước): đất phù sa màu mỡ, nguồn nước dồi dào, người dân có kinh nghiệm trồng lúa.

**3. Thái độ**

- HS có ý thức giữ gìn truyền thống, bản sắc dân tộc.

***\* BVMT:*** *Sự thích nghi và cải tạo môi trường của con người ở miền đồng bằng*

*+ Đắp đê ven sông, sử dụng nước để tưới tiêu*

*+ Trồng rau xứ lạnh vào mùa đông ở ĐBBB*

*+ Cải tạo đất chua mặn ở ĐBBB*

*+ Thường làm nhà dọc theo các sông ngòi, kênh rạch*

*+ Trồng phi lao để ngăn gió*

*+ Trồng lúa, trồng trái cây*

*+ Đánh bắt nuôi trồng thủy sản*

**4. Góp phần phát triển các năng lực:**

- NL tự chủ, NL giải quyết vấn đề, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: + Bản đồ nông nghiệp Việt Nam.

+ Tranh, ảnh về trồng trọt, chăn nuôi ở ĐB Bắc Bộ

- HS: SGK, tranh, ảnh

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm, thuyết trình

- KT: đặt câu hỏi, trình bày một phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm 2

I**II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBHT điêu hành lớp trả lời, nhận xét  *+ Nhà được xây dụng chắc chắn, xung quanh có sân, vườn, ao...*  *+ Lễ hội ở ĐB Bắc Bộ được tổ chức vào mùa xuân và mùa thu để cầu cho một năm mới...* | **1.Khởi động:***(5p)*  *+ Hãy kể về nhà ở và làng xóm của người Kinh ở ĐB Bắc Bộ.*  *+ Lễ hội ở ĐB Bắc Bộ được tổ chức vào thời gian nào?*  - GV giới thiệu bài mới |
| **2. Bài mới:***(30p)*  **\* Mục tiêu:** Nắm được một số HĐSX của người dân ở đồng bằng Bắc Bộ  **\* Cách tiến hành: Cá nhân- Nhóm-Lớp** | |
| **Nhóm 2 - Lớp**  *+ Đất phù sa màu mỡ, nguồn nước dồi dào, người dân có kinh nghiệm trồng lúa...*  *+ Làm đất, gieo mạ, nhổ mạ, cấy lúa, chăm sóc, gặt lúa, tuốt láu, phơi thóc.*  - Lắng nghe  - Liên hệ  + Cây trồng, vật nuôi khác của đồng bằng Bắc Bộ là trồng ngô, khoai, cây ăn quả, nuôi gia súc, gia cầm, nuôi và đánh bắt cá, tôm.  *+ Do có sẵn nguồn thức ăn là lúa gạo và các sản phẩm phụ của lúa gạo là ngô, khoai.*  **Nhóm 4 – Lớp**  *+ Từ 3 đến 4 tháng. Nhiệt độ thường giảm nhanh khi có các đợt gió mùa đông bắc tràn về.*  *+ Có 3 tháng nhiệt độ dưới 200c. Đó là những tháng: 1,2,12.*  *+ Thuận lợi: trồng thêm cây vụ đông;*  *+ Khó khăn: nếu rét quá thì lúa và một số loại cây bị chết.*  *+ Bắp cải, su hào, cà rốt, cà chua, xà lách, khoai tây,...*  - HS đọc phần ghi nhớ  + Tận dụng đất phù sa, nguồn nước trồng lúa.  + Đánh bắt và nuôi tôm, cá  + Trồng rau xứ lạnh vào vụ đông,...  + Thay cho gieo mạ, nhổ mạ và cấy lúa thì người ta gieo vãi (gieo thẳng) và tỉa lúa.  + Dùng máy trong khâu gieo mạ và cấy lúa cũng như chăm sóc lúa,.... | **HĐ1: Vựa lúa lớn thứ hai của cả nước:**  - Yêu cầu HS đọc SGK và vốn hiểu biết để trả lời.  *+ Đồng bằng Bắc Bộ có những thuận lợi nào để trở thành vựa lúa lớn thứ hai của đất nước?*  *+ Quan sát hình dưới đây và nêu thứ tự các công việc cần phải làm trong viêc sản xuất lúa gạo. Từ đó, em rút ra nhận xét gì về việc trồng lúa gạo của người nông dân?*  - GV giải thích thêm về đặc điểm của cây lúa nước; về một số công việc trong quá trình sản xuất lúa gạo để HS hiểu rõ nguyên nhân giúp cho ĐB Bắc Bộ trồng được nhiều lúa gạo; sự vất vả của người nông dân trong việc sản xuất ra lúa gạo. Từ đó giáo dục ý thức trân trọng lúa gạo.  - GV cho HS dựa vào SGK, tranh, ảnh nêu tên các cây trồng, vật nuôi khác của ĐB Bắc Bộ.    *+ Vì sao nơi đây nuôi nhiều lợn, gà, vịt?*  **Họat động 2: Vùng trồng nhiều rau xứ lạnh:**  *+ Mùa đông của ĐB Bắc Bộ dài bao nhiêu tháng? Khi đó nhiệt độ như thế nào?*  *+ Quan sát bảng số liệu và trả lời câu hỏi: Hà Nội có mấy tháng nhiệt độ dưới 200c? Đó là những tháng nào?*  *+ Nhiệt độ thấp vào mùa đông có thuận lợi và khó khăn gì cho sản xuất nông nghiệp?*  *+ Kể tên các loại rau xứ lạnh được trồng ở ĐB Bắc Bộ.*  - GV nhận xét và giải thích thêm ảnh hưởng của gió mùa đông bắc đối với thời tiết và khí hậu của ĐB Bắc Bộ.  - Chốt nội dung bài  **3. Hoạt động ứng dụng *(1p)***  - Giáo dục BVMT: Người dân đồng bằng BB đã có những hoạt động gì thích nghi và BVMT?  **4. Hoạt động sáng tạo** *(1p)*  - Ngày nay, người dân ĐBBB đã có sáng tạo gì trong việc sản xuất lúa gạo? |

**ĐIỀU CHỈNH-BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TUẦN 15** *Thứ ....... ngày ...... tháng ..... năm .........*

**TẬP ĐỌC**

**CÁNH DIỀU TUỔI THƠ**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Hiểu ND: HS hiểu niềm vui sướng và những khát vọng tốt đẹp mà trò chơi thả diều đem lại cho lứa tuổi nhỏ (trả lời được các câu hỏi trong SGK).

**2. Kĩ năng**

- Biết đọc bài văn với giọng vui, hồn nhiên, tha thiết; bước đầu biết đọc diễn cảm một đoạn trong bài.

**3. Thái độ**

- GD HS tình yêu với các trò chơi vui tươi, lành mạnh của tuổi thơ

**4. Góp phần phát triển năng lực**

**-** Năng lực tự học, NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: + Tranh minh hoạ bài tập đọc

+ Bảng phụ viết sẵn đoạn luyện đọc

- HS: SGK, vở viết

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- Phương pháp: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm.

- Kĩ thuật: Kĩ thuật đặt câu hỏi, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của HS** | **Hoạt động của GV** |
| **1. Khởi động:** *(5p)*  *+ Phải dũng cảm, dám đương đầu với thử thách thì mới thành công,....* | - Đọc bài Văn hay chữ tốt  *+ Em học được điều gì qua hình ảnh chú bé Đất?*  - GV nhận xét, dẫn vào bài. Giới thiệu bài |
| **2. Luyện đọc:** *(8-10p)*  **\* Mục tiêu:** Biết đọc bài văn với giọng vui tươi, hồn nhiên, tha thiết; bước đầu biết đọc nhấn giọng một số từ ngữ gợi tả.  \* **Cách tiến hành:** | |
| - 1 HS đọc bài, cả lớp đọc thầm  - Lắng nghe  - HS nêu cách chia đoạn  - Bài được chia làm 2 đoạn  + Đoạn 1: *Tuổi thơ của* ……đến *vì sao sớm*.  + Đoạn 2: *Ban đêm*…… *khát khao của tôi.*  - Nhóm trưởng điều hành nhóm đọc nối tiếp đoạn trong nhóm lần 1 và phát hiện các từ ngữ khó (*nâng lên, mục đồng, thảm nhung khổng lồ, ngọc ngà, nỗi khát khao, ,....)*  - Luyện đọc từ khó: Đọc mẫu (M4)-> Cá nhân (M1)-> Lớp  - Giải nghĩa từ khó (đọc chú giải)  - HS đọc nối tiếp đoạn lần 2 theo điều khiển của nhóm trưởng  - Các nhóm báo cáo kết quả đọc  - 1 HS đọc cả bài (M4) | - Gọi 1 HS đọc bài (M3)  - GV lưu ý giọng đọc cho HS: Toàn bài đọc với giọng, vui tươi, tha thiết, thể hiện niềm vui của đám trẻ khi chơi thả diều.  Nhấn giọng một số từ ngữ: *nâng lên, hò hét, mềm mại, vui sướng, vi vu trầm bổng, huyền ảo, thảm nhung khổng lồ,....*  - GV chốt vị trí các đoạn:  - Lưu ý sửa lỗi đọc và ngắt nghỉ cho các HS (M1) |
| **3.Tìm hiểu bài:** *(8-10p)*  **\* Mục tiêu:** HS hiểu niềm vui sướng và những khát vọng tốt đẹp mà trò chơi thả diều đem lại cho lứa tuổi nhỏ (trả lời được các câu hỏi trong SGK).  **\* Cách tiến hành: *Làm việc nhóm 4 – Chia sẻ trước lớp*** | |
| - 1 HS đọc  - HS thảo luận nhóm 4  *+ Cánh diều mềm mại như cánh bướm. Trên cánh diều có nhiều loại sáo: sáo đơn, sáo kép, sáo bè… như gọi thấp xuống những vì sao sớm. Tiếng sáo diều vi vu trầm bổng.*  *+ Tác giả đã quan sát cánh diều bằng tai và mắt.*  **+ Tả vẻ đẹp của cánh diều.**  *+ Các bạn hò hét nhau thả diều thi, sung sướng đến phát dại nhìn lên bầu trời.*  *+ Nhìn lên bầu trời đêm khuya huyền ảo, đẹp như một tấm nhung khổng lồ, bạn nhỏ thấy cháy lên, cháy mãi khát vọng. Suốt một thời mới lớn, bạn đã ngửa cổ chờ đợi một nàng tiên áo xanh bay xuống từ trời, bao giờ cũng hi vọng, tha thiết cầu xin “Bay đi diều ơi! Bay đi!”*  **+ Đoạn 2 nói lên rằng trò chơi thả diều đem lại niềm vui và những ước mơ đẹp.**  + HS chọn một trong 3 ý.  **Nội dung**: **Bài văn nói lên niềm vui sướng và những khát vọng tốt đẹp mà trò chơi thả diều mang lại cho đám trẻ mục đồng.**  - HS ghi lại nội dung bài | - GV yêu cầu HS đọc các câu hỏi cuối bài  *+ Tác giả đã chọn những chi tiết nào để tả cánh diều?*  *+ Tác giả đã quan sát cánh diều bằng những giác quan nào?*  *+ Đoạn 1 cho em biết điều gì?*  ***\* Cánh diều được tác giả miêu tả tỉ mỉ bằng cách quan sát tinh tế làm cho nó trở nên đẹp hơn. Vậy khi miêu tả bất kì một vật nào chúng ta cũng cần quan sát kĩ để miêu tả hết được vẻ đẹp của vật đó***  *+ Trò chơi thả diều đã đem lại cho trẻ em niềm vui sướng như thế nào?*  *+ Trò chơi thả diều đã đem lại cho trẻ em những ước mơ đẹp như thế nào?*  *+ Đoạn 2 nói lên điều gì?*  *+ Qua các câu mở đầu và kết bài, tác giả muốn nói điều gì về cánh diều tuổi thơ?*  ***\* Ý nào cũng đúng nhưng đúng nhất là ý 2: Cánh diều khơi gợi những ước mơ đẹp cho tuổi thơ.***  - Hãy nêu nội dung của bài.  \* Lưu ý giúp đỡ hs M1+M2 trả lời các câu hỏi tìm hiểu bài.Hs M3+M4 trả lời các câu hỏi nêu nội dung đoạn, bài. |
| **4. Luyện đọc diễn cảm***(8-10p)*  **\* Mục tiêu:** HSđọc diễn cảm được 1 đoạn của bài  **\* Cách tiến hành: Hoạt động cá nhân – nhóm - cả lớp** | |
| - HS nêu lại giọng đọc cả bài  - 1 HS M4 đọc mẫu toàn bài  - Nhóm trưởng và các thành viên:  + Chọn đoạn đọc diễn cảm  + Luyện đọc trong nhóm  + Cử đại diện đọc trước lớp  - Bình chọn nhóm đọc hay.  **5. Hoạt động ứng dụng** *(1 phút)*  - HS nêu cách bảo vệ và giữ gìn đồ chơi, bảo vệ môi trường.  **6. Hoạt động sáng tạo** *(1 phút)*  - Kể tên một số trò chơi dân gian vui, bổ ích cho trẻ em. | - Yêu cầu HS nêu giọng đọc toàn bài.  - Yêu cầu đọc diễn cảm một đoạn  - GV nhận xét, đánh giá chung  + Liên hệ giáo dục: Diều là một đồ chơi rất gần gũi với trẻ em, trò chơi thả diều cũng rất cần một môi trường sạch đẹp. Vậy chúng ta cần biết giữ gìn đồ chơi và bảo vệ môi trường sạch đẹp... |

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TOÁN**

***Tiết 71:* CHIA HAI SỐ CÓ TẬN CÙNG LÀ CÁC CHỮ SỐ 0**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Biết cách chia hai số có tận cùng là các chữ số 0

**2. Kĩ năng**

- Thực hành chia thành thạo. Vận dụng giải các bài toán liên quan.

**3. Thái độ**

- HS có thái độ học tập tích cực.

**4. Góp phần phát triển năng lực:**

**-** Năng lực tự học, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL tư duy - lập luận logic.

\*Bài tập cần làm: Bài 1, bài 2 (a), bài 3 (a)

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Phiếu học tập

- HS: Sách, bút

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- Phương pháp vấn đáp, động não, thực hành, đặt và giải quyết vấn đề, hoạt động nhóm, trò chơi học tập

- Kĩ thuật đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC;**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| **1. Khởi động:** *(5p)*  - HS chia làm 3 nhóm tham gia trò chơi, nối lá với nhuỵ hoa phù hợp.  - Nhóm nào nối nhanh và chính xác nhất là nhóm thắng cuộc  - Củng cố cách chia 1 số cho 1 tích, tích cho 1 số | Trò chơi: ***Tìm lá cho hoa***  - Nhụy hoa là: 5 và 2  - Lá là: 50 : (2 x 5)  28 : ( 7 x 2)  25 : 5  28 : 7 : 2  (50 : 2) : 5  - GV tổng kết trò chơi - giới thiệu vào bài |
| **2. Hình thành kiến thức***:(15p)*  **\* Mục tiêu:** Biết cách chia hai số có tận cùng là chữ số 0  **\* Cách tiến hành: Cá nhân – Nhóm- Lớp** | |
| ***a. Số bị chia và số chia đều có một chữ số 0 ở tận cùng.***  - HS suy nghĩ và nêu các cách tính của mình – Chia sẻ trước lớp  320: (8 x 5);  320: (10 x 4) ;  320: (2 x 20)  - HS thực hiện tính.  320: (10 x 4) = 320: 10: 4  = 32: 4 = 8  *+… bằng 8.*  *+ Hai phép chia cùng có kết quả là 8.*  *+ Nếu cùng xoá đi một chữ số 0 ở tận cùng của 320 và 40 thì ta được 32: 4.*  - HS nêu kết luận.  - HS làm cá nhân – Chia sẻ nhóm 2 – Chia sẻ lớp  320 40  0  8  ***b. Trường hợp số chữ số 0 ở tận cùng của số bị chia nhiều hơn của số chia****.*  - HS đọc ví dụ - Nhận xét về số chữ số 0 của số bị chia và số chia (số bị chia có nhiều chữ số 0 hơn)  - HS lên bảng làm bài, cả lớp làm bài vào giấy nháp.  32000 400  00 8  0  **+ Ta có thể cùng xoá đi một, hai, ba, … chữ số 0 ở tận cùng của số chia và số bị chia rồi chia như thường.** | ***VD****1: GV ghi phép chia 320: 40*  - Yêu cầu HS suy nghĩ và áp dụng tính chất một số chia cho một tích để thực hiện phép chia trên.  - GV nhận xét, HD làm theo cách sau cho thuận tiện: 320 : 4 = 320: (10 x 4).  *+ Vậy 320 chia 40 được mấy?*  *+ Em có nhận xét gì về kết quả 320: 40 và 32: 4?*  *+ Em có nhận xét gì về các chữ số của 320 và 32, của 40 và 4*  ***\* KL: Vậy để thực hiện 320: 40 ta chỉ việc xoá đi một chữ số 0 ở tận cùng của 320 và 40 để được 32 và 4 rồi thực hiện phép chia 32: 4.***  - Cho HS đặt tính và thực hiện tính  320: 40, có sử dụng tính chất vừa nêu trên.  - GV nhận xét và kết luận về cách đặt tính đúng  VD2: GV ghi lên bảng phép chia  32000: 400  - GV hướng dẫn: Vậy để thực hiện 32000: 400 ta chỉ việc xoá đi hai chữ số 0 ở tận cùng của 32000 và 400 để được 320 và 4 rồi thực hiện phép chia 320: 4.  - GV yêu cầu HS đặt tính và thực hiện tính 32000: 400, có sử dụng tính chất vừa nêu trên.  - GV nhận xét và kết luận về cách đặt tính đúng.  *+ Vậy khi thực hiện chia hai số có tận cùng là các chữ số 0 chúng ta có thể thực hiện như thế nào?*  - GV cho HS nhắc lại kết luận. |
| **3. HĐ thực hành (18p)**  **\* Mục tiêu**: Thực hiện thành thạo phép chia và vận dụng giải các bài toán liên quan.  **\* Cách tiến hành: Cá nhân – Nhóm – Lớp** | |
| ***Bài 1:*** Tính:  - Thực hiện theo yêu cầu của GV.  - HS làm cá nhân – Chia sẻ nhóm 2 – Chia sẻ lớp  Đ/a:  a.  420 60 4500 500  0 7 0 9  b.  85000 500 92000 400  35 170 12 230  00 00  ***Bài 2a: HS năng khiếu có thể hoàn thành cả bài .***  ­- Thực hiện theo yêu cầu của GV.  - Làm việc cá nhân – Chia sẻ lớp  Đ/a:  a. X x 40 = 25600  X = 25600: 40  X = 640  b. X x 90 = 37800  X = 37800 : 90  X = 420  ***Bài 3a: HS năng khiếu có thể hoàn thành cả bài .***  - Thực hiện làm cá nhân – Chia sẻ lớp  Đ/a:  Giải:  a. Nếu mỗi toa chở được 20 tấn thì cần số toa xe là:  180: 20 = 9 (toa)  Đáp số: 9 toa.  b. Nếu mỗi toa chở được 30 tấn thì cần số toa xe là:  180: 30 = 6 (toa)  Đáp số: 6 toa.  **4. Hoạt động ứng dụng *(1p)***  - Ghi nhớ cách chia 2 số có tận cùng là các chữ số 0  **5. Hoạt động sáng tạo *(1p)***  - Tìm các bài tập cùng dạng trong sách | - Gọi HS đọc yêu cầu bài tập.  - GV chốt đáp án.  - Củng cố cách đặt tính và thực hiện phép tính.  - Gọi HS đọc yêu cầu bài tập.  - GV nhận xét, đánh giá bài làm trong vở của HS  - GV chốt đáp án.  - Củng cố cách thực hiện phép chia, cách tìm thừa số chưa biết.  \* Lưu ý giúp đỡ hs M1+M2  - Gọi HS đọc yêu cầu bài tập.  - Yêu cầu HS tự làm bài. |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**KHOA HỌC**

**TIẾT KIỆM NƯỚC**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Nêu được các việc nên làm và không nên làm để tiết kiệm nước.

- Biết được tại sao cần tiết kiệm nước

**2. Kĩ năng**

- Thực hành tiết kiệm nước tại lớp, gia đình, địa phương

*\* ĐCND: Không yêu cầu tất cả học sinh vẽ tranh cổ động tuyên truyền tiết kiệm nước. Giáo viên hướng dẫn, động viên, khuyến khích để những em có khả năng được vẽ tranh, triển lãm*

**3. Thái độ**

- Có ý thức tiết kiệm nước.

**4. Góp phần phát triển các năng lực:**

- NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL hợp tác.

*\** ***KNS:*** *+ Xác định giá trị bản thân trong việc tiết kiệm, tránh lãng phí nước*

*+ Đảm nhận trách nhiệm trong việc tiết kiệm, tránh lãng phí nước*

*+ Bình luận về việc sử dụng nước,(quan điểm khác nhau về tiết kiệm nước)*

*\** ***GDBVMT:*** *Bảo vệ, cách thức làm cho nước sạch, tiết kiệm nước; bảo vệ bầu không khí*

*\** ***GDTKNL:*** *HS biết những việc nên và không nên làm để tiết kiệm nước*

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Các hình minh hoạ trang 60, 61 / SGK (phóng to nếu có điều kiện).

- HS: Giấy vẽ, bút màu

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: quan sát, hỏi đáp, thảo luận, trò chơi học tập, thí nghiệm.

- KT: Động não, chia sẻ nhóm đôi, tia chớp

**II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt đông của HS** | **Hoạt đông của của GV** |
| **1, Khởi động *(4p)***  - 1, 2 HS trả lời | *+ Chúng ta cần làm gì để bảo vệ nguồn nước?*  - GV nhận xét, khen/ động viên, dẫn vào bài mới. |
| **2. Bài mới:***(30p)*  **\* Mục tiêu:** Nêu được cách tiết kiệm nước và lí do cần tiết kiệm nước. Thực hành tiết kiệm nước.  **\* Cách tiến hành: Cá nhân-Nhóm –Lớp** | |
| **HĐ1: Nên làm và không nên làm để tiết kiệm nước:**  **Nhóm 4- Lớp**  + Hình 1: Vẽ một người khoá van vòi nước khi nước đã chảy đầy chậu. Việc làm đó nên làm vì như vậy sẽ không để nước chảy tràn ra ngoài gây lãng phí nước.  + Hình 2: Vẽ một vòi nước chảy tràn ra ngoài chậu. Việc làm đó không nên làm vì sẽ gây lãng phí nước.  + Hình 3: Vẽ một em bé đang mời chú công nhân ở công ty nước sạch đến vì ống nước nhà bạn bị vỡ. Việc đó nên làm vì như vậy tránh không cho tạp chất bẩn lẫn vào nước sạch và không cho nước chảy ra ngoài gây lãng phí nước.  + Hình 4: Vẽ một bạn vừa đánh răng vừa xả nước. Việc đó không nên làm vì nước sạch chảy vô ích xuống đường ống thoát gây lãng phí nước.  + Hình 5: Vẽ một bạn múc nước vào ca để đánh răng. Việc đó nên làm vì nước chỉ cần đủ dùng, không nên lãng phí.  + Hình 6: Vẽ một bạn đang dùng vòi nước tưới trên ngọn cây. Việc đó không nên làm vì tưới lên ngọn cây là không cần thiết như vậy sẽ lãng phí nước. Cây chỉ cần tưới một ít xuống gốc.  - Lắng nghe  **HĐ2: Tại sao phải thực hiện tiết kiệm nước.**  **Cá nhân – Lớp**  *+ Bạn trai ngồi đợi mà không có nước vì bạn ở nhà bên xả vòi nước to hết mức. Bạn gái chờ nước chảy đầy xô đợi xách về vì bạn trai nhà bên vặn vòi nước vừa phải.*  *- Bạn nam phải tiết kiệm nước vì:*  *+ Tiết kiệm nước để người khác có nước dùng.*  *+ Tiết kiệm nước là tiết kiệm tiền của.*  *+ Nước sạch không phải tự nhiên mà có.*  *+ Nước sạch phải mất nhiều tiền và công sức của nhiều người mới có.*  *+ Chúng ta cần phải tiết kiệm nước vì: Phải tốn nhiều công sức, tiền của mới có đủ nước sạch để dùng. Tiết kiệm nước là dành tiền cho mình và cũng là để có nước cho người khác được dùng.*  **HĐ3: Cuộc thi: Đội tuyên truyền giỏi**  **Nhóm 6 – Lớp**  - HS hoạt động theo nhóm.  - HS vẽ tranh với nội dung tuyên truyền, cổ động mọi người cùng tiết kiệm nước.  - HS thảo luận và tìm đề tài.  - HS vẽ tranh và trình bày lời giới thiệu trước nhóm.  - Các nhóm trình bày và giới thiệu ý tưởng của nhóm mình.  **3. HĐ ứng dụng *(1p)***  - Ghi nhớ các biện pháp tiết kiệm nước.  **4. HĐ sáng tạo *(1p)***  - Hoàn thành, trang trí tranh vẽ tuyên truyền tiết kiệm nước. | - Yêu cầu các nhóm quan sát các hình minh hoạ được giao.  *+ Em nhìn thấy những gì trong hình vẽ?*  *+ Theo em việc làm đó nên hay không nên làm? Vì sao?*  - GV giúp các nhóm gặp khó khăn.    ***\* Kết luận: Nước sạch không phải tự nhiên mà có, chúng ta nên làm theo những việc làm đúng và phê phán những việc làm sai để tránh gây lãng phí nước (lồng ghép KNS và tiết kiệm NL)***  - Yêu cầu HS quan sát hình vẽ 7 và 8 / SGK trang 61 và trả lời câu hỏi:  *+ Em có nhận xét gì về hình vẽ b trong 2 hình?*  *+ Bạn nam ở hình 7a nên làm gì? Vì sao?*  *+ Vì sao chúng ta cần phải tiết kiệm nước?*  - GV Kết luận, chốt bài học  - GV tổ chức cho HS vẽ tranh theo nhóm  - GV hướng dẫn từng nhóm, đảm bảo HS nào cũng được tham gia.  - GV hướng dẫn, động viên, khuyến khích những em có khả năng vẽ tranh, triển lãm. Mỗi nhóm cử 1 bạn làm ban giám khảo.  - GV nhận xét tranh và ý tưởng của từng nhóm.  - GV nhận xét, khen ngợi các em.  ***\* Kết luận: Chúng ta không những thực hiện tiết kiệm nước mà còn phải vận động, tuyên truyền mọi người cùng thực hiện.*** |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

..............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**CHÍNH TẢ**

**CÁNH DIỀU TUỔI THƠ**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức:**

- Nghe - viết đúng bài CT; trình bày đúng hình thức đoạn văn

- Làm đúng BT2a phân biệt ch/tr. Miêu tả được một trong các đồ chơi hoặc trò chơi có tiếng chứa âm tr/ch

**2. Kĩ năng:**

**-** Rèn kĩ năng viết đẹp, viết đúng chính tả.

**3. Thái độ:**

**-** Giáo dục tính cẩn thận, chính xác, yêu thích chữ viết

**4. Góp phần phát triển năng lực:**

**-** NL tự chủ và tự học, NL sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ.

*\* GD BVMT:Ý thức yêu thích cái đẹp của thiên nhiên và quý trọng những kĩ niệm đẹp của tuổi thơ.*

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Bảng phụ, phiếu học tập.

- HS: Vở, bút,...

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- Phương pháp vấn đáp, động não, quan sát, thực hành, đặt và giải quyết vấn đề, hoạt động nhóm, trò chơi học tập.

- Kĩ thuật đặt câu hỏi, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của HS** | **Hoạt động của GV** |
| **1. Khởi động: (***4p***)**  - HS tham gia trò chơi dưới sự điều hành của GV  - Nhóm nào viết nhanh và chính xác nhất thì thắng cuộc | - HS chơi trò chơi:Ai nhanh, ai đúng:  - HS 2 đội, mỗi đội 3 em lên bảng viết.  - Gọi đọc từ sau: Sáng láng, sát sao, sâu sắc, xuất sắc, xao xác, xấu xí, sướt mướt, …  - Nhận xét, khen/ động viên, chuyển tiếp vào bài mới. |
| **2. Chuẩn bị viết chính tả:** *(6p)*  **\* Mục tiêu:** HS hiểu được nội dung bài CT, viết được các từ khó, dễ lẫn và các hiện tượng chính tả, cách viết đoạn văn.  **\* Cách tiến hành:** | |
| - 1 HS đọc- HS lớp đọc thầm  *+ Cánh diều mềm mại như cánh bướm.*    - HS liên hệ  *-* HS nêu từ khó viết*: mềm mại, vui sướng, phát dại, trầm bổng, ….*  *-* Viết từ khó vào vở nháp | a. Trao đổi về nội dung đoạn cần viết  - Gọi HS đọc đoạn văn cần viết  *+ Cánh diều đẹp như thế nào?*  - Liên hệ giáo dục BVMT để gìn giữ những nét đẹp của thiên nhiên và gìn giữ những kỉ niệm tuổi thơ  - Hướng dẫn viết từ khó: Gọi HS nêu từ khó, sau đó GV đọc cho HS luyện viết. |
| **3. Viết bài chính tả:** *(15p)*  **\* Mục tiêu:** Hs nghe - viết tốt bài chính tả theo hình thức đoạn văn.  **\* Cách tiến hành:** | |
| - HS nghe - viết bài vào vở | - GV đọc bài cho HS viết  - GV theo dõi và nhắc nhở, giúp đỡ HS viết chưa tốt.  - Nhắc nhở cách cầm bút và tư thế ngồi viết. |
| **4. Đánh giá và nhận xét bài:** *(5p)*  **\* Mục tiêu:** Giúp HS tự đánh giá được bài viết của mình và của bạn. Nhận ra các lỗi sai và sửa sai  **\* Cách tiến hành: Cá nhân- Cặp đôi** | |
| - Học sinh xem lại bài của mình, dùng bút chì gạch chân lỗi viết sai. Sửa lại xuống cuối vở bằng bút mực  - Trao đổi bài (cặp đôi) để soát hộ nhau  - Lắng nghe. | - Cho học sinh tự soát lại bài của mình theo.  - GV nhận xét, đánh giá 5 - 7 bài  - Nhận xét nhanh về bài viết của HS |
| **5. Làm bài tập chính tả:** *(5p)*  **\* Mục tiêu:** Giúp HS phân biệt được ch/tr. Miêu tả được 1 đồ chơi hoặc trò chơi có tiếng chứa âm ch/tr  **\* Cách tiến hành: Cá nhân-Cặp đôi- Chia sẻ trước lớp** | |
| **Bài 2a:** Tìm tên các đồ chơi hoặc trò chơi chứa tiếng bắt đầu bằng ch/tr  **-** HS chơi trò chơi Tiếp sức  Ch  + Đồ chơi: chong chóng, chó bông, chó đi xe đạp, que chuyền …  + Trò chơi: chọi dế, chọi cá, chọi gà, thả chim, chơi chuyền …  Tr  + Đồ chơi: trống ếch, trống cơm, cầu trượt, ..  + Trò chơi: đánh trống, trốn tìm, trồng nụ trồng hoa, cắm trại, bơi trải, cầu trượt, …  **Bài 3a**  - Miêu tả 1 trong các đồ chơi hoặc trò chơi nói trên  - HS nối tiếp miêu tả. VD:  + Tả trò chơi: Tôi sẽ tả chơi trò nhảy ngựa cho các bạn nghe. Để chơi, phải có ít nhất sáu người mới vui: Ba người bám vào bụng nối làm ngựa, ba người làm kị sĩ. Người làm đầu phải bám chắc vào một gốc cây hay một bức tường …  **6. Hoạt động ứng dụng** *(1p)*  **7. Hoạt động sáng tạo** *(1p)* | * Tổ chức cho HS chơi * Yêu cầu HS miêu tả 1 trò chơi   - Viết lại 5 lần các từ viết sai trong bài chính tả  - Hướng dẫn các bạn chơi 1 trò chơi vừa miêu tả |

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TOÁN**

***Tiết 72:* CHIA CHO SỐ CÓ HAI CHỮ SỐ**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Biết cách chia số có ba chữ số cho số có 2 chữ số.

**2. Kĩ năng**

- Biết đặt tính và thực hiện phép chia số có ba chữ số cho số có hai chữ số (chia hết, chia có dư).

**3. Thái độ**

- HS tích cực, cẩn thận khi làm bài

**4. Góp phần phát huy các năng lực**

**-** Năng lực tự học, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL tư duy - lập luận logic.

\* BT cần làm: Bài 1, bài 2

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Bảng phụ

-HS: SGK,...

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm

- Kĩ thuật: đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của HS** | **Hoạt động của GV** | |
| **1. Khởi động *(5p)***  - HS tham gia trò chơi dưới sự điều hành của GV  - Nhóm nào nhanh và chính xác nhất là nhóm thắng cuộc.  - Củng cố cách chia hai số có tận cùng là các chữ số 0 | Trò chơi: **Tìm lá cho hoa**  - Hoa là: 6; 8  - Lá là các phép tính:  420 : 7 40 : 5  3200 : 400 300 : 50  - Nhận xét chung - Dẫn vào bài mới | |
| **2. Hình thành kiến thức mới (15p)**  **\* Mục tiêu:** Biết cách chia số có ba chữ số cho số có hai chữ số  **\* Cách tiến hành:** **Cá nhân- Nhóm – Lớp** | | |
| ***- HS thảo luận cặp đôi, tìm cách thực hiện – Chia sẻ lớp***  ***672: 21 = 672: (7 x 3)***  ***= (672: 3): 7***  ***= 224: 7***  ***= 32***  ***+ Bằng 32***  ***- HS nghe giảng.***  ***- Lắng nghe***      ***+ Là phép chia hết vì có số dư bằng 0.***  ***- HS làm cá nhân – Chia sẻ nhóm 2 – Chia sẻ lớp***  ***779 18***  ***72 43***  ***59***  ***54***  ***5***  ***Vậy 779: 18 = 43 (dư 5)***  ***+ Là phép chia có số dư bằng 5.***  ***+ … số dư luôn nhỏ hơn số chia.***  ***- Lắng nghe.*** | | ***\* Hướng dẫn thực hiện phép chia***  a. Phép chia 672: 21  - GV viết lên bảng phép chia 672: 21, yêu cầu HS sử dụng tính chất 1 số chia cho một tích để tìm kết quả của phép chia.  *+ Vậy 672: 21 bằng bao nhiêu?*  ***- GV: Với cách làm trên chúng ta đã tìm được kết quả của 672: 21, tuy nhiên cách làm này rất mất thời gian, vì vậy để tính 672: 21 người ta tìm ra cách đặt tính và thực hiện tính tương tự như với phép chia cho số có một chữ số.***  + GV đặt tính và hướng dẫn HS cách tính.  672 21  63 32  42  42  0  *+ Phép chia 672: 21 là phép chia hết hay phép chia có dư?*  ***b.*** Phép chia 779: 18  - GV ghi lên bảng phép chia trên và cho HS thực hiện đặt tính để tính.  - GV theo dõi HS là và giúp đỡ nếu HS lúng túng.    *+ Phép chia 779: 18 là phép chia hết hay phép chia có dư?*  *+ Trong các phép chia có số dư chúng ta phải chú ý điều gì?*  ***\*\* Khi thực hiện các phép chia cho số có hai chữ số, để tính toán nhanh, chúng ta cần biết cách ước lượng thương.. . .*** |
| **3. Hoạt động thực hành** *(18p)*  **\* Mục tiêu**: Thực hiện được phép chia một số có ba chữ số cho số có hai chữ số (chia hết, chia có dư).và vận dụng giải các bài toán liên quan  **\* Cách tiến hành: Cá nhân-Nhóm 2- Lớp** | | |
| - HS làm cá nhân- Chia sẻ nhóm 2- Chia sẻ lớp  Đáp án  - Thực hiện theo YC của GV.  288 24 740 45  24 12 45 16  48 290  48 270  0 20  469 67 397 56  469 7 392 7  0 5  - HS làm cá nhân – Chia sẻ lớp  Bài giải  Số bộ bàn ghế mỗi phòng có là  240: 15 = 16 (bộ)  Đáp số: 16 bộ  - HS làm vào vở Tự học – Chia sẻ lớp  a) X x 34 = 714 b) 846 : X = 18  X = 714 : 34 X = 846 : 18  X = 21 X = 47  **4. Hoạt động ứng dụng** *(1p)*  *- Ghi nhớ cách thực hiện chia cho số có 2 chữ số.*  **5. Hoạt động sáng tạo** *(1p)*  - Tìm các bài tập cùng dạng trong sách buổi 2 và giải. | ***Bài 1:*** Đặt tính rồi tính:  - Gọi HS đọc yêu cầu bài tập.  - Củng cố cách đặt tính và thực hiện phép chia cho số có 2 chữ số.    ***Bài 2:***  - GV nhận xét, đánh giá bài trong vở của HS – Chốt đáp án.  **Bài 3 *(Bài tập chờ dành cho HS hoàn thành sớm)*** | |

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**LỊCH SỬ**

**Nhà TrẦn và viỆc đẮp đê**

**1. Kiến thức**

- Nêu được một vài sự kiện về sự quan tâm của nhà Trần tới sản xuất nông nghiệp: Nhà Trần quan tâm đến việc đắp đê phòng lụt: lập Hà đê sứ; năm 1248 nhân dân cả nước được lệnh mở rộng việc đắp đê từ đầu nguồn các con sông lớn cho đến cửa biển; khi có lũ lụt, tất cả mọi người phải tham gia đắp đê; các vua Trần cũng có khi tự mình trông coi việc đắp đê.

- Nêu được tác dụng của việc nhà Trần đắp đê với đời sống và sản xuất nông nghiệp

**2. Kĩ năng**

- Xác định được vai trò to lớn của nhà Trần với sự phát triển nông nghiệp.

- Chỉ trên lược đồ một số con sông miền Bắc

**3. Thái độ**

- HS có thái độ tôn trọng lịch sử.

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL ngôn ngữ, NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo.

*\** ***BVMT****: Vai trò, ảnh hưởng to lớn của sông ngòi đối với đời sống của con người (đem lại phù sa nhưng cũng mang lại lũ lụt đe dọa sản xuất và đời sống). Qua đó thấy được tầm quan trọng của hệ thống đê và giáo dục ý thức trách nhiệm trong việc góp phần bảo đê điều - những công trình nhân tạo phục vụ đời sống*

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: + Cảnh đắp đê dưới thời Trần

+ Lược đồ sông chính Bắc Bộ

- HS: SGK.

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm.

- KT: Kĩ thuật đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của HS** | **Hoạt động của GV** |
| **1.Khởi động:***(4p)*  - Cả lớp hát kết hượp với chuyền tay nhau chiếc hộp bí mật có câu hỏi.  *+ Lý Huệ Tông không có con trai, truyền ngôi cho con gái.. .*  *+ Nhà Trần chú ý xây dựng lực lượng quân đội,* .    . | Trò chơi: **Chiếc hộp bí mật**  - Trả lời các câu hỏi sau:  *+ Nhà Trần ra đời trong hoàn cảnh nào?*  *+ Nhà Trần làm gì để củng cố xây dựng đất nước?*  - GV nhận xét, khen/ động viên |
| **2. Bài mới:***(30p)*  ***\* Mục tiêu***: Nêu được một vài sự kiện về sự quan tâm của nhà Trần tới sản xuất nông nghiệp. Nêu được tác dụng của việc nhà Trần đắp đê với đời sống và sản xuất nông nghiệp  ***\* Cách tiến hành: Cá nhân – Nhóm - Lớp*** | |
| **HĐ1: Lí do nhà Trần đắp đê**  - HS đọc thầm” Thời nhà Trần.. . cha ta”  *+ Nông nghiệp.*  *+ Sông ngòi chằng chịt. Có nhiều sông như: sông Hồng, sông Đà, sông Đuống, sông Cầu, sông Mã, sông Cả…*  *+ Là nguồn cung cấp nước cho việc gieo trồng và cũng thường xuyên tạo ra lũ lụt làm ảnh hưởng đến mùa màng.*  - Vài HS kể.  - Lắng nghe  **HĐ2: Nhà Trần đắp đê**  **Nhóm 2 – Lớp**  **- HS đọc thầm “Nhà Trần.. . đắp đê”**  **- HS trao đổi nhóm đôi và báo cáo kết quả:**  ***+ Đặt chức quan Hà đê sứ trông coi việc đắp đê***  ***+ Nhà Trần đặt ra lệ mọi người đều phải tham gia đắp đê.***  ***+ Có lúc vua Trần cũng trông nom việc đắp đê.***  **- Lắng nghe**  **HĐ3: Tác dụng của việc đắp đê**  **Cá nhân – Lớp**  ***+ Hệ thống đê dọc theo những con sông chính được xây đắp, nông nghiệp phát triển.***  **- Lắng nghe**  **3. Hoạt động ứng dụng** *(1p)*.  + Trồng rừng, chống phá rừng, xây dựng các trạm bơm nước, củng cố đê điều …  - Do sự phá hoại đê điều, phá hoại rừng đầu nguồn …Muốn hạn chế lũ lụt phải cùng nhau bảo vệ môi trường tự nhiên.  **4. Hoạt động sáng tạo** *(1p)*  - Sưu tầm tranh ảnh về đê điều và việc đắp đê. | **Cá nhân – Lớp**  - Yc HS đọc thầm **“**Thời nhà Trần.. . cha ta”  *+ Nghề chính của nhân dân ta dưới thời nhà Trần là nghề gì?*  *+ Sông ngòi ở nước ta như thế nào? Hãy chỉ trên bản đồ và nêu tên một số con sông?*  *+ Sông ngòi tạo nhiều thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp nhưng cũng gây ra những khó khăn gì?*  *+ Em hãy kể tóm tắt về một cảnh lụt lội mà em đã chứng kiến hoặc được biết qua các phương tiện thông tin.*  - GV: ***Sông ngòi cung cấp nước cho nông nghiệp phát triển, song cũng có khi gây lụt lội làm ảnh hưởng tới sản xuất nông nghiệp. Đó là lí di nhà Trần quan tâm tới việc đắp đê.***  - Yc HS đọc thầm“Nhà Trần.. . đắp đê”  *+ Em hãy tìm các sự kiện trong bài nói lên sự quan tâm đến đê điều của nhà Trần.*    \*\*KL: ***Nhà Trần đặt ra lệ mọi người đều phải tham gia đắp đê; hằng năm, con trai từ 18 tuổi trở lên phải dành một số ngày tham gia đắp đê. Có lúc, vua Trần cũng trông nom việc đắp đê.***  *+ Nhà Trần đã thu được kết quả như thế nào trong công cuộc đắp đê?*  - GV nhận xét, kết luận: ***Dưới thời Trần, hệ thống đê điều đã được hình thành dọc theo sông Hồng và các con sông lớn khác ở đồng bằng Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ, giúp cho sản xuất nông nghiệp phát triển, đời sống nhân dân thêm no ấm, công cuộc đắp đê, trị thuỷ cũng làm cho nhân dân ta thêm đoàn kết.***  - Liên hệ giáo dục BVMT: Ở địa phương em có sông gì? nhân dân đã làm gì để chống lũ lụt?  - Việc đắp đê đã trở thành truyền thống của nhân dân ta từ ngàn đời xưa, nhiều hệ thống sông đã có đê kiên cố. Vậy theo em tại sao vẫn còn có lũ lụt xảy ra hàng năm? Muốn hạn chế ta phải làm gì? |

**ĐIỀU CHỈNH-BỔ SUNG**

..........................................................................................................................................................................................................................................................................

.....................................................................................................................................

*Thứ ....... ngày ...... tháng ..... năm .........*

**LUYỆN TỪ VÀ CÂU**

**MỞ RỘNG VỐN TỪ: ĐỒ CHƠI- TRÒ CHƠI**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Biết thêm tên một số đồ chơi, trò chơi (BT1, BT2)

**2. Kĩ năng**

- Phân biệt được những đồ chơi có lợi và những đồ chơi có hại (BT3);

- Nêu được một vài từ ngữ miêu tả tình cảm, thái độ của con người khi tham gia các trò chơi (BT4).

**3. Thái độ**

- HS có ý thức bảo vệ, giữ gìn đồ chơi, chơi các đồ chơi an toàn và tham gia các trò chơi lành mạnh có lợi cho sức khoẻ.

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL tự học, NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: + Tranh minh họa các trò chơi trang 147- 148 SGK (phóng to)

+ Bảng nhóm

- HS: vở BT, bút, ...

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Quan sát, hỏi đáp, thảo luận nhóm.

- KT: Kĩ thuật đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | | **Hoạt động của HS** |
| - TBHT điều hành lớp trả lời, nhận xét  *+ Cái áo này đẹp chứ nhỉ?*  *+ Sao cậu hay mắc lỗi thế?*  *+ Đi biển cũng thích chứ sao?*  *+ Chị làm giúp em bài tập này được không?* | | *1****. Khởi động*** *(3p)*  *+ Đặt câu hỏi để thể hiện sự khen ngợi?*  *+ Đặt câu hỏi để thể hiện thái độ chê trách?*  *+ Đặt câu hỏi để thể hiện sự khẳng định?*  *+ Đặt câu hỏi để thể hiện sự mong muốn?*  *- GV nhận xét, đánh giá chung, giới thiệu và dẫn vào bài mới* |
| **2. Hoạt động thực hành***:(30p)*  **\* Mục tiêu:** - Biết thêm tên một số đồ chơi, trò chơi (BT1, BT2)  - Phân biệt được những đồ chơi có lợi và những đồ chơi có hại (BT3);  - Nêu được một vài từ ngữ miêu tả tình cảm, thái độ của con người khi tham gia các trò chơi (BT4).  **\* Cách tiến hành: Cá nhân-Nhóm-Cả lớp** | | |
| Nhóm 4 - Chia sẻ lớp  Đáp án:  + Tranh 1: đồ chơi: *diều/*trò chơi: *thả diều*  + Tranh 2: đồ chơi: *đầu sư tử, đèn ông sao, đàn gió./*Trò chơi: *múa sư tử, rước đèn.*  + Tranh 3: đồ chơi: *dây thừng, búp bê, bộ xếp hình nhà cửa, đồ nấu bếp/*Trò chơi: *nhảy dây, cho búp bê ăn bột xếp hình nhà cửa, thổi cơm.*  + Tranh 4: đồ chơi: *ti vi, vật liệu xây dựng/*Trò chơi: *trò chơi điện tử, lắp ghép hình.*  + Tranh 5: Đồ chơi: *dây thừng, cái ná./*Trò chơi: *kéo co, bắn.*  + Tranh 6: Đồ chơi: *khăn bịt mắt.*  Trò chơi: *bịt mắt bắt dê.*  - HS liên hệ  Nhóm 2 – Lớp  Đồ chơi: *bóng – quả cầu – kiếm – quân cờ – đu – cầu trượt – đồ hàng – các viên sỏi – que chuyền – mảnh sành – bi – viên đá – lỗ tròn – đồ dựng lều – chai – vòng – tàu hỏa – máy bay – mô tô con – ngựa ……*  Trò chơi: *đá bóng – đá cầu – đấu kiếm – cờ tướng – đu quay – cầu trượt – bày cỗ trong đêm Trung thu – chơi ô ăn quan – chơi chuyền – nhảy lò cò – chơi bi – đánh đáo – cắm trại – trồng nụ hoa hồng – ném vòng vào cổ chai – tàu hỏa trên không – đua mô tô trên sàn quay – cưỡi ngựa ……*  - Lắng nghe  Nhóm 2 – Lớp  Đáp án:  a) Trò chơi bạn trai thường thích*: đá bóng, đấu kiếm, bắn súng, cờ tướng, lái máy bay trên không, lái mô tô……*  - Trò chơi bạn gái thường thích: *búp bê, nhảy dây, nhảy ngựa, trồng nụ, trồng hoa, chơi chuyền, chơi ô ăn quan, nhảy lò cò, bày cỗ đêm trung thu …*  - Trò chơi cả bạn trai, bạn gái thường thích: *thả diều, rước đèn, trò chơi điện tử, xếp hình, cắm trại, đu quay, bịt mắt mắt dê, cầu trượt …*  b) Những đồ chơi, trò chơi có ích và có lợi của chúng khi chơi:  - Thả diều (thú vị, khỏe), Rước đèn ông sao (vui), Bày cỗ trong đêm trung thu (vui, rèn khéo tay), Chơi búp bê (rèn tính chu đáo, dịu dàng), Nhảy dây (nhanh, khỏe), Trồng nụ trồng hoa (vui khỏe), Trò chơi điện tự (rèn trí thông minh), xếp hình (rèn trí thông minh).. .  - Chơi các trò chơi ấy, nếu ham chơi quá, quên ăn, quên ngủ, quên học, thì sẽ ảnh hưởng đến sức khỏe và học tập. Chơi điện tử nhiều sẽ hại mắt.  c) Những đồ chơi, trò chơi có hại và tác hại của chúng:  - Súng phun nước (làm ướt người khác) Đấu kiếm (dễ làm cho nhau bị thương không giống như môn thể thao đấu kiếm có mũ và mặt nạ để bảo vệ, đấu kiếm không nhọn). Súng cao su (giết hại chim, phá hại môi trường, gây nguy hiểm nếu lỡ tay bắn vào người).  Cá nhân – Lớp  - Các từ ngữ thể hiện thái độ, tình cảm của con người khi tham gia các trò chơi: *Say mê, hăng say, thú vị, hào hứng thích, ham thích, đam mê, say sưa* …  VD:  • Em rất hào hứng khi chơi đá bóng.  • Hùng rất ham thích thả diều.  • Em gái em rất thích chơi đu quay.  • Cường rất say mê điện tử.  - Ghi nhớ tên các đồ chơi và trò chơi  - Mô tả cách chơi 1 trò chơi mà em thích | ***Bài 1:* Nói tên đồ chơi hoặc trò chơi được tả trong các bức tranh.**  - Yc HS quan sát tranh cùng trao đổi, thảo luận theo nhóm 4 làm bài.  + Liên hệ: Em đã chơi đồ chơi nào và tham gia những trò chơi nào trong các đồ chơi và trò chơi vừa nêu?  + Em đã giữ gìn đồ chơi như thế nào?  ***Bài 2***. Tìm thêm các từ ngữ chỉ các đồ chơi hoặc trò chơi khác.  - Nhận xét, chốt đáp án.  ***- KL: Những đồ chơi, trò chơi các em vừa kể trên có cả đồ chơi, trò chơi riêng bạn nam thích hoặc riêng bạn nữ thích: cũng có những trò chơi phù hợp với cả bạn nam và bạn nữ.***  ***Bài 3:***  - Nhận xét, kết luận lời giải đúng.  \* Giúp đỡ hs M1+M2  - Giáo dục HS chơi những trò chơi, đồ chơi có ích, tránh xa các đồ chơi, trò chơi có hại  ***Bài 4***  - Gọi HS đọc yêu cầu và nội dung.  - Gọi HS nêu các từ ngữ thể hiện thái độ, tình cảm của con người khi tham gia các trò chơi  - Em hãy đặt câu thể hiện thái độ của con người khi tham gia trò chơi.  **3. Hoạt động ứng dụng** *(1p)*  **4. Hoạt động sáng tạo** *(1p)* | |

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TOÁN**

***Tiết 73:* CHIA CHO SỐ CÓ HAI CHỮ SỐ *(tiếp theo)***

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Biết cách chia số có 4 chữ số cho số có 2 chữ số.

**2. Kĩ năng**

- Thực hiện được phép chia số có bốn chữ số cho số có hai chữ số (chia hết, chia có dư).

- Vận dụng giải các bài tập liên quan

**3. Thái độ**

- Tích cực, tự giác học bài, trình bày bài sạch sẽ, khoa học

**4. Góp phần phát triển các kĩ năng**

- Năng lực tự học, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL tư duy - lập luận logic.

\* BT cần làm: Bài 1, bài 3a

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Phiếu nhóm

- HS: SGk, bút

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Quan sát, hỏi - đáp, thảo luận nhóm.

- KT: đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của HS** | **Hoạt động của GV** |
| - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ | **1. HĐ khởi động *(3p)***  - GV giới thiệu bài mới |
| **2. Hình thành kiến thức** *(15p)*  **\* Mục tiêu:**  HS biết cách chia số có 4 chữ số cho số có 2 chữ số  **\* Cách tiến hành: Cá nhân – Nhóm 2 – Lớp** | |
| - Cá nhân - Chia sẻ nhóm 2 – Chia sẻ lớp  8192 64  64 128  179  128  512  512  0  *+ Là phép chia hết.*  - HS làm cá nhân – Chia sẻ nhóm 2 – Chia sẻ lớp  1154 62  62 18  534  496  38  *+ Là phép chia có số dư bằng 38.*  *+ Số dư luôn nhỏ hơn số chia.* | a. Phép chia 8 192: 64  - GV ghi lên bảng phép chia trên, yêu cầu HS thực hiện đặt tính và tính. GV theo dõi giúp đỡ.  *+ Phép chia 8192: 64 là phép chia hết hay phép chia có dư?*  b. GV ghi lên bảng phép chia:  1 154: 62 = ?  - Gọi HS thực hiện. GV theo dõi HS làm bài, giúp đỡ HS    *+ Phép chia 1 154: 62 là phép chia hết hay phép chia có dư?*  *+ Trong phép chia có dư chúng cần chú ý điều gì?*  \* Lưu ý giúp đỡ hs M1+M2 cách ước lượng thương |
| **3. HĐ thực hành** *(18p)*  *\** **Mục tiêu***:* Thực hành chia được số có 4 chữ số cho số có 2 chữ số. Vận dung giải được các bài tập liên quan  **\* Cách tiến hành***:* Cá nhân – Nhóm – Lớp | |
| - Làm cá nhân – Chia sẻ nhóm 2- Chia sẻ lớp  Đáp án:    4674 82 2488 35  410 57 245 71  574 38  574 35  0 3    5781 47 9146 72  47 123 72 127  108 194  94 144  141 506  141 504  0 2  - Làm cá nhân – Chia sẻ lớp  a) 75 x X = 1800 b) 1855 : X = 35  X = 1800: 75 X = 1855 : 35  X = 24 X = 53  - HS làm vào vở Tự học – Chia sẻ lớp  Bài giải  Ta có: 3500 : 12 = 291 (dư 8)  Vậy đóng gói được nhiều nhất 291 tá bút chì và còn thừa 8 cái bút chì.  Đ/s: 291 tá, thừa 8 bút chì  - Ghi nhớ cách đặt tính, cách ước lượng thương  \* Bài tập PTNL HS: (M3+M4)  1. Tính giá trị của biểu thức sau:  1653 : 57 x 402 = 3196 : 68 x 27 =  2. Một tổ có 23 công nhân làm việc trong 24 ngày may được 8280 chiếc áo. Hỏi mỗi ngày mỗi công nhân may được bao nhiêu chiếc áo? Biết năng suất làm việc của mọi người như nhau. | ***Bài 1:*** Đặt tính rồi tính.  - GV chốt đáp án.  - Củng cố cách đặt tính và thực hiện phép tính chia cho số có hai chữ số.  \* Lưu ý trợ giúp hs M1+M2  ***Bài 3a: HSNK có thể hoàn thành cả bài.***  - GV yêu cầu HS tự làm bài.  - GV nhận xét, đánh giá bài làm trong vở của HS  - Củng cố cách tìm các thành phần chưa biết của phép tính.  \* Lưu ý giúp đỡ hs M1+M2 ghi nhớ cách tìm thành phần chưa biết của phép tính.  ***Bài 2: (bài tập chờ dành cho HS hoàn thành sớm)***  **4. Hoạt động ứng dụng** (1p)  **5. Hoạt động sáng tạo** (1p) |

**ĐIỀU CHỈNH-BỔ SUNG**

...................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**ĐẠO ĐỨC**

**BIẾT ƠN THẦY GIÁO, CÔ GIÁO (T2)**

**I.MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Biết được công lao của thầy giáo, cô giáo.

**2. Kĩ năng**

- Nêu được những việc cần làm thể hiện sự biết ơn đối với thầy giáo, cô giáo.

- Nhắc nhở các bạn thực hiện kính trọng, biết ơn đối với các thầy giáo, cô giáo đã và đang dạy mình.

**3. Thái độ**

- Lễ phép, vâng lời thầy giáo, cô giáo.

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL tự học, NL giải quyết vấn đề, NL hợp tác, sáng tạo

***\* KNS:*** *- Lắng nghe lời dạy của thầy cô*

*- Thể hiện sự kính trọng, biết ơn với thầy cô*

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: + Thẻ chữ A, B, C, D. Thẻ mặt cười, mặt mếu.

+ Các băng chữ để sử dụng cho hoạt động 3

- HS: + Kéo, giấy màu, bút màu, hồ dán để sử dụng cho hoạt động 3, tiết

+ SGK Đạo đức 4.

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm, trò chơi, đóng vai.

- KT: động não, tia chớp, chia sẻ nhóm 2

**III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của HS** | | **Hoạt động của GV** | |
| - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ  + HS trả lời | | **1.Khởi động:***(5p)*  - Lớp hát bài: Ngày đầu tiên đi học  *+ Bạn đã làm gì để tỏ lòng biết ơn đối với thầy cô giáo ?*  - GV giới thiệu, dẫn vào bài mới | |
| **2. HĐ thực hành** *(30p)*  **\* Mục tiêu:** Thể hiện lòng biết ơn thầy cô qua những hành động và việc làm cụ thể  **\* Cách tiến hành: Cá nhân-Nhóm-Lớp** | | | |
| Cá nhân - Nhóm – Lớp  - HS đọc yêu cầu bài tập 4, 5.  - HS trình bày, giới thiệu theo cá nhân, nhóm  - Lớp nhận xét, bình luận các tác tác hoặc tự liệu hay, có ý nghĩa về thầy cô và lòng biết ơn, kính trọng thầy cô.  Nhóm 6 – Lớp  - HS làm việc theo nhóm 6.  - Làm và trưng bày thiệp trong nhóm, trưng bày trước lớp  - Lớp nhận xét, bình chọn những tấm thiệp đẹp nhất.  - HS thực hiện theo yêu cầu của GV (gửi tặng những tấm bưu thiếp tới thầy cô giáo cũ).  - Lắng nghe  - Thực hiện theo bài học  - Kể một kỷ niệm đáng nhớ nhất về thầy giáo, cô giáo.  *)* | **HĐ1: Trình bày sáng tác hoặc tư liệu sưu tầm được**: (Bài tập 4, 5- SGK/23):  - Gọi HS đọc yêu cầu bài tập 4, 5.  - TBHT mời một số bạn chia sẻ và giới thiệu.  - GV nhận xét chung, chuyển hoạt động  **HĐ2: Làm bưu thiếp chúc mừng các thầy giáo, cô giáo cũ.**  - GV nêu yêu cầu HS làm bưu thiếp chúc mừng các thầy giáo, cô giáo cũ.  - GV theo dõi và hướng dẫn HS.  - GV nhắc HS nhớ gửi tặng các thầy giáo, cô giáo cũ những tấm bưu thiếp mà mình đã làm.  ***\* KL bài học:***  ***+ Cần phải kính trọng, biết ơn các thầy giáo, cô giáo.***  ***+ Chăm ngoan, học tập tốt là biểu hiện của lòng biết ơn.***  **3. HĐ ứng dụng** (*1p)*  **4. HĐ sáng tạo (***1p* | |

**ĐIỀU CHỈNH-BỔ SUNG**

..............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**KỂ CHUYỆN**

**KỂ CHUYỆN ĐÃ NGHE, ĐÃ ĐỌC**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Hiểu nội dung chính của câu chuyện (đoạn truyện) đã kể.

**2. Kĩ năng:**

- Kể lại được câu chuyện (đoạn truyện) đã nghe, đã đọc nói về đồ chơi của trẻ em hoặc những con vật gần gũi với trẻ em.

**3. Thái độ**

- GD HS phải biết quý trọng, giữ gìn đồ chơi, biết yêu quý mọi vật quanh mình.

**4. Góp phần bồi dưỡng các năng lực**

- NL giao tiếp và hợp tác, NL sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Bảng phụ, sách kể chuyện

- HS: Sách Truyện đọc 4

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm, đóng vai

- KT: đặt câu hỏi, động não, chia sẻ nhóm.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của HS** | **Hoạt động của GV** |
| - 3 HS nối tiếp nhau kể  - Lớp nhận xét, đánh giá | **1. Khởi động***:(5p)*  - Gọi 3 HS nối tiếp nhau kể chuyện *Búp bê của ai?* bằng lời của búp bê. |
| **2. 2. Tìm hiểu, lựa chọn câu chuyện phù hợp với yêu cầu tiết học** *(13p)*  **\* Mục tiêu:**  Chọn được câu chuyện (đoạn truyện) đã nghe, đã đọc nói về đồ chơi của trẻ em hoặc những con vật gần gũi với trẻ em.  **\* Cách tiến hành: Cá nhân-Nhóm-Lớp**  **Đề bài:** Hãy kể một câu chuyện mà em đã được nghe, được đọc có nhân vật là đồ chơi của trẻ em hoặc những con vật gần gũi với trẻ em. | |
| - HS phân tích đề bài, gạch chân các từ ngữ quan trọng: đồ chơi của trẻ em, con vật gần gũi.  + Chú lính chì dũng cảm – An đéc xen.  + Võ sĩ bọ ngựa – Tô Hoài.  + Chú Đất Nung – Nguyễn Kiên.  + Truyện *Chú lính chì dũng cảm* và *chú Đất Nung* có nhân vật là đồ chơi của trẻ em. Truyện *Võ sĩ Bọ Ngựa* có nhân vật là con vật gần gũi với trẻ em.  + Truyện: *Dế Mèn bênh vực kẻ yếu. Chú mèo đi hia, Vua lợn, Chim sơn ca và bông cúc trắng, Con ngỗng vàng, Con thỏ thông minh …*  - 2 đến 3 HS giỏi giới thiệu mẫu.  + Tôi muốn kể cho các bạn nghe câu chuyện *Con thỏ thông minh* luôn luôn giúp đỡ mọi người, trừng trị kẻ gian ác.  + Tôi xin kể câu chuyện “*Chú mèo đi hia*”. Nhân vật chính là một chú mèo đi hia rất thông minh và trung thành với chủ.  + Tôi xin kể chuyện “Dế Mèn phưu lưu kí” của nhà văn Tô Hoài | - Yêu cầu HS quan sát tranh minh họa và đọc tên truyện được gợi ý  *+ Em biết nhân vật nào là đồ chơi của trẻ em hoặc là con vật gần gũi với em?*  - Em hãy giới thiệu câu chuyện của mình cho các bạn nghe. |
| **3. Thực hành kể chuyện – Tìm hiểu ý nghĩa câu chuyện***:(15- 20p)*  **\* Mục tiêu:** Kể được câu chuyện (đoạn truyện) về nói về đồ chơi của trẻ em hoặc những con vật gần gũi với trẻ em. Hiểu nội dung câu chuyện – Nêu được ý nghĩa của chuyện  **\* Cách tiến hành: Cá nhân - Nhóm- Lớp** | |
| - 4 HS tạo thành nhóm kể và trao đổi với nhau về nhân vật, ý nghĩa truyện.    - 5 đến 7 HS thi kể.  - HS chia sẻ và nêu ý nghĩa câu chuyện.  - Nhận xét chung, bình chọn bạn nhập vai hay nhất, kể hay nhất.  - Kể lại câu chuyện cho người thân nghe  - Sưu tầm và kể các câu chuyện cùng chủ đề. | ***a. Kể trong nhóm***  - Yêu cầu HS kể chuyện và trao đổi với bạn bè tính cách nhân vật, ý nghĩa truyện.  - GV đi giúp các em gặp khó khăn.  + Khuyến khích kể câu chuyện ngoài sách giáo khoa.  + Kể câu chuyện phải có đầu, có kết thúc kết truyện theo lối mở rộng. Nói với các bạn về tính cách nhân vật, ý nghĩa truyện.  ***b. Kể trước lớp***  - Tổ chức cho HS thi kể.  \*Giúp đỡ hs M1+M2 kể đúng nội dung câu truyện.  Hs M3+M4 kể được lưu loát kết hợp giọng điệu phù hợp.  - Khuyến khích HS hỏi lại bạn về tính cách nhân vật, ý nghĩa truyện.  - Gọi HS chia sẻ cách bạn kể chuyện và ý nghĩa câu chuyện.  **4. Hoạt động ứng dụng *(1p)***  **5. Hoạt động sáng tạo *(1p)*** |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**KĨ THUẬT**

**CẮT, KHÂU, THÊU SẢN PHẨM TỰ CHỌN**(tiết 1)

**I.MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Ôn tập các kiến thức về cắt, khâu, thêu

**2. Kĩ năng**

- Sử dụng được một số dụng cụ, vật liệu cắt, khâu, thêu để tạo thành sản phẩm đơn giản. Có thể chỉ vận dụng hai trong ba kĩ năng cắt, khâu, thêu đã học.

\*Với HS khéo tay: Vận dụng kiến thức, kĩ năng cắt, khâu, thêu để làm được đồ dùng đơn giản, phù hợp với HS.

**3. Thái độ**

- Giáo dục tính cẩn thận, khéo léo, an toàn khi thực hành

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL thẩm mĩ.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: : + Tranh quy trình của các bài trong chương.

+ Mẫu khâu, thêu đã học.

- HS: Bộ ĐD KT lớp 4.

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Quan sát mẫu, hỏi đáp, thảo luận nhóm, luyện tập – thực hành

- KT: đặt câu hỏi, tia chớp, động não, phòng tranh

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của HS** | **Hoạt động của GV** |
| - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ | **1. HĐ khởi động** *(3p)*  - GV kiểm tra đồ dùng của HS |
| **2. HĐ thực hành:***(30p)*  **\* Mục tiêu**: Sử dụng được một số dụng cụ, vật liệu cắt, khâu, thêu để tạo thành sản phẩm đơn giản. Có thể chỉ vận dụng hai trong ba kĩ năng cắt, khâu, thêu đã học.  **\* Cách tiến hành: Cá nhân- Nhóm- Lớp** | |
| **Cá nhân**  *+ Khâu thường được thực hiện theo chiều từ phải sang trái và luân phiên lên kim, xuống kim cách đều nhau theo đường dấu..* . .  - Trước khi cắt vải phải vạch dấu để cắt cho chính xác.. .  - HS lắng nghe  - Mỗi HS tự chọn và tiến hành cắt, khâu, thêu một sản phẩm mình đã chọn.  - HS thực hành làm sản phẩm.  - HS trưng bày sản phẩm trong nhóm  - Chọn s/p đẹp trưng bày trước lớp  - Vận dụng cắt, khâu, thêu trong các trang phục hàng ngày  - Tiếp tục tạo sản phẩm mới, đẹp từ các kiến thức đã học. | **HĐ1: GV tổ chức ôn tập các bài đã học**  - GV yêu cầu nhắc lại các mũi khâu thường, khâu đột thưa, thêu móc xích.  - GV hỏi và cho HS nhắc lại quy trình và cách cắt vải theo đường vạch dấu, khâu thường, khâu ghép hai mép vải bằng mũi khâu thường, khâu đột thưa, đột mau, khâu viền đường gấp mép vải bằng thêu lướt vặn, thêu móc xích.  - GV nhận xét dùng tranh quy trình để củng cố kiến thức về cắt, khâu, thêu đã học.  **HĐ2: HS tự chọn sản phẩm và thực hành làm sản phẩm tự chọn**.  - Nêu yêu cầu thực hành và hướng dẫn HS lựa chọn sản phẩm tuỳ khả năng, ý thích như:  + Cắt, khâu thêu khăn tay: vẽ mẫu thêu đơn giản như hình bông hoa, gà con, thuyền buồm, cây nấm, tên…  **HĐ3: GV đánh giá kết quả học tập của HS***.*  - GV tổ chức cho HS trưng bày sản phẩm thực hành.  - GV nhận xét, đánh giá sản phẩm.  - Đánh giá kết quả làm việc.  **3. HĐ ứng dụng *(1p)***  **4. HĐ sáng tạo *(1p****)* |

**ĐIỀU CHỈNH-BỔ SUNG**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

*Thứ ....... ngày ...... tháng ..... năm .........*

**TẬP ĐỌC**

**TUỔI NGỰA**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Hiểu ND: Cậu bé tuổi Ngựa thích bay nhảy, thích du ngoạn nhiều nơi nhưng rất yêu mẹ, đi đâu cũng nhớ tìm đường về với mẹ (trả lời được các câu hỏi 1, 2, 3, 4)

**2. Kĩ năng**

- Biết đọc với giọng vui, nhẹ nhàng; đọc đúng nhịp thơ,

- Đọc diễn cảm được bài thơ

- Học thuộc lòng bài thơ.

**3. Thái độ**

- GD HS tình yêu thương cuộc sống, lòng biết ơn mẹ.

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: + Tranh minh hoạ bài tập đọc trang 149/SGK (phóng to)

- HS: SGK

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- Phương pháp: Quan sát, hỏi - đáp, đóng vai.

- Kĩ thuật: Làm việc nhóm, chia sẻ, động não, tia chớp

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của HS** | **Hoạt động của GV** |
| - 1 HS đọc  *+* *Cánh diều khơi gợi những ước mơ đẹp của tuổi thơ.*  + HS nêu nội dung của bài. | **1. Khởi động:** *(3p)*  *-* Hãy đọc bài: *Cánh diều tuổi thơ*  *+ Cánh diều đã mang đến cho tuổi thơ điều gì?*  *+ Nêu nội dung bài.*  - GV dẫn vào bài mới |
| **2. Luyện đọc:** *(8-10p)*  **\* Mục tiêu:**  Biết đọc với giọng vui, nhẹ nhàng; đọc đúng nhịp thơ của thể thơ 5 chữ.  \* **Cách tiến hành:** | |
| - 1 HS đọc bài, cả lớp đọc thầm  - Lắng nghe  - Nhóm trưởng điều hành cách chia đoạn  - Bài chia làm 4 đoạn.  (mỗi khổ thơ là 1 đoạn)  - Nhóm trưởng điều hành nhóm đọc nối tiếp trong nhóm lần 1 và phát hiện các từ ngữ khó (*đen hút, đại ngàn, mấp mô, triền núi, loá,...)*  - Luyện đọc từ khó: Đọc mẫu (M4)-> Cá nhân (M1)-> Lớp  - Giải nghĩa từ khó: (đọc phần chú giải)  - HS đọc nối tiếp lần 2 theo điều khiển  - Các nhóm báo cáo kết quả đọc  - 1 HS đọc cả bài (M4) | - Gọi 1 HS đọc bài (M3)  - GV lưu ý giọng đọc: Toàn bài đọc với giọng dịu dàng, hào hứng, khổ 2, 3 đọc nhanh hơn và trải dài thể hiện ước vọng lãng mạng của cậu bé. Khổ 4: tình cảm, thiết tha, lắng lại ở hai dòng kết bài thể hiện cậu bé rất yêu mẹ, đi đâu cũng nhớ mẹ, nhớ đường về với mẹ.  - GV chốt vị trí các đoạn  - GV giải nghĩa thêm một số từ *(mấp mô: chỉ đường không bằng phẳng, có sỏi, đá)*  - Lưu ý sửa lỗi đọc và ngắt nghỉ cho các HS (M1) |
| **3.Tìm hiểu bài:** *(8-10p)*  **\* Mục tiêu:** Hs hiểu: Cậu bé tuổi Ngựa thích bay nhảy, thích du ngoạn nhiều nơi nhưng rất yêu mẹ, đi đâu cũng nhớ tìm đường về với mẹ (trả lời được các câu hỏi 1, 2, 3, 4)  **\* Cách tiến hành: *Làm việc nhóm 4 – Chia sẻ trước lớp*** | |
| - 1 HS đọc  - HS tự làm việc nhóm 4 trả lời các câu hỏi  - TBHT điều hành các nhóm trả lời, nhận xét  *+ Bạn nhỏ tuổi Ngựa.*  *+ Tuổi Ngựa không chịu ở yên một chỗ mà thích đi.*  *+ “Ngựa con” rong chơi khắp nơi: Qua miền Trung du xanh ngắt, qua những cao nguyên đất đỏ, những rừng đại ngàn đến triền núi đá.*  *+ Đi chơi khắp nơi nhưng “Ngựa con” vẫn nhớ mang về cho mẹ “ngọn gió của trăm miền” :*  *+ Trên những cánh đồng hoa: màu sắc trắng lóa của hoa mơ, hương thơm ngạt ngào của hoa huệ, gió và nắng vôn xao trên cánh đồng tràn ngập hoa cúc dại.*  *+ Khổ thơ thứ 3 tả cảnh của đồng hoa mà “Ngựa con” vui chơi*  *+ “Ngựa con” nhắn nhủ với mẹ: tuổi con là tuổi đi nhưng mẹ đừng buồn, dù đi xa cách núi cách rừng, cách sông, cách biển, con cũng nhớ đường về tìm mẹ*  • Vẽ cậu bé đang phi ngựa trên cánh đồng đầy hoa, trên tay cậu là một bó hoa nhiều màu sắc và trong tưởng tượng của cậu chàng kị sĩ nhỏ đang trao bó hoa cho mẹ.  • Vẽ một cậu bé đứng bên con ngựa trên cánh đồng đầy hoa cúc dại, đang đưa tay ngang trán, dõi mắt về phía xa xăm ẩn hiện ngôi nhà.  **Nội dung: *Bài thơ nói lên ước mơ và trí tưởng tượng đầy lãng mạn của cậu bé tuổi Ngựa. Cậu thích bay nhảy nhưng rất yêu mẹ, đi đâu cũng nhớ tìm đường về với mẹ.***  - HS ghi lại nội dung bài  . | - Gọi HS đọc các câu hỏi cuối bài.  *+ Bạn nhỏ tuổi gì?*  *+ Mẹ bảo tuổi ấy tình nết như thế nào?*  +*“Ngựa con*” *theo ngọn gió rong chơi những đâu?*  *+ Đi chơi khắp nơi nhưng “con Ngựa” vẫn nhớ mẹ như thế nào?*  *+ Điều gì hấp dẫn “con Ngựa” trên những cánh đồng hoa?*  *+ Trong khổ 4 "ngựa con” nhắn nhủ mẹ điều gì?*  *Nếu vẽ một bức tanh minh hoạ bài thơ này, em sẽ vẽ như thế nào?*  + Bài thơ nói lên điều gì?  \* HS M3+M4 đọc trả lời câu hỏi hoàn chỉnh và các câu nêu nội dung đoạn, bài |
| **3. Luyện đọc diễn cảm - Học thuộc lòng** *(8-10p)*  **\* Mục tiêu: HS** biết đọc diến cảm toàn bài, thể hiện giọng đọc phù hợp với nội dung bài.  **\* Cách tiến hành: Hoạt động cá nhân – nhóm - cả lớp** | |
| **-** 1 HS nêu lại  - 1 HS đọc toàn bài  - Nhóm trưởng điều khiển nhóm đọc diễn cảm bài thơ  - Thi đọc phân vai trước lớp  - Lớp nhận xét, bình chọn.  - Học thuộc lòng bài thơ  - HS liên hệ  - Vẽ bức tranh minh hoạ cho bài thơ | - Yêu cầu HS nêu giọng đọc toàn bài, nêu giọng đọc các nhân vật  - Yêu cầu đọc diễn cảm cả bài  - GV nhận xét chung  **4. Hoạt động ứng dụng** *(1 phút)*  - Nếu là chú ngựa con trong bài, em sẽ nhắn nhủ mẹ điều gì?  **5. Hoạt động sáng tạo** *(1 phút)* |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TOÁN**

***Tiết 74:* LUYỆN TẬP**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Củng cố KT về chia cho số có 2 chữ số,

**2. Kĩ năng**

- Thực hiện được phép chia số có ba, bốn chữ số cho số có hai chữ số (chia hết, chia có dư).

- Biết vận dụng phép chia để giải các bài toán liên quan

**3. Thái độ**

- Tính chính xác, cẩn thận, trình bày bài sạch sẽ, khoa học

**4. Góp phần phát triển các NL**

- NL tự học, làm việc nhóm, NL tính toán

\* Bài tập cần làm: Bài 1, bài 2b.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Bảng phụ

- HS: Vở BT, bút

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Quan sát, hỏi đáp, thảo luận nhóm.

- KT: động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | | **Hoạt động của học sinh** |
| - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ | | **1.Khởi động***:(5p)*  - GV dẫn vào bài mới |
| **2. HĐ thực hành***:(30p)*  **\* Mục tiêu:** Thực hiện được phép chia số có ba, bốn chữ số cho số có hai chữ số (chia hết, chia có dư). Vận dụng giải toán  **\* Cách tiến hành: Cá nhân – Nhóm – Lớp** | | |
| - HS làm cá nhân – Chia sẻ nhóm 2 - Chia sẻ lớp  Đáp án:  855: 45 = 19 ; 579: 36 = 16 (dư 3)  9009: 33 = 273; 9276: 39 = 237(dư 33)  - Làm cá nhân – Chia sẻ nhóm 2 – Chia sẻ lớp  Đáp án:  a) 4237 x 18 – 34578 8064 : 64 x 37  = 76266 – 34578 = 126 x 37  = 41688 = 4662  b) 46 857 + 3 444: 28 601759- 1 988: 14  = 46857 + 123 = 601759- 142  = 46980 = 601617  - HS nêu.  - HS làm vào vở Tự học – Chia sẻ lớp  Bài giải  Thực hiện phép chia: 5260 : 36 = 146 (dư 4)  Vậy lắp được nhiều nhất 146 chiếc xe đạp 2 bánh và dư 4 nan hoa  Đ/s: 146 xe đạp, dư 4 nan hoa  - Ghi nhớ cách thực hiện chia cho số có 2 c/s  \* Bài tập PTNL HS: (M3+M4)  1. Một thửa ruộng hình chữ nhật có chiều dài 144m, chiều rộng 18m. Trên thửa ruộng này người ta trồng khoai, cứ 36m2 thì thu hoạch được 95kg khoai. Hỏi cả thửa ruộng thu hoạch được bao nhiêu ki-lô-gam khoai? | ***Bài 1: Đặt tính rồi tính.***  - Gọi HS đọc và xác định yêu cầu bài tập.  - GV nhận xét, đánh giá bài làm trong vở của HS  -Củng cố ghi nhớ cách đặt tính và thực hiện phép tính.  \* Lưu ý giúp đỡ hs M1+M2    ***Bài 2b: HSNK có thể hoàn thành cả bài.***  - Gọi HS đọc và xác định yêu cầu bài tập.  *+ Nêu thứ tự thực hiện các phép tính khi tính giá trị BT?*  ***Bài 3 (bài tập chờ dành cho HS hoàn thành sớm)***  - Nhận xét, chốt đáp án.  **3. HĐ ứng dụng** (1p)  **4. HĐ sáng tạo** (1p) | |

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

:...................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TẬP LÀM VĂN**

**LUYỆN TẬP MIÊU TẢ ĐỒ VẬT**

**I.MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Nắm vững cấu tạo 3 phần (mở bài, thân bài, kết bài) của bài văn miêu tả; hiểu vai trò của quan sát trong việc miêu tả những chi tiết của bài văn, sự xen kẽ của lời tả với lời kể (BT1).

**2. Kĩ năng**

- Lập được dàn ý cho bài văn tả chiếc áo mặc đến lớp (BT2).

**3. Thái độ**

- HS tích cực, tự giác, có ý thức quan sát

**4. Góp phần phát triển NL:**

**-** NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL tự học, NL giao tiếp.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Tranh minh hoạ bài học

- HS: SBT, bút, ...

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Quan sát, hỏi đáp, thảo luận nhóm

- KT: đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, chia sẻ nhóm 2, động não.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của HS** | | **Hoạt động của GV** |
| - TBHT điều hành lớp trả lời, nhận xét  + Bài văn miêu tả đồ vật có ba phần là mở bài, thân bào và kết bài, .. .  + 2 HS đứng tại chỗ đọc. | | **1. Khởi động:(***5p)*  + Nêu cấu tạo bài văn miêu tả đồ vật?  + Đọc phần mở bài, bài kết cho đoạn thân bài tả cái trống.  - GV nhận xét, đánh giá chung, nêu mục tiêu, yêu cầu bài học |
| **2. Hình thành KT** *(15p)*  **\* Mục tiêu:** Nắm vững cấu tạo 3 phần (mở bài, thân bài, kết bài) của bài văn miêu tả; hiểu vai trò của quan sát trong việc miêu tả những chi tiết của bài văn, sự xen kẽ của lời tả với lời kể (BT1). Lập được dàn ý cho bài văn miêu tả chiếc áo mặc đến lớp  **\* Cách tiến hành: Cá nhân- Nhóm - Lớp** | | |
| - 1 HS đọc thành tiếng – Lớp theo dõi  - HS đọc phần Chú giải một số từ khó  - 1 HS đọc 4 câu hỏi cuối bài  - Thảo luận nhóm 4 – Chia sẻ lớp về câu trả lời  + Mở bài: *Trong làng tôi hầu như ai cũng biết* …đến *chiếc xe đạp của chú*. (giới thiệu về chiếc xe đạp của chú Tư – MB trực tiếp)  + Thân bài: *ở xóm vườn, có một chiếc xe đạp* …đến *Nó đá đó*. (Tả chiếc xe đạp và tình cảm của chú Tư đối với chiếc xe).  + Kết bài: *Đám con nít cười rộ, còn chú thì hãnh diện với chiếc xe của mình.* (Nói lên niềm vui của đám con nít với chú Tư bên chiếc xe – kết bài tư nhiên- không mở rộng)  - Tả bao quát chiếc xe.  + Xe đẹp nhất, không có chiếc xe nào sánh bằng.  - Tả những bộ phận có đặc điểm nổi bật.  + Xe màu vàng hai cái vành láng coóng, khi ngừng đạp xe ro ro thật êm tai.  + Giữa tay cầm có gắn hai con bướm bằng thiếc với cánh vàng lấm tấm đỏ, có khi là một cành hoa.  - Nói về tình cảm của chú Tư với chiếc xe  + Bao giờ dùng xe, chú cũng rút giẻ dưới yên, lau, phủi sạch sẽ.  + Chú âu yếm gọi chiếc xe là con ngựa sắt, dặn bọn trẻ đừng đụng vào con ngựa sắt.  - Tác giả quan sát chiếc xe đạp bằng:  • Mắt nhìn: Xe màu vàng, hai cái vành láng bóng. Giữa tay cầm là hai con bướm bằng thiếc với hai cánh vàng lấm tấm đỏ, có khi chú cắm cả một cành hoa.  • Tai nghe: Khi ngừng đạp, xe ro ro thật êm tai  + Những lời kể chuyện xen lẫn lời miêu tả trong bài văn: Chú gắn hai con bướm bằng thiếc với hai cánh vàng lấm tấm đỏ, có khi chú cắm cả một cành hoa. Bao giờ dừng xe, chú cũng rút cái dẻ dưới yên, lau, phủi sạch sẽ. Chú âu yếm gọi chiếc xe của mình là con ngựa sắt. Chú dặn bạn nhỏ: “Coi thì coi, đừng đụng vào con ngựa của tao nghe bây”. Chú thì hãnh diện với chiếc xe của mình.  + Những lời kể xen lẫn lời miêu tả nói lên tình cảm của chú Tư với chiếc xe đạp: Chú yêu quí chiếc xe, rất hãnh diện vì nó.  - Lắng nghe  - HS đọc yêu cầu – Gạch chân từ ngữ quan trọng  - HS làm cá nhân – Chia sẻ lớp  **a) Mở bài: *Giới thiệu chiếc áo em mặc đến lớp hôm nay***: là một chiếc áo sơ mi đã cũ hay mới, mặc đã bao lâu?  **b) Thân bài:-  *Tả bao quát chiếc áo (dáng, kiểu, rộng, hẹp, vải, màu …)***  + Áo màu gì?  + Chất vải gì? Chất vải ấy thế nào?  + Dáng áo trông thế nào (rộng, hẹp, bó …)?  - Tả từng bộ phận (thân áo, tay áo, nẹp, khuy áo …)  + Thân áo liền tay xẻ tà?  + Cổ mềm hay cứng, hình gì?  + Túi áo có nắp hay không? hình gì?  + Hàng khuy màu gì? Đơm bằng gì?  **c) Kết bài:-  *Tình cảm của em với chiếc áo:***  Em thể hiện tình cảm thế nào với chiếc áo của mình?  + Em có cảm giác gì mỗi lần mặc áo?  - Hoàn thành dàn ý cho bài văn tả chiếc áo  - Lập dàn ý chi tiết hơn. | ***Bài 1****:* Đọc bài văn sau và trả lời câu hỏi.  - GV giới thiệu tranh vẽ, giới thiệu chung nội dung bài  *a. Tìm phần mở bài, thân bài, kết bài trong bài văn Chiếc xe đạp của chú Tư.*  *b. Ở phần thân bài, chiếc xe đạp được miêu tả theo trình tự nào?*  *c. Tác giả quan sát chiếc xe đạp bằng giác quan nào?*  *d. Những lời kể chuyện xen lẫn lời miêu tả trong bài văn.. .Lời kể nói lên điều gì về tình cảm của chú Tư với chiếc xe đạp?*  ***GV: Khi miêu tả, ngoài việc quan sát tỉ mỉ đồ vật, cần phải bộc lộ được tình cảm của mình với đồ vật đó. Khi tả có thể xen lẫn giọng kể để tình cảm được bộc lộ một cách tự nhiên, chân thành nhất.***  ***Bài 2****: Lập dàn ý cho bài văn tả chiếc áo em mặc đến lớp hôm nay.*  - Gợi ý:  + Lập dàn ý tả chiếc áo mà em đang mặc hôm nay chứ không phải cái mà em thích.  + Dựa vào các bài văn: *Chiếc cối tân, chiếc xe đạp của chú Tư* …để lập dàn ý .  - GV giúp đỡ những HS gặp khó khăn.  - Gọi HS làm bài của mình. GV ghi nhanh các ý chính lên bảng để có một dàn ý hoàn chỉnh dưới hình thức câu hỏi để HS tự lựa chọn câu trả lời cho đúng với chiếc áo đang mặc.  - Gọi HS đọc dàn ý  \* Lưu ý giúp đỡ hs M1+M2 lập được dàn ý cho bài văn    **4. HĐ ứng dụng** *(1p)*  **5. HĐ sáng tạo** *(1p)* | |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**KHOA HỌC**

**LÀM THẾ NÀO ĐỂ BIẾT CÓ KHÔNG KHÍ? (theo PP BTNB)**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Biết được không khí có ở xung quanh mọi vật và mọi chỗ rỗng bên trong vật

**2. Kĩ năng**

- Làm thí nghiệm để nhận biết xung quanh mọi vật và chỗ rỗng bên trong vật đều có không khí.

**3. Thái độ**

- Yêu thích khoa khoa học, ham tìm tòi, khám phá

**4. Góp phần phát triển các năng lực:**

- NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL hợp tác.

***\*BVMT:*** *Một số đặc điểm chính của môi trường và tài nguyên thiên nhiên*

**II. CHUẨN BỊ :**

**1. Đồ dùng**

- GV: Các hình minh hoạ trong SGK (Phóng to nếu có điều kiện).

- HS: Mổi nhóm: 1 cốc thủy tinh rỗng, một cái thìa, bong bóng có nhiều hình dạng khác nhau chai nhựa rỗng với các hình dạng khác nhau ly rỗng với các hình dạng khác nhau, bao ni long với các hình dạng khác nhau, bơm tiêm bơm xe đạp, quả bóng.

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Quan sát, hỏi đáp, thảo luận nhóm, trò chơi, thí nghiệm

- KT: động não, tia chớp, đặt câu hỏi, chia sẻ nhóm 2

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| - TBHT điều hành HS trả lời và nhận xét  *+ Để có nước sạch chúng ta phải tốn nhiều công sức, tiền của mới có được, ...*  *+ Không nên sử dụng nước sạch một cách bừa bãi,* . | **1. Khởi động** (5p)  *+ Vì sao chúng ta phải tiết kiệm nước?*  *+ Chúng ta nên làm gì và không nên làm gì để tiết kiệm nước?*  - GV nhận xét, khen/ động viên, dẫn vào bài mới. |
| **2. Bài mới: *(****30p)*  **\* Mục tiêu:** Làm thí nghiệm để nhận biết xung quanh mọi vật và chỗ rỗng bên trong vật đều có không khí.  **\* Cách tiến hành: Cá nhân-Nhóm- Lớp** | |
| - HS làm việc cá nhân: ghi lại những hiểu biết ban đầu của mình vào vở thí nghiệm về không khí và trình bày ý kiến.  - HS làm việc theo nhóm 4: tổng hợp các ý kiến cá nhân để đặt câu hỏi theo nhóm:  *+ Tại sao túi ni lông căng phồng?*  *+ Cái gì làm cho túi ni lông căng phồng?*  *+ Trong túi ni lông có cái gì?*  …  - HS tiến hành thí nghiệm: nhóm thảo luận cách thức để thực hiện bài thí nghiệm, ghi chép quá trình thí nghiệm và viết nhận xét: Dùng kim đâm thủng túi ni lông căng phồng, đật tay vào lỗ thủng học sinh cảm nhận có một luồn không khí mát bay ra từ lỗ thủng.  Description: Khong khi1-2  - Các nhóm trình bày kết quả thảo luận  - Học sinh so sánh tìm hiểu kiến thức  - HS theo dõi nhắc lại kiến thức mới.  - HS làm việc cá nhân: ghi lại những hiểu biết ban đầu của mình vào vở thí nghiệm về vấn đề có gì trong cái chai, viên gạch, miếng bọt biển ….  - HS thảo luận theo nhóm 4 lấy ý kiến cá nhân nêu thắc mắc của nhóm.  - Hs theo dõi  - HS làm thí nghiệm  + Thí nghiệm 1: Đặt chai rỗng vào trong chậu nước, quan sát thấy có bọt khí nổi lên chứng tỏ phần rỗng trong chai có không khí.  h.3  + Thí nghiệm 2: Đặt miếng bọt biển vào trong chậu nước dùng tay nén miếng bọt biển, quan sát thấy có bọt khí nổi lên chứng tỏ những chỗ rỗng bên trong miếng bọt biển có không khí.  h.4  + Thí nghiệm 3: Đặt viên gạch xây vào trong chậu nước, quan sát tháy có bọt khí nổi lên , chứng tổ những chỗ rỗng trong viên gạch có chứa không khí.    - Các nhóm trình bày kết quả thảo luận  - Học sinh so sánh tìm hiểu kiến thức  - HS theo dõi nhắc lại kiến thức mới.  *+ Lớp không khí bao quanh Trái Đất được gọi là khí quyển.*  + HS nêu ví dụ  - HS quan sát vật thật và suy nghĩ trả lời câu hỏi của GV  - HS nêu hiện tượng và giải thích | **Hoạt động 1: *Chứng minh không khí có ở quanh mọi vật .***  **\*Bước 1: Đưa ra tình huống xuất phát và nêu vấn đề:**  **- Không khí rất cần cho sự sống. Vậy không khí có ở đâu? Làm thế nào để biết có không khí?**  **\*Bước 2: Làm bộc lộ biếu tượng ban đầu của HS**  **\*Bước 3: Đề xuất các câu hỏi và phương án tìm tòi.**  **- Gv cho học sinh quan sát bao ni lông căng phồng và định hướng cho học sinh nêu thắc mắc, đặt câu hỏi**  **Description: bich khong khi**  **- GV chốt các câu hỏi của các nhóm (nhóm các câu hỏi phù hợp với nội dung bài học)**  **Câu hỏi: *Trong bao ni lông căng phồng có gì?***  **\*Bước 4: Thực hiện phương án tìm tòi**  **- Gv tổ chức cho học sinh thảo luận, đề xuất và tiến hành thí nghiệm nghiên cứu theo nhóm 4 để tìm câu trả lời**  **\*Bước 5: Kết luận kiến thức**  **- Gv tổ chức cho các nhóm báo cáo kết quả.**  **- Gv hướng dẫn học sinh so sánh lại với các ý kiến ban đầu của học sinh ở bước 2 để khắc sâu kiến thức.**  **- Gv tổng kết và ghi bảng: *Xung quanh mọi vật đều có không khí.***  **Hoạt động 2: *Chứng minh không khí có trong những chỗ rỗng của mọi vật* .**  **\*Bước 1: Đưa ra tình huống xuất phát và nêu vấn đề:**  **- Xung quanh mọi vật đều có không khí. Vậy quan sát cái chai, hay hòn gạch, miếng bọt biển xem có gì?**    **Description: gach xayDescription: chai nuoc\*Bước 2: Làm bộc lộ biếu tượng ban đầu của HS**    **\*Bước 3: Đề xuất các câu hỏi và phương án tìm tòi.**  **- Gv cho HS quan sát cái chai, viên gạch, miếng bọt biển… và định hướng cho học sinh nêu thắc mắc, đặt câu hỏi.**  **- GV chốt các câu hỏi của các nhóm (nhóm các câu hỏi phù hợp với nội dung bài học)**  ***Câu 1:* *Trong chai rỗng có gì?***  ***Câu 2: Những chỗ rỗng bên trong hòn gạch có gì?***  ***Câu 3: Những chỗ rỗng bên trong miếng bọt biển có gì?***  **\* Bước 4: Thực hiện phương án tìm tòi**  **- Gv tổ chức cho học sinh thảo luận, đề xuất và tiến hành thí nghiệm nghiên cứu theo nhóm 4 để tìm câu trả lời cho câu hỏi ở bước 3 (3 thí nghiệm)**  **\*Bước 5: Kết luận kiến thức mới**  **- Gv tổ chức cho các nhóm báo cáo kết quả.**  **- Gv hướng dẫn học sinh so sánh lại với các ý kiến ban đầu của học sinh ở bước 2 để khắc sâu kiến thức.**  **- Gv tổng kết và ghi bảng: *Những chỗ rỗng bên trong vật đều có không khí***  **Hoạt động 3: Hệ thống hóa kiến thức về sự tồn tại của không khí**  **- Gv lần lượt nêu các câu hỏi cho HS thảo luận:**  ***+ Lớp không khí bao quanh Trái Đất được gọi là gì?***  ***+ Tìm ví dụ chứng tỏ không khí có ở xung quanh ta và không khí có trong từng chỗ rỗng của mọi vật***  **- Nhận xét, kết luận, giáo dục bảo vệ môi trường, bảo vệ bầu không khí.**  **3. Hoạt động ứng dụng *(1p)***  **- Cho HS quan sát các quả bóng, cái bơm tiêm, cái bơm xe đạp và cho các em trả lời các câu hỏi**  **Description: ong bom xeDescription: bong bongDescription: bom tiem**  ***+ Trong các quả bóng có gì?***  ***+ Trong cái bơm tiêm, bơm xe có gì? Điều đó chứng tỏ không khí có ở đâu?***  **4. Hoạt động sáng tạo *(1p)***  **+ Khi bơm mực em thấy có hiện tượng gì xảy ra? Điều đó chứng tỏ điều gì?** |

**ĐIỀU CHỈNH-BỔ SUNG**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

*Thứ ....... ngày ...... tháng ..... năm .........*

**LUYỆN TỪ VÀ CÂU**

**GIỮ PHÉP LỊCH SỰ KHI ĐẶT CÂU HỎI**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Nắm được phép lịch sự khi hỏi chuyện người khác: biết thưa gửi, xưng hô phù hợp với quan hệ giữa mình và người được hỏi; tránh những câu hỏi tò mò hoặc làm phiền lòng người khác (ND Ghi nhớ).

**2. Kĩ năng**

- Nhận biết được quan hệ giữa các nhân vật, tính cách của nhân vật qua lời đối đáp (BT1, BT2 mục III).

**3. Thái độ**

- Thể hiện thái độ lịch sự trong giao tiếp

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL tự học, NL ngôn ngữ, NL sáng tạo, NL giao tiếp.

***\* KNS:*** *- Thể hiện thái độ lịch sự trong giao tiếp*

*- Lắng nghe tích cực*

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Bảng lớp viết sẵn bài tập 1 phần nhận xét.

- HS: Vở BT, bút, ..

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm,

- KT: động não, đặt câu hỏi, chia sẻ nhóm 2, trình bày 1 phút

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | | **Hoạt động của HS** | |
| **- HS nối tiếp đặt câu** | | **1. Khởi động *(5p)***  - Bạn hãy đặt câu có từ ngữ miêu tả tình cảm, thái độ của con người khi tham gia trò chơi?  - Dẫn vào bài mới | |
| **2. Hình thành KT** *(15p)*  **\* Mục tiêu:** Nắm được phép lịch sự khi hỏi chuyện người khác: biết thưa gửi, xưng hô phù hợp với quan hệ giữa mình và người được hỏi; tránh những câu hỏi tò mò hoặc làm phiền lòng người khác (ND Ghi nhớ).  **\* Cách tiến hành:** | | | |
| **Cá nhân- Nhóm 2- Lớp**  - HS đọc và xác định yêu cầu BT    - HS ngồi cùng bàn, trao đổi, dùng bút chì gạch chân những từ ngữ thể hiện thái độ lễ phép của người con.  *+ Mẹ ơi, con tuổi gì?*  *+ Lời gọi: Mẹ ơi*  - Lắng nghe  - Tiếp nối nhau đặt câu. VD:  ***a) Với cô giáo hoặc thầy giáo em:***  + Thưa cô, cô có thích mặc áo dài không ạ?  + Thưa cô, cô có thích ca sĩ Mỹ Linh không ạ?  + Thưa thầy, những lúc nhàn rỗi, thầy thích xem phim, đọc báo hay nghe ca nhạc ạ?  ***b)Với bạn em:***  + Bạn có thích mặc quần áo đồng phục không?  + Bạn có thích thả diều không?  + Bạn thích xem phim hơn hay ca nhạc hơn?  - HS đọc và xác định yêu cầu BT  *+ Để giữ lịch sự, cần tránh những câu hỏi làm phiền lòng người khác, gây cho người khác sự buồn chán.*  VD:  + Cậu không có áo sao mà toàn mặc áo cũ không vậy?  + Thưa bác, sao bác hay sang nhà cháu mượn nồi thế ạ?  - Lắng nghe  *+ Để giữ phép lịch sự khi hỏi chuyện người khác cần: Thưa gửi: xưng hô cho phù hợp với quan hệ của mình và người được hỏi. Tránh những câu hỏi làm phiền lòng người khác .*  - 1 HS đọc thành tiếng. Cả lớp đọc thầm | **a.  *Phần Nhận xét:***  ***Bài******1****: Tìm câu hỏi trong khổ thơ dưới đây.. .*  - Yêu cầu HS trao đổi và tìm từ ngữ theo YC.  *+ Câu hỏi?*  *+ Từ thể hiện thái độ lễ phép?*  ***\*KL: Khi muốn hỏi chuyện người khác, chúng ta cần giữ phép lịch sự như cần thưa gửi, xưng hô cho phù hợp: ơi, ạ, dạ, thưa …***  ***Bài 2****: Em muốn biết sở thích của. . .*  - Gọi HS đặt câu. Sau mỗi HS đặt câu - GV chú ý sửa lỗi dùng từ, cách diễn đạt cho HS (nếu có)  *\** Lưu ý giúp đỡ hs M1+M2 đặt câu cho hoàn chỉnh.  - YC HS M3+M4 đặt câu có sử dụng biện pháp so sánh, nhân hóa.  ***Bài 3***  *+ Theo em, để giữ lịch sự, cần tránh những câu hỏi có nội dung như thế nào?*  *+ Lấy ví dụ về những câu mà chúng ta không nên hỏi?*  ***\* GV: Để giữ phép lịch sự, khi hỏi chúng ta cần tránh những câu hỏi làm phiền lòng người khác, những câu hỏi chạm vào lòng tự ái hay nỗi đau của người khác.***  *+ Để giữ phép lịch sự khi hỏi chuyện người khác thì cần chú ý những gì?*  ***b.* Ghi nhớ:** | | |
| **3. Hoạt động thực hành (***18p)*  **\* Mục tiêu:** Nhận biết được quan hệ giữa các nhân vật, tính cách của nhân vật qua lời đối đáp (BT1, BT2 mục III).  **\* Cách tiến hành:** | | | |
| - Làm việc nhóm 2 – Chia sẻ lớp  Đ/a:  a)+ Quan hệ giữa hai nhân vật là quan hệ thầy – trò.  + Thầy Rơ – nê hỏi Lu – i rất ân cần, trìu mến, chứng tỏ thầy rất yêu học trò.  + Lu i- Pa – xtơ trả lời thầy rất lễ phép cho thấy cậu là một đứa trẻ ngoan, biết kính trọng thầy giáo.  b) Quan hệ giữa hai nhân vật là quan hệ thù địch: Tên sĩ quan phát xít cướp nước và cậu bé yêu nước.  + Tên sĩ quan phát xít hỏi rất hách dịch, xấc ngược, hắn gọi cậu bé là *thằng nhóc, mày*  + Cậu bé trẻ lời trống không vì cậu yêu nước, cậu căm ghét, khinh bỉ tên xâm lược.  + Qua cách hỏi – đáp ta biết được tính cách, mối quan hệ của nhân vật.  - Lắng nghe  - HS đọc yêu cầu bài tập.  - HĐ cá nhân dùng bút chì gạch chân vào câu hỏi trong VBT – Chia sẻ trước lớp:  - Các câu hỏi.  *+ Chuyện gì xảy ra với ông cụ thế nhỉ?*  *+ Chắc là cụ bị ốm?*  *+ Hay cụ đánh mất cái gì?*  *+ Thưa cụ, chúng cháu có thể giúp gì cụ không ạ*  - Câu hỏi các bạn hỏi cụ già là câu hỏi phù hợp, thể hiện thái độ tế nhị, thông cảm, sẵn lòng giúp đỡ cụ già của các bạn.  - Những câu hỏi mà các bạn tự hỏi nhau mà hỏi cụ già thì chưa thật tế nhị, hơi tò mò.  *+ Nếu chuyển những câu hỏi này thành câu hỏi cụ già thì chưa hợp lí với người lớn lắm, chưa tế nhị.*  + Chuyển thành câu hỏi.  - Lắng nghe  - Ghi nhớ cách giữ phép lịch sự khi đặt câu hỏi  - Phân vai thể hiện lại tình huống trong bài tập 3 | | | **Bài 1:** Cách hỏi và đáp trong mỗi đoạn đối thoại dưới đây thể hiện quan hệ.. .  - Nhận xét, kết luận lời giải đúng.  *+ Qua cách hỏi – đáp ta biết được điều gì về nhân vật?*  ***- KL: Do vậy, khi nói các em luôn luôn ý thức giữ phép lịch sự với đối tượng mà mình đang nói. Làm như vậy chúng ta không chỉ thể hiện tôn trọng người khác mà còn tôn trọng chính bản thân mình.***  **Bài 2:** So sánh các câu hỏi trong đoạn văn sau..  - Gọi 1 HS đọc thành tiếng yêu cầu đề bài. Cả lớp đọc thầm    - Trong đoạn trích trên có 3 câu hỏi các bạn tự hỏi nhau, 1 câu hỏi các bạn hỏi cụ già. Các em cần so sánh để thấy câu các bạn nhỏ hỏi cụ già có thích hợp hơn câu hỏi mà các bạn tự hỏi nhau không? Vì sao?  *+ Nếu chuyển những câu hỏi mà các bạn tự hỏi nhau để hỏi cụ già thì hỏi thế nào?*  *Hỏi như vậy đã được chưa?*  ***- KL: Khi hỏi không phải cứ thưa, gửi là lịch sự mà các em còn phải tránh những câu hỏi thiếu tế nhị, tò mò, làm phiền lòng người khác.***  **4. HĐ ứng dụng** *(1p)*  **5. HĐ sáng tạo** *(1p)* |

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TOÁN**

***Tiết 75:* CHIA CHO SỐ CÓ HAI CHỮ SỐ *(tiếp theo)***

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- Biết cách chia số có 5 chữ số cho số có hai chữ số.

**2. Kĩ năng**

- Thực hiện được phép chia số có năm chữ số cho số có hai chữ số (chia hết, chia có dư).

- Biết vận dụng tính chất để giải các bài toán liên quan

**3. Thái độ**

- Tính chính xác, cẩn thận, trình bày bài sạch sẽ.

**4. Góp phần phát triển các NL**

- NL tự học, làm việc nhóm, NL tính toán

\* Bài tập cần làm: Bài 1.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Bảng phụ

- HS: Vở BT, bút

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Quan sát, hỏi đáp, thảo luận nhóm.

- KT: động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của HS** | **Hoạt động của GV** |
| **1.Khởi động***:(5p)* | - TBVN điểu hành lớp hát, vận động tại chỗ |
| **2. Hình thành kiến thức***:(15p)*  **\* Mục tiêu:** Biết cách chia số có 5 chữ số cho số có 2 chữ số  **\* Cách tiến hành:** | |
| - HS đọc phép chia  - HS làm cá nhân – Chia sẻ lớp  10105 43  150 235  215  00  *+ Là phép chia hết.*  - HS làm cá nhân – Chia sẻ nhóm 2 – Chia sẻ lớp    26345 35  184 752  095  25  *+ Là phép chia có số dư bằng 25.*  *+ Số dư luôn nhỏ hơn số chia.* | a. Phép chia 10 105: 43  - GV ghi lên bảng phép chia, yêu cầu HS đặt tính và tính.  - GV theo dõi, giúp đỡ hs M1+M2, lưu ý hướng dẫn cách ước lượng thương và cách nhẩm số dư    Vậy 10105: 43 = 235  *+ Phép chia 10105: 43 = 235 là phép chia hết hay phép chia có dư?*  b. Phép chia 26 345: 35  - GV viết lên bảng phép chia, yêu cầu HS thực hiện đặt tính và tính.  - GV theo dõi HS làm bài.    Vậy 26345: 35 = 752 (dư 25)  ***+*** *Phép chia 26345: 35 là phép chia hết hay phép chia có dư?*  *+ Trong các phép chia có dư chúng ta cần chú ý điều gì* |
| **3. HĐ thực hành (18p)**  **\* Mục tiêu:** Thực hiện chia được số có 5 chữ số cho số có 2 chữ số. Vận dụng giải các bài tập  **\* Cách tiến hành:** | |
| - Cá nhân – Chia sẻ nhóm 2 – Chia sẻ lớp  Đ/a:  23576 56 31628 48  117 421 282 658  56 428  0 44    18510 15 42546 37  35 1234 55 1149  51 184  60 366  0 33  - HS làm vào vở Tự học – Chia sẻ lớp  Bài giải  1 giờ 15 phút = 75 phút  38km 400m = 38 400 m  TB mối phút người đó đi được số mét là:  38 400 : 75 = 512 (m)  Đ/s: 512 m  - Ghi nhớ cách chia và cách ước lượng thương  BT PTNL: Một đội 18 xe ô tô như nhau chở được 360 tấn hàng. Hỏi một đội khác gồm 12 xe ô tô như thế chở được bao nhiêu tấn hàng? | ***Bài 1: Đặt tính rồi tính.***  - Gọi HS đọc và xác định yêu cầu bài tập.  - Giúp đỡ HS M1, M2  - GV nhận xét, chốt đáp án.  - GV nhắc nhở hs ghi nhớ cách tính.  **Bài 2 (*bài tập chờ dành cho HS hoàn thành sớm)***  **4. HĐ ứng dụng** (1p)  **5. HĐ sáng tạo** (1p) |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

**TẬP LÀM VĂN**

**QUAN SÁT ĐỒ VẬT**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Biết quan sát đồ vật theo một trình tự hợp lí, bằng nhiều cách khác nhau; phát hiện được đặc điểm phân biệt đồ vật này với đồ vật khác (ND Ghi nhớ).

**2. Kĩ năng**

- Dựa theo kết quả quan sát, biết lập dàn ý để tả một đồ chơi quen thuộc (mục III).

**3. Thái độ**

- Tích cực, tự giác làm bài.

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL tự học, Sử dụng ngôn ngữ, NL sáng tạo

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: bảng phụ

- HS: một số đồ chơi

**2. Phương pháp, kĩ thuât**

- PP: Hỏi đáp, thảo luận nhóm, quan sát, thực hành.

- KT: đặt câu hỏi, động não, chia sẻ nhóm 2

**II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của HS** | **Hoạt động của GV** |
| - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ | **1. Khởi động *(5p)***  - Kiểm tra việc chuẩn bị đồ chơi của HS.  - GV dẫn vào bài mới |
| **2. Hình thành kiến thức***:(15p)*  **\*Mục tiêu:** Biết quan sát đồ vật theo một trình tự hợp lí, bằng nhiều cách khác nhau; phát hiện được đặc điểm phân biệt đồ vật này với đồ vật khác  **\* Cách tiến hành:** | |
| **Nhóm 2- Chia sẻ lớp**  - HS đọc yêu cầu bài tập.  + *Em có chú gấu bông rất đáng yêu.*  *+ Đồ chơi của em là chiếc ô tô chạy bằng pin.*  *+ Đồ chơi của em là chú thỏ dang cầm củ cà rốt rất ngộ nghĩnh.*  *+ Đồ chơi của em là một con búp bê bằng nhựa.*  - HS làm cá nhân – Chia sẻ lớp  Ví dụ: *Chiếc ô tô của em rất đẹp.*  *- Nó được làm bằng nhựa xanh, đỏ, vàng. Hai cái bánh bằng cao su.*  *- Nó rất nhẹ, em có thể mang theo mình.*  *- Khi em bật nút ở dưới bụng, nó chạy rất nhanh, vừa chạy vừa hát những bản nhạc rất vui. Hai cái gạt nước gạt đi gạt lại như thật vậy.*  *- Chiếc ô tô của em chạy bằng dây cót chứ không tốn tiền pin như cái khác. Bố em lại còn dán một lá cờ đỏ sao vàng lên nóc.*  - Khi quan sát đồ vật cần chú ý đến:  *+ Phải quan sát theo một trình tự hợp lí từ bao quát đến bộ phận*  *+ Quan sát bằng nhiều giác quan: mắt, tai, tay…*  *+ Tìm ra những đặc điểm riêng để phân biệt nó với các đồ vật cùng loại.*  - Lắng nghe.  - 2 HS đọc nội dung ghi nhớ | a. Nhận xét  *Bài 1: Quan sát một số đồ chơi. . .*  - Gọi HS đọc yêu cầu bài tập – Đọc gợi ý trong SGK  - Gọi HS giới thiệu đồ chơi của mình.  - Yêu cầu HS tự làm bài.  \* Lưu ý giúp đỡ ha M1+M2  *Bài 2*  *+ Theo em, khi quan sát đồ vật, cần chú ý những gì?*  *- KL: Khi quan sát đồ vật các em cần chú ý quan sát từ bao quát đến bộ phận. Chẳng hạn khi quan sát con gấu bông hay búp bê thì cái mình nhìn thấy đầu tiên là hình dáng, màu sắc rồi đến đầu, mắt, mũi, chân, tay…Khi quan sát các em phải sử dụng nhiều giác quan để tìm ra nhiều đặc điểm độc đáo, riêng biệt mà chỉ đồ vật này mới có. Các em cần tập trung miêu tả những đặc điểm độc đáo, khác biệt đó, không cần quá chi tiết, tỉ mỉ, lan man.*  ***b. Ghi nhớ.*** |
| 3**. HĐ thực hành *(18p)***  **\* Mục tiêu:** Dựa theo kết quả quan sát, biết lập dàn ý để tả một đồ chơi quen thuộc.  **\* Cách tiến hành:** | |
| - Cá nhân – Nhóm 2- Lớp  - VD:  + **Mở bài:** *Giới thiệu gấu bông: đồ chơi em thích nhất.*  + **Thân bài**:  - *Hình dáng*: gấu bông to, là gấu ngồi, dáng người tròn, hai tay chắp thu lu trước bụng.  - *Bộ lông*: màu nâu sáng pha mấy mảng hồng nhạt ở tai, mõm, gan bàn chân làm nó có vẻ khác những con gấu khác.  - *Hai mắt*: đen láy, trông như mắt thật, rất nghịch và thông minh.  - *Mũi*: màu nâu, nhỏ, trông như một chiếc cúc áo ngắn trên mõm.  - *Trên cổ*: thắt một chiếc nơ đỏ chói làm nó thật bảnh.  - *Trên đôi tay chắp lại trước bụng gấu*: có một bông hoa màu trắng làm nó càng đáng yêu.  **+ Kết luận**: Em rất yêu gấu bông. Ô m chú gấu bông như một cục bông lớn, em thấy rất dễ chịu.  - Hoàn thiện dàn ý chi tiết cho bài văn miêu tả đồ chơi  - Chỉ ra những khác biệt trong đồ chơi của mình với các đồ chơi khác. | *Dựa vào kết quả quan sát của em, hãy lập dàn ý cho bài văn tả đồ chơi mà em đã chọn*.  - Khen ngợi những HS lập dàn ý chi tiết đúng.  \* Lưu ý: GV đi giúp đỡ những HS M1+M2  **4. HĐ ứng dụng** *(1p)*  **5. HĐ sáng tạo** *(1p)* |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................­

**ĐỊA LÍ**

**HoẠt đỘng sẢn xuẤt cỦa ngưỜi dân**

**Ở đỒng bẰng BẮc BỘ (*tIẾp theo)***

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Biết đồng bằng Bắc Bộ có hàng trăm nghề thủ công truyền thống: dệt lụa, sản xuất đồ gốm, chiếu cói, chạm bạc, đồ gỗ,…

**2. Kĩ năng**

- Dựa vào ảnh mô tả về cảnh chợ phiên, qui trình sản xuất đồ gốm.

**3. Thái độ**

- HS có ý thức giữ gìn truyền thống, bản sắc dân tộc.

**4. Góp phần phát triển các năng lực:**

- NL tự chủ, NL giải quyết vấn đề, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Tranh, ảnh về nghề thủ công, chợ phiên ở đồng bằng Bắc Bộ

- HS: SGK, tranh, ảnh

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm, thuyết trình

- KT: đặt câu hỏi, trình bày một phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm 2

I**II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của HS** | **Hoạt động của GV** |
| - TBHT điêu hành lớp trả lời, nhận xét  *+ Làm đất, gieo mạ, nhổ mạ, cấy lúa, gặt lúa, phơi thóc .*  *+ Thuận lợi cho việc trông cây rau màu xứ lạnh,* | **1.Khởi động:***(5p)*  *+ Hãy nêu thứ tự các công việc trong quá trình sản xuất lúa gạo của người dân ở đồng bằng Bắc Bộ.*  *+ Mùa đông ở đồng bằng Bắc Bộ có thuận lợi và khó khăn gì cho việc trồng rau xứ lạnh?*  - GV giới thiệu bài mới |
| **2. Bài mới:***(30p)*  **\* Mục tiêu:** Biết đồng bằng Bắc Bộ có hàng trăm nghề thủ công truyền thống: dệt lụa, sản xuất đồ gốm, chiếu cói, chạm bạc, đồ gỗ; mô tả về cảnh chợ phiên; nắm được quy trình sản xuất gốm.  **\* Cách tiến hành: Cá nhân- Nhóm-Lớp** | |
| **Nhóm 4 - Lớp**  *+ Là nghề tạo ra sản phẩm từ sự khéo léo của đôi bàn tay.*  - Chia sẻ, bổ sung.  *+ Đồng bằng Bắc Bộ có tới hàng trăm nghề thủ công khác nhau, nhiều nghề đạt tới trình độ tinh xảo, tạo nên những sản phẩm nổi tiếng như lụa Vạn Phúc, gốm sứ Bát Tràng, . . . .*  *+ Những nơi nghề thủ công phát triển mạnh tạo nên các làng nghề, làng Bát Trang, làng Vạn Phúc, làng Đông Kị, ..*  *+ Người làm nghề thủ công giỏi gọi là nghệ nhân.*  - Lắng nghe  *+ Nhào luyện đất, tạo dáng cho gốm, phơi gốm, vẽ hoa văn, tráng men, đưa vào lò nung, lấy sản phẩm từ lò nung ra.*  - HS khác nhận xét, bổ sung.  - Vài HS kể  **Nhóm 2 – Lớp.**  - HS chia sẻ kết quả trước lớp.  *+ Mua bán tấp nập, ngày họp chợ không trùng nhau, hàng hóa bán ở chợ phần lớn sản xuất tại địa phương.*  *+ Chợ nhiều người; Trong chợ có những hàng hóa ở địa phương và từ những nơi khác đến.*  - Lắng nghe  - 3 HS đọc.  - HS đọc nội dung ghi nhớ  - Nêu lại các HĐSX của người dân đồng bằng Bắc Bộ  - Giới thiệu quy trình làm một sản phẩm gỗ ở làng nghề của em | **Hoạt động 1: Nơi có hàng trăm nghề thủ công:**  *+ Nghề thủ công là nghề như thế nào?*  - GV cho HS các nhóm dựa vào tranh, ảnh SGK và vốn hiểu biết của bản thân, thảo luận theo gợi ý sau:  *+ Em biết gì về nghề thủ công truyền thống của người dân ĐB Bắc Bộ? (Nhiều hay ít nghề, trình độ tay nghề, các mặt hàng nổi tiếng, vai trò của nghề thủ công …)*  *+ Khi nào một làng trở thành làng nghề? Kể tên các làng nghề thủ công nổi tiếng mà em biết?*  *+ Thế nào là nghệ nhân của nghề thủ công?*  - GV nhận xét và nói thêm về một số làng nghề và sản phẩm thủ công nổi tiếng của ĐB Bắc Bộ.  ***- GV: Để tạo nên một sản phẩm thủ công có giá trị, những người thợ thủ công phải lao động rất chuyên cần và trải qua nhiều công đoạn sản xuất khác nhau theo một trình tự nhất định.***  - GV cho HS quan sát các hình về sản xuất gốm ở Bát Tràng và trả lời câu hỏi:  *+ Quan sát các hình trong SGK em hãy nêu thứ tự các công đoạn tạo ra sản phẩm gốm?*  - GV nhận xét, kết luận: Nói thêm một công đoạn quan trọng trong quá trình sản xuất gốm là tráng men cho sản phẩm gốm. Tất cả các sản phẩm gốm có độ bóng đẹp phụ thuộc vào việc tráng men.  - GV yêu cầu HS kể về các công việc của một nghề thủ công điển hình của địa phương nơi em đang sống.  **Hoạt động 2: Chợ phiên:**  - GV cho HS dựa vào SGK, tranh, ảnh để thảo luận các câu hỏi:  *+ Chợ phiên ở ĐB Bắc Bộ có đặc điểm gì? (hoạt động mua bán, ngày họp chợ, hàng hóa bán ở chợ).*  *+ Mô tả về chợ theo tranh, ảnh: Chợ nhiều người hay ít người? Trong chợ có những loại hàng hóa nào?*  ***GV: Ngoài các sản phẩm sản xuất ở địa phương, trong chợ còn có nhiều mặt hàng được mang từ các nơi khác đến để phục vụ cho đời sống, sản xuất của người dân***  - Chốt lại bài học  **3. Hoạt động ứng dụng *(1p)***  **4. Hoạt động sáng tạo** *(1p* |

**ĐIỀU CHỈNH-BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**SHTT - KNS**

**ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC TUẦN 15**

**KỂ CHUYỆN CHƯA BAO GIỜ LÀ KHÓ**

**I. MỤC TIÊU:**

- Nắm đ­­ược ưu - khuyết điểm trong tuần 15

- Phát huy ­­ưu điểm, khắc phục nh­­ược điểm.

- Biết đ­­ược phư­ơng h­­ướng tuần 16

- GD HS có tinh thần đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau.

- Thu gom giấy vụn, sách báo làm kế hoạch nhỏ

**II. CHUẨN BỊ:**

- GV: Nắm được ưu – khuyết điểm của HS trong tuần

- HS: BCS chuẩn bị ND báo cáo.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG CHÍNH:**

***1. Khởi động***

- Lớp tham gia trò chơi: Truyền tin

***2. Lớp báo cáo hoạt động trong tuần:***

- 4 tổ trưởng lên nhận xét các thành viên trong tổ và xếp loai từng thành viên.

- Tổ viên các tổ đóng góp ý kiến.

- Lớp trưởng lên nhận xét chung các ban.

- GV nhận xét chung:

+ Nề nếp:

.

+ Học tập:

***3. Ph­ương h­­ướng tuần sau:***

- Tiếp tục thi đua: Học tập tốt, thực hiện tốt nề nếp, vâng lời thầy cô, nói lời hay làm việc tốt, chào mừng ngày hội Quốc phòng toàn dân 22/12

.................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

***4. Lớp văn nghệ - múa hát tập thể.***

**TUẦN 16** *Thứ ....... ngày ...... tháng ..... năm .........*

**TẬP ĐỌC**

**KÉO CO**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Hiểu ND : Kéo co là một trò chơi thể hiện tinh thần thượng võ của dân tộc ta cần được giữ gìn, phát huy. (trả lời được các câu hỏi trong SGK )

**2. Kĩ năng**

- Đọc trôi chảy, rành mạch; bước đầu biết đọc diễn cảm một đoạn diễn tả trò chơi kéo co sôi nổi trong bài.

**3. Thái độ**

- GDHS giữ gìn, phát huy những trò chơi dân gian.

**4. Góp phần phát triển năng lực**

**-** Năng lực tự học, NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: + Tranh minh hoạ bài tập đọc (phóng to nếu có điều kiện).

+ Bảng phụ viết sẵn đoạn luyện đọc

- HS: SGK, vở viết

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- Phương pháp: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm.

- Kĩ thuật: Kĩ thuật đặt câu hỏi, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBHT điều hành lớp trả lời, nhận xét  *+ Em bé tuổi Ngựa muốn chinh phục, khám phá những vùng đất mới nhưng vẫn luôn nhớ về mẹ và muốn trở về với mẹ* | **1. Khởi động:** *(5p)*  - Đọc thuộc lòng bài thơ Tuổi Ngựa  *+ Nêu nội dung bài thơ*  - GV nhận xét, dẫn vào bài. Giới thiệu bài |
| **2. Luyện đọc:** *(8-10p)*  **\* Mục tiêu:** Đọc trôi chảy, rành mạch; bước đầu biết đọc diễn cảm một đoạn diễn tả trò chơi kéo co sôi nổi trong bài.  \* **Cách tiến hành:** | |
| - 1 HS đọc bài, cả lớp đọc thầm  - Lắng nghe  - Lớp trưởng điều hành cách chia đoạn  - Bài được chia làm 3 đoạn  + Đoạn 1: Kéo co… bên ấy thắng  + Đoạn 2: Hội làng…. xem hội  + Đoạn 3: Làng Tích Sơn… thắng cuộc  - Nhóm trưởng điều hành nhóm đọc nối tiếp đoạn trong nhóm lần 1 và phát hiện các từ ngữ khó (*tinh thần thượng võ, keo, Hữu Trấp, ....)*  - Luyện đọc từ khó: Đọc mẫu (M4)-> Cá nhân (M1)-> Lớp  - Giải nghĩa từ khó (đọc chú giải)  - HS đọc nối tiếp đoạn lần 2 theo điều khiển của nhóm trưởng  - Các nhóm báo cáo kết quả đọc  - 1 HS đọc cả bài (M4) | - Gọi 1 HS đọc bài (M3)  - GV lưu ý giọng đọc cho HS: Toàn bài đọc với giọng vui tươi, sôi nổi, thể hiện đúng tinh thần của trò chơi kéo co.  Nhấn giọng một số từ ngữ: *tinh thần thượng võ, đấu tài, đấu sức, ganh đua, khuyến khích,...*  - GV chốt vị trí các đoạn:  - Lưu ý sửa lỗi đọc và ngắt nghỉ cho các HS (M1)    - Giải nghĩa tinh thần thượng võ: tinh thần yêu chuộng các hành động lành mạnh, trung thực, không gian lận |
| **3. Tìm hiểu bài:** *(8-10p)*  **\* Mục tiêu:** HS hiểu: Kéo co là một trò chơi thể hiện tinh thần thượng võ của dân tộc ta cần được giữ gìn, phát huy. (trả lời được các câu hỏi trong SGK )  **\* Cách tiến hành: *Làm việc nhóm 4 – Chia sẻ trước lớp*** | |
| - 1 HS đọc các câu hỏi trong phiếu  - HS làm việc theo nhóm 4 – Chia sẻ kết quả dưới sự điều hành của TBHT  *+ Giới thiệu với người đọc cách chơi kéo co.*  *+ Kéo co phải có hai đội, số người hai đội bằng nhau, thành viên của mỗi đội ôm chặt lưng nhau, hai người đứng đầu mỗi đội ngoắc tay vào nhau, thành viên hai đội cũng có thể nắm chung một sợi dây thừng dài. Mỗi đội kéo mạnh đội mình về sau vạch ranh giới ngăn cách hai đội. Đội nào kéo tuột đội kia sang vùng đất của đội mình là thắng.*  ***\* Ý đoạn 1: Cách thức chơi kéo co.***  *+ Cuộc thi kéo co ở làng Hữu Chấp rất đặc biệt… náo nhiệt của những người xem.*  **\* Ý đoạn 2: *Giới thiệu cách chơi kéo co của làng Hữu Trấp***  *+ Chơi kéo co ở làng Tích Sơn là cuộc thi giữa trai tráng trong làng… thắng cuộc.*  *+ Trò chơi kéo co bao giờ cũng vui vì không khí ganh đua rất sôi nổi, vì những tiếng hò reo khích lệ của người xem hội.*  *+ Đá cầu, đấu vật, thổi cơm, ném còn, chọi gà…*  **\* Ý đoạn 3*: Cách chơi kéo co của làng Tích Sơn.***  **\*Nội dung: Bài tập đọc giới thiệu kéo co là trò chơi thú vị và thể hiện tinh thần thượng võ của người Việt Nam.**  - HS ghi lại nội dung bài | - GV phát phiếu học tập cho HS  *+ Phần đầu bài văn giới thiệu với người đọc điều gì?*  *+ Em hiểu cách chơi kéo co là thế nào?*  -> Vậy ý đoạn 1 là gì?  *+ Đoạn 2 giới thiệu cách chơi kéo co của làng Hữu Trấp thế nào?*  -> Ý đoạn 2 nói lên điều gì?  *+ Trò chơi kéo co ở làng Tích Sơn có gì đặc biệt ?*  *+ Vì sao trò chơi kéo co bao giờ cũng vui?*  *+ Ngoài trò chơi kéo co, em còn biết những trò chơi nào khác thể hiện tinh thần thượng võ của dân ta ?*  -> Đoạn 3 ý nói lên điều gì?  - Nội dung bài nói gì? |
| **4. Luyện đọc diễn cảm***(8-10p)*  **\* Mục tiêu:** HSđọc diễn cảm được đoạn 2 của bài với giọng sôi nổi, hào hứng  **\* Cách tiến hành: Hoạt động cá nhân – nhóm - cả lớp** | |
| - HS nêu lại giọng đọc cả bài  - 1 HS M4 đọc mẫu toàn bài  - Nhóm trưởng điều hành các thành viên trong nhóm  + Luyện đọc trong nhóm  + Cử đại diện đọc trước lớp  - Bình chọn nhóm đọc hay.  - HS nêu cách giữ gìn và phát huy các trò chơi dân gian: chơi ô ăn quan, nhày dây, đá cầu,...  - Nói về các trò chơi dân gian mà em biết | - Yêu cầu HS nêu giọng đọc toàn bài.  - Yêu cầu đọc diễn cảm đoạn 2  - GV nhận xét, đánh giá chung  **5. Hoạt động ứng dụng** *(1 phút)*  - Liên hệ giáo dục: Ý thức giữ gìn và phát huy các trò chơi dân gian  **6. Hoạt động sáng tạo** *(1 phút)* |

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TOÁN**

***Tiết 76:* LUYỆN TẬP**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Củng cố kiến thức về chia cho số có 2 chữ số

**2. Kĩ năng**

- Rèn kĩ năng chia cho số có 2 chữ số

- Vận dụng giải toán có lời văn

**3. Thái độ**

- HS có thái độ học tập tích cực.

**4. Góp phần phát triển năng lực:**

**-** Năng lực tự học, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL tư duy - lập luận logic.

\* Bài tập cần làm: Bài 1 (dòng 1, 2); bài 2

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Phiếu học tập

- HS: Sách, bút

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- Phương pháp vấn đáp, động não, thực hành, đặt và giải quyết vấn đề, hoạt động nhóm, trò chơi học tập

- Kĩ thuật đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC;**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ. | **1. Khởi động:** *(5p)* |
| **2. HĐ thực hành***:(30p)*  **\* Mục tiêu:** - Rèn kĩ năng chia cho số có 2 chữ số  - Vận dụng giải toán có lời văn  **\* Cách tiến hành: Cá nhân – Nhóm- Lớp** | |
| **Cá nhân=> Cả lớp**  - Cả lớp đọc thầm  - HS cả lớp làm bài vào vở -> chia sẻ trước lớp.  - HS lần lượt nêu trước lớp  Kết quả tính đúng là :  a) 4725 : 15 = 315  4674 : 82 = 57  b) 35136 : 18 = 1952  18408 : 52 = 354  **Cá nhân => Cặp đôi => Cả lớp**  - HS thực hiện theo YC  - Hs làm cá nhân – Chia sẻ nhóm 2 – Chia sẻ lớp  Giải  1050 viên gạch lát đượclà:  1050 : 25 = 42 ( m2 )  Đáp số: 42 m2  - HS làm vào vở Tự học – Chia sẻ lớp  Bài 3 Bài giải  Tổng số sản phẩm làm trong 3 tháng là:  855 + 920 + 1350 = 3125 (sản phẩm)  TB mỗi người làm được là:  3125 : 25 = 125 (sản phẩm)  Đáp số: 125 sản phẩm  a) Sai ở lượt chia thứ hai-> do đó số dư lớn hơn số chia -> KQ sai  b) Sai ở số dư cuối cùng của phép chia (47)  - Ghi nhớ KT được luyện tập  - Tìm các bài tập cùng dạng trong sách Toán buổi 2 và giải | **Bài 1(dòng 1, 2): *HSNK làm cả bài***  - Gọi HS đọc yêu cầu  - GV yêu cầu HS tự làm bài.  \**GV trợ giúp cách ước lượng thương cho HS M1+ M2*  - Yêu cầu HS nêu rõ cách thực hiện phép tính của mình.  - GV nhận xét chung  \* **GV củng cố** *cách ước lượng tìm thương trong trường hợp số có hai chữ số chia cho số có hai chữ số, số có ba chữ số chia cho số có hai chữ số.*  **Bài 2:**  - HS đọc đề bài.  - Yêu cầu HS tự tóm tắt và giải.  - GV nhận xét chữa bài.  **Bài 3+ Bài 4** (*bài tập chờ dành cho HS hoàn thành sớm)*  ***Bài 3 chú ý các bước giải:***  + Tính tổng số sản phẩm của đội làm trong 3 tháng  +Tính số sản phẩm trung bình mỗi người làm  B**ài 4:**  **3. Hoạt động ứng dụng *(1p)***  **4. Hoạt động sáng tạo *(1p)*** |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**KHOA HỌC**

**KHÔNG KHÍ CÓ NHỮNG TÍNH CHẤT GÌ ? (áp dụng PP BTNB)**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Nắm được các tính chất của không khí

- Nêu được ví dụ về ứng dụng một số tính chất của không khí trong đời sống: bơm xe,...

**2. Kĩ năng**

**-** Quan sát và làm thí nghiệm để phát hiện ra một số tính chất của không khí: trong suốt, không màu, không mùi, không có hình dạng nhất định; không khí có thể bị nén lại hoặc giản ra.

**3. Thái độ**

- GDHS giữ gìn bảo về không khí, môi trường xung quanh.

**4. Góp phần phát triển các năng lực:**

- NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL hợp tác,...

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Các hình minh hoạ trang 64, 65 / SGK (phóng to nếu có điều kiện).

- HS: Chuẩn bị theo nhóm: 1 cốc thủy tinh rổng, một cái thìa, bong bóng có nhiều hình dạng khác nhau, chai nhựa rỗng với các hình dạng khác nhau, ly rỗng với các hình dạng khác nhau, bao ni long với các hình dạng khác nhau, bơm tiêm bơm xe đạp, quả bóng

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: quan sát, hỏi đáp, thảo luận, trò chơi học tập, thí nghiệm.

- KT: Động não, chia sẻ nhóm đôi, tia chớp

**II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt đông của của học sinh** | **Hoạt đông của giáo viên** |
| - HS trả lời dưới sự điều hành của TBHT  - 1, 2 HS trả lời | **1, Khởi động *(4p)***  *+ Em hãy nêu một ví dụ chứng tỏ không khí có mặt xung quanh ta?*  - GV nhận xét, khen/ động viên, dẫn vào bài mới. |
| **2. Bài mới:***(30p)*  **\* Mục tiêu:** Nắm được các tính chất của không khí. Nêu được ví dụ về ứng dụng một số tính chất của không khí trong đời sống: bơm xe,...  **\* Cách tiến hành: Cá nhân-Nhóm –Lớp** | |
| **Nhóm 6 - Lớp**    - Học sinh lắng nghe suy nghĩ trả lời  + không khí có mùi, không khí nhìn thấy được  + không khí không có mùi, chúng ta không nhìn thấy được không khí  + không khí có vị lợ, không có hình dạng nhất định  + chúng ta có thể bắt được không khí  + không khí có rất nhiều mùi khác nhau  + không khí có mùi gì ?  + chúng ta có thể nhìn thấy không khí được không ?  + không khí có vị gì ?  + không khí có vị không?  + không khí có hình dạng nào ?  + chúng ta có thể bắt được không khí không ?  + không khí có giản nở không?  - Học sinh có thể đề xuất nhiều cách khác nhau, GV để các em tiến hành làm các thí nghiệm mà các em đề xuất.  - HS tiến hành sờ, ngửi, quan sát phần rổng của cốc. HS có thể dung thìa múc không khí trong ly để nếm - - HS kết luận: ***không khí trong suốt, không có màu, không có mùi và không có vị .***:  + phát cho học sinh các quả bong bóng với những hình dạng khác nhau (tròn , dài …..) yêu cầu các nhóm thổi căng các quả bóng.  + phát cho các nhóm các bình nhựa với các hình dạng, kích thước khác nhau , yêu cầu học sinh lấy không khí ở một số nơi như sân trường, lớp học, trong tủ….  - HS kết luận: ***không khí không có hình dạng nhất định***  + GV có thể cho HS tiến hành các thí nhiệm tương tự với các cái ly có hình dạng khác nhau hoặc với các tíu nylon to, nhỏ khác nhau  + sử dụng chiếc bơm tiêm, bịt kín đầu dưới của bơm tiêm bằng một ngón tay, nhấc pittông lên để không khí tràn vào đầy thân bơm. Dùng tay ấn đầu trên của chiếc bơm bittông của chiếc bơm tiêm sẽ đi xuống thả tay ra, bittông sẻ di chuyển về vị trí ban đầu  - HS kết luận: ***không khí có thể bị nén lại hoặc bị giản ra***  **Không khí không màu không mùi, không vị; không khí không có hình dạng nhất định; không khí có thể bị nén lại và bị giản ra**  - Ghi nhớ tính chất của không khí  - Nêu những ứng dụng tính chất của không khí trong đời sống hàng ngày. | ***1.Tình huống xuất phát và nêu vấn đề:***  GV: Ở bài trước chúng ta đã biết không khí có ở xung quanh ta, có ở mọi vật. Vậy không khí củng đang tồn tại xung quanh các em, trong phòng học này em có suy nghĩ gì về tính chất của không khí ?  ***2. Biểu tượng ban đầu của HS:***  - GV yêu cầu học sinh ghi lại những hiểu biết ban đầu của mình vào vỡ ghi chép khoa học về tính chất của không khí, sau đó thảo luận nhóm 6 để ghi lại trên bảng nhóm  VD: một số suy nghĩ ban đầu của học sinh  ***3. Đề xuất câu hỏi và phương án tìm tòi***  - Từ việc suy đóan của học sinh do các cá nhân (các nhóm) đề xuất. GV tập hợp thành các nhóm biểu tượng ban đầu rồi hướng dẫn HS so sánh sự giống nhau và khác nhau của các ý kiến ban đầu , sau đó giúp các em đề xuất các câu hỏi liên quan đến nội dung kiến thức tìm hiểu về tính chất của không khí  VD: Các câu hỏi liên quan đến tính chất của không khí do học sinh nêu :  - GV tổng hợp các câu hỏi của các nhóm  (chỉnh sữa và nhóm các câu hỏi phù hợp với nội dung tìm hiểu về tính chất của không khí ). VD câu hỏi GV cần có:  + không khí có màu, có mùi, có vị không?  + không khí có hình dạng không?  + không khi có thể bị nén lại hoặc và bị giãn ra không?  - GV tổ chức cho học sinh thảo luận, đề xuất phương án tìm tòi để trả lời các câu hỏi trên  ***4. Thực hiện phương án tìm tòi :***  - GV yêu cầu HS viết dự đoán vào vỡ ghi chép khoa học trước khi làm thí nghiệm nghiên cứu với các mục :  Câu hỏi, dự đoán, cách tiến hành, kết uận rút ra  - GV gợi ý để các em làm các thí nghiệm như sau  \* Để trả lời câu hỏi không khí có màu có mùi, có vị không?, GV sử dụng các thí nghiệm : Sử dụng một cốc thủy tinh rổng  GV có thể xịt nước hoa hoặc rẫy dầu gió vào không khí để học sinh hiểu các mùi thơm ấy không phải là mùi của không khí  \* Để trả lời câu hỏi không khí có hình dạng nào ?, GV sử dụng các thí nghiệm :  \*Để trả lời câu hỏi không khí có bị nén lại và giản ra không ?, GV sử dụng các thí nghiệm:  ***5. Kết luận kiến thức:***  - GV tổ chức cho các nhóm báo cáo kết quả sau khi tiến hành thí nghiệm. Qua các thí nghiệm, học sinh có thể rút ra được kết luận :  - GV hướng dẫn học sinh so sánh lại với các suy nghĩ ban đầu của mình ở bước 2 để khắc sâu kiến thức  - GV yêu cầu HS dựa vào tính chất của không khí để nêu một số ứng dụng trong cuộc sống hằng ngày  **3. HĐ ứng dụng *(1p)***  **4. HĐ sáng tạo *(1p)*** |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

..............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

*Thứ ....... ngày ...... tháng ..... năm .........*

**KĨ NĂNG SỐNG**

**QUYỀN TRẺ EM**

**CHÍNH TẢ**

**KÉO CO**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức:**

- Nghe – viết lại đúng chính tả, trình bày đúng một đoạn văn *(từ Hội làng Hữu Trấp ...đến chuyển bại thành thắng)* trong bài *Kéo co*; bài viết không mắc quá 5 lỗi trong bài

- Làm đúng BT2a phân biệt r/d/gi.

**2. Kĩ năng:**

**-** Rèn kĩ năng viết đẹp, viết đúng chính tả.

**3. Thái độ:**

**-** Giáo dục tính cẩn thận, chính xác, yêu thích chữ viết

**4. Góp phần phát triển năng lực:**

**-** NL tự chủ và tự học, NL sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Bảng phụ, phiếu học tập.

- HS: Vở, bút,...

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- Phương pháp vấn đáp, động não, quan sát, thực hành, đặt và giải quyết vấn đề, hoạt động nhóm, trò chơi học tập.

- Kĩ thuật đặt câu hỏi, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ | **1. Khởi động: (***2p***)**  ***-*** GV dẫn vào bài mới |
| **2. Chuẩn bị viết chính tả:** *(6p)*  **\* Mục tiêu:** HS hiểu được nội dung bài CT, viết được các từ khó, dễ lẫn và các hiện tượng chính tả, cách viết đoạn văn.  **\* Cách tiến hành:** | |
| - 1 HS đọc- HS lớp đọc thầm  + *Cách chơi kéo co ở làng Hữu Trấp diễn ra giữa nam và nữ. Cũng có năm nam thắng cũng, cũng có năm nữ thắng*  *-* HS nêu từ khó viết*: Hữu Trấp, Quế Võ, Bắc Ninh, Tích Sơn, Vĩnh Yên, Vĩnh Phúc, khuyến khích,....*  *-* Viết từ khó vào vở nháp | \*. Trao đổi về nội dung đoạn cần viết  - Gọi HS đọc đoạn văn cần viết  *+ Cách chơi kéo co ở làng Hữu Trấp có gì đặc biệt?*  - Hướng dẫn viết từ khó: Gọi HS nêu từ khó, sau đó GV đọc cho HS luyện viết. |
| **3. Viết bài chính tả:** *(15p)*  **\* Mục tiêu:** Hs nghe - viết tốt bài chính tả theo hình thức đoạn văn.  **\* Cách tiến hành:** | |
| - HS nghe - viết bài vào vở | - GV đọc bài cho HS viết  - GV theo dõi và nhắc nhở, giúp đỡ HS viết chưa tốt.  - Nhắc nhở cách cầm bút và tư thế ngồi viết. |
| **4. Đánh giá và nhận xét bài:** *(5p)*  **\* Mục tiêu:** Giúp HS tự đánh giá được bài viết của mình và của bạn. Nhận ra các lỗi sai và sửa sai  **\* Cách tiến hành: Cá nhân- Cặp đôi** | |
| - Học sinh xem lại bài của mình, dùng bút chì gạch chân lỗi viết sai. Sửa lại xuống cuối vở bằng bút mực  - Trao đổi bài (cặp đôi) để soát hộ nhau  - Lắng nghe. | - Cho học sinh tự soát lại bài của mình theo.  - GV nhận xét, đánh giá 5 - 7 bài  - Nhận xét nhanh về bài viết của HS |
| **5. Làm bài tập chính tả:** *(5p)*  **\* Mục tiêu:** Giúp HS phân biệt được r/d/gi.  **\* Cách tiến hành: Cá nhân-Cặp đôi- Chia sẻ trước lớp** | |
| Đáp án:  a/ nhảy dây  b/ múa rối  c/ giao bóng  - Viết lại 5 lần các từ viết sai trong bài chính tả  - Lấy VD để phân biệt các tiếng ra/da/ gia; ro/do/gio,.... | **Bài 2a:** Tìm và viết các từ ngữ chứa tiếng bắt đầu bằng r/d/gi  ***- Giới thiệu thêm về môn nghệ thuật múa rối để HS thấy sự tài hoa của những người nghệ sĩ***  **6. Hoạt động ứng dụng** *(1p)*  **7. Hoạt động sáng tạo** *(1p)* |

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TOÁN**

***Tiết 77:* THƯƠNG CÓ CHỮ SỐ 0**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Biết thực hiện phép chia cho số có hai chữ số trong trường hợp có chữ số 0 ở thương.

**2. Kĩ năng**

- Rèn kĩ năng thực hiện phép chia cho số có hai chữ số trong trường hợp có chữ số 0 ở thương.

**3. Thái độ**

- HS tích cực, cẩn thận khi làm bài

**4. Góp phần phát huy các năng lực**

**-** Năng lực tự học, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL tư duy - lập luận logic.

\* BT cần làm: Bài 1 (dòng 1, 2)

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Bảng phụ

-HS: SGK,...

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm

- Kĩ thuật: đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của HS** | **Hoạt động của GV** |
| - HS làm cá nhân – Chia sẻ lớp  - Củng cố cách chia cho số có 2 chữ số | **1. Khởi động *(5p)***  - Tính : 4935 : 44 1782 : 48  - Nhận xét chung - Dẫn vào bài mới |
| **2. Hình thành kiến thức mới (15p)**  **\* Mục tiêu:** Biết thực hiện phép chia cho số có hai chữ số trong trường hợp có chữ số 0 ở thương.  **\* Cách tiến hành:** **Cá nhân- Nhóm – Lớp** | |
| - HS đặt tính và làm nháp theo sự hướng dẫn của GV- Chia sẻ trước lớp  9450 35  245 270  000  9450 : 35 = 270  - HS nêu cách thử.  Thử lại: 270 x 35 = 9450  - Lắng nghe và ghi nhớ  - HS đặt tính và làm nháp theo sự hướng dẫn của GV.  2448 : 24 = 102  - HS nêu cách thử.  Thử lại: 102 x 24 = 2448  - Lắng nghe. | **Việc1**: ***Hướng dẫn trường hợp thương có chữ số 0 ở hàng đơn vị***  9450 : 35  + Đặt tính.  + Tìm chữ số đầu tiên của thương.  + Tìm chữ số thứ 2 của thương  + Tìm chữ số thứ 3 của thương  + Thử lại: lấy thương nhân với số chia phải được số bị chia.  + **Lưu ý***: Ở lần chia thứ 3 ta có 0 chia 35 được 0, phải viết số 0 ở vị trí thứ ba của thương.*  **\*Việc 2**: ***Hướng dẫn HS trường hợp thương có chữ số 0 ở giữa.***  - Tiến hành tương tự như trên (theo đúng 4 bước: Chia, nhân, trừ, hạ)  - Thử lại: lấy thương nhân với số chia rồi cộng với số dư phải được số bị chia.  + **Lưu ý**: *Ở lần chia thứ hai ta có 4 chia 24 được 0, phải viết 0 ở vị trí thứ hai của thương*  - Chốt lại cách thực hiện phép chia mà thương có chữ số 0 |
| **3. Hoạt động thực hành** *(18p)*  **\* Mục tiêu**: Thực hiện được phép chia mà thương có chữ số 0  **\* Cách tiến hành: Cá nhân - Nhóm 2- Lớp** | |
| - HS làm cá nhân- Chia sẻ nhóm 2- Chia sẻ lớp  Đáp án:  8750 35 23520 56  175 230 112 424  000 000  2996 28 2420 12  196 107 020 201  00 08  - HS làm vào vở Tự học – Chia sẻ lớp  Bài 2: Bài giải  1 giờ 12 phút = 72 phút  Trung bình mỗi phút bơm được là:  97 200 : 72 = 1350 (*l)*  *Đ/S: 1350 l nước*  Bài 3: Bài giải  a. Chu vi mảnh đất là:  307 x 2 = 614 (m)  b. Chiều dài mảnh đất là:  (307 + 97) : 2 = 202 (m)  Chiều rộng mảnh đất là:  202 – 97 =105 (m)  Diện tích mảnh đất là:  202 x 105 = (m2)  - Ghi nhớ KT bài học  - Tìm các bài tập cùng dạng trong sách Toán buổi 2 và giải. | **Bài tập 1 (dòng 1, 2) *HSNK có thề làm cả bài***  - Yêu cầu HS đặt tính rồi tính.  - GV nhận xét, chữa bài và kết luận đáp án đúng.  **Bài 2 + Bài 3 *(Bài tập chờ dành cho HS hoàn thành sớm)***  - Chốt cách giải bài toán TBC  - GV gợi ý các bước của bài 3  + Tìm chu vi mảnh đất  + Tìm chiều dài và chiều rộng mảnh đất (áp dụng giải BT tìm hai số khi biết tổng và hiệu của hai số đó).  + Tìm diện tích mảnh đất.  **4. Hoạt động ứng dụng** *(1p)*  **5. Hoạt động sáng tạo** *(1p)* |

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**LỊCH SỬ**

**CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG QUÂN XÂM LƯỢC MÔNG - NGUYÊN**

**1. Kiến thức**

- Nêu được một số sự kiện tiêu biểu về ba lần chiến thắng quân xâm lược Mông – Nguyên, thể hiện:

+ Quyết tâm chống giặc của quân dân nhà Trần: tập trung vào các sự kiện như Hội nghị Diên Hồng, Hịch tướng sĩ, việc chiến sĩ thích vào hai tay chữ “Sát Thát” và chuyện Trần Quốc Toản bóp nát quả cam.

+ Tài thao lược của các tướng sĩ mà tiêu biểu là Trần Hưng Đạo (thể hiện ở việc khi giặc mạnh, quân ta chủ động rút khỏi kinh thành, khi chúng suy yếu thì quân ta tiến công quyết liệt và giành được thắng lợi; hoặc quân ta dùng kế cắm cọc gỗ tiêu diệt địch trên sông Bạch Đằng).

**2. Kĩ năng**

- Rèn kĩ năng sử dụng lược đồ, thuyết trình, kể chuyện.

**3. Thái độ**

- Tự hào về truyền thống chống giặc ngọại xâm của dân tộc.

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL ngôn ngữ, NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: + Lược đồ, một số sự kiện về ba lần chiến thắng quân xâm lược Mông - Nguyên

+ Phiếu học tập của HS .

+ Bài “Hịch tướng sĩ” của Trần Quốc Tuấn

- HS: SGK.

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm.

- KT: Kĩ thuật đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - Cả lớp hát kết hộp với chuyền tay nhau chiếc hộp bí mật có câu hỏi.  *+ Lập chức quan Hà đê sứ/ Trai gái già trẻ đều phải đắp đê/ Vua tự mình trông coi việc đắp đê.* | **1.Khởi động:***(4p)*  Trò chơi: **Chiếc hộp bí mật**  - Trả lời các câu hỏi sau:  *+ Nêu những chi tiết chứng tỏ nhà Trần rất quan tâm tới việc đắp đê?*  - GV nhận xét, khen/ động viên, chốt KT bài cũ và dẫn vào bài mới |
| **2. Bài mới:***(30p)*  ***\* Mục tiêu***: Nêu được một số sự kiện tiêu biểu về ba lần chiến thắng quân xâm lược Mông - Nguyên.  ***\* Cách tiến hành: Cá nhân – Nhóm - Lớp*** | |
| **Nhóm 4 – Lớp**  - Nhận phiếu, trao đổi nhóm: *Điền vào chỗ trống ( … ) cho đúng câu nói, câu viết của một số nhân vật thời nhà Trần*.  - Chia sẻ trước lớp về: *tình thần quyết tâm đánh giặc Mông- Nguyên của quân dân nhà Trần .*  - Các nhóm khác bổ sung ý kiến  -Thống nhất kết quả  - Lắng nghe.  **Nhóm 2 – Lớp**  - Đọc đoạn : “ *Cả ba lần … xâm lược nước ta”.*  - HS thảo luận N2 -> chia sẻ KQ.  *+ Vườn không nhà trống*  *+ Đúng, vì lúc đầu thế của giặc mạnh hơn ta, ta rút để kéo dài thời gian, giặc sẽ yếu dần đi vì xa hậu phương; vũ khí và lương thực của chúng sẽ ngày càng thiếu .*  *+ Cả ba lần quân Mông – Nguyên đều thua trận phải rút quân về nước*.  - HS lắng nghe  - Kể chuyện lịch sử về Trần Hưng Đạo, Trần Quốc Tuấn | **HĐ1: Ý chí quyết tâm tiêu diệt quân xâm lược**  - Phát phiếu học tập cho HS :  + Trần Thủ Độ khẳng khái trả lời : “Đầu thần … đừng lo”  + Điện Diên Hồng đã vang lên tiếng hô đồng thanh của các bô lão : “ …”  + Trong bài Hịch tướng sĩ có câu : “… phơi ngoài nội cỏ, …gói trong da ngựa, ta cũng cam lòng” .  + Các chiến sĩ tự mình thích vào cánh tay hai chữ “ …”  - GV đánh giá  **\*GV chốt ý**: *Từ vua đến tôi, quân dân nhà Trần đều nhất trí đánh tan quân xâm lược. Đó chính là ý chí mang tính truyền thống của nhân dân ta.*  - GV đọc cho HS nghe một số đoạn trong Hịch tướng sĩ của Trần Quốc Tuấn  **Việc 2: Quân dân nhà Trần 3 lần thắng quân Mông - Nguyên**  **-**YC HS đọc đoạn : “ *Cả ba lần … xâm lược nước ta”.*  *+ Vua, tôi nhà Trần đã dùng kế gì để đánh giặc?*  ***+*** *Việc quân dân nhà Trần ba lần rút quân khỏi Thăng Long là đúng hay sai? Vì sao đúng? (hoặc vì sao sai?)*  *+ Kết quả của các trận đánh như thế nào?*  ***- GV hệ thống KT, giới thiệu về vị tướng tài ba Trần Hưng Đạo và công lao của ông với cuộc kháng chiến chống Mông-Nguyên***  **3. Hoạt động ứng dụng** *(1p)*.  - Liên hệ giáo dục lòng tự hào truyền thống đánh giặc ngoại xâm.  **4. Hoạt động sáng tạo** *(1p)* |

**ĐIỀU CHỈNH-BỔ SUNG**

..........................................................................................................................................................................................................................................................................

.....................................................................................................................................

*Thứ ....... ngày ...... tháng ..... năm .........*

**LUYỆN TỪ VÀ CÂU**

**MỞ RỘNG VỐN TỪ: ĐỒ CHƠI- TRÒ CHƠI**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Biết dựa vào mục đích, tác dụng để phân biệt một số trò chơi quen thuộc (BT1)

- Tìm được một vài thành ngữ, tục ngữ có liên quan đến chủ điểm (BT2); bước đầu biết sử dụng được một vài thành ngữ, tục ngữ ở BT2 trong tình huống cụ thể (BT3)

**2. Kĩ năng**

- Ghi nhớthành ngữ, tục ngữ có liên quan đến chủ điểmtiết học

**3. Thái độ**

- HS có ý thức bảo vệ, giữ gìn đồ chơi, chơi các đồ chơi an toàn và tham gia các trò chơi lành mạnh có lợi cho sức khoẻ.

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL tự học, NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: 4,5 tờ giấy to mở rộng viết sẵn nội dung các bài tập 1, 2.

- HS: vở BT, bút, ...

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Quan sát, hỏi đáp, thảo luận nhóm.

- KT: Kĩ thuật đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của HS** | **Hoạt động của GV** |
| - TBHT điều hành lớp trả lời, nhận xét | 1**. Khởi động** (5p)  - Yêu cầu HS đặt câu:  + Với người trên  + Với người dưới  + Với người ít tuổi hơn mình.  - GV nhận xét, đánh giá chung, giới thiệu và dẫn vào bài mới |
| **2. Hoạt động thực hành***:(30p)*  **\* Mục tiêu:**Biết dựa vào mục đích, tác dụng để phân biệt một số trò chơi quen thuộc (BT1). Tìm được một vài thành ngữ, tục ngữ có liên quan đến chủ điểm (BT2); bước đầu biết sử dụng được một vài thành ngữ, tục ngữ ở BT2 trong tình huống cụ thể (BT3)  **\* Cách tiến hành: Cá nhân-Nhóm-Cả lớp** | | |
| **Cá nhân – Chia sẻ nhóm 2- Chia sẻ lớp**  **-** Đọc YC bài  -HS làm bài cá nhân  - HS chia sẻ với bạn bên cạnh-> chia sẻ trước lớp  - Nói một số trò chơi:  + Ô ăn quan (dụng cụ chơi là những viên sỏi đặt trên những ô vuông được vẽ trên mặt đất … );  + Lò cò (nhảy, làm di động một viên sành, sỏi. . . trên những ô vuông vẽ trên mặt đất)  + Xếp hình (một hộp gồm nhiều hình bằng gỗ hoặc bằng nhựa hình dạng khác nhau. Phải xếp sau cho nhanh, cho khéo để tạo nên những hình ảnh về ngôi nhà, con chó, ô tô… )  - Trò chơi rèn luyện sức mạnh: kéo co, vật.  - Trò chơi rèn luyện sự khéo léo: nhảy dây, lò cò, đá cầu.  - Trò chơi rèn luyện trí tuệ: ô ăn quan, cờ tướng, xếp hình.  **Cá nhân – Chia sẻ lớp**  - Thực hiện theo YC của GV  - Chia sẻ KQ học tập  - Thống nhất đáp án:  + Chơi với lửa: làm một việc nguy hiểm.  + Chơi diều đứt dây: mất trắng tay .  + Ở chọn nơi, chơi chọn bạn: phải biết chọn bạn, chọn nơi sinh sống.  + Chơi dao có ngày đứt tay: liều lĩnh ắt gặp tai hoạ.  **Nhóm 2 – Lớp**  a) Ở chọn nơi, chơi chọn bạn.  b) Chơi dao có ngày đứt tay  - Ghi nhớ các thành ngữ, tục ngữ trong bài và vận dụng vào cuộc sống  - Kể thêm một số trò chơi mà em biết vừa rèn luyện sức mạnh, vừa rèn sự khéo léo, vừa rèn trí tuệ. | **Bài 1**:  - Gọi HS đọc yêu cầu  - Yêu cầu HS tự làm, trao đổi N2  - GV trợ giúp cho HS M1+ M2 hoàn thành ND bài học  - TBHT điều hành lớp chia sẻ  - GV nhận xét bổ sung thêm    **Bài 2:**  - Gọi HS đọc yêu cầu  - Yêu cầu HS trao đổi làm bài.  - Gọi HS chia sẻ ND bài  - GV nhận xét bổ sung kết luận lời giải đúng.  **Bài 3 :**  - HS đọc yêu cầu và nội dung  - Yêu cầu HS thảo luận theo cặp.  - Gọi HS trình bày, gọi HS nhận xét  - GV nhận xét chữa bài.  **3. Hoạt động ứng dụng** *(1p)*  **4. Hoạt động sáng tạo** *(1p)* |

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TOÁN**

***Tiết 78:* CHIA CHO SỐ CÓ BA CHỮ SỐ**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Biết cách chia số có 4 chữ số cho số có 3 chữ số

**2. Kĩ năng**

- Thực hiện được phép chia số có 4 chữ số cho số có 3 chữ số (chia hết, chia có dư).

- Vận dụng giải các bài tập liên quan

**3. Thái độ**

- Tích cực, tự giác học bài, trình bày bài sạch sẽ, khoa học

**4. Góp phần phát triển các kĩ năng**

- Năng lực tự học, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL tư duy - lập luận logic.

\* BT cần làm: Bài 1b

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Phiếu nhóm

- HS: SGk, bút

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Quan sát, hỏi - đáp, thảo luận nhóm.

- KT: đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của HS** | **Hoạt động của GV** | |
| - 2 nhóm tham gia trò chơi | **1. HĐ khởi động *(3p)***  - Trò chơi***"Tính nhanh, tính đúng"***  9450 : 35 2448 : 24  9720 : 72 3125 :25  - GV nhận xét, tuyên dương  - GV giới thiệu bài mới | |
| **2. Hình thành kiến thức** *(15p)*  **\* Mục tiêu:**  HS biết cách chia số có 4 chữ số cho số có 3 chữ số  **\* Cách tiến hành: Cá nhân – Nhóm 2 – Lớp** | | |
| - Cá nhân - Chia sẻ nhóm 2 – Chia sẻ lớp  - HS đặt tính  - HS làm nháp theo sự hướng  - HS chia sẻ cùng bạn  1944 162  0324 12  000  1944 : 162 = 12  - HS nêu cách thử: 12 x 162 = 1944  - HS đặt tính  - HS làm nháp  - Trao đổi cùng bạn (N2)  - Thống nhât  8469 : 241 = 35 (dư 34)  - HS nêu cách thử. | \* **Việc 1**: ***Hướng dẫn HS trường hợp chia hết 1944 : 162 = ?***  a. Đặt tính.  b.Tìm chữ số đầu tiên của thương.  c. Tìm chữ số thứ 2 của thương  d. Tìm chữ số thứ 3 của thương  e. Thử lại: lấy thương nhân với số chia phải được số bị chia.  \* **Việc2**: ***Hướng dẫn HS trường hợp chia có dư 8469 : 241 = ?***  -Tiến hành tương tự như trên (theo đúng 4 bước: Chia, nhân, trừ, hạ)  -Thử lại: *lấy thương nhân với số chia rồi cộng với số dư phải được số bị chia.*  ***Lưu ý HS***:  ***Số dư phải luôn luôn nhỏ hơn số chia.***  - GV cần giúp HS tập ước lượng tìm thương trong mỗi lần chia. | |
| **3. HĐ thực hành** *(18p)*  *\** **Mục tiêu***:* Thực hành chia được số có 4 chữ số cho số có 3 chữ số. Vận dung giải được các bài tập liên quan  **\* Cách tiến hành***:* Cá nhân – Nhóm – Lớp | | |
| - Làm cá nhân – Chia sẻ nhóm 2- Chia sẻ lớp  6420 321  0000 20  000  4957 165  0007 30  7    - HS làm vào vở Tự học – Chia sẻ lớp  Bài 2   1. 1995 x 253 + 8910 : 495   = 504735 + 18  = 504753   1. 8700 : 25 : 4   = 348 : 4  = 87  Bài 3 Bài giải  Cửa hàng thứ nhất bán hết vải trong số ngày là:  7128 ; 264 = 27 (ngày)  Cửa hàng thứ hai bán hết vải trong số ngày là:  7128 ; 297 = 24 (ngày)  Vậy cửa hàng 2 bán hết sớm hơn cửa hàng 1 và sớm hơn số ngày là:  27 – 24 = 3 (ngày)  Đáp số: 3 ngày  - Thực hành chia tốt số có 4 chữ số cho số có 3 chữ số.  - Tìm các bài tập cùng dạng trong sách Toán buổi 2 và giải. | | **Bài 1b: *HSNK có thể làm cả bài***    - GV yêu cầu HS làm bài cá nhân  (đặt tính và tính).  - GV nhận xét chữa bài.  - Chốt cách đặt tính rồi tính, cách ước lượng thương, chú ý đối tượng HS M1, M2  ***Bài 2+ Bài 3 (bài tập chờ dành cho HS hoàn thành sớm)***  - Chốt cách tính giá trị biểu thức  ***Lưu ý các bước giải bài 3***  + Tìm số ngày cửa hàng thứ nhất bán hết số vải  + Tìm số ngày cửa hàng thứ hai bán hết số vải  + So sánh hai số đó  **4. Hoạt động ứng dụng** (1p)  **5. Hoạt động sáng tạo** (1p) |

**ĐIỀU CHỈNH-BỔ SUNG**

...................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**ĐẠO ĐỨC**

**YÊU LAO ĐỘNG ( TIẾT 1)**

**I.MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Nêu được lợi ích của lao động .

**2. Kĩ năng**

- Tích cực tham gia các hoạt động lao động ở lớp, ở trường, ở nhà phù hợp với khả năng của bản thân .

- Không đồng tình với những biểu hiện lười lao động

**3. Thái độ**

- Kính trọng người lao động; Yêu thích, chăm chỉ lao động.

*\* ĐCND: Không yêu cầu HS tập hợp và giới thiệu những tư liệu khó sưu tầm về tấm gương lao động của các Anh hùng lao động, có thể HS kể về sự chăm chỉ lao động của mình hoặc của các bạn trong lớp, trong trường.*

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL tự học, NL giải quyết vấn đề, NL hợp tác, sáng tạo

***\* KNS:*** *- Kỹ năng nhận thức giá trị của lao động.*

*- Kỹ năng quản lý thời gian để tham gia làm những việc vừa sức ở nhà và ở trường*

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Phiếu BT 1

- HS: SGK, SBT

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm, trò chơi, đóng vai.

- KT: động não, tia chớp, chia sẻ nhóm 2

**III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của HS** | **Hoạt động của GV** | |
| - HS tham gia chơi | **1.Khởi động:***(5p)*  **Trò chơi "Truyền điện"**  - Kể nhanh các hành động thể hiện sự kính trọng thầy cô giáo.  - Giới thiệu bài - Ghi bảng. - GV giới thiệu, dẫn vào bài mới | |
| **2. Hình thành KT** *(18p)*  **\* Mục tiêu:** Nêu được lợi ích của lao động. Tích cực tham gia lao động trường, lớp.  **\* Cách tiến hành: Cá nhân-Nhóm-Lớp** | |
| - HS lắng nghe  - 1 HS đọc lại chuyện  + HS đọc thầm chuyện trao đổi nhóm đôi -> tìm câu trả lời đúng -> chia sẻ trước lớp.  + Lớp nhận xét, bổ sung  - HS nêu ý kiến cá nhân  -1 HS đọc ghi nhớ | ***\* HS tìm hiểu nội dung chuyện.***  - GV đọc chuyện .    *+ So sánh một ngày của Pê chi-a với những người khác trong câu chuyện?*  *+ Theo em Pê-chi-a sẽ thay đổi như thế nào sau chuyện xảy ra ?*  *+ Là Pê-chi a em sẽ làm gì?*  + *Lao động đem lại lợi ích gì cho mỗi con người?*  *- Em phải làm gì để thể hiện yêu lao động (qua việc lớp, trường) ?*  - GV chốt nội dung bài học (như Ghi nhớ) | |
| **3. HĐ thực hành**  **\* Mục tiêu:** Kể được các hành động thể hiện yêu lao động và lười lao động  Sưu tầm các bài thơ, bài hát về lao động  **\* Cách tiến hành: Cá nhân – Nhóm – Lớp** | |
| - 1 HS đọc đề nêu yêu cầu  - HS hoạt động nhóm 2, trao đổi tìm những biểu hiện của yêu lao động và lười lao động qua phiếu bài tập  - Đại diện các nhóm trình bày  - HS Hoạt động nhóm 4 phân vai xử lí tình huống  - Các nhóm đóng vai xử lí tình huống trước lớp  - Bình chọn nhóm đóng vai và xử lí tình huống tốt nhất  - Thực hành các việc thể hiện tình yêu lao động  - Sưu tầm bài hát,thơ tranh ảnh…Nói về lao động . | **Bài tập 1/tr25:**  - Giao nhiệm vụ cho các nhóm (Phiếu HT)   |  |  | | --- | --- | | Yêu lao động | Lười lao động | |  |  |   - Gv nhận xét, kết luận:..........  **Bài tập 2 tr/26**  - GV nhận xét chung, chốt cách xử lí  **4. HĐ ứng dụng** (*1p)*  **5. HĐ sáng tạo (***1p)* | |

**ĐIỀU CHỈNH-BỔ SUNG**

..............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**KỂ CHUYỆN**

**KỂ CHUYỆN ĐƯỢC CHỨNG KIẾN HOẶC THAM GIA**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Chọn được câu chuyện được chứng kiến hoặc tham gia liên quan đến đồ chơi của mình hoặc của bạn.

**2. Kĩ năng:**

- Biết sắp xếp các sự việc thành một câu chuyện để kể lại rõ ý.

**3. Thái độ**

- GD HS phải biết quý trọng, giữ gìn đồ chơi.

**4. Góp phần bồi dưỡng các năng lực**

- NL giao tiếp và hợp tác, NL sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Bảng phụ viết sẵn hướng dẫn kể chuyện

- HS: SGK

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm, kể chuyện

- KT: đặt câu hỏi, động não, chia sẻ nhóm.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - 1 HS nối tiếp nhau kể  - Lớp nhận xét, đánh giá | **1. Khởi động***:(5p)*  - Kể 1 câu chuyện đã nghe, đã đọc về đồ chơi hoặc trò chơi  - Gv nhận xét chung, dẫn vào bài. |
| **2. Hướng dẫn tìm hiều đề bài**  **\* Mục tiêu:**  HS biết chọn hướng kể chuyện cho câu chuyện của mình  **\* Cách tiến hành: Cá nhân-Nhóm-Lớp**  **Đề bài:** Hãy kể một câu chuyện liên quan đến đồ chơi của em hoặc của các bạn xung quanh. | |
| - Đọc và gạch: *đồ chơi của em, của các bạn.*  - Đọc gợi ý: có thể kể theo một trong các hướng kể sau:  + Kể xem vì sao em có thứ đồ chơi mà em thích  + Kể về việc gìn giữ đồ chơi  + Kể về việc em tặng đồ chơi cho các bạn nghèo.  - Kể theo 1 trong 3 hướng, kể cho bạn ngồi bên, kể cho cả lớp.  + HS: Tôi muốn kể câu chuyện vì sao tôi có con búp bê biết bò, biết hát.  + HS: Tôi muốn kể chuyện về việc tôi giữ gìn con búp bê của mình như thế nào | ***\* Hướng dẫn HS phân tích đề***.  -Yêu cầu HS đọc đề bài và gạch dưới các từ quan trọng.  -Yêu cầu 4 HS nối tiếp đọc các gợi ý.  - Yêu cầu HS chú ý SGK: Nêu 3 hướng xây dựng cốt truyện; khi kể dùng từ xưng hô-tôi  - Yêu cầu HS nói hướng xây dựng cốt truyện.  - Khen ngợi những HS chuẩn bị tốt. |
| **3. Thực hành kể chuyện – Nêu ý nghĩa câu chuyện***:(15- 20p)*  **\* Mục tiêu:** Chọn được câu chuyện được chứng kiến hoặc tham gia liên quan đến đồ chơi của mình hoặc của bạn. Nêu được ý nghĩa câu chuyện  +HS M1+M2 kể được câu chuyện đúng Yc  +HS M3+ M4 kể được câu chuyện đúng Yc kết hợp được điệu bộ, giọng nói,...  **\* Cách tiến hành: Cá nhân - Nhóm- Lớp** | |
| - HS giới thiệu câu chuyện của mình kể  - Kể theo cặp và trao đổi ý nghĩa câu chuyện.  - HS thi kể và cả lớp nghe, đặt câu hỏi cho bạn trả lời.  - Kể lại câu chuyện cho người thân nghe  - Nêu chi tiết trong câu chuyện các bạn kể mà em nhớ nhất và thông điệp của câu chuyện đó. | - Dán bảng dàn ý kể chuyện và tiêu chuẩn đánh giá bài kể chuyện nhắc HS:  + Cần giới thiệu câu chuyện trước khi kể.  + Kể tự nhiên bằng giọng kể (không đọc).  + Với chuyện dài hs chỉ cần kể 1-2 đoạn.  - Cho HS thi kể trước lớp.  \* GV trợ giúp cho HS M1+M2 kể được từng đoạn câu chuyện  - Gv nhận xét tiết học, khen ngợi những hs kể tốt và cả những hs chăm chú nghe bạn kể.  **4. Hoạt động ứng dụng *(1p)***  **5. Hoạt động sáng tạo *(1p)*** |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**KĨ THUẬT**

**CẮT, KHÂU, THÊU SẢN PHẨM TỰ CHỌN**(tiết 2)

**I.MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Ôn tập các kiến thức về cắt, khâu, thêu

**2. Kĩ năng**

- Sử dụng được một số dụng cụ, vật liệu cắt, khâu, thêu để tạo thành sản phẩm đơn giản. Có thể chỉ vận dụng hai trong ba kĩ năng cắt, khâu, thêu đã học.

\*Với HS khéo tay: Vận dụng kiến thức, kĩ năng cắt, khâu, thêu để làm được đồ dùng đơn giản, phù hợp với HS.

**3. Thái độ**

- Giáo dục tính cẩn thận, khéo léo, an toàn khi thực hành

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL thẩm mĩ.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: : + Tranh quy trình của các bài trong chương.

+ Mẫu khâu, thêu đã học.

- HS: Bộ ĐD KT lớp 4.

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Quan sát mẫu, hỏi đáp, thảo luận nhóm, luyện tập – thực hành

- KT: đặt câu hỏi, tia chớp, động não, phòng tranh

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ | **1. HĐ khởi động** *(3p)*  - GV kiểm tra đồ dùng của HS |
| **2. HĐ thực hành:***(30p)*  **\* Mục tiêu**: Sử dụng được một số dụng cụ, vật liệu cắt, khâu, thêu để tạo thành sản phẩm đơn giản. Có thể chỉ vận dụng hai trong ba kĩ năng cắt, khâu, thêu đã học.  **\* Cách tiến hành: Cá nhân- Nhóm- Lớp** | |
| **Cá nhân**  - HS bắt đầu thêu tiếp tục .  - Học sinh thực hiện cá nhân -> trao đổi nhóm.  - Lắng nghe, ghi nhớ.  - HS thêu xong chuẩn bị trình bày sản phẩm | **\* HĐ 1: HS thực hành**  - HS tự chọn sản phẩm và thực hành làm sản phẩm tự chọn .  - Nêu yêu cầu thực hành và hướng dẫn chọn sản phẩm: sản phẩm tự chọn được thực hiện bằng cách vận dụng những kĩ thuật cắt khâu thêu đã học .  - GV nhận xét  **Lưu ý:**  *Quan sát, theo dõi và giúp đỡ các đối tượng M1 để hoàn thành sản phẩm* |
| - Học sinh trưng bày sản phẩm trên lớp.  - Đánh giá, nhận xét  - HS nhận xét bài làm của bạn, tuyên dương những bài thêu đẹp  - Lắng nghe, ghi nhớ.  - Thực hành cắt, khâu, thêu tại nhà.  - Tiếp tục tạo sản phẩm từ cắt, khâu, thêu | **\* HĐ 2:** **Trưng bày và đánh giá sản phẩm.**  - Tổ chức cho HS trưng bày sản phẩm  - Cho học sinh đánh giá sản phẩm.  - Giáo viên kết luận chung. Tuyên dương nhóm và cá nhân làm tốt, có sáng tạo.  - Giáo dục học sinh biết cách sử dụng tiết kiệm vật liệu: Chỉ, vải,...  **3. HĐ ứng dụng** *(1p)*  **4. HĐ sáng tạo** *(1p)* |

**ĐIỀU CHỈNH-BỔ SUNG**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

*Thứ ....... ngày ...... tháng ..... năm .........*

**TẬP ĐỌC**

**TRONG QUÁN ĂN “ BA CÁ BỐNG”**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Hiểu ND: Chú bé người gỗ Bu- ra- ti- nô thông minh đã biết dùng mưu để chiến thắng kẻ ác đang tìm cách hại mình. (trả lời các câu hỏi trong SGK )

**2. Kĩ năng**

- Đọc trôi chảy, rành mạch; biết đọc đúng các tên riêng nước ngoài (Bu-ra- ti-nô, Tooc-ti-la, Đu-rê-ma, A-di-li-ô,...); bước đầu đọc phân biệt rõ lời người dẫn chuyện với lời nhân vật.

**3. Thái độ**

- Cần phải bình tĩnh, thông minh dùng mưu để đấu lại kẻ ác hại mình.

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Tranh minh hoạ bài tập đọc trang 159/SGK (phóng to)

- HS: SGK

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- Phương pháp: Quan sát, hỏi - đáp, đóng vai.

- Kĩ thuật: Làm việc nhóm, chia sẻ, động não, tia chớp

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - 1 HS đọc  - 2 HS giới thiệu.  . | **1. Khởi động:** *(3p)*  *-* Hãy đọc bài: *Kéo co*  *+ Hãy giới thiệu về trò chơi kéo co tại Hữu Trấp và làng Tích Sơn ?*  - GV dẫn vào bài mới |
| **2. Luyện đọc:** *(8-10p)*  **\* Mục tiêu:** Đọc trôi chảy, rành mạch; biết đọc đúng các tên riêng nước ngoài (Bu-ra- ti-nô, Tooc-ti-la, Đu-rê-ma, A-di-li-ô,...); bước đầu đọc phân biệt rõ lời người dẫn chuyện với lời nhân vật.  \* **Cách tiến hành:** | |
| - 1 HS đọc bài, cả lớp đọc thầm  - Lắng nghe  - Nhóm trưởng điều hành cách chia đoạn  - Bài chia làm 4 đoạn.  + Đoạn 1: Biết là Ba- ra- ba… lò sưởi này  + Đoạn 2: Bu- ra- ti-nô… Các- lô ạ  + Đoạn 3: Vừa lúc ấy… như mũi tên  - Nhóm trưởng điều hành nhóm đọc nối tiếp trong nhóm lần 1 và phát hiện các từ ngữ khó *(Bu-ra- ti-nô, Tooc-ti-la, Đu-rê-ma, A-di-li-ô, Ba-ba-ra* , *Các-lô...)*  - Luyện đọc từ khó: Đọc mẫu (M4)-> Cá nhân (M1)-> Lớp  - Giải nghĩa từ khó: (đọc phần chú giải)  - HS đọc nối tiếp lần 2 theo điều khiển  - Các nhóm báo cáo kết quả đọc  - 1 HS đọc cả bài (M4) | - Gọi 1 HS đọc bài (M3)  - GV lưu ý giọng đọc: Toàn bài đọc với giọng hồi hộp, phân biệt lời các nhân vật:  + Ba-ba-ra: tức giận/sợ hãi  + Bu-ra-ti-nô: dõng dạc, dứt khoát  + Cáo A-li-xa: gian xảo  - GV chốt vị trí các đoạn  - Lưu ý sửa lỗi đọc và ngắt nghỉ cho các HS (M1) |
| **3.Tìm hiểu bài:** *(8-10p)*  **\* Mục tiêu:** Hiểu ND: Chú bé người gỗ Bu- ra- ti- nô thông minh đã biết dùng mưu để chiến thắng kẻ ác đang tìm cách hại mình.  **\* Cách tiến hành: *Làm việc nhóm 4 – Chia sẻ trước lớp*** | |
| - 1 HS đọc  - HS tự làm việc nhóm 4 trả lời các câu hỏi - TBHT điều hành các nhóm trả lời, nhận xét  *+ Bu- ra- ti-nô cần biết kho báu ở đâu.*  *+ Chú chui vào một cái bình bằng đất trên bàn ăn , ngồi im, đợi Ba-ra-ba uống say, từ trong bình hét lên: Kho báu ở đâu, nói ngay, khiến hai tên độc ác sợ xanh mặt tưởng là lời ma quỷ nên đã nói lộ bí mật.*  *- Cáo A-li-xa và mèo A-di-li-ô biết chú bé gỗ đang ở trong bình đất, đã báo với Ba-ra-ba để kiếm tiền. Ba-ra-ba ném bình xuống sàn vỡ tan. Bu-ra-ti-nô bò lổm ngổm giữa những mảnh bình. Thừa dịp bọn ác đang há hốc mồm ngạc nhiên, chú lao ra ngoài.*  *+ Bu-ra-ti-nô chui vào một chiếc bình bằng đất, ngồi im thin thít.*  *+ Ba-ra-ba hơ bộ râu dài.*  *+ Ba-ra-ba và Đu-rê-ma sợ tái xanh mặt khi nghe tiếng hét không rõ từ đâu.*  *+ Cáo đếm đi đếm lại mười đồng tiền vàng, rồi thở dài đưa cho mèo một nửa.*  *+ Bu-ra-ti-nô bò lổm ngổm giữa đống bình vỡ.*  *+ Bu-ra-ti-nô lao ra ngoài giữa lúc mọi người đang há hốc mồm ngơ ngác* , . . .  \***Nội dung: Chú bé người gỗ Bu- ra- ti- nô thông minh đã biết dùng mưu để chiến thắng kẻ ác đang tìm cách hại mình.- HS ghi lại nội dung bài**  - HS ghi nội dung bài vào vở. | - Gọi HS đọc các câu hỏi cuối bài.  *+ Bu-ra-ti-nô cần moi bí mật gì ở lão Ba-ra-ba ?*  *+ Chú bé gỗ đã làm cách nào để buộc lão Ba-ra-ba phải nói ra điều bí mật ?*  *+ Chú bé gỗ gặp điều gì nguy hiểm và đã thoát thân như thế nào ?*  *+ Những hình ảnh chi tiết nào trong truyện em cho là ngộ nghĩnh?*  - Giáo viên tóm tắt ND chính...  - Giáo viên ghi bảng.  \* HS M3+M4 đọc trả lời câu hỏi hoàn chỉnh và các câu nêu nội dung đoạn, bài. |
| **3. Luyện đọc diễn cảm - Học thuộc lòng** *(8-10p)*  **\* Mục tiêu: HS** biết đọc phân vai toàn bài, phân biệt lời các nhân vật  **\* Cách tiến hành: Hoạt động cá nhân – nhóm - cả lớp** | |
| - 1 HS nêu lại  - 1 HS đọc toàn bài  - Nhóm trưởng điều khiển:  + Phân vai trong nhóm  + Đọc phân vai trong nhóm  - Thi đọc phân vai trước lớp  - Lớp nhận xét, bình chọn.  - HS: sự thông minh, can đảm,...  - Tìm đọc toàn bộ tác phẩm về chú bé người gỗ Bu-ra-ti-nô | - Yêu cầu HS nêu giọng đọc toàn bài, nêu giọng đọc các nhân vật  - Yêu cầu đọc diễn cảm cả bài  - GV nhận xét chung  **4. Hoạt động ứng dụng** *(1 phút)*  - Em học được điều gì từ chú bé Bu-ra-ti-nô?  **5. Hoạt động sáng tạo** *(1 phút)* |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TOÁN**

***Tiết 79:* LUYỆN TẬP**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Củng cố KT về chia cho số có 3 chữ số

**2. Kĩ năng**

- Thực hiện được phép chia cho số có 4 chữ số cho số có 3 chữ số

- Biết vận dụng phép chia để giải các bài toán liên quan

**3. Thái độ**

- Tính chính xác, cẩn thận, trình bày bài sạch sẽ, khoa học

**4. Góp phần phát triển các NL**

- NL tự học, làm việc nhóm, NL tính toán

\* Bài tập cần làm: Bài 1a.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Bảng phụ

- HS: Vở BT, bút

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Quan sát, hỏi đáp, thảo luận nhóm.

- KT: động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** | |
| - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ | **1.Khởi động***:(5p)*  - GV dẫn vào bài mới | |
| **2. HĐ thực hành***:(30p)*  **\* Mục tiêu:** - Thực hiện được phép chia cho số có 4 chữ số cho số có 3 chữ số  - Biết vận dụng phép chia để giải các bài toán liên quan  **\* Cách tiến hành: Cá nhân – Nhóm – Lớp** | |
| - HS làm cá nhân – Chia sẻ nhóm 2 - Chia sẻ lớp  Đáp án  708 354 7552 236  000 2 0572 302  000  9060 453  0000 20  - HS làm vào vở Tự học – Chia sẻ lớp  Bài 2: Bài giải  Có tất cẩ số gói kẹo là:  24 x 120 = 2880 (gói)  Cần số hộp để xếp là:  2880 : 160 = 18 (hộp)  Đáp số: 18 hộp  Bài 3: Đáp án  a) 2205 : (35 x 7)  C1: 2205 : (35 x 7) = 2205 : 245 = 9  C2: 2205 : (35 x 7) = 2205 : 35 : 7 = 9  - Ghi nhớ cách chia cho số có 3 chữ số  - Tự nghĩ ra các phép chia số có 4 chữ số cho số có 3 chữ số và thực hành tính | **Bài 1a: *HSNK có thể làm cả bài***  - Gọi HS đọc yêu cầu  - GV lưu ý đối tượng HS M1 +M2 bước đặt tính và tính  ***Bài 2+ bài 3 (bài tập chờ dành cho HS hoàn thành sớm)***  - Nhận xét, chốt đáp án.  - Chốt lại cách chia một số cho 1 tích  **3. HĐ ứng dụng** (1p)  **4. HĐ sáng tạo** (1p) | |

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

:...................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TẬP LÀM VĂN**

**LUYỆN TẬP GIỚI THIỆU ĐỊA PHƯƠNG**

**I.MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Biết giới thiệu được trò chơi (hoặc lễ hội) ở quê hương để mọi người hình dung được diễn biến và hoạt động nổi bật.

**2. Kĩ năng**

- Dựa vào bài đọc Kéo co, thuật lại được các trò chơi đã giới thiệu trong bài.

**3. Thái độ**

- Giữ gìn, phát huy những trò chơi dân gian

**4. Góp phần phát triển NL:**

**-** NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL tự học, NL giao tiếp.

***\* KNS:*** *+ Tìm kiếm và xử lí thông tin*

*+ Thể hiện sự tự tin*

*+ Giao tiếp*

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Bảng phụ, tranh minh họa một số trò chơi hoặc một lễ hội …

- HS: SBT, bút, ...

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Quan sát, hỏi đáp, thảo luận nhóm

- KT: đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, chia sẻ nhóm 2, động não.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ | **1. Khởi động:(***5p)*  - GV nêu mục tiêu, yêu cầu bài học mới |
| **2. Hình thành KT** *(15p)*  **\* Mục tiêu:**  Dựa vào bài đọc Kéo co, thuật lại được các trò chơi đã giới thiệu trong bài. Biết giới thiệu được trò chơi (hoặc lễ hội) ở quê hương để mọi người hình dung được diễn biến và hoạt động nổi bật.  **\* Cách tiến hành: Cá nhân- Nhóm - Lớp** | |
| - 1 HS đọc thành tiếng – Lớp theo dõi  - Thực hiện YC của bài -> chia sẻ trước lớp  + Bài văn giới thiệu trò chơi kéo co của làng Hữu Trấp thuộc huyện Quế Võ- Bắc Ninh và Làng Tích Sơn-Vĩnh Yên- Vĩnh Phúc  - HS trao đổi nhóm đôi – Chia sẻ trước lớp  - 1 HS đọc to  - Cả lớp đọc thầm, lại toàn bài  - Chia sẻ YC của bài  - Vài HS nêu  - HS thảo luận trao đổi theo nhóm 4  - Đại diện từng nhóm trình bày trước lớp  - HS trao đổi, thảo luận  - HS nêu suy nghĩ của mình về các trò chơi, lễ hội tại địa phương  - Tìm hiểu về các trò chơi, lễ hội nổi tiếng khác trong tỉnh mình. | **Bài 1:**  - Gọi HS đọc lại bài tập đọc “Kéo co”  - Cho HS đọc thầm nêu tập quán được giới thiệu trong bài thuộc địa phương nào?  - GV nhận xét cho HS trao đổi theo nhóm để thuật lại các tập quán đã được giới thiệu.  - GV nhận xét, tuyên dương các nhóm  **Bài 2**:  - Gọi HS đọc yêu cầu đề bài  - GV hướng dẫn HS tìm hiểu đề bài:  *+ Đề bài yêu cầu gì?*  *+ Ở quê em có những trò chơi, lễ hội nào?*  *+ GV giới thiệu 1 số trò chơi, lễ hội ở sgk/ 160 -> cho hs quan sát tranh*  *+ Ngoài ra, đề bài còn yêu cầu ta điều gì?*  - GV chốt ý và nhắc nhở hs:  **+ Phần mở bài**: phải nêu được quê mình ở đâu? Có trò chơi hoặc lễ hội gì?  **+ Phần giới thiệu**: nêu rõ trò chơi (chi tiết), điều kiện để thắng đội bạn -> mục đích trò chơi lễ hội đó -> thái độ của những người cổ vũ, hâm mộ.  - GV cho HS thảo luận tự giới thiệu về trò chơi, lễ hội của địa phương mình cho các bạn trong nhóm cùng nghe.  - Gọi hs thi đua giới thiệu trò chơi, lễ hội của địa phương mình trước lớp.  - Cả lớp, GV nhận xét, tuyên dương  \**Chú ý trợ giúp đối tượng HS M1, M2 hoàn thiện nội dung học tập*  ->GV chốt kiến thức bài học  **4. HĐ ứng dụng** *(1p)*  - Giáo dục HS yêu quý, giữ gìn và phát huy các trò chơi dân gian, các lễ hội truyền thống  **5. HĐ sáng tạo** *(1p)* |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**KHOA HỌC**

**KHÔNG KHÍ GỒM NHỮNG THÀNH PHẦN NÀO ?**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Quan sát làm thí nghiệm đẻ phát hiện ra một số thành phần của không khí: khí ni-tơ, khí ô-xi, khí các-bô-níc.

**2. Kĩ năng**

- Làm thí nghiệm để nhận biết xung quanh mọi vật và chỗ rỗng bên trong vật đều có không khí.

**3. Thái độ**

**-**  Có ý thức bảo vệ không khí, môi trưỡng xanh- sạch- đẹp.

**4. Góp phần phát triển các năng lực:**

- NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL hợp tác.

**II. CHUẨN BỊ :**

**1. Đồ dùng**

- GV: Hình trang 66,67 SGK.

- HS: Chuẩn bị đồ dùng thí nghiệm theo nhóm:

+ Lọ thuỷ tinh, nến, chậu thuỷ tinh, vật liệu dùng làm đế kê lọ.

+ Nước vôi trong.

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Quan sát, hỏi đáp, thảo luận nhóm, trò chơi, thí nghiệm

- KT: động não, tia chớp, đặt câu hỏi, chia sẻ nhóm 2

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** | |
| - TBHT điều hành HS trả lời và nhận xét  *+ không khí trong suốt, không màu, không mùi, không vị, không có hình dạng nhất định, có thể bị nén lại hoặc giãn ra* | **1. Khởi động** (5p)  *+ Em hãy nêu những tính chất của không khí*  - GV nhận xét, khen/ động viên, dẫn vào bài mới. | |
| **2. Bài mới: *(****30p)*  **\* Mục tiêu:** - Làm thí nghiệm xác định hai thành phần chính của không khí là khí ô-xi duy trì sự cháy và khí ni-tơ không duy trì sự cháy.  - Làm thí nghiệm để chứng minh trong không khí còn có những thành phần khác.  **\* Cách tiến hành: Cá nhân-Nhóm- Lớp** | | |
| - HS báo cáo về việc chuẩn bị đồ dùng thí nghiệm  - HS đọc mục “Thực hành” trang SGK để làm TN  *+ Không khí mất đi, nước dâng lên chiếm chỗ. Không khí mất đi duy trì sự cháy gọi là ô- xi*  *+ Không duy trì sự cháy vì nến tắt gọi là ni- tơ.*  *+ Không khí gồm hai thành phần: một phần duy trì sự cháy và một phần không duy trì sự cháy.*  - Hs đọc mục “Bạn cần biết” trang 66 SGK.  - Quan sát và trả lời câu hỏi.  - Dựa vào mục “Bạn cần biết”để lí giải hiện tượng.  - Đại diện các nhóm trình bày.  *+ Bề mặt của cốc nước lạnh có nước do hơi nước trong không khí gặp lạnh và ngưng tụ.*  - Quan sát  *+ Khói, bụi, khí độc, vi khuẩn…*  - HS liên hệ việc giữ gìn bầu không khí trong lớp học, gia đình,...  - Dùng khí Ni tơ đã bị nén lại để dập tắt đám cháy vì khí Ni tơ không duy trì sự cháy. | | **\*Việc1:Xác định thành phần chính**  - Cho các nhóm báo cáo về việc chuẩn bị đồ dùng thí nghiệm.  - Yêu cầu hs đọc mục “Thực hành” trang SGK để biết cách làm.  - Hướng dẫn các nhóm: trước tiên cần thảo luận “Có phải không khí gồm hai thành phần chính là khí ô- xi duy trì sự cháy và khí ni- tơ không duy trì sự cháy không?  - Em hãy chú ý mực nước trong cốc:  *+ Tại sao khi nến tắt, nước lại dâng vào trong cốc?*  *+ Phần không khí còn lại có duy trì sự cháy không?*  *+ Thí nghiệm trên cho thấy không khí gồm hai thành phần chính nào?*  ***\* Người ta đã chứng minh được thể tích khí ni- tơ gấp 4 lần thể tích khí ô- xi trong không khí.***  **Kết luận:**  **\*Việc 2*: Tìm hiểu một số thành phần khác của không khí***.  - Dùng lọ nước vôi trong chon hs quan sát, sau đó bơm không khí vào. Nước vôi còn trong như lúc đầu không?  *+ Trong những bài học trước ta biết không khí có hơi nước, em hãy nêu VD chứng tỏ không khí có hơi nước.*  - Hãy quan sát hình 4,5 trang 67 SGK và kể thêm những thành phần khác có trong không khí.  - Che tối phòng học dùng đèn pin soi cho hs quan sát chùm ánh sáng sẽ thấy rõ bụi trong không khí.  *+ Vậy không khí gồm những thành phần nào?*  **\*GV kết luận: *Không khí gồm hai thành phần chính là ô- xi và ni- tơ. Ngoài ra còn chứa khí các- bô- níc, hơi nước, bụi, vi khuẩn.***  **3. Hoạt động ứng dụng** *(1p)*  - Giáo dục BVMT, bảo vệ bầu không khí trong sạch  **4. Hoạt động sáng tạo *(****1p)*  + Giải thích hiện tượng dùng bình chữa cháy để chữa cháy |

**ĐIỀU CHỈNH-BỔ SUNG**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

*Thứ ....... ngày ...... tháng ..... năm .........*

**LUYỆN TỪ VÀ CÂU**

**CÂU KỂ**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Hiểu thế nào là câu kể, tác dụng của câu kể (ND ghi nhớ )

**2. Kĩ năng**

- Nhận biết được câu kể trong đoạn văn (BT 1 III ); biết đặt một vài câu kể để kể tả, trình bày ý kiến (BT2)

**3. Thái độ**

- Yêu môn học,có thói quen vận dụng bài học vào thực tế.

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL tự học, NL ngôn ngữ, NL sáng tạo, NL giao tiếp.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Bảng lớp viết sẵn bài tập 1 phần nhận xét.

- HS: Vở BT, bút, ..

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm,

- KT: động não, đặt câu hỏi, chia sẻ nhóm 2, trình bày 1 phút

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của HS** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBVN điều hành | **1. Khởi động *(5p)***  - Lớp hát, vận động tại chỗ  - Dẫn vào bài mới |
| **2. Hình thành KT** *(15p)*  **\* Mục tiêu:** Hiểu thế nào là câu kể, tác dụng của câu kể (ND ghi nhớ )  **\* Cách tiến hành:** | |
| **Cá nhân- Nhóm 2- Lớp**  - HS đọc YC & thực hiện yêu cầu bài tập  - HS trao đổi N2  - Đại diện HS lên chia sẻ  **\*Dự kiến đáp án**:  *+ Câu: “Những kho báu ấy ở đâu?” là câu hỏi. Nó dùng để hỏi về một điều chưa biết.*  *+ Cuối câu hỏi có dấu chấm hỏi.*  - HS làm bài cá nhân -> chia sẻ trước lớp-> Thống nhất ý kiến:  - HS viết vào vở BT  *+ Tác dụng của các câu còn lại trong đoạn văn là kể, tả giới thiệu về Bu-ra-ti-nô : Bu-ra-ti-nô là một chú bé bằng gỗ (giới thiệu Bu-ra-ti-nô) / Chú có cái mũi rất dài (tả Bu-ra-ti-nô ) / Chú người gỗ được bác rùa tốt bụng Toóc-ti-la tặng cho chiếc chìa khoá vàng để mở một kho báu (kể sự việc).*  *+ Cuối các câu trên có dấu chấm.*  HS nêu yêu cầu  - HS làm bài cá nhân -> chia sẻ  **\*Dự kiến đáp án**:  *+ Ba-ra-ba uống rượu đã say (kể về Ba-ra-ba) / Vừa hơ bộ râu, lão vừa nói ( kể về Ba-ra-ba) Bắt được thằng người gỗ, ta sẽ tống nó vào lò sưởi (nói suy nghĩ của Ba-ra-ba ).*  *+ Câu kể dùng để: kể, tả hoặc giới thiệu về sự vật, sự việc nói lên ý kiến hoặc tâm tư, tình cảm của mỗi người.*  *+ Cuối câu trên có dấu chấm.*  - 2 HS đọc thành tiếng  - HS tiếp nối đặt câu:  + *Con mèo nhà em màu đen huyền.*  *+ Mẹ em hôm nay đi công tác*. | **a.  *Phần Nhận xét:***  **Bài tập 1:**  - Gọi HS đọc yêu cầu bài tập  - Gọi đại diện nhóm trình bày  *+ Câu: “Những kho báu ấy ở đâu?” là kiểu câu gì?*  *+ Cuối câu có dấu gì?*  - GV nhận xét kết luận lời giải đúng.  **Bài tập 2:**  - HS nêu yêu cầu và nội dung  *+ Các câu còn lại trong đoạn văn dùng để làm gì?*  *+ Cuối mỗi câu có dấu gì?*  - GV nhận xét, kết luận đáp án đúng.  **Bài 3:**  - Gọi HS đọc yêu cầu  - HS thảo luận nhóm  - GV nhận xét, chốt lời giải đúng  *+ Vậy câu kể dùng để làmg gì?*  *+ Dấu hiệu nào để nhận biết câu kể?*  ***b.* Ghi nhớ:**  - Gọi HS đọc phần ghi nhớ  - Gọi HS đặt câu kể |
| **3. Hoạt động thực hành (***18p)*  **\* Mục tiêu:** Nhận biết được câu kể trong đoạn văn (BT 1 III ); biết đặt một vài câu kể để kể tả, trình bày ý kiến (BT2)  **\* Cách tiến hành:** | |
| - Làm việc nhóm 2 – Chia sẻ lớp  - 5 câu trong đoạn văn đã cho đều là câu kể.  + Chiều chiều . . . thả diều thi. -> kể sự việc  + Cánh diều . . . cánh bướm . -> tả cánh diều  + Chúng tôi .. . lên trời . -> nói tâm trạng của bọn trẻ khi nhìn lên trời  + Sáo .. . trầm bổng . -> tả tiếng sáo lông ngỗng  + Sáo đơn ... vì sao sớm. -> kể sự việc.  *+ Câu kể dùng kể, tả, giới thiệu, nói lên ý kiến, nhận định*  *+ Cuối câu kể thường có dấu chấm*  - 1 HS đọc thầm yêu cầu bài.  - HS làm cá nhân - chia sẻ câu trước lớp  - Nhận xét, đánh giá câu của các bạn  - Sử dụng câu kể đúng mục đích trong văn nói và văn viết  - Chọn 1 bài tập đọc mà em thích, tìm câu kể và nêu tác dụng của câu kể. | **Bài 1: Bài tập 1:**  - HS đọc yêu cầu và nội dung.  - GV nhận xét kết luận đáp án đúng.      *+ Câu kể dùng để làm gì?*  *+ Dấu hiệu nào giúp nhận biết câu kể?*  **Bài tập 2**  - Gọi hs đọc yêu cầu và nội dung.  - Gọi hs trình bày- Lưu ý hình thức và nội dung của câu.  + *GV sửa lỗi dùng từ, diễn đạt cho Hs M1+ M2*  *+ Tuyên dương HS M3 +M4*  *+ Khuyến khích HS có sự cố gắng trong văn nói và viết*.  **4. HĐ ứng dụng** *(1p)*  **5. HĐ sáng tạo** *(1p)* |

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TOÁN**

***Tiết 80:* CHIA CHO SỐ CÓ BA CHỮ SỐ *(tiếp theo)***

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- Biết cách chia số có 5 chữ số cho số có 3 chữ số.

**2. Kĩ năng**

- Thực hiện được phép chia số có 5 chữ số cho số có 3 chữ số (chia hết, chia có dư).

- Biết vận dụng tính chất để giải các bài toán liên quan

**3. Thái độ**

- Tính chính xác, cẩn thận, trình bày bài sạch sẽ.

**4. Góp phần phát triển các NL**

- NL tự học, làm việc nhóm, NL tính toán

\* Bài tập cần làm: Bài 1.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Bảng phụ

- HS: Vở BT, bút

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Quan sát, hỏi đáp, thảo luận nhóm.

- KT: động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBVN điểu hành lớp hát, vận động tại chỗ | **1.Khởi động***:(5p)* |
| **2. Hình thành kiến thức***:(15p)*  **\* Mục tiêu:** Biết cách chia số có 5 chữ số cho số có 3 chữ số  **\* Cách tiến hành:** | |
| - HS đặt tính  - HS làm nháp theo sự hướng dẫn của GV  41535 195  0253  0585 213  000  41535 : 195 = 213  80120 245  0662  1720 327  05  80120 : 245 = 327 (dư 5)    - HS nhắc lại:  “ ***Số dư phải luôn luôn nhỏ hơn số chia”.*** | a. **Hướng dẫn HS trường hợp chia hết**  **41535 : 195 = ?**  a. Đặt tính.  b.Tìm chữ số đầu tiên của thương.  c. Tìm chữ số thứ 2 của thương  d. Tìm chữ số thứ 3 của thương  e. Thử lại: *lấy thương nhân với số chia phải được số bị chia*.  b. **Hướng dẫn HS trường hợp chia có dư:**  **80120 : 245 = ?**  - Tiến hành tương tự như trên (theo đúng 4 bước: Chia, nhân, trừ, hạ)  - Thử lại: *lấy thương nhân với số chia rồi cộng với số dư phải được số bị chia.*  **GV lưu ý HS:**  ***- Số dư phải luôn luôn nhỏ hơn số chia.***  - GV cần giúp HS tập ước lượng thương trong mỗi lần chia và trừ nhẩm số dư, đặc biệt là các HS M1, M2 |
| **3. HĐ thực hành (18p)**  **\* Mục tiêu:** Thực hiện chia được số có 5 chữ số cho số có 3 chữ số. Vận dụng giải các bài tập  **\* Cách tiến hành:** | |
| - Cá nhân – Chia sẻ nhóm 2 – Chia sẻ lớp  Đ/a:  62321 307 81350 187  0921 203 0655 435  000 0940  05      - HS làm vào vở Tự học – Chia sẻ lớp  Bài 2:  a. X x 405 = 86265  X = 86265 : 405  X = 213  b. 89658 : X = 293  X = 89658 : 293  X = 306  Bài 3: Bài giải  Trung bình một ngày nhà máy sản xuất là:  49410 :305 = 162 (sản phẩm)  Đ/S: 162 sản phẩm  - Ghi nhớ cách chia và cách ước lượng thương  - Tìm các bài tập cùng dạng trong sách Toán buổi 2 và giải | ***Bài 1: Đặt tính rồi tính.***  - Gọi HS đọc và xác định yêu cầu bài tập.  - Giúp đỡ HS M1, M2  - GV nhận xét, chốt đáp án.  - GV nhắc nhở hs ghi nhớ đặt tính và tính.  **Bài 2 +Bài 3 (*bài tập chờ dành cho HS hoàn thành sớm)***  - Củng cố cách tìm thành phần chưa biết trong phép tính  **4. HĐ ứng dụng** (1p)  **5. HĐ sáng tạo** (1p) |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

**TẬP LÀM VĂN**

**LUYỆN TẬP MIÊU TẢ ĐỒ VẬT**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Dựa vào dàn ý đã lập trong bài tập làm văn tuần 15.

- Viết được một bài văn miêu tả đồ chơi mà em thích với đủ 3 phần.

**2. Kĩ năng**

- Rèn kĩ năng viết một bài văn miêu tả đồ chơi**.**

**3. Thái độ**

- Thích quan sát, miêu tả đồ chơi, yêu quý, giữ gìn đồ chơi.

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL tự học, Sử dụng ngôn ngữ, NL sáng tạo

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: bảng phụ

- HS: một số đồ chơi

**2. Phương pháp, kĩ thuât**

- PP: Hỏi đáp, thảo luận nhóm, quan sát, thực hành.

- KT: đặt câu hỏi, động não, chia sẻ nhóm 2

**II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ | **1. Khởi động *(5p)***  - Kiểm tra việc chuẩn bị đồ chơi của HS.  - GV dẫn vào bài mới |
| **2. Hình thành kiến thức***:(15p)*  **\*Mục tiêu:** Dựa vào dàn ý đã lập trong bài tập làm văn tuần 15, HS viết được một bài văn miêu tả đồ chơi mà em thích với đủ 3 phần  **\* Cách tiến hành:** | |
| - HS đọc to: Tả một đồ chơi mà em thích  - HS đọc thầm  - 1 HS đọc to - HS đọc thầm  - HS lắng nghe  - 1 HS đọc M  - 1 HS nêu miệng mở bài của mình  - 1 HS đọc  - 1 HS nêu miệng các đoạn của phần TB và nội dung miêu tả trong mỗi đoạn.  - 1 HS nêu miệng  - Cả lớp làm bài (Viết bài cá nhân)  - HS chia sẻ bài viết trước lớp  - HS thực hành theo hướng dẫn  - Hoàn chỉnh bài văn miêu tả đồ vật  - Làm cho các câu còn mắc lỗi của mình/ bạn trở nên giàu hình ảnh và sinh động hơn | ***a. Hướng dẫn tìm hiểu đề bài***  - Gọi HS đọc đề bài.  - Cho HS đọc thầm lại dàn ý đã chuẩn bị.  - Cả lớp đọc thầm phần gợi ý SGK các mục 2, 3, 4  - GV hướng dẫn HS trình bày kết cấu 3 phần của một bài tập làm văn:  \***Mở bài** : Chọn 1 trong 2 cách mở bài trực tiếp hay gián tiếp  - Cho HS đọc lại minh họa M/SGK và trình bày mẫu mở bài theo ý thích.  **\*Thân bài**:  - Cho HS đọc lại minh họa M/SGK và trình bày mẫu thân bài theo ý thích gồm: mở đoạn, thân đoạn, kết đoạn .  **\*Kết bài**: Chọn 1 trong 2 cách kết bài mở rộng hay không mở rộng  - Cho 1 HS trình bày mẫu kết bài của mình  ***b. Học sinh viết bài***  - GV nhắc nhở HS những điều cần chú ý: Bố cục của bài văn,...  *- GV trợ giúp cho HS M1 +M2(chú ý cách dùng từ, sử dụng dấu câu, ...)*  - GV thu một số bài, nhận xét và đánh giá chung  - Viết lên bảng một số câu mắc lỗi và y/c HS sửa lỗi cho bạn  **3. HĐ ứng dụng** *(1p)*  **4. HĐ sáng tạo** *(1p* |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................­

**ĐỊA LÍ (CT HIỆN HÀNH)**

**THỦ ĐÔ HÀ NỘI**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Nêu được một số đặc điểm chủ yếu của thành phố Hà Nội:

+ Thành phố lớn ở trung tâm đồng bằng Bắc Bộ.

+Là trung tâm chính trị, văn hóa, khoa học và kinh tế của đất nước.

**2. Kĩ năng**

- Xác định được trên Bản đồ vị trí thủ đô Hà Nội

\* HS NK : Dựa vào các hình 3, 4 trong SGK so sánh những điểm khác nhau giữa khu phố cổ và khu phố mới (về nhà cửa, đường phố,…).

**3. Thái độ**

- HS có ý thức giữ tự hào về truyền thống của Hà Nội nghìn năm văn hiến

**4. Góp phần phát triển các năng lực:**

- NL tự chủ, NL giải quyết vấn đề, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: + Đài đĩa ghi bài hát về thủ đô HN (...)

+ Bản đồ hành chính, giao thông, công nghiệp Việt Nam.

+ Bản đồ Hà Nội. Tranh ảnh về Hà Nội.

- HS: SGK, tranh, ảnh

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm, thuyết trình

- KT: đặt câu hỏi, trình bày một phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm 2

I**II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - HS lắng nghe | **1.Khởi động:***(5p)*  - Cho HS nghe bài hát về Hà Nội  - GV giới thiệu bài mới |
| **2. Bài mới:***(30p)*  **\* Mục tiêu: -** Nêu được một số đặc điểm chủ yếu của thành phố Hà Nội: Thành phố lớn ở trung tâm đồng bằng Bắc Bộ. Là trung tâm chính trị, văn hóa, khoa học và kinh tế của đất nước.  - Chỉ được thủ đô Hà Nội trên bản đồ (lược đồ).  **\* Cách tiến hành: Cá nhân- Nhóm-Lớp** | |
| **Cá nhân - Lớp**  + Diện tích: 3358, 9 km2  + Số dân: 6 654 800 người (2016)  - HS quan sát bản đồ hành chính & trả lời – 1 HS lên chỉ vị trí trên bản đồ  - HS quan sát bản đồ giao thông & trả lời: *đường sắt, đường bộ, đường hàng không*  *+ Đường sắt, đường bộ*  **Nhóm 4 – Lớp**  - Các nhóm HS thảo luận theo gợi ý của GV – Chia sẻ trước lớp  *+ Năm 1010, tên Thăng Long. Tính đến nay được 1008 năm*  *+ Tên phố gắn với loại mặt hàng buôn bán, nhà cửa cổ kính, san sát nhau,...*  *+ Rộng rãi, nhà của san sát, cao tầng, đường phố to và rộng*  *+ Hồ Hoàn Kiếm, Tháp Rùa, Đền Ngọc Sơn, Cột cờ Hà Nội,.....*  - HS quan sát tranh vẽ  **Nhóm 2 – Lớp**  - Các nhóm HS thảo luận theo gợi ý của GV – Chia sẻ nội dung  *+ Nơi làm việc của cơ quan lãnh đạo cao nhất:....*  *+ Nhiều trung tâm thương mại, giao dịch,...*  *+ Tập trung nhiều viện nghiên cứu, trường đại học, viện bảo tàng,...*  - HS kể  - Sưu tầm, giới thiệu các bài hát, bài thơ hay về thủ đô Hà Nội. | **HĐ 1: Hà Nội – thành phố lớn ở TT đồng bằng BB**  - Nêu diện tích và số dân của Hà Nội.  ***- GV kết luận: Đây là thành phố lớn nhất miền Bắc.***  - GV treo bản đồ hành chính Việt Nam.  *+ Vị trí của Hà Nội ở đâu?*  - GV treo bản đồ giao thông Việt Nam.  *+ Từ Hà Nội có thể đi tới các nơi khác (tỉnh khác & nước ngoài) bằng các phương tiện & đường giao thông nào?*  *+ Từ tỉnh (thành phố) em có thể đến Hà Nội bằng những phương tiện nào?*  **HĐ 2: Thành phố cổ đang ngày càng phát triển**  *+ Hà Nội được chọn làm kinh đô nước ta vào năm nào? Khi đó kinh đô có tên là gì? Tới nay Hà Nội được bao nhiêu tuổi?*  *+ Khu phố cổ có đặc điểm gì? (Ở đâu? Tên phố có đặc điểm gì? Nhà cửa, đường phố?)*  *+ Khu phố mới có đặc điểm gì? (nhà cửa, đường phố…)*  *+ Kể tên những danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử của Hà Nội.*  - GV trợ giúp HS hoàn thiện phần trình bày.  - GV kể thêm về các danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử của Hà Nội (Văn miếu Quốc tử giám, chùa Một Cột…)  **HĐ 3: Hà Nội – TT chính trị, văn hoá, khoa học và kinh tế lớn của cả nước**  - Nêu những dẫn chứng thể hiện Hà Nội là:  + Trung tâm chính trị  + Trung tâm kinh tế lớn  + Trung tâm văn hoá, khoa học  - Kể tên một số trường đại học,viện bảo tàng của Hà Nội.  ->GV chốt kiến thức bài học - Chốt lại bài học  **3. Hoạt động ứng dụng *(1p)***  - Giáo dục ý thức tự hào thủ đô nghìn năm văn hiến  **4. Hoạt động sáng tạo** *(1p)* |

**ĐIỀU CHỈNH-BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**SHTT - KNS**

**ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC TUẦN 16**

**NGHĨA VỤ TRẺ EM**

**I. MỤC TIÊU:**

- Nắm đ­­ược ưu - khuyết điểm trong tuần 16

- Phát huy ­­ưu điểm, khắc phục nh­­ược điểm.

- Biết đ­­ược phư­ơng h­­ướng tuần 17

- GD HS có tinh thần đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau.

**II. CHUẨN BỊ:**

- GV: Nắm được ưu – khuyết điểm của HS trong tuần

- HS: Chủ tịch Hội đồng tự quản và các Trưởng ban chuẩn bị ND báo cáo.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG CHÍNH:**

***1. Khởi động***

- Lớp tham gia trò chơi: Truyền tin

***2. Lớp báo cáo hoạt động trong tuần:***

- 4 Trưởng ban lên nhận xét các thành viên trong tổ và xếp loai từng thành viên.

- Tổ viên các tổ đóng góp ý kiến.

- Chủ tịch HĐTQ lên nhận xét chung các ban.

- GV nhận xét chung:

+ Nề nếp:

.................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

+ Học tập:

.................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

***3. Ph­ương h­­ướng tuần sau:***

- Tiếp tục thi đua: Học tập tốt, thực hiện tốt nề nếp, vâng lời thầy cô, nói lời hay làm việc tốt, chào mừng ngày hội Quốc phòng toàn dân 22/12

.................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

***4. Lớp văn nghệ - múa hát tập thể.***

**TUẦN 17** *Thứ ....... ngày ...... tháng ..... năm .........*

**TẬP ĐỌC**

**RẤT NHIỀU MẶT TRĂNG**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Hiểu ND: Cách nghĩ của trẻ em về thế giới, về mặt trăng ngộ nghĩnh đáng yêu.

**2. Kĩ năng**

- Đọc trôi chảy, rành mạch, biết đọc với giọng đọc nhẹ nhàng, chậm rãi; bước đầu biết đọc diễn cảm đoạn văn có lời nhân vật (chú hề, nàng công chúa nhỏ) và người dẫn chuyện. đọc phân biệt lời người dẫn chuyện với lời các nhân vật: chú bé, nàng công chúa nhỏ và lời người dẫn chuyện.

**3. Thái độ**

- HS tích cực, tự giác trong tiết học.

**4. Góp phần phát triển năng lực**

**-** Năng lực tự học, NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: + Tranh minh hoạ bài tập đọc (phóng to nếu có điều kiện).

+ Bảng phụ viết sẵn đoạn luyện đọc

- HS: SGK, vở viết

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- Phương pháp: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm.

- Kĩ thuật: Kĩ thuật đặt câu hỏi, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** | |
| - TBHT điều hành lớp trả lời, nhận xét  *+ HS nêu: Chú bé người gỗ Bu-ra-ti-nô thông minh và dũng cảm đã moi được điều bí mật từ những kẻ độc ác và thoát thân an toàn.* | **1. Khởi động:** *(5p)*  - Đọc phân vai bài: Trong quán ăn "Ba Cá Bống"  *+ Nêu nội dung bài*  - GV nhận xét, dẫn vào bài. Giới thiệu bài | |
| **2. Luyện đọc:** *(8-10p)*  **\* Mục tiêu:** Đọc trôi chảy, rành mạch, biết đọc với giọng đọc nhẹ nhàng, chậm rãi; bước đầu biết đọc diễn cảm đoạn văn có lời nhân vật (chú hề, nàng công chúa nhỏ) và người dẫn chuyện, đọc phân biệt lời người dẫn chuyện với lời các nhân vật: chú bé, nàng công chúa nhỏ và lời người dẫn chuyện.  \* **Cách tiến hành:** | | |
| - 1 HS đọc bài, cả lớp đọc thầm  - Lắng nghe  - Lớp trưởng điều hành cách chia đoạn  - Bài được chia làm 3 đoạn  + Đoạn 1: Tám dòng đâu  + Đoạn 2: Tiếp theo đến *Tất nhiên là bằng vàng rồi.*  + Đoạn 3: Phần còn lại  - Nhóm trưởng điều hành nhóm đọc nối tiếp đoạn trong nhóm lần 1 và phát hiện các từ ngữ khó (*bằng chừng nào, treo ở đâu , tất nhiên....)*  - Luyện đọc từ khó: Đọc mẫu (M4)-> Cá nhân (M1)-> Lớp  - Giải nghĩa từ khó (đọc chú giải)  - HS đọc nối tiếp đoạn lần 2 theo điều khiển của nhóm trưởng  - Các nhóm báo cáo kết quả đọc  - 1 HS đọc cả bài (M4) | | - Gọi 1 HS đọc bài (M3)  - GV lưu ý giọng đọc cho HS: Toàn bài đọc với giọng nhẹ nhàng, chậm rãi, chú ý phân biệt lời các nhân vật: chú hề, nàng công chúa  - GV chốt vị trí các đoạn:  - Lưu ý sửa lỗi đọc và ngắt nghỉ cho các HS (M1)    - Giải nghĩa từ "vời" (*cho mời người dưới quyền đến (một cách trang trọng)* |
| **3. Tìm hiểu bài:** *(8-10p)*  **\* Mục tiêu:** HS hiểu: Cách nghĩ của trẻ em về thế giới, về mặt trăng ngộ nghĩnh đáng yêu. (Trả lời được các câu hỏi trong SGK )  **\* Cách tiến hành: *Làm việc nhóm 4 – Chia sẻ trước lớp*** | | |
| - 1 HS đọc các câu hỏi trong phiếu  - HS làm việc theo nhóm 4 – Chia sẻ kết quả dưới sự điều hành của TBHT  *+ Cô bị ốm nặng*  *+ Mong muốn có mặt trăng và nói cô sẽ khỏi ngay nếu có một mặt trăng.*  *+ Vì mặt trăng ở rất xa và to gấp hàng nghìn lần đất nước của nhà vua.*  *+ Nhà vua cho vời tất cả các đại thần, các nhà khoa học đến để bàn cách lấy mặt trăng cho công chúa*  *+ Đòi hỏi đó không thể thực hiện được*  *+ Than phiền với chú hề.*  *+ Chú hề cho rằng trước hết phải hỏi công chúa, xem nàng nghĩ về mặt trăng như thế nào đã. Vì chú tin rằng cách nghĩ của trẻ em khác với người lớn.*  *+ Công chúa nghĩ ra rằng mặt trăng chỉ to hơn móng tay cô, mặt trăng ngang qua ngọn cây trước cửa sổ và được làm bằng vàng.*  *+ Chú tức tốc đến gặp bác thợ kim hoàn đặt ngay một mặt trăng bằng vàng, lớn hơn móng tay của công chúa cho mặt trăng vào cọng dây chuyền vàng để công chúa đeo vào cổ.*  *+ Vui sướng ra khỏi giường bệnh, chạy tung tăng khắp vườn.*  \* **Nội dung: Câu chuyện cho em hiểu rằng cách nghĩ của trẻ em khác với suy nghĩ của người lớn.**  - HS ghi lại nội dung bài | | - GV phát phiếu học tập cho HS  *+ Chuyện gì xảy ra với cô công chúa?*  *+ Cô công chúa nhỏ có nguyện vọng gì?*  *+ Tại sao họ cho rằng đòi hỏi đó không thể thực hiện được?*  *+ Trước yêu cầu của công chúa nhà vua đã làm gì?*  *+ Các vị đại thần và các nhà khoa học nói với nhà vua như thế nào về đòi hỏi của công chúa ?*  *+ Nhà vua than phiền với ai?*  *+ Cách nghĩ của chú hề có gì khác với các đại thần và các nhà khoa học?*  *+ Tìm những chi tiết cho thấy cách nghĩ của công chúa nhỏ về mặt trăng rất khác cách nghĩ của người lớn.*  *+ Chú hề đã làm gì để có mặt trăng cho công chúa?*  *+ Thái độ của cô công chúa như thế nào khi nhận món quà?*  *+ Nội dung chính của bài là gì?* |
| **4. Luyện đọc diễn cảm***(8-10p)*  **\* Mục tiêu:** HSđọc diễn cảm được đoạn 2 của bài, nhấn giọng ở các từ ngữ, phân biệt được lời của chú hề và lời của công chúa  **\* Cách tiến hành: Hoạt động cá nhân – nhóm - cả lớp** | | |
| - HS nêu lại giọng đọc cả bài  - 1 HS M4 đọc mẫu toàn bài  - Nhóm trưởng điều hành các thành viên trong nhóm  + Luyện đọc phân vai trong nhóm  + Cử đại diện đọc trước lớp  - Bình chọn nhóm đọc hay.  - Ghi nhớ nội dung bài  - Lấy VD để chứng tỏ rằng suy nghĩ của trẻ em rất khác so với suy nghĩ của người lớn. | | - Yêu cầu HS nêu giọng đọc toàn bài.  - Yêu cầu đọc diễn cảm đoạn 2  - GV nhận xét, đánh giá chung  **5. Hoạt động ứng dụng** *(1 phút)*  **6. Hoạt động sáng tạo** *(1 phút)* |

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TOÁN**

***Tiết 81:* LUYỆN TẬP**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Củng cố kiến thức về chia cho số có 3 chữ số

**2. Kĩ năng**

- Thưc hiện chia được cho số có 3 chữ số

- Vận dụng giải toán có liên quan

**3. Thái độ**

- HS có thái độ học tập tích cực.

**4. Góp phần phát triển năng lực:**

**-** Năng lực tự học, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL tư duy - lập luận logic.

\* Bài tập cần làm: Bài 1a

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Phiếu học tập

- HS: Sách, bút

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- Phương pháp vấn đáp, động não, thực hành, đặt và giải quyết vấn đề, hoạt động nhóm, trò chơi học tập

- Kĩ thuật đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC;**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** | |
| - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ. | **1. Khởi động:** *(5p)* | |
| **2. HĐ thực hành***:(30p)*  **\* Mục tiêu:** - Rèn kĩ năng chia cho số có 3 chữ số  **\* Cách tiến hành: Cá nhân – Nhóm- Lớp** | | |
| **Cá nhân=> Cả lớp**  - Cả lớp đọc thầm  - HS cả lớp làm bài vào vở -> chia sẻ trước lớp.  Kết quả tính đúng là :  54322 346 25275 108  1972 157 367 234  2422 435  000 03  86679 214  01079 405  009  - HS làm vào vở Tự học – Chia sẻ lớp  Bài 2 Bài giải  Đổi 18 kg = 18 000 g  Mỗi gói có số gam muối là:  18000 : 240 = 75 (g)  Đáp số: 75 g muối  Bài 3: Bài giải  Chiều rộng của sân bóng là:  7140 : 105 = 68 (m)  Chu vi sân bóng là:  (105 + 68) x 2 = 346 (m)  Đáp sô: 68m  346 m  - Ghi nhớ KT được luyện tập  - Tìm các bài tập cùng dạng trong sách Toán buổi 2 và giải | | **Bài 1a. *HSNK làm cả bài***  **Bài 1(a): Cá nhân=> Cả lớp**  - HS đọc yêu cầu  - GV yêu cầu HS tự làm bài.  \**GV trợ giúp cách ước lượng thương cho HS M1+ M2*  \* **GV củng cố** *cách ước lượng tìm thương trong trường hợp chia cho số có ba chữ số..*  **Bài 2+ Bài 3 (*bài tập chờ dành cho HS hoàn thành sớm)***    - Củng cố cách tính chu vi hình chữ nhật  - Giới thiệu với HS đôi nét về sân vận động QG Mĩ Đình  **3. Hoạt động ứng dụng *(1p)***  **4. Hoạt động sáng tạo *(1p)*** |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**KHOA HỌC (CT HIỆN HÀNH)**

**ÔN TẬP HỌC KÌ I**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Củng cố và hệ thống hoá kiến thức:

+Tháp dinh dưỡng cân đối.

+ Một số tính chất của nước và không khí; thành phần chính của không khí.

+ Vòng tuần hoàn của nước trong tự nhiên.

+ Vai trò của nước trong không khí và trong sinh hoạt, lao động sản xuât và vui chơi giải trí.

**2. Kĩ năng**

**-** Hệ thống lại được các kiến thức.

*\*ĐCND: Không yêu cầu tất cả HS vẽ tranh cổ động bảo vệ môi trường nước và không khí, GV động viên, khuyến khích để những HS năng khiếu có điều kiện vẽ hoặc sưu tầm.*

**3. Thái độ**

- Yêu khoa học, chịu khó tìm tòi về khoa học tự nhiên.

**4. Góp phần phát triển các năng lực:**

- NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL hợp tác,...

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Hình vẽ “Tháp dinh dưỡng cân đối” chưa hoàn thiện đủ dùng cho các nhóm.

- HS: + Sưu tầm tranh ảnh hoặc đồ chơi về việc sử dụng nước, không khí trong sinh hoạt, lao động sản xuất và vui chơi giải trí.

+ Giấy khổ to, bút màu đủ dùng cho cả nhóm.

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: quan sát, hỏi đáp, thảo luận, trò chơi học tập, thí nghiệm.

- KT: Động não, chia sẻ nhóm đôi, tia chớp

**II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt đông của của học sinh** | **Hoạt đông của giáo viên** |
| - HS trả lời dưới sự điều hành của TBHT  *+ Không khí gồm có oxi, ni tơ, các-bô-níc, khói, bụi và một số khí khác* | **1, Khởi động *(4p)***  *+ Không khí gồm những thành phần nào?*  - GV nhận xét, khen/ động viên, dẫn vào bài mới. |
| **2. Bài mới:***(30p)*  **\* Mục tiêu:** Giúp HS củng cố và hệ thống các kiến thức về:  + Tháp dinh dưỡng cân đối.  + Một số tính chất của nước và không khí; thành phần chính của không khí.  + Vòng tuần hoàn của nước trong tự nhiên  **\* Cách tiến hành: Cá nhân-Nhóm –Lớp** | |
| **Nhóm 4 - Lớp**    - Đọc kĩ nhiệm vụ của nhóm  - Các nhóm thi đua hoàn thiện “Tháp dinh dưỡng cân đối”  - Đại diện các nhóm chia sẻ KQ thảo luận.  - Làm việc nhóm 4 – Chia sẻ kết quả:  *+ Trong suốt, không màu, không mùi, không vị, không có hình dạng nhất định, chảy từ cao xuống thấp, lan ra mọi phía, hoà tan một số chất, thấm qua một số vật.*  *+ Trong suốt, không màu, không mùi, không vi, không có hình dạng nhất định, có thể bị nén lại hoặc giãn ra*  *+ Trong suốt, không màu, không mùi, không vị, không có hình dạng nhất định.*  *+ Hơi nước bốc lên cao, gặp lạnh ngưng tụ lại thành các đám mây. Nước từ các đám mây rơi xuống đất tạo thành mưa*  - HS kể cá nhân theo chủ đề  - HS chia sẻ cách kể của mình với bạn trong nhóm (kể theo chủ đề)  + Nhóm trưởng phân công các thành viên làm việc.  + Các thành viên tập thuyết trình,  + Đại diện nhóm trình bày kể theo chủ đề.  - Đại diện các nhóm trình bày  - Các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn  - Ghi nhớ KT ôn tập – Chuẩn bị cho bài KTDDK cuối học kì I  - Vẽ tranh hoặc sưu tầm tranh cổ động bảo vệ môi trường nước và không khí. | **Việc 1:** ***Trò chơi “Ai nhanh, ai đúng***”  - Chia nhóm, phát hình vẽ “Tháp dinh dưỡng cân đối” chưa hoàn thiện.  - Yêu cầu các nhóm thi đua hoàn thiện.  - Nhận xét các sản phẩm và tuyên bố kết quả thi đua.  **Việc 2: Ôn tập về nước và không khí.**  - Yêu cầu HS thảo luận nhóm và trả lời các câu sau  *+ Nước có tính chất gì?*  *+ Không khí có tính chất gì?*  *+Không khí và nước có tính chất gì giống nhau?*  *+ Nói về vòng tuần hoàn của nước trong tự nhiên*  - GV chốt kiến thức  **Việc 3:** ***Thi kể về vai trò của nước và không khí đối với sự sống và hoạt động vui chơi giải trí của con người***.  - YC kể cá nhân theo chủ đề  - Kể theo nhóm 4  - Đại diện các nhóm thi kể theo chủ đề  - Nhận xét, đánh giá, tuyên dương nhóm kể tốt  **3. HĐ ứng dụng *(1p)***  **4. HĐ sáng tạo *(1p)*** |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

..................................................................................................................................................................................................................................................................

*Thứ ....... ngày ...... tháng ..... năm .........*

**CHÍNH TẢ**

**MÙA ĐÔNG TRÊN RẺO CAO**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức:**

- Nghe – viết lại đúng chính tả, trình bày đúng một đoạn văn*,* bài viết không mắc quá 5 lỗi trong bài

- Làm đúng BT2a phân biệt l/n

**2. Kĩ năng:**

**-** Rèn kĩ năng viết đẹp, viết đúng chính tả.

**3. Thái độ:**

**-** Giáo dục tính cẩn thận, chính xác, yêu thích chữ viết

**4. Góp phần phát triển năng lực:**

**-** NL tự chủ và tự học, NL sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ.

***\* GD BVMT****: HS thấy được những nét đẹp của thiên nhiên vùng núi cao trên đất nước ta. Từ đó, thêm yêu quý môi trường thiên nhiên.*

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Bảng phụ, phiếu học tập.

- HS: Vở, bút,...

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- Phương pháp vấn đáp, động não, quan sát, thực hành, đặt và giải quyết vấn đề, hoạt động nhóm, trò chơi học tập.

- Kĩ thuật đặt câu hỏi, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ | **1. Khởi động: (***2p***)**  ***-*** GV dẫn vào bài mới |
| **2. Chuẩn bị viết chính tả:** *(6p)*  **\* Mục tiêu:** HS hiểu được nội dung bài CT, viết được các từ khó, dễ lẫn và các hiện tượng chính tả, cách viết đoạn văn.  **\* Cách tiến hành:** | |
| - 1 HS đọc- HS lớp đọc thầm  *+ Mây theo các sườn núi trườn xuống, mưa bụi, hoa cải nở vàng trên sườn đồi, nước suối cạn dần những chiếc lá cuối cùng lìa cành.*  *+ các đám mưa bụi, hoa cải vàng, những con suối,....*  - Lắng nghe  *-* HS nêu từ khó viết*: trườn xuống, lá chít bạc, khua lao xao, lìa cành, dải sỏi cuội,.....*  *-* Viết từ khó vào vở nháp | \*. Trao đổi về nội dung đoạn cần viết  - Gọi HS đọc đoạn văn cần viết  *+ Những dấu hiệu nào cho biết mùa đông đã về với rẻo cao?*  *+ GDBVMT: Thiên nhiên của vùng núi cao có nét đẹp gì?*  ***\* Mỗi vùng miền trên đất nước đều có những vẻ đẹp riêng, chúng ta cần trân quý và giữ gìn những vẻ đẹp ấy***  - Hướng dẫn viết từ khó: Gọi HS nêu từ khó, sau đó GV đọc cho HS luyện viết. |
| **3. Viết bài chính tả:** *(15p)*  **\* Mục tiêu:** Hs nghe - viết tốt bài chính tả theo hình thức đoạn văn.  **\* Cách tiến hành:** | |
| - HS nghe - viết bài vào vở | - GV đọc bài cho HS viết  - GV theo dõi và nhắc nhở, giúp đỡ HS viết chưa tốt.  - Nhắc nhở cách cầm bút và tư thế ngồi viết. |
| **4. Đánh giá và nhận xét bài:** *(5p)*  **\* Mục tiêu:** Giúp HS tự đánh giá được bài viết của mình và của bạn. Nhận ra các lỗi sai và sửa sai  **\* Cách tiến hành: Cá nhân- Cặp đôi** | |
| - Học sinh xem lại bài của mình, dùng bút chì gạch chân lỗi viết sai. Sửa lại xuống cuối vở bằng bút mực  - Trao đổi bài (cặp đôi) để soát hộ nhau  - Lắng nghe. | - Cho học sinh tự soát lại bài của mình theo.  - GV nhận xét, đánh giá 5 - 7 bài  - Nhận xét nhanh về bài viết của HS |
| **5. Làm bài tập chính tả:** *(5p)*  **\* Mục tiêu:** Giúp HS phân biệt được l/n  **\* Cách tiến hành: Cá nhân-Cặp đôi- Chia sẻ trước lớp** | |
| Đáp án:  **a) loại** nhạc ngủ**, lễ** hội**, nổi** tiếng  Đáp án:  giấc mộng, làm người, xuất hiện, nửa mặt, lấc láo, cất tiếng, lên tiếng, nhấc, đất, lảo đảo, thật dài, nắm tay.  - Viết lại 5 lần các từ viết sai trong bài chính tả  - Lấy VD để phân biệt các tiếng âc/ ât | **Bài 2a:** Tìm và viết các từ ngữ chứa tiếng bắt đầu bằng l/n  **Bài 3:**  **6. Hoạt động ứng dụng** *(1p)*  **7. Hoạt động sáng tạo** *(1p)* |

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

...................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TOÁN**

***Tiết 82:* LUYỆN TẬP CHUNG**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Củng cố kiến thức về phép nhân, phép chia và biểu đồ.

**2. Kĩ năng**

- Rèn kĩ năng thực hiện phép nhân, phép chia cho số có 2chữ số, 3 chữ số.

- Kĩ năng đọc bản đồ

**3. Thái độ**

- HS tích cực, cẩn thận khi làm bài

**4. Góp phần phát huy các năng lực**

**-** Năng lực tự học, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL tư duy - lập luận logic.

\* BT cần làm: Bài 1 bảng 1 (ba cột đầu), bảng 2 (ba cột đầu); bài 4a,b.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Bảng phụ

- HS: SGK,...

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm

- Kĩ thuật: đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của HS** | **Hoạt động của GV** |
| - TBVN điều hành lớp hát, nhận xét tại chỗ | **1. Khởi động *(5p)***    - Giới thiệu bài mới |
| **2. HĐ thực hành (30p)**  **\* Mục tiêu:** - Thực hiện được phép nhân, phép chia.  - Biết đọc thông tin trên biểu đồ  **\* Cách tiến hành:** **Cá nhân- Nhóm – Lớp** | |
| - HS nêu YC  - HS thực hiện cá nhân - Chia sẻ nhóm 2 – Chia sẻ lớp.  Đáp án:   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | Thừa số | 27 | 23 | 23 | | Thừa số | 23 | 27 | 27 | | Tích | 621 | 621 | 621 |      |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | Số bị chia | 66178 | 66178 | 66178 | | Số chia | 203 | 203 | 326 | | Thương | 326 | 326 | 203 |   - HS làm N2 – Chia sẻ lớp  **Bài giải**   1. Số cuốn sách T1 bán ít hơn T4 là   5500 – 4500 = 1000 (cuốn)   1. Số cuốn sách T2 bán nhiều hơn T3 là   6250- 5750 = 500 (cuốn)  c) TB mỗi tuần bán số cuốn sách là:  (4500 + 6250 + 5750 + 5500) : 4 = 5500 (cuốn)  Đ/S: a)1000 cuốn sách  b) 500 cuốn sách  c) 5500 cuốn  - HS làm vào vở Tự học – Chia sẻ lớp  Bài 2: Đáp án  39870 123  297 324  510  18  25863 251  763 103  10    30395 217  869 140  015  Bài 3 Bài giải  Số bộ ĐDDH- Sở GD nhận về là:  40  468 = 18720 ( bộ )  Số bộ ĐDDH mỗi trường nhận về là:  18720 : 156 = 120 ( bộ )  Đáp số: 120 bộ đồ dùng học Toán  - Ghi nhớ KT đã ôn tập  - Tìm các bài tập cùng dạng trong sách Toán buổi 2 và giải. | **Bài 1.** ***Mỗi bảng 3 cột đầu. HSNK có thể làm hết bài***  - GV nhận xét, chữa bài và kết luận đáp án đúng.  ***- Củng cố HS M1+M1 về cách tìm thành phần chưa biết trong phép tính***  + *Tìm thừa số chưa biết ?*  *+ Tìm số chia ?*  *+T số bị chia?*  **Bài 4:** ***a,b. HSNK có thể làm cả bài***  - Yêu cầu hs quan sát biểu đồ và làm nhóm 2  - GV nhận xét kết luận đáp án đúng.  \* GV trợ giúp HS M1+M2 đọc biểu đồ rồi trả lời các câu hỏi như SGK.  **Bài 2 + Bài 3 *(Bài tập chờ dành cho HS hoàn thành sớm)***  - Củng cố cách đặt tính và tính, cách ước lượng thương, phép chia mà thương có chữ số 0  **4. Hoạt động ứng dụng** *(1p)*  **5. Hoạt động sáng tạo** *(1p)* |

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**LỊCH SỬ (CT HIỆN HÀNH)**

**ÔN TẬP CUỐI KÌ I**

**1. Kiến thức**

**-**  Hệ thống lại những sự kiện tiêu biểu về các giai đoạn lịch sử từ buổi đầu dựng nước đến cuối thế kỉ XIII: Nước Văn Lang, Âu Lạc: hơn một nghìn năm đấu tranh giành độc lập: bổi đầu độc lập: nước Đại Việt thời Lý: nước Đại Việt thời Trần.

**2. Kĩ năng**

- Rèn kĩ năng sử dụng lược đồ, thuyết trình, kể chuyện.

**3. Thái độ**

- Tự hào về truyền thống chống giặc ngọại xâm của dân tộc.

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL ngôn ngữ, NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: + Phiếu học tập cho từng HS.

PHIẾU HỌC TẬP

Họ và tên : .......................…………………………………………………………..

1. Em hãy ghi tên các giai đoạn lịch sử đã được học từ bài 7 đến bài 19 vào bảng thời gian dưới đây:

Năm 938 1009 1226 TK XIV

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Các giai đoạn lịch sử |  |  |  |  |

2 . Hoàn thành bảng thống kê sau:

a. Các triều đại Việt Nam từ năm 938 đến cuối thế kỉ thứ XIV

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Thời gian | Triều đại | Tên nước | Kinh đô |
| 938 - 968 | Nhà Ngô |  |  |
|  | Nhà Đinh |  |  |
|  | Nhà Tiền Lê |  |  |
|  | Nhà Lý |  |  |
|  | Nhà Trần |  |  |

b. Các sự kiện lịch sử từ buổi đầu dựng nước đến cuối thời Trần

|  |  |
| --- | --- |
| Thời gian | Tên sự kiện |
| Khoảng 700 năm TCN | Nước Văn Lang ra đời |
|  | Nước Âu Lạc rơi vào tay Triệu Đà |
|  | Khơi nghĩa Hai Bà Trưng |
|  | Chiến thắng Bạch Đằng |
|  | Đinh Bộ Lĩnh dẹp loạn 12 sứ quân |
|  | Kháng chiến chống quân Tống xâm lược lần thứ nhất |
|  | Nhà Lý rời đô ra Thăng Long |
|  | Cuộc kháng chiến chống quân Tống xâm lược lần thứ hai |
|  | Nhà Trần thành lập  Kháng chiến chống quân xâm lược Mông - Nguyên |

+ Các tranh ảnh từ bài 1 đến bài 14.

- HS: SGK, bút

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm.

- KT: Kĩ thuật đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - Cả lớp hát kết hộp với chuyền tay nhau chiếc hộp bí mật có câu hỏi.  *+ Cả 3 lần quân Mông-Nguyên sang xâm lược nước ta đều đại bại vì vua tôi nhà Trần đoàn kết và có tướng chỉ huy giỏi* | **1.Khởi động:***(4p)*  Trò chơi: **Chiếc hộp bí mật**  - Trả lời câu hỏi sau:  *+ Nêu kết quả của cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Mông – Nguyên?*  - GV nhận xét, khen/ động viên, chốt KT bài cũ và dẫn vào bài mới |
| **2. Bài mới:***(30p)*  ***\* Mục tiêu***: - HS ôn và hiểu được các giai đoạn lịch sử và sự kiện lịch sử tiêu biểu từ buổi đầu dựng nước đến cuối thế kỉ X IV.  - HS kể được các sự kiện , nhân vật lịch sử đã học  ***\* Cách tiến hành: Cá nhân – Nhóm - Lớp*** | |
| **Nhóm 4 – Lớp**  - Nhận phiếu, thực hiện cá nhân, trao đổi nhóm 2 – Chia sẻ trước lớp  - HS cả lớp theo dõi và bổ sung ý kiến.  -Thống nhất kết quả  - HS kể cá nhân  - HS kể trước lớp theo tinh thần xung phong .  ***Định hướng kể:***  **+ Kể về sự kiện lịch sử**: Sự kiện đó là sự kiện gì? Xảy ra lúc nào? Xảy ra ở đâu ? Diễn biến chính của sự kiện? Ý nghĩa của sự kiện đó đối với lịch sử dân tộc ta?  *VD: Em xin kể về Chiến thắng Bạch Đằng năm 938 do Ngô Quyền lãnh đạo đánh quân Nam Hán. Ngô Quyền đã tận dụng thuỷ triều lên xuống để cho cắm cọc nhọn trên sông Bạch Đằng,....*  + **Kể về nhân vật lịch sử**: Tên nhân vật đó là gì? Nhân vật đó sống ở thời kì nào? Nhân vật đó có đóng góp gì cho lịch sử dân tộc ta?  *VD: Em xin kể về Trần Hưng Đạo – vị tướng tài ba giúp nhà Trần 3 lần đánh thắng quân Mông- Nguyên,.....* | **\*Việc 1: *Các giai đoạn lịch sử và sự kiện lịch sử tiêu biểu từ buổi đầu dựng nước đến cuối thế kỉ X IV.***  - GV phát phiếu học tập cho từng HS và yêu cầu các em hoàn thành nội dung của phiếu .  - GV gọi HS báo cáo kết quả làm việc với phiếu .  - GV đánh giá, chốt KT:  \***Việc 2: *Thi kể về các sự kiện, nhân vật lịch sử đã học***  - GV giới thiệu chủ đề cuộc thi.  - Gọi HS xung phong thi kể về các sự kiện lịch sử, các nhân vật lịch sử mà mình chọn.  - GV tổng kết cuộc thi, tuyên dương những HS kể tốt, động viên cả lớp cùng cố gắng, em nào chưa được kể trên lớp thì về nhà kể cho người thân nghe.  \**Lưu ý đối tượng HS M1 +M2 về các sự kiện lịch sử, các nhân vật lịch sử...*  **3. Hoạt động ứng dụng** *(1p)*.  - Liên hệ giáo dục lòng tự hào đất nước, tự hào truyền thống đánh giặc của cha ông.  **4. Hoạt động sáng tạo** *(1p)* |

**ĐIỀU CHỈNH-BỔ SUNG**

...................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

.................................................................................................................................

*Thứ ....... ngày ...... tháng ..... năm .........*

**LUYỆN TỪ VÀ CÂU**

**CÂU KỂ AI LÀM GÌ ?**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Nắm được cấu tạo cơ bản của câu kể Ai làm gì ?(ND ghi nhớ)

**2. Kĩ năng**

- Nhận biết được câu kể Ai làm gì? trong đoạn văn và xác định được chủ ngữ và vị ngữ trong mỗi câu (BT1, BT2, mục III); viết được đoạn văn kể việc đã làm trong đó có dùng câu kể Ai làm gì ? (BT3, mục III)

**3. Thái độ**

- HS có thái độ học tập tích cực

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL tự học, NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Bảng phụ kẻ sẵn

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Từ ngữ chỉ HĐ/ Đặt câu hỏi** | **Từ ngữ chỉ người HĐ/Đặt câu hỏi** |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |

- HS: VBT, bút

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Quan sát, hỏi đáp, thảo luận nhóm.

- KT: Kĩ thuật đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của HS** | | **Hoạt động của GV** |
| - TBHT điều hành lớp trả lời, nhận xét  *+ Câu kể là câu dùng để kể, miêu tả sự vật hay đưa ra nhận định. Cuối câu kể thường có dấu chấm*.  - HS nối tiếp lấy VD về câu kể. | | 1**. Khởi động** (5p)  *+ Thế nào là câu kể?*  *+ Lấy VD về câu kể.*  - GV nhận xét, đánh giá chung, giới thiệu và dẫn vào bài mới |
| **2. Hình thành KT** *:(30p)*  **\* Mục tiêu:** Nắm được cấu tạo cơ bản của câu kể Ai làm gì ?(NDghi nhớ)  **\* Cách tiến hành: Cá nhân-Nhóm-Cả lớp** | | |
| **Cá nhân – Chia sẻ nhóm 2- Chia sẻ lớp**  *Bài 1, 2 : (Dự kiến KQ)*  **Câu 2**:  + Từ ngữ chỉ HĐ: đánh trâu ra cày  + Từ ngữ chỉ người HĐ: Người lớn  **Câu 3**:  + Từ ngữ chỉ HĐ: nhặt cỏ, đốt lá  + Từ ngữ chỉ người HĐ: Các cụ già  **Câu 4**:  + Từ ngữ chỉ HĐ: bắc bếp thổi cơm  + Từ ngữ chỉ người HĐ: Mấy chú bé  **Câu 5**:  + Từ ngữ chỉ HĐ: lom khom tra ngô  + Từ ngữ chỉ người HĐ: Các bà mẹ.  **Câu 6** :  + Từ ngữ chỉ HĐ: ngủ khì trên lưng mẹ  + Từ ngữ chỉ người HĐ : Các em bé.  **Câu 7** :  + Từ ngữ chỉ hoạt động : sủa om cả rừng  + Từ ngữ chỉ đối tượng hoạt động : Lũ chó  *+ làm gì?*  *+ Ai/ Con gì?*  - HS làm việc nhóm 4, hoàn thành vào bảng và chia sẻ trước lớp | | **a. Nhận xét**  **Bài 1, 2**:  - Gọi HS đọc yêu cầu, nội dung của bài  - Yêu cầu HS tự làm, trao đổi N2  - TBHT điều hành lớp chia sẻ  - GV nhận xét bổ sung thêm  **Lưu ý**: *GV trợ giúp cho HS M1+ M2 Nắm được cấu tạo cơ bản của câu kể Ai làm gì ? để hoàn thành ND bài học*    **Bài 3 :**  - Yêu cầu HS trả lời câu hỏi (Gợi ý).  *+ Câu hỏi cho từ ngữ chỉ hoạt động là gì?*  *+ Muốn hỏi cho từ ngữ chỉ người hoạt động ta hỏi thế nào?* |
| **Câu** | **Từ ngữ chỉ người HĐ/**  **Đặt câu hỏi** | **Từ ngữ chỉ HĐ/**  **Đặt câu hỏi** |
| 2 | Người lớn  *Ai đánh trâu ra cày?* | đánh trâu ra cày  *Người lớn làm gì?* |
| 3 | Các cụ già  *Ai nhặt cỏ, đốt lá?* | nhặt cỏ, đốt lá  *Các cụ già làm gì?* |
| 4 | Mấy chú bé  *Ai bắc bếp thổi cơm?* | bắc bếp thổi cơm  *Mấy chú bé làm gì?* |
| 5 | Các bà mẹ  *Ai lom khom tra ngô?* | lom khom tra ngô  *Các bà mẹ làm gì?* |
| 6 | Các em bé  *Ai ngủ khì trên lưng mẹ?* | ngủ khì trên lưng mẹ  *Các em bé làm gì?* |
| 7 | Lũ chó  *Con gì sủa om cả rừng?* | sủa om cả rừng  *Lũ chó làm gì?* |
| - HS nhắc lại  - 1 HS đọc ghi nhớ  - HS lấy VD về câu kể Ai làm gì? Xác định CN và VN của câu kể đó. | | ***- GV nhấn mạnh: Bộ phận trả lời cho câu hỏi Ai/ Cái gì/Con gì? là Chủ ngữ***  ***Bộ phận trả lời cho câu hỏi: làm gì? là Vị ngữ***  **b. Ghi nhớ** |
| **3. HĐ thực hành** *(18p)*  **\* Mục tiêu:**  - Nhận biết được câu kể Ai làm gì? trong đoạn văn và xác định được chủ ngữ và vị ngữ trong mỗi câu (BT1, BT2, mục III); viết được đoạn văn kể việc đã làm trong đó có dùng câu kể Ai làm gì ? (BT3, mục III)  **\* Cách tiến hành: Cá nhân – Nhóm – Lớp** | | |
| **Cá nhân – Nhóm 2 - Lớp**  - Thực hiện theo yêu cầu - chia sẻ KQ :  **Câu 1** : Cha / làm cho tôi chiếc chổi cọ để quét nhà, quét sân.  **Câu 2** : Mẹ /đựng hạt giống đầy móm lá cọ để gieo cấy mùa sau.  **Câu 3** : Chị tôi /đan nón lá cọ, lại biết đan cả mành cọ và làn cọ xuất khẩu.    - HS nối tiếp đặt câu  *+ CN: Ai/ Cái gì/Con gì?*  *VN: làm gì?*  **Cá nhân - Cả lớp**  - 1 HS đọc yêu cầu bài.  + Cả lớp đọc thầm  + Viết bài cá nhân - gạch dưới bằng bút chì những câu trong đoạn là câu kể Ai làm gì?.  - Chia sẻ, trao đổi KQ học tập trước lớp  - Ghi nhớ cấu tạo của câu kể Ai làm gì?  - Tìm 1 đoạn văn trong chương trình SGK có câu kể Ai làm gì? | | **Bài tập 1 + 2**  - HS đọc yêu cầu  - GV nhận xét kết luận đáp án đúng*.*  - Yêu cầu đặt câu hỏi cho CN và VN của các câu vừa tìm ở BT 1  *+ CN trả lời cho câu hỏi gì? Vị ngữ trả lời cho câu hỏi gì?*  **\*Bài tập 3:**  *-* HS viết đoạn văn và xác định kiểu câu kể Ai – làm gì? .  - GV nhắc HS sau khi viết xong đoạn văn hãy gạch dưới những câu trong đoạn là câu kể Ai làm gì?  - Gọi hs trình bày  - GV nhận xét chữa bài, chốt KT bài học.  **4. HĐ ứng dụng** (1p)  **5. HĐ sáng tạo** (1p) |

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

...................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TOÁN**

***Tiết 83:* DẤU HIỆU CHIA HẾT CHO 2**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Biết dấu hiệu chia hết cho 2, số chẵn, số lẻ

**2. Kĩ năng**

- Rèn học sinh kĩ năng nhận biết dấu hiệu chia hết cho 2, nhận biết số chẵn, số lẻ

- Vận dụng giải bài toán có lời văn.

**3. Thái độ**

- Tích cực, tự giác học bài, trình bày bài sạch sẽ, khoa học

**4. Góp phần phát triển các kĩ năng**

- Năng lực tự học, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL tư duy - lập luận logic.

\* BT cần làm: Bài 1, bài 2

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Phiếu nhóm

- HS: SGk, bút

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Quan sát, hỏi - đáp, thảo luận nhóm.

- KT: đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của HS** | **Hoạt động của GV** |
| - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ | **1. HĐ khởi động *(3p)***  - GV giới thiệu bài mới |
| **2. Hình thành kiến thức** *(15p)*  **\* Mục tiêu:** Nắm được dấu hiệu chia hết cho 2  **\* Cách tiến hành: Cá nhân – Nhóm – Lớp** | |
| - Các số chia hết cho 2 là:  10 : 2 = 5 36: 2 = 18  32 : 2 = 16 40 : 2 = 20  14 : 2 = 7 100 : 2 = 50  - Các số không chia hết cho 2 là:  11 : 2 = 5 dư 1 37 : 2 = 18 dư 1  3 : 2 = 1 dư 1 41 : 2 = 20 dư 1  15 : 2 = 7 dư 1 101 : 2 = 50 dư 1  *+ Các số tận cùng là 0,2,4,6,8 thì chia hết cho 2.*  *+ Các số tận cùng 1,3,5,7,9 thì không chia hết cho 2.*  - 3, 5 HS nêu kết luận  *+ Các số chia hết cho 2 là các số có chữ số cuối cùng (hàng đơn vị) là số chẵn*  - Lắng nghe  -VD: 10;16;124;166;178;1250,…  *+ Các số không chia hết cho 2 là các số có chữ số cuối cùng (hàng đơn vị) là số lẻ.*  - VD: 13;121;135;547;767,… | *\** ***Việc 1****:* ***Hướng dẫn HS tự tìm ra dấu hiệu chia hết cho 2.***  - Yêu cầu HS tìm vài số chia hết cho 2  -Yêu cầu HS tìm vài số không chia hết cho 2.  - GV cho HS quan sát, so sánh, đối chiếu và rút ra kết luận dấu hiệu chia hết cho 2.  *+ Các số có số tận cùng thế nào thì chia hết cho 2 ?*  *+ Các số có số tận cùng thế nào thì không chia hết cho 2 ?*  - Yêu cầu HS nêu kết luận sgk  ***\*Việc 2: Giới thiệu cho hs số chẵn số lẻ***  *+ Các số chia hết cho 2 là các số có chữ số cuối cùng (hàng đơn vị) là số chẵn hay lẻ?*  \***GV chốt**: *Các số chia hết cho 2 là các số chẵn (vì các chữ số hàng đơn vị đều là các số chẵn).*  *-* GV yêu cầu HS tự tìm ví dụ về số chẵn (số có thể gồm nhiều chữ số)  *+ Các số không chia hết cho 2 là các số có chữ số cuối cùng (hàng đơn vị) là số chẵn hay lẻ?*  **\*GV chốt lại**: *Muốn biết một số có chia hết cho 2 hay không chỉ cần xét chữ số tận cùng của số đó.*  - *GV cần giúp HS M1 +M2 nhận biết đúng được dấu hiệu chia hết cho 2 và không chia hết cho 2.* |
| **3. HĐ thực hành** *(18p)*  *\** **Mục tiêu***:* Nhận biết được các số chia hết cho 2 và các số không chia hết cho 2. Lấy được VD số chia hết cho 2 và không chia hết cho 2  **\* Cách tiến hành***:* Cá nhân – Nhóm – Lớp | |
| - Làm cá nhân - Chia sẻ lớp  Đáp án:  a. Các số chia hết cho 2 là:  98; 1000; 744; 7536; 5782  b. Các số không chia hết cho 2 là:  35; 89; 867; 84683; 8401.  **-** HS làm bài cá nhân –> chia sẻ trước lớp  a)Ví dụ: 14; 16; 44; 98;…  b)Ví dụ: 153; 241; 379;…    - HS làm vào vở Tự học – Chia sẻ trước lớp  Bài 3:  a. 346; 364; 436; 634  b. 365; 563; 653; 635  Bài 4:  a. Số thích hợp là: 346; 348  b. Số thích hợp là: 8353; 8355  - Ghi nhớ dấu hiệu chia hết cho 2  - Tìm và giải các bài tập cùng dạng trong sách Toán buổi 2. | **Bài tập 1:**  - HS nêu yêu cầu  - HS làm bài vào nháp  - HS chọn ra các số chia hết cho 2 và không chia hết cho 2  - HS chia sẻ trước lớp  - GV nhận xét chữa bài và kết luận đáp án đúng.  *+ Các số chia hết cho 2 có đặc điểm gì? Các số không chia hết cho 2 có đặc điểm gì?*  **Bài tập 2:**  - HS nêu yêu cầu  - HS làm bài vào vở  a) HS viết bốn số có hai chữ số, mỗi số đều chia hết cho 2  b) HS viết bốn số có hai chữ số, mỗi số đều không chia hết cho 2  - GV nhận xét, đánh giá bài làm trong vở của HS  *\*GV trợ giúp HS M1 +M2 hoàn thiện nội dung bài*  ***Bài 3 + Bài 4 (bài tập chờ dành cho HS hoàn thành sớm)***  - Chốt cách lập số, thế nào là số chẵn, số lẻ  - Chốt quy luật của dãy số  **4. Hoạt động ứng dụng** (1p)  **5. Hoạt động sáng tạo** (1p) |

**ĐIỀU CHỈNH-BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**ĐẠO ĐỨC**

**YÊU LAO ĐỘNG ( TIẾT 2)**

**I.MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Nêu được lợi ích của lao động .

**2. Kĩ năng**

- Tích cực tham gia các hoạt động lao động ở lớp, ở trường, ở nhà phù hợp với khả năng của bản thân .

- Không đồng tình với những biểu hiện lười lao động

**3. Thái độ**

- Kính trọng người lao động; Yêu thích, chăm chỉ lao động.

*\* ĐCND: Không yêu cầu HS tập hợp và giới thiệu những tư liệu khó sưu tầm về tấm gương lao động của các Anh hùng lao động, có thể HS kể về sự chăm chỉ lao động của mình hoặc của các bạn trong lớp, trong trường.*

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL tự học, NL giải quyết vấn đề, NL hợp tác, sáng tạo

***\* KNS:*** *- Kỹ năng nhận thức giá trị của lao động.*

*- Kỹ năng quản lý thời gian để tham gia làm những việc vừa sức ở nhà và ở trường*

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Phiếu BT 1

- HS: SGK, SBT

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm, trò chơi, đóng vai.

- KT: động não, tia chớp, chia sẻ nhóm 2

**III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của HS** | **Hoạt động của GV** |
| - TBHT điều hành lớp trả lời, nhận xét.  *+ Vì lao động giúp con người phát triển lành mạnh đem lại cuộc sống ấm no, hạnh phúc*  *+ Những biểu hiện của yêu lao động: Vượt mọi khó khăn, chấp nhận thử thách để làm tốt công việc/ Tự làm lấy công việc của mình/Làm việc từ đầu đến cuối.* | **1.Khởi động:***(5p)*  *+ Vì sao chúng ta phải yêu lao động?*  *+ Nêu những biểu hiện của yêu lao động?*  - Giới thiệu bài - Ghi bảng. - GV giới thiệu, dẫn vào bài mới |
| **2. Hình thành KT** *(18p)*  **\* Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để áp dụng trong cuộc sống, biết yêu lao động có ý thức tham gia lao động phù hợp với khả năng của mình. Nêu được ước mơ của mình về nghề nghiệp.  **\* Cách tiến hành: Cá nhân-Nhóm-Lớp** | |
| - 1 HS đọc to trước lớp  - Kể trong nhóm 2 – Chia sẻ trước lớp  + Em mở ước làm bác sĩ để chữa bệnh cho mọi người. Em sẽ cố gắng học tốt ngay từ bây giờ  + Em mơ ước làm cô giáo để dạy học cho HS. Em sẽ cố gắng học tập tốt, vâng lời thầy cô.  + Em mơ ước sẽ làm công nhân may để may những chiếc áo thật đẹp. Em sẽ cố gắng học hỏi kiến thức, đặc biệt là từ môn kĩ thuật  ..........  - Lắng nghe  - Cá nhân – Chia sẻ lớp  + Tấm gương BH lao động ở thủ đô Pa-ri dưới trời mưa tuyết.  + Tấm gương của các bạn nhỏ phụ giúp bố mẹ những công việc nhà....  - Bình chọn bạn kể chuyện hay nhất  - HS nối tiêp nêu  *+ Làm biếng chẳng ai thiết*  *Siêng làm ai cũng tìm*  *+ Tay làm hàm nhai, tay quai miệng trễ*  *+ Ai ơi, chớ bỏ ruộng hoang*  *Bao nhiêu tấc đất, tấc vàng bấy nhiêu....*  - Lắng nghe  - Thực hành lao động tại gia đình  - Sưu tầm và kể lại những tấm gương lao động của các nhà khoa học, các vị anh hùng,... | **Việc 1: *Mơ ước của em***  - Gọi HS đọc yêu cầu BT5 5 SGK/26  - Các em hãy thảo luận:  + Nói cho bạn nghe về ước mơ nghề nghiệp của mình  + Vì sao mình thích nghề đó?  + Để thực hiện được ước mơ, ngay từ bây giờ em phải làm gì?  ***\* GV: Các em nên cố gắng, nỗ lực ngay từ bây giờ để có thể thực hiện được ước mơ của mình***  ***\* Việc 2: Kể về tấm gương yêu lao dộng***  - GV gợi ý: HS có thể kể tấm gương lao động Bác Hồ hoặc của những người bình thường mà các em biết trong cuộc sống hàng ngày  - GV nhận xét, đánh giá chung  - Yêu cầu nêu những câu ca dao, tục ngữ, thành ngữ về yêu lao động  ***\* GV: Lao động là vinh quang. Lao động mang lại nhiều ích lợi cho cuộc sống. Khôn chỉ người lớn, trẻ em cũng cần lao động phù hợp với sức của mình.***  **3. HĐ ứng dụng** *(1p)*  **4. HĐ sáng tạo *(1p)*** |

**ĐIỀU CHỈNH-BỔ SUNG**

...................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**KỂ CHUYỆN**

**MỘT PHÁT MINH NHO NHỎ**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Hiểu nội dung câu chuyện và biết trao đổi về ý nghĩa của câu chuyện.

**2. Kĩ năng:**

- Dựa theo lời kể của GV và tranh minh họa (SGK), bước đầu kể được câu chuyện *Một phát minh nho nhỏ*, rõ ý chính đúng diễn biến.

**3. Thái độ**

- GD chăm chỉ học tập và ham mê nghiên cứu trong học tập.

**4. Góp phần bồi dưỡng các năng lực**

- NL giao tiếp và hợp tác, NL sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Tranh minh hoạ câu chuyện

- HS: SGK

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm, kể chuyện

- KT: đặt câu hỏi, động não, chia sẻ nhóm.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ | **1. Khởi động***:(5p)*  - Gv dẫn vào bài. |
| **2. Hình thành KT (8p)**  **\* Mục tiêu:**  Dựa theo lời kể của GV và tranh minh họa (SGK), bước đầu nắm được nội dung và diễn biến chính của câu chuyện  **\* Cách tiến hành: Cá nhân-Nhóm-Lớp** | |
| - Lắng nghe.  - HS nghe kết hợp nhìn tranh minh hoạ, đọc phần lời dưới mỗi tranh trong SGK. | **\* Việc 1**: **GV kể chuyện**  - Kể lần 1: Sau khi kể lần 1, GV giải nghĩa một số từ khó chú thích sau truyện.  - Kể lần 2: Vừa kể vừa chì vào tranh minh hoạ phóng to trên bảng.  - Kể lần 3 (nếu cần) |
| **3. Thực hành kể chuyện – Nêu ý nghĩa câu chuyện***:(20- 25p)*  **\* Mục tiêu:** HS kể lại được câu chuyện và nêu được ý nghĩa của câu chuyện  +HS M1+M2 kể được câu chuyện đúng YC  +HS M3+ M4 kể được câu chuyện đúng YC kết hợp được điệu bộ, giọng nói,..  **\* Cách tiến hành: Cá nhân - Nhóm- Lớp** | |
| - Kể cá nhân-> trong nhóm từng đoạn câu chuyện theo 5 tranh.  - Đại diện các nhóm kể chuyện  + Học sinh thi kể trước lớp từng đoạn câu chuyện theo tranh  + 2 HS kể toàn bộ câu chuyện) .  + Lắng nghe bạn kể và đặt câu hỏi  - Lớp nhận xét, bình chọn bạn kể hay nhất  - HS trao đổi nhóm 2 về ý nghĩa câu chuyện.  + HS nối tiếp nêu chi tiết mình nhớ nhất.  *+ Cần biết quan sát xung quanh cuộc sống để tỉm ra những điều kì diệu*  *+ Cần ham thích, tìm tòi và khám phá về cuộc sống/.....*  - Kể lại câu chuyện cho người thân nghe  - Tìm đọc và kể lại các câu chuyện khác cùng chủ điểm. | **\* Việc 2**: ***HS thực hành kể chuyện.***  -Yêu cầu HS đọc yêu cầu bài tập 1, 2.  - Cho HS kể cá nhân -> theo nhóm.  - Cho HS thi kể trước lớp.  + Theo nhóm kể nối tiếp.  + Thi kể cá nhân toàn bộ câu chuyện.  - Cho HS bình chọn bạn kể tốt và nêu được ý nghĩa câu chuyện.  - Gv nhận xét tiết học, khen ngợi những hs kể tốt và cả những hs chăm chú nghe bạn kể, nêu nhận xét chính xác.  **\*Lưu ý:**  + Kể tự nhiên bằng giọng kể (không đọc).  - *GV trợ giúp cho HS M1+M2 kể được từng đoạn câu chuyện*  -Yêu cầu HS trao đổi về ý nghĩa câu chuyện.  - GV hỏi để giúp HS hiểu ý nghĩa truyện:  *+ Chi tiết nào trong truyện làm em nhớ nhất?*  *+ Câu chuyện trên muốn gửi tới thông điệp gì tới cho mọi người?*  *+ Nêu ý nghĩa của câu chuyện ?*  - Nhận xét, khen HS kể tốt, nói đúng ý nghĩa truyện.  **4. Hoạt động ứng dụng *(1p)***  **5. Hoạt động sáng tạo *(1p)*** |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**KĨ THUẬT**

**CẮT, KHÂU, THÊU SẢN PHẨM TỰ CHỌN**(tiết 3)

**I.MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Ôn tập các kiến thức về cắt, khâu, thêu

**2. Kĩ năng**

- Sử dụng được một số dụng cụ, vật liệu cắt, khâu, thêu để tạo thành sản phẩm đơn giản. Có thể chỉ vận dụng hai trong ba kĩ năng cắt, khâu, thêu đã học.

\*Với HS khéo tay: Vận dụng kiến thức, kĩ năng cắt, khâu, thêu để làm được đồ dùng đơn giản, phù hợp với HS.

**3. Thái độ**

- Giáo dục tính cẩn thận, khéo léo, an toàn khi thực hành

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL thẩm mĩ.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: : + Tranh quy trình của các bài trong chương.

+ Mẫu khâu, thêu đã học.

- HS: Bộ ĐD KT lớp 4.

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Quan sát mẫu, hỏi đáp, thảo luận nhóm, luyện tập – thực hành

- KT: đặt câu hỏi, tia chớp, động não, phòng tranh

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ | **1. HĐ khởi động** *(3p)*  - GV kiểm tra đồ dùng của HS |
| **2. HĐ thực hành:***(30p)*  **\* Mục tiêu**: Sử dụng được một số dụng cụ, vật liệu cắt, khâu, thêu để tạo thành sản phẩm đơn giản. Có thể chỉ vận dụng hai trong ba kĩ năng cắt, khâu, thêu đã học.  **\* Cách tiến hành: Cá nhân- Nhóm- Lớp** | |
| **Cá nhân**  -HS nhắc lại các mũi thêu đã học  - HS lựa chọn theo ý thích và khả năng thực hiện sản phẩm đơn giản .  - HS thực hành cá nhân  *+ Vải cạnh 20 x 10cm , kẻ đường dấu 4 cạnh khâu gấp mép .*  *+ Vẽ mẫu vào khăn, hoa, gà, vịt, cây, thuyền, cây nấm … có thể khâu tên mình .*  *+ Vải hình chữ nhật 25 x 30 cm gấp đôi theo chiều dài 2 lần .*  *+ Vạch dấu vẽ cổ tay, thân áo cắt theo đường vạch dấu. Khâu viền đường gấp mép cổ áo, gấu áo, thân áo, thêu trang trí bằng mũi thêu móc xích lên cổ gấu và váy* | \* **Việc 1**: ***Hoạt động cả lớp***  - Tổ chức ôn tập các bài đã học trong chương trình .  - GV nhận xét  \***Việc 2**: ***Hoạt động cá nhân***  - HS tự chọn sản phẩm và thực hành làm sản phẩm tự chọn .  - Mỗi em chọn và tiến hành cắt khâu một sản phẩm đã chọn .  - Gợi ý 1 số sản phẩm  1 / Cắt khâu, thêu khăn tay .  2 / Cắt khâu, thêu túi rút dây  3 / Cắt khâu, thêu các sản phẩm khác .  a ) Váy em bé  b ) Gối ôm  *\* Cắt khâu thêu khăn tay cần những gì và thực hiện như thế nảo ?*  \* Cắt khâu túi rút dây như thế nào ?  - GV hướng dẫn HS làm  \* Cắt khâu thêu váy em bé ra sao ?  - GV yêu cầu HS thực hành theo hướng dẫn có thể chọn tùy theo ý thích  - GV đến bàn quan sát nhận xét, trợ giúp cho đối tượng HS M1+M2  **Lưu ý:**  *Quan sát, theo dõi và giúp đỡ các đối tượng M1 để hoàn thành sản phẩm* |
| **\* HĐ 2:** **Trưng bày và đánh giá sản phẩm.**  - Tổ chức cho HS trưng bày sản phẩm  - Cho học sinh đánh giá sản phẩm.  - Giáo viên kết luận chung. Tuyên dương nhóm và cá nhân làm tốt, có sáng tạo.  **3. HĐ ứng dụng** *(1p)*  **4. HĐ sáng tạo** *(1p)* | - Học sinh trưng bày sản phẩm trên lớp.  - Đánh giá, nhận xét  - HS nhận xét bài làm của bạn, tuyên dương những bài thêu đẹp  - Thực hành cắt, khâu, thêu tại nhà.  - Tiếp tục tạo sản phẩm từ cắt, khâu, thêu |  |

**ĐIỀU CHỈNH-BỔ SUNG**

...................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

*Thứ ....... ngày ...... tháng ..... năm .........*

**TẬP ĐỌC**

**RẤT NHIỀU MẶT TRĂNG(tiếp theo)**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Hiểu ND: Cách nghĩ của trẻ em về đồ chơi và sự vật xung quanh rất ngộ nghĩnh, đáng yêu. Các em nhìn thế giới xung quanh, giải thích về thế giới xung quanh rất khác người lớn (trả lời được các câu hỏi trong SGK).

**2. Kĩ năng**

- Đọc trôi chảy, rành mạch Biết đọc với giọng kể nhẹ nhàng, chậm rãi; bước đầu biết đọc diễn cảm đoạn văn có lời nhân vật và lời người dẫn chuyện.

**3. Thái độ**

- Chăm chỉ, tích cực học bài

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Tranh minh hoạ bài tập đọc (phóng to)

Bảng phụ viết sẵn đoạn luyện đọc

- HS: SGK

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- Phương pháp: Quan sát, hỏi - đáp, đóng vai.

- Kĩ thuật: Làm việc nhóm, chia sẻ, động não, tia chớp

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - 1 HS đọc  + Mặt trăng làm bằng vàng, chỉ bé bằng móng tay, treo trên cành cây ngoài cửa sổ | **1. Khởi động:** *(3p)*  *-* Hãy đọc bài: *Rất nhiều mặt trăng*  *+ Suy nghĩ của công chúa về mặt trăng có gì đáng yêu ?*  - GV dẫn vào bài mới |
| **2. Luyện đọc:** *(8-10p)*  **\* Mục tiêu:** Đọc trôi chảy, rành mạch. Biết đọc với giọng kể nhẹ nhàng, chậm rãi; bước đầu biết đọc diễn cảm đoạn văn có lời nhân vật và lời người dẫn chuyện.  \* **Cách tiến hành:** | |
| - 1 HS đọc bài, cả lớp đọc thầm  - Lắng nghe  - Nhóm trưởng điều hành cách chia đoạn  - Bài chia làm 3 đoạn.  + Đoạn 1: Sáu dòng đầu  + Đoạn 2: Năm dòng tiếp theo  + Đoạn 3: Phần còn lại  - Nhóm trưởng điều hành nhóm đọc nối tiếp trong nhóm lần 1 và phát hiện các từ ngữ khó *(mừng rỡ, vằng vặc, nâng niu, rón rén...)*  - Luyện đọc từ khó: Đọc mẫu (M4)-> Cá nhân (M1)-> Lớp  - HS đọc nối tiếp lần 2 theo điều khiển  - Các nhóm báo cáo kết quả đọc  - 1 HS đọc cả bài (M4) | - Gọi 1 HS đọc bài (M3)  - GV lưu ý giọng đọc: Toàn bài đọc với giọng nhẹ nhàng, chậm rãi, phân biệt lời chú hề và lời công chúa  - GV chốt vị trí các đoạn  - Lưu ý sửa lỗi đọc và ngắt nghỉ cho các HS (M1) |
| **3.Tìm hiểu bài:** *(8-10p)*  **\* Mục tiêu:** Hiểu ND: Cách nghĩ của trẻ em về đồ chơi và sự vật xung quanh rất ngộ nghĩnh, đáng yêu. Các em nhìn thế giới xung quanh, giải thích về thế giới xung quanh rất khác người lớn (trả lời được các câu hỏi trong SGK).  **\* Cách tiến hành: *Làm việc nhóm 4 – Chia sẻ trước lớp*** | |
| - 1 HS đọc  - HS tự làm việc nhóm 4 trả lời các câu hỏi - TBHT điều hành các nhóm trả lời, nhận xét  *+ Lo lắng vì đêm đó mặt trăng sẽ sáng vằng vặc trên bầu trời, nếu công chúa thấy mặt trăng thật, sẽ nhận ra mặt trăng đeo trên cổ là giả, sẽ ốm trở lại.*  *+ Để nghĩ cách làm cho công chúa không nhìn thấy mặt trăng.*  *+ Vì mặt trăng ở rất xa và rất to, toả sáng rất rộng nên không có cách nào làm cho công chúa nhìn thấy được.*  *+ Chú hề muốn dò hỏi với công chúa nghĩ thế nào khi trông thấy mặt trăng đang chiếu sáng trên bầu trời, một mặt trăng đang nằm trên cổ công chúa.*  *+ Khi ta mất một chiếc răng, chiếc mới sẽ mọc ngay chỗ ấy. Khi ta cắt những bông hoa trong vườn, những bông hoa mới sẽ mọc lên…*  - HS phát biểu theo ý hiểu  **\*Nội dung: Cách nghĩ của trẻ em về đồ chơi và sự vật xung quanh rất ngộ nghĩnh, đáng yêu. Các em nhìn thế giới xung quanh, giải thích về thế giới xung quanh rất khác người lớn**  *.*- HS ghi nội dung bài vào vở. | - Gọi HS đọc các câu hỏi cuối bài.  *+ Nhà vua lo lắng về điều gì?*  *+ Nhà vua cho vời các vị đại thần và các nhà khoa học đến để làm gì?*  *+ Vì sao một lần nữa các vị đại thần và các nhà khoa học lại không giúp được nhà vua?*  *+ Chú hề đặt câu hỏi với công chúa về hai mặt trăng để làm gì?*    *+ Công chúa trả lời thế nào?*  *+ Cách giải thích của công chúa nói lên điều gì?*  - GV nhận xét và chốt lại ý đúng.  *( ý c là phù hợp nhất.)*  *+ Nội dung bài là gì?* |
| **3. Luyện đọc diễn cảm - Học thuộc lòng** *(8-10p)*  **\* Mục tiêu: HS** biết đọc phân vai toàn bài, phân biệt lời các nhân vật  **\* Cách tiến hành: Hoạt động cá nhân – nhóm - cả lớp** | |
| - 1 HS nêu lại  - 1 HS đọc toàn bài  - Nhóm trưởng điều khiển:  + Phân vai trong nhóm  + Đọc phân vai trong nhóm  - Thi đọc phân vai trước lớp  - Lớp nhận xét, bình chọn.  - HS nêu  - Kể lại toàn bộ câu chuyên "Rất nhiều mặt trăng" | - Yêu cầu HS nêu giọng đọc toàn bài, nêu giọng đọc các nhân vật  - Yêu cầu đọc phân vai đoạn 2 và 3  - GV nhận xét chung  **4. Hoạt động ứng dụng** *(1 phút)*  - Em thích nhất điều gì trong suy nghĩ của công chúa nhỏ?  **5. Hoạt động sáng tạo** *(1 phút)* |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

...................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TOÁN**

***Tiết 84:* DẤU HIỆU CHIA HẾT CHO 5**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Nắm được dấu hiệu chia hết cho 5.

**2. Kĩ năng**

- Nhận biết được dấu hiệu chia hết cho 5 và vận dụng làm bài tập. Kết hợp được dấu hiệu chia hết cho 2 và 5.

**3. Thái độ**

- Chăm chỉ, tích cực trong giờ học.

**4. Góp phần phát triển các NL**

- NL tự học, làm việc nhóm, NL tính toán

\* Bài tập cần làm: Bài 1, bài 4

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Bảng phụ

- HS: Vở BT, bút

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Quan sát, hỏi đáp, thảo luận nhóm.

- KT: động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBHT điều hành lớp trả lời, nhận xét | **1.Khởi động***:(5p)*  - Nêu dấu hiệu chia hết cho 2. Lấy VD  - GV dẫn vào bài mới |
| **2. Hình thành KT***:(15p)*  **\* Mục tiêu:**  Nắm được dấu hiệu chia hết cho 5  **\* Cách tiến hành: Cá nhân – Nhóm – Lớp** | |
| - HS tiếp nối nhau tìm các số chia hết cho 5 và không chia hết cho 5.  - 1-2 HS trả lời trước lớp.  - Các số chia hết cho 5 có chữ số bên phải là 0 hoặc 5.  - Những số không có tận cùng là 0 hoặc 5 thì không chia hết cho 5.  - Ví dụ: 13 :5 = 2 ( dư 3 )  - HS trả lời, vài HS nhắc lại.  - Nghe và nối tiếp nêu lại dấu hiệu chia hết cho 5 | - GV kẻ bảng lớp thành hai phần.  - Chia lớp thành hai đội, mỗi đội chọn ra 10 HS lên tham gia tìm số.  + Đội 1 tìm các số chia hết cho 5.  + Đội 2 tìm các số không chia cho 5.  - Mỗi HS trong đội tìm 1 số, ghi vào phần bảng của mình sau đó truyền phấn cho bạn trong đội.  - Em đẫ tìm các số chia hết cho 5 như thế nào?  - Yêu cầu hs đọc lại các số chia hết cho 5 và yêu cầu hs nhận xét về chữ số tận cùng bên phải của các số này.  - Những số không có chữ số tận cùng là không hoặc 5 thì có chia hết cho 5 không? Cho ví dụ?  - GV: Vậy muốn biết một số có chia hết cho 5 hay không ta có thể dựa vào dấu hiệu gì?  **+ GV chốt lại**: *Muốn biết một số có chia hết cho 5 hay không chỉ cần xét chữ số tận cùng bên phải nếu là 0 hay 5 thì số đó chia hết cho 5; chữ số tận cùng khác 0, 5 thì số đó không chia hết cho 5.* |
| **3. HĐ thực hành** *(18p)*  **\* Mục tiêu:** Nhận biết dấu hiệu chia hết cho 5 và vận dụng làm bài tập. Kết hợp được dấu hiệu chia hết cho 2 và 5  **\* Cách tiến hành:** | |
| - HS làm cá nhân -> chia sẻ trước lớp  - Thống nhất KQ  a. Các số chia hết cho 5 là: 35; 660; 3000; 945.  b. Các số không chia hết cho 5 là: 8; 57; 4674; 5553.  -Thực hiện cá nhân -> chia sẻ cặp đôi -> chia sẻ trước lớp  a. Các số chia hết cho 5 vừa chia hết cho 2 là: 660; 3000  b) Số nào chia hết cho 5 nhưng không chia hết cho 2 là: 35; 945  *+ Có tận cùng là chữ số 0*  *+ Có tận cùng là chữ số 5*  - HS làm vào vở Tự học – Chia sẻ trước lớp  Bài 2: a. 155 b. 3580 c. 350; 355  Bài 3: Các số lập được là: 750; 570; 705;  - Ghi nhớ dấu hiệu chia hết cho 5  *+ Có tận cùng là chữ số 2; 4; 6; 8* | **Bài tập 1:**  - HS nêu yêu cầu  - HS làm bài vào nháp  - HS chọn ra các số chia hết cho 5 và không chia hết cho 5  - HS chia sẻ trước lớp  - GV nhận xét chữa bài và kết luận đáp án đúng.  - Yêu cầu HS nêu lại dấu hiệu chia hết cho 5  **Bài tập 4:**  - HS nêu yêu cầu  - HS làm bài vào vở  a) Các số chia hết cho 5 vừa chia hết cho 2 ?  b) Số nào chia hết cho 5 nhưng không chia hết cho 2?  - GV nhận xét, đánh giá bài làm trong vở của HS và kết luận đáp án đúng.  *+ Vậy số vừa chia hết cho 2 vừa chia hết cho 5 có đặc điểm gì?*  *+ Số chia hết cho 5 nhưng không chia hết cho 2 có đặc điểm gì?*  **Bài 2 + Bài 3 *(bài tập chờ dành cho HS hoàn thành sớm)***  **4. HĐ ứng dụng** (1p)  **5. HĐ sáng tạo** (1p)  *+ Mở rộng: Số chia hết cho 2 nhưng không chia hết cho 5 có đặc điểm gì?* |

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

:...................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TẬP LÀM VĂN**

**ĐOẠN VĂN TRONG BÀI VĂN MIÊU TẢ ĐỒ VẬT**

**I.MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Hiểu được cấu tạo cơ bản của đoạn văn trong bài văn miêu tả đồ vật, hình thức thể hiện giúp nhận biết mỗi đoạn văn (ND ghi nhớ).

**2. Kĩ năng**

- Nhận biết được cấu tạo của một đoạn văn (BT1, mục III); viết được một đoạn văn tả bao quát một chiếc bút (BT2)

- Rèn kĩ năng miêu tả

**3. Thái độ**

- Giữ gìn, yêu quý đồ dùng học tập.

**4. Góp phần phát triển NL:**

**-** NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL tự học, NL giao tiếp.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Bảng phụ.

- HS: SBT, bút, ...

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Quan sát, hỏi đáp, thảo luận nhóm

- KT: đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, chia sẻ nhóm 2, động não.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBHT điều hành lớp trả lời, nhận xét.  *+ Quan sát theo trình tự hợp lí, bằng nhiều giác quan khác nhau*  *+ Chú ý phát hiện những đặc điểm riêng biệt của đồ vật* | **1. Khởi động:(***5p)*  *+ Khi quan sát đồ vật, cần chú ý những gì?*  - GV nêu mục tiêu, yêu cầu bài học mới |
| **2. Hình thành KT** *(15p)*  **\* Mục tiêu:**  Hiểu được cấu tạo cơ bản của đoạn văn trong bài văn miêu tả đồ vật, hình thức thể hiện giúp nhận biết mỗi đoạn văn ( ND ghi nhớ).  **\* Cách tiến hành: Cá nhân- Nhóm - Lớp** | |
| Cá nhân – Chia sẻ nhóm 2 – Chia sẻ lớp  - HS đọc YC và nội dung của bài  - HS đọc bài *Cái cối tân* trang 143  - Đoạn 1: Mở bài  + Giới thiệu cái cối được tả trong bài  - Đoạn 2: Thân bài  + Tả hình dáng bên ngoài của cái cối tân  - Đoạn 3: Thân bài  + Tả hoạt động của cái cối  - Đoạn 4: Kết bài  + Nêu cảm nghĩ về cái cối.  - HS trả lời theo ý hiểu  - Lắng nghe  **-** Một số HS nêu phần ghi nhớ | **a. Nhận xét**  Bài tập 1, 2, 3:  - Gọi HS đọc yêu cầu  - Gọi HS đọc bài *Cái cối tân* trang 143  - GV nhận xét kết luận lời giải đúng.      *+ Đoạn văn miêu tả đồ vật có ý nghĩa như thế nào?*  ***- GV chốt: Mỗi đoạn văn có một nội dung nhất định***  **b. Ghi nhớ** |
| **3. Hoạt động thực hành:(17 phút)**  ***\* Mục tiêu:*** Nhận biết được cấu tạo của một đoạn văn (BT1, mục III) ; viết được một đoạn văn tả bao quát một chiếc bút (BT2)  **\* Cách tiến hành:** | |
| ***Hoạt động cá nhân -> cặp đôi***  - 1 HS đọc yêu cầu bài tập 1  - Cả lớp đọc thầm *Cây bút máy*  - HS thực hiện lần lượt theo yêu cầu của BT  - Đại diện nhóm chia sẻ bài trước lớp  Đáp án:  a. Bài văn gồm 4 đoạn  b. Đoạn 2 tả hình dáng bút máy  c. Đoạn 3 tả ngòi bút  d. Câu mở đoạn là câu đầu, câu kết đoạn là câu cuối của đoạn  ***Hoạt động cá nhân -> cả lớp***  - HS đọc yêu cầu bài tập, suy nghĩ để viết bài (cá nhân)  - HS nối tiếp nhau chia sẻ bài viết trước lớp.  - Nhận xét bài của bạn  - Chỉnh sửa và hoàn thiện đoạn văn  - Viết đoạn văn tả các bộ phận khác của chiếc bút (ngòi, ruột, vỏ bút) | **Bài 1**:  - Yêu cầu đọc đề bài  - GV cùng HS nhận xét.  **Bài 2**:  - HS nêu YC  - Viết đoạn văn.  - Chia sẻ bài viết  **GV lưu ý**:  - Tả phần bao quát.  - Cần quan sát kĩ chiếc bút chì: hình dáng, kích thước, màu sắc, chất liệu, cấu tạo.  - Tập diễn đạt, sắp xếp các ý, kết hợp bộc lộ cảm xúc khi tả.  - GV nhận xét.  \**Chú ý trợ giúp đối tượng HS hạn chế hoàn thiện nội dung học tập*  **4. HĐ ứng dụng** *(1p)*  **5. HĐ sáng tạo** *(1p)* |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

...................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**KHOA HỌC (CT HIỆN HÀNH)**

**KIỂM TRA ĐỊNH KÌ CUỐI HỌC KÌ I**

**(Đề của trường)**

*Thứ ....... ngày ...... tháng ..... năm .........*

**LUYỆN TỪ VÀ CÂU**

**VỊ NGỮ TRONG CÂU KỂ AI LÀM GÌ ?**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Nắm được kiến thức cơ bản để phục vụ cho việc nhận biết vị ngữ trong câu kể Ai làm gì ? (ND ghi nhớ)

**2. Kĩ năng**

- Nhận biết và bước đầu tạo được câu kể Ai làm gì? theo yêu cầu cho trước, qua thực hành luyện tập (mục III). ( HS M3, M4 nói được ít nhất 5 câu kể Ai làm gì? tả hoạt động của các nhân vật trong tranh (BT3, mục III).

**3. Thái độ**

- Yêu môn học, có thói quen vận dụng bài học vào thực tế.

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL tự học, NL ngôn ngữ, NL sáng tạo, NL giao tiếp.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Bảng phụ viết sẵn :

+ Sơ đồ cấu tạo của hai bộ phận của các câu mẫu

+ Nội dung bài tập 2 ( Phần luyện tập )

- HS: Vở BT, bút, ..

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm,

- KT: động não, đặt câu hỏi, chia sẻ nhóm 2, trình bày 1 phút

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của HS** | **Hoạt động của giáo viên** | |
| - TBHT điều hành lớp trả lời, nhận xét  *+ Gồm 2 bộ phận*  *+ CN trả lời cho câu hỏi: Ai/Cái gì?/Con gì? VN trả lời cho câu hỏi: làm gì?* | **1. Khởi động *(5p)***  *+ Câu kể Ai làm gì? có mấy bộ phận?*  *+ Mỗi bộ phận trả lời cho câu hỏi gì?*  - Dẫn vào bài mới | |
| **2. Hình thành KT** *(15p)*  **\* Mục tiêu:** Nắm được kiến thức cơ bản để phục vụ cho việc nhận biết vị ngữ trong câu kể Ai làm gì ? (ND ghi nhớ)  **\* Cách tiến hành:** | | |
| **Nhóm 2- Lớp**  - HS đọc YC  - Trao đổi nhóm 2 -> chia sẻ kết quả  - Những câu kể kiểu Ai làm gì? có trong đoạn văn :  + Câu 1 : Hàng trăm con voi đang tiến về bãi .  + Câu 2 : Người các buôn làng kéo về nườm nượp.  + Câu 3 : Mấy anh thanh niên khua chiêng rộn ràng.  **Cá nhân - cả lớp**  - Thực hiện theo YC  - Vị ngữ trong mỗi câu trên.  + Câu 1 : đang tiến về bãi.  + Câu 2 : kéo về nườm nượp.  + Câu 3 : khua chiêng rộn ràng.  **Cá nhân - cả lớp**  - 1 HS đọc yêu cầu bài.  *+ Nêu lên hoạt động của người, con vật, đồ vật, cây cối được nhân hoá*  - Thực hiện YC của bài -> trao đổi cặp đôi -> chia sẻ  *+ Động từ và các từ kèm theo nó là “ cụm động từ”.*  - HS đọc ghi nhớ trong SGK  - HS đặt một vài câu kể và xác định vị ngữ của các câu kể đó | | **a. *Nhận xét:***  **Bài 1:**  - Gọi HS đọc yêu cầu và nội dung  - Yêu cầu hs hoạt động trong nhóm  - Gọi HS nêu, GV nhận xét kết luận đáp án đúng.    **Bài 2:**  - Gọi HS đọc yêu cầu và nội dung  - Yêu cầu HS làm cá nhân  - Gọi HS nêu, GV nhận xét kết luận đáp án đúng.  **Bài 3 :**  - Gọi HS đọc yêu cầu  *+ Nêu ý nghĩa của vị ngữ*  - GV nhận xét và kết luận câu hỏi đúng.  **Bài 4** :  *+ Vị ngữ của các câu trên do loại từ nào tạo thành ?*  ***b. Ghi nhớ***  - Yêu cầu HS đọc ghi nhớ  - Gọi HS đặt câu kể Ai làm gì? |
| **3. Hoạt động thực hành (***18p)*  **\* Mục tiêu:** Nhận biết và bước đầu tạo được câu kể Ai làm gì? theo yêu cầu cho trước, qua thực hành luyện tập (mục III). ( HS M3, M4 nói được ít nhất 5 câu kể Ai làm gì? tả hoạt động của các nhân vật trong tranh (BT3, mục III).  **\* Cách tiến hành:** | | |
| **HĐ cá nhân-> Cả lớp**  - Thực hiện YC của bài  - Các câu kể kiểu Ai – làm gì trong đoạn văn trên :  Câu 3, 4, 5, 6, 7.  - Vị ngữ của các câu vừa tìm được :  + Câu 3: gỡ bẫy gà, bẫy chim.  + Câu 4: giặt giũ bên những giếng nước.  + Câu 5: đùa vui trước nhà sàn.  + Câu 6: chụm đầu bên những ché rượu cần.  + Câu 7: sửa soạn khung cửi dệt vải .  **HĐ cá nhân-> Cặp đôi**  + Đàn cò trắng – bay lượn trên cánh đồng.  + Bà em – kể chuyện cổ tích.  + Bộ đội – giúp dân gặt lúa  **Cá nhân – Lớp**  - 1 HS đọc thầm yêu cầu bài.  - Làm bài cá nhân  - Lớp chia sẻ nội dung đoạn văn nói  + 5 -7 HS trình bày  + Đánh giá, bình chọn bài nói của bạn có nội dung tốt nhất  - Ghi nhớ cấu tạo của VN trong câu kẻ Ai làm gì?  - Chọn 1 đoạn mà em thích có chứa câu kể Ai làm gì? và xác định VN của các câu kể đó. | | **Bài tập 1:**  - HS đọc yêu cầu và nội dung.  - HS chia sẻ KQ của bài  - GV nhận xét kết luận đáp án đúng.  **Bài tập 2:**  - Hs đọc yêu cầu và nội dung.  - Hs trình bày.  - GV chốt KT  **Bài tập 3**  - Hs đọc yêu cầu và nội dung.  - Hs thực hiện YC.  - GV chốt KT  \*Lưu ý  + *GV sửa lỗi dùng từ, diễn đạt cho Hs M1+ M2*  *+ Tuyên dương HS M3 +M4*  *+ Khuyến khích HS có sự cố gắng trong văn nói nội dung tranh tốt*.  **4. HĐ ứng dụng** *(1p)*  **5. HĐ sáng tạo** *(1p)* |

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

...................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TOÁN**

***Tiết 85:* LUYỆN TẬP**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- Củng cố kiến thức về dấu hiệu chia hết cho 2, cho 5

**2. Kĩ năng**

- Vận dụng dấu hiệu chia hết cho 2 và dấu hiệu chia hết cho 5.

- Nhận biết được số vừa chia hết cho 2 vừa chia hết cho 5 trong một tình huống đơn giản.

**3. Thái độ**

- Tự giác, cẩn thận, trình bày bài sạch sẽ.

**4. Góp phần phát triển các NL**

- NL tự học, làm việc nhóm, NL tính toán

\* Bài tập cần làm: Bài 1, bài 2, bài 3

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Bảng phụ

- HS: Vở BT, bút

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Quan sát, hỏi đáp, thảo luận nhóm.

- KT: động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBVN điểu hành lớp hát, vận động tại chỗ | **1.Khởi động***:(5p)* |
| **2. Hình thành kiến thức***:(15p)*  **\* Mục tiêu:**  Vận dụng dấu hiệu chia hết cho 2 và dấu hiệu chia hết cho 5. Nhận biết được số vừa chia hết cho 2 vừa chia hết cho 5 trong một tình huống đơn giản.  **\* Cách tiến hành:** | |  |
| - HS làm bài cá nhân  - HS chia sẻ bài trước lớp -> HS bổ sung ý kiến  - Thống nhất KQ:  a. Các số chia hết cho 2 là: 4568; 66814, 2050, 3576, 900.  b.Các số chia hết cho 5 là: 2050, 900, 1355.  - Học sinh đọc yêu cầu của bài  - Cho học sinh tự làm vào vở.  \***Dự kiến đáp án**:   1. 122, 346, 988. 2. 545, 870, 965   - Học sinh đọc yêu cầu của bài  - Cho học sinh làm N2 vào phiếu học tập.  - Đại diện nhóm chia sẻ trước lớp  a. Số vừa chia hết cho 2 vừa chia hết cho 5: 480, 2000, 9010.  b. Số chia hết cho 2 nhưng không chia hết cho 5 là: 296, 324.  c. Số chia hết cho 5 nhưng không chia hết cho 2 là: 345, 3995  *+ ...chữ số tận cùng là 0*  Đáp án: Loan có 10 quả táo  - Ghi nhớ dấu hiệu chia hết cho 2, cho 5  - Lấy VD về số chia hết cho 2 nhưng không chia hết cho 5 và số chia hết cho 5 nhưng không chia hết cho 2 | **Bài 1**  - HS làm bài cá nhân  - HS chia sẻ ND bài, cách làm  - GV trợ giúp HS M1 +M2:  + Nêu dấu hiệu chia hết cho 2?  + Nêu dấu hiệu chia hết cho 5?  - GV nhận xét và chốt lại ý đúng .  **Bài 2:**  - HS đọc yêu cầu -> tự làm bài  - GV nhận xét, đánh giá (7-10 bài)  **Bài 3**:  - HS đọc yêu cầu -> làm bài  - GV kết luận đáp án đúng.  *+ Nêu dấu hiệu cùng chia hết cho 2 và 5?*  - GV chốt kiến thức bài  **Bài 5*****(bài tập chờ dành cho HS hoàn thành sớm)***  **3. HĐ ứng dụng** (1p)  **4. HĐ sáng tạo** (1p) |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

...................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

**TẬP LÀM VĂN**

**LUYỆN TẬP XÂY DỰNG ĐOẠN VĂN MIÊU TẢ ĐỒ VẬT**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Nhận biết được đoạn văn thuộc phần nào trong bài văn miêu tả, nội dung miêu tả của từng đoạn, dấu hiệu mở đầu đoạn văn (BT1); viết được đoạn văn tả hình dáng bên ngoài, đoạn văn tả đặc điểm bên trong của chiếc cặp sách (BT2, BT3).

**2. Kĩ năng**

- Rèn kĩ năng viết một bài văn miêu tả cái cặp

**3. Thái độ**

- Thích quan sát, miêu tả đồ chơi, yêu quý, giữ gìn đồ chơi.

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL tự học, Sử dụng ngôn ngữ, NL sáng tạo

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: bảng phụ

- HS: một số đồ chơi

**2. Phương pháp, kĩ thuât**

- PP: Hỏi đáp, thảo luận nhóm, quan sát, thực hành.

- KT: đặt câu hỏi, động não, chia sẻ nhóm 2

**II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ | **1. Khởi động *(5p)***  - GV dẫn vào bài mới |
| **2. Hình thành kiến thức***:(15p)*  **\*Mục tiêu:** - Nhận biết được đoạn văn thuộc phần nào trong bài văn miêu tả, nội dung miêu tả của từng đoạn, dấu hiệu mở đầu đoạn văn (BT1); viết được đoạn văn tả hình dáng bên ngoài, đoạn văn tả đặc điểm bên trong của chiếc cặp sách (BT2, BT3).  **\* Cách tiến hành:** | |  |
| **Hoạt động cá nhân-> cả lớp**  -Thống nhất ý kiến:  a. Các đoạn văn trên đều thuộc phần thân bài trong bài văn miêu tả.  b. Đoạn 1: Đó là một chiếc cặp … long lanh (Tả hình dáng bên ngoài của chiếc cặp).  + Đoạn 2: Quai cặp làm bằng sắt… chiếc ba lô. (Tả quai cặp và dây đeo).  + Đoạn 3: Mở cặp ra em thấy… thước kẻ (Tả cấu tạo bên trong của cặp ).  c. Nội dung miêu tả của từ ngữ đoạn được báo hiệu bằng những từ:  + Đoạn 1: màu đỏ tươi…  + Đoạn 2: Quai cặp…  + Đoạn 3: Mở cặp ra…  **Hoạt động cá nhân-> cả lớp**  - Quan sát cặp, đọc gợi ý  - HS lắng nghe,...  - HS viết bài cá nhân -> chia sẻ bài viết  - HS nhận xét, góp ý:  +Tả bao quát mặt ngoài chiếc cặp  +Tả chi tiết quai xách hoặc dây đeo  +Tả chi tiết khóa cặp  - Khen bạn viết hay, sáng tạo  - Quan sát cặp, đọc phần gợi ý  - HS viết bài cá nhân.  - HS đổi chéo bài cùng tham khảo bài viết  - Viết lại các câu văn còn mắc lỗi  - Viết hoàn chỉnh phần thân bài miêu tả chiếc cặp (2 đoạn văn) | **Bài 1**:  - HS đọc yêu cầu và nội dung.  - HS trao đổi thực hiện yêu cầu.  - HS chia sẻ bài trước lớp  - GV nhận xét kết luận đáp án đúng.  \*Lưu ý trợ giúp HS M1 xác định phần thân bài  **Bài 2:**  **-**  HS nêu yêu cầu và gợi ý  - HS quan sát chiếc cặp của mình.  **\* GV lưu ý HS**:  + Chỉ viết 1 đoạn văn, miêu tả hình dáng bên ngoài chiếc cặp của em hoặc của bạn em.  + Cần chú ý miêu tả đặc điểm riêng của chiếc cặp.  + Đặt cặp trước mặt để quan sát.  - HS viết bài, trình bày  - GV cùng HS nhận xét.  *\* GV trợ giúp cho HS M1 +M2 (chú ý cách dùng từ, sử dụng dấu câu đúng cấu trúc ngữ pháp, ...)*  **Bài 3:**  GV lưu ý HS:  - Đề bài chỉ yêu cầu tả bên trong chiếc cặp.  - GV nhận xét, đánh giá bài viết của một số HS -> Tuyên dương HS viết bài tốt.  *\* GV trợ giúp cho HS M1 +M2(chú ý về đặc điểm bên trong của cái cặp)*  **3. HĐ ứng dụng** *(1p)*  **4. HĐ sáng tạo** *(1p* |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**ĐỊA LÍ (CT HIỆN HÀNH)**

**ÔN TẬP HỌC KÌ I**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- HS biết hệ thống đuợc những đặc điểm chính về thiên nhiên, địa hình, khí hậu, sông ngòi; dân tộc, trang phục, và hoạt động sản xuất chính của Hoàng Liên Sơn, Tây Nguyên, trung du Bắc Bộ, đồng bằng Bắc Bộ.

**2. Kĩ năng**

- Xác định được trên bản đồ vị trí Hoàng Liên Sơn, Tây Nguyên, trung du Bắc Bộ, đồng bằng Bắc Bộ.

**3. Thái độ**

- HS ôn tập nghiêm túc, tích cực, tự giác

**4. Góp phần phát triển các năng lực:**

- NL tự chủ, NL giải quyết vấn đề, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: + Bản đồ thiên nhiên, hành chính Việt Nam.

+ Lược đồ khung Việt Nam treo tường & cá nhân.

- HS: SGK, tranh, ảnh

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm, thuyết trình

- KT: đặt câu hỏi, trình bày một phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm 2

I**II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBHT điều hành lớp trả lời, nhận xét  *+ Nơi làm việc của cơ quan lãnh đạo cao nhất:....*  *+ Nhiều trung tâm thương mại, giao dịch,...*  *+ Tập trung nhiều viện nghiên cứu, trường đại học, viện bảo tàng,...*  *+ Tập trung nhiều tuyến đường giao thông quan trọng* | **1.Khởi động:***(5p)*  - Tìm những dẫn chứng thể hiện Hà Nội là:  *+ TT chính trị của cả nước?*  *+ Trung tâm kinh tế?*  *+ Trung tâm văn hoá, khoa học?*  *+ Đầu mối giao thông quan trọng?*  - GV nhận xét chung, giới thiệu bài mới |
| **2. Bài mới:***(30p)*  **\* Mục tiêu:**  HS điền đúng tên dãy Hoàng Liên Sơn, đỉnh Phan – xi-păng, các cao nguyên ở Tây Nguyên, thành phố Đà Lạt , đồng bằng Bắc Bộ, thủ đô Hà Nội trên bản đồ trống.  - HS so sánh được về thiên nhiên của đồng bằng Bắc Bộ với Tây Nguyên và trung du Bắc Bộ  - HS nêu được đặc điểm địa hình của đồng bằng Bắc Bộ .  **\* Cách tiến hành: Cá nhân- Nhóm-Lớp** | |
| - HS điền các địa danh theo câu hỏi vào bản đồ  - HS QS -> thực hiện nội dung YC  - HS trình bày trước lớp & điền các địa danh vào lược đồ khung treo tường.  - HS nhận xét, bổ sung  - Các nhóm HS thảo luận theo gợi ý của GV.  - Các nhóm trao đổi phiếu để chia sẻ nội dung học tập  - Đại diện nhóm trình bày kết quả trước lớp  - Các nhóm khác bổ sung ý kiến  - Hs làm việc cá nhân – Chia sẻ lớp  - Thống nhất ý kiến  - Đại diện HS chia sẻ kết quả  - HS bổ sung ( nếu có)  - Ôn tập các kiến thức môn học  - Sưu tầm, giới thiệu các tranh ảnh về các vùng địa lí đã học | **\* Việc 1: Hoạt động cả lớp**  - GV phát cho HS bản đồ (thu nhỏ)  - GV treo bản đồ Việt Nam & yêu cầu HS làm theo câu hỏi :  + Điền tên dãy Hoàng Liên Sơn, đỉnh Phan – xi-păng, các cao nguyên ở Tây Nguyên, thành phố Đà Lạt, đồng bằng Bắc Bộ, thủ đô Hà Nội trên bản đồ trống  - GV chốt kiến thức  *\*Lưu ý : GV trợ giúp HS M1+M2 hoàn thiện nội dung bài*  **Việc 2: Hoạt động nhóm đôi**  - GV yêu cầu các nhóm thảo luận & hoàn thành bảng so sánh về thiên nhiên của đồng bằng Bắc Bộ với Tây Nguyên và trung du Bắc Bộ  - GV yêu cầu các nhóm trao đổi phiếu để kiểm tra.  - GV kẻ sẵn bảng thống kê lên bảng & giúp HS điền đúng các kiến thức vào bảng hệ thống.  **Việc 3: Hoạt động cá nhân**  - GV yêu cầu HS làm các câu hỏi sau:  + Nêu đặc điểm địa hình của đồng bằng Bắc Bộ  + ĐB BB có những điều kiện gì để trở thành vựa lúa lớn thứ 2 của cả nước?  + Nêu các bước truyền thống trong sản xuất lúa gạo ở ĐB BB?  *- GV trợ giúp HS M1+ M2 hoàn thiện phần trình bày.*  ->GV chốt kiến thức bài học  **3. Hoạt động ứng dụng *(1p)***  **4. Hoạt động sáng tạo** *(1p)* |

**ĐIỀU CHỈNH-BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**SHTT - KNS**

**ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC TUẦN 17**

**TÌM HIỂU MỘT SỐ NGHỀ CƠ BẢN (T2)**

**I. MỤC TIÊU:**

- Nắm đ­­ược ưu - khuyết điểm trong tuần 17

- Phát huy ­­ưu điểm, khắc phục nh­­ược điểm.

- Biết đ­­ược phư­ơng h­­ướng tuần 18

- GD HS tích cực ôn tập chuẩn bị KTĐK cuối học kì I

**II. CHUẨN BỊ:**

- GV: Nắm được ưu – khuyết điểm của HS trong tuần

- HS: Chủ tịch Hội đồng tự quản và các Trưởng ban chuẩn bị ND báo cáo.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG CHÍNH:**

***1. Khởi động***

- Lớp tham gia trò chơi: Truyền tin

***2. Lớp báo cáo hoạt động trong tuần:***

- 4 Trưởng ban lên nhận xét các thành viên trong tổ và xếp loai từng thành viên.

- Tổ viên các tổ đóng góp ý kiến.

- Chủ tịch HĐTQ lên nhận xét chung các ban.

- GV nhận xét chung:

+ Nề nếp:

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

+ Học tập:

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

***3. Ph­ương h­­ướng tuần sau:***

- Tiếp tục thi đua: Học tập tốt, thực hiện tốt nề nếp, vâng lời thầy cô, nói lời hay làm việc tốt.

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

***4. Lớp văn nghệ - múa hát tập thể.***

**TUẦN 18**  *Thứ ....... ngày ...... tháng ..... năm .........*

**TIẾNG VIỆT**

**ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ I (TIẾT 1)**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

Hiểu nội dung chính của từng đoạn, nội dung của cả bài; nhận biết được các nhân vật trong bài tập đọc là truyện kể thuộc hai chủ điểm Có chí thì nên, Tiếng sáo diều.

**2. Kĩ năng**

- Đọc rành mạch, trôi chảy các bài tập đọc đã học (tốc độ đọc khoảng 80 tiếng/phút); bước đầu biết đọc diễn cảm đoạn văn, đoạn thơ phù hợp với nội dung. Thuộc được 3 đoạn thơ, đoạn văn đã học ở HKI.

\* HS năng khiếu đọc lưu loát, diễn cảm được đoạn văn, đoạn thơ (tốc độ đọc trên 80 tiếng/phút).

**3. Thái độ**

- HS chăm chỉ, tự giác học tập

**4. Góp phần phát triển năng lực**

**-** Năng lực tự học, NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: + Phiếu ghi sẵn tên các bài tập đọc từ tuần 11-17

+ Giấy khổ to và bút dạ.

- HS: SGK, vở viết

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- Phương pháp: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm.

- Kĩ thuật: Kĩ thuật đặt câu hỏi, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ | **1. Khởi động:** *(3p)*    - GV dẫn vào bài mới |
| **2. Thực hành ôn tập** *(30p)*  **\* Mục tiêu:** - Đọc rành mạch, trôi chảy bài tập đọc đã học theo tốc độ qui định giữa HKI (khoảng 75 tiếng/phút); bước đầu biết đọc diễn cảm đoạn văn, đoạn thơ phù hợp với nội dung đoạn đọc.  - Hiểu nội dung chính của từng đoạn, nội dung của cả bài; nhận biết được một số hình ảnh, chi tiết có ý nghĩa trong bài; bước đầu biết nhận xét về nhân vật trong văn bản tự sự.  \* **Cách tiến hành:** | |
| **Cá nhân- Lớp**  - Lần lượt từng HS bốc thăm bài, về chỗ chuẩn bị, cứ 1 HS kiểm tra xong, 1 HS tiếp tục lên bốc thăm bài đọc.  - Đọc và trả lời câu hỏi.  - Theo dõi và nhận xét.  **Nhóm 4- Lớp**  - HS đọc yêu cầu bài tập.  - 1 HS nêu: Bài tập đọc: *Ông trạng thả diều, “ Vua tàu thủy” Bạch Thái Bưởi, Vẽ trứng, Người tìm đường lên các vì sao, Văn hay chữ tốt, Chú Đất Nung, Trong quán ăn “Ba cá bống”, Rất nhiều mặt trăng.*  - HS làm bài theo nhóm.  - Báo cáo kết quả.  - Nhận xét, bổ sung. | **Bài 1:** Ôn luyện và học thuộc lòng (1/3 lớp)  - Gọi HS đọc yêu cầu bài tập.  - Cho HS lên bảng bốc thăm bài đọc:  - Gọi 1 HS đọc và trả lời 1, 2 câu hỏi về nội dung bài đọc  - GV nhận xét, khen/ động viên trực tiếp từng HS.  ***Bài 2. Lập bảng tổng kết***  - Gọi HS đọc yêu cầu bài tập.  - Hãy nêu các bài tập đọc là truyện kể trong hai chủ điểm *Có chí thì nên và Tiếng sáo diều*.  + Yêu cầu HS làm bài trong nhóm 4. GV đi giúp đỡ các nhóm gặp khó khăn.  - Nhận xét, kết luận lời giải đúng. |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tên bài** | **Tác giả** | **Nội dung chính** | **Nhân vật** |
| *Ông trạng thả diều* | Trinh Đường | Nguyễn Hiền nhà nghèo mà hiếu học | *Nguyễn Hiền* |
| *“Vua tàu thủy” Bạch Thái Bưởi* | Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam | Bạch Thái Bưởi từ tay trắng, nhờ có chí đã làm nên nghiệp lớn. | *Bạch Thái Bưởi* |
| *Vẽ trứng* | Xuân Yến | Lê- ô- nác- đô đa Vin- xi kiên trì khổ luyện đã trở thành danh hoạ vĩ đại. | *Lê- ô- nác- đô đa Vin- xi* |
| *Người tìm đường lên các vì sao* | Lê Quang Long  Phạm Ngọc Toàn | Xi- ôn- cốp- xki kiên trì theo đuổi ước mơ, đã tìm được được đường lên các vì sao. | *Xi- ôn- cốp- xki* |
| *Văn hay chữ tốt* | Truyện đọc 1 (1995) | Cao Bá Quát kiên trì luyện viết chữ, đã nổi danh là người văn hay chữ tốt. | *Cao Bá Quát* |
| *Chú Đất Nung*  *(phần 1- 2)* | Nguyễn Kiên | Chú bé Đất dám nung mình trong lửa đã trở thành người mạnh mẽ, hữu ích. Còn hai người bột yếu ớt gặp nước suýt bị tan ra. | *Chú Đất Nung* |
| *Trong quán ăn “Ba cá bống”* | A- lếch- xây Tôn- xtôi | Bu- ra- ti- nô thông minh, mưu trí đã moi được bí mật về chiếc chìa khóa vàng từ hai kẻ độc ác. | *Bu- ra- ti- nô* |
| *Rất nhiều mặt trăng*  *(phần 1- 2)* | Phơ- bơ | Trẻ em nhìn thế giới, giải thích về thế giới rất khác người lớn. | *Công chúa nhỏ* |

**3. HĐ ứng dụng *(1p)***

- Ghi nhớ KT đã ôn tập

**4. HĐ sáng tạo *(1p)***

- Đọc diễn cảm các bài tập đọc

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TOÁN**

***Tiết 86:* DẤU HIỆU CHIA HẾT CHO 9**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Nắm được dấu hiệu chia hết cho 9

**2. Kĩ năng**

- Vận dụng dấu hiệu chia hết cho 9 để giải các bài toán liên quan

**3. Thái độ**

- HS có thái độ học tập tích cực.

**4. Góp phần phát triển năng lực:**

**-** Năng lực tự học, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL tư duy - lập luận logic.

\*Bài tập cần làm: Bài 1, bài 2.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Bảng phụ

- HS: SGK, bút

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- Phương pháp vấn đáp, động não, quan sát, thực hành, đặt và giải quyết vấn đề, hoạt động nhóm.

- Kĩ thuật đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC;**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - HS tham gia trò chơi dưới sự điều hành của nhóm trưởng  *+ VD: 120; 230; 970;.....*  *+ Các số có tận cùng là chữ số 0* | **1. Khởi động:** *(5p)*  - HS chơi trò chơi: Hộp quà bí mật  *+ Viết hai số có ba chữ số vừa chia hết cho 2 vừa chia hết cho 5*  *+ Nêu dấu hiệu chia hết cho 2, 5*  - GV nhận xét.  - GV giới thiệu vào bài |
| **2. Hình thành kiến thức***:(30p)*  **\* Mục tiêu:** Nhận biết dấu hiệu chia hết cho 9  **\* Cách tiến hành: Cá nhân – Nhóm- Lớp** | |
| **Cá nhân - Lớp**  - HS tự viết vào vở nháp – Chia sẻ trước lớp  18: 9 = 2 20: 9 = 2 (dư 1)  72: 9 = 8 74: 9 = 8 (dư 2)  657: 9 = 73 451: 9 = 50 (dư 1)  - HS thảo luận nhóm 2, phát hiện đặc điểm. VD:  18: 9 = 2  Ta có: 1 + 8 = 9 và 9: 9 = 1  72: 9 = 8  Ta có: 7 + 2 = 9 và 9: 9 = 1  657: 9 = 73  Ta có: 6 + 5 + 7 = 18 và 18: 9 = 2  - HS nêu: **Các số có tổng các chữ số chia hết cho 9 thì chia hết cho 9**  20: 9 = 2 (dư 2)  Ta có: 2 + 0 = 2; và 2: 9 (dư 2)  74: 9 = 8 (dư 2)  Ta có: 7 + 4 = 11 và 11 : 9 = 1 (dư 2)  451: 9 = 50 (dư 1)  Ta có: 4 + 5 + 1= 10 và 10: 9 = 1 (dư 1)  *+ Ta tính tổng các chữ số của số đó* | \* GV hướng dẫn cho HS phát hiện ra dấu hiệu chia hết cho 9.  - GV cho HS nêu các VD về các số chia hết cho 9, các số không chia hết cho 9, viết thành 2 cột (SGK): Cột bên trái ghi các phép tính chia hết cho 9, cột bên phải ghi các phép tính không chia hết cho 9  - GV hướng sự chú ý của HS vào cột bên trái để tìm ra đặc điểm của các số chia hết cho 9.  - GV gợi ý để HS đi đến tính nhẩm tổng các chữ số của các số ở cột bên trái (có tổng các chữ số chia hết cho 9) và rút ra nhận xét: “Các số có tổng các chữ số chia hết cho 9 thì chia hết cho 9”.  - GV cho từng HS nêu dấu hiệu ghi chữ đậm trong bài học, rồi cho HS nhắc lại nhiều lần.  - GV cho HS tính nhẩm tổng các chữ số của các số ghi ở cột bên phải và nêu nhận xét: “Các số có tổng các chữ số không chia hết cho 9 thì không chia hết cho 9”.  *+ Muốn biết một số có chia hết cho 9 hay không ta làm thế nào?* |
| **3. HĐ thực hành** (18p)  **\* Mục tiêu:** Bước đầu biết vận dụng dấu hiệu chia hết cho 9 trong một số tình huống đơn giản.  **\* Cách tiến hành** | |
| **Cá nhân – Chia sẻ lớp.**  Đáp án:  Số chia hết cho 9 là: 99; 108; 5643; 29; 385.  - Giải thích tại sao các số trên lại chia hết cho 9  - HS lấy VD về số chia hết cho 9  Đáp án:  Các số không chia hết cho 9 là: 96, 7853, 5554, 1097.  - Giải thích tại sao các số trên không chia hết cho 9  - Lấy thêm VD về số không chia hết cho 9  - HS làm vào vở Tự học – Chia sẻ lớp  Bài 3:  VD: Các số: 288, 873, 981, ....  Bài 4:  31**5** ; **1**35 ; 2**2**5  - Ghi nhớ dấu hiệu chia hết cho 9  - Tìm các bài toán vận dụng dấu hiệu chia hết cho 9 trong sách buổi 2 và giải | ***Bài 1:*** Trong các số sau, số nào chia hết cho 9...  - GV chốt đáp án, củng cố dấu hiệu chia hết cho 9.  ***\*Lưu ý: giúp đỡ hs M1+M2***  ***Bài 2:*** Trong các số sau, số nào không chia hết cho 9....  - GV chốt đáp án.  **Bài 3 + bài 4 *(bài tập chờ dành cho HS hoàn thành sớm)***  - Củng cố dấu hiệu chia hết cho 9  **4. Hoạt động ứng dụng *(1p)***  **5. Hoạt động sáng tạo *(1p)*** |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**KHOA HỌC**

**KHÔNG KHÍ CẦN CHO SỰ CHÁY**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Biết không khí cần để duy trì sự cháy.

- Nêu được ứng dụng thực tế liên quan đến vai trò của không khí đối với sự cháy: thổi bếp lửa cho lửa cháy to hơn, dập tắt lửa khi có hoả hoạn, ...

**2. Kĩ năng**

- Làm thí nghiệm để chứng tỏ:

+ Càng có nhiều không khí thì càng có nhiều ô- xi để duy trì sự cháy được lâu hơn.

+ Muốn sự cháy diễn ra liên tục thì không khí phải được lưu thông.

**3. Thái độ**

- Ham thích khoa học, ưa tìm tòi, khám phá.

**4. Góp phần phát triển các năng lực:**

- NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL hợp tác.

***\*KNS:*** *- Bình luận về cách làm và kết quả quan sát*

*- Phân tích, phán đoán, so sánh, đối chiếu*

*- Quản lí thời gian trong quá trình thí nghiệm.*

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Hình 70, 71 (sgk)

- HS: Các đồ dùng thí ngiệm theo nhóm.

**2.Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: quan sát, hỏi đáp, thảo luận, trò chơi học tập, thí nghiệm

- KT: Động não, chia sẻ nhóm đôi, tia chớp

**II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt đông của của học sinh** | **Hoạt đông của giáo viên** |
| - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ. | **1. Khởi động *(4p)*** |
| **2. Bài mới:***(30p)*  **\* Mục tiêu:** HS làm thí nghiệm để chứng tỏ: Càng có nhiều không khí thì càng có nhiều ô- xi để duy trì sự cháy được lâu hơn. Muốn sự cháy diễn ra liên tục thì không khí phải được lưu thông  **\* Cách tiến hành: Cá nhân-Nhóm –Lớp** | |
| **Nhóm 4 – Lớp**  - HS tiến hành TN  + Nhóm trưởng báo cáo việc chuẩn bị của nhóm.  + HS đọc mục thực hành SGK  + HS làm thí nghiệm theo nhóm và quan sát sự cháy của các ngọn nến. Nhận xét và giải thích về kết quả của thí nghiệm theo mẫu:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Kích thước lọ | Thời gian cháy | Giải thích | | 1.Lọ nhỏ | Thời gian cháy ít hơn | Lọ nhỏ thì có ít không khí ... | | 2.Lọ to | Thời gian cháy lau hơn | Lọ to có nhiều không khí thì sự cháy được duy trì lâu hơn.. |   + Đại diện các nhóm báo cáo kết quả làm việc.  + Nhận xét, bổ sung.  + Nhóm trưởng báo cáo việc chuẩn bị của nhóm.  + HS đọc mục thực hành SGK  + HS làm thí nghiệm như mục 1, 2 trang 70 SGK và trả lới câu hỏi SGK.  + Theo thí nghiệm hình 3: ngọn nến chỉ cháy được một thời gian ngắn rồi tắt do hết khí ô- xi trong không khí.  + Thí nghiệm ở hình 4 ngọn nến không bị tắt mà sự cháy được duy trì liên tục không khí ở ngoài tràn vào, tiếp tục cung cấp khí ô- xi để duy trì sự cháy.  + Đại diện các nhóm báo cáo kết quả làm việc.  + Nhận xét, bổ sung.  - HS liên hệ  - HS báo cáo  - Lắng nghe  - Ghi nhớ vai trò của không khí với sự cháy  - Giải thích tại sao khi củi, rơm ướt thì sẽ không bắt lửa? | **HĐ1: Vai trò của ô- xi đối với sự cháy:**  **Bước 1**: Tổ chức và hướng dẫn  + GV kiểm tra dụng cụ thí nghiệm.  + Yêu cầu HS đọc mục *Thực hành* trang 70 SGK để biết cách làm  **Bước 2**: Yêu cầu HS làm TN theo nhóm như chỉ dẫn SGK.  **Bước 3**:  + Yêu cầu HS báo cáo kết quả.  ***\* KL: Càng có nhiều không khí thì càng có nhiều ô- xi để duy trì sự cháy lâu hơn. Không khí có ô- xi nên cần không khí để duy trì sự cháy. Khí ni –tơ trong không khí nó không duy trì sự cháy nhưng giữ cho sự cháy trong không khí xảy ra không quá nhanh và quá mạnh.***  **HĐ2: Cách duy trì sự cháy và ứng dụng trong cuộc sống**:  **Bước 1**: Tổ chức và hướng dẫn  + GV kiểm tra dụng cụ thí nghiệm  + Yêu cầu HS đọc mục *Thực hành* trang 70, 71 SGK để biết cách làm  **Bước 2**: Yêu cầu HS làm TN theo nhóm như chỉ dẫn SGK.  \* GV có thể yêu cầu HS liên hệ:  + Cách nhóm bếp củi.  + Làm thế nào để tắt ngọn lửa?  **Bước 3:** Yêu cầu HS báo cáo kết quả.  ***\* KL: Để duy trì sự cháy cần liện tục cung cấp khồng khí. Nói cách khác, không khí cần được lưu thông.***  - Nhận xét, khen/ động viên HS **3. HĐ ứng dụng *(1p)***  **4. HĐ sáng tạo *(1p)*** |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

:..............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TIẾNG VIỆT**

**ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ I (TIẾT 2)**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức:**

- Biết đặt câu có ý nhận xét về nhân vật trong bài tập đọc đã học (BT2); bước đầu biết dùng thành ngữ, tục ngữ đã học phù hợp với tình huống cho trước (BT3).

**2. Kĩ năng:**

**-** Mức độ yêu cầu về kĩ năng đọc như ở Tiết 1.

**3. Thái độ:**

**-** HS có ý thức học và ôn bài cũ

**4. Góp phần phát triển năng lực:**

**-** NL tự chủ và tự học, NL sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Phiếu bắt thăm bài đọc

- HS: Vở, bút,...

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- Phương pháp vấn đáp, động não, quan sát, thực hành, đặt và giải quyết vấn đề, hoạt động nhóm, trò chơi học tập.

- Kĩ thuật đặt câu hỏi, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBVN điều hành HS cùng hát kết hợp với vận động tại chỗ | **1. Khởi động: (***2p***)**  - GV dẫn vào bài mới |
| **2. HĐ thực hành (30p)**  **2. 1. Viết chính tả**  **a. Chuẩn bị viết chính tả:** *(4p)*  **\* Mục tiêu:** Đọc rành mạch, trôi chảy các bài tập đọc đã học (tốc độ đọc khoảng 80 tiếng/phút); bước đầu biết đọc diễn cảm đoạn văn, đoạn thơ phù hợp với nội dung. Thuộc được 3 đoạn thơ, đoạn văn đã học ở HKI. Biết đặt câu có ý nhận xét về nhân vật trong bài tập đọc đã học (BT2); bước đầu biết dùng thành ngữ, tục ngữ đã học phù hợp với tình huống cho trước (BT3).  **\* Cách tiến hành:** | |
| - HS đọc yêu cầu bài tập.  - Lần lượt từng HS bốc thăm bài, về chỗ chuẩn bị, cứ 1 HS kiểm tra xong, 1 HS tiếp tục lên bốc thăm bài đọc.  - Đọc và trả lời câu hỏi.  - Theo dõi và nhận xét.  - Thực hiện theo yêu cầu của GV:  - HS trao đổi nhóm 2 nhận xét về tính cách của mỗi nhân vật  - Đặt câu cá nhân – Chia sẻ trước lớp:  VD:  a. Nhờ thông minh, ham học và có chí, Nguyễn Hiền đã trờ thành Trạng nguyên trẻ nhất nước ta.  b. Lê- ô- nác- đô đa Vin- xi kiên nhẫn, khổ công luyện vẽ mới thành tài.  c. Xi- ôn- cốp- xki là người đầu tiên ở nước Nga tìm cách bay vào vũ trụ  d. Cao Bá Quát rất kì công luyện viết chữ.  e. Bạch Thái Bưởi là nhà kinh doanh tài ba, chí lớn.  - HS nối tiếp nêu:  *+ Em học được tính kiên trì, ý chí, nghị lực,....*  - Thực hiện theo yêu cầu của GV  a) Nếu bạn có quyết tâm học tập, rèn luyện cao  - *Có chí thì nên.*  *- Có công mài sắt, có ngày nên kim.*  *- Người có chí thì nên.*  *Nhà có nền thì vững.*  b) Nếu bạn nản lòng khi gặp khó khăn?  *- Chớ thấy sóng cả mà rã tay cheo.*  *- Lửa thử vàng, gian nan thử sức.*  *- Thất bại là mẹ thành công.*  *- Thua keo này, bày keo khác.*  c) Nếu bạn em dễ thay đổi ý định theo người khác?  *- Ai ơi đã quyết thì hành.*  *Đã đan thì lận tròn vành mới thôi!*  *- Hãy lo bền chí câu cua.*  *Dù ai câu chạch, câu rùa mặc ai!*  *- Đứng núi này trông núi nọ.*  - Ghi nhớ và vận dụng tốt các thành ngữ trong các chủ điểm đã học  - Đọc diễn cảm tất cả các bài tập đọc | **Bài 1:** Ôn luyện và học thuộc lòng: 1/5 lớp  - Gọi HS đọc yêu cầu bài tập.  - Cho HS lên bảng bốc thăm bài đọc:  - Gọi 1 HS đọc và trả lời 1, 2 câu hỏi về nội dung bài đọc  - GV nhận xét, khen/ động viên trực tiếp từng HS.  \*Lưu ý giúp đỡ hs M1+M2 đọc lưu loát các bài Tập đọc, HTL  **Bài 2:** Đặt câu với những từ ngữ thích hợp...  - Gọi HS đọc yêu cầu bài tập.  - Yêu cầu HS tự làm bài, sau đó đọc câu của mình đặt. HS khác nhận xét, bổ sung.  - GV sửa lỗi dùng từ, diễn đạt cho từng HS.  \* Lưu ý giúp đỡ hs M1+M2 đặt câu cho đúng.  *+ Em học được điều gì từ các nhân vật trong bài?*  **Bài 3:** Em hãy chọn thành ngữ....  - Gọi HS đọc yêu cầu bài tập.  - Yêu cầu HS trao đổi, thảo luận cặp đôi và viết các thành ngữ, tục ngữ vào vở.  - Gọi HS trình bày, HS khác nhận xét.  - Nhận xét chung, kết luận lời giải đúng.  **3. HĐ ứng dụng** *(1p)*  **4. HĐ sáng tạo** *(1p)* |

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TOÁN**

***Tiết 87:* DẤU HIỆU CHIA HẾT CHO 3**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Nắm được dấu hiệu chia hết cho 3

**2. Kĩ năng**

- Bước đầu biết vận dụng dấu hiệu chia hết cho 3 trong một số tình huống đơn giản.

**3. Thái độ**

- HS tích cực, chăm chỉ, sáng tạo

**4. Góp phần phát huy các năng lực**

**-** Năng lực tự học, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL tư duy - lập luận logic.

\* BT cần làm: Bài 1; bài 2; bài 3

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Bảng phụ.

- HS: sách, bút,...

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm

- Kĩ thuật: đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của HS** | **Hoạt động của GV** |
| **-** TBHT điều hành lớp trả lời, nhận xét  *+ Những số chia hết cho 9 là những số có tổng các chữ số là số chia hết cho 9* | **1. Khởi động *(5p)***  *+ Nêu dấu hiệu chia hết cho 9*  *+ Lấy VD về số chia hết cho 9*  - GV dẫn vào bài mới |
| **2. Hình thành kiến thức *(15p)***  **\* Mục tiêu:** Nắm được dấu hiệu chia hết cho 3  **\* Cách tiến hành:** **Cá nhân- Nhóm – Lớp** | |
| - HS chia vở nháp thành 2 cột, cột chia hết và cột chia không hết.  - Các số chia hết cho 3: 63, 123, 90, 18, ...  Ví dụ: 63: 3 = 21  Ta có 6 + 3 = 9 và 9: 3 = 3  **+ Các số có tổng các chữ số chia hết cho 3 thì chia hết cho 3**  Ví dụ: 91: 3 = 30 (dư 1)  Ta có: 9 + 1 = 10 và 10: 3 = 3 (dư 1)  *+ Ta tính tổng các chữ số của nó nếu tổng đó chia hết cho 3 thì số đó chia hết cho 3, nếu tổng các chữ số đó không chia hết cho 3 thì số đó không chia hết cho 3.* | \* GV hướng dẫn để HS tìm ra các số chia hết cho 3  - GV yêu cầu HS chọn các số chia hết cho 3 và các số không chia hết cho 3 tương tự như các tiết trước.  - GV yêu cầu HS đọc các số chia hết cho 3 trên bảng và tìm ra đặc điểm chung của các số này.  - GV yêu cầu HS tính tổng các chữ số của các số chia hết cho 3.  \* Đó chính là các số chia hết cho 3.  *+ Hãy nêu dấu hiệu chia hết cho 3*  - GV yêu cầu HS tính tổng các chữ số không chia hết cho 3 và cho biết những tổng này có chia hết cho 3 không?  *+ Vậy muốn kiểm tra một số có chia hết cho 3 không ta làm thế nào?* |
|  | **3. HĐ thực hành** *(18p)*  **\* Mục tiêu:**Bước đầu biết vận dụng dấu hiệu chia hết cho 3 trong một số tình huống đơn giản.  **\* Cách tiến hành:** |
| - Thực hiện cá nhân – Chia sẻ lớp  Đáp án:  Các số chia hết cho 3 là: 231, 1872, 92313.  *+ Vì các số đó có tổng các chữ số là số chia hết cho 3. VD: Số 231 có tổng các chữ số là: 2 + 3 + 1 = 9. 9 chia hết cho 3*  - Thực hiện cá nhân – Chia sẻ lớp  Đáp án:  Các số không chia hết cho 3 là: 502, 55553, 641311.  + HS đọc yêu cầu bài tập.  - Thực hiện theo yêu cầu của GV. VD:  + Các số có ba số có ba chữ số chia hết cho 3 là: 333, 966, 876, ...  - HS làm vào vở Tự học – Chia sẻ trước lớp:  Đáp án: Viết được các số:  561/564; 795/798; 2235/2535  - Ghi nhớ dấu hiệu chia hết cho 3  - Tìm các bài tập vận dụng dấu hiệu chia hết cho 3 trong sách buổi 2 và giải | ***Bài 1:*** Trong các số sau số nào chia hết cho 3...  - Gọi HS đọc yêu cầu bài tập.  *+ Tại sao em biết các số đó chia hết cho 3?*  - GV chốt đáp án, củng cố dấu hiệu chia hết cho 3.  \* Lưu ý giúp đỡ HS M1+M2  ***Bài 2:*** Trong các số sau số nào không chia hết cho 3...  - GV nhận xét, đánh giá bài làm trong vở của HS  - GV chốt đáp án.  \* Lưu ý giúp đỡ HS M1+M2  ***Bài 3:*** Viết ba số có ba chữ số chia hết cho 3...  **Bài 4** ***(bài tập chờ dành cho HS hoàn thành sớm)***  - Chốt cách lập số theo yêu cầu.  **4. HĐ ứng dụng** *(1p)*  **5. HĐ sáng tạo (***1p)* |

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**LỊCH SỬ**

**KIỂM TRA HỌC KÌ I**

**(Đề của trường)**

**ĐIỀU CHỈNH-BỔ SUNG**

..........................................................................................................................................................................................................................................................................

**TIẾNG VIỆT**

**ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ I (TIẾT 3)**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Nắm được các kiểu mở bài, kết bài trong bài văn kể chuyện; bước đầu viết được mở bài gián tiếp, kết bài mở rộng cho bài văn kể chuyện ông Nguyễn Hiền (BT2).

**2. Kĩ năng**

- Mức độ yêu cầu về kĩ năng đọc như ở Tiết 1.

**3. Thái độ**

- HS chăm chỉ, tích cực ôn tập KT cũ

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL tự học, NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: + Bảng phụ ghi sẵn nội dung cần ghi nhớ về 2 cách mở bài và 2 cách kết bài.

+ Phiếu ghi sẵn tên các bài tập đọc, HTL .

- HS: vở BT, bút, ...

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Quan sát, hỏi đáp, thảo luận nhóm.

- KT: Kĩ thuật đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của HS** | **Hoạt động của GV** |
| - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ. | 1**. Khởi động** (3p)  - GV giới thiệu và dẫn vào bài mới |
| **2. Hoạt động thực hành***:(30p)*  **\* Mục tiêu:** Mức độ yêu cầu về kĩ năng đọc như ở Tiết 1. Nắm được các kiểu mở bài, kết bài trong bài văn kể chuyện; bước đầu viết được mở bài gián tiếp, kết bài mở rộng cho bài văn kể chuyện ông Nguyễn Hiền  **\* Cách tiến hành: Cá nhân-Nhóm-Cả lớp** | |
| **Cá nhân-Lớp**  - HS đọc yêu cầu bài tập.  - Lần lượt từng HS bốc thăm bài, về chỗ chuẩn bị, cứ 1 HS kiểm tra xong, 1 HS tiếp tục lên bốc thăm bài đọc.  - Đọc và trả lời câu hỏi.  - Theo dõi và nhận xét.  - HS đọc yêu cầu bài tập.  + ***Mở bài gián tiếp****:* nói chuyện khác để dẫn vào câu chuyện định kể.  **+ *Kết bài mở rộng****:* sau khi cho biết kết cục câu chuyện, có lời bình luận thêm về câu chuyện*.*  - HS viết phần mở bài gián tiếp và kết bài mở rộng cho câu chuyện về ông Nguyễn Hiền. VD:  a) **Mở bài gián tiếp**: Nước ta có những thần đồng bộc lộ tài năng từ nhỏ. Đó là trường hợp của chú bé Nguyễn Hiền. Nhà ông rất nghèo, ông phải bỏ học nhưng vì là người có ý chí vươn lên ông đã tự học và đỗ Trạng nguyên năm 13 tuổi. Câu chuyện xảy ra vào đời vua Trần Nhân Tông.  b) **Kết bài mở rộng**: Câu chuyện về vị Trạng nguyên trẻ nhất nước Nam ta làm em càng thấm thía hơn những lời khuyên của người xưa: Có chí thì nên; Có công mài sắt có ngày nên kim.  - Ghi nhớ KT ôn tập  - Đọc diễn cảm các bài tập đọc. | **Bài 1:** Ôn luyện và học thuộc lòng:  - Gọi HS đọc yêu cầu bài tập.  - Cho HS lên bảng bốc thăm bài đọc:  - Gọi 1 HS đọc và trả lời 1, 2 câu hỏi về nội dung bài đọc  - GV nhận xét, khen/ động viên trực tiếp từng HS.  **Bài 2:** Cho đề tập làm văn sau: “ Kể chuyện ông Nguyễn Hiền.” Em hãy viết:  a. Phần mở bài theo kiểu gián tiếp.  b. Phần kết bài theo kiểu mở rộng.  *+ Thế nào là mở bài theo kiểu gián tiếp?*  *+ Thế nào là kết bài theo kiểu mở rộng?*  - Yêu cầu HS làm việc cá nhân.  - Gọi HS trình bày, GV sửa lỗi dùng từ, diễn đạt cho HS .  ***\**** Lưu ý giúp đỡ HS M1+M2 viết mở bài và kết bài cho bài văn.  **3. Hoạt động ứng dụng** *(1p)*  **4. Hoạt động sáng tạo** *(1p)* |

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TOÁN**

***Tiết 88:* LUYỆN TẬP**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Củng cố kiến thức về dấu hiệu chia hết cho 2; 3; 5 và 9

**2. Kĩ năng**

- Bước đầu biết vận dụng dấu hiệu chia hết cho 9, dấu hiệu chia hết cho 3, vừa chia hết cho 2 vừa chia hết cho 5, vừa chia hết cho 2 vừa chia hết cho 3 trong một số tình huống đơn giản.

**3. Thái độ**

- HS tích cực, chăm chỉ, sáng tạo

**4. Góp phần phát huy các năng lực**

**-** Năng lực tự học, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL tư duy - lập luận logic.

\* BT cần làm: Bài 1; bài 2; bài 3. KK HSNK hoàn thành tất cả bài tập

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Bảng phụ.

- HS: sách, bút,...

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm

- Kĩ thuật: đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của HS** | **Hoạt động của GV** |
| **-** TBHT điều hành lớp trả lời, nhận xét  - HS tham gia trò chơi | **1. Khởi động *(5p)***  Trò chơi **Bắn tên** với các câu hỏi:  + Bạn hãy nêu dấu hiệu chia hết cho 2?  + Bnn hãy nêu dấu hiệu chia hết cho 5?  + Bạn hãy nêu dấu hiệu chia hết cho 3?  + Bạn hãy nêu dấu hiệu chia hết cho 9?  - GV dẫn vào bài mới |
| **2. HĐ thực hành** *(30p)*  **\* Mục tiêu:** Bước đầu biết vận dụng dấu hiệu chia hết cho 9, dấu hiệu chia hết cho 3, vừa chia hết cho 2 vừa chia hết cho 5, vừa chia hết cho 2 vừa chia hết cho 3 trong một số tình huống đơn giản.  **\* Cách tiến hành: Cá nhân – Lớp** | |
| - Thực hiện cá nhân- Chia sẻ lớp  Đ/a:  a. Số chia hết cho 3 là: 4563, 2229, 3576, 66816.  b. Số chia hết cho 9 là: 4563, 66816.  c. Số chia hết cho 3 nhưng không chia hết cho 9 là: 2229, 3576.  - Thực hiện theo YC của GV.  Đ/a:  a. 94**5** chia hết cho 9  b. 2**2**5 ; 2**5**5 ; 2**8**5.chia hết cho 3.  c. 76**2** ; 76**8** chia hết cho 3 và cho 2.  - Thực hiện nhóm 2 – Chia sẻ lớp  Đ/a:  a). Đ ; b). S ; c). S ; d). Đ.  + HS giải thích  - HS làm vào vở Tự học – Chia sẻ lớp  Đáp án:  a) Có thể viết 3 trong các số:  612 ; 621 ; 126 ; 162 ; 261 ; 216.  b) Có thể viết 1 trong các số:  120 ; 102 ; 201 ; 210.  - Ghi nhớ các dấu hiệu chia hết  - Tìm các bài tập vận dụng dấu hiệu chia hết trong sách Toán buổi 2 và giải | **Bài 1:** Trong các số: 3451; 4563; 22050; 2229; 3576; 66816...  - Gọi HS đọc yêu cầu bài tập.  - GV chốt đáp án, củng cố dấu hiệu chia hết cho 3; 9  \* Lưu ý đối tượng HS M1+M2  ***Bài 2:***  ***-*** Cho HS đọc đề bài.  - GV YC HS tự làm bài,  - Gọi HS đọc các chữ số cần điền và giải thích vì sao điền chữ số đó.  - Nhận xét, chốt đáp án..  ***Bài 3***:  - Cho HS đọc đề bài.  - Yêu cầu HS thảo luận cặp đôi làm bài.  - Yêu cầu các nhóm báo cáo từng phần và giải thích rõ vì sao đúng, sai.  - Nhận xét, chốt đáp án.  \* Lưu ý giúp đỡ hs M1+M2  **Bài 4** ***(bài tập chờ dành cho HS hoàn thành sớm)***  - Chốt cách lập số theo yêu cầu.  3**. HĐ ứng dụng** *(1p)*  **4. HĐ sáng tạo (***1p)* |

**ĐIỀU CHỈNH-BỔ SUNG**

...................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**ĐẠO ĐỨC**

**ÔN TẬP VÀ THỰC HÀNH KĨ NĂNG CUỐI HỌC KÌ I**

**I.MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Ôn tập lại các kiến thức của các bài đạo đức

**2. Kĩ năng**

- Thực hiện những hành vi, những việc làm thể hiện lòng hiếu thảo với ông bà, cha mẹ trong cuộc sống.

- Biết tỏ bày lòng kính trọng và biết ơn với thầy giáo, cô giáo.

- Tích cực tham gia các công việc ở trường, ở lớp ở nhà phù hợp với khả năng của mình.

**3. Thái độ**

- GD HS thực hiện theo bài học

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL tự học, NL giải quyết vấn đề, NL hợp tác, sáng tạo

**I. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Phiếu bắt thăm câu hỏi

- HS: SGK, bút, ...

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm, trò chơi, đóng vai.

- KT: động não, tia chớp, chia sẻ nhóm 2

**III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của HS** | **Hoạt động của GV** |
| - HS nối tiếp nêu tên | **1.Khởi động:***(5p)*  - Nêu tên các bài đạo đức đã học  - GV nhận xét, khen/ động viên, dẫn vào bài mới |
| **2.HĐ thực hành***(30 p)*  **\* Mục tiêu:** - Thực hiện những hành vi, những việc làm thể hiện lòng hiếu thảo với ông bà, cha mẹ trong cuộc sống.  - Biết tỏ bày lòng kính trọng và biết ơn với thầy giáo, cô giáo.  - Tích cực tham gia các công việc ở trường, ở lớp ở nhà phù hợp với khả năng của mình.  **\* Cách tiến hành: Cá nhân – Nhóm - Lớp** | | |
| **Cá nhân – Chia sẻ lớp**  - HS lên bắt thăm và trả lời  + Việc làm thể hiện lòng hiếu thảo với ông bà, cha mẹ: Vâng lới ông bà, cha mẹ; bón cơm hay cháo cho ông bà khi ông bà ốm đau; ....  + Chăm chỉ học tập, tích cực tham gia phát biểu xây dựng bài, tích cực tham gia các hoạt động trong lớp, ...  + Biểu hiện về yêu lao động: Tham gia các công việc lao động của lớp, của trường; Tham gia dọn đường làng ngõ xóm cùng bà con cô bác, ...  - HS liên hệ bản thân  **Nhóm 4- Lớp**  - HS thảo luận theo nhóm.  - Kể trong nhóm  - Cử đại diện kể trước lớp.  - Bình chọn bạn kể chuyện hay nhất  - Nêu bài học rút ra sau mỗi câu chuyện  - Thực hiện theo các chuẩn mực đạo đức trong bài học  - Sưu tầm các câu chuyện có nội dung liên quan đến các bài đạo đức đã học. | **HĐ1: Ôn lại kiến thức**  - Gv cho HS lên bắt thăm các phiếu có in sẵn câu hỏi  + Em hãy nêu một số việc làm cụ thể hằng ngày thể hiện lòng hiếu thảo với ông bà, cha mẹ?  + Nêu một số việc làm thể hiện lòng biết ơn đối với thầy cô giáo?  + Nêu một số biểu hiện thể hiện về yêu lao động?  *- Liên hệ: Em đã làm được những việc gì và chưa làm được những việc gì trong những việc vừa kể trên?*  **HĐ2: Kể chuyện theo bài học**  - Chia nhóm và giao nhiệm vụ:  + Hãy kể một câu chuyện về lòng hiểu thảo với ông bà, cha mẹ mà em biết?  + Em hãy kể một tấm gương về yêu lao động?  + Kể 1 tấm gương về kính trọng, biết ơn thầy cô giáo.  **3. HĐ ứng dụng** *(1p)*    **4. HĐ sáng tạo** *(1p)* | |

**ĐIỀU CHỈNH-BỔ SUNG**

..............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TIẾNG VIỆT**

**ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ I (TIẾT 4)**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Nghe- viết đúng bài CT (tốc độ viết khoảng 80 chữ/15 phút), không mắc quá 5 lỗi trong bài; trình bày đúng bài thơ 4 chữ (Đôi que đan).

\*HS năng khiếu viết đúng và tương đối đẹp bài CT (tốc độ viết trên 80 chữ/15 phút); hiểu nội dung bài.

**2. Kĩ năng:**

- Mức độ yêu cầu về kĩ năng đọc như ở Tiết 1.

- Viết đúng, đẹp bài chính tả

**3. Thái độ**

- Tích cực làm bài, ôn tập KT

**4. Góp phần bồi dưỡng các năng lực**

- NL giao tiếp và hợp tác, NL sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Phiếu ghi sẵn tên các bài tập đọc và học thuộc lòng

- HS: SGK

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm.

- KT: đặt câu hỏi, chia sẻ nhóm.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của HS** | **Hoạt động của GV** |
| - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ. | 1**. Khởi động** (3p)  - GV giới thiệu và dẫn vào bài mới |
| **2. Hoạt động thực hành***:(30p)*  **\* Mục tiêu:** Mức độ yêu cầu về kĩ năng đọc như ở Tiết 1. Nghe - viết đúng bài CT HS hiểu được nội dung bài CT,viết được các từ khó, dễ lẫn và các hiện tượng CT, cách viết đoạn văn xuôi  **\* Cách tiến hành: Cá nhân-Nhóm-Cả lớp** | |
| **Cá nhân-Lớp**  - HS đọc yêu cầu bài tập.  - Lần lượt từng HS bốc thăm bài, về chỗ chuẩn bị, cứ 1 HS kiểm tra xong, 1 HS tiếp tục lên bốc thăm bài đọc.  - Đọc và trả lời câu hỏi.  - Theo dõi và nhận xét.  - 1 HS đọc thành tiếng.  *+ Những đồ dùng hiện ra từ đôi que đan và bàn tay của chị em: mũ len, khăn, áo của bà, của bé, của mẹ cha.*  *+ Hai chị em trong bài rất chăm chỉ, yêu thương những người thân trong gia đình.*  + Các từ ngữ: *mũ, chăm chỉ, giản dị, đỡ ngượng, que tre, ngọc ngà, …*  - Nghe GV đọc và viết bài .  - Dùng bút chì, đổi vở cho nhau để soát lỗi, chữa bài .  - Viết lại các lỗi sai trong bài chính tả  - Đọc diễn cảm các bài tập đọc | **Bài 1:** Ôn luyện và học thuộc lòng:  - Gọi HS đọc yêu cầu bài tập.  - Cho HS lên bảng bốc thăm bài đọc:  - Gọi 1 HS đọc và trả lời 1, 2 câu hỏi về nội dung bài đọc  - GV nhận xét, khen/ động viên trực tiếp từng HS.  **Bài 2: Nghe - viết chính tả:**  ***\* Tìm hiểu nội dung bài thơ***  - Đọc bài thơ *Đôi que đan*.  *+ Từ đôi que đan và bàn tay của chị em những gì hiện ra?*  *+ Theo em, hai chị em trong bài là người như thế nào?*  ***\* Hướng dẫn viết từ khó***  - HS tìm các từ khó, dễ lẫn khi viết chính tả và luyện viết.  ***\* Nghe – viết chính tả***  - GV đọc cho HS viết với tốc độ vừa phải (khoảng 90 chữ / 15 phút). Mỗi câu hoặc cụm từ được đọc 2 đến 3 lần: đọc lượt đầu chậm rãi cho HS nghe , đọc nhắc lại 1 hoặc 2 lần cho HS kịp viết với tốc độ quy định .  ***\* Soát lỗi và chữa bài***  - Đọc toàn bài cho HS soát lỗi.  - Thu nhận xét, đánh giá bài làm  - Nhận xét bài viết của HS  **3. Hoạt động ứng dụng** *(1p)*  **4. Hoạt động sáng tạo** *(1p)* |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**KĨ THUẬT**

**CẮT, KHÂU, THÊU SẢN PHẨM TỰ CHỌN**(tiết 4)

**I.MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Ôn tập các kiến thức về cắt, khâu, thêu

**2. Kĩ năng**

- Sử dụng được một số dụng cụ, vật liệu cắt, khâu, thêu để tạo thành sản phẩm đơn giản. Có thể chỉ vận dụng hai trong ba kĩ năng cắt, khâu, thêu đã học.

\*Với HS khéo tay: Vận dụng kiến thức, kĩ năng cắt, khâu, thêu để làm được đồ dùng đơn giản, phù hợp với HS.

**3. Thái độ**

- Giáo dục tính cẩn thận, khéo léo, an toàn khi thực hành

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL thẩm mĩ.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: : + Tranh quy trình của các bài trong chương.

+ Mẫu khâu, thêu đã học.

- HS: Bộ ĐD KT lớp 4.

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Quan sát mẫu, hỏi đáp, thảo luận nhóm, luyện tập – thực hành

- KT: đặt câu hỏi, tia chớp, động não, phòng tranh

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBVN điều hành | **1. HĐ khởi động (3p)**  - HS hát bài hát khởi động:  - Kiểm tra sự chuẩn bị đồ dùng của HS |
| **2. Hình thành KT***(30p)*  **\* Mục tiêu**: Vận dụng kiến thức cắt, khâu, thêu để tạo sản phẩm có tính ứng dụng trong cuộc sống  **\* Cách tiến hành: Cá nhân- Nhóm- Lớp** | |
| - HS lựa chọn tùy theo khả năng và ý thíchđể thực hành .  - HS bắt đầu thêu tiếp tục .  - HS thờu xong trỡnh bày sản phẩm  - HS trưng bày các sản phẩm của mình đã hoàn thành .  - HS tự đánh giá sản phẩm.  - Ghi nhớ các kiến thức về cắt, khâu, thêu  - Tiếp tục tạo các sản phẩm đẹp và lạ mắt từ cắt, khâu, thêu | **HĐ1**: *Thực hành cắt, khâu, thêu:*  - HS tự chọn sản phẩm và thực hành làm sản phẩm tự chọn .  - Nêu yêu cầu thực hành và hướng dẫn chọn sản phẩm: sản phẩm tự chọn được thực hiện bằng cách vận dụng những kĩ thuật cắt khâu thêu đó học .  - GV quan sát và hướng dẫn những HS còn lúng túng  **HĐ2**: *Đánh giá kết quả học tập:*  - GV tổ chức cho HS trưng bày sản phẩm thực hành.  - Các tiêu chuẩn đánh giá.  + Sản phẩm đúng kĩ thuật.  + Mũi khâu, thêu tương đồi đều, phẳng.  + Hoàn thành sản phẩm đúng thời hạn.  - GV nhận xét, đánh giá kết quả học tập.  **3. HĐ ứng dụng** *(1p)*  **4. HĐ sáng tạo** *(1p)* |

**ĐIỀU CHỈNH-BỔ SUNG**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TIẾNG VIỆT**

**ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ I (TIẾT 5)**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- HS ôn lại kiến thức về từ loại và mẫu câu kể Ai làm gì? Ai thế nào?

**2. Kĩ năng**

- Mức độ yêu cầu về kĩ năng đọc như ở Tiết 1

- Nhận biết được danh từ, động từ, tính từ trong đoạn văn; biết đặt câu hỏi xác định bộ phận câu đã học: Làm gì? Thế nào? Ai? (BT2).

**3. Thái độ**

- HS tích cực, tự giác ôn tập KT cũ

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: + Phiếu ghi sẵn tên các bài tập đọc và học thuộc lòng

+ Bảng lớp viết sẵn đoạn văn ở bài tập 2, SGK

- HS: SGK

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- Phương pháp: Quan sát, hỏi - đáp, đóng vai.

- Kĩ thuật: Làm việc nhóm, chia sẻ

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBHT điều hành lớp trả lời, nhận xét. | **1. Khởi động:** *(3p)*  Trò chơi **Hộp quà bí mật**  **+** Đặt một câu có sử dụng tính từ?  + Đặt một câu có sử dụng danh từ?  + Đặt một câu có sử dụng động từ?  - GV nhận xét chung, dẫn vào bài mới |
| **2. HĐ thực hành:** *(30p)*  **\* Mục tiêu:** - Mức độ yêu cầu về kĩ năng đọc như ở Tiết 1  - Nhận biết được danh từ, động từ, tính từ trong đoạn văn; biết đặt câu hỏi xác định bộ phận câu đã học: Làm gì? Thế nào? Ai? (BT2).  \* **Cách tiến hành:** | |
| **Cá nhân – Lớp**  - HS đọc yêu cầu bài tập.  - Lần lượt từng HS bốc thăm bài, về chỗ chuẩn bị, cứ 1 HS kiểm tra xong, 1 HS tiếp tục lên bốc thăm bài đọc.  - Đọc và trả lời câu hỏi.  - Theo dõi và nhận xét.  - Đọc yêu cầu trong SGK.  **Nhóm 4 – Lớp**  - Hs thảo luận nhóm  - 1 HS đọc thành tiếng.  - 1 HS làm bảng lớp, HS cả lớp làm vở.  - 1 HS nhận xét, chia sẻ  *DT: buổi chiều, xe, thị trấn, nắng, phố, huyện, em bé, Hmông, mắt, một mí, em bé, Tu Dí, Phù Lá, cổ, móng, hổ, quần áo, sân.*  *ĐT: dừng lại, đeo, chơi đùa.*  *TT: nhỏ, vàng hoe, sặc sỡ.*  - HS đặt câu hỏi – Chia sẻ trước lớp  *+ Câu kể Ai làm gì? , Ai thế nào?*  Đáp án:  + *Buổi chiều, xe làm gì?*  + *Nắng phố huyện như thế nào?*  + *Ai đang chơi đùa trước sân.*  - Ghi nhớ kiến thức ôn tập  - Chọn 1 đoạn văn/ bài văn em thích trong chương trình và xác định các kiểu câu kể trong đoạn văn, bài văn đó. | **Bài 1:** Ôn luyện tập đọc và học thuộc lòng  - Gọi HS đọc yêu cầu bài tập.  - Cho HS lên bảng bốc thăm bài đọc:  - Gọi 1 HS đọc và trả lời 1, 2 câu hỏi về nội dung bài đọc  - GV nhận xét, khen/ động viên.  **Bài 2:**Tìm danh từ, động từ, tính từ và đặt câu hỏi cho bộ phận in đậm  - Gọi HS đọc yêu cầu và nội dung.  - Yêu cầu HS tự làm bài.  - Gọi HS chữa bài, bổ sung.  - Nhận xét, kết luận lời giải đúng.  - Yêu cầu HS tự đặt câu hỏi cho bộ phận in đậm.  *+ Các câu in đậm thuộc kiểu câu kể gì?*  - Gọi HS nhận xét, chữa câu cho bạn.  - Nhận xét, kết luận lời giải đúng.  - Chốt lại cách đặt câu hỏi cho bộ phận in đậm.  \* Lưu ý giúp đỡ hs M1+M2 đặt câu và tìm DT, ĐT, TT  **3. HĐ ứng dụng (***1p)*  **4. HĐ sáng tạo** *(1p)* |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TOÁN**

***Tiết 89:* LUYỆN TẬP CHUNG**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Củng cố kiến thức về các dấu hiệu chia hết.

**2. Kĩ năng**

- Vận dụng thành thạo dấu hiệu chia hết cho 2, 3, 5, 9 trong một số tình huống đơn giản.

**3. Thái độ**

- Học tập tích cực, tính toán chính xác

**4. Góp phần phát triền các NL:**

- NL tự học, NL sáng tạo, NL giải quyết vấn đề

\* Bài tập cần làm: Bài 1, bài 2, bài 3

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: bảng phụ

- HS: sách, bút

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Quan sát, hỏi đáp, thảo luận nhóm.

- KT: động não, tia chớp, chia sẻ nhóm 2

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ | **1. Khởi động *(5p)***  - GV giới thiệu, dẫn vào bài mới |
| **2. HĐ thực hành *(30p)***  **\* Mục tiêu*:*** Vận dụng thành thạo dấu hiệu chia hết cho 2, 3, 5, 9 trong một số tình huống đơn giản.  **\* Cách tiến hành: Cá nhân – Lớp** | |
| Cá nhân – Chia sẻ lớp  - Thực hiện theo yêu cầu của GV.  Đ/a:  a) Các số chia hết cho 2 là: 4568; 2050; 35766.  b) Các số chia hết cho 3 là: 2229; 35766.  c) Các số chia hết cho 5 là: 7435 ; 2050.  d) Các số chia hết cho 9 là: 35766.  - Thực hiện theo yêu cầu của GV.  - YC HS làm bài theo cặp.  Đ/a:  a) Các số chia hết cho 2 và 5: 64 620; 5270  b) Các số chia hết cho 3 và 2: 64 620; 57 234.  c) Các số chia hết cho 2; 3; 5; 9 là:  64 620  - Thực hiện theo yêu cầu của GV.  Đ/a:  a. 5**2**8 , 5**5**8, 5**8**8 chia hết cho 3  b. 6**0**3, 6**9**3 chia hết cho 9  c. 24**0** chia hết chi 3 và 5.  d. 35**4** chia hết cho 2 và 3.  - HS làm bài vào vở Tự học – Chia sẻ nhóm 2 – Chia sẻ lớp  Bài 4:  a) 2253 + 4315 – 173 = 6568 – 173  = 6395  (6395 chia hết cho 5)  b) 6438 – 2325 x 2 = 6438 – 4650  = 1788  (1788 chia hết cho 2.)  c) 480 – 120 : 4 = 480 – 30 = 450  (450 chia hết cho cả 2 và 5)  d) 63 + 24 x 3 = 63 + 72 = 135  (135 chia hết cho 5)  Bài 5: Giải  Vì số học sinh ít hơn 35 và nhiều hơn 20. Mà xếp 5 hàng đều không thừa không thiếu nên số học sinh có thể là: 25 hoặc 30. Số HS xếp thành 3 hàng cũng vừa đủ nên đó là số chia hết cho 3. Vậy số HS là 30 học sinh  - Ghi nhớ các dấu hiệu chia hết và vận dụng  - Tìm các bài tập về dấu hiệu chia hết trong sách Toán buổi 2 và giải. | ***Bài 1:***  - Gọi HS đọc và xác định yêu cầu bài tập.  - Gọi HS chia sẻ, nhận xét, bổ sung, sửa (nếu cần)  - GV chốt đáp án.  - Củng cố cách xác định các số chia hết cho 2, 5, 3, 9  ***Bài 2:***  - Gọi HS đọc và xác định yêu cầu bài tập.  - Gọi HS chia sẻ, nhận xét, bổ sung, sửa (nếu cần)  - GV chốt đáp án.  - Củng cố cách xác định các số chia hết cho cả 2 và 5; cả 3 và 2; cả 2,3,5,9  \* Lưu ý giúp đỡ hs M1+M2 về dấu hiệu nhận biết các số chia hết.  ***Bài 3:***  - Gọi HS đọc và xác định yêu cầu bài tập.  - GV phát bảng nhóm cho 6 nhóm, sau đó mời 3 nhóm xong trước lên treo, các nhóm còn lại GV thu và mời nhận xét chéo.  - Củng cố lại các dấu hiệu chia hết  **Bài 4+ Bài 5 *(bài tập chờ dành cho HS hoàn thành sớm)***  - GV chữa, chốt cách làm  **3. HĐ ứng dụng *(1p)***  **4. HĐ sáng tạo *(1p)*** |

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

:...................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TIẾNG VIỆT**

**ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ I (TIẾT 6)**

**I.MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Giúp HS ôn tập về cách lập dàn ý cho bài văn miêu tả đồ vật và cách viết mở bài theo kiểu gián tiếp và kết bài theo kiểu mở rộng

**2. Kĩ năng**

- Mức độ yêu cầu về kĩ năng đọc như ở Tiết 1.

- Biết lập dàn ý cho bài văn miêu tả một đồ dùng học tập đã quan sát; viết được đoạn mở bài theo kiểu gián tiếp, kết bài theo kiểu mở rộng (BT2).

**3. Thái độ**

- HS tích cực, tự giác ôn bài.

**4. Góp phần phát triển NL:**

**-** NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL ngôn ngữ.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Phiếu ghi sẵn tên các bài tập đọc và học thuộc lòng

- HS: SGK, Bút, vở

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Quan sát, hỏi đáp.

- KT: đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ | **1. Khởi động:(***5p)*    - GV dẫn vào bài mới |
| **2. . Hoạt động thực hành:** *(27p)*  **\* Mục tiêu:** - Mức độ yêu cầu về kĩ năng đọc như ở Tiết 1.  - Biết lập dàn ý cho bài văn miêu tả một đồ dùng học tập đã quan sát; viết được đoạn mở bài theo kiểu gián tiếp, kết bài theo kiểu mở rộng (BT2).  **\* Cách tiến hành:** | |
| - HS đọc yêu cầu bài tập.  - Lần lượt từng HS bốc thăm bài, về chỗ chuẩn bị, cứ 1 HS kiểm tra xong, 1 HS tiếp tục lên bốc thăm bài đọc.  - Đọc và trả lời câu hỏi.  - Theo dõi và nhận xét.  - Thực hiện theo yêu cầu của GV.  - Làm cá nhân - Chia sẻ dàn ý trước lớp  *+ MB nói 1 ý khác có liên quan để dẫn vào đồ vật định tả*  *+ Nói được tình cảm, thái độ, công dụng của đồ vật*  - HS viết cá nhân – Chia sẻ lớp. VD:  **Mở bài:** Có một người bạn luôn bên em mỗi ngày, luôn chứng kiến những buồn vui trong học tập của em, đó là chiếc bút máy màu xanh. Đây là món quà em được bố tặng cho khi vào năm học mới.  **Kết bài**: Em luôn giữ gìn cây bút cẩn thận, không bao giờ bỏ quên hay quên đậy nắp. Em luôn cảm thấy có bố em ở bên mình, động viên em học tập.  - Viết hoàn chỉnh phần MB và KB  - Hoàn chỉnh bài văn miêu tả đồ vật | **Bài 1:** Ôn luyện và học thuộc lòng:  - Gọi HS đọc yêu cầu bài tập.  - Cho HS lên bảng bốc thăm bài đọc:  - Gọi 1 HS đọc và trả lời 1, 2 câu hỏi về nội dung bài đọc  - GV nhận xét, khen/ động viên trực tiếp từng HS.  **Bài 2:** Cho đề bài tập làm văn: “ Tả một đồ dùng học tập của em”.  - 1 HS đọc thành tiếng yêu cầu trong SGK.  a) - GV hướng dẫn:  + Đây là bài văn miêu tả đồ vật.  + Hãy quan sát thật kĩ 1 đồ dùng học tập của em, tìm những đặc điểm riêng mà không thể lẫn với đồ vật khác của bạn.  + Không nên tả quá chi tiết rườm rà.  - GV chốt lại dàn ý chuẩn của bài  b. YC HS tự viết bài  *+ MB gián tiếp là như thế nào?*  *+ KB mở rộng là như thế nào?*  - Yêu cầu HS biết bài  - Nhận xét, sửa lỗi dùng từ, đặt câu cho HS.  **3. HĐ ứng dụng *(1p)***  **4. HĐ sáng tạo *(1p)*** |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**KHOA HỌC**

**KHÔNG KHÍ CẦN CHO SỰ SỐNG**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Biết được vai trò của không khí với sự sống của con người, động vật, thực vật

**2. Kĩ năng**

- Tự thực hành để biết được vai trò của không khí với con người; quan sát, làm thí nghiệm để biết vai trò của không khí với động vật, thực vật **3. Thái độ**

- Có ý thức bảo vệ bầu không khí trong sạch

**4. Góp phần phát triển các năng lực:**

- NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL hợp tác.

***\* BVMT:*** *Mối quan hệ giữa con người với môi trường: Con người cần đến không khí, thức ăn, nước uống từ môi trường.*

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: + Hình SGK trang 72, 73

+ Sưu tầm các hình ảnh về người bệnh thở bằng ô- xi

+ Hình ảnh hoặc dụng cụ để bơm không khí vào bể cá.

- HS: Sách giáo khoa, bút,...

**2.Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: quan sát, hỏi đáp, thảo luận, trò chơi học tập, thí nghiệm

- KT: Động não, chia sẻ nhóm đôi, tia chớp

**II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt đông của của học sinh** | **Hoạt đông của giáo viên** |
| - TBHT điều hành lớp trả lời, nhận xét  *+ Ô-xi cần cho sự cháy, càng có nhiều ô-xi thì sự cháy sẽ tiếp diễn lâu hơn. Ni-tơ không duy trì sự cháy nhưng nó giúp cho sự cháy không diễn ra quá mạnh, quá nhanh*  *+ Cần liên tục cung cấp ô-xi* | **1. Khởi động *(4p)***  *+ Không khí có vai trò như thế nào đối với sự cháy?*  *+ Để duy trì sự cháy, ta làm thế nào?* |
| **2.Bài mới:**  **\* Mục tiêu:** Biết được vai trò của không khí với sự sống của con người, động vật, thực vật  **\* Cách tiến hành: Cá nhân-Nhóm –Lớp** | |
| - Thực hành cá nhân và nêu nhận xét, cảm nhận của mình  *+ Nhận thấy có luồng không khí ấm chạm vào tay khi thở ra.*  *+ Cảm thấy khó chịu...*  *+ Con người cần không khí để thở, con người có thể nhịn ăn, nhịn uống vài ngày nhưng không thể nhịn thở trong một phút.*  **Nhóm 2 – Chia sẻ lớp**  - HS quan sát hình 3, 4.  *+ Vì trong bình kín không có không khí nên sâu bọ và cây bị chết.*  - Lắng nghe  *+ Vì cây hô hấp thải ra khí các- bô- níc, hút khí ô- xi, làm ảnh hưởng đến sự hô hấp của con người.*  *+ Động vật và thực vật cần không khí để sống.*  **Nhóm 2 – Chia sẻ lớp**  - HS quan sát hình và trả lời câu hỏi SGK.  *+ Bình ô- xi người thợ lặn đeo ở lưng*  *+ Máy bơm không khí vào nước.*  *+ Ví dụ: Nhịn thở trong trong một phút.......*  *+ Khí ô- xi.*  *+ Những người thợ lặn, thợ làm việc trong hầm lò, người bị bệnh nặng cần.*  + Không khí phải trong sạch.  - HS nêu các biện pháp bảo vệ bầu không khí trong sạch.  - Tìm các VD khác chứng tỏ không khí cần cho sự sống | **HĐ1: Vai trò của không khí đối với con người.**  + GV yêu cầu HS làm theo hướng dẫn mục Thực hành SGK trang 72 và phát biểu nhận xét.  *+ Để tay trước mũi, thở ra và hít vào, bạn có nhận xét gì?*  *+ Lấy tay bịt mũi và ngậm miệng lại, bạn cảm thấy như thế nào?*  *+ Qua thí nghiệm và hiểu biết thực tế em hãy nêu vai trò của không khí đối với đời sống con người?*  ***- GV chốt vai trò của không khí với con người***  **HĐ2: Vai trò của không khí đối với thực vật và động vật:**  - GV yêu cầu HS quan sát hình 3, 4 và trả lời câu hỏi.  *+ Tai sao sâu bọ và cây trong bình bị chết?*  ***\*\* Từ xưa các nhà bác học đã làm thí nghiệm: Nhốt một con chuột bạch vào trong một chiếc bình thuỷ tinh kín, có đủ thức ăn và nước uống . Khi nó thở hết ô- xi trong bình thuỷ tinh thì nó bị chết mặc dù thức ăn và nước uống vẫn còn.***  *+ Tại sao ta không nên để nhiều hoa tươi và cây cảnh trong phòng ngủ đóng kín cửa?*  *+ Nêu vai trò của không khí đối với động vật và thực vật?*  ***- GV chốt vai trò của không khí với con người***  **HĐ3: Một số trường hợp phải dùng bình ô- xi**:  + GV yêu cầu HS quan sát hình 5, 6 trang 73 SGK theo cặp.  *+ Dụng cụ giúp người thợ lặn lâu dưới nước và dụng cụ giúp cho nước trong bể cá có không khí hoà tan?*  - GV yêu cầu HS thảo luận câu hỏi.  *+ Nêu ví dụ chứng tỏ không khí cần cho sự sống của người, động vật và thực vật?*  *+ Thành phần nào trong không khí là quan trọng nhấtđối với sự thở?*  *+ Trong trường hợp nào người ta phải thở bằng bình ô- xi?*  ***KL: Người, động vật, thực vật muốn sống được cần ô- xi để thở.***  **3. HĐ ứng dụng *(1p)***  \* GD bảo vệ môi trường: Con người cần không khí để thở. Vì vậy, để đảm bảo cho sức khoẻ thì không khí phải như thế nào? Cần làm gì đề giữ bầu không khí trong sạch  **4. HĐ sáng tạo *(1p)*** |

**ĐIỀU CHỈNH-BỔ SUNG**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TIẾNG VIỆT**

**ÔN TẬP VÀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I (TIẾT 7)**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Kiểm tra đọc theo mức độ cần đạt nêu ở tiêu chí ra đề kiểm tra môn Tiếng Việt lớp 4, HKI (Bộ GD& ĐT- Đề KT học kì cấp TH, lớp 4, tập 1, Nhà xuất bản Giáo Dục 2008).

**2. Kĩ năng**

- Đọc rành mạch, trôi chảy bài tập đọc đã học theo tốc độ qui định giữa HKI (khoảng 80 tiếng/phút); bước đầu biết đọc diễn cảm đoạn văn, đoạn thơ phù hợp với nội dung đoạn đọc; trả lời được câu hỏi liên quan nội dung bài đọc.

- Đọc hiểu và trả lời các câu hỏi liên quan nội dung bài đọc.

**3. Thái độ**

- Tích cực, tự giác học bài..

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL tự học, NL ngôn ngữ, NL sáng tạo

**II. CHUẨN BỊ:**

- HS: Vở BT, bút, ..

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC**

1. Gọi HS đọc bài văn Về thăm bà

2. HS làm vào VBT, GV hướng dẫn HS tự chữa và chấm bài, chốt KT cho các em

Bài đọc thầm

**Về thăm bà** (SGK Tiếng Việt 4/ 176)

**1. Những chi tiết liệt kê dòng nào cho thấy bà của Thanh đã già?**

a. Tóc bạc phơ, miệng nhai trầu, đôi mắt hiền từ.

b. Tóc bạc phơ, chống gậy trúc, đôi mắt hiền từ.

c. Tóc bạc phơ, chống gậy trúc, lưng đã còng.

***Đáp án: C***

**2. Tập hợp nào dưới đây liệt kê đầy đủ các chi tiết nói lên tình cảm của bà đối với Thanh?**

a. Nhìn cháu bằng ánh mắt âu yếm, mến thương, giục cháu vào nhà cho khỏi nắng, giục cháu đi rửa mặt rồi nghỉ ngơi.

b. Nhìn cháu bằng ánh mắt âu yếm, mến thương.

c. Nhìn cháu bằng ánh mắt âu yếm, mến thương, che chở.

***Đáp án: A***

**3. Thanh có cảm giác như thế nào khi trở về ngôi nhà của bà?**

a. Có cảm giác thong thả, bình yên.

b. Có cảm giác được bà che chở.

c. Có cảm giác thong thả, bình yên, được bà che chở.

***Đáp án: C***

**4. Vì sao Thanh cảm thấy như chính bà che chở cho mình?**

a. Vì Thanh luôn yêu mến, tin cậy bà.

b. Vì Thanh là khách của bà, được bà chăm sóc, yêu thương.

c. Vì Thanh sống với bà từ nhỏ, luôn yêu mến, tin cậy bà và được bà săn sóc, yêu thương.

***Đáp án: C***

5. Tìm trong truyện **Về thăm bà** từ cùng nghĩa với từ **hiền.**

A. Hiền hậu, hiền lành. B. Hiền từ, hiền lành, C. Hiền từ, âu yếm.

***Đáp án: B***

6. Câu **Lần nào trở về với bà, Thanh cũng thấy bình yên và thong thả như thế**. có mấy động từ, mấy tính từ?

a. Một động từ, hai tính từ. Các từ đó là:

- Động từ: - Tính từ:

b. Hai động từ, hai tính từ. Các từ đó là:

- Động từ: - Tính từ:

c. Hai động từ, một tính từ. Các từ đó là:

- Động từ: - Tính từ:

***Đáp án: C. Hai động từ: trở về, thấy. 2 tính từ: thong thả, bình yên***

***=> Chốt cách xác định ĐT, TT trong câu***

7. Câu: **Cháu đã về đấy ư?** được dùng làm gì?

A. Dùng để hỏi. B. Dùng để yêu cầu, đề nghị. C. Dùng thay lời chào.

***Đáp án: C***

***=> Chốt cách dùng câu hỏi với mục đích khác. HS lấy VD thêm***

4. Trong câu **Sự yên lặng làm Thanh mãi mới cất được tiếng gọi khẽ**, bộ phận nào là chủ ngữ?

a. Thanh b. Sự yên lặng c. Sự yên lặng làm Thanh

***Đáp án: B***

**3. HĐ ứng dụng** *(1p)*

- Hoàn thành đáp án bài đọc hiểu

**4. HĐ sáng tạo** *(1p)*

- Tự làm cá nhân một số bài đọc hiểu khác trong sách tham khảo

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TOÁN**

***Tiết 50*: KIỂM TRA ĐỊNH KÌ CUỐI KÌ I**

**(Đề kiểm tra trường)**

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

**TIẾNG VIỆT**

**ÔN TẬP VÀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I (TIẾT 8)**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Kiểm tra (viết) theo múc độ cần đạt về kiến thức, kĩ năng giữa HKI:

+ Nghe - viết đúng bài chính tả (tốc độ viết khoảng 80 chữ/15 phút), không mắc quá 5 lỗi; trình bày đúng hình thức bài văn xuôi

+ Viết được bài văn miêu tả một đồ dùng học tập của em.

**2. Kĩ năng**

- Kĩ năng viết, kĩ năng làm bài KT

**3. Thái độ**

- Tích cực, tự giác và trung thực khi làm bài.

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL tự học, Sử dụng ngôn ngữ, NL sáng tạo, NL thẩm mĩ

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: + Bảng lớp ghi sẵn đề bài.

- HS: Vở BT, giấy kiểm tra

**2. Phương pháp, kĩ thuât**

- PP: Hỏi đáp, thảo luận nhóm, quan sát.

- KT: đặt câu hỏi, động não, chia sẻ nhóm 2

**II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | | | **Hoạt động của giáo viên** | |
| - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ | | | **1. Khởi động *(3p)***  - GV dẫn vào bài mới | |
| **2. Hoạt động kiểm tra***:(50p)*  **\* Mục tiêu:**  Kiểm tra (viết) theo mức độ cần đạt về kiến thức, kĩ năng giữa HKI  **\* Cách tiến hành:** | | | | |
| - HS viết vào vở.  - Hs soát lỗi  - Hs đổi vở cùng bạn soát lỗi.  - HS làm bài  - HS nộp bài  - Tự viết lại các lỗi sai trong bài chính tả  - Viết ghi chú những điều làm được và chưa làm được qua bài KT | **A. Kiểm tra chính tả:** *(Nghe - viết)*  Bài viết: **Chiếc xe đạp của chú Tư**  *(Sách giáo khoa trang 177)*  **\* Hoạt động viết chính tả:**  **- Gv** đọc bài chính tả.  - GV đọc soát lỗi.  **B. Kiểm tra Tậplàm văn:**  - Kiểm tra việc chuẩn bị giấy, ĐDHT (hoặc đồ chơi) của hs.  **Đề bài:** ***Tả một đồ dùng học tập hoặc đồ chơi mà em yêu thích.***  - Yêu cầu HS tự làm bài, nộp bài.  - GV thu bài, nhận xét đánh giá chung  **3. Hoạt động vận dụng***(1p)*  **4. Hoạt động sáng tạo** *(1p)* | |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................­

**ĐỊA LÍ**

**KIỂM TRA ĐỊNH KÌ CUỐI HỌC KÌ I**

**SINH HOẠT**

**ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC TUẦN 18**

**TIỀN MỘT SỐ NƯỚC TRÊN THẾ GIỚI**

**I. MỤC TIÊU:**

- Nắm đ­­ược ưu - khuyết điểm trong tuần 18

- Phát huy ­­ưu điểm, khắc phục nh­­ược điểm.

- Biết đ­­ược phư­ơng h­­ướng tuần 19

- GD HS có tinh thần đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau.

**II. CHUẨN BỊ:**

- GV: Nắm được ưu – khuyết điểm của HS trong tuần

- HS: Chủ tịch Hội đồng tự quản và các Trưởng ban chuẩn bị ND báo cáo.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG CHÍNH:**

***1. Khởi động***

- Lớp tham gia trò chơi: Xem kịch câm

***2. Lớp báo cáo hoạt động trong tuần:***

- 4 Trưởng ban lên nhận xét các thành viên trong tổ và xếp loai từng thành viên.

- Tổ viên các tổ đóng góp ý kiến.

- Chủ tịch HĐTQ lên nhận xét chung các ban.

- GV nhận xét chung:

+ Nề nếp:

.................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

+ Học tập:

.................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

***3. Nhận xét, đánh giá chung về nền nếp và học tập trong học kì I***

.................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

...........................................................................................................................................................................................

***4. Ph­ương h­­ướng học kì II***

.................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

***5. Lớp văn nghệ - múa hát tập thể.***

**TUẦN 19 Thứ hai ngày 6 tháng 1 năm 2022**

**TẬP ĐỌC**

**BỐN ANH TÀI**

**1. Kiến thức**

- Hiểu ND: Ca ngợi sức khoẻ, tài năng, lòng nhiệt thành làm việc nghĩa của bốn anh em Cẩu Khây (trả lời được các câu hỏi trong SGK).

**2. Kĩ năng**

- Biết đọc với giọng kể chuyện, bước đầu biết nhấn giọng những từ ngữ thể hiện tài năng, sức khoẻ của bốn cậu bé.

**3. Phẩm chất**

- Giáo dục lòng nhiệt thành làm việc, yêu lao động.

**4. Góp phần phát triển năng lực**

**-** Năng lực tự học, NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ.

***\* KNS:*** *Tự nhận thức, xác định giá trị cá nhân, hợp tác, đảm nhận trách nhiệm.*

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Đồ dùng**

- GV: + Tranh minh hoạ bài tập đọc (phóng to nếu có điều kiện).

+ Bảng phụ viết sẵn đoạn luyện đọc

- HS: SGK, vở viết

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- Phương pháp: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm.

- Kĩ thuật: Kĩ thuật đặt câu hỏi, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| **1. Khởi động:** *(5p)*  - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ | - GV dẫn vào bài. Giới thiệu chủ điểm: Người ta là hoa đất và bài học |
| **2. Luyện đọc:** *(8-10p)*  **\* Mục tiêu:** Biết đọc với giọng kể chuyện, bước đầu biết nhấn giọng những từ ngữ thể hiện tài năng, sức khoẻ của bốn cậu bé.  \* **Cách tiến hành:** | |
| - 1 HS đọc bài, cả lớp đọc thầm  - Lắng nghe  - Lớp trưởng điều hành cách chia đoạn  - Bài được chia làm 5 đoạn  (Mỗi chỗ xuống dòng là 1 đoạn)  - Nhóm trưởng điều hành nhóm đọc nối tiếp đoạn trong nhóm lần 1 và phát hiện các từ ngữ khó (*Cầu Khây, chõ xôi, tinh thông, sốt sắng, ....)*  - Luyện đọc từ khó: Đọc mẫu (M4)-> Cá nhân (M1)-> Lớp  - Giải nghĩa từ khó (đọc chú giải)  - HS đọc nối tiếp đoạn lần 2 theo điều khiển của nhóm trưởng  - Các nhóm báo cáo kết quả đọc  - 1 HS đọc cả bài (M4) | - Gọi 1 HS đọc bài (M3)  - GV lưu ý giọng đọc cho HS: Toàn bài đọc với giọng kể khá nhanh; nhấn giọng những từ ngữ ca ngợi tài năng sức khoẻ, nhiệt thành làm việc nghĩa của bốn cậu bé.  - GV chốt vị trí các đoạn:  - Lưu ý sửa lỗi đọc và ngắt nghỉ cho các HS (M1) |
| **3. Tìm hiểu bài:** *(8-10p)*  **\* Mục tiêu:** HS hiểu: Ca ngợi sức khoẻ, tài năng, lòng nhiệt thành làm việc nghĩa của bốn anh em Cẩu Khây (trả lời được các câu hỏi trong SGK).  **\* Cách tiến hành: *Làm việc nhóm 4 – Chia sẻ trước lớp*** | |
| - 1 HS đọc các câu hỏi cuối bài  - HS làm việc theo nhóm 4 – Chia sẻ kết quả dưới sự điều hành của TBHT    *✰ Sức khỏe: nhỏ người nhưng ăn một lúc hết chín chõ xôi, 10 tuổi sức đã bằng trai 18.*  *✰ Tài năng: 15 tuổi đã tinh thông võ nghệ.*  ✰*Yêu tinh xuất hiện, bắt người và súc vật khiến làng bản tan hoang, nhiều nơi không ai sống sót.*  *✰Thương dân bản Cẩu Khây quyết chí lên đường diệt trừ yêu tinh.*  ✰ Cậu bé là Nắm Tay Đóng Cọc biết dùng tay làm vồ đóng cọc dẫn nước vào ruộng  ✰Cậu bé Lấy Tai Tát Nước có tài lấy vành tai tát nước suối lên một thửa ruộng cao bằng mái nhà. Cậu bé cúng Cẩu Khây lên đường.  ✰Cậu bé có tên Móng Tay Đục Máng. có tài lấy móng tay đục gỗ thành lòng máng dẫn nước vào ruộng.  **Ý nghĩa: Truyện ca ngợi sức khỏe, tài năng và lòng nhiệt thành làm việc nghĩa, diệt trừ cái ác cứu dân lành của bốn anh em Cẩu Khây.**  - HS ghi lại nội dung bài  - HS lắng nghe, lấy VD về hợp tác trong cuộc sống của mình | . - GV yêu cầu HS đọc các câu hỏi cuối bài  *+ Cẩu Khây có sức khỏe và tài năng như thế nào?*  *+ Có chuyện gì xảy ra với quê hương Cẩu Khây?*  *+ Trước cảnh quê hương như vậy, Cẩu Khây đã làm gì?*  *+ Mỗi người bạn của Cẩu Khây có tài năng gì?*  *+ Hãy nêu ý nghĩa câu chuyện.*  \* Lưu ý giúp đỡ hs M1+M2 trả lời các câu hỏi tìm hiểu bài.Hs M3+M4 trả lời các câu hỏi nêu nội dung đoạn, bài.  ***- Giáo dục KNS: Mỗi người bạn của Cẩu Khây đều có tài năng riêng nhưng chỉ khi biết hợp tác, đoàn kết cùng nhau và ý thức được trách nhiệm của mình thì các cậu mới diệt trừ được yê u tinh. Trong cuộc sống cũng vậy, tuy mỗi người đều có NL khác nhau nhưng các em phải biết hợp tác thì làm việc mới hiệu quả*** |
| **4. Luyện đọc diễn cảm***(8-10p)*  **\* Mục tiêu:** HSđọc diễn cảm được đoạn 1, 2 của bài.  **\* Cách tiến hành: Hoạt động cá nhân – nhóm - cả lớp** | |
| - HS nêu lại giọng đọc cả bài  - 1 HS M4 đọc mẫu toàn bài  - Nhóm trưởng điều hành các thành viên trong nhóm  + Luyện đọc diễn cảm trong nhóm  + Cử đại diện đọc trước lớp  - Bình chọn nhóm đọc hay.  **5. Hoạt động ứng dụng** *(1 phút)*  - Ghi nhớ nội dung bài  **6. Hoạt động sáng tạo** *(1 phút)*  - Tìm hiểu về trận đánh diệt trừ yêu tinh của 4 anh em. | - Yêu cầu HS nêu giọng đọc toàn bài.  - Yêu cầu đọc diễn cảm đoạn 2  - GV nhận xét, đánh giá chung |

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TOÁN**

***Tiết 91:* KI – LÔ – MÉT VUÔNG**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức**

- Biết ki-lô-mét vuông là đơn vị đo diện tích.

**2. Kĩ năng**

- Đọc, viết đúng các số đo diện tích theo đơn vị ki-lô-mét vuông.

- Biết 1km2 = 1000000m2.

- Bước đầu biết chuyển đổi từ km2 sang m2 và ngược lại.

*\* ĐCND: Cập nhật thông tin diện tích Thủ đô Hà Nội (năm 2009) trên mạng:*

*3324 ki-lô-mét vuông*

**3. Phẩm chất**

- HS có phẩm chất học tập tích cực.

**4. Góp phần phát triển năng lực:**

**-** Năng lực tự học, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL tư duy - lập luận logic.

\* Bài tập cần làm: Bài 1, bài 2, bài 4 (b).

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Ảnh chụp một cánh đồng hoặc một khu rừng.

- HS: Sách, bút

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- Phương pháp vấn đáp, động não, thực hành, đặt và giải quyết vấn đề, hoạt động nhóm, trò chơi học tập

- Kĩ thuật đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC;**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| **1. Khởi động:** *(5p)*  ***Trò chơi: Bắn tên***  - TBHT điều hành lớp trả lời, nhận xét  *+ m2 dm2 cm2*  *+ 100 lần* | ***+*** *Bạn hãy đọc tên các đơn vị đo diện tích đã học?*  *+ Mỗi đơn vị đo diện tích liền nhau gấp hoặc kém nhau bao nhiêu lần?*  + Nêu VD ?...  - Gv nhận xét, dẫn vào bài mới |
| **2. Hình thành kiến thức***:(15p)*  **\* Mục tiêu:** Biết ki-lô-mét vuông là đơn vị đo diện tích. Đọc, viết đúng các số đo diện tích theo đơn vị ki-lô-mét vuông. Biết 1km2 = 1000000m2.  **\* Cách tiến hành: Cá nhân – Nhóm- Lớp** | |
| - HS quan sát hình vẽ:  - Đề xuất ý kiến:......  - HS đọc to: ki-lô-mét-vuông  - Nêu kí hiệu của đơn vị đo mới km2  *+ Cạnh là 1km*  + 1km = 1000m.  - HS tính: 1000m x 1000m  = 1000000m2.  *+ 1km2 = 1000000m2.*  *+ Do thủ đô Hà Nội mở rộng diện tích vì sát nhập toàn bộ tỉnh Hà Tây và 1 phần của tỉnh Bắc Ninh* | - GV cho HS quan sát ảnh chụp 1 khu rừng hay một cánh đồng và nêu vấn đề: *Để đo diện tích của những nơi rộng lớn như thế này, theo các em ta dùng đơn vị đo nào?*  - GV: Ta dùng đơn vị đo ki-lô-mét vuông  *+ 1km2 là diện tích của hình vuông có cạnh là bao nhiêu?*  \* 1km =..... mét?  \* Em hãy tính diện tích của hình vuông có cạnh dài 1000m.  *- Dựa vào diện tích của hình vuông có cạnh dài 1km và hình vuông có cạnh dài 1000m, bạn nào cho biết 1km2 bằng bao nhiêu m2?*  **Chốt lại: 1km2 = 1000000m2.**  *- Giới thiêu diện tích thủ đô Hà Nội (2009) là 3324 km2*  *- Liên hệ: Em có biết tại sao diên tích thủ đô HN lại tăng lên như vậy?* |
| **3. Hoạt động thực hành** (18p)  **\* Mục tiêu**: Bước đầu biết chuyển đổi từ km2 sang m2 và ngược lại  \* **Cách tiến hành: Cá nhân – Nhóm – Lớp** | |
| ***Bài 1: Viết số hoặc chữ thích hợp vào ô trống***  - Thực hiện làm cá nhân – Chia sẻ nhóm 2- Chia sẻ lớp   |  |  | | --- | --- | | **Đọc** | **Viết** | | Chín trăm hai mươi mốt ki-lô-mét vuông | 921 km2 | | Hai nghìn ki-lô-mét vuông | 2000 km2 | | Năm trăm linh chín ki-lô-mét vuông | 509 km2 | | Ba trăm hai mươi nghìn ki-lô-mét vuông | 320000km2 |   - HS đọc to các số đo diện tích  ***Bài 2: Viết số thích hợp vào chỗ chấm.*** - HS làm cá nhân – Chia sẻ lớp  Đ/a:  1km2 =1 000 000m2  5km2 = 5 000 000m2  1000000m2 = 1km2  32m249dm2 = 3249dm2  1m2 = 100dm2  2000000m2 =2km2  *+ Hơn kém nhau 100 lần.*  *+ 1km2 = 1 000 000m2*  ***Bài 4b: HS năng khiếu làm cả bài***- Làm cá nhân – Chia sẻ lớp  Đ/a:  a) Diện tích phòng học là 40m2.  b) Diện tích nước Việt Nam là 330991km2.  - HS tập ước lượng  ***Bài 3* *(bài tập chờ dành cho HS hoàn thành sớm)***  - HS làm vào vở Tự học – Chia sẻ lớp  Đáp án: Diện tích khu rừng là:  3 x 2 = 6 (km2)  Đáp số: 6 km2  **4. Hoạt động ứng dụng *(1p)*** - Ghi nhớ mỗi quan hệ giữa các đơn vị đo diện tích  **5. Hoạt động sáng tạo *(1p)*** - BTPTNL: Một khu rừng hình chữ nhật có chiều dài là 6 km, chiều rộng bằng ½ chiều dài. Tính diện tích khu rừng đó. | - Gọi HS đọc yêu cầu bài tập.  - GV chốt đáp án.  - Gọi HS đọc yêu cầu bài tập.  - GV nhận xét, đánh giá bài làm của HD, chốt đáp án đúng  *+ Hai đơn vị diện tích liền nhau thì hơn kém nhau bao nhiêu lần ?*  *+ 1km2 = ......m2*  - Gọi HS đọc yêu cầu bài tập.  - GV yêu cầu HS làm bài, sau đó báo cáo kết quả trước lớp.  \* Ước lượng diện tích của các khu vực khác?  - Chốt cách tính diện tích hình chữ nhật |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**KHOA HỌC (CT HIỆN HÀNH)**

**TẠI SAO CÓ GIÓ ? (theo PP BTNB)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức**

- Giải thích được nguyên nhân tạo ra gió

**2. Kĩ năng**

- Làm thí nghiệm để nhận ra không khí chuyển động tạo thành gió.

**3. Phẩm chất**

- Yêu khoa học, chịu khó tìm tòi về khoa học tự nhiên.

**4. Góp phần phát triển các năng lực:**

- NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL hợp tác,...

\* GDBVMT:

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Hình vẽ trang 74, 75 SGK, chong chóng cho mỗi HS.

- HS: chuẩn bị các đồ dùng thí nghiệm theo nhóm

+ Hộp đối lưu như mô tả trong trang 74- SGK.

+ Nến, diêm, vài nén hương.

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: quan sát, hỏi đáp, thảo luận, trò chơi học tập, thí nghiệm.

- KT: Động não, chia sẻ nhóm đôi, tia chớp

**II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt đông của học sinh** | **Hoạt đông của của giáo viên** |
| **1, Khởi động *(4p)***  - HS trả lời dưới sự điều hành của TBHT  *+ Con người, động vật cần ô xi để thở, cây xanh cần ô-xi để hô hấp,...*  *+ Khí ô –xi*  *+ Khí ni-tơ* | *+ Không khí cần cho sự sống như thế nào?*  *+ Khí nào duy trì sự cháy?*  *+ Khí nào không duy trì sự cháy?*  - GV nhận xét, khen/ động viên, dẫn vào bài mới. |
| **2. Bài mới:***(30p)*  **\* Mục tiêu:** - Giải thích được nguyên nhân tạo ra gió  - Làm thí nghiệm để nhận ra không khí chuyển động tạo thành gió.  **\* Cách tiến hành: Cá nhân-Nhóm –Lớp** | |
| **HĐ1:Giới thiệu bài:**  - HS: Nhờ gió.    - HS theo dõi .  **HĐ2:Tiến trình đề xuất: *Bước 1: Đưa tình huống xuất phát và nêu vấn đề:*** - HS ghi chép hiểu biết ban đầu của mình vào vở ghi chép. Chẳng hạn:  + Gió do không khí tạo nên. + Do không khí chuyển động từ nơi lạnh đến nơi nóng tạo thành gió. + Do nắng tạo nên. + Do các ngôi nhà chắn nhau tạo nên...  - HS so sánh sự giống và khác nhau của các ý kiến ban đầu.  ***Bước 2:Làm bộc lộ biểu tượng ban đầu của HS:***  HS  nêu câu hỏi. Chẳng hạn:  + Có phải gió do không khí tạo nên không? + Liệu có phải nắng tạo nên gió không? .....     + Làm thí nghiệm; Quan sát thực tế. + Hỏi người lớn; Tra cứu trên mạng v.v..  ***Bước 3: Đề xuất câu hỏi và phương án tìm tòi:*** - Để tìm hiểu được những điểm giống và khác nhau đó đúng hay sai các em có những câu hỏi thắc mắc nào? - GV giúp các em đề xuất câu hỏi liên quan đến nội dung kiến thức tìm hiểu bài học. - GV tổng hợp câu hỏi của các nhóm và chốt các câu hỏi chính: **+ Tại sao có gió?** - GV cho HS thảo luận đề xuất phương án tìm tòi . - GV chốt phương án : Làm thí nghiệm ***Bước 4: Thực hiện phương án tìm tòi:* -** Để trả lời câu hỏi: \*  Tại sao có gió? theo các em chúng ta nên tiến hành làm thí nghiệm như thế nào?           ***Bước 5. Kết luận và hợp thức hóa kiến thức:***  **HĐ3: Sự chuyển động của không khí trong tự nhiên.**  - HS quan sát tranh  *+ H6: Vẽ ban ngày và hướng gió thổi từ biển vào đất liền.*  *+ H7: Vẽ ban đêm và hướng gió thổi từ đất liến ra biển.*  *+ Vì: Ban ngày không khí trong đất liền nóng, không khí ngoài biển lạnh. Do đó làm cho không khí chuyển động từ biển vào đất liền tạo ra gió từ biển thổi vào đất liền. Ban đêm không khí trong đất liền nguội nhanh hơn nên lạnh hơn không khí ngoài biển. Vì thế không khí chuyển động từ đất liền thổi ra biển*  **3. HĐ ứng dụng *(1p)***  **\*GD BVMT:**  - Cần có ý thức giữ gìn môi trường biển như: đi chơi biển không nên vứt rác ra bãi biển, không để dầu tràn ra biển, … mọi người chúng ta cần có ý thức bảo vệ môi trường biển sạch sẽ và trong lành.  **4. HĐ sáng tạo *(1p)***  - Nêu các ví dụ khác về sự chuyển động của không khí tạo ra gió | **Nhóm 4 - Lớp**   - GV chỉ ra ngoài cây và hỏi:  *+ Nhờ đâu mà lá cây lay động? + Nhờ đâu mà diều bay?* - Vậy các em có thắc mắc tại sao lại có gió không? Tiết học hôm nay cô cùng các em sẽ tìm tòi, khám phá để hiểu được điều đó         Các em vẫn thường bắt gặp những cơn gió. *Theo em, tại sao có gió?* (GV ghi câu hỏi lên bảng.) - HS thảo luận nhóm 6 thống nhất ý kiến ghi chép vào phiếu.    **-** GV yêu cầu HS ghi lại những hiểu biết ban đầu của mình vào vở ghi chép khoa học .        - GV cho HS đính phiếu lên bảng - GV hướng dẫn HS so sánh điểm giống và khác nhau trong kết quả làm việc của 3 nhóm.-  - Một số HS nêu cách thí nghiệm, nếu chưa khoa học hay không thực hiện được GV có thể điều chỉnh. Chẳng hạn: + Đặt một cây nến đang cháy dưới 1 ống.  Đặt một vài mẩu hương cháy đã tắt lửa nhưng còn bốc khói vào dưới ống còn lại. - HS tiến hành làm thí nhiệm, HS thống nhất trong nhóm tự rút ra kết luận, ghi chép vào phiếu. - Một HS lên thực hiện lại thí nghiệm  - Cả lớp quan sát.   *+ Không khí chuyển động tạo thành gió.*  - Cối xay gió, chong chóng quay...  - **HSKL*:*** *Không khí chuyển động từ nơi lạnh đến nơi nóng. Không khí chuyển động tạo thành gió.*  *+ Khi ta vẩy quạt, bật điện (cánh quạt điện quay) làm không khí chuyển động và gây ra gió.*  *- Sau thí nghiệm này em rút ra nguyên nhân tại sao có gió?* - Em hãy nêu những ứng dụng của gió trong đời sống? tiết học .  **\*GVKL và ghi bảng**:  *Không khí chuyển động từ nơi lạnh sang nơi nóng.**Sự chênh lệch nhiệt độ của không khí là nguyên nhân gây ra sự chuyển động của không khí. Không khí chuyển động tạo thành gió*.  - Cho HS dùng quạt vẩy (hoặc GV bật quạt điện), em thấy thế nào? (mát)  *+ Tại sao ta thấy mát*?  **\* Chuyển tiếp:** Trong tự nhiên, dưới ánh nắng mặt trời, các phần khác nhau của trái đất không nóng lên như nhau, vì sao có hiện tượng đó, cô mời các em tiếp tục tìm hiểu HĐ3.  *.* \* Đính tranh vẽ hình 6 và 7 (đã phóng to) lên bảng, HS quan sát:  *+ Hình vẽ khoảng thời gian nào trong ngày? Mô tả hướng gió được minh họa trong từng hình?*  *+ Tại sao ban ngày gió từ biển thổi vào đất liền và ban đêm gió từ đất liền thổi ra biển?*  **\*GV kết luận:** *Sự chênh lệch nhiệt độ vào ban ngày và ban đêm giữa biển và đất liền đó làm cho chiều gió thay đổi giữa ngày và đêm.*  - Biển mang lại cho ta những ngọn gió mát lành và là một trong những nơi giúp con người ta được nghỉ ngơi, thư giãn sau những thời gian làm việc vất vả. Vậy *chúng ta nên làm gì để bảo vệ môi trường biển?* |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

..............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**CHÍNH TẢ**

**KIM TỰ THÁP AI CẬP**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức:**

- Nghe – viết lại đúng chính tả, trình bày đúng một đoạn văn*,* bài viết không mắc quá 5 lỗi trong bài

- Làm đúng BT2a phân biệt s/x

**2. Kĩ năng:**

**-** Rèn kĩ năng viết đẹp, viết đúng chính tả.

**3. Phẩm chất:**

**-** Giáo dục tính cẩn thận, chính xác, yêu thích chữ viết

**4. Góp phần phát triển năng lực:**

**-** NL tự chủ và tự học, NL sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ.

***\*BVMT:*** *HS thấy được vẽ đẹp kì vĩ của cảnh vật nước bạn, có ý thức bảo vệ những danh lam thắng cảnh của đất nước và thế giới.*

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Bảng phụ, phiếu học tập.

- HS: Vở, bút,...

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- Phương pháp vấn đáp, động não, quan sát, thực hành, đặt và giải quyết vấn đề, hoạt động nhóm, trò chơi học tập.

- Kĩ thuật đặt câu hỏi, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| **1. Khởi động: (***2p***)**  - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ | ***-*** GV dẫn vào bài mới |
| **2. Chuẩn bị viết chính tả:** *(6p)*  **\* Mục tiêu:** HS hiểu được nội dung bài CT, viết được các từ khó, dễ lẫn và các hiện tượng chính tả, cách viết đoạn văn.  **\* Cách tiến hành:** | |
| \*. Trao đổi về nội dung đoạn cần viết  . - 1 HS đọc- HS lớp đọc thầm  *+ Ca ngợi kim tự tháp là một công trình kiến trúc vĩ đại của người Ai Cập cổ đại*.  + *làm toàn bằng đá tảng rất to và đường đi nhằng nhịt như mê cung,...*  - Lắng nghe  - HS liên hệ  *-* HS nêu từ khó viết*: công trình, kiến trúc, hành lang, ngạc nhiên*, *nhằng nhịt...*  *-* Viết từ khó vào vở nháp | - Gọi HS đọc đoạn văn cần viết  *+ Đoạn văn nói về điều gì?*  *+ Kim tự tháp tráng lệ và kì vĩ như thế nào?*  *+ GDBVMT:Giáo viên giới thiệu thêm đôi nét về kim tự tháp, liên hệ: Trên thế giới, mỗi đất nước đều có những kì quan riêng cần trân trọng và bảo vệ. Vậy với những kì quan của đất nước mình, chúng ta cần làm gì để gìn giữ những kì quan đó*  - Hướng dẫn viết từ khó: Gọi HS nêu từ khó, sau đó GV đọc cho HS luyện viết |
| **3. Viết bài chính tả:** *(15p)*  **\* Mục tiêu:** Hs nghe - viết tốt bài chính tả theo hình thức đoạn văn.  **\* Cách tiến hành:** | |
| - HS nghe - viết bài vào vở | - GV đọc bài cho HS viết  - GV theo dõi và nhắc nhở, giúp đỡ HS viết chưa tốt.  - Nhắc nhở cách cầm bút và tư thế ngồi viết. |
| **4. Đánh giá và nhận xét bài:** *(5p)*  **\* Mục tiêu:** Giúp HS tự đánh giá được bài viết của mình và của bạn. Nhận ra các lỗi sai và sửa sai  **\* Cách tiến hành: Cá nhân- Cặp đôi** | |
| - Học sinh xem lại bài của mình, dùng bút chì gạch chân lỗi viết sai. Sửa lại xuống cuối vở bằng bút mực  - Trao đổi bài (cặp đôi) để soát hộ nhau  - Lắng nghe. | - Cho học sinh tự soát lại bài của mình theo.  - GV nhận xét, đánh giá 5 - 7 bài  - Nhận xét nhanh về bài viết của HS |
| **5. Làm bài tập chính tả:** *(5p)*  **\* Mục tiêu:** Giúp HS phân biệt được l/n  **\* Cách tiến hành: Cá nhân - Cặp đôi - Chia sẻ trước lớp** | |
| **Bài 2a:** Tìm và viết các từ ngữ chứa tiếng bắt đầu bằng s/x  **Bài 3a:**  **6. Hoạt động ứng dụng** *(1p)*  - Viết lại 5 lần các từ viết sai trong bài chính tả  **7. Hoạt động sáng tạo** *(1p)* - Lấy VD để phân biệt các sinh/ xinh | Đáp án:  **a)** Đáp án: *sinh, biết, biết, sáng, tuyệt, xứng.*  Đáp án:   |  |  | | --- | --- | | Từ ngữ viết đúng chính tả | Từ ngữ viết sai chính tả | | sáng sủa  sản sinh  sinh động | sắp sếp  tinh sảo  bổ xung | |

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TOÁN**

***Tiết 92:* LUYỆN TẬP**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức**

- Củng cố kiến thức biểu đồ và đo diện tích

**2. Kĩ năng**

- Chuyển đổi được các số đo diện tích.

- Đọc được thông tin trên biểu đồ cột.

*\*ĐCND: Cập nhật thông tin diện tích Thủ đô Hà Nội (năm 2009) trên mạng: 3 324 ki-lô-mét vuông.*

**3. Phẩm chất**

- HS tích cực, cẩn thận khi làm bài

**4. Góp phần phát huy các năng lực**

**-** Năng lực tự học, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL tư duy - lập luận logic.

\* BT cần làm: Bài 1, bài 3 (b), bài 5.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Phiếu học tập

- HS: SGK,...

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm

- Kĩ thuật: đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của HS** | | **Hoạt động của GV** |
| **1. Khởi động *(5p)***  - TBVN điều hành lớp hát, nhận xét tại chỗ | | - Giới thiệu bài mới |
| **2. HĐ thực hành (30p)**  **\* Mục tiêu:** Chuyển đổi được các số đo diện tích. Đọc được thông tin trên biểu đồ cột.  **\* Cách tiến hành:** **Cá nhân- Nhóm – Lớp** | | |
| ***Bài 1: Viết số thích hợp vào...***  - 1 HS đọc yêu cầu  - Làm việc cá nhân- Chia sẻ nhóm 2 – Chia sẻ lớp  Đáp án:  530dm2 = 53000cm2  300dm2 = 3m2  13dm229cm2 = 1329cm2;  10km2 = 10000000m2  84600cm2 = 846dm2  9000000m2 = 9km2  ***Bài 3b. HS năng khiếu làm cả bài.***  - Thực hiện theo YC của GV.  - Làm cá nhân  Đ/a:  a) S Hà Nội > S Đà Nẵng  S Đà Nẵng < S TP HCM  S TP HCM < S Hà Nội  b) TP Hà Nội có S lớn nhất, tp Đà Nẵng có S bé nhất  ***Bài 5:***  *+ Mật độ dân số của 3 thành phố lớn là Hà Nội, Hải phòng, thành phố Hồ Chí Minh.*  *+ Hà Nội: 2952 người/km2, Hải Phòng: 1126 người/km2, thành phố Hồ Chí Minh: 2375 người/km2.*  - HS làm việc nhóm 2- Chia sẻ lớp  Đ/a:  a. Thành phố Hà Nội có mật độ dân số lớn nhất.  b. Mật độ dân số Thành phố Hồ Chí Minh gấp hơn hai lần mật độ dân số thành phố Hải Phòng.  - HS làm vào vở Tự học – Chia sẻ lớp  Bài giải  Chiều rộng khu đất là:  3 : 3 = 1 (km)  Diện tích khu đất là:  3 x 1 = 3 km2  Đáp số: 3 km2  - Chữa lại các bài tập sai  **4. Hoạt động ứng dụng** *(1p)* - Tìm các bài tập cùng dạng trong sách Toán buổi 2 và giải.  **5. Hoạt động sáng tạo** *(1p)* | - Gọi HS đọc yêu cầu bài tập  - Gọi HS nhận xét, bổ sung, sửa bài (nếu cần).  - GV chốt đáp án  **\* KL:** HS củng cố cách đổi các đơn vị đo diện tích và mối quan hệ giữa các đơn vị đo  - Gọi HS đọc yêu cầu bài tập  *Điều chỉnh diện tích thủ đô HN (2009) là 3324 km2*  - Gọi HS nhận xét, bổ sung, sửa bài (nếu cần).  - GV chốt đáp án.  - GV giới thiệu về mật độ dân số: *mật độ dân số là chỉ số dân trung bình sống trên diện tích km2.*  - GV yêu cầu HS đọc biểu đồ trang 101 SGK và hỏi:  *+ Biểu đồ thể hiện điều gì?*  *+ Hãy nêu mật độ dân số của từng thành phố.*  - Nhận xét, chốt đáp án.  ***- GV lưu ý HS đây là số liệu cũ năm 1999. Số liệu mới có thể thay đổi***  **Bài 4 *(bài tập chờ dành cho HS hoàn thành sớm)*** | |

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**LỊCH SỬ (CT HIỆN HÀNH)**

**NưỚc ta cuỐi thỜi TrẦn**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức**

**-** Nắm được một số sự kiện về sự suy yếu của nhà Trần:

+ Vua quan ăn chơi sa đoạ; trong triều một số quan lại bất bình, Chu Văn An dâng sớ xin chém 7 tên quan coi thường phép nước.

+ Nông dân và nô tì nổi dậy đấu tranh.

- Hoàn cảnh Hồ Quý Ly truất ngôi vua Trần, lập nên nhà Hồ

\* HS khá, giỏi:

- Nắm được nội dung một số cải cách của Hồ Quý Ly: qui định lại số ruộng cho quan lại, quí tộc: qui định lại số nô tì phục vụ trong gia đình quí tộc.

- Biết lí do chính dẫn tới cuộc kháng chiến chống quân Minh của Hồ Quý Ly thất bại: không đoàn kết được toàn dân để tiến hành kháng chiến mà chỉ dựa vào lực lượng quân đội.

**2. Kĩ năng**

- Rèn kĩ năng sử dụng lược đồ, thuyết trình, kể chuyện.

**3. Phẩm chất**

- Có tinh thần học tập nghiêm tục, tôn trọng lịch sử

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL ngôn ngữ, NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Đồ dùng**

- GV: + Phiếu học tập cho HS.

+ Tranh minh hoạ như SGK ( nếu có ).

- HS: SGK, bút

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm.

- KT: Kĩ thuật đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| **1.Khởi động:***(4p)*    - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ | - GV dẫn vào bài mới |
| **2. Khám phá:***(30p)*  ***\* Mục tiêu***: **-** Nắm được một số sự kiện về sự suy yếu của nhà Trần  - Hoàn cảnh Hồ Quý Ly truất ngôi vua Trần, lập nên nhà Hồ  ***\* Cách tiến hành: Cá nhân – Nhóm - Lớp*** | |
| ***a.Giới thiệu bài:***  - HS lắng nghe.  ***b.Tìm hiểu bài:***  **HĐ1: Tình hình nước ta cuối thời nhà Trần:**  - HS thảo luận nhóm 2 – Chia sẻ kết quả trước lớp  *+ Ăn chơi sa đoạ.*  *+ Ngang nhiên vơ vét của nhân dân để làm giàu.*  *+ Vô cùng cực khổ.*  *+ Bất bình, phẫn nộ trước thói xa hoa, sự bóc lột của vua quan, nông dân và nô tì đã nổi dậy đấu tranh.*  *+ Giặc ngoại xâm lăm le bờ cõi.*  **HĐ2: Nhà Hồ thành lập:**  - HS kết nối các sự kiện và tóm tắt lại nội dung của hoạt động  - HS làm việc nhóm 4- Chia sẻ lớp  *+ Là quan đại thần có tài của nhà Trần.*  *+ Năm 1400, nhà Hồ do hồ Quý Ly đứng đầu lên thay nhà Trần, xây thành Tây Đô (Vĩnh Lộc, Thanh Hóa ), đổi tên nước là Đại Ngu*  *+ Hồ Quý Ly đã thay thế các quan cao cấp của nhà Trần bằng những người thực sự có tài, đặt lệ các quan phải thường xuyên xuống thăm dân. Quy định lại số ruộng đất, nô tì của quan lại quý tộc, nếu thừa phải nộp cho nhà nước. Những năm có nạn đói, nhà giàu buộc phải bán thóc và tổ chức nơi chữa bệnh cho nhân dân.*  *+ Hành động truất quyền vua của Hồ Quý Ly là hợp lòng dân vì các vua cuối thời nhà Trần chỉ lo ăn chơi sa đọa, làm cho tình hình đất nước ngày càng xấu đi và Hồ Quý Ly đã có nhiều cải cách tiến bộ.*  *+ Vì nhà Hồ chỉ dựa vào quân đội, chưa đủ thời gian thu phục lòng dân, không dựa vào sức mạnh đoàn kết của các tầng lớp trong xã hội.*  - HS lắng nghe.  **3. Hoạt động ứng dụng** *(1p)*.  - Ghi nhớ KT của bài  **4. Hoạt động sáng tạo** *(1p)*  - Tìm hiểu về thành Tây Đô của nhà Hồ.  - Kể chuyện lịch sử về Hồ Quý Ly | Trong gần 2 thế kỉ trị vì nước ta, nhà Trần đã lập được nhiều công lớn, chấn hưng, xây dựng nền kinh tế nước nhà, 3 lần đánh tan quân xâm lược Mông – Nguyên,…..nhưng tiếc rằng, đến cuối thời Trần, vua quan lao vào ăn chơi hưởng lạc, đời sống nhân dân cực khồ trăm bề. Trước tình hình đó nhà Trần có tồn tại được không? ....  GV phát phiếu học tập cho các nhóm. Nội dung của phiếu:  *+ Vào giữa thế kỉ XIV, vua quan nhà Trần sống như thế nào?*  *+ Những kẻ có quyền thế đối xử với dân ra sao?*  *+ Cuộc sống của nhân dân như thế nào?*  *+ Phẩm chất phản ứng của nhân dân với triều đình ra sao?*  *+ Nguy cơ ngoại xâm như thế nào?*  - GV nhận xét, kết luận.  - GV cho HS nêu khái quát tình hình của đất nước ta cuối thời Trần.  *+ Hồ Quý Ly là người như thế nào?*  *+ Triều Trần chấm dứt năm nào? Nối tiếp nhà Trần là triều đại nào?*    *+ Hồ Quý Ly đã làm gì để đưa đất nước thoát khỏi khó khăn?*  *+ Hành động truất quyền vua của Hồ Quý Ly có hợp lòng dân không? Vì sao?*  *+ Theo em, vì sao nhà Hồ lại không chống nổi quân xâm lược nhà Minh?*  **- GV kết luận:** *Năm 1400, Hồ Quý Ly truất ngôi vua Trần, lập nên nhà Hồ đã tiến hành nhiều cải cách tiến bộ đưa đất nước thoát khỏi tình trạng khó khăn. Tuy nhiên, do chưa đủ thời gian đoàn kết được nhân dân nên nhà Hồ đã thất bại trong cuộc kháng chiến chống quan Minh xâm lược. Nhà Hồ sụp đổ, nước ta rơi vào ách đô hộ của nhà Minh. Liệu ai sẽ là người đánh đuổi giặc Minh, tìm lại độc lập cho dân tộc, chúng ta sẽ tìm hiểu ở bài sau.* |

**ĐIỀU CHỈNH-BỔ SUNG**

..........................................................................................................................................................................................................................................................................

.....................................................................................................................................

**Thứ tư ngày 8 tháng 1 năm 2021**

**LUYỆN TỪ VÀ CÂU**

**CHỦ NGỮ TRONG CÂU KỂ AI LÀM GÌ?**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức**

- Hiểu được cấu tạo và ý nghĩa của bộ phận chủ ngữ (CN) trong câu kể Ai làm gì? (ND Ghi nhớ).

**2. Kĩ năng**

- Nhận biết được câu kể Ai làm gì?, xác định được bộ phận CN trong câu (BT1, mục III); biết đặt câu với bộ phận CN cho sẵn hoặc gợi ý bằng tranh vẽ (BT2, BT3).

**3. Phẩm chất**

- HS có phẩm chất học tập tích cực

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL tự học, NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Một số tờ phiếu viết đoạn văn ở phần nhận xét, đoạn văn ở BT 1 (Luyện tập).

- HS: VBT, bút

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Quan sát, hỏi đáp, thảo luận nhóm.

- KT: Kĩ thuật đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của HS** | | **Hoạt động của GV** |
| 1**. Khởi động** (5p)  - TBHT điều hành lớp trả lời, nhận xét  *+ Câu kể Ai làm gì gồm có 2 bộ phận: Chủ ngữ và Vị ngữ.*  - HS nối tiếp lấy VD về câu kể Ai làm gì? | | *+ Câu kể Ai làm gì gồm có mấy bộ phận*  *+ Lấy VD về câu kể Ai làm gì?*  - GV nhận xét, đánh giá chung, giới thiệu và dẫn vào bài mới |
| **2. Hình thành KT** *:(15 p)*  **\* Mục tiêu:** Hiểu được cấu tạo và ý nghĩa của bộ phận chủ ngữ (CN) trong câu kể Ai làm gì? (ND Ghi nhớ).  **\* Cách tiến hành: Cá nhân-Nhóm-Cả lớp** | | |
| **a. Nhận xét**  **Cá nhân – Chia sẻ nhóm 2- Chia sẻ lớp**  - 1 HS đọc – Lớp đọc thầm – Nêu yêu cầu  - Tìm câu kể, xác định CN - Chia sẻ nhóm 2 – Chia sẻ lớp  - Các câu kể trong đoạn văn:  Câu 1: ***Một đàn ngỗng*** *vươn dài cổ, chúi mỏ về phía trước, định đớp bọn trẻ.*  Câu 2: ***Hùng*** *đút vội khẩu súng vào túi quần, chạy biến.*  Câu 3: ***Thắng*** *mếu máo nấp vào sau lưng Tiến.*  Câu 4: ***Em*** *liền nhặt một cành xoan, xua đàn ngỗng ra xa.*  Câu 5: ***Đàn ngỗng*** *kêu quàng quạc, vươn cổ chạy miết.*  *+ Chủ ngữ chỉ sự vật (người, con vật) hoạt động*  *+Do danh từ hoặc cụm danh từ tạo thành*  ***b. Ghi nhớ***  - 1 HS đọc to Ghi nhớ  - HS lấy VD về câu kể Ai làm gì? và xác định CN của câu kể đó | *.* - GV gọi HS đọc đoạn văn.  - Yêu cầu HS làm việc cá nhân  *+ Nêu ý nghĩa của chủ ngữ vừa tìm được?*  *+ Chủ ngữ của các câu trên do loại từ ngữ nào tạo thành?* | |

|  |  |
| --- | --- |
| **3. HĐ thực hành** *(18p)*  **\* Mục tiêu:** Nhận biết được câu kể Ai làm gì?, xác định được bộ phận CN trong câu (BT1, mục III); biết đặt câu với bộ phận CN cho sẵn hoặc gợi ý bằng tranh vẽ (BT2, BT3).  **\* Cách tiến hành: Cá nhân – Nhóm – Lớp** | |
| ***Bài tập 1:***  **Cá nhân – Nhóm 2 - Lớp**  - 1 HS đọc thành tiếng.  - HS làm cá nhân – Chia sẻ nhóm 2 – Chia sẻ lớp  Đ/a:  Câu 3: *Trong rừng,* ***chim chóc*** *hót véo von.*  Câu 4: ***Thanh niên*** *lên rẫy.*  Câu 5: ***Phụ nữ*** *giặt giũ bên những giếng nước.*  Câu 6: ***Em nhỏ*** *đùa vui trước nhà sàn.*  Câu 7: ***Các cụ già*** *chụm đầu bên những ché rượu cần.*  ***Bài tập 2: Đặt câu.***  - Đặt câu cá nhân – Chia sẻ lớp. VD  a. ***Các chú công nhân*** đang sửa đường dây điện.  b. ***Mẹ em*** luôn dạy sớm lo bữa sáng cho cả nhà.  c. ***Chim sơn ca*** bay vút lên bầu trời xanh thẩm.  ***Bài tập 3: Đặt câu theo...***  HS thực hành cá nhân – Chia sẻ nhóm 2 – Chia sẻ lớp  VD: - Các bạn học sinh đi học.  - Các bác nông dân đang gặt lúa.  - Đàn chim chao liệng trên bầu trời.  - Chỉnh sửa lại những câu sai  **4. HĐ ứng dụng** (1p)  - Dựa vào bức tranh BT 3, viết được đoạn văn có câu thuộc mẫu Ai làm gì?  VD: Buổi sáng, bà con nông dân ra đồng gặt lúa. Trên những con đường làng quen thuộc, các bạn học sinh tung tăng cắp sách tới trường. Xa xa, các chú công nhân đang cày vỡ những thửa ruộng vừa gặt xong. Thấy động, lũ chim sơn ca vụt bay vút lên bầu trời xanh thẳm.  **5. HĐ sáng tạo** (1p) | - Gọi HS đọc yêu cầu bài tập  - Yc HS tự làm cá nhân  - Nhận xét, kết luận lời giải đúng.    ***- GV giới thiệu thêm: Cụm từ Trong rừng là bộ phận Trạng ngữ sau này các em sẽ tìm hiều***  - Nhận xét, khen/ động viên, cùng HS sửa câu cho các bạn  -  - Yêu cầu HS làm cá nhân |

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TOÁN**

***Tiết 93:* HÌNH BÌNH HÀNH**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức**

- HS làm quen với hình bình hành

**2. Kĩ năng**

- Nhận biết được hình bình hành và một số đặc điểm của nó.

**3. Phẩm chất**

- Tích cực, tự giác học bài, trình bày bài sạch sẽ, khoa học

**4. Góp phần phát triển các kĩ năng**

- Năng lực tự học, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL tư duy - lập luận logic.

\* BT cần làm: Bài 1, bài 2

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Bảng phụ có vẽ sẵn một số hình: vuông, chữ nhật, bình hành, tứ giác

- HS: SGk, giấy kẻ ô li

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Quan sát, hỏi - đáp, thảo luận nhóm.

- KT: đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của HS** | **Hoạt động của GV** |
| **1. HĐ khởi động *(3p)***  - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ | - GV giới thiệu bài mới |
| **2. Hình thành kiến thức** *(15p)*  **\* Mục tiêu:** HS làm quen với hình bình hành và nêu được đặc điểm của hình bình hành  **\* Cách tiến hành: Cá nhân – Lớp** | |
| - Quan sát hình nêu đặc điểm hình bình hành  - HS: Hình bình hành  + Cạnh AB đối diện với cạnh CD  + Cạnh AD đối diện với cạnh CB  + Cạnh AB song song với cạnh DC  + Cạnh AD song song với cạnh BC  + Các cặp cạnh bằng nhau  + Có 2 cặp cạnh đối song song và bằng nhau  => **Hình bình hành có 2 cặp cạnh đối diện song song và bằng nhau** | - GV vẽ hình lên bảng  A  B  C  D  - Giảng: Đây là một hình bình hành  + Hãy đọc tên các cặp cạnh đối diện  + Hãy đọc tên các cặp cạnh song song  + So sánh độ dài của các cặp cạnh AB và CD, AD và BC  + Hình bình hành có mấy cặp cạnh đối diện song song?  + Vậy hình bình hành có đặc điểm gì? |
| **3. HĐ thực hành** *(18p)*  *\** **Mục tiêu***:* Nhận biết được hình bình hành, phân biệt đặc điểm của hình bình hành với hình tứ giác  **\* Cách tiến hành***:* Cá nhân – Nhóm – Lớp | |
| **Bài 1**:  - Làm cá nhân - Chia sẻ lớp  Đáp án:  Đ/a:  + Hình 1, 2 và 5 là hình bình hành  - Giải thích tại sao các hình này là hình bình hành (có 2 cặp cạnh đối diện song song và bằng nhau)  **Bài 2**:  - Làm nhóm 2 – Chia sẻ lớp  Đ/a:  + Hình bình hành MNPQ có các cặp cạnh đối diện song song và bằng nhau là MN và PQ, MQ và NP  ***Bài 3 (bài tập chờ dành cho HS hoàn thành sớm)*** - HS tự vẽ hình vào giấy kẻ li, chia sẻ nhóm 2 – Chia sẻ lớp  **4. Hoạt động ứng dụng** (1p)  - Ghi nhớ các đặc điểm của hình bình hành  **5. Hoạt động sáng tạo** (1p)  - Tìm các vật có dạng hình bình hành trong cuộc sống. | - Gọi HS đọc và xác định yêu cầu bài tập.  - GV chốt đáp án.  - Củng cố cách xác định hình bình hành.  - Gọi HS đọc và xác định yêu cầu bài tập.  - GV chốt đáp án.  - Củng cố cách xác định các cặp cạnh đối diện song song và bằng nhau trong hình bình hành. |

**ĐIỀU CHỈNH-BỔ SUNG**

...................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**ĐẠO ĐỨC**

**KÍNH TRỌNG, BIẾT ƠN NGƯỜI LAO ĐỘNG *(tiết 1)***

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức**

- Biết vì sao cần phải kính trọng và biết ơn người lao động.

**2. Kĩ năng**

- Bước đầu biết cư xử lễ phép với những người lao động và biết trân trọng, giữ gìn thành quả lao động của họ.

**3. Phẩm chất**

- Có ý thức kính trọng và biết ơn người lao động

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL tự học, NL giải quyết vấn đề, NL hợp tác, sáng tạo

***\* KNS:*** *- Tôn trọng giá trị sức lao động.*

*- Thể hiện sự tôn trọng, lễ phép với người lao động.*

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Một số đồ dùng cho trò chơi đóng vai.

- HS: SGK, SBT

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm, trò chơi, đóng vai.

- KT: động não, tia chớp, chia sẻ nhóm 2

**III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của HS** | **Hoạt động của GV** |
| **1. Khởi động:***(2p)*  -TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ | - Giới thiệu bài - Ghi bảng. |
| **2. Bài mới** *(30p)*  **\* Mục tiêu:** Biết vì sao cần phải kính trọng và biết ơn người lao động. Bước đầu biết cư xử lễ phép với những người lao động và biết trân trọng, giữ gìn thành quả lao động của họ.  **\* Cách tiến hành: Cá nhân-Nhóm-Lớp** | |
| **HĐ1: Tìm hiểu câu chuyên**  - 1 HS đọc lại truyện “Buổi học đầu tiên”  - HS thảo luận nhóm 2 – Chia sẻ lớp  *+ Vì một số bạn cho rằng nghề của bố mẹ bạn Hà là tầm thường...*  *+ Em không nên cười khi bạn giới thiệu về nghề nghiệp của bố....*  - Nhận xét, bổ sung.  - HS đọc ghi nhớ  **HĐ2: Thế nào là người lao động?** - HS đọc yêu cầu và ND bài tập 1.  - HS thảo luận nhóm 2- Chia sẻ kết quả  - HS lắng nghe.  **HĐ3: Vai trò của người lao động** (BT2- SGK/29- 30): - Đại diện từng nhóm trình bày.  H1: Khám, chữa bệnh cho mọi người...  H2: Xây những công trình và những ngôi nhà...  H3: Công nhân làm...  H4: Đánh bắt cá...  H5: Đồ hoạ bìa sách giáo khoa...  H6: Cấy lúa...  - HS đọc yêu cầu bài tập.  - HS trình bày ý kiến cả lớp trao đổi và bổ sung.  - HS lắng nghe  **3. HĐ ứng dụng** *(1p)*  - Thực hành KNS: Tôn trong người lao động.  **4. HĐ sáng tạo *(1p)***  - Sưu tầm các câu chuyện về biết ơn, kính trọng người lao động. | (Truyện “Buổi học đầu tiên” SGK/28)  - GV đọc truyện (hoặc kể chuyện) “Buổi học đầu tiên”  *+ Vì sao một số bạn trong lớp lại cười khi nghe ban Hà giới thiệu về nghèâ nghiệp bố mẹ mình?*  *+ Nếu em là bạn cùng lớp với Hà, em sẽ làm gì trong tình huống đó? Vì sao?*  ***- GV kết luận: Cần phải kính trọng mọi người lao động, dù là những người lao động bình thường nhất.***  - GV chốt bài, chốt nội dung Ghi nhớ  - GV nêu yêu cầu bài tập 1:  - GV cho HS thảo luận nhóm 4 làm bài tập.  ***- GV kết luận:***  *+Nông dân, bác sĩ, người giúp việc, lái xe ôm, giám đốc công ti, nhà khoa học, người đạp xích lô, giáo viên, Kĩ sư tin học, nhà văn, nhà thơ đều là những người lao động (Trí óc hoặc chân tay).*  *+ Những người ăn xin, kẻ trộm, kẻ buôn bán ma túy, kẻ buôn bán phụ nữ, trẻ em không phải là người lao động vì những việc làm của họ không mang lại lợi ích, thậm chí còn có hại cho xã hội.*  - Các nhóm làm việc.  - GV chia 6 nhóm và giao nhiệm vụ cho mỗi nhóm thảo luận về 1 tranh.  + *Những người lao động trong tranh làm nghề gì và công việc đó có ích cho xã hội như thế nào?*  🟇Nhóm 1:Tranh 1,2  🟇Nhóm 2: Tranh 3,4  🟇Nhóm 3: Tranh 5,6  - GV ghi lại trên bảng theo 3 cột   |  |  |  | | --- | --- | --- | | STT | Nghề nghiệp | Ích lợi mang lại cho xã hội | |  |  |  |   ***- GV kết luận: Mọi người lao động đều mang lại lợi ích cho bản thân, gia đình và xã hội.***  **HĐ4: Bày tỏ ý kiến** (BT3- SGK/30):  - GV nêu yêu cầu bài tập 3:  - YC HS tự suy nghĩ, làm bài.  - YC HS giơ thẻ Đ, S với mỗi phương án và giải thích vì sao đúng, vì sao sai.  ***- GV kết luận:***  ***+ Các việc làm a, c, d, đ, e, g là thể hiện sự kính trọng, biết ơn người lao động.***  ***+ Các việc làm b, h là thiếu kính trọng người lao động.*** |

**ĐIỀU CHỈNH-BỔ SUNG**

..............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**KỂ CHUYỆN**

**BÁC ĐÁNH CÁ VÀ GÃ HUNG THẦN**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức**

- Hiểu nội dung câu chuyện và biết trao đổi về ý nghĩa của câu chuyện.

**2. Kĩ năng:**

- Dựa theo lời kể của GV và tranh minh họa (SGK), bước đầu kể được câu chuyện *Bác đánh cá và gã hung thần,*, rõ ý chính, đúng diễn biến.

**3. Phẩm chất**

- Giáo dục HS biết lên án sự vô ơn, bạc ác.

**4. Góp phần bồi dưỡng các năng lực**

- NL giao tiếp và hợp tác, NL sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Tranh minh hoạ câu chuyện

- HS: SGK

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm, kể chuyện

- KT: đặt câu hỏi, động não, chia sẻ nhóm.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| **1. Khởi động***:(5p)*  - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ | - Gv dẫn vào bài. |
| **2. Hình thành KT (8p)**  **\* Mục tiêu:**  Dựa theo lời kể của GV và tranh minh họa (SGK), bước đầu nắm được nội dung và diễn biến chính của câu chuyện  **\* Cách tiến hành: Cá nhân-Nhóm-Lớp** | |
| **\* Việc 1**: **GV kể chuyện**  - Lắng nghe.  - HS nghe kết hợp nhìn tranh minh hoạ. | - Kể lần 1: Sau khi kể lần 1, GV giải nghĩa một số từ khó chú thích sau truyện.  - Kể lần 2: Vừa kể vừa chì vào tranh minh hoạ phóng to trên bảng.  - Kể lần 3 (nếu cần) |
| **3. Thực hành kể chuyện – Nêu ý nghĩa câu chuyện***:(20- 25p)*  **\* Mục tiêu:** HS thuyết minh được cho mỗi tranh bằng 1-2 câu, kể lại được câu chuyện và nêu được ý nghĩa của câu chuyện  + HS M1+M2 kể được câu chuyện đúng YC  + HS M3+ M4 kể được câu chuyện đúng YC kết hợp được điệu bộ, giọng nói,..  **\* Cách tiến hành: Cá nhân - Nhóm- Lớp** | |
| **\* Việc 2**: ***Viết lời thuyết minh*** - ***Thực hành kể chuyện.***  - HS suy nghĩ, tiếp nối cá nhân nếu lời thuyết minh cho mỗi tranh  - Kể cá nhân-> trong nhóm từng đoạn câu chuyện theo 5 tranh.  - Đại diện các nhóm kể chuyện  + Học sinh thi kể trước lớp từng đoạn câu chuyện theo tranh  + 2 HS kể toàn bộ câu chuyện) .  + Lắng nghe bạn kể và đặt câu hỏi  - Lớp nhận xét, bình chọn bạn kể hay nhất  - HS trao đổi nhóm 2 về ý nghĩa câu chuyện.  + HS nối tiếp nêu chi tiết mình nhớ nhất.  *+ Cần biết ơn những người đã cứu giúp mình*  *+ Những người bạc bẽo, vô ơn sẽ phải trả giá cho hành động của mình*  **4. Hoạt động ứng dụng *(1p)***  - Kể lại câu chuyện cho người thân nghe  - Giáo dục sự biết ơn  **5. Hoạt động sáng tạo *(1p)***  - Tìm đọc và kể lại các câu chuyện khác cùng chủ điểm. | - Yêu cầu HS đọc yêu cầu bài tập 1, 2  - Cho HS kể cá nhân -> theo nhóm.  - Cho HS thi kể trước lớp.  + Theo nhóm kể nối tiếp.  + Thi kể cá nhân toàn bộ câu chuyện.  - Cho HS bình chọn bạn kể tốt và nêu được ý nghĩa câu chuyện.  - Gv nhận xét tiết học, khen ngợi những hs kể tốt và cả những hs chăm chú nghe bạn kể, nêu nhận xét chính xác.  **\*Lưu ý:**  + Kể tự nhiên bằng giọng kể (không đọc).  - *GV trợ giúp cho HS M1+M2 kể được từng đoạn câu chuyện*  - Yêu cầu HS trao đổi về ý nghĩa câu chuyện.  - GV hỏi để giúp HS hiểu ý nghĩa truyện:  *+ Chi tiết nào trong truyện làm em nhớ nhất?*  *+ Câu chuyện trên muốn khuyên chúng ta điều gì?*  *+ Nêu ý nghĩa của câu chuyện ?*  - Nhận xét, khen HS kể tốt, nói đúng ý nghĩa truyện. |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**KĨ THUẬT**

**LỢI ÍCH CỦA VIỆC TRỒNG RAU, HOA**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức**

- Biết được một số lợi ích của việc trồng rau, hoa.

- Nắm được một số diều kiện ngoại cảnh của cây rau, hoa ở nước ta

**2. Kĩ năng**

- Biết liên hệ thực tiễn về lợi ích của việc trồng rau, hoa.

**3. Phẩm chất**

- HS yêu thích công việc trồng rau, hoa.

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL thẩm mĩ.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Tranh minh hoạ ích lợi của việc trồng rau, hoa.

- HS: Sưu tầm tranh, ảnh một số cây rau, hoa hoặc vật thật

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Quan sát mẫu, hỏi đáp, thảo luận nhóm, luyện tập – thực hành

- KT: đặt câu hỏi, tia chớp, động não, chia sẻ nhóm

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| **1. HĐ khởi động** *(3p)*  - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ | - GV kiểm tra đồ dùng của HS |
| **2. HĐ thực hành:***(30p)*  **\* Mục tiêu**: Nêu được lợi ích của việc trồng rau, hoa.  Nắm được một số diều kiện ngoại cảnh của cây rau, hoa ở nước ta  **\* Cách tiến hành: Cá nhân- Nhóm- Lớp** | |
| **HĐ1: *Hướng dẫn tìm hiểu về lợi ích của việc trồng rau, hoa.***  **Cá nhân - Chia sẻ lớp**  - HS quan sát hình.  *+ Rau làm thức ăn hằng ngày, rau cung cấp dinh dưỡng cần thiết cho con người, dùng làm thức ăn cho vật nuôi…*  *+ Rau muống, rau dền, rau cải, rau mồng tơi, …*  *+ Được chế biến các món ăn để ăn với cơm như luộc, xào, nấu canh.*  *+ Đem bán, xuất khẩu chế biến thực phẩm …*  - HS lắng nghe – Liên hệ việc ăn rau trong bữa ăn hàng ngày  *+ Hoa dùng để trang trí, làm đẹp (hoa hồng, hoa cúc, lay ơn,....Hoa dùng pha nước uống (hoa tam thất),....*  - HS lắng nghe  **HĐ2: *Hướng dẫn HS tìm hiểu điều kiện, khả năng phát triển cây rau, hoa ở nước ta.***  **Nhóm 4 – Chia sẻ lớp**  + Vì vậy muốn trồng rau, hoa đạt kết quả, chúng ta phải có hiểu biết về kĩ thuật trồng và chăm sóc.  *+ Điều kiện khí hậu, đất đai nước ta rất thuậnlợi cho việc trồng rau, hoa.Yêu cầu về đất trồng, dụng cụ, vật liệu đơn giản.*  - HS lắng nghe  - HS đọc phần ghi nhớ SGK.  - HS cả lớp. | - GV treo tranh H.1 SGK.  *+ Liên hệ thực tế, em hãy nêu ích lợi của việc trồng rau?*  *+ Gia đình em thường sử dụng những loại rau nào làm thức ăn?*  *+ Rau được sử dụng như thế nào trong bữa ăn ở gia đình?*  *+ Rau còn được sử dụng để làm gì?*  ***- GV tóm tắt: Rau có nhiều loại khác nhau. Có loại rau lấy lá, củ, quả,…Trong rau có nhiều vitamin, chất xơ giúp cơ thể con người dễ tiêu hoá. Vì vậy rau không thể thiếu trong bữa ăn hằng ngày của chúng ta.***  - GV cho HS quan sát H.2 SGK và hỏi:  *+ Em hãy nêu tác dụng của việc trồng hoa?*  - GV nhận xét trả lời của HS và kết luận về lợi ích của việc trồng rau hoa theo nội dung SGK  \* GV cho HS thảo luận nhóm:  *+ Làm thế nào để trồng rau, hoa đạt kết quả?*  - GV gợi ý với kiến thức Tự nhiên –Xã hội, Địa lí để HS trả lời:  *+ Vì sao có thể trồng rau, hoa quanh năm?*  ***- GV nhận xét bổ sung: Các điều kiện khí hậu, đất đai ở nước ta thuận lợi cho cây rau, hoa phát triển quanh năm. Nước ta có nhiều loại rau, hoa dễ trồng: rau muống, rau cải, cải xoong, xà lách, hoa hồng, hoa cúc …Vì vậy nghề trồng rau, hoa ở nước ta ngày càng phát triển.***  - GV nhận xét và liên hệ nhiệm vụ của HS phải học tập tốt để nắm vững kĩ thuật gieo trồng, chăm sóc rau, hoa.  - GV tóm tắt những nội dung chính của bài học theo phần ghi nhớ trong khung và cho HS đọc. |
| **3. HĐ ứng dụng** *(1p)*  - Liên hệ việc trồng rau hoa tại gia đình, địa phương.  **4. HĐ sáng tạo** *(1p)*  - Tìm hiểu về thời gian sống và lợi ích của các cây rau hoa đó. |  |

**ĐIỀU CHỈNH-BỔ SUNG**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**Thứ năm ngày 9 tháng 1 năm 2022**

**TẬP ĐỌC**

**CHUYỆN CỔ TÍCH VỀ LOÀI NGƯỜI**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức**

- Hiểu ý nghĩa: Mọi vật trên trái đất được sinh ra vì con người, vì trẻ em, do vậy cần dành cho trẻ em những điều tốt đẹp nhất (trả lời được các câu hỏi trong SGK; thuộc ít nhất 3 khổ thơ).

**2. Kĩ năng**

- Biết đọc với giọng kể chậm rãi, bước đầu biết đọc diễn cảm được một đoạn thơ.

**3. Phẩm chất**

- Có ý thức về quyền và nghĩa vụ của trẻ em.

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Tranh minh hoạ bài tập đọc (phóng to)

Bảng phụ viết sẵn đoạn thơ luyện đọc

- HS: SGK

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- Phương pháp: Quan sát, hỏi - đáp, đóng vai.

- Kĩ thuật: Làm việc nhóm, chia sẻ, động não, tia chớp

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| **1. Khởi động:** *(3p)*  - ***TBHT điều khiển các bạn chơi trò chơi Hộp quà bí mật***  *+ Sức khỏe: Ăn một lúc hết chín chõ xôi...*  *+ Tài năng: 15 tuổi đã tinh thông võ nghệ.*  *+ Ca ngợi 4 anh em Cẩu Khây có tài năng đã đoàn kết lên đường diệt trừ yêu tinh.* | + Hãy đọc bài *“*Bốn anh tài”  *+ Cẩu Khây có sức khỏe và tài năng như thế nào?*  *+ Nội dung của câu chuyện?*  - GV dẫn vào bài mới – Ghi tên bài |
| **2. Luyện đọc:** *(8-10p)*  **\* Mục tiêu:** Đọc trôi chảy, rành mạch, giọng đọc chậm rãi, vui tươi mang tính chất giọng kể chuyện  \* **Cách tiến hành:** | |
| - 1 HS đọc bài, cả lớp đọc thầm  - Lắng nghe  - Nhóm trưởng điều hành cách chia đoạn  - Bài chia làm 7 đoạn.  Mỗi khổ thơ là một đoạn  - Nhóm trưởng điều hành nhóm đọc nối tiếp trong nhóm lần 1 và phát hiện các từ ngữ khó *(sinh ra trước nhất, trụi trần, bế bồng, lời ru, cục phấn, ...)*  - Luyện đọc từ khó: Đọc mẫu (M4)-> Cá nhân (M1)-> Lớp  - HS đọc nối tiếp lần 2 theo điều khiển  - Các nhóm báo cáo kết quả đọc  - 1 HS đọc cả bài (M4 | ) - Gọi 1 HS đọc bài (M3)  - GV lưu ý giọng đọc: Toàn bài đọc với giọng chậm rãi, vui tươi mang tính chất giọng kể chuyện  - GV chốt vị trí các đoạn  - Lưu ý sửa lỗi đọc và ngắt nghỉ cho các HS (M1) |
| **3.Tìm hiểu bài:** *(8-10p)*  **\* Mục tiêu:** Hiểu ý nghĩa: Mọi vật trên trái đất được sinh ra vì con người, vì trẻ em, do vậy cần dành cho trẻ em những điều tốt đẹp nhất (trả lời được các câu hỏi trong SGK)  **\* Cách tiến hành: *Làm việc nhóm 4 – Chia sẻ trước lớp*** | |
| - 1 HS đọc  - HS tự làm việc nhóm 4 trả lời các câu hỏi - TBHT điều hành các nhóm trả lời, nhận xét  *+ Trẻ em được sinh ra đầu tiên trên trái đất. Trái đất lúc đó chỉ có toàn trẻ con, cảnh vật trống vắng, trụi trần, không dáng cây, ngọn cỏ.*  *+ Mặt trời xuất hiện để trẻ nhìn cho rõ.*  *+ Vì trẻ cần yêu thương và lời ru, trẻ cần bế bồng, chăm sóc.*  *+ Giúp trẻ hiểu biết, bảo cho trẻ ngoan, dạy trẻ biết nghĩ.*  *+ Thầy giáo dạy trẻ học hành, dạy “Chuyện loài người” đầu tiên.*  *✰ Bài thơ thể hiện tình cảm yêu mến trẻ em.*  *✰ Ca ngợi trẻ em, thể hiện tình cảm trân trọng của người lớn với trẻ em.*  *✰ Mọi sự thay đổi trên thế giới đều vì trẻ em. …*  - HS ghi nội dung bài vào vở. | - Gọi HS đọc các câu hỏi cuối bài.  *+ Trong câu chuyện ai là người được sinh ra đầu tiên?*  *+ Sau khi trẻ sinh ra thì cái gì xuất hiện? Tại sao lại như thế?*  *+ Sau khi sinh trẻ ra, vì sao cần có ngay người mẹ?*  *+ Bố giúp trẻ em những gì?*  *+ Thầy giáo giúp trẻ em những gì? Dạy điều gì đầu tiên?*  *+ Theo em, ý nghĩa của bài thơ này là gì?*  \* HS M3+M4 đọc trả lời câu hỏi hoàn chỉnh và các câu nêu nội dung đoạn, bài. |
| **3. Luyện đọc diễn cảm - Học thuộc lòng** *(8-10p)*  **\* Mục tiêu: HS** biết đọc diễn cảm bài thơ, học thuộc lòng được những khổ thơ mà mình thích.  **\* Cách tiến hành: Hoạt động cá nhân – nhóm - cả lớp** | |
| - 1 HS nêu lại  - 1 HS đọc toàn bài  - Nhóm trưởng điều khiển:  + Đọc diễn cảm trong nhóm  - Thi đọc diễn cảm trước lớp  - Lớp nhận xét, bình chọn.  - HS học thuộc lòng ngay tại lớp (mỗi HS 3 khổ thơ)  - GV nhận xét chung  **4. Hoạt động ứng dụng** *(1 phút)*  - HS nêu hình ảnh thích nhất trong bài thơ/  **5. Hoạt động sáng tạo** *(1 phút)*  - Kể lại "Chuyện cổ tích về loài người" bằng lời của em. | - Yêu cầu HS nêu giọng đọc toàn bài, nêu giọng đọc các nhân vật  - Yêu cầu đọc diễn cảm các khổ thơ mình thích (mỗi HS 2 khổ thơ) |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TOÁN**

***Tiết 94:* DIỆN TÍCH HÌNH BÌNH HÀNH**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức**

- Nắm được công thức và quy tắc tính diện tích hình bình hành.

**2. Kĩ năng**

- Biết cách tính diện tích hình bình hành.

- Vận dụng giải các bài toán liên quan

**3. Phẩm chất**

- Chăm chỉ, tích cực trong giờ học.

**4. Góp phần phát triển các NL**

- NL tự học, làm việc nhóm, NL tính toán

\* Bài tập cần làm: Bài 1, bài 3a

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Phấn màu, thước thẳng

- HS: 2 hình bình hành bằng giấy hoặc bìa như nhau, kéo, giấy ô li, êke.

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Quan sát, hỏi đáp, thảo luận nhóm, thực hành,...

- KT: động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | | **Hoạt động của giáo viên** |
| **1.Khởi động***:(5p)*  - TBHT điều hành lớp trả lời, nhận xét | | *+ Bạn hãy nêu các đặc điểm của hình bình hành?*  - GV dẫn vào bài mới |
| **2. Hình thành KT***:(15p)*  **\* Mục tiêu:**  Nắm được công thức và quy tắc tính diện tích hình bình hành  **\* Cách tiến hành: Cá nhân – Nhóm – Lớp** | | |
| - HS thực hành cắt ghép hình. HS có thể cắt ghép như SGK  + Diện tích hình chữ nhật bằng diện tích hình bình hành.  *+ HS nêu cách tính diện tích hình của mình.*  - HS kẻ đường cao của hình bình hành.  - Chiều cao hình bình hành bằng chiều rộng của hình chữ nhật, cạnh đáy của hình bình hành bằng chiều dài của hình chữ nhật.  *+ Lấy chiều cao nhân với đáy.*  - HS phát biểu quy tắc tính diện tích hình bình hành, đọc công thức tính | - GV tổ chức trò chơi lắp ghép hình:  + Mỗi HS suy nghĩ để tự cắt miếng bìa hình bình hành mình đã ĐỒ DÙNG DẠY HỌC thành hai mảnh sao cho khi ghép lại với nhau thì được một hình chữ nhật.  *+ Diện tích hình chữ nhật ghép được như thế nào so với diện tích của hình bình hành ban đầu?*  *+ Hãy tính diện tích của hình chữ nhật*.  - GV yêu cầu HS lấy hình bình hành bằng hình lúc đầu giới thiệu cạnh đáy của hình bình hành và hướng dẫn các em kẻ đường cao của hình bình hành.  - GV yêu cầu HS đo chiều cao của hình bình hành, cạnh đáy của hình bình hành và so sánh chúng với chiều rộng, chiều dài cùa hình chữ nhật đã ghép được.  *+ Vậy theo em, ngoài cách cắt ghép hình bình hành thành hình chữ nhật để tính diện tích hình bình hành chúng ta có thể tính theo cách nào?*  ***- GV: Diện tích hình bình hành bằng độ dài đáy nhân với chiều cao cùng một đơn vị đo. Gọi S là diện tích hình bình hành, h là chiều cao và a là độ dài cạnh đáy thì ta có công thức tính diện tích hình bình hành là:***  ***S = a x h*** | |
| **3. HĐ thực hành** *(18p)*  **\* Mục tiêu:** Biết cách tính diện tích hình bình hành, vận dụng làm các bài tập liên quan.  **\* Cách tiến hành:** | | |
| ***Bài 1:*** Tính diện tích của các hình bình hành.  - HS làm cá nhân -> chia sẻ trước lớp  - Thống nhất KQ  Đ/a:  a. S = 5 x 9 = 45 (cm2)  b. S = 13 x 4 = 52 (cm2)  c. S = 9 x 7 = 63 (cm2)  ***Bài 3a:Hs năng khiếu làm cả bài.***  - Gọi HS đọc và xác định yêu cầu bài tập.  - YC HS tự làm bài sau đó đổi chéo vở kiểm tra bài cho nhau.  - GV nhận xét, đánh giá bài làm trong vở của HS  - GV chốt đáp án; lưu ý đổi đơn vị đo khi tính diện tích hình bình hành  **Bài 2 *(bài tập chờ dành cho HS hoàn thành sớm)***  - HS làm vào vở Tự học – Chia sẻ lớp  a. Diện tích hình chữ nhật là:  5 x 10 = 50 (cm2)  b. Diện tích hình bình hành là:  5 x 10 = 50 (cm2)  - Nhấn mạnh cách tính diện tích hình CN, diện tích hình bình hành  **4. HĐ ứng dụng** (1p)  Ghi nhớ công thức và quy tắc tính diện tích hình bình hành.  **5. HĐ sáng tạo** (1p) - Tìm các bài tập cùng dạng trong sách buổi 2 và giải. | - GV chốt đáp án.  - Củng cố cách tính diện tích hình bình hành.  . - Thực hiện theo yêu cầu của GV.  Đ/a:  a. Diện tích hình bình hành là:  4 x 34 = 136 (dm2)  b. Đổi: 4m = 40dm  Diện tích hình bình hành là:  40 x 13 = 520 (dm2) | |

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

:...................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TẬP LÀM VĂN**

**LUYỆN TẬP XÂY DỰNG MỞ BÀI**

**TRONG BÀI VĂN MIÊU TẢ ĐỒ VẬT**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức**

- Nắm vững hai cách mở bài (trực tiếp, gián tiếp) trong bài văn miêu tả đồ vật (BT1).

**2. Kĩ năng**

- Viết được đoạn mở bài cho bài văn miêu tả đồ vật theo hai cách đã học (BT2).

**3. Phẩm chất**

- Giữ gìn, yêu quý đồ vật trong gia đình.

**4. Góp phần phát triển NL:**

**-** NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL tự học, NL giao tiếp.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Đồ dùng**

- GV: + Bảng phụ viết sẵn nội dung cần ghi nhớ về hai cách mở bài.

+ Bút dạ, 4 tờ giấy trắng.

- HS: SBT, bút, ...

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Quan sát, hỏi đáp, thảo luận nhóm

- KT: đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, chia sẻ nhóm 2, động não.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | | **Hoạt động của giáo viên** |
| **1. Khởi động:(***5p)*  - HS chơi trò chơi: ***Hộp quà bí mật***  - TBHT điều hành lớp trả lời, nhận xét.  + Mở bài theo kiểu trực tiếp: là giới thiệu ngay đồ vật định tả  + Mở bài theo kiểu gián tiếp: là nói chuyện khác có liên quan rồi dẫn vào giới thiệu đồ vật định tả. | | *+ Nêu cách mở bài gián tiếp?*  *+ Nêu cách mở bài trực tiếp?*  - GV nêu mục tiêu, yêu cầu bài học mới |
| **2. HĐ thực hành** *(30p)*  **\* Mục tiêu:**  Nắm vững hai cách mở bài (trực tiếp, gián tiếp) trong bài văn miêu tả đồ vật (BT1).Viết được đoạn mở bài cho bài văn miêu tả đồ vật theo hai cách đã học (BT2).  **\* Cách tiến hành: Cá nhân- Nhóm - Lớp** | | |
| **Bài tập 1:** **Nhóm 2 – Chia sẻ lớp**  Đ/a:  + Điểm giống nhau giữa các đoạn mở bài:  Các đoạn mở bài đều có mục đích giới thiệu đồ vật cần tả là chiếc cặp sách.  + Điểm khác nhau giữa các đoạn mở bài:  ✰ Đoạn a, b (mở bài trực tiếp): giới thiêu ngay cái cặp sách cần tả.  ✰ Đoạn c (mở bài gián tiếp): nói chuyện khác để dẫn vào giới thiệu đồ vật định tả.  **Bài tập 2:**Viết một đoạn văn...  - Cá nhân – Chia sẻ nhóm 2 – Chia sẻ lớp  VD:  **Mở bài trực tiếp:** *Ở trường,người bạn thân thiết với mỗi chúng ta là chiếc bàn học sinh.*  *- Vào đầu năm học mới, bố em tặng cho em một chiếc bàn học mới tinh.*  **Mở bài gián tiếp:** *Em vẫn nhớ như in hình ảnh bố một ngày hè bốn năm trước. Mồ hoi đẫm trán, bố mang vềnhà một loạt gỗ, đinh, cưa, bào xin được ở một xưởng mộc. Em hỏi bố dùng chúng làm gì, bố chỉ cười bảo:"Bí mật". Thế rồi bố cưa, bố đục, bố đóng, bố bào, dưới bàn tay bố, một chiếc bàn học xinh xắn dần dần hiện ra. Nó mộc mạc mà lại đẹp và chắc chắn. Đó là quà bố tặng em khi vào lớp một.*  **3. HĐ ứng dụng** *(1p)* - Sửa lại các lỗi sai trong phần MB  **4. HĐ sáng tạo** *(1p)*  - Khuyến khích viết các phần MB theo kiển gián tiếp | - Gọi HS đọc và xác định yêu cầu bài tập.  - Nhận xét, chốt, lưu ý HS khi viết văn nên viết MB theo kiểu gián tiếp để bài văn mượt mà, giàu tình cảm hơn.  - Gọi HS đọc và xác định yêu cầu bài tập.  - YC HS tự làm bài, GV chú ý hướng dẫn HS M1.  - GV nhận xét, khen/ động viên, hướng dẫn HS sửa chữa các lỗi trong bài | |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**KHOA HỌC (CT HIỆN HÀNH)**

**GIÓ NHẸ, GIÓ MẠNH. PHÒNG CHỐNG BÃO**

**I.YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức**

- Nêu được một số tác hại của bão: thiệt hại về người và của.

- Nêu được một số cách phòng chống bão

**2. Kĩ năng**

- Xác định được một số cấp của gió và tác động của nó lên các vật xung quanh

**3. Phẩm chất**

- Có ý thức phòng tránh gió bão

**4. Góp phần phát triển các năng lực:**

- NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL hợp tác,...

*\** ***GDBVMT:*** *Mối quan hệ giữa con người với môi trường: Con người cần đến không khí, thức ăn, nước uống từ môi trường.*

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Đồ dùng**

- GV: + Hình trang 76, 77 SGK.

+ Phiếu học tập cho nhóm.

+ Sưu tầm hoặc ghi lại những bản tin thời tiết có liên quan đến gió, bão.

- HS: Sưu tầm các hình vẽ, tranh ảnh về các cấp gió, về những thiệt hại do dông, bão gây ra

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: quan sát, hỏi đáp, thảo luận, trò chơi học tập, thí nghiệm.

- KT: Động não, chia sẻ nhóm đôi, tia chớp

**II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt đông của học sinh** | **Hoạt đông của của giáo viên** |
| **1, Khởi động *(4p)***  - TBHT điều khiển các bạn chơi trò chơi: **Hộp quà bí mật**  *+ Không khí chuyển động từ nới lạng đến nơi nóng. Sự chênh lệch nhiệt độ của không khí là nguyên nhân gây ra sự chuyển động của không khí. Không khí chuyển động tạo thành gió.*  *+ Sự chệnh lệch nhiệt độ vào ban ngày và ban đêm giữa biển và đất liền đã làm cho gió thay đổi giữa ngày và đêm.* | *+ Tại sao có gió?*    *+ Tại sao ban ngày gió từ biển thổi vào đất liền nhưng ban đêm gió từ đất liền thổi ra biển?*  - GV nhận xét, khen/ động viên, dẫn vào bài mới. |
| **2. Bài mới:***(30p)*  **\* Mục tiêu:**  - Xác định được một số cấp của gió và tác động của nó lên các vật xung quanh  - Nêu được một số tác hại của bão: thiệt hại về người và của.  - Nêu được một số cách phòng chống bão  **\* Cách tiến hành: Cá nhân - Nhóm – Lớp** | |
| **HĐ1: Tìm hiểu về một số cấp gió.**  **Nhóm 4 - Lớp**  - HS đọc SGK về người đầu tiên nghĩ ra cách phân chia sức gió thổi thành 13 cấp độ.  - HS làm việc theo nhóm hoàn thành phiếu học tập: Điền các cấp gió và tác động của nó đến các vật xung quanh  - Xác định cấp gió ngoài trời ở thời điểm hiện tại  - HS lắng nghe  **HĐ2: Thiệt hại của bão và cách phòng chống:**  - HS quan sát hình 5, 6 và đọc mục bạn cần biết.  *+ Bão gây ra sập nhà, chết người thiệt hại hoa màu, và kinh tế …*  *+ Ở địa phương: sập nhà, bay mái, không đánh cá được…*  *+ Theo dõi tin thời tiết bảo vệ nhà cửa, thuyền ghe và người đi trú ẩn – cắt điện…*  - Liên hệ: Những trận bão đi qua địa phương em, tác hại của bão và cách phòng chống bão của địa phương  **HĐ 3: Trò chơi ghép chữ vào hình: Cá nhân – Lớp**  - Cả lớp nhận xét.   - Các nhóm thi nhau gắn chữ vào hình cho phù hợp.  - Nhóm nào nhanh, đúng là thắng cuộc.  - HS đọc Bài học  **3. HĐ ứng dụng *(1p)***  - Trồng cây, trồng rừng chắn gió ven biển,...  **4. HĐ sáng tạo *(1p)***  - Tìm hiểu về thuyền trưởng người Anh – người đã chia 12 cấp của gió qua Internet | - GV yêu cầu quan sát hình vẽ và đọc các thông tin trong sách trang 76, làm bài tập.  - Chia nhóm phát phiếu học tập       ***- GV: Gió ở cấp độ 2, 3 rất cần thiết cho cuộc sống vì nó mang đến luồng khí mát, làm cho không khí trong lành. Nhưng từ cấp độ 4-5 trở đi, gió sẽ mang đến những tác động tiêu cực với các vật xung quanh***  - Hướng dẫn HS quan sát hình 5, 6 đọc mục cần biết trang 77 SGK.  *+ Nêu tác hại do bão gây ra và một số cách phòng chống bão – liên hệ thực tế ở địa phương?*  *+ Nêu cách phòng chống bão*    - GV nhận xét, bổ sung, chốt KT  - Cho HS vẽ hình minh hoạ các cấp độ của gió trang 76 SGK. Viết lới chú giải vào các tấm phiếu rời.  - GV tổng kết trò chơi  - Chốt nội dung bài học  **\*GD BVMT:** Gió mạnh gây ra những tác động xấu đến môi trường. Ở những vùng gió mạnh, chúng ta có những cách nào để hạn chế sức gió? |

**Thứ sáu ngày 10 tháng 1 năm 2022**

**LUYỆN TỪ VÀ CÂU**

**MỞ RỘNG VỐN TỪ: TÀI NĂNG**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức**

- Biết thêm một số từ ngữ (kể cả tục ngữ, từ Hán Việt) nói về tài năng của con người;

**2. Kĩ năng**

- Biết xếp các từ Hán Việt (có tiếng tài) theo hai nhóm nghĩa và đặt câu với một từ đã xếp (BT1, BT2); hiểu ý nghĩa câu tục ngữ ca ngợi tài trí con người (BT3, BT4).

**3. Phẩm chất**

- Có ý thức sử dụng đúng từ ngữ, đúng hoàn cảnh để đạt được mục đích giao tiếp

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL tự học, NL ngôn ngữ, NL sáng tạo, NL giao tiếp.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Đồ dùng**

- GV: + Từ điển Tiếng Việt hoặc một vài trang từ điển phô tô.

+ 4 tờ giấy khổ to.

- HS: Vở BT, bút, ..

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm,

- KT: động não, đặt câu hỏi, chia sẻ nhóm 2, trình bày 1 phút

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của HS** | **Hoạt động của giáo viên** | |
| **1. Khởi động *(5p)***  - TBHT điều hành lớp trả lời, nhận xét  *+ Gồm 2 bộ phận*  *+ CN trả lời cho câu hỏi: Ai/Cái gì?/Con gì? VN trả lời cho câu hỏi: làm gì?* | *+ Câu kể Ai làm gì? có mấy bộ phận?*  *+ Mỗi bộ phận trả lời cho câu hỏi gì?*  - Dẫn vào bài mới | |
| **2. Hình thành KT** *(15p)*  **\* Mục tiêu:**  - Biết thêm một số từ ngữ (kể cả tục ngữ, từ Hán Việt) nói về tài năng của con người;  - Biết xếp các từ Hán Việt (có tiếng tài) theo hai nhóm nghĩa và đặt câu với một từ đã xếp (BT1, BT2); hiểu ý nghĩa câu tục ngữ ca ngợi tài trí con người (BT3, BT4).  **\* Cách tiến hành:** | | |
| **Bài tập 1:** Phân loại các từ sau đây **Nhóm 2- Lớp**  - Thực hiện theo yêu cầu của GV.  Đ/a:  a. ***Tài*** có nghĩa “có khả năng hơn người bình thường”: ***tài hoa, tài giỏi, tài nghệ, tài ba, tài đức, tài năng****.*  b. ***Tài*** có nghĩa là “tiền của”: ***tài nguyên, tài trợ, tài sản.***  - HS thực hiện giải nghĩa từ để hiểu thêm ý nghĩa của từ.  **-** Gọi HS đọc yêu cầu và nội dung.  **Bài tập 2:** Đặt câu...  **Cá nhân – Nhóm 2 – Chia sẻ lớp**  VD:  + Nước ta rất già tài nguyên khoáng sản.  + Bùi Xuân Phái là một hoạ sĩ tài hoa.  **Bài tập 3:**  **Cá nhân – Chia sẻ lớp**  Đ/a:  + Câu a: Người ta là hoa đất.  + Câu c: Nước lã mà vã nên hồ.  Tay không mà nổi cơ đồ mới ngoan  - Đọc và xác định yêu cầu bài tập.  **Bài tập 4.**  - HS làm bài cá nhân: nêu những câu mà em thích và nêu rõ vì sao em thích.  - Một số HS trình bày.  - Lắng nghe  **3. HĐ ứng dụng** *(1p)*  - Ghi nhớ các từ ngữ và tục ngữ trong bài học  **4. HĐ sáng tạo** *(1p)*  - Sưu tầm thêm môt số câu thành ngữ, tục ngữ nói về tài năn, trí tuệ của con người. | | - Nhận xét, kết luận lời giải đúng.    - Yêu cầu HS tìm thêm các từ khác có chứa tiếng **tài**  **-** Gọi HS đọc yêu cầu và nội dung.  - GV chữa câu và lưu ý lỗi đặt câu cho HS  - Gọi HS đọc yêu cầu, các câu tục ngữ.  - GV nhận xét và chốt lại lời giải đúng.  - GV cùng HS giải thích nghĩa bóng của các câu tục ngữ.  a. Người ta là hoa đất: Ca ngợi con người là tinh hoa, là thứ quý giá nhất của trái đất.  b. Chuông có đánh … mới tỏ: Khẳng định mỗi người có tham gia hoạt động, làm việc, mới bộc lộ được khả năng của mình.  c. Nước lã mà vã nên hồ: Ca ngợi những người từ hai bàn tay trắng, nhờ có tài, có chí, có nghị lực đã làm nên việc lớn.  ***- GV: Mỗi câu tục ngữ đều có những nét hay, nét đẹp riêng. Trong khi giao tiếp, sử dụng câu TN phù hợp hoàn cảnh giúp chúng ta đạt được mục đích giao tiếp*** |

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TOÁN**

***Tiết 95:* LUYỆN TẬP**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức**

- Củng cố đặc điểm của các hình đã học: hình bình hành, hình CN, hình tứ giác và cách tính chu vi, diện tích hình bình hành

**2. Kĩ năng**

- Tính được diện tích, chu vi của hình bình hành.

**3. Phẩm chất**

- Tự giác, cẩn thận, trình bày bài sạch sẽ.

**4. Góp phần phát triển các NL**

- NL tự học, làm việc nhóm, NL tính toán

\* Bài tập cần làm: Bài 1, bài 2, bài 3a

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Bảng phụ

- HS: Vở BT, bút

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Quan sát, hỏi đáp, thảo luận nhóm.

- KT: động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| **1.Khởi động***:(3p)*  - TBHT điểu hành lớp trả lời, nhận xét  *+ Diện tích hình bình hành bằng chiều cao nhân với độ dại đáy (cùng một đơn vị đo)*  *S = a x h* | *- Nêu công thức và quy tắc tính diện tích hình bình hành*  - GV nhận xét chung, dẫn vào bài mới |
| **2. HĐ thực hành** *(30p)*  **\* Mục tiêu:**  - Củng cố đặc điểm của các hình đã học: hình bình hành, hình CN, hình tứ giác và cách tính chu vi, diện tích hình bình hành  - Tính được diện tích, chu vi của hình bình hành.  **\* Cách tiến hành:** | |
| **Bài 1:**  **Nhóm 2 - Lớp**  - Thực hiện theo yêu cầu của GV  Đ/a:  a) Hình chữ nhật ABCD.  AB đối diện với cạnh CD  AD đối diện với cạnh BC  b) Hình bình hành EGHK.  EG đối diện với cạnh HK  EK đối diện với cạnh GH  c) Hình tứ Giác MNPQ.  MN đối diện với cạnh QP  MQ đối diện với cạnh NP  *+ Các cặp cạnh đối diện này song son và bằng nhau*  **Bài 2:**  **Cá nhân – Nhóm 2 – Lớp**  - Thực hiện theo yêu cầu của GV | - Gọi HS đọc và xác định yêu cầu bài tập.  - Nhận xét, chốt đáp án.  \* Lưu ý giúp đỡ hs M1+M2    *+ Các cặp cạnh đối diện trong hình bình hành và hình CN có chung đặc điểm gì?*  - Gọi HS đọc và xác định yêu cầu bài tập.  - Nhận xét, chốt đáp án.  - Củng cố cách tính diện tích hình bình hành |

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Độ dài cạnh đáy | 7cm | | 14dm | 23m | |
| Chiều cao | 16 cm | | 13 dm | 16m | |
| Diện tích hình bình hành | 7 x 16 = 112 cm2 | | 14 x 13=182 dm2 | 23 x 16 = 368 m2 | |
| **Bài 3a: HSNK làm cả bài**  **Cá nhân – Lớp**  - HS đọc công thức, phát biểu cách tính chu vi: Muốn tính chu vi hình bình hành, ta lấy tổng độ dài hai cạnh nhân với 2.  Đáp án:  a) P = (8 + 3 ) x 2 = 22 (cm)  b) P = (10 + 5) x 2 = 30 (cm)  **Bài 4*****(bài tập chờ dành cho HS hoàn thành sớm)***  - HS làm vào vở Tự học – Chia sẻ lớp  Diện tích mảnh đất là:  40 x 25 = 1000 (dm2)  = 10m2  Đáp số: 10m2  **3. HĐ ứng dụng** (1p)  - Ghi nhớ các KT  **4. HĐ sáng tạo** (1p)  - BT PTNL: Một hình bình hành có diện tích là 10 dm2, độ dài đáy là 40cm. Tính chiều cao của mảnh đất đó. | | - YC HS áp dụng công thức trên để tính chu vi của hình bình hành biết:  a) a = 8cm, b = 3 cm  b) a = 10dm, b = 5dm  - GV nhận xét, đánh giá bài làm trong vở của HS  - Chốt đáp án, củng cố cách tính chu vi hình bình hành. | | |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

**TẬP LÀM VĂN**

**LUYỆN TẬP XÂY DỰNG KẾT BÀI**

**TRONG BÀI VĂN MIÊU TẢ ĐỒ VẬT**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức**

- Nắm vững hai cách kết bài (mở rộng, không mở rộng) trong bài văn miêu tả đồ vật (BT1).

**2. Kĩ năng**

- Viết được đoạn kết bài mở rộng cho một bài văn miêu tả đồ vật (BT2).

**3. Phẩm chất**

- Tích cực, tự giác viết bài

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL tự học, Sử dụng ngôn ngữ, NL sáng tạo

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Đồ dùng**

- GV: bảng phụ

- HS: một số đồ chơi

**2. Phương pháp, kĩ thuât**

- PP: Hỏi đáp, thảo luận nhóm, quan sát, thực hành.

- KT: đặt câu hỏi, động não, chia sẻ nhóm 2

**II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| **1. Khởi động *(5p)***  - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ | - GV dẫn vào bài mới |
| **2. Hình thành kiến thức***:(15p)*  **\*Mục tiêu:**  - Nắm vững hai cách kết bài (mở rộng, không mở rộng) trong bài văn miêu tả đồ vật (BT1).  - Viết được đoạn kết bài mở rộng cho một bài văn miêu tả đồ vật (BT2).  **\* Cách tiến hành:** | |
| **Bài 1:** Đọc bài văn “Cái nón” và trả lời câu hỏi?  **Hoạt động cá nhân-- cả lớp**  - 1 em đọc yêu cầu và  nội dung BT.  - Vài em nhắc lại kiến thức về 2 cách kết bài đã biết khi học về văn kể chuyện.  *Câu a: đoạn kết là đoạn cuối cùng trong bài*  *Câu b: đó là kiểu kết bài mở rộng*  **Bài 2:**  **Cá nhân – Lớp**  - 1 em đọc 4 đề bài.  - Cả lớp suy nghĩ, chọn đề bài miêu tả (thước kẻ, bàn học, trống trường …) và nêu trước lớp.  - Cả lớp làm bài vào vở mỗi em viết một đoạn kết bài theo kiểu mở rộng cho bài văn miêu tả đồ vật mình đã chọn.  - Tiếp nối nhau đọc bài viết của mình  - Cả lớp nhận xét, sửa chữa, bình chọn bạn viết kết bài hay nhất.  **VD: Kết bài tả cái thước kẻ của em:**  *Không biết từ khi nào, cái thước đã trở thành người bạn thân thiết của em. Thước luôn ở cạnh em, mỗi khi em học bài, làm bài. Thước giúp em kẻ những đường lề thẳng tắp, vẽ những sơ đồ toán, gạch chân các câu văn hay,...để em học tốt hơn. Cảm ơn thước, người bạn nhỏ giản dị mà kì diệu vô cùng.*  **VD: Kết bài tả cái bàn học của em:**  *Chiếc bàn đã gắn bó với em gần bốn năm qua và giờ đây vẫn miệt mài cùng em làm những bài toán khó, viết những đoạn văn hay, kể những câu chuyên có ích, san sẻ cùng em, những niềm vui, nỗi buồn của tuổi học trò.*  **3. HĐ ứng dụng** *(1p)*  - Chữa các lỗi sai trong bài viết  **4. HĐ sáng tạo** *(1p*  - Viết các KBMR cho các đề bài còn lại | - Gọi HS đọc và xác định yêu cầu bài tập.  - Gọi HS nêu lại các cách kết bài.  - YC HS:  *+ Xác định đoạn kết bài cảu bài văn?*  *+ Theo em, đó là kết bài theo cách nào?*  - Nhận xét, chốt đáp án.  - Gọi HS đọc nội dung và yêu cầu bài tập.  - GV yêu cầu HS suy nghĩ, chọn đề bài miêu tả  - YC HS tự làm bài.  - Gọi HS đọc bài viết của mình, GV sửa lỗi dùng từ, đặt câu cho HS.  - Nhận xét, khen/ động viên.    \* Lưu ý giúp đỡ hs M1+M2 viết được đoạn kết bài |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................­

**ĐỊA LÍ (CT HIỆN HÀNH)**

**THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức**

- Nêu được một số đặc điểm chủ yếu của thành phố Hải Phòng:

+ Vị trí: ven biển, bên bờ sông Cấm

+ Thành phố cảng, trung tâm công nghiệp đóng tàu, trung tâm du lịch,…

**2. Kĩ năng**

- Chỉ được Hải Phòng trên bản đồ (lược đồ).

\* Học sinh NK: Kể một số điều kiện để Hải Phòng trở thành một cảng biển, một trung tâm du lịch lớn của nước ta (Hải Phòng nằm ven biển, bên bờ sông Cấm, thuận tiện cho việc ra, vào neo đậu của tàu thuyền, nơi đây có nhiều cầu tàu,...; có các bãi biển Đồ Sơn, Cát Bà với nhiều cảnh đẹp,...).

**3. Phẩm chất**

- HS học tập nghiêm túc

**4. Góp phần phát triển các năng lực:**

- NL tự chủ, NL giải quyết vấn đề, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Đồ dùng**

- GV: + BĐ hành chính, giao thông VN, Hải Phòng

+ Lược đồ khung Việt Nam treo tường & cá nhân.

- HS: SGK, tranh, ảnh về Hải Phòng

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm, thuyết trình

- KT: đặt câu hỏi, trình bày một phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm 2

I**II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| **1.Khởi động:***(2p)*  - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ | - GV nhận xét chung, giới thiệu bài mới |
| **2. Bài mới:***(30p)*  **\* Mục tiêu:**  - Nêu được một số đặc điểm chủ yếu của thành phố Hải Phòng:  + Vị trí: ven biển, bên bờ sông Cấm  + Thành phố cảng, TT công nghiệp đóng tàu, trung tâm du lịch,...  **\* Cách tiến hành: Cá nhân- Nhóm-Lớp** | |
| **Hoạt động 1**: **Hải Phòng – thành phố cảng.**  **Nhóm 4 – Lớp**  - Các nhóm quan sát bản đồ hành chính, giao thông VN ; tranh, ảnh thảo luận, trả lời:  *+ Thành phố Hải Phòng nằm ở phía đông bắc ĐBBB; phía Bắc giáp Quảng Ninh, phía Nam giáp Thái Bình, phía tây giáp Hải Dương, phía Đông giáp Biển Đông.*  *+ Hải Phòng có những điều kiện tự nhiên thuận lợi để trở thành một cảng biển:nhiều cầu tàu lớn (để tàu câph bến); nhiều bài đất rộng và nhà kho (để chứa hàng); nhiều phương tiện (phục vụ bốc dỡ, chuyên chở hàng)*  *+ Mô tả về hoạt động của cảng Hải Phòng: Thường xuyên có nhiều tàu trong và ngoài nước cập bến; Tiếp nhận, vận chuyển một số lượng lớn hàng hoá.*  **Hoạt động 2**: **Đóng tàu là ngành công nghiệp quan trọng của Hải Phòng.** *+ So với các ngành công nghiệp khác, công nghiệp đóng tàu ở Hải Phòng có vai trò quan trọng nhất.*  *+Các nhà máy đóng tàu của Hải Phòng: nhà máy đóng tàu Bạch Đằng, cơ khí Hạ Lòng, cơ khí Hải Phòng.*  *+ Tên các sản phẩm của ngành đóng tàu ở Hải Phòng: sà lan, ca nô, tàu đánh cá, tàu du lịch,,, tàu chở khách trên sông, biển, tàu vận tải lớn...*  **Hoạt động 3**: **Hải Phòng là trung tâm du lịch.**  - Các nhóm thảo luận.  - Đại diện các nhóm trình bày kết quả trước lớp:  *+ Có bãi biển Đồ Sơn, đảo Cát Bà, có nhiều cảnh đẹp, hang động kì thú...*  *+ Có các lễ hội: chọi trâu, đua thuyền trên biển...*  *+ Có nhiều di tích lịch sử, thắng cảnh nổi tiếng: cửa biển Bạch Đằng, tượng đài Lê Chân.*  *+ Hệ thống khách sạn, nhà nghỉ đủ tiện nghi.*  - Lắng nghe  **3. Hoạt động ứng dụng** *(1p)*  - Mô tả lại những điều em biết về Hải Phòng qua bài học  **4. Hoạt động sáng tạo** *(1p)*  - Giới thiệu về 1 địa điểm du lịch ở HP mà em đã được đi hay được biết qua ti vi, sách, báo. | - YC các nhóm quan sát bản đồ hành chính, giao thông VN ; tranh, ảnh thảo luận theo gợi ý:  *+ Thành phố Hải Phòng nằm ở đâu?*  *+ Hải Phòng có những điều kiện tự nhiên thuận lợi nào để trở thành một cảng biển?*  *+ Mô tả về hoạt động của cảng Hải Phòng.*  -> GV chốt kiến thức bài học  - Dựa vào SGK trả lời các câu hỏi sau:  - YC HS dựa vào SGK trả lời các câu hỏi sau:  *+ So với các ngành công nghiệp khác, công nghiệp đóng tàu ở Hải Phòng có vai trò như thế nào?*  *+ Kể tên các nhà máy đóng tàu của Hải Phòng.*  *+ Kể tên các sản phẩm của ngành đóng tàu ở Hải Phòng.*  ***- Bổ sung: Các nhà máy đóng tàu ở Hải Phòng đã đóng được những chiếc tàu biển lớn không chỉ phục vụ cho nhu cầu trong nước mà còn xuất khẩu. Hình 3 thể hiện chiếc tàu biển có trọng tải lớn của nhà máy đóng tàu Bạch Đằng đang hạ thủy***.  - YC các nhóm dựa vào tranh, ảnh, SGK và vốn hiểu biết của bản thân, thảo luận theo gợi ý sau: *Hải Phòng có những điều kiện nào để phát triển ngành du lịch?*  ***- Bổ sung: Đến Hải Phòng, chúng ta có thể tham gia được nhiều hoạt động lí thú: nghỉ mát, tắm biển, tham quan các danh lam thắng cảnh, lễ hội, vườn quốc gia Cát Bà vừa được UNESCO công nhận là khu dự trữ sinh quyển của thế giới.*** |

**ĐIỀU CHỈNH - BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**SHTT**

**ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC TUẦN 19**

**...............................................................**

**I. MỤC TIÊU:**

- Nắm đ­­ược ưu - khuyết điểm trong tuần 19

- Phát huy ­­ưu điểm, khắc phục nh­­ược điểm.

- Biết đ­­ược phư­ơng h­­ướng tuần 20

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- GV: Nắm được ưu – khuyết điểm của HS trong tuần

- HS: Chủ tịch Hội đồng tự quản và các Trưởng ban ĐỒ DÙNG DẠY HỌC ND báo cáo.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG CHÍNH:**

***1. Khởi động***

- Lớp tham gia trò chơi: Truyền tin

***2. Lớp báo cáo hoạt động trong tuần:***

- 4 Trưởng ban lên nhận xét các thành viên trong tổ và xếp loai từng thành viên.

- Tổ viên các tổ đóng góp ý kiến.

- Chủ tịch HĐTQ lên nhận xét chung các ban.

- GV nhận xét chung:

+ Nề nếp:

.................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

+ Học tập:

.................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

***3. Ph­ương h­­ướng tuần sau:***

- Tiếp tục thi đua: Học tập tốt, thực hiện tốt nề nếp, vâng lời thầy cô, nói lời hay làm việc tốt.

.................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

***4. Lớp văn nghệ - múa hát tập thể.***

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TUẦN 20** *Thứ ....... ngày ...... tháng ..... năm .........*

**TẬP ĐỌC**

**BỐN ANH TÀI (tiếp theo)**

**1. Kiến thức**

- Hiểu ND, ý nghĩa của bài: Ca ngợi sức khoẻ, tài năng, tinh thần đoàn kết chiến đấu chống yêu tinh, cứu dân bản của bốn anh em Cẩu Khây (trả lời được các câu hỏi trong SGK).

**2. Kĩ năng**

- Biết đọc với giọng kể chuyện, bước đầu biết đọc diễn cảm một đoạn phù hợp nội dung câu chuyện.

**3. Thái độ**

- Giáo dục lòng nhiệt thành làm việc, yêu lao động.

**4. Góp phần phát triển năng lực**

**-** Năng lực tự học, NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ.

***\* KNS:*** *Tự nhận thức, xác định giá trị cá nhân, hợp tác, đảm nhận trách nhiệm.*

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: + Tranh minh hoạ bài tập đọc (phóng to nếu có điều kiện).

+ Bảng phụ viết sẵn đoạn luyện đọc

- HS: SGK, vở viết

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- Phương pháp: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm.

- Kĩ thuật: Kĩ thuật đặt câu hỏi, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBHT điều hành lớp trả lời, nhận xét  *+ Vì trẻ cần tình yêu và lời ru, trẻ cần bế bồng, chăm sóc.*  *+ Giúp trẻ hiểu biết, bảo cho trẻ ngoan, dạy trẻ biết nghĩ.* | **1. Khởi động:** *(5p)*  *+ Sau khi trẻ sinh ra,vì sao cần có ngay người mẹ?*  *+ Bố giúp trẻ những gì?*  - GV dẫn vào bài học |
| **2. Luyện đọc:** *(8-10p)*  **\* Mục tiêu:** Biết đọc với giọng kể chuyện, bước đầu biết nhấn giọng những từ ngữ miêu tả sự quyết liệt trong trận đánh nhau của 4 anh em với yêu tinh  \* **Cách tiến hành:** | |
| - 1 HS đọc bài, cả lớp đọc thầm  - Lắng nghe  - Lớp trưởng điều hành cách chia đoạn  - Bài được chia làm 2 đoạn  + Đoạn 1: Từ đầu.... yêu tinh đấy  + Đoạn 2: Đoạn còn lại  - Nhóm trưởng điều hành nhóm đọc nối tiếp đoạn trong nhóm lần 1 và phát hiện các từ ngữ khó (*vắng teo, quả núc nác, be bờ, khoét máng, núng thế, quy hàng)*  - Luyện đọc từ khó: Đọc mẫu (M4)-> Cá nhân (M1)-> Lớp  - Giải nghĩa từ khó (đọc chú giải)  - HS đọc nối tiếp đoạn lần 2 theo điều khiển của nhóm trưởng  - Các nhóm báo cáo kết quả đọc  - 1 HS đọc cả bài (M4) | - Gọi 1 HS đọc bài (M3)  - GV lưu ý giọng đọc cho HS: Toàn bài đọc với giọng kể khá nhanh; nhấn giọng những từ ngữ miêu tả trậ đánh nhau của 4 anh em và yêu tinh: *lè lưỡi dài, xanh lè, đấm một cái, túi bụi,...*  - GV chốt vị trí các đoạn:  - Lưu ý sửa lỗi đọc và ngắt nghỉ cho các HS (M1)    - Hướng dẫn giải nghĩa thêm một số từ khó:  *+ vắng teo: rất vắng, không có người ở*  *+ quy hàng: chịu thua* |
| **3. Tìm hiểu bài:** *(8-10p)*  **\* Mục tiêu:** - Hiểu ND, ý nghĩa của bài: Ca ngợi sức khoẻ, tài năng, tinh thần đoàn kết chiến đấu chống yêu tinh, cứu dân bản của bốn anh em Cẩu Khây (trả lời được các câu hỏi trong SGK).  **\* Cách tiến hành: *Làm việc nhóm 4 – Chia sẻ trước lớp*** | |
| - 1 HS đọc các câu hỏi cuối bài  - HS làm việc theo nhóm 4 – Chia sẻ kết quả dưới sự điều hành của TBHT  *+ Anh em Cẩu Khây gặp một bà cụ còn sống sót. Bà cụ nấu cơm cho họ ăn và cho họ ngủ nhờ*  *+ Yêu tinh tò đầu vào … quy hàng.*  *+ Anh em Cẩu Khây đoàn kết, có sức khoẻ, có tài năng phi thường, có lòng dũng cảm …*  **+ Câu chuyện ca ngợi sức khỏe, tài năng, tinh thần đoàn kết, hiệp lực chiến đấu quy phục yêu tinh, cứu dân làng của anh em Cẩu Khây.**  - HS ghi lại ý nghĩa của câu chuyện  - HS lắng nghe, liên hệ | - GV yêu cầu HS đọc các câu hỏi cuối bài  *+ Tới nơi yêu tinh ở, anh em Cẩu Khây gặp ai và đã được giúp đỡ như thế nào?*  *+ Thuật lại cuộc chiến đấu của bốn anh em chống yêu tinh*  *+Vì sao anh em Cẩu Khây chiến thắng được yêu tinh*  *+ Ý nghĩa của câu chuyện là gì?*  \* Lưu ý giúp đỡ hs M1+M2 trả lời các câu hỏi tìm hiểu bài.Hs M3+M4 trả lời các câu hỏi nêu nội dung đoạn, bài.  ***- Giáo dục KNS: 4 anh em Cẩu Khây, mỗi người có tài năng riêng và đã sử dụng tài năng của mình đúng lúc để diệt trừ yêu tinh. Mỗi các em cũng đều có năng lực riêng nên khi làm việc tập thể cần chọn những công việc phù hợp năng lực của mình để đạt được hiệu quả cao.*** |
| **4. Luyện đọc diễn cảm***(8-10p)*  **\* Mục tiêu:** HSđọc diễn cảm được đoạn 1, 2 của bài.  **\* Cách tiến hành: Hoạt động cá nhân – nhóm - cả lớp** | |
| - HS nêu lại giọng đọc cả bài  - 1 HS M4 đọc mẫu toàn bài  - Nhóm trưởng điều hành các thành viên trong nhóm  + Luyện đọc diễn cảm trong nhóm  + Cử đại diện đọc trước lớp  - Bình chọn nhóm đọc hay.  - Ghi nhớ nội dung bài  - Kể lại toàn bộ câu chuyện Bốn anh tài | - Yêu cầu HS nêu giọng đọc toàn bài.  - Yêu cầu đọc diễn cảm đoạn 2 của bài  - GV nhận xét, đánh giá chung  **5. Hoạt động ứng dụng** *(1 phút)*  **6. Hoạt động sáng tạo** *(1 phút)* |

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TOÁN**

***Tiết 96:* PHÂN SỐ**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Làm quen với khái niệm phân số

**2. Kĩ năng**

- Bước đầu nhận biết về phân số; biết phân số có tử số, mẫu số; biết đọc, viết phân số

**3. Thái độ**

- HS có thái độ học tập tích cực.

**4. Góp phần phát triển năng lực:**

**-** Năng lực tự học, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL tư duy - lập luận logic.

\* Bài tập cần làm: Bài 1, bài 2.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Bộ đồ dùng học Toán, bảng phụ

- HS: Sách, bút

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- Phương pháp vấn đáp, động não, thực hành, đặt và giải quyết vấn đề, hoạt động nhóm, trò chơi học tập

- Kĩ thuật đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC;**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ | **1. Khởi động:** *(5p)*  - GV giới thiệu bài – Ghi tên bài |
| **2. Hình thành kiến thức***:(15p)*  **\* Mục tiêu:** Làm quen với khái niệm phân số  **\* Cách tiến hành: Cá nhân – Nhóm- Lớp** | |
| - HS quan sát hình, trả lời các câu hỏi của GV:  *+ 6 phần bằng nhau.*  *+ 5 phần.*  - HS lắng nghe.  - HS nhận xét về cách viết PS: viết số 5, viết gạch ngang, viết số 6 dưới gạch ngang và thẳng cột với số 5.  - HS đọc: Năm phần sáu  - HS nhắc lại  *+ Viết ở dưới gạch ngang.*  *+ Hình tròn được chia thành 6 phần bằng nhau.*  - HS lắng nghe.  *+ Viết ở trên vạch ngang.*  *+ Có 5 phần bằng nhau được tô màu.*  - HS lắng nghe.  - HS làm việc cá nhân – nhóm 2 – Chia sẻ lớp  VD:  + Đã tô  hình tròn. Vì hình tròn được chia thành 2 phần bằng nhau và tô màu 1 phần. Phân số  có tử số là 1 và mẫu số là 2.  - HS đọc và nhận xét về cấu tạo của PS. cách viết TS và MS: ***Mỗi phân số có tử số và mẫu số. Tử số là số tự nhiên viết trên vạch ngang. Mẫu số là số tự nhiên khác 0 viết dưới vạch ngang.***  - HS lắng nghe. Lấy thêm VD về phân số. | **Giới thiệu phân số**  - GV treo lên bảng hình tròn (như SGK) hướng dẫn HS quan sát một hình tròn:  *+ Hình tròn đã được chia thành mấy phần bằng nhau?*  *+ Có mấy phần được tô màu?*  ***- GV: Chia hình tròn thành 6 phần bằng nhau, tô màu 5 phần. Ta nói: Đã tô màu năm phần sáu hình tròn.***  + Năm phần sáu viết thành  ***- GV giới thiệu tiếp: Ta gọi  là phân số, 5 là tử số, 6 là mẫu số.***  *+ Khi viết phân số  thì mẫu số được viết ở đâu?*  *+ Mẫu số của phân số cho em biết điều gì?*  ***=> GV nêu: Ta nói mẫu số là tổng số phần bằng nhau được chia ra. Mẫu số luôn phải khác 0.***  *+ Khi viết phân số thì tử số được viết ở đâu?*  *+ Tử số cho em biết điều gì?*  ***=> Gv nêu: Ta nói tử số là số phần bằng nhau được tô màu.***  - GV đưa ra hình tròn (như SGK) và yêu cầu HS:  + Viết PS chỉ số phần đã tô màu trong mỗi hình  + Nêu TS và MS của mỗi PS đó  - GV viết các phân số:  - GV chốt KT. |
| **3. Hoạt động thực hành** (18p)  **\* Mục tiêu**: Bước đầu nhận biết về phân số; biết phân số có tử số, mẫu số; biết đọc, viết phân số  \* **Cách tiến hành: Cá nhân – Nhóm – Lớp** | |
| - Thực hiện làm cá nhân – Chia sẻ nhóm 2 - Chia sẻ lớp  - Thực hiện theo yêu cầu của GV.  Đ/a:  .  - HS đọc các phân số, nêu TS và MS, nêu cách viết của TS và MS  - Cá nhân – Chia sẻ nhóm 2 – Chia sẻ lớp  Đ/a:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Phân số | Tử số | Mẫu số | |  | **6** | **11** | |  | **8** | **10** | |  | **5** | **12** |  |  |  |  | | --- | --- | --- | | Phân số | Tử số | Mẫu số | |  | **3** | **18** | |  | **18** | **25** | |  | **12** | **55** |   - HS làm vở Tự học – Chia sẻ lớp.  Bài 3:  ;;;;  Bài 4:  a. Năm phần chín  b. Tám phần mười bảy  c. Ba phần hai mươi bảy  d. Mười chín phần ba mươi ba  e. Tám mươi phần một trăm.  - Ghi nhớ cách đọc, viết, phân số. Lấy VD phân số  - Tìm các bài tập về phân số trong sách Toán buổi 2 và giải | **Bài 1:**  - Gọi HS đọc yêu cầu bài tập.  - GV chốt đáp án.  - GV lưu ý HS cách trình bày PS trong giấy ô li sao cho đẹp  **Bài 2:**  - GV treo bảng phụ có kẻ sẵn bảng số như trong bài tập.  - GV nhận xét, chốt đáp án đúng.  \* Lưu ý giúp đỡ hs M1+M2    ***Bài 3+ Bài 4* *(bài tập chờ dành cho HS hoàn thành sớm)***  - Chốt cách tính diện tích hình chữ nhật  **4. Hoạt động ứng dụng *(1p)***  **5. Hoạt động sáng tạo *(1p)*** |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**KHOA HỌC (CT HIỆN HÀNH)**

**KHÔNG KHÍ BỊ Ô NHIỄM**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Biết được thế nào là không khí sạch, thế nào là không khí bị ô nhiễm.

- Tác hại của không khí bị ô nhiễm

**2. Kĩ năng**

- Nêu được một số nguyên nhân gây ô nhiễm không khí: khói, khí độc, các loại bụi, vi khuẩn,…

**3. Thái độ**

- Có ý thức bảo vệ bầu không khí trong sạch.

**4. Góp phần phát triển các năng lực:**

- NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL hợp tác,...

***\* KNS:*** *- Tìm kiếm và xử lí thông tin về các hành động gây ô nhiễm môi trường*

*- Xác định giá trị bản thân qua đánh giá các hành động liên quan tới ô nhiễm không khí*

*- Trình bày, tuyên truyền về việc bảo vệ bầu không khí trong sạch*

*- Lựa chọn giải pháp bảo vệ môi trường không khí*

***\* BVMT:*** *Ô nhiễm không khí, nguồn nước*

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Hình trang 78, 79 SGK.

- HS: Sưu tầm các hình vẽ, tranh ảnh về cảnh thể hiện bầu không khí trong sạch, bầu không khí bị ô nhiễm.

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: quan sát, hỏi đáp, thảo luận, trò chơi học tập, thí nghiệm.

- KT: Động não, chia sẻ nhóm đôi, tia chớp

**II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt đông của của học sinh** | **Hoạt đông của giáo viên** |
| - HS chơi dưới sự điều hành của TBHT  *+ Bão gây thiệt hại về nhà cửa, mùa màng và con người,…*  *+ Cần phòng chống bão.....* | **1. Khởi động *(4p)***  Trò chơi: ***Hộp quà bí mật***  *+ Nêu tác hại do bão gây ra?*  *+ Cần làm gì để hạn chế tác hại của bão?*  - GV nhận xét, khen/ động viên, dẫn vào bài mới. |
| **2. Bài mới:***(30p)*  **\* Mục tiêu:**  - Biết được thế nào là không khí sạch, thế nào là không khí bị ô nhiễm.  - Nêu được một số nguyên nhân gây ô nhiễm không khí: khói, khí độc, các loại bụi, vi khuẩn,…  - Tác hại của không khí bị ô nhiễm  **\* Cách tiến hành: Cá nhân-Nhóm –Lớp** | |
| **Nhóm 2 –Lớp**  - Quan sát hình SGK.  + Hình 2: Không khí sạch vì bầu không khí trong lành, không có khói bụi  + Hình 1, 3, 4: Không khí bẩn vì có nhiều khói bụi, hoá chất độc hại.  - Nhắc lại một số tính chất của không khí, từ đó rút ra nhận xét, phân biệt không khí sạch và không khí bẩn.  - HS trả lời  - HS lắng nghe, đọc nội dung bài học  **Cá nhân – lớp**  *+ Nguyên nhân làm không khí bị ô nhiễm là do khí thải của các nhà máy; khói, bụi, khí độc do các phương tiện giao thông thải ra; khí độc, vi khuẩn do rác thải sinh ra …*  *+ Làm hại tới sức khoẻ của con người và các sinh vật khác....*  - HS nêu  - HS nêu. VD:  + Không xả rác bừa bài.  + Trồng nhiều cây xanh.  + Vẽ tranh truyên truyền mọi người cùng bảo vệ bầu không khí  - Vẽ và trưng bày tranh vẽ về bảo vệ bầu không khí trong sạch | **HĐ1: Tìm hiểu về không khí ô nhiễm và không khí sạch**:  + GV yêu cầu HS quan sát hình1, 2, 3, 4 và trả lời và chỉ ra hình nào thể hiện bầu không khí trong sạch, hình nào thể hiện bầu không khí bị ô nhiễm? Giải thích tại sao  *+ Vậy thế nào là không khí sạch, thế nào là không khí bị ô nhiễm?*  => **Kết luận**:  ***+ Không khí sạch là không khí trong suốt, không màu, không mùi, không vị; chỉ chứa khói, bụi, khí độc, vi khuẩn với một tỉ lệ thấp; không làm hại đến sức khỏe con người***  ***+ Không khí bẩn hay ô nhiễm là không khí có chứa một trong các loại khói, khí độc, các loại bụi, vi khuẩn quá tỉ lệ cho phép; có hại cho sức khỏe con người và các sinh vật khác.***  **HĐ2**: **Nguyên nhân gây ô nhiễm không khí** **– Tác hại của không khí ô nhiễm**  *+ Theo em những nguyên nhân nào làm cho không khí bị ô nhiễm?* (liên hệ thức tế và hiểu biết của em)  *+ Nêu tác hại của không khí bị ô nhiễm?*  **3. HĐ ứng dụng *(1p)***  \* GDKNS: *Bầu không khí ở địa phương em hiện nay như thế nào?*  \*GD BVMT: *Em cần làm gì để bảo vệ bầu không khí trong sạch?*  **4. HĐ sáng tạo *(1p)*** |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

..............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

*Thứ ....... ngày ...... tháng ..... năm .........*

**KĨ NĂNG SỐNG**

**SỬ DỤNG BÌNH CỨU HOẢ**

**CHÍNH TẢ**

**CHA ĐẺ CỦA CHIẾC LỐP XE ĐẠP**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức:**

- Nghe – viết lại đúng chính tả, trình bày đúng một đoạn văn*,* bài viết không mắc quá 5 lỗi trong bài

- Làm đúng BT2a, BT 3a phân biệt ch/tr

**2. Kĩ năng:**

**-** Rèn kĩ năng viết đẹp, viết đúng chính tả.

**3. Thái độ:**

**-** Giáo dục tính cẩn thận, chính xác, yêu thích chữ viết

**4. Góp phần phát triển năng lực:**

**-** NL tự chủ và tự học, NL sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Bảng phụ, phiếu học tập.

- HS: Vở, bút,...

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- Phương pháp vấn đáp, động não, quan sát, thực hành, đặt và giải quyết vấn đề, hoạt động nhóm, trò chơi học tập.

- Kĩ thuật đặt câu hỏi, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ | **1. Khởi động: (***2p***)**  ***-*** GV dẫn vào bài mới |
| **2. Chuẩn bị viết chính tả:** *(6p)*  **\* Mục tiêu:** HS hiểu được nội dung bài CT, viết được các từ khó, dễ lẫn và các hiện tượng chính tả, cách viết đoạn văn.  **\* Cách tiến hành:** | |
| - 1 HS đọc- HS lớp đọc thầm  *+ Nói về sự ra đời của chiếc lốp xe đạp*.  *+ Đân – lớp*  *-* HS nêu từ khó viết*: nẹp sắt, xóc, Đân-lớp, suýt ngã, săm,....*  *-* Viết từ khó vào vở nháp | \* Trao đổi về nội dung đoạn cần viết  - Gọi HS đọc đoạn văn cần viết  *+ Bài văn nói về điều gì?*  *+ Ai là người đầu tiên phát minh ra chiếc lốp xe đạp bằng cao su?*  - Hướng dẫn viết từ khó: Gọi HS nêu từ khó, sau đó GV đọc cho HS luyện viết. |
| **3. Viết bài chính tả:** *(15p)*  **\* Mục tiêu:** Hs nghe - viết tốt bài chính tả theo hình thức đoạn văn.  **\* Cách tiến hành:** | |
| - HS nghe - viết bài vào vở | - GV đọc bài cho HS viết  - GV theo dõi và nhắc nhở, giúp đỡ HS viết chưa tốt.  - Nhắc nhở cách cầm bút và tư thế ngồi viết. |
| **4. Đánh giá và nhận xét bài:** *(5p)*  **\* Mục tiêu:** Giúp HS tự đánh giá được bài viết của mình và của bạn. Nhận ra các lỗi sai và sửa sai  **\* Cách tiến hành: Cá nhân- Cặp đôi** | |
| - Học sinh xem lại bài của mình, dùng bút chì gạch chân lỗi viết sai. Sửa lại xuống cuối vở bằng bút mực  - Trao đổi bài (cặp đôi) để soát hộ nhau  - Lắng nghe. | - Cho học sinh tự soát lại bài của mình theo.  - GV nhận xét, đánh giá 5 - 7 bài  - Nhận xét nhanh về bài viết của HS |
| **5. Làm bài tập chính tả:** *(5p)*  **\* Mục tiêu:** Giúp HS phân biệt được ch/tr  **\* Cách tiến hành: Cá nhân - Cặp đôi - Chia sẻ trước lớp** | |
| Đáp án: *chuyền, trong, chim, trẻ*  Đáp án: *đãng* ***trí****,* ***chẳng*** *thấy, xuất* ***trình****,*  *+ Đáng cười là ở chi tiết nhà bác học tìm vé không phải để xuất trình mà để biết xem mình xuống ga nào do nhà bác học chỉ chú ý đến công trình nghiên cứu mà quên cả những điều bình thường*  - Viết lại 5 lần các từ viết sai trong bài chính tả  - Lấy VD để phân biệt các từ chung/ trung | **Bài 2a:** Tìm và viết các từ ngữ chứa tiếng bắt đầu bằng s/x  **Bài 3a:**  *+ Câu chuyện có gì đáng cười?*  **6. Hoạt động ứng dụng** *(1p)*  **7. Hoạt động sáng tạo** *(1p)* |

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TOÁN**

***Tiết 97:* PHÂN SỐ VÀ PHÉP CHIA SỐ TỰ NHIÊN**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Biết được thương của phép chia một số tự nhiên cho một số tự nhiên (khác 0) có thể viết thành một phân số; tử số là số bị chia, mẫu số là số chia.

**2. Kĩ năng**

- Biết cách viết thương của các phép chia số tự nhiên dưới dạng phân số (PS có TS bé hơn MS), biểu diễn được các số tự nhiên dưới dạng phân số có mẫu số là 1

**3. Thái độ**

- HS tích cực, cẩn thận khi làm bài

**4. Góp phần phát huy các năng lực**

**-** Năng lực tự học, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL tư duy - lập luận logic.

\* BT cần làm: Bài 1, bài 2 (2 ý đầu), bài 3

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Phiếu học tập, hình vẽ SGK

- HS: SGK,.

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm

- Kĩ thuật: đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của HS** | **Hoạt động của GV** |
| - TBHT điều hành lớp tham gia trò chơi | **1. Khởi động *(5p)***  Trò chơi***: Bắn tên***  - Viết phân số: 3/2; 4/7; 5/3;....  - GV nhận xét chung - Giới thiệu bài mới |
| **2. Hình thành KT (30p)**  **\* Mục tiêu:** Biết được thương của phép chia một số tự nhiên cho một số tự nhiên (khác 0) có thể viết thành một phân số; tử số là số bị chia, mẫu số là số chia.  **\* Cách tiến hành:** **Cá nhân- Nhóm – Lớp** | |
| + Mỗi bạn được 8: 4 = 2 (quả cam)  *+ Là các số tự nhiên.*  - HS lắng nghe.  - HS lắng nghe.  + *Không thể thực hiện được vì 3 không chia hết cho 4*  - HS thảo luận nhóm 2 và chia sẻ: Chia đều mỗi cái bánh thành 4 phần bằng nhau sau đó chia cho 4 bạn, mỗi bạn nhận được 3 phần bằng nhau của cái bánh. Vậy mỗi bạn nhận được  cái bánh.  *+ Vậy 3: 4 =*  - HS đọc: 3 chia 4 bằng  *+ Thương trong phép chia 8: 4 = 2 là một số tự nhiên còn thương trong phép chia 3: 4 =  là một phân số.*  *+ Số bị chia là tử số của thương và số chia là mẫu số của thương.*  - HS lắng nghe và nhắc lại  - HS nêu ví dụ | **a) Trường hợp thương là 1 số tự nhiên:**  Bài toán 1: Có 8 quả cam chia đều cho 4 em. Hỏi mỗi em được mấy quả cam?  *+ Các số 8, 4, 2 được gọi là các số gì?*  **=> *GV nhận xét và kết luận: Khi thực hiện chia 1 số tự nhiên cho 1 số tự nhiên khác 0, ta có thể tìm được thương là 1 số tự nhiên. Nhưng, không phải lúc nào ta cũng có thể thực hiện được như vậy.***  **b) Trường hợp thương là phân số:**  Bài toán 2: Có 3 cái bánh chia đều cho 4 em. Hỏi mỗi em được bao nhiêu phần của cái bánh?  *+ Em có thể thực hiện phép chia 3: 4 tương tự như thực hiện 8: 4 được không?*  - Hãy tìm cách chia đều 3 cái bánh cho 4 bạn.  => GV: *Có 3 cái bánh chia đều cho 4 bạn thì mỗi bạn nhận được  cái bánh.*  *Vậy 3: 4 =?*  - GV nhận xét, ghi bảng: 3: 4 =  *+ Thương trong phép chia 3: 4 =  có khác gì so với thương trong phép chia 8: 4 = 2 không?*  *+ Em có nhận xét gì về tử số và mẫu số của thương  và số bị chia, số chia trong phép chia 3: 4?*  ***=> GV nhận xét, kết luận: Thương của phép chia số tự nhiên cho số tự nhiên (khác 0) có thể viết thành một phân số, tử số là số bị chia, mẫu số là số chia.*** |
| **3. Hoạt động thực hành***:(18p)*  **\* Mục tiêu:** Biết cách viết thương của các phép chia số tự nhiên dưới dạng phân số, biểu diễn được các số tự nhiên dưới dạng phân số có mẫu số là 1  **\* Cách tiến hành:** Cá nhân, nhóm, cả lớp. | |
| - Thực hiện cá nhân – Chia sẻ nhóm 2 - Chia sẻ lớp  Đ/á:  7: 9 =  5: 8 =  6: 19 =  1: 3 =  - Cá nhân – Nhóm 2 – Lớp  Đ/á:  36: 9 =  = 4 ; 88: 11 =  = 8  0: 5 =  = 0 ; 7: 7 =  = 1  - Cá nhân – Lớp  Đ/á:  6 =  ; 1 =  ; 27 =  ;  0 = ; 3 =  + *Mọi số tự nhiên đều có thể viết thành phân số có mẫu số là 1.*  - 2- 3 HS nhắc lại kết luận (b).  - Ghi nhớ KT của bài  - Tìm các bài tập cùng dạng trong sách buổi 2 và giải. | **Bài 1**: Viết thương của các phép chia sau dưới dạng phân số  - GV chốt đáp án.  - Củng cố cách viết thương của các phép chia sau dưới dạng phân số  **Bài 2 (2 ý đầu)**: **HSNK làm cả bài.**  - Gọi HS đọc yêu cầu bài tập.  - Chú ý HS: *Khi TS chia hết cho MS thì ta lấy TS chia cho MS để được thương là một số tự nhiên.*  - GV chốt đáp án.  **Bài 3**:  a) Viết mỗi số tự nhiên dưới dạng 1 phân số có mẫu số bằng 1 (theo mẫu)  - GV nhận xét, đánh giá bài làm trong vở của HS  b) *Qua bài tập a, em thấy mọi số tự nhiên đều có thể viết dưới dạng phân số như thế nào?*  => GV nhận xét, kết luận.  **4. Hoạt động ứng dụng** *(1p)*  **5. Hoạt động sáng tạo** *(1p)* |

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

...

**LỊCH SỬ (CT HIỆN HÀNH)**

**CHIẾN THẮNG CHI LĂNG**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- Nắm được một số sự kiện về khởi nghĩa Lam Sơn (tập trung vào trận Chi Lăng):

+ Nguyên nhân

+ Diễn biến trận Chi Lăng

+ Kết quả

+ Ý nghĩa: Đập tan mưu đồ cứu viện thành Đông Quan của quân Minh, quân Minh phải xin hàng và rút về nước.

- Nắm được việc nhà Hậu Lê được thành lập:

\* HS khá, giỏi: Nắm được lí do vì sao quân ta lựa chọn ải Chi Lăng làm trận địa đánh địch và mưu kế của quân ta trong trận Chi Lăng: Ải là vùng núi hiểm trở, đường nhỏ hẹp, khe sâu, rừng cây um tùm; giả vờ thua để nhử địch vào ải, khi giặc vào đầm lầy thì quân ta phục sẵn ở hai bên sườn núi đồng loạt tấn công.

**2. Kĩ năng**

- Rèn kĩ năng sử dụng lược đồ, thuyết trình, kể chuyện.

**3. Thái độ**

- Có tinh thần học tập nghiêm tục, tôn trọng lịch sử

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL ngôn ngữ, NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: + Phiếu học tập cho HS.

+ Tranh minh hoạ như SGK ( nếu có ).

- HS: SGK, bút

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm.

- KT: Kĩ thuật đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBHTđiều hành lớp trả lời, nhận xét:  *+ Vua quan ăn chơi sa đoạ, đời sống nhân dân cực khổ....*  *+ Hồ Quý Ly truất ngôi vua Trần, lập nên nhà Hồ....* | **1.Khởi động:***(4p)*  *+ Tình hình nước ta cuối thời Trần như thế nào?*  *+ Nhà Hồ được thành lập ra sao?*  - GV dẫn vào bài mới |
| **2. Bài mới:***(30p)*  **\* Mục tiêu:**  - Nắm được nguyên nhân, diễn biến, kết quả và ý nghĩa của trận Chi Lăng.  - Sự ra đời của nhà Hậu Lê  **\* Cách tiến hành*: Cá nhân – Nhóm - Lớp*** | |
| - HS đọc mục chữ nhỏ  - Theo dõi GV trình bày để nắm được nguyên nhân của cuộc khởi nghĩa  - Nêu lại nguyên nhân.  - HS làm việc nhóm 2 – Chia sẻ lớp  *+ Địa hình hiểm trở, 2 bên là núi cao đường hẹp, giữa khe sâu, cây cối um tùm*  *+ Kị binh của ta ra nghênh chiến rồi bỏ chạy.*  *+ Kị binh của Liễu Thăng ham đuổi nên đã bỏ xa hàng vạn quân bộ chạy theo sau.*  *+ Khi ngựa của chúng lội bì bõm giữa đầm lầy, lúc đó quân từ 2 bên ải bắn tên xuống như mưa không có đường tháo chạy. Liễu Thăng và đám kị binh tối tăm mặt mũi. Liễu Thăng bị giết*  *+ Quân bộ theo sau cũng bị phục kích 2 bên sườn núi và lòng khe nhất tề xông ra tấn công, quân địch hoãng loạn hàng vạn quân Minh bị chết số còn lại tháo chạy*  - HS thuật lại toàn bộ diễn biến của trận đánh.  *+ Liễu Thăng bị giết. Hàng vạn quân Minh bị chết, số còn lại rút chạy*  *+ Âm mưu chi viện cho Đông Quan của nhà Minh bị tan vỡ. Quân Minh đầu hàng rút về nước. Lê Lợi lên ngôi hoàng đế năm 1428. Nhà Hậu Lê bắt đầu từ đây.*  *+ Chọn địa hình hiểm trở, khiêu chiến, đánh úp.*  - Kể chuyện lịch sử về Lê Lợi. | 1. **Nguyên nhân của cuộc khởi nghĩa**  - Trình bày bối cảnh dẫn tới trận Chi Lăng: Cuối năm 1406, quân Minh xâm lược nước ta. Nhà Hồ không đoàn kết được toàn dân nên cuộc kháng chiến thất bại (1407). Dưới ách đô hộ của nhà Minh, nhiều cuộc khởi nghĩa của nhân dân ta đã nổ ra, tiêu biểu là cuộc khởi nghĩa Lam Sơn do Lê Lợi khởi xướng. Năm 1418, từ vùng núi Lam Sơn (Thanh Hóa), cuộc khởi nghĩa Lam Sơn ngày càng lan rộng ra cả nước. Năm 1426, quân Minh bị quân khởi nghĩa Lam Sơn bao vây ở Đông Quan (Thăng Long). Vương Thông, tướng chỉ huy quân Minh hoảng sợ, một mặt xin hòa, mặt khác bí mật sai người về nước xin quân cứu viện. Liễu Thăng chỉ huy 10 vạn quân kéo vào nước ta theo đường Lạng Sơn (đây là nguyên nhân dẫn đến trận chiến Chi lăng)  **2. Diễn biến của cuộc khỡi nghĩa**  *+Tại sao chọn ải Chi Lăng làm trận địa?*  - Cho HS quan sát hình ảnh ải Chi Lăng  *+ Khi quân Minh đến trước ải Chi Lăng, kị binh ta đã hành động như thế nào?*  *+ Kị binh của nhà Minh đã phản ứng thế nào trước hành động của quân ta?*  *+ Kị binh của nhà Minh đã bị thua trận ra sao?*  *+ Bộ binh của nhà Minh bị thua trận như thế nào?*  - Yc HS thuật lại trận đánh  **3. Kết quả và ý nghĩa:**  - Nêu kết quả và ý nghĩa của trận Chi Lăng?  **3. Hoạt động ứng dụng** *(1p)*.  *+ Trong trận Chi Lăng, nghĩa quân Lam Sơn đã thể hiện sự thông minh như thế nào?*  - Giáo dục lòng tự hào đất nước và truyền thống đánh giặc ngoại xâm của cha ông.  **4. Hoạt động sáng tạo** *(1p)* |

**ĐIỀU CHỈNH-BỔ SUNG**

..........................................................................................................................................................................................................................................................................

.....................................................................................................................................

*Thứ ....... ngày ...... tháng ..... năm .........*

**LUYỆN TỪ VÀ CÂU**

**LUYỆN TẬP VỀ CÂU KỂ AI LÀM GÌ?**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Củng cố KT về câu kể Ai làm gì?

**2. Kĩ năng**

- Nhận biết được câu kể đó trong đoạn văn (BT1), xác định được bộ phận CN, VN trong câu kể tìm được (BT2).

- Viết được đoạn văn có dùng kiểu câu Ai làm gì? (BT3).

\* HSNK viết được đoạn văn (ít nhất 5 câu) có 2, 3 câu kể đã học (BT3).

**3. Thái độ**

- HS có thái độ học tập tích cực, sử dụng đúng câu kể khi nói và viết

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL tự học, NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Bảng phụ viết sẵn đoạn văn BT1.

- HS: VBT, bút

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Quan sát, hỏi đáp, thảo luận nhóm.

- KT: Kĩ thuật đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của HS** | **Hoạt động của GV** |
| - TBHT điều hành lớp trả lời, nhận xét  *+ Câu kể Ai làm gì gồm có 2 bộ phận: Chủ ngữ và Vị ngữ.CN trả lời cho câu hỏi Ai? (cái gì?con gì)VN trả lời cho câu hỏi Làm gì?*  - HS nối tiếp lấy VD về câu kể Ai làm gì? | 1**. Khởi động** (5p)  *+ Nêu cấu tạo của câu kể Ai làm gì?*  *+ Lấy VD về câu kể Ai làm gì?*  - GV nhận xét, đánh giá chung, giới thiệu và dẫn vào bài mới |
| **2. HĐ luyện tập** *:(30 p)*  **\* Mục tiêu:** Nắm vững kiến thức và kĩ năng sử dụng câu kể Ai làm gì? để nhận biết được câu kể đó trong đoạn văn (BT1), xác định được bộ phận CN, VN trong câu kể tìm được (BT2). Viết được đoạn văn có dùng câu kể Ai làm gì? trong BT 3  **\* Cách tiến hành: Cá nhân - Nhóm - Cả lớp** | |
| **Nhóm 2- Chia sẻ lớp**  - HS đọc nội dung BT.  - Thảo luận nhóm đôi và nêu kết quả.  + Các câu kể trong bài tập: Câu 3, 4, 5,7.  *+ Các câu miêu tả hoạt động của sự vật là câu kể Ai làm gì?*  **Cá nhân – Nhóm 2 – Chia sẻ lớp**  - HS đọc yêu cầu bài tập.  Đáp án:  C3: **Tàu chúng tôi** / buông neo trong vùng đảo Trường Sa  C4: **Một số chiến sĩ** / thả câu.  C5: **Một số khác** / quây quần trên boong sau ca hát, thổi sáo.  C7**: Cá heo** / gọi nhau quây đến quanh tàu như để chia vui.  **Cá nhân – Chia sẻ lớp**  - Tiếp nối nhau đọc đoạn văn đã viết, nói rõ câu nào là câu kể *Ai làm gì?*.  - Cả lớp nhận xét, chữa lỗi cho bạn  - Chữa các lỗi sai trong bài tập 3  - Xác định CN và VN trong các câu kể Ai làm gì? vừa viết trong bài tập3 | **Bài 1**:  - Gọi HS đọc yêu cầu và nội dung.  - GV chốt đáp án:  *+ Dấu hiệu nào giúp em nhận biết đó là câu kể Ai làm gì?*  **Bài 2**: Tìm chủ ngữ và vị ngữ trong từng câu trên.  - Chốt đáp án:  - Yêu cầu đặt câu cho bộ phận CN và VN trong từng câu.  **Bài 3**:  - Gọi HS đọc yêu cầu.  - YC HS tự làm bài. Chú ý HS viết đoạn văn phải có câu mở đoạn và câu kết đoạn  - Nhận xét, khen/ động viên.  **4. HĐ ứng dụng** (1p)  **5. HĐ sáng tạo** (1p) |

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TOÁN**

***Tiết 98:* PHÂN SỐ VÀ PHÉP CHIA SỐ TỰ NHIÊN (tiếp theo)**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Biết được thương của phép chia một số tự nhiên cho một số tự nhiên (khác 0) có thể viết thành một phân số

**2. Kĩ năng**

- Biểu diễn được thương của phép chia 2 số tự nhiên dưới dạng PS (PS có TS lớn hơn MS)

- Bước đầu biết so sánh phân số với 1.

**3. Thái độ**

- Tích cực, tự giác học bài, trình bày bài sạch sẽ, khoa học

**4. Góp phần phát triển các kĩ năng**

- Năng lực tự học, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL tư duy - lập luận logic.

\* BT cần làm: Bài 1, bài 3

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Hình vẽ minh hoạ SGK.

- HS: Bộ đồ dùng học Toán 4

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Quan sát, hỏi - đáp, thảo luận nhóm.

- KT: đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của HS** | **Hoạt động của GV** |
| - TBHT điều hành lớp trả lời, nhận xét. | **1. HĐ khởi động *(3p)***  + Bạn hãy viết thương của mỗi phép chia sau dưới dạng phân số?  7:9; 5:8; 6:12;...  - GV nhận xét chung, dẫn vào bài mới |
| **2. Hình thành kiến thức** *(15p)*  **\* Mục tiêu:** Biết được thương của phép chia một số tự nhiên cho một số tự nhiên (khác 0) có thể viết thành một phân số; biết cách so sánh một phân số với 1  **\* Cách tiến hành: Cá nhân – Lớp** | |
| - 1HS đọc ví dụ và quan sát hình minh hoạ, trả lời các câu hỏi:  *+ 4 phần.*  *+ 1 phần.*  *+ 5 phần.*  - HS lắng nghe.    - 1HS đọc lại ví dụ và quan sát hình minh hoạ cho ví dụ- nêu cách chia.  *+ Mỗi người được  quả cam*.  + 5: 4 =  *+  quả cam nhiều hơn 1 quả cam vì  quả cam là 1 quả cam thêm  quả cam.*  *> 1*  *+ Phân số  có tử số lớn hơn mẫu số*.  - HS nhắc lại.  *+ PS có TS lớn hơn MS*  - HS nêu lại. Lấy VD phân số lớn hơn 1.  + 4: 4 =  ; 4: 4 = 1  - HS nêu kết luận và lấy VD minh hoạ | **a) Biểu diễn thương của phép chia 2 số tự nhiên dưới dạng PS**  **\* Ví dụ 1:**  - Gv nêu ví dụ 1 và vẽ hình lên bảng.  *+ Vân đã ăn 1 quả cam tức là ăn được mấy phần?*  ***- GV nêu: ta nói Vân ăn 4 phần hay  quả cam.***  *+ Vân ăn thêm quả cam tức là ăn thêm mấy phần nữa?*  *+ Như vậy Vân đã ăn tất cả mấy phần?*  ***- GV nêu: Ta nói Vân ăn 5 phần hay  quả cam.***  ***=>KL: Mỗi quả cam được chia thành 4 phần bằng nhau, Vân ăn 5 phần, vậy số cam Vân đã ăn là  quả cam.***  **\* Ví dụ 2:**  **-** Gv nêu ví dụ 2 và vẽ hình như SGK.  *+ Chia đều 5 quả cam cho 4 người thì mỗi người được mấy quả cam?*  **=> GV nhắc lại: Chia đều 5 quả cam cho 4 người thì mỗi người được  quả cam.** *Vậy 5: 4 =?*  Vậy có thể biểu diễn thương của phép chia 5 cho 4 đưới dạng PS là:  **b. So sánh 1 phân số với 1:**  **+** quả cam và 1 quả cam thì bên nào có nhiều cam hơn? Vì sao?  + So sánh  và 1.  *+ Hãy so sánh mẫu số và tử số của phân số ?*  *+ Vậy những PS như thế nào thì lớn hơn 1?*  => GV kết luận 1: ***Những phân số có tử số lớn hơn mẫu số thì lớn hơn 1.***  - Hướng dẫn HS tìm hiểu tiếp để rút ra các kết luận  => GV kết luận 2: ***Các phân số có tử số và mẫu số bằng nhau thì bằng 1****.*  => GV kết luận 3: ***Những phân số có tử số nhỏ hơn mẫu số thì nhỏ hơn 1.***  \* Lưu ý giúp đỡ hs M1+M2 |
| - Làm cá nhân - Chia sẻ lớp  Đ/a:  9: 7 =  8: 5 =  19: 11 =  3: 3 =  2: 15 =  Cá nhân – Chia sẻ nhóm 2 – Chia sẻ lớp  Đ/a:  a) < 1 ; < 1 ; < 1  b)  = 1 ;  c)  > 1 ; > 1  - HS quan sát hình vẽ, nêu đáp án đúng  + Hình 1: Phân số:  + Hình 2: Phân số:  - Lấy VD về phép chia số tự nhiên cho số tự nhiên và biểu diễn dưới dạng phân số  - Tìm các bài tập cùng dạng trong sách buổi 2 và giải. | **Bài 1**: Viết thương của phép chia dưới dạng phân số.  - GV chốt đáp án.  - Củng cố cách viết thương của phép chia dưới dạng phân số.  - Lưu ý trợ giúp hs M1+M2  **Bài 3:** Trong các phân số …  a) Phân số nào bé hơn 1  b) Phân số nào bằng 1.  c) Phân số nào lớn hơn 1  - GV chốt đáp án.  - Củng cố cách so sánh phân số với 1.  ***Bài 2 (bài tập chờ dành cho HS hoàn thành sớm)***  **4. Hoạt động ứng dụng** (1p)  **5. Hoạt động sáng tạo** (1p) |

**ĐIỀU CHỈNH-BỔ SUNG**

...................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**ĐẠO ĐỨC**

**KÍNH TRỌNG, BIẾT ƠN NGƯỜI LAO ĐỘNG *(tiết 2)***

**I.MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Biết vì sao cần phải kính trọng và biết ơn người lao động.

**2. Kĩ năng**

- Bước đầu biết cư xử lễ phép với những người lao động và biết trân trọng, giữ gìn thành quả lao động của họ.

**3. Thái độ**

- Có ý thức kính trọng và biết ơn người lao động

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL tự học, NL giải quyết vấn đề, NL hợp tác, sáng tạo

***\* KNS:*** *- Tôn trọng giá trị sức lao động.*

*- Thể hiện sự tôn trọng, lễ phép với người lao động.*

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Một số đồ dùng cho trò chơi đóng vai.

- HS: SGK, SBT

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm, trò chơi, đóng vai.

- KT: động não, tia chớp, chia sẻ nhóm 2

**III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của HS** | **Hoạt động của GV** |
| -TBHT điều hành lớp trả lời, nhận xét  + 1 HS kể  + Vì các bạn cho rằng nghề của bố mẹ bạn Hà là người lao động bình thường, không đáng kính trọng …  + HS nối tiếp giới thiệu | **1. Khởi động:***(2p)*  - Kể lại câu chuyện: Buổi học đầu tiên  + Vì sao một số bạn trong lớp lại cười khi nghe bạn Hà giới thiệu về nghề nghiệp của bố mẹ mình?  + Hãy giới thiệu về nghề nghiệp của bố mẹ bạn?  - Nhận xét, chuyển sang bài mới |
| **2. Bài mới** *(30p)*  **\* Mục tiêu:** Biết cư xử lễ phép với những người lao động và tôn trọng những người lao động xung quanh  **\* Cách tiến hành: Cá nhân-Nhóm-Lớp** | |
| **Nhóm 2 – Lớp**  Đáp án: Hành động ở ý a, c, d, đ, e, g  - HS giải thích về sự chọn lựa của mình.  - HS kể  - HS liên hệ  **Nhóm 4 – Lớp**  \* Lớp chia thành các nhóm 4: đóng vai theo tình huống, sau đó thực hiện trước lớp:  + Cảm ơn bác (nhận thư bằng 2 tay). Mời bác vào nhà uống nước ạ.  + Hân: Các ban ạ, mỗi người có một quê hương. Tiếng nói là phong tục tập quán của họ, chúng ta nhại tiếng họ là không nên.  + Các bạn ơi chúng mình ngồi đây chơi yên tĩnh để bố mình còn làm việc nhé.  **Nhóm 6 – Lớp**  - HS trình bày kết quả theo nhóm. Báo cáo kết quả trước lớp.  + Các bài thơ, bài hát  + Các bức tranh đã vẽ  - Thực hiện kính trọng và biết ơn người lao động trong cuộc sống hàng ngày.  - Trưng bày tranh vẽ về người lao động | **\* Hoạt động 1: Chọn lựa hành vi**  - Yêu cầu HS chọn lựa các hành vi thể hiện sự kính trọng, biết ơn người lao động  *+ Hãy kể những hành động khác thể hiện kính trọng, biết ơn người lao động và không kính trọng, biết ơn người lao động?*  *+ Em đã làm được những hành động nào và chưa làm được hành động nào trong các hành động trên?*  **\*Hoạt động 2**: **Đóng vai: (***Bài tập 4)*  - Gọi HS đọc và xác định yêu cầu bài tập.  - Chia lớp thành các nhóm 4: đóng vai theo tình huống, sau đó thực hiện trước lớp  **Tình huống 1**: Trưa hè bác đưa thư mang thư tới cho nhà tư. Tư sẽ ......  **Tình huống 2**: Hân nghe một số bạn trong lớp nhại tiếng bà bán hàng rong. Hân sẽ …  **Tình huống 3**: Các bạn của Lan đến chơi và nô đùa trong lúc bố của Lan đang làm việc ở góc phòng. Lan sẽ …  - GV khen nhóm sắm vai tốt, nhận xét cách ứng xử tình huống của mỗi nhóm  **\*Hoạt động 2**: **Trưng bày sản phẩm** (bài 5+ bài 6)  **-**  Sưu tầm các câu ca dao, tục ngữ, thơ, bài hát nói về người lao động,  **-**  Kể, viết, vẽ về 1 người lao động mà em thích  **3. HĐ ứng dụng** *(1p)*  **4. HĐ sáng tạo *(1p)*** |

**ĐIỀU CHỈNH-BỔ SUNG**

..............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**KỂ CHUYỆN**

**KỂ CHUYỆN ĐÃ NGHE, ĐÃ ĐỌC**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Hiểu nội dung câu chuyện và biết trao đổi về ý nghĩa của câu chuyện.

**2. Kĩ năng:**

- Dựa vào gợi ý trong SGK, chọn và kể lại được câu chuyện (đoạn truyện) đã nghe, đã đọc nói về một người có tài.

**3. Thái độ**

- Giáo dục HS biết học tập và noi theo những người có tài

**4. Góp phần bồi dưỡng các năng lực**

- NL giao tiếp và hợp tác, NL sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Bảng phụ, Sách Truyện đọc 4

- HS: SGK

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm, kể chuyện

- KT: đặt câu hỏi, động não, chia sẻ nhóm.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBHT điều hành lớp trả lời, nhận xét  + Câu chuyện phê phán những người vô ơn, bạc ác. | **1. Khởi động***:(5p)*  + Kể lại câu chuyện Bác đánh cá và gã hung thần  + Nêu ý nghĩa câu chuyện  - Gv dẫn vào bài. |
| **2. Tìm hiểu, lựa chọn câu chuyện phù hợp** *(8p)*  **\* Mục tiêu:**  Dựa vào gợi ý trong SGK, chọn và kể lại được câu chuyện (đoạn truyện) đã nghe, đã đọc nói về một người có tài.  **\* Cách tiến hành: Cá nhân-Nhóm-Lớp** | |
| - 1 HS đọc to, lớp theo dõi trong SGK.  - Lắng nghe  - Một số HS nối tiếp nhau giới thiệu tên câu chuyện mình kể, nói rõ câu chuyện kể về ai, tài năng đặc biệt của nhân vật, em đã đọc ở đâu hoặc nghe ai kể … | - Cho HS đọc đề bài và gợi ý.  - GV giao việc: Mỗi em sẽ kể lại cho lớp nghe một câu chuyện mình đã chuẩn bị về một người có tài năng ở các lĩnh vực khác nhau, ở một mặt nào đó như người đó có trí tuệ, có sức khỏe. Em nào kể chuyện không có trong SGK mà kể hay, các em sẽ rất đáng khen.  - Cho HS giới thiệu câu chuyện mình sẽ kể. |
| **3. Thực hành kể chuyện – Nêu ý nghĩa câu chuyện***:(20- 25p)*  **\* Mục tiêu:** HS kể lại được câu chuyện, hiểu nội dung và nêu được ý nghĩa của câu chuyện  + HS M1+M2 kể được câu chuyện đúng YC  + HS M3+ M4 kể được câu chuyện đúng YC kết hợp được điệu bộ, giọng nói,..  **\* Cách tiến hành: Cá nhân - Nhóm- Lớp** | |
| - 1 HS đọc. Lớp quan sát. lắng nghe  - Từng cặp HS kể.  - Trao đổi với nhau về ý nghĩa của câu chuyện.  - HS kể trước lớp  - HS đặt câu hỏi. VD:  *+ Chi tiết nào trong truyện làm bạn nhớ nhất?*  *+ Câu chuyện trên muốn khuyên chúng ta điều gì?*  - Lớp nhận xét, đánh giá câu chuyện theo các tiêu chí đã đề ra  - Kể lại câu chuyện cho người thân nghe  - Sưu tầm các câu chuyện khác cùng chủ đề. | a). Đọc dàn ý bài kể chuyện (GV đã viết trên bảng phụ).  - GV lưu ý HS: Khi kể các em cần kể có đầu, có đuôi, biết kết hợp lời kể với động tác, điệu bộ, cử chỉ.  b. HS kể chuyện  - GV theo dõi các nhóm kể chuyện.  - GV mở bảng phụ đã viết sẵn tiêu chuẩn đánh giá bài kể chuyện (như những tiết trước)  - GV khuyến khích HS đặt câu hỏi cho ban  **4. Hoạt động ứng dụng *(1p)***  - Giáo dục HS học tập noi theo những con người tài năng  **5. Hoạt động sáng tạo *(1p)*** |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**KĨ THUẬT**

**VẬT LIỆU VÀ DỤNG CỤ TRỒNG RAU, HOA**

**I.MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Biết đặc điểm, tác dụng của một số vật liệu, dụng cụ thường dùng để gieo trồng, chăm sóc rau, hoa

**2. Kĩ năng**

- Biết cách sử dụng một số dụng cụ trồng rau, hoa đơn giản.

**3. Thái độ**

- Yêu thiên nhiên, tích cực trồng rau, cây xanh BVMT.

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL thẩm mĩ.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Tranh ảnh.

- HS: Sưu tầm một số dụng cụ

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Quan sát mẫu, hỏi đáp, thảo luận nhóm, luyện tập – thực hành

- KT: đặt câu hỏi, tia chớp, động não, chia sẻ nhóm

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBHT điều hành lớp trả lời, nhận xét  + Rau dùng làm thực phẩm, làm thuốc; hoa dùng để trang trí,... | **1. HĐ khởi động** *(3p)*  + Nêu lợi ích của việc trồng rau, hoa?  - GV nhận xét chung, dẫn vào bài mới |
| **2. HĐ thực hành:***(30p)*  **\* Mục tiêu**:  - Biết đặc điểm, tác dụng của một số vật liệu, dụng cụ thường dùng để gieo trồng, chăm sóc rau, hoa  - Biết cách sử dụng một số dụng cụ trồng rau, hoa đơn giản.  **\* Cách tiến hành: Cá nhân- Nhóm- Lớp** | |
| **Cá nhân - Chia sẻ lớp**  - HS tự đọc thông tin trong sách và trả lời:  a. Hạt giống:  + Hạt rau: Cải, muống, mồng tơi,…  + Hạt hoa: Cúc vạn thọ, cúc đại đoá,…  b. Bón phân:  + Phân chuồng, phân xanh, vi sinh,..  + Tuỳ thuộc vào các loại cây rau, hoa mà chúng ta bón phân cho chúng…  c. Đất trồng:  + Nên chọn đất trồng thích hợp với các loại rau, hoa.  **Cá nhân – Lớp**  - HS đọc nội dung phần 2 – SGK  a. Cuốc:  + Lưỡi cuốc được làm bằng sắt, cán cuốc được làm tre hoặc gỗ.  b. Dầm xới:  + Nó có hai bộ phận là lưỡi và cán, thường dùng để xới đất và đào hốc cây.  c. Cào:  + Cào cho đất được bằng…  d. Vồ đập đất:  + Một tay cầm gần giữa cán, tay kia cầm gần phía đuôi cán (tương tự cầm cuốc)  e. Bình tưới nước:  + Hình 5a: Bình có vòi hoa sen. Hình 5b: Bình xịt nước.  - HS giới thiệu một số vật liệu và dụng cụ mà mình đã chuẩn bị để mang tới lớp. | ***HĐ1:* Tìm hiểu những vật liệu chủ yếu được sử dụng khi gieo trồng**:  *+ Kể tên một số hạt giống rau, hoa mà em biết?*  *+ Ở gia đình em thường bón phân nào cho rau và hoa? Theo em dùng loại phân nào tốt nhất?*  *+ Chúng ta nên trồng rau, hoa vào những nơi đất như thế nào thì cây phát triển tốt?*  - GV chốt các vật liệu: hạt giống, phân bón, đất trồng  ***HĐ2*: GV hướng dẫn HS tìm hiểu những dụng cụ chủ yếu được sử dụng khi gieo trồng**:  *+ Em hãy cho biết lưỡi và cán cuốc được bằng gì?*  *+ Dầm xới nó có mấy bộ phận, được dùng để làm gì?*  *+ Theo em cào được dùng để làm gì?*  *+ Quan sát hình 4b, em hãy nêu cách cầm vồ?*  *+ Quan sát hình 5,em hãy gọi tên từng loại bình tưới nước?*  - GV kết luận theo SGK: Các dụng cụ trồng ra, hoa: cuốc, dầm xới, cào, vồ đập đất, bình tưới |
| - Tìm hiểu và mô tả về các dụng cụ trồng rau, hoa hiện đại được sử dụng trong các khu vực trồng rau, hoa chuyên biệt. VD: máy đập đất thay thế cho vồ đập đất, vòi phun nước tự động thay thế cho bình tưới,... | **3. HĐ ứng dụng** *(1p)*  - Giáo dục ý thức trồng cây rau, hoa để làm đẹp cho môi trường tại nhà  **4. HĐ sáng tạo** *(1p)* |

**ĐIỀU CHỈNH-BỔ SUNG**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

*Thứ ....... ngày ...... tháng ..... năm .........*

**TẬP ĐỌC**

**TRỐNG ĐỒNG ĐÔNG SƠN**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Hiểu ND: Bộ sưu tập trống đồng Đông Sơn rất phong phú, độc đáo, là niềm tự hào của người Việt Nam (trả lời được các câu hỏi trong SGK).

**2. Kĩ năng**

- Đọc trôi trảy, rành mạch bài tập đọc. Bước đầu biết đọc diễn cảm một đoạn phù hợp với nội dung tự hào, ca ngợi.

**3. Thái độ**

- Giáo dục niềm tự hào về nền văn hoá có từ lâu đời

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Tranh minh hoạ bài tập đọc (phóng to)

Bảng phụ viết sẵn đoạn luyện đọc

- HS: SGK

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- Phương pháp: Quan sát, hỏi - đáp, đóng vai.

- Kĩ thuật: Làm việc nhóm, chia sẻ, động não, tia chớp

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - ***TBHT điều khiển các bạn chơi trò chơi Hộp quà bí mật***  + 1 HS kể  *+ Ca ngợi 4 anh em Cẩu Khây có tài năng đã đoàn kết diệt trừ yêu tinh, mang lại ấm no cho bản làng* | **1. Khởi động:** *(3p)*    + Kể tóm tắt nội dung câu chuyện Bốn anh tài  *+ Nêu nộii dung, ý nghĩa câu chuyện*  - GV dẫn vào bài mới – Ghi tên bài |
| **2. Luyện đọc:** *(8-10p)*  **\* Mục tiêu:** Đọc trôi chảy, rành mạch bài tập đọc, giọng đọc mang cảm hứng ngợi ca.  \* **Cách tiến hành:** | |
| - 1 HS đọc bài, cả lớp đọc thầm  - Lắng nghe  - Nhóm trưởng điều hành cách chia đoạn  - Bài chia làm 2 đoạn.  + Đoạn 1: Từ đầu … hươu nai có gạc.  *+* Đoạn *2*: Phần còn lại*.*  - Nhóm trưởng điều hành nhóm đọc nối tiếp trong nhóm lần 1 và phát hiện các từ ngữ khó *(nền văn hoá, bộ sưu tập, sắp xếp, vũ công, hươu nai, thuần hậu nhân bản, ...)*  - Luyện đọc từ khó: Đọc mẫu (M4)-> Cá nhân (M1)-> Lớp  - Giải nghĩa các từ: đọc chú giải  - HS đọc nối tiếp lần 2 theo điều khiển  - Các nhóm báo cáo kết quả đọc  - 1 HS đọc cả bài (M4) | - Gọi 1 HS đọc bài (M3)  - GV lưu ý giọng đọc: Toàn bài đọc với giọng cảm hứng tự hào, ca ngợi  - GV chốt vị trí các đoạn  - Lưu ý sửa lỗi đọc và ngắt nghỉ cho các HS (M1) |
| **3.Tìm hiểu bài:** *(8-10p)*  **\* Mục tiêu:** Hiểu ND: Bộ sưu tập trống đồng Đông Sơn rất phong phú, độc đáo, là niềm tự hào của người Việt Nam (trả lời được các câu hỏi trong SGK).  **\* Cách tiến hành: *Làm việc nhóm 4 – Chia sẻ trước lớp*** | |
| - 1 HS đọc  - HS tự làm việc nhóm 4 trả lời các câu hỏi - TBHT điều hành các nhóm trả lời, nhận xét  *+ Đa dạng cả về hình dáng, kích cỡ lẫn phong cách trang trí, sắp xếp hoa văn …*  *+ Giữa mặt trống là hình ngôi sao nhiều cánh, hình tròn đồng tâm, hình vũ công nhảy múa, chèo thuyền, hình chim bay, hươu nai có gạc …*  *+ Lao động, đánh cá, săn bắn, đánh trống, thổi kèn, cầm vũ khí bảo vệ quê hương, tưng bừng nhảy múa mừng chiến công, cảm tạ thần linh, ghép đôi nam nữ*  *+ Vì những hình ảnh về hoạt động của con người là những hình ảnh nổi rõ nhất trên hoa văn. Những hình ảnh khác chỉ góp phần thể hiện con người – con người lao động làm chủ, hòa mình với thiên nhiên; con người nhân hậu; con người khao khát cuộc sống hạnh phúc, ấm no.*  *+ Trống đồng Đông Sơn đa dạng, hoa văn trang trí đẹp, là một cổ vật quý giá phản ánh trình độ văn minh của người Việt cổ xưa, là một bằng chứng nói lên rằng dân tộc VN là một dân tộc có một nền văn hóa lâu đời, bền vững.*  **Nội dung: *Bài văn ca ngợi bộ sưu tập trống đồng Đông Sơn rất phong phú, đa dạng với hoa văn đặc sắc, là niềm tự hòa chính đáng của người Việt Nam.***  - HS ghi nội dung bài vào vở | - Gọi HS đọc các câu hỏi cuối bài.  *+ Trống đồng Đông Sơn đa dạng như thế nào?*  *+ Hoa văn trên mặt trống đồng được tả như thế nào?*  *+ Những hoạt động nào của con người được miêu tả trên trống đồng?*  *+ Vì sao có thể nói hình ảnh con người chiếm vị trí nổi bật trên hoa văn trống đồng?*  *+ Vì sao trống đồng là niềm tự hào chính đáng của người VN ta?*  *- Nội dung của bài?*  \* HS M3+M4 đọc trả lời câu hỏi hoàn chỉnh và các câu nêu nội dung đoạn, bài. |
| **3. Luyện đọc diễn cảm - Học thuộc lòng** *(8-10p)*  **\* Mục tiêu: HS** biết đọc diễn cảm một đoạn trong bài với giọng ngợi ca, tự hào  **\* Cách tiến hành: Hoạt động cá nhân – nhóm - cả lớp** | |
| - 1 HS nêu lại  - 1 HS đọc toàn bài  - Nhóm trưởng điều khiển:  + Đọc diễn cảm trong nhóm  + Thi đọc diễn cảm trước lớp  - Lớp nhận xét, bình chọn.  - HS nêu  - Tìm hiểu thông tin thêm về trống đồng Đông Sơn, trống đồng Ngọc Lũ. | - Yêu cầu HS nêu giọng đọc toàn bài, nêu giọng đọc toàn bài  - Yêu cầu đọc diễn cảm đoạn 2 của bài  - GV nhận xét chung  **4. Hoạt động ứng dụng** *(1 phút)*  - Em thích nhất hình ảnh nào trên hoa văn trống đồng?  - Giáo dục niềm tự hào về nền văn hoá lâu đời.  **5. Hoạt động sáng tạo** *(1 phút)* |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TOÁN**

***Tiết 99:* LUYỆN TẬP**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Củng cố KT về phân số và cách biểu diễn thương của phép chia hai số tự nhiên dưới dạng PS

**2. Kĩ năng**

- Biết đọc, viết phân số.

- Biết quan hệ giữa phép chia số tự nhiên và phân số.

**3. Thái độ**

- Chăm chỉ, tích cực trong giờ học.

**4. Góp phần phát triển các NL**

- NL tự học, làm việc nhóm, NL tính toán

\* Bài tập cần làm: Bài 1, bài 2, bài 3

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Phiếu học tập

- HS: SGK

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Quan sát, hỏi đáp, thảo luận nhóm, thực hành,...

- KT: động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ | **1.Khởi động***:(5p)*  - GV dẫn vào bài mới – Ghi tên bài |
| **2. HĐ thực hành***:(30p)*  **\* Mục tiêu:** Biết đọc, viết phân số. Biết quan hệ giữa phép chia số tự nhiên và phân số.  **\* Cách tiến hành: Cá nhân – Lớp** | |
| - HS đọc cá nhân  Đáp án:  Một phần hai ki – lô -gam;  Năm phần tám mét;  Mười chín phần mười hai giờ;  Sáu phần một trăm mét.  - HS làm bài cá nhân vào vở - Chia sẻ lớp  Đáp án:    - Thưc hiện cá nhân – nhóm 2 – Lớp  Đáp án  8 =  ; 14 = ; 32 = ;  0 = ; 1 =  - HS lắng nghe, lấy thêm VD  - HS làm vào vở Tự học – Chia sẻ lớp  Bài 4: VD  a. PS bé hơn 1:  b. PS bằng 1:  c. PS lớn hơn 1:  Bài 5:  a. CP =  CD b. MO =  MN  PD =  CD ON =  MN  - Ghi nhớ KT đã ôn tập  - Tìm các bài tập cùng dạng trong sách Toán buổi 2 và giải | **Bài 1:** Đọc các số đo đại lượng  - GV chốt đáp án.  - Củng cố cách đọc các số đo đại lượng.  \* Lưu ý hs M1+M2 viết phân số  **Bài 2:** Viết các phân số  - GV nhận xét, đánh giá bài làm trong vở của HS  - GV chốt đáp án. Củng cố cách viết các phân số.  \* Lưu ý giúp đỡ hs M1+M2  **Bài 3:** Viết các số tự nhiên sau dưới dạng phân số có mẫu số bằng 1  - GV nhấn mạnh: Mọi số tự nhiên đều có thể viết dưới dạng PS có MS là 1  **Bài 4 + Bài 5 *(bài tập chờ dành cho HS hoàn thành sớm)***  - Nhấn mạnh cách so sánh 1 phân số với 1  **3. HĐ ứng dụng** (1p)  **4. HĐ sáng tạo** (1p) |

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

:...................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TẬP LÀM VĂN**

**MIÊU TẢ ĐỒ VẬT (KIỂM TRA VIẾT)**

**I.MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Nắm vững cấu tạo bài văn miêu tả đồ vật

**2. Kĩ năng**

- Viết hoàn chỉnh bài văn tả đồ vật đúng yêu cầu của đề bài, có đủ 3 phần (mở bài, thân bài, kết bài), diễn đạt thành câu rõ ý.

**3. Thái độ**

- Giữ gìn, yêu quý đồ vật trong gia đình.

**4. Góp phần phát triển NL:**

**-** NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL tự học, NL giao tiếp.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Bảng phụ

- HS: Vở, bút, ...

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Quan sát, hỏi đáp, thảo luận nhóm

- KT: đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, chia sẻ nhóm 2, động não.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBHT điều hành lớp trả lời, nhận xét.  + Mở bài, Thân bài và Kết bài  + Đầu đoạn viết lùi 1 ô, hết đoạn chấm xuống dòng. Mỗi đoạn văn miêu tả một đặc điểm.  - HS đọc lại dàn ý | **1. Khởi động:(***5p)*  - HS chơi trò chơi: ***Hộp quà bí mật***  *+ Nêu cấu tạo bài văn miêu tả đồ vật?*  *+ Khi viết đoạn văn cần lưu ý điều gì*  - GV chốt lại bằng dàn ý bài văn miêu tả đồ vật |
| **2. HĐ thực hành** *(30p)*  **\* Mục tiêu:**  Viết hoàn chỉnh bài văn tả đồ vật đúng yêu cầu của đề bài, có đủ 3 phần (mở bài, thân bài, kết bài), diễn đạt thành câu rõ ý.  **\* Cách tiến hành: Cá nhân- Nhóm - Lớp** | |
| - 1 HS đọc:  Đề 1: Tả chiếc cặp sách của em.  Đề 2: Tả cái thước kẻ của em.  Đề 3: Tả cây bút chì của em.  Đề 4: Tả cái bàn học ở lớp hoặc ở nhà của em.  - HS thực hành viết bài  - Tự chữa lại các lỗi gặp khi viết bài kiểm tra | - GV yêu cầu HS đọc các đề bài trong SGK  - Yêu cầu HS chọn 1 trong 4 đề để viết bài vào vở  - Khuyến khích HS viết MB trực tiếp, KB mở rộng để bài văn mượt mà và hay hơn  - GV thu bài, nhận xét, đánh giá chung về giờ kiểm tra  **3. HĐ ứng dụng** *(1p)*  **4. HĐ sáng tạo** *(1p)* |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**KHOA HỌC (CT HIỆN HÀNH)**

**BẢO VỆ BẦU KHÔNG KHÍ TRONG SẠCH**

**1. Kiến thức**

- Nêu được một số biện pháp bảo vệ không khí trong sạch: thu gom, xử lí phân, rác hợp lí; giảm khí thải, bảo vệ rừng và trồng cây,…

**2. Kĩ năng**

- Thực hành bảo vệ bầu không khí trong sạch tại lớp học, gia đình, địa phương

*\* ĐCND: Không yêu cầu tất cả học sinh vẽ tranh cổ động tuyên truyền bảo vệ bầu không khí trong sạch. Giáo viên hướng dẫn, động viên, khuyến khích để những em có khả năng được vẽ tranh, triển lãm*

**3. Thái độ**

- Có ý thức bảo vệ bầu không khí trong sạch

**4. Góp phần phát triển các năng lực:**

- NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL hợp tác, NL sáng tạo

***\* KNS:*** *- Tìm kiếm và xử lí thông tin về các hành động gây ô nhiễm môi trường*

*- Xác định giá trị bản thân qua đánh giá các hành động liên quan tới ô nhiễm không phí*

*- Trình bày, tuyên truyền về việc bảo vệ bầu không khí trong sạch*

*- Lựa chon giải pháp bảo vệ môi trường không khí*

***\* BVMT:*** *Bảo vệ, cách thức làm cho nước sạch, tiết kiệm nước; bảo vệ bầu không khí*

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: + Hình trang 80, 81 SGK.

- HS: Sưu tầm các tư liệu, hình vẽ, tranh ảnh về các hoạt động bảo vệ môi trường không khí.

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: quan sát, hỏi đáp, thảo luận, trò chơi học tập, thí nghiệm.

- KT: Động não, chia sẻ nhóm đôi, tia chớp

**II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt đông của của học sinh** | **Hoạt đông của giáo viên** |
| - TBHT điều khiển các bạn chơi trò chơi: **Hộp quà bí mật**  *+* Do khói, khí độc và các loại vi khuẩn…  *+ Gây các bệnh liên quan đến sức khoẻ của con người và sinh vật* | **1, Khởi động *(4p)***  + Nêu nguyên nhân gây ô nhiễm không khí?  *+ Tác hại của không khí bị ô nhiễm*  - GV nhận xét, khen/ động viên, dẫn vào bài mới. |
| **2. Bài mới:***(30p)*  **\* Mục tiêu:**  - Nêu được một số biện pháp bảo vệ không khí trong sạch: thu gom, xử lí phân, rác hợp lí; giảm khí thải, bảo vệ rừng và trồng cây,…  - Thực hành bảo vệ bầu không khí trong sạch tại lớp học, gia đình, địa phương  **\* Cách tiến hành: Cá nhân - Nhóm – Lớp** | |
| **Nhóm 2 - Lớp**    - Quan sát hình SGK – thảo luận  Đáp án:  + Những việc nên làm: Hình 1, 2, 3, 5, 6, 7.  + Những việc không nên làm: Hình 4  - HS nối tiếp nêu  - HS nhắc lại, đọc nội dung phần bài học  **Nhóm 6 – Lớp**  - Nhóm trưởng điều khiển các bạn làm việc.  - Các nhóm treo sản phẩm của nhóm mình, cử đại diện phát biểu cam kết của nhóm về việc thực hiện bảo vệ bầu không khí trong sạch và nêu ý tưởng của bức tranh cổ động do nhóm vẽ.  - HS không có năng khiếu vẽ có thể trưng bày các tranh ảnh đã chuẩn bị để tuyên truyền bảo vệ bầu không khí.  - HS nêu – Liên hệ các việc làm bảo vệ bầu không khí tại lớp học, trường học.  - Tìm hiểu về các biện pháp bảo vệ môi trường không khí một cách bền vững của một số nước trên thế giới. | **Hoạt động 1: Các biện pháp bảo vệ bầu không khí:**  - Quan sát tranh nêu những việc nên làm và những việc không nên làm để bảo vệ bầu không khí  *+ Em và gia đình, địa phương của mình đã làm gì để bảo vệ bầu không khí trong sạch?*  *+ Em biết những hành động nào không nên làm để bảo vệ bầu không khí trong sạch?*  *\** ***Kết luận****:* Chống ô nhiễm không khí bằng cách:  + Thu gom và xử lí rác, phân hợp lí.  + Giảm lượng khí thải độc hại của xe có động cơ chạy bằng xăng, dầu và của nhà máy; giảm khói đun bếp …  + Bảo vệ rừng và trồng nhiều cây xanh để giữ cho bầu không khí trong lành.  **Hoạt động 2: Vẽ tranh cổ động bảo vệ bầu không khí trong sạch**:  - Chia nhóm và giao nhiệm vụ cho các nhóm:  + Xây dựng bản cam kết bảo vệ bầu không khí trong sạch.  + Thảo luận để tìm ý cho nội dung tranh tuyên truyền cổ động mọi người cùng bảo vệ bầu không khí trong sạch.  + Phân công từng thành viên của nhóm vẽ hoặc viết từng phần của bức tranh.  - Đánh giá, nhận xét, chủ yếu khen các sáng kiến tuyên truyền cổ động mọi người cùng bảo vệ bầu không khí trong sạch; tranh vẽ đẹp hay xấu không quan trọng.  **3. HĐ ứng dụng *(1p)***  **\*GD BVMT:** Môi trường không khí rất quan trong để con người sống và tồn tại. Vậy để giúp môi trường ấy luôn trong sạch, chúng ta cần làm gì?  **4. HĐ sáng tạo *(1p)*** |

*Thứ ....... ngày ...... tháng ..... năm .........*

**LUYỆN TỪ VÀ CÂU**

**MỞ RỘNG VỐN TỪ: SỨC KHỎE**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Mở rộng và làm phong phú vốn từ thuộc chủ điểm Sức khoẻ cho HS

**2. Kĩ năng**

- Biết thêm một số từ ngữ nói về sức khoẻ của con người và tên một số môn thể thao (BT1, BT2); nắm được một số thành ngữ, tục ngữ liên quan đến sức khoẻ (BT3, BT4).

**3. Thái độ**

- Có ý thức rèn luyện sức khoẻ, năng tập thể dục, thể thao.

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL tự học, NL ngôn ngữ, NL sáng tạo, NL giao tiếp.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: + Từ điển Tiếng Việt hoặc một vài trang từ điển phô tô.

+ Giấy khổ to viết bài tập 1, 2, 3

- HS: Vở BT, bút, ..

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm,

- KT: động não, đặt câu hỏi, chia sẻ nhóm 2, trình bày 1 phút

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của HS** | | **Hoạt động của giáo viên** | |
| - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ | | **1. Khởi động *(5p)***  - Dẫn vào bài mới | |
| **2. Hoạt động thực hành** *(30 p)*  **\* Mục tiêu:**  - Biết thêm một số từ ngữ nói về sức khoẻ của con người và tên một số môn thể thao (BT1, BT2); nắm được một số thành ngữ, tục ngữ liên quan đến sức khoẻ (BT3, BT4).  **\* Cách tiến hành:** | | |
| **Nhóm 2- Lớp**  - Thực hiện theo yêu cầu của GV.  Đ/a:  + Thể dục, đi bộ, ăn uống điều độ, nghỉ mát, giải trí,…  + Vạm vỡ, lực lưỡng, cân đối, rắn rỏi, cường tráng, dẻo dai, nhanh nhẹn, rắn chắc.  - HS nối tiếp nêu  **Cá nhân – Lớp**  - Thực hiện theo yêu cầu của GV.  VD:  + Bóng đá, cờ vua, bơi lội, nhảy dây, kéo co, bắn súng, cử tạ, võ thuật …  - HS nối tiếp cá nhân  **Cá nhân – Nhóm 2 – Lớp**  - Thực hiện theo yêu cầu của GV.  Đ/a:  a) Khỏe như voi (hùm, hổ, trâu, bò tót…)  b) Nhanh như sóc (cắt, điện, chớp, gió, tên bắn,...)  **Nhóm 2 – Lớp**  + Là người có bệnh hay đau ốm  + Không ăn, không ngủ thì phải mất tiền khám chữa bệnh và thêm lo  + Ăn được ngủ được nghĩa là có sức khỏe tốt  + Có sức khỏe tốt sung sướng chẳng kém gì tiên  - Ghi nhớ các từ ngữ và thành ngữ trong bài học  - Sưu tầm thêm môt số câu thành ngữ, tục ngữ nói về sức khoẻ của con người. | **Bài 1**: Tìm các từ ngữ ...  **-** Gọi HS đọc yêu cầu và nội dung.  - Nhận xét, kết luận lời giải đúng.  *+ Em đã tham gia hoạt động nào có lợi cho sức khoẻ?*  **Bài 2**: Kể một số môn thể thao mà em biết.  **-** Gọi HS đọc yêu cầu và nội dung.  *+ Em đã tham gia môn thể thao nào? Mô tả một môn TT mà em biết.*  - Giáo dục HS chăm chỉ tập luyện thể dục, thể thao để tăng cường sức khoẻ  **Bài 3**: Tìm những từ ngữ thích hợp với mỗi chổ trống để hoàn chỉnh các câu thành ngữ sau..  - Khuyến khích HS học thuộc các câu thành ngữ.  - Nhắc nhở HS sử dụng các câu TN phù hợp khi nói và viết.  **Bài 4**: Câu tục ngữ sau nói lên điều gì?  **-** Gọi HS đọc yêu cầu và nội dung.  - GV có thể gợi ý:  + Người “Không ăn không ngủ” được là người như thế nào?  + “Không ăn không ngủ” được khổ như thế nào?  + Người “Ăn được ngủ được” được là người như thế nào?  + “Ăn được ngủ được là tiên” nghĩa là gì?  + HS M3+M4 hiểu và giải nghĩa từ  **3. HĐ ứng dụng** *(1p)*  **4. HĐ sáng tạo** *(1p)* | |

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TOÁN**

***Tiết 100:* PHÂN SỐ BẰNG NHAU**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- Bước đầu nhận biết được tính chất cơ bản của phân số, phân số bằng nhau.

**2. Kĩ năng**

- Biết cách tạo ra phân số bằng nhau từ phân số đã cho

**3. Thái độ**

- Tự giác, cẩn thận, trình bày bài sạch sẽ.

**4. Góp phần phát triển các NL**

- NL tự học, làm việc nhóm, NL tính toán

\* Bài tập cần làm: Bài 1. HSNK làm tất cả bài tập

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Hai băng giấy như bài học SGK.

- HS: Vở BT, bút

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Quan sát, hỏi đáp, thảo luận nhóm.

- KT: động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBHT điểu hành lớp trả lời, nhận xét  - HS trả lời | **1.Khởi động***:(3p)*  + Hãy nêu VD một phân số bé hơn 1?  + Hãy nêu VD một phân số lớn hơn 1?  + Hãy nêu VD một phân số bằng 1?  - GV nhận xét chung, dẫn vào bài mới |
| **2. Hình thành KT** (15p)  **\* Mục tiêu:** Bước đầu nhận biết được tính chất cơ bản của phân số, phân số bằng nhau.  **\* Cách tiến hành** | |
| - HS quan sát thao tác của GV.  *+Hai băng giấy bằng nhau (như nhau,giống nhau).*  *+ 4 phần bằng nhau, đã tô màu 3 phần.  băng giấy đã được tô màu.*  *+ 8 phần bằng nhau, đã tô màu 6 phần.  băng giấy đã được tô màu.*  *+ Bằng nhau.*  *+  băng giấy =  băng giấy*  *+  =*  - HS thảo luận cặp đôi sau đó phát biểu ý kiến:  =  =  *+ Để từ phân số  có được phân số , ta đã nhân cả tử số và mẫu số của phân số  với 2.*  *+ Ta được một phân số bằng phân số đã cho.*  *+ HS thảo luận, sau đó phát biểu ý kiến:*  *=  =*  *+ Khi chia hết cả tử số và mẫu số của một phân số với một số tự nhiên khác 0 ta được một phân số bằng phân số đã cho.*  - HS nêu | - GV đưa ra hai băng giấy như nhau, đặt băng giấy này lên trên băng giấy kia và cho HS thấy 2 băng giấy này như nhau.  *+ Em có nhận xét gì về 2 băng giấy này?*  - GV dán 2 băng giấy lên bảng.  *+ Băng giấy thứ nhất được chia thành mấy phần bằng nhau, đã tô màu mấy phần? Hãy nêu phân số chỉ phần đã được tô màu của băng giấy thứ nhất.*  *+ Băng giấy thứ 2 được chia thành mấy phần bằng nhau, đã tô màu mấy phần? Hãy nêu phân số chỉ phần đã được tô màu của băng giấy thứ hai.*  *+ Hãy so sánh phần được tô màu của cả hai băng giấy.*  *+ Vậy  băng giấy so với  băng giấy thì như thế nào?*  *+ Từ so sánh  băng giấy so với  băng giấy, hãy so sánh  và .*  ***- Nhận xét: Từ hoạt động trên các em đã biết  và  là 2 phân số bằng nhau. Vậy làm thế nào để từ phân số  ta có được phân số .***  *+ Như vậy để từ phân số  có được phân số , ta đã làm như thế nào?*  *+ Khi nhân cả tử số và mẫu số của một phân số cho một số tự nhiên khác 0, chúng ta được gì?*  *+ Hãy tìm cách để từ phân số  ta có được phân số ?*  *+ Khi chia cả tử số và mẫu số của một phân số cho một số tự nhiên khác 0, chúng ta được gì?*  - GV gọi HS nêu tính chất cơ bản của PS.  - GV chốt KT như phần bài học SGK |
| **3. HĐ thực hành** *(18p)*  **\* Mục tiêu:**  - Biết cách tạo PS bằng nhau từ phân số ban đầu  **\* Cách tiến hành:** | |
| **Cá nhân- Nhóm 2 - Lớp**  Đáp án:  =  =        - HS làm vào vở Tự học – Chia sẻ kết quả  Bài 2:  a) 18 : 3 = 6  (18 x 4) : (3 x 4) = 72 : 12 = 6  b) 81 : 9 = 9  (81 : 3) : (9 : 3) = 27 : 3 = 9  Bài 3:  a)  b)  - Ghi nhớ tính chất của PS  - Tìm các bài tập cùng dạng trong sách Toán buổi 2 và giải | ***Bài 1: Viết số thích hợp vào ô trống.***- - Gọi HS đọc và xác định yêu cầu bài tập.  - GV chốt đáp án.  - Củng cố tính chất cơ bản của phân số.  **Bài 2+ Bài 3** ***(bài tập chờ dành cho HS hoàn thành sớm)***  B2:Tính rồi so sánh kết quả:  a. 18 : 3 và (18 x 4 ) : ( 3 x 4 )  b. 81 : 9 và ( 81 : 3 ) : ( 9 : 3 ).  - Chốt nhận xét: Nếu nhân hoặc chia số bị chia và số chia với cùng một số tự nhiên khác 0 thì thương không thay đổi.  B3: Viết số thích hợp vào ô trống:  - Chốt cách tạo PS bằng nhau  **4. HĐ ứng dụng** (1p)  **5. HĐ sáng tạo** (1p) |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

**TẬP LÀM VĂN**

**LUYỆN TẬP GIỚI THIỆU ĐỊA PHƯƠNG**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Nắm được cách giới thiệu về địa phương qua bài văn miêu tả (BT1).

**2. Kĩ năng**

- Bước đầu biết quan sát và trình bày được một vài nét đổi mới ở nơi HS đang sống (BT2).

**3. Thái độ**

- Tích cực, tự giác học bài.

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL tự học, Sử dụng ngôn ngữ, NL sáng tạo

***\*KNS:*** *- Thu lập, xử lí thông tin (về địa phương cần giới thiệu)*

*- Thể hiện sự tự tin*

*- Lắng nghe tích cực, cảm nhận, chia sẻ, bình luận (về bài giới thiệu)*

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Bảng phụ viết dàn ý bài giới thiệu.

Mở bài: Giới thiệu chung về địa phương em sinh sống (tên, đặc điểm chung).

Thân bài: Giới thiệu những đổi mới ở địa phương.

Kết bài: Nêu kết quả đổi mới ở địa phương, cảm nghĩ của em về sự đổi mới đó.

- HS: Tranh, ảnh minh họa một số nét đổi mới của địa phương em.

**2. Phương pháp, kĩ thuât**

- PP: Hỏi đáp, thảo luận nhóm, quan sát, thực hành.

- KT: đặt câu hỏi, động não, chia sẻ nhóm 2

**II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ | **1. Khởi động *(5p)***  - GV dẫn vào bài mới |
| **2. Hình thành kiến thức***:(15p)*  **\*Mục tiêu:**  - Nắm được cách giới thiệu về địa phương qua bài văn miêu tả (BT1).  - Bước đầu biết quan sát và trình bày được một vài nét đổi mới ở nơi HS đang sống (BT2).  **\* Cách tiến hành:** | |
| **Hoạt động cá nhân- cả lớp**  - HS đọc nội dung bài tập. Cả lớp theo dõi trong Sgk.  - HS giải nghĩa một số từ khó trong bài: (đọc phần chú giải).  *+ Ở xã Vĩnh Sơn – Vĩnh Thạnh – Bình Định*  *+ Người dân biết trồng lúa nước/ Phát triển nghề nuôi cá=> Đời sống cải thiện rõ rệt.*  - HS thảo luận nhóm 2 – Nêu dàn ý  - HS đọc và nắm dàn ý bài giới thiệu  - HS thực hành giới thiệu về những đổi mới ở địa phương:  + Thực hành giới thiệu trong nhóm.  + Thi giới thiệu trước lớp.  - Cả lớp bình chọn người giới thiệu về địa phương mình tự nhiên, chân thực, hấp dẫn nhất.  - Kể lại những nét đổi mới cho người thân nghe.  - Minh hoạ cho bài giới thiệu bằng một số tranh ảnh sưu tầm được | ***Bài tập 1:***   * + - GV yêu cầu HS đọc nội dung bài tập.   *+ Bài văn kể những nét mới ở địa phương nào?*  *+ Kể lại những nét đổi mới nói trên*   * + - GV giúp HS nắm dàn ý bài giới thiệu: *Nét mới ở Vĩnh Sơn* là một bài giới thiệu. Dựa theo bài mẫu đó, có thể lập dàn ý vắn tắt của một bài giới thiệu.     - GV đưa bảng phụ có ghi dàn ý sẵn.   ***Bài tập 2:***   * + - GV yêu cầu HS đọc nội dung bài tập     - GV lưu ý HS:   + Các em phải nhận ra những đổi mới của phố phường nơi mình sinh sống (có thể là nơi trường mình đang đóng) để giới thiệu những nét đổi mới đó. Những đổi mới đó có thể là: xây dựng thêm nhiều trường học, lớp học mới ,...  + Em chọn trong những đổi mới ấy một hoạt động em thích nhất hoặc có ấn tượng nhất để giới thiệu.  + Nếu không tìm thấy những đổi mới, các em có thể giới thiệu hiện trạng của địa phương & mơ ước đổi mới của mình.  - GV nhận xét chung  \* Lưu ý giúp đỡ hs M1+M2 viết được bài văn giới thiệu về địa phương.  **3. HĐ ứng dụng** *(1p)*  **4. HĐ sáng tạo** *(1p* |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................­

**ĐỊA LÍ (CT HIỆN HÀNH)**

**ĐỒNG BẰNG NAM BỘ**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Nêu được một số đặc điểm tiêu biểu về địa hình, đất đai, sông ngòi của đồng bằng Nam Bộ:

+ Đồng bằng Nam Bộ là đồng bằng lớn nhất nước ta, do phù sa của hệ thống sông Mê Công và sông Đồng Nai bồi đắp.

+ Đồng bằng Nam Bộ có hệ thống sông ngòi, kênh rạch chằng chịt. Ngoài đất phù sa màu mỡ, đồng bằng còn nhiều đất phèn, đất mặn phải cải tạo.

**2. Kĩ năng**

- Chỉ được vị trí đồng bằng Nam Bộ, sông Tiền, sông Hậu trên bản đồ (lược đồ) tự nhiên Việt Nam.

- Quan sát hình, tìm, chỉ và kể tên một số sông lớn của đồng bằng Nam Bộ: sông Tiền, sông Hậu.

\* Học sinh khá, giỏi:

+ Giải thích vì sao ở nước ta sông Mê Công lại có tên là sông Cửu Long: do nước sông đổ ra biển qua 9 cửa sông.

+ Giải thích vì sao ở đồng bằng Nam Bộ, người dân không đắp đê ven sông: để nước lũ đưa phù sa vào các cánh đồng.

**3. Thái độ**

- HS học tập nghiêm túc, tự giác.

**4. Góp phần phát triển các năng lực:**

- NL tự chủ, NL giải quyết vấn đề, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ

***\*BVMT: -*** *Vai trò, ảnh hưởng to lớn của sông ngòi đối với đời sống của con người (đem lại phù sa nhưng cũng mang lại lũ lụt đe dọa sản xuất và đời sống). Qua đó thấy được tầm quan trọng của hệ thống đê và giáo dục ý thức trách nhiệm trong việc góp phần bảo đê điều - những công trình nhân tạo phục vụ đời sống.*

*- Một số đặt điểm chính của môi trường và TNTN và khai thác TNTN ở đồng bằng (đất phù sa màu mỡ ở ĐBBB và ĐBNB; môi trường tự nhiên của ĐBDHMT: nắng nóng, bảo lụt gây ra nhiều khó khăn đối với đời sống và HĐSX)*

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: + Bản đồ thiên nhiên, hành chính Việt Nam.

+ Bản đồ đất trồng Việt Nam.

+ Tranh ảnh thiên nhiên về đồng bằng Nam Bộ.

- HS: SGK, bút.

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm, thuyết trình

- KT: đặt câu hỏi, trình bày một phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm 2

I**II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ | **1.Khởi động:***(2p)*  - GV nhận xét chung, giới thiệu bài mới |
| **2. Bài mới:***(30p)*  **\* Mục tiêu:**  - Chỉ được vị trí của đồng bằng Nam Bộ, sông Mê Công trên lược đồ  - Nêu được một số đặc điểm tiêu biểu về địa hình, đất đai, sông ngòi của đồng bằng Nam Bộ  **\* Cách tiến hành: Cá nhân- Nhóm-Lớp** | |
| **Cá nhân – Nhóm 2 - Lớp**  - HS quan sát hình & chỉ vị trí đồng bằng Nam Bộ. sông Mê Công.  - HS nêu  - Lắng nghe   * + - HS trao đổi nhóm 2 – Chia sẻ trước lớp   *+ Là đồng bằng lớn nhất cả nước, có nhiều vùng trũng ngập nước*  *+ HS chỉ trên lược đồ*  *+ Đất phù sa, đất phèn, đất mặn*  - HS lắng nghe kết hợp quan sát tranh  **Cá nhân – Lớp**  *+ Sông Hậu, sông Tiền, sông Đồng Nai, sông Bé, sông Vàm Cỏ Đông,...*  *+ Mạng lưới sông ngòi, kên rạch chằng chịt*  + HS dựa vào SDK để nêu đặc điểm về sông Mê Công, giải thích: do hai nhánh sông Tiền Giang & Hậu Giang đổ ra biển bằng chín cửa nên có tên là Cửu Long.  *+ Mùa mưa và mùa khô*  *+ Để đồng bằng được bồi đắp thêm phù sa*  *+ Cung cấp nước cho sản xuất và sinh hoạt*  - HS liên hệ việc bảo vệ đê điều.  - Mô tả lại những điều em biết về đồng bằng Nam Bộ  - Sưu tầm tranh ảnh về đồng bằng Nam Bộ | **Hoạt động1: Vị trí và đặc điểm của đồng bằng Nam Bộ**   * + - GV yêu cầu HS quan sát hình ở góc phải SGK & chỉ vị trí đồng bằng Nam Bộ.     - Yêu cầu chỉ sông Mê Công trên bản đồ thiên nhiên treo tường   + Nêu những hiểu biết của mình về sông Mê Công.  ***GV: Sông Mê Công là một sông lớn của thế giới, đồng bằng Nam Bộ do sông Mê Công & một số sông khác như: sông Đồng Nai, sông La Ngà… bồi đắp nên.***  *+ Nêu đặc điểm về độ lớn, địa hình của đồng bằng Nam Bộ.*  *+ Tìm & nêu vị trí, giới hạn của đồng bằng Nam Bộ, vị trí của Đồng Tháp Mười, U Minh, Cà Mau?*  *+ Cho biết đồng bằng có những loại đất nào? Ở đâu? Những loại đất nào chiếm diện tích nhiều hơn?*  - GV mô tả thêm về các vùng trũng ở Đồng Tháp Mười, U Minh, Cà Mau. **Nêu việc sử dụng và cải tạo các loại đất để khai thác tiềm năng và bảo vệ moi trường**  **Hoạt động 2: Mạng lưới sông ngòi**   * + - Quan sát hình lược đồ đồng bằng Nam Bộ, hãy:   *+ Tìm & kể tên các sông lớn của đồng bằng Nam Bộ.*  *+ Nêu nhận xét về mạng lưới sông ngòi của đồng bằng Nam Bộ (nhiều hay ít sông)?*  *+ Vì sao ở nước ta sông lại có tên là Cửu Long?* (GV có thể hỏi: Cửu Long là gì? Là sông có chín cửa)   * + - GV chỉ lại vị trí sông Mê Công, sông Tiền, sông Hậu, Biển Hồ.   *+ Ở Nam Bộ trong một năm có mấy mùa? Đặc điểm của mỗi mùa?*  *+ Giải thích vì sao ở đồng bằng Nam Bộ người dân không đắp đê?*  *+ Sông ngòi ở Nam Bộ có tác dụng gì?*   * + - GV mô tả thêm về cảnh lũ lụt vào mùa mưa, tình trạng thiếu nước ngọt vào mùa khô ở đồng bằng Nam Bộ.     - ***Giáo dục bảo vệ môi trường:*** Sông ngòi mang lại nhiều ích lợi nhưng cũng mang đến lũ lụt làm ảnh hưởng đời sống. Vì vậy việc đắp đê và bảo vệ đê cũng vô cùng quan trọng.   **3. Hoạt động ứng dụng** *(1p)*  **4. Hoạt động sáng tạo** *(1p)* |

**ĐIỀU CHỈNH - BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**SHTT - KNS**

**ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC TUẦN 20**

**XỬ LÍ KHI GẶP NGƯỜI BỊ ĐIỆN GIẬT**

**I. MỤC TIÊU:**

- Nắm đ­­ược ưu - khuyết điểm trong tuần 20

- Phát huy ­­ưu điểm, khắc phục nh­­ược điểm.

- Biết đ­­ược phư­ơng h­­ướng tuần 21

**II. CHUẨN BỊ:**

- GV: Nắm được ưu – khuyết điểm của HS trong tuần

- HS: Chủ tịch Hội đồng tự quản và các Trưởng ban chuẩn bị ND báo cáo.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG CHÍNH:**

***1. Khởi động***

- Lớp tham gia trò chơi: Truyền tin

***2. Lớp báo cáo hoạt động trong tuần:***

- 4 Trưởng ban lên nhận xét các thành viên trong tổ và xếp loai từng thành viên.

- Tổ viên các tổ đóng góp ý kiến.

- Chủ tịch HĐTQ lên nhận xét chung các ban.

- GV nhận xét chung:

+ Nề nếp:

.................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

+ Học tập:

.................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

***3. Ph­ương h­­ướng tuần sau:***

- Tiếp tục thi đua: Học tập tốt, thực hiện tốt nề nếp, vâng lời thầy cô, nói lời hay làm việc tốt.

.................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

***4. Lớp văn nghệ - múa hát tập thể.***

**TUẦN 21** *Thứ ....... ngày ...... tháng ..... năm .........*

**TẬP ĐỌC**

**ANH HÙNG LAO ĐỘNG TRẦN ĐẠI NGHĨA**

**1. Kiến thức**

- Hiểu ND, ý nghĩa của bài: Ca ngợi AHLĐ Trần Đại Nghĩa đã có những cống hiến xuất sắc cho sự nghiệp quốc phòng và xây dựng nền khoa học trẻ của đất nước (trả lời được các câu hỏi trong SGK).

**2. Kĩ năng**

- Đọc trôi trảy bài tập đọc, bước đầu biết đọc diễn cảm một đoạn phù hợp với nội dung tự hào, ca ngợi.

**3. Thái độ**

- Giáo dục HS học tập noi theo tấm gương anh hùng Trần Đại Nghĩa.

**4. Góp phần phát triển năng lực**

**-** Năng lực tự học, NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ.

***\* KNS:***  *- Tự nhận thức, xác định giá trị cá nhân*

*- Tư duy sáng tạo*

***\* GDQPAN****: Nêu hình ảnh các nhà khoa học Việt Nam đã cống hiến trọn đời phục vụ Tổ quốc*

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: + Tranh minh hoạ bài tập đọc (phóng to nếu có điều kiện).

+ Bảng phụ viết sẵn đoạn luyện đọc

- HS: SGK, vở viết

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- Phương pháp: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm.

- Kĩ thuật: Kĩ thuật đặt câu hỏi, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBHT điều hành lớp trả lời, nhận xét  *+ Trống đồng Đông Sơn đa dạng không chỉ về hình dáng, kích thước mà cả về phong cách trang trí …*  *+ Vì trống đồng Đông Sơn là cổ vật quý giá phản ánh trình độ văn minh của người Việt cổ xưa, là bằng chứng nói lên rằng dân tộc Việt Nam là một dân tộc có nền văn hoá lâu đời, bền vững.* | **1. Khởi động:** *(5p)*  *+Trống đống Đông Sơn đa dạng như thế nào?*  *+ Vì sao trống đồng Đông Sơn là niềm tự hào chính đáng của người Việt Nam ta?*  - GV nhận xét chung, dẫn vào bài học |
| **2. Luyện đọc:** *(8-10p)*  **\* Mục tiêu:** Đọc trôi trảy bài tập đọc, bước đầu biết nhấn giọng những từ ngữ mang cảm hứng ngợi ca.  \* **Cách tiến hành:** | |
| - 1 HS đọc bài, cả lớp đọc thầm  - Lắng nghe  - Lớp trưởng điều hành cách chia đoạn  - Bài được chia làm 4 đoạn  (Mỗi chỗ xuống dòng là 1 đoạn)  - Nhóm trưởng điều hành nhóm đọc nối tiếp đoạn trong nhóm lần 1 và phát hiện các từ ngữ khó (*cầu cống, ba-dô-ca, lô cốt, nền khoa học,...)*  - Luyện đọc từ khó: Đọc mẫu (M4)-> Cá nhân (M1)-> Lớp  - Giải nghĩa từ khó (đọc chú giải)  - HS đọc nối tiếp đoạn lần 2 theo điều khiển của nhóm trưởng  - Các nhóm báo cáo kết quả đọc  - 1 HS đọc cả bài (M4) | - Gọi 1 HS đọc bài (M3)  - GV lưu ý giọng đọc cho HS: Toàn bài đọc với giọng kể trầm tĩnh, mang cảm hứng ngợi ca, chú ý nhấn giọng những từ ngữ: *miệt mài, tiếng gọi thiêng liêng, nghiên cứu, cống hiến xuất sắc, ...*  - GV chốt vị trí các đoạn:  - Lưu ý sửa lỗi đọc và ngắt nghỉ cho các HS (M1)    - Hướng dẫn giải nghĩa thêm một số từ khó: (*lô cốt, súng ba-dô-ca)* |
| **3. Tìm hiểu bài:** *(8-10p)*  **\* Mục tiêu:** Hiểu ND, ý nghĩa của bài: Ca ngợi AHLĐ Trần Đại Nghĩa đã có những cống hiến xuất sắc cho sự nghiệp quốc phòng và xây dựng nền khoa học trẻ của đất nước (trả lời được các câu hỏi trong SGK).  **\* Cách tiến hành: *Làm việc nhóm 4 – Chia sẻ trước lớp*** | |
| - 1 HS đọc các câu hỏi cuối bài  - HS làm việc theo nhóm 4 – Chia sẻ kết quả dưới sự điều hành của TBHT  *+ Ông tên thật là Phạm Quang Lễ, quê ở Vĩnh Long. Ông học trung học ở Sài Gòn, năm 1935 sang Pháp học đại học. Ông theo học cả 3 ngành: kĩ sư cầu cống – điện – hàng không. Ngoài ra ông còn miệt mài nghiên cứu chế tạo vũ khí.*  *+ Là nghe theo tình cảm yêu nước trở về bảo vệ và xây dựng đất nước.*  *+ Trên cương vị Cục trưởng Cục quân giới, ông đã cùng anh em nghiên cứu, chế ra những loại vũ khí có sức công phá lớn: súng ba- dô- ca, súng không giật, bom bay tiêu diệt xe tăng và lô cốt giặc …*  *+ Ông có công lớn trong việc xây dựng nền khoa học trẻ tuổi của nhà nước. Nhiều năm liền, ông giữ cương vị Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học và Kĩ thuật* *Nhà nước.*  *+ Năm 1948, ông được phong thiếu tướng. Năm 1952, ông được khen anh hùng lao động. Ông còn được nhà nước tặng giải thưởng Hồ Chí Minh và nhiều huân chương cao quý.*  *+ Nhờ ông yêu nước, tận tuỵ hết lòng vì nước. Ông lại là nhà khoa học xuất sắc ham nghiên cứu, ham học hỏi.*  **Ý nghĩa: Ca ngợi AHLĐ Trần Đại Nghĩa đã có những cống hiến xuất sắc cho sự nghiệp quốc phòng và xây dựng nền khoa học trẻ của đất nước.**  - HS ghi lại ý nghĩa của câu chuyện  - HS lắng nghe, liên hệ  - HS kể tên (nếu biết) và nêu những cống hiến của nhà khoa học đó  - HS liên hệ ý thức học tập và noi gương theo các nhà khoa học. | - GV yêu cầu HS đọc các câu hỏi cuối bài  *+ Em hãy nói lại tiểu sử của Trần Đại Nghĩa trước khi theo Bác Hồ về nước.*  *+ Em hiểu “nghe theo tiếng gọi thiêng liêng của Tổ quốc” là gì?*  *+ Giáo sư Trần Đại Nghĩa đã có đóng góp gì lớn trong kháng chiến?*  *+ Nêu những đóng góp của ông cho sự nghiệp xây dựng Tổ quốc.*    *+ Nhà nước đánh giá cao những cống hiến của Trần Đại Nghĩa như thế nào?*  *+ Nhờ đâu, ông Trần Đại Nghĩa lại có được những cống hiến lớn như vậy?*  - Câu chuyện có ý nghĩa gì?  \* Lưu ý giúp đỡ hs M1+M2 trả lời các câu hỏi tìm hiểu bài.Hs M3+M4 trả lời các câu hỏi nêu nội dung đoạn, bài.  ***- Giáo dục KNS: Anh hùng lao động Trần Đại Nghĩa đã có nhiều sáng tạo trong nghiên cứu kĩ thuật chế tạo vũ khí nên đã cống hiến rất nhiều cho sự nghiệp kháng chiến và xây dựng đất nước. Trong cuộc sống, chúng ta cần sáng tạo hết mình để mang lại những thành quả có ích***  ***\* GDQPAN: Ngoài giáo sư Trần Đại Nghĩa chúng ta còn có rất nhiều nhà khoa học khác đã cống hiến trọn đời phục vụ Tổ quốc. Em hãy kể tên một số nhà khoa học mà mình biết***  ***- GV giới thiếu một số nhà khoa học: Giáo sư Nguyễn Thiện Thàn, Tôn Thất Tùng, nhà bác học Nguyễn Đình Của,...*** |
| **4. Luyện đọc diễn cảm***(8-10p)*  **\* Mục tiêu:** HSđọc diễn cảm được đoạn 2 của bài.  **\* Cách tiến hành: Hoạt động cá nhân – nhóm - cả lớp** | |
| - HS nêu lại giọng đọc cả bài  - 1 HS M4 đọc mẫu toàn bài  - Nhóm trưởng điều hành các thành viên trong nhóm  + Luyện đọc diễn cảm trong nhóm  + Cử đại diện đọc trước lớp  - Bình chọn nhóm đọc hay.  - HS nêu bài học của mình  - Tìm hiểu về các anh hùng lao động có nhiều đóng góp trong sự nghiệp xây dựng đất nước | - Yêu cầu HS nêu giọng đọc toàn bài.  - Yêu cầu đọc diễn cảm đoạn 2 của bài  - GV nhận xét, đánh giá chung  **5. Hoạt động ứng dụng** *(1 phút)*  *+ Em học được điều gì từ anh hừng lao động Trần Đại Nghĩa?*  **6. Hoạt động sáng tạo** *(1 phút)* |

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TOÁN**

***Tiết 101:* RÚT GỌN PHÂN SỐ**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Hiểu thế nào là rút gọn phân số, phân số tối giản. Biết cách rút gọn phân số

**2. Kĩ năng**

- Bước đầu rút gọn được phân số và nhận biết được phân số tối giản (trường hợp đơn giản).

**3. Thái độ**

- HS có thái độ học tập tích cực.

**4. Góp phần phát triển năng lực:**

**-** Năng lực tự học, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL tư duy - lập luận logic.

\* Bài tập cần làm: Bài 1a, bài 2a.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Phiếu học tập

- HS: Sách, bút

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- Phương pháp vấn đáp, động não, thực hành, đặt và giải quyết vấn đề, hoạt động nhóm, trò chơi học tập

- Kĩ thuật đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC;**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBHT điều hành lớp chơi trò chơi **Bắn tên**  *+ Khi nhân hoặc chia cả từ và mẫu cho một phân số lớn hơn 1 thì ta được phân số mới bằng phân số đã cho*  + ***=*** | | **1. Khởi động:** *(5p)*  *+ Bạn hãy nêu tính chất cơ bản của phân số?*  *+ Nêu VD hai phân số bằng nhau?*  - GV giới thiệu bài – Ghi tên bài |
| **2. Hình thành kiến thức***:(15p)*  **\* Mục tiêu:** Hiểu thế nào là rút gọn phân số. Biết cách rút gọn phân số  **\* Cách tiến hành: Cá nhân – Nhóm- Lớp** | | |
| - HS thảo luận nhóm 2 và tìm cách giải quyết vần đề - Chia sẻ lớp  - Ta có  =.  *+ Chia tử số và mẫu số của phân số cho 5.*  *+Tử số và mẫu số của phân số  nhỏ hơn tử số và mẫu số của phân số .*  - HS nghe giảng và nêu:  + Phân số  được rút gọn thành phân số.  + Phân số  là phân số rút gọn của phân số .  - HS nhắc lại.  - HS thực hiện cá nhân – Chia sẻ lớp  =  =  *+ Ta được phân số*  *+ Ta thấy cả 6 và 8 đều chia hết cho 2 nên ta thực hiện chia cả tử số và mẫu số của PS  cho 2.*  *+ Không thể rút gọn phân số  được nữa vì 3 và 4 không cùng chia hết cho một số tự nhiên nào lớn hơn 1.*  -HS nhắc lại.  - HS làm việc nhóm 2 – Chia sẻ lớp  + HS có thể thực hiện như sau:  ⮚  =  =  ⮚  =  =  ⮚  =  =  *+ Ta được phân số*  *+ Phân số  đã là phân số tối giản vì 1 và 3 không cùng chia hết cho số nào lớn hơn 1.*  - HS nêu  - 1 HS đọc | | **a.  *Thế nào là rút gọn phân số?***  Bài toán: Cho phân số . Hãy tìm phân số bằng phân số  nhưng có tử số và mẫu số bé hơn.  *+ Yêu cầu HS nêu cách tìm và phân số bằng  vừa tìm được.*  *+ Hãy so sánh tử số và mẫu số của hai phân số trên với nhau.*  - GV nhắc lại: Tử số và mẫu số của phân số  nhỏ hơn tử số và mẫu số của phân số, phân số  =. Khi đó ta nói phân số  đã được rút gọn bằng phân số, hay phân số  là phân số rút gọn của.  **- *Kết luận*: Có thể rút gọn phân số để có được một phân số có tử số và mẫu số bé đi mà phân số mới vẫn bằng phân số đã cho.**  **b. *Cách rút gọn phân số, phân số tối giản***  Ví dụ 1: GV viết lên bảng phân số  và yêu cầu HS tìm phân số bằng phân số  nhưng có tử số và mẫu số nhỏ hơn.  \* Khi tìm phân số bằng phân số  nhưng có tử số và mẫu số đều nhỏ hơn chính là em đã rút gọn phân số. *Rút gọn phân số  ta được phân số nào?*  *+ Hãy nêu cách em làm để rút gọn từ phân số  được phân số?*  *+ Phân số  còn có thể rút gọn được nữa không? Vì sao?*  - **GV kết luận: Phân số  không thể rút gọn được nữa. Ta nói rằng phân số  là phân số tối giản. Phân số  được rút gọn thành phân số tối giản.**  \* Ví dụ 2: GV yêu cầu HS rút gọn phân số. GV có thể đặt câu hỏi gợi ý để  *+ Khi rút gọn phân số  ta được phân số nào?*  *+ Phân số đã là phân số tối giản chưa? Vì sao?*  \* Dựa vào cách rút gọn phân số  và phân số  em hãy nêu các bước thực hiện rút gọn phân số.  \* Lưu ý giúp đỡ HS M1+M2  - GV yêu cầu HS mở SGK và đọc kết luận của phần bài học. |
| **3. Hoạt động thực hành** (18p)  **\* Mục tiêu**: Bước đầu biết cách rút gọn phân số và nhận biết được phân số tối giản (trường hợp đơn giản).  \* **Cách tiến hành: Cá nhân – Nhóm – Lớp** | | |
| - Thực hiện cá nhân – Chia sẻ nhóm 2 – Chia sẻ lớp  Đáp án:            - Thực hiện cá nhân – Chia sẻ lớp  Đáp án:  a) Phân số  ,, là phân số tối giản vì TS và MS của mỗi phân số đều không cùng chia hết cho số nào lớn hơn 1.  b) Các PS rút gọn được là:    - HS làm vở Tự học – Chia sẻ lớp.  Đáp án:    - Ghi nhớ cách rút gọn phân số  - Tìm các bài tập về phân số trong sách Toán buổi 2 và giải | ***Bài 1a: HS NK hoàn thành cả bài.***  - Nhắc các em rút gọn đến khi được phân số tối giản thì mới dừng lại. Khi rút gọn có thể có một số bước trung gian, không nhất thiết phải giống nhau.  - GV chốt đáp án.  - Củng cố cách rút gọn phân số.  \* Lưu ý giúp đỡ hs M1+M2 hoàn thành bài tập  ***Bài 2a: HS NK hoàn thành cả bài.***  - Gọi HS đọc yêu cầu bài tập.  - GV nhận xét, chốt đáp án, nhắc lại về phân số tối giản  \* HS M1+M2 hoàn thành bài tập, hs M3+M4 hoàn thành cả bài.  ***Bài 3(bài tập chờ dành cho HS hoàn thành sớm)***  Viết số thích hợp vào chố trống:    - Chốt cách rút gọn tới phân số tối giản  **4. Hoạt động ứng dụng *(1p)***  **5. Hoạt động sáng tạo *(1p)*** | |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

..........................................................................................................................................................................................................................................................................

**KHOA HỌC**

**ÂM THANH (PP BTNB)**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Nhận biết được những âm thanh xung quanh.

**2. Kĩ năng**

- Biết và thực hiện được các cách khác nhau để lam cho vật phát ra âm thanh.  
- Nêu được ví dụ hoặc làm thí nghiệm đơn giản chứng minh về sự liên hệ giữa rung động và sự phát ra âm thanh.  
**3. Thái độ**

- Có ý thức tạo ra những âm thanh hài hoà, dễ chịu, có tác động tích cực tới cuộc sống.

**4. Góp phần phát triển các năng lực:**

- NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL hợp tác,...

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Một số đồ vật khác để tạo ra âm thanh.

- HS: Chuẩn bị theo nhóm: ống bơ, thước, vài hòn sỏi, trống nhỏ, một ít vụn giấy.

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: quan sát, hỏi đáp, thảo luận, trò chơi học tập, thí nghiệm.

- KT: Động não, chia sẻ nhóm đôi, tia chớp

**II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt đông của của học sinh** | **Hoạt đông của giáo viên** |
| - HS chơi dưới sự điều hành của TBHT  *+ Không vứt rác bừa bãi, tiểu tiện đúng nơi quy định, trồng rừng và bảo vệ rừng…* | **1. Khởi động *(4p)***  Trò chơi: ***Hộp quà bí mật***  *+ Em hãy nêu một số việc làm để bảo vệ bầu không khí trong sạch?*  - GV nhận xét, khen/ động viên, dẫn vào bài mới. |
| **2. Bài mới:***(30p)*  **\* Mục tiêu:**  - Nhận biết được những âm thanh xung quanh.  - Biết và thực hiện được các cách khác nhau để lam cho vật phát ra âm thanh. - Nêu được ví dụ hoặc làm thí nghiệm đơn giản chứng minh về sự liên hệ giữa rung động và sự phát ra âm thanh. **\* Cách tiến hành: Cá nhân-Nhóm –Lớp** | |
| - HS lần lượt nêu.       - HS theo dõi .  - HS ghi chép hiểu biết ban đầu của mình vào vở ghi chép : Chẳng hạn:  - Âm thanh do không khí tạo ra. - Âm thanh do các vật chạm vào nhau tạo ra. - HS thảo luận nhóm  thống nhất ý kiến ghi chép vào phiếu.  - HS so sánh sự khác nhau của các ý kiến ban đầu   - HS  nêu câu hỏi: Chẳng hạn:  + Không khí có tạo nên âm thanh không? + Vì sao các bạn cho rằng âm thanh do các vật phát ra tiếng động? - Chẳng hạn: HS đề xuất các phương án + Làm thí nghiệm ; Quan sát thực tế. + Hỏi người lớn; Tra cứu trên mạng v.v..  - Một số HS nêu cách thí nghiệm, nếu chưa khoa học hay không thực hiện được GV có thể điều chỉnh:  - Một HS lên thực hiện lại thí nghiệm - Cả lớp quan sát.   *+ Các mẩu giấy vụn rung động. Nếu gõ mạnh hơn thì mặt trống rung mạnh hơn nên âm thanh to hơn. + Nếu đặt tay lên mặt trống rồi gõ thì mặt trống ít rung nên kêu nhỏ. + Âm thanh do các vật rung động phát ra.* - HS thực hành theo nhóm và rút ra kết luận: *+ Khi nói tay em thấy rung.*  - Nghe.  - HS đính phiếu – nêu kết quả làm việc - HS so sánh kết quả với dự đoán ban đầu.   - HS đọc lại kết luận.   - Ghi nhớ kiến thức.  - Hãy tạo ra âm thanh từ các vật xung quanh. Nhận xét về các âm thanh đó (to, nhỏ, mang lại cảm giác dễ chịu hay khó chịu,...) | **HĐ1:Giới thiệu bài:** - Nêu một số âm thanh mà em biết? Vậy các em có muốn biết âm thanh được tạo thành như thế nào không?  ….  **\* HĐ2:Tiến trình đề xuất:** **Bước1: Đưa tình huống xuất phát và nêu vấn đề:** Âm thanh có ở khắp mọi nơi, xung quanh các em. Theo các em, âm thanh được tạo thành như thế nào? **Bước 2: Làm bộc lộ biểu tượng ban đầu của HS:** - GV yêu cầu HS ghi lại những hiểu biết ban đầu của mình vào vở ghi chép khoa học .    - GV cho HS đính phiếu lên bảng - GV gọi nhóm 1 nêu kết quả của nhóm mình. - GV yêu cầu các nhóm còn lại nêu những điểm khác biệt của nhóm mình so với nhóm đó. **Bước 3: Đề xuất câu hỏi và phương án tìm tòi:** - GV giúp các em đề xuất câu hỏi liên quan đến nội dung kiến thức tìm hiểu bài học. - GV tổng hợp câu hỏi của các nhóm và chốt các câu hỏi chính: + Âm thanh được tạo thành như thế nào?  - GV cho HS thảo luận đề xuất phương án tìm tòi . - GV chốt phương án : Làm thí nghiệm    **Bước 4: Thực hiện phương án tìm tòi: -** Để trả lời câu hỏi: Âm thanh được tạo thành như thế nào?, theo các em chúng ta nên tiến hành làm thí nghiệm như thế nào? ***\*Thí nghiệm 1: Rắc một ít giấy vụn lên mặt trống. Gõ trống và quan sát xem hiện tượng gì xảy ra.***- HS vừa làm thí nghiệm, GV vừa đưa ra câu hỏi tìm hiểu: *+ Khi gõ trống, em thấy điều gì xảy ra ?Nếu gõ mạnh hơn thì các vụn giấy ntn?*  ***\* Thí nghiệm 2: Hãy đặt tay lên cổ, khi nói tay các em có cảm giác gì?*** - Gọi 1 HS trả lời. - GV giải thích thêm: Khi nói, không khí từ phổi đi lên khí quản, qua dây thanh quản làm cho các dây thanh rung động. Rung động này tạo ra âm thanh. **Bước 5: Kết luận kiến thức: -** GV cho HS đính phiếu kết quả sau quá trình làm thí nghiệm.  ***- GV: Như vậy âm thanh do các vật rung động phát ra. Đa số trường hợp sự rung động này rất nhỏ và ta không thể nhìn thấy trực tiếp.* 3. HĐ ứng dụng *(1p)***  **4. HĐ sáng tạo *(1p)*** |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

..............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

*Thứ ....... ngày ...... tháng ..... năm .........*

**CHÍNH TẢ**

**CHUYỆN CỔ TÍCH VỀ LOÀI NGƯỜI**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức:**

- Nhớ - viết đúng bài CT; trình bày đúng các khổ thơ, dòng thơ 5 chữ.

- Làm đúng BT2a, BT 3a phân biệt r/d/gi

**2. Kĩ năng:**

**-** Rèn kĩ năng viết đẹp, viết đúng chính tả.

**3. Thái độ:**

**-** Giáo dục tính cẩn thận, chính xác, yêu thích chữ viết

**4. Góp phần phát triển năng lực:**

**-** NL tự chủ và tự học, NL sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: 3,4 tờ giấy khổ to ghi nội dung BT 2a, 3a

- HS: Vở, bút,...

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- Phương pháp vấn đáp, động não, quan sát, thực hành, đặt và giải quyết vấn đề, hoạt động nhóm, trò chơi học tập.

- Kĩ thuật đặt câu hỏi, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ | **1. Khởi động: (***2p***)**  ***-*** GV dẫn vào bài mới |
| **2. Chuẩn bị viết chính tả:** *(6p)*  **\* Mục tiêu:** HS hiểu được nội dung bài CT, tìm được các từ khó viết  **\* Cách tiến hành:** | |
| - 1 HS đọc- HS lớp đọc thầm  *+Sau khi trẻ sinh ra cần phải có me để bế bồng, chăm sóc và có bố để dạy cho những điều hay*  *-* HS nêu từ khó viết*: nhìn rõ,bế bồng,..*  *-* Viết từ khó vào vở nháp | \* Trao đổi về nội dung đoạn cần viết  - Gọi HS đọc đoạn văn cần viết  *+ Bài văn nói về điều gì?*  - Hướng dẫn viết từ khó: Gọi HS nêu từ khó, sau đó GV đọc cho HS luyện viết. |
| **3. Viết bài chính tả:** *(15p)*  **\* Mục tiêu:** Hs nhớ - viết tốt bài chính tả, trình bày đúng các khổ thơ, dòng thơ 5 chữ.  **\* Cách tiến hành:** | |
| - HS nhớ - viết bài vào vở | - GV theo dõi và nhắc nhở, giúp đỡ HS viết chưa tốt.  - Nhắc nhở cách cầm bút và tư thế ngồi viết. |
| **4. Đánh giá và nhận xét bài:** *(5p)*  **\* Mục tiêu:** Giúp HS tự đánh giá được bài viết của mình và của bạn. Nhận ra các lỗi sai và sửa sai  **\* Cách tiến hành: Cá nhân- Cặp đôi** | |
| - Học sinh xem lại bài của mình, dùng bút chì gạch chân lỗi viết sai. Sửa lại xuống cuối vở bằng bút mực  - Trao đổi bài (cặp đôi) để soát hộ nhau  - Lắng nghe. | - Cho học sinh tự soát lại bài của mình theo.  - GV nhận xét, đánh giá 5 - 7 bài  - Nhận xét nhanh về bài viết của HS |
| **5. Làm bài tập chính tả:** *(5p)*  **\* Mục tiêu:** Giúp HS phân biệt được r/d/gi  **\* Cách tiến hành: Cá nhân - Cặp đôi - Chia sẻ trước lớp** | |
| Đ/a:  Mưa ***gi***ăng trên đồng  Uốn mềm ngọn lúa  Hoa xoan theo ***gi***ó  ***R***ải tím mặt đường  Đ/a:  Những tiếng thích hợp trong ngoặc đơn cần chọn là: ***dáng – dần – điểm – rắn – thẫm – dài – rỗ – mẫn.***  - Viết lại 5 lần các từ viết sai trong bài chính tả  - Lấy VD để phân biệt ra/da/gia | **Bài 2a:** Điền vào chỗ trống r/d/gi  **Bài 3a:**  - Yêu cầu HS học tập những nét hay, nét đẹp trong bài văn miêu tả cây mai để vận dụng trong viết văn miêu tả  **6. Hoạt động ứng dụng** *(1p)*  **7. Hoạt động sáng tạo** *(1p)* |

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

.........................................................................................................................................................................................................................................................................

**TOÁN**

***Tiết 101:* LUYỆN TẬP**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Ôn tập kiến thức về rút gọn phân số

**2. Kĩ năng**

- Rút gọn được phân số.

- Nhận biết được tính chất cơ bản của phân số.

**3. Thái độ**

- HS tích cực, cẩn thận khi làm bài

**4. Góp phần phát huy các năng lực**

**-** Năng lực tự học, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL tư duy - lập luận logic.

\* BT cần làm: Bài 1, bài 2, bài 4 (a, b).

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Phiếu học tập.

- HS: SGK,.

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm

- Kĩ thuật: đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của HS** | **Hoạt động của GV** |
| - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ | **1. Khởi động *(5p)***    - GV giới thiệu bài mới |
| **2. Hoạt động thực hành***:(18p)*  **\* Mục tiêu:** Nắm rõ tính chất của phân số. Thực hiện rút gọn được phân số  **\* Cách tiến hành:** Cá nhân, nhóm, cả lớp. | |
| - Thực hiện cá nhân – Chia sẻ nhóm 2 - Chia sẻ lớp  Đáp án:      *+ Rút gọn phân số tới tối giản*  - HS làm cá nhân – Chia sẻ lớp  *+ Chúng ta rút gọn các phân số, phân số nào được rút gọn thành  thì phân số đó bằng phân số.*  Đáp án: + 2 PS rút gọn thành  là:    + Phân số  là phân số tối giản và không bằng phân số  - Thực hiện nhóm đôi – Chia sẻ lớp  Đ/á: VD:    - HS làm vở Tự học – Chia sẻ lớp  Đáp án: Thực hiện rút gọn các PS về dạng tối giản      Các phân số bằng phân số  là:    - Ghi nhớ KT của bài  - Tìm các bài tập cùng dạng trong sách buổi 2 và giải. | ***Bài 1: Rút gọn các phân số.***  - Gọi HS đọc yêu cầu bài tập.  - GV chốt đáp án.  - Củng cố cách rút gọn phân số.  *+ Khi rút gọn PS cần lưu ý điều gì?*  ***Bài 2:*** Trong các phân số dưới đây, phân số...  *+ Để biết phân số nào bằng phân số  chúng ta làm như thế nào?*    ***Bài 4a, b: HS năng khiếu làm cả bài.***    - Nhận xét, chốt đáp án đúng.  ***Bài 3 (bài tập chờ dành cho HS hoàn thành sớm)***  **4. Hoạt động ứng dụng** *(1p)*  **5. Hoạt động sáng tạo** *(1p)* |

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

..........................................................................................................................................................................................................................................................................

**LỊCH SỬ**

**Nhà HẬu Lê và viỆc tỔ chỨc**

**quẢn lí đẤt nưỚc**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- Biết nhà Hậu Lê đã tổ chức quản lí đất nước tương đối chặt chẽ: soạn Bộ luật Hồng Đức, vẽ bản đồ đất nước; uy quyền tập trung vào tay vua

**2. Kĩ năng**

- Biết cách xâu chuỗi các sự kiện lịch sử.

*\* ĐCND: Không cần nắm nội dung của bộ luật Hồng Đức, chỉ cần biết bộ luật được soạn thảo thời Hậu Lê*

**3. Thái độ**

- Có tinh thần học tập nghiêm tục, tôn trọng lịch sử

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL ngôn ngữ, NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: + Phiếu học tập cho HS.

+ Tranh minh hoạ như SGK (nếu có)

- HS: SGK, bút

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm.

- KT: Kĩ thuật đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBHTđiều hành lớp trả lời, nhận xét:  *+Ải Chi Lăng hiểm trở thuận lợi cho việc mai phục của quân ta...*  *+ Liễu Thăng cầm đầu một đạo quân đánh vào Lạng Sơn....* | **1.Khởi động:***(4p)*  *+Tại sao quân ta chọn ải Chi Lăng làm trận địa đánh địch?*  *+ Em hãy thuật lại trận phục kích của quân ta tại ải Chi Lăng?*  - GV nhận xét chung, dẫn vào bài mới |
| **2. Bài mới:***(30p)*  **\* Mục tiêu:** Biết nhà Hậu Lê đã tổ chức quản lí đất nước tương đối chặt chẽ: soạn Bộ luật Hồng Đức, vẽ bản đồ đất nước; uy quyền tập trung vào tay vua  **\* Cách tiến hành*: Cá nhân – Nhóm - Lớp*** | |
| - Lắng nghe    - HS đọc thông tin SGK  - HS lắng nghe và suy nghĩ về tình hình tổ chức xã hội của nhà Hậu Lê có những nét gì đáng chú ý .  - HS làm việc nhóm 2 – Chia sẻ lớp  *+ Nhà Hậu Lê ra đời năm 1428, lấy tên nước là Đại Việt, đóng đô ở Thăng Long.*  *+ Gọi là Hậu Lê để phân biệt với triều Lê do Lê Hoàn lập ra.*  *+ Việc quản lý đất nước ngày càng được củng cố và đạt tới đỉnh cao vào đời vua Lê Thánh Tông.*  *+ Mọi quyền hành đều tập trung vào tay vua. Vua trực tiếp là tổng chỉ huy quân đội*  - HS tìm hiểu cá nhân – Chia sẻ lớp.  *+ Vua Lê Thánh Tông*  *+ Vua, nhà giàu, làng xã, phụ nữ*  - Lắng nghe  - HS nối tiếp nêu  - Tìm hiểu thêm về vua Lê Thánh Tông | ***\* Giới thiệu bài:*** Cuối bài học trước, chúng ta đã biết sau trận đại bại ở Chi Lăng, quân Minh phải rút về nước, nước ta hoàn toàn độc lập. Lê Lợi lên ngôi vua, lập ra triều đại Hậu Lê. Triều đại này đã tổ chức, cai quản đất nước như thế nào? Chúng ta cùng tìm hiểu qua bài học hôm nay  **HĐ1: Một số nét khái quát về nhà Hậu Lê:**  - GV giới thiệu một số nét khái quát về nhà Lê: Tháng 4- 1428, Lê Lợi chính thức lên ngôi vua, đặt lại tên nước là Đại Việt. Nhà Hậu Lê trải qua một số đời vua. Nước đại Việt ở thời Hậu Lê phát triển rực rỡ nhất ở đời vua Lê Thánh Tông (1460- 1497) .  - GV phát phiếu học tập cho HS.  *+ Nhà Hậu Lê ra đời trong thời gian nào? Ai là người thành lập? Đặt tên nước là gì? Đóng đô ở đâu?*  *+ Vì sao triều đại này gọi là triều Hậu Lê?*  *+ Việc quản lí đất nước dưới thời Hậu Lê như thế nào?*  *+ Tại sao nói vua có uy quyền tuyệt đối?*  ***\* Việc quản lý đất nước thời Hậu Lê rất chặt chẽ. Mọi quyền hành đều tập trung vào tay vua***  **HĐ2: Bản đồ Hồng Đức. Bộ luật Hồng Đức**  - GV giới thiệu vai trò của bản đồ Hồng Đức, Bộ luật Hồng Đức rồi nhấn mạnh: Đây là công cụ để quản lí đất nước.  - GV giúp HS tìm hiểu đôi nét bản đồ và bộ luật  *+ Ai là người cho vẽ bản đồ và xây dựng bộ luật?*  *+ Luật Hồng Đức bảo vệ quyền lợi của ai?*  **- GV nhận xét và kết luận: *Gọi là Bản đồ Hồng Đức, bộ luật Hồng Đức vì chúng cùng ra đời dưới thời vua Lê Thánh Tông, lúc ở ngôi vua đặt niên hiệu là Hồng Đức. Nhờ có bộ luật này những chính sách phát triển kinh tế, đối nội , đối ngoại sáng suốt mà triều Hậu Lê đã đưa nước ta phát triển lên một tầm cao mới.***  **3. Hoạt động ứng dụng** *(1p)*.  - Hãy nêu một số luật, bộ luật có vai trò quan trọng trong quản lí đất nước hiện nay  **4. Hoạt động sáng tạo** *(1p)* |

**ĐIỀU CHỈNH-BỔ SUNG**

..........................................................................................................................................................................................................................................................................

.....................................................................................................................................

*Thứ ....... ngày ...... tháng ..... năm .........*

**LUYỆN TỪ VÀ CÂU**

**CÂU KỂ : AI THẾ NÀO?**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Nhận biết được câu kể Ai thế nào? (ND Ghi nhớ).

**2. Kĩ năng**

- Xác định được bộ phận CN, VN trong câu kể tìm được (BT1, mục III); bước đầu viết được đoạn văn có dùng câu kể Ai thế nào? (BT2).

\* HS năng khiếu viết được đoạn văn có dùng 2, 3 câu kể theo BT2.

**3. Thái độ**

- HS có thái độ học tập tích cực, sử dụng đúng câu kể khi nói và viết

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL tự học, NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: + 2, 3 tờ giấy khổ to viết đoạn văn ở phần nhận xét.

+ 1 tờ giấy viết các câu ở BT 1 (phần luyện tập).

- HS: VBT, bút

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Quan sát, hỏi đáp, thảo luận nhóm.

- KT: Kĩ thuật đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của HS** | **Hoạt động của GV** |
| - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ | 1**. Khởi động** (5p)  - GV giới thiệu và dẫn vào bài mới |
| **2. Hình thành KT** *(15 p)*  **\* Mục tiêu:**Nhậnbiết được câu kể Ai thế nào? (ND Ghi nhớ).  **\* Cách tiến hành: HS làm cá nhân – Chia sẻ lớp** |  |
| Đáp án:  + C1: Bên đường, cây cối ***xanh um***.  + C2: Nhà cửa ***thưa thớt dần***.  + C3: Chúng thật ***hiền lành***.  + C4: Anh ***trẻ và thật khỏe mạnh***.  *+ Vị ngữ của câu*  Đáp án:  + C1: Bên đường, cây cối ***thế nào?***  + C2: Nhà cửa ***thế nào?***  + C3: Chúng (đàn voi) ***thế nào?***  + C4: Anh (người quản tượng) ***thế nào?***  *+ thế nào? như thế nào?*  Đáp án:  + C1: ***Bên đường, cây cối*** xanh um***.***  + C2: ***Nhà cửa*** thưa thớt dần.  + C3: ***Chúng*** thật hiền lành.  + C4: ***Anh*** trẻ và thật khỏe mạnh.  *+ Chủ ngữ*  Đáp án:  + C1: ***Bên đường, cái gì*** xanh um***?***  + C2: ***Cái gì*** thưa thớt dần***?***  + C3: ***Những con gì*** thật hiền lành?  + C4: ***Ai*** trẻ và thật khỏe mạnh ***?***  *+ Ai? Cái gì? Con gì?*  - HS đọc ghi nhớ. | **a. Nhận xét**  **Bài tập 1+ 2:**  - GV giao việc: Các em đọc kĩ đoạn văn, dùng viết chì gạch dưới những từ ngữ chỉ đặc điểm, tính chất hoặc trạng thái của sự vật trong các câu ở đoạn văn vừa đọc.  - GV nhận xét, chốt lại lời giải đúng:  *+ Các từ chỉ trạng thái là bộ phận nào trong câu kể?*  **Bài tập 3:** Đặt câu hỏi cho ...  - GV giao việc: Đặt câu hỏi cho các từ ngữ: ***xanh um, thưa thớt dần, hiền lành, trẻ và thật khỏe mạnh.***  - Cho HS làm bài. GV đưa những câu văn đã viết sẵn trên giấy khổ to trên bảng lớp cho HS nhìn lên bảng đọc và trả lời miệng.  - GV nhận xét và chốt lại lời giải đúng.  *+ Vị ngữ trả lời cho câu hỏi gì?*  **Bài tập 4:** Tìm từ ngữ chỉ sự vật được miêu tả.  - YC HS xác định các từ ngữ chỉ các sự vật được miêu tả trong mỗi câu.  - GV nhận xét và chốt lại lời giải đúng  *+ Các từ chỉ sự vật là bộ phận nào của câu?*  **Bài tập 5:** Đặt câu hỏi cho các từ ngữ...  - GV nhận xét và chốt lại lời giải đúng.  *+ Chủ ngữ trả lời cho câu hỏi gì?*  **b. Ghi nhớ:**  - Cho HS đọc lại phần ghi nhớ. |
| **3. HĐ luyện tập** *:(18 p)*  **\* Mục tiêu:**  Xác định được bộ phận CN, VN trong câu kể tìm được (BT1, mục III); bước đầu viết được đoạn văn có dùng câu kể Ai thế nào? (BT2).  **\* Cách tiến hành: Cá nhân - Nhóm - Cả lớp** | |
| **Cá nhân - Nhóm 2- Chia sẻ lớp**  Đ/a:  Rồi ***những người con*** cũng lớn lên và lần lượt lên đường.  ***Căn nhà*** trồng vắng.  ***Anh Khoa*** hồn nhiên, xởi lởi.  ***Anh Đức*** lầm lì, ít nói.  Còn ***anh Tịnh*** thì đĩnh đạc, chu đáo.  **Cá nhân – Chia sẻ lớp**  VD: Tổ em có 10 bạn. Tổ trưởng là bạn Nam. Nam thông minh và học giỏi. Bạn Na dịu dàng, xinh xắn. Bạn Hoàng nghịch ngợm nhưng rất tốt bụng. Bạn Minh thì lém lỉnh, huyên thuyên suốt ngày.  - Nắm được cấu tạo của câu kể Ai thế nào?  - Tìm câu kể Ai thế nào? trong đoạn văn sau và xác định CN và VN của các câu kể đó.  Bãi ngô quê em ngày càng xanh tốt. Mới dạo nào, những cây ngô còn lấm tấm như mạ non. Thế mà chỉ ít lâu sau, ngô đã thành cây rung rung trước gió và ánh nắng. Những lá ngô rộng, dài, trổ ra mạnh mẽ, nõn nà. | **Bài tập 1:** Đọc và trả lời câu hỏi.  - GV nhận xét và chốt lại lời giải đúng  **Bài tập 2:** Kể về các bạn trong tổ em...  - GV nhận xét và khen thưởng những HS làm bài hay.  \*Lưu ý giúp đỡ HS M1+M2 xác đinh đúng câu kể ***Ai thế nào?***  **4. HĐ ứng dụng** (1p)  **5. HĐ sáng tạo** (1p) |

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TOÁN**

***Tiết 103:* QUY ĐỒNG MẪU SỐ CÁC PHÂN SỐ**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Biết thế nào là quy đồng mẫu số các phân số

**2. Kĩ năng**

- Thực hiện quy đồng mẫu số các phân số (trong trường hợp 2 mẫu số không chia hết cho nhau)

**3. Thái độ**

- Tích cực, tự giác học bài, trình bày bài sạch sẽ, khoa học

**4. Góp phần phát triển các kĩ năng**

- Năng lực tự học, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL tư duy - lập luận logic.

\* BT cần làm: Bài 1, bài 2

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: + Máy vi tính, máy chiếu.

+ Phiếu học tập (dùng cho hoạt động 1) có nội dung như sau:

***Phiếu học tập***

* *

- HS: Sách, bút

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Quan sát, hỏi - đáp, thảo luận nhóm.

- KT: đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của HS** | **Hoạt động của GV** |
| - TBHT điều hành lớp trả lời, nhận xét.  *1. Chọn đáp án. C*  + Vì:   * A: Nhân mẫu số với 2 nhưng giữ nguyên tử số. * B: Tử số nhân với 9 nhưng mẫu số lại nhân với 2.   + Nhân cả tử số và mẫu số với 5.  *2. Chọn đáp án. A*  + Vì:   * B: Giữ nguyên mẫu số, chia tử số cho 3. * C: Giữ nguyên tử số, chia mẫu số cho 3.   + Chia cả tử số và mẫu số cho 3.  - 1 HS nhắc lại. | **1. HĐ khởi động *(3p)***  *1. Trong các phân số sau, phân số nào bằng phân số ?*  A. B. C.  - Hỏi củng cố:  + Tại sao bạn không chọn đáp án A, B?  +Vậy em đã làm thế nào để tìm ra *?*  *2. Trong các phân số sau, phân số nào bằng phân số ?*  A.B. C.  - GV hỏi củng cố:  + Tại sao bạn không chọn đáp án B, C?  + Bạn đã làm thế nào để tìm ra *?*  - Gọi HS nhắc lại tính chất cơ bản của phân số.  - GV nhận xét chung, dẫn vào bài mới |
| **2. Hình thành kiến thức** *(15p)*  **\* Mục tiêu:** Biết thế nào là quy đồng mẫu số các phân số  **\* Cách tiến hành: Cá nhân – Lớp** | |
| - HS đọc, xác định yêu cầu của đề.  - HS thảo luận nhóm đôi – Chia sẻ lớp  *+ Để tìm được phân số bằng phân số  thì nhân cả tử số và mẫu số của phân số với cùng một số tự nhiên khác 0.*  *+ Để tìm được phân số bằng phân số  em thì nhân cả tử số và mẫu số của phân số với cùng một số tự nhiên khác 0.*  *+ Để 2 PS mới có cùng MS thì PS  có thể nhân cả TS và MS với 5, PS  nhân cả TS và MS với 3*  - HS hoàn thành phiếu học tập cá nhân – Chia sẻ nhóm 2 – Chia sẻ lớp  Đáp án:    *+ Phân số*  *+ Phân số*  *+ Hai phân số  và  đều có mẫu số là 15.*  - HS nhắc lại.  - HS trình bày lại cách quy đồng  - HS nêu quy tắc. (SGK trang 115)  - Lắng nghe  - HS lấy VD về quy đồng MS các phân số và thực hành. | **\*Hoạt động 1: Tìm hiểu ví dụ:**  - GV chiếu ví dụ SGK, gọi HS đọc, xác định yêu cầu của đề.  - GV yêu cầu HS vận dụng tính chất cơ bản của phân số để hoàn thành phiếu bài tập sau  (Nội dung phiếu như ở phần đồ dùng dạy học).  - GV chốt kết quả, khen ngợi/ động viên HS.  - Yêu cầu HS nhắc lại cách làm, kết hợp chiếu kết quả.  - GV rút ra nhận xét:  *+ Em đã tìm được phân số nào bằng phân số  ?*  *+ Em đã tìm được phân số nào bằng phân số  ?*  *+ Em có nhận xét gì về mẫu số của 2 phân số này? (Kết hợp hiệu ứng mẫu số)*  ***- GV kết luận: Hai phân số  và  đã được quy đồng mẫu số thành hai phân số  và ; 15 gọi là mẫu số chung của 2 phân số  và .***  **\*Hoạt động 2: Hướng dẫn cách quy đồng mẫu số các phân số:**  VD: Quy đồng MS 2 phân số : và  \* Hướng dẫn HS nhận xét và rút ra cách quy đồng (như SGK)  - GV gọi HS phát biểu quy tắc.  ***- Nhận xét, khen ngợi, chốt: Thực chất của việc quy đồng mẫu số các phân số là sử dụng tính chất cơ bản của phân số làm cho 2 phân số có mẫu số bằng nhau.***  \* Lưu ý giúp đỡ hs M1+M2 |
| **3. HĐ thực hành** *(18p)*  *\** **Mục tiêu***:* Thực hiện quy đồng được mẫu số các phân số  **\* Cách tiến hành***:* Cá nhân – Nhóm – Lớp | |
| - Làm cá nhân - Chia sẻ nhóm 2 – Lớp  Đáp án:  a. *Ta có:*    b.*Ta có:*    c. *Ta có:*    *+ MSC: 12*  - HS làm cá nhân vào vở - Chia sẻ lớp  a.Ta có:    b. Ta có:    c. Ta có:    - Ghi nhớ cách quy đồng MS các PS  **BTPTNL: Viêt các phân số sau đây thành các phân số có mẫu số là 10:** | **Bài 1:**  - Chiếu nội dung bài tập.  - Gọi HS đọc đề bài.  - GV nhận xét, chốt, khen ngợi/ động viên.  - Chốt lại cách quy đồng MS các PS  *+ Ta có thể chọn MSC ở phần a là bao nhiêu để kết quả quy đồng gọn gàng hơn?*  **Bài 2**: HS chơi trò chơi.  - GV nhận xét, đánh giá bài làm trong vở của HS  Lưu ý GV giúp đỡ HS M1+M2 quy đồng được phân số.  **4. Hoạt động ứng dụng** (1p)  **5. Hoạt động sáng tạo** (1p) |

**ĐIỀU CHỈNH-BỔ SUNG**

...................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**ĐẠO ĐỨC**

**LỊCH SỰ VỚI MỌI NGƯỜI** *(tiết 1)*

**I.MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Biết thế nào là lịch sự với mọi người

- Biết ý nghĩa của việc cư xử lịch sự với mọi người.

**2. Kĩ năng**

- Nêu được ví dụ về cư xử lịch sự với mọi người.

- Chọn lựa được những việc làm thể hiện ứng xử lịch sự với mọi người.

**3. Thái độ**

- Biết cư xử lịch sự với những người xung quanh.

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL tự học, NL giải quyết vấn đề, NL hợp tác, sáng tạo

***\* KNS:*** *- Thể hiện sự tự trọng và tôn trọng người khác*

*- Ứng xử lịch sự với mọi người*

*- Ra quyết định lựa chọn hành vi và lời nói phù hợp trong tình huống*

*- Kiểm soát khi cần thiết*

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Các tấm bìa xanh, đỏ, vàng. Một số đồ dùng cho trò chơi đóng vai.

- HS: SGK, SBT

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm, trò chơi, đóng vai.

- KT: động não, tia chớp, chia sẻ nhóm 2

**III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của HS** | **Hoạt động của GV** |
| -TBHT điều hành lớp trả lời, nhận xét  - HS nêu | **1. Khởi động:***(2p)*  + Vì sao phải kính trọng, biết ơn người lao động?  - Nhận xét, chuyển sang bài mới |
| **2. Bài mới** *(30p)*  **\* Mục tiêu:** - Biết ý nghĩa của việc cư xử lịch sự với mọi người.  - Nêu được ví dụ về cư xử lịch sự với mọi người..  **\* Cách tiến hành: Cá nhân-Nhóm-Lớp** | |
| **Nhóm 2 – Lớp**  - Cả lớp quan sát  *+ Chào hỏi lễ phép, thông cảm khi cô bị ốm chưa may xong áo.*  *+ To tiếng với cô thợ may: "Cô làm ăn thế à?....đúng ngày ấy chứ!"*  *+ Cách cư của bạn Trang thể hiện tôn trọng, lịch sự còn bạn Hà thì chưa.*  *+ Khuyên bạn thông cảm/ Khuyên bạn xin lỗi cô,...*  - Lắng nghe – HS đọc nội dung phần bài học  - Lấy VD về biểu hiện tôn trọng và không tôn trọng người lao động.  - HS thảo luận nhóm 6  - Đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luận trước lớp.  + HS dựng lại tình huống  + Chọn lựa hành vi, việc làm đúng và giải thích tại sao  - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  - HS lắng nghe.  - HS nêu những việc làm đúng, sai mà mình hay các bạn cũng đã làm  - HS nêu quan điểm cá nhân – Chia sẻ trước lớp  Đáp án: Các ý kiến nên đồng tình: ý c, d  - Lắng nghe  - Nêu một số biểu hiện của phép lịch sự khi giao tiếp | **HĐ1: Tìm hiểu câu chuyện**  “Chuyện ở tiệm may” – SGK – T: 31  - GV cho HS xem tiểu phẩm dựng từ câu chuyện do HS đóng.  - Yêu cầu trả lời các câu hỏi  *+ Bạn Trang có hành động thế nào với cô thợ may?*  *+ Bạn Hà có hành động thế nào với cô thợ may?*  *+ Em có nhận xét gì về cách cư xử của bạn Trang, bạn Hà trong câu chuyện?*  *+ Nếu em là bạn của Hà, em sẽ khuyên bạn điều gì? Vì sao?*  ***- GV kết luận:***  ***+ Trang là người lịch sự vì đã biết chào hỏi mọi người, ăn nói nhẹ nhàng, biết thông cảm với cô thợ may …***  ***+ Hà nên biết tôn trọng người khác và cư xử cho lịch sự.***  ***+ Biết cư xử lịch sự sẽ được mọi người tôn trọng, quý mến.***  **HĐ2: Chọn lựa hành vi**  (Bài tập 1- SGK/32):  - GV chia nhóm và giao nhiệm vụ thảo luận cho các nhóm.  Nhóm 1: Một ông lão ăn xin vào nhà Nhàn. Nhàn cho ông một ít gạo rồi quát: "Thôi, đi đi!"  Nhóm 2: Trung nhường ghế trên ôtô buýt cho một phụ nữ mang bầu.  Nhóm 3: Trong rạp chiếu bóng, mấy bạn nhỏ vừa xem phim, vừa bình phẩm và cười đùa.  Nhóm 4: Do sơ ý, Lâm làm một em bé ngã. Lâm liền xin lỗi và đỡ bé dậy.  Nhóm 5: Nam đã bỏ một con sâu vào cặp sách của bạn Nga.  ***- GV kết luận:***  ***+ Các hành vi, việc làm b, d là đúng.***  ***+ Các hành vi, việc làm a, c, đ là sai.***  Bài tập 2 (trang 33)  ***- GV kết luận: Cần giữ phép lịch với mọi người ở mọi lúc, mọi nơi để thể hiện mình là người lịch sự***  **3. HĐ ứng dụng** *(1p)*  *-* Vì sao cần lịch sự với nọi người?  **4. HĐ sáng tạo *(1p)*** |

**ĐIỀU CHỈNH-BỔ SUNG**

..............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**KỂ CHUYỆN**

**KỂ CHUYỆN ĐƯỢC CHỨNG KIẾN HOẶC THAM GIA**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Hiểu nội dung câu chuyện và biết trao đổi về ý nghĩa của câu chuyện.

**2. Kĩ năng:**

- Dựa vào gợi ý trong SGK, chọn được câu chuyện (được chứng kiến hoặc tham gia) nói về một người có khả năng hoặc sức khoẻ đặc biệt.

- Biết sắp xếp các sự việc thành một câu chuyện để kể lại rõ ý và trao đổi với bạn về ý nghĩa câu chuyện.

**3. Thái độ**

- Giáo dục HS biết học tập và rèn luyện để phát triển tài năng

**4. Góp phần bồi dưỡng các năng lực**

- NL giao tiếp và hợp tác, NL sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ.

***\*KNS:*** *- Giao tiếp*

*- Thể hiện sự tự tin*

*- Ra quyết định*

*- Tư duy sáng tạo*

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: + Bảng phụ viết tiêu chuẩn đánh giá bài kể chuyện.

+ Một tờ giấy khổ rộng viết dàn ý 2 cách kể.

- HS: SGK

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm, kể chuyện

- KT: đặt câu hỏi, động não, chia sẻ nhóm.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBHT điều hành lớp trả lời, nhận xét  + 1 HS kể | **1. Khởi động***:(5p)*  + Kể lại câu chuyện đã nghe, đã đọc về người có tài năng hoặc sức khoẻ  + Nêu ý nghĩa câu chuyện  - Gv dẫn vào bài. |
| **2. Tìm hiểu, lựa chọn câu chuyện phù hợp** *(8p)*  **\* Mục tiêu:**  Dựa vào gợi ý trong SGK, chọn được câu chuyện (được chứng kiến hoặc tham gia) nói về một người có khả năng hoặc sức khoẻ đặc biệt  **\* Cách tiến hành: Cá nhân-Nhóm-Lớp** | |
| - 1 HS đọc to, lớp theo dõi trong SGK.  - HS gạch chân các từ ngữ quan trọng  - 3 HS đọc tiếp nối 3 gợi ý.  - HS lần lượt nói về nhân vật đã chọn. | **Đề bài**: Kể chuyện về một người có khả năng hoặc có sức khỏe đặc biệt mà em biết.  - Cho HS nói về nhân vật mình chọn kể.  - GV lưu ý HS: Khi kể các em nhớ kể có đầu, có cuối và phải xưng tôi hoặc em. Em phải là nhân vật trung tâm chuyện ấy. |
| **3. Thực hành kể chuyện – Nêu ý nghĩa câu chuyện***:(20- 25p)*  **\* Mục tiêu:** Biết sắp xếp các sự việc thành một câu chuyện để kể lại rõ ý và trao đổi với bạn về ý nghĩa câu chuyện.  + HS M1+M2 kể được câu chuyện đúng YC  + HS M3+ M4 kể được câu chuyện đúng YC kết hợp được điệu bộ, giọng nói,..  **\* Cách tiến hành: Cá nhân - Nhóm- Lớp** | |
| - 1 HS đọc. Lớp quan sát. lắng nghe  - Từng cặp HS kể.  - Trao đổi với nhau về ý nghĩa của câu chuyện.  - HS kể trước lớp  - HS đặt câu hỏi. VD:  *+ Nhân vật của bạn có tài năng gì đặc biệt?*  *+ Chi tiết nào trong truyện làm bạn nhớ nhất?*  *+ Bạn học được điều gì qua câu chuyện đó?*  - Lớp nhận xét, đánh giá câu chuyện theo các tiêu chí đã đề ra  - Kể lại câu chuyện cho người thân nghe  - Sưu tầm các câu chuyện khác cùng chủ đề. | a. Đọc dàn ý bài kể chuyện (GV đã viết trên bảng phụ).  - GV lưu ý HS: Khi kể các em cần kể có đầu, có đuôi, biết kết hợp lời kể với động tác, điệu bộ, cử chỉ.  b. HS kể chuyện  - GV theo dõi các nhóm kể chuyện.  - GV mở bảng phụ đã viết sẵn tiêu chuẩn đánh giá bài kể chuyện (như những tiết trước)  - GV khuyến khích HS đặt câu hỏi cho bạn  **4. Hoạt động ứng dụng *(1p)***  **5. Hoạt động sáng tạo *(1p)*** |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**KĨ THUẬT**

**ĐIỀU KIỆN NGOẠI CẢNH CỦA CÂY RAU, HOA**

**I.MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Biết được các điều kiện ngoại cảnh và ảnh hưởng của chúng đối với cây rau, hoa.

**2. Kĩ năng**

- Biết liên hệ thực tiễn về ảnh hưởng của điều kiện ngoại cảnh đối với cây rau, hoa để vận dụng vào trồng cây rau, hoa

**3. Thái độ**

- Yêu thiên nhiên, thích trồng rau, hoa

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL thẩm mĩ, NL sáng tạo, NL hợp tác

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Tranh ĐDDH (hoặc pho to hình trong SGK trên khổ giấy lớn) điều kiện ngoại cảnh đối với cây rau, hoa.

- HS: Sưu tầm một số cây rau, hoa

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Quan sát mẫu, hỏi đáp, thảo luận nhóm, luyện tập – thực hành

- KT: đặt câu hỏi, tia chớp, động não, chia sẻ nhóm

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBHT điều hành lớp trả lời, nhận xét  *+ Những vật liệu thường sử dụng để trồng rau, hoa là hạt giống, phân bón, đất trồng.*  *+ Cuốc dùng để cuốc, xới,...Dầm dùng để xới đất và đào hốc,...* | **1. HĐ khởi động** *(3p)*  *+ Bạn hãy nêu những vật liệu thường sử dụng để trồng rau, hoa?*  *+ Bạn hãy nêu tác dụng của các dụng cụ trong việc trồng rau hoa?*  - GV nhận xét chung, dẫn vào bài mới |
| **2. HĐ thực hành:***(30p)*  **\* Mục tiêu**:  - Biết được các điều kiện ngoại cảnh và ảnh hưởng của chúng đối với cây rau, hoa.  - Biết liên hệ thực tiễn về ảnh hưởng của điều kiện ngoại cảnh đối với cây rau, hoa để vận dụng vào trồng cây rau, hoa  **\* Cách tiến hành: Cá nhân- Nhóm- Lớp** | |
| **Cá nhân - Chia sẻ lớp**  - HS quan sát tranh SGK.  *+ Nhiệt độ, nước, ánh sáng, chất dinh dưỡng, đất, không khí.*  - HS lắng nghe.  - HS làm việc nhóm 6. Mỗi nhóm tìm hiểu về 1 điều kiện ngoại cảnh và chia sẻ trước lớp  **1. Nhiệt độ:**  *+ Mặt trời.*  *+ Không.*  *+ Mùa đông trồng bắp cải, su hào… Mùa hè trồng mướp, rau dền…*  - Lắng nghe  **2. Nước.**  *+ Từ đất, nước mưa, không khí.*  *+ Hoà tan chất dinh dưỡng…*  *+ Thiếu nước cây chậm lớn, khô héo. Thừa nước bị úng, dễ bị sâu bệnh phá hoại…*  3. **Ánh sáng*:***  *+ Mặt trời*  *+ Giúp cho cây quang hợp, tạo thức ăn nuôi cây.*  *+ Cây yếu ớt, vươn dài, dễ đổ, lá xanh nhợt nhạt.*  *+ Trồng, rau, hoa ở nơi nhiều ánh sáng …*  - HS lắng nghe.  ***4.* Chất dinh dưỡng*:***  *+ Đạm, lân, kali, canxi,…..*  *+ Là phân bón.*  *+ Từ đất.*  *+ Thiếu chất dinh dưỡng cây sẽ chậm lớn, còi cọc, dễ bị sâu bệnh phá hoại. Thừa chất khoáng, cây mọc nhiều thân, lá, chậm ra hoa, quả, năng suất thấp.*  - HS lắng nghe.  **5. Không khí:**  *+ Từ bầu khí quyển và không khí có trong đất.*  *+ Cây cần không khí để hô hấp, quang hợp. Thiếu không khí cây hô hấp, quang hợp kém, dẫn đến sinh trưởng phát triển chậm, năng suất thấp. Thiếu nhiều cây sẽ bị chết.*  *+ Trồng cây nơi thoáng, thường xuyên xới cho đất tơi xốp.*  - HS đọc nội dung Ghi nhớ | **HĐ1: Các điều kiện ngoại cảnh ảnh hưởng đến sự sinh trưởng phát triển của cây rau, hoa.**  - GV treo tranh hướng dẫn HS quan sát H.2 SGK.  *+ Cây rau, hoa cần những điều kiện ngoại cảnh nào để sinh trưởng và phát triển?*  ***- GV nhận xét và kết luận:*** ***Các điều kiện ngoại cảnh cần thiết cho cây rau, hoa bao gồm nhiệt độ, nước, ánh sáng, chất dinh dưỡng, đất, không* khí.**  **HĐ2: Ảnh hưởng của các điều kiện ngoại cảnh đối với sự sinh trưởng phát triển của cây rau, hoa.**  - GV hướng dẫn HS đặt các câu hỏi cho các nhóm sau khi báo cáo xong:  *+ Nhiệt độ không khí có nguồn gốc từ đâu?*  *+ Nhiệt độ của các mùa trong năm có giống nhau không?*  *+ Kể tên một số loại rau, hoa trồng ở các mùa khác nhau.*  ***- GV kết luận: mỗi một loại cây rau, hoa đều phát triển tốt ở một khoảng nhiệt độ thích hợp.Vì vậy, phải chọn thời điểm thích hợp trong năm đối với mỗi loại cây để gieo trồng thì mới đạt kết quả cao.***  *+ Cây, rau, hoa lấy nước ở đâu?*  *+ Nước có tác dụng như thế nào đối với cây?*  *+ Cây có hiện tượng gì khi thiếu hoặc thừa nước?*  - GV nhận xét, kết luận.  *+ Cây nhận ánh sáng từ đâu?*  *+ Ánh sáng có tác dụng gì đối với cây ra hoa?*  *+ Những cây trồng trong bóng râm, em thấy có hiện tượng gì?*  *+ Muốn có đủ ánh sáng cho cây ta phải làm thế nào?*  - GV nhận xét và tóm tắt nội dung.  *+ Các chất dinh dưỡng nào cần thiết cho cây?*  *+ Nguồn cung cấp các chất dinh dưỡng cho cây là gì?*  *+ Rễ cây hút chất dinh dưỡng từ đâu?*  *+ Nếu thiếu, hoặc thừa chất dinh dưỡng thì cây sẽ như thế nào?*  - GV kết luận    *+ Cây lấy không khí từ đâu?*  *+ Không khí có tác dụng gì đối với cây?*  *+ Làm thế nào để bảo đảm có đủ không khí cho cây?*  - GV chốt nội dung bài học |
| - HS liên hệ  - Nêu ảnh hưởng của điều kiện ngoại cảnh tới một số cây rau, hoa mà HS mang đến lớp | **3. HĐ ứng dụng** *(1p)*  - Liên hệ: Gia đình em có trồng cây, rau hoa nào? Các cây rau, hoa đó đã đảm bảo đủ điều kiện ngoại cảnh để phát triển chưa?  **4. HĐ sáng tạo** *(1p)* |

**ĐIỀU CHỈNH-BỔ SUNG**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

*Thứ ....... ngày ...... tháng ..... năm .........*

**TẬP ĐỌC**

**BÈ SUÔI SÔNG LA**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Hiểu ND: Ca ngợi vẻ đẹp của dòng sông La và sức sống mạnh mẽ của con người Việt Nam (trả lời được các câu hỏi trong SGK)

**2. Kĩ năng**

- Đọc trôi trảy, rành mạch bài tập đọc. Biết đọc diễn cảm một đoạn thơ với giọng nhẹ nhàng, tình cảm. Học thuộc lòng bài thơ

**3. Thái độ**

- Yêu quý cảnh vật và con người Việt Nam

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ.

*\** ***BVMT:*** *Qua câu hỏi 1 HS cảm nhận được vẽ đẹp của thiên nhiên đất nước, thêm yêu quý môi trường thiên nhiên, có ý thức BVMT.*

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Tranh minh hoạ bài tập đọc (phóng to)

Bảng phụ viết sẵn đoạn luyện đọc

- HS: SGK

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- Phương pháp: Quan sát, hỏi - đáp, đóng vai.

- Kĩ thuật: Làm việc nhóm, chia sẻ, động não, tia chớp

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - ***TBHT điều khiển các bạn chơi trò chơi Hộp quà bí mật***  + 1 HS đọc  *+ Ông đã nghiên cứu chế tạo vũ khí phục vụ cho kháng chiến...* | **1. Khởi động:** *(3p)*    + Đọc bài: Anh hùng lao động Trần Đại Nghĩa  *+ Giáo sư Trần Đại Nghĩa đã có những đóng góp gì cho kháng chiến?*  - GV dẫn vào bài mới – Ghi tên bài |
| **2. Luyện đọc:** *(8-10p)*  **\* Mục tiêu:** Đọc trôi chảy, rành mạch bài tập đọc, giọng đọc tha thiết, tình cảm  \* **Cách tiến hành:** | |
| - 1 HS đọc bài, cả lớp đọc thầm  - Lắng nghe  - Nhóm trưởng điều hành cách chia đoạn  - Bài chia làm 3 đoạn.  (Mỗi khổ thơ là 1 đoạn)  - Nhóm trưởng điều hành nhóm đọc nối tiếp trong nhóm lần 1 và phát hiện các từ ngữ khó *(dẻ cau, táu mật, muồng đen, chai đất, lát chun, lát hoa, mươn mướt, lán cưa, ...)*  - Luyện đọc từ khó: Đọc mẫu (M4)-> Cá nhân (M1)-> Lớp  - Giải nghĩa các từ: đọc chú giải  - HS đọc nối tiếp lần 2 theo điều khiển  - Các nhóm báo cáo kết quả đọc  - 1 HS đọc cả bài (M4) | - Gọi 1 HS đọc bài (M3)  - GV lưu ý giọng đọc: Toàn bài đọc với giọng tha thiết, tình cảm  - GV chốt vị trí các đoạn  - Lưu ý sửa lỗi đọc và ngắt nghỉ cho các HS (M1)  - Giới thiệu thêm một số loại gỗ quý khác: lim, gụ, trầm hương |
| **3.Tìm hiểu bài:** *(8-10p)*  **\* Mục tiêu:** Hiểu ND: Ca ngợi vẻ đẹp của dòng sông La và sức sống mạnh mẽ của con người Việt Nam (trả lời được các câu hỏi trong SGK)  **\* Cách tiến hành: *Làm việc nhóm 4 – Chia sẻ trước lớp*** | |
| - 1 HS đọc  - HS tự làm việc nhóm 4 trả lời các câu hỏi - TBHT điều hành các nhóm trả lời, nhận xét  *+ Nước sông La trong veo như ánh mắt, hai bên bờ hàng tre xanh mướt như đôi hàng mi, những gợn óng được nắng chiếu long lanh như vẩy cá. Người đi bè nghe thấy được cả tiếng chim hót trên bờ đê.*  - HS nêu: Không xả rác, đổ nước thải chưa qua xử lý xuống sông...  *+ Chiếc bè gỗ được ví với đàn trâu đắm mình thong thả trôi theo dòng sông. Bè đi chiều thầm thì gỗ lượn đàn thong thả. Như bầy trâu lim dim đắm mình trong êm ả. Cách so sánh như thế làm cho cảnh bè gỗ trôi trên sông hiện lên rất cụ thể, sống động.*  *+ Vì tác giả mơ tưởng đến ngày mai: những chiếc bè gỗ được chở về suối sẽ góp phần vào công cuộc xây dựng lại quê hương đang bị chiến tranh tàn phá*.  *+ Nói lên tài trí, sức mạnh của nhân dân ta trong công cuộc xây dựng đất nước bất chấp bom đạn kẻ thù.*  **Ý nghĩa**: ***Bài thơ ca ngợi vẻ đẹp của dòng sông La và nói lên tài năng, sức mạnh của con người Việt Nam trong công cuộc xây dựng quê hương***  - HS ghi nội dung bài vào vở | - Gọi HS đọc các câu hỏi cuối bài.  *+ Sông La đẹp như thế nào?*  ***\* GDBVMT: Sông La và nhiều con sông khác trên đất nước ta đều rất đẹp và trong lành, chúng ta cần làm gì để bảo vệ và giữ gìn những dòng sông ấy?***  *+ Chiếc bè gỗ được quý với cái gì? Cách nói ấy có gì hay?*  *+ Vì sao đi trên bè, tác giả lại nghĩ đến mùi vôi xây, mùi lán cưa và những mái ngói hồng?*  *+ Hình ảnh “Trong bom đạn đổ nát, bừng tươi nụ ngói hồng” nói lên điều gì?*  *+ Ý nghĩa của bài thơ?*  \* HS M3+M4 đọc trả lời câu hỏi hoàn chỉnh và các câu nêu nội dung đoạn, bài. |
| **3. Luyện đọc diễn cảm - Học thuộc lòng** *(8-10p)*  **\* Mục tiêu: HS** biết đọc diễn một đoạn của bài. Học thuộc lòng bài thơ  **\* Cách tiến hành: Hoạt động cá nhân – nhóm - cả lớp** | |
| - 1 HS nêu lại  - 1 HS đọc toàn bài  - Nhóm trưởng điều khiển:  + Đọc diễn cảm trong nhóm  + Thi đọc diễn cảm trước lớp  - Lớp nhận xét, bình chọn.  - HS học thuộc lòng và thi học thuộc lòng  - Hãy chọn hình ảnh mình thích nhất về dòng sông La và bình về hình ảnh đó. | - Yêu cầu HS nêu giọng đọc toàn bài, nêu giọng đọc toàn bài  - Yêu cầu đọc diễn cảm đoạn 2 của bài  - Lưu ý nhấn giọng các từ ngữ: *trong veo, im mát, mươn mướt, thầm thì, lim dim, êm ả, long lanh*  - Hướng dẫn học thuộc lòng bài thơ tại lớp  - GV nhận xét chung  **4. Hoạt động ứng dụng** *(1 phút)*  - Em thích nhất hình ảnh nào trong bài thơ  - Giáo dục tình yêu với con người, cảnh đẹp VN  **5. Hoạt động sáng tạo** *(1 phút)* |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TOÁN**

***Tiết 104:* QUY ĐỒNG MẪU SỐ CÁC PHÂN SỐ (TT)**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Tiếp tục mở rộng kiến thức về quy đồng mẫu số các phân số

**2. Kĩ năng**

- Thực hiện quy đồng mẫu số các phân số (trường hợp một MS chia hết cho MS kia)

**3. Thái độ**

- Chăm chỉ, tích cực trong giờ học.

**4. Góp phần phát triển các NL**

- NL tự học, làm việc nhóm, NL tính toán

\* Bài tập cần làm: Bài 1 (a, b), bài 2 (a, b).

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Phiếu học tập

- HS: SGK

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Quan sát, hỏi đáp, thảo luận nhóm, thực hành,...

- KT: động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ | **1.Khởi động***:(5p)*  - GV dẫn vào bài mới – Ghi tên bài |
| **2. Hình thành KT** (15p)  **\* Mục tiêu**: Nắm được cách quy đồng mẫu số các phân số | | |
| - HS thảo luận nhóm 2 nêu cách quy đồng và chia sẻ trước lớp  + Ta thấy 6 x 2 = 12 và 12 : 6 = 2.  - HS thực hiện quy đồng  =  =  và giữ nguyên PS  *+ Khi quy đồng mẫu số hai phân số, trong đó mẫu số của một trong hai phân số là MSC ta làm như sau:*  ⮚ Xác định MSC.  ⮚ Tìm thương của MSC và mẫu số của phân số kia.  ⮚ Lấy thương tìm được nhân với mẫu số của phân số kia. Giữ nguyên phân số có mẫu số là MSC.  - HS lắng nghe | **VD: *Quy đồng mẫu số hai phân số và***  - GV yêu cầu: Hãy tìm MSC để quy đồng hai phân số trên. (Nếu HS nêu được là 12 thì GV cho HS giải thích vì sao tìm được MSC là 12.)  *+ Dựa vào cách quy đồng mẫu số hai phân số và , em hãy nêu cách quy đồng mẫu số hai phân số khi có mẫu số của một trong hai phân số là MSC.*  ***- GV nêu thêm một số chú ý: Trước khi thực hiện quy đồng mẫu số các phân số, nên rút gọn phân số thành phân số tối giản (nếu có thể)....*** |
| **3. HĐ thực hành***:(18 p)*  **\* Mục tiêu:** Thực hiện quy đồng được mẫu số các phân số.  **\* Cách tiến hành: Cá nhân – Lớp** | |
| - HS làm cá nhân – Chia sẻ nhóm 2 – Lớp  Đáp án:  a. và; (MSC là 9 vì 9 : 3 = 3) , giữ nguyên PS  b. và; (MSC là 20 vì 20:10=2);  c. và; (MSC là 75 vì 75:25=3);  - Làm cá nhân – Chia sẻ nhóm 2 - Lớp.  Đáp án  a.và;    b. và (MSC là 24 vì 24: 8 = 3)  giữ nguyên PS  - HS làm vào vở Tự học – Chia sẻ lớp    - Nắm được các cách quy đồng MS các PS  - Tìm các bài tập cùng dạng trong sách Toán buổi 2 và giải | ***Bài 1a, b: HS năng khiếu làm cả bài.***  - Gọi HS đọc và xác định yêu cầu bài tập.  - GV chốt đáp án.  - Củng cố cách QĐMS các phân số.  \* Lưu ý giúp đỡ hs M1+M2  ***Bài 2a,b: HS năng khiếu làm cả bài.***  - HS đọc yêu cầu bài tập.  - GV yêu cầu HS tự làm bài.  - GV chữa bài, sau đó yêu cầu HS đổi chéo vở để kiểm tra bài của nhau.  **Bài 3 *(bài tập chờ dành cho HS hoàn thành sớm)***  **4. HĐ ứng dụng** (1p)  **5. HĐ sáng tạo** (1p) |

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

:...................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TẬP LÀM VĂN**

**TRẢ BÀI VĂN MIÊU TẢ ĐỒ VẬT**

**I.MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Biết rút kinh nghiệm về vài TLV tả đồ vật (đúng ý, bố cục rõ, dùng từ, đặt câu và viết đúng chính tả,…); tự sửa được các lỗi đã mắc trong bài viết theo sự hướng dẫn của GV.

**2. Kĩ năng**

- HS biết nhận xét và sửa lỗi để có câu văn hay.

**3. Thái độ**

- Giữ gìn, yêu quý đồ vật trong gia đình.

**4. Góp phần phát triển NL:**

**-** NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL tự học, NL giao tiếp.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Một số tờ giấy ghi lỗi điển hình về chính tả, dùng từ, đặt câu … ý cần chữa chung trước lớp và phiếu thống kê các loại lỗi.

- HS: Vở, bút, ...

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Quan sát, hỏi đáp, thảo luận nhóm

- KT: đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, chia sẻ nhóm 2, động não.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ | **1. Khởi động:(***5p)*    *- GV* dẫn vào bài học |
| **2. HĐ thực hành** *(30p)*  **\* Mục tiêu:** Biết rút kinh nghiệm về vài TLV tả đồ vật (đúng ý, bố cục rõ, dùng từ, đặt câu và viết đúng chính tả,…); tự sửa được các lỗi đã mắc trong bài viết theo sự hướng dẫn của GV.  **\* Cách tiến hành: Cá nhân- Nhóm - Lớp** |  |
| - 1 HS đọc lại, lớp lắng nghe.  - HS lắng nghe  - HS nhận bài và đọc lại bài  - HS tự sửa lỗi, đổi tập sửa lỗi cho bạn.  - Một số HS lên chữa lỗi trên bảng, cả lớp chữa trên giấy nháp.  - Lớp trao đổi và nhận xét.  - HS chép bài chữa đúng vào vở.  - HS trao đổi thảo luận dưới sự hướng dẫn của GV để tìm ra cái hay, cái đẹp của câu văn, đoạn văn.  - HS rút kinh nghiệm cho mình khi làm bài.  - Chữa các lỗi sai  - Viết lại các đoạn văn chưa ưng ý cho hay hơn | **HĐ1: Nhận xét chung:**  - GV viết lên bảng đề bài đã kiểm tra.  + Ưu điểm, khuyết điểm.  \* Ưu điểm: Xác định đúng đề bài (tả đồ vật), kiểu bài miêu tả.  + Bố cục đầy đủ 3 phần; câu văn diễn đạt ý trọn vẹn, có sự liện kết giữa các phần: mở bài, thân bài, kết bài.  \* Khuyết điểm:  + Một số bài: Câu văn dài, rườm rà, sai lỗi chính tả,  +Bài viết ít sử dụng các hình ảnh, biện pháp tu từ.  - Những HS viết bài chưa đạt yêu cầu, GV cho về nhà viết lại.  - GV trả bài cho từng HS.  **HĐ2: Chữa bài:**  a. Hướng dẫn HS sửa lỗi.  - GV giao việc: Các em đọc kĩ lời nhận xét, viết vào phiếu học tập các loại lỗi và sửa lại cho đúng những lỗi sai. Sau đó, các em nhớ đổi phiếu cho bạn bên cạnh để soát lại lỗi, việc sửa lỗi.  b. Hướng dẫn chữa lỗi chung.  - Cho HS lên bảng chữa lỗi.  - GV dán lên bảng tờ giấy đã viết một số lỗi điển hình về chính tả, dùng từ, đặt câu, về ý.  - GV nhận xét và chữa lại cho đúng bằng phấn màu.  **HĐ3:Học tập đoạn văn, bài văn hay:**  - GV đọc một số đoạn, bài văn hay.  \* Lưu ý giúp đỡ hs M1+M2 nhận ra được lỗi của mình.  **3. HĐ ứng dụng** *(1p)*  **4. HĐ sáng tạo** *(1p)* |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

..............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**KHOA HỌC**

**SỰ LAN TRUYỀN ÂM THANH**

**1. Kiến thức**

- Biết âm thanh có thể lan truyền qua chất rắn, lỏng, qua không khí.

**2. Kĩ năng**

- Thực hành được thí nghiệm để tìm hiểu về sự lan truyền âm thanh

- Nêu ví dụ về âm thanh có thể lan truyền qua chất rắn, chất lỏng, chất khí.

**3. Thái độ**

- Ham thích tìm tòi và khám phá khoa học

**4. Góp phần phát triển các năng lực:**

- NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL hợp tác, NL sáng tạo

***GD BVMT:*** *Mối quan hệ giữa con người với môi trường: Con người cần đến không khí, thức ăn, nước uống từ môi trường.*

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Tranh vẽ minh hoạ.

- HS: Chuẩn bị theo nhóm: 2 ống bơ (lon); vài vụn giấy; 2 miếng ni lông; dây chun; một sợi dây mềm (bằng sợi gai, bằng đồng,…); trống; đồng hồ, túi ni lông (để bọc đồng hồ), chậu nước.

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: quan sát, hỏi đáp, thảo luận, trò chơi học tập, thí nghiệm.

- KT: Động não, chia sẻ nhóm đôi, tia chớp

**II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt đông của của học sinh** | **Hoạt đông của giáo viên** |
| - TBHT điều khiển các bạn chơi trò chơi: **Hộp quà bí mật**  + Âm thanh do các vật rung động phát ra  *+ Gõ trống phát ra âm thanh vì bề mặt trống bị rung lên* | **1, Khởi động *(4p)***  ***+*** *Âm thanh được tạo thành như thế nào? + VD để chứng tỏ âm thanh do các vật rung động phát ra.*  - GV nhận xét, khen/ động viên, dẫn vào bài mới. |
| **2. Bài mới:***(30p)*  **\* Mục tiêu:**  - Biết âm thanh có thể lan truyền qua chất rắn, lỏng, qua không khí.  - Thực hành được thí nghiệm để tìm hiểu về sự lan truyền âm thanh  - Nêu ví dụ về âm thanh có thể lan truyền qua chất rắn, chất lỏng, chất khí.  **\* Cách tiến hành: Cá nhân - Nhóm – Lớp** | |
| - Lắng nghe  - HS suy nghĩ  - HS ghi chép hiểu biết ban đầu của mình vào vở ghi chép :Chẳng hạn:  + Âm thanh truyền được qua cửa sổ. + Âm thanh truyền được qua bàn ghế, cửa, nền nhà.... + Ở gần nghe âm thanh to... - HS thảo luận nhóm  thống nhất ý kiến ghi chép vào phiếu.  - HS so sánh sự khác nhau của các ý kiến ban đầu    - Chẳng hạn: HS đề xuất các phương án + Làm thí nghiệm ; Quan sát thực tế. + Hỏi người lớn; Tra cứu trên mạng v.v..  - Một số HS nêu cách thí nghiệm, nếu chưa khoa học hay không thực hiện được GV có thể điều chỉnh. - HS tiến hành làm thí nghiệm như hình 1, trang 48 (SGK), HS thống nhất trong nhóm tự rút ra kết luận, ghi chép vào phiếu.  *+ Âm thanh truyền được qua không khí.*  - Các nhóm làm thí nghiệm: Áp một tai xuống bàn, bịt tai kia lại, sau đó gõ thước vào hộp bút trên mặt bàn sẽ nghe được âm thanh…và đưa ra kết luận: *Âm thanh truyền qua chất rắn*  - HS làm thí nghiệm H2 – trang 85  *+ Âm thanh truyền được qua chất lỏng.* - HS làm thí nghiệm: Một bạn đứng đầu lớp nói một câu và cho 2 bạn: 1 bạn đứng gần, 1 bạn đứng xa. Nhận xét về âm thanh nghe được và kết luận: Âm thanh lan truyền đi xa sẽ yếu đi.  - HS đính phiếu – nêu kết quả làm việc - HS so sánh kết quả với dự đoán ban đầu.  - HS nối tiếp nêu VD  - HS liên hệ  - Trò chơi "Nói chuyện điện thoại" | **HĐ1:Giới thiệu bài** Tai ta nghe được âm thanh là do âm thanh truyền qua nhiều môi trường và truyền đến tai ta. Vậy các em có muốn biết âm thanh truyền qua những môi trường nào không? …  **HĐ2:Tiến trình đề xuất:** **Bước1: Đưa tình huống xuất phát và nêu vấn đề**: - Âm thanh có ở xung quanh các em, theo các em, âm thanh lan truyền được qua những môi trường nào? **Bước 2: Làm bộc lộ biểu tượng ban đầu của HS:** - GV yêu cầu HS ghi lại những hiểu biết ban đầu của mình vào vở ghi chép khoa học .         - GV cho HS đính phiếu lên bảng - GV gọi nhóm 1 nêu kết quả của nhóm mình. - GV yêu cầu các nhóm còn lại nêu những điểm khác biệt của nhóm mình so với nhóm đó. **Bước 3: Đề xuất câu hỏi và phương án tìm tòi:** - GV giúp các em đề xuất câu hỏi liên quan đến nội dung kiến thức tìm hiểu bài học. - GV tổng hợp câu hỏi của các nhóm và chốt các câu hỏi chính: *+ Âm thanh truyền được qua chất rắn, chất lỏng, không khí hay không? + Âm thanh yếu đi hay mạnh lên khi khoảng cách đến nguồn âm xa hơn?* - GV cho HS thảo luận đề xuất phương án tìm tòi  - GV chốt phương án: Làm thí nghiệm  **Bước 4: Thực hiện phương án tìm tòi:**  *\** ***Trả lời câu hỏi Âm thanh truyền được qua không khí không***, theo các em chúng ta nên tiến hành làm thí nghiệm như thế nào? - HS vừa làm thí nghiệm, GV vừa đưa ra câu hỏi tìm hiểu. *+ Từ thí nghiệm trên chứng tỏ điều gì?* GV tiểu kết. \* **Trả lời câu hỏi Âm thanh truyền được qua chất rắn không,** theo các em chúng ta nên tiến hành làm thí nghiệm như thế nào?  - HS vừa làm thí nghiệm, GV vừa đưa ra câu hỏi tìm hiểu. *+ Từ thí nghiệm trên chứng tỏ điều gì?*  ***\* Trả lời câu hỏi: Âm thanh yếu đi hay mạnh lên khi khoảng cách đến nguồn âm xa hơn.***  **Bước 5:Kết luận kiến thức: -** GV cho HS đính phiếu kết quả sau quá trình làm thí nghiệm. - GV rút ra tổng kết.  \* Kết luận, rút ra bài học  **3. HĐ ứng dụng *(1p)***  - Lấy VD về âm thanh bị yếu đi khi lan truyền ra xa  ***\* GDBVMT: Âm thanh rất cần cho cuộc sống của con người nhưng cần tạo ra những âm thanh có cường độ vừa phải để không làm ô nhiễm môi trường, tạo không khí thoải mái để làm việc và học tập***  **4. HĐ sáng tạo *(1p)*** |

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

*Thứ ....... ngày ...... tháng ..... năm .........*

**LUYỆN TỪ VÀ CÂU**

**VỊ NGỮ TRONG CÂU KỂ: AI THẾ NÀO?**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- HS nắm được kiến thức cơ bản để phục vụ cho việc nhận biết vị ngữ trong câu kể Ai thế nào? (ND Ghi nhớ).

**2. Kĩ năng**

- Nhận biết và bước đầu tạo được câu kể Ai thế nào? Theo yêu cầu cho trước, qua thực hành luyện tập (mục III).

**3. Thái độ**

- Có ý thức đặt câu và viết câu đúng.

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL tự học, NL ngôn ngữ, NL sáng tạo, NL giao tiếp.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: + 2 tờ giấy khổ to viết 6 câu kể Ai thế nào? Trong đoạn văn ở phần nhận xét; 1 tờ phiếu ghi lời giải câu hỏi 3.

+1 tờ giấy khổ to viết 5 câu kể Ai thế nào? Trong đoạn văn ở BT, phần luyện tập.

- HS: Vở BT, bút, ..

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm,

- KT: động não, đặt câu hỏi, chia sẻ nhóm 2, trình bày 1 phút

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của HS** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBHT điều hành lớp trả lời, nhận xét | **1. Khởi động *(5p)***  *+ Đặt 1 câu kể Ai thế nào?*  *+ Xác định 2 bộ phận của câu kể đó*  - Dẫn vào bài mới |
| **2. Hình hành KT** *(15p)*  **\* Mục tiêu:** HS nắm được kiến thức cơ bản để phục vụ cho việc nhận biết vị ngữ trong câu kể Ai thế nào? (ND Ghi nhớ).  **\* Cách tiến hành:** | |
| **Nhóm 2- Lớp**  - 1 HS đọc to, lớp lắng nghe.  - HS đọc thầm đoạn văn và đánh thứ tự câu.  - HS làm việc nhóm 2 xác định câu kể Ai thế nào? và chia sẻ trước lớp.  **HS làm cá nhân – Chia sẻ lớp**  + Về đêm, *cảnh vật* ***thật im lìm.***  + *Sông* ***thôi vỗ sóng dồn dập vô bờ như hồi chiều***  + *Ông Ba* ***trầm ngâm.***  *+ Trái lại****,*** *ông Sáu* ***rất sôi nổi.***  + *Ông* ***hệt như Thần Thổ Địa của vùng này.***  - HS đọc ghi nhớ. | *a. Phần nhận xét*  Bài tập 1 + 2: Đọc và tìm câu kê Ai thế nào?  - GV giao việc: Các em có nhiệm vụ tìm các câu kể ***Ai thế nào?*** Có trong đoạn văn.  - GV nhận xét và chốt lại lời giải đúng: Trong đoạn văn có các câu kể ***Ai thế nào?*** Là câu 1, 2, 4, 6, 7.  Bài tập 3: Xác định CN và VN trong câu ...  - Cho HS làm bài. GV dán lên bảng các câu văn đã chuẩn bị trước.  - GV nhận xét và chốt lại lời giải đúng.  Bài tập 4: Vị ngữ trong các câu trên biểu thị nội dung..  - Cho HS trình bày kết quả bài làm.  - GV nhận xét và chốt lại lời giải đúng.  GV đưa bảng phụ (băng giấy) đã ghi sẵn lời giải đúng.  - Chốt lại nội dung bài học.  \*Lưu ý giúp đo hs M1+M2 |
| **3. HĐ thực hành** *(18p)*  **\* Mục tiêu:** Nhận biết và bước đầu tạo được câu kể Ai thế nào.HS đặt được câu kể Ai thế nào? Tả cây hoa yêu thích.  **\* Cách tiến hành** | |
| **- Cá nhân – Chia sẻ lớp**  Đ/a:  a) Tất cả các câu trong đoạn văn đều là câu kể ***Ai thế nào?***  b)Vị ngữ của các câu trên và những từ ngữ tạo thành là:  *- Cánh đại bàng* ***rất khỏe***  *- Mỏ đại bàng* ***dài và cứng***  *- Đôi chân của nó* ***giống như cái móc hàng của cần cẩu***  *- Đại bàng* ***rất ít bay***  *- Khi chạy trên mặt đất, nó* ***giống như một con ngỗng cụ nhưng nhanh nhẹn hơn nhiều***  *+ Do tính từ hoặc cụm tính từ tạo thành*  **Cá nhân – Chia sẻ lớp**  - Thực hiện theo yêu cầu của GV.  VD:  + Hoa huệ trắng muốt như tuyết  + Hoa đào sắc phơn phớt hồng  - Ghi nhớ cách xác định VN trong câu kể Ai thế nào?  - Liên kết các câu ở bài tập 2 thành đoạn văn. | Bài 1: Đọc và trả lời câu hỏi.  **-** Gọi HS đọc yêu cầu và nội dung.  - Nhận xét, kết luận lời giải đúng.  *+ VN của các câu do từ loại nào tạo thành?*  Bài 2: Đặt 3 câu kể Ai thế nào? mỗi câu ta một loài hoa.  **-** Gọi HS đọc yêu cầu và nội dung.  - Nhận xét, khen/ động viên.  - GV cùng HS chữa các câu đặt cho HS  **4. HĐ ứng dụng** *(1p)*  **5. HĐ sáng tạo** *(1p)* |

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TOÁN**

***Tiết 105:* LUYỆN TẬP**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- Củng cố KT về quy đồng MS các phân số.

**2. Kĩ năng**

- Thực hiện quy đồng được MS các PS theo các cách đã học

**3. Thái độ**

- Tự giác, cẩn thận, trình bày bài sạch sẽ.

**4. Góp phần phát triển các NL**

- NL tự học, làm việc nhóm, NL tính toán

\* Bài tập cần làm: Bài 1 (a), bài 2 (a), bài 4. HSNK làm tất cả bài tập

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Phiếu học tập

- HS: Vở BT, bút

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Quan sát, hỏi đáp, thảo luận nhóm, trò chơi học tập, luyện tập-thực hành

- KT: động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi,...

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBVN điểu hành lớp hát, vận động tại chỗ | **1.Khởi động***:(3p)*  - GV dẫn vào bài mới |
| **2. HĐ thực hành** (30p)  **\* Mục tiêu:** Thực hiện quy đồng MS các PS theo các cách đã học  **\* Cách tiến hành** | |
| **Cá nhân- Nhóm 2 - Lớp**    Đáp án:  a)  và; MSC: 30  =  =  và MSC: 49 vì 49 : 7 = 7 ;  =  giữ nguyên PS    và  MSC: 45  =   =  **HS thực hiện cá nhân – Chia sẻ lớp**  - HS viết  .  - Đáp án:  =  =  ; Giữ nguyên PS  **Cá nhân – Chia sẻ lớp**  \* Quy đồng mẫu ;  với MSC là 60.  Đáp án  + Nhẩm 60: 12 = 5 ; 60 : 30 = 2.  ;  với MSC là 60 ta được:  =  = ;  = =  - HS làm vở Tự học – Chia sẻ lớp  Đáp án:  Bài 3:  a)  Ta có:    b)  Ta có:    Bài 5:  b)  c)  - Chữa lại các phần bài tập làm sai  - Tìm các bài tập cùng dạng trong sách Toán buổi 2 và giải | ***Bài 1a. HSNK làm cả bài***  - Gọi HS đọc và xác định yêu cầu bài tập.  - GV chốt đáp án.  - Củng cố cách QĐMS các phân số.  *\* Lưu ý giúp đỡ hs M1+M2 biết cách chọn MSC trong từng phần*  ***Bài 2a: HS năng khiếu hoàn thành cả bài.***  - GV yêu cầu HS viết 2 thành phân số có mẫu số là 1.  - GV yêu cầu HS quy đồng mẫu số hai phân số  và  thành 2 phân số có cùng mẫu số là 5.  - GV chữa bài và chốt đáp án.  *\* Lưu ý giúp đỡ hs M1+M2*  ***Bài 4:***  - Gọi HS đọc và xác định yêu cầu bài tập.  - GV nhận xét, đánh giá bài làm trong vở của HS  - GV chữa bài  ***Bài 3 + Bài 5 (bài tập chờ dành cho HS hoàn thành sớm)***  **4. HĐ ứng dụng** (1p)  **5. HĐ sáng tạo** (1p) |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

**TẬP LÀM VĂN**

**CẤU TẠO BÀI VĂN MIÊU TẢ CÂY CỐI**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Nắm được cấu tạo 3 phần (mở bài, thân bài, kết bài) của một bài văn miêu tả cây cối (ND Ghi nhớ).

**2. Kĩ năng**

- Nhận biết được trình tự miêu tả trong bài văn tả cây cối (BT1, mục III); biết lập dàn ý tả một cây ăn quả quen thuộc theo một trong hai cách đã học (BT2).

**3. Thái độ**

- Tích cực, tự giác học bài.

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL tự học, Sử dụng ngôn ngữ, NL sáng tạo, NL hợp tác

***\*GD BVMT:*** *Nhận xét trình tự miêu tả. Qua đó, cảm nhận được vẻ đẹp của cây cối trong môi trường thiên nhiên.*

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: +Tranh ảnh một số cây ăn quả.

+ Bảng phụ ghi lời giải BT 1, 2 (phần nhận xét).

- HS: Sách, bút

**2. Phương pháp, kĩ thuât**

- PP: Hỏi đáp, thảo luận nhóm, quan sát, thực hành.

- KT: đặt câu hỏi, động não, chia sẻ nhóm 2

**II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** | |
| - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ | **1. Khởi động *(5p)***  - GV dẫn vào bài mới | |
| **2. Hình thành kiến thức***:(15p)*  **\*Mục tiêu:** Nắm được cấu tạo 3 phần (mở bài, thân bài, kết bài) của một bài văn miêu tả cây cối (ND Ghi nhớ).  **\* Cách tiến hành:** | | |
| **Nhóm 2 - cả lớp**  -1 HS đọc to, lớp theo dõi trong SGK.  - HS đọc thầm lại bài ***Bãi ngô***, xác định các đoạn và nội dung từng đoạn.  Đáp án:  ***Đoạn 1:*** 3 dòng đầu: Giới thiệu bao quát về bãi ngô.  ***Đoạn 2:*** 4 dòng tiếp. Tả hoa và búp ngô non giai đoạn đơm hoa, kết trái.  ***Đoạn 3:*** Còn lại. Tả hoa và lá ngô giai đoạn bắp ngô đã mập và chắc, có thể thu hoạch.  **Nhóm 4 - Lớp**  Đáp án:  \* ***Cây mai tứ quý***  có3 đoạn:  + ***Đoạn 1:*** 4 dòng đầu: Giới thiệu bao quát về cây mai  + ***Đoạn 2:*** 4 dòng tiếp: Đi sâu tả cánh hoa, trái cây.  + ***Đoạn 3:*** 4 dòng còn lại: Nêu cảm nghĩ của người miêu tả.  + Bài ***Cây mai tứ quý*** tả từng bộ phận của cây.  + Bài ***Bãi ngô*** tả từng thời kì phát triển của cây.  **Cá nhân - Lớp**  \* Bài văn miêu tả cây cối thường có 3 phần (mở bài, thân bài, kết bài).  + Phần mở bài: Tả hoặc giới thiệu bao quát về cây.  + Phần thân bài: Có thể tả từng bộ phận hoặc tả từng thời kì phát triển của cây.  + Phần kết bài: có thể nêu ích lợi của cây, ấn tượng đặc biệt hoặc tình cảm của người tả cây cối.  - 1 HS đọc to, lớp lắng nghe. | ***a. Phần nhận xét***  Bài tập 1: Đọc bài văn và xác định các đoạn văn…  - Yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi  - Cho HS trình bày.    - Chốt đáp án  Bài tập 2: Đọc lại bài “Cây mai tứ quý”. Trình bày…  - GV giao việc: Các em có nhiệm vụ đọc lại bài ***Cây mai tứ quý***, sau đó so sánh với bài ***Bãi ngô*** ở BT 1 và chỉ ra trình tự miêu tả trong bài ***Cây mai tứ quý*** có gì khác với bài ***Bãi ngô.***  *+ Bài* ***Cây mai tứ quý*** *có mấy đoạn? Nội dung từng đoạn?*      *+ So sánh trình tự miêu tả giữa 2 bài:*  - GV nhận xét và chốt lại lời giải đúng:    Bài tập 3: Từ cấu tạo của hai bài văn trên em hãy rút ra cấu tạo của bài văn miêu tả cây cối?      ***b. Ghi nhớ:***  - Cho HS đọc phần ghi nhớ. | |
| **3. HĐ thực hành (***18p)*  **\* Mục tiêu:** Nhận biết được trình tự miêu tả trong bài văn tả cây cối (BT1, mục III); biết lập dàn ý tả một cây ăn quả quen thuộc theo một trong hai cách đã học (BT2).  **\* Cách tiến hành:** | | |
| **Nhóm 2 - Lớp**  - HS tìm các đoạn của bài văn và nêu nội dung từng đoạn:  + Đ 1: Miêu tả thời kì ra hoa của cây gạo  + Đ 2: Miêu tả thời kì hoa tàn  + Đ 3: Miêu tả thời kì ra quả  ***=> Bài văn tả cây gạo theo từng thời kì phát triển của bông gạo...***  - HS liên hệ, nêu các biện pháp bảo vệ cây và môi trường sống của cây.  **Cá nhân – Lớp**  VD: Lập dàn ý tả từng bộ phận của cây  Tả cây khế  MB: Giới thiệu cây khế được trồng ở góc vườn  TB: \*Tả bao quát: Cây khế cao khoảng 2m, tán lá xùm xoà,...  \*Tả chi tiết:  + Cành khế: dày, đan vào nhau, giòn, dễ gãy  + Lá khế: Nhỏ, mọc thành chùm sát nhau  + Hoa khế: Tím hồng như những ngôi sao li ti  + Quả khế lúc xanh, lúc chín,...  \*Tả công dụng của cây khế: Quả khế chua dùng nấu canh. Khế ngọt để ăn rất ngon  KB: Nêu tình cảm và cách chăm sóc cây.  - Hoàn thiện dàn ý cho bài văn tả cây cối  - Lập thêm dàn ý theo cách thứ hai. | | Bài tập 1: Đọc bài văn và cho biết cây gạo…  - GV giao việc: Các em phải chỉ rõ bài ***Cây gạo*** được miêu tả theo trình tự như thế nào?    - GV nhận xét và chốt lại  - Lưu ý HS học tập cách miêu tả cây gạo vào bài văn của mình sau này  ***\* GDBVMT: Mỗi loài cây đều có một vẻ đẹp riêng. Khi quan sát và miêu tả cây cối, chúng ta sẽ nhận ra được vẻ đẹp ấy. Theo các em, chúng ta cần làm gì đề luôn giữ được vẻ đẹp thuần khiết của các loài cây?***  Bài tập 2: Lập dàn ý miêu tả một cây ăn quả quen thuộc….  - GV giao việc: Các em có thể chọn một trong số loại cây ăn quả quen thuộc  (cam, bưởi, chanh, xoài, mít,…) lập dàn ý để miêu tả cây mình đã chọn.  - GV nhận xét và khen thưởng những HS làm bài tốt.  \* Lưu ý: GV đi giúp đỡ những HS M1+M2  **4. HĐ ứng dụng** *(1p)*  **5. HĐ sáng tạo** *(1p* |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

..........................................................................................................................................................................................................................................................................­

**ĐỊA LÍ**

**NgưỜi dân Ở đỒng bẰng Nam BỘ**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Trình bày một số đặc điểm tiêu biểu về nhà ở, trang phục, lễ hội của người dân ở đồng bằng Nam Bộ:

+ Người dân ở Tây Nam Bộ thường làm nhà dọc theo các sông ngòi, kênh rạch, nhà cửa đơn sơ.

+ Trang phục phổ biến của người dân đồng bằng Nam Bộ trước đây là quần áo bà ba và chiếc khăn rằn.

+ Một số lễ hội nổi tiếng như: lễ hội Bà Chúa Xứ, hội xuân núi Bà, lễ cúng Trăng,...

**2. Kĩ năng**

- Biết được sự thích ứng của con người với điều kiện tự nhiên ở đồng bằng Nam Bộ: vùng nhiều sông, kênh rạch - nhà ở dọc sông; xuồng, ghe là phương tiện đi lại phổ biến.

**3. Thái độ**

- HS học tập nghiêm túc, tự giác.

**4. Góp phần phát triển các năng lực:**

- NL tự chủ, NL giải quyết vấn đề, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ

***\* BVMT:*** *Vai trò, ảnh hưởng to lớn của sông ngòi đối với đời sống của con người (đem lại phù sa nhưng cũng mang lại lũ lụt đe dọa sản xuất và đời sống). Qua đó thấy được tầm quan trọng của hệ thống đê và giáo dục ý thức trách nhiệm trong việc góp phần bảo đê điều - những công trình nhân tạo phục vụ đời sống*

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Tranh ảnh về nhà cửa, trang phục của người dân đồng bằng Nam Bộ.

- HS: SGK, bút.

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm, thuyết trình

- KT: đặt câu hỏi, trình bày một phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm 2

I**II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBHT điều hành lớp trả lời, nhận xét  *+ Là đồng bằng lớn nhất cả nước, do phù sa của sông Mê Công và sông Đồng Nai bồi đắp, có nhiều vùng trũng ngập nước.*  *+ Hệ thống sông ngòi, kênh rạch chằng chịt* | **1.Khởi động:***(2p)*  *+ Đồng bằng Nam Bộ có đặc điểm gì?*  *+ Nêu nhận xét về hệ thống sông ngòi, kênh rạch của đồng bằng Nam Bộ*  - GV nhận xét chung, giới thiệu bài mới |
| **2. Bài mới:***(30p)*  **\* Mục tiêu:** Trình bày một số đặc điểm tiêu biểu về nhà ở, trang phục, lễ hội của người dân ở đồng bằng Nam Bộ:  **\* Cách tiến hành: Cá nhân- Nhóm-Lớp** | |
| **Nhóm 2 - Lớp**  - Đọc thầm.  - Quan sát và nêu:  *+ Hình 1: Ảnh chụp cụm dân cư ven sông ở đồng bằng Nam Bộ.*  *+ Hình 2: Một ngôi nhà mới ở nông thôn đồng bằng Nam Bộ.*  *+ Các dân tộc sống chủ yếu ở đồng bằng Nam Bộ: Kinh, Khơ – me, Chăm, Hoa.*  *+ Nhà ở của người dân vùng Tây Nam Bộ thường phân bố ở dọc theo các sông ngòi, kênh rạch; nhà cửa đơn sơ.*  *+ Phương tiện đi lại phổ biến của người dân ở vùng Tây Nam Bộ là xuồng, ghe*  *+ Không vứt rác bừa bãi; không xả rác và nước thải chưa qua xử lí xuống sông, hồ; trồng cây xanh…*  **Cá nhân – Lớp**  *+ Trang phục: quần áo bà ba và khăn rằn.*  *+ Một số lễ hội nổi tiếng như: lễ hội Bà Chúa Xứ, hội xuân núi Bà, lễ cúng Trăng,...*  - Lắng nghe  - Ghi nhớ các đặc điểm về nhà ở, trang phục và lễ hội của người dân đồng bằng NB  - Trưng bày và giới thiệu một số hình ảnh về người dân ở đồng bằng Nam Bộ. | **Hoạt động 1: Nhà ở của người dân**  - GV yêu cầu HS đọc thầm SGK trang 119.  - GV chiếu Hình 1, 2 (SGK), hỏi HS:  *+ Mỗi bức ảnh chụp cảnh gì?*  *+ Kể tên các dân tộc sống chủ yếu ở đồng bằng Nam Bộ?*  *+ Nhà ở của người dân vùng Tây Nam Bộ thường phân bố ở đâu, có đặc điểm gì?*  *+ Phương tiện đi lại phổ biến của người dân ở vùng Tây Nam Bộ là gì?*    ***\* BVMT:*** *Theo em, người dân ở đồng bằng Nam Bộ nói riêng và tất cả chúng ta nói chung cần làm gì để bảo vệ môi trường sống xanh - sạch – đẹp?*  **\*Hoạt động 2: Trang phục và lễ hội.**  - YC HS đọc thầm SGK trang 120 và quan sát hình 5, 6  *+ Trang phục chủ yếu của người dân ở đồng bằng Nam bộ là gì?*  *+ Kể tên một số lễ hội của người dân đồng bằng Nam Bộ*  **\**Liên hệ giáo dục văn hóa truyền thống***  - Giới thiệu thêm cho HS hiểu về trang phục và một số lễ hội nổi tiếng  **3. Hoạt động ứng dụng** *(1p)*  **4. Hoạt động sáng tạo** *(1p)* |

**ĐIỀU CHỈNH - BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TUẦN 22** *Thứ ....... ngày ...... tháng ..... năm .........*

**TẬP ĐỌC**

**SẦU RIÊNG**

**1. Kiến thức**

- Hiểu ND: Tả cây sầu riêng có nhiều nét đặc sắc về hoa, quả và nét độc đáo về dáng cây (trả lời được các câu hỏi trong SGK).

**2. Kĩ năng**

- Đọc trôi trảy bài tập đọc, bước đầu biết đọc một đoạn trong bài có nhấn giọng từ ngữ gợi tả.

**3. Thái độ**

- Giáo dục HS học tập noi theo tấm gương anh hùng Trần Đại Nghĩa.

**4. Góp phần phát triển năng lực**

**-** Năng lực tự học, NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: + Tranh minh hoạ bài tập đọc (phóng to nếu có điều kiện).

+ Bảng phụ viết sẵn đoạn luyện đọc

- HS: SGK, vở viết

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- Phương pháp: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm.

- Kĩ thuật: Kĩ thuật đặt câu hỏi, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của HS** | **Hoạt động của GV** |
| - TBHT điều hành lớp trả lời, nhận xét  *+ Nước sông La trong xanh như ánh mắt, bên bờ sông, hàng tre xanh mướt như đôi hàng mi …*  *+ Bài thơ ca ngợi vẻ đẹp của dòng dông La và nói lên tài năng sức mạnh của con người Việt Nam trong công cuộc xây dựng quê hương đất nước.* | **1. Khởi động:** *(5p)*  *+ Sông La đẹp như thế nào?*  *+ Theo em, bài thơ nói lên điều gì?*  - GV nhận xét chung, dẫn vào bài học |
| **2. Luyện đọc:** *(8-10p)*  **\* Mục tiêu:** Đọc trôi trảy bài tập đọc, bước đầu biết nhấn giọng những từ ngữ gợi tả.  \* **Cách tiến hành:** | |
| - 1 HS đọc bài, cả lớp đọc thầm  - Lắng nghe  - Lớp trưởng điều hành cách chia đoạn  - Bài được chia làm 3 đoạn  + Đoạn 1: Từ đầu … kì lạ.  + Đoạn 2: Hoa sầu riêng … tháng năm ta.  + Đoạn 3: Còn lại.  - Nhóm trưởng điều hành nhóm đọc nối tiếp đoạn trong nhóm lần 1 và phát hiện các từ ngữ khó (*quyện,lủng lẳng, rộ, thẳng đuột, quằn,...)*  - Luyện đọc từ khó: Đọc mẫu (M4)-> Cá nhân (M1)-> Lớp  - Giải nghĩa từ khó (đọc chú giải)  - HS đọc nối tiếp đoạn lần 2 theo điều khiển của nhóm trưởng  - Các nhóm báo cáo kết quả đọc  - 1 HS đọc cả bài (M4) | - Gọi 1 HS đọc bài (M3)  - GV lưu ý giọng đọc cho HS: Cần đọc với giọng nhẹ nhàng, chậm rãi, nhấn giọng ở các từ ngữ sau: *hết sức đặc biệt, thơm đậm, rất xa, lâu tan, ngào ngạt, thơm mùi thơm…*  - GV chốt vị trí các đoạn:  - Lưu ý sửa lỗi đọc và ngắt nghỉ cho các HS (M1) |
| **3. Tìm hiểu bài:** *(8-10p)*  **\* Mục tiêu:** Hiểu ND: Cây sầu riêng có nhiều nét đặc sắc về hoa, quả và nét độc đáo về dáng cây (trả lời được các câu hỏi trong SGK).  **\* Cách tiến hành: *Làm việc nhóm 4 – Chia sẻ trước lớp*** | |
| - 1 HS đọc các câu hỏi cuối bài  - HS làm việc theo nhóm 4 – Chia sẻ kết quả  + Sầu riêng là một loại cây ăn trái rất quý hiếm, được coi là đặc sản của miền Nam.  + Hoa sầu riêng trổ vào cuối năm, hương sầu riêng thơm ngát như hương cau, hương bưởi. Hoa đậu thành từng chùm, màu trắng ngà. Cánh hoa nhỏ như vảy cá, hao hao giống cánh sen con, lác đác vài nhuỵ li ti giữa những cánh hoa.  + Quả sầu riêng lủng lẳng dưới cành trông như những tổ kiến. Mùi thơm đậm, bay rất xa, lâu tan trong không khí, còn hàng chục …ngào ngạt.Sầu riêng thơm mùi thơm của mít chín quyện với hương bưởi, béo cái béo của trứng gà …. đam mê.  + Thân cây sầu riêng khẳng khiu, cao vút, cành ngang thẳng đuột, lá nhỏ xanh vàng, hơi khép lại tưởng là héo.  + Các câu đó là: Sầu riêng là loại trái quý hiếm của miền Nam.  + Hương vị quyến rũ đến kì lạ.  + Đứng ngắm cây … kì lạ này.  + Vậy mà khi trái chín … đam mê.  **Nội dung**: **Bài văn nêu lên giá trị và vẻ đặc sắc của cây sầu riêng.**  - HS ghi lại nội dung bài  - Cây mít  - HS nêu những gì mình biết về cây mít | - GV yêu cầu HS đọc các câu hỏi cuối bài  + Sầu riêng là đặc sản của vùng nào?  + Em hãy miêu tả những nét đặc sắc của hoa sầu riêng?  + Quả sầu riêng có nét gì đặc sắc?  + Dáng cây sầu riêng thế nào?  + Tìm những câu văn thể hiện tình cảm của tác giả đối với cây sầu riêng.    - Hãy nêu nội dung bài.  \* Lưu ý giúp đỡ hs M1+M2 trả lời các câu hỏi tìm hiểu bài.Hs M3+M4 trả lời các câu hỏi nêu nội dung đoạn, bài.  ***- Liên hệ: Em có biết loại cây nào ở miền Bắc cũng có nhiều nét giống trái sầu riêng? Em có gì ấn tượng với loài cây đó?***  ***- Giáo dục HS tình yêu với cây cối, thiên nhiên và ý thức bảo vệ cây*** |
| **4. Luyện đọc diễn cảm***(8-10p)*  **\* Mục tiêu:** HSđọc diễn cảm được đoạn 2 của bài, nhấn giọng được các từ ngữ gọi tả vẻ đẹp của hoa và trái sầu riêng.  **\* Cách tiến hành: Hoạt động cá nhân – nhóm - cả lớp** | |
| - HS nêu lại giọng đọc cả bài  - 1 HS M4 đọc mẫu toàn bài  - Nhóm trưởng điều hành các thành viên trong nhóm  + Luyện đọc diễn cảm trong nhóm  + Cử đại diện đọc trước lớp  - Bình chọn nhóm đọc hay.  + Tác giả quan sát rất tỉ mỉ, sử dụng nhiều giác quan, dùng từ ngữ miêu tả và các biện pháp NT rất đặc sắc  - Tìm hiểu các bài tập đọc, bài thơ khác nói về quả sầu riêng | - Yêu cầu HS nêu giọng đọc toàn bài.  - Yêu cầu đọc diễn cảm đoạn 2 của bài  - GV nhận xét, đánh giá chung  **5. Hoạt động ứng dụng** *(1 phút)*  *+ Em học được điều gì cách miêu tả cây sầu riêng của tác giả?*  **6. Hoạt động sáng tạo** *(1 phút)* |

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TOÁN**

***Tiết 106:* LUYỆN TẬP CHUNG**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Củng cố cách rút gọn được phân số.

- Củng cố cách qui đồng được mẫu số hai phân số.

**2. Kĩ năng**

- HS thực hiện rút gọn và quy đồng các phân số.

**3. Thái độ**

- HS có thái độ học tập tích cực.

**4. Góp phần phát triển năng lực:**

**-** Năng lực tự học, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL tư duy - lập luận logic.

\* Bài tập cần làm: Bài 1, bài 2, bài 3 (a, b, c).

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Bảng phụ

- HS: Sách, bút

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- Phương pháp vấn đáp, động não, thực hành, đặt và giải quyết vấn đề, hoạt động nhóm, trò chơi học tập

- Kĩ thuật đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC;**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ | **1. Khởi động:** *(5p)*  - GV giới thiệu bài – Ghi tên bài |
| **2. Hoạt động thực hành** (30p)  **\* Mục tiêu**: Thực hiện rút gọn và quy đồng được phân số  \* **Cách tiến hành: Cá nhân – Nhóm – Lớp** | |
| - Thực hiện cá nhân – Chia sẻ nhóm 2 – Chia sẻ lớp  Đáp án:  ;  ;  *+ Chúng ta cần rút gọn các phân số.*  - Thực hiện cá nhân – Chia sẻ lớp  Đáp án:  là PS tối giản, không rút gọn được.      Vậy các phân số  bằng phân số  - Thực hiện cá nhân – Chia sẻ lớp  a) và ; MSC: 24  =  b)và ; MSC: 45  =  =  c)và; MSC là 36  =  =  d)và; MSC:12    Nhóm b) có số ngôi sao đã tô màu.  - Chữa lại các phần bài tập làm sai | *Bài 1: Rút gọn các phân số.*  - Gọi HS đọc yêu cầu bài tập.  - GV chốt đáp án.  - Củng cố cách rút gọn phân số. Lưu ý giúp đỡ HS M1, M2 rút gọn tới PS tối giản  *Bài 2: Trong các phân số sau dưới nay phân số nào bằng …*  - Gọi HS đọc yêu cầu bài tập.  *+ Muốn biết phân số nào bằng phân số, chúng ta làm như thế nào?*  - Nhận xét chung, chốt đáp án, cách làm  \* Lưu ý giúp đỡ hs M1+M2  *Bài 3a, b, c:(HSNK hoàn thành cả bài)*  - Gọi HS đọc yêu cầu bài tập.  - GV nhận xét, đánh giá bài làm trong vở của HS  - GV chữa bài và tổ chức cho HS trao đổi để tìm được MSC bé nhất (c. MSC là 36 ; d. MSC là 12).  *Bài 4 (bài tập chờ dành cho HS hoàn thành sớm)*  - Chốt cách rút gọn tới phân số tối giản  3. Hoạt động ứng dụng *(1p)*  4. Hoạt động sáng tạo *(1p)* |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**KHOA HỌC**

**ÂM THANH TRONG CUỘC SỐNG**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Nêu được ví dụ về ích lợi của âm thanh trong cuộc sống: âm thanh dùng để giao tiếp trong sinh hoạt, học tập, lao động, giải trí; dùng để báo hiệu (còi tàu, xe, trống trường,…).

**2. Kĩ năng**

- Nói được về những lợi ích của việc ghi lại âm thanh

**3. Thái độ**

- Có ý thức tạo ra và lắng nghe những âm thanh hài hoà, dễ chịu, có tác động tích cực tới cuộc sống.

**4. Góp phần phát triển các năng lực:**

- NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL hợp tác,...

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: + Tranh ảnh về vai trò của âm thanh trong cuộc sống.

+ Tranh ảnh về các loại âm thanh khác nhau.

+ Mang một số đĩa băng casset.

- HS: Chuẩn bị theo nhóm: Các chai thuỷ tinh hoặc cốc thuỷ tinh để chơi trò chơi "Làm nhạc cụ"

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: quan sát, hỏi đáp, thảo luận, trò chơi học tập, thí nghiệm.

- KT: Động não, chia sẻ nhóm đôi, tia chớp

**II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt đông của giáo viên** | **Hoạt đông của của học sinh** |
| - HS chơi trò chơi dưới sự điều hành của GV | **1. Khởi động *(4p)***  **Trò chơi:** Tìm từ diễn tả âm thanh:  - Chia lớp thành 2 nhóm: một nhóm nêu tên nguồn phát ra âm thanh, nhóm kia tìm từ phù hợp để diễn tả âm thanh, ví dụ:  VD: Nhóm A: Hô “đồng hồ”  Nhóm B: Nêu “tích tắc”....  - GV nhận xét, khen/ động viên, dẫn vào bài mới. |
| **2. Bài mới:***(30p)*  **\* Mục tiêu:**  - Nêu được ví dụ về ích lợi của âm thanh trong cuộc sống: âm thanh dùng để giao tiếp trong sinh hoạt, học tập, lao động, giải trí; dùng để báo hiệu (còi tàu, xe, trống trường,…).  - Nói được về những lợi ích của việc ghi lại âm thanh  **\* Cách tiến hành: Cá nhân-Nhóm –Lớp** | |
| - HS làm việc nhóm 2 – Chia sẻ lớp  + Âm thanh giúp giải trí (tiếng chiêng, trống)  + Âm thanh giúp chúng ta nói chuyện + Âm thạnh giúp chúng ta học tập  + Âm thanh giúp báo hiệu (tiếng trống)  - HS nối tiếp nêu  - HS làm việc cá nhân, ghi vào phiếu học tập những âm thanh mình thích và những âm thanh không thích  - Giải thích tại sao  - HS lắng nghe  *+ Do bài hát đã được ghi âm lại*  *+ Giúp ta lưu lại những âm thanh hay hay những âm thanh mà mình ưa thích,...*  - HS lắng nghe  + Tạo ra các âm thanh vui vẻ, đủ nghe  - HS thực hành  - Các nhóm đánh giá bài biểu diễn của nhóm bạn | **HĐ1**: **Vai trò của âm thanh trong đời sống**  - GV hướng dẫn HS quan sát hình trang 86 ghi lại vai trò của âm thanh và bổ sung thêm.  *+ Ngoài ra, âm thanh còn có vai trò gì?*  - GV kết luận về vai trò của âm thanh  **HĐ2: Nói về những âm thanh ưa thích và những âm thanh không ưa thích:**  - GV yêu cầu HS nêu ý kiến của mình thích hay không thích âm thanh. GV ghi  **HĐ3: Lợi ích của việc ghi lại được âm thanh:**  - GV cho HS nghe 1 bài hát  *+ Tạo sao em lại nghe được bài hát này*  *+ Nêu lợi ích của việc ghi lại âm thanh?.*  - GV giới thiệu cách ghi âm ngày xưa và cách ghi âm ngày nay  **3. HĐ ứng dụng *(1p)***  *- Trong cuộc sống, chúng ta cần tạo ra những âm thanh thế nào để học tập và làm việc có hiệu quả?*  **4. HĐ sáng tạo *(2p)***  **HĐ 4: Trò chơi làm nhạc cụ**:  - Cho các nhóm làm nhạc cụ: đổ nước vào các chai hoặc cốc từ vơi cho đến gần đầy. HS so sánh âm thanh các chai phát ra khi gõ.  - GV: Khi gõ chai rung động phát ra âm thanh. Chai nhiều nước âm thanh trầm hơn. |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

..............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

*Thứ ....... ngày ...... tháng ..... năm .........*

**KĨ NĂNG SỐNG**

**ÔN TẬP- NHÀ LÃNH ĐẠO TÀI BA**

**CHÍNH TẢ**

**SẦU RIÊNG**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức:**

- Nghe - viết đúng bài CT; trình bày đúng hình thức đoạn văn xuôi

- Làm đúng BT2a, BT 3 phân biệt l/n. uc/ut

**2. Kĩ năng:**

**-** Rèn kĩ năng viết đẹp, viết đúng chính tả.

**3. Thái độ:**

**-** Giáo dục tính cẩn thận, chính xác, yêu thích chữ viết

**4. Góp phần phát triển năng lực:**

**-** NL tự chủ và tự học, NL sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: 3,4 tờ giấy khổ to ghi nội dung BT 2a, 3

- HS: Vở, bút,...

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- Phương pháp vấn đáp, động não, quan sát, thực hành, đặt và giải quyết vấn đề, hoạt động nhóm, trò chơi học tập.

- Kĩ thuật đặt câu hỏi, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của HS** | **Hoạt động của GV** |
| - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ | **1. Khởi động: (***2p***)**  ***-*** GV dẫn vào bài mới |
| **2. Chuẩn bị viết chính tả:** *(6p)*  **\* Mục tiêu:** HS hiểu được nội dung bài CT, tìm được các từ khó viết  **\* Cách tiến hành:** | |
| - 1 HS đọc- HS lớp đọc thầm  *+Vẻ đẹp của hoa sầu riêng, trái sầu riêng*  *-* HS nêu từ khó viết*: trổ, toả, vảy cá, nhuỵ, rộ,..*  *-* Viết từ khó vào vở nháp | \* Trao đổi về nội dung đoạn cần viết  - Gọi HS đọc đoạn văn cần viết  *+ Bài văn nói về điều gì?*  - Hướng dẫn viết từ khó: Gọi HS nêu từ khó, sau đó GV đọc cho HS luyện viết. |
| **3. Viết bài chính tả:** *(15p)*  **\* Mục tiêu:** Hs nghe - viết tốt bài chính tả, trình bày đúng hình thức đoạn văn xuôi  **\* Cách tiến hành:** | |
| - HS nghe - viết bài vào vở | - GV đọc cho HS viết  - GV theo dõi và nhắc nhở, giúp đỡ HS viết chưa tốt.  - Nhắc nhở cách cầm bút và tư thế ngồi viết. |
| **4. Đánh giá và nhận xét bài:** *(5p)*  **\* Mục tiêu:** Giúp HS tự đánh giá được bài viết của mình và của bạn. Nhận ra các lỗi sai và sửa sai  **\* Cách tiến hành: Cá nhân- Cặp đôi** | |
| - Học sinh xem lại bài của mình, dùng bút chì gạch chân lỗi viết sai. Sửa lại xuống cuối vở bằng bút mực  - Trao đổi bài (cặp đôi) để soát hộ nhau  - Lắng nghe. | - Cho học sinh tự soát lại bài của mình theo.  - GV nhận xét, đánh giá 5 - 7 bài  - Nhận xét nhanh về bài viết của HS |
| **5. Làm bài tập chính tả:** *(5p)*  **\* Mục tiêu:** Giúp HS phân biệt được l/n, uc/ut  **\* Cách tiến hành: Cá nhân - Cặp đôi - Chia sẻ trước lớp** | |
| Đ/a:  *N*ên bé *n*ào thấy đau  .........  Bé oà *l*ên *n*ức *n*ở  - Đọc lại đoạn thơ sau khi điền hoàn chỉnh  *+ Em bé làm nũng mẹ để được mẹ yêu*  Đ/a:  Những tiếng thích hợp trong ngoặc đơn cần chọn là: *nắng-trúc-cúc-lóng lánh-nên-vút-náo nức*  - HS đọc lại đoạn văn sau khi điền hoàn chỉnh  - Viết lại 5 lần các từ viết sai trong bài chính tả  - Lấy VD để phân biệt uc/ut | **Bài 2a:** Điền vào chỗ trống l/n  *+ Em bé trong bài thơ có gì đáng yêu?*  **Bài 3:**  **6. Hoạt động ứng dụng** *(1p)*  **7. Hoạt động sáng tạo** *(1p)* |

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TOÁN**

***Tiết 107:* SO SÁNH HAI PHÂN SỐ CÙNG MẪU SỐ**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Biết cách so sánh 2 phân số cùng mẫu số

- Hiểu bản chất của phân số lớn hơn 1, bé hơn 1 và bằng 1

**2. Kĩ năng**

- Thực hiện so sánh được hai phân số có cùng mẫu số.

- So sánh được một phân số với 1.

3**. Thái độ**

- HS tích cực, cẩn thận khi làm bài

**4. Góp phần phát huy các năng lực**

**-** Năng lực tự học, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL tư duy - lập luận logic.

\* BT cần làm: Bài 1, bài 2b (3 ý đầu)

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Phiếu học tập.

- HS: SGK,.

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm, luyện tập – thực hành

- Kĩ thuật: đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của HS** | | **Hoạt động của GV** |
| - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ | | **1. Khởi động *(5p)***    - GV giới thiệu bài mới |
| **2. Hình thành kiến thức** *(15p)*  **\* Mục tiêu:** Biết so sánh hai phân số có cùng mẫu số.  \* **Cách tiến hành***:* | | |
| - HS quan sát hình vẽ.  - HS thực hành lấy đoạn thẳng AC =  AB và AD =  AB.  *+AC bằng  độ dài đoạn thẳng AB.*  *+ AD bằng  độ dài đoạn thẳng AB.*  *+ Độ dài đoạn thẳng AC bé hơn độ dài đoạn thẳng AD.*  *+  AB <  AB*  *+  <*  *+ Hai phân số có mẫu số bằng nhau, phân số  có tử số bé hơn, phân số  có tử số lớn hơn.*  *+ Ta chỉ việc so sánh tử số của chúng với nhau. Phân số có tử số lớn hơn thì lớn hơn. Phân số có tử số bé hơn thì bé hơn. Nếu tử số bằng nhau thì hai phân số bằng nhau.*  - Một vài HS nêu trước lớp.  - HS lấy VD về 2 PS cùng MS và tiến hành so sánh | | Ví dụ: GV vẽ đoạn thẳng AB như phần bài học SGK lên bảng.  *+ Độ dài đoạn thẳng AC bằng mấy phần đoạn thẳng AB?*  *+ Độ dài đoạn thẳng AD bằng mấy phần đoạn thẳng AB?*  *+ Hãy so sánh độ dài đoạn thẳng AC và độ dài đoạn thẳng AD.*  *+ Hãy so sánh độ dài  AB và  AB.*  *+ Hãy so sánh  và?*  *+ Em có nhận xét gì về mẫu số và tử số của hai phân số  và?*    *+ Vậy muốn so sánh hai phân số cùng mẫu số ta chỉ việc làm như thế nào?*    - GV yêu cầu HS nêu lại cách so sánh hai phân số cùng mẫu số. |
| **3. Hoạt động thực hành***:(18p)*  **\* Mục tiêu:** - Thực hiện so sánh được hai phân số có cùng mẫu số.  - So sánh được một phân số với 1.  **\* Cách tiến hành:** Cá nhân, nhóm, cả lớp. | | |
| ***Bài 1: So sánh hai phân số.***  - GV yêu cầu HS tự so sánh các phân số, sau đó báo cáo kết quả trước lớp.  - GV chữa bài, có thể yêu cầu HS giải thích cách so sánh của mình. Ví dụ: Vì sao <  - Củng cố cách so sánh các phân số có cùng mẫu số.  \* Lưu ý: Giúp đỡ hs M1+M2  ***Bài 2b (3 ý đầu): HSNK làm cả bài.***  - Gọi HS đọc yêu cầu bài tập.  - GV hướng dẫn HS bài tập mẫu để rút ra nhận xét theo SGK.  - GV yêu cầu HS làm tiếp các phân số còn lại của bài.  - Nhận xét, chốt đáp án.      ***Bài 3 (bài tập chờ dành cho HS hoàn thành sớm)***  **4. Hoạt động ứng dụng** *(1p)*  **5. Hoạt động sáng tạo** *(1p)* | - Thực hiện cá nhân – Chia sẻ nhóm 2 - Chia sẻ lớp  Đáp án:  VD:  a)Vì hai phân số có cùng mẫu số là 7, so sánh hai tử số ta có 3 < 5 nên  <.  b) vì 4 > 2 ; c) vì 7 > 5;  d)  vì 2 < 9  - HS làm cá nhân – Chia sẻ lớp  Đáp án:  + Các phân số bé hơn 1 là: Vì tử số bé hơn mẫu số.  + Các phân số lớn hơn 1 là:  Vì có tử số lớn hơn mẫu số.  + Phân số bằng 1 là: Vì có tử số và mẫu số bằng nhau.  - HS lấy thêm VD về phân số lớn hơn 1, bé hơn 1 và bằng 1.  - HS làm vào vở Tự học – Chia sẻ lớp  Đáp án:  Các phân số đó là:  - Ghi nhớ KT của bài  - Tìm các bài tập cùng dạng trong sách buổi 2 và giải. | |

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**LỊCH SỬ**

**Trường học thời Hậu Lê**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- Biêt được sự phát triển của giáo dục thời Hậu Lê (những sự kiện cụ thể về tổ chức giáo dục, chính sách khuyến học):

+ Đến thời Hậu Lê, giáo dục có qui củ chặt chẽ: ở kinh đô có Quốc Tử Giám, ở các địa phương bên cạnh trường công còn có các trường tư; ba năm có một kì thi Hương và thi Hội; nội dung học tập là Nho giáo,...

+ Chính sách khuyến khích học tập: đặt ra lễ xướng danh, lễ vinh qui, khắc tên tuổi người đỗ cao vào bia đá dựng ở Văn Miếu.

**2. Kĩ năng**

- Mô tả được tổ chức giáo dục dưới thời Hậu Lê (về tổ chức trường học, người được đi học, nội dung học, nền nếp thi cử)

**3. Thái độ**

- Có ý thức tự hào về truyền thống hiếu học có từ lâu đời.

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL ngôn ngữ, NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: + Phiếu học tập cho HS.

+ Tranh minh hoạ như SGK (nếu có)

- HS: SGK, bút

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm.

- KT: Kĩ thuật đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của HS** | **Hoạt động của GV** |
| - TBHTđiều hành lớp trả lời, nhận xét:  +Vua có uy quyền tuyệt đối. Mọi quyền hành đều tập trung vào tay vua…quân đội | **1.Khởi động:***(4p)*  *+ Những sự việc nào thể hiện quyền tối cao của vua Lê*  - GV nhận xét chung, dẫn vào bài mới. |
| **2. Bài mới:***(30p)*  **\* Mục tiêu:**  - Biêt được sự phát triển của giáo dục thời Hậu Lê (những sự kiện cụ thể về tổ chức giáo dục, chính sách khuyến học)  - Mô tả được tổ chức giáo dục dưới thời Hậu Lê (về tổ chức trường học, người được đi học, nội dung học, nền nếp thi cử)  **\* Cách tiến hành*: Cá nhân – Nhóm - Lớp*** | |
| - HS lắng nghe.  - HS làm việc nhóm 2 – Chia sẻ lớp:  *+ Lập Văn Miếu, thu nhận cả con em thường dân vào trường Quốc Tử Giám, trường học có lớp học, chỗ ở, kho trữ sách; ở các đạo đều có* *trường do nhà nước mở .*  *+ Ba năm có một kì thi Hương và thi Hội, có kì thi kiểm tra trình độ của các quan lại.*  - Trả lời cá nhân – Chia sẻ lớp  ***+*** *Tổ chức Lễ đọc tên người đỗ, lễ đón rước người đỗ về làng, khắc vào bia đá tên những người đỗ cao rồi đặt ở Văn Miếu.*  - HS xem tranh, ảnh.  - HS lắng nghe  *+ Tổ chức trường học: Nhà nước lập Văn Miếu, mở Quốc Tử Giám làm trường học, có chỗ ở cho cả HS và kho sách*  *+ Người được đi học: co cháu vua, quan và con em thường dân học giỏi.*  *+ Nội dung học: Nho giáo.*  *+ Nền nếp thi cử: 3 năm có 1 kì thi Hương ở địa phương và thi Hội ở kin thành. Những người đỗ thi Hội được thi Đình để chọn tiến sĩ.*  - HS đọc Bài học cuối sách  - Giới thiệu những điều em biết về Văn Miếu và Quốc Tử Giám.  - Tìm hiểu thêm về văn miếu Mao Điền (Cẩm Giàng – Hải Dương) | ***a. Giới thiệu bài****:*  Văn Miếu – Quốc Tử Giám là một trong những di tích quý hiếm của lịch sử giáo dục nước ta. Nó minh chứng cho sự phát triển của nền giáo dục nước ta, đặc biệt dưới thời Hậu Lê. Để giúp các em thêm hiểu về về trường học và giáo dục thời Hậu Lê chúng ta cùng học bài hôm nay *Trường học thời Hậu Lê*.  - Ghi tựa.  **b. Tìm hiểu bài**:  **HĐ1: Tổ chức giáo dục dưới thời Lê:**  - GV phát phiếu học tập yêu cầu HS đọc SGK để các nhóm thảo luận:  *+ Việc học dưới thời Lê được tồ chức như thế nào?*  *+ Chế độ thi cử thời Lê thế nào?*  ***\* GV: Giáo dục thời Lê có tổ chức quy củ, nội dung học tập là Nho giáo.***  **HĐ2: Thời Lê việc học rất được quan tâm:**  *+ Nhà Lê đã làm gì để khuyến khích học tập?*    - GV cho HS xem và tìm hiểu nội dung các hình trong SGK và tranh, ảnh tham khảo thêm: Khuê Văn Các và các bia tiến sĩ ở Văn Miếu cùng hai bức tranh: Vinh quy bái tổ và Lễ xướng danh để thấy được nhà Lê đã rất coi trọng giáo dục .  **\* GV: *Nhà Hậu Lê rất quan tâm đến vấn đề học tập. Sự phát triển của giáo dục đã góp phần quan trọng không chỉ đối với việc xây dựng nhà nước, mà còn nâng cao trình độ dân trí và văn hoá người Việt.***  *- Em hãy mô tả tổ chức giáo dục thời Hậu Lê?*  - Giới thiệu cho HS hiểu về thi Hương, thi Hội, thi Đình  - GV chốt nội dung bài học  **3. Hoạt động ứng dụng** *(1p)*.  - Giáo dục tự hào truyền thống hiếu học của cha ông  **4. Hoạt động sáng tạo** *(1p)* |

**ĐIỀU CHỈNH-BỔ SUNG**

..........................................................................................................................................................................................................................................................................

.....................................................................................................................................

*Thứ ....... ngày ...... tháng ..... năm .........*

**LUYỆN TỪ VÀ CÂU**

**CHỦ NGỮ TRONG CÂU KỂ AI THẾ NÀO?**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Hiểu được cấu tạo và ý nghĩa của bộ phận CN trong câu kể Ai thế nào? (ND Ghi nhớ).

**2. Kĩ năng**

- Nhận biết được câu kể Ai thế nào? trong đoạn văn (BT1, mục III); viết được đoạn văn khoảng 5 câu, trong đó có câu kể Ai thế nào? (BT2).

\* HS M3+M4 viết được đoạn văn có 2, 3 câu theo mẫu Ai thế nào? (BT2).

**3. Thái độ**

- HS có thái độ học tập tích cực, sử dụng đúng câu kể khi nói và viết

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL tự học, NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: + 2 tờ giấy khổ to viết 4 câu kể (1, 2, 4, 5) trong đoạn văn ở phần nhận xét.

+ 1 tờ giấy khổ to để viết 5 câu kể Ai thế nào? trong đoạn văn phần LT

- HS: VBT, bút

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Quan sát, hỏi đáp, thảo luận nhóm, luyện tập – thực hành

- KT: Kĩ thuật đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của HS** | | **Hoạt động của GV** |
| - TBHT điều hành lớp trả lời, nhận xét:  *+ VN do tính từ hoặc cụm tính từ tạo thành*  *+ VN trả lời cho câu hỏi: thế nào?, như thế nào?* | | 1**. Khởi động** (5p)  *+ Vị ngữ trong câu kể Ai thế nào? thường do những từ ngữ nào tạo thành?*  *+ VN trả lời cho câu hỏi gì?*  - GV giới thiệu và dẫn vào bài mới |
| **2. Hình thành KT** *(15 p)*  **\* Mục tiêu:** Hiểu được cấu tạo và ý nghĩa của bộ phận CN trong câu kể Ai thế nào? (ND Ghi nhớ).  **\* Cách tiến hành: HS làm cá nhân – Chia sẻ lớp** | | |
| **Cá nhân – Chia sẻ lớp**  - 1 HS đọc to, cả lớp đọc thầm.  - Đánh số thứ tự câu. Tìm câu kể ***Ai thế nào?*** trong đoạn văn.  **Nhóm 2 – Chia sẻ lớp**  Đáp án:  + Câu 1: ***Hà Nội*** tưng bừng màu đỏ.  + Câu 2: ***Cả một*** ***vùng trời*** bát ngát cờ, đèn và hoa.  + Câu 4: ***Các cụ già*** vẻ mặt nghiêm trọng.  + Câu 5: ***Những cô gái thủ đô*** hớn hở, áo màu rực rỡ.  **Cá nhân – Lớp**  Đáp án:  *+ CN của các câu trên đều chỉ sự vật có đặc điểm tính chất được nêu ở VN.*  *+ CN của câu 1 do danh từ riêng Hà Nội tạo thành.*  *+ CN của câu 2, 4, 5 do cụm danh từ tạo thành.*  - HS lắng nghe  - HS đọc ghi nhớ. | | **a. Nhận xét**  **Bài tập 1:**  - Gọi HS đọc và chia sẻ yêu cầu bài tập.  - GV giao việc: đánh số thứ tự các câu.  - GV nhận xét và chốt lại lời giải đúng: Đoạn văn có 4 câu kể ***Ai thế nào?*** Đó là các câu 1, 2, 4, 5.  **Bài tập 2:** Xác định chủ ngữ trong các câu tìm được.  - Chốt lời giải đúng      **Bài tập 3:** Chủ ngữ trong câu trên…  - Chốt kết quả đúng.  - Chốt lại lưu ý về chủ ngữ của câu kể Ai thế nào?  **b. Ghi nhớ:**  - Cho HS đọc lại phần ghi nhớ. |
| **3. HĐ luyện tập** *:(18 p)*  **\* Mục tiêu:** Nhận biết được câu kể Ai thế nào? trong đoạn văn (BT1, mục III); viết được đoạn văn khoảng 5 câu, trong đó có câu kể Ai thế nào? (BT2).  **\* Cách tiến hành: Cá nhân - Nhóm - Cả lớp** | | |
| **Cá nhân - Nhóm 2- Chia sẻ lớp**  Đáp án:  + Câu 3: ***Màu vàng trên lưng chú*** lấp lánh  + Câu 4: : ***Bốn cái cánh*** mỏng như giấy bóng.  + Câu 5: : ***Cái đầu*** tròn (và) ***hai con mắt*** long lanh như thuỷ tinh  + Câu 6: : ***Thân chú*** nhỏ và thon vàng…  + Câu 8: : ***Bốn cánh*** khẽ rung rung…  *+ Chú chuồn chuồn nước rất đẹp và đáng yêu*  **Cá nhân – Chia sẻ lớp**  VD:  Ví dụ: Trong các loại quả, em thích nhất là xoài. Quả xoài khi chín thật hấp dẫn. Hình dáng bầu bĩnh thật đẹp. Vỏ ngoài vàng ươm. Hương thơm nức…  - Lớp nhận xét.  - Sửa lại các câu viết chưa hay trong bài tập 3  + Hoàn thiện đoạn văn để ghép vào bài miêu tả cây cối sau này | **Bài tập 1**: Tìm CN của các câu kể…  - Cho HS đọc yêu cầu BT 1.      - GDBVMT: *Qua đoạn văn, em thấy hình ảnh chú chuồn chuồn nước hiện lên như thế nào?*  - Lưu ý nhắc HS vận dụng trong bài miêu tả con vật sau này  **Bài tập 2**: Viết một đoạn văn khoảng 5 câu.....  - GV HD: Các em viết một đoạn văn khoảng 5 câu về một loại trái cây. Đoạn văn ấy có dùng một số câu kể ***Ai thế nào?*** không bắt buộc tất cả các câu đếu là câu kể ***Ai thế nào?***  - GV nhận xét và đánh giá một số bài HS viết hay.  **4. HĐ ứng dụng** (1p)  **5. HĐ sáng tạo** (1p) | |

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TOÁN**

***Tiết 108:* LUYỆN TẬP**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Củng cố KT về so sánh 2 PS cùng MS, so sánh PS với 1.

**2. Kĩ năng**

- HS thực hiện so sánh được 2 PS cùng MS, so sánh các PS với 1 và vận dụng so sánh để sắp thứ tự phân số

**3. Thái độ**

- Tích cực, tự giác học bài, trình bày bài sạch sẽ, khoa học

**4. Góp phần phát triển các kĩ năng**

- Năng lực tự học, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL tư duy - lập luận logic.

\* BT cần làm: Bài 1, bài 2 (5 ý cuối), bài 3 (a, c).

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Bảng phụ

- HS: Sách, bút

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Quan sát, hỏi - đáp, thảo luận nhóm, luyện tập – thực hành

- KT: đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của HS** | **Hoạt động của GV** |
| - TBHT điều hành lớp trả lời, nhận xét.  *+ Ta so sánh TS của 2 PS với nhau. PS nào có TS lớn hơn thì phân số đó lớn hơn và ngược lại. Nếu 2 PS có TS bằng nhau thì chúng bằng nhau*  *+ HS nối tiếp nêu VD* | **1. HĐ khởi động *(3p)***  *+ Nêu cách so sánh hai phân số cùng mẫu số?*  *+ Bạn hãy nêu VD hai phân số cùng mẫu số?*  - GV nhận xét chung, dẫn vào bài mới |
| **2. HĐ thực hành** *(30p)*  *\** **Mục tiêu***:* HS thực hiện so sánh được 2 PS cùng MS, so sánh các PS với 1 và vận dụng so sánh để sắp thứ tự phân số  **\* Cách tiến hành***:* Cá nhân – Nhóm – Lớp | |
| - Làm cá nhân – Lớp  Đáp án:  a)  và  Vì 3 > 1 nên  >  b) và  Vì 9 < 11 nên  >  c) và Vì 13 < 15 nên  <  d) và  Vì 25 > 22 nên  >  - Gọi HS tìm hiểu đề bài.  *+ Khi so sánh các phân số với 1 thì phải so sánh tử số và mẫu số của phân số.*  *+ Nếu tử số bé hơn mẫu số thì PS bé hơn 1...*  - HS làm cá nhân – Nhóm 2 - Chia sẻ lớp  Đáp án:  - Phân số bé hơn 1 là:  - Phân số lớn hơn 1 là:  - Phân số bằng 1 là:  *+ Chúng ta phải so sánh các phân số với nhau.*  *+ Phân số nào có tử số bé hơn thì bé hơn.*  *+ Phân số nào có tử số lớn hơn thì lớn hơn.*  *+ Nếu tử số bằng nhau thì hai phân số bằng nhau.*  - HS làm cá nhân – Chia sẻ lớp  Đáp án:  a)Vì 1 < 3 < 4 nên  b) Vì 5 < 6 < 8 nên  c) Vì 5 < 7 < 8 nên  d) Vì 10 < 12 < 16 nên  - Chữa lại các phần bài tập làm sai  - BT PTNL: Hãy viết 2 PS bé hơn 1, 1 PS bằng 1 và 2 PS lớn hơn 1. Sắp xếp các PS đó theo thứ tự từ bé đến lớn | ***Bài 1***: So sánh hai phân số.  - GV nhận xét, đánh giá bài làm trong vở của HS  - Chốt đáp án, khen ngợi/ động viên.  - Củng cố so sánh 2 PS cùng MS  ***Bài 2 (5 ý cuối ). HSNK làm cả bài.***  *+ Khi so sánh các phân số với 1 thì phải so sánh các yếu tố nào ở phân số?*  *+ Nêu cách so sánh phân số với 1?*  - Nhận xét, đánh giá chung  ***Bài 3a, c: HSNK làm cả bài.***  *+ Muốn xếp được các phân số theo thứ tự từ bé đến lớn chúng ta phải làm gì?*  *+ Nêu cách so sánh hai phân số cùng* *mẫu?*    **3. Hoạt động ứng dụng** (1p)  **4. Hoạt động sáng tạo** (1p) |

**ĐIỀU CHỈNH-BỔ SUNG**

...................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**ĐẠO ĐỨC**

**LỊCH SỰ VỚI MỌI NGƯỜI** *(tiết 2)*

**I.MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Biết thế nào là lịch sự với mọi người

- Biết ý nghĩa của việc cư xử lịch sự với mọi người.

**2. Kĩ năng**

- Nêu được ví dụ về cư xử lịch sự với mọi người.

- Chọn lựa được những việc làm thể hiện ứng xử lịch sự với mọi người.

**3. Thái độ**

- Biết cư xử lịch sự với những người xung quanh.

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL tự học, NL giải quyết vấn đề, NL hợp tác, sáng tạo

***\* KNS:*** *- Thể hiện sự tự trọng và tôn trọng người khác*

*- Ứng xử lịch sự với mọi người*

*- Ra quyết định lựa chọn hành vi và lời nói phù hợp trong tình huống*

*- Kiểm soát khi cần thiết*

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Các tấm bìa xanh, đỏ, vàng. Một số đồ dùng cho trò chơi đóng vai.

- HS: SGK, SBT

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm, trò chơi, đóng vai.

- KT: động não, tia chớp, chia sẻ nhóm 2

**III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của HS** | **Hoạt động của GV** |
| -TBHT điều hành lớp trả lời, nhận xét  + Vì lịch sự thể hiện sự tôn trọng người khác. Lịch sự với mọi người sẽ luôn được yêu quý  + Chào hỏi người lớn tuổi, nói năng lịch sự với người trên | . **1. Khởi động:***(2p)*  *+ Vì sao phải lịch sự với mọi người?*  *+ Nêu một vài biểu hiện của phép lịch sự với mọi người.*  - Nhận xét, chuyển sang bài mới |
| **2. Bài mới** *(30p)*  **\* Mục tiêu:** - Biết bày tỏ ý kiến về các hành vi thể hiện lịch sự với mọi người  - Đóng vai xử lí các tình huống về lịch sự với mọi người.  **\* Cách tiến hành: Cá nhân-Nhóm-Lớp** | |
| **Nhóm 2 – Lớp**  - Đọc và xác định yêu cầu bài tập.  - Hoạt động cặp đôi.  - Báo cáo kết quả bằng cách giơ thẻ màu  - HS đại diện giải thích sự lựa chọn của nhóm  - HS đọc tình huống trước khi đóng vai.  - Các nhóm HS thảo luận chuẩn bị cho đóng vai.  - Hai nhóm HS lên đóng vai; Các nhóm khác có thể lên đóng vai nếu có cách giải quyết khác.  - Lớp nhận xét, đánh giá các cách giải quyết.  - Câu ca dao khuyên mỗi người nên có cách nói năng lịch sự để không làm ai buồn lòng  - HS lấy VD các tình huống và cách nói năng cho đúng phép lịch sự  - Thực hiện cư xử lịch sự với bạn bè và mọi người xung quanh trong cuộc sống.  - Tìm các câu ca dao, tục ngữ, thành ngữ khuyên chúng ta biết nói năng đúng phép lịch sự trong cuộc sống. | **HĐ1: Bày tỏ ý kiến** (Bài tập 2- SGK/33):  - Gọi HS đọc và xác định yêu cầu bài tập.  - YC HS thảo luận cặp đôi làm bài.  - GV lần lượt nêu từng ý kiến của bài tập 2, HS bày tỏ ý kiến bằng cách chọn và giơ thẻ màu bày tỏ sự lựa chọn của mình.  - GV đề nghị HS giải thích về lí do lựa chọn của mình.  - GV kết luận.  + Các ý kiến c, d là đúng.  + Các ý kiến a, b, đ là sai.  **HĐ 2: Đóng vai** (Bài tập 4- SGK/33):  - GV chia nhóm và giao nhiệm vụ cho các nhóm thảo luận, chuẩn bị đóng vai tình huống bài tập 4.  - GV nhận xét chung.  🟍 Kết luận chung:  **HĐ 3: Giải nghĩa câu ca dao** (BT 5)  - GV đọc câu ca dao sau và cho HS giải thích ý nghĩa:  Lời nói không mất tiền mua  Lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau  **3. HĐ ứng dụng** *(1p)*  **4. HĐ sáng tạo** *(1p)* |

**ĐIỀU CHỈNH-BỔ SUNG**

..............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**KỂ CHUYỆN**

**CON VỊT XẤU XÍ**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Hiểu được lời khuyên qua câu chuyện: Cần nhận ra cái đẹp của người khác, biết thương yêu người khác, không lấy mình làm chuẩn để đánh giá người khác.

**2. Kĩ năng:**

- Dựa theo lời kể của GV, sắp xếp đúng thứ tự tranh minh hoạ cho trước (SGK); bước đầu kể lại được từng đoạn câu chuyện Con vịt xấu xí rõ ý chính, đúng diễn biến.

**3. Thái độ**

- Giáo dục HS biết nhìn ra những nét đẹp của người khác, không phân biệt, kì thị các bạn khác mình.

**4. Góp phần bồi dưỡng các năng lực**

- NL giao tiếp và hợp tác, NL sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ.

***\* BVMT:*** *Cần yêu quý các loài vật quanh ta.*

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: + Tranh minh hoạ truyện trong SGK phóng to.

+ Ảnh thiên nga.

- HS: SGK

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm, kể chuyện

- KT: đặt câu hỏi, động não, chia sẻ nhóm.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ | **1. Khởi động***:(5p)*  - Gv dẫn vào bài. |
| **2. GV kể chuyện**  **\* Mục tiêu:**  HS nghe và nắm được diễn biến chính của câu chuyện  **\* Cách tiến hành:** | |
| - HS lắng nghe  - Lắng nghe và chú ý sắp xếp các bức tranh theo thứ tự  Thứ tự đúng: Tranh 2 – Tranh 1 – Tranh 3- Tranh 4 | - ***GV kể lần 1:*** không có tranh (ảnh) minh hoạ.  - Chú ý: kể với giọng thong thả, chậm rãi. Nhấn giọng ở những từ ngữ: *xấu xí, nhỏ xíu, quá nhỏ, yếu ớt, buồn lắm, chành choẹ, bắt nạt, hắt hủi, dài ngoẵng, gầy guộc, vụng về, vô cùng sung sướng, cứng cáp, lớn khôn, mừng rỡ, bịn rịn …*  - ***GV kể lần 2:***  - GV kể lần 2 không sử dụng tranh minh hoạ (kể chậm, to, rõ, kết hợp với động tác).  + Phần đầu câu chuyện: (đoạn 1).  + Phần nội dung chính của câu chuyện (đoạn 2).  + Phần kết câu chuyện (đoạn 3). |
| **3. Thực hành kể chuyện – Nêu ý nghĩa câu chuyện***:(20- 25p)*  **\* Mục tiêu:** Kể lại từng đoạn truyện, toàn bộ câu chuyện. Nêu được nội dung, ý nghĩa câu chuyện  + HS M1+M2 kể được câu chuyện đúng YC  + HS M3+ M4 kể được câu chuyện đúng YC kết hợp được điệu bộ, giọng nói,..  **\* Cách tiến hành: Cá nhân - Nhóm- Lớp** | |
| - Nhóm trưởng điều hành các thành viên kể từng đoạn truyện  - Kể toàn bộ câu chuyện trong nhóm  - Các nhóm cử đại diện kể chuyện trước lớp  - HS lắng nghe và đánh giá theo các tiêu chí  VD:  *+ Thái độ của các chú vịt con với Thiên Nga bé nhỏ như thế nào?*  *+ Khi gặp lại Thiên Nga con, bố mẹ Thiên Nga có thái độ như thế nào?*  *+ Lúc biết chú vịt con xấu xí chính là Thiên Nga xinh đẹp, các chú vịt con có thái độ thế nào?*  ***- Câu chuyện khuyên chúng ta phải biết nhận ra cái đẹp của người khác, biết yêu thương người khác. Không lấy mình làm mẫu khi đánh giá người khác***  - Kể lại câu chuyện cho người thân nghe  - HS liên hệ việc chăm sóc và bảo vệ các loài vật  - Sưu tầm các câu chuyện khác cùng chủ đề. | a. Kể trong nhóm  - GV theo dõi các nhóm kể chuyện  b. Kể trước lớp  - GV mở bảng phụ đã viết sẵn tiêu chuẩn đánh giá bài kể chuyện (như những tiết trước)  - GV khuyến khích HS đặt câu hỏi cho bạn  - Cùng HS trao đổi về ý nghĩa của câu chuyện: *Câu chuyện muốn khuyên chúng ta điều gì?*  **4. Hoạt động ứng dụng *(1p)***  ***\* GD BVMT: Các chú vịt hay chú TN trong bài và rất nhiều loài vật khác đều là những loài vật đáng yêu, gắn bó với cuộc sống của con người. Vậy chúng ta cần làm gì để bảo vệ các loài vật ấy***  **5. Hoạt động sáng tạo *(1p)*** |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**KĨ THUẬT**

**TRỒNG CÂY RAU, HOA**

**I.MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Biết cách chọn cây rau, hoa để trồng.

- Biết cách trồng cây rau, hoa trên luống

**2. Kĩ năng**

- Trồng được cây rau, hoa trên luống.

**3. Thái độ**

- Yêu thiên nhiên, có ý thức bảo vệ và chăm sóc cây rau, hoa đã trồng.

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL thẩm mĩ, NL sáng tạo, NL hợp tác

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: +Cây con rau, hoa để trồng.

+ Túi bầu có chứa đầy đất.

- HS: Dầm xới, cuốc, bình tưới nước có vòi hoa sen (loại nhỏ)

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Quan sát mẫu, hỏi đáp, thảo luận nhóm, luyện tập – thực hành

- KT: đặt câu hỏi, tia chớp, động não, chia sẻ nhóm

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| - TBHT điều hành lớp chơi trò chơi **Bắn tên:**  *+Vì như vậy cây mới có đủ ánh sáng để quang hợp…*  *+ Cây sẽ yếu, dài, có thể chết* | **1. HĐ khởi động** *(3p)*  *+ Vì sao phải trồng rau, hoa ở những nơi có ánh sáng?*  *+ Rau và hoa sẽ như thế nào nếu được trồng ở những nơi thiếu ánh sáng?*  - GV nhận xét chung, dẫn vào bài mới |
| **2. HĐ thực hành:***(30p)*  **\* Mục tiêu**:  - Biết cách chọn cây rau, hoa để trồng.  - Biết cách trồng cây rau, hoa trên luống và thực hành trồng cây rau, hoa trên luống  **\* Cách tiến hành: Cá nhân- Nhóm- Lớp** | |
| Cá nhân - Chia sẻ lớp  - HS quan sát và trả lời.  + Để cây mới nhanh lên và phát triển tốt…  + Đất trồng cần làm nhỏ, tơi, xốp, sạch cỏ dại và lên luống để tạo điều kiện cho cây con phát triển thuận lợi…  - Lắng nghe  - HS quan sát và nhận xét về các cây theo những tiêu chí đã nêu ra ở trên  - HS đọc nội dung SGK và quan sát hình.  + Mỗi loại cây cần một khoảng cách nhất định để phát triển…  + Để giúp cho cây không bị nghiêng và không bị héo.  - HS thực hành theo hướng dẫn của GV  - Thực hành trồng cây trên luống tại nhà  - Theo dõi quá trình phát triển của 1 cây rau, hoa đã trồng và ghi lại vào sổ theo dõi cá nhân. | **Hoạt động 1: Quy trình kỹ thuật trồng cây con*.***  - GV hướng dẫn HS đọc nội dung trong SGK và hỏi:  *+ Tại sao phải chọn cây khỏe, không cong queo, gầy yếu, sâu bệnh, đứt rễ, gãy ngọn?*  *+ Cần chuẩn bị đất trồng cây con như thế nào?*    ***- GV nhận xét, giải thích: Cũng như gieo hạt, muốn trồng rau, hoa đạt kết quả cần phải tiến hành chọn cây giống và chuẩn bị đất. Cây con đem trồng mập, khỏe không bị sâu, bệnh thì sau khi trồng cây mau bén rễ và phát triển tốt.***  - Cho HS quan sát một số mẫu cây con đã mang đến  **HĐ2: Hướng dẫn thao tác kỹ thuật trồng cây trên luống:**  - GV hướng dẫn HS quan sát hình trong SGK để nêu các bước trồng cây con và trả lời câu hỏi:  *+ Tại sao phải xác định vị trí cây trồng?*  *+ Tại sao phải ấn chặt đất và tưới nhẹ nước quanh gốc cây sau khi trồng?*  - Cho HS nhắc lại cách trồng cây con.  - GV kết hợp tổ chức thực hiện hoạt động 1 và hoạt động 2 ở vườn trường nếu không có vườn trường GV hướng dẫn HS chọn đất, cho vào bầu và trồng cây con trên bầu đất. (Lấy đất ruộng hoặc đất vườn đã phơi khô cho vào túi bầu. Sau đó tiến hành trồng cây con).  **3. HĐ ứng dụng** *(1p)*  - Giáo dục ý thức trồng và chăm sóc, bảo vệ cây rau, hoa  **4. HĐ sáng tạo** *(1p)* |
|  |  |

**ĐIỀU CHỈNH-BỔ SUNG**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

*Thứ ....... ngày ...... tháng ..... năm .........*

**TẬP ĐỌC**

**CHỢ TẾT**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Hiểu ND: Cảnh chợ tết miền trung du có nhiều nét đẹp về thiên nhiên, gợi tả cuộc sống êm đềm của người dân quê (trả lời được các câu hỏi; thuộc được một vài câu thơ yêu thích).

**2. Kĩ năng**

- Đọc trôi trảy, rành mạch bài tập đọc. Biết đọc diễn cảm một đoạn thơ với giọng vui nhộn. Học thuộc lòng bài thơ

**3. Thái độ**

- Yêu quý cảnh vật và con người Việt Nam

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ.

*\** ***BVMT:*** *HS cảm nhận được vẻ đẹp của bức tranh nhiên nhiên giàu sức sống qua các câu thơ trong bài*

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Tranh minh hoạ bài tập đọc (phóng to)

Bảng phụ viết sẵn đoạn luyện đọc

- HS: SGK

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- Phương pháp: Quan sát, hỏi - đáp, luyện tập – thực hành

- Kĩ thuật: Làm việc nhóm, chia sẻ, động não, tia chớp

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của HS** | **Hoạt động của GV** |
| - ***TBHT điều khiển các bạn chơi trò chơi Hộp quà bí mật***  + 1 HS đọc  *+ Hoa sầu riêng nở vào cuối năm, hoa đậu từng chùm, màu trắng ngà, cành hoa nhỏ như vảy cá.*  *+ Những trái sầu riêng lủng lẳng dưới cành trông giống như những tổ kiến…* | **1. Khởi động:** *(3p)*    + Đọc bài: Sầu riêng  *+ Hãy miêu tả những nét đặc sắc của hoa sầu riêng.*  *+ Hãy miêu tả những nét đặc sắc của trái sầu riêng.*  - GV dẫn vào bài mới – Ghi tên bài |
| **2. Luyện đọc:** *(8-10p)*  **\* Mục tiêu:** Đọc trôi chảy, rành mạch bài tập đọc, giọng đọc vui nhộn  \* **Cách tiến hành:** | |
| - 1 HS đọc bài, cả lớp đọc thầm  - Lắng nghe  - Nhóm trưởng điều hành cách chia đoạn  - Bài chia làm 3 đoạn.  + Đ 1: Từ đầu..... tưng bừng ra chợ Tết  + Đ 2: Tiếp theo...đuổi theo sau  + Đ 3: Tiếp theo.... hết  - Nhóm trưởng điều hành nhóm đọc nối tiếp trong nhóm lần 1 và phát hiện các từ ngữ khó *(hồng lam, nóc nhà gianh, lon xon, nép, rỏ, , ...)*  - Luyện đọc từ khó: Đọc mẫu (M4)-> Cá nhân (M1)-> Lớp  - Giải nghĩa các từ: đọc chú giải  - HS đọc nối tiếp lần 2 theo điều khiển  - Các nhóm báo cáo kết quả đọc  - 1 HS đọc cả bài (M4) | - Gọi 1 HS đọc bài (M3)  - GV lưu ý giọng đọc: Toàn bài đọc với giọng vui nhộn, thể hiện không khí náo nức của con người và các sự vật trong phiên chợ Tết  *Nhấn giọng các từ ngữ: đỏ dần, ôm ấp, viền nắng, tưng bừng, kéo hàng, lon xon, lom khom, lặng lẽ*  - GV chốt vị trí các đoạn  - Lưu ý sửa lỗi đọc và ngắt nghỉ cho các HS (M1) |
| **3.Tìm hiểu bài:** *(8-10p)*  **\* Mục tiêu:** Hiểu ND: Cảnh chợ tết miền trung du có nhiều nét đẹp về thiên nhiên, gợi tả cuộc sống êm đềm của người dân quê (trả lời được các câu hỏi)  **\* Cách tiến hành: *Làm việc nhóm 4 – Chia sẻ trước lớp*** | |
| - 1 HS đọc  - HS tự làm việc nhóm 4 trả lời các câu hỏi - TBHT điều hành các nhóm trả lời, nhận xét  *+ Khung cảnh rất đẹp. Mặt trời lên làm* *đỏ dần những dải núi trắng và những làn sương sớm. Núi đồi như cũng làm duyên.Núi uốn mình trong chiếc áo the xanh, đồi thoa son. Những tia nắng nghịch ngợm nháy hoài trọng ruộng lúa.*  *+ Người đến chợ tết với dáng vẻ riêng.*  *- Những thằng cu mặc áo màu đỏ chạy lon xon.*  *- Các cụ già chống gậy bước lom khom.*  *- Cô gái mặc áo màu đỏ che môi cười lặng lẽ.*  *- Em bé nép đầu, bên yếm mẹ.*  *- Hai người gánh lợn…*  *+ Điểm chung của họ là: ai ai cũng vui vẻ, cụ thể: Người các ấp tưng bừng ra chợ tết. Họ vui vẻ kéo hàng trên cỏ biếc.*  *+ Các từ ngữ tạo nên bức tranh: trắng, đỏ, hồng lam, xanh, biếc, thắm, vàng, tía, son.*  - HS mô tả lại vẻ đẹp của bức tranh thiên nhiên qua đoạn 1 và đoạn 3 của bài  **Nội dung: *Bài thơ là một bức tranh chợ tết miền trung du giàu màu sắc và vô cùng sinh động. Qua đó ta thấy được cảnh sinh hoạt nhộn nhịp của người dân quê trong dịp tết.***  - HS ghi nội dung bài vào vở | - Gọi HS đọc các câu hỏi cuối bài.  *+ Người các ấp đi chợ tết trong khung cảnh đẹp như thế nào?*    *+ Mỗi người đến chợ tết với dáng vẻ riêng ra sao?*  *+ Bên cạnh dáng vẻ riêng, những người đi chợ tết có điểm gì chung?*  *+ Bài thơ là một bức tranh giàu màu sắc. Em hãy tìm những từ ngữ tạo nên bức tranh giàu màu sắc ấy.*  ***\* GDBVMT: Bức tranh thiên nhiên trong bài thật đẹp và giàu sức sống. Em hãy mô tả lại bức tranh ấy bằng cảm nhận của em ?***  *\* Hãy nêu nội dung của bài.*  \* HS M3+M4 đọc trả lời câu hỏi hoàn chỉnh và các câu nêu nội dung đoạn, bài. |
| **3. Luyện đọc diễn cảm - Học thuộc lòng** *(8-10p)*  **\* Mục tiêu: HS** biết đọc diễn một đoạn của bài. Học thuộc lòng bài thơ  **\* Cách tiến hành: Hoạt động cá nhân – nhóm - cả lớp** | |
| - 1 HS nêu lại  - 1 HS đọc toàn bài  - Nhóm trưởng điều khiển:  + Đọc diễn cảm trong nhóm  + Thi đọc diễn cảm trước lớp  - Lớp nhận xét, bình chọn.  - HS học thuộc lòng và thi học thuộc lòng bài thơ tại lớp  - Hãy chọn hình ảnh mình thích nhất và bình về hình ảnh đó  - Mô tả về cảnh chợ Tết ở địa phương em | - Yêu cầu HS nêu giọng đọc toàn bài.  - Yêu cầu các nhóm thảo luận chọn đoạn thơ mà mình thích và luyện đọc  - Hướng dẫn học thuộc lòng bài thơ tại lớp  - GV nhận xét chung  **4. Hoạt động ứng dụng** *(1 phút)*  - Em thích nhất hình ảnh nào trong bài thơ?  - Giáo dục tình yêu với con người, cảnh đẹp VN  **5. Hoạt động sáng tạo** *(1 phút)* |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TOÁN**

***Tiết 109:* SO SÁNH HAI PHÂN SỐ KHÁC MẪU SỐ**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Biết cách so sánh hai phân số khác mẫu số

**2. Kĩ năng**

- Thực hiện so sánh được hai PS khác mẫu số.

- Vận dụng giải các bài toán liên quan

**3. Thái độ**

- Chăm chỉ, tích cực trong giờ học.

**4. Góp phần phát triển các NL**

- NL tự học, làm việc nhóm, NL tính toán, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo

\* Bài tập cần làm: Bài 1, bài 2 (a).

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Phiếu học tập

- HS: SGK

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Quan sát, hỏi đáp, thảo luận nhóm, thực hành,...

- KT: động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của HS** | **Hoạt động của GV** | | |
| - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ | **1.Khởi động***:(5p)*  - GV dẫn vào bài mới – Ghi tên bài | | |
| **2. Hình thành KT** (15p)  **\* Mục tiêu**: Nắm được cách quy đồng mẫu số các phân số | | | |
| *+ Mẫu số của hai phân số khác nhau.*  - HS thảo luận theo nhóm, mỗi nhóm 4 HS để tìm cách giải quyết.  - Một số nhóm nêu ý kiến.  - HS thực hiện:  + Quy đồng MS hai phân số  và  =  =  ;  =  =  + So sánh hai phân số cùng mẫu số:  <  Vì 8 < 9. Vậy  <  **+ Ta có thể quy đồng mẫu số hai phân số đó rồi so sánh các tử số của hai phân số mới.**  - HS lấy VD về 2 PS khác MS và tiến hành so sánh | | | - GV đưa ra hai phân số  và và hỏi: *+ Em có nhận xét gì về mẫu số của hai phân số này?*  + Hãy tìm cách so sánh hai phân số này với nhau.  - GV tổ chức cho các nhóm HS nêu cách giải quyết của nhóm mình.  - GV nhận xét các ý kiến của HS, chọn cách quy đồng MS các phân số để so sánh  - GV yêu cầu HS quy đồng mẫu số rồi so sánh hai phân số  và .  *+ Muốn so sánh hai phân số khác mẫu số ta làm như thế nào?* |
| **3. HĐ thực hành***:(18 p)*  **\* Mục tiêu:** Thực hiện so sánh được 2 phân số khác mẫu số. Vận dụng làm các bài tập liên quan  **\* Cách tiến hành: Cá nhân – Lớp** | | | |
| - HS làm cá nhân – Chia sẻ nhóm 2 – Lớp  Đáp án:  VD:  a)  và :  =  =  ;  =  =  Vì  <  nên  <  b)  và :  =  = ;  =  =  Vì <  nên  <  c)  và :  =  =  . Giữ nguyên  Vì  >  nên  >  *+ Rút gọn rồi so sánh hai phân số.*  - Làm nhóm 2 – Chia sẻ lớp  Đáp án:  a) Rút gọn =  =  Vì  <  nên  <  b) Rút gọn =  =  Vì  >  nên  >  - HS làm vào vở Tự học – Chia sẻ lớp  Đáp án: Mai ăn cái bánh tức là ăn cái bánh. Hoa ăn cái bánh tức là ăn cái bánh. Vì <nên Hoa ăn nhiều bánh hơn.  *+ Chúng ta so sánh 2 PS khác MS bằng cách QĐMS để đưa về cùng MS*  - Nắm được cách so sánh 2 PS khác MS  - Tìm các bài tập cùng dạng trong sách Toán buổi 2 và giải | | ***Bài 1: So sánh hai phân số:***  - Gọi HS đọc và xác định yêu cầu bài tập.  - GV chốt đáp án.  - Củng cố cách so sánh các phân số khác mẫu số.  ***Bài 2a: HSNK làm cả bài.***  + *Bài tập yêu cầu chúng ta làm gì?*  - GV chữa bài, lưu ý HS rút gọn sao cho phù hợp để so sánh tiện nhất. Không cần rút gọn tới PS tối giản  **Bài 3 *(bài tập chờ dành cho HS hoàn thành sớm)***  *+ Làm cách nào để so sánh được số bánh mà 2 bạn đã ăn?*  **4. HĐ ứng dụng** (1p)  **5. HĐ sáng tạo** (1p) | |

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

:...................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TẬP LÀM VĂN**

**LUYỆN TẬP QUAN SÁT CÂY CỐI**

**I.MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Biết quan sát cây cối theo trình tự hợp lí, kết hợp các giác quan khi quan sát; bước đầu nhận ra được sự giống nhau giữa miêu tả một loài cây với miêu tả một cái cây (BT1).

**2. Kĩ năng**

- Ghi lại được các ý quan sát về một cây em thích theo một trình tự nhất định (BT2).

**3. Thái độ**

- Biết bảo vệ, chăm sóc cây cối

**4. Góp phần phát triển NL:**

**-** NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL tự học, NL giao tiếp.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: + Một số tờ giấy kẻ thể hiện nội dung các BT 1a, b.

+ Bảng viết sẵn lời giải BT, d, e.

+ Tranh, ảnh một số loài cây.

- HS: Vở, bút, ...

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Quan sát, hỏi đáp, thảo luận nhóm, luyện tập-thực hành

- KT: đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, chia sẻ nhóm 2, động não.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của HS** | | **Hoạt động của GV** |
| - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ | | **1. Khởi động:(***5p)*    *- GV* dẫn vào bài học |
| **2. HĐ thực hành** *(30p)*  **\* Mục tiêu:**  Biết quan sát cây cối theo trình tự hợp lí, kết hợp các giác quan khi quan sát; bước đầu nhận ra được sự giống nhau giữa miêu tả một loài cây với miêu tả một cái cây (BT1). Ghi lại được các ý quan sát về một cây em thích theo một trình tự nhất định (BT2).  **\* Cách tiến hành: Cá nhân- Nhóm - Lớp** | | |
| **Nhóm 4 – Lớp**  - HS đọc 3 bài ***Bãi ngô*** (trang 30), ***Cây gạo*** (trang 32), ***Sầu riêng*** (trang 34).  a. Trình tự quan sát cây.  - Bài ***Sầu riêng***: quan sát từng bộ phận của cây.  - Bài ***Bãi ngô***: quan sát từng thời kì phát triển của cây.  - Bài ***Cây gạo***: quan sát từng thời kì phát triển của cây (từng thời kì phát triển của bông gạo).  b. Tác giả quan sát cây bằng các giác quan:  - Quan sát bằng thị giác (mắt): các chi tiết được quan sát: cây, lá, búp, hoa, bắp ngô, bướm trắng, bướm vàng (bài Bãi ngô). Cây, cành, hoa, quả, gạo, chim chóc (bài Cây gạo). Hoa trái, dáng, thân, cành lá (bài Sầu riêng).  - Quan sát bằng khứu giác (mũi): Hương thơm của trái sầu riêng.  - Quan sát bằng vị giác (lưỡi): Vị ngọt của trái sầu riêng.  - Quan sát bằng thính giác (tai): tiếng chim hót (bài Cây gạo), tiếng tu hú (bài Bãi ngô).  c. So sánh: Bài ***Sầu riêng:***  - Hoa sầu riêng ngan ngát hương cau, hương bưởi.  - Cánh hoa nhỏ như vảy cá, hao hao giống cánh sen con.  - Trái lủng lẳng dưới cành trông như tổ kiến.  Bài ***Bãi ngô:***  - Cây ngô lúc nhỏ lấm tấm như cây mạ non.  - Búp như kết bằng nhung và phấn.  - Hoa ngô xơ xác như cỏ may.  Bài ***Cây gạo:***  - Cánh hoa gạo đỏ rực quay tít như chong chóng.  - Quả hai đầu thon vút như con thoi.  - Cây như treo rung rinh hàng ngàn nồi cơm gạo mới.  \* Nhân hoá: Bài ***Bãi ngô:***  d. Hai bài *Sầu riêng* và bái *Bãi ngô* miêu tả một loài cây; bài *Cây gạo* miêu tả một loài cây cụ thể.  + Điểm giống nhau: Đều phải quan sát kĩ và sử dụng mọi giác quan; tả các bộ phận của cây; tả xung quanh cây; dùng các biện pháp so sánh, nhân hoá khi tả; bộc lộ tình cảm của người miêu tả.  + Điểm khác nhau: Tả loài cây cần chú ý đến các đặc điểm phân biệt loài cây này với loài cây khác. Còn tả một cái cây cụ thể phải chú ý đến đặc điểm riêng của cây đó. Đặc điểm đó làm nó khác biệt với các cây cùng loài.  - HS lắng nghe  **HS làm cá nhân – Chia sẻ lớp**  - HS quan sát tranh ảnh kết hợp và làm bài.  - Một số HS trình bày.  - Lớp nhận xét  - Hoàn chỉnh bài quan sát.  - Xây dựng dàn ý chi tiết từ kết quả quan sát. | **Bài tập 1**: Đọc lại 3 bài văn…  a. Tác giả mỗi bài văn quan sát cây theo trình tự nào?    b. Các tác giả quan sát cây bằng các giác quan nào?      c.Trong 3 bài đã đọc, em thích hình ảnh so sánh và nhân hoá nào? Tác dụng của hình ảnh so sánh, nhân hoá đó?  - GV nhận xét và đưa bảng liệt kê các hình ảnh so sánh nhân hoá có trong 3 bài.  d. Trong ba bài văn trên, bài nào miêu tả một loài cây, bài nào miêu tả một cây cụ thể?  e. Miêu tả một loài cây có điểm gì giống và có gì khác với miêu tả một cây cụ thể?  - GV nhận xét và chốt lại:    - GV chốt lại trình tự quan sát và các giác quan vận dụng để quan sát, việc sử dụng các biện pháp NT trong khi miêu tả, cách miêu tả một loài cây, một cây cụ thể  **Bài tập 2:** Quan sát một cây mà em thích trong khu vực trường em…  - GV giao việc: Dựa vào quan sát một cây cụ thể ở nhà, các em hãy ghi lại những gì đã quan sát được.  (GV có thể đưa tranh, ảnh về một số cây cụ thể để HS quan sát).  - GV nhận xét theo 3 ý a, b, c trong SGK và khen ngợi một số bài ghi tốt.  \* Lưu ý giúp đỡ hs M1+M2 ghi được những gì quan sát dược  - HS M3+M4 cần lập được dàn ý chi tiết.  **3. HĐ ứng dụng** *(1p)*  **4. HĐ sáng tạo** *(1p)* | |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**KHOA HỌC**

**ÂM THANH TRONG CUỘC SỐNG (tt)**

**1. Kiến thức**

- Nêu được ví dụ về:

+ Tác hại của tiếng ồn: tiếng ồn ảnh hưởng đến sức khoẻ (đau đầu, mất ngủ); gây mất tập trung trong công việc, học tập;...

+ Một số biện pháp chống tiếng ồn.

**2. Kĩ năng**

- Thực hiện các qui định không gây ồn nơi công cộng.

- Biết cách phòng chống tiếng ồn trong cuộc sống: bịt tai khi nghe âm thanh quá to, đóng cửa để ngăn cách tiếng ồn,...

**3. Thái độ**

- Có ý thức giữ trật tự, không gây ồn ào nơi công cộng

**4. Góp phần phát triển các năng lực:**

- NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL hợp tác, NL sáng tạo

***\* KNS:*** *Tìm kiếm và xử lí thông tin về nguyên nhân, giải pháp chống tiếng ồn*

***\* GD BVMT:***

*- Mối quan hệ giữa con người với môi trường: Con người cần đến không khí, thức ăn, nước uống từ môi trường.*

*- Ô nhiễm không khí, nguồn nước*

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Tranh minh hoạ (phóng to nếu có điều kiện)

- HS: Tranh ảnh về các loại tiếng ồn và cách phòng chống.

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: quan sát, hỏi đáp, thảo luận, trò chơi học tập, thí nghiệm.

- KT: Động não, chia sẻ nhóm đôi, tia chớp

**II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt đông của HS** | **Hoạt đông của của GV** |
| **1, Khởi động *(4p)***  *+ Nêu vai trò của âm thanh trong đời sống?*  *+ Nêu những âm thanh mà em thích và không thích?*  - GV nhận xét, khen/ động viên, dẫn vào bài mới. | - TBHT điều khiển các bạn chơi trò chơi: **Hộp quà bí mật**  *+ Nhờ có âm thanh, chúng ta có thể học tập, trao đổi, giải trí,....*  *+ Tiếng chim hót, tiếng hát*  *+ Tiếng còi tàu, xe,..* |
| **2. Bài mới:***(30p)*  **\* Mục tiêu:** - Nêu được tác hại của tiếng ồn  - Một số biện pháp chống tiếng ồn.  **\* Cách tiến hành: Cá nhân - Nhóm – Lớp** | |
| **Hoạt động 1: Nguồn gây ra tiếng ồn.**  \* Có những âm thanh chúng ta ưa thích và muốn ghi lại để thưởng thức. Tuy nhiên cũng có những âm thanh ta không ưa thích cần tìm cách phòng tránh (chẳng hạn tiếng ồn)  - Hướng dẫn HS quan sát hình trang 88 SGK và thảo luận, bổ sung thêm các nguồn gây ra tiếng ồn  - GV giúp HS phân loại tiếng ồn chính để nhận thấy *hầu hết các tiếng ồn đều do con người gây ra*.  **Hoạt động 2: Tác hại của tiếng ồn và biện pháp phòng chống**.  - GV hướng dẫn HS quan sát hình trang 88 SGK và tranh ảnh do các em sưu tầm.  *+ Nêu tác hại và cách phòng chống tiếng ồn?*  **Hoạt động 3: Thực hành phòng chống tiếng ồn**  - GV ghi lên bảng biện pháp tránh tiếng ồn.  *+ Nêu những việc nên làm và không nên làm để góp phần chống ô nhiễm tiếng ồn ở lớp, ở nhà và nơi công cộng*.  - Nhận xét, chốt.  \* Kết luận, rút ra bài học  **3. HĐ ứng dụng *(1p)***  ***- GDBVMT: Tiếng ồn có hại cho sức khoẻ của con người, cần hạn chế tiếng ồn và có giải pháp phòng chống tiếng ồn mọi lúc, mọi nơi***  **4. HĐ sáng tạo *(1p)*** | - HS lắng nghe  - HS làm việc nhóm 2 – Chia sẻ lớp  Đáp án: *Các nguồn gây tiếng ồn: tiếng loa đài quá to, tiếng còi và tiếng động cơ xe, tiếng phát ra từ chợ, tiếng chó sủa, tiếng từ công trường lao động,...*  - HS liên hệ: Nêu các tiếng ồn nơi mình sinh sống  - Nhóm 2 – Chia sẻ lớp  *+ Tác hại của tiếng ồn: gây mất ngủ, đau đầu, suy nhược thần kinh, có hại cho tai.*  *+ Cách phòng chống: có quy định chung về không gây tiếng ồn nơi công cộng, sử dụng các vật ngăn cách làm giảm tiếng ồn đến tai.*  - HS trình bày cá nhân – Chia sẻ lớp  *+ Làm việc nhẹ nhàng đi nhẹ, nói khẽ, không la hét, đập gõ bàn ghế …*  - Thực hành phòng chống tiếng ồn tại gia đình, lớp học  - Lắng nghe  - Trả lời câu hỏi:Tại sao phòng hát ka-ra-ô-kê lại thường làm các bức tường sần sùi? |

*Thứ ....... ngày ...... tháng ..... năm .........*

**LUYỆN TỪ VÀ CÂU**

**MỞ RỘNG VỐN TỪ: CÁI ĐẸP**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Giúp HS mở rộng thêm vốn từ ngữ về chủ điểm Cái đẹp để sử dụng trong nói và viết.

**2. Kĩ năng**

- Biết thêm một số từ ngữ nói về chủ điểm Vẻ đẹp muôn màu, biết đặt câu với một số từ ngữ theo chủ điểm đã học (BT1, BT2, BT3); bước đầu làm quen với một số thành ngữ liên quan đến cái đẹp (BT4).

**3. Thái độ**

- Có ý thức dùng từ, đặt câu và viết câu đúng.

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL tự học, NL ngôn ngữ, NL sáng tạo, NL giao tiếp.

***\* GDBVMT****: HS biết yêu và quý trọng cái đẹp trong cuộc sống.*

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: + Một vài tờ giấy khổ to viết nội dung BT 1, 2.

+ Bảng phụ.

- HS: Vở BT, bút, ..

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm,

- KT: động não, đặt câu hỏi, chia sẻ nhóm 2, trình bày 1 phút

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của HS** | **Hoạt động của Gv** | |
| - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ | **1. Khởi động *(5p)***  - Dẫn vào bài mới | |
| **2. HĐ thực hành** *(30p)*  **\* Mục tiêu:** Biết thêm một số từ ngữ nói về chủ điểm Vẻ đẹp muôn màu, biết đặt câu với một số từ ngữ theo chủ điểm đã học (BT1, BT2, BT3); bước đầu làm quen với một số thành ngữ liên quan đến cái đẹp (BT4).  **\* Cách tiến hành** | | |
| **Nhóm 4 – Chia sẻ lớp**  Đáp án:  a) Các từ thể hiện vẻ đẹp bên ngoài của con người: đẹp, xinh, xinh đẹp, xinh tươi, xinh xắn, xinh xẻo, xinh xinh, tươi tắn, tươi giòn, rực rỡ, lộng lẫy, thướt tha …  b) Các từ thể hiện nét đẹp trong tâm hồn, tính cách: thuỳ mị, dịu dàng, đằm thắm, đậm đà, đôn hậu, nết na, chân thực, chân thành, thẳng thắn, ngay thẳng, ngay thẳng, bộc trực, cương trực, dũng cảm, quả cảm, khảng khái, khí khái,…  - HS bày tỏ ý kiến của mình  **Nhóm 4 – Chia sẻ lớp**  Đáp án:  a) Các từ chỉ dùng để chỉ vẻ đẹp của thiên nhiên, cảnh vật: tươi đẹp, sặc sỡ, huy hoàng, tráng lệ, mĩ lệ, hùng vĩ, hùng tráng, hoành tráng …  b) Các từ dùng để thể hiện vẻ đẹp của cả thiên nhiên, cảnh vật và con người: xinh xắn, xinh đẹp, xinh tươi, lộng lẫy, rực rỡ, duyên dáng, thướt tha …  **Cá nhân – Chia sẻ lớp**  - HS làm miệng.VD:  + Chị gái em rất *dịu dàng, thuỳ mị*.  + Quang cảnh đêm trung thu đẹp *lung linh.*  + Mùa xuân *tươi đẹp* đã về trên khắp đất nước.  - HS viết câu vào vở  **Nhóm 2 – Lớp**  Đáp án:  + Mặt tươi như hoa, em mỉm cười chào mọi người.  + Ai cũng khen chị Ba đẹp người, đẹp nết.  + Ai viết cẩu thả thì chắc chắn chữ như gà bới.  - Ghi nhớ các từ ngữ thuộc chủ điểm  - Lắng nghe  - Đặt 1 câu với thành ngữ ở BT 4 | | **Bài tập 1**: Tìm các từ:  - YC HS hoạt động theo nhóm 4.  - Nhận xét, kết luận lời giải đúng.  .    *+ Theo em, vẻ đẹp bên ngoài hay nét đẹp tâm hồn quan trọng hơn? Vì sao?*  - GV chốt  **Bài tập 2:**  - Cách tiến hành như ở BT 1.    - GV chốt đáp án.  **Bài tập 3:** Đặt câu với các từ ngữ ở bài tập 1.  - GV nhận xét và khen những HS đặt câu đúng, hay.  *\** Lưu ý giúp đỡ hs M1+M2 đặt câu cho hoàn chỉnh.  - YC HS M3+M4 đặt câu có sử dụng biện pháp so sánh, nhân hóa.  **Bài tập 4:** Điền các thành ngữ hoặc cụm…  - Giải nghĩa thành ngữ: chữ như gà bới  **3. HĐ ứng dụng** *(1p)*  ***- GDBVMT: Cuộc sống có nhiều cái đẹp, cần phải biết yêu quý và giữ gìn để cái đẹp luôn tồn tại và làm đẹp cho cuộc sống.***  **4. HĐ sáng tạo** *(1p)* |

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TOÁN**

***Tiết 110:* LUYỆN TẬP**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- Củng cố KT về so sánh phân số

**2. Kĩ năng**

- Thực hiện so sánh được các PS cùng MS, khác MS, cùng TS.

- Vận dụng sắp thứ tự các số tự nhiên

**3. Thái độ**

- Tự giác, cẩn thận, trình bày bài sạch sẽ.

**4. Góp phần phát triển các NL**

- NL tự học, làm việc nhóm, NL tính toán

\* Bài tập cần làm: Bài 1 (a, b), bài 2 (a, b), bài 3. HSNK làm tất cả bài tập

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Phiếu học tập

- HS: Vở BT, bút

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Quan sát, hỏi đáp, thảo luận nhóm, trò chơi học tập, luyện tập-thực hành

- KT: động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi,...

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của HS** | **Hoạt động của GV** |
| - TBHT điểu hành lớp trả lời, nhận xét  - HS lấy VD và thực hiện so sánh | **1.Khởi động***:(3p)*  ***+*** *Bạn hãy cho biết muốn so sánh hai phân số khác mẫu ta làm như thế nào?*  *+ Bạn hãy nêu ví dụ về so sánh hai phân số khác mẫu?*  - GV dẫn vào bài mới |
| **2. HĐ thực hành** (30p)  **\* Mục tiêu:** - Thực hiện so sánh được các PS cùng MS, khác MS, cùng TS.  - Vận dụng sắp thứ tự các số tự nhiên  **\* Cách tiến hành** | |
| **Cá nhân - Nhóm 2 - Lớp**    Đáp án:  a.  <  Vì 5 < 7  b.  và   = =  Vì  <  nên <  c.  và  =  = =  Vì  >  nên  >  d. Giữ nguyên . Ta có  = =  Vì <  nên  < .  - Thực hiện nhóm 2 – Chia sẻ lớp  *+ Thực hiện QĐMS các PS rồi so sánh*  *+ So sánh các PS với 1*  Đáp án:  a)  và  ;  > 1 Vì tử số lớn hơn mẫu số.  < 1 Vì tử số bé hơn mẫu số.  Nên  >  b) và ;  > 1 Vì tử số lớn hơn mẫu số  < 1 Vì tử số bé hơn mẫu số.  Nên  >  c) và ;  =  ;  < 1 Vì tử số bé hơn mẫu số  >1 Vì tử số lớn hơn mẫu số.  <  nên < ;  - HS đọc yêu cầu bài tập.  - So sánh: và ;  *+ Thực hiện QĐMS các PS rồi so sánh*  *+ Tử số của 2 phân số bằng nhau.*  *+ Tử số bé thì PS đó lớn hơn và ngược lại*  ***+ Với hai phân số có cùng tử số, phân số nào có mẫu số lớn hơn thì phân số đó bé hơn và ngược lại phân số nào có mẫu số bé hơn thì phân số đó lớn hơn.***  - HS làm cá nhân – Chia sẻ lớp  Đáp án:  \*và  ;  >  Vì 11 < 14  \* và ;  >  Vì 9 < 11  - HS làm vở Tự học – Chia sẻ lớp  a)Vì 4 < 5; 5 < 6 nên  <  ;  <  .  b) Quy đồng mẫu số các phân số ; ;  =  = ; = = ; = =  Vì < <  nên  <  <  - Chữa lại các phần bài tập làm sai  **BTPTNL:** So sánh các phân số sau bằng cách thuận tiện nhât.  **a.** ; b. bvc.. | ***Bài 1a, b***: *HSNK hoàn thành cả bài*  - GV chốt đáp án.  - Củng cố cách so sánh các phân số cùng MS, khác MS.  - Lưu ý HS trong một số bài so sánh hai PS khác MS có thể chọn cách rút gọn hoặc quy đồng cho phù hợp  ***Bài 2a, b (HSNK hoàn thành cả bài)***  *+ Cách 1 chúng ta sẽ làm như thế nào?*  *+ Suy nghĩ về cách 2?*  - GV chốt đáp án, cách so sánh  **- Củng cố và bổ sung cách so sánh 2 cách so sánh phân số.**  **+ Quy đồng MS các PS rồi so sánh**  **+ So sánh các PS với 1**    ***Bài 3: So sánh hai phân số có cùng tử số.***  - GV yêu cầu HS xem lại phần c bài 1.  *+ GV yêu cầu HS nêu cách so sánh đã làm ở bài tập 1*  *+ Em có nhận xét gì về TS của 2 phân số trên?*  *+ Em có nhận xét gì mối quan hệ giữa TS và thứ tự của các số.*  *+ Như vậy, khi so sánh hai phân số có cùng tử số, ta có thể dựa vào mẫu số để so sánh như thế nào?*    ***Bài 4 (bài tập chờ dành cho HS hoàn thành sớm)***  - Chốt lại cách quy đồng MS các PS  **3. HĐ ứng dụng** *(1p)*  **5. HĐ sáng tạo** *(1p)* |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

**TẬP LÀM VĂN**

**LUYÊN TẬP MIÊU TẢ CÁC BỘ PHẬN CỦA CÂY CỐI**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Nhận biết được một số điểm đặc sắc trong cách quan sát và miêu tả các bộ phận của cây cối trong đoạn văn mẫu (BT1)

**2. Kĩ năng**

- Viết được đoạn văn ngắn tả lá (thân, gốc) một cây em thích (BT2).

**3. Thái độ**

- Tích cực, tự giác làm bài, có ý thức chọn lựa từ ngữ khi miêu tả.

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL tự học, Sử dụng ngôn ngữ, NL sáng tạo, NL hợp tác

***\*GD BVMT:*** *Nhận xét trình tự miêu tả. Qua đó, cảm nhận được vẻ đẹp của cây cối trong môi trường thiên nhiên.*

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Bảng phụ (hoặc giấy khổ to) viết lời giải BT1.

- HS: Sách, bút

**2. Phương pháp, kĩ thuât**

- PP: Hỏi đáp, thảo luận nhóm, quan sát, thực hành.

- KT: đặt câu hỏi, động não, chia sẻ nhóm 2

**II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của HS** | **Hoạt động của GV** |
| - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ | **1. Khởi động *(5p)***  - GV dẫn vào bài mới |
| **2. HĐ thực hành (***30p)*  **\*Mục tiêu:** Nhận biết được một số điểm đặc sắc trong cách quan sát và miêu tả các bộ phận của cây cối trong đoạn văn mẫu (BT1); viết được đoạn văn ngắn tả lá (thân, gốc) một cây em thích (BT2).  **\* Cách tiến hành:** | |
| **Nhóm 2 - cả lớp**  - HS đọc và thảo luận theo nhóm 4 – Chia sẻ trước lớp  ***Những điểm đáng chú ý***  - Tả rất sinh động sự thay đổi màu sắc của lá bàng theo thời gian 4 mùa: xuân, hạ, thu, đông.  - Tả sự thay đổi của cây sồi già từ mùa đông sang mùa xuân (mùa đông cây sồi nức nẻ, đầy sẹo. Sang mùa xuân, cây sồi toả rộng thành vóm lá xum xuê, bừng dậy một sức sống bất ngờ).  - Hình ảnh so sánh: nó như một con quái vật già nua, cau có và khinh khỉnh đứng giữa đám bạch dương tươi cười.  - Hình ảnh nhân hoá làm cho cây sồi già như có tâm hồn con người: Mùa đông, cây sồi già cau có, khinh khỉnh, vẻ ngờ vực, buồn rầu. Xuân đến nó say sưa, ngây ngất, khẽ đung đưa trong nắng chiều..  - HS lắng nghe, chọn chi tiết mà mình có thể học tập trong mỗi đoạn văn  - Đọc thầm cá nhân  - HS làm bài cá nhân – chọn tả thân lá, thân hay gốc một cái cây cụ thể.  - Một số HS chia sẻ bài làm của mình  - Lớp nhận xét, chữa lỗi cho bạn  - Chữa lại những câu văn chưa hay  - Chỉ ra một chi tiết sáng tạo trong bài văn của các bạn vừa đọc. | **Bài tập 1**: Dưới đây là một số đoạn văn tả thân và gốc một số loài cây…  ***Đoạn văn***  a. Đoạn tả lá bàng (Đoàn Giỏi)  b. Đoạn tả cây sồi (Lep- Tôn- xtôi)  - Lưu ý HS học tập những nét đặc sắc trong mỗi đoạn văn để vận dụng miêu tả.  - Yêu cầu đọc thêm 2 đoạn văn tham khảo *Bàng thay lá* và *Cây tre*  **Bài tập 2:** Viết một đoạn văn tả lá,…    - GV nhận xét và khen những bài tả hay.  \* Lưu ý giúp đỡ hs M1+M2 viết được đoạn văn.  **3. HĐ ứng dụng** (1p)  **4. HĐ sáng tạo** (1p) |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................­

**ĐỊA LÍ**

**Hoạt động sản xuất của người dân ở đồng bằng Nam Bộ**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Nêu được một số hoạt động sản xuất chủ yếu của người dân ở đồng bằng Nam Bộ:

+ Trồng nhiều lúa gạo, cây ăn trái.

+ Nuôi trồng và chế biến thủy sản.

+ Chế biến lương thực.

\* **HSNK:** Biết những thuận lợi để đồng bằng Nam Bộ trở thành vùng sản xuất lúa gạo, trái cây và thủy sản lớn nhất cả nước: đất đai màu mỡ, khí hậu nóng ẩm, người dân cần cù lao động.

**2. Kĩ năng**

- Quan sát hình ảnh, kể tên theo thứ tự các công việc trong thu hoạch và chế biến gạo xuất khẩu ở đồng bằng Nam Bộ

**3. Thái độ**

- HS học tập nghiêm túc, tự giác.

**4. Góp phần phát triển các năng lực:**

- NL tự chủ, NL giải quyết vấn đề, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ

*\** ***BVMT:*** *Vai trò, ảnh hưởng to lớn của sông ngòi đối với đời sống của con người (đem lại phù sa nhưng cũng mang lại lũ lụt đe dọa sản xuất và đời sống). Qua đó thấy được tầm quan trọng của hệ thống đê và giáo dục ý thức trách nhiệm trong việc góp phần bảo đê điều - những công trình nhân tạo phục vụ đời sống*

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Tranh ảnh về các HĐSX của người dân đồng bằng NB

- HS: SGK, bút.

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm, thuyết trình

- KT: đặt câu hỏi, trình bày một phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm 2

I**II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của HS** | **Hoạt động của GV** |
| - TBHT điều hành lớp trả lời, nhận xét  *+ Nhà thường làm dọc theo kênh rạch và khá đơn sơ. Tuy nhiên ngày này nhà ở của họ đã có nhiều thay đổi kiên cố và khang trang hơn.*  *+ Trang phục truyền thống là áo bà ba và khăn rằn. Lễ hội nổi tiếng là: Hội Bà Chúa Xứ, hội xuân núi Bà, lễ cúng Trăng,...* | **1.Khởi động:***(2p)*  *+ Nhà ở của người dân ở đồng bằng Nam Bộ có đặc điểm gì?*  *+ Trang phục và lễ hội của họ có gì đặc sắc?*  - GV nhận xét chung, giới thiệu bài mới |
| **2. Bài mới:***(30p)*  **\* Mục tiêu:**  Nêu được một số hoạt động sản xuất chủ yếu của người dân ở đồng bằng Nam Bộ:  **\* Cách tiến hành: Cá nhân- Nhóm-Lớp** | |
| - Lắng nghe  **Cá nhân - Lớp**  - HS quan sát BĐ.  - HS dựa vào kênh chữ trong SGK, cho biết :  *+ Nhờ có đất đai màu mỡ ,khí hậu nắng nóng quanh năm, người dân cần cù lao động nên ĐB Nam Bộ đã trở thành vựa lúa, vựa trái cây lớn nhất cả nước.*  *+ Cung cấp cho nhiều nơi trong nước và xuất khẩu.*  *+ Gặt lúa – Tuốt lúa – Phơi thóc – Xay xát và đóng bao – Xếp gạo lên tàu để xuất khẩu*  - Lắng nghe  + Xoài, chôm chôm, măng cụt, sầu riêng, thanh long …    **Nhóm 2 – Lớp**  *+ Nhờ có mạng lưới sông ngòi dày đặc.*  *+ Cá, tôm…*  *+ Tiêu thụ trong nước và trên thế giới.*  - Vẽ sơ đồ về các điều kiện để đồng bằng NB trở thành vựa lúa, vựa trái cây lớn nhất cả nước.  Vựa lúa vựa trái cây lớn nhất cả nước  Đất đai màu mỡ  Khí hậu nắng nóng  Ngưòi dân cần cù lao động  - Trưng bày tranh ảnh về về các hoạt động sản xuất ở đồng bằng NB | ***a.Giới thiệu bài:***  Những thuận lợi nào để đồng bằng Nam Bộ trở thành vùng sản xuất lúa gạo, trái cây và thủy sản lớn nhất cả nước? Chúng ta cùng tìm hiểu qua bài: “Hoạt động sản xuất của người dân ở đồng bằng Nam Bộ”. Ghi tên bài.  ***b. Tìm hiểu bài:***  \***Hoạt động 1:Vựa lúa, vựa trái cây lớn nhất cả nước:**  **-**GV cho HS quan sát BĐ nông nghiệp, kể tên các cây trồng ở ĐB Nam Bộ và cho biết loại cây nào được trồng nhiều hơn ở đây?  *+ ĐB Nam Bộ có những điều kiện thuận lợi nào để trở thành vựa lúa, vựa trái cây lớn nhất cả nước?*  *+ Lúa gạo, trái cây ở ĐB Nam Bộ được tiêu thụ ở những đâu?*  *-*  GV nhận xét, kết luận.  - GV yêu cầu HS quan sát các hình và kể theo thứ tự các công việc trong thu hoạch và chế biến gạo xuất khẩu ở đồng bằng Nam Bộ?  ***- GV lưu ý: Ngày nay, việc gặt lúa và tuốt lúa đã thu gọn thành 1 bước và dùng máy với máy gặt đập liên hoàn. Bước phơi thóc cũng dùng máy sấy nếu trời không có nắng để đảm bảo chất lượng gạo.***  + Kể tên các loại trái cây ở ĐB Nam Bộ.  - GV nhận xét và mô tả thêm về các vườn cây ăn trái của ĐB Nam Bộ: ĐB Nam Bộ là nơi xuất khẩu gạo lớn nhất cả nước. Nhờ ĐB này, nước ta trở thành một trong những nước xuất khẩu nhiều gạo bậc nhất thế giới.  **HĐ 2. Nơi nuôi và đánh bắt thuỷ sản nhất cả nước**  - GV giải thích từ thủy sản, hải sản.  - GV cho HS các nhóm dựa vào SGK, tranh, ảnh thảo luận theo gợi ý :  *+ Điều kiện nào làm cho ĐB Nam Bộ sản xuất được nhiều thủy sản?*  *+ Kể tên một số loại thủy sản được nuôi nhiều ở đây.*  *+ Thủy sản của ĐB được tiêu thụ ở đâu?*  - GV nhận xét và mô tả thêm về việc nuôi cá, tôm ở ĐB này.  **3. Hoạt động ứng dụng** *(1p)*  ***- GD BVMT: Sông ngòi mang lại phù sa cho các đồng bằng NB nhưng cũng mang đến lũ lụt. Vì vậy việc đắp đê và bảo vệ đê ở một số vùng của đồng bằng là rất cần thiết***  **4. Hoạt động sáng tạo** *(1p)* |

**ĐIỀU CHỈNH - BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**SHTT**

**ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC TUẦN 22**

**KĨ NĂNG ĐỌC SÁCH**

**I. MỤC TIÊU:**

- Nắm đ­­ược ưu - khuyết điểm trong tuần 22

- Phát huy ­­ưu điểm, khắc phục nh­­ược điểm.

- Biết đ­­ược phư­ơng h­­ướng tuần 23

**II. CHUẨN BỊ:**

- GV: Nắm được ưu – khuyết điểm của HS trong tuần

- HS: Chủ tịch Hội đồng tự quản và các Trưởng ban chuẩn bị ND báo cáo.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG CHÍNH:**

***1. Khởi động***

- Lớp tham gia trò chơi: Truyền tín hiệu

***2. Lớp báo cáo hoạt động trong tuần:***

- Ban cán sự lớp lên nhận xét các thành viên trong tổ và xếp loai từng thành viên.

- Tổ viên các tổ đóng góp ý kiến.

- Lớp trưởng lên nhận xét chung các ban.

- GV nhận xét chung:

+ Nề nếp:

+ Học tập:

***3. Ph­ương h­­ướng tuần sau:***

- Tiếp tục thi đua: Học tập tốt, thực hiện tốt nề nếp, vâng lời thầy cô, nói lời hay làm việc tốt.

**TUẦN 23** *Thứ ....... ngày ...... tháng ..... năm .........*

**TẬP ĐỌC**

**HOA HỌC TRÒ**

**1. Kiến thức**

- Hiểu ND: Tả vẻ đẹp độc đáo của hoa phượng, loài hoa gắn với những kỉ niệm và niềm vui của tuổi học trò (trả lời được các câu hỏi trong SGK).

**2. Kĩ năng**

- Đọc trôi trảy bài tập đọc. Biết đọc diễn cảm một đoạn trong bài với giọng nhẹ nhàng, tình cảm.

**3. Thái độ**

- Giáo dục HS biết giữ gìn và bảo vệ hoa phượng - một loài hoa gắn bó với tuổi học trò.

**4. Góp phần phát triển năng lực**

**-** Năng lực tự học, NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: + Tranh minh hoạ bài tập đọc (phóng to nếu có điều kiện).

+ Bảng phụ viết sẵn đoạn luyện đọc

- HS: SGK, vở viết

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- Phương pháp: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm.

- Kĩ thuật: Kĩ thuật đặt câu hỏi, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBHT điều hành lớp trả lời, nhận xét  *+ Khung cảnh đẹp là: Dải mây trắng đỏ dần; sương hồng lam; sương trắng rỏ đầu cành; núi uốn mình; đồi thoa son …*  *+ Điểm chung là: Tất cả mọi người đều rất vui vẻ: họ tưng bừng ra chợ tết. Họ vui vẻ kéo hàng trên cỏ biếc..* | **1. Khởi động:** *(5p)*  *+ Người các ấp đi chợ tết trong khung cảnh đẹp như thế nào?*  *+ Bên cạnh dáng vẻ riêng, những người đi chợ tết có điểm gì chung?*  - GV nhận xét chung, dẫn vào bài học |
| **2. Luyện đọc:** *(8-10p)*  **\* Mục tiêu:** Đọc trôi trảy bài tập đọc, bước đầu biết nhấn giọng những từ ngữ gợi tả vẻ đẹp của hoa phượng  \* **Cách tiến hành:** | |
| - 1 HS đọc bài, cả lớp đọc thầm  - Lắng nghe  - Lớp trưởng điều hành cách chia đoạn  - Bài được chia làm 3 đoạn  (Mỗi chỗ xuống dòng là 1 đoạn)  - Nhóm trưởng điều hành nhóm đọc nối tiếp đoạn trong nhóm lần 1 và phát hiện các từ ngữ khó (*đoá, phần tử, xoè ra, nỗi niềm, mát rượi ,...)*  - Luyện đọc từ khó: Đọc mẫu (M4)-> Cá nhân (M1)-> Lớp  - Giải nghĩa từ khó (đọc chú giải)  - HS đọc nối tiếp đoạn lần 2 theo điều khiển của nhóm trưởng  - Các nhóm báo cáo kết quả đọc  - 1 HS đọc cả bài (M4) | - Gọi 1 HS đọc bài (M3)  - GV lưu ý giọng đọc cho HS: Cần đọc với giọng nhẹ nhàng, suy tư. Chú ý nhấn giọng ở những từ ngữ: *cả một loạt, cả một vùng, cả một góc trời, muôn ngàn con bướm thắm, xanh um, mát rượi, e ấp, xoè ra …*  - GV chốt vị trí các đoạn:  - Lưu ý sửa lỗi đọc và ngắt nghỉ cho các HS (M1) |
| **3. Tìm hiểu bài:** *(8-10p)*  **\* Mục tiêu:** Hiểu ND: Tả vẻ đẹp độc đáo của hoa phượng, loài hoa gắn với những kỉ niệm và niềm vui của tuổi học trò (trả lời được các câu hỏi trong SGK).  **\* Cách tiến hành: *Làm việc nhóm 4 – Chia sẻ trước lớp*** | |
| - 1 HS đọc các câu hỏi cuối bài  - HS làm việc theo nhóm 4 – Chia sẻ kết quả dưới sự điều hành của TBHT  *\* Vì phượng là loại cây rất gần gũi với học trò. Phượng được trồng trên các sân trường và nở hoa vào mùa thi của học trò …*  *Hoa phương gắn với kỉ niệm của rất nhiều học trò về mài trường.*  *\* Vì phượng đỏ rực, đẹp không phải ở một đoá mà cả loạt, cả một vùng, cả một góc trời; màu sắc như cả ngàn con bướm thắm đậu khít nhau.*  *- Hoa phượng gợi cảm giác vừa buồn lại vừa vui: buồn vì sắp hết năm học, sắp xa mái trường, vui vì được nghỉ he.ø*  *- Hoa phượng nở nhanh bất ngờ, màu phượng mạnh mẽ làm khắp thành phố rực lên như tết nhà nhà dán câu đối đỏ.*  *+ HS đọc đoạn 3.*  *\* Lúc đầu màu hoa phượng là màu đỏ* ***còn non****. Có mưa, hoa càng* ***tươi dịu****. Dần dần, số hoa tăng, màu cũng* ***đậm dần*** *rồi hoà với mặt trời chói lọi, màu phượng* ***rực lên****.*  *-* HS có thể trả lời:  *\* Giúp em hiểu hoa phượng là loài hoa rất gần gũi, thân thiết với học trò.*  *\* Giúp em hiểu được vẻ đẹp lộng lẫy của hoa phượng.*  **Nội dung**: ***Bài văn miêu tả vẻ đẹp độc đáo của hoa phượng và nêu ý nghĩa của hoa phượng – hoa học trò, đối với những HS đang ngồi trên ghế nhà trường.***  - HS ghi lại nội dung bài | - GV yêu cầu HS đọc các câu hỏi cuối bài  *+ Tại sao tác giả gọi hoa phượng là “Hoa học trò”?*  (Kết hợp cho HS quan sát tranh).  *+ Vẻ đẹp của hoa phượng có gì đặc biệt?*  *+ Màu hoa phượng đổi như thế nào theo thời gian?*  *+ Bài văn giúp em hiểu về điều gì?*  - Hãy nêu nội dung chính của bài.  \* Lưu ý giúp đỡ hs M1+M2 trả lời các câu hỏi tìm hiểu bài.Hs M3+M4 trả lời các câu hỏi nêu nội dung đoạn, bài. |
| **4. Luyện đọc diễn cảm***(8-10p)*  **\* Mục tiêu:** HSđọc diễn cảm được đoạn 1 của bài, nhấn giọng được các từ ngữ gọi tả vẻ đẹp của hoa phượng  **\* Cách tiến hành: Hoạt động cá nhân – nhóm - cả lớp** | |
| - HS nêu lại giọng đọc cả bài  - 1 HS M4 đọc mẫu toàn bài  - Nhóm trưởng điều hành các thành viên trong nhóm  + Luyện đọc diễn cảm trong nhóm  + Cử đại diện đọc trước lớp  - Bình chọn nhóm đọc hay.  + Tác giả quan sát rất tỉ mỉ, sử dụng nhiều giác quan, dùng từ ngữ miêu tả và các biện pháp NT rất đặc sắc  - Tìm hiểu các bài tập đọc, bài thơ khác nói về hoa phượng | - Yêu cầu HS nêu giọng đọc toàn bài.  - Yêu cầu đọc diễn cảm đoạn 1 của bài  - GV nhận xét, đánh giá chung  **5. Hoạt động ứng dụng** *(1 phút)*  *+ Em học được điều gì cách miêu tả hoa phượng của tác giả?*  - Lưu ý HS học hỏi các hình ảnh hay trong miêu tả của tác giả. Giáo dục tình yêu cây cối và ý thức bảo vệ cây.  **6. Hoạt động sáng tạo** *(1 phút)* |

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TOÁN**

***Tiết 111:* LUYỆN TẬP CHUNG**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Củng cố cách so sánh 2 phân số

- Các dấu hiệu chia hết cho 2; 3; 5 và 9

**2. Kĩ năng**

- HS thực hiện so sánh được 2 PS và vận dụng các bài toán liên quan

- Vận dụng các dấu hiệu chia hết vào làm các bài tập

**3. Thái độ**

- HS có thái độ học tập tích cực.

**4. Góp phần phát triển năng lực:**

**-** Năng lực tự học, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL tư duy - lập luận logic.

***\* Lưu ý: Kết hợp ba bài LTC trang 123, 124 thành hai bài LTC)***

\* Bài tập cần làm: Bài 1 (ở đầu tr123), bài 2 (ở đầu tr123), bài 1a, c (ở cuối tr123) (a chỉ cần tìm một chữ số).

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Bảng phụ

- HS: Sách, bút

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- Phương pháp vấn đáp, động não, thực hành, đặt và giải quyết vấn đề, hoạt động nhóm, trò chơi học tập

- Kĩ thuật đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC;**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ | **1. Khởi động:** *(2p)*  - GV giới thiệu bài – Ghi tên bài |
| **2. Hoạt động thực hành** (35p)  **\* Mục tiêu**: - HS thực hiện so sánh được 2 PS và vận dụng các bài toán liên quan  - Vận dụng các dấu hiệu chia hết vào làm các bài tập  \* **Cách tiến hành: Cá nhân – Nhóm – Lớp** | | |
| - Thực hiện cá nhân – Chia sẻ nhóm 2 – Chia sẻ lớp  Đáp án:  < ; < ; < 1  = ; > ; 1 <  - HS giải thích tại sao mình lại điền dấu như vậy  - HS M3+M4 lấy thêm ví dụ và thực hiện so sánh.  - HS nhắc lại thế nào là phân số lớn hơn 1, thế nào là phân số bé hơn 1.  - Thực hiện cá nhân – Chia sẻ lớp  Đáp án:a)  b)  - HS làm cá nhân – Chia sẻ nhóm 2 – Chia sẻ lớp.  Đáp án:  *+ Điền các số 2, 4, 6, 8 vào □ thì đều được số chia hết cho 2 nhưng không chia hết cho 5.*  *+ Vì chỉ những số có tận cùng là 0 hoặc 5 mới chia hết cho 5.*  *+ Để 75□ chia hết cho 9 thì 7 + 5 + □ phải chia hết cho 9. 7 + 5 = 12, 12 + 6 = 18, 18 chia hết cho 9. Vậy điền 6 vào □ thì được số 756 chia hết cho 9.*  - HS làm vào vở Tự học – Chia sẻ lớp  Bài 3: Đáp án:  a)  b) Thực hiện rút gọn các phân số:  ; ;  Vì: nên  - Chữa lại các phần bài tập làm sai  **Bài tập PTNL HS:M3+M4**  Không quy đồng mẫu số, hãy so sánh các phân số dưới đây:  ; | ***Bài 1:*** (ở đầu tr 123).  - Gọi HS đọc yêu cầu bài tập.  - GV yêu cầu HS tự làm bài, nhắc các em làm các bước trung gian ra giấy nháp, chỉ ghi kết quả vào vở.  + GV có thể yêu cầu HS giải thích tại lại điền dấu như vậy.  - GV củng cố cách so sánh 2 phân số cùng MS và khác MS  ***Bài 2:***  (ở đầu tr123).  - Gọi HS đọc yêu cầu bài tập.  - Chia sẻ, nhận xét, chốt đáp án đúng.  ***Bài 1a, c (ở cuối tr123)***: ***HSNK làm cả bài***  - Gọi HS đọc yêu cầu bài tập.  a) *Điền số nào vào 75□ để 75□ chia hết cho 2 nhưng không chia hết cho 5?*  *+ Vì sao điền như thế lại được số không chia hết cho 5?*  *c) Điền số nào vào 75□ để 75□ chia hết cho 9?*  **Bài 3+ Bài 4** (trang 123) ***Bài tập chờ dành cho HS hoàn thành sớm***  **3. Hoạt động ứng dụng *(1p)***  **4. Hoạt động sáng tạo *(1p)*** |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**KHOA HỌC**

**ÁNH SÁNG**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Nêu được ví dụ về các vật tự phát sáng và các vật được chiếu sáng.

+ Vật tự phát sáng : Mặt trời, ngọn lửa,…

+ Vật được chiếu sáng : Mặt trăng, bàn ghế , …

- Nêu được một số vật cho ánh sáng truyền qua và một số vật không cho ánh sáng truyền qua.

- Nhận biết được ta chỉ nhìn thấy vật khi có ánh sáng từ vật truyền tới mắt.

**2. Kĩ năng**

- Thực hành làm được các thí nghiệm để phát hiện kiến thức

**3. Thái độ**

- Có ý thức học tập nghiêm túc, sáng tạo

**4. Góp phần phát triển các năng lực:**

- NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL hợp tác,...

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Tranh ảnh phóng to

- HS: Chuẩn bị theo nhóm: hộp kín màu đen; đèn pin ; tấm kính; nhựa trong; ống nhựa mềm ; tấm gỗ.

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Bàn tay nặn bột

- KT: Động não, chia sẻ nhóm đôi, tia chớp

**II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt đông của của học sinh** | **Hoạt đông của giáo viên** |
| - HS chơi trò chơi dưới sự điều hành của GV  *+ Giúp chúng ta lưu giữ và nghe lại được nhiêù lần những âm thanh hay*  *+ Gây đau đầu, mất ngủ, tạo ra các bệnh thần kinh*  *+ Có quy định chug về không gây tiếng ồn nơi công cộng/ Sử dụng vật ngăn cách làm giảm tiếng ồn* | **1. Khởi động *(4p)***  **Trò chơi:** Hộp quà bí mật  ***+*** *Bạn hãy nêu ích lợi của việc ghi laị âm thanh?*  *+Tiếng ồn có tác hại gì đối với con người? + Hãy nêu những biện pháp để phòng chống ô nhiễm tiếng ồn?*  - GV nhận xét, khen/ động viên, dẫn vào bài mới. |
| **2. Bài mới:***(30p)*  **\* Mục tiêu:**  - Nêu được ví dụ về các vật tự phát sáng và các vật được chiếu sáng.  - Nêu được một số vật cho ánh sáng truyền qua và một số vật không cho ánh sáng truyền qua.  - Nhận biết được ta chỉ nhìn thấy vật khi có ánh sáng từ vật truyền tới mắt.  - Thực hành làm được các thí nghiệm để phát hiện kiến thức  **\* Cách tiến hành: Cá nhân-Nhóm –Lớp** | | |
| - HS lắng nghe  - HS ghi chép hiểu biết ban đầu của mình vào vở ghi chép : Chẳng hạn:  + Có ánh sáng ta sẽ nhìn thấy mọi vật. + Ánh sáng có thể xuyên qua một số vật. - HS thảo luận nhóm  thống nhất ý kiến ghi chép vào phiếu.  - HS so sánh sự khác nhau của các ý kiến ban đầu  - HS  nêu câu hỏi: Chẳng hạn  + Ánh sáng có thể xuyên qua được các vật không? + Ánh sáng có thể xuyên qua được các vật nào? - Chẳng hạn: HS đề xuất các phương án + Làm thí nghiệm ; Quan sát thực tế. + Hỏi người lớn; Tra cứu trên mạng v.v..  - HS nhận đồ dùng TN, tự bố trí TN, thực hiện TN, rút ra kết luận từ TN theo nhóm và điền thôngtin các mục còn lại vào vở Ghi chép khoa học về các kiến thức về ánh sáng.      - Quan sát và thảo luận thống nhất ý kiến. - HS đính phiếu – nêu kết quả làm việc - HS so sánh kết quả với dự đoán ban đầu.  - HS nêu lại bài học.  *+ Các vật tự phát sáng: Mặt Trời, bóng đèn điện, ngọn lửa,...*  *+ Các vật được chiếu sáng: bàn ghế, sách vở,...* | **Bước1: Đưa tình huống xuất phát và nêu vấn đề:** - GV yêu cầu HS so sánh khi tắt hết đèn, đóng kín cửa sổ và khi bật đèn mở cửa sổ thì nhìn các dòng chữ trên bảng như thế nào? Vì sao? + Em biết gì về ánh sáng? **Bước 2:Làm bộc lộ biểu tượng ban đầu của HS:** - GV yêu cầu HS ghi lại những hiểu biết ban đầu của mình vào vở ghi chép khoa học .    - GV cho HS đính phiếu lên bảng - GV gọi nhóm 1 nêu kết quả của nhóm mình.  **Bước 3: Đề xuất câu hỏi và phương án tìm tòi: +** Có nhóm nào có thắc mắc gì không?  - GV cho HS thảo luận đề xuất phương án tìm tòi . - GV chốt phương án : Làm thí nghiệm    **Bước 4: Thực hiện phương án tìm tòi:** \* Với nội dung tìm hiểu *về đường truyền của ánh sáng*, GV có thể gợi ý TN: Dùng 1 ống nhựa mềm, đặt ống thẳng vào mắt và nhìn các vật xung quanh thì thấy các vật bên ngoài. Khi uốn cong ống thì không thấy các vật nữa. Vậy ánh sáng truyền theo đường thẳng vì khi uốn cong thì ánh sáng từ vật không truyền được tới mắt nữa.   \* Với nội dung tìm hiểu *Ánh sáng có thể truyền qua một số vật*, Gv có thể sủ dụng TN: Dùng đèn pin chiếu qua các vật như tấm kính trong, tấm ni – lông trong, tấm bìa cứng, cuốn sách, tấm gỗ… HS có thể nhận ra ánh sáng có thể truyền qua một số vật như tấm kính trong, tấm ni – lông trong và không truyền qua các vật như tấm bìa cứng, cuốn sách, tấm gỗ…. \* Với nội dung tìm hiểu *Mắt nhìn thấy vật khi nào?*, GV có thể sử dụng TN ở SGK trang 91.  **Bước 5:Kết luận kiến thức:** - GV cho HS đính phiếu kết quả sau quá trình làm thí nghiệm.  ***- GV tổng kết, nêu nội dung bài học: Ánh sáng truyền theo đường thẳng. Ta chỉ nhìn thấy vật khi có ánh sáng từ vật đo truyền vào mắt* 3. HĐ ứng dụng *(1p)***  *- Hãy nêu các vật tự phát sáng và các vật được chiếu sáng*  **4. HĐ sáng tạo *(2p)***  - Dự đoán: Nếu không có ánh sáng thì điều gì sẽ xảy ra? |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

..............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**CHÍNH TẢ**

**CHỢ TẾT**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức:**

- Nhớ - viết đúng bài CT; trình bày đúng các câu thơ 8 chữ

- Làm đúng BT2 phân biệt âm đầu s/x và vần ưc/ưt

**2. Kĩ năng:**

**-** Rèn kĩ năng viết đẹp, viết đúng chính tả.

**3. Thái độ:**

**-** Giáo dục tính cẩn thận, chính xác, yêu thích chữ viết

**4. Góp phần phát triển năng lực:**

**-** NL tự chủ và tự học, NL sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: giấy khổ to ghi nội dung BT 2

- HS: Vở, bút,...

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- Phương pháp vấn đáp, động não, quan sát, thực hành, đặt và giải quyết vấn đề, hoạt động nhóm, trò chơi học tập.

- Kĩ thuật đặt câu hỏi, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ | **1. Khởi động: (***2p***)**  ***-*** GV dẫn vào bài mới |
| **2. Chuẩn bị viết chính tả:** *(6p)*  **\* Mục tiêu:** HS hiểu được nội dung bài CT, tìm được các từ khó viết  **\* Cách tiến hành:** | |
| - 1 HS đọc- HS lớp đọc thầm  + Đoạn chính tả nói về vẻ đẹp của quang cảnh chung ngày chợ tết ở một vùng trung du và niềm vui của mọi người khi đi chợ tết.  *-* HS nêu từ khó viết*: ôm ấp, viền, mép, lon xon, lom khom, yếm thắm, nép đầu, ngộ nghĩnh*.  *-* Viết từ khó vào vở nháp | \* Trao đổi về nội dung đoạn cần viết  - Gọi HS đọc đoạn văn cần viết  *+ Nêu nội dung đoạn viết?*  - Hướng dẫn viết từ khó: Gọi HS nêu từ khó, sau đó GV đọc cho HS luyện viết. |
| **3. Viết bài chính tả:** *(15p)*  **\* Mục tiêu:** Hs nhớ - viết tốt bài chính tả, trình bày đúng các khổ thơ, dòng thơ 8 chữ.  **\* Cách tiến hành:** | |
| - HS nhớ - viết bài vào vở | - GV theo dõi và nhắc nhở, giúp đỡ HS viết chưa tốt.  - Nhắc nhở cách cầm bút và tư thế ngồi viết. |
| **4. Đánh giá và nhận xét bài:** *(5p)*  **\* Mục tiêu:** Giúp HS tự đánh giá được bài viết của mình và của bạn. Nhận ra các lỗi sai và sửa sai  **\* Cách tiến hành: Cá nhân- Cặp đôi** | |
| - Học sinh xem lại bài của mình, dùng bút chì gạch chân lỗi viết sai. Sửa lại xuống cuối vở bằng bút mực  - Trao đổi bài (cặp đôi) để soát hộ nhau  - Lắng nghe. | - Cho học sinh tự soát lại bài của mình theo.  - GV nhận xét, đánh giá 5 - 7 bài  - Nhận xét nhanh về bài viết của HS |
| **5. Làm bài tập chính tả:** *(5p)*  **\* Mục tiêu:** Giúp HS phân biệt được r/d/gi  **\* Cách tiến hành: Cá nhân - Cặp đôi - Chia sẻ trước lớp** | |
| Đ/a:  Thứ tự từ cần điền: hoạ *sĩ, nước Đức, sung* sướng*,* không hiểu *sao, bức* tranh, *bức* tranh  - Đọc lại câu chuyện sau khi đã điền hoàn chỉnh  *+ Làm việc gì cũng cần cẩn thận và kien trì*  - Viết lại 5 lần các từ viết sai trong bài chính tả  - Lấy VD để phân biệt ưc/ưt | **Bài 2:** Điền vào chỗ trống tiếng chứa âm đầu s/x hoặc vần ưc/ưt  *+ Câu chuyện vui muốn khuyên chúng ta điều gì?*  **6. Hoạt động ứng dụng** *(1p)*  **7. Hoạt động sáng tạo** *(1p)* |

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TOÁN**

***Tiết 112:* LUYỆN TẬP CHUNG**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Củng cố tính chất của phân số, so sánh phân số, dấu hiệu chia hết và các phép tính với số tự nhiên

**2. Kĩ năng**

- Vận dụng tính chất của PS để giải các bài toán liên quan

- Thực hiện so sánh và sắp thứ tự các phân số

- Làm đúng 4 phép tính cộng, trừ, nhân, chia số tự nhiên

3**. Thái độ**

- HS tích cực, cẩn thận khi làm bài

**4. Góp phần phát huy các năng lực**

**-** Năng lực tự học, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL tư duy - lập luận logic.

***\* Lưu ý: Gộp 3 bài Luyện tập chung thành 2 bài***

\* BT cần làm: Bài 2 (ở cuối tr123), bài 3 (tr124), bài 2 (c, d) (tr125)

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Phiếu học tập.

- HS: SGK,.

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm, luyện tập – thực hành

- Kĩ thuật: đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của HS** | **Hoạt động của GV** |
| - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ | **1. Khởi động *(5p)***    - GV giới thiệu bài mới |
| **2. Hoạt động thực hành***:(18p)*  **\* Mục tiêu:** - Vận dụng tính chất của PS để giải các bài toán liên quan  - Thực hiện so sánh và sắp thứ tự các phân số  - Làm đúng 4 phép tính cộng, trừ, nhân, chia số tự nhiên  **\* Cách tiến hành:** Cá nhân, nhóm, cả lớp. | |
| - Thực hiện cá nhân – Chia sẻ nhóm 2 - Chia sẻ lớp  Đáp án:  - Tổng số HS lớp đó là:  14 + 17 = 31 (HS)  - Số HS trai bằng  HS cả lớp.  - Số HS gái bằng  HS cả lớp.  *+ Thực hiện rút gọn các PS đã cho*  - HS làm cá nhân – Chia sẻ lớp  =  =   =  =  =  =   =  =  \* Vậy các phân số bằng  là ;  - HS chia sẻ bài làm của mình.  - Cá nhân – Chia sẻ nhóm 2 – lớp  c) 864752 d)18490 215  -  91846 1290 86  772906 000  - HS tự làm vào vở Tự học và chia sẻ lớp  - Hoàn thiện các bài tập  **\* BTPTNL:** Cho số 275a. Hãy tìm a sao cho:  a. 275a chia hết cho 2 nhưng không chia hết cho 5.  b. Chia hết cho 3 nhưng không chia hết cho 9.  c. Chia hết cho cả 2, 3, 5 và 9. | ***Bài 2:*** (ở cuối tr 123)***.***  - Gọi HS đọc và xác định yêu cầu bài tập.  - Nhận xét, chốt đáp án đúng.  ***Bài 3:*** (tr124)  - GV gọi HS đọc đề bài, sau đó hỏi:  *+ Muốn biết trong các phân số đã cho phân số nào bằng phân số  ta làm như thế nào?*  - GV nhận xét, đánh giá bài làm trong vở của HS  - Củng cố tính chất của PS  **Bài 2** (c, d) (tr 125) ***HSNK làm cả bài***  - Củng cố cách đặt tính và thực hiện các phép tính với số tự nhiên.  ***Bài 1+ Bài 5(tr 124) +Bài 3 (tr 125) (bài tập chờ dành cho HS hoàn thành sớm)***  **3. Hoạt động ứng dụng** *(1p)*  **4. Hoạt động sáng tạo** *(1p)* |

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**LỊCH SỬ**

**Văn hỌc và khoa hỌc thỜi HẬu Lê**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- Biết được sự phát triển của văn học và khoa học thời Hậu Lê (một vài tác giả tiêu biểu thời Hậu Lê): Tác giả tiêu biểu: Lê Thánh Tông, Nguyễn Trãi, Ngô Sĩ Liên.

\* HS M3+M4: Biết được tác phẩm tiêu biểu: Quốc âm thi tập, Hồng Đức quốc âm thi tập, Dư địa chí, Lam Sơn thực lục.

**2. Kĩ năng**

- Lập được bảng thống kê các tác giả, tác phẩm, công trình khoa học tiêu biểu

**3. Thái độ**

- Có ý thức giữ gìn các tác phẩm văn học và khoa học có giá trị thời Hậu Lê.

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL ngôn ngữ, NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: + Hình trong SGK phóng to.

+ Một vài đoạn thơ văn tiêu biểu của một số tác phẩm tiêu biểu .

+ Phiếu học tập của HS.

- HS: SGK, bút

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm.

- KT: Kĩ thuật đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBHTđiều hành lớp trả lời, nhận xét:  *+ Nhà Hậu Lê cho dựng nhà Thái học, dựng lại Quốc Tử Giám…*  *+ Tổ chức lễ đọc tên người đỗ, lễ đón rước người đỗ về làng…* | **1.Khởi động:***(4p)*  *+ Em hãy kể tổ chức giáo dục dưới thời Hậu Lê?*  *+ Nhà Lê đã làm gì để khuyến khích học tập?*  - GV nhận xét chung, dẫn vào bài mới |
| **2. Bài mới:***(30p)*  **\* Mục tiêu:**  - HS biết được sự phát triển của văn học và khoa học thời Hậu Lê  - Lập được bảng thống kê các tác giả, tác phẩm, công trình khoa học tiêu biểu.  **\* Cách tiến hành*: Cá nhân – Nhóm - Lớp*** | | |
| - HS lắng nghe.  **Nhóm 2 – Lớp:**  - HS thảo luận và điền vào bảng.  - Dựa vào bảng thống kê, HS mô tả lại nội dung và các tác giả, tác phẩm thơ văn tiêu biểu dưới thời Hậu Lê.  - HS khác nhận xét, bổ sung.  - HS lắng nghe 1 trích đoạn trong Bình Ngô đại cáo  - Quan sát  **Nhóm 2 – Lớp**  - HS điền vào bảng thống kê.  - Dựa vào bảng thống kê HS mô tả lại sự phát triển của khoa học thời Hậu Lê.  *+ Nguyễn Trãi và Lê Thánh Tông.*  - HS đọc bài học.  - Tìm đọc tác phẩm Bình Ngô đại cáo của Nguyễn Trãi | ***a. Giới thiệu bài****:*  Thời Hậu Lê nhờ chú ý đến phát triển giáo dục nên văn học và khoa học cũng được phát triển, đã để lại cho dân tộc ta những tác phẩm, tác giả nổi tiếng. Nguyễn Trãi là tác giả tiêu biểu cho văn học và khoa học thời Hậu Lê. Hôm nay chúng ta sẽ tìm hiểu về *Văn học và khoa học thời Hậu Lê.* GV ghi tên bài.  **b. Tìm hiểu bài:**  **HĐ1: 1.Những tác giả, tác phẩm tiểu biểu thời Hậu Lê**  **-**  GV phát phiếu học tập cho HS.  - GV hướng dẫn HS lập bảng thống kê về nội dung, tác gia, tác phẩm văn thơ tiêu biểu ở thời Hậu Lê (GV cung cấp cho HS một số dữ liệu, HS điền tiếp để hoàn thành bảng thống kê).  - GV nhận xét và KL:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Tác giả | Tác phẩm | Nội dung | | 1.Nguyễn Trãi  2. Nguyễn Mộng Tuân  3. Lê Thánh Tông | - Bình Ngô đại cáo, Quốc âm thi tập  - Các bài thơ  - Hồng Đức quốc âm thị tập | - Phản ánh khí phách anh hùng và niềm tự hào chân chính của dân tộc. |   - GV giới thiệu một số đoạn thơ văn tiêu biểu của một số tác giả thời Hậu Lê (Bình Ngô đại cáo)  - GV giới thiệu về chữ Hán và chữ Nôm.  **HĐ2: Nội dung, tác giả, công trình khoa học tiểu biểu thời Hậu Lê**:  - GV phát PHT có kẻ bảng thống kê cho HS.  - GV giúp HS lập bảng thống kê về nội dung, tác giả, công trình khoa học tiêu biểu ở thời Hậu Lê …  - Nhận xét và KL:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Tác giả | Công trình khoa học | Nội dung | | 1. Ngô Sĩ Liên  2. Nguyễn Trãi  3. Nguyễn Trãi  4. Lương Thế Vinh | - Đại việt sử kí toàn thư  - Lam Sơn thực lục  - Dư địa chí  - Đại thành toán pháp | - Lịch sử nước ta từ thời Hùng Vương đến đầu thời Lê.  - Lịch sử cuộc khởi nghĩa Lam Sơn.  - Xác định lãnh thổ, giới thiệu tài nguyên, phong tục tập quán của nước ta  - Kiến thức toán học. |   - GV yêu cầu HS báo cáo kết quả.  - GV đặt câu hỏi: *Dưới thời Hậu Lê, ai là nhà văn, nhà thơ, nhà khoa học tiêu biểu nhất?*  - ***GV: Dưới thời Hậu Lê, Văn học và khoa học nước ta phát triển rực rỡ hơn hẳn các thời kì trước.***  **3. Hoạt động ứng dụng** *(1p)*.  - Giáo dục HS biết trân trọng, giữ gìn các tác phẩm có giá trị của cha ông để lại  **4. Hoạt động sáng tạo** *(1p)* |

**ĐIỀU CHỈNH-BỔ SUNG**

..........................................................................................................................................................................................................................................................................

.....................................................................................................................................

*Thứ ....... ngày ...... tháng ..... năm .........*

**LUYỆN TỪ VÀ CÂU**

**DẤU GẠCH NGANG**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Nắm được tác dụng của dấu gạch ngang (ND Ghi nhớ).

**2. Kĩ năng**

- Nhận biết và nêu được tác dụng của dấu gạch ngang trong bài văn (BT1, mục III); viết được đoạn văn có dùng dấu gạch ngang để đánh dấu lời đối thoại và đánh dấu phần chú thích (BT2).

\* HS M3+M4 viết được đoạn văn ít nhất 5 câu, đúng yêu cầu của BT2 (mục III).

**3. Thái độ**

- HS có thái độ học tập tích cực, chăm chỉ

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL tự học, NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: + 2 tờ giấy để viết lời giải BT.

+ Bút dạ và 4 tờ giấy trắng khổ rộng để HS làm BT 2.

- HS: VBT, bút

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Quan sát, hỏi đáp, thảo luận nhóm, luyện tập – thực hành

- KT: Kĩ thuật đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của HS** | **Hoạt động của GV** |
| - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ | 1**. Khởi động** (5p)  - GV giới thiệu và dẫn vào bài mới |
| **2. Hình thành KT** *(15 p)*  **\* Mục tiêu:** Nắm được tác dụng của dấu gạch ngang (ND Ghi nhớ).  **\* Cách tiến hành: HS làm cá nhân – Chia sẻ lớp** | | |
| **Cá nhân – Chia sẻ lớp**  Đáp án:  ***Đoạn a:***  + Dấu gạch ngang đánh dấu chỗ bắt đầu lời nói của nhận vật (ông khách và cậu bé) trong đối thoại.  ***Đoạn b:***  + Dấu gạch ngang đánh dấu phần chú thích trong câu văn.  ***Đoạn c:***  + Dấu gạch ngang liệt kê các biện pháp cần thiết để bảo quản quạt điện được bền.  - HS đọc bài học. | **a. Nhận xét**  **Bài tập1, 2:**  - GV nhận xét và chốt lại lời giải đúng:  - Chốt lại các tác dụng của dấu gạch ngang  **b. Ghi nhớ:**  - Cho HS đọc lại phần ghi nhớ. |
| **3. HĐ luyện tập** *:(18 p)*  **\* Mục tiêu:** Nhận biết và nêu được tác dụng của dấu gạch ngang trong bài văn (BT1, mục III); viết được đoạn văn có dùng dấu gạch ngang để đánh dấu lời đối thoại và đánh dấu phần chú thích (BT2).  **\* Cách tiến hành: Cá nhân - Nhóm - Cả lớp** | | |
| **Cá nhân - Nhóm 2- Chia sẻ lớp**  Đáp án:  *1.* \* Đánh dấu phần chú thích trong câu (Bố Pa- xcan là một viên chức)  *2.* \* Đánh dấu phần chú thích trong câu (đây là ý nghĩ của Pa – xcan)  *3.* \* Đánh dấu chỗ bắt đầu câu nói của Pa- xcan và đánh dấu phần chú thích (nay là lời Pa- xcan nói với bố)  + HS nêu lại tác dụng  **Cá nhân – Chia sẻ lớp**  VD: *Tuần này tôi học hành chăm chỉ, luôn được cô giáo khen. Cuối tuần, như thường lệ, bố hỏi tôi:*  *- Con gái của bố học hành như thế nào?*  *Tôi đã chờ đợi câu hỏi này của bố nên vui vẻ trả lời ngay:*  *- Con thường xuyên được cô giáo khen bố ạ.*  *- Thế ư! – Bố tôi vừa mừng rỡ thốt lên.*  - Ghi nhớ tác dụng của dấu gạch ngang  - Lấy VD dấu gạch ngang dùng để đánh dấu phần chú thích trong câu. | **\* Bài tập 1:**  - Gọi HS đọc và xác định yêu cầu bài tập.  - GV giao việc: tìm câu có dấu gạch ngang trong chuyện ***Quà tặng cha*** và nêu tác dụng của dấu gạch ngang trong mỗi câu.  - GV nhận xét và chốt lại lời giải đúng. GV dán tờ phiếu đã biết lời giải lên bảng lớp.  *+ Dấu gạch ngang có tác dụng gì?*  **\*Bài tập 2:**  - Gọi HS đọc và xác định yêu cầu bài tập.  - Gọi vài HS đọc bài làm của mình.  - GV nhận xét và đánh giá những bài làm tốt.  **4. HĐ ứng dụng** (1p)  **5. HĐ sáng tạo** (1p) |

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TOÁN**

***Tiết 113:* PHÉP CỘNG PHÂN SỐ**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Biết cộng hai phân số cùng mẫu số.

**2. Kĩ năng**

- Thực hiện cộng được 2 PS cùng MS

**3. Thái độ**

- Tích cực, tự giác học bài, trình bày bài sạch sẽ, khoa học

**4. Góp phần phát triển các kĩ năng**

- Năng lực tự học, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL tư duy - lập luận logic.

\* BT cần làm: Bài 1, bài 3

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: 1 băng giấy kích thước 20cm x 80cm.

- HS: 1 băng giấy hình chữ nhật kích thước 2cm x 8cm. Bút màu.

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Quan sát, hỏi - đáp, thảo luận nhóm, luyện tập – thực hành

- KT: đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của HS** | **Hoạt động của GV** |
| - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ | **1. HĐ khởi động *(3p)***  GV dẫn vào bài mới |
| **2. Hình thành KT** (15p)  **\* Mục tiêu**: Biết cách cộng 2 PS cùng MS  \* **Cách tiến hành** | |
| - HS đọc để bài  + HS thực hành.  *+ Lần thứ nhất bạn Nam đã tô màu  băng giấy*.  + HS tô màu theo yêu cầu.  *+ Lần thứ hai bạn Nam tô màu  băng giấy.*  *+ Bạn Nam đã tô màu 5 phần bằng nhau.*  + Bạn Nam đã tô màu  băng giấy.  *+ Làm phép tính cộng  + =*  - HS nêu: TS: 3 + 2 = 5. MS giữ nguyên  ***\* Muốn cộng hai phân số có cùng mẫu số ta cộng hai tử số và giữ nguyên mẫu số.***  - HS lấy VD về cộng 2 PS cùng MS | - Nêu đề toán: ...  - Để biết bạn Nam đã tô màu tất cả bao nhiêu phần băng giấy chúng ta cùng hoạt động với băng giấy.  + Gấp đôi băng giấy 3 lần để chia băng giấy làm 8 phần bằng nhau.  *+ Lần thứ nhất bạn Nam tô màu mấy phần băng giấy?*  + Yêu cầu HS tô màu  băng giấy.  *+ Lần thứ hai bạn Nam tô màu mấy phần băng giấy?*  *+ Như vậy bạn Nam đã tô màu mấy phần băng bằng nhau?*  + Hãy đọc phân số chỉ phần băng giấy mà bạn Nam đã tô màu.  - Kết luận: Cả hai lần bạn Nam tô màu được tất cả là  băng giấy.  *+ Muốn biết bạn Nam tô màu tất cả mấy phần băng giấy chúng ta làm phép tính gì?*  - Yêu cầu HS nhận xét về mối liên hệ giữa TS của 2 PS, MS của 2 PS so với kết quả  *\* Muốn cộng hai phân số có cùng mẫu số ta làm như thế nào?* |
| **3. HĐ thực hành** *(18p)*  *\** **Mục tiêu***:* HS thực hiện cộng được 2 phân số cùng MS  **\* Cách tiến hành***:* Cá nhân – Nhóm – Lớp | |
| - Làm cá nhân – Lớp  Đáp án:  a.  +  =  =  = 1  b.  +  =  =  = 2  c.  +  =  = =  d.  - HS làm cá nhân – Chia sẻ lớp  *+ Chúng ta thực hiện cộng hai phân số : + .*  Bài giải  Cả hai ô tô chuyển được là:  +  =  (số gạo trong kho)  Đáp số:  số gạo trong kho  - HS thưc hành tính, so sánh và rút ra tính chất giao hoán của phép cộng PS  Đáp án      - Ghi nhớ cách cộng 2 PS cùng MS  - Tìm các bài tâp cùng dạng trong sách Toán buổi 2 và giải | ***Bài 1****: Tính.*  - Gọi HS đọc đề bài.  - Yêu cầu HS làm bài cá nhân vào vở.  - GV nhận xét, đánh giá bài làm trong vở của HS  - Lưu ý HS rút gọn kết quả cuối cùng thành PS tối giản  \***KL:** Củng cố cách cộng các phân số cùng mẫu số.  ***Bài 3:***  - GV yêu cầu HS đọc và tóm tắt bài toán.  *+ Muốn biết cả hai ô tô chuyển được bao nhiêu phần số gạo trong kho chúng ta làm như thế nào?*  - Lưu ý HS cách viết danh số  ***Bài 2 (bài tập chờ dành cho HS hoàn thành sớm)***  **4. Hoạt động ứng dụng** (1p)  **5. Hoạt động sáng tạo** (1p) |

**ĐIỀU CHỈNH-BỔ SUNG**

...................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**ĐẠO ĐỨC**

**GIỮ GÌN CÁC CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG (Tiết 1)**

**I.MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Biết được vì sao phải bảo vệ, giữ gìn các công trình công cộng.

**2. Kĩ năng**

- Nêu được một số việc cần làm để bảo vệ các công trình công cộng.

**3. Thái độ**

- Có ý thức bảo vệ, giữ gìn các công trình công cộng ở địa phương.

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL tự học, NL giải quyết vấn đề, NL hợp tác, sáng tạo

***\* KNS:*** *- Xác định giá trị văn hóa tinh thần của những nơi công cộng*

*- Thu thập và xử lí thông tin về các hoạt động giữ gìn các công trình công cộng ở địa phương*

***\* BVMT****: Các em biết và thực hiện giữ gìn các công trình công cộng có liên quan trực tiếp đến MT và chất lượng cuộc sống*

***\* GDQP-AN:*** *Giải thích cho học sinh hiểu được lợi ích của việc bảo vệ tài sản chung*

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: + Phiếu điều tra (theo bài tập 4)

+ Mỗi HS có 3 phiếu màu: xanh, đỏ, trắng.

- HS: SGK, SBT

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm, trò chơi, đóng vai.

- KT: động não, tia chớp, chia sẻ nhóm 2

**III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của HS** | **Hoạt động của GV** |
| -TBHT điều hành lớp trả lời, nhận xét  + Vì lịch sự thể hiện sự tôn trọng người khác. Lịch sự với mọi người sẽ luôn được yêu quý  + Chào hỏi người lớn tuổi, nói năng lịch sự với người trên. | **1. Khởi động:***(2p)*  *+ Vì sao phải lịch sự với mọi người?*  *+ Nêu một vài biểu hiện của phép lịch sự với mọi người.*  - Nhận xét, chuyển sang bài mới |
| **2. Bài mới** *(30p)*  **\* Mục tiêu:** Biết được vì sao phải bảo vệ, giữ gìn các công trình công cộng. Nêu được một số việc cần làm để bảo vệ các công trình công cộng.  **\* Cách tiến hành: Cá nhân-Nhóm-Lớp** | | |
| **Nhóm 2 – Lớp**  - Các nhóm HS thảo luận. Đại diện các nhóm trình bày. Các nhóm khác chia sẻ, bổ sung.  - HS lắng nghe.  *+ Bảo vệ công trình công cộng là bảo vệ tài sản chung của mọi người để mọi người cùng được sử dụng*  + HS liên hệ  - HS lắng nghe  - 1 HS đọc  **Nhóm 2 – Lớp**  - Các nhóm thảo luận.  - Đại diện từng nhóm trình bày và giải thích vì sao đúng, vì sao sai  + Tranh 1: Các bạn trèo lên con rồng ở một khu di tích => Sai  + Tranh 2: Thu gom rác thải ở sân trường => Đúng  + Tranh 3: Khắc tên lên cây => Sai  + Tranh 4: Quét sơn lại chiếc cầu => Đúng  - HS liên hệ  - Các nhóm 4 HS thảo luận tình huống. Phân vai dựng lại tình huống  - Đại diện các nhóm chia sẻ, bổ sung, tranh luận ý kiến trước lớp.  - HS lắng nghe.  - HS nêu.  - HS điều tra về các công trình công cộng ở địa phương (theo mẫu bài tập 4- SGK/36) và có bổ sung thêm cột về lợi ích của công trình công cộng. | **Hoạt động 1: Xử lí tình huống**  - GV chia nhóm và giao nhiệm vụ thảo luận cho các nhóm HS.  *+ Nếu là Thắng, em sẽ làm gi? Vì sao?*  ***- GV kết luận: Nhà văn hóa xã là một công trình công cộng, là nơi sinh hoạt văn hóa chung của nhân dân, được xây dựng bởi nhiều công sức, tiền của. Vì vậy, Thắng cần phải khuyên Tuấn nên giữ gìn, không được vẽ bậy lên đó.***  *\* GDDQP-AN: Theo các em, bảo vệ công trình công cộng mang lại lợi ích gì?*  *+ Nếu phá hoại công trình công cộng thì điều gì sẽ xảy ra?*  ***- GV: Bảo vệ công trình công cộng là trách nhiệm chung của mọi người, các hành vi phá hoại có thể bị kỉ luật hoặc xử lí theo quy định của pháp luật.***  - Yêu cầu HS đọc phần Ghi nhớ  **HĐ2: Chọn lựa hành vi (BT 1)**  - GV giao cho từng nhóm HS thảo luận cặp đôi: Trong những bức tranh (SGK/35), tranh nào vẽ hành vi, việc làm đúng? Giải thích?  - GV kết luận.  *+ Các em đã có những hành dộng nào để bảo vệ các công trình công cộng?*  *+ Bản thân các em hay các em đã thấy ai co những hành động thể hiện chưa bảo vệ công trình công cộng?*  **HĐ3: Xử lí tình huống** ((BT 2)  - GV yêu cầu các nhóm HS thảo luận, xử lí tình huống  - GV kết luận:  a. Cần báo cho người lớn hoặc những người có trách nhiệm về việc này (công an, nhân viên đường sắt …)  b. Cần phân tích lợi ích của biển báo giao thông, giúp các bạn nhỏ thấy rõ tác hại của hành động ném đất đá vào biển báo giao thông và khuyên ngăn họ …)  **3. HĐ ứng dụng** *(1p)*  **BVMT:** *Các em cần làm gì để thực hiện giữ gìn các công trình công cộng có liên quan trực tiếp đến MT và chất lượng cuộc sống?*  **4. HĐ sáng tạo** *(1p)* |

**ĐIỀU CHỈNH-BỔ SUNG**

..............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**KỂ CHUYỆN**

**KỂ CHUYỆN ĐÃ NGHE, ĐÃ ĐỌC**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Hiểu được nội dung, ý nghĩa của các câu chuyện (đoạn truyện) đã kể

**2. Kĩ năng:**

- Dựa vào gợi ý trong SGK, chọn và kể lại được câu chuyện (đoạn truyện) đã nghe, đã đọc ca ngợi cái đẹp hay phản ánh cuộc đấu tranh giữa cái đẹp và cái xấu, cái thiện và cái ác, chú ý kể những câu chuyện đã học về tình cảm yêu mến của Bác đối với thiếu nhi(Câu chuyện *Quả táo của Bác Hồ, Thư chú Nguyễn*)

**3. Thái độ**

- Giáo dục HS biết bảo vệ cái đẹp, lên án và phê phán cái xấu, hiểu và biết ơn tấm lòng của Bác với thiếu nhi.

**4. Góp phần bồi dưỡng các năng lực**

- NL giao tiếp và hợp tác, NL sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ.

***\* TT HCM:*** *Bác Hồ yêu quý thiếu nhi và có những hành động cao đẹp với các cháu thiếu nhi*

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: + Sách kể chuyện

+ Bảng phụ

- HS: SGK

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm, kể chuyện

- KT: đặt câu hỏi, động não, chia sẻ nhóm.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBHT điều hành lớp trả lời, nhận xét  + 1 HS kể  *+ Câu chuyện khuyên chúng ta phải biết nhận ra cái đẹp của người khác, biết yêu thương người khác. Không lấy mình làm mẫu khi đánh giá người khác* | **1. Khởi động***:(5p)*  + Kể lại câu chuyện Con vịt xấu xí  + Nêu ý nghĩa câu chuyện  - Gv dẫn vào bài. |
| **2. 2. Tìm hiểu, lựa chọn câu chuyện phù hợp với yêu cầu tiết học:***:(5p)*  **\* Mục tiêu** Dựa vào gợi ý trong SGK, chọn và kể lại được câu chuyện (đoạn truyện) đã nghe, đã đọc ca ngợi cái đẹp hay phản ánh cuộc đấu tranh giữa cái đẹp và cái xấu, cái thiện và cái ác, chú ý kể những câu chuyện đã học về tình cảm yêu mến của Bác đối với thiếu nhi(Câu chuyện *Quả táo của Bác Hồ, Thư chú Nguyễn*)  **\* Cách tiến hành:** | |
| - HS đọc đề bài, gạch chân các từ ngữ quan trọng:  - 2 HS đọc tiếp nối 2 gợi ý.  - HS quan sát tranh minh hoạ và giới thiệu tên câu chuyện liên quan các tranh  - HS nối tiếp nêu  - HS lắng nghe | **HĐ1: *Tìm hiểu yêu cầu của đề:***  - GV ghi đề bài lên bảng lớp.  ***Đề bài:*** *Kể một câu chuyện em đã được nghe, được đọc ca ngợi cái đẹp hay phản ảnh cuộc đấu tranh giữa cái đẹp với cái xấu, cái thiện với cái ác.*  - Cho HS đọc gợi ý trong SGK.  - GV đưa tranh minh hoạ trong SGK (phóng to) lên bảng cho HS quan sát.  - Cho HS giới thiệu tên câu chuyện mình sẽ kể.  - GV khuyến khích HS kể các câu chuyện về tình cảm yêu mến của BH với các cháu thiếu nhi |
| **3. Thực hành kể chuyện – Nêu ý nghĩa câu chuyện***:(20- 25p)*  **\* Mục tiêu:** Kể lại được câu chuyện. Nêu được nội dung, ý nghĩa câu chuyện  + HS M1+M2 kể được câu chuyện đúng YC  + HS M3+ M4 kể được câu chuyện đúng YC kết hợp được điệu bộ, giọng nói,..  **\* Cách tiến hành: Cá nhân - Nhóm- Lớp** | |
| - Nhóm trưởng điều hành các thành viên kể chuyện trong nhóm  - Các nhóm cử đại diện kể chuyện trước lớp  - HS lắng nghe và đánh giá theo các tiêu chí  VD:  *+ Nhân vật chính trong câu chuyện của bạn là ai?*  *+ Câu chuyện muốn khuyên chúng ta điều gì?*  *..................*  *+ Phải luôn biết bảo vệ cái đẹp, cái tốt; lên án cái xấu, cái độc ác,....*  - Kể lại câu chuyện cho người thân nghe  - Sưu tầm các câu chuyện khác cùng chủ đề. | a. Kể trong nhóm  - GV theo dõi các nhóm kể chuyện  b. Kể trước lớp  - GV mở bảng phụ đã viết sẵn tiêu chuẩn đánh giá bài kể chuyện (như những tiết trước)  - GV khuyến khích HS đặt câu hỏi cho bạn  - Cùng HS trao đổi về ý nghĩa của câu chuyện: *Các câu chuyện muốn khuyên chúng ta điều gì?*  **4. Hoạt động ứng dụng *(1p)***  **5. Hoạt động sáng tạo *(1p)*** |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**KĨ THUẬT**

**TRỒNG CÂY RAU, HOA**  (T2)

**I.MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Biết cách trồng cây rau, hoa trong chậu

**2. Kĩ năng**

- Thực hành trồng được cây rau, hoa trong chậu

**3. Thái độ**

- Yêu thiên nhiên, có ý thức bảo vệ và chăm sóc cây rau, hoa đã trồng.

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL thẩm mĩ, NL sáng tạo, NL hợp tác

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: + Cây con rau, hoa để trồng.

- HS: + Dầm xới, cuốc, bình tưới nước có vòi hoa sen (loại nhỏ)

+ Chậu để trồng cây

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Quan sát mẫu, hỏi đáp, thảo luận nhóm, luyện tập – thực hành

- KT: đặt câu hỏi, tia chớp, động não, chia sẻ nhóm

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBHT điều hành lớp chơi trò chơi **Bắn tên:**  *+Cây khoẻ, không bị cong queo, gẫy ngọn,...*  *+ Chuẩn bị đất trồng tơi xốp - bổ hốc – trồng cây – tưới nước,...* | **1. HĐ khởi động** *(3p)*  *+ Cần chọn cây rau, hoa như thế nào để trồng?*  *+ Nêu cách trồng cây rau, hoa trên luống?*  - GV nhận xét chung, dẫn vào bài mới |
| **2. HĐ thực hành:***(30p)*  **\* Mục tiêu**:  - Biết cách trồng cây rau, hoa trên trong chậu và thực hành trồng cây rau, hoa trong chậu  **\* Cách tiến hành: Cá nhân- Nhóm- Lớp** | |
| **Nhóm 2 - Chia sẻ lớp**  - HS đọc và trả lời.  *+ Chậu phù hợp với cây đêm trồng*  *+ Sứ, xi măng, nhựa, thuỷ tinh,...*  *+ Giúp rễ cây thoát nước và hô hấp*  - Lắng nghe  **Cá nhân – Lớp**  - HS đọc thông tin SGK, nêu cách trồng cây trong chậu  *+ Để cây có đủ nước phát triển, tưới nhẹ để cây không bị bật gốc hay bị đổ*  - HS thực hành nhóm 4  - Các nhóm trưng bày và đánh giá sản phẩm của nhóm mình và các nhóm khác | **Hoạt động 1: Cách chọn chậu trồng cây rau, hoa**  - GV hướng dẫn HS đọc nội dung trong SGK và hỏi:  *+ Khi chọn chậu trồng cây phải lưu ý điều gì?*  *+ Chậu làm bằng vật liệu gì?*  *+ Lỗ dưới đáy chậu có tác dụng gì?*  ***- GV nhận xét: Chọn chậu trồng cây rất quan trọng. Chậu phù hợp giúp cây phát triển tốt***  **HĐ2: Cách trồng cây trong chậu**  - GV hướng dẫn HS quan sát hình trong SGK để nêu các bước trồng cây trong chậu  *+ Tại sao phải tưới nhẹ nước quanh gốc cây mới trồng?*  - Tổ chức cho HS thực hành trồng cây trong chậu  **HĐ 3: Trưng bày sản phẩm**  - Tổ chức cho các nhóm trưng bày sản phẩm của nhóm mình  - GV nhận xét, đánh giá chung |
| - HS chăm sóc các cây đã trồng  - Tạo khu vườn thân thiện với các chậu hoa tại lớp học | **3. HĐ ứng dụng** *(1p)*  - Giáo dục ý thức trồng và chăm sóc, bảo vệ cây rau, hoa  **4. HĐ sáng tạo** *(1p)* |

**ĐIỀU CHỈNH-BỔ SUNG**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

*Thứ ....... ngày ...... tháng ..... năm .........*

**TẬP ĐỌC**

**KHÚC HÁT RU NHỮNG EM BÉ LỚN TRÊN LƯNG MẸ**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Hiểu ND, ý nghĩa của bài: Ca ngợi tình yêu nước, yêu con sâu sắc của người phụ nữ Tà-ôi trong cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước (trả lời được các câu hỏi; thuộc một khổ thơ trong bài).

**2. Kĩ năng**

- Đọc trôi trảy, rành mạch bài tập đọc. Biết đọc diễn cảm một đoạn thơ trong bài với giọng nhẹ nhàng, thể hiện tình cảm yêu thương sâu sắc của mẹ dành cho con. Học thuộc lòng một số câu thơ mình thích

**3. Thái độ**

- Tình yêu quê hương, đất nước, tình cảm với mẹ

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ.

*\** ***KNS:*** *Giao tiếp. Đảm nhận trách nhiệm phù hợp với lứa tuổi. Lắng nghe tích cực*

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Tranh minh hoạ bài tập đọc (phóng to)

Bảng phụ viết sẵn đoạn luyện đọc

- HS: SGK

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- Phương pháp: Quan sát, hỏi - đáp, luyện tập – thực hành

- Kĩ thuật: Làm việc nhóm, chia sẻ, động não, tia chớp

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - ***TBHT điều khiển các bạn chơi trò chơi Hộp quà bí mật***  + 1 HS đọc  *+ Vì phượng là loài cây rất gần gũi, quen thuộc với học trò. Phượng thường nở vào mùa thi của học trò. Thấy màu hoa phượng, học trò nghĩ đến kì thi và những ngày nghỉ hè. Hoa phượng gắn với kỉ niệm của rất nhiều học trò về mái trường.*  *+ Lúc đầu màu hoa phượng là màu đỏ còn non. Có mưa, hoa càng tươi dịu. Dần dần, số hoa tăng, màu cũng đậm dần, rồi hoà với mặt trời chói lọi, màu phượng rực lên.* | **1. Khởi động:** *(3p)*    + Đọc lại bài Tập đọc: Hoa học trò?  *+ Tại sao tác giả lại gọi hoa phượng là “hoa học trò”?*  *+ Màu hoa phượng đổi thế nào theo thời gian?*  - GV dẫn vào bài mới – Ghi tên bài |
| **2. Luyện đọc:** *(8-10p)*  **\* Mục tiêu:** Đọc trôi chảy, rành mạch bài tập đọc, giọng đọc nhẹ nhàng, tình cảm  \* **Cách tiến hành:** | |
| - 1 HS đọc bài, cả lớp đọc thầm  - Lắng nghe  - Nhóm trưởng điều hành cách chia đoạn  - Bài chia làm 3 đoạn.  + Đ 1: Từ đầu..... lún sân  + Đ 2: Đoạn còn lại  - Nhóm trưởng điều hành nhóm đọc nối tiếp trong nhóm lần 1 và phát hiện các từ ngữ khó *(em cu Tai, lưng đưa nôi, a-kay, Ka-lưi ...)*  - Luyện đọc từ khó: Đọc mẫu (M4)-> Cá nhân (M1)-> Lớp  - Giải nghĩa các từ: đọc chú giải  - HS đọc nối tiếp lần 2 theo điều khiển  - Các nhóm báo cáo kết quả đọc  - 1 HS đọc cả bài (M4) | - Gọi 1 HS đọc bài (M3)  - GV lưu ý giọng đọc: Toàn bài đọc nhẹ nhàng, tình cảm, thể hiện tình yêu tha thiết của người mẹ dành cho con  *Nhấn giọng các từ ngữ: giã gạo, nóng hổi, nhấp nhô, ngủ ngoan a –kay,...*  - GV chốt vị trí các đoạn  - Lưu ý sửa lỗi đọc và ngắt nghỉ cho các HS (M1) |
| **3.Tìm hiểu bài:** *(8-10p)*  **\* Mục tiêu:** Hiểu ND, ý nghĩa của bài thơ: Ca ngợi tình yêu nước, yêu con sâu sắc của người phụ nữ Tà-ôi trong cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước (trả lời được các câu hỏi; thuộc một khổ thơ trong bài).  **\* Cách tiến hành: *Làm việc nhóm 4 – Chia sẻ trước lớp*** | |
| - 1 HS đọc  - HS tự làm việc nhóm 4 trả lời các câu hỏi - TBHT điều hành các nhóm trả lời, nhận xét  *+ Phụ nữ miền núi đi đâu, làm gì cũng thường địu con trên lưng. Những em bé cả lúc ngủ cũng nằm trên lưng mẹ, vì vậy, có thể nói: các em lớn trên lưng mẹ.*  *- Người mẹ làm rất nhiều việc:*  *+ Nuôi con khôn lớn.*  *+ Giã gạo nuôi bộ đội.*  *+ Tỉa bắp trên nương …*  *- Những việc này góp phần vào công cuộc chống Mĩ cứu nước của dân tộc.*  *- Tình yêu của mẹ với con:*  *+ Lung đưa nôi và tim hát thành lời.*  *+ Mẹ thương A Kay …*  *+ Mặt trời của mẹ con nằm trên lưng.*  *- Niềm hy vong của mẹ:*  *+ Mai sai con lớn vung chày lún sân.*  ***Ý nghĩa: Bài thơ ca ngợi tình yêu nước, yêu con sâu sắc của người phụ nữ Tà-ôi trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.***  - HS ghi nội dung bài vào vở | - Gọi HS đọc các câu hỏi cuối bài.  *+ Em hiểu thế nào là“những em bé lớn lên trên lưng mẹ”?*  *+ Người mẹ đã làm những công việc gì? Những công việc đó có ý nghĩa như thế nào?*  *+ Tìm những hình ảnh đẹp nói lên tình yêu thương và niềm hy vọng của người mẻ đối với con?*  - Hãy nêu ý nghĩa của bài thơ.  - Giáo dục liên hệ tình cảm của mẹ dành cho con và lòng biết ơn mẹ  \* HS M3+M4 đọc trả lời câu hỏi hoàn chỉnh và các câu nêu nội dung đoạn, bài. |
| **3. Luyện đọc diễn cảm - Học thuộc lòng** *(8-10p)*  **\* Mục tiêu: HS** biết đọc diễn một đoạn của bài. Học thuộc lòng một số câu thơ mình thích  **\* Cách tiến hành: Hoạt động cá nhân – nhóm - cả lớp** | |
| - 1 HS nêu lại  - 1 HS đọc toàn bài  - Nhóm trưởng điều khiển:  + Đọc diễn cảm trong nhóm  + Thi đọc diễn cảm trước lớp  - Lớp nhận xét, bình chọn.  - HS học thuộc lòng và thi học thuộc lòng một số câu thơ mình thích tại lớp  - HS nêu  - Hãy chọn hình ảnh mình thích nhất và bình về hình ảnh đó | - Yêu cầu HS nêu giọng đọc toàn bài.  - Yêu cầu các nhóm thảo luận chọn đoạn thơ mà mình thích và luyện đọc  - Hướng dẫn học thuộc lòng bài thơ tại lớp  - GV nhận xét chung  **4. Hoạt động ứng dụng** *(1 phút)*  - Giáo KNS: Người mẹ Tà-ôi trong kháng chiến chống Mĩ đã vừa nuôi con, vừa giã gạo nuôi bộ đội, góp phần vào chiến thắng chung của dân tộc trong cuộc kháng chiến chống Mĩ. Còn ngày nay, các em sẽ làm gì để cống hiến sức mình cho Tổ quốc?  **5. Hoạt động sáng tạo** *(1 phút)* |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TOÁN**

***Tiết 114:* PHÉP CỘNG PHÂN SỐ (tt)**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Biết cách cộng 2 PS khác MS

**2. Kĩ năng**

- Thực hiện cộng được 2 PS khác MS

- Vận dụng giải các bài toán liên quan

**3. Thái độ**

- Chăm chỉ, tích cực trong giờ học.

**4. Góp phần phát triển các NL**

- NL tự học, làm việc nhóm, NL tính toán, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo

\* Bài tập cần làm: Bài 1 (a, b, c), bài 2 (a, b).

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Phiếu học tập

- HS: SGK

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Quan sát, hỏi đáp, thảo luận nhóm, thực hành,...

- KT: động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** | |
| - TBHT điều hành lớp trả lời, nhận xét | **1.Khởi động***:(5p)*  *+ Nêu cách cộng 2 PS cùng MS*  *+ Lấy VD minh hoạ*  - GV dẫn vào bài mới – Ghi tên bài | |
| **2. Hình thành KT** (15p)  **\* Mục tiêu**: Biết cách cộng 2 PS khác MS  **\* Cách tiến hành** | |
| - HS đọc đề bài, xác định yêu cầu của đề  *+ Chúng ta làm phép tính cộng:*  *+*  *+ Mẫu số của hai phân số này khác nhau.*  - HS làm việc nhóm 2 – Chia sẻ lớp  ⮚ Quy đồng mẫu số hai phân số:  = = ;  = =  ⮚ Cộng hai phân số:  +  =  +  =  .  ***+ Muốn cộng hai phân số khác mẫu số chúng ta quy đồng mẫu số hai phân số rồi cộng hai phân số đó.*** | - GV nêu vấn đề: Có một băng giấy màu, bạn Hà lấy  băng giấy, bạn An lấy  băng giấy. Hỏi cả hai bạn lấy bao nhiêu phần của băng giấy màu?  *+ Muốn biết cả hai bạn lấy đi bao nhiêu phần của băng giấy màu chúng ta làm phép tính gì ?*  *+ Em có nhận xét gì về mẫu số của hai phân số này?*  - Yêu cầu HS thảo luận nhóm và nêu cách thực hiện phép tính  **- GV chốt: Thực hiện QĐMS các phân số và thực hiện phép cộng 2 PS cùng MS**  *+ Vậy muốn thực hiện được phép cộng hai phân số khác MS, chúng ta làm thế nào?* | |
| **3. HĐ thực hành***:(18 p)*  **\* Mục tiêu:** Thực hiện cộng được 2 PS khác MS. Vận dụng giải các bài tập liên quan  **\* Cách tiến hành: Cá nhân – Lớp** | |
| - HS làm cá nhân – Chia sẻ nhóm 2 – Lớp  Đáp án:  a) +  =  +  =  b)  c)  d)  - Thực hiện nhóm đôi - Chia sẻ lớp          - HS làm vào vở Tự học – Chia sẻ nhóm  Bài giải  Sau 2 giờ xe ô tô đó chạy được số phần quãng đường là:  (quãng đường)  Đ/s: quãng đường  - Nắm được cách cộng 2 PS khác MS  - Tìm các bài tập cùng dạng trong sách Toán buổi 2 và giải | ***Bài 1a,b,c***: ***HSNK làm cả bài***  - Gọi HS đọc và xác định yêu cầu bài  \* **KL:** Củng cố cách cộng các phân số khác mẫu số.  ***Bài 2a,b*** ***: (HS NK làm cả bài)***  - GV kết luận, chốt cách làm  **Bài 3 *(bài tập chờ dành cho HS hoàn thành sớm)***  - Lưu ý HS viết đúng danh số  **4. HĐ ứng dụng** (1p)  **5. HĐ sáng tạo** (1p) | |

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

:...................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TẬP LÀM VĂN**

**LUYỆN TẬP MIÊU TẢ CÁC BỘ PHẬN CỦA CÂY CỐI**

**I.MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Nhận biết được một số điểm đặc sắc trong cách quan sát và miêu tả các bộ phận của cây cối (hoa, quả) trong đoạn văn mẫu (BT1);

**2. Kĩ năng**

- Viết được đoạn văn ngắn tả một loài hoa (hoặc một thứ quả) mà em yêu thích (BT2).

**3. Thái độ**

- Có ý thức dùng từ đặt câu và sử dụng các biện pháp nghệ thuật khi viết.

**4. Góp phần phát triển NL:**

**-** NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL tự học, NL giao tiếp.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: + Một số tờ giấy kẻ thể hiện nội dung các BT 1a, b.

+ Bảng viết sẵn lời giải BT, d, e.

+ Tranh, ảnh một số loài cây.

- HS: Vở, bút, ...

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Quan sát, hỏi đáp, thảo luận nhóm, luyện tập-thực hành

- KT: đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, chia sẻ nhóm 2, động não.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ | **1. Khởi động:(***5p)*    *- GV* dẫn vào bài học |
| **2. HĐ thực hành** *(30p)*  **\* Mục tiêu:**  Nhận biết được một số điểm đặc sắc trong cách quan sát và miêu tả các bộ phận của cây cối (hoa, quả) trong đoạn văn mẫu (BT1).Viết được đoạn văn ngắn tả một loài hoa (hoặc một thứ quả) mà em yêu thích (BT2).  **\* Cách tiến hành: Cá nhân- Nhóm - Lớp** | | |
| **Nhóm 4 – Lớp**  - HS thảo luận nhóm đọc 2 đoạn văn. ***Hoa sầu đâu. Quả cà chua.***  Đáp án:  a) Đoạn tả hoa sầu đâu (Vũ Bằng)  - Cách miêu tả: tả cả chùm hoa, không tả từng bông vì hoa sầu đâu nhỏ, mọc thành chùm, có cái đẹp của cả chùm.  - Đặc tả mùi thơm đặc biệt của hoa bằng biện pháp so sánh  - Dùng từ ngữ, hình ảnh thể hiện tình cảm của tác giả “***Bao nhiêu thứ đó … men gì”.***  b) Đoạn tả quả cà chua (Ngô Văn Phú)  - Tả cây cà chua từ khi hoa rụng đến khi kết quả, từ khi quả còn xanh đến khi quả chín.  - Tả cà chua ra quả xum xuê, chi chít với những hình ảnh so sánh, nhân hoá thú vị  - HS làm việc cá nhân – Chia sẻ lớp  - HS chữa cách dùng từ, đặt câu cho bạn  VD: Tả quả khế  Khi những bông hoa tím rời cành, trôi theo dòng nước là lúc những quả khế non chào đời. Quả lúc đầu xanh vàng, nhỏ nhắn, e ấp giữa tán lá. Quả khế lớn dần, chuyển sang màu xanh đậm nhưng các múi vẫn còn khô, ăn vào hơi chát chát. Rồi thời gian dần trôi, nghoảnh đi nghoảnh lại đã thấy những chùm khế vàng mọng lủng lẳng trong vòm cây như những chiếc đèn lồng. Cắn một miếng, nước chan hoà, vị ngọt mát thấm vào cổ họng. Ôi, ngon làm sao!  - Chữa lại những lỗi trong đoạn văn  - Sử dụng biện pháp nghệ thuật vào đoạn văn miêu tả | **Bài tập 1:**  - Cho HS đọc yêu cầu và nội dung BT1.  - GV nhận xét và chốt lại (GV đưa bảng viết tóm tắt lên bảng lớp).      **Bài tập 2:** Chọn một loài hoa hoặc một thứ quả mà em thích. Sau đó viết một đoạn văn miêu tả hoa hoặc quả em đã chọn  **3. HĐ ứng dụng** *(1p)*  **4. HĐ sáng tạo** *(1p)* |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**KHOA HỌC**

**BÓNG TỐI**

**1. Kiến thức**

- Hiểu được bóng tối của vật thay đổi về hình dạng, kích thước khi vị trí của vật chiếu sáng đối với vật đó thay đổi.  
**2. Kĩ năng**

- Tự làm thí nghiệm để thấy bóng tối xuất hiện ở phía sau vật cản sáng khi được chiếu sáng.  
- Đoán đúng vị trí, hình dạng bóng tối trong một số trường hợp đơn giản.  
**3. Thái độ**

- GD HS ngồi học đảm bảo mật độ ánh sáng cho mắt.

**4. Góp phần phát triển các năng lực:**

- NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL hợp tác, NL sáng tạo

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: đèn bàn.

- HS: Chuẩn bị theo nhóm: đèn pin, tờ giấy to hoặc tấm vải, kéo, bìa, một số thanh tre (gỗ) nhỏ.

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Bàn tay nặn bột

- KT: Động não, chia sẻ nhóm đôi, tia chớp

**II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt đông của của học sinh** | **Hoạt đông của giáo viên** |
| - TBHT điều khiển các bạn chơi trò chơi: **Hộp quà bí mật**  *+ Khi có ánh sáng từ vật truyền tới mắt ta*  *+ Mặt trời, đèn điện,...* | **1, Khởi động *(4p)***  *+ Khi nào ta nhìn thấy vật?*  *+ Tìm những vật tự phát sáng mà em biết?*  - GV nhận xét, khen/ động viên, dẫn vào bài mới. |
| **2. Bài mới:***(30p)*  **\* Mục tiêu:**  - Hiểu được bóng tối của vật thay đổi về hình dạng , kích thước khi vị trí của vật chiếu sáng đối với vật đó thay đổi. - HS tự làm thí nghiệm để thấy bóng tối xuất hiện ở phía sau vật cản sáng khi được chiếu sáng. Đoán đúng vị trí, hình dạng bóng tối trong một số trường hợp đơn giản.  **\* Cách tiến hành: Cá nhân - Nhóm – Lớp** | |
| - HS lắng nghe  - HS ghi chép hiểu biết ban đầu của mình vào vở ghi chép : Chẳng hạn:  + Bóng của người sẽ xuất hiện khi có ánh nắng, không có nắng sẽ không có bóng xuất hiện. + Người có hình dáng nào thì bóng có hình đó. + Vào lúc 12h trưa, bóng người nằm ở dưới chân.... -HS thảo luận nhóm  thống nhất ý kiến ghi chép vào phiếu.  - HS so sánh sự khác nhau của các ý kiến ban đầu  - HS  nêu câu hỏi: Chẳng hạn  + Có phải bóng tối chỉ xuất hiện khi có ánh sáng? + Có phải bóng tối thay đổi kích thước vào các khoảng thời gian khác nhau? + Bóng tối xuất hiện ở đâu?    - HS tiến hành làm thí nghiệm, HS thống nhất trong nhóm tự rút ra kết luận, ghi chép vào phiếu. - Một HS lên thực hiện lại thí nghiệm  - Cả lớp quan sát.    ***+ Khi một vật cản sáng được chiếu sáng, sẽ có bóng tối xuất hiện phía sau nó. + Bóng tối của vật có hình dạng của vật đó.***  - HS tiến hành làm thí nghiệm, HS thống nhất trong nhóm tự rút ra kết luận, ghi chép vào phiếu. - Một HS lên thực hiện lại thí nghiệm  - Cả lớp quan sát.  ***+ Bóng của vật thay đổi khi vị trí của vật chiếu sáng đối với vật đó thay đổi. + Bóng của vật to hơn khi vật chiếu sáng gần với vật cản sáng.*** - Quan sát và thảo luận thống nhất ý kiến. - HS đính phiếu – nêu kết quả làm việc - HS so sánh kết quả với dự đoán ban đầu. - HS đọc lại kết luận  + Chiếu bóng các bộ phim, chiếu bóng các tiết mục múa,... | **Bước 1: Đưa tình huống xuất phát và nêu vấn đề: -** GV: Các em đã được vui chơi với cái bóng của mình ngoài sân trường và các em đã quan sát cái bóng ở các thời điểm khác nhau, em hãy ghi lại (vẽ lại) những điều em biết về cái bóng của mình. **Bước 2:Làm bộc lộ biểu tượng ban đầu của HS: -** GV yêu cầu HS ghi lại hoặc vẽ lại những suy nghĩ ban đầu của mình vào vở ghi chép khoa học. Sau đó thảo luận nhóm.  - GV cho HS đính phiếu lên bảng - GV gọi nhóm 1 nêu kết quả của nhóm mình. - GV yêu cầu các nhóm còn lại nêu những điểm khác biệt của nhóm mình so với nhóm 1.  **Bước 3: Đề xuất câu hỏi và phương án tìm tòi: -** Gv: Như vậy, qua kết quả này, nhóm nào có thắc mắc gì không? Nếu có thắc mắc thì chúng ta cùng nêu câu hỏi nào. - GV giúp các em đề xuất câu hỏi liên quan đến nội dung kiến thức tìm hiểu bài học. - GV tổng hợp câu hỏi của các nhóm và chốt các câu hỏi chính: + Bóng tối xuất hiện ở đâu và khi nào? + Bóng của một vật có hình dạng như thế nào? - GV cho HS thảo luận đề xuất phương án tìm tòi - GV chốt phương án : Làm thí nghiệm **Bước 4: Thực hiện phương án tìm tòi:** **\* Tìm hiểu về bóng tối.** - GV gợi ý thí nghiệm: Đặt tờ bìa thẳng đứng, lần lượt đặt cốc thủy tinh, hộp gỗ quyển sách... phía trước bìa và chiếu đèn pin, để xem vật nào sẽ có bóng; quan sát vị trí và hình dạng bóng của vật. - GV cho HS xem thêm tranh phóng to từ SGK để HS quan sát vị trí xuất hiện của bóng người khi được chiếu sáng từ bên phải. *+ Từ thí nghiệm trên chứng tỏ điều gì? GV tiểu kết.*  **\* Sự thay dổi về hình dạng, kích thước của bóng tối.**  - GV gợi ý: Cũng với TN ở trên, nếu thay đổi khoảng cách giữa cốc nước, vỏ hộp, hoặc quyển sách và đèn pin thì kích thước của bóng tối như thế nào? - HS vừa làm thí nghiệm, GV vừa đưa ra câu hỏi tìm hiểu. *+ Từ thí nghiệm trên chứng tỏ điều gì?*  **Bước 5: Kết luận kiến thức:**  - GV cho HS đính phiếu kết quả sau quá trình làm thí nghiệm. - GV rút ra tổng kết.    **3. HĐ ứng dụng *(1p)***  - GD học sinh ngồi học đảm bảo ánh sáng đủ cho đôi mắt  **4. HĐ sáng tạo *(1p)***  *+ Trong biểu diễn nghệ thuật, người ta đã ứng dụng các đặc điểm của bóng tối như thế nào?* |

*Thứ ....... ngày ...... tháng ..... năm .........*

**LUYỆN TỪ VÀ CÂU**

**MỞ RỘNG VỐN TỪ: CÁI ĐẸP**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Giúp HS mở rộng thêm vốn từ ngữ về chủ điểm Cái đẹp để sử dụng trong nói và viết.

**2. Kĩ năng**

- Biết được một số câu tục ngữ liên quan đến cái đẹp (BT1); nêu được một trường hợp có sử dụng 1 câu tục ngữ đã biết (BT2); dựa theo mẫu để tìm được một vài từ ngữ tả mức độ cao của cái đẹp (BT3); đặt câu được với 1 từ tả mức độ cao của cái đẹp (BT4).

**3. Thái độ**

- Có ý thức dùng từ, đặt câu và viết câu đúng.

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL tự học, NL ngôn ngữ, NL sáng tạo, NL giao tiếp.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Bảng phụ.

- HS: Vở BT, bút, ..

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm,

- KT: động não, đặt câu hỏi, chia sẻ nhóm 2, trình bày 1 phút

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của HS** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ | **1. Khởi động *(5p)***  - Dẫn vào bài mới |
| **2. HĐ thực hành** *(30p)*  **\* Mục tiêu:** Biết được một số câu tục ngữ liên quan đến cái đẹp (BT1); nêu được một trường hợp có sử dụng 1 câu tục ngữ đã biết (BT2); dựa theo mẫu để tìm được một vài từ ngữ tả mức độ cao của cái đẹp (BT3); đặt câu được với 1 từ tả mức độ cao của cái đẹp (BT4).  **\* Cách tiến hành** | | |
| **Cá nhân – Chia sẻ lớp**  Đáp án:  *\* Phẩm chất quý hơn vẻ đẹp bên ngoài:*  - Tốt gỗ hơn tốt nước sơn.  - Cái nết đánh chết cái đẹp.  *\* Hình thức thường thống nhất với nội dung:*  - Người thanh tiếng nói cũng thanh….  - Trông mặt mà bắt hình dong…  - HS học nhẩm thuộc lòng các câu tục ngữ.  - 1 HS đọc, lớp lắng nghe.  **Cá nhân – Lớp**  - HS suy nghĩ, tìm các trường hợp có thể sử dung các câu tục ngữ.  - Một số HS nêu các trường hợp.  - Lớp nhận xét.  **Nhóm 4 - Lớp**  Đáp án:  + Tuyệt vời, tuyệt diệu, tuyệt trần, mê hồn, mê li, … vô cùng, khôn tả, không tả xiết …  **Cá nhân – Lớp**  VD: *Phong cảnh nơi nay đẹp tuyệt vời.*  *Bức tranh đẹp mê hồn.*  - Ghi nhớ từ ngữ thuộc chủ điểm  - Tìm thêm một số câu thành ngữ, tục ngữ nói về cái đẹp | **Bài tập 1**:  - Gọi HS đọc và xác định yêu cầu của BT 1.  - GV nhận xét và chốt lại lời giải đúng.  - Cho HS học thuộc lòng những câu tục ngữ và đọc thi.  \* Lưu ý: giúp đỡ hs M1+M2 tìm, hiểu và thuộc được một số câu thành ngữ, tục ngữ đơn giản, HS M3+ M4 tìm thêm một số câu TN, tục ngữ khác cùng chủ điểm  **Bài tập 2:**  - Gọi HS đọc yêu cầu BT2.  - Chọn một câu tục ngữ trong số các câu đã cho và tìm ra những trường hợp nào người ta sử dụng câu tục ngữ đó.  - Cho HS trình bày kết quả bài làm.  - GV nhận xét, khen/ động viên.  \*Lưu ý: HS M1+M2 chọn được các câu thành ngữ, tục ngữ đã cho.  HS M3+M4 tìm ra được những trường hợp sử dụng câu tục ngữ đó.  **Bài tập 3:** Tìm các từ ngữ miêu tả mức độ …  - Gọi HS đọc yêu cầu BT3  - GV nhận xét và chốt đáp án.  \* Lưu ý: giúp đỡ hs M1+M2  **Bài tập 4:** Đặt câu với từ em tìm được ở bài tập 3.  \* Lưu ý: giúp đỡ hs M1+M2.  HS M3+M4 đặt câu đúng, đủ giàu hình ảnh.  **3. HĐ ứng dụng** *(1p)*  **4. HĐ sáng tạo** *(1p)* |

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TOÁN**

***Tiết 110:* LUYỆN TẬP**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- Củng cố KT về phép cộng phân số

**2. Kĩ năng**

- Thực hiện cộng được các PS cùng MS, khác MS

- Vận dụng giải các bài toán liên quan

**3. Thái độ**

- Tự giác, cẩn thận, trình bày bài sạch sẽ.

**4. Góp phần phát triển các NL**

- NL tự học, làm việc nhóm, NL tính toán

\* Bài tập cần làm: Bài 1, bài 2 (a, b), bài 3 (a, b).. HSNK làm tất cả bài tập

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Phiếu học tập

- HS: Vở BT, bút

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Quan sát, hỏi đáp, thảo luận nhóm, trò chơi học tập, luyện tập-thực hành

- KT: động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi,...

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBHT điểu hành lớp trả lời, nhận xét  - HS nêu cách cộng và lấy VD | **1.Khởi động***:(3p)*  ***+*** *Nêu cách cộng 2 PS cùng MS, 2 PS khác MS*  - GV dẫn vào bài mới |
| **2. HĐ thực hành** (30p)  **\* Mục tiêu:** Thực hiện cộng được 2 PS cùng MS, khác MS. Vận dụng giải các bài tập liên quan  **\* Cách tiến hành** | | |
| **Cá nhân - Lớp**  Đáp án:  ;    **Cá nhân – Chia sẻ lớp**  a.  +  =  +  =  =  b.  =  **Nhóm 2 – Chia sẻ lớp**  *+ Bài toán có 2 yêu cầu: rút gọn và tính*  Đáp án:  a.;  ;  là phân số tối giản.  Vậy =  b. + ;  =  =  ;  =  =  Vậy  +  = +  =  =  - HS làm và vở Tự học – Chia sẻ lớp  Bài giải  Số đội viên tham gia tập hát và đá bóng là:  +  =  (số đội viên chi đội)  Đáp số:  số đội viên chi đội  - Chữa lại các phần bài tập làm sai  - Tìm các bài tập cùng dạng trong sách Toán buổi 2 và giải | ***Bài 1*** : Tính:  - GV củng cố cách cộng các phân số cùng mẫu số.  - Lưu ý HS cần rút gọn kết quả của phép cộng về PS tối giản  ***Bài 2a,b: (HSNK hoàn thành cả bài)***  - Gv nhận xét, đánh giá bài làm trong vở của HS  - Chốt các cộng các PS khác mẫu số  ***Bài 3a,b (HSNK hoàn thành cả bài)***  *+ Bài toán có mấy yêu cầu*  - GV lưu ý: Trong khi cộng 2 PS nếu việc rút gọn làm cho phép cộng dễ dàng hơn thì rất cần rút gọn.  **Bài 4** (***bài tập chờ dành cho HS hoàn thành sớm)***  **3. HĐ ứng dụng** *(1p)*  **4. HĐ sáng tạo** *(1p)* |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

**TẬP LÀM VĂN**

**ĐOẠN VĂN TRONG BÀI VĂN MIÊU TẢ CÂY CỐI**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Nắm được đặc điểm nội dung và hình thức của đoạn văn trong bài văn miêu tả cây cối (ND Ghi nhớ).

**2. Kĩ năng**

- Nhận biết và bước đầu biết cách xây dựng một đoạn văn nói về lợi ích của loài cây em biết (BT1, 2, mục III).

**3. Thái độ**

- Tích cực, tự giác làm bài, có ý thức chọn lựa từ ngữ khi miêu tả.

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL tự học, Sử dụng ngôn ngữ, NL sáng tạo, NL hợp tác

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Bảng phụ (hoặc giấy khổ to) viết lời giải BT1.

- HS: Sách, bút

**2. Phương pháp, kĩ thuât**

- PP: Hỏi đáp, thảo luận nhóm, quan sát, thực hành.

- KT: đặt câu hỏi, động não, chia sẻ nhóm 2

**II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ | **1. Khởi động *(5p)***  - GV dẫn vào bài mới |
| **2. Hình thành kiến thức** *(15p)*  **\* Mục tiêu**: Nắm được đặc điểm nội dung và hình thức của đoạn văn trong bài văn miêu tả cây cối (ND Ghi nhớ).  **\* Cách tiến hành:** | |
| **Nhóm 4 – Chia sẻ lớp**  Đáp án:  \*\* Bài ***Cây gạo*** có 3 đoạn: Mỗi đoạn bắt đầu bằng chữ đầu dòng vào 1 chữ và kết thúc ở chỗ chấm xuống dòng. Mỗi đoạn tả một thời kì phát triển của cây gạo:  + Đoạn 1: Thời kì ra hoa.  + Đoạn 2: Lúc hết mùa hoa.  + Đoạn 3: Thời kì ra quả.  - Lắng nghe  - HS đọc nội dung phần ghi nhớ. | ***a. Nhận xét:***  Bài tập 1+ 2+ 3:  - Cho HS đọc yêu cầu BT  + Đọc lại bài ***Cây gạo*** (trang 32);  + Tìm các đoạn trong bài văn nói trên; nêu nội dung chính của mỗi đoạn.    - GV nhận xét và chốt lại lời giải đúng.  - GV: ***Bài văn miêu tả cây cối thường có nhiều đoạn văn, mỗi đoạn văn có một nội dung nhất định***  b. ***Ghi nhớ:*** |
| **3. HĐ thực hành (***18p)*  **\*Mục tiêu:**  **-** Xác định được các đoạn văn và nội dung của từng đoạn văn trong bài Cây trám đen  - Viết được đoạn văn nói về lợi ích của một loài cây  **\* Cách tiến hành:** | |
| **Nhóm 2 - Cả lớp**  Đáp án:  + Bài ***Cây trám đen*** có 4 đoạn:  + Nội dung của mỗi đoạn:  ♣Đoạn 1: Tả giả bao quát thân cây, cành cây, lá cây trám đen.  ♣Đoạn 2: Giới thiêu 2 loại trám đen: trám đen tẻ và trám đen nếp.  ♣Đoạn 3: Nêu ích lợi của quả trám đen.  ♣Đoạn 4: Tình cảm của người tả với cây trám đen.  **Cá nhân – Lớp**  VD: Cây chuối dường như không bỏ đi thứ gì. Củ chuối, thân chuối để nuôi lợn; lá chuối gói giò, gói bánh; hoa chuối làm nộm. Còn quả chuối chín ăn vừa ngọt vừa bổ. Còn gì thú vị hơn sau bữa cơm được một quả chuối ngon tráng miệng do chính tay mình trồng.  - Lớp nhận xét.  - Chữa lại những câu văn chưa hay  - Hoàn thiện các đoạn văn của phần TB trong bài văn miêu tả cây cối. | **Bài 1**  - Gọi HS đọc yêu cầu BT 1.  + Xác định các đoạn.  + Nêu nội dung của từng đoạn.  - GV nhận xét và chốt lại lời giải đúng.  - Lưu ý HS học tập cách miêu tả cây trám trong bài  \* Lưu ý: Giúp đỡ hs M1+M2 xác định đoạn văn và nêu nội dung chính từng đoạn.  **Bài 2:** Hãy viết một đoạn văn nói về lợi ích của một loài cây mà em biết.  -HD: Trước hết các em hãy xác định sẽ viết cây gì. Sau đó, suy nghĩ về những lợi ích của cây đó mang lại cho con người.  - GV nhận xét và khen ngợi hs.  \* Lưu ý: Giúp đỡ hs M1+M2 biết cách viết đoạn văn.  - Hs M3+M4 viết đoạn văn giàu hình ảnh.  **3. HĐ ứng dụng** (1p)  **4. HĐ sáng tạo** (1p) |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................­

**ĐỊA LÍ**

**HoẠt đỘng sẢn xuẤt**

**cỦa ngưỜi dân Ở đỒng bẰng Nam BỘ (TT)**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Nêu được một số hoạt động sản xuất chủ yếu của người dân ở đồng bằng Nam Bộ:

+ Sản xuất công nghiệp phát triển mạnh nhất trong cả nước.

+ Chợ nổi là nét độc đáo của đồng bằng

**2. Kĩ năng**

- Quan sát hình ảnh, kể tên các sản phẩm CN và mô tả đôi nét về chợ nổi

\* HSNK: Giải thích vì sao đồng bằng Nam Bộ là nơi có ngành công nghiệp phát triển mạnh nhất đất nước: do có nguồn nguyên liệu và lao động dồi dào, được đầu tư phát triển.

**3. Thái độ**

- HS học tập nghiêm túc, tự giác.

**4. Góp phần phát triển các năng lực:**

- NL tự chủ, NL giải quyết vấn đề, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ

*\** ***BVMT:*** *Vai trò, ảnh hưởng to lớn của sông ngòi đối với đời sống của con người (đem lại phù sa nhưng cũng mang lại lũ lụt đe dọa sản xuất và đời sống). Qua đó thấy được tầm quan trọng của hệ thống đê và giáo dục ý thức trách nhiệm trong việc góp phần bảo đê điều - những công trình nhân tạo phục vụ đời sống*

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Tranh, ảnh về sản xuất công nghiệp, chợ nổi trên sông ở ĐB Nam Bộ (sưu tầm)

- HS: SGK, bút.

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm, thuyết trình

- KT: đặt câu hỏi, trình bày một phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm 2

I**II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBHT điều hành lớp trả lời, nhận xét  *+ Đất đai màu mỡ, khí hậu nóng ẩm, người dân cần cù lao động,..* | **1.Khởi động:***(2p)*  *+Hãy nêu những đk thuận lợi để ĐB Nam Bộ trở thành vùng sản xuất lúa gạo, trái cây và thủy sản lớn nhất nước ta?*  - GV nhận xét chung, giới thiệu bài mới |
| **2. Bài mới:***(30p)*  **\* Mục tiêu:**  Nêu được một số hoạt động sản xuất chủ yếu của người dân ở đồng bằng Nam Bộ:  **\* Cách tiến hành: Cá nhân- Nhóm-Lớp** | |
| **Nhóm 4 – Lớp**  *+ Nhờ có nguồn nguyên liệu và lao động, lại được đầu tư xây dựng nhiều nhà máy.*  *+ Hằng năm, đồng bằng Nam Bộ tạo ra được hơn một nửa giá trị … cả nước.*  *+ Khai thác dầu khí, SX điện, hóa chất, phân bón, cao su, chế biến lương thực thực phẩm, dệt, may mặc.*  *+ Linh kiện máy tính, bột ngọt, hạt điều, đạm, lân,...*  - HS lắng nghe  **Nhóm 4 – Lớp**  - Các nhóm thảo luận trả lời các câu hỏi và cử đại diện mô tả  *+ Chợ nổi trên sông họp ở trên sông, phương tiện đi lại của người dân chủ yếu là thuyền, ghe,..*  *+ Chợ Cái Phong Điền (Cần Thơ), Phụng Hiệp (Hậu Giang)…*  - HS nhận xét, bình chọn nhóm kể hay và sinh động nhất  - Lắng nghe  - HS lắng nghe, nêu các biện pháp bảo vệ môi trường nước.  - Trưng bày tranh ảnh về về các hoạt động sản xuất ở đồng bằng NB | ***HĐ1:* Vùng công nghiệp phát triển mạnh nhất nước ta:**  - GV yêu cầu HS dựa vào SGK, BĐ công nghiệp VN, tranh, ảnh và vốn kiến thức của mình thảo luận theo gợi ý sau:  *+ Nguyên nhân nào làm cho ĐB Nam Bộ có công nghiệp phát triển mạnh?*  *+ Nêu dẫn chứng thể hiện ĐB Nam Bộ có công nghiệp phát triển mạnh nhất nước ta?*  *+ Kể tên các ngành công nghiệp nổi tiếng của ĐB Nam Bộ?*  *+ Kể tên các sản phẩm công nghiệp của đồng bằng Nam Bộ*  ***- GV giúp HS hoàn thiện câu trả lời, chốt kiến thức: Đồng bằng NB là vùng CN phát triển mạnh nhất nước ta.***    ***HĐ 2:* Chợ nổi trên sông:**  - GV cho HS dựa vào SGK, tranh, ảnh và chuẩn bị cho cuộc thi kể chuyện về chợ nổi trên sông ở ĐB Nam Bộ theo gợi ý:  *+ Mô tả về chợ nổi trên sông (chợ họp ở đâu? Người dân đến chợ bằng phương tiện gì? Hàng hóa bán ở chợ gồm những gì? Loại hàng nào có nhiều hơn?*  *+ Kể tên các chợ nổi tiếng ở ĐB Nam Bộ.*  - GV nhận xét phần thi kể chuyện của HS các nhóm.  ***- GV chốt KT: Chợ nổi là nét độc đáp của đồng bằng NB***  **3. Hoạt động ứng dụng** *(1p)*  ***- GD BVMT: Sông ngòi là điều kiện để các chợ nổi có thể hoạt động tấp nập. Tuy nhiên cần có các biện pháp để bảo vệ và giữ gìn môi trường ở các chợ nổi***  **4. Hoạt động sáng tạo** *(1p)* |

**ĐIỀU CHỈNH - BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**SHTT - KNS**

**ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC TUẦN 23**

**TRÁNH SUY NGHĨ TIÊU CỰC**

**I. MỤC TIÊU:**

- Nắm đ­­ược ưu - khuyết điểm trong tuần 23

- Phát huy ­­ưu điểm, khắc phục nh­­ược điểm.

- Biết đ­­ược phư­ơng h­­ướng tuần 24

**II. CHUẨN BỊ:**

- GV: Nắm được ưu – khuyết điểm của HS trong tuần

- HS: Chủ tịch Hội đồng tự quản và các Trưởng ban chuẩn bị ND báo cáo.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG CHÍNH:**

***1. Khởi động***

- Lớp tham gia trò chơi: Truyền tín hiệu

***2. Lớp báo cáo hoạt động trong tuần:***

- 4 Trưởng ban lên nhận xét các thành viên trong tổ và xếp loai từng thành viên.

- Tổ viên các tổ đóng góp ý kiến.

- Chủ tịch HĐTQ lên nhận xét chung các ban.

- GV nhận xét chung:

+ Nề nếp:

.................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

+ Học tập:

.................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

***3. Ph­ương h­­ướng tuần sau:***

- Tiếp tục thi đua: Học tập tốt, thực hiện tốt nề nếp, vâng lời thầy cô, nói lời hay làm việc tốt.

.................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

***4. Lớp văn nghệ - múa hát tập thể mừng Đảng - mừng Xuân***

**TUẦN 24** *Thứ ....... ngày ...... tháng ..... năm .........*

**TẬP ĐỌC**

**VẼ VỀ CUỘC SỐNG AN TOÀN**

**1. Kiến thức**

- Hiểu ND: Cuộc thi vẽ Em muốn sống an toàn được thiếu nhi cả nước hưởng ứng bằng những bức tranh thể hiện nhận thức đúng đắn về an toàn, đặc biệt là an toàn giao thông (trả lời được các câu hỏi trong SGK).

**2. Kĩ năng**

- Biết đọc đúng bản tin với giọng hơi nhanh, phù hợp nội dung thông báo tin vui.

**3. Thái độ**

GD HS ý thức sống và tham gia giao thông an toàn.

**4. Góp phần phát triển năng lực**

**-** Năng lực tự học, NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ.

***\* KNS****:* ***:*** *Tự nhận thức xác định giá trị cá nhân. Tuy duy sáng tạo. Đảm nhận trách nhiệm*

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: + Tranh minh hoạ bài tập đọc (phóng to nếu có điều kiện).

+ Bảng phụ viết sẵn đoạn luyện đọc

- HS: SGK, vở viết

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- Phương pháp: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm.

- Kĩ thuật: Kĩ thuật đặt câu hỏi, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBHT điều hành lớp trả lời, nhận xét  *+ Phụ nữ miền núi đi đâu, làm gì cũng thường điệu con theo. Những em bé cả lúc ngủ cũng nằm trên lưng mẹ. Vì vậy, có thể nói các em lớn trên lưng mẹ.*  *+ Là tình yêu của mẹ đối với con, đối với cách mạng.* | **1. Khởi động:** *(5p)*  *+ Đọc thuộc lòng 1 khổ thơ*  *+ Em hiểu như thế nào là “những em bé lớn trên lưng mẹ”?*  *+ Theo bạn, cái đẹp thể hiện trong bài thơ này là gì?*  - GV nhận xét chung, dẫn vào bài học |
| **2. Luyện đọc:** *(8-10p)*  **\* Mục tiêu:** Biết đọc đúng bản tin với giọng hơi nhanh, phù hợp nội dung thông báo tin vui.  \* **Cách tiến hành:** | |  |
| - 1 HS đọc bài, cả lớp đọc thầm  - Lắng nghe  - Lớp trưởng điều hành cách chia đoạn  - Bài được chia làm 4 đoạn  (Mỗi chỗ xuống dòng là 1 đoạn)  - Nhóm trưởng điều hành nhóm đọc nối tiếp đoạn trong nhóm lần 1 và phát hiện các từ ngữ khó (*UNICEF, Đắk Lắk, triển lãm, ngôn ngữ hội hoạ...)*  - Luyện đọc từ khó: Đọc mẫu (M4)-> Cá nhân (M1)-> Lớp  - Giải nghĩa từ khó (đọc chú giải)  - HS đọc nối tiếp đoạn lần 2 theo điều khiển của nhóm trưởng  - Các nhóm báo cáo kết quả đọc  - 1 HS đọc cả bài (M4) | - Gọi 1 HS đọc bài (M3)  - GV lưu ý giọng đọc cho HS: Cần đọc với giọng rành mạch, dứt khoát, hơi nhanh, thể hiên nội dung của bản tin. Nhấn giọng ở những từ ngữ *nâng cao, đông đảo, 50.000, 4 tháng, phong phú, tươi tắn, rõ ràng, hồn nhiên, trong sáng, sâu sắc, bất ngờ.*  - GV chốt vị trí các đoạn:  - Lưu ý sửa lỗi đọc và ngắt nghỉ cho các HS (M1) |
| **3. Tìm hiểu bài:** *(8-10p)*  **\* Mục tiêu:** Hiểu ND: Cuộc thi vẽ Em muốn sống an toàn được thiếu nhi cả nước hưởng ứng bằng những bức tranh thể hiện nhận thức đúng đắn về an toàn, đặc biệt là an toàn giao thông (trả lời được các câu hỏi trong SGK).  **\* Cách tiến hành: *Làm việc nhóm 4 – Chia sẻ trước lớp*** | |
| - 1 HS đọc các câu hỏi cuối bài  - HS làm việc theo nhóm 4 – Chia sẻ kết quả dưới sự điều hành của TBHT  *+ Chủ đề cuộc thi là* ***Em muốn sống an toàn.***  *+ Thiếu nhi cả nước hào hứng tham dự cuộc thi. Chỉ trong 4 tháng đã có 50.000 bức tranh của thiếu nhi cả nước gửi về Ban Tổ chức.*  *+ Chỉ điểm tên một số tác phẩm cũng thấy kiến thức của thiếu nhi về an toàn, đặc biệt là an toàn giao thông rất phong phú. Cụ thể tên một số tranh.*  ***Đội mũ bảo hiểm là tốt nhất.***  ***Gia đình em được bảo vệ an toàn.***  ***Trẻ em không nên đi xe đạp trên đường.***  ***Chở 3 người là không được.***  *+ Màu sắc tươi tắn, bố cục rõ ràng, ý tưởng hồn nhiên, trong sáng mà sâu sắc*  *+ Có tác dụng gây ấn tượng nhằm hấp dẫn người đọc; Giúp người đọc nắm nhanh thông tin.*  **Nội dung: *Qua cuộc thi về đề tài cho thấy các em có nhận thức đúng về an toàn, đặc biệt là an toàn giao thông và biết thể hiện nhận thức của mình bằng ngôn ngữ hội hoạ.***  - HS ghi lại nội dung bài | - GV yêu cầu HS đọc các câu hỏi cuối bài  *+ Chủ đề cuộc thi vẽ là gì?*  *+ Thiếu nhi hưởng ứng cuộc thi như thế nào?*  *+ Điều gì cho thấy các em có nhận thức tốt về chủ đề cuộc thi?*  *+ Những nhận xét nào thể hiện sự đánh giá cao khả năng thẩm mĩ của các em?*  *+ Những dòng in đậm của bản tin có tác dụng gì?*  + Nội dung chính của bài là gì?  \* Lưu ý giúp đỡ hs M1+M2 trả lời các câu hỏi tìm hiểu bài.Hs M3+M4 trả lời các câu hỏi nêu nội dung đoạn, bài. |
| **4. Luyện đọc diễn cảm***(8-10p)*  **\* Mục tiêu:** HSđọc diễn cảm được đoạn 4 của bài, nhấn giọng được các từ ngữ đánh giá cao khả năng thẩm mĩ của các em  **\* Cách tiến hành: Hoạt động cá nhân – nhóm - cả lớp** | |
| - HS nêu lại giọng đọc cả bài  - 1 HS M4 đọc mẫu toàn bài  - Nhóm trưởng điều hành các thành viên trong nhóm  + Luyện đọc diễn cảm trong nhóm  + Cử đại diện đọc trước lớp  - Bình chọn nhóm đọc hay.  + Tham gia cuộc thi vẽ tranh và có nhiều tác phẩm đẹp, có ý nghĩa  - HS liên hệ việc giữ gìn ATGT và tham gia giao thông an toàn  - Trưng bày các tranh ảnh sưu tầm được hoặc của bản thân về chủ đề An toàn giao thông | - Yêu cầu HS nêu giọng đọc toàn bài.  - Yêu cầu đọc diễn cảm đoạn 4 của bài  - GV nhận xét, đánh giá chung  **5. Hoạt động ứng dụng** *(1 phút)*  *+ GDKNS: Các bạn nhỏ trong bài đã làm gì để thể hiện ước mơ Em muốn sống an toàn?*  => Cần biết góp sức mình vào việc giữ gìn ATGT bằng những việc làm phù hợp.  **6. Hoạt động sáng tạo** *(1 phút)* |

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TOÁN**

***Tiết 116:* LUYỆN TẬP**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Củng cố kiến thức về phép cộng PS, tính chất kết hợp của phép cộng PS

- Các dấu hiệu chia hết cho 2; 3; 5 và 9

**2. Kĩ năng**

- Thực hiện được phép cộng hai phân số, cộng một số tự nhiên với phân số, cộng một phân số với số tự nhiên.

- Vận dụng làm các bài tập liên quan

**3. Thái độ**

- HS có thái độ học tập tích cực.

**4. Góp phần phát triển năng lực:**

**-** Năng lực tự học, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL tư duy - lập luận logic.

\* Bài tập cần làm: Bài 1, bài 3

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Bảng phụ

- HS: Sách, bút

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- Phương pháp vấn đáp, động não, thực hành, đặt và giải quyết vấn đề, hoạt động nhóm, trò chơi học tập

- Kĩ thuật đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC;**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** | |
| - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ | **1. Khởi động:** *(2p)*  - GV giới thiệu bài – Ghi tên bài | |
| **2. Hoạt động thực hành** (35p)  **\* Mục tiêu**: Thực hiện được phép cộng hai phân số, cộng một số tự nhiên với phân số, cộng một phân số với số tự nhiên. Vận dụng giải toán  \* **Cách tiến hành: Cá nhân – Nhóm – Lớp** | | |
| - HS quan sát mẫu để xem cách trình bày  - Thực hiện cá nhân – Chia sẻ nhóm 2 – Chia sẻ lớp  Đáp án:  a) 3 +  = + =  b)  c)  - HS làm cá nhân – Chia sẻ lớp  ***Bài giải***  Nửa chu vi của hình chữ nhật là:  +  = (m)  Đáp số: m  - Thực hiện làm cá nhân – Chia sẻ lớp  Đáp án:      *- Rút ra tính chất kết hợp của phép cộng: Khi cộng 1 tổng 2 PS với một PS thứ ba, ta có thể cộng PS thứ nhất với tổng của PS thứ hai và PS thứ ba.*  - Chữa lại các phần bài tập làm sai  - Tìm các bài tập cùng dạng trong sách Toán buổi 2 và giải | | ***Bài 1***: Tính (theo mẫu)  - GV viết bài mẫu lên bảng cả lớp chia sẻ câu mẫu  3 +  =  +  = +  =  \* Có thể viết gọn bài toán như sau:  3 +  =  +  =  - GV nhận xét, chữa bài  - Lưu ý cách cộng một số tự nhiên với PS, cộng một PS với một số số tự nhiên  ***Bài 3:***  - GV gọi 1 HS đọc và xác định yêu cầu bài tập.  - Củng cố cách cộng phân số, tính nửa chu vi hình chữ nhật.  **Bài 2 (*Bài tập chờ dành cho HS hoàn thành sớm)***  **3. Hoạt động ứng dụng *(1p)***  **4. Hoạt động sáng tạo *(1p)*** |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

.....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**KHOA HỌC (CT HIỆN HÀNH)**

**ÁNH SÁNG CẦN CHO SỰ SỐNG**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Hiểu được mỗi loài thực vật có nhu cầu ánh sáng khác nhau và lấy được ví dụ để chứng tỏ điều đó.  
- Hiểu được nhờ ứng dụng các kiến thức về nhu cầu ánh sáng của thực vật trong trồng trọt đã mang lại hiệu quả cao.

**2. Kĩ năng**

- HS nêu được vai trò của ánh sáng đối với đời sống thực vật.

**3. Thái độ**

- Có ý thức trồng cây ở nơi có đủ ánh sáng

**4. Góp phần phát triển các năng lực:**

- NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL hợp tác,...

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Tranh ảnh phóng to

- HS: Một số loài cây

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm, thực hành thí nghiệm.

- KT: Động não, chia sẻ nhóm đôi, tia chớp

**II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt đông của của học sinh** | **Hoạt đông của giáo viên** |
| - HS chơi trò chơi dưới sự điều hành của GV  *+ Bóng tối xuất hiện phía sau vật cản sáng. Làm cho bóng của vật thay đổi bằng cách thay đổi vị trí của vật*  *chiếu sáng đối với vật đó.*  *+ VD: bóng của cái cây thay đổi vào từng buổi của ngày do vị trí của mặt trời thay đổi* | **1. Khởi động *(4p)***  **Trò chơi:** Hộp quà bí mật  ***+***  *Bóng tối xuất hiện ở đâu? Có thể làm cho bóng của vât thay đổi như thế nào?*  *+ Lấy ví dụ chứng tỏ bóng của vật thay đổi khi vị trí chiếu sáng đối với vât đó thay đổi?*  - GV nhận xét, khen/ động viên, dẫn vào bài mới. |
| **2. Bài mới:***(30p)*  **\* Mục tiêu:**  - HS nêu được vai trò của ánh sáng đối với đời sống thực vật.  - Hiểu được mỗi loài thực vật có nhu cầu ánh sáng khác nhau và lấy được ví dụ để chứng tỏ điều đó. - Hiểu được nhờ ứng dụng các kiến thức về nhu cầu ánh sáng của thực vật trong trồng trọt đã mang lại hiệu quả cao.  **\* Cách tiến hành: Cá nhân - Nhóm – Lớp** | |
| **Nhóm 4 – Lớp**  - Các nhóm làm việc. Thư kí ghi lại các ý kiến của nhóm – Chia sẻ lớp  + Hình 1: Cây trong hình 1 đang mọc hướng về phía ánh sáng của bóng đèn  + Hình 2: Vì loài hoa này khi nở thường hướng về ánh mặt trời nên có tên gọi là hoa hướng dương.  -HS đọc bài học.  - Lắng nghe  *+ Ánh sáng giúp cây quang hợp, ánh sáng còn ảnh hưởng đến quá trình sống khác của thực vật như: hút nước, thoát hơi nước, hô hấp …*  *+ Không có ánh sáng, thực vật sẽ tàn lụi.*  - HS thảo luận nhóm 4, đưa ra ý kiến của nhóm mình  *+ Do nhu cầu về ánh sáng của các loài cây không giống nhau…*  *+ Cây cần nhiều ánh sáng: Tiêu, lúa, cà phê, cam bưởi,..(cây cho hạt, quả cần nhiều ánh sáng)*  *+ Cây cần ít ánh sáng: Dương xỉ, phát tài*  *+ Cây cà phê, cây tiêu, cây lúa, cần nhiều ánh sáng nên khi cấy và trồng ta phải có khoảng cách vừa đủ để cây có đủ ánh sáng và phát triển tốt…*  *+ Để kích thích cây tăng trưởng và phát triển nhanh, người ta dùng ánh sáng đèn điện thay thế cho ánh sáng mặt trời vào ban đêm*  - Lắng nghe  - Trồng 1 cây trong bóng tối, 1 cây ngoài ánh sáng, chăm sóc và tưới nước thường xuyên. Ghi lại quá trình sinh trưởng và phát triển của cả 2 cây và rút ra so sánh, đối chiếu | **Hoạt động 1: Tìm hiểu về vai trò của ánh sáng đối với sự sống của thực vật**:  - Yêu cầu các nhóm trưởng điều khiển các bạn quan sát hình và trả lời các câu hỏi SGK.  ***- GV chốt: Như vậy, ánh sáng đã tác động đến sự phát triển của từng loài cây, các loài cây đều mọc hướng về phía ánh sáng***  *+ Ánh sáng có vai trò gì với sự sống của thực vật?*  *+ Điều gì sẽ xảy ra với thực vật nếu không có ánh sáng?*  - Kết luận: Như mục *Bạn cần biết* SGK.  **HĐ2: Tìm hiểu nhu cầu về ánh sáng của thực vật:**  - GV gieo vấn đề: Cây xanh không thể sống thiếu ánh sáng mặt trời nhưng có phải mọi loài cây đều cần một thời gian chiếu sáng như nhau và đều có nhu cầu được chiếu sáng mạnh hoặc yếu như nhau không?  *+ Tại sao có một số loài cây chỉ sống được ở những nơi rừng thưa, các cánh đồng … được chiếu sáng nhiều? Một số loài cây khác lại sống được trong rừng rậm, hang động?*  *+ Hãy kể tên một số cây cần nhiều ánh sáng và một số cây cần ít ánh sáng?*  *+ Nêu một số ứng dụng về nhu cầu ánh sáng của cây trong kĩ thuật trồng trọt?*  ***- Kết luận: Tìm hiểu về nhu cầu ánh sáng của mỗi loài cây, chúng ta có thể thực hiện những biện pháp kĩ thuật trồng trọt để cây được chiếu sáng thích hợp sẽ cho thu hoạch cao.***  **3. HĐ ứng dụng *(1p)***  **4. HĐ sáng tạo *(2p)*** |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

..................................................................................................................................................................................................................................................................

**CHÍNH TẢ**

**HOẠ SĨ TÔ NGỌC VÂN**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức:**

- Nhớ - viết đúng bài CT; trình bày đúng hình thức bài dưới dạng văn xuôi

- Làm đúng BT2a phân biệt âm đầu tr/ch ; giải được câu đố về các chữ bài 3

**2. Kĩ năng:**

**-** Rèn kĩ năng viết đẹp, viết đúng chính tả.

**3. Thái độ:**

**-** Giáo dục tính cẩn thận, chính xác, yêu thích chữ viết

**4. Góp phần phát triển năng lực:**

**-** NL tự chủ và tự học, NL sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: giấy khổ to ghi nội dung BT 2

- HS: Vở, bút,...

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- Phương pháp vấn đáp, động não, quan sát, thực hành, đặt và giải quyết vấn đề, hoạt động nhóm, trò chơi học tập.

- Kĩ thuật đặt câu hỏi, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ | **1. Khởi động: (***2p***)**  ***-*** GV dẫn vào bài mới |
| **2. Chuẩn bị viết chính tả:** *(6p)*  **\* Mục tiêu:** HS hiểu được nội dung bài CT, tìm được các từ khó viết  **\* Cách tiến hành:** | |
| - 1 HS đọc - HS lớp đọc thầm  *+ Đoạn văn ca ngợi Tô Ngọc Vân. Ông là một nghệ sĩ tài hoa đã ngã xuống trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.*  - HS quan sát  *-* HS nêu từ khó viết*: tốt nghiệp, Trường Cao đẳng Mĩ thuật Đông Dương, dân công hoả tuyến, kí hoạ,....*  *-* Viết từ khó vào vở nháp | \* Trao đổi về nội dung đoạn cần viết  - Gọi HS đọc đoạn văn cần viết, phần chú giải  *+ Nêu nội dung đoạn viết?*  - Giới thiệu ảnh chụp hoạ sĩ Tô Ngọc Vân  - Hướng dẫn viết từ khó: Gọi HS nêu từ khó, sau đó GV đọc cho HS luyện viết. |
| **3. Viết bài chính tả:** *(15p)*  **\* Mục tiêu:** Hs nghe - viết tốt bài chính tả, trình bày đúng bài viết theo hình thức văn xuôi.  **\* Cách tiến hành:** | |
| - HS nghe - viết bài vào vở | - GV đọc bài cho HS viết  - GV theo dõi và nhắc nhở, giúp đỡ HS viết chưa tốt.  - Nhắc nhở cách cầm bút và tư thế ngồi viết. |
| **4. Đánh giá và nhận xét bài:** *(5p)*  **\* Mục tiêu:** Giúp HS tự đánh giá được bài viết của mình và của bạn. Nhận ra các lỗi sai và sửa sai  **\* Cách tiến hành: Cá nhân- Cặp đôi** | |
| - Học sinh xem lại bài của mình, dùng bút chì gạch chân lỗi viết sai. Sửa lại xuống cuối vở bằng bút mực  - Trao đổi bài (cặp đôi) để soát hộ nhau  - Lắng nghe. | - Cho học sinh tự soát lại bài của mình theo.  - GV nhận xét, đánh giá 5 - 7 bài  - Nhận xét nhanh về bài viết của HS |
| **5. Làm bài tập chính tả:** *(5p)*  **\* Mục tiêu:** Giúp HS phân biệt được tr/ch  **\* Cách tiến hành: Cá nhân - Cặp đôi - Chia sẻ trước lớp** | |
| Đ/a:  Thứ tự từ cần điền: kể ***chuyện – truyện –*** câu ***chuyện – truyện –*** kể ***chuyện –*** đọc ***truyện.***  - Đọc lại đoạn văn sau khi đã điền hoàn chỉnh  *Đ/a:*  *a) nho/nhỏ/nhọ*  *b) chi/chì/chỉ/chị*  - Viết lại 5 lần các từ viết sai trong bài chính tả  - Lấy VD về câu đố chữ và giải đố | **Bài 2a:** Điền truyện/chuyện  **Bài 3:**  **6. Hoạt động ứng dụng** *(1p)*  **7. Hoạt động sáng tạo** *(1p)* |

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TOÁN**

***Tiết 117:* PHÉP TRỪ PHÂN SỐ**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Biết cách trừ 2 PS cùng MS

**2. Kĩ năng**

- Thực hiện trừ được 2 PS cùng MS

- Vận dụng giải toán

3**. Thái độ**

- HS tích cực, cẩn thận khi làm bài

**4. Góp phần phát huy các năng lực**

**-** Năng lực tự học, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL tư duy - lập luận logic.

\* BT cần làm: Bài 1, Bài 2

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Phiếu học tập.

- HS: SGK,.

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm, luyện tập – thực hành

- Kĩ thuật: đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của HS** | **Hoạt động của GV** |
| - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ | **1. Khởi động *(5p)***    - GV giới thiệu bài mới |
| **2. Hình thành KT** (15p)  **\* Mục tiêu**: Biết cách trừ 2 PS cùng MS  **\* Cách tiến hành** | |  | |
| *+ Muốn cộng 2 PS cùng MS ta giữ nguyên MS và cộng các TS lại với nhau*  ***+ Muốn trừ 2 PS cùng MS ta giữ nguyên MS và trừ các tử số cho nhau.***  - HS dựa vào quy tắc thực hành trừ và chia sẻ kết quả:  -  = =  - HS tự lấy VD về phép trừ 2 PS cùng MS và thực hành trừ. | *+ Nêu cách cộng 2 PS cùng MS*  *+ Từ cách cộng 2 PS cùng MS, hãy nêu cách trừ 2 PS cùng MS*  - GV chốt lại cách trừ  - Yêu cầu HS thực hành trừ:  -  =? |
| **3. Hoạt động thực hành***:(18p)*  **\* Mục tiêu:** - Thực hiện trừ được 2 PS cùng MS  - Vận dụng giải toán  **\* Cách tiến hành:** Cá nhân, nhóm, cả lớp. | |
| - Thực hiện cá nhân – Chia sẻ nhóm 2 - Chia sẻ lớp  Đáp án:  =  -  =  =  = 1  - =  =  - Thực hiện cặp đôi – Chia sẻ lớp  Đáp án:  a) -  = -  =  =  b)  -  =  -  =  =  c)  -  =  -  =  =  = 1  d)  -  =  -  =  =  = 2  - HS làm vào vở Tự học – Chia sẻ lớp  ***Bài giải***  Số huy chương bạc và huy chương đồng của đoàn Đồng Tháp bằng số phần tổng số huy chương mà đoàn giành được là:  1 - = (tổng số huy chương)  Đ/s: tổng số huy chương  - Hoàn thành các bài tập trong tiết học  - Tìm các bài tập cùng dạng trong sách buổi 2 và giải | ***Bài 1: Tính.***  - Gọi HS đọc và xác định yêu cầu bài tập.  - Nhận xét, chốt đáp án đúng.  - Củng cố cách trừ hai phân số cùng mẫu số.  - Lưu ý HS rút gọn kết quả tới PS tối giản  ***Bài 2b. (HS năng khiếu hoàn thành cả bài)***  - Gọi HS đọc và xác định yêu cầu bài tập (2 yêu cầu)  - Nhận xét, chốt đáp án đúng.  - Lưu ý rút gọn kết quả tới PS tối giản.  ***Bài 3 (bài tập chờ dành cho HS hoàn thành sớm)***  **4. Hoạt động ứng dụng** *(1p)*  **5. Hoạt động sáng tạo** *(1p)* | |

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**LỊCH SỬ (CT HIỆN HÀNH)**

**Ôn TẬp**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- Củng cố KT và các sự kiện lịch sử từ nước ta buổi đầu độc lập đến thời Hậu Lê (thế kỉ XV)

**2. Kĩ năng**

- Biết thống kê những sự kiện lịch sử tiêu biểu của lịch sử nước ta từ buổi đầu độc lập đến thời Hậu Lê (thế kỉ XV) (tên sự kiện, thời gian xảy ra sự kiện).

- Kể lại một trong những sự kiện lịch sử tiêu biểu từ buổi đầu độc lập đến thời Hậu Lê (thế kỉ XV)

**3. Thái độ**

- Có ý thức tôn trọng lịch sử

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL ngôn ngữ, NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: + Băng thời gian trong SGK phóng to.

+ Một số tranh ảnh lấy từ bài 7 đến bài 19.

- HS: SGK, bút

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm.

- KT: Kĩ thuật đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | | **Hoạt động của giáo viên** | |
| - TBHTđiều hành lớp trả lời, nhận xét:  *+ Văn học: Các tác phẩm nổi tiếng “Quốc âm thi tập” của Nguyễn Trãi và“Hồng Đức quốc âm thi tập” Lê Thánh Tông.*  *+ Khoa học: Bộ Đại Việt sử kí toàn thư của Ngô Sĩ Liên, Lam Sơn thực lục của Nguyễn Trãi…* | | **1.Khởi động:***(4p)*  *+ Nêu những thành tựu cơ bản của văn học và khoa học thời Lê.*  *+ Kể tên những tác giả và tác phẩm tiêu biểu thời Lê.*  - GV nhận xét chung, dẫn vào bài mới | |
| **2. Bài mới:***(30p)*  **\* Mục tiêu:**  -Biết thống kê những sự kiện lịch sử tiêu biểu của lịch sử nước ta từ buổi đầu độc lập đến thời Hậu Lê và kể lại một trong những sự kiện lịch sử tiêu biểu đó.  **\* Cách tiến hành*: Cá nhân – Nhóm - Lớp*** | | | |
| **Nhóm 4 – Lớp**  - HS các nhóm thảo luận và đại diện các nhóm lên điền kết quả, sau đó chia sẻ  1400 Thế kỉ XV  + Năm: 938 – 1009: Buổi đầu độc lập  + Năm: 1009 – 1226: Nước đại Việt thời Lý  + Năm: 1226 – 1400; Nước đại Việt thời Trần  + Thế kỉ XV: Nước đại Việt buổi đầu thời Hậu Lê.  **Nhóm 6 – Lớp**  - Các nhóm hoàn thiện bảng thống kê và chia sẻ lớp | | **HĐ1: Ôn tập các giai đoạn lịch sử**  - Hs quan sát băng thời gian, thảo luận rồi điền nội dung của từng giai đoạn tương ứng với thời gian.  938 1009. 1226  - GV nhận xét, kết luận, chốt lại các giai đoạn lịch sử  **HĐ2: Lập bảng thống kê các sự kiện lịch sự tiêu biểu**  - GV chốt lại các sự kiện lịch sử tiêu biểu | |
| **STT** | **Tên sự kiện** | **Thời gian** | **Địa điểm** |
| 1 | ĐBL dẹp loạn 12 sứ quân | 968 | Hoa Lư, Ninh Bình |
| 2 | Cuộc k/c chống Tống lần 1 | 981 | Sông BĐ, Lạng Sơn |
| 3 | Nhà Lý dời đô ra TL | 1010 | Hoa Lư=> Thăng Long |
| 4 | Cuộc k/c chống Tống lần 2 | 1075-1077 | Sông Như Nguyệt |
| 5 | Nhà Trần Thành lập | 1226 |  |
| 6 | Cuộc k/c chống quân Mông Nguyên |  | Thành Thăng Long, sông BĐ |
| 7 | Nhà Hồ thành lập | 1400 | Thanh Hoá |
| 8 | Chiến thắng Chi Lăng | 1428 | Ải Chi Lăng |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nhóm – Lớp**  - HS chọn 1 trong các sự kiện tiêu biểu trong bảng thống kê và kể về sự kiện đó theo nhóm  - Các nhóm cử đại diện trình bày trước lớp  - Kể lại các sự kiện lịch sử tiêu biểu cho người thân nghe  - Kể chuyện về các nhân vật lịch sử: Đinh Bộ Lĩnh, Lê Hoàn, Trần Thủ Độ, Lý Thái Tổ, Lê Lợi,... | **HĐ 3: Kể về sự kiện, hiện tượng lịch sử tiêu biêu**  - GV nhận xét, đánh giá chung  **3. HĐ ứng dụng (1p)**  **4. HĐ sáng tạo (1p)** |  |

**ĐIỀU CHỈNH-BỔ SUNG**

*Thứ ....... ngày ...... tháng ..... năm .........*

**LUYỆN TỪ VÀ CÂU**

**CÂU KỂ AI LÀ GÌ?**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Hiểu cấu tạo, tác dụng của câu kể Ai là gì? (ND Ghi nhớ).

**2. Kĩ năng**

- Nhận biết được câu kể Ai là gì? trong đoạn văn (BT1, mục III); biết đặt câu kể theo mẫu đã học để giới thiệu về người bạn, người thân trong gia đình (BT2, mục III).

\* HS năng khiếu viết được 4, 5 câu kể theo yêu cầu của BT2.

**3. Thái độ**

- HS có thái độ học tập tích cực, chăm chỉ

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL tự học, NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Bảng phụ

- HS: VBT, bút, ảnh chụp gia đình mình

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Quan sát, hỏi đáp, thảo luận nhóm, luyện tập – thực hành

- KT: Kĩ thuật đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của HS** | | **Hoạt động của GV** |
| - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ | | 1**. Khởi động** (5p)  - GV giới thiệu và dẫn vào bài mới |
| **2. Hình thành KT** *(15 p)*  **\* Mục tiêu:** Hiểu cấu tạo, tác dụng của câu kể Ai là gì? (ND Ghi nhớ).  **\* Cách tiến hành:** | | |
| **Nhóm 2 – Chia sẻ lớp**  - HS nối tiếp nhau đọc các yêu cầu của BT 1, 2, 3, 4.  - HS đọc 3 câu in nghiêng, cả lớp đọc thầm 3 câu văn này.  Đáp án:  *+ Câu 1, 2: Giới thiệu về bạn Diệu Chi.*  *+ Câu 3: Nêu nhận định về bạn Diệu Chi.*  \*C1: Đây là bạn Diệu Chi.  + BP trả lời cho câu hỏi Ai?: Đây  + BP trả lời cho câu hỏi Là gì?: là bạn Diệu Chi  \*C2: Bạn Diệu Chi.....Thành Công  + BP trả lời cho câu hỏi Ai?: Bạn Diệu Chi  + BP trả lời cho câu hỏi Là gì?: là học sinh cũ.....Thành Công  \*C3: Bạn ấy là một hoaj sĩ nhỏ đấy.  + BP trả lời cho câu hỏi Ai?: Bạn ấy  + BP trả lời cho câu hỏi Là gì?: là một hoạ sĩ nhỏ đấy  *+ Khác nhau ở bộ phận VN....*  - HS lắng nghe  - HS đọc nội dung ghi nhớ.  - HS lấy VD về kiểu câu Ai là gì? | | **a. Nhận xét**  ***Bài tập 1+ 2+ 3+ 4:***  - Lưu ý HS: Các em đọc thầm đoạn văn, chú ý 3 câu văn in nghiêng.  *+ Trong 3 câu in nghiêng vừa đọc, câu nào dùng để giới thiệu, câu nào nêu nhận định về bạn Diệu Chi?*  *+ Trong 3 câu in nghiêng, bộ phận nào trả lời cho câu hỏi Ai (cái gì, con gì)? bộ phận nào trả lời câu hỏi Là gì (là ai, là con gì)?*  *+ Kiểu câu trên khác 2 kiểu câu đã học Ai làm gì? Ai thế nào? Ở chỗ nào ?*  Chia sẻ trước lớp  - GV chốt lại KT về kiểu câu Ai là gì?  \* ***Ghi nhớ:***  **b. Ghi nhớ:**  - Cho HS đọc lại phần ghi nhớ. |
| **3. HĐ luyện tập** *:(18 p)*  **\* Mục tiêu:** Nhận biết được câu kể Ai là gì? trong đoạn văn (BT1, mục III); biết đặt câu kể theo mẫu đã học để giới thiệu về người bạn, người thân trong gia đình (BT2, mục III).  **\* Cách tiến hành: Cá nhân - Nhóm - Cả lớp** | | |
| **Cá nhân - Nhóm 2- Chia sẻ lớp**  Đáp án:  a)Thì ra nó là một thứ máy cộng trừ mà Pa- xcan đã đặt hết tình cảm của người con vào việc chế tạo (Câu ***giới thiệu*** về thứ máy mới)  Đó là chiếc máy tính đầu tiên trên thế giới … hiện đại. (Câu nêu ***nhận định*** về giá trị của chiếc máy tính đầu tiên)  b) Lá là lịch của cây - Nêu ***nhận định*** (chỉ mùa).  Cây lại là lịch đất - Nêu ***nhận định*** (chỉ vụ hoặc chỉ năm).  Trăng lặn rồi trăng mọc - Nêu ***nhận định*** (chỉ ngày đêm).  Là lịch của bầu trời - Nêu ***nhận định*** (chỉ ngày đêm).  Mười ngón tay là lịch - Nêu ***nhận định*** (đếm ngày tháng).  Lịch lại là trang sách - Nêu ***nhận định*** (năm học).  c. Sầu riêng là loại trái cây quý hiếm của  miền Nam. (Chủ yếu nêu ***nhận định*** về giá trị của trái sầu riêng, bao hàm cả ý giới thiệu về loại trái cây đặc biệt của miền Nam)  Cá nhân – Lớp  - HS giới thiệu về gia đình có thể kèm ảnh chụp  Ví dụ:  \* Tổ em có 4 bạn. Bạn Lan là học sinh giỏi, luôn giúp đỡ các bạn. Đây là bạn Thịnh, tuy hơi mũm mĩm nhưng rất tốt bụng. Bạn Thanh là "cây văn nghệ" của lớp. Còn em là tổ trưởng. Các thành viên tổ em rất đoàn kết.  - Ghi nhớ KT về câu kể Ai là gì?  - Hoàn chỉnh đoạn văn bài 3. | **Bài tập 1:**  - Gọi HS đọc yêu cầu của BT 1.  + Tìm các câu kể Ai là gì? Sau đó nêu tác dụng của các câu kể vừa tìm được.  - GV nhận xét và chốt lại lời giải đúng  *+ Câu kể Ai là gì? dùng để làm gì?*  *+ Câu kể Ai là gì gồm mấy bộ phận?*  **Bài tập 2:** Dùng câu kể Ai là gì? Giới thiệu về các bạn…  \* GV gợi ý HS có thể dựa vào bài giới thiệu bạn Diệu Chi để giới thiệu về mình hay bạn…  + Viết đoạn văn và kiểm tra các câu kể Ai là gì ? có trong đoạn văn.  YC từng cặp HS giới thiệu cho nhau nghe.  - Gọi vài HS đọc đoạn văn của mình.  \* Lưu ý: Giúp đỡ HS M1+M2 viết câu đúng mẫu  **4. HĐ ứng dụng** (1p)  **5. HĐ sáng tạo** (1p) | |

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

...................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TOÁN**

***Tiết 118:* PHÉP TRỪ PHÂN SỐ (TT)**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Biết trừ hai phân số khác mẫu số.

**2. Kĩ năng**

- Thực hiện trừ được 2 PS khác MS. Vận dụng giải toán

**3. Thái độ**

- Tích cực, tự giác học bài, trình bày bài sạch sẽ, khoa học

**4. Góp phần phát triển các kĩ năng**

- Năng lực tự học, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL tư duy - lập luận logic.

\* BT cần làm: Bài 1, bài 3

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: bảng phụ

- HS: SGK, bút

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Quan sát, hỏi - đáp, thảo luận nhóm, luyện tập – thực hành

- KT: đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của HS** | **Hoạt động của GV** |
| - TBHT điều hành lớp trả lời, nhận xét | **1. HĐ khởi động *(3p)***  - Nêu cách trừ 2 PS cùng MS  - Lấy VD minh hoạ  - GV dẫn vào bài mới |
| **2. Hình thành KT** (15p)  **\* Mục tiêu**: Biết cách trừ 2 PS khác MS  \* **Cách tiến hành** | |
| - HS thảo luận nhóm 2 – Chia sẻ lớp  ***Muốn trừ 2 PS khác MS, ta chỉ việc quy đồng MS các PS đó rồi trừ như trừ 2 PS cùng MS***  - HS thực hành và chia sẻ kết quả:  -  =  -  =  - HS lấy VD về trừ 2 PS khác MS và thực hành tính | - GV đặt vấn đề: Từ cách cộng 2 PS khác MS, hãy nêu cách trừ 2 PS khác MS.  - GV chốt KT, chốt cách trừ 2 PS khác MS  - Yêu cầu thực hành trừ  - |
| **3. HĐ thực hành** *(18p)*  *\** **Mục tiêu***:* HS thực hiện trừ được 2 phân số khác MS. Vận dụng giải toán  **\* Cách tiến hành***:* Cá nhân – Nhóm – Lớp | |
| - Làm cá nhân – Chia sẻ nhóm 2 - Lớp  Đáp án:  a)  -  =  -  =  b) =  c)  d)  - 1 HS đọc đề bài trước lớp.  - HS tóm tắt bài toán, chia sẻ yêu cầu bài, tự làm cá nhân – Chia sẻ đáp án  ***Bài giải***  Diện tích trồng cây xanh chiếm số phần là:  -  =  (diện tích)  Đáp số:  diện tích.  - Thực hiện cá nhân vào vở Tự học – Chia sẻ lớp  Đáp án:  a)  b)  c)  d)  - Chữa lại các phần bài tập làm sai  - Tìm các bài tâp cùng dạng trong sách Toán buổi 2 và giải | ***Bài 1: Tính.***  - Gọi HS đọc đề bài.  - Yêu cầu HS làm bài cá nhân vào vở.  - GV nhận xét, đánh giá bài làm trong vở của HS  - Củng cố cách trừ 2 PS khác MS. Lưu ý rút gọn kết quả tới PS tối giản  ***Bài 3:***  ***-*** GV gọi 1 HS đọc đề bài.  - GV gọi 1 HS khác yêu cầu tóm tắt bài toán sau đó yêu cầu HS cả lớp làm bài.    - GV nhận xét, chốt đáp án, lưu ý cách viết đơn vị đo  ***Bài 2 (bài tập chờ dành cho HS hoàn thành sớm)***  **- Lưu ý HS:** Trong một số bài toán trừ 2 PS khác MS, có thể thực hiện quy đồng hoặc rút gọn trước khi tính  **4. Hoạt động ứng dụng** (1p)  **5. Hoạt động sáng tạo** (1p) |

**ĐIỀU CHỈNH-BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**ĐẠO ĐỨC**

**GIỮ GÌN CÁC CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG (Tiết 2)**

**I.MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Tìm hiểu được thực trạng các công trình công cộng tại địa phương và biện pháp bảo vệ.

- Sưu tầm được các tấm gương về bảo vệ công trình công cộng

**2. Kĩ năng**

- Bày tỏ thái độ về các ý kiến

- Báo cáo được bản điều tra thực trạng

- Giới thiệu được các tấm gương

**3. Thái độ**

- Có ý thức bảo vệ, giữ gìn các công trình công cộng ở địa phương.

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL tự học, NL giải quyết vấn đề, NL hợp tác, sáng tạo

***\* KNS:*** *- Xác định giá trị văn hóa tinh thần của những nơi công cộng*

*- Thu thập và xử lí thông tin về các hoạt động giữ gìn các công trình công cộng ở địa phương*

***\* BVMT****: Các em biết và thực hiện giữ gìn các công trình công cộng có liên quan trực tiếp đến MT và chất lượng cuộc sống*

***\* GDQP-AN:*** *Giải thích cho học sinh hiểu được lợi ích của việc bảo vệ tài sản chung*

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: + Phiếu điều tra (theo bài tập 4)

+ Mỗi HS có 3 phiếu màu: xanh, đỏ, trắng.

- HS: SGK, SBT

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm, trò chơi, đóng vai.

- KT: động não, tia chớp, chia sẻ nhóm 2

**III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của HS** | **Hoạt động của GV** |
| -TBHT điều hành lớp trả lời, nhận xét  *+ Không vẽ bay lên tường, không khắc lên cây cối,..*  + HS trả lời | **1. Khởi động:***(2p)*  *+ Bạn hãy nêu một số biểu hiện về ý thức bảo vệ và giữ gìn công trình công cộng?*  *+ Bạn đã làm gì để bảo vệ và giữ gìn công trình công cộng?*  - Nhận xét, chuyển sang bài mới |
| **2. Bài mới** *(30p)*  **\* Mục tiêu:**  - Bày tỏ thái độ về các ý kiến  - Báo cáo được hiện trạng một số công trình công cộng tại địa phương và biện pháp giữ gìn.  - Sưu tầm được các tấm gương, mẩu chuyện về giữ gìn các công trình công cộng  **\* Cách tiến hành: Cá nhân-Nhóm-Lớp** | |
| **Cá nhân – Lớp**  - HS đọc yêu cầu và ND bài tập 3.  - HS biểu thị thái độ bằng cách giơ thẻ màu theo quy ước.  - HS trình bày ý kiến của mình.  - Lắng nghe  **Nhóm 4 – Lớp**  - Đại diện các nhóm HS báo cáo kết quả điều tra về những công trình công cộng ở địa phương.  - HS lắng nghe và nhận xét về các bản báo cáo.  - HS lắng nghe  - HS kể cá nhân  - Các HS khác nhận xét về hành vi, liên hệ bản thân  - Thực hành giữ gìn, bảo vệ các CTCC  - Làm băng dôn, vẽ tranh tuyên truyền bảo vệ các CTCC | **HĐ 1: Bày tỏ ý kiến**: (Bài tập 3- SGK/36)  - GV nêu lần lượt nêu từng ý kiến của bài tập 3.  - HS biểu thị thái độ bằng cách giơ thẻ màu theo quy ước.  - GV đề nghị HS giải thích về lí do lựa chọn của mình.  - GV kết luận:  + Ý kiến a là đúng  + Ý kiến b, c là sai  ***- Chốt KT: Mọi người đều cần phải có ý thức giữ gìn các CTCC ở mọi nơi để bảo vệ lợi ích của chính mình***  **HĐ 2: Báo cáo về kết quả điều tra:**  (Bài tập 4- SGK/36).  - GV mời đại diện các nhóm HS báo cáo kết quả điều tra.  - YC cả lớp thảo luận về các bản báo cáo như:  + Làm rõ bổ sung ý kiến về thực trạng các công trình và nguyên nhân.  + Bàn cách bảo vệ, giữ gìn chúng sao cho thích hợp.  - GV kết luận về việc thực hiện giữ gìn những công trình công cộng ở địa phương.  **HĐ 3: Kể chuyện** (BT 5 – SGK)  - Yêu cầu HS kể chuyện về các tấm gương mà mình biết trong việc bảo vệ và giữ gìn các CTCC  **3. HĐ ứng dụng** *(1p)*  **4. HĐ sáng tạo** *(1p)* |

**ĐIỀU CHỈNH-BỔ SUNG**

...................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**KỂ CHUYỆN**

**KỂ CHUYỆN ĐƯỢC CHỨNG KIẾN HOẶC THAM GIA**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Hiểu được nội dung, ý nghĩa của các câu chuyện (đoạn truyện) đã kể

**2. Kĩ năng:**

- Chọn được câu chuyện nói về một hoạt động đã tham gia (hoặc chứng kiến) góp phần giữ gìn xóm làng (đường phố, trường học) xanh, sạch, đẹp.

- Biết sắp xếp các sự việc cho hợp lí để kể lại rõ ràng; biết trao đổi với bạn về ý nghĩa câu chuyện.

**3. Thái độ**

- Giáo dục HS có ý thức bảo vệ môi trường

**4. Góp phần bồi dưỡng các năng lực**

- NL giao tiếp và hợp tác, NL sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ.

***\* KNS:*** *Giúp hs có kĩ năng giao tiếp, ra quyết định và tư duy sáng tạo*

***\* BVMT:*** *Qua đề tài: Em (hoặc người xung quanh) đã làm gì để góp phần giữ gìn xóm làng (đường phố, trường học) xanh, sạch, đẹp? Hãy kể lại câu chuyện đó.*

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Bảng phụ

- HS: SGK

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm, kể chuyện

- KT: đặt câu hỏi, động não, chia sẻ nhóm.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ | **1. Khởi động***:(5p)*  - Gv dẫn vào bài. |
| **2. 2. Tìm hiểu, lựa chọn câu chuyện phù hợp với yêu cầu tiết học:***:(5p)*  **\* Mục tiêu** Chọn được câu chuyện nói về một hoạt động đã tham gia (hoặc chứng kiến) góp phần giữ gìn xóm làng (đường phố, trường học) xanh, sạch, đẹp.  **\* Cách tiến hành:** | |
| - HS đọc đề bài, gạch chân các từ ngữ quan trọng  - 3 HS đọc tiếp nối 3 gợi ý.  - HS nối tiếp giới thiệu về chủ đề mình sẽ kể. VD: kể về việc vệ sinh chuyên nhặt rác sân trường; kể về việc dọn dẹp đường làng, ngõ xóm, dọn vệ sinh nhà cửa; kể về việc trực nhật lớp, chăm sóc bồn hoa, cây cảnh,... | **HĐ1: *Tìm hiểu yêu cầu của đề:***  - GV ghi đề bài lên bảng lớp.  ***Đề bài:*** Em (hoặc người xung quanh) đã làm gì để góp phần giữ gìn xóm làng (đường phố, trường học) xanh, sạch, đẹp? Hãy kể lại câu chuyện đó.  - Cho HS gợi ý.  - GV gợi ý: Ngoài 3 gợi ý, các em có thể kể về một hoạt động khác xoay quanh chủ đề bảo vệ môi trường mà em đã chứng kiến hoặc tham gia. |
| **3. Thực hành kể chuyện – Nêu ý nghĩa câu chuyện***:(20- 25p)*  **\* Mục tiêu:** Biết sắp xếp các sự việc cho hợp lí để kể lại rõ ràng; biết trao đổi với bạn về ý nghĩa câu chuyện.  + HS M1+M2 kể được câu chuyện đúng YC  + HS M3+ M4 kể được câu chuyện đúng YC kết hợp được điệu bộ, giọng nói,..  **\* Cách tiến hành: Cá nhân - Nhóm- Lớp** | |
| - Nhóm trưởng điều hành các thành viên kể chuyện trong nhóm  - Các nhóm cử đại diện kể chuyện trước lớp  - HS lắng nghe và đánh giá theo các tiêu chí  VD:  *+ Nhân vật chính trong câu chuyện của bạn là ai?*  *+Nhân vật đó đã có những việc làm gì để góp phần bảo vệ môi trường*  *..................*  *+ Cần phải luôn có ý thức bảo vệ môi trường*  - HS lắng nghe  - Kể lại câu chuyện cho người thân nghe  - Sưu tầm các bài thơ, bài hát về chủ đề bảo vệ môi trường | a. Kể trong nhóm  - GV theo dõi các nhóm kể chuyện  b. Kể trước lớp  - GV mở bảng phụ đã viết sẵn tiêu chuẩn đánh giá bài kể chuyện (như những tiết trước)  - GV khuyến khích HS đặt câu hỏi cho bạn  - Cùng HS trao đổi về ý nghĩa của câu chuyện: *Em rút ra bài học gì qua các câu chuyện trên?*  *\* GDBVMT: Cần bảo vệ môi trường xung quanh mình bằng những việc làm thiết thực để chất lượng cuộc sống của chúng ta tốt hơn.*  **4. Hoạt động ứng dụng *(1p)***  **5. Hoạt động sáng tạo *(1p)*** |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**KĨ THUẬT**

**CHĂM SÓC RAU, HOA**

**I.MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Biết mục đích, tác dụng, cách tiến hành một số công việc chăm sóc rau, hoa.

**2. Kĩ năng**

- Làm được một số công việc chăm sóc rau, hoa.

**3. Thái độ**

- Yêu thiên nhiên, có ý thức bảo vệ và chăm sóc cây rau, hoa đã trồng.

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL thẩm mĩ, NL sáng tạo, NL hợp tác

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Phân, lân, đạm

- HS: - Vật liệu và dụng cụ:

+ Cây trồng trong chậu, bầu đất ở tiết trước

+ Dầm xới, hoặc cuốc.

+ Bình tưới nước.

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Quan sát mẫu, hỏi đáp, thảo luận nhóm, luyện tập – thực hành

- KT: đặt câu hỏi, tia chớp, động não, chia sẻ nhóm

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBHT điều hành lớp trả lời, nhận xét: *+ 1- 2 HS nêu* | **1. HĐ khởi động** *(3p)*  *+ Nêu cách trồng cây rau, hoa trong chậu?*  - GV nhận xét chung, dẫn vào bài mới |
| **2. HĐ thực hành:***(30p)*  **\* Mục tiêu**:  - Biết mục đích, tác dụng, cách tiến hành một số công việc chăm sóc rau, hoa.  - Làm được một số công việc chăm sóc rau, hoa.  **\* Cách tiến hành: Cá nhân- Nhóm- Lớp** | |
| **Nhóm 2 - Chia sẻ lớp**  - HS quan sát hình 1 SGK và liên hệ thực tế trả lời.  *+ Thiếu nước cây bị khô héo hoặc chết.*  *+ Ở gia đình em thường tưới nước cho rau, hoa vào buổi sáng và chiều, dụng cụ tưới là bình,…*  *+ Có nhiều cách như dùng gáo múc nước tưới, tưới bằng bình, vòi hoa sen,…*  *+ Tưới đều, không để nước đọng thành vũng, tưới nước lúc trời mát.*   * HS đ ba   - HS thực hành luôn trên chậu cây đã trồng tiết trước  **Cá nhân – Lớp**  - HS quan sát và thực hành  *+ Loại bỏ bớt một số cây…*  *+ Giúp cho cây đủ ánh sáng, chất dinh dưỡng.*  - HS quan sát và nêu: H2a cây mọc chen chúc, lá, củ nhỏ. H.2b giữa các cây có khoảng cách thích hợp nên cây phát triển tốt, củ to hơn.  **Nhóm 2 – Lớp**  *+ Hút tranh nước, chất dinh dưỡng trong đất.*  *+ Vì những ngày này đất khô dễ nhổ cỏ. Cỏ mau khô và chết không tái mọc lại được*  - HS nghe.  *+ Nhổ cỏ, bằng cuốc hoặc dầm xới.*  - HS lắng nghe.  **Cá nhân - Lớp**  *+ Làm cho đất tơi xốp, có nhiều không khí.*  *+ Giữ cho cây không đổ, rễ cây phát triền mạnh.*  - HS thực hành trên chậu cây  - HS lắng nghe  - HS đọc nội dung Ghi nhớ | \* **Hoạt động** 1: **Tưới nước cho cây*:***  - YC HS quan sát hình 1 SGK và liên hệ thực tế trả lời:  *+ Tại sao phải tưới nước cho cây?*  *+ Ở gia đình em thường tưới nước cho rau, hoa vào lúc nao? Tưới bằng dụng cụ gì?*  *+ Người ta tưới nước cho rau, hoa bằng cách nào?*  *+ Khi tưới nước, cần lưu ý điều gì?*  - GV nhận xét và giải thích tại sao phải tưới nước lúc trời râm mát (để cho nước đỡ bay hơi)  - GV làm mẫu cách tưới nước.  **HĐ 2: Tỉa cây**  - GV hướng dẫn cách tỉa cây và chỉ nhổ tỉa những cây cong queo, gầy yếu, …  *+ Thế nào là tỉa cây?*  *+ Tỉa cây nhằm mục đích gì?*  - GV hướng dẫn HS quan sát H.2 và nêu nhận xét về khoảng cách và sự phát triển của cây cà rốt ở hình 2a, 2b để thấy tầm qan trọng của việc tỉa cây  **HĐ 3: Làm cỏ**  - GV gợi ý để HS nêu tên những cây thường mọc trên các luống trồng rau, hoa hoặc chậu cây. Làm cỏ là loại bỏ cỏ dại trên đất trồng rau, hoa. Hỏi:  *+ Em hãy nêu tác hại của cỏ dại đối với cây rau, hoa?*  *+ Tại sao phải chọn những ngày nắng để làm cỏ?*  ***- GV kết luận: trên luống trồng rau hay có cỏ dại, cỏ dại hút tranh chất dinh dưỡng của cây và che lấp ánh sáng làm cây phát triển kém. Vì vậy phải thường xuyên làm cỏ cho rau và hoa.***  *+ Ở gia đình em thường làm cỏ cho rau và hoa bằng cách nào? Làm cỏ bằng dụng cụ gì?*  - GV nhận xét và hướng dẫn cách nhổ cỏ bằng cuốc hoặc dầm xới và lưu ý HS:  + Cỏ thường có thân ngầm vì vậy khi làm cỏ phải dùng dầm xới.  + Nhổ nhẹ nhàng để tránh làm bật gốc cây khi cỏ mọc sát gốc.  + Cỏ làm xong phải để gọn vào 1 chỗ đem đổ hoặc phơi khô rồi đốt, không vứt cỏ bừa bãi trên mặt luống.  **HĐ 4: Vun xới đất cho rau, hoa**  *+ Theo em vun xới đất cho cây rau, hoa có tác dụng gì?*  *+ Vun đất quanh gốc cây có tác dụng gì?*  - GV làm mẫu cách vun, xới bằng dầm xới, cuốc và nhắc một số ý:  + Không làm gãy cây hoặc làm cây bị sây sát.  + Kết hợp xới đất với vun gốc. Xới nhẹ trên mặt đất và vun đất vào gốc nhưng không vun quá cao làm lấp thân cây.  - Hệ thống lại KT của bài |
| - HS thực hành chăm sóc các cây đã trồng tại lớp và các cây tại gia đình  - Hoàn thiện khu vườn thân thiện với các chậu hoa và cây tại cửa lớp học | **3. HĐ ứng dụng** *(1p)*  - Giáo dục ý thức trồng và chăm sóc, bảo vệ cây rau, hoa  **4. HĐ sáng tạo** *(1p)* |

**ĐIỀU CHỈNH-BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

*Thứ ....... ngày ...... tháng ..... năm .........*

**TẬP ĐỌC**

**ĐOÀN THUYỀN ĐÁNH CÁ**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Hiểu ND, ý nghĩa của bài: Ca ngợi vẻ đẹp huy hoàng của biển cả, vẻ đẹp của lao động (trả lời được các câu hỏi trong SGK)

**2. Kĩ năng**

- Đọc trôi trảy, rành mạch bài thơ, giọng đọc tươi vui với cảm hứng ngợi ca. Học thuộc lòng bài thơ.

**3. Thái độ**

- Tình yêu quê hương, yêu lao động

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ.

*\** ***GD BVMT:*** *HS cảm nhận được vẽ đẹp huy hoàng của biển đồng thời thấy được giá trị của môi trường thiên nhiên đối với cuộc sống con người.*

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Tranh minh hoạ bài tập đọc (phóng to)

Bảng phụ viết sẵn đoạn luyện đọc

- HS: SGK

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- Phương pháp: Quan sát, hỏi - đáp, luyện tập – thực hành

- Kĩ thuật: Làm việc nhóm, chia sẻ, động não, tia chớp

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - ***TBHT điều khiển các bạn chơi trò chơi Hộp quà bí mật***  + 1 HS đọc  *+ Chủ đề cuộc sống thi* ***Em muốn sống an toàn.***  *+ Thiếu nhi cả nước hào hứng tham gia: “Chỉ trong 4 tháng … đã nhận được 50.000 bức tranh …”* | **1. Khởi động:** *(3p)*    *+ Đọc lại bài Tập đọc: Vẽ về cuộc sống an toàn*  *+ Chủ đề của cuộc thi vẽ là gì?*  *+ Thiếu nhi hưởng ứng cuộc thi như thế nào?*  - GV dẫn vào bài mới – Ghi tên bài |
| **2. Luyện đọc:** *(8-10p)*  **\* Mục tiêu:** Đọc trôi chảy, rành mạch bài thơ, giọng đọc sôi nổi mang cảm hứng ngợi ca  \* **Cách tiến hành:** | |
| - 1 HS đọc bài, cả lớp đọc thầm  - Lắng nghe  - Nhóm trưởng điều hành cách chia đoạn  - Bài chia làm 5 đoạn.  (Mỗi khổ thơ là một đoạn)  - Nhóm trưởng điều hành nhóm đọc nối tiếp trong nhóm lần 1 và phát hiện các từ ngữ khó *(cài then, sập cửa, đoàn thoi, nhịp trăng cao, nuôi lớn, xoăn tay, loé, muôn dặm phơi,...)*  - Luyện đọc từ khó: Đọc mẫu (M4)-> Cá nhân (M1)-> Lớp  - Giải nghĩa các từ: đọc chú giải  - HS đọc nối tiếp lần 2 theo điều khiển  - Các nhóm báo cáo kết quả đọc  - 1 HS đọc cả bài (M4) | - Gọi 1 HS đọc bài (M3)  - GV lưu ý giọng đọc: Toàn bài đọc sôi nổi, nhịp thơ nhanh thể hiện niềm vui và không khí khẩn trương của những đoàn thuyền đánh cá  - GV chốt vị trí các đoạn  - Lưu ý sửa lỗi đọc và ngắt nghỉ cho các HS (M1) |
| **3.Tìm hiểu bài:** *(8-10p)*  **\* Mục tiêu:** Hiểu ND, ý nghĩa của bài thơ: Ca ngợi vẻ đẹp huy hoàng của biển cả, vẻ đẹp của lao động (trả lời được các câu hỏi trong SGK)  **\* Cách tiến hành: *Làm việc nhóm 4 – Chia sẻ trước lớp*** | |
| - 1 HS đọc  - HS tự làm việc nhóm 4 trả lời các câu hỏi - TBHT điều hành các nhóm trả lời, nhận xét  *+ Đoàn thuyền đánh cá ra khơi vào lúc hoàng hôn. Câu thơ cho biết điều đó là: Mặt trời xuống biển như hòn lửa.*  *Sóng đã cài then, đêm sập cửa*  *Đoàn thuyền đánh cá lại ra khơi*  *+ Đoàn thuyền trở về vào lúc bình minh. Những câu thơ cho biết điều đó là:*  *Sao mờ kéo lưới kịp trời sáng.*  *Vảy bạc đuôi vàng loé rạng đông*  *Lưới xếp buồm lên đón nắng hồng.*  *Mặt trời đội biển nhô màu mới.*  + Những câu thơ nói lên vẻ đẹp của biển.  ✰ *Mặt trời xuống biển như hòn lửa.*  *Sóng đã cài then, đêm sập cửa.*  ✰ *Mặt trời đội biển nhô màu mới.*  *Mắt cá huy hoàng muôn dặm phơi.*  *\* Đoàn thuyền ra khơi, tiếng hát của những người đánh cá cùng gió làm căng cánh buồm: Câu hát căng buồm cùng gió khơi.*  *+ Bảo vệ môi trường biển bằng cách không vứt rác bừa bãi mỗi khi đi biển,...*  *\* Lời ca của họ thật hay, thật vui vẻ, hào hứng: Hát rằng*  *\* Công việc kéo lưới cũng được miêu tả thật đẹp: Ta kéo xoăn tay chùm cá nặng…nắng hồng*  *\* Hình ảnh đoàn thuyền được miêu tả thật đẹp: Câu hát căng buồm với gió khơi, đoàn thuyền chạy đua cùng mặt trời.*  **- Nội dung: *Bài thơ ca ngợi vẻ đẹp huy hoàng của biển và vẻ đẹp của những người lao động trên biển.***  - HS ghi nội dung bài vào vở | - Gọi HS đọc các câu hỏi cuối bài.  *+ Đoàn thuyền đánh cá ra khơi vào lúc nào? Những câu thơ nào cho biết điều đó?*  *+ Đoàn thuyền đánh cá trở về vào lúc  nào? Những câu thơ nào cho biết điều đó?*  *+ Tìm những hình ảnh nói lên vẻ đẹp huy hoàng của biển?*  *\* GDBVMT: Hình ảnh biển trong bài thơ hiện lên thật đẹp. Vậy chúng ta làm gì để giữ gìn vẻ đẹp của biển?*  *+ Công việc lao động của người đánh cá được miêu tả đẹp như thế nào?*  + Hãy nêu nội dung của bài thơ ?  \* HS M3+M4 đọc trả lời câu hỏi hoàn chỉnh và các câu nêu nội dung đoạn, bài. |
| **3. Luyện đọc diễn cảm - Học thuộc lòng** *(8-10p)*  **\* Mục tiêu: HS** biết đọc diễn cả bài. Học thuộc lòng bài thơ  **\* Cách tiến hành: Hoạt động cá nhân – nhóm - cả lớp** | |
| - 1 HS nêu lại  - 1 HS đọc toàn bài  - Nhóm trưởng điều khiển:  + Đọc diễn cảm trong nhóm  + Thi đọc diễn cảm trước lớp  - Lớp nhận xét, bình chọn.  - HS học thuộc lòng và thi học thuộc lòng tại lớp  - Ghi nhớ nội dung bài thơ  - Hãy chọn hình ảnh mình thích nhất và bình về hình ảnh đó | - Yêu cầu HS nêu giọng đọc toàn bài.  - Yêu cầu các nhóm tự luyện đọc  - Yêu cầu học thuộc lòng bài thơ tại lớp  - GV nhận xét chung  **4. Hoạt động ứng dụng** *(1 phút)*  **5. Hoạt động sáng tạo** *(1 phút)* |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

...................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TOÁN**

***Tiết 119:* LUYỆN TẬP**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Củng cố cách trừ 2 PS

**2. Kĩ năng**

- Thực hiện trừ được 2 PS cùng MS, khác MS, trừ một STN cho một PS, trừ một PS cho một STN

- Vận dụng giải các bài toán liên quan

**3. Thái độ**

- Chăm chỉ, tích cực trong giờ học.

**4. Góp phần phát triển các NL**

- NL tự học, làm việc nhóm, NL tính toán, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo

\* Bài tập cần làm: Bài 1, bài 2 (a, b, c), bài 3.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Phiếu học tập

- HS: SGK

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Quan sát, hỏi đáp, thảo luận nhóm, thực hành,...

- KT: động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBHT điều hành lớp trả lời, nhận xét | **1.Khởi động***:(5p)*  *+ Nêu cách trừ 2 PS cùng MS, khác MS*  - GV dẫn vào bài mới – Ghi tên bài |
| **2. HĐ thực hành***:(30 p)*  **\* Mục tiêu:** Thực hiện trừ được 2 PS cùng MS, khác MS, trừ một STN cho một PS, trừ một PS cho một STN. Vận dụng giải các bài toán liên quan  **\* Cách tiến hành: Cá nhân – Lớp** | |
| - HS làm cá nhân – Lớp  Đáp án:  a)  b)  c)  - HS làm cá nhân – Chia sẻ lớp  Đáp án:  a.  -  =  - =  b.  -  =  -  =  c.  -  =  -  =  - HS làm nhóm 2 – Chia sẻ lớp  Đáp án:  5-  - HS làm vào vở Tự học – Chia sẻ lớp  Bài 4:  a)  b)  Bài 5:  **Bài giải**  Thời gian ngủ của bạn Nam chiếm số phần của một ngày là:  (ngày)  Đ/s: ngày  - Chữa lại các phần bài tập làm sai  - Tìm các bài tập cùng dạng trong sách Toán buổi 2 và giải | ***Bài 1: Tính.***  - GV chốt đáp án.  - Củng cố cách trừ các phân số cùng mẫu số.  \* Lưu ý giúp đỡ hs M1+M2  ***Bài 2a, b, c (HS M3+M4 hoàn thành cả bài)***  - GV nhận xét, đánh giá bài làm trong vở của HS  - Củng cố cách trừ các phân số khác mẫu số.  ***Bài 3: Tính (theo mẫu)***  - Gọi HS đọc và xác định yêu cầu bài tập.  - GV hướng dẫn bài tập mẫu.  2 –  =  -  =  - Chia sẻ, nhận xét, chốt đáp án.  - Chốt cách trừ 1 PS cho 1 STN, 1 STN cho 1 PS  **Bài 4 + Bài 5 *(bài tập chờ dành cho HS hoàn thành sớm)***  - Lưu ý HS rút gọn thích hợp để tính cho thuận tiện  - Giáo dục HS ăn ngủ đúng giờ giấc  **3. HĐ ứng dụng** (1p)  **4. HĐ sáng tạo** (1p) |

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

:...................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TẬP LÀM VĂN**

**LUYỆN TẬP XÂY DỰNG ĐOẠN VĂN MIÊU TẢ CÂY CỐI**

**I.MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Giúp HS biết cách viết đoạn văn miêu tả cây cối

**2. Kĩ năng**

- Vận dụng những hiểu biết về đoạn văn trong bài văn tả cây cối đã học để viết được một số đoạn văn tả cây chuối(còn thiếu ý) cho hoàn chỉnh (BT2).

**3. Thái độ**

- Có ý thức dùng từ đặt câu và sử dụng các biện pháp nghệ thuật khi viết.

**4. Góp phần phát triển NL:**

**-** NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL tự học, NL giao tiếp.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Tranh, ảnh về cây chuối

- HS: Vở, bút, ...

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Quan sát, hỏi đáp, thảo luận nhóm, luyện tập-thực hành

- KT: đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, chia sẻ nhóm 2, động não.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ | **1. Khởi động:(***5p)*    *- GV* dẫn vào bài học |
| **2. HĐ thực hành** *(30p)*  **\* Mục tiêu:**  Vận dụng những hiểu biết về đoạn văn trong bài văn tả cây cối đã học để viết được một số đoạn văn tả cây chuối (còn thiếu ý) cho hoàn chỉnh (BT2).  **\* Cách tiến hành: Cá nhân- Nhóm - Lớp** | |
| **Cá nhân – Lớp**  - HS đọc dàn ý bài văn tả cây chuối và xác định mỗi ý thuộc phần nào của bài văn miêu tả cây cối  + Đoạn 1: Giới thiệu cây chuối tiêu (thuộc phần ***Mở bài***).  + Đoạn 2+ 3: Tả bao quát, tả từng bộ phận của cây chuối tiêu (thuộc phần ***Thân bài***).  + Đoạn 4: Lợi ích của cây chuối tiêu (thuộc phần ***Kết luận***).  **Cá nhân – Chia sẻ lớp**  VD:  + Đoạn 1: Hè nào em cũng được về thăm bà ngoại.Vườn nhà bà em trồng nhiều thứ cây: nào na, nào ổi, nhưng nhiều hơn cả là chuối. Em thích nhất…  + Đoạn 2: …… Đến gần mới thấy rõ thân chuối như cột nhà. Sờ vào thân thì không còn cảm giác mát rượi vì cái vỏ nhẵn bóng của cây đã hơi khô.  + Đoạn 3: …… Đặc biệt nhất là buồng chuối dài lê thê, nặng trĩu với bao nhiêu nải úp sát nhau khiến cây như oằn xuống.  + Đoạn 4: Cây chuối dường như chẳng bỏ đi thứ gì…  - Chữa lỗi dùng từ, đặt câu trong bài viết  - Hoàn chỉnh bài văn miêu tả cây chuối. | **Bài tập 1:**  - HS đọc và xác định yêu cầu bài tập.  *+Từng ý trong dàn ý vừa đọc thuộc phần nào trong cấu tạo của bài văn tả cây cối?*  - GV nhận xét và chốt đáp án.  **Bài tập 2:** Dựa vào dàn ý trên, bạn Hồng Nhung dự kiến viết bốn đoạn văn, nhưng chưa viết hoàn chỉnh được đoạn nào. Em hãy…  + Hãy giúp bạn Hồng Nhung hoàn chỉnh từng đoạn bằng cách viết thêm ý vào chỗ có dấu ba chấm.  - GV cùng HS chữa lỗi trong bài cho các em  **3. HĐ ứng dụng** *(1p)*  **4. HĐ sáng tạo** *(1p)* |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

...................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**KHOA HỌC (CT HIỆN HÀNH)**

**ÁNH SÁNG CẦN CHO SỰ SỐNG (tt)**

**1. Kiến thức**

- Hiểu được vai trò của ánh sáng với đời sống của con người và động vật

**2. Kĩ năng**

- Nêu được vai trò của ánh sáng:

+ Đối với đời sống của con người: có thức ăn, sưởi ấm, sức khoẻ.

+ Đối với động vật: di chuyển, kiếm ăn, tránh kẻ thù.

- Vận dụng được vai trò của ánh sáng trong chăn nuôi để tăng năng suất.

**3. Thái độ**

- HS học tập nghiêm túc, tích cực

**4. Góp phần phát triển các năng lực:**

- NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL hợp tác, NL sáng tạo

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Hình minh hoạ

- HS: Khăn bịt mắt, một vài tấm bìa nhỏ

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm, thực hành thí nghiệm.

- KT: Động não, chia sẻ nhóm đôi, tia chớp

**II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt đông của của học sinh** | **Hoạt đông của giáo viên** |
| - TBHT điều khiển các bạn chơi trò chơi  *+ Thấy tối, không nhìn thấy gì xung quanh.*  *+ Không dễ dàng vẽ được vì thiếu ánh sáng.* | **1, Khởi động *(4p)***  HS chơi trò chơi “**Bịt mắt vẽ tranh”**  + Kết thúc trò chơi GV đặt câu hỏi:  *+ Những bạn bịt mắt cảm thấy thế nào?*  *+ Các bạn bịt mắt có dễ dàng vẽ được bức tranh không? Tại sao?*  - Giới thiệu bài, ghi bảng. |
| **2. Bài mới:***(30p)*  **\* Mục tiêu:**  - Nêu được vai trò của ánh sáng với đời sống của con người, động vật  - Vận dụng được vai trò của ánh sáng trong chăn nuôi để tăng năng suất.  **\* Cách tiến hành: Cá nhân - Nhóm – Lớp** | |
| **Cá nhân – Nhóm – Lớp**  - Viết ý kiến của mình vào một tấm bìa hoặc vào một nửa tờ giấy A4. Khi viết xong dùng băng keo dán lên bảng  \* Vài em lên đọc, sắp xếp các ý kiến vào các nhóm:  + Nhóm 1: Vai trò của ánh sáng đối với việc nhìn, nhận biết thế giới hình ảnh, màu sắc.  + Nhóm 2: Vai trò của ánh sáng đối với sức khỏe con người.  - HS nối tiếp nêu ý kiến  - HS đọc lại nội dung bài học  **Nhóm 4 – Lớp**  *+ Trâu, bò, gà, sư tử, ngan ngỗng, hươu, nai,…Chúng cần ánh sáng để di chuyển, tìm thức ăn, uống nước,…*  *+ Động vật kiếm ăn ban ngày: gà, vịt, trâu, bò, hươu, nai,… Động vật kiếm ăn ban đêm: Sư tử, chó sói, mèo, chuột, cú,…*  *+ Mắt của ĐV kiếm ăn ban ngày có khả năng nhìn và phân biệt được nhì dạng, kích thước, màu sắc của các vật. Vì vậy, chúng cần ánh sáng để tìm thức ăn và phát hiện ra những mối nguy hiểm cần tránh.*  *+ Mắt của ĐV kiếm ăn ban đêm không phân biệt được màu sắc mà chỉ phân biệt được sáng, tối (trắng, đen) để phát hiện con mồi trong đêm tối.*  *+ Trong chăn nuôi, người ta đã dùng ánh sáng điện để kéo dài thời gian chiếu sáng trong ngày, kích* *thích gà ăn khoẻ, lớn nhanh và đẻ nhiều trứng,...*  - HS đọc nội dung bài học- Lấy thêm VD về việc vận dụng vai trò của ánh sáng trong chăn nuôi  - Hãy tưởng tượng trái đất sẽ như thế nào nếu không được mặt trời chiếu sáng? Khi đó, em có giải pháp gì? | **Hoạt động 1: Tìm hiểu về vai trò của ánh sáng đối với sự sống con người**. **Bước 1:**  - Yêu cầu mỗi em tìm một ví dụ về vai trò của ánh sáng đối với sự sống con người.  **Bước 2:** Thảo luận phân loại ý kiến:  + Hãy tưởng tượng cuộc sống của con người sẽ ra sao nếu không có ánh sáng mặt trời?  - **Kết luận:** Như mục *Bạn cần biết* SGK  **Hoạt động 2: Tìm hiểu về vai trò của ánh sáng đối với đời sống của động vật**.  *+ Kể tên một số động vật mà bạn biết. Những con vật đó cần ánh sáng để làm gì?*  *+ Kể tên một số động vật kiếm ăn vào ban đêm, ban ngày?*  *+ Bạn có nhận xét gì về nhu cầu ánh sáng của các động vật đó.*  *+ Trong chăn nuôi, người ta đã vận dụng vai trò của ánh sáng như thế nào?*  - Kết luận: Như mục *Bạn cần biết* SGK.  **3. HĐ ứng dụng *(1p)***  **4. HĐ sáng tạo *(1p)*** |

*Thứ ....... ngày ...... tháng ..... năm .........*

**LUYỆN TỪ VÀ CÂU**

**VỊ NGỮ TRONG CÂU KỂ AI LÀ GÌ?**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Nắm được kiến thức cơ bản để phục vụ cho việc nhận biết vị ngữ trong câu kể Ai là gì? (ND Ghi nhớ).

**2. Kĩ năng**

- Nhận biết và bước đầu tạo được câu kể Ai là gì? bằng cách ghép 2 bộ phận câu (BT1, BT2, mục III); biết đặt 2, 3 câu kể Ai là gì? dựa theo 2, 3 từ ngữ cho trước (BT3, mục III).

**3. Thái độ**

- Có ý thức dùng từ, đặt câu và viết câu đúng.

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL tự học, NL ngôn ngữ, NL sáng tạo, NL giao tiếp.

***\*BVMT:***  *Đoạn thơ trong BT1 nói về vẽ đẹp của quê hương có tác dụng BVMT*

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: + 3 tờ giấy viết những câu văn ở phần nhận xét.

+ Bảng lớp và một số mảnh bìa màu.

- HS: Vở BT, bút, ..

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm,

- KT: động não, đặt câu hỏi, chia sẻ nhóm 2, trình bày 1 phút

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của HS** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBHT điều hành các bạn trả lời, nhận xét | **1. Khởi động *(5p)***  *+ Đặt một câu kể Ai là gì?*  *+ Xác định CN và VN của câu kể đó.*  - Dẫn vào bài mới |
| **2. Hình thành kiến thức** (15p)  **\* Mục tiêu:** Nắm được kiến thức cơ bản để phục vụ cho việc nhận biết vị ngữ trong câu kể Ai là gì? (ND Ghi nhớ).  **\* Cách tiến hành** | |  |
| - HS thảo luận nhóm 2 - chia sẻ trước lớp  *+ Đoạn văn có 4 câu*  *+ Câu: Em là cháu bác Tự.*  *+ Bộ phận VN:* ***là cháu bác Tự.***  *+ Những từ ngữ có thể làmVN trong câu* ***Ai là gì?*** *là danh từ hoặc cụm danh từ*  *+ Từ: là*  - HS lắng nghe  - 1 HS đọc to nội dung Ghi nhớ | ***a. Phần nhận xét:***  - YC HS đọc đoạn văn ở BT1, xác định xem *đoạn văn có mấy câu?*  *+ Câu nào có dạng* ***Ai là gì?***  *+ Xác định VN trong câu vừa tìm được*  *+ VN được tạo thành bởi những từ ngữ nào?*  *+ VN nối với CN bởi từ gì?*  - GV chốt đáp án, chốt lại KT về vị ngữ trong câu kể Ai là gì?  **b. *Ghi nhớ:***  - Gọi HS đọc ghi nhớ. |
| **2. HĐ thực hành** *(30p)*  **\* Mục tiêu:** Nhận biết và bước đầu tạo được câu kể Ai là gì? bằng cách ghép 2 bộ phận câu (BT1, BT2, mục III); biết đặt 2, 3 câu kể Ai là gì? dựa theo 2, 3 từ ngữ cho trước (BT3, mục III).  **\* Cách tiến hành** | |  |
| **Cá nhân – Nhóm 2 - Chia sẻ lớp**  Đáp án:  - Người // là Cha, là Bác, là Anh  VN  - Quê hương // là chùm khế ngọt.  VN  - Quê hương// là đường đi học.  VN  *+ VN do danh từ và cụm danh từ tạo thành.*  - HS nêu cảm nhận của mình.  - Lắng nghe  **Cá nhân – Lớp**  Đáp án:  - Chim công là nghệ sĩ múa tài ba.  - Gà trống là sứ giả của bình minh.  - Đại bàng là dũng sĩ của rừng xanh.  - Sư tử là chúa sơn lâm.  *+ Vì sư tử là con vật có sức mạnh khiến các loài vật khác đều sợ hãi.*  **Cá nhân – Lớp**  Đáp án:  a) Hải Phòng là một thành phố lớn.  b) Bắc Ninh là quê hương của những làn điệu dân ca quan họ.  c) Xuân Diệu là nhà thơ.  d) Nguyễn Du là nhà thơ lớn của Việt Nam.  - Ghi nhớ kiến thức về VN trong câu kể Ai là gì?  - Tìm các đáp án khác phù hợp cho các câu trong bài tập 3 | **Bài tập 1:**  - Lưu ý HS: Trong các câu thơ thì đôi khi không cần dấu chấm câu vẫn được coi là câu trọn vẹn  - GV nhận xét và chốt lại lời giải đúng.  \* Lưu ý: Giúp đỡ hs M1+M2 xác định câu kể theo mẫu Ai là gì? và xác định VN  *+ VN trong các câu trên do những từ ngữ nào tạo thành?*  *\* GD BVMT: Em có cảm nhận gì về vẻ đẹp của quê hương qua đoạn thơ của nhà thơ Đỗ Trung Quân?*  ***- GV: Quê hương trong tâm tưởng của mỗi người đều đẹp. Cần luôn biết trân trọng và giữ gìn những vẻ đẹp ấy***  **Bài tập 2:**  - Tổ chức chữa bài bằng hình thức thi tiếp sức giữa hai nhóm (mỗi nhóm 4 học sinh)  - GV nhận xét và chốt lại lời giải đúng.  *+ Tại sao gọi sư tử là chúa sơn lâm?*  **Bài tập 3:**  - BT 3 đã cho trước các từ ngữ là VN của câu kể ***Ai là gì?*** Các em cần tìm các từ ngữ thích hợp làm CN trong câu. Muốn vậy, các em phải đặt câu hỏi nào? ***Ai? Cái gì?*** ở trước VN để tìm chủ ngữ của câu.  - Lưu ý HS: Có những câu chỉ có 1 đáp án đúng (câu b), có những câu có nhiều đáp án đúng. Tuy nhiên cũng cần chọn lựa cho phù hợp.  **4. HĐ ứng dụng** *(1p)*  **5. HĐ sáng tạo** *(1p)* |

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

...................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TOÁN**

***Tiết 115:* LUYỆN TẬP CHUNG**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- Củng cố KT về phép cộng, phép trừ phân số

**2. Kĩ năng**

- Thực hiện cộng, trừ được các PS cùng MS, khác MS, cộng một sô tự nhiên với 1 PS, trừ một PS cho 1 STN.

- Vận dụng giải các bài toán liên quan

**3. Thái độ**

- Tự giác, cẩn thận, trình bày bài sạch sẽ.

**4. Góp phần phát triển các NL**

- NL tự học, làm việc nhóm, NL tính toán

\* Bài tập cần làm: Bài 1 (b, c), bài 2 (b, c), bài 3. HSNK làm tất cả bài tập

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Phiếu học tập

- HS: Vở BT, bút

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Quan sát, hỏi đáp, thảo luận nhóm, trò chơi học tập, luyện tập-thực hành

- KT: động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi,...

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ | **1.Khởi động***:(3p)*  - GV dẫn vào bài mới |
| **2. HĐ thực hành** (30p)  **\* Mục tiêu:** Thực hiện cộng, trừ được các PS cùng MS, khác MS, cộng một sô tự nhiên với 1 PS, trừ một PS cho 1 STN. Vận dụng giải các bài toán liên quan  **\* Cách tiến hành** | |
| **Cá nhân - Lớp**  Đáp án:  b)  c)  Đáp án:  b) c)1 +  - HS làm cá nhân – Chia sẻ lớp  a) x +  =  c) - x =  x =  -  x =  -  x =  x =  b) x –  =  x =  +  x =  - HS làm vào vở Tự học – Chia sẻ lớp  Bài 4:  a)  b)  Bài 5:  Bài giải  Số học sinh học Tin học và Tiếng Anh bằng số phần học sinh cả lớp là:  (số học sinh)  - Chữa lại các phần bài tập làm sai  - Giải bài tập 5 bằng cách khác. | ***Bài 1b, c (HS năng khiếu hoàn thành cả bài)***  - Gọi HS đọc và xác định yêu cầu bài tập  - GV chốt đáp án.  - Củng cố cách cộng, trừ phân số khác MS  \* Lưu ý giúp đỡ hs M1+M2  ***Bài 2b, c (HS năng khiếu hoàn thành cả bài)***  - Lưu ý rút gọn trước khi trừ và cách cộng STN với PS  ***Bài 3: Tìm x:***  - Gọi HS đọc và xác định yêu cầu bài tập  - *Lưu ý HS tính ra giấy nháp và chỉ ghi kết quả cuối cùng của x, không cần viết bước trung gian*  - GV chốt đáp án, nhận xét, đánh giá bài làm trong vở của HS  - Củng cố cách tìm số hạng chưa biết, số bị trừ, số trừ...  **Bài 4** + **Bài 5** (***bài tập chờ dành cho HS hoàn thành sớm)***  **3. HĐ ứng dụng** *(1p)*  **4. HĐ sáng tạo** *(1p)* |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

**TẬP LÀM VĂN**

**LUYỆN TẬP XÂY DỰNG ĐOẠN VĂN MIÊU TẢ CÂY CỐI (tiếp theo)**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Củng cố cách viết đoạn văn miêu tả cây cối

**2. Kĩ năng**

- Vận dụng những hiểu biết về đoạn văn trong bài văn tả cây cối đã học để viết được một đoạn văn ngắn miêu tả về một loài hoa.

**3. Thái độ**

- Tích cực, tự giác làm bài, có ý thức chọn lựa từ ngữ khi miêu tả.

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL tự học, Sử dụng ngôn ngữ, NL sáng tạo, NL hợp tác

***\* Ghi chú: Thay nội dung bài này cho bài Tóm tắt tin tức (không dạy)***

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Bảng phụ (hoặc giấy khổ to) viết lời giải BT1.

- HS: Sách, bút

**2. Phương pháp, kĩ thuât**

- PP: Hỏi đáp, thảo luận nhóm, quan sát, thực hành.

- KT: đặt câu hỏi, động não, chia sẻ nhóm 2

**II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ | **1. Khởi động *(5p)***  - GV dẫn vào bài mới |
| **2. HĐ thực hành (***30p)*  **\*Mục tiêu:** Vận dụng những hiểu biết về đoạn văn trong bài văn tả cây cối đã học để viết được một đoạn văn ngắn miêu tả về một loài hoa.  **\* Cách tiến hành:** | |
| **Cá nhân - cả lớp**  - Gọi HS đọc và xác định yêu cầu bài tập.  - HS nêu  - Thực hiện cá nhân viết bài  VD: Những bông hoa hồng thật tuyệt vời. Những cái đài hoa màu xanh mỡ màng kia lại đỡ được “nàng công chúa kiều diễm” khoe mình dưới ánh nắng mai. Những chiếc cánh mỏng mịn màng màu đỏ thẫm đan xen vào nhau thành từng lớp, khum khum úp sát vào nhụy. Lớp ngoài thì xoè rộng khoe sắc. Lớp trong thi cuộn tròn e ấp như chưa muốn phô cái dáng vẻ yêu kiều của mình. Nhị hoa ẩn mình lấp ló như một cô bé mắc cỡ trước người lạ. Đứng cạnh bông hồng đã nở là một nụ hoa đang độ hàm tiếu chờ ngày khoe sắc với muôn hoa trong vườn. Hàng ngày ong bướm cứ rập rờn bên bụi hồng nhung vừa thưởng thức vẻ đài các kiêu sa của nó vừa chờ dịp hút hương lấy mật.  - Chữa lại những câu văn chưa hay  - Chỉ ra một chi tiết sáng tạo trong bài văn của các bạn vừa đọc. | **Đề bài: Em hãy viết đoạn văn ngắn miêu tả về một loài hoa mà em thích.**  + HS nêu lại các cách miêu tả cây cối.  - HD HS quan sát tranh ảnh hoặc tưởng tượng, nhớ lại một cây hoa (loài hoa) mà em thích và ghi lại kết quả quan sát.  - Gọi một số HS chia sẻ kết quả quan sát của mình trước lớp.  - HS dựa vào kết quả quan sát viết một đoạn văn miêu tả một cây hoa (loài hoa) mà em thích.  - GV gợi ý: Có thể viết đoạn văn tả một bộ phận của cây hoa hoặc một giai đoạn phát triển của cây.  - HS tự viết bài, GV giúp đỡ một số HS yếu.  - Gọi một số HS đọc đoạn viết của mình trước lớp.  - Gọi HS chia sẻ, nhận xét, bổ sung.  - GV nhận xét và sửa lỗi dùng từ, đặt câu cho HS (nếu cần); khen/ động viên HS.  \* Lưu ý: Giúp đỡ hs M1+M2 viết đúng đoạn văn  -HS M3+M4 viết được đoạn văn giàu hình ảnh, cảm xúc.  **3. HĐ ứng dụng** (1p)  **4. HĐ sáng tạo** (1p) |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**ĐỊA LÍ (CT HIỆN HÀNH)**

**Thành phỐ HỒ Chí Minh**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Nêu được một số đặc điểm chủ yếu của thành phố Hồ Chí Minh:

+ Vị trí: nằm ở đồng bằng Nam Bộ, ven sông Sài Gòn.

+ Thành phố lớn nhất cả nước.

+ Trung tâm kinh tế, văn hóa, khoa học lớn: các sản phẩm công nghiệp của thành phố đa dạng; hoạt động thương mại rất phát triển.

**2. Kĩ năng**

- Chỉ được thành phố Hồ Chí Minh trên bản đồ (lược đồ).

- Dựa vào bảng số liệu so sánh diện tích và dân số thành phố Hồ Chí Minh với các thành phố khác.

**3. Thái độ**

- HS học tập nghiêm túc, tự giác.

**4. Góp phần phát triển các năng lực:**

- NL tự chủ, NL giải quyết vấn đề, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ

***\*TKNL:*** *Sử dụng tiết kiệm và hiệu quả năng lượng trong quá trình sản xuất ra sản phẩm của một số ngành công nghiệp ở nước ta.*

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: + Các BĐ hành chính, giao thông VN.

+ BĐ thành phố HCM (nếu có).

- HS: Tranh, ảnh về thành phố HCM (sưu tầm)

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm, thuyết trình

- KT: đặt câu hỏi, trình bày một phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm 2

I**II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBHT điều hành lớp trả lời, nhận xét  *+ Linh kiện máy tính điện tử, bột ngọt, phân bón,…*  *+ Chợ nổi trên sông là nét độc đáo của đồng bằng Nam Bộ…* | **1.Khởi động:***(2p)*  *+ Kể tên các sản phẩm công nghiệp của ĐB NB?*  *+ Mô tả chợ nổi trên sông ở ĐB Nam Bộ?*  - GV nhận xét chung, giới thiệu bài mới |
| **2. Bài mới:***(30p)*  **\* Mục tiêu:**  Nêu được một số đặc điểm chủ yếu của thành phố Hồ Chí Minh về vị trí địa lí, dân cư, sự phát triển kinh tế, văn hoá, khoa học  **\* Cách tiến hành: Cá nhân- Nhóm-Lớp** | |
| **Nhóm 4 – Lớp**  - 1 HS lên chỉ, nêu vị trí thành phố thuộc vùng đồng bằng Nam Bộ  - HS làm việc nhóm và chia sẻ kết quả:  *+ Sông Sài Gòn.*  *+ Trên 300 tuổi.*  *+ Năm 1976.*    *+Long An, Tây Ninh, Bình Dương, Đồng Nai, BR Vũng Tàu, Tiền Giang.*  *+ Đường sắt, ô tô, thủy.*  *+ Diện tích và số dân của TPHCM lớn hơn các TP khác.*  **Nhóm 2 – Lớp**  *+ Điện, luyện kim, cơ khí, điện tử, hoá chất, sản xuất vật liệu xây dựng, dệt may,…*  *+ Nơi nay tập trung các ngành công nghiệp, hoạt động thong mại cũng rất phát triển với nhiều chợ và siêu thị lớn, có sân bay quốc tế Tân Sân Nhất và cảng Sài Gòn lớn vào bậc nhất nước ta.*  *+ Có nhiều viện nghiên cứu, trường đaih học, có nhiều rạp haut, rạp chiếu phim, có nhiều khu vui chơi giải trí hấp dẫn…*  *+ Trường đại học luật, đại học sư phạm, khu vui chơi giải trí, Thảo Cầm Viên, Đầm Sen, Suối Tiên…*  - HS lắng nghe  - HS nêu nội dung bài học  - HS lắng nghe  - Trưng bày tranh ảnh sưu tầm được về thành phố Hồ Chí Minh | **Hoạt động 1: Thành phố lớn nhất cả nước**  - GV yêu cầu HS chỉ vị trí thành phố HCM trên BĐ VN  - Dựa vào tranh, ảnh, SGK, bản đồ. Hãy nói về thành phố HCM :  *+ Thành phố nằm trên sông nào ?*  *+ Thành phố đã có bao nhiêu tuổi ?*  *+ Thành phố được mang tên Bác vào năm nào ?*  *+ Thành phố HCM tiếp giáp với những tỉnh nào ?*  *+ Từ TP có thể đi đến tỉnh khác bằng những loại đường giao thông nào?*  *+ Dựa vào bảng số liệu hãy so sánh về diện tích và số dân của TP HCM với các TP khác.*  - GV theo dõi sự mô tả của các nhóm và nhận xét, chốt KT  **Hoạt động 2: Trung tâm kinh tế, văn hóa, khoa học lớn:**  - Cho HS dựa vào tranh, ảnh, BĐ và vốn hiểu biết, thảo luận và trả lời các câu hỏi sau:  *+ Kể tên các ngành công nghiệp của thành phố HCM?*  *+ Nêu những dẫn chứng thể hiện TP là trung tâm kinh tế lớn của cả nước.*    *+ Nêu dẫn chứng thể hiện TP là trung tâm văn hóa, khoa học lớn?*    *+ Kể tên một số trường Đại học, khu vui chơi giải trí lớn ở TP HCM?*  ***- GV nhận xét và kết luận: Đây là TP công nghiệp lớn nhất; Nơi có hoạt động mua bán tấp nập nhất; Nơi thu hút được nhiều khách du lịch nhất; Là một trong những TP có nhiều trường đại học nhất …***  **3. Hoạt động ứng dụng** *(1p)*  ***- GD TKNL: Các ngành CN ở thành phố Hồ Chí Minh cũng như các ngành CN trên cả nước cần sử dụng tiết kiệm và hiệu quả năng lượng dể tạo ra sản phẩm có giá thành tốt, có tính cạnh tranh cao.***  **4. Hoạt động sáng tạo** *(1p)* |

**ĐIỀU CHỈNH - BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**SHTT - KNS**

**ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC TUẦN 23**

**KĨ NĂNG GHI KHI NGHE**

**I. MỤC TIÊU:**

- Nắm đ­­ược ưu - khuyết điểm trong tuần 23

- Phát huy ­­ưu điểm, khắc phục nh­­ược điểm.

- Biết đ­­ược phư­ơng h­­ướng tuần 24

**II. CHUẨN BỊ:**

- GV: Nắm được ưu – khuyết điểm của HS trong tuần

- HS: Chủ tịch Hội đồng tự quản và các Trưởng ban chuẩn bị ND báo cáo.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG CHÍNH:**

***1. Khởi động***

- Lớp tham gia trò chơi: Truyền tín hiệu

***2. Lớp báo cáo hoạt động trong tuần:***

- 4 Trưởng ban lên nhận xét các thành viên trong tổ và xếp loai từng thành viên.

- Tổ viên các tổ đóng góp ý kiến.

- Chủ tịch HĐTQ lên nhận xét chung các ban.

- GV nhận xét chung:

+ Nề nếp:

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

+ Học tập:

.................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

***3. Ph­ương h­­ướng tuần sau:***

- Tiếp tục thi đua: Học tập tốt, thực hiện tốt nề nếp, vâng lời thầy cô, nói lời hay làm việc tốt.

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

***4. Lớp văn nghệ - múa hát tập thể mừng Đảng - mừng Xuân***

**TUẦN 25** *Thứ ....... ngày ...... tháng ..... năm .........*

**TẬP ĐỌC**

**KHUẤT PHỤC TÊN CƯỚP BIỂN**

**1. Kiến thức**

- Hiểu ND: Ca ngợi hành động dũng cảm của bác sĩ Ly trong cuộc đối đầu với tên cướp biển hung hãn (trả lời được các câu hỏi trong SGK).

**2. Kĩ năng**

- Đọc trôi trảy, rành mạch bài tập đọc. Bước đầu biết đọc diễn cảm một đoạn phân biệt rõ lời nhân vật, phù hợp với nội dung, diễn biến sự việc.

**3. Thái độ**

- Giáo dục lòng dũng cảm khi đối đầu với nguy hiểm.

**4. Góp phần phát triển năng lực**

**-** Năng lực tự học, NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ.

***\* KNS****: Tự nhận thức: xác định giá trị cá nhân. Ra quyết định. Ứng phó, thương lượng. Tư duy sáng tạo: bình luận, phân tích*

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: + Tranh minh hoạ bài tập đọc (phóng to nếu có điều kiện).

+ Bảng phụ viết sẵn đoạn luyện đọc

- HS: SGK, vở viết

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- Phương pháp: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm.

- Kĩ thuật: Kĩ thuật đặt câu hỏi, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBHT điều hành lớp trả lời, nhận xét  *+ 1- 2 HS đọc*  + Bài thơ ca ngợi vẻ đẹp huy hoàng của biển, vẻ đẹp trong lao động hăng say của những người ngư dân | **1. Khởi động:** *(5p)*  *+ Đọc thuộc bài một số khổ thơ trong bài Đoàn thuyền đánh cá*  *+ Nêu nội dung bài thơ.*  - GV nhận xét chung, dẫn vào bài học  - Giới thiệu chủ điểm *Những con người quả cảm* |
| **2. Luyện đọc:** *(8-10p)*  **\* Mục tiêu:**  Đọc trôi trảy, rành mạch bài tập đọc. Bước đầu biết đọc diễn cảm một đoạn phân biệt rõ lời nhân vật, phù hợp với nội dung, diễn biến sự việc.  \* **Cách tiến hành:** | |
| - 1 HS đọc bài, cả lớp đọc thầm  - Lắng nghe  - Lớp trưởng điều hành cách chia đoạn  - Bài được chia làm 4 đoạn  + Đoạn 1: Tên chúa…man rợ  + Đoạn 2: Một lần…phiên toà sắp tới.  + Đoạn 3: Phần còn lại.  - Nhóm trưởng điều hành nhóm đọc nối tiếp đoạn trong nhóm lần 1 và phát hiện các từ ngữ khó (*loạn óc, man rợ, nín thít, nanh ác, làu bàu...)*  - Luyện đọc từ khó: Đọc mẫu (M4)-> Cá nhân (M1)-> Lớp  - Giải nghĩa từ khó (đọc chú giải)  - HS đọc nối tiếp đoạn lần 2 theo điều khiển của nhóm trưởng  - Các nhóm báo cáo kết quả đọc  - 1 HS đọc cả bài (M4) | - Gọi 1 HS đọc bài (M3)  - GV lưu ý giọng đọc cho HS: Cần đọc với giọng rành mạch, dứt khoát, phân biệt rõ lời của bác sĩ Ly và lời của tên cướp biển*:*  *+ Tên cướp biển: thô lỗ, dữ dằn*  *+ Bác sĩ Ly: điềm đạm, cương quyết*  - GV chốt vị trí các đoạn:  - Lưu ý sửa lỗi đọc và ngắt nghỉ cho các HS (M1) |
| **3. Tìm hiểu bài:** *(8-10p)*  **\* Mục tiêu:** Hiểu ND: Ca ngợi hành động dũng cảm của bác sĩ Ly trong cuộc đối đầu với tên cướp biển hung hãn (trả lời được các câu hỏi trong SGK).  **\* Cách tiến hành: *Làm việc nhóm 4 – Chia sẻ trước lớp*** | |
| - 1 HS đọc các câu hỏi cuối bài  - HS làm việc theo nhóm 4 – Chia sẻ kết quả dưới sự điều hành của TBHT  *+ Thể hiện qua các chi tiết: Tên chúa tàu* ***đập tay xuống bàn quát mọi người im;*** *thô bạo quát bác sĩ Ly****“Có câm mồm không?”, rút soạt dao ra, lăm lăm đâm chết bác sĩ Ly.***  *+ Ông là người rất nhân hậu, điềm đạm nhưng rất cứng rắn, dũng cảm, dám đối đầu chống cái xấu, cái ác, bất chấp nguy hiểm.*  *+ Cặp câu đó là:* ***Một đằng thì đức độ hiền từ mà nghiêm nghị. Một đằng thì nanh ác, hung hăng như con thú dữ nhốt chuồng.***  *+ Vì bác sĩ bình tĩnh và cương quyết bảo vệ lẽ phải.*  *+ Phải đấu tranh một cách không khoan nhượng với cái ác, cái xấu.*  *+ Trong cuộc đối đầu quyết liệt giữa cái thiện với cái ác, người có chính nghĩa, dũng cảm và kiên quyết sẽ chiến thắng* …  - Lắng nghe  **Nội dung:** ***Câu chuyện ca ngợi hành động dũng cảm của bác sĩ Ly trong cuộc đối đầu với tên cướp biển hung hãn. Ca ngợi sức mạnh chính nghĩa, chiến thắng sự hung ác, bạo ngược***  - HS ghi lại nội dung bài | - GV yêu cầu HS đọc các câu hỏi cuối bài  *+ Tính hung hãn của tên chúa tàu (tên cướp biển) được thể hiện qua những chi tiết nào?*  *+ Lời nói và cử chỉ của bác sĩ Ly cho thấy ông là người như thế nào?*    *+ Cặp câu nào trong bài khắc hoạ hai hình ảnh đối nghịch nhau của bác sĩ Ly và tên cướp biển*  *+ Vì sao bác sĩ Ly khuất phục được tên cướp biển hung hãn?*  *+ Truyện đọc trên giúp em hiểu ra điều  gì?*  *\* GDKNS: Trong cuộc sống khi gặp bất kì tình huống gì cũng cần bình tĩnh để tìm cách giải quyết tốt nhât. Cần luôn tin rằng: Cái thiện sẽ chiến thắng cái ác, công lí sẽ thuộc về những người bảo vệ chính nghĩa*  *+ Nội dung của bài là gì?*  \* Lưu ý giúp đỡ hs M1+M2 trả lời các câu hỏi tìm hiểu bài.Hs M3+M4 trả lời các câu hỏi nêu nội dung đoạn, bài. |
| **4. Luyện đọc diễn cảm***(8-10p)*  **\* Mục tiêu:** HSđọc diễn cảm được đoạn 2 của bài, phân biệt và thể hiện được lời của bác sĩ Ly, tên cướp biển  **\* Cách tiến hành: Hoạt động cá nhân – nhóm - cả lớp** | |
| - HS nêu lại giọng đọc cả bài  - 1 HS M4 đọc mẫu toàn bài  - Nhóm trưởng điều hành các thành viên trong nhóm  + Luyện đọc diễn cảm trong nhóm  + Cử đại diện đọc trước lớp  - Bình chọn nhóm đọc hay.  - Ghi nhớ nội dung, ý nghĩa của bài  - Hãy kể về một người kiên quyết bảo vệ lẽ phải mà em biết trong cuộc sống. | - Yêu cầu HS nêu giọng đọc toàn bài, giọng đọc của các nhân vật  - Yêu cầu đọc diễn cảm đoạn 2 của bài  - GV nhận xét, đánh giá chung  **5. Hoạt động ứng dụng** *(1 phút)*  **6. Hoạt động sáng tạo** *(1 phút)* |

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TOÁN**

***Tiết 121:* PHÉP NHÂN PHÂN SỐ**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Biết thực hiện phép nhân hai phân số

**2. Kĩ năng**

- Thực hiện được phép nhân hai phân số

- Vận dụng làm các bài tập liên quan

**3. Thái độ**

- HS có thái độ học tập tích cực.

**4. Góp phần phát triển năng lực:**

**-** Năng lực tự học, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL tư duy - lập luận logic.

\* Bài tập cần làm: Bài 1, bài 3

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Bảng phụ

- HS: Sách, bút

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- Phương pháp vấn đáp, động não, thực hành, đặt và giải quyết vấn đề, hoạt động nhóm, trò chơi học tập

- Kĩ thuật đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC;**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBHT điều hành lớp trả lời, nhận xét  + HS nêu | **1. Khởi động:** *(2p)*  *+ Nêu cách cộng, trừ các phân số cùng MS và khác MS*  - GV giới thiệu bài – Ghi tên bài |
| **2. Hình thành KT** (15p)  \* **Mục tiêu:** Biết cách thực hiện phép nhân hai phân số.  \* **Cách tiến hành:** | |
| **Cá nhân – Lớp**  - HS đọc lại bài toán.  *+ Muốn tính diện tích hình chữ nhật ta lấy số đo chiều dài nhân với số đo chiều rộng.*  *+ Diện tích hình chữ nhật là:  x*  - HS thao tác nhóm đôi và nêu kết quả  *+ Diện tích hình vuông là 1m2.*  *+ Mỗi ô có diện tích là m2*  *+ Gồm 8 ô.*  *+ Diện tích hình chữ nhật bằng m2.*  *+ TS x TS được TS của tích. MS x MS được MS của tích*  *+ Ta lấy tử số nhân tử số, lấy mẫu số nhân mẫu số.*  - HS nêu trước lớp.  - HS nêu lại quy tắc, lấy VD về phép nhân PS | ***1.Tìm hiểu ý nghĩa của phép nhân thông qua tính diện tích hình chữ nhật***  - GV nêu bài toán: Tính diện tích hình chữ nhật có chiều dài là m và chiều rộng là m.  *+ Muốn tính diện tích hình chữ nhật chúng ta làm như thế nào?*  *+ Hãy nêu phép tính để tính diện tích hình chữ nhật trên.*  ***2***.***Tính diện tích hình chữ nhật thông qua đồ dùng trực quan***  *+ Có hình vuông, mỗi cạnh dài 1m. Vậy hình vuông có diện tích là bao nhiêu?*  *+ Chia hình vuông có diện tích 1m2 thành 15 ô bằng nhau thì mỗi ô có diện tích là bao nhiêu mét vuông?*  *+ Hình chữ nhật được tô màu bao nhiêu ô?*  *+ Vậy diện tích hình chữ nhật bằng bao nhiêu phần mét vuông?*  ***3.Tìm quy tắc thực hiện phép nhân phân số***  + Từ phần trên ta có diện tích của hình chữ nhật là:  x  =  + Yêu cầu nhận xét và nêu mối QH giữa các thừa số với tích trong phép nhân PS  *\* Như vậy, khi muốn nhân hai phân số với nhau ta làm như thế nào?*  - GV yêu cầu HS nhắc lại về cách thực hiện phép nhân hai phân số.  **- GV chốt lại quy tắc nhân: Muốn nhân 2 PS ta lấy TS nhân với TS , MS nhân với MS** |
| **3. Hoạt động thực hành** (18p)  **\* Mục tiêu**: Thực hiện được phép nhân 2 PS. Vận dụng giải toán.  \* **Cách tiến hành: Cá nhân – Nhóm – Lớp** | |
| - Thực hiện cá nhân – Chia sẻ nhóm 2 – Chia sẻ lớp  Đáp án:  - Thực hiện cá nhân, 4 em lên bảng.  Đ/a:  a.  b.  c. d.  - HS làm bài cá nhân – Chia sẻ bài.  Đ/a:  ***Bài giải***  Diện tích hình chữ nhật là:  x  =  (m2)  Đáp số:  m2  - HS làm vào vở Tự học – Chia sẻ lớp  Đáp án:      - Chữa lại các phần bài tập làm sai  - Thay chiều dài và chiều rộng của hình CN trong BT 3 bằng các PS mới và thực hiện tính diện tích hình CN đó. | ***Bài 1: Tính:***  - GV gọi 1 HS đọc và xác định yêu cầu bài tập  - GV nhận xét, chốt đáp án  - Củng cố cách nhân phân số.  - Lưu ý HS rút gọn kết quả tới PS tối giản  \* Lưu ý: Giúp đỡ hs M1+M2  ***Bài 3:***  ***-***GV gọi 1 HS đọc và xác định yêu cầu của đề bài.  - Yêu cầu HS tự tóm tắt và giải bài toán  - GV nhận xét, đánh giá bài làm trong vở của HS  \* Lưu ý: Giúp đỡ hs M1+M2 thực hiện tính diện tích hình chữ nhật và phép nhân phân số.  **Bài 2 (*Bài tập chờ dành cho HS hoàn thành sớm)***  *+ Bài toán có mấy yêu cầu? (2 yêu cầu: rút gọn/ tính)*  **4. Hoạt động ứng dụng *(1p)***  **5. Hoạt động sáng tạo *(1p)*** |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**KHOA HỌC**

**ÁNH SÁNG VÀ VIỆC BẢO VỆ ĐÔI MẮT**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Biết được các tác hại do ánh sáng quá mạnh, quá yếu gây ra cho mắt

**2. Kĩ năng**

- Biết bảo vệ đôi mắt bằng cách tránh tác hại do ánh sáng quá mạnh, quá yếu gây ra cho mắt.

**3. Thái độ**

- Có ý thức học tập, làm việc ở nơi có ánh sáng đủ để bảo vệ đôi mắt

**4. Góp phần phát triển các năng lực:**

- NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL hợp tác,...

**\*KNS:** *- Trình bày về các việc nên, không nên làm để bảo vệ đôi mắt*

*- Bình luận về các quan điểm khác nhau liên quan tới việc sử dụng ánh sáng*

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: +Hình minh họa tranh 98, 99 SGK (phóng to).

+ Kính lúp

- HS: Đèn pin

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm, thực hành thí nghiệm.

- KT: Động não, chia sẻ nhóm đôi, tia chớp

**II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt đông của của học sinh** | **Hoạt đông của giáo viên** |
| - HS chơi trò chơi dưới sự điều hành của GV  *+ Ánh sáng giúp con người có thức ăn, sưởi ấm và có sức khoẻ.*  *+ Ánh sáng giúp động vật di chuyển, tìm thức ăn, nước uống, phát hiện ra nguy hiểm, ảnh hưởng tới quá trình sinh sản của động vật*  *+ Ánh sáng giúp cây xanh quang hợp và duy trì sự sống,...* | **1. Khởi động *(4p)***  **Trò chơi:** Hộp quà bí mật  ***+*** *Em hãy nêu vai trò của ánh sáng đối với đời sống của: con người? động vật?*  *+ Em hãy nêu vai trò của ánh sáng đối với đời sống của thực vật?*  - GV nhận xét, khen/ động viên, dẫn vào bài mới. |
| **2. Bài mới:***(30p)*  **\* Mục tiêu:**  - Biết được các tác hại do ánh sáng quá mạnh, quá yếu gây ra cho mắt  - Biết bảo vệ đôi mắt bằng cách tránh tác hại do ánh sáng quá mạnh, quá yếu gây ra cho mắt.  **\* Cách tiến hành: Cá nhân - Nhóm – Lớp** | |
| **Nhóm 2/Nhóm 4 – Lớp**    *+ Chúng ta không nên nhìn trực tiếp vào Mặt Trời hoặc ánh lửa hàn vì: ánh sáng được chiếu sáng trực tiếp từ Mặt Trời rất mạnh và còn có tia tử ngoại gây hại cho mắt, nhìn trực tiếp vào Mặt Trời ta cảm thấy hoa mắt, chói mắt. Ánh lửa hàn rất mạnh*, *trong ánh lửa hàn còn chứa nhiều: tạp chất độc, bụi sắt, gỉ sắt, các chất khí độc do quá trình nóng chảy kim loại sinh ra có thể làm hỏng mắt.*  *+ Những trường hợp ánh sáng quá manh cần tránh không để chiếu thẳng vào mắt: dùng đèn pin, đèn laze, ánh điện nê- ông quá mạnh, đèn pha ô- tô,* …  - HS nghe.  - HS thảo luận nhóm 4, quan sát, thảo luận, đóng vai dưới hình thức hỏi đáp về các việc nên hay không nên làm để tránh tác hại do ánh sáng quá mạnh gây ra.  - Các nhóm lên trình bày, cả lớp theo dõi, nhận xét, bổ sung.  + HS nhìn vào kính và trả lời: Em nhìn thấy một chỗ rất sáng ở giữa kính lúp.  - HS nghe.  **Nhóm 2 – Lớp**  + H5: Nên ngồi học như bạn nhỏ vì bàn học của bạn nhỏ kê cạnh cửa sổ, đủ ánh sáng và ánh Mặt Trời không thể chiếu trực tiếp vào mắt được.  + H6: Không nên nhìn quá lâu vào màn hình vi tính. Bạn nhỏ dùng máy tính quá khuya như vậy sẽ ảnh hưởng đến sức khoẻ, có hại cho mắt.  + H7: Không nên nằm đọc sách sẽ tạo bóng tối, làm các dòng chữ bị che bởi bóng tối, sẽ làm mỏi mắt, mắt có thể bị cận thị.  + H8: Nên ngồi học như bạn nhỏ. Đèn ở phía bên trái, thấp hơn đầu nên ánh sáng điện không trực tiếp chiếu vào mắt, không tạo bóng tối khi đọc hay viết.  - HS lắng nghe.  - Biết cách bảo vệ đôi mắt khỏi tác động xấu của ánh sáng.  - Tập bài tập rèn luyện cơ mắt cho đôi mắt khoẻ mạnh | ***HĐ1: Những ánh sáng quá mạnh gây hại cho mắt và cách phòng tránh***  - Quan sát hình minh hoạ 1, 2 trang 98 dựa vào kinh nghiệm của bản thân, trao đổi, thảo luận và trả lời các câu hỏi sau:  *+ Tại sao chúng ta không nên nhìn trực tiếp vào Mặt trời hoặc ánh lửa hàn?*    *+ Lấy ví dụ về những trường hợp ánh sáng quá mạnh cần tránh không để chiếu vào mắt.*  - ***GV kết luận:*** *Ánh sáng trực tiếp của Mặt Trời hay ánh lửa hàn quá mạnh nếu nhìn trực tiếp sẽ có thể làm hỏng mắt. Năng lượng Mặt Trời chiếu xuống Trái Đất ở dạng sóng điện từ, trong đó có tia tử ngoại là tia sóng ngắn, mắt thường ta không thể nhìn thấy hay phân biệt được. Tia tử ngoại gây độc cho cơ thể sinh vật, đặc biệt là ảnh hưởng đến mắt. Trong ánh lửa hàn có chứa nhiều bụi, khí độc do quá trình nóng chảy sinh ra. Do vậy, chúng ta không nên để ánh sáng quá mạnh chiếu vào mắt.*  - Yêu cầu: quan sát hình minh hoạ 3, 4 trang 98 SGK cùng nhau xây dựng đoạn kịch có nội dung như hình minh hoạ để nói về những việc nên hay không nên làm để tránh tác hại do ánh sáng quá mạnh gây ra.  - GV đi giúp đỡ các nhóm bằng các câu hỏi:  + Tại sao chúng ta phải đeo kính, đội mũ hay đi ô khi trời nắng?  + Đeo kính, đội mũ, đi ô khi trời nắng có tác dụng gì?  + Tại sao không nên dùng đèn pin chiếu thẳng vào mắt bạn?  + Chiếu đèn pin vào mắt bạn có tác hại gì?  - Gọi HS các nhóm trình bày, các nhóm khác bổ sung. GV nên hướng dẫn HS diễn kịch có lời thoại.  - Dùng kính lúp hướng về ánh đèn pin bật sáng. Gọi vài HS nhìn vào kính lúp và hỏi:  *+ Em đã nhìn thấy gì?*  - GV giảng: ***Mắt của chúng ta có một bộ phận tương tự như kính lúp. Khi nhìn trực tiếp vào ánh sáng Mặt Trời, ánh sáng tập trung vào đáy mắt, có thể làm tổn thương mắt. Cần bảo vệ mắt khỏi những ánh sáng quá mạnh.***  ***HĐ2: Nên và không nên làm gì để đảm bảo đủ ánh sáng khi đọc.***  - Tổ chức cho HS hoạt động theo nhóm 2.  - Yêu cầu quan sát hình minh hoạ 5,6,7,8 trang 99, trao đổi và trả lời câu hỏi:  *+ Những trường hợp nào nên, những trường hợp nào cần tránh để đảm bảo đủ ánh sáng khi đọc, viết? Tại sao?*  - Nhận xét câu trả lời của HS.  - **GV *kết luận*:** *Khi đọc, viết tư thế phải ngay ngắn, khoảng cách giữa mắt và sách giữ cự li khoảng 30 cm. Không được đọc sách khi đang nằm, đang đi trên đường hoặc trên xe chạy lắc lư. Khi viết bằng tay phải, ánh sáng phải được chiếu từ phía trái hoặc từ phía bên trái phía trước để tránh bóng của tay phải, đảm bảo đủ ánh sáng khi viết.*  **3. HĐ ứng dụng *(1p)***  **4. HĐ sáng tạo *(1p)*** |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

..............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**CHÍNH TẢ**

**KHUẤT PHỤC TÊN CƯỚP BIỂN**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức:**

- Nhớ - viết đúng bài CT; trình bày đúng hình thức bài dưới dạng văn xuôi

- Làm đúng BT2a phân biệt âm đầu r/d/gi

**2. Kĩ năng:**

**-** Rèn kĩ năng viết đẹp, viết đúng chính tả.

**3. Thái độ:**

**-** Giáo dục tính cẩn thận, chính xác, yêu thích chữ viết

**4. Góp phần phát triển năng lực:**

**-** NL tự chủ và tự học, NL sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: giấy khổ to ghi nội dung BT 2

- HS: Vở, bút,...

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- Phương pháp vấn đáp, động não, quan sát, thực hành, đặt và giải quyết vấn đề, hoạt động nhóm, trò chơi học tập.

- Kĩ thuật đặt câu hỏi, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ | **1. Khởi động: (***2p***)**  ***-*** GV dẫn vào bài mới |
| **2. Chuẩn bị viết chính tả:** *(6p)*  **\* Mục tiêu:** HS hiểu được nội dung bài CT, tìm được các từ khó viết  **\* Cách tiến hành:** | |
| - 1 HS đọc - HS lớp đọc thầm  *+ Bác sĩ Ly đã khuất phục được tên cướp biển hung ác*  *-* HS nêu từ khó viết*: đứng phắt dậy, rút soạt dao ra, chực đâm, nghiêm nghị,...*  *-* Viết từ khó vào vở nháp | \* Trao đổi về nội dung đoạn cần viết  - Gọi HS đọc đoạn văn cần viết.  *+ Nêu nội dung đoạn viết?*  - Hướng dẫn viết từ khó: Gọi HS nêu từ khó, sau đó GV đọc cho HS luyện viết. |
| **3. Viết bài chính tả:** *(15p)*  **\* Mục tiêu:** Hs nghe - viết tốt bài chính tả, trình bày đúng bài viết theo hình thức văn xuôi.  **\* Cách tiến hành:** | |
| - HS nghe - viết bài vào vở | - GV đọc bài cho HS viết  - GV theo dõi và nhắc nhở, giúp đỡ HS viết chưa tốt.  - Nhắc nhở cách cầm bút và tư thế ngồi viết. |
| **4. Đánh giá và nhận xét bài:** *(5p)*  **\* Mục tiêu:** Giúp HS tự đánh giá được bài viết của mình và của bạn. Nhận ra các lỗi sai và sửa sai  **\* Cách tiến hành: Cá nhân- Cặp đôi** | |
| - Học sinh xem lại bài của mình, dùng bút chì gạch chân lỗi viết sai. Sửa lại xuống cuối vở bằng bút mực  - Trao đổi bài (cặp đôi) để soát hộ nhau  - Lắng nghe. | - Cho học sinh tự soát lại bài của mình theo.  - GV nhận xét, đánh giá 5 - 7 bài  - Nhận xét nhanh về bài viết của HS |
| **5. Làm bài tập chính tả:** *(5p)*  **\* Mục tiêu:** Giúp HS phân biệt được tr/ch  **\* Cách tiến hành: Cá nhân - Cặp đôi - Chia sẻ trước lớp** | |
| Đ/a:  Thứ tự từ cần điền: kể ***chuyện – truyện –*** không ***gian –*** bao ***giờ –*** dãi ***dầu –*** đứng ***gió,*** rõ ***ràng,*** khu ***rừng***  - Đọc lại đoạn văn sau khi đã điền hoàn chỉnh  - Viết lại 5 lần các từ viết sai trong bài chính tả  - Lấy VD để phân biệt r/d/gi | **Bài 2a:** Điền tiếng bắt đầu bằng r/d/gi  **6. Hoạt động ứng dụng** *(1p)*  **7. Hoạt động sáng tạo** *(1p)* |

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TOÁN**

***Tiết 122:* LUYỆN TẬP**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Củng cố KT về phép nhân PS

**2. Kĩ năng**

- Thực hiện được phép nhân hai phân số, nhân phân số với số tự nhiên, nhân số tự nhiên với phân số.

3**. Thái độ**

- HS tích cực, cẩn thận khi làm bài

**4. Góp phần phát huy các năng lực**

**-** Năng lực tự học, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL tư duy - lập luận logic.

\* BT cần làm: Bài 1, bài 2, bài 4a

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Phiếu học tập.

- HS: SGK,.

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm, luyện tập – thực hành

- Kĩ thuật: đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của HS** | **Hoạt động của GV** |
| - TBHT điều hành lớp trả lời, nhận xét  *+ Muốn nhân hai phân số, ta lấy tử số nhân với tử số, mẫu số nhân với mẫu số.*  *+ HS thực hiện cá nhân – Chia sẻ lớp* | **1. Khởi động *(5p)***  *+ Muốn thực hiện nhân hai phân số ta làm như thế nào?*  *+ Tính:*  *+ Tính:* |
| **2. Hoạt động thực hành** (30 p)  **\* Mục tiêu**: Thực hiện được phép nhân hai phân số, nhân phân số với số tự nhiên, nhân số tự nhiên với phân số.  **\* Cách tiến hành** | |
| - Thực hiện cá nhân – Chia sẻ nhóm 2 - Chia sẻ lớp  Đáp án:  a.  x 8 =  =  b.  x 7 =  =  c.  x 1 =  =  d.  x 0 =  =  = 0  Đáp án:  a. 4 x  b. 3 x  c. 1 x  d. 0 x = 0  - HS làm cá nhân – Chia sẻ lớp  Đáp án:  a.  x  = =  =  =  b.  x  = = = =  c. x = = = 1  - HS làm vào vở Tự học – Chia sẻ lớp  Bài 3:    Vậy:  - HS lấy thêm VD và thực hiện chuyển phép cộng thành phép nhân PS như bài mẫu  Bài 5:  ***Bài giải***  Chu vi hình vuông là:    Diện tích hình vuông là:  (m2)  Đ/s: CV:  DT:(m2)  - Hoàn thành các bài tập trong tiết học  - Tìm các bài tập cùng dạng trong sách buổi 2 và giải | ***Bài 1: Tính.***  - Gọi HS đọc và xác định yêu cầu bài tập.  - Gv hướng dẫn bài mẫu theo SGK.  - Chốt đáp án, chốt cách thực hiện nhân 1 PS với 1 STN  ***Bài 2: Tính (theo mẫu)***  - GV tiến hành tương tự như bài tập 1.      ***-*** Chữa bài, chốt đáp án, củng cố cách nhân một STN với 1 PS    ***Bài 4a: (HS năng khiếu làm cả bài)***  - Gọi HS đọc và xác định yêu cầu bài tập.  - Lưu ý HS khi thực hiện phép tính cần rút gọn tới kết quả tối giản  ***Bài 3+ Bài 5 (bài tập chờ dành cho HS hoàn thành sớm)***  - Chốt: Khi thực hiện phép cộng các phân số giống nhau ta có thể viết gọn thành phép nhân của PS với STN  - Chốt cách tính chu vi và diện tích hình vuông  **3. Hoạt động ứng dụng** *(1p)*  **4. Hoạt động sáng tạo** *(1p)* |

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**LỊCH SỬ**

**TrỊnh – NguyỄn phân tranh**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- Biết được một vài sự kiện về sự chia cắt đất nước, tình hình kinh tế sa sút:

+ Từ thế kỉ XVI, triều đình nhà Lê suy thoái, đất nước từ đây bị chí cắt thành Nam triều và Bắc triều, tiếp đó là Đàng Trong và Đàng Ngoài.

+ Nguyên nhân của việc chia cắt đất nước là do cuộc tranh giành quyền lực của các phe phái phong kiến.

+ Cuộc tranh gìanh quyền lực giữa các tập đoàn phong kiến khiến cuộc sống của nhân dân ngày càng khổ cực: đời sống đói khát, phải đi lính và chết trận, sản xuất không phát triển.

**2. Kĩ năng**

- Dùng lược đồ Việt Nam chỉ ra ranh giới chia cắt Đàng Ngoài-Đàng Trong.

**3. Thái độ**

- Có ý thức học tập nghiêm túc

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL ngôn ngữ, NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: + Bản đồ Việt Nam thế kỉ XVI- XVII.

+ Phiếu học tập của HS.

- HS: SGK, bút

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm.

- KT: Kĩ thuật đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ | **1.Khởi động:***(4p)*  - GV nhận xét chung, dẫn vào bài mới |
| **2. Bài mới:***(30p)*  **\* Mục tiêu:**  - Biết được một vài sự kiện về sự chia cắt đất nước, tình hình kinh tế sa sút.  - Dùng lược đồ Việt Nam chỉ ra ranh giới chia cắt Đàng Ngoài-Đàng Trong.  **\* Cách tiến hành*: Cá nhân – Nhóm - Lớp***  => Giới thiệu bài: Sau gần 100 năm cai trị đất nước, triều Hậu Lê đã có nhiều công lao trong việc củng cố và phát triển nền tự chủ của đất nước. Tuy nhiên bước sang thế kỉ XVI, triều đình Hậu Lê đi vào giai đoạn suy tàn, các thế lực phong kiến họ Mạc, họ Trịnh, họ Nguyễn nổi dậy tranh giành quyền lợi gây ra chiến tranh liên miên, đất nước bị chia cắt, nhân dân cực khổ. Bài học *Trịnh- Nguyễn phân tranh* hôm nay sẽ giúp các em hiểu rõ hơn về giai đoạn lịch sử này.  - GV ghi tên bài. | |
| **Cá nhân – Lớp**  *+ Vua chỉ bày trò ăn chơi xa xỉ suốt ngày đêm và xây dựng cung điện, Quan lại trong triều thì chia thành phe phái, đánh giết lẫn nhau để tranh giành quyền lợi.Nên đất nước rơi vào cảnh loạn lạc.*  **Nhóm 2 – Lớp**  - HS thảo luận và chia sẻ lớp  *+ Năm 1527, Mạc Đăng Dung là một quan võ đã cướp ngôi nhà Lê, lập nên triều Mạc=> Bắc triều*  *+ Năm 1553, Nguyễn Kim (một quan triều Lê) lập một triều đình nhà Lê ở Thanh Hoá=> Nam triều*  - HS theo dõi SGK và trả lời.  - Lắng nghe  **Nhóm 2 – Lớp**  *+ Năm 1592, ở nước ta chiến tranh Nam – Bắc triều mới chấm dứt.*  *+ Nguyễn Kim chết, Trịnh Kiểm lên thay…bùng nổ.*  *+ Trong khoảng 50 năm, họ Trịnh và họ Nguyễn đánh nhau 7 lần. Cuối cùng lấy sông Gianh làm danh giới chia cắt đất nước.*  - Lắng nghe  - Ghi nhớ KT của bài  - Tìm hiểu thêm các câu chuyện dân gian thời vua Lê, chúa Trịnh (Trạng Quỳnh) | **HĐ 1: Nhà Hậu Lê đầu thế kỉ XVI**  - GV dựa vào nội dung SGK và tài liệu tham khảo mô tả sự suy sụp của triều đình nhà Lê từ đầu thế kỉ XVI:  *+ GV yêu cầu HS đọc SGK và tìm những biểu hiện cho thấy sự suy sụp của triều đình Hậu Lê từ đầu thế kỉ XVI.*  - GV giải thích từ “vua quỷ” và “vua lợn”.  ***- GV chốt KT và chuyển ý:*** Trước sự suy sụp của nhà Hậu Lê, nhà Mạc đã cướp ngôi nhà Lê. Chúng ta cùng tìm hiểu về sự ra đời của nhà Mạc.  \***HĐ 2. Sự ra đời của nhà Mạc và sự phân chia Nam triều, Bắc triều**  - Yêu cầu HS đọc thông tin SGK:  *+ Trình bày về sự ra đời của nhà Mạc*  *+ Sự phân chia Nam triều, Bắc triều*  - GV giới thiệu về nhân vật lịch sử Mạc Đăng Dung và sự phân chia Nam triều và Bắc triều.  - GV: ***Đây chính là giai đoạn rối ren, kéo dài trong lịch sử dân tộc. Bắc triều và Nam triều là những thế lực phong kiến thù địch nhau, tìm cách tiêu diệt nhau, làm cho cuộc sống của nhân dân lầm than, đói khổ***.  **Hoạt động 3: Hậu quả của cuộc chiến tranh Trịnh – Nguyễn**  *+ Năm 1592, ở nước ta có sự kiện gì?*    *+ Sau năm 1592, tình hình nước ta như thế nào?*  *+ Kết quả cuộc chiến tranh Trịnh –Nguyễn ra sao?*  **- GV nhận xét và kết luận: *Đất nước bị chia làm 2 miền, đời sống nhân dân vô cùng cực khổ. Đây là một giai đoạn đau thương trong lịch sử dân tộc***  **3. HĐ ứng dụng (1p)**  **4. HĐ sáng tạo (1p)** |

**ĐIỀU CHỈNH-BỔ SUNG**

..........................................................................................................................................................................................................................................................................

.....................................................................................................................................

*Thứ ....... ngày ...... tháng ..... năm .........*

**LUYỆN TỪ VÀ CÂU**

**CHỦ NGỮ TRONG CÂU KỂ AI LÀ GÌ?**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Hiểu được cấu tạo và ý nghĩa của bộ phận CN trong câu kể Ai là gì? (ND Ghi nhớ).

**2. Kĩ năng**

- Nhận biết được câu kể Ai là gì? trong đoạn văn và xác định được CN của câu tìm được (BT1, mục III); biết ghép các bộ phận cho trước thành câu kể theo mẫu đã học (BT2); đặt được câu kể Ai là gì? với từ ngữ cho trước làm CN (BT3).

**3. Thái độ**

- HS có thái độ học tập tích cực, chăm chỉ

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL tự học, NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: bảng phụ

- HS: VBT, bút.

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Quan sát, hỏi đáp, thảo luận nhóm, luyện tập – thực hành

- KT: Kĩ thuật đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của HS** | **Hoạt động của GV** |
| - TBHT điều hành lớp trả lời, nhận xét  *+ VN do danh từ hoặc cụm danh từ tạo thành* | 1**. Khởi động** (5p)  *+ Thêm VN để hoàn chỉnh các câu kể theo mẫu Ai là gì?*  *a) Hà Nội...........................*  *b) Mùa xuân......................*  *+ Nêu cấu tạo của VN trong câu kể Ai là gì?*  - GV giới thiệu và dẫn vào bài mới |
| **2. Hình thành KT** *(15 p)*  **\* Mục tiêu:** Hiểu được cấu tạo và ý nghĩa của bộ phận CN trong câu kể Ai là gì? (ND Ghi nhớ).  **\* Cách tiến hành:** | |
| **Nhóm 4 – Chia sẻ lớp**  a. Có 3 câu dạng ***Ai là gì?*** Đó là:  + ***Ruộng rẫy là chiến trường.***  + ***Cuốc cày là vũ khí.***  + ***Nhà nông là chiến sĩ.***  b. ***Kim Đồng và các bạn anh là những đội viên đầu tiên của Đội ta.***  a. ***Ruộng rẫy là chiến trường.***  ***Cuốc cày là vũ khí.***  ***Nhà nông là chiến sĩ.***  b. ***Kim Đồng và các bạn anh là những đội viên đầu tiên của Đội ta.***  *+ CN chỉ sự vật được giới thiệu, nhận định ở VN*  a. CN là DT: ***ruộng rẫy, cuốc cày, nhà nông.***  b. CN là cụm DT: ***Kim Đồng và các bạn anh***.  *+ CN do danh từ hoặc cụm danh từ tạo thành*  - HS đọc nội dung cần ghi nhớ.  - HS lấy VD về kiểu câu Ai là gì? và xác định CN của câu kể đó. | **a. Nhận xét**  Bài tập 1+ 2+ 3  *+ Trong các câu vừa đọc ở ý a, b, câu nào có dạng* ***Ai là gì?***    *+ Gạch dưới bộ phận CN trong các câu vừa tìm được.*  *+ CN có ý nghĩa gì?*  *+ CN trong các câu trên do những từ ngữ như thế nào tạo thành?*  *+ CN thuộc từ loại gì?*  **b. Ghi nhớ:**  - Cho HS đọc lại phần ghi nhớ. |
|  | **3. HĐ luyện tập** *:(18 p)*  **\* Mục tiêu:** Nhận biết được câu kể Ai là gì? trong đoạn văn và xác định được CN của câu tìm được (BT1, mục III); biết ghép các bộ phận cho trước thành câu kể theo mẫu đã học (BT2); đặt được câu kể Ai là gì? với từ ngữ cho trước làm CN (BT3).  **\* Cách tiến hành: Cá nhân - Nhóm - Cả lớp** |
| **Cá nhân - Nhóm 2- Chia sẻ lớp**  Đ/a:  \* Câu kể Ai là gì? và CN có trong câu văn là:  + ***Văn hoá nghệ thuật cũng là một mặt trận.***  + ***Anh chị em là chiến sĩ trên mặt trận ấy.***  + ***Vừa buồn mà lại vừa vui mới thực là nỗi niềm bông phượng.***  ***+*** ***Hoa phượng là hoa học trò.***  *+ Do danh từ: (hoa phượng) hoặc cụm danh từ (văn hoá nghệ thuật, anh chị em, vừa buồn mà lại vừa vui) tạo thành*  **Cá nhân – Chia sẻ lớp**  - Thực hiện theo HD của GV.  - HS làm bài cá nhân, sau đó chia sẻ bài.  \*Đ/a:  ***- Trẻ em là tương lai của đất nước.***  ***- Cô giáo là người mẹ thứ hai của em.***  ***- Bạn Lan là người Hà Nội.***  ***- Người là vốn quý nhất.***  **Cá nhân – Chia sẻ lớp**  VD:  a. Bạn Bích Vân là người Hải Phòng.  b. Hà Nội là thủ đô của nước ta.  c. Dân tộc ta là dân tộc anh hùng.  - Ghi nhớ kiến thức về Chủ ngữ trong câu Ai là gì?  - Đặt câu thuộc mẫu Ai là gì?. Xác định CN và VN của các câu vừa đặt. | **\* Bài tập 1:**  - HS đọc yêu cầu của BT 1.  + Tìm các câu kể Ai là gì? Sau đó gạch dưới CN của các câu kể vừa tìm được.  - GV nhận xét và chốt lại lời giải đúng.  \* Lưu ý: Giúp đỡ hs M1+M2 xác định CN của câu.  ***- Lưu ý: Các từ: cũng (là), mới thực (là) là những từ nhấn mạnh ý nghĩa cho VN***    *+ Chủ ngữ do từ loại nào tạo thành?*  **Bài tập 2:**  + Chia sẻ bài bằng cách thi tiếp sức thi nối từ ngữ ở cột A với cột B sao cho đúng (hoặc dùng mảnh bìa đã viết sẵn các từ ở cột A gắn tương ứng với từ ngữ ở cột B cho đúng).  - GV nhận xét, chốt lại lời giải đúng:  **Bài tập 3:** Đặt câu…  - Cho HS đọc yêu cầu của BT 3.  - GV nhận xét, khen/ động viên.  \* Lưu ý: Giúp đỡ HS M1+M2 viết câu văn hoàn chỉnh.  **4. HĐ ứng dụng** (1p)  **5. HĐ sáng tạo** (1p) |

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TOÁN**

***Tiết 123:* LUYỆN TẬP**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Củng cố KT về phép nhân PS và các tính chất của phép nhân PS

**2. Kĩ năng**

- Vận dụng được phép nhân 2 PS vào giải toán

**3. Thái độ**

- Tích cực, tự giác học bài, trình bày bài sạch sẽ, khoa học

**4. Góp phần phát triển các kĩ năng**

- Năng lực tự học, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL tư duy - lập luận logic.

\* BT cần làm: Bài 2, bài 3

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: bảng phụ

- HS: SGK, bút

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Quan sát, hỏi - đáp, thảo luận nhóm, luyện tập – thực hành

- KT: đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của HS** | **Hoạt động của GV** |
| - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ | **1. HĐ khởi động *(3p)***  - GV dẫn vào bài mới |
|  | **2. HĐ thực hành** *(30p)*  *\** **Mục tiêu***:* Vận dụng phép nhân phân số vào giải toán  **\* Cách tiến hành***:* Cá nhân – Nhóm – Lớp |
| - Làm cá nhân – Chia sẻ nhóm 2 - Lớp  *+ Muốn tính chu vi hình chữ nhật ta lấy số đo chiều dài cộng với số đo chiều rộng rồi nhân với 2*  ***Bài giải***  Chu vi của hình chữ nhật là:  ( + ) x 2 = (m)  Đáp số : m  - Làm cá nhân – Chia sẻ lớp  ***Bài giải***  May 3 chiếc túi hết số mét vải là:  x 3 = 2 (m)  Đáp số : 2m  - Thực hiện cá nhân – Nhóm 2 – Chia sẻ lớp về các tính chất của phép nhân phân số.  - HS tính:  x  =  ;  x  =  - HS nêu  x  =  x  *- Khi đổi vị trí các phân số trong một tích thì tích của chúng không thay đổi.*  - HS lấy VD về tính chất giao hoán của phép nhân  - HS tính:  ( x ) x  =  x  =  =  x ( x ) =  x =  =  - Hai biểu thức có giá trị bằng nhau:  ( x ) x  =  x ( x )  *- Muốn nhân một tích hai phân số với phân số thứ ba chúng ta có thể nhân phân số thứ nhất với tích của phân số thứ hai và phân số thứ ba.*  - HS nhắc lại tính chất, lấy VD  - HS tính:  (+ ) x  =  x =  x  +  x  = + =  - Giá trị của hai biểu thức bằng nhau và bằng  *- Khi nhân một tổng hai phân số với phân số thứ ba ta có thể nhân từng phân số của tổng với phân số thứ ba rồi cộng các kết quả lại với nhau.*  - HS nghe và nhắc lại tính chất.  - HS làm nhóm 2 – Chia sẻ lớp  VD:  Cách 1:  = (=  Cách 2:  =  - Chữa lại các phần bài tập làm sai  - Tìm các bài tâp cùng dạng trong sách Toán buổi 2 và giải | ***Bài 2:***.  *+ Nêu cách tính chu vi của hình chữ nhật*?  - GV nhận xét, đánh giá bài làm của HS, chốt đáp án.  - Lưu ý cách thực hiện phép cộng 2 PS khác MS và phép nhân PS với 1 STN  ***Bài 3***  - GV tiến hành tương tự như bài 2.  ***Bài 1 (dành cho HS hoàn thành sớm)***  \* **Tính chất giao hoán**  Tính:  x  =?  x  =?  \* Hãy so sánh  x  và  x  ?    *\* Vậy khi đổi vị trí của các phân số trong một tích thì tích đó có thay đổi không?*  - Kết luận: Đó được gọi là tính chất giao hoán của phép nhân.  \* **Tính chất kết hợp**  Tính:  ( x ) x  =? ;  x ( x ) =?    - Hãy so sánh giá trị của hai biểu thức  ( x ) x  và  x ( x )  *\* Qua bài toán trên, bạn nào cho biết muốn nhân một tích hai phân số với phân số thứ ba chúng ta có thể làm như thế nào?*  - Kết luận: Đó chính là tính chất kết hợp của phép nhân.  \* **Tính chất một tổng hai phân số nhân với phân số thứ ba**  Tính  ( + ) x  =? ;  x  +  x  =?    - GV yêu cầu HS so sánh giá trị của hai biểu thức trên.  *\* Như vậy khi thực hiện nhân một tổng hai phân số với phân số thứ ba thì ta có thể làm như thế nào?*  - Đó chính là tính chất nhân một tổng với một số  **\* Làm bài tập vận dụng**  - Lưu ý HS đối với bài yêu cầu tính thuận tiện, cần biết vận dụng một trong 2 cách xem cách nào tính nhanh nhất  **3. Hoạt động ứng dụng** (1p)  **4. Hoạt động sáng tạo** (1p) |

**ĐIỀU CHỈNH-BỔ SUNG**

...................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**ĐẠO ĐỨC**

**THỰC HÀNH KĨ NĂNG GIỮA HỌC KÌ II**

**I.MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Củng cố và rèn kỹ năng trong giao tiếp:

+ Biết bày tỏ sự kính trọng và biết ơn đối với những người lao động.

+ Tự trọng và tôn trọng người khác, tôn trọng nếp sống văn minh. Đồng tình với những người biết cư xử lịch sự và không đồng tình với những người cư xử bất lịch sự.

+ Tôn trọng và giữ gìn, bảo vệ các công trình công cộng.

**2. Kĩ năng**

- Thực hiện tốt các hành vi đạo đức đã học.

**3. Thái độ**

- Có thái độ tự trọng và tôn trọng người khác

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL tự học, NL giải quyết vấn đề, NL hợp tác, sáng tạo

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Phiếu học tập

- HS: SGK, SBT

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm, trò chơi, đóng vai.

- KT: động não, tia chớp, chia sẻ nhóm 2

**III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của HS** | **Hoạt động của GV** |
| -TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ | **1. Khởi động:***(2p)*  - GV dẫn vào bài mới |
| **2. Bài mới** *(30p)*  **\* Mục tiêu:** Biết bày tỏ sự kính trọng và biết ơn đối với những người lao động. Tự trọng và tôn trọng người khác, tôn trọng nếp sống văn minh. Đồng tình với những người biết cư xử lịch sự và không đồng tình với những người cư xử bất lịch sự. Tôn trọng và giữ gìn, bảo vệ các công trình công cộng.  **\* Cách tiến hành: Cá nhân-Nhóm-Lớp** | | |
| **Nhóm 6 – Lớp**  \* Hành động và việc làm thể hiện sự kính trọng và biết ơn người lao động:  + Chào hỏi lễ phép.  + Giữ gìn sách vở, đồ dùng và đồ chơi.  + Học tập gương những người lao động.  + Quý trọng sản phẩm lao động…  \* Một số biểu hiện lịch sự khi nói năng và chào hỏi:  + Nói năng nhỏ nhẹ, nhã nhặn,…  + Biết lắng nghe khi người khác đang nói.  + Chào hỏi khi gặp gỡ.  + Cám ơn khi được giúp đỡ.  + Xin lỗi khi làm phiền người khác.  + Biết dùng những lời yêu cầu và đề nghị khi muốn nhờ người khác giúp đỡ.  \* Một số việc làm thể hiện giữ gìn, bảo vệ các CTCC:  + Không viết vẽ bậy lên tường  + Không leo trèo lên các đồ tâm linh  + Dọn dẹp VS sạch sẽ  + Trang trí, làm mới,...  **Nhóm 6 – Lớp**  - HS thảo luận, đóng vai và diễn lại tình huống với các cách ứng xử phù hợp  - Các nhóm nhận xét, bổ sung  - Thực hành theo nội dung các bài học  - Sưu tầm các câu ca dao, tục ngữ khuyên chúng ta cần biết cư xử lịch sự với người khác. | **HĐ1: Ôn lại các kiến thức**  \*Nhóm 1, 2: Nêu những hành động và việc làm thể hiện sự kính trọng và biết ơn người lao động?  \* Nhóm3,4: Nêu một số biểu hiện lịch sự khi nói năng và cháo hỏi?  \* Nhóm 5, 6: Nêu một số việc làm thể hiện giữ gìn, bảo vệ các CTCC  - GV nhận xét chung, hệ thống lại KT liên quan các bài học  **HĐ 2: Xử lí tình huống**  **-** Yêu cầu các nhóm bắt thăm và đóng vai xử lí các tình huống sau:  + Nam đến nhà Hoàng chơi thì bắt gặp Hoàng đang xé giấy trắng để gấp máy bay chơi.  + Lan cùng nhóm bạn đang chơi trên sân trường thì thấy thầy Ba đi gần tới. Mấy bạn bảo Lan: Chúng mình không cần chào thầy vì thầy không dạy lớp mình.  + Hôm nay, nhà trường tổ chức cho HS khối 4 đi thăm quan chùa. Đến sân chùa, thấy con rồng bằng đá giữa sân, Tùng rủ các bạn trèo lên chơi cho thích.  - GV nhận xét chung, lưu ý về các hành vi ứng xử của HS trong từng tình huống  **3. HĐ ứng dụng** *(1p)*  **4. HĐ sáng tạo** *(1p)* |

**ĐIỀU CHỈNH-BỔ SUNG**

..............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**KỂ CHUYỆN**

**NHỮNG CHÚ BÉ KHÔNG CHẾT**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Hiểu được nội dung, ý nghĩa của câu chuyện: Ca ngợi những thiếu niên Liên Xô dũng cảm trong cuộc chiến tranh vệ quốc chống phát xít Đức.

- Đặt được tên khác cho câu chuyện

**2. Kĩ năng:**

- Dựa theo lời kể của GV và tranh minh hoạ (SGK), kể lại được từng đoạn của câu chuyện Những chú bé không chết rõ ràng, đủ ý (BT1); kể nối tiếp được toàn bộ câu chuyện (BT2).

**3. Thái độ**

- Giáo dục HS lòng dũng cảm

**4. Góp phần bồi dưỡng các năng lực**

- NL giao tiếp và hợp tác, NL sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Tranh minh hoạ truyện trong SGK phóng to.

- HS: SGK

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm, kể chuyện

- KT: đặt câu hỏi, động não, chia sẻ nhóm.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ | **1. Khởi động***:(5p)*  - Gv dẫn vào bài. |
| **2. GV kể chuyện**  **\* Mục tiêu:**  HS nghe và nắm được diễn biến chính của câu chuyện  **\* Cách tiến hành:** | |
| - HS lắng nghe  - Lắng nghe và quan sát tranh | - ***GV kể lần 1:*** không có tranh (ảnh) minh hoạ.  - Chú ý: kể với giọng hồi hộp, phân biệt được lời các nhân vật. Cần nhấn giọng ở chi tiết *Vẫn là chú bé mặc áo sơ mi xanh có hàng cúc trắng …*  - Giải nghĩa một số từ: phát xít, du kích  - ***GV kể lần 2:***  - GV kể lần 2 kết hợp sử dụng tranh minh hoạ (kể chậm, to, rõ, kết hợp với động tác). |
| **3. Thực hành kể chuyện – Nêu ý nghĩa câu chuyện***:(20- 25p)*  **\* Mục tiêu:** Kể lại từng đoạn truyện, toàn bộ câu chuyện. Nêu được nội dung, ý nghĩa câu chuyện  + HS M1+M2 kể được câu chuyện đúng YC  + HS M3+ M4 kể được câu chuyện đúng YC kết hợp được điệu bộ, giọng nói,..  **\* Cách tiến hành: Cá nhân - Nhóm- Lớp** | |
| - Nhóm trưởng điều hành các thành viên kể từng đoạn truyện  - Kể toàn bộ câu chuyện trong nhóm  - Các nhóm cử đại diện kể chuyện trước lớp  - HS lắng nghe và đánh giá theo các tiêu chí  VD:  *+ Thái độ của tên sĩ quan phát xít như thế nào vào đêm thứ hai và đêm thứ ?*  *+ Thái độ của các cậu bé như thế nào?*  ***\* Ca ngợi tinh thần dũng cảm, sự hy sinh cao cả của các chiến sĩ nhỏ tuổi trong cuộc đấu tranh chống kẻ thù xâm lược, bảo vệ Tổ Quốc.***  - HS có thể phát biểu:  *+ Vì 3 chú bé là 3 anh em ruột, ăn mặc giống nhau khiến tên phát xít nhầm tưởng là chú bé đã bị bắn chết sống lại …*  *+ Vì tên phát xít giết chú bé này lại xuất hiện chú bé khác …*  *+ Vì tinh thần dũng cảm, sự hi sinh cao cả của các chú bé sống mãi …*  - HS có thể đặt tên:  *+ Những thiếu niên dũng cảm.*  *+ Những thiếu niên bất tử.*  *+ Những chú bé không bao giờ chết.*  - Kể lại câu chuyện cho người thân nghe  - Tìm các câu chuyện khác cùng chủ điểm | a. Kể trong nhóm  - GV theo dõi các nhóm kể chuyện  b. Kể trước lớp  - GV mở bảng phụ đã viết sẵn tiêu chuẩn đánh giá bài kể chuyện (như những tiết trước)  - GV khuyến khích HS đặt câu hỏi cho bạn  - Cùng HS trao đổi về ý nghĩa của câu chuyện:  *+ Câu chuyện ca ngợi phẩm chất gì ở các chú bé?*  *+ Tại sao chuyện có tên là những chú bé không chết?*  *+ Các em hãy thử đặt tên khác cho câu chuyện này.*  **4. Hoạt động ứng dụng *(1p)***  **5. Hoạt động sáng tạo *(1p)*** |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**KĨ THUẬT**

**CHĂM SÓC RAU, HOA (T2)**

**I.MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Nhắc lại được mục đích, tác dụng, cách tiến hành một số công việc chăm sóc rau, hoa.

**2. Kĩ năng**

- Làm được một số công việc chăm sóc rau, hoa.

**3. Thái độ**

- Yêu thiên nhiên, có ý thức bảo vệ và chăm sóc cây rau, hoa đã trồng.

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL thẩm mĩ, NL sáng tạo, NL hợp tác

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Phân, lân, đạm

- HS: - Vật liệu và dụng cụ:

+ Cây trồng trong chậu, bầu đất ở tiết trước

+ Dầm xới, hoặc cuốc.

+ Bình tưới nước.

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Quan sát mẫu, hỏi đáp, thảo luận nhóm, luyện tập – thực hành

- KT: đặt câu hỏi, tia chớp, động não, chia sẻ nhóm

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ. | **1. HĐ khởi động** *(3p)*  - GV dẫn vào bài mới |
| **2. HĐ thực hành:***(30p)*  **\* Mục tiêu**:  - Làm được một số công việc chăm sóc rau, hoa.  - Đánh giá được công việc của mình và của bạn trong việc chăm sóc cây rau, hoa  **\* Cách tiến hành: Cá nhân- Nhóm- Lớp** | |
| - HS nhắc lại tên các công việc chăm sóc cây.    - HS thực hành chăm sóc cây rau, hoa theo nhóm đã phân công:  + Tưới nước/lân, đạm  + Nhổ cỏ  + Tỉa nhánh/ lá già héo úa  + Xới đất, vun cây  - HS tự đánh giá theo các tiêu chuẩn trên và đánh giá chéo  - Bình chọn nhóm thực hành tốt  - Tiêp tục thực hành chăm sóc cây | **HĐ2: *HS thực hành chăm sóc rau, hoa.***  - GV tổ chức cho HS làm 1, 2 công việc chăm sóc cây ở tiết trước  - GV phân công, giao nhịêm vụ thực hành.  - GV quan sát, uốn nắn, chỉ dẫn thêm cho HS và nhắc nhở đảm bảo an toàn lao động.  **Hoạt động 3*: Đánh giá kết quả học tập:***  - GV gợi ý cho HS đánh giá kết quả thực hành theo các tiêu chuẩn sau:  + Chuẩn bị dụng cụ thực hành đầy đủ.  + Thực hiện đúng thao tác kỹ thuật.  + Chấp hành đúng về an toàn lao động và có ý thức hoàn thành công việc được giao, đảm bảo thời gian qui định.  - GV nhận xét và đánh giá kết quả học tập của HS.  **3. Hoạt động ứng dụng** (1p)  **4. Hoạt động sáng tạo** (1p) |

**ĐIỀU CHỈNH-BỔ SUNG**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

*Thứ ....... ngày ...... tháng ..... năm .........*

**TẬP ĐỌC**

**BÀI THƠ VỀ TIỂU ĐỘI XE KHÔNG KÍNH**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Hiểu ND, ý nghĩa của bài: Ca ngợi tinh thần dũng cảm, lạc quan của các chiến sĩ lái xe trong kháng chiến chống Mĩ cứu nước (trả lời được các câu hỏi)

**2. Kĩ năng**

- Đọc trôi trảy, rành mạch bài thơ, giọng đọc tươi vui. lạc quan. Học thuộc lòng 1- 2 khổ thơ thơ.

**3. Thái độ**

- GD tinh thần yêu nước, dũng cảm, lạc quan trong chiến đấu.

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ.

*\** ***GD QP-AN:*** *Nêu những khó khăn vất vả và sáng tạo của bộ đội, công an và thanh niên xung phong trong chiến tranh*

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Tranh minh hoạ bài tập đọc (phóng to)

Bảng phụ viết sẵn đoạn luyện đọc

- HS: SGK

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- Phương pháp: Quan sát, hỏi - đáp, luyện tập – thực hành

- Kĩ thuật: Làm việc nhóm, chia sẻ, động não, tia chớp

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - ***TBHT điều khiển lớp trả lời, nhận xét:***  + 1 HS đọc  *+ Một đằng thì đức độ, hiền từ mà nghiêm nghị. Một đằng thì nanh ác, hung hăng như … chuồng*  *+ Ca ngợi bác sĩ Ly đã dũng cảm và kiên quyết bảo vệ lẽ phải* | **1. Khởi động:** *(3p)*  *+ Đọc bài Khuất phục tên cướp biển*  *+Cặp câu nào trong bài khắc hoạ hai hình ảnh đối nghịch nhau?*  *+ Nêu ý nghĩa bài học.*  - GV dẫn vào bài mới – Ghi tên bài |
| **2. Luyện đọc:** *(8-10p)*  **\* Mục tiêu:** Đọc trôi chảy, rành mạch bài thơ, giọng đọc vui, lạc quan  \* **Cách tiến hành:** | |
| - 1 HS đọc bài, cả lớp đọc thầm  - Lắng nghe  - Nhóm trưởng điều hành cách chia đoạn  - Bài chia làm 4 đoạn.  (Mỗi khổ thơ là một đoạn)  - Nhóm trưởng điều hành nhóm đọc nối tiếp trong nhóm lần 1 và phát hiện các từ ngữ khó: *xoa, đột ngột, như sa như ùa, xối, tiểu đội, ....)*  - Luyện đọc từ khó: Đọc mẫu (M4)-> Cá nhân (M1)-> Lớp  - Giải nghĩa các từ: đọc chú giải  - HS đọc nối tiếp lần 2 theo điều khiển  - Các nhóm báo cáo kết quả đọc  - 1 HS đọc cả bài (M4) | - Gọi 1 HS đọc bài (M3)  - GV lưu ý giọng đọc: Toàn bài đọc vui thể hiện tinh thần lạc quan của các chiến sĩ, nhấn giọng các từ ngữ: *không phải vì xe không có kính, chạy thẳng vào tìm, ừ thì ướt áo, mưa tuôn, chưa cần thay, mau khô áo,…*  - GV chốt vị trí các đoạn  - Lưu ý sửa lỗi đọc và ngắt nghỉ cho các HS (M1) |
| **3.Tìm hiểu bài:** *(8-10p)*  **\* Mục tiêu:** Hiểu nội dung bài: Ca ngợi tinh thần dũng cảm, lạc quan của các chiến sĩ lái xe trong kháng chiến chống Mĩ cứu nước (trả lời được các câu hỏi)  **\* Cách tiến hành: *Làm việc nhóm 4 – Chia sẻ trước lớp*** | |
| - 1 HS đọc  - HS tự làm việc nhóm 4 trả lời các câu hỏi - TBHT điều hành các nhóm trả lời, nhận xét  *- Đó là những hình ảnh:*  *\* Bom giật, bom rung kính vỡ đi rồi.*  *\* Ung dung, buồng lái ta ngồi.*  *\* Nhìn đất, nhìn trời, nhìn thẳng.*  *\* Không có kính, ừ thì ướt áo.*  *\* Mưa tuôn, mưa xối như ngoài trời.*  *\* Chưa cần thay, lái trăm cây số nữa…*  *- Thể hiện qua các câu:*  *Gặp bạn bè suốt dọc đường đi tới.*  *Bắt tay qua cửa kính vỡ rồi …*  *+ Các chú lái xe rất vất vả, rất dũng cảm.*  *+ Các chú lái xe thật dũng cảm, lạc quan, yêu đời …*  *+ Các khó khăn, gian khổ: thiếu thức ăn, nước uống, thuốc men; ngủ dưới những căn hầm ẩm ướt; bị bệnh sốt rét, luôn luôn bị đe doạ tính mạng bởi bom đạn,...*  *+ Sáng tạo: xe không kính, bếp Hoàng Cầm, lá nguỵ trang, ...*  **Nội dung:** ***Bài thơ ca ngợi tinh thần dũng cảm, lạc quan của các chiến sĩ lái xe trong những năm tháng chống Mĩ cứu nước.***  - HS ghi nội dung bài vào vở | - Gọi HS đọc các câu hỏi cuối bài.  *+ Những hình ảnh nào trong bài thơ nói lên tinh thần dũng cảm và lòng hăng hái của các chiến sĩ lái xe?*  *+ Tình đồng chí, đồng đội của các chiến sĩ được thể hiện qua những câu thơ nào?*  🡪 Các câu thơ đó đã thể hiện tình đồng chí, đồng đội thắm thiết giữa những người chiến sĩ lái xe ở chiến trường nay khói lửa bom đạn.  *+ Hình ảnh những chiếc xe không kính vẫn băng băng ra trận giữa bom đạn kẻ thù gợi cho em cảm nghĩ gì?*  🡪 Đó là khí thế quyết chiến, quyết thắng *Xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước* của hậu phương lớn miền Bắc trong thời kì chiến tranh chống đế quốc Mĩ.  ***\* GDQP-AN: Trong chiến tranh, các chiến sĩ công an, bộ đội và thanh niên xung phong phải chịu rất nhiều khó khăn, gian khổ nhưng họ cũng rất sáng tạo và lạc quan, yêu đời, thích nghi với cuộc kháng chiến trường kì của dân tộc.***  *+ Hãy nêu nội dung của bài.*  \* HS M3+M4 đọc trả lời câu hỏi hoàn chỉnh và nêu nội dung đoạn, bài. |
| **3. Luyện đọc diễn cảm - Học thuộc lòng** *(8-10p)*  **\* Mục tiêu: HS** biết đọc diễn cả bài. Học thuộc lòng 1-2 khổ thơ  **\* Cách tiến hành: Hoạt động cá nhân – nhóm - cả lớp** | |
| - 1 HS nêu lại  - 1 HS đọc toàn bài  - Nhóm trưởng điều khiển:  + Đọc diễn cảm trong nhóm  + Thi đọc diễn cảm trước lớp  - Lớp nhận xét, bình chọn.  - HS học thuộc lòng và thi học thuộc lòng tại lớp  - Ghi nhớ nội dung bài thơ  - Hãy chọn hình ảnh mình thích nhất và bình về hình ảnh đó | - Yêu cầu HS nêu giọng đọc toàn bài.  - Yêu cầu các nhóm thảo luận và tự chọn 2 đoạn thơ đọc diễn cảm  - Yêu cầu học thuộc lòng 1- 2 khổ thơ tại lớp  - GV nhận xét chung  **4. Hoạt động ứng dụng** *(1 phút)*  **5. Hoạt động sáng tạo** *(1 phút)* |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TOÁN**

***Tiết 124:* TÌM PHÂN SỐ CỦA MỘT SỐ**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Biết cách tìm phân số của một số.

**2. Kĩ năng**

- Thực hiện giải được các bài toán dạng tìm phân số của một số

**3. Thái độ**

- Chăm chỉ, tích cực trong giờ học.

**4. Góp phần phát triển các NL**

- NL tự học, làm việc nhóm, NL tính toán, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo

\* Bài tập cần làm: Bài 1, bài 2

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Phiếu học tập

- HS: SGK

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Quan sát, hỏi đáp, thảo luận nhóm, thực hành,...

- KT: động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBHT điều hành lớp trả lời, nhận xét  + 2 HS phát biểu ý kiến | **1.Khởi động***:(5p)*  *+ Nêu cách nhân 2 PS . Lấy VD minh hoạ*  - GV dẫn vào bài mới – Ghi tên bài |
| **2. Hình thành kiến thức** (15p)  **\* Mục tiêu:** Biết cách tìm phân số của một số.  **\* Cách tiến hành:** | |
| - HS thảo luận nhóm 2 và trả lời các câu hỏi:  *+  số cam trong rổ gấp đôi  số cam trong rổ.*  *+ Ta lấy  số cam trong rổ nhân với 2.*  *+  số cam trong rổ là 12 : 3 = 4 (quả)*  *+  số cam trong rổ là 4 🞨 2 = 8 (quả)*  *+  của 12 quả cam là 8 quả.*  *+ Điền dấu nhân (🞨)*  - HS thực hiện 12 🞨  = 8  *+ Muốn tính  của 12 ta lấy số 12 nhân với .*  - Là 15 🞨  = 10.  - Là 24 🞨  = 18. |  |
| **3. HĐ thực hành***:(18 p)*  **\* Mục tiêu:** Giải được bài toán tìm phân số của một số  **\* Cách tiến hành:** | |
| - HS làm cá nhân – Chia sẻ nhóm 2- Lớp  Bài giải  Số học sinh được xếp loại khá là:  35 🞨  = 21 (học sinh)  Đáp số: 21 học sinh  - HS làm cá nhân – Chia sẻ lớp  Đ/a:  ***Bài giải***  Chiều rộng của sân trường là:  120 🞨  = 100 (m)  Đáp số: 100m  - HS làm vào vở Tự học – Chia sẻ lớp  ***Bài giải***  Lớp 4A có số học sinh nữ là:  (học sinh)  Đáp số: 18 học sinh nữ  - Chữa lại các phần bài tập làm sai  - Thêm yêu cầu cho bài toán 3 (SGK) và giải: Hỏi lớp 4A có tất cả bao nhiêu học sinh? | ***Bài 1:***  - Gọi HS đọc và xác định yêu cầu bài tập.  - GV chốt đáp án, chốt cách giải bài toán tìm phân số của một số.  ***Bài 2:***  - GV nhận xét, đánh giá bài làm trong vở của HS.  **Bài 3 *(bài tập chờ dành cho HS hoàn thành sớm)***  **4. HĐ ứng dụng** (1p)  **5. HĐ sáng tạo** (1p) |

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

:...................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TẬP LÀM VĂN**

**LUYỆN TẬP XÂY DỰNG ĐOẠN VĂN MIÊU TẢ CÂY CỐI (TT)**

**I.MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Giúp HS biết cách viết đoạn văn miêu tả cây cối

**2. Kĩ năng**

- Vận dụng những hiểu biết về đoạn văn trong bài văn tả cây cối đã học để viết được các đoạn văn trong phần thân bài của bài văn tả một cây bóng mát

**3. Thái độ**

- Có ý thức dùng từ đặt câu và sử dụng các biện pháp nghệ thuật khi viết.

**4. Góp phần phát triển NL:**

**-** NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL tự học, NL giao tiếp.

***\* Ghi chú: Thay cho bài Tóm tắt tin tức không dạy***

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Tranh, ảnh về cây bóng mát

- HS: Vở, bút, ...

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Quan sát, hỏi đáp, thảo luận nhóm, luyện tập-thực hành

- KT: đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, chia sẻ nhóm 2, động não.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ | **1. Khởi động:(***5p)*    *- GV* dẫn vào bài học |
| **2. HĐ thực hành** *(30p)*  **\* Mục tiêu:**  Vận dụng những hiểu biết về đoạn văn trong bài văn tả cây cối đã học để viết được các đoạn văn trong phần thân bài của bài văn tả một cây bóng mát  **\* Cách tiến hành: Cá nhân- Nhóm - Lớp** | |
| - HS đọc và xác định yêu cầu của bài  - Lập dàn ý chi tiết cho phần thân bài theo một trong 2 cách  + Tả từng bộ phận của cây  + Tả từng thời kì phát triển của cây  \* Viết 2-3 đoạn văn  + Đoạn văn tả thân, rễ, lá  + Đoạn văn tả hoa, quả  + Đoạn văn tả công dụng, ích lợi  - Lắng nghe  - HS thưc hành viết bài cá nhân và chia sẻ trước lớp  VD: Cây bàng được trồng ở góc sân trường. Tán cây xoè bóng mát, ôm trọn một góc tầng hai. Mấy cành cây tinh nghịch sà vào gần hành lang lớp học. Những chiếc lá bàng to bằng bàn tay người lớn, xanh đậm suốt mùa hè, giấu đi những chú ve ca hát suốt ngày đêm không biết mệt mỏi. Thân cây bàng to, sần lên những cục u bướu như vẻ mặt khắc khổ của một cụ già.  - Chữa lỗi dùng từ, đặt câu trong bài viết  - Hoàn chỉnh bài văn miêu tả cây bóng mát | ***Đề bài: Viết các đoạn văn của phần thân bài cho bài văn miêu tả một cây bóng mát***  *+ Trong phần TB, có thể viết mấy đoạn văn?*  ***- GV lưu ý: Dù viết mấy đoạn văn thì mỗi đoạn văn cũng phải có nội dung miêu tả, có câu mở đoạn, câu kết đoạn và các đoạn văn phải có mối liên hệ với nhau.***  - GV cùng HS chữa lỗi dùng từ, đặt câu cho bạn  **3. HĐ ứng dụng** *(1p)*  **4. HĐ sáng tạo** *(1p)* |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**KHOA HỌC**

**NÓNG, LẠNH VÀ NHIỆT ĐỘ**

**1. Kiến thức**

- Có khái niệm về nóng, lạnh, biết được nhiệt độ của nước sôi, nước đá, nhiệt độ của cơ thể người khoẻ mạnh

**2. Kĩ năng**

- Sử dụng được nhiệt kế để xác định nhiệt độ cơ thể, nhiệt độ không khí.

**3. Thái độ**

- HS học tập nghiêm túc, tích cực

**4. Góp phần phát triển các năng lực:**

- NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL hợp tác, NL sáng tạo

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Nhiệt kế, dụng cụ thí nghiệm

- HS: Cốc thuỷ tinh đựng nước

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm, thực hành thí nghiệm.

- KT: Động não, chia sẻ nhóm đôi, tia chớp

**II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt đông của của học sinh** | **Hoạt đông của giáo viên** |
| - TBHT điều khiển các bạn chơi trò chơi  *+ Không nên học và đọc sách dưới ánh sáng quá yếu hay ánh sáng quá mạnh*  *+ Không dễ dàng vẽ được vì thiếu ánh sáng.* | **1, Khởi động *(4p)***  *+ Không nên làm gì để tránh gây hại mắt khi đọc và viết?*  - Giới thiệu bài, ghi bảng. |
| **2. Bài mới:***(30p)*  **\* Mục tiêu:** Nêu được ví dụ về vật nóng hơn có nhiệt độ cao hơn, vật lạnh hơn có nhiệt độ thấp hơn. Sử dụng được nhiệt kế để xác định nhiệt độ cơ thể, nhiệt độ không khí.  **\* Cách tiến hành: Cá nhân - Nhóm – Lớp** | |
| **Cá nhân – Nhóm 4– Lớp**  *+ Vật nóng: nước đun sôi, bóng đèn, nồi đang nấu ăn, hơi nước, nền xi măng khi trời nóng,....*  *+ Vật lạnh: nước đá, khe tủ lạnh, đồ trong tủi lạnh,...*  - Tiến hành thí nghiệm theo nhóm 4  *+ Cốc a nóng hơn cốc c và lạnh hơn cốc b, vì cốc a là cốc nước nguội, cốc b là cốc nước nóng, cốc c là cốc nước đá.*  - HS nghe và trả lời câu hỏi: *Cốc nước nóng có nhiệt độ cao nhất, cốc nước đá có nhiệt độ thấp nhất, cốc nước nguội có nhiệt độ cao hơn cốc nước đá.*  - HS lấy VD về vật lạnh hơn vật này nhưng lại nóng hơn vật khác  - HS tham gia làm thí nghiệm cùng GV và trả lời câu hỏi:  *+ Em cảm thấy nước ở chậu B lạnh hơn nước ở chậu C vì do tay ở chậu A có nước ấm nên chuyển sang chậu B sẽ cảm thấy lạnh. Còn tay ở chậu D có nước lạnh nên khi chuyển sang ở chậu C sẽ có cảm giác nóng hơn.*  - Lắng nghe.  - Quan sát, lắng nghe.  + *300C*  - HS thực hành đo nhiệt độ cơ thể theo nhóm  - Đọc 370C  - Lắng nghe.  - Thực hành đo theo nhóm và đối chiếu kết quả đo  - Thực hành đo nhiệt độ của nước, của các thành viên trong gia đình  - Dự đoán nhiệt độ của nước và dùng nhiệt kế kiểm tra lại | **HĐ1: Tìm hiểu về sự truyền nhiệt*:***  - GV nêu: Nhiệt độ là khái niệm chỉ độ nóng, lạnh của một vật.  - GV yêu cầu: *Em hãy kể tên những vật có nhiệt độ cao (nóng) và những vật có nhiệt độ thấp (lạnh) mà em biết.*  - Yêu cầu HS thực hành thí nghiệm như hình 1 và trả lời câu hỏi  *+ Cốc a nóng hơn cốc nào và lạnh hơn cốc nào? Vì sao em biết?*  - GV giảng và hỏi tiếp: Một vật có thể là vật nóng so với vật này nhưng lại là vật lạnh so với vật khác. Điều đó phụ thuộc vào nhiệt độ ở mỗi vật. Vật nóng có nhiệt độ cao hơn vật lạnh. *Trong thí nghiệm, cốc nước nào có nhiệt độ cao nhất, cốc nước nào có nhiệt độ thấp nhất?*  **HĐ2: Thực hành sử dụng nhiệt kế:**  - Tổ chức cho HS làm thí nghiệm.  - GV vừa phổ biến cách làm vừa thực hiện: lấy 4 chiếc chậu và đổ một lượng nước sạch bằng nhau vào chậu A, B, C, D. Đổ thêm một ít nước sôi vào chậu A và cho đá vào chậu D. Yêu cầu HS lên nhúng 2 tay vào chậu A, D sau đó chuyển nhanh vào chậu B, C. Hỏi: *Tay em có cảm giác như thế nào? Giải thích vì sao có hiện tượng đó?*  ***- GV giảng bài: Nói chung, cảm giác của tay có thể giúp ta nhận biết đúng về sự nóng hơn, lạnh hơn. Tuy vậy, trong thí nghiệm vừa rồi mà các em kết luận chậu nước C nóng hơn chậu nước B không đúng. Cảm giác của ta đã bị nhầm lẫn vì 2 chậu B,C có cùng một loại nước giống nhau thì chúng ta phải có nhiệt độ bằng nhau. Để xác định được chính xác nhiệt độ của vật, người ta sử dụng nhiệt kế.***  - Cầm các loại nhiệt kế và giới thiệu: Có nhiều loại nhiệt kế khác nhau: nhiệt kế đo nhiệt độ cơ thể, nhiệt kế đo nhiệt lượng không khí. Nhiệt kế gồm một bầu nhỏ bằng thuỷ tinh gắn liền với một ống thuỷ tinh dài và có ruột rất nhỏ, đầu trên hàn kín. Trong bầu có chứa một chất lỏng màu đỏ hoặc chứa thuỷ ngân (một chất lỏng, óng ánh như bạc). Chất lỏng này được thay đổi tuỳ vào mục đích sử dụng nhiệt kế. Trên mặt ống thuỷ tinh có chia các vạch nhỏ và đánh số. Khi ta nhúng bầu nhiệt kế vào vật muốn đo nhiệt độ thì chất lỏng màu đỏ hoặc thuỷ ngân sẽ dịch chuyển dần lên hay dần xuống rồi ngừng lại. Đánh dấu mức ngừng của chất lỏng màu đỏ hoặc thuỷ ngân ngưng lại và đó chính là nhiệt độ của vật.  - Yêu cầu HS đọc nhiệt độ ở 2 nhiệt kế trên hình minh hoạ số 3. Hỏi:  *+ Nhiệt độ phòng là bao nhiêu độ?*  **\* Thực hành đo nhiệt độ cơ thể người**  - GV gọi HS lên bảng: vẩy cho thuỷ ngân tụt xuống bầu, sau đó đặt bầu nhiệt kế vào nách và kẹp vào cánh tay lại để giữ nhiệt kế. Sau khoảng 5 phút, lấy nhiệt kế ra đọc nhiệt độ.  - Lấy nhiệt kế và yêu cầu HS đọc nhiệt độ.  ***- GV giảng: Nhiệt độ của cơ thể người lúc khoẻ mạnh vào khoảng 370 C. Khi nhiệt độ cơ thể cao hơn hoặc thấp hơn ở mức đó là dấu hiệu cơ thể bị bệnh, cần phải đi khám và chữa bệnh.***  **\* Thực hành đo nhiệt độ của nước**  + HS đo nhiệt độ của 3 cốc nước: nước phích, nước có đá đang tan, nước nguội.  - Nhận xét, khen các nhóm biết sử dụng nhiệt kế.  **3. HĐ ứng dụng *(1p)***  **4. HĐ sáng tạo *(1p)*** |

*Thứ ....... ngày ...... tháng ..... năm .........*

**LUYỆN TỪ VÀ CÂU**

**MỞ RỘNG VỐN TỪ: DŨNG CẢM**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Mở rộng được một số từ ngữ thuộc chủ điểm Dũng cảm qua việc tìm từ cùng nghĩa, việc ghép từ (BT1, BT2); hiểu nghĩa một vài từ theo chủ điểm (BT3); biết sử dụng một số từ ngữ thuộc chủ điểm qua việc điền từ vào chỗ trống trong đoạn văn (BT4).

**2. Kĩ năng**

- HS có kĩ năng vận dụng từ ngữ vào việc đặt câu, viết văn cho tốt.

**3. Thái độ**

- Có ý thức dùng từ, đặt câu và viết câu đúng.

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL tự học, NL ngôn ngữ, NL sáng tạo, NL giao tiếp.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: + Bảng phụ

+ Một vài trang từ điển phô tô.

- HS: Vở BT, bút, ..

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm, luyện tập-thực hành,...

- KT: động não, đặt câu hỏi, chia sẻ nhóm 2, trình bày 1 phút

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của HS** | |
| **1. Khởi động *(5p)***  - GV giới thiệu - Dẫn vào bài mới | - TBVN điều hành các bạn hát, vận động tại chỗ. | |
| **2. HĐ thực hành** *(30p)*  **\* Mục tiêu:** Mở rộng được một số từ ngữ thuộc chủ điểm Dũng cảm qua việc tìm từ cùng nghĩa, việc ghép từ (BT1, BT2); hiểu nghĩa một vài từ theo chủ điểm (BT3); biết sử dụng một số từ ngữ thuộc chủ điểm qua việc điền từ vào chỗ trống trong đoạn văn (BT4).  **\* Cách tiến hành** | | |
| **Bài tập1:** Tìm những từ cùng nghĩa với từ **dũng cảm** trong các từ dưới đây:  - Gọi HS đọc và xác định yêu cầu của BT 1.  - GV nhận xét và chốt lại lời giải đúng.    - Yêu cầu HS giải nghĩa một số từ, đặt câu với một số từ  **Bài tập 2:**  - BT2 đã cho một số từ ngữ. Nhiệm vụ của các em là ghép từ ***dũng cảm*** vào trước hoặc sau những từ ngữ ấy để tạo thành những cụm từ có nghĩa.  - Tổ chức chia sẻ bài bằng hình thức thi tiếp sức.  - GV nhận xét, chốt lại lời giải đúng:  **Bài tập 3:** Tìm các từ …  - HS lần lượt ghép từ bên cột A với nghĩa đã cho bên cột B 🡪 tìm ý đúng  - GV nhận xét, khen/ động viên.  **Bài tập 4:**  - Gọi HS chia sẻ bài.  - GV nhận xét, chốt lại lời giải đúng:  **3. HĐ ứng dụng** *(1p)*  **4. HĐ sáng tạo** *(1p)* | | **Nhóm 2 - Chia sẻ lớp**  Đáp án:  Đ/a:  \* Các từ đồng nghĩa với từ ***dũng cảm*** là: ***gan dạ, anh hùng, anh dũng, can đảm, can trường, gan góc, gan lì, bạo gan, quả cảm.***  - HS giải nghĩa một số từ: *quả cảm, can trường,* đặt câu với từ*: anh hùng, can đảm*  Cá nhân – Chia sẻ nhóm 2 – Chia sẻ lớp  Đáp án:  + Ghép từ *dũng cảm* phía trước: dũng cảm cứu bạn, dũng cảm nhận khuyết điểm, dũng cảm xông lên, dũng cảm chống lại cường quyền, dũng cảm trước kẻ thù, dũng cảm nói lên sự thật.  + Ghép từ *dũng cảm* phía sau: tinh thần dũng cảm, người chiến sĩ dũng cảm, hành động dũng cảm, nữ du kích dũng cảm, em bé liên lạc dũng cảm,  Cá nhân – Chia sẻ nhóm 2 – Lớp  + ***Gan góc:*** (chống chọi) kiên cường, không lùi bước.  + ***Gan lì***: gan đến mức trơ ra, không còn biết sợ gì là gì.  + ***Gan dạ***: không sợ nguy hiểm.  - Lấy VD về trường hợp sử các từ trong bài (VD anh chiến sĩ quyết chiến đâu với kẻ thù không lùi bước, dù có phải hi sinh)=>gan góc  Cá nhân – Lớp  Đáp án:  5 chỗ trống cần lần lượt điền các từ ngữ: ***người liên lạc, can đảm, mặt trận, hiểm nghèo, tấm gương.***  - Đọc lại đoạn văn đã hoàn chỉnh  - HS nêu những hiểu biết của mình về anh Kim Đồng, học tập noi theo tấm gương của anh  - Ghi nhớ các từ đã biết trong bài – Vận dụng trong khi đặt câu, viết văn.  - Tìm các từ khác cùng nghĩa với từ dũng cảm |

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TOÁN**

***Tiết 120:* Phép chia phân số**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- Hiểu thế nào là phân số đảo ngược. Biết cách chia hai phân số

**2. Kĩ năng**

- Thực hiện được phép chia hai phân số

- Vận dụng giải các bài toán liên quan

**3. Thái độ**

- Tự giác, cẩn thận, trình bày bài sạch sẽ.

**4. Góp phần phát triển các NL**

- NL tự học, làm việc nhóm, NL tính toán

\* Bài tập cần làm: Bài 1 (3 số đầu), bài 2, bài 3 (a). HSNK làm tất cả bài tập

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Phiếu học tập

- HS: Vở BT, bút

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Quan sát, hỏi đáp, thảo luận nhóm, trò chơi học tập, luyện tập-thực hành

- KT: động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi,...

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBHTđiều hành lớp trả lời, nhận xét  + Lớp thực hiện cá nhân – Chia sẻ | **1.Khởi động***:(3p)*  *+ Tìm 2/ 3 của 12*  *+ Tìm 2/3 của 15 kg*  - GV nhận xét chung, dẫn vào bài mới |
| **2. HĐ Hìnhthành kiến thức mới***:(15p)*  **\* Mục tiêu:** Biết cách chia hai phân số: lấy phân số thứ nhất nhân với phân số thứ hai đảo ngược.  \* **Cách tiến hành** | |
| - HS đọc đề toán, nêu cách tính chiều dài hình chữ nhật: Ta lấy số đo diện tích của hình chữ nhật chia cho chiều rộng  Chiều dài của hình chữ nhật ABCD là:  : .  + HS đề xuất cách tính và thử tính, có thể tính đúng hoặc sai.  - HS nghe giảng và thực hiện lại phép tính.  - HS quan sát, trình bày bài làm  *+ Chiều dài của hình chữ nhật là m.*  - 1 HS nêu, HS cả lớp theo dõi và nhận xét.  - Lấy VD về phân số đảo ngược  - Lấy VD về phép chia và thực hiện | \* Bài toán: Hình chữ nhật ABCD có diện tích 7/15 m2, chiều rộng là 2/3m. Tính chiều dài của hình chữ nhật đó.  *+ Bạn nào biết thực hiện phép tính trên?*  - GV nhận xét các cách mà HS đưa ra sau đó chốt: ***Muốn thực hiện phép chia hai phân số ta lấy phân số thứ nhất nhân với phân số thứ hai đảo ngược.*** Trong bài toán trên, phân số 3/2 được gọi là phân số đảo ngược của phân số. Từ đó ta thực hiện phép tính sau:  :  =  🞨 =  =  *+ Vậy chiều dài của hình chữ nhật là bao nhiêu mét?*  \* Hãy nêu lại cách thực hiện phép chia cho phân số. |
| **3. HĐ thực hành** (18p)  **\* Mục tiêu:** Thực hiện được phép chia hai phân số  **\* Cách tiến hành** | |
| **Cá nhân - Lớp**  Đáp án  - Phân số đảo ngược của  là  - Phân số đảo ngược của  là  - Phân số đảo ngược của  là  - Thực hiện cá nhân – Chia sẻ nhóm 2 – Chia sẻ lớp  Đáp án:  a.  b.  :  =  🞨  =  c.  :  =  🞨  =  - Thực hiện cá nhân – Chia sẻ lớp  Đáp án:  a. x  =  =  :  =  x  : =  - Làm vào vở Tự học – Chia sẻ lớp  ***Bài giải***  Chiều dài của hình chữ nhật là:    Đáp số: m  - Chữa lại các phần bài tập làm sai  - Thêm yêu cầu cho bài tập 4 (SGK) và giải: Tính chu vi của hình chữ nhật đó | ***Bài 1: 3 số đầu (HS năng khiếu làm cả bài)***  - GV chốt đáp án.  - Củng cố cách viết phân số đảo ngược của 1 phân số.    ***Bài 2: Tính***  - Gọi HS đọc và xác định yêu cầu bài tập.  - GV chốt đáp án.  - Củng cố cách chia phân số.  ***Bài 3a:(HS năng khiếu làm cả bài)***  - Lưu ý HS: Có thể đọc được ngay kết quả của các phép chia trong bài sau khi tính được kết quả của phép nhân đầu tiên.  **Bài 4** (***bài tập chờ dành cho HS hoàn thành sớm)***  **4. HĐ ứng dụng** *(1p)*  **5. HĐ sáng tạo** *(1p)* |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

**TẬP LÀM VĂN**

**LUYỆN TẬP XÂY DỰNG MỞ BÀI**

**TRONG BÀI VĂN MIÊU TẢ CÂY CỐI**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Nắm được 2 cách mở bài (trực tiếp, gián tiếp) trong bài văn miêu tả cây cối.

**2. Kĩ năng**

- Vận dụng kiến thức đã biết để viết được đoạn mở bài cho bài văn tả một cây mà em thích.

**3. Thái độ**

- Tích cực, tự giác làm bài.

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL tự học, Sử dụng ngôn ngữ, NL sáng tạo, NL hợp tác

***\*GD BVMT:*** *HS quan sát, tập viết mở bài để giới thiệu về cây sẽ tả, có thái độ gần gũi, yêu quý các loài cây trong môi trường thiên nhiên*

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Bảng phụ (hoặc giấy khổ to) viết lời giải BT1.

- HS: Sách, bút

**2. Phương pháp, kĩ thuât**

- PP: Hỏi đáp, thảo luận nhóm, quan sát, thực hành.

- KT: đặt câu hỏi, động não, chia sẻ nhóm 2

**II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ | **1. Khởi động *(5p)***  - GV dẫn vào bài mới |
| **2. HĐ thực hành (***30p)*  **\*Mục tiêu:**  - Nắm được 2 cách mở bài (trực tiếp, gián tiếp) trong bài văn miêu tả cây cối;  - Vận dụng kiến thức đã biết để viết được đoạn mở bài cho bài văn tả một cây mà em thích.  **\* Cách tiến hành:** | |
| **Cá nhân - Cả lớp**  Đáp án:  \* Cách 1: Mở bài trực tiếp – giới thiệu ngay cây hoa cần tả.  \* Cách 2: Mở bài gián tiếp – nói về mùa xuân, về các loài hoa trong vườn, rồi mới giới thiệu cây hoa cần tả.  + HS trả lời  - HS lắng nghe  **Cá nhân – Chia sẻ lớp**  Đáp án:  VD: Nhà em có một mảnh đất nhỏ trước sân. Ở đó không bao giờ thiếu màu sắc của những loài hoa. Mẹ em trồng hoa hồng. Em thì trồng mấy cụm mười giờ. Riêng bố em năm nào cũng chỉ trồng một thứ hoa là hoa mai. Bố bảo: Hoa mai mang nắng phương Nam về Bắc. Vì vậy, trước sân nhà em không bao giờ thiếu chậu hoa mai của bố.  **Cá nhân – Lớp**  Đáp án: VD:  + Cây hoa trạng nguyên  + Cây trồng trước nhà  + Bố em trồng vào dịp Tết  + Cây mang một màu đỏ rực rỡ nổi bật  **Cá nhân – Lớp**.  VD: Tết năm nay, bố mẹ tôi bàn nhau không mua quất, đào, mai mà đổi màu hoa khác để trang trí phòng khách. Nhưng mua hoa gì thì bố mẹ chưa nghĩ ra. Thế rồi một hôm, tôi thấy mẹ chở về một cây trạng nguyên xinh xắn, có bao nhiêu là lá đỏ rực rõ. Vừa thấy cây hoa, tôi thích quá, reo lên: “Ôi, cây hoa đẹp quá”  - Liên hệ bảo vệ, chăm sóc cây  - Hoàn chỉnh bài văn miêu tả một cây hoa | **\* Bài tập 1:**  + Đọc 2 cách mở bài a, b và so sánh 2 cách mở bài ấy có gì khác nhau.  - GV nhận xét và chốt lại  *+ Em thấy cách mở bài nào hay hơn?*  ***- GV: Mở bài gián tiếp bao giờ cũng làm bài văn mềm mại và hay hơn, cuốn hút người đọc hơn***  **\* Bài tập 2:**  + Các em có nhiệm vụ viết một mở bài kiểu gián tiếp cho bài văn miêu tả một trong 3 cây mà đề bài đã gợi ý. Mở bài không nhất thiết phải viết dài, có thể chỉ 2, 3 câu.  - GV nhận xét, khen những bài HS viết hay.  - Cùng HS sửa lỗi dùng từ, đặt câu cho các bạn  **\* Bài tập 3:**  - Yêu cầu HS tự quan sát cây mà mình thích và ghi chép lại kết quả quan sát, trả lời các câu hỏi:  a. Cây đó là cây gì?  b. Cây được trồng ở đâu?  c. Cây do ai trồng, trồng vào dịp nào?  d. Ấn tượng chung của em khi nhìn cây đó như thế nào?  **\* Bài tập 4:**  - GV cùng HS sửa lỗi trong bài viết.  - GV nhận xét, khen những HS viết hay.  \* Lưu ý: giúp đỡ hs M1+M2 viết được đoạn văn mở bài.  HS M3+M4 viết đoạn văn có sử dụng các biện pháp nghệ thuật.  **3. HĐ ứng dụng** (1p)  *- GD BVMT: Các loài cây đều rất gần gũi và có ích với cuộc sống con người. Mỗi loài cây đều có vẻ đẹp riêng. Cần biết bảo vệ các loài cây để cuộc sống luôn tươi đẹp.*  **4. HĐ sáng tạo** (1p) |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................­

**ĐỊA LÍ**

**Thành phỐ CẦn Thơ**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Nêu được một số đặc điểm chủ yếu của thành phố Cần Thơ;

+ Thành phố ở trung tâm đồng bằng sông Cửu Long, bên sông Hậu.

+ Trung tâm kinh tế, văn hóa và khoa học của đồng bằng sông Cửu Long.

\* Học sinh năng khiếu: Giải thích vì sao thành phố Cần Thơ là thành phố trẻ nhưng lại nhanh chóng trở thành trung tâm kinh tế, văn háo, khoa học của đồng bằng sông Cửu Long: nhờ có vị trí địa lí thuận lợi; Cần Thơ là nơi tiếp nhận nhiều mặt hàng nông, thủy sản của đồng bằng sông Cửu Long để chế biến và xuất khẩu.

**2. Kĩ năng**

- Rèn kĩ năng quan sát và đọc lược đồ để chỉ được vị trí của thành phố Cần Thơ trên lược đồ và các loại đường giao thông từ thành phố đi các tỉnh khác

**3. Thái độ**

- HS học tập nghiêm túc, tự giác.

**4. Góp phần phát triển các năng lực:**

- NL tự chủ, NL giải quyết vấn đề, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Lược đồ thành phố Cần Thơ

- HS: Tranh, ảnh về thành phố Cần Thơ(sưu tầm)

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm, thuyết trình

- KT: đặt câu hỏi, trình bày một phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm 2

I**II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBHT điều hành lớp trả lời, nhận xét  *+ Các ngành công nhiệp chính của TP Hồ Chí Minh là: điện, luyện kim, cơ khí, điện tử, …*  *+ Một số nơi vui chơi, giải trí như: rạp hát, rạp chiếu phim, Đầm Sen, Suối Tiên, Thảo Cầm Viên….* | **1.Khởi động:***(2p)*  *+ Kể tên một số ngành công nghiệp chính, một số nơi vui chơi, giải trí của TP HCM.*    - GV nhận xét chung, giới thiệu bài mới |
| **2. Bài mới:***(30p)*  **\* Mục tiêu:**  Nêu được một số đặc điểm chủ yếu của thành phố Cần Thơ:  + Thành phố ở trung tâm đồng bằng sông Cửu Long, bên sông Hậu.  + Trung tâm kinh tế, văn hóa và khoa học của đồng bằng sông Cửu Long.  **\* Cách tiến hành: Cá nhân- Nhóm-Lớp** | |
| **Nhóm 2 – Lớp**  *+ HS lên chỉ và nói: TP Cần Thơ giáp với các tỉnh: Hậu Giang, Kiên Giang, An Giang, Đồng Tháp, Vĩnh Long.*  *+ Đường ô tô, đường thủy, đường hàng không.*  - Lắng nghe  **Nhóm 4 – Lớp**  - Đại diện nhóm báo cáo, các nhóm khác theo dõi bổ sung  *\* Là trung tâm kinh tế vì:*  + Cần Thơ là trung tâm của vùng sản xuất nhiều lúa gạo, trái cây, thủy, hải sản nhất cả nước.  + Cần Thơ phát triển công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm, các ngành công nghiệp sản xuất máy móc, thuốc, phân bón , … phục vụ nông nghiệp  + Có viện nghiên cứu lúa gạo.  + Giao thông thuận tiện.  \* *Là trung tâm văn hóa, khoa học.*  +Vì nơi đây có trường đại học Cần Thơ và các trường cao đẳng, các trung tâm dạy nghề,…  \* *Là trung tâm du lịch.*  + Đến Cần Thơ chúng ta được tham quan du lịch trong các khu vườn với nhiều loại cây trái, tham quan các khu du lịch sinh thái như vườn cò Bằng Lăng,…(hình 5)  *+ Nhờ vị trí địa lí thuận lợi do ở TT đồng bằng.*  - HS nghe.  - Ghi nhớ nội dung bài học  - Trưng bày các tranh ảnh sưu tầm được về thành phố Cần Thơ | **Hoạt động 1: Thành phố ở trung tâm đồng bằng sông Cửu Long**:  ***Hoạt động1: Theo cặp*:**  - GV cho các nhóm dựa vào bản đồ, trả lời câu hỏi:  *+ Chỉ vị trí Cần Thơ trên lược đồ và cho biết TP cần thơ giáp những tỉnh nào?*  *+ Từ thành phố này có thể đi các tỉnh khác bằng các loại đường giao thông nào?*  ***- GV nhận xét chốt ý: Thành phố Cần Thơ nằm ở TT đồng bằng Bắc Bộ, có nhiều điều kiện thuận lợi trong việc giao lưu với các nơi trong nước và trên TG***  ***Hoạt động2:* Trung tâm kinh tế, văn hóa và khoa học của đồng bằng sông Cửu Long**:  - GV cho các nhóm dựa vào tranh, ảnh, bản đồ Việt Nam, SGK, thảo luận theo gợi ý:  \*Tìm dẫn chứng thể hiện Cần Thơ là:  *+ Trung tâm kinh tế (kể các ngành công nghiệp của Cần Thơ).*    + *Trung tâm văn hóa, khoa học.*    + *Trung tâm du lịch.*  *+ Giải thích vì sao TP Cần Thơ là TP trẻ nhưng lại nhanh chóng trở thành trung tâm kinh tế, văn hóa, khoa học của đồng bằng sông Cửu Long?*  - GV nhận xét và phân tích thêm về ý nghĩa vị trí địa lí của Cần Thơ, điều kiện thuận lợi cho Cần Thơ phát triển kinh tế.  + Là thành phố trẻ trực thuộc TW từ năm 2004,  + Vị trí ở trung tâm ĐBNB, bên dòng sông Hậu. Đó là vị trí rất thuận lợi cho việc giao lưu với các tỉnh khác của ĐBSCL và với các tỉnh trong nước, các nước khác trên thế giới bằng đường thủy. Cảng Cần Thơ có vai trò lớn trong việc xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa cho ĐBSCL.  + Đường bộ cũng được đầu tư khang trang có 3 quốc lộ đi qua TP Cần Thơ là Quốc lộ 1A, 80, 91, trước kia quốc lộ 1A bị ngăn cách bởi sông Cần Thơ , nhưng vào tháng 4/2010 đã khánh thành cây Cần Thơ dài 15,58 km từ TP Cần Thơ đi tới các tỉnh phía Nam, đây là cây cầu dây văng lớn nhất Đông Nam Á.  + Vị trí trung tâm của vùng sản xuất nhiều lúa gạo, trái cây, thủy, hải sản nhất cả nước; Đó là điều kiện thuận lợi cho việc phát triển công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm, các ngành công nghiệp sản xuất máy móc, thuốc, phân bón , … phục vụ nông nghiệp .  **3. Hoạt động ứng dụng** *(1p)*  **4. Hoạt động sáng tạo** *(1p)* |

**ĐIỀU CHỈNH - BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**SHTT**

**ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC TUẦN 25**

**CÁCH ĐẶT CÂU HỎI TƯ DUY PHẢN BIỆN**

**I. MỤC TIÊU:**

- Nắm đ­­ược ưu - khuyết điểm trong tuần 25

- Phát huy ­­ưu điểm, khắc phục nh­­ược điểm.

- Biết đ­­ược phư­ơng h­­ướng tuần 26

**II. CHUẨN BỊ:**

- GV: Nắm được ưu – khuyết điểm của HS trong tuần

- HS: Chủ tịch Hội đồng tự quản và các Trưởng ban chuẩn bị ND báo cáo.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG CHÍNH:**

***1. Khởi động***

- Lớp tham gia trò chơi: Truyền tín hiệu

***2. Lớp báo cáo hoạt động trong tuần:***

- 4 Trưởng ban lên nhận xét các thành viên trong tổ và xếp loai từng thành viên.

- Tổ viên các tổ đóng góp ý kiến.

- Chủ tịch HĐTQ lên nhận xét chung các ban.

- GV nhận xét chung:

+ Nề nếp:

.................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

+ Học tập:

.................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

***3. Ph­ương h­­ướng tuần sau:***

- Tiếp tục thi đua: Học tập tốt, thực hiện tốt nề nếp, vâng lời thầy cô, nói lời hay làm việc tốt.

.................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

***4. Lớp văn nghệ - múa hát tập thể mừng Đảng - mừng Xuân***

**TUẦN 26** *Thứ ....... ngày ...... tháng ..... năm .........*

**TẬP ĐỌC**

**THẮNG BIỂN**

**1. Kiến thức**

- Hiểu ND: Ca ngợi lòng dũng cảm, ý chí quyết thắng của con người trong cuộc đấu tranh chống thiên tai, bảo vệ con đê, giữ gìn cuộc sống bình yên (trả lời được các câu hỏi trong SGK).

**2. Kĩ năng**

- Đọc trôi trảy, rành mạch bài tập đọc. Biết đọc diễn cảm một đoạn trong bài với giọng nhanh, gấp gáp, biết nhấn giọng các từ ngữ gợi tả.

**3. Thái độ**

- HS học chăm, tích cực

**4. Góp phần phát triển năng lực**

**-** Năng lực tự học, NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ.

***\* KNS****: Giao tiếp: thể hiện sự cảm thông. Ra quyết định, ứng phó. Đảm nhận trách nhiệm*

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: + Tranh minh hoạ bài tập đọc (phóng to nếu có điều kiện).

+ Bảng phụ viết sẵn đoạn luyện đọc

- HS: SGK, vở viết

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- Phương pháp: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm.

- Kĩ thuật: Kĩ thuật đặt câu hỏi, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBHT điều hành lớp trả lời, nhận xét  *+ 1- 2 HS đọc*  + Đó là các hình ảnh:  \* ***Bom giật, bom rung, kính vỡ đi rồi.***  \* ***Ung dung buồng lái ta ngồi …***  *+ Bài thơ ca ngợi tinh thần dũng cảm, lạc quan của các chiến sĩ lái xe trong những năm tháng chống Mĩ cứu nước*. | **1. Khởi động:** *(5p)*  *+ Đọc thuộc lòng 1-2 khổ thơ của bài Bài thơ về tiểu đội xe không kính*  *+ Những hình ảnh nào trong bài thơ nói lên tinh thần dũng cảm và lòng hăng hái của các chiến sĩ lái xe?*  *+ Em hãy nêu ý nghĩa của bài thơ.*  - GV nhận xét chung, dẫn vào bài học |
| **2. Luyện đọc:** *(8-10p)*  **\* Mục tiêu:**  Đọc trôi trảy, rành mạch bài tập đọc, giọng đọc nhanh, gấp gáp  \* **Cách tiến hành:** | |
| - 1 HS đọc bài, cả lớp đọc thầm  - Lắng nghe  - Lớp trưởng điều hành cách chia đoạn  - Bài được chia làm 3 đoạn  (Mỗi chỗ xuống dòng là 1 đoạn)  - Nhóm trưởng điều hành nhóm đọc nối tiếp đoạn trong nhóm lần 1 và phát hiện các từ ngữ khó (*khoảng mênh mông ầm ĩ, vật lộn, quật, trồi lên, cột chặt...)*  - Luyện đọc từ khó: Đọc mẫu (M4)-> Cá nhân (M1)-> Lớp  - Giải nghĩa từ khó (đọc chú giải)  - HS đọc nối tiếp đoạn lần 2 theo điều khiển của nhóm trưởng  - Các nhóm báo cáo kết quả đọc  - 1 HS đọc cả bài (M4) | - Gọi 1 HS đọc bài (M3)  - GV lưu ý giọng đọc cho HS: Cần đọc với giọng nhanh, gấp gáp, nhấn giọng các từ ngữ miêu tả: *mỏng manh, dữ dội, rào rào, điên cuồng, ầm ầm, quật, quấn chặt,......*  - GV chốt vị trí các đoạn:  - Lưu ý sửa lỗi đọc và ngắt nghỉ cho các HS (M1) |
| **3. Tìm hiểu bài:** *(8-10p)*  **\* Mục tiêu:** Hiểu ND: Ca ngợi lòng dũng cảm, ý chí quyết thắng của con người trong cuộc đấu tranh chống thiên tai, bảo vệ con đê, giữ gìn cuộc sống bình yên (trả lời được các câu hỏi trong SGK).  **\* Cách tiến hành: *Làm việc nhóm 4 – Chia sẻ trước lớp*** | |
| - 1 HS đọc các câu hỏi cuối bài  - HS làm việc theo nhóm 4 – Chia sẻ kết quả dưới sự điều hành của TBHT  *+ Cuộc chiến đấu được miêu tả theo trình tự: Biển đe doạ (Đ1); Biển tấn công (Đ2); Người thắng biển (Đ3).*  *+ Những từ ngữ, hình ảnh đó là:* ***“Gió bắt đầu mạnh”; “nước biển càng dữ, biển cả … nhỏ bé”.***  *+ Cuộc tấn công được miêu tả rất sinh động. Cơn bão có sức phá huỷ tưởng như không gì cản nổi: “****như một đàn cá voi … rào rào”.***  *+ Cuộc chiến đấu diễn ra rất dữ dội, ác liệt:* ***“Một bên là biển, là gió … chống giữ”.***  *+ Tác giả sử dụng biện pháp so sánh và biện pháp nhân hoá.*  *+ Có tác dụng tạo nên hình ảnh rõ nét, sinh động, gây ấn tượng mạnh mẽ.*  + Những từ ngữ, hình ảnh là: ***“Hơn hai chục thanh niên mỗi người vác một vác củi … sống lại”.***  **Ý nghĩa: *Bài văn ca ngợi lòng dũng cảm, ý chí quyết thắng của con người trong cuộc đấu tranh chống thiên tai, bảo vệ đê biển.***  - HS ghi lại nội dung bài  - HS lắng nghe | - GV yêu cầu HS đọc các câu hỏi cuối bài  *+ Cuộc chiến đấu giữa con người với cơn bão biển được miêu tả theo trình tự như thế nào?*  *+ Tìm từ ngữ, hình ảnh nói lên sự đe doạ của cơn bão biển trong đoạn 1?*  *+ Cuộc tấn công dữ dội của cơn bão biển được miêu tả như thế nào ở đoạn 2?*  *+Trong Đ1+ Đ2, tác giả sử dụng biện pháp nghệ thuật gì để miêu tả hình ảnh của biển cả?*  *+ Các biện pháp nghệ thuật này có tác dụng gì?*  *+ Những từ ngữ, hình ảnh nào thể hiện lòng dũng cảm sức mạnh và chiến thắng của con người trước cơn bão biển?*  *+ Hãy nêu ý nghĩa của bài.*  \* Lưu ý giúp đỡ hs M1+M2 trả lời các câu hỏi tìm hiểu bài.Hs M3+M4 trả lời các câu hỏi nêu nội dung đoạn, bài.  ***\* GDKNS: Trong cuộc sống, cần có trách nhiệm bảo vệ cuộc sống bình yên của người khác, giống như các thanh niên xung kích đã dũng cảm, đoàn kết chống lại cơn bão biển, bảo vệ con đê và sinh mạng của bao người.*** |
| **4. Luyện đọc diễn cảm***(8-10p)*  **\* Mục tiêu:** HSđọc diễn cảm được đoạn 3 của bài thể hiện được tình thần quyết tâm của các thanh niên xung kích trong trận chiến với cơn bão biển, nhấn giọng các từ ngữ miêu tả  **\* Cách tiến hành: Hoạt động cá nhân – nhóm - cả lớp** | |
| - HS nêu lại giọng đọc cả bài  - 1 HS M4 đọc mẫu toàn bài  - Nhóm trưởng điều hành các thành viên trong nhóm  + Luyện đọc diễn cảm trong nhóm  + Cử đại diện đọc trước lớp  - Bình chọn nhóm đọc hay.  - Ghi nhớ nội dung, ý nghĩa của bài  - Hãy kể về một trận chiến đấu quyết liệt của con người với thiên nhiên | - Yêu cầu HS nêu giọng đọc toàn bài, giọng đọc của các nhân vật  - Yêu cầu đọc diễn cảm đoạn 3 của bài  - GV nhận xét, đánh giá chung  **5. Hoạt động ứng dụng** *(1 phút)*  **6. Hoạt động sáng tạo** *(1 phút)* |

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TOÁN**

***Tiết 126:* LUYỆN TẬP**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Củng cố cách chia hai PS

**2. Kĩ năng**

- Thực hiện được phép chia hai phân số.

- Biết tìm thành phần chưa biết trong phép nhân, phép chia phân số.

**3. Thái độ**

- HS có thái độ học tập tích cực.

**4. Góp phần phát triển năng lực:**

**-** Năng lực tự học, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL tư duy - lập luận logic.

\* Bài tập cần làm: Bài 1, bài 2

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Bảng phụ

- HS: Sách, bút

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- Phương pháp vấn đáp, động não, thực hành, đặt và giải quyết vấn đề, hoạt động nhóm, trò chơi học tập

- Kĩ thuật đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC;**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBHT điều hành lớp trả lời, nhận xét  *+ Muốn chia hai phân số ta lấy PS thứ nhất nhân với phân số thứ hai đảo ngược*  *+ HS lấy VD và thực hành tính* | **1. Khởi động:** *(5p)*  *+ Nêu cách chia hai phân số*  *+ Lấy VD về phép chia hai phân số*  - GV giới thiệu bài – Ghi tên bài |
| **2. Hoạt động thực hành** (30p)  **\* Mục tiêu**: - Thực hiện được phép chia hai phân số.  - Biết tìm thành phần chưa biết trong phép nhân, phép chia phân số.  \* **Cách tiến hành: Cá nhân – Nhóm – Lớp** | |
| - Thực hiện cá nhân – Chia sẻ nhóm 2 – Chia sẻ lớp  Đáp án:  a) : =  🞨 = =  : =  🞨 = =  : =  🞨  =  =  b) : =  🞨  =  =  :=  🞨 =  =  :=  🞨 =  = 2  - HS làm cá nhân - Chía sẻ lớp  Đáp án:  a.  🞨 x =  b.  : x =  x =  :  x =  :  x =  x =    - HS làm vào vở Tự học – Chia sẻ lớp  Đáp án:  **Bài 3:**  a)    *+ Ta được kết quả là 1*  **Bài 4:**  Độ dài đáy của hình bình hành là:    Đáp số: 1m  - Chữa lại các phần bài tập làm sai  - Giải bài toán sau: Một hình bình hành có diện tích , độ dài đáy là . Tìm chiều cao của hình bình hành đó. | ***Bài 1***: Tính rồi rút gọn  - GV gọi 1 HS đọc và xác định yêu cầu bài tập.  - GV nhận xét, chốt đáp án  - Củng cố cách nhân, chia phân số.  ***Bài 2***  - GV gọi 1 HS đọc và xác định yêu cầu bài tập.  ***\* Chú ý:*** HS chỉ viết phép tính và kết quả cuối cùng của x, không viết các bước trung gian.  - GV nhận xét, đánh giá bài làm trong vở của HS, chốt đáp án  **-** Củng cố cách tìm thừa số chưa biết, tìm số bị chia.  \* Lưu ý: Giúp đỡ hs M1+M2 hoàn thành bài tập  **Bài 3 + Bài 4 (*Bài tập chờ dành cho HS hoàn thành sớm)***  *+ Khi nhân một PS với PS đảo ngược của nó ta được kết quả là bao nhiêu?*  - Củng cố cách tính diện tích hình bình hành  **3. Hoạt động ứng dụng *(1p)***  **4. Hoạt động sáng tạo *(1p)*** |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**KHOA HỌC (CT HIỆN HÀNH)**

**NÓNG, LẠNH VÀ NHIỆT ĐỘ (TT)**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Biết được vật ở gần vật nóng hơn thì thu nhiệt nên nóng lên; vật ở gần vật lạnh hơn thì toả nhiệt nên lạnh đi.

- Biết được chất lỏng nở ra khi nóng lên, co lại khi lạnh đi.

**2. Kĩ năng**

- Thực hành làm thí nghiệm để phát hiện kiến thức.

- Vận dụng bài học trong cuộc sống.

**3. Thái độ**

- Yêu thích khoa học.

**4. Góp phần phát triển các năng lực:**

- NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL hợp tác,...

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Phích đựng nước sôi.

- HS: Chuẩn bị theo nhóm: 2 chiếc chậu, 1 chiếc cốc, lọ có cắm ống thuỷ tinh, nhiệt kế.

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm, thực hành thí nghiệm.

- KT: Động não, chia sẻ nhóm đôi, tia chớp

**II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt đông của của học sinh** | **Hoạt đông của giáo viên** |
| - HS chơi trò chơi dưới sự điều hành của GV  + Ta dùng nhiệt kế để đo  + 370C | **1. Khởi động *(4p)***  **Trò chơi:** Hộp quà bí mật  ***+*** *Muốn đo nhiệt độ của vật, người ta dùng dụng cụ gì?*  *+ Cơ thể bình thường có nhiệt độ bao nhiêu độ C?*  - GV nhận xét, khen/ động viên, dẫn vào bài mới. |
| **2. Bài mới:***(30p)*  **\* Mục tiêu:** Thực hành làm thí nghiệm để phát hiện KT:  + Vật ở gần vật nóng hơn thì thu nhiệt nên nóng lên; vật ở gần vật lạnh hơn thì toả nhiệt nên lạnh đi.  + Chất lỏng nở ra khi nóng lên, co lại khi lạnh đi.  **\* Cách tiến hành: Cá nhân - Nhóm – Lớp** | |
| **Nhóm 4 – Lớp**  - HS làm thí nghiệm trang 102 theo nhóm.  - Nghe GV phổ biến cách làm thí nghiệm  - Tiến hành làm thí nghiệm.  - Báo cáo kết quả:  Kết quả thí nghiệm: Nhiệt độ của cốc nước nóng giảm đi, nhiệt độ của chậu nước tăng lên.  *+ Mức nóng lạnh của cốc nước và chậu nước thay đổi là do có sự truyền nhiệt từ cốc nước nóng hơn sang chậu nước lạnh.*  - Lắng nghe.  - 1 HS đọc  *+ Các vật nóng lên: rót nước sôi vào cốc, khi cầm vào cốc ta thấy nóng; Múc canh nóng vào bát, ta thấy muôi, thìa, bát nóng lên; Cắm bàn là vào ổ điện, bàn là nóng lên, …*  *+ Các vật lạnh đi: Để rau, củ quả vào tủ lạnh, lúc lấy ra thấy lạnh; Cho đá vào cốc, cốc lạnh đi; Chườm đá lên trán, trán lạnh đi, …*  *+ Vật thu nhiệt: cái cốc, cái bát, thìa, quần áo, bàn là,…*  *+ Vật toả nhiệt: nước nóng, canh nóng, cơm nóng, bàn là, …*  *+ Vật thu nhiệt thì nóng lên, vật toả nhiệt thì lạnh đi.*  - Tiến hành làm thí nghiệm trong nhóm theo sự hướng dẫn của GV (trang 103).  - Nghe GV hướng dẫn cách làm thí nghiệm.  - Báo cáo kết quả: Mức nước sau khi đặt lọ vào nước nóng tăng lên, mức nước sau khi đặt lọ vào nước nguội giảm đi so với mực nước đánh dấu ban đầu.  - Tiến hành làm thí nghiệm trong nhóm theo sự hướng dẫn của GV.  - Báo cáo kết quả: Khi nhúng bầu nhiệt kế vào nước ấm, mực chất lỏng tăng lên và khi nhúng bầu nhiệt kế vào nước lạnh thì mực chất lỏng giảm đi.  *+ Khi dùng nhiệt kế để đo các vật nóng lạnh khác nhau thì mức chất lỏng trong ống nhiệt kế cũng thay đổi khác nhau vì chất lỏng trong ống nhiệt kế nở ra khi ở nhiệt độ cao, co lại khi ở nhiệt độ thấp.*  *+ Chất lỏng nở ra khi nóng lên và co lại khi lạnh đi.*  *+ Dựa vào mực chất lỏng trong bầu nhiệt kế ta biết được nhiệt độ của vật đó.*  - Lắng nghe.  - 1 HS đọc  **Cá nhân – Lớp**  *+ Khi đun nước không nên đổ đầy nước vào ấm vì nước ở nhiệt độ cao thì nở ra. Nếu nước quá đầy ấm sẽ tràn ra ngoài có thể gây bỏng hay tắt bếp, chập điện.*  *+ Khi bị sốt, nhiệt độ ở cơ thể trên 370C, có thể gây nguy hiểm đến tính mạng. Muốn giảm nhiệt độ ở cơ thể ta dùng khăn ướt chườm lên trán. Khăn ướt sẽ truyền nhiệt sang cơ thể, làm giảm nhiệt độ của cơ thể.*  *+ Rót nước vào cốc và cho đá vào.*  *+ Rót nước vào cốc và sau đó đặt cốc vào chậu nước lạnh.*  - Ứng dụng hiện tượng nóng, lạnh trong cuộc sống  - Thực hành làm thí nghiệm về sự co giãn của một số chất lỏng khác. VD: rượu | **Hoạt động 1: *Tìm hiểu về sự truyền nhiệt:***  - Thí nghiệm: GV yêu cầu HS làm TN và yêu cầu HS dự đoán xem mức độ nóng lạnh của cốc nước có thay đổi không? Nếu có thì thay đổi như thế nào?  - Tổ chức cho HS làm thí nghiệm trong nhóm.  \*\* Hướng dẫn HS đo và ghi nhiệt độ của cốc nước, chậu nước trước và sau khi đặt cốc nước nóng vào chậu nước rồi so sánh nhiệt độ.  *+ Tại sao mức nóng lạnh của cốc nước và chậu nước thay đổi?*  ***- Trong TN, cái cốc là vật toả nhiệt, còn chậu nước là vật thu nhiệt. Do có sự truyền nhiệt từ vật nóng hơn sang vật lạnh hơn nên trong thí nghiệm trên, sau một thời gian lâu, nhiệt độ của cốc nước và của chậu sẽ bằng nhau.***  - Yêu cầu HS đọc mục Bạn cần biết trang 102.  *+ Hãy lấy các ví dụ trong thực tế mà em biết về các vật nóng lên hoặc lạnh đi.*  *+ Trong các ví dụ trên thì vật nào là vật thu nhiệt ? Vật nào là vật toả nhiệt?*  *+ Kết quả sau khi thu nhiệt và toả nhiệt của các vật như thế nào?*  **Hoạt động 2**: ***Sự co giãn của các chất lỏng***  - Tổ chức cho HS làm thí nghiệm trong nhóm.  \* Hướng dẫn các TN:  TN 1: Đổ nước nguội vào đầy lọ. Đo và đánh dấu mức nước. Sau đó lần lượt đặt lọ nước vào cốc nước nóng, nước lạnh, sau mỗi lần đặt phải đo và ghi lại xem mức nước trong lọ có thay đổi không.  - Gọi HS trình bày. Các nhóm khác bổ sung nếu có kết quả khác.  TN 2: Hướng dẫn HS dùng nhiệt kế để làm thí nghiệm: Đọc, ghi lại mức chất lỏng trong bầu nhiệt kế. Nhúng bầu nhiệt kế vào nước ấm, ghi lại cột chất lỏng trong ống. Sau đó lại nhúng bầu nhiệt kế vào nước lạnh, đo và ghi lại mức chất lỏng trong ống.  - Gọi HS trình bày kết quả thí nghiệm.  *+ Hãy giải thích vì sao mức chất lỏng trong ống nhiệt kế thay đổi khi ta nhúng nhiệt kế vào các vật nóng lạnh khác nhau?*  *+ Chất lỏng thay đổi như thế nào khi nóng lên và khi lạnh đi?*  *+ Dựa vào mực chất lỏng trong bầu nhiệt kế ta thấy được điều gì?*  **- *Kết luận*:** *Khi dùng nhiệt kế đo các vật nóng, lạnh khác nhau, chất lỏng trong ống sẽ nở ra hay co lại khác nhau nên mực chất lỏng trong ống nhiệt kế cũng khác nhau. Vật càng nóng, mực chất lỏng trong ống nhiệt kế càng cao. Dựa vào mực chất lỏng này, ta có thể biết được nhiệt độ của vật.*  - Yêu cầu HS đọc phần bài học  ***KL: Nước và các chất lỏng nở ra khi nóng lên và co lại khi lạnh đi***  ***HĐ* 3:** ***Những ứng dụng trong thực tế:***  *+ Tại sao khi đun nước, không nên đổ đầy nước vào ấm?*    *+ Tại sao khi sốt người ta lại dùng khăn ướt chườm lên trán?*  *+ Khi ra ngoài trời nắng về nhà chỉ còn nước sôi trong phích, em sẽ làm như thế nào để có nước nguội uống nhanh?*  **3. HĐ ứng dụng *(1p)***  **4. HĐ sáng tạo *(1p)*** |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

..............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**CHÍNH TẢ**

**THẮNG BIỂN**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức:**

- Nghe - viết đúng bài CT; trình bày đúng hình thức bài dưới dạng văn xuôi

- Làm đúng BT2a phân biệt âm đầu l/n

**2. Kĩ năng:**

**-** Rèn kĩ năng viết đẹp, viết đúng chính tả.

**3. Thái độ:**

**-** Giáo dục tính cẩn thận, chính xác, yêu thích chữ viết

**4. Góp phần phát triển năng lực:**

**-** NL tự chủ và tự học, NL sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ.

***\* GD BVMT:*** *Lòng dũng cảm, tinh thần đoàn kết chống lại sự nguy hiểm do thiên nhiên gây ra để bảo vệ cuộc sống con người.*

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: giấy khổ to ghi nội dung BT 2

- HS: Vở, bút,...

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- Phương pháp vấn đáp, động não, quan sát, thực hành, đặt và giải quyết vấn đề, hoạt động nhóm, trò chơi học tập.

- Kĩ thuật đặt câu hỏi, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ | **1. Khởi động: (***2p***)**  ***-*** GV dẫn vào bài mới |
| **2. Chuẩn bị viết chính tả:** *(6p)*  **\* Mục tiêu:** HS hiểu được nội dung bài CT, tìm được các từ khó viết  **\* Cách tiến hành:** | |
| - 1 HS đọc - HS lớp đọc thầm  *+ Sự đe doạ của cơn bão biển với con đê*.  - HS lắng nghe  *-* HS nêu từ khó viết*: lan rộng, vật lộn, dữ dội, điên cuồng****, …***  *-* Viết từ khó vào vở nháp | \* Trao đổi về nội dung đoạn cần viết  - Gọi HS đọc đoạn văn cần viết.  *+ Nêu nội dung đoạn viết?*  ***\* GDBVMT: Các thanh niên xung kích trong bài viết đã dũng cảm, đoàn kết chống lại cơn bão biển để bảo vệ cuộc sống bình yên của bao người. Điều đó đáng để chúng ta học tập***  - Hướng dẫn viết từ khó: Gọi HS nêu từ khó, sau đó GV đọc cho HS luyện viết. |
|  | **3. Viết bài chính tả:** *(15p)*  **\* Mục tiêu:** Hs nghe - viết tốt bài chính tả, trình bày đúng bài viết theo hình thức văn xuôi.  **\* Cách tiến hành:** |
| - HS nghe - viết bài vào vở | - GV đọc bài cho HS viết  - GV theo dõi và nhắc nhở, giúp đỡ HS viết chưa tốt.  - Nhắc nhở cách cầm bút và tư thế ngồi viết. |
| **4. Đánh giá và nhận xét bài:** *(5p)*  **\* Mục tiêu:** Giúp HS tự đánh giá được bài viết của mình và của bạn. Nhận ra các lỗi sai và sửa sai  **\* Cách tiến hành: Cá nhân- Cặp đôi** | |
| - Học sinh xem lại bài của mình, dùng bút chì gạch chân lỗi viết sai. Sửa lại xuống cuối vở bằng bút mực  - Trao đổi bài (cặp đôi) để soát hộ nhau  - Lắng nghe. | - Cho học sinh tự soát lại bài của mình theo.  - GV nhận xét, đánh giá 5 - 7 bài  - Nhận xét nhanh về bài viết của HS |
| **5. Làm bài tập chính tả:** *(5p)*  **\* Mục tiêu:** Giúp HS phân biệt được tr/ch  **\* Cách tiến hành: Cá nhân - Cặp đôi - Chia sẻ trước lớp** | |
| Đ/a:  Thứ tự từ cần điền: lại – lồ - lửa – nõn – nến – lóng lánh – lung linh – nắng – lũ lũ – lên – lượn  - Đọc lại đoạn văn sau khi đã điền hoàn chỉnh  - Viết lại 5 lần các từ viết sai trong bài chính tả  - Lấy VD để phân biệt l/n | **Bài 2a:** Điền l/n  **6. Hoạt động ứng dụng** *(1p)*  **7. Hoạt động sáng tạo** *(1p)* |

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TOÁN**

***Tiết 127:* LUYỆN TẬP**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Củng cố KT về phép chia PS

**2. Kĩ năng**

- Thực hiện được phép chia hai phân số, chia số tự nhiên cho phân số.

3**. Thái độ**

- HS tích cực, cẩn thận khi làm bài

**4. Góp phần phát huy các năng lực**

**-** Năng lực tự học, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL tư duy - lập luận logic.

\* BT cần làm: Bài 1, bài 2.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Phiếu học tập.

- HS: SGK,.

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm, luyện tập – thực hành

- Kĩ thuật: đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của HS** | **Hoạt động của GV** |
| - TBHT điều hành lớp làm và báo cáo  a)  b) | **1. Khởi động *(5p)***  *+ Tính rồi rút gọn (hai phần đầu bài 1)*  a)  b)  + Củng cố cách chia hai PS. Lưu ý HS rút gọn kết quả tới PS tối giản |
| **2. Hoạt động thực hành** (30 p)  **\* Mục tiêu**: Thực hiện được phép chia hai phân số, chia số tự nhiên cho phân số.  **\* Cách tiến hành** | |
| - Thực hiện cá nhân - Chia sẻ lớp  Đáp án:  c)  d)  - HS làm việc nhóm 2 – Chia sẻ lớp  + Viết 2 thành PS và thực hiện tính như sau:  2 :  =  :  =  🞨  =  Đáp án:  a) 3 :  =  =  b) 4 :  =  =  = 12  c) 5 :  =  =  = 30  - HS làm vào vở Tự học – Chia sẻ lớp  **Bài 3:**  a)  Cách 1:  Cách 2:  **Bài 4:**    **Vậy gấp 6 lần**    **Vậy gấp 4 lần**    **Vậy gấp 3 lần**    **Vậy gấp 2 lần**  - Hoàn thành các bài tập trong tiết học  - Tìm các bài tập cùng dạng trong sách buổi 2 và giải | ***Bài 1***: Tính rồi rút gọn:  - GV chốt đáp án đúng.    ***Bài 2:***  - GV viết đề bài mẫu lên bảng và yêu cầu HS suy nghĩ thực hiện tính:  2 :  - GV sau đó giới thiệu cách viết tắt như SGK đã trình bày.  - GV yêu cầu HS áp dụng bài mẫu để làm bài.  - Lưu ý HS khi kết quả là PS có MS là 1 thì ta viết gọn kết quả ấy thành số tự nhiên.  \* Lưu ý: Giúp đỡ hs M1+M2  ***Bài 3+ Bài 4 (bài tập chờ dành cho HS hoàn thành sớm)***  - Chốt cách nhân một tổng với một số, nhân một hiệu với một số  - Chốt cách giải bài toán gấp một số lên nhiều lần.  **3. Hoạt động ứng dụng** *(1p)*  **4. Hoạt động sáng tạo** *(1p)* |

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**LỊCH SỬ (CT HIỆN HÀNH)**

**CuỘc khẨn hoang Ở Đàng trong**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- Biết sơ lược về quá trình khẩn hoang ở Đàng Trong:

+ Từ thế kỉ XVI, các chúa Nguyễn tổ chức khai khẩn đất hoang ở Đàng Trong. Những đoàn người khẩn hoang đã tiến vào vùng đất ven biển Nam Trung Bộ và đồng bằng sông Cửu Long.

+ Cuộc khẩn hoang đã mở rộng diện tích canh tác ở những vùng hoang hoá, ruộng đất được khai phá, xóm làng được hình thành và phát triển.

**2. Kĩ năng**

- Dùng lược đồ Việt Nam, mô tả được cuộc hành trình của đoàn người khẩn hoang vào phía Nam

**3. Thái độ**

- Có ý thức học tập nghiêm túc

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL ngôn ngữ, NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: + Bản đồ Việt Nam thế kỉ XVI- XVII.

+ Phiếu học tập của HS.

- HS: SGK, bút

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm.

- KT: Kĩ thuật đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBHT điều hành lớp trả lời, nhận xét.  *+ Đất nước bị chia cắt, nhân dân cực khổ, sản xuất đình trệ* | **1.Khởi động:***(4p)*  *+ Bạn hãy cho biết cuộc xung đột giữa các tập đoàn phong kiến gây ra những hậu quả gì?*  - GV nhận xét chung, dẫn vào bài mới |
| **2. Bài mới:***(30p)*  **\* Mục tiêu:**  - Biết sơ lược về quá trình khẩn hoang ở Đàng Trong và tác dụng của cuộc khẩn hoang  - Dựa theo bản đồ, mô tả cuộc hành trình của đoàn người khẩn hoang vào phía Nam  **\* Cách tiến hành*: Cá nhân – Nhóm - Lớp*** | |
| **Cá nhân – Lớp**  - HS đọc và xác định.  + Vùng thứ nhất từ sông Gianh đến Quảng Nam (thế kỉ XVII)  + Vùng tiếp theo từ Quảng Nam đến hết Nam Bộ ngày nay (thế kỉ XVIII)  **Nhóm 4 – Lớp**  ***+*** *Trước thế kỉ XVI, từ sông Gianh vào phía Nam, đất hoang còn nhiều, xóm làng và dân cư thưa thớt. Những người nông dân nghèo khổ ở phía Bắc đã di cư vào phía Nam cùng nhân dân địa phương khai phá…*  - Lắng nghe  *+ Đoàn người được câp lương thực trong nửa năm cùng nông cụ. Từ vùng đất Phú Yên, họ đi sâu vào tới đồng bằng sông CL hiện nay. Đi đến đâu, họ lập làng, lập ấp đến đấy*  - HS chỉ trên bản đồ  *+ Ruộng đất được khai phá, xóm làng phát triển, tình đoàn kết giữa các dân tộc ngày càng bền chặt.*  - HS đọc bài học  - Ghi nhớ kiến thức của bài  - Tìm đọc thêm các tư liệu khác về cuộc khẩn hoang | ***b. Tìm hiểu bài :***  **HĐ 1: Tìm hiểu về ranh giới Đàng Trong**  - GV yêu cầu HS đọc SGK, xác định trên bản đồ địa phận từ sông Gianh đến Quảng Nam và từ Quảng Nam đến Nam bộ ngày nay.  - GV yêu cầu HS chỉ vùng đất Đàng Trong tính đến thế kỉ XVII và vùng đất Đàng Trong từ thế kỉ XVIII.  **HĐ 2: Tìm hiểu về cuộc khẩn hoang ở Đàng Trong**  *+ Trình bày khái quát tình hình nước ta từ sông Gianh đến Quảng Nam và từ Quảng Nam đến đồng bằng sông Cửu Long*.  - GV kết luận: ***Trước thế kỉ XVI, từ sông Gianh vào phía Nam, đất hoang còn nhiều, xóm làng và dân cư thưa thớt. Những người nông dân nghèo khổ ở phía Bắc đã di cư vào phía Nam cùng nhân dân địa phương khai phá, làm ăn. Từ cuối thế kỉ XVI, các chúa Nguyễn đã chiêu mộ dân nghèo và bắt tù binh tiến dần vào phía Nam khẩn hoang lập làng.***  *+ Công cuộc khẩn hoang diễn ra như thế nào?*  *+ Dựa vào bản đồ VN, mô tả hành trình của đoàn người khẩn hoang*  *+ Cuộc khẩn hoang đã có ý nghĩa như thế nào?*  - GV kết luận, chốt lại nội dung bài học  **3. HĐ ứng dụng (1p)**  **4. HĐ sáng tạo (1p)** |

**ĐIỀU CHỈNH-BỔ SUNG**

..........................................................................................................................................................................................................................................................................

.....................................................................................................................................

*Thứ ....... ngày ...... tháng ..... năm .........*

**LUYỆN TỪ VÀ CÂU**

**LUYỆN TẬP VỀ CÂU KỂ AI LÀ GÌ?**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Giúp HS luyện tập các kiến thức về câu kể Ai là gì?

**2. Kĩ năng**

- Nhận biết được câu kể Ai là gì? trong đoạn văn, nêu được tác dụng của câu kể tìm được (BT1); biết xác định CN, VN trong mỗi câu kể Ai là gì? đã tìm được (BT2); viết được đoạn văn ngắn có dùng câu kể Ai là gì? (BT3).

**3. Thái độ**

- HS có thái độ học tập tích cực, chăm chỉ

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL tự học, NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: bảng phụ

- HS: VBT, bút.

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Quan sát, hỏi đáp, thảo luận nhóm, luyện tập – thực hành

- KT: Kĩ thuật đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** | |
| 1**. Khởi động** (2p)  - GV giới thiệu và dẫn vào bài mới | - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ | |
| **3. HĐ luyện tập** *:(35 p)*  **\* Mục tiêu:** Nhận biết được câu kể Ai là gì? trong đoạn văn, nêu được tác dụng của câu kể tìm được (BT1); biết xác định CN, VN trong mỗi câu kể Ai là gì? đã tìm được (BT2); viết được đoạn văn ngắn có dùng câu kể Ai là gì? (BT3).  **\* Cách tiến hành: Cá nhân - Nhóm - Cả lớp** | | |
| **Bài tập 1, 2:** Cho HS đọc yêu cầu BT.  - Cho HS quan sát tranh vẽ Nguyễn Tri Phương và Hoàng Diệu. Giới thiệu đôi nét về 2 nhân vật này  - Chốt lại đáp án  *+ Câu kể Ai là gì? gồm mấy bộ phận?*  *+ Câu kể Ai là gì dùng để làm gì?*  \* Lưu ý: Giúp đỡ hs M1+M2 hoàn thành bài tập  **Bài tập 3:**  + Các em cần tưởng tượng tình huống xảy ra. Đầu tiên đến gia đình, các em phải chào hỏi, phải nói lí do các em thăm nhà. Sau đó mới giới thiệu các bạn lần lượt trong nhóm. Lời giới thiệu có câu kể ***Ai là gì?***  \*Lưu ý: Giúp đỡ hs M1+M2 mạnh dạn, tự tin khi thể hiện tình huống  **3. HĐ ứng dụng** (1p)  **4. HĐ sáng tạo** (1p) | | **Cá nhân - Nhóm 2 - Chia sẻ lớp**  - HS quan sát tranh, lắng nghe  Đáp án:  a) Nguyễn Tri Phương / là người Thừa Thiên (Câu ***giới thiệu)***  Cả hai ông /đều không phải là người Hà Nội. (Câu ***nêu nhận định)***  b) Ông Năm / là dân ngụ cư của làng này.(Câu ***giới thiệu***)  c) Cần trục / là cánh tay kì diệu của các chú công nhân.(Câu ***nêu nhận định.)***  *+ Gồm 2 bộ phận: CN và VN*  *+ Dùng giới thiệu, nêu nhận định*  - 1 HS đọc, lớp lắng nghe.  **Nhóm 6 – Lớp**  VD: Khi chúng tôi đến, Hà đang nằm trong nhà, bố mẹ Hà mở cửa đón chúng tôi. Chúng tôi lễ phép chào hai bác. Thay mặt cả nhóm, tôi nói với hai bác:  - Thưa hai bác, hôm nay nghe tin bạn Hà bị ốm, chúng cháu đến thăm Hà. Cháu xin giới thiệu với hai bác (chỉ lần lượt vào từng bạn). Đây là bạn Dũng. Bạn Dũng là lớp trưởng lớp cháu. Đây là bạn Hoa. Hoa là học sinh giỏi của lớp. Còn cháu là bạn thân của Hà. Cháu là Lan.  - Ghi nhớ các KT về câu kể Ai là gì?  - Lập bảng so sánh điểm giống và khác nhau giữa các kiểu câu kể |

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TOÁN**

***Tiết 128:* LUYỆN TẬP CHUNG**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Củng cố KT về phép chia phân số

**2. Kĩ năng**

- Thực hiện được phép chia hai phân số.

- Biết cách tính và viết gọn phép chia một phân số cho số tự nhiên.

- Vận dụng tìm phân số của một số để giải toán

**3. Thái độ**

- Tích cực, tự giác học bài, trình bày bài sạch sẽ, khoa học

**4. Góp phần phát triển các kĩ năng**

- Năng lực tự học, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL tư duy - lập luận logic.

\* BT cần làm: Bài 1 (a, b), bài 2 (a, b), bài 4

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: bảng phụ

- HS: SGK, bút

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Quan sát, hỏi - đáp, thảo luận nhóm, luyện tập – thực hành

- KT: đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của HS** | **Hoạt động của GV** |
| - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ | **1. HĐ khởi động *(3p)***  - GV dẫn vào bài mới |
| **2. HĐ thực hành** *(30p)*  *\** **Mục tiêu***:* - Thực hiện được phép chia hai phân số.  - Biết cách tính và viết gọn phép chia một phân số cho số tự nhiên.  - Vận dụng tìm phân số của một số để giải toán  **\* Cách tiến hành***:* Cá nhân – Nhóm – Lớp | |
| - Làm cá nhân – Chia sẻ nhóm 2 - Lớp  Đáp án:  a)  b)  c)1 :  - HS thảo luận nhóm 2 – Nêu cách làm. Viết 2 thành PS rồi thực hiện chia như chia 2 PS  : 2 =  :  =  🞨  =  - Thực hiện cá nhân – Chia sẻ nhóm 2 – Chia sẻ lớp  Đáp án:  a)  : 3 =  =  b) : 5 =  =  c) : 4 = = =  - Yêu cầu HS tự tóm tắt và giải bài toán – Chia sẻ lớp  Bài giải  Chiều rộng của mảnh vườn là:  60 🞨  = 36 (m)  Chu vi của mảnh vườn là:  (60 + 36) 🞨 2 = 192 (m)  Diện tích của mảnh vườn là:  60 🞨 36 = 2160 (m2)  Đáp số: Chu vi: 192m  Diện tích : 2160m2  - HS làm vở Tự học – Chia sẻ lớp  **Bài 3:**      - Chữa lại các phần bài tập làm sai  - Tìm các bài tâp cùng dạng trong sách Toán buổi 2 và giải | ***Bài 1a,b (HS năng khiếu làm cả bài)***  - Củng cố cách chia hai phân số, chia một số tự nhiên cho PS  ***Bài 2a, b (HS năng khiếu làm cả bài)***  - Yêu cầu nêu cách tính:  : 2  - GV giảng cách viết gọn như trong SGK đã trình bày, sau đó yêu cầu HS làm tiếp các phần còn lại của bài.  - GV chốt cách chia một PS cho một số tự nhiên  ***Bài 4:***  ***-*** GV gọi 1 HS đọc và xác định yêu cầu của đề bài.  - Chốt cách giải bài toán tìm PS của một số  - Chốt cách tính CV và DT của hình CN  ***Bài 3 (dành cho HS hoàn thành sớm)***  - Chốt cách tính giá trị biểu thức  **3. Hoạt động ứng dụng** (1p)  **4. Hoạt động sáng tạo** (1p) |

**ĐIỀU CHỈNH-BỔ SUNG**

...................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**ĐẠO ĐỨC**

**TÍCH CỰC THAM GIA CÁC HOẠT ĐỘNG NHÂN ĐẠO (*tiết 1)***

**I.MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Hiểu được thế nào là hoạt động nhân đạo. Nêu được ví dụ về hoạt động nhân đạo

- Nắm được ý nghĩa của hoạt động nhân đạo.

**2. Kĩ năng**

- Tích cực tham gia một số hoạt động nhân đạo ở lớp, ở trường, ở địa phương phù hợp với khả năng và vận động bạn bè, gia đình cùng tham gia.

**3. Thái độ**

- Thông cảm với bạn bè và những người gặp khó khăn, hoạn nạn ở lớp, ở trường và cộng đồng.

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL tự học, NL giải quyết vấn đề, NL hợp tác, sáng tạo

***\* KNS:*** *Đảm nhận trách nhiệm khi tham gia các hoạt động nhân đạo*

***\* TTHCM****: Lòng nhân ái, vị tha*

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Tranh, phiếu học tập

- HS: SGK, SBT

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm, trò chơi, đóng vai.

- KT: động não, tia chớp, chia sẻ nhóm 2

**III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của HS** | **Hoạt động của GV** |
| -TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ | **1. Khởi động:***(2p)*  - GV dẫn vào bài mới |
| **2. Bài mới** *(30p)*  **\* Mục tiêu:**  - Hiểu được thế nào là hoạt động nhân đạo. Nêu được ví dụ về hoạt động nhân đạo  - Nắm được ý nghĩa của hoạt động nhân đạo.  **\* Cách tiến hành: Cá nhân-Nhóm-Lớp** | |
| **Nhóm 4 – Chia sẻ lớp**  - 1 HS đọc, lớp lắng nghe  *+ Khó khăn và thiệt thòi trong cuộc sống như ăn, ở, đi lại, học tập và làm việc,…*  *+ Cảm thông, chia sẻ, quyên góp tiền của để giúp đỡ họ,…*  - HS lắng nghe.  - HS lấy thêm ví dụ về hoạt động nhân đạo  *+ Trong cuộc sống, ai cũng có lúc gặp khó khăn, cần sự sẻ chia, giúp đỡ*  *+ Tham gia hoạt động nhân đạo là thể hiện truyền thống tốt đẹp của dân tộc VN*  - HS đọc bài học  - HS lắng nghe, minh hoạ về hành động nhân đạo của Bác  **Nhóm 2 – Lớp**  - HS đọc các tình huống trong bài tập 1.  + Việc làm trong các tình huống a, c là đúng.  + Việc làm trong tình huống b là sai  - HS lắng nghe  - HS lắng nghe  **Cá nhân – Lớp**  - HS đưa ra ý kiến của mình và giải thích  🟇Ý kiến a: đúng  🟇Ý kiến b: sai  🟇Ý kiến c: sai  🟇Ý kiến d: đúng  - HS thực hành tiết kiệm tiền ăn sáng nuôi lợn nhựa để ủng hộ các bạn có hoàn cảnh khó khăn trong lớp  - Nói về một hành động chưa thể hiện tinh thần nhân đạo mà em biết. | **HĐ1: Thế nào là hoạt động nhân đạo**  - Yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK  *+ Em suy nghĩ gì về những khó khăn, thiệt hại mà các nạn nhân đã phải chịu đựng do thiên tai, chiến tranh gây ra?*  *+ Em có thể làm gì để giúp đỡ họ?*  ***- GV kết luận: Trẻ em và nhân dân các vùng bị thiên tai, lũ lụt và chiến tranh đã phải chịu nhiều khó khăn, thiệt thòi. Chúng ta cần cảm thông, chia sẻ với họ, quyên góp tiền của để giúp đỡ họ. Đó là một hoạt động nhân đạo.***  *+ Tại sao phải tích cực tham gia hoạt động nhân đạo?*  - GV chốt kiến thức và đưa ra bài học  ***TTHCM: Tham gia các hoạt động nhân đoạ là thể hiện mình là người có lòng vị tha, nhân ái. Sinh thời, BH của chúng ta là một người rất giàu lòng nhân ái***  **HĐ2: Chọn lựa hành vi** (BT 1)  - GV giao cho từng nhóm HS thảo luận bài tập 1.  ***- GV kết luận:***  ***+ Việc làm trong các tình huống a, c là đúng.***  ***+ Việc làm trong tình huống b là sai vì không phải xuất phát từ tấm lòng cảm thông, mong muốn chia sẻ với người tàn tật mà chỉ để lấy thành tích cho bản thân.***  ***\* GDKNS: Khi tham gia các hoạt động nhân đạo cần có trách nhiệm và làm việc bởi tấm lòng của mình chứ không phải làm việc để lấy thành tích***  **HĐ 3: Bày tỏ ý kiến** (Bài tập 3):  - GV lần lượt nêu từng ý kiến của bài tập 3.    - GV đề nghị HS giải thích về lí do lựa chọn của mình.  - GV kết luận:  **3. HĐ ứng dụng** *(1p)*  **4. HĐ sáng tạo** *(1p)* |

**ĐIỀU CHỈNH-BỔ SUNG**

..............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**KỂ CHUYỆN**

**KỂ CHUYỆN ĐÃ NGHE, ĐÃ ĐỌC**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Hiểu được nội dung, ý nghĩa của câu chuyện được kể trong tiết học

**2. Kĩ năng:**

- Kể lại được câu chuyện (đoạn truyện) đã nghe, đã đọc nói về lòng dũng cảm.

**3. Thái độ**

- Giáo dục HS lòng dũng cảm

**4. Góp phần bồi dưỡng các năng lực**

- NL giao tiếp và hợp tác, NL sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ.

***\* TT HCM:*** *Bác Hồ yêu nước và sẵn sàng vượt qua nguy hiểm thử thách để góp sức mang lại độc lập cho đất nước*

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Sách Truyện đọc 4

- HS: SGK

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm, kể chuyện

- KT: đặt câu hỏi, động não, chia sẻ nhóm.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBHT điều hành lớp trả lời, nhận xét  + 1 HS kể  *+ Ca ngợi tinh thần dũng cảm, sự hy sinh cao cả của các chiến sĩ nhỏ tuổi Liên Xô trong cuộc đấu tranh chống kẻ thù xâm lược, bảo vệ Tổ quốc.* | **1. Khởi động***:(5p)*  *+ Kể lại câu chuyện Những chú bé không chết*  *+ Nêu nội dung, ý nghĩa câu chuyện*  - Gv dẫn vào bài. |
| **2. Tìm hiểu, lựa chọn câu chuyện phù hợp với yêu cầu tiết học:***:(5p)*  **\* Mục tiêu:**  Dựa vào gợi ý trong SGK, chọn và kể lại được câu chuyện (đoạn truyện) đã nghe, đã đọc nói về lòng dũng cảm  **\* Cách tiến hành:** | |
| - HS đọc đề bài, gạch chân các từ ngữ quan trọng:  - 2 HS đọc tiếp nối 2 gợi ý.  - HS nối tiếp giới thiệu tên câu chuyện mình sẽ kể  VD: Bác Hồ ở Pa-ri,.... | **HĐ1: *Tìm hiểu yêu cầu của đề:***  - GV ghi đề bài lên bảng lớp.  ***Đề bài:*** *Kể một câu chuyện nói về lòng dũng cảm mà em đã được nghe, được đọc.*  - Cho HS đọc gợi ý trong SGK.  - Cho HS giới thiệu tên câu chuyện mình sẽ kể.  - GV khuyến khích HS ***kể những câu chuyện nói về lòng dũng cảm vượt qua nguy hiểm, thử thách của Bác trong cuộc đời hoạt động cách mạng của Bác*** |
| **3. Thực hành kể chuyện – Nêu ý nghĩa câu chuyện***:(20- 25p)*  **\* Mục tiêu:** Kể lại được câu chuyện đã nghe, đã đọc nói về lòng dũng cảm. Nêu được nội dung, ý nghĩa câu chuyện  + HS M1+M2 kể được câu chuyện đúng YC  + HS M3+ M4 kể được câu chuyện đúng YC kết hợp được điệu bộ, giọng nói,..  **\* Cách tiến hành: Cá nhân - Nhóm- Lớp** | |
| - Nhóm trưởng điều hành các thành viên kể chuyện trong nhóm  - Các nhóm cử đại diện kể chuyện trước lớp  - HS lắng nghe và đánh giá theo các tiêu chí  VD:  *+ Nhân vật chính trong câu chuyện của bạn là ai?*  *+ Nhân vật đó đã có hành động dũng cảm gì?*  *+ Câu chuyện muốn khuyên chúng ta điều gì?*  *..................*  *+ Phải dũng cảm bảo vệ lẽ phải, dũng cảm đấu tranh cho chính nghĩa, dũng cảm nhận lỗi và sửa lỗi*  - Kể lại câu chuyện cho người thân nghe  - Sưu tầm các câu chuyện khác cùng chủ đề. | a. Kể trong nhóm  - GV theo dõi các nhóm kể chuyện  b. Kể trước lớp  - GV mở bảng phụ đã viết sẵn tiêu chuẩn đánh giá bài kể chuyện (như những tiết trước)  - GV khuyến khích HS đặt câu hỏi cho bạn  - Cùng HS trao đổi về ý nghĩa của câu chuyện: *Các câu chuyện muốn khuyên chúng ta điều gì?*  **4. Hoạt động ứng dụng *(1p)***  **5. Hoạt động sáng tạo *(1p)*** |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**KĨ THUẬT**

**CÁC CHI TIẾT, DỤNG CỤ CỦA BỘ LẮP GHÉP**

**MÔ HÌNH KỸ THUẬT**

**I.MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Biết tên gọi, hình dạng của các chi tiết trong bộ lắp ghép mô hình kĩ thuật.

**2. Kĩ năng**

- Sử dụng được cờ-lê, tua-vít để lắp vít, tháo vít.

- Biết lắp ráp một số chi tiết với nhau.

**3. Thái độ**

- Tích cực, tự giác học tập

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL thẩm mĩ, NL sáng tạo, NL hợp tác

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Tranh, ảnh

- HS: Bộ dụng cụ lắp ghép

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Quan sát mẫu, hỏi đáp, thảo luận nhóm, luyện tập – thực hành

- KT: đặt câu hỏi, tia chớp, động não, chia sẻ nhóm

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | | **Hoạt động của giáo viên** | |
| - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ. | | **1. HĐ khởi động** *(3p)*  - GV dẫn vào bài mới | |
| **2. HĐ thực hành:***(30p)*  **\* Mục tiêu**:  - Biết tên gọi, hình dạng của các chi tiết trong bộ lắp ghép mô hình kĩ thuật.  - Sử dụng được cờ-lê, tua-vít để lắp vít, tháo vít.  - Biết lắp ráp một số chi tiết với nhau.  **\* Cách tiến hành: Cá nhân- Nhóm- Lớp** | | |
| **Nhóm 2 – Lớp**  - HS quan sát bộ lắp ghép, đọc sách hướng dẫn  *+ Có 34 loại chi tiết khác nhau, phân thành 7 nhóm chính*  *+ HS đọc tên các chi tiết theo câu hỏi của GV*  - HS thực hành theo nhóm  - Các nhóm kiểm tra và đếm.  **Cá nhân – Lớp**   * - HS đthực hiện.   - HS quan sát  - HS thực hiện.  **a. Lắp vít:**  **b. Tháo vít:**  *+ Tay trái dùng cờ- lê giữ chặt ốc, tay phải dùng tua- vít đặt vào rãnh của vít, vặn cán tua - vít ngược chiều kim đồng hồ.*  **c. Lắp ghép một số chi tiết:**  - HS theo dõi và lắp ghép  *+ Tấm lớn, tấm 3 lỗ, thanh chữ U dài,…*  - HS quan sát.  - Tự đánh giá sp của mình và của bạn  - Lắp ghép các chi tiết khác với SGK | **HĐ1*: Gọi tên, nhận dạng của các chi tiết và dụng cụ*.**  - GV giới thiệu bộ lắp ghép mô hình KT của HS  *+ Bộ lắp ghép có bao nhiêu chi tiết và chia làm mấy nhóm*  *+ Em hãy nhận dạng, gọi tên đúng và số lượng các loại chi tiết?*  - GV giới thiệu và hướng dẫn HS cách sắp xếp các chi tiết trong hộp:có nhiều ngăn, mỗi ngăn để một số chi tiết cùng loại hoặc 2- 3 loại khác nhau.  - GV cho các nhóm tự kiểm tra tên gọi, nhận dạng từng loại chi tiết, dụng cụ như H.1 SGK.  **Hoạt động 2*: Cách sử dụng cờ - lê, tua vít****.*  - GV hướng dẫn và làm mẫu các thao tác lắp vít, lắp ghép một số chi tiết như SGK.  - Gọi 2- 3 HS lên lắp vít.  - GV tổ chức HS thực hành.  - GV cho HS quan sát H.3 SGK và hỏi:  *+ Để tháo vít, em sử dụng cờ- lê và*  *tua-vít như thế nào?*  - GV cho HS thực hành tháo vít.  - GV thao tác mẫu 1 trong 4 mối ghép trong H.4 SGK.  *+ Em hãy gọi tên và số lượng các chi tiết cần lắp ghép trong H.4 SGK.*  - GV thao tác mẫu cách tháo các chi tiết của mối ghép và sắp xếp gọn gàng vào trong hộp.  **3. Hoạt động ứng dụng** (1p)  **4. Hoạt động sáng tạo** (1p) | |

**ĐIỀU CHỈNH-BỔ SUNG**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

*Thứ ....... ngày ...... tháng ..... năm .........*

**TẬP ĐỌC**

**GA – VRỐT NGOÀI CHIẾN LUỸ**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Hiểu ND, ý nghĩa của bài: Ca ngợi lòng dũng cảm của chú bé Ga-vrốt (trả lời được các câu hỏi trong SGK).

**2. Kĩ năng**

- Đọc đúng các tên riêng nước ngoài; biết đọc đúng lời đối đáp giữa các nhân vật và phân biệt với lời người dẫn chuyện.

**3. Thái độ**

- GD tinh thần yêu nước, dũng cảm, lạc quan trong chiến đấu.

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ.

***\* KNS:*** *- Tự nhận thức: xác định giá trị cá nhân*

*- Đảm nhận trách nhiệm*

*- Ra quyết định*

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Tranh minh hoạ bài tập đọc (phóng to)

Bảng phụ viết sẵn đoạn luyện đọc

- HS: SGK

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- Phương pháp: Quan sát, hỏi - đáp, luyện tập – thực hành

- Kĩ thuật: Làm việc nhóm, chia sẻ, động não, tia chớp

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - ***TBHT điều khiển lớp trả lời, nhận xét:***  + 1 HS đọc  *+ Ca ngợi tinh thần quyết tâm chống lại cơn bão biển cùa đội thanh niên xung kích.* | **1. Khởi động:** *(3p)*  *+ Đọc bài Thắng biển*  *+ Nêu nội dung bài*  - GV dẫn vào bài mới – Ghi tên bài |
| **2. Luyện đọc:** *(8-10p)*  **\* Mục tiêu:** Đọc trôi chảy, rành mạch bài tập đọc, đọc đúng các tên riêng nước ngoài.  \* **Cách tiến hành:** | |
| - 1 HS đọc bài, cả lớp đọc thầm  - Lắng nghe  - Nhóm trưởng điều hành cách chia đoạn  - Bài chia làm 3 đoạn.  + Đoạn 1: Từ đầu … mưa đạn.  + Đoạn 2: Tiếp theo … Ga- vrốt nói.  + Đoạn 3: Còn lại.  - Nhóm trưởng điều hành nhóm đọc nối tiếp trong nhóm lần 1 và phát hiện các từ ngữ khó: *Ăng- giôn- ra, Cuốc- phây- rắc, Ga - vrốt, ....)*  - Luyện đọc từ khó: Đọc mẫu (M4)-> Cá nhân (M1)-> Lớp  - Giải nghĩa các từ: đọc chú giải  - HS đọc nối tiếp lần 2 theo điều khiển  - Các nhóm báo cáo kết quả đọc  - 1 HS đọc cả bài (M4) | - Gọi 1 HS đọc bài (M3)  - GV lưu ý giọng đọc: Giọng Ăng- giôn- ra bình tĩnh. Giọng Cuốc- phây- rắc lúc đầu ngạc nhiên sau lo lắng. Giọng Ga - vrốt bình thản, hồn nhiên, tinh nghịch.  Cần nhấn giọng ở những từ ngữ: *mịt mù, nằm xuống, đứng thẳng lên, ẩn vào, phốc ra, tới lui, dốc cạn.*  - GV chốt vị trí các đoạn  - Lưu ý sửa lỗi đọc và ngắt nghỉ cho các HS (M1) |
| **3.Tìm hiểu bài:** *(8-10p)*  **\* Mục tiêu:** Hiểu nội dung, ý nghĩa của bài: Ca ngợi lòng dũng cảm của chú bé Ga-vrốt (trả lời được các câu hỏi trong SGK).  **\* Cách tiến hành: *Làm việc nhóm 4 – Chia sẻ trước lớp*** | |
| - 1 HS đọc  - HS tự làm việc nhóm 4 trả lời các câu hỏi - TBHT điều hành các nhóm trả lời, nhận xét  *+ Nghe nghĩa quân sắp hết đạn nên Ga- vrốt ra ngoài chiến luỹ để nhặt đạn, giúp nghĩa quân tiếp tục chiến đấu.*  *HS đọc thầm đoạn 2.*  *+ Ga- vrốt không sợ nguy hiểm, ra ngoài chiến luỹ để nhặt đạn cho nghĩa quân dưới làn mưa đạn của địch. Cuốc- phây- rắc giục cậu quay vào nhưng Ga- vrốt vẫn nán lại để nhặt đạn …*  *+ Vì chú bé ẩn, hiện trong làn khói đạn như thiên thần.*  *+ Vì đạn bắn theo Ga- vrốt nhưng Ga- vrốt nhanh hơn đạn …*  *+Vì Ga- vrốt như có phép giống thiên thần, đạn giặc không đụng tới được.*  *- HS có thể trả lời:*  *+ Ga- vrốt là một cậu bé anh hùng.*  *+ Em rất khâm phục lòng dũng cảm của Ga- vrốt.*  *+ Ga- vrốt là tấm gương sáng cho em học tập.*  *+ Em rất xúc động khi đọc truyện này.*  **Ý nghĩa:** ***Ca ngợi lòng dũng cảm của cậu bé Ga- vrốt***  - HS ghi nội dung bài vào vở  - Lắng nghe | - Gọi HS đọc các câu hỏi cuối bài.  *+ Ga- vrốt ra ngoài chiến luỹ để làm gì?*  *+ Những chi tiết nào thể hiện lòng dũng cảm của Ga- vrốt?*  *+Vì sao tác giả nói Ga- vrốt là một thiên thần?*  *+ Nêu cảm nghĩ của em về nhân vật Ga- vrốt.*  *+ Câu chuyện có ý nghĩa gì?*  \* HS M3+M4 đọc trả lời câu hỏi hoàn chỉnh và nêu nội dung đoạn, bài.  ***\* GDKNS: Chú bé Ga-vrốt trong bài đã nhận thức được tầm quan trọng của việc có đạn trong chiến luỹ nên đã không quản nguy hiểm xông vào làn mưa đạn để nhặt những viên đạn còn sót lại cho đồng đội. Đó là hành động dũng cảm, thể hiện tinh thần trách nhiệm cao của một cậu bé mà chúng ta cần học tập khi làm việc trong một tập thể*** |
| **4. Luyện đọc diễn cảm** *(8-10p)*  **\* Mục tiêu: HS** biết đọc diễn cảm được đoạn 1, đoạn 2 của bài, phân biệt được lời các nhân vật.  **\* Cách tiến hành: Hoạt động cá nhân – nhóm - cả lớp** | |
| - 1 HS nêu lại  - 1 HS đọc toàn bài  - Nhóm trưởng điều khiển:  + Đọc diễn cảm trong nhóm  + Thi đọc diễn cảm trước lớp  - Lớp nhận xét, bình chọn.  - Ghi nhớ nội dung bài văn  - Nói về một tấm gương anh hùng trong chiến đấu của VN mà em biết | - Yêu cầu HS nêu giọng đọc toàn bài.  - Yêu cầu nêu giọng đọc các nhân vật:  *+ Ăng-giôn-ra: Lo lắng*  *+ Cuốc- phây-rắc: Dõng dạc*  *+ Ga-vrốt: Bình thản*  **5. Hoạt động ứng dụng** *(1 phút)*  **6. Hoạt động sáng tạo** *(1 phút)* |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TOÁN**

***Tiết 129:* LUYỆN TẬP CHUNG**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Củng cố các phép tính với phân số

**2. Kĩ năng**

- Thực hiện được các phép tính với phân số.

**3. Thái độ**

- Chăm chỉ, tích cực trong giờ học.

**4. Góp phần phát triển các NL**

- NL tự học, làm việc nhóm, NL tính toán, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo

\* Bài tập cần làm: Bài 1 (a, b), bài 2 (a, b), bài 3 (a, b), bài 4 (a, b).

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Phiếu học tập

- HS: SGK

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Quan sát, hỏi đáp, thảo luận nhóm, thực hành,...

- KT: động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** | |
| - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ | **1.Khởi động***:(2p)*  - GV dẫn vào bài mới – Ghi tên bài | |
| **2. HĐ thực hành***:(35 p)*  **\* Mục tiêu:** HS thực hiện được các phép tính với phân số  **\* Cách tiến hành:** | |
| - HS làm cá nhân – Chia sẻ nhóm 2- Lớp  Đáp án:  a) +  = + =  b) +  =  +  =  c) +  =  +  =  Đáp án:  a) - = - =  b)  -  = -  =  c)  -  = -  =  Đáp án:  a)  🞨  =  =  =  b) 🞨 13 =  =  c) 15 x =  = = 12  Đáp án:  a)  b)  c)  - Làm vào vở Tự học – Chia sẻ lớp  Bài giải  Sau buổi sáng, cửa hàng còn lại số đường là:  50 – 10 = 40 (kg)  Buổi chiều bán được số ki – lô – gam đường là:  40x=15 (kg)  Cả hai buổi cửa hàng bán được số ki – lô – gam đường là:  10 + 15 = 25 (kg)  Đ/s: 15 kg đường  - Chữa lại các phần bài tập làm sai  - Thêm yêu cầu cho bài toán 5 và giải: Hỏi trung bình mỗi buổi cửa hàng bán được bao nhiêu ki-lô-gam đường? | ***Bài 1a,b (HS năng khiếu làm cả bài)***  - Lưu ý HS nên chọn MSC nhỏ nhất quy đồng MS 2 phân số để tính toán cho thuận tiện  - GV chốt đáp án.  - Củng cố cách thực hiện phép cộng phân số.  \* Lưu ý: Giúp đỡ hs M1+M2 tính toán thành thạo  ***Bài 2a,b (HS năng khiếu làm cả bài)***  - Củng cố cách thực hiện phép trừ phân số.  ***Bài 3a,b (HS năng khiếu làm cả bài)***  \* Lưu ý: HS có thể rút gọn ngay trong quá trình thực hiện phép tính.  - Củng cố cách thực hiện phép nhân phân số, nhân 1 số tự nhiên với PS, nhân một PS với một số tự nhiên.    ***Bài 4a,b (HS năng khiếu làm cả bài)***  - Củng cố cách thực hiện phép chia phân số, chia một PS cho một số tự nhiên, chia một số tự nhiên cho một PS  \*Lưu ý: giúp đỡ hs M1+M2 hoàn thành bài tập  **Bài 5 *(bài tập chờ dành cho HS hoàn thành sớm)***  - GV nhận xét, đánh giá bài làm trong vở của HS  **3. HĐ ứng dụng** (1p)  **4. HĐ sáng tạo** (1p) |

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

:...................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TẬP LÀM VĂN**

**LUYỆN TẬP XÂY DỰNG KẾT BÀI**

**TRONG BÀI VĂN MIÊU TẢ CÂY CỐI**

**I.MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Nắm được 2 cách kết bài (mở rộng, không mở rộng) trong bài văn miêu tả cây cối; vận dụng kiến thức đã biết để bước đầu viết được đoạn kết bài mở rộng cho bài văn tả một cây mà em thích.

**2. Kĩ năng**

- Viết được kết bài mở rộng cho bài văn miêu tả cây cối

**3. Thái độ**

- Có ý thức dùng từ đặt câu và sử dụng các biện pháp nghệ thuật khi viết.

**4. Góp phần phát triển NL:**

**-** NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL tự học, NL giao tiếp.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Tranh, ảnh về cây bóng mát

- HS: Vở, bút, ...

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Quan sát, hỏi đáp, thảo luận nhóm, luyện tập-thực hành

- KT: đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, chia sẻ nhóm 2, động não.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ | **1. Khởi động:(***5p)*    *- GV* dẫn vào bài học |
| **2. HĐ thực hành** *(30p)*  **\* Mục tiêu:**  Nắm được 2 cách kết bài (mở rộng, không mở rộng) trong bài văn miêu tả cây cối; vận dụng kiến thức đã biết để bước đầu viết được đoạn kết bài mở rộng cho bài văn tả cây cối.  **\* Cách tiến hành: Cá nhân- Nhóm - Lớp** | |
| - HS làm nhóm 2 – Chia sẻ lớp  + Đoạn a: Có thể sử dụng được vì đoạn văn trên đã nói được tình cảm của người tả đối với cây  + Đoạn b: Có thể sử dụng được vì đoạn văn vừa nói được tình cảm, vừa nêu được công dụng của cây được miêu tả  - HS lắng nghe, cho biết thế nào là KB mở rộng, thế nào là KB không mở rộng  + KBMR: Nói được công dụng của cây và tình cảm của người viết  + KBKMR: Chỉ bày tỏ tình cảm của người viết với cây được tả.  - Cá nhân – Chia sẻ lớp  VD:  + Đó là cây bàng  + Cây che bóng mát cho chúng em suốt những giờ ra chơi và làm không gian trường em xanh mát  + Em thường chơi nhảy dây dưới bóng cây bàng. Em coi cây như một người khổng lồ dịu dàng xoè những cánh tay xanh mát che chở cho những người bạn nhỏ đáng yêu  - HS làm cá nhân – Chia sẻ lớp  VD: Thế rồi cũng đến ngày em phải rời xa mái trường tiểu học, xa cây bàng - người khổng lồ dịu dàng xoè những cánh tay xanh mát che chở cho những người bạn nhỏ đáng yêu. Lúc đó nhất định em sẽ đến tạm biệt cây bàng già. Em sẽ không bao giờ quên gốc bàng già, quên những kỷ niệm dưới gốc cây, bọn trẻ chúng em đã cùng nhau ôn bài, ngồi hóng mát, nhảy dây,... Em hứa trở lại thăm cây bàng già, thăm người bạn thời thơ ấu của em.  - HS làm cá nhân – Chia sẻ lớp  VD: Cây đa già cổ kính đã trở thành người bạn đường đáng tin cậy của tất cả dân làng. Ai đi xa về, khi nhìn thấy cây đa là biết mình đã trở về với xóm làng, quê hương thân yêu. Đứng dưới chiếc ô khổng lồ là tán cây, mọi mệt mỏi và buồn phiền sẽ trôi đi hết. Em chỉ mong sao cây đa sẽ sống mãi để sau này khi đã lớn khôn em sẽ kể lại cho các bạn nhỏ làng em về những kỉ niệm êm đềm của mình bên gốc cây đa.  - Chữa lại các lỗi có trong đoan văn của mình  - Hoàn thiện bài văn miêu tả cây cối với MB gián tiếp và KB mở rộng | **Bài tập 1:** Có thể dùng các câu sau để kết bài được không? Vì sao?  - GV nhận xét và chốt lại lời giải đúng: Khi viết bài có thể sử dụng các câu ở đoạn a, b  + Cách KB như đoạn văn a là kết bài không mở rộng  + KB như đoạn văn b là kết bài mở rộng    **Bài tập 2:**  - GV nhận xét và chốt lại những ý trả lời đúng 3 câu hỏi của HS.  **Bài tập 3:** Cho HS đọc yêu cầu của BT3.  + Các em dựa vào ý trả lời cho 3 câu hỏi để viết một kết bài mở rộng cho bài văn.  - GV nhận xét, đánh giá bài viết và cùng HS chữa lỗi dùng từ, đặt câu  **Bài tập 4:**  - Cho HS đọc yêu cầu của BT.  + Các em chọn một trong ba đề tài a, b, c và viết kết bài mở rộng cho đề tài em đã chọn.  \* Lưu ý: Giúp đỡ hs M1+M2 viết đúng đoạn văn  -HS M3+M4 viết được đoạn văn giàu hình ảnh, cảm xúc.  **3. HĐ ứng dụng** *(1p)*  **4. HĐ sáng tạo** *(1p)* |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**KHOA HỌC (CT HIỆN HÀNH)**

**VẬT DẪN NHIỆT VÀ VẬT CÁCH NHIỆT**

**1. Kiến thức**

- Kể được tên một số vật dẫn nhiệt tốt và dẫn nhiệt kém:

+ Các kim loại (đồng, nhôm,…) dẫn nhiệt tốt.

+ Không khí, các vật xốp như bông, len,… dẫn nhiệt kém.

**2. Kĩ năng**

- Làm thí nghiệm phát hiện kiến thức.

- Vận dụng bài học trong cuộc sống

**3. Thái độ**

- HS học tập nghiêm túc, tích cực

**4. Góp phần phát triển các năng lực:**

- NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL hợp tác, NL sáng tạo

***\*KNS:*** *- Lựa chọn giải pháp cho các tình huống cần dẫn nhiệt/cách nhiệt tốt*

*- Giải quyết vấn đề liên quan tới dẫn nhiệt, cách nhiệt.*

***\*TKNL:*** *HS biết cách sử dụng các chất dẫn nhiệt, cách nhiệt hợp lí trong những trường hợp đơn giản để tránh thất thoát nhiệt năng.*

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Nhiệt kế, dụng cụ thí nghiệm

- HS: cốc, thìa nhôm, thìa nhựa, xoong, nồi, giỏ ấm, cái lót tay, giấy báo cũ, len,...

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm, thực hành thí nghiệm.

- KT: Động não, chia sẻ nhóm đôi, tia chớp

**II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt đông của của học sinh** | **Hoạt đông của giáo viên** |
| - TBHT điều khiển các bạn chơi trò chơi  *+ Sự truyền nhiệt là hiện tượng nhiệt độ từ vật nóng truyền sang cho vật lạnh hơn và ngược lại*  *+ VD: nước sôi để ngoài không khí sẽ dần nguội đi do nước đã truyền nhiệt sang cho không khí.* | **1, Khởi động *(4p)***  *+ Thế nào là sự truyền nhiệt? Lấy VD*  - Giới thiệu bài, ghi bảng. |
| **2. Bài mới:***(30p)*  **\* Mục tiêu: -**  Kể được tên một số vật dẫn nhiệt tốt và dẫn nhiệt kém:  + Các kim loại (đồng, nhôm,…) dẫn nhiệt tốt.  + Không khí, các vật xốp như bông, len,… dẫn nhiệt kém.  - Vận dụng bài học trong cuộc sống  **\* Cách tiến hành: Cá nhân - Nhóm – Lớp** | |
| **Nhóm 4– Lớp**  - 1 HS đọc nội dung thí nghiệm  - Dự đoán: ............  - Tiến hành làm thí nghiệm trong nhóm. Một lúc sau khi GV rót nước vào cốc, từng thành viên trong nhóm lần lượt cầm vào từng cán thìa và nói kết quả mà tay mình cảm nhận được.  - Đại diện của 2 nhóm trình bày kết quả: *Khi cầm vào từng cán thìa, em thấy cán thìa bằng nhôm nóng hơn cán thìa bằng nhựa. Điều này cho thấy nhôm dẫn nhiệt tốt hơn nhựa*.  *+ Thìa nhôm nóng lên là do nhiệt độ từ nước nóng đã truyền sang thìa.*  - Lắng nghe.  **Cá nhân – Lớp**  *+ Xoong được làm bằng nhôm, gang, inốc đây là những chất dẫn nhiệt tốt để nấu nhanh. Quai xoong được làm bằng nhựa, đây là vật cách nhiệt để khi ta cầm không bị nóng.*  - Lắng nghe  *+ Vào những hôm trời rét, chạm tay vào ghế sắt ta có cảm giác lạnh là do sắt dẫn nhiệt tốt nên tay ta ấm đã truyền nhiệt cho ghế sắt. Ghế sắt là vật lạnh hơn, do đó tay ta có cảm giác lạnh.*  *+ Khi chạm vào ghế gỗ, tay ta không có cảm giác lạnh bằng khi chạm vào ghế sắt vì gỗ là vật dẫn nhiệt kém nên tay ta không bị mất nhiệt nhanh như khi chạm vào ghế sắt.*  **Nhóm 6 – Lớp**  - Quan sát hoặc dựa vào trí nhớ của bản thân khi đã quan sát giỏ ấm ở gia đình, trao đổi và trả lời:  *+ Bên trong giỏ ấm thường được làm bằng xốp, bông len, dạ,… đó là những vật dẫn nhiệt kém nên giữ cho nước trong bình nóng lâu hơn.*  *+ Giữa các chất liệu như xốp, bông, len, dạ, … có rất nhiều chỗ rỗng.*  *+ Trong các chỗ rỗng của vật có chứa không khí.*  + HS trả lời theo suy nghĩ.  - Lắng nghe.  - Hoạt động trong nhóm dưới sự hoạt động của GV.  - 2 HS đọc thành tiếng thí nghiệm.  - Làm thí nghiệm theo hướng dẫn của GV để đảm bào an toàn.  + Đo và ghi lại nhiệt độ của từng cốc sau mỗi làn đo.  - 2 đại diện của 2 nhóm lên đọc kết quả của thí nghiệm: Nước trong cốc được quấn giấy báo nhăn và không buộc chặt còn nóng hơn nước trong cốc quấn giấy báo thường và quấn chặt.  *+ Để đảm bảo nhiệt độ ở 2 cốc là bằng nhau. Nếu nước cùng có nhiệt độ bằng nhau nhưng cốc nào có lượng nước nhiều hơn sẽ nóng lâu hơn.*  *+ Vì nước bốc hơi nhanh sẽ làm cho nhiệt độ của nước giảm đi. Nếu không đo cùng một lúc thì nước trong cốc đo sau sẽ nguội nhanh hơn trong cốc đo trước.*  *+ Giữa các khe nhăn của tờ báo có chứa không khí.*  *+ Nước trong cốc quấn giấy báo nhăn quấn lỏng còn nóng hơn vì giữa các lớp báo quấn lỏng có chứa rất nhiều không khí nên nhiệt độ của nước* *truyền qua cốc, lớp giấy báo và truyền ra ngoài môi trường ít hơn, chậm hơn nên nó còn nóng lâu hơn.*  *+ Không khí là vật cách nhiệt.*  - Lắng nghe  - Ví dụ:  L1: Đội 1: Tôi giúp mọi người được ấm trong khi ngủ.  Đội 2: Bạn là cái chăn. Bạn có thể làm bằng bông, len, dạ, …  Đội 1: Đúng.  L2: Đội 2: Tôi là vật dùng để che lớp dây đồng dẫn điện cho bạn thắp đèn, nấu cơm, chiếu sáng.  Đội 1: Bạn là vỏ dây điện. Bạn được làm bằng nhựa.  Đội 2: Đúng.  - HS đọc bài học  - Vận dụng kiến thức vào cuộc sôngs  - Hãy tìm hiểu về chất liệu của bình giữ nhiệt, phích nước và giải thích tại sao bình giữ nhiệt, phích nước giúp giữ được nước nóng lâu. | **HĐ1:Vật dẫn nhiệt và vật cách nhiệt:**  - Yêu cầu HS đọc thí nghiệm trang 104, SGK và dự đoán kết quả thí nghiệm.  - Gọi HS trình bày dự đoán kết quả thí nghiệm. GV ghi nhanh vào 1 phần của bảng.  - Tổ chức cho HS làm thí nghiệm trong nhóm. GV đi rót nước vào cốc cho HS tiến hành làm thí nghiệm.  Lưu ý: Nhắc các em cẩn thận với nước nóng để bảo đảm an toàn.  - Gọi HS trình bày kết quả thí nghiệm. GV ghi kết quả song song với dự đoán để HS so sánh.  *+ Tại sao thìa nhôm lại nóng lên?*  ***- GVKL: Các kim loại: đồng, nhôm, sắt, thép,... dẫn nhiệt tốt còn gọi là vật dẫn điện; gỗ, nhựa, len, bông, … dẫn nhiệt kém gọi là vật cách nhiệt***  \* Ứng dụng trong cuộc sống:  *+ Xoong và quai xoong được làm bằng chất liệu gì? Chất liệu đó dẫn nhiệt tốt hay dẫn nhiệt kém? Vì sao lại dùng những chất liệu đó?*  ***\*GD TKNL: Trong sinh hoạt hằng ngày, để nấu nướng tiết kiệm và tránh thất thoát nhiệt năng, cần dùng xoong, nỗi làm từ chất dẫn nhiệt tốt, an toàn, không gỉ như: nhôm, inox, gang.***  *+ Hãy giải thích tại sao vào những hôm trời rét, chạm tay vào ghế sắt tay ta có cảm giác lạnh?*  *+ Tại sao khi ta chạm vào ghế gỗ, tay ta không có cảm giác lạnh bằng khi chạm vào ghế sắt?*  **HĐ2:*Tính cách nhiệt của không khí:***  - Cho HS quan sát giỏ ấm hoặc dựa vào kinh nghiệm của các em và hỏi:  *+ Bên trong giỏ ấm đựng thường được làm bằng gì? Sử dụng vật liệu đó có ích lợi gì?*  *+ Giữa các chất liệu như xốp, bông, len, dạ, … có nhiều chỗ rỗng không?*  *+ Trong các chỗ rỗng của vật có chứa gì?*  *+ Không khí là chất dẫn nhiệt tốt hay dẫn nhiệt kém?*  - Để khẳng định rằng không khí là chất dẫn nhiệt tốt hay chất dẫn nhiệt kém, các em hãy cùng làm thí nghiệm để chứng minh.  - Tổ chức cho HS làm thí nghiệm trong nhóm.  - Yêu cầu HS đọc kĩ thí nghiệm trang 105 SGK.  - GV đi từng nhóm giúp đỡ, nhắc nhở HS.  - Hướng dẫn:  + Quấn giấy trước khi rót nước. Với cốc quấn chặt HS dùng dây chun buộc từng tờ báo lại cho chặt. Với cốc quấn lỏng thì vo từng tờ giấy thật nhăn và quấn lỏng, sao cho không khí có thể tràn vào các khe hở mà vẫn đảm bảo các lớp giấy vẫn sát vào nhau.  + Đo nhiệt độ của mỗi cốc 2 lần, mỗi lần cách nhau 5 phút (thời gian đợi kết quả là 10 phút).  - Trong khi đợi đủ thời gian để đo kết quả, GV có thể cho HS tiến hành trò chơi ở hoạt động 3.  - Gọi HS trình bày kết quả thí nghiệm.  *+ Tại sao chúng ta phải đổ nước nóng như nhau với một lượng bằng nhau?*  *+ Tại sao phải đo nhiệt độ của 2 cốc gần như là cùng một lúc?*    *+ Giữa các khe nhăn của tờ báo có chứa gì?*  *+ Vậy tại sao nước trong cốc quấn giấy báo nhăn, quấn lỏng còn nóng lâu hơn?*  *+ Không khí là vật cách nhiệt hay vật dẫn nhiệt?*  ***- GD KNS: Tuỳ từng trường hợp cần giữ nhiệt háy cần cách nhiệt mà chúng ta sử dụng những vật dẫn nhiệt tốt hay dẫn nhiệt kém***  ***HĐ 3.Trò chơi: Tôi là ai, tôi được làm bằng gì?***  - Chia lớp thành 2 đội. Mỗi đội cử 5 thành viên trực tiếp tham gia trò chơi, 1 thành viên làm thư ký, các thành viên khác ngồi 3 bàn phía trên gần đội của mình.  - Mỗi đội sẽ lần lượt đưa ra ích lợi của mình để đội bạn đoán tên xem đó là vật gì, được làm bằng chất liệu gì ? Thư kí của đội này sẽ ghi kết quả câu trả lời của đội kia. Trả lời đúng tính 5 điểm, sai mất lượt hỏi và bị trừ 5 điểm. Các thành viên của đội ghi nhanh các câu hỏi vào giấy và truyền cho các bạn trực tiếp chơi.  - Tổng kết trò chơi, tuyên dương nhóm thắng cuộc.  **3. HĐ ứng dụng *(1p)***  **4. HĐ sáng tạo *(1p)*** |

*Thứ ....... ngày ...... tháng ..... năm .........*

**LUYỆN TỪ VÀ CÂU**

**MỞ RỘNG VỐN TỪ: DŨNG CẢM**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Mở rộng được một số từ ngữ thuộc chủ điểm Dũng cảm qua việc tìm từ cùng nghĩa, từ trái nghĩa (BT1); biết dùng từ theo chủ điểm để đặt câu hay kết hợp với từ ngữ thích hợp (BT2, BT3); biết được một số thành ngữ nói về lòng dũng cảm và đặt được 1 câu với thành ngữ theo chủ điểm (BT4, BT5).

**2. Kĩ năng**

- HS có kĩ năng vận dụng từ ngữ vào việc đặt câu, viết văn cho tốt.

**3. Thái độ**

- Có ý thức dùng từ, đặt câu và viết câu đúng.

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL tự học, NL ngôn ngữ, NL sáng tạo, NL giao tiếp.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: + Bảng phụ

+ Một vài trang từ điển phô tô.

- HS: Vở BT, bút, ..

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm, luyện tập-thực hành,...

- KT: động não, đặt câu hỏi, chia sẻ nhóm 2, trình bày 1 phút

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của HS** | | **Hoạt động của giáo viên** | |
| - TBVN điều hành các bạn hát, vận động tại chỗ. | | **1. Khởi động *(5p)***  - GV giới thiệu - Dẫn vào bài mới | |
| **2. HĐ thực hành** *(30p)*  **\* Mục tiêu:** Mở rộng được một số từ ngữ thuộc chủ điểm Dũng cảm qua việc tìm từ cùng nghĩa, từ trái nghĩa (BT1); biết dùng từ theo chủ điểm để đặt câu hay kết hợp với từ ngữ thích hợp (BT2, BT3); biết được một số thành ngữ nói về lòng dũng cảm và đặt được 1 câu với thành ngữ theo chủ điểm (BT4, BT5).  **\* Cách tiến hành** | | |
| **Nhóm 2 - Chia sẻ lớp**  Đáp án:  \*Từ cùng nghĩa với ***dũng cảm****: can đảm, can trường, gan dạ, gan góc, anh hùng, anh dũng, quả cảm, …*  \* Từ trái nghĩa với ***dũng cảm****: nhát gan, nhút nhát, đớn hèn, hèn hạ, bạc nhược, nhu nhược,...*  **Cá nhân – Chia sẻ lớp**  VD:  - Các chiến sĩ trinh sát rất *gan dạ.*  - Cả tiểu đội chiến đấu rất *anh dũng.*  - Bạn ấy hiểu bài những *nhút nhát* nên không dám phát biểu.  Đáp án:  \* ***Dũng cảm*** bênh vực lẽ phải.  \* Khí thế ***dũng mãnh***.  \* Hi sinh ***anh dũng***.  VD: Dế Mèn dũng cảm bênh vực chị Nhà Trò, bác sĩ Ly dũng cảm bảo vệ chính nghĩa,...  **Nhóm 2 – Lớp**  Đáp án:  + Trong các thành ngữ đã cho có 2 thành ngữ nói về lòng dũng cảm. Đó là:  \* ***Vào sinh ra tử*** (trải qua nhiều trận mạc, đầy nguy hiểm, kề bên cái chết).  \* ***Gan vàng dạ sắt*** (gan dạ dũng cảm, không nao núng trước khó khăn nguy hiểm).  **Cá nhân – Chia sẻ lớp**  VD:  + Bố tôi đã từng *vào sinh ra tử* ở chiến trường Quảng Trị.  + Bộ đội là những con người *gan vàng dạ sắt.*  - Ghi nhớ các thành ngữ đã biết trong bài và vận dụng trong khi đặt câu, viết văn.  - Tìm các thành ngữ, tục ngữ thuộc chủ điềm | **Bài tập1:** Tìm những từ cùng nghĩa và những từ trái nghĩa với từ *Dũng cảm*  - GV giải thích: Từ cùng nghĩa là những từ có nghĩa gần giống nhau. Từ trái nghĩa là những từ có nghĩa trái ngược nhau.  - GV nhận xét và chốt lại lời giải đúng.  **Bài tập 2:** Đặt câu với từ tìm được  - GV nhận xét, khen/ động viên.  - Chữa lỗi dùng từ, đặt câu cho HS  **Bài tập 3:** Chọn từ thích hợp trong các trong…  - GV nhận xét và chốt lại lời giải  - Yêu cầu HS nêu một vài VD về hành động dũng cảm bênh vực lẽ phải của các nhân vật trong các bài tập đọc đã học  **Bài tập 4:**  - GV nhận xét, chốt đáp án.  - Yêu cầu HS giải nghĩa các thành ngữ còn lại  **Bài tập 5:** Đặt câu với một trong các thành ngữ vừa tìm được.  **3. HĐ ứng dụng** *(1p)*  **4. HĐ sáng tạo** *(1p)* | |

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TOÁN**

***Tiết 130:* LUYỆN TẬP CHUNG**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- Giúp HS ôn tập kiến thức về các phép tính với PS

**2. Kĩ năng**

- Thực hiện được các phép tính với PS

- Vận dụng giải các bài toán liên quan

**3. Thái độ**

- Tự giác, cẩn thận, trình bày bài sạch sẽ.

**4. Góp phần phát triển các NL**

- NL tự học, làm việc nhóm, NL tính toán

\* Bài tập cần làm: Bài 1, bài 3 (a, c), bài 4. HSNK làm tất cả bài tập

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Phiếu học tập

- HS: Vở BT, bút

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Quan sát, hỏi đáp, thảo luận nhóm, trò chơi học tập, luyện tập-thực hành

- KT: động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi,...

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ | **1.Khởi động***:(3p)*  - GV dẫn vào bài mới |
| **2. HĐ thực hành** (35p)  **\* Mục tiêu:** - Thực hiện được các phép tính với PS  - Vận dụng giải Toán  **\* Cách tiến hành** | |
| **Cá nhân – Chia sẻ nhóm 2 - Lớp**  Đáp án  a). Sai. Vì khi thực hiện phép cộng các phân số khác mẫu số ta không được lấy tử số cộng với tử số, mẫu số cộng với mẫu số mà phài quy đồng mẫu số các phân số, ...  b). Sai. Vì khi thực hiện phép trừ các phân số khác mẫu số ta không thể lấy tử số trừ tử số, mẫu số trừ mẫu số mà phải quy đồng mẫu số rồi ...  c). Đúng. Thực hiện đúng quy tắc nhân hai phân số.  d). Sai. Vì khi thực hiện chia cho phân số ta phải lấy phân số bị chia nhân với phân số đảo ngược của số chia nhưng bài lại lấy phân số đảo ngược của phân số bị chia nhân với phân số chia.  **- HS làm cá nhân – Chia sẻ lớp**  Đáp án:  a)  c)  ***Bài giải***  Số phần bể đã có nước là:  +  = (bể)  Số phần bể còn lại chưa có nước là:  1 -  = (bể)  Đáp số: bể  - Làm vảo vở Tự học – Chia sẻ lớp  **Bài 2:**    c  **Bài 5:** Bài giải  Lần sau lấy ra số ki – lô – gam cà phê là:  2710 x 2 = 5420 (kg)  Trong kho còn lại số ki – lô – gam cà phê là:  23 450 – (2710 + 5420) = 15 320 (kg)  Đ/s: 15 320 kg cà phê  - Chữa lại các phần bài tập làm sai  - Tìm các bài tập cùng dạng trong sách buổi 2 và giải | ***Bài 1:*** Trong các phép tính sau, phép tính nào làm đúng?  - GV nhận xét, chốt đáp án.  - Yêu cầu HS chữa lại cho đúng các phần bài làm sai    ***Bài 3a, c (HS năng khiếu làm cả bài)***  - GV chốt đáp án.  - Củng cố cách tính giá trị của biểu thức với phân số.  \* Lưu ý: Giúp đỡ hs M1+M2 tính toán thành thạo  ***Bài 4:***  - Gọi 1 HS đọc đề bài, xác định yếu tố đã cho, yếu tố cần tìm.  - GV nhận xét, đánh giá bài làm trong vở của HS  **Bài 2 + Bài 5** (***bài tập chờ dành cho HS hoàn thành sớm)***  - Lưu ý HS rút gọn kết quả tính tới PS tối giản  **3. HĐ ứng dụng** *(1p)*  **4. HĐ sáng tạo** *(1p)* |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

**TẬP LÀM VĂN**

**LUYỆN TẬP MIÊU TẢ CÂY CỐI**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Luyện tập viết các đoạn văn của bài văn miêu tả cây cối

**2. Kĩ năng**

- Lập được dàn ý sơ lược bài văn tả cây cối nêu trong đề bài.

- Dựa vào dàn ý đã lập, bước đầu viết được các đoạn thân bài, mở bài, kết bài cho bài văn miêu tả cây cối đã xác định.

**3. Thái độ**

- HS yêu cây cối, có ý thức trồng và chăm sóc cây

**4. Góp phần phát triển các năng lực**

- NL tự học, Sử dụng ngôn ngữ, NL sáng tạo, NL hợp tác

***\*GD BVMT:*** *HS quan sát, tập viết mở bài để giới thiệu về cây sẽ tả, có thái độ gần gũi, yêu quý các loài cây trong môi trường thiên nhiên*

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Bảng phụ

- HS: Sách, bút

**2. Phương pháp, kĩ thuât**

- PP: Hỏi đáp, thảo luận nhóm, quan sát, thực hành.

- KT: đặt câu hỏi, động não, chia sẻ nhóm 2

**II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ | **1. Khởi động *(5p)***  - GV dẫn vào bài mới |
| **2. HĐ thực hành (***30p)*  **\*Mục tiêu:**  - Lập được dàn ý sơ lược bài văn tả cây cối nêu trong đề bài.  - Dựa vào dàn ý đã lập, bước đầu viết được các đoạn thân bài, mở bài, kết bài cho bài văn miêu tả cây cối đã xác định.  **\* Cách tiến hành:** | |
| **Cá nhân - Cả lớp**  Đề bài: Tả một cây có bóng mát (hoặc cây ăn quả, cây hoa) mà em yêu thích  - HS gạch dưới những từ ngữ quan trọng trên đề bài đã viết trước trên bảng lớp.  - HS quan sát, lắng nghe  - HS nối tiếp nêu  - 4 HS đọc  - HS nêu dàn ý đã chuẩn bị  - HS viết bài vào vở - Chia sẻ trước lớp  - Liên hệ bảo vệ, chăm sóc cây  - Hoàn chỉnh bài văn miêu tả cây cối | **HĐ1: *Tìm hiểu yêu cầu của bài tập:***  - Cho HS đọc đề bài trong SGK.    - GV dán một số tranh ảnh lên bảng lớp, giới thiệu lướt qua từng tranh.  - Cho HS nói về cây mà em sẽ chọn tả.  - Cho HS đọc gợi ý trong SGK.  - GV nhắc HS: Các em cần viết nhanh ra giấy nháp dàn ý để tránh bỏ sót các ý khi làm bài.  ***HĐ2: HS viết bài:***  - Cho HS viết bài.  - Lưu ý HS cách viết từng đoạn văn ở phần TB  - GV cùng HS chữa lỗi dùng từ, đặt câu trong bài  \* Lưu ý: giúp đỡ hs M1+M2 viết được bài văn miêu tả cây cối.  - HS M3+M4 viết bài văn có sử dụng các biện pháp nghệ thuật.  **3. HĐ ứng dụng** (1p)  *- GD BVMT: Các loài cây đều rất gần gũi và có ích với cuộc sống con người. Mỗi loài cây đều có vẻ đẹp riêng. Cần biết bảo vệ các loài cây để cuộc sống luôn tươi đẹp.*  **4. HĐ sáng tạo** (1p) |

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................­

**ĐỊA LÍ (CT HIỆN HÀNH)**

**Ôn TẬp**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Nêu một vài đặc điểm tiêu biểu của đồng bằng Bắc Bộ, đồng bằng Nam Bộ.

\*Học sinh NK: Nêu được sự khác nhau về thiên nhiên của đồng bằng Bắc Bộ và đồng bằng Nam Bộ về khí hậu, đất đai.

**2.Kĩ năng**

- Chỉ hoặc điền được vị trí của đồng bằng Bắc Bộ, đồng bằng Nam Bộ, sông Hồng, sông Thái Bình, sông Tiền, sông Hậu trên bản đồ, lược đồ Việt Nam.

**3. Thái độ**

- HS học tập nghiêm túc, tự giác.

**4. Góp phần phát triển các năng lực:**

- NL tự chủ, NL giải quyết vấn đề, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: BĐ, LĐ

- HS: Tranh, ảnh

**2. Phương pháp, kĩ thuật**

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm, thuyết trình

- KT: đặt câu hỏi, trình bày một phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm 2

I**II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của học sinh** | | **Hoạt động của giáo viên** |
| - TBHT điều hành lớp trả lời, nhận xét  *+ Nhờ có vị trí thuận lợi ở trung tâm đồng bằng Bắc Bộ, Cần Thơ đã trở thành trung tâm kinh tế, văn hóa, khoa học quan trọng.* | | **1.Khởi động:***(2p)*  *+ Vì sao TP Cần Thơ lại nhanh chóng trở thành trung tâm kinh tế, văn hóa, khoa học của ĐBSCL?*    - GV nhận xét chung, giới thiệu bài mới |
| **2. Bài mới:***(30p)*  **\* Mục tiêu:**  - Nêu được một vài đặc điểm tiêu biểu của đồng bằng Bắc Bộ, đồng bằng Nam Bộ.  - Có kĩ năng sử dụng lược đồ.  **\* Cách tiến hành: Cá nhân- Nhóm-Lớp** | | |
| **Cá nhân – Nhóm 4 – Lớp**  - HS lên bảng chỉ.  - HS lên điền tên địa danh.  - HS làm việc nhóm 4 và chia sẻ kết quả  **Nhóm 4 – Lớp**  - Các nhóm thảo luận và điền kết quả vào PHT.  - Đại điện các nhóm trình bày trước lớp.  **Cá nhân – Lớp**  + Sai. Đồng bằng BB là vựa lúa lớn thứ 2, đồng bằng NB là vựa lúa lớn thứ nhất  + Đúng.  + Sai. Thành phố Hà Nội có diện tích lớn nhất nhưng thành phố HCM mới có số dân đông nhất  + Đúng.  - Ghi nhớ các KT đã được ôn tập  - Nói về những gì ấn tượng nhất về môt trong ba thành phố: Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Cần Thơ | **Hoạt động 1: Sử dụng bản đồ**  - GV yêu cầu HS lên bảng chỉ vị trí các địa danh trên bản đồ.  - GV cho HS lên điền các địa danh: ĐB Bắc Bộ, ĐB Nam Bộ, sông Hồng, sông Thái Bình, sông Tiền, sông Hậu, sông Đồng Nai vào lược đồ trống  - GV nhận xét, đánh giá chung  \***Hoạt động 2: Đặc điểm tiêu biểu về thiên nhiên của đồng bằng BB và đồng bằng NB**  - Cho HS các nhóm thảo luận và hoàn thành bảng so sánh về thiên nhiên của ĐB Bắc Bộ và Nam Bộ vào PHT.   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Đặc điểm thiên nhiên | Khác nhau | | | 1. Địa hình | ĐB Bắc Bộ | ĐB Nam Bộ | | - Bằng phẳng | - Có nhiều vùng trũng… | | 2. Sông ngòi | - Nhiều sông ngòi, ven sông có  đê | - Mạng lưới sông ngòi chằng chịt, không đắp đê ven sông | | 3. Đất đai | - Đất phù sa | - Ngoài đất phù sa còn có đất phèn, đất mặn | | 4. Khí hậu | - Mùa hạ mưa nhiều, mùa đông lạnh | - Khí hậu nóng ẩm quanh năm |   - GV nhận xét, kết luận.  \* **Hoạt động 3: Làm bài tập**  - GV cho HS đọc các câu hỏi sau và cho biết câu nào đúng, sai? Vì sao?  a. ĐB Bắc Bộ là nơi sản xuất nhiều lúa gạo nhất nước ta.  b. ĐB Nam Bộ là nơi sx nhiều thủy sản nhất cả nước.  c. Thành phố HN có diện tích lớn nhất và số dân đông nhất nước.    d. TPHCM là trung tâm công nghiệp lớn nhất cả nước.  - GV nhận xét, kết luận.  **3. Hoạt động ứng dụng** *(1p)*  **4. Hoạt động sáng tạo** *(1p)* | |

**ĐIỀU CHỈNH - BỔ SUNG**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**SHTT - KNS**

**ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC TUẦN 26**

**SỬ DỤNG ĐIỀU HOÀ ĐÚNG CÁCH**

**I. MỤC TIÊU:**

- Nắm đ­­ược ưu - khuyết điểm trong tuần 26

- Phát huy ­­ưu điểm, khắc phục nh­­ược điểm.

- Biết đ­­ược phư­ơng h­­ướng tuần 27

**II. CHUẨN BỊ:**

- GV: Nắm được ưu – khuyết điểm của HS trong tuần

- HS: Chủ tịch Hội đồng tự quản và các Trưởng ban chuẩn bị ND báo cáo.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG CHÍNH:**

***1. Khởi động***

- Lớp tham gia trò chơi: Truyền tín hiệu

***2. Lớp báo cáo hoạt động trong tuần:***

- 4 Trưởng ban lên nhận xét các thành viên trong tổ và xếp loai từng thành viên.

- Tổ viên các tổ đóng góp ý kiến.

- Chủ tịch HĐTQ lên nhận xét chung các ban.

- GV nhận xét chung:

+ Nề nếp:

.................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

+ Học tập:

.................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

***3. Ph­ương h­­ướng tuần sau:***

- Tiếp tục thi đua: Học tập tốt, thực hiện tốt nề nếp, vâng lời thầy cô, nói lời hay làm việc tốt.

.................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

***4. Lớp văn nghệ - múa hát tập thể***